Thích Minh Chiếu

TUYỂN TẬP
TRUYỆN CỔ PHẬT GIÁO

WWW.VNTHUQUAN.NET, 2009.

Thích Minh Chiếu

Vnthuquan.net, 2009.

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Lời nói đầu

Mục đích của chúng tôi trong khi sưu tập những mẫu chuyện kể nầy là để mọi người thưởng thức những tinh hoa hay đẹp của giáo – lý qua những câu chuyện tươi sáng đẹp đẽ.

Nếu công việc sưu tập ca – dao là một việc khó thì công việc sưu tập và trình bày những mẩu chuyện cổ của đạo Phật cũng là một việc khó khăn và đòi hỏi sự hợp lực của nhiều người.

Hàng chục mẫu chuyện đạo, nào thuộc loại tiền thân, nào thuộc loại lịch sử, nào thuộc loại thí dụ, nào thuộc loại triết lý. . . những câu chuyện đó thật là phong phú và chứa đựng những tinh hoa của giáo - lý, từ - bi và trí tuệ. . . Đọc những mẫu chuyện đạo ấy, không ai thấy chán nản cả. Các em thiếu nhi thích đã đành, người lớn chúng ta cũng vẫn thích và hơn thế nữa, lắm lúc

cũng phải suy nghĩ nhiều để có thể hiểu được triết – lý của một câu chuyện.

Chúng tôi sức lực không bao lăm thành thử trông mong rất nhiều ở các vị học giả thâm uyên và dày công nghiên cứu. Chúng tôi chỉ muốn làm công việc nói lên những nguyện vọng, và trong khi sưu tập trình bày ra đây một ít mẫu chuyện đạo vẫn ước rằng tiếp tay chúng tôi sẽ có rất nhiều bạn có tâm chí đứng ra làm công viêc tuy không khó khăn nhưng đòi hỏi nhiều cố gắng và nhẫn nại nầy.

Nay kính đề,

Minh Chiếu

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập I - 1

Một người nghèo lạ

Chàng nghèo thật hết chỗ nói, cả sự nghiệp của chàng chỉ có một bà mẹ già mà thôi.
Lâu lắm người ta mới biếu cho chàng một cái búa để đề ơn cứu sống một em bé chết đuối.
Được búa, chàng đưa mẹ vào núi, tìm một hang đá, chàng lót rơm êm và có gió mát để mẹ ăn ở; như thế chàng an tâm lắm. Ngày ngày đi kiếm củi rồi về chợ đổi gạo, mặc dù ít tiền, chàng vẫn mua được thịt để mẹ xơi. Tu Lại tên chàng chẳng những lan rộng với chữ hiếu, mà người ta còn gọi chàng là tráng sĩ, vì chàng thường giúp đỡ nhân dân trong vùng ấy, bất luận gặp

một tai nạn gì chàng thường giúp đỡ họ tận lực.

Vì chàng ở núi, nên người ta đặt chàng những món tiền lớn để bắt các thú rừng hiền lành như: nai, khỉ, chồn, thỏ v.v… Tu Lại từ chối vì chàng là một Phật-tử chơn-chánh, không bao giờ giết một sinh vật nào dù nhỏ. Chẳng những chàng không bắt chúng mà còn yêu mến chúng nữa, nên lâu ngày chúng quen và thường gần đến chỗ hai mẹ con chàng ở. Cái hang ấy bao giờ thành vui, hoa lạ nở hai bên, những tổ chim làm gần gũi đó.
Có những đêm trăng sáng mẹ chàng mẹ Phật, chàng ngồi bên kết mấy thứ cỏ khô thành áo để mặc mùa đông.

Nhưng đã sáu ngày nay, trời mưa luôn không ngớt, gạo trong hang đã hầu cạn, chàng lo ngại, nếu mưa cứ kéo dài. Hôm nay trời bừng sáng, Tu Lại sung sướng quá, chàng chào mẹ rồi vác búa ra đi, đến chỗ thường đốn củi, thì xa xa có bóng ba thiếu nữ. Thấy có người, ba bóng kia bỏ đi nơi khác. Chàng để bầu nước xuống và sửa soạn vào việc thì ồ thật, một chiếc kim thoa óng ánh "nằm ngã nghiêng bên tảng đá, không còn nghi vì nữa, chàng vội nhặt lấy, rồi chạy theo ba thiếu nữ kia trả lại cho họ, người ta nhìn chàng với cặp mắt cảm trọng. Nhưng người tráng sĩ không trả ân bằng tiền gạo được, vì người ta biết tiếng chàng nhiều lắm. Nhưng, từ độ ấy về sau, nơi hang mẹ chàng thỉnh thoảng có người đem biếu gạo trắng thịt ngon, trong lúc chàng đi làm củi vắng, cứ thế, rồi một ngày kia…

Một sáng mai khi chàng còn mơ màng chưa tỉnh hẳn thì có một nàng tiên đến ngồi bên chàng, nàng tiên ấy trên trời sa xuống lâu hay mau không biết, hồi nào không hay, nhưng nàng là tiên thật, vì nàng đẹp quá. Một tấm "voan" màu nước biển phủ nhẹ toàn thân, trên mái tóc xanh là một tràng hoa tươi. Chàng phải gượng với bộ áo sơ sài của mình. Tu Lại lại ngồi phắt dậy: "Nàng là ai? Sao lại đến đây?"

Thiếp là sương phụ đánh rơi chiếc kim thoa hôm nọ, được tráng sĩ cho lại, về nhà thiếp suy nghĩ: "Ở đời giàu sang không phải chơn hạnh phúc, được gần bậc hiền nhân mới chắc chắn sống một lối sống của con người biết sống! Tiếng nay giàu có, của cải dư dật, cha mẹ không, chồng chết, chỉ có hai con thơ, nay thiếp đến đây nguyện theo chàng, mong chàng đừng phụ, thiếp xin thay chàng hầu hạ mẹ già, và giúp chàng học hành để thành danh đức, hầu sau làm lợi ích cho đời, nếu chàng cố chấp không nghe, thiếp rất tiếc tài ba đức độ của chàng vùi sâu trong hang thẳm".
Tiếng nàng trong và êm quá, trong như tiếng suối chảy, êm như tiếng chim kêu, nàng nói với một vẻ thiết tha thành thật. Câu chuyện mới cắc cớ làm

sao, mỗi lời nói của nàng như rót vào tai tráng sĩ.
Tu Lại mơ màng như người trong mộng. Chàng suy nghĩ: "Không biết ta chiêm bao hay thật, mà nàng là người thật hay ma". Bỗng chàng nghiêm nét mặt và bảo: "Tôi xem nàng là người đoan chính lại giàu sang là do phước báu của đời trước đã gây tốt nhiều, còn tôi chỉ là một kẻ nghèo khổ, làm sao xứng đáng với nàng và, theo tôi, một người sương phụ cần phải thờ chồng, nuôi con, dạy vẽ cho con nên người, xứng với ý nghiã con người mới phải. Thiết thật hơn, tôi nay còn mẹ già, nếu tôi lập gia đình, tình yêu mẹ sẽ san sớt, nàng còn có con thơ, nếu nàng lập gia đình tình yêu con sẽ không còn nguyên vẹn, mẹ tôi cần có tôi mới vui, con nàng cần có nàng mới sống. Vì vậy tôi khuyên nàng trở về nuôi con và dứt bỏ câu chuyện này. Còn nàng sợ đức độ tài ba của tôi sẽ mai một, nếu tôi quả có đức độ như nàng tặng, thì trong rừng sâu các loài cầm thú cũng cần có đức độ để che chở cho chúng, như thế có đức độ thì ở đâu mà lại không dùng được?
Nàng tiên ấy bay đi, trời đương sáng bỗng tối hẳn, người tráng sĩ cũng thấy nao nao trong lòng, nhưng rồi chàng lại vui lên nhiều, vì chàng đã chiến thắng. Song không hiểu vì sao, những chuyện kỳ lạ lại hay đến với người nghèo lạ ấy.

Một hôm, có một người lạ mặt hốt hoảng chạy đến lôi ra một thoi vàng thắm, rồi thưa với Tu Lại: "Thưa tráng sĩ, tôi xin biếu chút quà mọn nầy, nhờ tráng sĩ giúp cho tôi một lời nói. Ngày mai đây, nếu có ai hỏi: Có một đoàn người đi qua đây không? Thì tráng sĩ nói cho một tiếng "có", ở đây chỉ có tráng sĩ và tôi, ngoài ra không còn ai hay chuyện này cả; vả lại tráng sĩ chỉ nói cho một tiếng cũng không sao.". Nói xong , người bỏ vàng lại đó, rồi chạy mất, Tu Lại chưa kịp suy nghĩ gì cả, nhưng chàng vội lượm vàng rồi chạy theo thật nhanh mới kịp. Tu Lại kéo tay người kia: "Không, không, vàng ông hãy cầm lấy, tôi không thể theo lời ông được, tôi là một người Phật tử không bao giờ làm việc ám muội, một lời nói của người quân tử trọng hơn nghìn vàng, nhưng một lời nói còn trọng hơn cả thân mạng, nếu ông đem nghìn vàng hay dùng uy thế để hại mạng tôi, bảo tôi nói dối, thà chết chứ không bao giờ phạm giới cấm của Phật", nói xong Tu Lại bỏ vàng rồi chạy thẳng.

Tiếng tốt của người tráng sĩ bay xa như ngọn gió mát vô tình thổi từ rừng sâu vào đến thâm cung. A Dục Vương là người hiếu kỳ, muốn thử chàng, nên những chuyện bỏ rơi và người cơn gái đến tận hang chàng chính là cung nhơn của vua A Dục Vương. Sau mấy lần thử thách, nhà vua biết Tu Lại là bậc hiền nhân nên đem lòng đố kỵ sai người đến hại chàng. "Tôi vâng lệnh nhà vua đến giết tráng sĩ" người đao phủ cầm gươm sáng bảo thế.

- Ồ, thế thì tốt quá, tôi rất cám ơn Ngài đã vì tôi mà hủy giùm cái thân ô uế đầy tội lỗi này. Song tôi còn chút mẹ già nhờ ngài chiếu cố cho… Tên đao phủ ngạc nhiên trước thái độ thản nhiên củaTu Lại.
- Ông là vô tội, nhà vua vì lòng đố kỵ sai tôi đến hại ông, vậy ông không giận nhà vua sao?
- Không, tôi không giận mà còn thương hại nhà vua đã gây nhiều nghiệp ác, trước khi chết tôi xin cầu Đức Phật cho nhà vua phát Bồ Đề tâm hồi hướng thiện niệm.
Tên đao phủ mím môi, đỏ mặt đưa gươm lên cao dán xuống đầu chàng… nhưng lưỡi gươm kia xuống từ từ rồi chui thẳng vào vỏ kiếm…

Sáng hôm sau vua A Dục lên tận hang chàng ở, đến nơi, chàng đi làm củi sớm, vua chờ trọn ngày mới gặp. Vua A Dục từ tốn bảo: "Trẩm làm vua, trong nước có hiền tài mà Trẩm biết chậm thật là đáng tiếc! Ngày nay nước nhà loạn lạc Trẫm mong tráng sĩ về triều cùng Trẫm chăm lo việc nước, được vậy thật là hạnh cho nhân dân". Chàng từ chối năm bảy dạo, vua nài nỉ đôi ba phen, cuối cùng chàng hẹn trong bảy ngày sẽ trả lời.
Trong bảy ngày, ba lần vua đến thăm ba lần vua cho người lên thăm hỏi. Tu Lại hỏi ý kiến mẹ, mẹ chàng bảo:
"Hiện nay mẹ trong nước, nhà vua thì lãng mạn, hoang hung, hà khắc dân tình, nhân dân oán thán đến nổi họ đặt tên nhà vua là Chiên Đà La A Dục (ông vua hung tợn như người hàng thịt). Triều đình nịnh thần ô lại; ngoài thì vua hung tàn, con ngỗ nghịch, vợ bất chánh, chồng bất lương… đạo đức hầu như mất hẳn tất cả tâm niệm xấu xa độc ác kết hợp lại do đó giặc cướp nổi lung tung. Con nay chấp kinh cũng phải tùng quyền, vậy nhân cơ hội này con có dịp đem giáo lý của Đức Phật để cảm hóa quần sanh hầu mong cứu vãn nhân tâm, đưa lại sự an ninh cho nhân loại".
Vâng lời mẹ Tu Lại về triều, vua A Dục lấy hai chữ Quốc Bửu (vật quí của nước) tặng chàng làm tên.

Trước hết Quốc Bửu đem ba pháp quy y, năm điều cấm giới cảm hóa vua. Vua A Dục từ khi biết quy đầu về Phật không bao lâu trở thành một vị minh quân. Ông đổi hẳn chính sách, lấy đức độ trị dân, không dùng oai thế tàn bạo như trước nữa. Vì thế mà nhân dân trong nước trở lại cảm phục vua, từ đó đặt tên vua là Thích Ca A Dục (ông vua hay làm điều nhân từ).

Trong nước nhà vua trọng những người hiền hiếu, trừng trị kẻ hoang dâm, cấm hẳn sự xa hoa cờ bạc, săn bắn, triệt để không rượu chè đàng điếm, người già cả bệnh hoạn được săn sóc chu đáo, nhà nhà đều thờ Phật, trọng Tăng tu Pháp "Thập thiện"*. Nếu ai phạm một trong năm điều răn phải bị

trục xuất ra khỏi nước. Nhờ vậy, không bao lâu trong nước trở lại thái bình an lạc.

Thuật giả: Thể Quán

*Thập thiện: Mười điều lành. Thân không giết hại, không trộm cướp, không tà dâm. Miệng không nói dối, không nói thêu dệt, không nói hai lưỡi, không nói độc ác. Ý không tham lam, không giận dữ và không si mê.

"Thắng lợi chân chánh là ở Phật-giáo chứ không phải vũ khí"

A Dục.

Hại người trở lại hại mình

Thuở xưa, trong hàng Bà La Môn có một người dâm phụ đương lúc tuổi còn xuân xanh, sắc duyên đằm thắm, mà trong lòng đã mang một khối tình rất lai láng. Mặc dầu nàng đã có chồng, nhưng thường có tính lẳng lơ, vì thế hằng ngày mơ tưởng việc ngoại tình. Tuy cái ý tưởng của nàng muốn như vậy, nhưng ngặt trong nhà còn mẹ chồng, nên nàng còn kiêng nể và phải đè nén lòng dục vọng của mình.

Một hôm nàng bèn nghĩ ra một mưu kế rất hiểm độc, bề ngoài thì nàng thường giả mượn điều hiếu thảo mà đối với mẹ chồng, nên hằng ngày thường lo sắm những thức ăn ngon vật lạ cho bà ăn uống, nhưng trong lòng chờ cơ hội để hại bà.
Người chồng của nàng thấy vậy, thì có ý mừng thầm mà nghĩ rằng: "Ngày nay mẹ ta đã tuổi cao sức yếu, mà lại may mắn gặp được một người vợ hiền, biết lo hết bổn phận làm dâu mà chăm sóc mẹ ta được ăn no ngủ khẻo trong khi đầu bạc da nhăn như vậy, thật là một điều hết sức vui mừng."
Người dâm phụ biết chồng đã lầm kế của mình rồi, bèn thừa cơ nói với chồng rằng: "Thưa chàng! Tuy thiếp đã hết lòng nuôi dưỡng mẹ như thế, nhưng sự ấy chẳng qua là điều ở thế gian mà thôi, nên sự hiếu dưỡng cũng chưa lấy gì đáng gọi là mỹ mãn cho lắm!
Vậy chàng cũng nên tìm một phương pháp chi khác, đặng hóa sanh độ tử cho mẹ được siêu thoát linh hồn và được vãng sanh về cõi Trời mà hưởng những hạnh phúc thần tiên, thì chúng ta mới trọn đạo làm con; chớ những vật chất ở đời này cũng chỉ là giả dối trong lúc còn sống mà thôi!"

Người chồng nghe vợ nói những lời tha thiết như thế, liền đáp rằng: "Nếu chúng ta muốn cho mẹ được mau siêu thăng lên cõi Trời, thì chỉ một pháp của đạo Bà La Môn, là phải dùng hầm chất củi mà đốt mẹ. Nhưng ta không nở làm như vậy."
Người dâm phụ nghe chồng đáp thì biết đã trúng kế của mình nên nói thêm rằng: "Phải lắm! Trong đạo hạnh của mình đã có pháp giải thoát siêu thăng như vậy thì chúng ta cũng nên thi hành liền, đặng cho mẹ được lên chốn thiên đường hưởng lộc Trời, mà chúng ta cũng đền đáp được ân sanh thành nữa".
Nghe qua mấy lời của vợ, người chồng liền tin, chớ chẳng ngờ vợ xúi đốc làm như thế là có ý quyết hại mẹ mình, nên chàng ra ngoài đồng ruộng đào một cái hầm rất lớn mà lại thật sâu, và chở củi đem chất dưới hầm, rồi đốt lửa hừng lên đỏ lòm.
Đoạn chàng lại lập một tiệc ở gần cái hầm, rồi trở về nhà dẫn mẹ ra đó đứng làm chủ tiệc và mời cả thảy những bà con tân khách cùng các chúng Bà La Môn đến dự và uống rượu nghe đờn.

Sau khi yến tiệc vừa xong, các tân khách đều lui về nhà, hai vợ chồng người dâm phụ bèn dẫn mẹ ra mé hầm xem, rồi thình lình xô mẹ xuống hầm.
Người vợ tưởng chắc rằng xác thịt của mẹ chồng đã tiêu ra tro rồi, còn người chồng lại tin rằng mẹ mình đã tiêu diêu tự tại nơi cõi Trời, nên dắt nhau trở về nhà.
Ngờ đâu trong hầm ấy lại có một khoảng trống không có lửa, khiến bà sa vào đó mà chẳng có điều gì hại đến tánh mạng, nên bà có thể tìm đường chui ra được.
Khi bà ra khỏi chốn hiểm nguy rồi, thì trời đã về khuya, bốn bề tĩnh mịch, bà lần mò theo đường cũ trở về nhà. Nhưng vì đường xa và trời lại tối đen như mực nên bà mới gắng leo lên một nhành cây to và rậm để ẩn thân.
Trong khi bà ngồi trên cây, bỗng đâu có một lũ ăn trộm vừa đến nghĩ tại dưới gốc. Bà liền tằng hắn một tiếng lớn, bọn trộm hoảng kinh lật đật bỏ chạy tứ tán, để lại những đồ của chúng nó đã lấy của người.
Đến khi trời vừa tảng sáng, bà liền leo xuống, thì thấy những đồ châu báu và bạc tiền đầy dưới gốc nên bà lựa những món quý giá như: vàng, bạc, ngọc, ngà, xuyến, bông tai…rồi lần lượt đem về nhà.
Con dâm phụ thấy mẹ chồng trở về, liền kinh hãi và tưởng rằng bà đã hiện hồn về nhà, nên nhắm mắt và lánh mặt cúi đầu, chẳng dám chào hỏi. Còn chồng của nàng thì lại tưởng mẹ của mình đã được siêu sanh nơi cõi Trời, nay về thăm mình, nên lật đật chấp tay lại mẹ mà nói rằng: "Con nhờ vợ của con khuyên bảo dùng phương pháp "Hóa sanh độ tử, thoát kiếp siêu hồn". Nên nay mẹ được lên cõi Trời mà về thăm con, thì con rất vui mừng".

Bà mẹ nghe con nói như vậy mới biết dâu mình đã muốn hại mình, nên bà "nhân kế tựu kế", nghĩa là bà dùng cái kế của người dâu đã hại bà đó mà trở lại hại nó. Bà bèn nói lại rằng: "Mẹ nhờ hai vợ chồng con làm phép siêu thăng cho mẹ, nên nay mẹ được giải thoát mà sanh về cõi Trời, hưởng được nhiều điều phước báo. Hai vợ chồng con ăn ở như vậy mới được trọn phần hiếu thảo".
Bà lại day qua mặt người dâu, và đưa mấy món báu cầm nơi tay mà nói rằng: "Những món: ngọc, bông tay, vòng, vàng, xuyến nầy là vật của ông bà con cậy mẹ đem về cho con. Nhưng vì mẹ chân yếu gối đùn, thân gầy sức mỏng, nên xách đem về chẳng đặng nhiều. Vả lại mấy người ấy nhắn với mẹ bảo con cũng làm phép siêu thăng như con đã làm mẹ vậy, đặng con lên Thiên đường mà lãnh lấy những đồ châu báu ấy còn rất nhiều".
Người dâm phụ nghe mẹ chồng mình nói như vậy, tưởng là sự thật, nên vui mừng mà nói với chồng rằng: "Ngày nay mẹ có duyên sa xuống hầm lửa mà được lên cõi Trời hưởng những vật lạ của báu; nhưng tiếc vì thân mẹ già yếu, nên chẳng đem hết của cải về được. Vậy nếu chàng bằng lòng cho phép thiếp làm phép siêu thăng như mẹ vậy, thì chắc thiếp đem tất cả những đồ châu báu ấy về hết, khi ấy chúng ta sẽ trở thành đại phú gia, mặc sức cùng nhau hưởng sự sung sướng!"
Người chồng nghe vợ tỏ ý như thế, thì cũng vui vẻ bằng lòng, liền đào một cái hầm làm y theo cách đã thiêu mẹ mình ngày trước.
Nhưng than ôi! Khi hầm lửa vừa sắp đặt xong, con dâm phụ kia liền gieo mình xuống, của cải châu báu đâu chẳng thấy trái lại phải bị ngọn lửa thiêu đốt nóng không thể tưởng tượng và kết quả tội lỗi tiêu tan thành tro bụi. Thật là một quả báo rùng rợn đáng làm gương cho những nàng dâu bất hiếu với mẹ chồng.

Trích sách:

Gương nhân quả
Hại người sẽ bị người hại,
Oán người sẽ bị người oán,
Mắng người sẽ bị người mắng,
Đánh người sẽ bị người đánh.

Bố thí bất nghịch ý

Thuở xưa, có một nước hiệu là Diệp Ba, vua tên là Thi Tí, lấy phép chơn

chánh trị vì, chẳng hề làm tổn lê dân. Vua có 4.000 quan thượng thơ, 500 thớt voi bạch, cai quản 60 tiểu bang và 800 thôn xã. Vua tuy có hai muôn vương phi mỹ nữ, song không có bà nào có con. Ngài khẩn cầu chư Thánh chúng, Thần núi, Thần nước.
May thay! Một bà bỗng có thai.
Thiên tử bổn thân săn sóc chánh cung rất chu đáo. Ngài lại ra lệnh lo nào nệm thúy gối loan cho bà an nghỉ, nào món ăn cho mỹ vị, thức uống cho tinh khiết đặng bà dùng. Sau chín tháng đến ngày mãn nguyệt khai hoa, bà sanh đặng một hoàng nam đặt tên là Tu Đại Noa. Hay tin này, cả thảy quý phi trong cung điện đều hớn hở vui mừng.

Thời gian qua, Thái tử Tu Đại Noa đã được 16 tuổi. Ngoài văn võ kiêm toàn, lại thêm lễ nhạc cung đàn cũng là tột chúng. Ngài phụng kính Hoàng-phụ và Mẫu-hậu chẳng khác chi như thánh. Vua cha lại dựng riêng cho Hoàng-tử một đài các nguy nga rực rỡ. Tuy trẻ tuổi, song Đông cung lại quý sự phước thiện, bố thí cho nhân loại, thượng cầm hạ thú. Ý Ngài chỉ muốn cho tất cả chúng sanh được an vui tự tại.
Khi đến tuổi trưởng thành, vua cha đính hôn cho Ngài với nàng Mạn Trà, con một vị Thiên tử. Công chúa sắc đẹp tuyệt trần và đức hạnh không ai sánh kịp.

Ngày tháng qua, vợ Đông cung sinh được một trai, gái. Thuở ấy Hoàng tử nhớ pháp bố thí Ba La Mật. Ngài xin phép vua cha dạo chơi và xem cảnh vật, Ngài thấy những người nghèo, đui, điếc, câm, đi dọc đường, trong lòng ưu ái, không hân hoan chút nào. Vua cha hỏi, Đông cung nói: "Tâu Hoàng phụ, con ra thành thấy người nghèo, điếc, đui, câm; con động mối từ tâm, xót lòng trắc ẩn. Con muốn tâu Hoàng phụ biết ý muốn của con, song con còn ngần ngại e Hoàng phụ không nhận lời".
Hoàng thượng nói: "Con muốn điều gì, cha cũng hoan hỷ ban cho như ý".
Đông cung nói: "Con muốn lấy tất cả trong kho tàng của Hoàng phụ, đem bố thí cho mọi người, bất luận ai xin vật chi thì con cho vật ấy", Hoàng phụ đáp: "Hay thay con cứ thi hành theo bổn nguyện, cha không cấm cản".
Đông cung xin các quan hầu cận đem đồ châu báu ra bày biện nơi bốn cửa thành và ngoài chợ đặng bố thí cho tất cả nhân loại. Tám phương trời đất đều hay việc lành của Hoàng tử. Bốn hướng xa xôi ngàn dặm, đua nhau lặn suối trèo non, đến chịu thọ thí. Người đói rách, Hoàng tử cho ăn mặc, kẻ xin bạc vàng châu báu, Hoàng tử lại cấp cho, ai ai cũng được lòng hả dạ.

Thời ấy có một ông vua nghịch sanh lòng nham hiểm, hay tin Hoàng tử bố thí bất luận là ai cùng vật gì, mới hội các đình thần và các vị Bà La Môn

trong nước bàn bạc rằng: "Ta nghe vua nước Diệp Ba có một thớt tượng bạch, tên là Tu Đàn Diên chạy bay được trên liên hoa. Voi ấy đã dõng mãnh lại mạo hiểm trong việc chiến tranh, trăm trận trăm thắng, chả biết chư khanh có ai chịu đi xin voi ấy chăng?". Các quan văn võ lắc đầu trương mắt nhìn nhau; song trong hàng Bà La Môn có tám ông tâu rằng: "Chúng tôi nguyện làm như ý, cúi xin Hoàng thượng ban cho chúng tôi ít đồ hành lý". Vua dạy cấp đồ đi đường và nói rằng: "Ta rất tin cậy các ngươi, nếu các ngươi xin được voi ấy, ta sẽ trọng thưởng".

Tám ông Bà La Môn tay cầm tích trượng lên đường, khi lên thác khi xuống ghềnh, lần hồi đã tới nước Diệp Ba. Chúng hỏi thăm đến trước cửa đền Hoàng tử, thảy đều chống gậy kim cương, chân đứng chân treo, day mặt vô cửa. Người giữ cửa vào báo cho Đông cung, Ngài liền ra thi lễ một cách tôn trọng, chẳng khác chi nghĩa cha con. Đoạn thái tử hỏi: "Bạch quý Ngài, quý Ngài ở đâu đến đây? Đi đường sá xa xôi có cực khổ chăng? Cảm phiền quý Ngài cho tôi biết có việc chi quan hệ mà phải chịu nhọc nhằn treo chân như thế này?". Tám vị Bà La Môn đáp: "Thưa Hoàng tử Đông cung, chúng tôi mạn nghe Đông cung mở đường phước thiện, bố thí bất luận là ai cùng bất cứ của cải gì, nên danh thơm của Ngài truyền khắp tám phương, công đức của Ngài quả thật vô lượng vô biên, xa gần đều chúc tụng, không còn một ai không biết. Chúng bần đạo lấy đó tin chắc chắn như lời. Thưa Hoàng tử Đông cung, thật Ngài là con cõi thượng thiên, thế thì lời nói Ngài còn hơn kim thạch. Vậy nếu Ngài thành tâm bố thí, chúng bần đạo xin Ngài hoan hỷ cho chúng tôi bạch tượng bay trên liên hoa".

Đông cung liền đến chuồng ngựa dắt ra một con voi bạch song các vị Bà La Môn lại nói: "Thưa Hoàng tử Đông cung, không phải thớt voi này, chúng tôi xin đây là xin bạch tượng chạy được trên hoa sen, tên nó là Tu Đà Diên". Hoàng tử đáp: "Cha tôi thương mến voi ấy lắm, chẳng khác chi tôi, tôi không thể tự quyền cho các Ngài. Nếu tôi cho thì cha tôi hết thương tưởng tôi, lại còn đuổi tôi ra khỏi nước nữa". Nhưng Đông cung lại nghĩ rằng: "Trước kia ta đã lập trọng nguyện Bố Thí Bất Nghịch Ý, nếu ta từ chối thì ta tự bác đại nguyện của ta, ta nên cho voi ấy mới có thể đạt được pháp Ba La Mật". Đông cung không còn ngần ngại nói: "Bạch quý Ngài, tôi không dám làm quý Ngài bận lòng vì một sự nhỏ nhen đó" Hoàng tử dạy tùy tùng thắng bành vàng và dắt tượng ra tức tốc. tay trái Ngài bưng nước rửa tay cho các vị Bà La Môn, tay mặt dắt voi trao cho quý khách. Vừa được voi bạch, tám ông Bà La Môn liền ca tụng "Bồ đề tâm" và cảm tạ Đông cung, lộ vẻ hân hoan, và vội vã lên đường. Đông cung lại còn nói vói: "Xin quý Ngài hãy đi cho chóng, kẻ Hoàng phụ tôi biết lại cho người theo bắt voi". Trong nháy mắt, tám ông Bà La Môn biệt dạng.

Vừa nghe Hoàng tử cho kẻ nghịch tượng báu, các quan văn võ đều sững sốt,

lo sợ rằng: “Nước ta nhờ có voi ấy mà dẹp nạn can qua”.Quần thần liền vào tâu với vua: “Muôn tâu bệ hạ, Đông cung đã đem voi báu mà cho kẻ thù nhà, Bệ hạ dựng nên bờ cõi cũng nhờ có voi ấy oai phong lẫm liệt, một mình có thể chống cự 60 thớt voi khác như chơi; nay Đông cung lại cho kẻ nghịch, chúng hạ thần cho đó là điềm mất nước. Chúng tôi tâm hồn rối loạn, cúi xin Hoàng thượng định đoạt. Bố thí bất nghịch ý của Đông cung theo thiên kiến của chúng tôi thì chẳng kíp thì chầy, Hoàng tử chẳng những vét sạch cả của cải trong kho tàng mà thôi, lại chúng tôi sợ e Ngài còn cho cả nước và vợ con Ngài nữa”.
Vua nghe tâu không bằng lòng, liền cho đòi một vị Đại thượng thơ đến hỏi: “Khanh cho Trẫm biết có phải Thái tử bắt bạch tượng cho kẻ nghịch chăng?”.
Muôn tâu Bệ hạ quả thật như lời.
Vua hội nghị tất cả đình thần để thẩm án Đông cung. Một quan thượng thơ tâu: “Kẻ nào vào chuồng tượng thì chặt chân, kẻ nào dắt tượng thì cắt tay, kẻ nào thấy dắt tượng thì móc mắt”. Một quan thượng thơ khác lại tâu: “Xin Hoàng thượng cho công án tử hình cho cả thảy thủ phạm và đồng lõa”. Thấy quần thần phân vân và ý kiến không đồng, Vua lại thêm tha thiết và phán với triều đình: “Con Trẫm chẳng những ham tu tuệ mà thôi, lại còn mộ đường phước thiện. Đối với mấy điều ấy Trẫm không thể ngăn cản, huống chi nay Trẫm nỡ đành bắt buộc hành hình cùng hạ ngục”. Một vị Đại Thượng thơ bác bẻ ý kiến cả thảy triều đình, rồi quỳ xuống tâu: “Theo thiển kiến của tôi, Ngài nên đuổi Thái tử ra khỏi nước và đày người ở chốn lâm sơn 12 năm hòng người ăn năn hối ngộ”.
Vua theo ý kiến ấy, dạy đòi Đông cung vào hỏi: “Có phải ngươi bắt bạch tượng cho kẻ nghịch chăng?”
- Muôn tâu Hoàng phụ, quả thật vậy.
Vua lại hỏi: “Sao ngươi lại dám bắt bạch tượng cho kẻ nghịch mà không trình cho ta hay trước ?”
- Thưa Hoàng phụ, trước kia Hoàng phụ cho phép con bố thí như ý mà không ngăn cấm một việc chi. Bởi thế nên con không tâu lại với Hoàng phụ việc con làm phước.
Thánh Hoàng nói: “Lệnh ta ban thuộc về ngọc ngà châu báu, chớ không can hệ với tượng bạch”.
Thái tử đáp: “Muôn tâu Hoàng phụ, các vật ấy đều là của cải của Hoàng phụ tất cả, con không ngờ phải ngoại trừ tượng bạch”. Hoàng thượng phán: “Ngươi phải tức tốc ra khỏi nước này, ta đày ngươi tại núi Đàn Đặc 12 năm.
Thái tử tâu: “Con không cải lệnh Hoàng phụ, song con xin Hoàng phụ cho phép con ở lại thêm bảy ngày đặng bố thí thêm cho mãn nguyện”.
Thiên tử phán: “Ta dạy ngươi cũng vì sự bố thí của ngươi thái quá, chẳng

những làm tiêu tan kho báu của ta, lại làm cho nước mất một linh vật. Ngươi không được ở lại đây thêm bảy ngày, hãy ra khỏi nước bây giờ, ta không cho phép đâu".
Thái tử tâu: "Con không dám trái lệnh Hoàng phụ, nhưng vì con còn chút ít của cải riêng, muốn đem bố thí cho trọn vẹn chớ con không dám đá động đến kho tàng của nước nữa…"
Hai muôn cung phi đồng xin vua để cho Hoàng tử ở lại bảy ngày rồi sẽ đày đi cũng chẳng muộn.
Vua nhận lời.
Thái tử dạy cho gia dịch truyền cho thập phương hay: ai muốn của cải, thì đến Ngài cung cấp cho.
Nhân dân ở bốn phương trời nghe đồn đều tới cửa đền; Hoàng tử rất ân cần thiết đãi thức ăn uống, chăm nom phân phát của cải, mọi người đều được vui vẻ. Trong bảy ngày, bố thí hết của cải. Người hàn vi trở nên phú quí; cả muôn người đều nhờ đó được no ấm hân hoan.
Đông cung vào từ tạ Công chúa Mạn Trà và nói rằng: "Vì tôi bố thí thái quá, đã vét sạch kho tàng lại còn cho kẻ nghịch tượng bạch kỳ tài, nên Hoàng phụ và triều đình đày tôi 12 năm lên núi Đàn Đặc".
Bà Mạn Trà nói: "Muốn nước thạnh nhà an, tôi xin cầu chúc Đức Thánh hoàng, các thượng quan cùng quân nhân lớn nhỏ trong nước, thảy đều được giàu sang, an vui vĩnh viễn. Còn tôi thì nguyện theo cùng Thái tử vào chốn thâm sơn mà tu hành pháp Bát nhã".
Đông cung nói: "Người nam tử ở núi non hiểm địa còn khó giữ được bình tĩnh với cọp hùm cùng các loài thú dữ khác; Vương phi đã quen thanh nhàn, làm sao chịu nổi với cảnh khó khăn và đời vô vị. Công chúa ở thì đài các nguy nga, mặc ròng tơ lụa, nghỉ toàn nệm gối, ăn uống tinh đồ mỹ vị; còn trên sơn lâm, nghỉ toàn màn trời chiếu đất, nệm gối bằng cỏ rơm, thức ăn toàn là hoa quả. Lại thêm mưa, gió, sấm sét, sương, tuyết làm cho vỡ mặt kinh tâm. Khi lạnh thì lạnh thấu xương, khi nóng thì nóng phỏng trán. Nơi cây cối không bề nương dựa, dưới đất thì cỏ gai, đá sỏi cùng loài sâu bọ độc địa, làm sao Vương phi lại chịu nổi cảnh Khổ ấy?"
Bà Mạn Trà đáp: "Nếu thiếp xa cách Hoàng tử thì cần gì nệm thúy gối loan, sơn hào hải vị. Hôm nay đứng trước hoàn cảnh này thì lẽ đương nhiên chàng đâu thiếp đó cho trọn đạo vợ chồng. Nước lấy cờ làm biểu hiệu, khói thì có lửa, vợ thì có chồng. Thiếp chỉ biết gởi thân cho lang quân, mặc dầu mưa tối nắng chiều. Thiếp tưởng: lang quân chẳng khác chi thần thức của thiếp, nếu thần thức xa lìa thì thân kia tan rã. Vả lại lúc lang quân lập đàn bố thí, thiếp cũng dự vào, khi lang quân lìa quê hương nếu có người đến xin thọ thí, Thiếp biết nói làm sao với họ? Lúc thiếp nghe ai khẩn cầu với thí chủ, thiếp quá cảm động có thể chết đặng vậy".

Đông cung nói: “Tôi mở đường bố thí, không từ chối một ai, nếu có người đến xin hai con, tôi rất hoan hỷ nhận lời. Khi ấy Công chúa không vui lòng hưởng ứng, có phải làm rối loạn tâm từ thiện của tôi không? Tốt hơn là Công chúa đừng theo tôi làm chi”.
Mạn Trà đáp: “Hoàng tử chớ có lo xa, tôi xin tán thành mọi việc phước thiện. Lang quân ôi! “Trong trời đất không còn ai nhân đức hơn lang quân!” Đông cung nói: “Nếu quả Vương Phi đồng tình thì không gì quý hóa bằng!”.
Đông cung dắt vợ con vào viếng mẹ và từ giả lên đường. Thái tử thưa: “Cúi xin Mẫu hậu hãy năng nhắc nhở Thánh hoàng; lấy luật chân chánh trị nước chăn dân, chớ để tà đạo sang nhập nước nhà”.
Nghe lời Đông cung, Hoàng hậu bồi hồi cảm động âu sầu. Bà nói giữa cung phi: “Ta đem thân cứng cỏi như sắc đá, lấy lòng bền bỉ hơn gang thép mà phò Hoàng thượng không chút chi lỗi lầm. Nay ta có một mụn con vỏn vẹn, nó lại bỏ ta mà đi, tưởng tới chừng nào thì tâm bào ta đứt từng đoạn! Nhớ khi con còn trong bụng mẹ, chẳng khác chi lá trên nhành, càng ngày càng lớn, ta nuôi con đến tuổi trưởng thành, nó lại đi xa, bỏ ta hiu quạnh! Các Vương phi khác sẽ được thú vui chơi, còn ta thì Hoàng thượng sẽ hết yêu vì ta nữa. Ta xin thành tâm chú nguyện cùng cao xanh cho con ta mau được trở về xứ sở”.
Đông cung cùng vợ con đồng lạy mẹ rồi lui ra.
Hai muôn quý phi mỗi bà đều đem ngọc trân châu đặng hiến cho Đông cung; bốn ngàn Thượng thơ đem tràng hoa và báu dâng cho Hoàng tử.
Hoàng tử ra cửa thành hướng Bắc, Ngài lấy cả thảy bảy vật báu, ngọc và bông hoa bố thí cho mọi người. Cả thảy quan dân lớn nhỏ vô số đến đưa đón chật đường, chen nhau dâng lễ vật cùng chúc từ cho Hoàng tử. Họ bàn luận cùng nhau và nói: “Đông cung thái tử là người trọn lành, là bậc vĩ nhân trong nước. Vì sao Hoàng thượng lại xua đuổi một vị Hoàng tử quý nhất và hiếm có trong đời này?”. Cả thảy mọi người đều hoài tâm thương tiếc.

Ra khỏi thành, Hoàng tử xin thần dân trở gót đặng Ngài lên đường. Lúc quay lưng, quan dân lớn nhỏ đều bi cảm và khóc nức nở.
Thái tử lên xe với vợ con, tự cầm cương dục ngựa. Đi một khoảng đường xa xa. Thái tử dừng xe dưới bóng cây nghĩ mát. Bỗng có một người Bà La Môn đến xin Ngài con ngựa. Thái tử mở ngựa ra cho, rồi để hai con lên xe, mang gọng xe vào kéo thế cho ngựa, Công chúa thì ở sau xe đẩy tới. Đi thêm được một khúc đường, lại gặp một người Bà La Môn, đón xin cái xe. Đông cung liền nhận lời. Đi một khúc xa hơn nữa, lại gặp người Bà La Môn xin bố thí. Thái tử nói: “Tôi không muốn từ chối, song của cải tôi đã hết”. Người Bà La Môn đáp: “Nếu Ngài không còn của cải gì khác, nhờ Ngài cho tôi y phục của Ngài đang mặc trong mình”. Đông cung lấy quần áo tốt của mình cho,

rồi mặc đồ cũ. Đi một đổi xa nữa, lại gặp một người Bà La Môn đến thọ thí, Ngài cho quần áo của hai con. Đông cung đã bố thí cả xe, ngựa, của cải và áo quần mà không buồn không tiếc một chút nào. Bấy giờ Đông cung thì cõng con trai, Công chúa thì bồng con gái, đi bộ lên đường. Cả thảy vợ chồng con cái đều hân hoan, nhắm non thẳng dặm.
Núi Đàn Đặc xa lắm, cách châu thành hơn 6.000 dặm. Muốn đi đến nơi, phải trải qua không biết bao nhiêu hầm hố bùn lầy, phải nhịn đói chịu khát nữa. Cứ ngày đi đêm nghỉ, xuân qua thu lại, hè mãn đông sang, tội nhân đã đến núi Đàn Đặc. Hoàng tử ngắm xem phong cảnh thấy núi cao chơm chởm oai nghi, cây cỏ sầm uất thạnh mậu. Các thứ chim ca hót với giọng véo von, hồ trong hoa nở nước ngon trái ngọt với vô số ngỗng, hạc, vịt, chài cùng các loài chim ăn dưới nước.
Hoàng tử nói với vợ: "Ở đây cây mọc thẳng bằng, cao sừng sựng tận trời xanh mà không lay động. Chúng ta sẽ được uống nước ăn trái ngọt, ở trong hang đá; chúng ta sẽ tu hành pháp Bát nhã (Phương pháp dùng trí tuệ để quan sát chiêm nghiệm, tìm tòi sự thật của sự vật). Đông cung vô núi, cả thảy thượng cầm hạ thú đều vui mừng đến nghinh tiếp Ngài.

Trên chóp núi có một vị tu hành tên là A Châu Đà. Ngài được 500 tuổi và đức hạnh dung thông. Đông cung đến thi lễ rồi lui ra đứng dậy và nói: "Bạch Ngài hiện giờ chúng tôi chưa biết phải ở nơi nào có thức ăn uống?".
Ông A Châu Đà đáp: "Toàn núi này là cảnh thiên thai, Ngài ở đâu lại không được? Núi này chỗ nào cũng tinh sạch và thanh tịnh, Ngài muốn hành pháp Bát nhã lại còn đem vợ con theo làm chi".
Hoàng tử chưa kịp trả lời, bà Mạn Trà chận hỏi: "Ngài tu được bao lâu?"
- Tôi ở núi này được đâu 400 hay là 500 năm.
- Một người như tôi ước tu bao nhiêu năm mới đắc huệ? Giả tỷ tôi ở núi này lâu hơn cổ thọ cũng khó tính cho ra đến chừng nào đạt được đạo Bồ đề.
Ông tiên đáp: "Kỳ thật mấy câu chuyện ấy, tôi cũng không biết được".
Đông cung hỏi: "Ngài có nghe nói đến tên Thái tử Tu Đại Noa, con của vua nước Diệp Ba chăng?".
Vị tu sĩ đáp: "Tôi thường nghe nói đến tên, song không biết mặt".
Thái tử nói: "Đông cung ấy là tôi đây".
Vị tu sĩ hỏi: "Ngài muốn tu pháp môn nào?".
Thái tử đáp: "Tôi muốn tu theo Đại thừa".
Vị tu sĩ nói: "Đối với công đức của Ngài, tôi tưởng chẳng bao lâu Ngài đạt được mục đích viên mãn: Chừng Ngài đắc đạo vô thượng, hoàn toàn sang suốt, tôi sẽ là đệ tử thứ nhất của Ngài có phép siêu phàm nhập thánh". Rồi ông chỉ cho Thái tử một chỗ ở. Thái tử bắt chước ông tròng cương vào đầu và vấn tóc, lượm nhánh và lá cây cất bốn lều tranh cho mình, vợ và con.

Con trai tên là Đa Ly 7 tuổi, mặc quần áo bằng cỏ rơm theo cha, con gái tên là Kê Na Diên mặc quần áo bằng da nai theo mẹ.

Trên núi chim chóc và cầm thú vui cười tỏ lòng tín ngưỡng và sùng bái Hoàng tử. Khi Thái tử đi tới đâu thì ở đó hang hóc nội mạch nước, cây khô lại đơm bông trổ lá, loài sâu bọ và ác thú thảy đều trốn mất: loài thú ăn thịt trở lại ăn cỏ, cây sai trái, chim đồng tình kêu hót. Bà Mạn Trà lo hái trái cho Hoàng tử và con ăn. Còn hai trẻ khi thì đi chơi với cầm thú nơi mé rạch, khi lại ở đó suốt đêm. Lần kia đuổi thú chơi, con trai Đa Ly cởi sư tử, sư tử nhảy, Đa Ly té xuống đất trầy mặt chảy máu. Một con khỉ thấy, leo lấy lá cây chùi máu, rồi dắt lại bờ ao rửa. Hoàng tử thấy tấn tuồng ấy, thầm nói: "Loài cầm thú cũng có lòng thương nhân loại như vậy".

Trong thời kỳ ấy, tại xứ Câu Lưu có một người Bà La Môn nghèo khổ, bốn mươi tuổi, không con, có vợ, Vợ chàng thì yểu điệu, đẹp đẽ, phương phi; còn chàng thì xấu xa, mình mẫy đen điu, diện mạo quá dị tướng, chẳng khác chi yêu ma quỷ mị. Vợ chàng gớm ghét mong sao chàng chết phứt cho rồi. Ngày kia cô ta đi múc nước gặp một đám trai tráng nhạo báng chồng nàng và nói: "Bà thì ví tợ thiên kim, cớ sao lại làm vợ một người như thế?".
Cô ta trả lời: "Cái đầu già nua ấy bạc trắng như sương, sớm tối tôi hằng trù rủa cho nó chết, chẳng biết sao nó không nhúc nhích". Đáp rồi tự than thân trách phận, về nhà khóc lóc với chồng. "Thiếp đi múc nước gặp một lũ trai tơ xúm nhau diễu cợt. Vậy chàng phải kiếm cho thiếp một con đòi, chừng nào có đứa ở thiếp khỏi đi xách nước, bọn ấy mới hết chọc ghẹo thiếp".
Người chồng trả lời: "Tôi nghèo xác da xác chiếu, nàng lại muốn tôi mọi ở đâu?"
Vợ đáp: "Nếu không có, tôi tình nguyện bỏ nhà ra đi." Nàng lại tiếp lời: "Tôi có nghe Hoàng tử Tu Đại Noa, vì bố thí thái quá nên bị vua cha đày tại núi Bàn Đặc. Ngài có một trai, một gái, chàng nên thân hành đến đó xin hai trẻ".
Chồng bác lời rằng: "Núi Bàn Đặc xa hơn 6.000 dặm, khó đi đến nơi huống nữa là xin Thái tử một việc mà Ngài không thể cho!".
Vợ lên tiếng: "Nếu chàng còn dụ dự, tôi sẽ mượn con dao tự tử ngay".
Chồng xuống giọng: "Thôi đừng vội giận, nàng coi sắp cho tôi ít đồ hành lý gì?".
Vợ nói: "Đi thì đi đi, nhà ta thiếu trước hụt sau, còn đòi đồ hành lý gì?".
Người Bà La Môn cụ chuẩn bị ít món ăn rồi lên đường, Đến xứ Diệp Ba đi ngay lại cửa thành, chàng ta mới hỏi người giữ cửa: "Xin ông thi ân cho tôi biết Hoàng tử Đông cung Tu Đại Noa ở đâu hiện giờ?".
Người giữ cửa không dám trả lời vào báo Hoàng thượng hay. Vua nghe tức

giận và phán rằng: "Cũng vì lũ này mà ta đày Thái tử, sao chúng nó còn đến đây làm chi?"
Người Bà La Môn được đòi vào quỳ tâu: "Muôn tâu Thánh hoàng tôi ở xứ xa lại, vì cái thanh danh của Hoàng tử Đông cung đâu đâu đều biết, trên thấu cửu thiên, dưới tận cửu tuyền, Đông cung có lòng bác ái không hề để một ai thất vọng. Bởi vậy nên ở xa, tôi cũng lặn lội đến đây chú ý thành tâm yêu cầu một việc cùng Hoàng tử".
Vua nói: "Đông cung ở chốn quạnh hiu, trong thâm sơn và quá nghèo khổ, người còn có vật chi nữa mà bố thí".
Người Bà La Môn tâu: "Muôn tâu Hoàng thượng, tuy biết Đông cung khiếm khuyết mọi vật, song tôi cũng chỉ nguyện đến tận nơi ra mắt Ngài".
Vua dạy người chỉ đường.
Người Bà La Môn nhắm núi Bàn Đặc thẳng dặm băng ngàn. Chàng vào núi gặp người thợ săn liền đón hỏi: "Xin ông thi ân cho tôi biết Hoàng tử Tu Đại Noa có ở trên núi này không?".
Thợ săn tuy biết Đông cung bị đày ở đây cũng vì bố thí cho dòng Bà La Môn, song không chỉ chỗ lại còn bắt chàng trói vào gốc cây đánh một trận nhừ tử, mắng nhiếc quá lời và nói: "Ta muốn cho ngươi vài mũi tên và ăn thịt ngươi, ngươi còn thiếu vật chi mà đến đây hỏi thăm Thái tử".
Người Bà La Môn nghĩ: "Ta sẽ bị tay người này giết, vậy ta phải thiết kế đánh lừa người mới mong toàn tánh mạng". Nghĩ rồi liền nói: "Theo lẽ phải Ngài phải hỏi tôi nguyên nhân trước khi hành phạt tôi cho đáng".
Thợ săn đáp: "Ngươi muốn nói việc chi?".
Người Bà La Môn nói: "Thưa Ngài đức Thánh hoàng hồi tâm thương nhớ Thái tử Đông cung, dạy tôi đi tìm Hoàng tử đặng thỉnh về nước".
Nghe vậy, thợ săn hối hận liền mở trói thả ra, nhận lỗi và nói: "Tôi thật vô lễ, xin ông miễn chấp, cũng bởi không hay không biết có chỉ Thánh hoàng nên mới lỗi lầm như hôm nay". Nói rồi chỉ chỗ ở của Đông cung.
Người Bà La Môn đi thẳng đến lều trang của Đông cung, Hoàng tử thấy đặng vui mừng, ra tiếp rước, thi lễ và hỏi thăm: "Ông ở đâu lại? Có lẽ ông đi đường mệt nhọc thì phải? Ông đến tôi có việc chi chăng?".
Người Bà La Môn thưa: "Tôi ở xa lắm, thân tôi khốn đốn không cùng, đương giờ tôi đói khát nữa".
Hoàng tử lật đật thỉnh vào cốc mời ngồi, đem trà nước và trái cây dâng người Bà La Môn nói: "Thưa Đông cung Thái tử, tôi gốc ở nước Câu Lưu, đã lâu tôi nghe lòng từ thiện của Ngài, thập phương thế giới đều mến danh thơm và đức hạnh của Ngài. Tôi quá nghèo khổ nhưng Ngài thương tưởng tôi, cho tôi một vài vật".
Thái tử đáp: "Kính ông chẳng có việc gì tôi từ chối nhưng rủi cho ông, hiện giờ tôi không còn món gì".

Người Bà La Môn nói: “Thưa Đông cung, nếu Ngài không có gì, xin Ngài cho tôi hai trẻ con của Ngài để phụng dưỡng tôi lúc tuổi về già”.
Hoàng tử đáp: “Ông ở xa lại chú tâm xin hai con tôi, tôi không lẽ từ chối”.
Lúc đó hai trẻ đi chơi, Thái tử kêu lại, và nói: “Có một người Bà La Môn ở xa đến xin hai con, cha đã hứa lời ưng chịu, hai con hãy đi với người”.

Hai trẻ chạy đến một bên cha khóc rằng: “Chúng con đã từng biết nhiều người Bà La Môn, song chúng con không hề thấy người nào dị tướng như thế. Chắc người này không phải trong họ của Bà La Môn đâu, người ấy là quỷ yêu! Nay mẹ con đi hái trái chưa về, cha lại bắt con cho yêu tinh ăn thịt chúng con phải chết mất. Đến chừng mẹ con về kêu con chẳng thấy, thì chẳng khác gì bò mẹ kiếm con, người sẽ bi lụy, than van, đau khổ”.
Thái tử nói: “Hai con chớ quá bịn rịn, cha đã hứa lời không thể thất tín. Người Bà La Môn này không phải là tà ma quỷ mị chi, không ăn thịt con đâu mà ngại gì, hai con hãy đi đi”.
Hoàng tử lấy nước rửa tay cho người Bà La Môn, rồi kéo tay hai con cho người Bà La Môn dắt đi.
Hai trẻ không chịu đi, chừng trở lại trước mặt cha quỳ xuống và nói: “Thưa cha chẳng hay chúng con phạm tội gì trong kiếp trước mà ngày nay chúng con phải chịu lắm điều thống khổ. Chúng con là dòng vua, nay phải làm tôi tớ cho kẻ phàm phu. Trước mặt cha, chúng con xin sám hối các tội lỗi, có lẽ nhờ đó sự phiền não và nghiệp chướng của chúng con sẽ được tiêu trừ và hạnh phúc lại đặng phát khởi, mong sao đời này sang đời khác chúng con không còn gặp phải bước gian truân như thế nữa”.
Đông cung nói với hai con: “Cả thảy ái tình đều là ảo mộng, một ngày kia phải hủy hoại vạn vật đều vô thường, mấy ai giữ trọn vẹn một vật chi nơi trần thế. Hai con hãy đi, chẳng nên dùng dằng, chừng nào cha đắc đạo Bồ Đề, cha sẽ độ hai con”.
Hai trẻ, đôi mắt đỏ ngầu nói với cha: “Xin cha trao lời vĩnh biệt của hai con lại cho mẹ con, chúng con quá đau lòng vì nghĩa mẹ con xa cách đời đời, lại không giáp mặt tỏ phân một lời trong khi mẹ bắc con nam. Chẳng còn nghi vì nữa, cũng bởi tiền căn nghiệp báo của chúng con, nên nay chúng con phải chịu như vậy. Chúng con nghĩ đến khi mẹ chúng con về thấy mất hai con, người sẽ khổ tâm, đau đớn sầu não chẳng cùng, lo cho thân chúng con phải chịu đói rách phiêu lưu nơi đất khách.”
Người Bà La Môn nói: “Tôi già yếu, hai trẻ chạy bỏ tôi theo mẹ chúng nó, tôi lụm cụm theo bắt chúng nó sao được. Xin Đông cung trói nó dùm tôi.”
Thái tử liền trói hai con giao cho người Bà La Môn dắt đi, nhưng hai đứa nhỏ cưỡng lại chẳng chịu, người Bà La Môn mới đánh chảy máu. Đau đớn thay cho Đông cung, thấy tình cảnh như vậy động lòng sa nước mắt. Cả trái

đất đều rung động, Hoàng tử và cầm thú theo sau đưa đón hai trẻ, tới chừng biệt dạng mới trở về. Các loài lục súc trở lại chỗ cũ hai trẻ thường chơi thấy cảnh chẳng thấy người, xúc động rên than thảm thiết, lăn lộn dưới đất. Người Bà La Môn dẫn hai đứa nhỏ đi được xa xa, dọc đường đứa trai vấn dây trói vào cây không chịu đi, chú ý chờ mẹ chúng nó đến cứu. Người Bà La Môn nổi giận, lấy cây đánh nhừ tử, đến chừng chúng nó xin thôi đánh, chịu đi, mới nới tay.Hai đứa nhỏ ngước mắt lên trời vái rằng:

Thần linh ôi! Hởi thần linh ôi!
Hoan hỷ mách dùm mẹ chúng tôi.
Xét dạ con đi sầu chất chứa.
Đau lòng mẹ ở lụy quên thôi.
Chạnh tình nuôi dưỡng chưa thù đáp.
Đoái nghĩa cưu mang chẳng đắp bồi.
Ở biết bao giờ cho rảnh nghiệp?
Cuộc đời thiết tưởng bạc hơn vôi.

Cũng ngay lúc đó, Công chúa ở trên núi, nháy mắt khó chịu, bà lấy làm lạ và nghĩ: "Thuở giờ tôi chẳng hề có cảm động thái quá như hôm nay, chắc hai trẻ mắc phải tai nạn rồi." Bà liền bỏ giỏ trái lại đó, hối hả ra về.
Khi Công chúa về thấy Đông cung ngồi một mình không có hai con, bà vô lều tranh kiếm không có, bà lại trở ra mé rạch-chỗ chúng nó hay chơi giỡn cũng không thấy. Bà chỉ thấy mang, sư tử, khỉ, mấy thứ thường chơi với nó mà thôi. Bà Mạn Trà trở lại chỗ Thái tử ngồi và hỏi hai con ở đâu? Thái tử không nói.
Bà lại hỏi nữa: "Khi hai con ở xa thấy tôi đem trái về chúng nó chạy nhào lăn dưới đất, rồi lồm cồm ngồi dậy nhảy nhót: Mẹ về; khi chúng nó thấy tôi ngồi ở đâu thì đến ngồi kế một bên, thấy bụi bặm dính mình tôi liền phủi. Bây giờ tôi không thấy con tôi và chúng nó không lại gần tôi, nó ở đâu? Ai bắt nó? Không thấy con tôi, lòng tôi đứt từng đoạn! Chỉ cho tôi biết con tôi đi đâu và đừng làm cho tôi phải cuồng tâm".
Bà nói đi nói lại ba lần, Hoàng tử vẫn điềm nhiên không thốt một lời. Bà lại càng đau đớn hơn nữa. Bà nói chua cay như vầy: "Mất con tôi còn chịu được song sự lặng thinh của lang quân làm cho tôi thêm rối loạn".
Đông cung nói: "Có người Bà La Môn ở xứ Câu Lưu đến xin hai con và tôi đã cho rồi".
Công chúa thoạt nghe quá cảm động, vụt té xuống đất, bà đau đớn không cùng.
Đông cung nói: "Công chúa hãy nguôi lòng. Phu nhân hãy nhớ lại việc xưa, hồi thuở Phật Đề Hòa Kiệt La ra đời. Lúc đó tôi là một người Bà La Môn,

tên là Ba Sô Vệ, còn Công tước phu nhân là con gái Bà La Môn tên là Tu La Đà, Công chúa cầm bảy liên hoa, còn tôi thì nắm trong tay 100 bạc. Tôi mua năm bông sen của Công chúa đặng cúng dường Phật, còn Vương phi thì đem thêm hai bông khác cho tôi dâng cúng Phật. Phu nhân lại lập nguyện như vậy: "Tôi nguyện cầu sao trong những kiếp vị lai tôi cứ được làm vợ chàng, dầu lịch sự, dầu xấu xa tôi không hề xa chàng".
Tôi có nói với Công chúa rằng: "Nếu nàng muốn làm vợ tôi thì phải tuân theo chánh ý tôi, tôi sẽ đem hết tâm lực hành pháp bố thí, không hề thối chuyển cùng trái ý một ai. Trừ cha mẹ tôi, ai xin vật chi tôi đều hoan hỷ. Công chúa ưng chịu bằng lòng. Nay tôi cho hai con, Vương phi lại làm rối loạn đến mối từ tâm của tôi".
Nghe Đông cung nói, bà liền tỉnh ngộ; bà nhớ lại trong kiếp quá khứ kia, bà có hứa hẹn và nhận các việc bố thí của Thái tử.
Đế Thích thấy Thái tử hành pháp bố thí Ba La Mật Đa, cố ý thử lòng Thái tử. Ngài hóa thân làm người Bà La Môn xấu xa và cũng dị tướng như người trước, đến trước mặt Thái tử và thốt rằng. "Đông cung ơi! Tôi hằng nghe Đông cung rất hoan hỷ làm các việc phước thiện và không hề từ chối việc chi. Vậy tôi đến đây xin bà Vương nữ, vợ của Đông cung".
Hoàng tử đáp: "Công chúa là người của Ngài".
Công chúa nói: "Nếu Thái tử cho tôi rồi, lấy ai mà giúp đỡ Thái tử".
Đông cung nói: "Nếu tôi không cho Công chúa thì tôi không đạt được đạo vô thượng Ba La Mật".
Thái tử múc nước rửa tay cho người Bà La Môn và dắt vợ cho người.
Đế Thích đã nhận được lòng Thái tử không còn tiếc việc chi. Các thiên thần lại ca tụng lòng từ bi bác ái của Đông cung, tức thì trời đất tối tăm, thế giới đều rung động.
Người Bà La Môn dắt Công chúa ra đi, được bảy bước, trở lại trả Công chúa cho Thái tử.
Thái tử hỏi: "Sao Ngài không giữ Công chúa cho Ngài? Công chúa nết na tánh hạnh xấu chăng? Trong cả Hoàng nữ, Công chúa là cực phẩm phu nhân, nàng là Công chúa của một nhà vua kim thời. Cũng vì tôi mà nàng phải nhảy vào vạc dầu sôi, trong đống lửa đỏ, phải chịu ăn uống kham khổ không hề than thở vì đau khổ phong trần; trong mỗi sự hành động, nàng rất ân cần chú ý và gương mặt vẫn thư thái tươi cười. Ngài nên đem nàng đi, tôi mới được an vui".
Người Bà La Môn nói với Đông cung: "Ta không phải là Bà La Môn, ta là Thiên Đế Thích. Ta đến thử lòng Ngài. Nhưng bổn nguyện của Ngài là chi?" Nói xong Đế Thích hoàn nguyên hình diện mạo oai nghi dung nhan tuyệt mỹ.
Công chúa đảnh lễ Đế Thích và cầu xin ba điều: "Trước nhất xin Ngài làm

sao cho người Bà La Môn đem lại hai con tôi về bán tại bổn xứ, cho chúng tôi được về nước cho chóng".
Đế Thích đáp: "Bà sẽ như nguyện".
Đông cung nói: "Kính ngài, tôi nguyện sao cho cả thảy chúng sanh đều được giải thoát và hết khổ về sự sanh, già, bệnh, chết."
Đế Thích: "Lời nguyện của Ngài thật vĩ đại cao thượng không chi hơn. Nếu muốn sanh cõi trời, làm vua Thượng thiên, làm đại Hoàng đế tại cõi trần, trường thọ như bá, như tùng, thì tôi có thể làm được như ý; chớ cái oai linh tối yếu trong ba giới ta ngoài bản năng tôi."
Đông cung tiếp: "Tôi tạm xin cho được giàu có muôn xe đặng bố thí hơn xưa. Tôi mong sao cho Hoàng phụ cùng các quan đại thần hoài tâm sum hiệp cùng tôi".
Đế Thích đáp: "Bản nguyện của Ngài sẽ được thành tựu." Dứt lời Đế Thích biến mất.
Đồng thời khi ấy người Bà La Môn dẫn mấy đứa nhỏ về tới nhà. Vợ chàng ra đón và nhiếc rằng: "Thật chàng quả lớn mật to gan mới đem mấy trẻ này về đây. Nó là dòng dõi vua chúa, sao chàng lại tàn nhẫn đánh đập đến nỗi vết tích máu mủ đầy mình. Hãy tức khắc đem bán đi và kiếm đứa khác cho tôi". Chồng nghe lời vợ đem bán trẻ con.
Đế Thích thể theo lời nguyền của Công chúa liền đổi ý cho người Bà La Môn đưa qua nước Diệp Ba.
Đến xứ ấy, các quan và dân nhìn biết con của Đông cung cháu nội của đức Kim Thượng, lớn nhỏ đều động lòng thương xót liền vào tâu vua.
Vua nghe nói lấy làm ngạc nhiên, cho đòi vào. Xa xa vừa chợt thấy Hoàng tôn, Thiên tử, Hoàng hậu, quần thần và cung phi đều khóc nức nở. Vua hỏi người Ba La Môn làm sao mà có mấy đứa trẻ này? Nó tâu: "Tôi xin Đông cung Thái tử".
Vua kêu cháu đến và muốn ôm, nhưng nó khóc không chịu lại gần. Vua hỏi giá cả. Người Bà La Môn chưa kịp trả lời, Hoàng tôn mạn tâu: "Trai định giá một ngàn bạc với một trăm bò cái, gái định giá hai ngàn bạc với hai trăm bò cái".
Vua nói rằng: "Lẽ thường thì người ta yêu chuộng con trai hơn con gái, sao trai lại rẻ giá hơn gái?"
Hoàng tôn nói: "Tâu Bệ hạ những cung phi mỹ nữ của Bệ hạ không phải là quyến thuộc của Ngài, người thì hèn hạ kẻ lại hoa đời; nhưng ai được Hoàng thượng yêu vì thì được tăng phẩm tước, trang điểm mỹ lệ, ăn uống sung sướng! Ngài chỉ có một mụn con trai mà Ngài đày chốn non rừng rậm, còn Ngài thì sớm tối sung sướng với cung phi, chẳng chút đoái hoài tới nghĩa cha con. Đó rõ ràng biểu thị trai ít có giá trị hơn gái".
Thoạt nghe, vua liền tỉnh ngộ, khóc than rằng: "Ta tội cùng cháu, lẽ nào

cháu chẳng chịu lại gần ta? Ghét ta hay sợ người Bà La Môn?". Hoàng tôn vội tâu: "Chúng con đâu dám tự phép ghét Hoàng thượng và chúng con cũng chẳng sợ gì người Bà La Môn này. Xưa chúng con là con vua, cháu chúa, nay lại tôi tớ kẻ phàm phu. Làm sao đứa nô bộc lại dám lòn dưới tay Hoàng thượng? Bởi vậy nên chúng con không thể tự tiện làm việc ấy".
Hoàng tôn dứt lời, vua thêm sầu muộn. Liền đó Thánh hoàng trả theo giá định của người Bà La Môn, rồi kêu hai cháu hai trẻ chạy vào lòng Ngài. Vua ôm cháu vuốt ve và hỏi: "Cha con ăn mặc những gì trên núi?".
Hai cháu nói: "Cha con ăn toàn lê hoắc (tên trái cây) mễ cốc, mặc áo vải quần nâu, có trăm thứ chim làm cho cha con được giải khuây và không chút chi phiền."
Vua cho người Bà La Môn về.
Hoàng tôn tâu: "Người Bà La Môn đói khát, xin Thánh hoàng cho một bửa cơm".
Vua nói: "Vậy chớ cháu không giận nó sao, lại còn cho nó ăn uống nữa?".
Hoàng tôn tâu: "Cha con ham tu phước huệ, đến nỗi không còn vật chi bố thí nên đem hai con cho người, người là chủ của hai con, chúng con rất tiếc chưa làm nô lệ cho người, hòng khỏi phụ lòng bác ái của cha con. Chúng con sao đành để người đói khát. Cha chúng con còn cho chúng con được thay, huống chi bố thí một bửa cơm có lẽ nào Hoàng thượng từ chối?".
Vua lại sai sứ giả đi triệu Đông cung về. Được lệnh, sứ thần đi tìm Hoàng tử; tới núi Đàn Đặc liền tuyên đọc Thánh chỉ và xin Đông cung lập tức về cung.
Đông cung đáp: "Hoàng thượng đã đày ta ở núi này 12 năm và còn một năm nữa mới mãn hạn, chừng nào khâm kỳ viên mãn ta sẽ về chẳng muộn".
Sứ giả về tâu lại cho vua nghe, rồi Thánh hoàng tự tay hạ bút đề thơ cho Thái tử như vầy: "Con thật đáng vị hiền nhân, nên lấy dạ khoan hồng quên chuyện đã qua. Con giận dữ có ích lợi gì, không trở về Tổ quốc. Cha đợi con về đặng đoàn viên cộng hưởng sự an vui".
Khâm sứ mang bức thơ đem đưa cho Đông cung.
Tiếp chiếu, Hoàng tử liền quỳ lại trước mật chiếu, đoạn lui lại, đi vòng mật chiếu bảy vòng rồi mới khai thơ ra đọc.
Hay tin Hoàng tử sắp hồi trào, các loài cầm thú nhảy nhót cảm động, kêu gào tha thiết, suối khe bỗng cạn, thú cái dứt sữa, chim chóc hót tiếng như than như sầu.
Hy hữu thay loài cầm thú cũng biết đau thương trong khi vĩnh biệt!
Đông cung và Công chúa đổi y phục lên đường.
Nghe tin Đông cung về nước, vua địch dạy thám tử bắt bành vàng cho bạch tượng, lại đem theo một ô vàng đựng bạc, một ô bạc đựng vàng đón đường Thái tử xin trả lại và tỏ dấu ăn năn hối ngộ cùng Hoàng tử như vầy: "Trước

kia bởi mê muội tôi cố ý xin Ngài voi báu, vì tôi nên Ngài phải bị đày ở thâm sơn rừng rậm. Nay nghe tin về nước, tôi rất vui mừng cho khâm sứ đưa bạch tượng trả lại cho Ngài cùng dâng chút lễ bạc vàng, rất trông mong được Ngài hạ cố thứ lỗi cho tôi."
Đông cung nói: "Giá như một người kia sắm sửa các thức ăn đủ mùi vị và dâng cho ai dùng, người ấy ăn vô rồi nhả ra, thức ăn đó còn hương vị thanh khiết chăng? Các việc bố thí của tôi chẳng khác chi đồ ăn kia, thế thì tôi không thể bắt voi lại. Các quan hãy lên tượng mà về và nói tôi có lời cảm tạ nhà vua."
Thám tử lên voi về tâu lại nhà vua. Cũng nhờ câu chuyện con voi mà vua địch được tỉnh ngộ, trở nên người hiền, thành bậc trượng phu. Vua quan và dân lại tín ngưỡng đạo Bồ đề và bắt đầu hành pháp vô thượng Ba La Mật Đa.
Hoàng thượng, cha Đông cung ngồi đón con. Hoàng tử chợt thấy, vội trổi bước đảnh lễ sát đất rồi theo sau vua cha. Cả thảy văn quan, võ tướng và lê dân rất hoan hỷ đồng rải bông, đốt hương trầm treo cờ lọng, rưới nước thơm dưới đất, làm lễ tiếp rước Đông cung một cách long trọng linh đình.
Đông cung đã về tới thành, liền vào lạy và vấn an Hoàng hậu.
Hoàng thượng giao cho Đông cung hết thảy kho tàng trong nước. Thái tử đem ra bố thí cho thập phương và còn nhân đức hơn xưa. Sự bố thí của Ngài viên mãn nên sau này Ngài sẽ chứng quả Niết bàn (Cảnh giới hoàn toàn an vui, sung sướng, không còn phiền não, đau khổ.)
Đức Phật nói với ông A Nan: "Đó là cách ta hành pháp bố thí trong một tiền kiếp của ta. Đông cung Tu Đại Noa tức là ta đó vậy.

Thuật giả: Minh Châu

Họa tùng khẩu xuất

Thuở xưa ở trong một cái hồ kia có một con rùa và hai con cò trắng thường lui tới làm bạn với nhau.
Năm ấy trời đại hạn, suốt một năm trời ròng rã như không có cơn mưa nào cả. Nước ở trong hồ cứ cạn dần vì thiêu đốt gay gắt của mặt trời. Cỏ lát trong hồ cũng vàng úa tàn tạ. Có thể nước nóng như một chảo nước sôi, vì thế loài thủy tộc chết lần chết hồi…

Ở trong tình trạng đó, chàng rùa ta ngồi đứng không yên và trong đầu óc

luôn luôn suy nghĩ một phương kế thoát thân khỏi cái địa ngục nóng này. Thì may thay! Trong lúc ấy có hai vợ chồng cò đến chơi. Thấy bộ dáng thiểu não của chàng rùa, hai vợ chồng cò ân cần hỏi thăm:
- Chắc có chuyện gì buồn chăng? Mà trông bác có dáng lo nghĩ thế?
Rùa rầu rầu đáp:
- Hai bác ôi, tôi đang gặp phải đại hoạn, phen này chắc chết mà không còn trông gặp mặt hai bác nữa.
Chàng cò chận lời:
- Chúng ta là bạn bè thân thiết với nhau, sung sướng cùng chia thì hoạn nạn cùng chịu. Vậy bác hãy cho chúng tôi biết nguyên nhân nào làm cho bác phiền muộn, họa may chúng tôi có thể tìm phương giải quyết và giúp đỡ bác chăng! Chớ chưa chi mà bác đã than van thất vọng như thế.
Rùa trả lời với một giọng lâm ly thống thiết:
- Không biết hai bác này làm ăn thế nào, chứ tôi hai hôm nay chưa có lót dạ nữa con tép chứ đừng nói tôm cá, vì chúng đã hết trọi! Mà nước thì cạn dần thế này, thì trước sau thế nào cũng không thoát khỏi bàn tay độc ác của lũ chăn trâu. Cách đây 5 năm tôi đã bị chúng bắt một lần, may nhờ một bà già mua và đem đến chùa phóng sanh nên mới sống sót đến ngày hôm nay. Vì thế mỗi lần nghĩ đến tai nạn chết chóc, tôi bắt rùng mình…
Trong lúc chàng cò đang ra dáng suy nghĩ thì chị cò thương hại hỏi:
- Sao bác không đi ở nơi khác một phen xem thế nào?
- Bác thử nghĩ, xưa nay tôi có từng đi đâu, đường sá thì xa xôi nguy hiểm mà sự đi lại của tôi quá chậm chạp, nên tôi nghĩ thà chết nơi chôn nhau cắt rún còn hơn.
Bỗng chàng cò ngóng cổ nói lớn lên với một niềm hy vọng:
- Thôi bác khỏi lo! Cách đây mười dặm, có một hồ sen không khi nào cạn, mặc dù là lúc trời hạn hán. Chúng tôi sẽ đem bác đến đấy, trước là giải quyết sinh kế mà sau nữa được gần gũi nhau trong lúc tối lửa tắt đèn…
Nhưng chàng rùa vẫn lo ngại nói vẻ thất vọng:
- Trời ơi! Mười dặm. Một dặm mà tôi đã đi đến chưa, huống nữa là mười dặm, thôi tôi đành chịu chết vậy!
- Điều ấy bác cũng không nên lo, chàng cò tin tưởng nói. Chúng tôi đã có phương pháp; nhưng có điều hơi khó là bác cần phải bình tĩnh và can đảm.
- Bác nói thử xem, chàng rùa vội vàng hỏi, khó thế nào tôi cũng cố gắng.
Chàng cò giải thích với một điều bộ quan trọng:
- Phương pháp như thế này: Hai vợ chồng tôi tha một cái cây mỗi người một đầu. Còn bác thì ngậm ngay chặng giữa, chúng tôi sẽ tha bác đến cái hồ kia. Nhưng có một điều tối quan trọng và nguy hiểm bác nên nhớ. Trong lúc chúng tôi bay bác phải ngậm chặt vào cây và không được nói năng hỏi han gì cả mặc dù gặp phải trường hợp thế nào đi nữa. Chỉ trong vòng nữa giờ là

chúng ta đến nơi. Bác nhớ nhé! Tôi dặn lại: Dầu gặp trường hợp nào bác cũng phải ngặm miệng không được nói năng.
Chàng rùa ra dáng hiểu biết:
- Thôi tôi nhớ rồi, hai bác xem tôi chẳng bằng con nít, dặn đi dặn lại mãi.
Sau khi sửa soạn xong, chàng cò lại thiết tha căn dặn lần cuối cùng:
Đó, bác bây giờ bác muốn ho hen hay nói gì thì nói đi. Chớ chốc nữa mà mở miệng thì nguy hiểm lắm đấy!
Xong câu đấy, cả ba làm theo ý định bốn cánh vỗ mạnh, hai cặp chân cò duỗi thẳng, chàng rùa hỏng mặt đất rồi từ lên cao, chẳng khác nào chiếc máy bay hai động cơ…
Bay được một lát mặc dù lần đầu tiên thấy những cảnh kỳ lạ hiện ra trước mắt: đây cánh đồng xanh rì gợn sóng như tấm nhung xanh, kia con sông trắng phau nằm quằn quèo như con bạch xà lượn khúc, và cây cối, nhà cửa v.v… bao nhiêu là cảnh đẹp mắt… Đã bao lần chàng rùa định mở miệng để hỏi cho thỏa tính tò mò, nhưng may thay! Mỗi lần định hỏi, chàng lại sực nhớ đến lời dặn quan trọng của anh chàng cò trắng.
Nếu sự đời yên ổn thì nói làm chi, rủi thay, trên đường hành trình của chàng rùa không qua khỏi cặp mắt tinh quái của lũ trẻ.
Một đứa la lớn:
- Anh em ơi! Ra đây coi nè! Hai con cò tha một con rùa! A ha! Vui quá!
Bọn trẻ đồng la ầm lên. Một thằng lớn nhất trong bọn hét lớn:
- A ha! Thật giống hai thằng mổng dắt một anh thầy bói. A ha! Thầy bói! Thầy bói!
Không dằn được tức giận, chàng rùa định bụng trả lời: "Mặc kệ chúng tao, mắc mớ gì chúng mày. Đồ nhảy con!". Nhưng tội nghiệp thay, vừa mới mở miệng, rùa ta đã rơi xuống và tan thân vì đụng nhằm một tảng đá…

Đức Phật dạy: "Ở đời đã biết bao nhiêu người vì không giữ cái miệng, nói không đúng thời mà phải mang họa như trường hợp con rùa trên đây. Này các đệ tử! Họa từ miệng phát sanh, vậy các con hãy giữ gìn cái miệng".

Thuật giả: Hoàng Minh

Người Mẹ

Nắng hồng bắt đầu tươi thắm trên muôn ngàn cây cỏ. Những tiếng chim ríu rít hòa lên khúc nhạc tưng bừng. Đàng xa, một dáng điệu oai nghiêm bệ vệ trong chiếc y vàng, hào quang chói lọi, khoan thai lần bước với chiếc gậy

trúc tẩm màu sương nắng.
Đây chính Đức Phật.
Như thường lệ mọi lần nắng lên Ngài đi khất thực. Ngài chỉ sống bằng những hạt cơm cúng dường của những tâm hồn mộ đạo; nhân đó để giáo hóa mọi người, quay về đường thiện.

Đức Phật đến nhà ông Đế Đô, một nhà có tiếng giàu sang nhất, nhưng cũng không kém phần ích kỷ. Chủ đi vắng, con chó nằm trước cửa đôi mắt đỏ ngầu cau lại như phóng ra những tia lửa hung ác. Nanh nhe khỏi mồm như sẵn sàng một thứ khí giới trắng nhọn vô cùng ghê tởm. Nó gừ một hơi rồi nhảy chồm đến Ngài theo một tiếng "Gầu" dữ dội. Không chút sợ hãi hay hoảng hốt, Ngài thản nhiên ôn tồn nói: "Ngươi hãy im". Chó ta chỉ đưa mình lui để lấy thế, rồi nhanh như chớp chồm lên cao, lanh tay nhưng rất dịu dàng Ngài đỡ lấy hai chân trước, âu yếm thốt ra những lời đầy thương hại:
"Ngươi hãy bớt nóng, Ta hiểu… Ngươi chính là mẹ của chủ nhà này, kiếp trước ngươi rất hung ác tham lam. Lâu đài nguy nga đây, tất cả châu báu đây, chính ngươi đã xây dựng trên bao nhiêu mồ hôi nước mắt của mọi người. Ngươi đã không chút thương tâm thẳng tay đục khoét tận tủy tận xương từ những người giàu cho đến kẻ bần cùng. Mãi đến giờ phút, trước khi tắt thở ngươi vẫn còn tâm niệm độc ác và tiếc nuối những của cải, nên…ngươi bị đọa, đầu thai vào kiếp chó và trở lại đây bo bo giữ lấy tài sản ấy. Thế mà ngươi không lo tu tỉnh còn mãi tham lam tàn ác!"
Oai đức của Phật đã nhiếp phục được tâm hồn đen tối, chó im lặng, buồn bã gục đầu xuống đất. Đức Phật nhẹ nhàng lui bước. Đôi mắt chó tắt hẳn những tia lửa hung tàn, đọng lại trên đôi mi những ngấn lệ đau thương, chán nản nhìn theo Ngài cho đến khi khuất dạng sau màn cây.
Từ đó chó bỏ ăn uống và không còn muốn nhếch bước đi đâu. Cử chỉ ấy làm cho Đế Đô phải ngạc nhiên và lo sợ. Trước kia chó rất mạnh mẽ, giữ nhà cẩn thận; mỗi lần người lạ mặt vào không khỏi hết hồn với nó. Thế mà nay nó chỉ nằm trong xó không một hơi sủa.
Đế Đô tìm cách tra hỏi đứa ở của ông, nó kể lại chuyện Đức Phật đến khất thực: "Không hiểu Ngài làm gì chó ta mà từ đấy nó buồn đau đớn".
Ông đỏ bừng mặt lên, vô cùng căm tức, la hét vang nhà như một kẻ điên dại, rồi chạy tìm ngay Đức Phật để nhiếc mắng và đòi thường.
Trước cử chỉ hung hăng tàn bạo của ông ta, Đức Phật vẫn vui vẻ điềm đạm bảo:
- "Ta sẽ nói cho ngươi hay, nhưng ngươi phải dịu lòng đi đã. Nhờ công năng tu tập ta đã chứng được Túc mạng minh, thấy rõ kiếp trước của mọi người, nên ta biết chó kia chính là mẹ ngươi kiếp trước, vì quá tham lam tàn bạo nên nay phải hóa thân vào kiếp chó để trở lại giữ của cải cho nhà ngươi." Đế

Đô cướp lời:
- "Những lời nói của ông đều là huyễn hoặc vu khống tôi không thể tin được".
- "Sự thật chính là thế. Vì thương mẹ con ngươi nên ta mới nói cho ngươi rõ. Ngươi không tin về đào lên phía dưới giường nơi chó thường nằm, sẽ thấy một lọ vàng." Lòng tham lam của Đế Đô đã dằn được cơn giận, vội vàng hỏi:
- "Thật không ông? Sao ông biết?"
- "Lọ vàng ấy trước kia mẹ ngươi chôn, nhưng vì khi lâm chung không kịp trối lại, nay mẹ kia-chính chó ấy thường nằm trên đó để giữ cho ngươi. Ngươi làm theo lời ta sẽ hiểu ta nói đúng hay sai".
Từ nét mặt sung sướng, ông ta trở thành đau đớn vì đã có một nguồn tin bé nhỏ len qua con người sân hận tham lam thấm vào trái tim hồng.
Quả nhiên, bới lên, một lọ lớn đầy cả vàng với vàng, nhưng vàng không còn gợi được lòng tham của Đế Đô. Nguồn tin đã hòa mạnh trong tim hồng làm tiêu tan tất cả những tham luyến hung tàn. Ông ôm lấy chó khóc nức nở vô cùng ăn năn. Đoạn đến quỳ bên Đức Phật đôi mắt đầm đìa dịch cảm, run lên những lời cầu khẩn thiết tha, xin sám hối tội lỗi và nhờ Phật chỉ phương cứu mẹ thoát khỏi những cảnh giới khổ đau. Đức Phật liền bảo:
- "Nay ngươi đã biết ăn năn, thế là ngươi đã có thể trở lại con đường lành. Ngươi là một người con có hiếu. Nhưng nghiệp chướng của mẹ ngươi quá nặng. Ngươi hãy phát tâm quy y Tam bảo, thọ trì ngũ giới và đem hết lòng thành kính sám hối cho mẹ ngươi; đem tiền của bố thí cho mọi người, và cúng dường Tăng chúng. Nhờ công đức ấy, mới mong cứu khổ cho mẹ ngươi được. Khổ hay sướng là do mình tự gây lấy, ta chỉ là người giác ngộ, chỉ lại cho chúng sanh con đường giải thoát". Đế Đô vâng lời Phật dạy, ngoài sự chí thành cầu nguyện, còn đem gia sản bố thí cúng dường…
Không lâu, một hôm, chó duỗi mình khoe khoắn tấm thảm rồi buông ra một hơi thở dài. Không còn là hơi thở đầy luyến tiếc tham lam muốn bám víu lấy sự sống mà lại là một hơi thở đầy sung sướng và thỏa mãn.
Chó đã chết.
Nhưng, chó ấy-mẹ của Đế Đô-sẽ về đâu. Kiếp sau như thế nào?

Tối hôm sau, trong giấc mộng, Đế Đô thấy trên nền trời xanh cuộn lên những vòm mây trắng, uốn dòn đến trước mặt người. Từ trong đó hiện ra một dáng người đàn bà hiền dịu, ân cần vỗ nhẹ lên vai Đế Đô và nói:
- "Từ lâu vì lầm lỗi, mẹ đã tham lam độc ác quá nhiều nên bị đọa vào những cảnh giới khổ sở, đau đớn vô cùng. Chó ta hôm trước chính là mẹ đây con. Con ơi, con nghĩ đến đời sống con chó, con sẽ hình dung được nỗi khổ của mẹ hồi ấy. Nay nhờ Đức Phật cứu độ và lòng hiếu thảo của con, mẹ đã thoát

khỏi kiếp đau thương, được vãng sanh vào thế giới đầy sung sướng an vui. Thật cái luật nhân quả không ai tránh khỏi. "Gieo nhân gì gặt quả ấy". Tham lam tàn ác bị lầm than; tu nhân tích đức sẽ được an vui tự tại. Từ đây con hãy vâng lời Phật dạy, gắng công tu học. Thôi mẹ từ biệt con…"

Thuật giả: Đức Thương

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập I - 2

Đời Người Trong Một Câu !

Nhà vua ấy, ngay từ lúc lên ngôi báu đã giao cho một viên đại thần cái trọng trách sưu tầm dưới các bầu trời xa lạ những tinh hoa rải rác trong vũ trụ và những triết lý của cuộc đời. Ý cửu trùng muốn thu nhập những cái hay ở đời để dựng một nguyên tắc trị dân.

Ba mươi năm trời đã qua, vị thanh niên anh tuấn nấy, chờ đợi tóc đã điểm bạc. Lễ khánh thọ ngũ tuần đã cử hành long trọng trong Hoàng cung. Lúc ấy quan đại thần cũng về với đoàn lạc đà, bốn vó trắng bụi đàng xa, và trên lưng chất hơn nghìn sách quý mà vị đại thần đã có công kết tập.

"Trẫm đã nhiều tuổi rồi, tinh hoa của trời đất nhiều đến thế. Trẫm làm sao xem hết. Khanh mang về rút ngắn lại cho trẫm đủ thời giờ xem."

Đoàn lạc đà lại chở những pho sách đi và mười năm sau nữa, bộ sách rút ngắn lại còn năm trăm quyển được dâng lên ngự lãm:

Nhà vua vuốt chòm râu bạc phau ngần ngại phán:

"Hãy còn nhiều quá. Tuổi trẫm đã lớn, đọc sao cho kịp. Khanh chịu khó về gạn lọc một lần nữa những tư tưởng huyền diệu trong ấy".

Viên đại thần tận trung không hề nghĩ đến số năm tháng đã tàn tạ trên đầu, lui về một nơi u tịch kết tinh kho tư tưởng.

Sau năm năm triền miên, với bao nhiêu tinh hoa và tư tưởng cổ kim đông tây, viên quan già nua mừng rỡ khi thấy kết quả: năm trăm cuốn dồn lại chỉ còn một pho sách dầy. Một pho sách đầy chứa tất cả triết lý của muôn cuộc đời!

Cuốn sách dầy ấy, một buổi sớm được mang vào ngự lãm. Nhưng nhà vua đã nằm yên trên giường bệnh, chung quanh ngự y chầu chực.

Vừa mở mắt nhìn vị đại thần tận tâm và cuốn sách quý giá. Một nụ cười nhàn nhạt nở trên môi vua như ánh hoàng hôn.

Vua thở ra một giọng yếu nhỏ, viên đại thần quỳ xuống lắng tai đón lấy:

“Trẫm yếu lắm, một trang sách còn chưa thể xem được huống là cả cuốn… Song trước khi nhắm mắt, trẫm háo hức muốn biết qua những tư tưởng gì, những triết lý gì, đã chi phối cả đời người, đã điều khiển cả một vân mệnh… Khanh khá rút ngay quyển sách này thành một câu hay vài chữ cho trẫm xem kịp và đủ sức hiểu…”
Nét mặt viên đại thần trở nên trầm ngâm và hai mắt già nheo lại. Tử thần đã chờn vờn đâu đó. Các ngự y cúi đầu trước số mệnh. Nhà vua nằm yên khắc khoải chờ. Thời gian như ngừng hẳn lại. Không khí trở nên nặng nề và nghiêm trọng. Vàng son nội điện tự nhiên cũng hóa rầu rĩ. Mọi người chăm chú và kính cẩn nhìn viên đại thần đang lặng lẽ đem cuộc đời thu vào một câu. Sau một hồi suy nghĩ, viên đại thần từ từ bước đến bên án. Cả bộ Văn phòng tứ bảo hình như run khi bàn tay già đưa ra.
Bàn tay kính cẩn nâng cây bút, và nhẹ nhàng vạch trên mảnh hoa tiên những nét buồn lung linh. Mọi người đều ngó theo. Thần chết lúc ấy đã chập chờn đầu long sàng. Đã mấy lần nhắm mở. Vua mới cất được mấy tiếng cuối cùng: “SANH LÃO BỆNH TỬ”.
Thuật giả: Tâm Phước
Một đời người luống qua vô ích
Chỉ kết liễu trong ân hận

Vua Cò Trắng

Đời xưa, có một ông vua tên là Mỹ Tuấn, còn trẻ, cai trị một nước phồn thịnh gọi là xứ My Lăng. Nhà vua xem dân như con, tính tình thật là dễ chịu. Vua có một cận thần rất trung thành tên là Bằng Tô. Bằng Tô có một bộ râu dài gần sát đất. Bằng Tô thường hầu cận bên vua không khi nào rời. Vua mến ông ta lắm.
Một hôm, sau buổi cơm trưa, vua Mỹ Tuấn nhận thấy Bằng Tô không vui, vì một lát hắn ta lại thở dài một cái. Nhà vua hỏi:
- Khanh có chuyện gì buồn thế?
- Tâu bệ hạ! Bệ hạ thật là tài tình! Bệ hạ biết được cả trong lòng hạ thần! Tâu bệ hạ, tuy lâu nay bệ hạ đối đãi với thần rất đại lượng, nhưng hôm nay hạ thần chẳng dám nhờ hồng ân nữa, cho nên hạ thần buồn. Số là hồi sáng có một chú Chệt vào trong thành, đem theo nhiều bảo vật mà hạ thần chả có đủ tiền để mua.
- Chỉ có thế thôi mà khanh cũng buồn! Nhà vua mỉm cười. Khanh bảo thằng Chệt ấy đến đây. Khanh muốn gì ta mua đấy và bao nhiêu tiền ta trả cho cả.
Bằng Tô thích chí quá, cảm ơn rối rít. Một võ quan đi tìm khắp thành phố dẫn chú Chệt vào.
Nhà vua bảo:

- Có cái gì trong tráp thì mở cả ra xem. Vừa hỏi vua vừa để ý nhận xét chú Chệt: thân mình hắn cũng nhỏ bé, dễ thương, song đôi mắt rất tinh lanh; hắn ăn mặc rách rưới, tiều tụy.
Chú Chệt lạy xong, mở tráp ra. Nhà vua kêu lên:
- Trời ơi! đẹp quá!
- Thật vậy, trong tráp có rất nhiều đồ trang sức ngọc ngà, chạm trổ tuyệt đẹp, nhẫn ngọc kim cương lóng la lóng lánh.
Bằng Tô tâu vua:
- Tâu bệ hạ! Như thế có đẹp không?
Nhà vua gật đầu:
- Đẹp lắm!
Chú Chệt nghe vua khen, mỉm cười và rút trong đáy ra một cái hộp nhỏ màu đen, dâng lên đức vua:
- Tâu bệ hạ, hắn vừa nói vừa cúi đầu thấp xuống để cho nhà vua khỏi thấy hắn đang tái mặt – đây mới thật là của quý. Hạ thần mua được tận bên Mếch Di Cô kia ạ. Nó quí cho đến nỗi hạ thần dám chắc rằng tất cả các kho tàng trên thế giới họp lại mà cũng không đáng giá bằng. Hạ thần đã mua nó bằng một giá đắt lắm và theo lời người bán, hạ thần chưa hề mở ra lần nào. Hạ thần chắc rằng trong này có một bảo vật quý giá có một không hai trên trái đất.
Nhà vua và Bằng Tô nghe nói cúi đầu vào xem. Trong hộp mở ra, chỉ có một ít hột đen đen rất mịn, trên mặt có một mảnh giấy rất mỏng gất tư, trên mảnh giấy có những hàng chữ rất là kỳ quái.
- Lạ thật! Lạ thật! Nhà vua lẩm bẩm. Cái gì thế này? Chú Chệt run run:
- Hạ thần cũng không được rõ, chỉ biết là quý lắm mà thôi.
- Trẫm không biết đọc mấy chữ này, Bằng Tô, người có đọc được thì đọc cho trẫm nghe.
- Tâu bệ hạ, hạ thần cũng chịu, chả hiểu được chữ gì. Để hạ thần cho mời quan Thế Lâm vào, chắc ông ta đọc được.
Một lát, quan Thế Lâm vào. Nhà vua bảo:
- Này Thế Lâm, cầm lấy miếng giấy này, đọc đi. Đọc được, trẫm sẽ ban thưởng cho. Nếu đọc không được thì giữ hồn, trẫm cho hai chục hèo đấy.
Quan Thế Lâm run sợ, nhưng khi nhìn đến tờ giấy thì liền vui mừng:
- Tâu bệ hạ, đây là chữ La Tinh đấy! Hạ thần xin đọc để bệ hạ nghe:
"Ai gặp bảo vật này là người sung sướng nhất đời. Phải cám ơn Trời Phật ban phúc lành cho mới được.
"Chỉ cần một dúm hột nho nhỏ này thôi mà cũng đủ sung sướng bằng ngàn kẻ sung sương!
"Chỉ cần hít một chút xiú bột này vào trong mũi và đọc lên rằng: MUY TA BO" là có thể tự mình biến ra một loài vật theo như mình ước muốn và có

thể nói, nghe được tiếng nói của loài vật ấy.
"Khi cần hiện lại nguyên hình mình, thì chỉ phải quay mặt về phương Tây nghiêng mình đọc ba lần: "MUY TA BO" thì tức khắc trở lại thân người.
"Nhưng hãy cẩn thận; nếu trong khi biến thành loài vật mà cười lên một tiếng thì sẽ quên mất ba chữ thần bí ấy và không bao giờ hiện trở lại nguyên hình được, cứ thế mà sống mãi suốt đời."
Nhà vua nghe đọc xong, sung sướng quá:
- Này Thế Lâm, trẫm cấm ngươi không được cho ai biết một tí gì về việc này. Nếu ngươi nói lộ chuyện này ra, ta sẽ chém đầu ngươi. Đi tìm quan giữ kho vào đây cho ta. Bảo nó nhét cho ngươi hai bọc vàng đầy.
Và quay lại Bằng Tô, nhà vua mỉm cười.
- Ta phải thí nghiệm mới được khanh ạ.
Bằng Tô hấp tấp trả lời:
- Tâu bệ hạ, phải đấy. Chúng ta phải thí nghiệm ngay, Bệ hạ chỉ hóa thành loài vật một lát thôi, ai mà biết được!
- Ai mà hiểu được! Nhà vua nhún vai, Trẫm chả cần ngươi khuyên. Theo ta mau. Chúng ta ra vườn thượng uyển chơi. Ở đây chắc có một vài loài vật.
Một giờ sau, nhà vua và Bằng Tô đã đi vào vườn không có tên lính nào hầu cả. Đức vua nhìn quanh nhìn quất bảo Bằng Tô:
- Chả có thấy một con chim nào. Chúng ta phải đi đến chuồng ngựa hay sao? Nhưng không. Nhà vua không cần ra chuồng ngựa. Bên kia, là hồ sen, sen nở đầy hồ ngát hương. Ba con cò trắng đang chăm chú tìm mồi. Một con thứ tư ưỡn ngực bước một cách mạnh dạn trên hai cẳng dài lêu khêu, đi tìm ếch nhái.
- Ấy đấy! Tâu bệ hạ! Xem cách đi của tụi cò ấy và cái nhìn của chúng, chắc câu chuyện của chúng nó hẳn là vui lắm! Nhà vua vui vẻ:
- Hay lắm! Này Bằng Tô! Hay lắm! Ngươi thật là một kẻ hầu cận trung thành vậy. Biến thành hai con cò! Trời ơi! Vui biết bao nhiêu! Nhưng hãy nhớ Bằng Tô nhé, nhớ học thuộc cái phương pháp hiện lại nguyên hình chứ, nếu mà quên thì khốn đấy nhé.
Cứ việc ngoảnh về phía Tây nghiêng mình đọc ba lần "MUY TA BO" là hiện nguyên hình được, tâu bệ hạ.
- Ngươi nói đúng lắm! Có khó gì mà không nhớ được! Đồ trẻ con đấy mà!
Nhà vua Mỹ Tuấn rút trong túi ra cái hộp đầy bột, lấy một chút đưa cho Bằng Tô và lấy một chút cho mình, khi hít bột vào mũi, hai người đọc lên ba chữ mầu nhiệm.
Bỗng chốc, một sự thay đổi mau chóng và bất ngờ: Hai chân dài và hai cánh rộng. Có lông hẳn hòi đấy nhé – thay cho hai chân hai tay và mặt của hai ngườI cứ dài dần ra cho đến khi trở thành hai cái mỏ thật dài. Nhà vua và Bằng Tô đã hoàn toàn biến thành cò trắng!

Đức vua vui sướng khôn xiết.
- Này Bằng Tô, ngươi nhìn xem ta có đẹp không? Chà! Cái mỏ của ngươi dài quá, dài như bộ râu của ngươi hồi trước vậy.
Bằng Tô nghiêng mình, lấy mỏ rỉa lông.
- Thật bệ hạ có phước tướng! Làm vua cũng thế mà làm cò cũng vậy, bao giờ dáng dấp của bệ hạ cũng uy nghiêm vô cùng. Hạ thần chắc rằng bây giờ mấy con cò kia chả thèm sợ chúng ta nữa, vì chúng ta đã là đồng loại của chúng rồi kia mà! Đức vua nóng nảy:
- Mau, chúng ta hãy đến gần chúng, vì trẫm đang khao khát không biết rằng có thể nghe được tiếng nói của loài cò chăng.
Đức vua Cò và đại thần Cò chỉ cần bước vài bước trên cặp chân cao lêu khêu là tới gần được hồ sen. Lạ chưa! Tiếng nhắp nơi mỏ của lũ cò bỗng trở thành một tiếng nói mà hai vua tôi đều nghe rõ được, nhờ có lỗ tai cò.
Một con cò bảo:
- Nầy! Chị Dài cẳng ạ! nước hồ hôm nay mới trong làm sao! Tụi cóc nhái cũng nhiều lạ! Nầy! Chị hãy nếm một chút này, ngon lắm.
Chị Dài Cẳng là một chị còn trẻ măng, lông trắng như tuyết, nàng ta quẹt mỏ hai bên cánh và đáp:
- Em chả cần ăn uống gì cả chị ạ. Em chỉ đến đây để tắm mát mà thôi. Má em bảo ngày mai có giỗ tổ, em phải sửa soạn sạch sẽ để mai khiêu vũ mừng quan khách đến chơi, chị ạ! Này chị! Em biết một điệu múa hay lắm, gọi là Vũ khúc hoa sen. Này nhé! Em múa thử chị xem.
Nàng ta nhõng nhẽo nhảy múa. Lúc thì hụp xuống, lúc thì trồi lên, hai cánh vỗ có nhịp và uốn eó cái cổ dài một cách dễ cười, đến nỗi cả hai thầy trò nhà vua nhịn cười không được, phá lên cười như vỡ.
Tiếng cười bất ngờ quá làm cho các chị cò ta hoảng hốt, thốt nhiên vỗ cánh bay mất.
- A! A! A! Nhà vua nhảy cỡn lên vì sung sướng. Này Bằng Tô! Trẫm chưa hề thấy gì vui hơn thế! Tiếc quá, nếu chúng ta đừng cười lớn thì có lẽ bây giờ lại được nghe chúng nói chuyện thêm, vui biết bao nhiêu! Nhưng chàng cò Bằng Tô bỗng hốt hoảng:
- Chết! Chết rồi! Tâu bệ hạ: Ngài có nhớ ba chữ nhiệm mầu ấy không? Ba chữ mà hễ khi nào muốn hiện lại nguyên hình phải đọc ba lần ấy mà! Hạ thần ngẫm nghĩ mãi mà chẳng nhớ ra. Chết mất! Theo trong lời dặn thì trong khi biến hình, chả được cười lên một tiếng, nếu không sẽ quên mất ba chữ ấy! Tâu bệ hạ! Mà hạ thần đã… quên mất!
Đức vua run rẩy:
- Chết rồi! Trẫm cũng đã quên mất ba chữ ấy! Này, khanh hãy nhớ lại xem. Muốn… muốn hiện lại nguyên hình thì phải xoay về… về hướng Tây nghiêng mình và đọc…

- Và đọc… đọc ba lần chứ… muy… ma… mơ, chữ mi … mô… mơ… Bằng Tô tìm kiếm một cách thất vọng.
- Muy.. ma… mô… mi… mô.
- Mơ… mi… mô… chết thật rồi bệ hạ! Hai người cố lục lọi hơn một giờ đồng hồ trong trí óc ba chữ cứu tinh kia, nhưng không tài nào nhớ được. Cứ giờ nầy đến giờ khác, hai chú cò cứ ngoảnh mặt về phía mặt trời lặn, ngừng cổ tìm tòi một cách thất vọng, cho đến khi kiệt sức, hai chàng mỏi quá, nằm phịch xuống đất.
- Chúng ta chết mất!
Bằng Tô lắc đầu, rên rỉ và khóc.
Nhà vua bỗng trở nên mạnh dạn và làm chủ được mình:
- Im đi, Bằng Tô! Than van, khóc lóc là yếu hèn! Hãy chịu đựng sự hình phạt một cách can đảm. Chúng ta bị khổ thế này chắn hẳn chúng ta đã gây nhân xấu từ lâu. Than khóc vô ích. Bây giờ chỉ có nước an vui với số phận. Ta là cò thế cũng còn sung sướng chán. Cò, với hai cánh rộng, ta có thể bay tự do trên trời xanh, trong khi bay, ta cũng có cảm tưởng như ta trị vì vậy! Chúng ta hãy đi tìm chỗ nghỉ, vì trời đã sắp tối. Ngày mai, chúng ta bay liệng trên thành phố để xem tình trạng của dân chúng ra sao khi họ nghe tin ta mất tích.
Bằng Tô bước từng bước một, lặng lẽ theo sau đức Vua cò, thở dài não ruột. Đêm xuống lặng lẽ và buồn bã, buồn lặng với hai con cò.
Ngày mai, hai thầy trò bay liệng trên thành phố My Lăng và kêu lên những tiếng ai oán đau thương. Người qua đường nghe kêu, chỉ nhau và bảo:
- Đấy, điềm dữ đấy, điềm không lành cho xứ sở đấy.
Chiều đến, Vua cò và Bằng Tô biết được rằng tin vua mất tích đã tràn xa khắp nước.
Đã nhiều phen, hai vua tôi bay đến đậu trên nóc hoàng cung, cố ý làm cho các quan và dân chúng biết rằng "đây ta là vua các người". Song, ai mà có thể tin được lời chim? Chỉ có một cách duy nhất: làm thế nào nhớ ba chữ thần diệu để hiện lại nguyên hình.
Hai vua tôi nhà cò đói quá, mới tìm trái cây để ăn và vụi mỏ xuống hồ nước để uống. Tối về ngủ trên cành cây. Họ chả dám ăn thằn lằn, ăn ếch nhái, ăn sao được! – như lũ cò khác, lũ này ăn ếch nhái một cách ngon lành.
Hơn một tuần lễ, hai con cò sống một cách sầm thảm như thế, thì một hôm, quang cảnh thành My Lăng bỗng nhộn nhịp khác thường. Đường sá đều được cắm cờ, các nghinh môn được dựng lên khắp nơi… Một đám rước vĩ đại diễn qua trong thành phố: quân lính gươm giáo đi hàng tư và trống kèn inh ỏi.
Giữa đám rước, một người trai trẻ ngồi trên lưng ngựa, chung quanh các võ quan hộ giá uy nghiêm nhiệt liệt.

Nhà vua Mỹ Tuấn uất người thét lên:
- Đấy là con của kẻ thù ta! Đấy chính là thằng Cách Nô đấy, con của thằng Mai Gia trước đây đem binh qua xâm lăng nước ta, bị ta đánh cho bại trận. Chính nó đã thề sẽ trả thù ta. Nó đã lập mưu đánh lừa ta để qua chiếm đoạt ngôi ta! Quân tiểu nhân!
Nhà vua nức lên, uất ức.
Bằng Tô gật gù:
- Chính nó! Thằng Chệt, chính là một đứa của tụi nó trá hình đến lừa ta! Quân gớm thật.
Nhà vua buồn bã:
- Thôi ta đi! Hỡi Bằng Tô! Xứ My Lăng không còn là xứ của ta nữa, tụi nó đã chiếm mất rồi! Ta đi! Ta đi đến xứ Mếch Di Cô. Ta đi đến đó, họa may được đỡ khổ đôi phần. Có lẽ ta gặp được các ông phù thủy giải ách được cho ta.
Thế là hai thầy trò từ giã thành My Lăng, vỗ cánh bay về Mếch Di Cô. Họ bay chưa quen nên mới vài đồng hồ mà hai cánh đã mỏi rã rời.
- Bệ hạ cho hạ thần nghĩ cánh chút đã. Bệ hạ bay mau quá! Chiều cũng đã xuống. Vậy thì vua tôi ta hãy nghỉ lại đây đêm nay. Ta đi tìm một chỗ trú ẩn.
- Phải. Trên đồi kia có một cái tháp cổ đã tiêu tàn. Ta lên đậu trên đó ngủ cho qua đêm.
Hai vua tôi, bay lên tháp. Trong tháp, có một gian phòng ẩm thấp, tối tăm. Bỗng nhiên, Bằng Tô cản nhà vua lại:
- Bệ hạ có nghe gì chăng? Bằng Tô nói nhỏ: Hình như có tiếng ai khóc nức nở.
Nhà vua chổng tai lên nghe:
- Có tiếng ai khóc! Lạ thật! Ta vào xem.
- Bệ hạ đừng liều lĩnh, tâu bệ hạ! Chỗ này chắc không yên, ta đi tìm chỗ khác trú ẩn vậy.
Nhưng nhà vua không nghe, tiến tới. Bằng Tô vội vã lấy mõ kéo cánh nhà vua lại, nhưng nhà vua đã đi tới, vài cái lông dính nơi miệng Bằng Tô.
- Ái chà đau! Ngươi đừng nhổ lông ta chứ!
Bên trong tối mịt. Tiếng khóc than càng rõ rệt giống như tiếng người! Nhìn cho kỹ, vua chỉ thấy một con cú thật lớn ở bên trong mà thôi. Bạo dạn vua hỏi:
- Ai khóc ở trong ấy?
Con cú bỗng nhiên giật mình đánh thót một cái và khi trông thấy hai con cò, thì kêu lên:
- Hai con cò! Hai con cò! Trời ơi! Tôi được cứu thoát!
Vua cò ngạc nhiên vô cùng, bởi vì con cú nói giọng người, mà lại nói một cách rõ ràng.

Mỹ Tuấn hỏi:
- Sao? Tại sao nhà ngươi khóc, mà nhà ngươi lại nói được tiếng người, hỡi con cú? Ta tin rằng ngươi cũng đồng một số phận với chúng ta,. Có phải ngươi đã dại dột đến nỗi thành hình cú chăng, nói mau cho ta rõ.
Con cú chùi nước mắt bằng hai cách màu sậm, úi đầu chào và trả lời:
- Em chả biết ông là ai, ông cò ạ, song nghe giọng nói của ông, em biết ông là một trong những kẻ đau khổ. Và người ta đã nói với em rằng một ngày kia nếu có hạnh phúc trở thành người lại thì hạnh phúc ấy cũng do nơi một ông cò đem đến. Bởi thế thấy hai ông, em thốt nhiên được vui mừng ngay.
- Trời hỡi, ta chả giúp gì được cho ngươi đâu! Và khi ngươi nghe ta kể chuyện chúng ta, ngươi sẽ thấy rằng nỗi đau của chúng ta là một nỗi đau khổ vô biên, đến nổi chúng ta không còn gì tặng cho ngươi hơn là một lòng thương hại.
Nhà vua bèn kể chuyện mình và Bằng Tô cho cú nghe.
Nghe xong con cú thở dài.
- Em thấy giữa số phận chúng ta có cái tương quan giống nhau. Nếu như bệ hạ là vua, thì em đây là công chúa Phương Châu, con gái độc nhất của vua Ấn Độ. Thằng Cách Nô mà nó ám hại bệ hạ ấy, vốn nó đã đến hỏi em làm vợ. Nhưng phụ hoàng em cho nó là đồ tồi tệ, bèn đuổi nó ra khỏi cửa. Bị nhục, nó tìm cách giả trang để vào làm tôi tớ trong cung và tìm cách đưa cái hộp ma quỷ ấy để lừa em. Thế là em bị mắc lừa, biến thành con cú và trong khi thị nữ đi tìm em khắp chốn, nó xách cổ em lên cái tháp này, tống em vào đây rồi bảo:
"Mi phải ở đây cho đến khi một kẻ nào đến đây và bằng lòng hỏi mi làm vợ. Chỉ có cách đó là mi có thể hiện lại nguyên hình. Nhưng tao thì tao giấu chả cho ai biết có mi ở đây. Mi cứ ở đây cho đến trọn đời, già đi và chết đi như những con cú khác. Thế cho bỏ ghét thằng cha mi".
Nói xong, hắn bỏ đi. Em ở đây chẳng đi đâu được, vì bị cột lỏng chân. Đã hơn ba tháng nay, em phải âm thầm sống ở đây, không có nhìn thấy trời đất. Ăn thì ăn dơi chuột, rêu đá. Và bệ hạ ơi, số kiếp của em còn khổ sở hơn số kiếp của bệ hạ nhiều. Bệ hạ còn có bạn, còn bay đi khắp chốn được, chứ em thì phải trọn đời ở nơi đây.
- Lạ thật, nhà vua lẩm bẩm. Số phận của chúng ta đồng nhau. Hẳn có liên quan gì đây.
- Chắc thế, tâu bệ hạ. Em bị quả báo thế này, bởi vì trước kia em có hỗn với mẫu hoàng em một lần. Em chắc thế. Còn bệ hạ có lỗi gì đâu? Thế bây giờ bệ hạ đi đâu?
- Chúng tôi đi Mếch Di Cô để cầu cứu.
Cón cú lắc đầu, rồi bỗng nhiên hai mắt sáng rỡ phi thường:
- Em tưởng rằng bệ hạ và quan lớn chả phải đến Mếch Di Cô làm gì nữa. Em

đã có cách để cứu được bệ hạ và quan lớn và luôn dịp cứu được cả em nữa.
Nhà vua hấp tấp:
- Làm thế nào? Làm thế nào?
Bằng Tô cũng hấp tấp:
- Làm thế nào? Làm thế nào?
Mỗi tháng bọn bộ hạ của Cách Nô đều nhóm họp gần ở đây, ở lâu đài bên kia đồi. Chúng nó tiệc tùng và kể chuyện vui chơi mà chúng đã làm trong một tháng. Có lẽ trong khi kể, chúng sẽ nhắc đến ba chữ thần bí kia mà bệ hạ đã quên. Mà nếu em còn nhớ, thì tối nay là tối chúng nhóm họp.
Vua Mỹ Tuấn vui mừng nhảy lên:
- Công chúa! Công chúa! Hay biết bao nhiêu! Nàng là kẻ cứu mạng chúng ta! Mau mau, nàng hãy chỉ cho ta đường lối sang lâu đài. Bằng Tô, hãy mổ đứt sợi dây cột chân nàng cho ta. Công chúa, nàng hãy vui lòng chỉ đường cho ta với.
Hai chàng cò khẩn khoản. Nhưng công chúa nghiêm nét mặt:
- Em cứu hai chàng, nhưng em phải ra một điều kiện. Nếu hai chàng tuân theo thì em mới đi.
Vua hấp tấp:
- Điều kiện gì ta cũng chịu cả. Nàng cần gì?
- Em muốn rằng bệ hạ sẽ giúp em trở lại nguyên hình. Em thưa rằng chỉ khi nào có kẻ muốn nhận em làm vợ, em mới thoát khỏi cái lớp áo cú xấu xa này. Vậy thì, tâu bệ hạ, nếu bệ hạ hoặc là quan lớn hứa làm chồng em.
Nhà vua kéo Bằng Tô ra xa nói nhỏ:
- Nầy Bằng Tô, bây giờ chính là lúc ngươi tỏ lòng trung thành với ta. Ngươi sẽ cưới công chúa làm vợ.
Bằng Tô dẫy nẫy và run lập cập:
- Tâu bệ hạ! Bệ hạ muốn cho khi thần về vợ hạ thần sẽ móc cặp mắt của hạ thần đi hay sao. Nó dữ lắm. Nếu nó thấy hạ thần đem công chúa về thì chết với nó. Bệ hạ nên nhớ rằng thần đã có vợ con. Hơn nữa thần đã già. Bệ hạ còn trẻ, chưa có vợ và đáng cưới công chúa hơn hạ thần. Công chúa thì trẻ đẹp… mà hạ thần thì già nua, râu dài chấm đất…
- Ai bảo ngươi công chúa còn trẻ và đẹp đấy! Chưa chắc! Nhà vua buồn rầu vuốt lông cánh, nghĩ ngợi mơ màng. Chả có gì chắc rằng nàng trẻ và đẹp! chắc phen này thì mua mèo trong bị đấy!
- Tâu bệ hạ, Bằng Tô đáp một cách lễ độ nhưng cương quyết, hạ thần chỉ có thể nói rằng: thà rằng chịu kiếp cò suốt đời còn hơn là rước vợ lẽ về để vợ hạ thần nó hành hạ thần khổ lắm, nếu bệ hạ biết được tính nết của con vợ hạ thần…
Hai thầy trò còn cãi vã một hồi nữa và cuối cùng nhà vua phải đành lòng nhận chị cú làm vợ.

Nghe nói nhà vua thuận nhận, công chúa Phương Châu rất vui mừng:
- Chúng ta sẽ được hiện nguyên hình không lâu. Chính hôm nay Cách Nô đãi tiệc. Giờ này chắc chúng đã bắt đầu nhập tiệc. Chúng ta hãy đi mau mau.
Nói xong nàng cú đi trước, bay nặng nề nhưng nhanh chóng. Hai chàng cò hấp tấp theo sau. Đến lâu đài, công chúa lấy mỏ trỏ một cánh cửa con để hai chàng cò có thể bay lên đậu và nhìn vào tận bên trong phòng tiệc.
Mỹ Tuấn và Bằng Tô nhẹ nhàng bay đậu lên cửa, chống tai chống mắt mà nhìn mà nghe.
Trong gian phòng, một quanh cảnh tươi đẹp. Đèn nến sáng trưng, bàn ăn khói lên nghi ngút. Chung quanh bàn, bọn chúng nó đến hơn sáu chục đứa. Trong bọn, nhà vua cò thấy có cả tên Chệt hôm xưa.
Tên Chệt này đang kể chuyện Bằng Tô và Mỹ Tuấn.
- Chúng ta đến thật là vừa lúc, vua Mỹ Tuấn vừa nghĩ vừa rùng mình. Nếu chậm một chút thì còn gì là đời! Lạy Phật! Xin nhớ ơn Ngài! Và hai thầy trò lắng hết cả bốn tai.
Tiếng cười trong phòng dội ra khi nghe tiếng kể chuyện của thằng Chệt bắt đầu lên giọng khôi hài. Một đứa trong bọn hỏi:
- Hay quá! Hay quá! Thế anh làm thế nào vào cung được và mấy chữ ấy là chữ gì mà thần bí đến thế?
(Ngoài này nhà vua và Bằng Tô lắng yên không dám động một máy lông).
- Chữ gì ư? Một chữ la tinh khó nhớ lắm mà tụi chúng một khi quên đi thì không thể nhớ lại được. Ấy là chữ "MUY TA BO" ấy mà!
Nghe đến đây, hai chàng cò chả thèm nghe nữa, vội vã đáp xuống thật mau, đến nỗi con cú phải bay gấp lắm mới theo kịp.
- Công chúa ạ, nhà vua mừng rỡ nói, may mắn quá. Vậy trước khi hiện lại nguyên hình, ta xin nhắc lại lời hứa: ta sẽ nhận công chúa làm vợ để trả cái ơn muôn kiếp không quên này!
Nói xong nhà vua quay mặt về hướng Tây, nghiêng mình đọc ba lần "MUY TA MO".
Bằng Tô cũng bắt chước vua. Phút chốc hai người hiện lại nguyên hình. Mỹ Tuấn, một nhà vua đẹp trai và Bằng Tô một cận thần râu dài chí đất. Hai người nhìn nhau mừng rỡ và cảm động quá, thầy trò ôm chầm lấy nhau khóc.
Khóc xong, nhà vua chợt nhớ đến chị cú. Nhưng, sung sướng biết bao! Khi quay lại nhìn, nhà vua chả thấy cú đâu mà chỉ thấy một nàng công chúa đẹp như tiên, một nàng công chúa đẹp nhất trên đời mà người ta không có thể tưởng tượng.
Nàng mặc xiêm y lộng lẫy và nụ cười trên môi nàng đối với nhà vua còn tươi hơn cả những đồ trang sức đẹp nhất của nàng.
Công chúa Phương Châu quỳ xuống:

- Tâu bệ hạ! Bệ hạ có còn sợ mua mèo trong bị nữa chăng?
Nhà vua xấu hổ vì hồi nãy đã nói hơi to để cho công chúa nghe được. Nhưng chàng sung sướng, đỡ công chúa dậy và hôn tay nàng:
- Nếu sau nầy nhắc đến một cảnh ngộ vui mừng nhất của đời trẫm, trẫm sẽ nói rằng đó là cảnh ngộ mà trẫm bị biến thành kiếp cò trắng!
Không còn chậm trễ, vua và công chúa Phương Châu cùng Bằng Tô lên đường. Bán bớt một cái áo choàng, nhà vua mua ba con ngựa, sắm một đoàn tuỳ tùng cho đáng vẻ vương giả và cả ba lên ngựa về thành My Lăng.
Nhà vua được đón tiếp với tất cả những bồng bột nồng nhiệt của dân chúng. Cách Nô tiếm vị đã tuyên truyền nhà vua chết, nay thấy nhà vua về, toàn dân đều vui mừng thiếu một đường điên dại lên.
Cách Nô bị bắt, kẻ tiếm vị bị xử án: một là tự tử, hai là phải chịu kiếp cò. Thế là Cách Nô phải hít một chút bột ma quỷ vào mũi và quay sang phía Tây: "MUY TA BO!".
Hắn biến thành cò, sống trọn đời trong vườn thượng uyển giữ kiếp cò trắng. Nghiệp quả của hắn đã gây, bây giờ hắn ráng chịu không ai phàn nàn.
Nhà vua lại lên ngôi, nhân dân lại được thái bình. Quần chúng mở tiệc ăn mừng luôn trong bảy ngày. Vua truyền lệnh tha cho các tội nhân và làm lễ thành hôn với công chúa Phương Châu.
Một hôm nhà vua nhớ lại chuyện cũ, cười bảo Bằng Tô:
- Khanh có nhớ không, nhớ đến kiếp cò của chúng ta không? Trẫm không nhịn được cười khi thấy khanh nghiễnh cổ về phía tây lắp bắp: "Muy ma… no… mô…". Trông dáng điệu của khanh lúc bấy giờ thật là thiểu não lắm!
Bằng Tô cười nhẹ, ghé tai nhà vua nói nhỏ:
- Bệ hạ đừng nhạo hạ thần quá, nếu không, hạ thần sẽ nói toạc câu chuyện tranh luận giữa hạ thần và bệ hạ ở trên tòa tháp hôm nọ… Hoàng hậu mà biết bệ hạ ấy Hoàng hậu về phía hạ thần vừa xấu, vừa già, vừa dài râu, thì Hoàng hậu sẽ buồn bệ hạ lắm đấy.
Nhà vua vội vã:
- Ấy, ấy đừng nói nhé, khanh nhé. Ta nói chuyện khác chơi vậy…

Nàng Ưu Đà Di

Được tin Hoàng tử cùng vợ đi săn, dân thành Ca Tỳ La Vệ lo sửa soạn những cây cảnh trước nhà, họ xây những chậu hoa nào có màu tươi đẹp nhất quay mặt ra phía ngoài đường để đón chào vị Thái tử. Người ta chờ đợi nhìn khuôn mặt hiền từ với đôi lông mày dài và mềm lượn trên đôi mắt xanh như dòng nước biếc của sông Hằng, dáng điệu dõng dạc và thân hình nở nang của vị thiếu niên lúc nào cũng dẫn đầu một bọn lính kỵ vai đeo binh khí sáng chói, hùng hổ trên những con ngựa mập mạp. Ngày nào Thái tử dạo chơi thì

đêm đó những tiếng đàn của các thiếu nữ trong thành vang lên, vừa quấn quit, vừa não nùng, khiến cho những hoa xung quanh vườn hình như say nhạc mà quên mất hương của mình bay tận đâu đâu và những kẻ láng giềng cũng ngẩn ngơ bỏ dở việc làm ngồi thừ như pho tượng.
Người ta uổng công chờ đợi chiều hôm ấy. Các hoa đẹp chỉ khoe sắc với khách qua đường. Ở phía cửa thành Thái tử đã bỏ dỡ cuộc đi săn. Thái tử Thích Ca thấy cảnh trái ngược giữa thân thể mạnh khỏe của mình như một cái cây đang lớn, với một hình vóc xấu xí của ông già kia như que củi khô: râu tóc bạc phơ bờm ra như lông lá của một con vật, thân ông cong quắp, tay với sát đất như chực bò.
- Có như vậy được chăng? Một người tráng kiện như ta bây giờ một ngày kia cũng thế?
Thái tử tự bảo rồi quay ngựa trở về.
Tối hôm ấy ánh trăng vằng vặc trên lâu đài nhà vua. Hoa kỳ cỏ lạ trong hoa viên sáng lên như ngọc. Vua Tịnh Phạn đã được thị vệ cho hay, Thái tử bỏ dở cuộc dạo chơi vì gặp một cụ già. Vua bèn mở ngay cuộc khiêu vũ dưới muôn ngọn đèn hoa để làm khuây Thái tử. Nhưng Thái tử Thích Ca vẫn không quên được ông già và màu râu tóc bạc hình như lại hiện về trên các khuôn cây ở hoa viên dưới ánh trăng bàng bạc.
Vua lo sợ săn sóc đến Thái tử như vậy, vì chỉ có một mình Thái tử là người kế vị. Thái tử là một thiếu niên anh tuấn mới 19 tuổi người đã thông thuộc cả các nghề. Nào thiên văn, địa lý, nghị luận, thi phú, văn chương, âm nhạc, hội hoạ, bói toán, phù chú, võ nghệ, trong nghề nào Thái tử cũng là người xuất chúng. Không những vì thế mà vua yêu quí, vua yêu quí Thái tử vì Thái tử là kết quả của cuộc nhân duyên đằm thắm giữa vua và hoàng hậu Ma Ha Ma Da. Thái tử là một mối tình thiên liêng của Hoàng hậu để lại cho vua ở thế giới này.
19 năm về trước, một đêm nằm mộng, Hoàng hậu thấy mình lạc vào khu rừng hoang vu. Một con voi trắng sáu ngà đến ve vuốt bà mãi. Một hôm biết mình thụ thai, Hoàng hậu mới đem chuyện ấy nói cho vua nghe. Vua đoán là một điềm mộng tốt và rất vui mừng vì vua đã 50 tuổi rồi và Hoàng hậu cũng xấp xỉ tuổi vua, nếu may ra, Hoàng hậu sanh được Hoàng nam, vua sẽ có người kế vị.
Theo tục Ấn Độ phải về nhà cha mẹ mà đẻ. Một ngày ở vườn Lâm Tỳ Ni nước Câu Ly quê hương của Hoàng hậu Ma Ha Ha Da, chim kêu không ngớt tiếng, mặt trời lên cao chói sáng hơn cả mọi ngày. Đêm ấy các khóm hoa đều tỏa hương thơm ngào ngạt. Hoàng hậu Ma Da ra dạo ở vườn hoa của vua Thiện Giác (anh bà), thơ thẩn nhìn trăng bà nguyện cầu: “Hỡi những đấng thiêng liêng hãy phù hộ con con tôi sau này trong sáng như mặt trăng kia, trí tuệ của nó sẽ rộng rãi bao trùm cả thế giới như ánh sáng mặt trăng”.

Sao dần dần thưa, trên bầu trời đen thẳm. Rạng đông bừng sáng một phía vườn. Hoàng hậu bỗng thấy đau bụng, bà tựa vào một cây Vô Ưu.
Mặt trời vừa lên tỏa ánh sáng vàng ửng khắp vườn Lâm Tỳ Ni, một trẻ lọt lòng xinh đẹp và toàn vẹn hơn cả những châu ngọc ở cõi trần. Trẻ ấy là Thái tử Thích Ca.
Từ hôm Thái tử bỏ dở cuộc đi chơi về, nét trầm ngâm vẫn thoáng trên gương mặt sáng lạng tinh anh… Muốn giả sầu cho Thái tử, ngày nào vua cũng đặt ra những cuộc chơi trong cung điện. Các bọn ca nhi vũ nữ cùng các đào hát thầy đàn tha hồ được dịp trổ tài. Vua lại còn ra "Chỉ" xem ai có vật lạ nghề hay đem vào cung để làm vui Thái tử đều được hưởng.
Người ta đem đến những thứ hoa quỳnh to bằng cái đĩa lớn, những hoa lài cánh ta bằng cái hồng, những hoa sen vàng nở lá bốn mùa, những cây chuối trăm buồng, những giống quái vật ở núi ở biển, những san hô, ngọc cùng các thứ chạm trổ khéo léo. Trong các thứ ấy có con ngựa làm cho Thái Tử chú ý đến. Con ngựa vừa đẹp vừa khôn ngoan. Mình mẩy đều đặn, bốn chân thon thon, nó đứng bên cạnh những con ngựa to lớn nhất trong cung, thì những con này cũng thành thấp bé, những hình hài của nó làm sao sánh nổi với màu sắc của nó, tròng đen trong mắt nó có một sắc đen lánh như hột huyền, móng chân của nó đi vào trong tối thì sáng lên như sừng tê giác, lông nó mướt và trắng như tuyết trên núi Hy Mã Lạp Sơn, bờm của nó óng ánh như tơ vàng mềm mại và ở quanh cổ nó có nhung vân màu ngũ sắc dợn lên như một cầu vồng. Chưa hết đâu, người ta lại khéo đeo hai chân trước nó hai cái lục lạc âm dương, lúc ngựa chạy tiếng nhạc hoà lên một điệu xao xuyến và huyền bí như tiếng suối chảy trong đêm khuya, giọng chim riú rít trong rừng xa. Có lẽ từ hôm được con ngựa ấy, Thái tử cũng khuây được nỗi buồn.
Nhưng đêm đến, vua còn sợ không có gì để giải trí cho Thái tử, nên bày ra không ngớt những cuộc vui. Đêm hôm ấy cũng như mọi hôm, trong cung đều có múa hát trà tiệc, dưới ánh những cây nến có ngọn lửa to như bó đuốc, các vàng bạc ngà ngọc khảm trên các cây cột, trên trần nhà, trên các áo mão của người trong tiệc đều phản chiếu lên muôn ngàn màu sắc lạ. Hương trầm ở bốn phía tỏa ra ngào ngạt và rượu trong những cốc thủy tinh đủ màu như muôn hoa ở một vườn xuân, các vũ nữ đều thi tài múa hát, thân hình uyển chuyển theo âm nhạc như những gợn sóng, mặt mày tươi như những hao sen một buổi sớm mùa hạ. Điệu múa rất tự nhiên. Chân tay họ như làm bằng một thứ sáp, thứ bột gì rất dẻo tha hồ để cho một bàn tay vô hình uốn nắn. Một người chưa thấy cảnh ấy, nếu lạc vào đây e tưởng mình đã lên tiên. Nhưng những cảnh đẹp ấy đối với cặp mắt Thái tử quen lắm rồi. Đêm ấy người ta mời một người con gái vừa tài vừa sắc đến giúp cuộc vui.
Các vũ nữ vừa kéo vào, một tiểu thơ quần áo trắng bước đến, nét mặt của nàng một cách ngây thơ và hồn nhiên. Trên tay nàng cầm một cây đàn chín

dây, nàng cúi chào rồi quỳ xuống giữa chiếc thảm xanh như một đóa hoa mọc giữa một vùng lá biếc.
Người ta không rõ nàng đàn bản gì. Toàn xứ Ca Tỳ La Vệ chưa ai được nghe. Người nghe bản đàn ấy dầu có một mối sầu khó giải trong lòng cũng có thể nguôi được, dầu có tánh giận dữ đến đâu cũng thấy trở lại ôn hòa. Một bản đàn khiến cho người ta thấy sống ở cõi trần này là một cõi êm ái. Cứ mỗi lần nàng nghỉ tay, người nghe lại không biết từ đâu có tiếng chim rất trong nổi lên để tiếp theo. Nàng đã khéo luyện tập được một con chim khôn ngoan và bắt nó đậu trên cây đàn. Người ta tưởng con chim ấy hòa một bộ phận của một cây đàn, không ai ngờ những tiếng chim bay ra lại là của con vật xinh xinh kia. Đàn xong, nàng cất tiếng hát. Chao ôi! tiếng hát lại trong bằng mấy tiếng đàn, khi lên khi xuống như hẹn hò trước với điều ao ước riêng của từng người. Trước khuôn mặt ngây thơ của người hát và giọng ngân trong trẻo, lòng ghen tuông của các cung tần không có thể có nữa. Nàng dứt tiếng hát, Thái tử thấy khoan khoái, các người trong tiệc như ngây như dại, từ nãy đến giờ nín hơn để nghe, bây giờ mới dám thở ra. Thái tử quay lại mỉm cười, một người thị vệ đã nhanh nhẩu tâu: "Tâu Thái tử! Nàng Ưu Đà Di, dòng dõi Bà La Môn".
Như có mặt trời trên mình ngựa, Thái tử vui vẻ hầu như xóa được nỗi buồn xưa. Thị vệ được vui lây nên có người dám vui đùa như những lúc Thái tử không có gì phiền não. Thái tử đối với người hầu tử tế như anh em. Một người thị vệ thưa Thái tử.
- Thái tử có nhớ cái nhà trồng rất nhiều hoa ở phía nam hoàng thành?
- Nhà ấy có gì lạ, ngươi sẽ bảo ta nghe!
- Bẩm Thái tử! Ở đó có những tiếng nhạc, mà không có ai xứ này được nghe, họa may có một mình tôi.
Thái tử mỉm cười nhớ lại cái đêm nghe đàn trong cung.
- Hay hơn tiếng nhạc của Ưu Đà Di chăng? Thế thì ngươi hãy dẫn ta đi đến đó.
- Bẩm Thái tử chính là Ưu Đà Di.
- Sao ngươi bảo chưa ai được nghe?
- Bẩm Thái tử một đêm rất khuya, một đêm mà kinh thành Ca Tỳ La Vệ đều say trong giấc ngủ, hôm ấy tôi được nghỉ, phóng ngựa về thăm nhà. Lúc qua đấy tình cờ nghe được tiếng đàn thanh thót ở ngôi nhà kia đưa ra. Tôi dừng ngựa ngơ ngẩn quên mất việc về thăm nhà. Bẩm Thái tử, tôi đã nghe một khúc hát kỳ lạ hơn khúc hát ở trong cung hôm trước.
- Thế thì ta rẻ lối này.
Thái tử Thích Ca vừa nói vừa rẽ ngựa sang tay trái, các thị vệ đều mỉm cười sung sướng bước theo người.
Vó ngựa rầm rộ trên đường sỏi, gió thổi cái bờm óng ánh tơ vàng của con

ngựa đi qua lớp áo nhung trắng cài khuy đỏ của Thái tử. Cái khăn trắng lớn trùm ngang trán để lộ ngọc bào, một nốt thịt nổi cao giữa hai hàng lông mày và phủ ngoài mớ tóc đen như mun, sợi tóc nào cũng uốn tròn về phía hữu. Dưới màu trời xanh thẳm, ở trước mặt Thái tử xa xa một thành phố hiện lên trong quang đãng. Thái tử, trong một phút, đã nghĩ đến những nóc nhà kia là của thần dân dưới quyền vua cha. Mà trong đám nhà ấy, lại có ngôi nhà của người con gái tài hoa. Thái tử lại hình dung người đánh đàn hôm trước. Vừa lúc ấy có những tiếng rên khừ khừ bên đường lọt vào tai Thái tử. Thái tử quay lại hỏi thị vệ:

- Hình như có người rên, các ngươi hãy lắng tai nghe có phải chăng?

Các thị vệ lắng tai nghe rồi đồng thanh trả lời:

- Bẩm Thái tử quả có.

Tiếng rên rõ lắm ở trong một bụi cây bên đường. Bên bụi cây, một người đen đủi gầy đét, đầu đã rụng tóc, da đầu lòi ra như sọ dừa, khắp thân mình đều lỡ lói ghê sợ, cả thân hình bệnh nhân xông lên một mùi rất hôi hám khiến cho người xem không dám đến gần. Tên ấy là một tên hủi thuộc về phái Bà Li A, là một phái hạ cấp ở Ấn Độ bị khách qua đường đá vùi xuống đấy như một con vật, vì không ai muốn gần một người bệnh ở một giai cấp mà người ta cho là hèn mạt. Nghe tiếng có người đến gần, nó gần đưa hai tay cụt bàn như hai cái càng lên trời và đôi mắt nó gần như mất hết tròng đen cũng cố mở để nhìn lên cao. Như tuồng nó không còn tin rằng những người đồng loại của nó còn thương xót nó. Trước cảnh ấy Thái tử buột miệng than:

- Còn cách gì chữa được nữa chăng?

Một người theo hầu tiếp trả lời:

- Bẩm như đến bệnh hủi ghê gớm kia thì không còn phương thuốc gì chữa được.

Thái tử Thích Ca cởi áo mình – cái áo nhung trắng có cúc đỏ và chỉ vàng thêu ở trước ngực đắp cho kẻ kia rồi cùng thị vệ quay về.

Trên đường về, đôi mắt Thái tử Thích Ca trở nên buồn bã, lúc nào trên gương mặt cũng tỏ dáng đăm chiêu suy nghĩ. Vua tìm hết cách để làm cho Thái tử vui mà cũng không có hiệu quả gì. Tình cờ một hôm vua sực nhớ đến người con gái đánh đàn. Vua ngẫm nghĩ, có lẽ Thái tử buồn bực vì cảnh cung cấm có vẻ tiều tụy, cung tần mỹ nữ không biết trang điểm, không có tài ăn nói để giải buồn Thái tử, họa may còn có con bé này; hôm trước ta nghe những khúc hát của nó cũng phải mê mẩn tâm thần, thấy mình quên hết những phiền muộn ở đời. Ừ mà phải, nó là dòng dõi Bà La Môn, tài gì mà không có sức học uyên thâm, giới hạnh nghiêm chỉnh. Ta sẽ nhờ nó xem sao.

Nghĩ như vậy bèn sai người mời Ưu Đà Di vào cung, nàng khiêm tốn tâu rằng:

- Tâu Hoàng thượng, ân đức Hoàng thượng hầu khắp cả thần dân trong nước, ai ai lại không truyền tụng, tôi như hạt bụi dưới ánh mặt trời, như bọt nước trong bể cả. Bấy lâu chỉ biết tận hưởng những ân huệ cao siêu của Ngài, bây giờ Ngài ủy thác cho công việc theo hầu Thái tử tôi rất lấy làm vui, nhưng cũng lấy làm sợ.
- Nàng Ưu Đà Di, tài đức của nàng sắc đẹp của nàng ở đây ai lại không biết, hãy nhân dịp này để tỏ lòng trung thành của nàng.
Hôm ấy vua đến khuyên Thái tử:
"Đã biết bao lần ta phải nhắc lại rằng ta chỉ còn một mình con ở trên đời này là ta quý mà thôi. Đã biết bao lần con làm ta phải âu sầu nhớ đến mẹ con chăng? Ôi? nếu con biết những sự mong mỏi của mẹ con lúc tuổi tác cao mà vẫn chưa thai nghén, nếu con biết những lúc mẹ con cùng ta sung sướng với giấc mộng kỳ lạ của mẹ con. Ôi! Nếu con biết những nỗi hân hoan của mẹ con lúc mang con trong lòng cầu nguyện cho con sau này được hơn người. Cứ mỗi lần con không vui ta bùi ngùi tưởng nhớ đến mẹ con và tiếc rằng không còn mẹ con ở đây để dỗ dành con hộ ta".
- Thưa cha, con đã là đứa con bất hiếu, con xin từ nay yên vui để cha bằng lòng, để linh hồn mẹ con được nhẹ nhàng trên chín từng trời thẳm. Mẹ con bây giờ còn làm sao gặp được con nữa, mà con cũng vậy, hình ảnh mẹ con còn có tìm đâu được ở trần giới này.
Như biết được Thái tử Thích Ca sắp rơi vào bẫy của mình, vua vẫn ôn tồn không lộ vẽ sung sướng của mình.
- Lời con nói nhắc ta nhớ đến một việc mà ta quên hẳn đi.
- Thưa cha nhớ lại việc gì?
- Còn một người sống ở thành này rất giống mẹ con ngày xưa.
- Thưa cha người ấy là ai con muốn tìm cho gặp.
Phải, ý nghĩ của con rất hay, vì tội nghiệp cho con, con vừa ra đời được bảy hôm thì mẹ con vội từ giả vườn Lâm Tỳ Ni, người con muốn chẳng ai xa lạ, chính là nàng Ưu Đà Di, người đánh đàn hôm trước.
Tối đó ở hoa viên, Ưu Đà Di ngồi trên một ghế da trước mặt vua và Thái tử. Trăng Ấn Độ tỏa một thứ ánh sáng huyền ảo trên thành quách, những cây trắc cao vút như muốn níu theo điệu nhạc do chính dây tơ dưới mười ngón tay tài tử đưa ra bên cạnh, những khóm lài đầy trĩu những hoa có hương ngào ngạt khiến cho những người hầu đứng bên dẫu có chất phát cho mấy cũng trở nên mơ mộng như nhà thi sĩ.
Hôm sau vua ban cho cha mẹ Ưu Đà Di vàng ngọc châu báu để rước nàng vào cung. Tuy được trọng thưởng ông bà cụ không khỏi buồn vì xa con.
- "Vàng ngọc châu báu có quý đâu bằng tình mẹ con. Xa con mẹ lấy làm đau lắm. Con hãy còn nhỏ, rồi đây ai săn sóc con. Tuy vậy lệnh nhà vua không ai dám trái. Mẹ cầu nguyện cho vua và Thái tử sẽ yêu mến con như thầy mẹ

đối với con vậy".
Ưu Đà Di an ủi mẹ:
- "Con đã lớn rồi mẹ ạ! Lẽ đâu con phải bắt mẹ lo lắng cho con. Hoàng tử người rất hiền lành, như mẹ đã thấy những khi Ngài dạo trước cửa nhà ta. Con sẽ cố làm cho Ngài vui, thế nào Ngài cũng chiều con như mẹ vậy". Ông cụ ít bịn rịn hơn, khuyên con:
- "Con đã 15 tuổi rồi đó, gắng mà giữ gìn tâm tính. Con phải luôn luôn khiêm tốn nết na như những ngày sống gần thầy mẹ vậy, vì chức vị của cải dễ làm hư tâm tánh con người lắm đó. Thôi con cứ vui đi, thầy mẹ cũng mừng cho con".
Ưu Đà Di cúi đầu vâng lời cha mẹ, rồi nàng chạy tìm em, một cậu bé đang loay hoay dán một con diều nhỏ.
- Em ở lại vui vẻ nhỉ! Đừng làm phiền cha mẹ, rồi lúc nào chị sẽ đem quà bánh về cho em. Em sẽ thay chị cho các con vật mình nuôi ăn uống. Luôn luôn săn sóc chứ đừng đánh đập nó.
Nói đoạn nàng kéo tay em ra vườn để thăm lại những cảnh vật thân yêu. Cây khế mà dưới gốc nàng đã bao lần ngồi hát, ngồi đàn cho cả nhà nghe.
- Nàng đi còn có ai mà hát dưới đêm trăng nữa?
Cây huệ than:
- Ai vuốt ve tôi? Tôi nở hoa cho ai?
Hoa hồng nũng nịu:
- Tôi lấy tóc ai mà bíu nữa?
Ưu Đà Di trả lời:
- Các bạn ơi, thầy mẹ tôi và em tôi lại săn sóc hơn tôi nữa kia.
Đàn ngỗng lúc bấy giờ ở dưới nước lại kéo lên:
- Rồi đây ai chìa tay cho chúng tôi mổ?
- Em tôi sẽ đưa bàn tay xinh xắn hơn tôi cho các ngươi.
Nước trong hồ cũng phụng chịu:
- Chiều chiều ai soi bóng trong lòng tôi nữa?
- Còn có em tôi soi bóng trong lòng của ngươi, em tôi còn ngoan ngoãn hơn tôi, đẹp đẽ hơn tôi.
Bồ câu và các thứ chim trong vườn cũng bay đến.
- Nàng đi thật đấy à? Vắng nàng chúng tôi hót cho ai nghe đây và ai hát cùng chúng tôi?
- Có thầy mẹ tôi và em tôi nghe những điệu thánh thót của các ngươi, giọng em tôi còn tốt hơn giọng tôi, sẽ hòa cùng các người.
Con chó lúc bấy giờ cũng chạy quấn quít bên chân nàng:
- Nàng đi, ai vuốt ve tôi và dắt tôi đi dạo?
- Em tôi vẽ vui đùa với ngươi.
Lúc ấy con chim nhỏ của nàng nuôi ở đâu cũng bay đến:

- Tôi nhất định theo nàng.
- Em sẽ theo ta và đậu trên cây đàn của ta.
Lúc cha mẹ và em đưa ra đến cửa, nàng như nhớ việc gì, quay lại bảo em:
- Em có nhớ những nhà tu hành ngày ngày đến xin ăn trước cửa, em sẽ kính cẩn em các thức ăn ra biếu lấy em ạ.
Ở cửa xe ngựa đã sẵn sàng để đón lấy nàng vào cung điện. Những người theo hầu nghiêng mình chào đón.
Về cung, Ưu Đà Di tìm hết cách để làm cho Thái tử vui. Trước vẻ hồn nhiên của người con gái ấy, Thái tử không thể buồn được nữa. Ngày nào Thái tử cũng cùng với nàng cưỡi ngựa đi dạo trong khu vườn rộng thênh thang. Bên cạnh những đóa hoa tươi sắc, những lá biếc xum xuê biết hót bằng tiếng chim. Vợ Thái tử là bà Da Du Đà La rất yêu mến nàng vì nhờ nàng bày vẻ những điệu hát những bài đàn cho con bà. Ưu Đà Di lấy những lời rất dịu dàng để khuyên bảo như chị với em. Đối với những người hầu hạ lúc nào nàng cũng tỏ ra là một người vừa nhũn nhặn vừa khoan dung. Nàng lại đem lòng yêu mến tất cả những người xung quanh nàng. Nàng lại biết tự tay đi hái những lá thuốc để chữa bệnh cho những người ở bên nàng trong cơn nguy hiểm.
Nhưng ở đời hễ được nhiều người mến chuộng thì lại tăng phần căm tức ghen tuông của những đứa tiểu nhân. Cũng may ở trong cung chỉ có một người ngầm ghét Ưu Đà Di mà thôi, người đó là một cung tần tên là Sai A. Một bữa Ưu Đà Di vào phòng mình thấy quần áo treo trên móc đều bị con gì nhấm thủng cả, mà căn phòng cao ráo ấy làm gì có dán hay chuột. Hôm khác nàng thấy cây đàn tự nhiên đứt mất mấy dây, nàng phải nhọc công một buổi để buộc dây cho đúng điệu. Có hôm nàng săn sóc chậu hoa quý định đem bày ở phòng sách của Thái tử. Buổi sáng hoa ở chậu vừa nụ xinh tươi, thế mà chiều đến nàng phải khóc, vì không thấy hoa ở trên cành nữa. Ưu Đà Di đoán có ai ngầm hại mình, nhưng nghĩ mãi cũng chẳng biết là ai, vì trong cung mọi người đối với nàng đều tử tế cả. Nhưng trong khi nàng không biết ai ngầm hại mình, Sai A lại càng nghĩ ngợi những mưu kế ghê tởm để ngầm hại. Nhưng hắn không ngờ làm một việc dữ chưa chắc hại nổi ai mà mình lại bị điều dữ đến cho mình.
Một tối hắn biết thế nào Ưu Đà Di cũng ngủ rất say vì nàng phải đàn khuya, hắn khuyên một đứa tớ rất trung thành của hắn lén vào phòng của Ưu Đà Di theo lời dặn của hắn.
Ưu Đà Di thiêm thiếp ngủ trên chiếc nệm trắng tinh, đôi tay nho nhỏ của nàng trong giấc ngủ vẫn không rời cây đàn chín dây. Con chim xinh xinh đang đậu ở đầu giường. Cái dáng điệu ngủ đáng yêu và vô tội ấy, ai nỡ đứng trước mà nghĩ đến những chuyện giết hại được.
Lúc ấy con hầu của người cung tần vừa đến bên người lính canh ở trước

phòng của Ưu Đà Di. Nó toan lấy thuốc mê ra bỏ theo lời dặn của Sai A nhưng nó lại ngầm nghĩ: anh này say ngủ như chết, có bỏ cũng phí, để lát nữa ta bỏ cho cô bé này cho nhiều, càng nhiều càng mê lâu ta càng dễ hành động.
Nó mỉm cười, mất cả lo lắng từ trước, bước sang người anh lính hầu ngủ lăn trên đất. Nó mở cửa lẻn vào phòng Ưu Đà Di, con chim thấy động kếu ríu rít và đến mổ tay người con gái đang ngủ. Nhưng vì nhọc Ưu Đà Di say mê như không biết gì. Con hầu của Sai A tức khắc rút một ít thuốc rẩy trên mắt nàng và đưa tay xua đuổi con chim. Chim sợ sệt bay lên ở một góc phòng, nhưng nó vẫn kêu ríu rít. Con thị tỳ lại rút trong túi ra một cái hộp con. Nhưng tay nó dừng phắt lại. Trước khuôn mặt hiền từ đang nằm ngủ say, nó cảm thấy như đứng trước một vật gì trong sạch, rất quý báu, nó muốn ôm chầm lấy để thu tất cả mọi tội lỗi. Nó quay đi không nỡ làm hại con người đang ngủ ấy nữa. Ngực nàng Ưu Đà Di nhẹ nhẹ lên xuống hình như nàng ngủ một giấc vô cùng êm ái. Nhưng con thị tỳ quay lại sực nhớ phần thưởng của Sai A hứa cho nó. Đồng tiền bao giờ cũng có một sức mạnh xúi giục người ta dễ làm bậy. Phần vì ham tiền thưởng, phần vì sợ nếu không được việc sẽ bị chủ hành hạ, con thị tỳ mắm miệng quay vào. Nó quả quyết rút cái hộp ra. Nếu nó lanh tay một tý thì người con gái hiền hậu kia không còn ở trên đời này nữa, nhưng tay nó run lật bật, một con rít trong hộp đáng lẽ rơi trên mình Ưu Đà Di, lại cứ bíu lấy hộp rồi bò thẳng lên tay nó, nó khiếp sợ quá thét lên, lúc ấy tên lính hầu vừa tỉnh giấc và con hầu của Ưu Đà Di ở phòng bên cạnh nghe tiếng rú chạy vào. Con nữ tỳ của Sai A không tài nào thoát khỏi. Trong lúc kinh khủng nó thú cả tội lỗi. Không mấy chốc nó bị điệu cổ vào nhà giam xét hỏi và những viên lương y đã đến giải thuốc mê cho Ưu Đà Di. Cơ mưu của Sai A bị tiết lộ. Vua tức giận lắm định đem giết kẻ làm việc ác đức ấy đi cùng với tên thị tỳ đã giúp việc cho hắn. Ưu Đà Di được tin ấy động lòng thương hại xin cho những kẻ kia được nhẹ tội. Cảm lòng nhân đức của nàng tuy phải tù tội, nhưng tránh được cái chết, lấy làm ăn năn tội ác của mình, từ ấy thề sẽ chữa lại tâm tánh. Còn những kẻ ở trong cung càng yêu mến người con gái nhân đức kia.
Hết cái nạn ấy, Ưu Đà Di được sống vui vẻ bên cạnh Thái tử. Thường hai người cùng đánh cờ, cùng đọc sách, cùng hòa đàn. Thật là đôi thiếu niên sung sướng trong đời này vậy. Tuy thế có những việc xảy đến mà không bao giờ người ta ngờ có được, hôm ấy đoàn ngựa của nhà vua lại ung dung kéo ra cửa thành phía đông. Mặt trời quang đãng trên con đường phẳng, đoàn ngựa chạy dưới bóng hai hàng cây kè kè lá xòe ra như những cái quạt lớn. Qua những cây ấy, Thái tử nhìn thấy những người cày ruộng mình trần trùi trụi cùng với những con trâu hì hục cày bừa trên những thửa ruộng lầy lội. Một luồn gió mát thổi qua, Thái tử bất giác nghĩ đến cái khoái trá trên mình

ngựa dưới bóng cây râm mát và cái cảnh lam lũ của những người làm ruộng kia dưới ánh nắng mặt trời gay gắt. Cảnh tượng ấy, Thái tử đã gặp từ năm còn nhỏ trong một cuộc dạo chơi với vua cha. Thì ra lòng thương xót của người không theo thời gian mà thay đổi. Cảnh tượng ấy vừa qua, đi được một lát, đoàn ngựa gặp phải một vật gì lù lù nằm choáng cả lối đi. Một tên thị vệ tâu:
- Bẩm Thái tử cho tôi đến trước xem vật gì nằm choáng ngang đường. Nói đoạn, hắn phi ngựa chạy đến trước. Lúc Thái tử cùng bọn hầu đến gần thì thấy người thị vệ đã xuống ngựa hất cái vật kia qua một bên đường, vật ấy cứng đờ như một khúc gỗ.
- Bẩm Thái tử, thây một kẻ chết, nó vừa nó vừa vọt lên ngựa định theo Thái tử nối tiếp cuộc đi chơi, nhưng Thái tử gò cương lại nhìn cái xác chết mà ruồi nhặng đương tha hồ đục khoét. Thái tử thấy lòng se lại ngồi nghĩ đến đời sống của con người thật là khổ: suốt đời chỉ thấy lo lắng bâng khuâng, bệnh hoạn, già nua, chết chóc. Nghĩ vậy, Thái tử không thiết đến cuộc đi chơi nữa. Những thị vệ trông thấy Thái tử trở lại buồn rầu, lo quá. Chúng bèn bàn nhau đưa Thái tử về hoa viên rồi mời Ưu Đà Di ra khuyên dỗ Thái tử. Ưu Đà Di vội vã ra vườn. Nàng thiết tha như một nàng tiên trong cảnh bồng lai. Tuy vậy, Thái tử vẫn điềm nhiên ngồi trầm tư bên một gốc cây. Ưu Đà Di lại gần nỉ non.
- Thưa Thái tử, có phải hôm nay Thái tử buồn vì như lời thị vệ nói Ngài đã gặp những cảnh thương tâm chăng? Nếu vậy sao Ngài không nhân trời tối này đi dạo cho khuây khỏa lại cứ ngồi giữ kín mối sầu làm gì vậy? Hay là tại lỗi tôi không kịp theo hầu Thái tử chăng?
Thái tử vẫn điềm nhiên không đáp:
- Thưa Thái tử, Ngài không nhớ một hôm trong vườn hoa, Ngài đã bảo tôi là em gái Ngài, tôi có nét mặt giống Hoàng hậu không đủ làm cho Ngài vui sao?
Thái tử nhìn thấy đôi mắt long lanh sáng của người con gái quỳ trước mặt, ra lệnh cho nàng đứng dậy:
- Tôi không muốn nàng biết nỗi buồn của tôi, bởi nàng cũng như đóa hoa vô tư kia.
- Thưa Thái tử, những đóa hoa kia cũng biết buồn rồi đó, hôm nay tôi thấy hoa nào cũng ủ rũ cả, như thế không thật sao?
- Hoa nào lại có thể giữa màu sắc được bền lâu.
- Thưa Thái tử đời cũng vậy, ai lại không đau ốm, bệnh tật và chết.
- Nhưng cái chết của cây cỏ không máu mủ thịt xương, còn con người, con vật đến lúc bệnh hoạn có khi làm cho không ai có thể đứng gần bên được. Vì vậy tôi biết người sinh ra thì khổ nên tôi muốn tìm cách để trừ cái khổ ấy đi. Tôi đã hết cách tiêu khiển. Có cái gì tôi muốn mà không được. Thế mà cách

để được yên vui tôi, làm sao tôi yên vui được lúc tôi nghĩ đến không làm sao tìm được bên cạnh đời no ấm xa hoa của tôi, biết bao nhiêu người khổ sở lăn lóc ốm đau, già nua bệnh hoạn.
Ưu Đà Di không biết phân giải thế nào bèn đến quỳ tâu bên Thái tử nét mặt rầu rầu. Lúc ấy nhận thấy vì mình mà những người xung quanh phải khổ lây, Thái tử gượng cười đứng dậy cùng Ưu Đà Di đi dạo quanh vườn. Những người hầu từ nảy đến giờ lo ngay ngáy, sợ nếu Thái tử còn buồn thì sẽ bị vua cha quở mắng, lúc bấy giờ cũng tươi lên. Chim chóc từ bốn phía vườn cũng bay lại hòa thành khúc nhạc rất vui. Những hoa huệ bổng vươn mình lên trắng xóa khắp vườn làm cho những hoa bướm khác tăng phần rực rỡ.
Tuy cố gượng vui nhưng nét mặt trầm tư của Thái tử, nhiều lúc vẫn lộ ra không giấu được. Vua lại tìm hết cách để làm cho Thái tử khuây. Đàn hát xướng ca không ngớt. Tuy vậy hình như không có kết quả gì mấy. Một hôm vua cha bảo Ưu Đà Di: Từ nay con hãy chiều chiều hầu Thái tử ra vườn hoa cửa Bắc mà ta vừa mới lập xong. Con sẽ mỗi ngày thay một thứ áo xinh đẹp để cùng với những thiên nhiên ở đấy làm vui cho Thái tử, vì ta chắc không ai có thể bằng con trong việc này. Những đình tạ hoa nước trong vườn kia không phải chỉ riêng cho Thái tử, đó là phần thưởng ta tặng cho con đó để chung vui cùng Thái tử.
Chiều ấy song trên mình ngựa Thái tử Thích Ca và Ưu Đà Di đi trước một đoàn thị vệ áo hầu rực rỡ. Ưu Đà Di chỉ những màu sắc tươi đẹp ở một bụi cây, trên mặt nước, hay ở một khoảng trời lần lượt hiện ra hai bên đường. Thái tử Thích Ca luôn luôn mỉm cười nhưng trong đôi mắt vẫn phảng phất một mối buồn không dứt được.
Vườn hoa cửa Bắc của vua Tịnh Phạn là một vườn hoa đẹp nhất xứ Ấn Độ. Trong vườn có cả các thứ cây quí hoa lạ ở các nơi đem đến. Những giống chim giống thú đỗ ở các miền xa, những đường lối sạch sẽ như mặt bàn trải thảm, những nệm cỏ xanh tươi, những hồ nước trong leo lẻo in bóng, những đình tạ nạm vàng mạn ngọc chói lên ánh sáng rực rỡ.
Vào vườn không thể lấy mắt mà đếm những màu sắc của hoa thú trong ấy. Đến bên cạnh hồ da thịt mát rượi, hương lên nồng nàn. Người ta tưởng các thứ nước hoa Ấn Độ đều là lấy ở đó ra. Nói tóm lại, như chắt lọc ở khu vườn này tất cả cái tinh túy của vũ trụ thần tiên.
Tuy vậy, Thái tử cũng nhìn qua loa cảnh vật rồi tìm một góc cây ngồi nghĩ và bảo người hầu đem Ưu Đà Di đi dạo các nơi. Mọi người đang dụ dự Thái tử quả quyết:
- Các ngươi hãy vâng lời cho ta vui. Ưu Đà Di nàng hãy đi dạo chơi vì chỗ này mát mẻ nên tôi ngồi đây một lát, tý nữa tôi sẽ theo.
Thái tử ngồi một mình bên gốc cây suy nghĩ. Bao nhiêu những cảnh xưa lại hiện về trong óc. Những phút sung sướng, những lúc đau buồn, những cảnh

hào nhoáng xa hoa, những kẻ tật bệnh đói rét, những thảm trạng của đời người lần lượt diễn ra trong trí của vị Hoàng tử. Đang lúc ấy, một người đầu không tóc mình khoác một manh áo xấu xí, tay chống gậy đi đến. Nhưng dáng điệu thì uy nghi, đôi mắt thì lóng lánh như có luồng điện. Thái tử thấy trong điệu bộ lạ lùng của người này có vẻ huyền bí, khác hẳn với những người thường ngày đã gặp trong cung. Thái tử hỏi:
- Ông ở đâu lại?
- Tôi ở khu rừng ở xứ này.
- Ông làm gì ở đây?
- Bẩm, tôi làm kẻ tu hành theo tìm học đạo.
- Tu hành là người thế nào?
- Là một kẻ chuyên suy nghĩ đến những lý lẽ của mọi sự, mọi vật, để tìm tòi những phương pháp phá hết các sự phiền muộn đang buộc con người với đời không thiệt, được đó mất đó, để về sau hết kiếp này khỏi chịu kiếp khác.
Nói xong ông thầy dùng phép thần thông bay bỗng lên không lẫn với màu sắc huyền ảo của hoàng hôn.
Thái tử mừng reo lên:
- Hay lắm! Hay lắm! Ta quyết tu thế nào cho được cho như vậy mới nghe.
Ưu Đà Di và kẻ hầu đã quay về. Tuy dưới ánh nắng hoàng hôn mà ai nấy cũng đều lấy làm lạ rằng Thái tử Thích Ca trở nên vui vẻ.
Đêm ấy Thái tử tâu với vua cha cho theo tu hành như ông thầy tu kia. Vua giật mình khuyên can.
- Ai gieo vào cho con cái tư tưởng điên rồ ấy? Con không phải là nhà vua trên muôn ngàn dân ở xứ này sao? Bây giờ con lại làm một ông thầy tu cực khổ, rách rưới, thì ta nhục nhã biết bao nhiêu; dòng dõi vua chúa không phải đến đây là hết?
- Thưa cha, công đức của cha mẹ như trời như bể. Con sống ở giữa châu báu ngọc ngà, giữa những sự nưng niu, chiều chuộng, không còn thiếu gì nữa. Tuy vậy bấy lâu nay con vẫn bị những phiền muộn mà không được vui gì, không vàng ngọc gì làm khuây khỏa được. Nay tình cờ con gặp được một vị tu hành nghe có mấy lời của người mà lòng con như cất được gánh nặng từ bấy lâu nay đèn nén. Vậy xin vua cha cho con được xuất gia, đó là một cách yên vui hoàn toàn vậy.
- Ta đã hết sức chiều Thái tử, nhưng đến việc này ta không thể nghe theo. Con là con nhà vua, con sẽ là nhà vua, ta chỉ biết có thế, con đừng xin nài gì nữa.
Từ đấy vua truyền lệnh cho những người hầu canh giữ trong cung rất nghiêm ngặt. Thái tử đi đâu là người theo, tuy vậy nghĩ đến chuyện xuất gia, Thái tử vẫn luôn luôn vui vẻ.
Đêm nào cũng vậy, ở các cửa thành vẫn có lệnh canh nghiêm nhặt, lại có

lính đi tuần tiểu. Thái tử Thích Ca vẫn ngày đêm lo nghĩ về kế xuất gia. Một đêm Thái tử đợi cho trong cung cấm không còn một tiếng động, nhẹ nhàng nhỏm dậy khoác áo, dắt vào mình một thanh kiếm ngắn. Qua mấy cánh cửa sổ để mở, trời đêm chỉ còn nhấp nhánh sao mờ, Thái tử vươn mình từ trên cửa sổ tầng thứ ba nhảy xuống vườn hoa.
Thỉnh thoảng lính hầu lại vác cung đi qua lại. Thái tử Thích Ca vừa rơi xuống đất, thì nhún mình nhảy vào một nhóm lài để tránh những quân lính canh. Vừa lúc ấy một bóng đen ở bên cũng nhảy xổ theo. Thái tử Thích Ca nhanh nhẹn khóa hai tay người ấy.
- Bẩm Thái tử, tôi đây ạ.
Nghe giọng nói Thái tử Thích Ca nhận được tiếng của Xa Nặc, người hầu trung thành của mình.
- Ngươi làm ta giật mình tưởng quân gác, thế đã xong chưa?
- Bẩm lũ kia uống rượu tẩm thuốc mê ngủ lăn ra cả. Tôi định vào đây để mời Thái tử đi ngay. Tôi nhắm cái cửa sổ Ngài vừa nhảy qua, nhưng quân canh lúc ấy chưa đi khuất.
- Thôi chúng ta nhanh chân chứ, ngựa đâu?
- Bẩm dưới cây dừa nước đằng kia.
Hai người len qua các nhóm cây rồi lên ngựa. Trong đêm chân con ngựa của Hoàng tử sáng lên như bốn ngọn đèn xanh. Tuy vậy lính canh không ai biết cả. Anh nào cũng đang đánh một giấc ngủ ngon. Không mấy chốc hai con ngựa đã nện móng trên con đường vắng vẻ ngoài thành Ca Tỳ La Vệ. Phố xá lâu đài im lặng đang êm giấc trong đêm khuya, dưới trăng sao mờ mờ, dần dần bị bỏ lại biến xa trong đêm mù, rồi tan mất, Thái tử vừa đến một khu rừng rậm:
- Xa Nặc trung thành ơi, thôi anh hãy về, mang con ngựa về tặng Ưu Đà Di vì ta không muốn một ai theo ta vào trong rừng rú.
Xa Nặc toan kêu nài, Thái tử bèn ra hiệu nên vâng lời về ngay.
Xa Nặc buồn rầu dẫn con ngựa về. Lúc quay lại bóng Thái tử vừa khuất trong rừng rậm.
Trời vừa tảng sáng, Ưu Đà Di nghe có tiếng gọi nho nhỏ nhưng cấp bách ngoài cửa. Ưu Đà Di vừa mở cửa. Xa Nặc đã hớt hải thưa:
- Bẩm cô nương, Hoàng tử tặng cô con ngựa quý, tôi đã buộc nó ở bên ngoài, thôi xin chào cô nương tôi đi chịu tội đây.
Ưu Đà Di sửng sốt níu áo Xa Nặc hỏi chuyện đầu đuôi. Xa Nặc đem câu chuyện thuật lại, Ưu Đà Di khóc sướt mướt, Xa Nặc an ủi:
- Thưa cô đây là ý muốn của Thái tử, lẽ nào cô nương không muốn Thái tử vui hay sao?
Tuy vậy nàng vẫn không thể đè nén lòng mình, bỏ mặc Xa Nặc ngồi đấy, ra ngoài lấy ngựa của Xa Nặc phóng như bay ra ngoài hoàng thành trước

những lũ quân ngơ ngác. Xa Nặc ngồi lại một mình lắc đầu buồn bã. Ngoài sân chim rũ lông đầy cả lối đi.
Ba ngày lưu lạc trong rừng rậm, người nhọc bụng đói mà vẫn không tìm được Thái tử. Ưu Đà Di đã ngã gục bên ngựa, một tối thứ ba, đến lúc mở mắt dậy nàng thấy trong mình nhẹ nhõm khác thường. Một người mình trần trùi trụi không râu không tóc, nhưng với những đường nhăn trên mặt trên mình có vẻ đã nhiều tuổi lắm. Ưu Đà Di bủn rủn cả người, nàng liếc thấy con ngựa của mình đang đứng bên một gốc cây định chạy lại lấy ngựa để trốn. Người kia gọi giật lại:
- Nàng Ưu Đà Di.
Nghe gọi đúng tên mình, nàng quay lại kinh ngạc nhưng cũng cố can đảm xem thử người nào lại biết mình.
- Cô không nhớ tôi sao?
- Thưa cụ tôi không được rõ.
- Nàng không nhớ nàng đã cho tôi cơm ở nhà nàng hay sao? Nàng chóng quên thế?
Tưởng rằng ma quỷ hiện lên ám ảnh mình vì nàng không nhớ người ấy là ai. Tuy vậy nàng vẫn giữ lễ phép trả lời.
- Phải, tôi biết cô đang bận tìm Thái tử phải không?
Nghe người đoán đúng ý nghĩ mình, nàng vội kên lên:
- Cụ ơi, Hoàng tử ở đâu cụ bảo giùm tôi. Thái tử đi lối nào hở cụ?
- Thái tử đã đi xa rồi cô ạ. Cô hãy ngồi yên đây rồi tôi sẽ giúp cô.
Ưu Đà Di vâng lời nghe theo.
- Không giấu gì cô, tôi là một kẻ tu hành lâu năm ở chốn rừng này học được ít phép mầu nhiệm, đã đoán biết những việc đã qua và sắp xảy đến. Đêm qua nhìn một ngôi sao tôi biết rằng Thái tử sẽ xuất gia, tôi rất vui mừng, vì thế nào Hoàng tử sau này cũng sẽ là một vị đại cứu thế.
- Thưa cụ, thế tôi có gặp được Hoàng tử không?
- Nàng hãy yên tâm, Hoàng tử đã vào rừng sâu khó lòng mà gặp được, nhưng nàng hãy vui đi, vì thế nào Ngài cũng thành Phật mà tế độ chúng sanh.
- Phật là thế nào? Bẩm cụ có uy quyền, có sung sướng hơn Hoàng tử không?
- Chính chúng tôi cũng cố tu để một ngày kia được thấy ánh sáng của Phật đây. Phật là đức đại từ đại bi thông thuộc hết những lý lẽ cao siêu, những nguyên nhân huyền bí để chỉ vẽ chúng ta tránh xa con đường tội lỗi khổ sở, các ông hoàng làm sao sánh kịp.
- Thế liệu Hoàng tử có thành Phật được không? Ngài có về với chúng ta không?
- Thế nào Ngài cũng thành Phật, một đức Phật xưa nay chưa từng có ở thế giới này. Thôi tôi chỉ nói chừng ấy cho cô vui, cô nên nghe tôi về ngay nhà

vì chính là lúc cô nên về theo sự suy đoán của tôi, cô hãy cưỡi ngựa chạy về nhà đi, tôi sẽ đưa cô ra khỏi rừng này, đây mấy viên thuốc cô hãy cầm lấy để cứu người. Bây giờ cô hãy ngậm một viên đi. Vừa ngậm xong tức thì nàng thấy trong người vui tươi tự kiếm được lời để tự an ủi mình:
- Hoàng tử rồi sẽ thành Phật, người sẽ về với chúng ta.
Đến cổng nhà, nghe có tiếng khóc mới chạy vào thì thấy mẹ và em đang ngồi bên giường của cha. Ông cụ đang thoi thóp trên giường bệnh. Nàng cầm một viên thuốc bỏ vào miệng cha, tức thì ông cụ mở mắt chống tay ngồi dậy tỉnh táo như thường, nàng bèn lấy hai viên thuốc khác đưa cho mẹ và em tức thì ai nấy đều trở nên vui vẻ.
Bà mẹ ôm lấy em vào lòng:
- Tôi lại gặp được con tôi vui tươi hơn trước, thật là phước quá. Nhưng làm sao con lại về được đây?
Ưu Đà Di đem mọi chuyện kể lại cho cha mẹ nghe.
Hai cụ đều tỏ vẻ sung sướng. Vừa lúc ấy, những cây cỏ ngoài vườn cũng đều reo lên, cây khế nói:
- Nàng đã về, nàng sẽ vui vẻ ca hát với chúng ta, ở bên gốc của ta.
Cây huệ:
- Đêm nay tôi sẽ nở hoa trắng mướt cho nàng vuốt ve.
Cây hồng:
- Tôi sẽ bíu lấy tóc nàng, nàng ơi!
Con ngỗng:
- Nàng sẽ chìa tay xinh đẹp của nàng cho tôi mổ lúa.
Mặt hồ:
- Chiều chiều, nàng lại ra đây rửa chân, tôi lại được ôm bóng nàng.
Chim bồ câu và chim chích:
- Nàng lại cùng chúng ta hát đây.
Con chó:
- Nàng ve vuốt tôi đi, ve vuốt tôi đi.
Con chim từ ngày nàng rời cung điện vẫn bay theo nàng:
- Tôi sẽ luôn luôn đậu trên cây đàn của nàng.
Ưu Đà Di tưởng những ngày mình sống trong cung điện bên cạnh vị Hoàng tử chỉ là một giấc mộng xinh đẹp để điểm trang cho đời sống của mình, từ đây nàng mới thật sống vui vẻ bên cạnh những cảnh vật lúc nào cũng âu yếm mình.
Thuật giả: Trực Hiền

Tại Sao Phải Niệm Phật?

Thành Thất La Phiệt có một ông hoàng tánh rất hung bạo. Thêm vào đó,

quyền thế và địa vị của ông có thể giúp ông thủ tiêu tội án trước pháp luật. Chưa một lời phải, một đạo giáo nào cảm hóa được ông. Một hôm ông gặp Phật khi Phật du hóa xứ này. Mới thấy, lòng ông bỗng cảm phục như voi dữ trước quản tượng. Ngài có dạy ông vài lời sơ lược: "Hãy tưởng niệm Phật Đà, hãy từ bi thương người, sốt sắng cứu người". Ông cung kính vâng lời. Nhưng khi về đến nhà, vừa thấy người hành khất, ông liền đùng đùng nổi giận. Lời vàng của Phật không còn trong lòng của ông nữa, khi ông toan đánh đuổi người. Bỗng sực nhớ lại hình dáng từ nghiêm của Phật, ông liền dịu lại, nhưng không bố thí chút gì. Tối hôm đó vợ ông lấy làm lạ, gạn hỏi đầu đuôi. Ông bèn tuần tự thuật lại. Nhờ thuật lại, ông nhớ lại rõ ràng hình dung Đức Phật và lời Ngài dạy. Đêm hôm ấy ông suy nghĩ mung lung. Ông nghĩ:
"Nhớ Phật, phải nhớ đến người nghèo khổ, tưởng Phật phải tưởng đến người nghèo khổ". Rồi trời mới sáng ông liền đi tìm Phật. Giữa đường gặp một người hành khất ốm liệt bên vệ đường, ông suy nghĩ, ông đến ân cần hỏi han và dốc hết tiền túi ra cho. Người ấy e sợ, cám ơn rối rít. Nhưng ông chỉ bảo: "Vì tưởng nhớ Phật, nên tôi giúp anh. Anh nhận tiền này khiến tôi được phước, thế là tôi chịu ơn anh, chớ nào anh có mang ơn gì với tôi". Người hành khất nghe thế, lấy làm lạ, vì không lạ gì tánh nết của ông và uy danh của Đức Phật nữa. Bỗng nhiên người ấy cất tiếng niệm: "NAM MÔ PHẬT ĐÀ" (kính lễ đấng Giác Ngộ). Ông hoàng cũng bất giác niệm theo và đi mau tìm Phật. Khi gặp được Phật ông thuật lại rõ đầu đuôi mọi việc. Nghe xong, Đức Phật mỉm cười hiền từ bảo: "Phải! Niệm Phật, ông hãy tưởng niệm người nghèo khổ. Tưởng niệm người nghèo khổ là tưởng chư Phật đó".
Trích báo: Viên Âm
Thân làm việc ích lợi
Miệng nói điều phải
Ý nghĩ những sự tốt đẹp
Như thế là niệm Phật

Tình Ân Ái Là Gốc Của Sự Sanh Tử

Bóng hồng vừa gác núi. Chim chóc từng đàn lũ lượt bay về tổ, kêu la rộn rịp. Trên con đường mòn khúc khuỷu, các bác tiều phu vội vã cất gánh củi lên vai trở về làng mạc. Tiếng náo động vắng dần. Quang cảnh rừng rú mỗi lúc càng tĩnh mịch.
Thỉnh thoảng một vài tiếng chuông chùa ngân nga từ xa vọng lại, dường như để thúc hối những người còn chậm bước chưa ra khỏi cảnh hoang liêu ghê rợn của núi rừng. Một vài tiếng hú kêu vang và sâu tận trong hốc núi càng làm cho những kẻ lạc loài khiếp đảm. Các loài thú dữ đã bắt đầu cuộc săn

mồi thường bữa, chốc chốc điểm lên những tiếng rống ghê người của chúa tể sơn lâm.
Từ trong thảo am bên mé nói, một vị Thiền sư lưng mang dây bố, tay chống gậy tre, lần bước trên con đường mòn, tiến dần về phía xóm nhà cạnh mé rừng. Trời vừa sắp tối, vị Thiền sư đến nơi và đi ngay vào cổng, tìm lại nhà hai vợ chồng vị cư sĩ đã thọ giáo với Ngài. Sau những lời chào hỏi, hai vợ chồng vị cư sĩ trải chiếu hoa mời Ngài an toạ. Trà nước xong, Thiền sư liền bảo: "Từ Ngày hai ông bà đã thọ giáo theo Phật đến giờ, tôi thường tới lui để thúc nhắc. Độ này việc tu niệm của ông bà được khá lắm, thật tôi rất lấy làm vui mừng. Song sự đời có hiệp phải có tan, hôm nay tôi đến đây để thăm và cũng để tỏ lòng từ giả hai ông bà. Ngày mai này tôi sẽ lên đường đặng đi giáo hoá một nơi khác. Có lẽ cách nhau lâu, vì vậy tôi không dám hẹn ngày tái ngộ. Trước khi lên đường, tôi xin dặn lại ít lời rất thiết, có thể là châm ngôn tu tập hằng ngày. Hai ông bà phải cố gắng niệm Phật đừng để lãng quên, nếu chẳng may có gặp việc gì xảy ra chênh mếch trong gia đình, ngoài xã hội, nên kiên nhẫn bỏ qua, tự an ủi lấy lòng. Giả như một trong hai người lâm bịnh nặng sắp đến giờ hấp hối, người mạnh cần nhất phải cho tĩnh tâm, sửa sang Phật tượng, hộ niệm cho nhau đến phút cuối cùng; đừng nên than khóc, van kêu, làm cho người chết phải bối rối, loạn niệm, khó được vãng sanh. Đây là một việc khó, mà nhiều người tu hành đã vấp phải. Nên tôi căn dặn hai ông bà hãy ghi nhớ. Được vậy, dù tôi ở cách xa, vẫn yên hóa đạo".
Dặn dò, chỉ bảo đâu đó xong xuôi, rạng ngày vị Thiền sư lên đường…
Ngày tháng qua mau, phút chốc đã được hai thu, nhờ y theo lời dạy của vị Thiền sư mà thời gian qua, hai vợ chồng vị cư sĩ ăn ở với nhau rất thuận hòa, hằng ngày làm phước, bố thí tụng kinh niệm Phật chuyên cần, lối xóm nhiều người cảm mến.
Một hôm người chồng bị chứng thương hàn đau nặng. Người vợ chạy thuốc tìm thầy đã hết hơi mà bịnh đâu vẫn còn nguyên đấy. Cuối cùng, có một vị danh y đại tài đã được mời đến do công lao của người anh họ chẳng ngại xa xôi rước về. Sau khi bắt mạch xong, vị danh y bảo: "Bệnh này không qua khỏi ngày nay, vì mạch đã hết. Vậy bà đừng nên chạy chữa làm gì nữa cho tốn công hao của, hãy lo liệu những vật dưỡng già mà thôi".
Người vợ lúc bấy giờ đã tuyệt vọng, tâm thần bà rối loạn, quên hẳn lời dặn bảo của vị Thiền sư, người chồng cứ nằm mê man mãi. Trong tình cảnh này, vì thương chồng, vì tủi phận, người vợ chỉ có nước gục mặt bên chồng khóc kể liên miên. Mãi đến khi người chồng mở đôi mắt thất thần nhìn vợ lần cuối cùng, mà người vợ còn ghé mặt sát mặt chồng nức nở van kêu: "Mình ơi! Mình nỡ nào chết đi để một mình tôi ở lại sống cô độc lẻ loi; hồi nào khổ sở có nhau, vui buồn cùng chịu, ngày nay mình bỏ tôi mình đi một mình! Mình ơi!".

Tội nghiệp người chồng vì nghe lời lẽ quá bi ai của vợ, cảm tình ân ái bất giác nổi lên, nhìn vợ mà hai hàng lệ thắm tuôn ra, nghẹn thở… rồi… trút linh hồn.
Thần thức ông xuất ra nơi mắt. Người vợ vì gục mặt vào mặt chồng mà khóc, nên thần thức chui ngay vào lỗ mũi vợ, hóa thành một con sâu.
Chồng mất rồi, vợ lo tròn bổn phận, chôn cất xong xuôi, đám ma cũng khá lớn, những ơn nghĩa lối xóm cũng lo tròn.
Đến khi bà con ai về nhà nấy, bấy giờ bốn bề lặng ngắt, người vợ vì thương chồng bạc phận xét nỗi cô đơn hiu quạnh, lại thêm lỗ mũi mỗi ngày một lớn và đau nhức vô cùng. Nàng cứ ngày đêm kêu gào than khóc, làm cho những kẻ ở gần, ai cũng phải động lòng thương xót kẻ xấu duyên bạc phận.
Một hôm, vị Thiền sư trở lại và ghé thăm. Nàng vừa thấy bóng Ngài đã hối hả chạy ra khóc than, kể lể…
Vị Thiền sư ôn tồn bảo: "Bà hãy nín, sống chết là lẽ thường, hễ có sanh là có tử. Người tu hành khi bỏ được thân khổ này như quẳng được cái gánh nặng, bà nên mừng giùm chớ sao lại khóc? Bà còn than khóc thế là bà chưa hiểu đạo. Xin khuyên bà hãy nghe tôi, có thương nhớ nên để lòng, lo tu hành cho khuây lãng, nếu còn nặng lòng ái ân thì kiếp sau lại gặp nhau nữa, vay trả, trả vay thành một chuỗi oan gia vô cùng tận".
Sau khi nghe vị Thiền sư khuyên bảo, như giải được sự đau buồn, nàng liền sửa lại mái tóc, rồi tình cờ khịt mũi mạnh văng ra một con sâu khá lớn.
Thiền sư cả cười bảo: "Ở đời ít ai có nghĩa hơn bà, ai đời thương chồng mà khóc đến có sâu trong lỗ mũi".
Nàng thẹn quá, toan lấy chân dậm chết con sâu. Vị Thiền sư vội vàng khoát tay bảo: "Đừng, bà đừng nên làm thế, vì con sâu ấy là chồng bà vậy". Nàng lạ lùng hỏi:
"Bạch thầy: Chồng tôi suốt đời niệm Phật, làm phước, tại sao chết lại sanh vào loài sâu bọ như thế?". Thiền sư bảo: "Bà đã quên lời tôi dặn, khi chồng bà chết và không lo tụng kinh niệm Phật và khuyên bảo chồng bà khởi chánh niệm, bà lại còn đem tình ân ái kể lể khóc than, nên chồng bà khi sắp mất, bị lòng thương vợ, nặng tình ân ái mà lãng quên chánh niệm. Vì vậy nên thần thức luyến ái không thể vượt lên cao, mà phải chui vào mũi bà thành sâu bọ. Than ôi! Uổng một kẻ tu hành, đã mong thoát kiếp luân hồi lại còn bị ái ân cột chặt. Thật có khác nào con cò muốn cất cánh bay cao để thoát ngoài dò, bẫy; nhưng khốn nỗi nó có bị sợi dây vô tình cột chặt vào chân. Thế có tội nghiệp không?"
Thiền sư lại đến gần con sâu khẽ bảo: "Ngươi trước cũng nghe lời ta chăm chỉ tu hành lẽ ra thời đã được công đức lành mà sanh thiên hay vãng sanh Cực Lạc, song vì tình ân ái của vợ chồng ngươi có còn sâu thẳm ngàn trùng, thành ra khi trút hơi cuối cùng mà còn gây nghiệp chướng nặng nề phải

thành loài sâu bọ, thật đáng thương thay!”.
Con sâu nằm im từ này giờ, dường như nó cũng tự biết hổ thẹn ăn năn. Thiền sư chú nguyện cho và nhờ công đức lành đã tạo từ trước, nên con sâu quằn quại một lúc rồi chết, thần thức lại sanh vào cõi người. Người vợ đã tự hối và phát nguyện tu hành, niệm Phật, trì chí không thối lui, kết quả bà được vãng sanh.
Người ta cũng không phải chỉ có một đời sống ngắn ngủi mở đầu trên cái nôi và chấm hết trên cái mồ. Lọt lòng và nhắm mắt chỉ là bình minh và đêm tối của một thời gian lặng lẽ trôi, không bao giờ tạm ngừng, không có đầu, không có đuôi.

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập I - 3

Nắm Hạt Trai

Hôm nay theo thứ lớp khất thực Đạo sĩ A La phải đặt chân vào một chiếc cổng cổ kính, nhưng không kém phần tráng lệ và mỹ thuật của một thương gia, có tiếng chuyên môn buôn bán lớn về ngọc ngà vàng bạc.
Đạo sĩ đưa chiếc gậy tre ấn nhẹ cánh cổng, rồi khoan thai bước vào! Người thong thả rảo bước theo hàng dậu, để lần đến một nếp nhà cao sang nằm chễnh chề giữa một khu vườn vuông vắn.
Chung quanh người hoa lá đang nhộn nhịp trong nắng sớm và trước mắt người cảnh giàu sang đang phô bày diễm lệ. Nhưng bình minh trong sạch như lòng, Đạo sĩ vẫn trầm tĩnh, nét mặt vẫn bình dị, đôi mắt người vẫn dịu hiền và cả nụ cười không thay đổi ý nghĩa giải thoát của một nhà ĐẠO SĨ.
Xa xa, đàn ngỗng trắng đang đùa giỡn trên đám cỏ xanh mềm; bỗng chúng cất tiếng kêu vang, làm ngừng tay viên thương chủ, giữa lúc chàng mãi chọn lấy hạt trai, để xâu lại thành chuỗi… Đạo sĩ khất thực!
Cả một hình dáng yên lành và thanh tịnh đang nhẹ tiến về phía chàng… sung sướng, chàng để luôn cả nắm hạt trai xuống đất, chắp tay vái chào Đạo sĩ, rồi vội vàng đi lấy cơm dâng cúng cho người.
Trong lúc ấy, đàn ngỗng đứng bên cạnh, trông thấy nắm hạt trai óng ả chúng lầm tưởng một món ăn ngon, quên cả sự có mặt của Đạo sĩ, một con lớn nhất trong đàn, lanh lẹ chạy đến và đớp đại lấy nắm hại trai… Đạo sĩ hoảng hốt đưa tay đuổi… nhưng muộn lắm rồi, cả nắm hạt trai, trong nháy mắt, đã dễ dàng trôi qua cổ họng con ngỗng khốn nạn.

Trong trường hợp nầy, Đạo sĩ tự thấy lo ngại, nhưng người trầm tĩnh lại ngay và yên lặng chờ đợi.
Giữa lúc ấy, chàng thương chủ đã từ nhà đi ra, mang theo một bát cơm sốt dẻo. Chàng cung kính quỳ trước Đạo sĩ để dâng cúng cho người.
Nhưng chàng bỗng sửng sốt kinh lạ khi nhìn lại nơi chàng để nắm hạt trai. Một lần nữa chàng đưa mắt nhìn kỹ xung quanh, và nhìn lại nơi đã để hạt trai, rồi bỗng chàng đưa mắt lên nhìn Đạo sĩ, mà người đang yên lặng đứng trước mặt chàng.
Chàng đứng ngay dậy, tay chàng run lên, mắt chàng như nẩy lửa, và chàng cất tiếng mỉa mai: "Chắc Đạo sĩ không gì trước cử chỉ thất lễ đột nhiên của tôi chứ? Mong người trả lại nắm hạt trai quý giá cho chúng tôi".
Trước cử chỉ và lời lẽ của thương chủ, Đạo sĩ A La vẫn bình tĩnh không trả lời.
Thái độ yên lặng và thản nhiên của Đạo sĩ, càng làm cho thương chủ tức giận sôi gan, chàng lớn tiếng mắng Đạo sĩ và gọi gia đình bắt trói Đạo sĩ lại, đồng thời cho mời hương chức để tra hỏi.
Nhưng Đạo sĩ vẫn yên lặng chịu đựng, trước những lời lẽ đang nhiên chua chát của thương chủ; trước hình phạt tra tấn của hương chức. Nhưng người sức có hạn. Đạo sĩ không chịu đựng được nữa, người té xỉu và ngất lịm trên vũng máu.
Giữa lúc ấy con ngỗng trắng khốn nạn kia, bỗng cất cánh bay lại bên Đạo sĩ, chìa mỏ hút lấy dòng máu. Sẵn cơn tức giận, thương chủ không một thương tâm tha thứ, chàng xách gậy chạy đến và đánh chết ngay con ngỗng… Đạo sĩ A La vừa hồi tỉnh, nghe động, đưa mắt nhìn sang, người hoảng hốt kêu cứu cho con ngỗng.
Nhưng làm sao kịp nữa; con ngỗng đáng thương của Đạo sĩ chỉ còn lại cái xác không hồn; động lòng TỪ BI, ĐẠO SĨ cố lấn lại bên thi hài con ngỗng, người đưa tay vỗ về và lâm râm đọc kinh cầu nguyện…
Cử chỉ tự nhiên, thái độ chí thành của Đạo sĩ trong sự cầu nguyện đã làm cho thương chủ yên lặng quên cả sự đánh mắng. Vài phút sau, Đạo sĩ A La chống gậy đứng dậy và chậm rãi nói với thương chủ: "Nắm hạt trai của người chính con ngỗng này đã nuốt vào bụng nó, trong khi người vắng mặt".
Nghe xong, thương chủ vội bảo người nhà đem mổ bụng con ngỗng để chàng xem hư thật.
Quả như lời Đạo sĩ: Nắm ngọc trai óng ả được đưa ra với nắm ruột khốn nạn của con ngỗng bạc phước.
Thương chủ vừa trông thấy, chàng liền sụp đầu sát chân Đạo sĩ, cầu xin người mở lượng TỪ BI cho chàng sám hối.
Chàng phân phiền: "Sao Đạo sĩ không cho tôi biết trước, để tôi lầm lỗi thế này".

Một câu nói ý nghĩa, đã vội nở trên đôi môi nhà Đạo sĩ: "Hỡi thương chủ! Lòng TỪ BI không giới hạn, ta đã nguyện mở rộng trước mọi đau khổ của chúng sanh".
Vì thế, nếu ta đem chuyện con ngỗng lầm dại, nói ngay với người từ trước, như vậy là ta đã gián tiếp giết hại con ngỗng! Việc ấy ta không bao giờ làm. Vả lại ta không thể trái lời Phật dạy, manh tâm lưu hại cho chúng sanh, chỉ vì sự an lạc của chúng sanh nhỏ hẹp!".
Thương chủ như mở bừng đôi mắt; đến đây chàng mới nhận rõ cái cử chỉ yên lặng từ trước của Đạo sĩ là một ý nghĩa cao quí, làm sống lại lời Phật dạy và tỏa rộng đạo TỪ BI.
Chàng tự than: "Nếu tất cả nhân loại chúng sanh, ai cũng biết sống đúng theo lời Phật dạy và thực hành theo hạnh TỪ BI như Đạo sĩ, thì còn đâu nữa mọi nỗi đau khổ của chúng sanh.
Hơn nữa, nếu biết xem thường vật chất thì đến nỗi nào phải tối tăm và lỗi lầm như chàng đã lầm lỗi".
Giờ phút nầy lòng chàng như cởi mở và rộng rãi bao la… Đưa mắt nhìn về dĩ vãng, chàng cảm thấy đời chàng như một căn phòng tối tăm, thấp thỏi! Và có lẽ từ đây, chàng không thể sống lại một cuộc đời nhỏ hẹp, chỉ biết bo bo với vàng bạc ngọc ngà; chàng cũng không thể sống lại một cuộc đời nô lệ đầy tội lỗi chỉ biết tìm lạc một cuộc đời cho tự thân… Một ý niệm trong đẹp nẩy nở trên tâm thức: "Chàng phải từ rã tất cả để đền trả tội xưa; chàng phải từ rãy tất cả, để làm những gì mà lòng chàng ao ước hoài vọng".
Đưa mắt nhìn lại ngôi nhà sang trọng của mình rồi chàng mạnh mẽ hướng về Đạo sĩ, chàng cúi đầu đảnh lễ, và cầu xin noi chí rộng rãi của người, chàng phát nguyện: "Chàng sẽ là một viên đá nhỏ, trong vô số viên đá khác, để chung góp xây đạo TỪ BI. Chàng sẽ là một tia sáng nhỏ, trong vô số tia sáng khác, để cùng nhau nêu cao lời Phật dạy, để đem lại hạnh phúc giải thoát và giác ngộ cùng khắp cho tất cả mọi loài".
Thuật giả: Thích Tâm Nguyên
Chiến tranh làm gì có khi người ta giữ giới không sát sanh.
Xâm lược làm gì có khi người ta biết giữ giới không trộm cướp.

Xâu Ngọc… Nước

Bên trời sương mù đã tan hẳn.
Vầng thái dương ẩn hiện sau áng mây thua, chiếu ánh sáng huy hoàng trong khoảng không gian trong tạnh.
Từng cơn gió mát lạnh từ phương nam thổi về làm rơi những hạt nước trong suốt như pha lê còn đọng ở đầu cỏ lá cây.
Cảnh vật nơi vườn Ngự sau một trận mưa mai vừa tàn, càng đượm vẻ thanh

tân tươi thắm.
Nơi thềm cao của một ngôi đền vàng, một nàng công chúa tuổi còn thơ bé, ngồi trên chiếc cẩm đôn, đưa mắt thẩn thờ nhìn ngắm cỏ hoa trong thượng uyển.
Bên này nơi hồ bán nguyệt những đóa hoa sen trắng, đỏ, tươi, đẹp mịn màng xen lẫn thấp cao trên mặt nước.
Đàng kia, chung quanh hòn giả sơn, những thứ hoa quý lạ từ bốn phương gởi về, hương sắc thanh kỳ, phô vẻ nghìn hồng muôn tía, như mỉm cười duyên dáng trước ngọn gió mai.
Xa xa, mấy gốc thùy dương dịu dàng nghiêng mình soi bóng bên dòng suối nhỏ.
Khung cảnh tuy đẹp nhưng không gợi được niềm vui cho Công chúa, vì nó đã thường với mắt nàng lắm, rồi nàng mơ mộng vơ vẩn và ước mong một cái gì khác lạ hơn nữa…
Nắng vàng nhẹ phủ lên hoàng cung.
Cảnh vật nơi vườn ngự tắm nắng triêu dương, rung động chập chờn trong làn gió sớm.
Công chúa đang thơ thẩn ngồi trông xa gần, bỗng đôi mắt nàng chăm chú vào một cảnh tượng. Từ trên mái ngói tráng men xanh, nước mưa còn đọng lại rơi xuống từng giọt đều đều, nối thành những bóng nước tròn, trôi lăn theo rãnh đá hoa trắng.
Dưới ánh chiêu dương, những bóng nước ấy lấp lánh, nổi nhiều màu sắc kỳ xảo, xinh đẹp lạ thường như những hạt ngọc tuyệt trần vô giá! Nét mặt công chúa sáng lên, nàng mỉm cười và thầm nghĩ: “Chà! những hạt ngọc kia sao mà đẹp thế! Ta đã có nhiều châu báu, nhưng chưa thấy thứ ngọc nào quý lạ bằng loại này.
Giá ta có một tràng chuỗi ngọc như thế để quàng nơi cổ thì thích biết bao!”.
Nghĩ xong, như thâu thần, công chúa lại thừ người ra nhìn ngắm say sưa quên hẳn bao nhiêu vẻ tươi thắm quanh mình, mặc cho ngọn gió nam cợt đùa cùng cảnh vật.
Giọt mưa đá dứt từ trên mái ngói.
Nơi lòng rãnh đá hoa, hình dáng những viên ngọc vô giá không còn nữa.
Đâu đây, vài tiếng chim ríu rít điểm thưa thớt, đứt khoảng trong mấy tàn cây rậm.
Vầng thái dương lên đã hơi cao, ánh vàn xiên xiên rọi nữa thềm vàng, mà công chúa vẫn còn ngồi ngơ ngẩn, tâm hồn như phiêu dạt tận nơi nào! Một tên cung nữ từ phía trong đi ra, se sẽ đến gần, cung kính thưa: có lệnh mẫu hoàng gọi.
Như chợt bình tĩnh, công chúa không đáp, nặng nề bước thẳng vào phòng rồi lên giường nằm.

Cung nữ ngạc nhiên chạy vào phía trong.
Một lát, Hoàng hậu đến phòng con, thấy trên mặt ngây thơ có vẻ bơ phờ ủ dột, tưởng rằng đứa con yêu cảm nhiễm phong hàn, nên dịu dàng han hỏi. Vốn là con một, hằng được nuông chiều, công chúa như có dịp để nhỏng nhẽo cùng mẹ.
Vì vậy tuy biết hoàng hậu đến thăm, nhưng nàng vẫn nằm xây mặt vào trong im lặng.
Hoàng hậu lại càng hốt hoảng kịp báo tin cho đức vua. Nghe tin con bất thường, đức vua vội vàng đến thăm hỏi, công chúa cũng vẫn im lặng không đáp. Sau khi vua và hoàng hậu dỗ dành, khuyên lơn mãi, nàng công chúa thơ ngây ấy mới thuật chuyện những viên ngọc quý và nói chỗ ước vọng của mình. Nghe xong, đứa vua cười vui vẻ và bảo: Ồ! Con ta khéo vớ vẩn thì thôi! Những hạt ngọc mà con nói đó, chỉ là những bóng nước, làm sao kết được tràng chuỗi? Nhưng thôi, con hãy yên lòng, các thứ ngọc quý giá ấy ở trong kho tàng không thiếu gì, cha sẽ cho con tùy ý lựa chọn. Nói đoạn, Vua sai quan giữ kho lựa những thứ ngọc thật đẹp đem đến cho công chúa.
Nhưng sau khi xem xong từ thứ ngọc này đến thứ ngọc khác, công chúa vẫn không vừa ý, nhất định đòi cho được thứ hạt ngọc mà mình đã trông thấy.
Ước vọng không thành, lòng mơ tưởng những viên ngọc tuyệt đẹp làm cho công chúa âu sầu rã rượi, không còn biết đến bao nhiêu thức ngon, vật lạ.
Bệnh của công chúa mỗi ngày mỗi nặng. Đức Vua và Hoàng hậu vô cùng lo lắng, vì vậy thấy sự tưởng nhớ có thể làm gầy mòn và cướp mất đứa con yêu của mình.
Một buổi chầu đức vua phán hỏi các quan làm thế nào cho công chúa hết bệnh? Tất cả triều thần đều nhìn nhau lặng thinh. Ngài lại hạ chiếu cho đòi những người thợ chuốt ngọc tài giỏi vào triều và hỏi có thứ ngọc nào như những bóng nước lấp lánh ngũ sắc để làm tràng chuỗi cho công chúa?
Tất cả thợ ngọc đều tâu không thể nào tìm được thứ ngọc như thế. Sau cùng, đức vua cho truyền rao khắp trong nước: Nếu người nào làm cho công chúa hết bệnh, sẽ được thưởng nghìn vàng.
Trong khi giờ khắc lặng lẽ trôi qua mà cứu tinh vẫn vắng bóng, vì lòng thương con, người cha hiền ngồi đứng không yên, muôn phần áo não.
Một buổi sáng tinh sương, có người thợ chuốt ngọc tuổi già, râu tóc bạc phơ; xin vào ra mắt, sau khi bái yết xong người thợ già quỳ xuống tâu: “Muôn tâu Hoàng thượng! Bệnh của công chúa là một tâm bệnh, không thể dùng thuốc thang điều trị.
Muốn cho hết bệnh lành, tất phải làm thỏa nguyện vọng của người ốm.
Nhưng có điều khó: bóng nước không thể kết làm tràng chuỗi được.
Tuy nhiên, thần đã có phương chước làm cho công chúa hết bệnh. Như trút được gánh nặng, đức vua vô cùng mừng rỡ, liền đến phòng con âu yếm bảo:

“Hôm nay có người thợ già hứa sẽ xỏ được xâu chuỗi ngọc ấy cho con. Thôi, con đừng buồn rầu nữa”. Lời nói ấy quả có một hiệu lực phi thường: trên gương mặt xanh xao tiều tụy của người bệnh nở nụ cười và cơn trầm kha bỗng dưng như tiêu tan đi đâu mất.
Một dịp may, sáng hôm sau, trời vần vũ đổ mưa xuống. Khi trận mưa vừa tạnh, những bóng nước cũng trôi nơi lòng rãnh đá hoa như hôm nào.
Người thợ già tâu vua xin mời công chúa ra trước thềm điệu vàng và thưa: “Tôi tuổi già, đôi mắt đã mờ, không phân biệt được vẻ tốt xấu.
Xin công chúa tuỳ ý lựa hạt ngọc nào đẹp nhất, tôi sẽ xỏ cho”. Nhưng bóng nước vẫn là chất mong manh, vừa chạm đến liền tan ngay, công chúa hết vớ bóng này đến bóng khác, kết cuộc đã mệt nhọc mà chẳng được chi cả.
Người thợ già hỏi: “Thế nào? Những hạt ngọc ấy ở đâu?”. Công chúa ngẩng lên nhìn người thợ, rồi quay lại nhìn vua cha, đáp: “Xin phụ vương ban cho con tràng chuỗi bằng tử kim, vì thứ ấy rất chắc rơi xuống gạch đá không vỡ. Còn những thứ này chỉ có dáng bên ngoài, nhưng lại giả dối mong manh, con không thể lấy được và không còn thấy ưa thích nữa”.
Đức vua dịu dàng bảo: Thì nó chỉ là những bóng nước thôi con ạ”. Như tỉnh ngộ ra, công chúa lộ vẻ e thẹn cúi đầu giữa nụ cười kín đáo của đoàn cung nữ…
Đức Phật bảo A Nan và đại chúng:
“Tất cả pháp hữu vi đều vô thường, không thật như bóng nước chóng tan, như ánh nắng chập chờn giữa trời mưa mà loài nai khao khát lầm tưởng là nước cứ đuổi theo mãi. Sắc thân ngũ ấm cũng như thế chính tự thân còn không giữ được, huống là cảnh vật bên ngoài. Phàm phu trong lúc vì tự thân đi tìm hạnh phúc, chỉ đuổi theo bóng hình giả dối, mong manh, sống mãi trong vòng ước vọng, kết cuộc không được sự vui chơn thật, lại phải chịu bao nhiêu điều thống khổ, không khác chi trường hợp của nàng công chúa. Nếu chúng sanh nào xét biết ấm thân vô thường, dứt trừ phiền não huyễn tưởng, tất sẽ chứng được tánh thể vắng lặng, yên vui, không còn xoay lăn trong vòng sinh tử nữa!”. Đoạn đức Thế Tôn nói bài kệ rằng:
Nên quán tưởng bóng nước,
Và ánh nắng chập chờn
Như thế quán tưởng thân,
Sẽ thoát vòng sanh tử.
Thuật giả: Trí Hiền

Tiếng Đàn Ai Oán Hay là
Lòng Thương Của Một Vị Hoàng Tử

Hoàng đế La Xà có hai Hoàng tử, Hoàng tử Thiện Hữu, thật là bạn hiền của mọi người, Hoàng tử Ác Hữu trái lại, độc ác để khiêu khích anh.
Hoàng tử khi đến cái tuổi biết nhìn cuộc đời trắng trợn bày trước mắt chàng: đây người sập chim, bẫy cá, kia người làm thịt chọc huyết, chim sáo mỗ bọ ngựa, bọ ngựa bắt chuồn chuồn.
Sự sống không loài nào không tự bảo trọng cả. Nhưng cả đây cũng như ở nơi kia, ở đâu sự sống cũng xây trên sự sống. Thấy vậy Hoàng tử Thiện Hữu xin vua cho tất cả kho tàng để giúp dân chúng. Kho tàng hết, chàng mạo hiểm vào bể tìm ngọc giữa sự lo sợ của cha mẹ. Nghe anh đi tìm ngọc, Hoàng tử Ác Hữu nghĩ:
- Không ác việc không thành được.
Rồi xin theo Thiện Hữu, nhưng Thiện Hữu ngăn lại:
- Thân là trọng, em không nên mạo hiểm theo anh.
Ác Hữu quyết đi theo:
- Sống không thỏa nguyện thì vô ích.
Thế là anh em theo nhau, và nhờ chí nguyện vĩ đại, tấm lòng thương người, Hoàng tử Thiện Hữu vượt bao nhiêu gian lao nguy hiểm, tìm được ngọc Như ý. Khi về đến bờ bể, Hoàng tử bảo em:
- Giờ trên đường về, anh ngũ thì em giữ, em ngũ thì anh giữ. Đời sống no đủ của muôn dân ở nơi viên ngọc nầy. Em nhớ nhé.
Nhưng một hôm anh em ngủ trên một quảng đường hiểm. Ác Hữu bèn tìm hai cây nhọn đâm thủng mắt anh. Đau quá, Thiện Hữu vùng dậy la rên gọi em.
Nhưng Ác Hữu điềm nhiên mang ngọc đi thẳng. Vừa rên, Thiện Hữu vừa đưa tay quờ quạng tìm em. Chàng cứ nghĩ rằng chàng bị đâm mắt chứ Á Hữu mang ngọc thì chắc bị kẻ cướp giết rồi. Nhưng quờ quạng một lát, chàng nghĩ ra: em ta hại ta chứ không ai đâu khác. Chàng đau đớn thở dài:
- Người tánh tình vẫn vậy…
Thiện Hữu đau lắm không thể nhổ hai cây nhọn ra được. Bỗng một đàn trâu rầm rộ đi qua. Thiện Hữu biết nhưng đành ngồi, không thấy gì mà tránh nữa. Nhưng lạ lùng thay, chàng biết mình đang ngồi dưới bụng một con trâu. Con trâu ấy che chở và thân mến liếm mắt chàng, trong khi đàn trâu rầm rộ đi qua. Tiếng chân đàn trâu vừa hết thì tiếng nói một người vừa đến:
- Ai đây? Sao mắt bị đâm vậy?
Con trâu bây giờ đáng dang ra và nhìn chủ nó như cầu khẩn. Còn Hoàng tử Thiện Hữu nghe lời hỏi thì mừng gặp được người, nhưng lòng càng đau đớn. Chàng nghĩ thôi đành nói dối vậy.
- Tôi là kẻ ăn mày. Tôi đang ngủ, không biết ai nó hại tôi thế này.
Giọng Thiện Hữu làm cho người ấy không nỡ hỏi lại, nhưng thấy kính mến dị thường. Người ấy bèn nhổ cây đặt thuốc – ông ta là người rành việc này –

và đưa về nhà cung phụng nuôi dưỡng một cách không suy nghĩ. Càng lâu người chủ càng kính mến, nhưng Hoàng tử Thiện Hữu không yên tâm. Chàng bèn xin người chủ cho chàng tự tìm cách nuôi sống. Người chủ nói trong bụng câu đã tự nói với mình mấy lần:
- Thật là người hiền.
Và trả lời:
- Không! Người cứ ở đây với gia đình tôi. Đói no với nhau. Tôi không nỡ xa người.
- Xin ông thương tôi. Tôi không dám làm phiền nhiều.
Nói mấy cũng không được, người chủ hỏi:
- Thế giờ người định nuôi sống bằng gì?
- Ông cho tôi xin một cây đàn hay.
- Được! Nhưng xin người phải để tôi được làm cái việc ngày ngày đưa người ra chỗ đông, rồi tối đưa về nhà tôi ngủ.
Thiện Hữu lắc đầu:
- Thế lại phiền ông lắm! Cho tôi ngủ ở chợ hay dưới gốc cây.
Người chủ năn nỉ:
- Người có bằng lòng như thế, tôi mới để người đi kiếm ăn.
Thiện Hữu thở dài:
- Cũng được.
- Nhưng biết đàn à?
- Sơ sài vậy thôi! Người chủ ngạc nhiên. Và hôm sau đầu chợ, Thiện Hữu đã ngồi đấy, lên những tiếng đàn thanh toát ra những khúc nhạc lòng. Chàng đàn lên những tấm lòng của chàng, những chí nguyện của chàng. Chàng say mê quên cả mục đích kiếm ăn của mình, nhưng quần chúng cảm mến chàng. Chàng nuôi sống được cả nhà chủ chăn trâu.
Một hôm, tiếng đàn của Thiện Hữu làm chấn động lòng một người đẹp. Người ấy khi tiếng lòng của mình do ai gảy lên đã im rồi, mới tỉnh hỏi:
- Ông là ai?
- Người là ai?
- Tôi sẽ nói. Nhưng ông là ai xin cho biết đã?
- Người tự trả lời cho mình cũng đủ: tôi một kẻ ăn mày đang xin thiên hạ bố thí bằng tiếng đàn, người không thấy sao!
Và Thiện Hữu thở dài:
- Kể ra tôi cũng quá đáng đối với cây đàn đây! Nhưng ngoài việc kiếm ăn, nhờ nó, tôi đã thở ra được những gì của lòng tài!
- Người là ai vậy?
- Tôi là một công chúa.
Người đẹp nói nhanh và dò xét thần sắc của Thiện Hữu.
Nhưng chàng vẫn bình thản:

- Của?
- Của vua Sư Bạc.
Thiện Hữu bất giờ mới biết mình lâu nay sống trên đất của một chư hầu, và đang ngồi trước vị hôn thê chưa thấy mặt của mình. Nhưng chàng chỉ lặng thinh. Người đẹp đưa cho chàng một lượng vàng rồi từ biệt.
- Mai em sẽ đến mải với ông.
Thiện Hữu không để ý câu nói ấy.
Chàng bình thản về nhà ngụ.
Công chúa vua Sư Bạc thì lòng đã nhất định nàng không thể xa tiếng đàn ấy. Nàng tính rụt rè, nhưng hôm nay nàng mạnh dạn. Sau bữa cơm tối, nàng trịnh trọng thưa với phụ vương và mẫu hậu rõ ý định của mình. Nghe xong, Hoàng đế Sư Bạc giận lắm:
- Mầy điên đấy à? Mày quên mày là vị hôn thê của Thái tử Thiện Hữu?
- Con xin cha mẹ thương con.
Hoàng đế Sư Bạc không thèm nghe nữa.
Nhưng sáng hôm sau, nàng thu xếp đồ dùng của mình và ra đi. Nàng đến vào lúc tiếng đàn lòng nàng đang lên với ánh sáng thanh bình của vũ trụ. Nàng say sưa nghe, thu hút vào lòng tất cả âm ba tiếng đàn đã tỏa ra không gian. Bản đàn dừng, nàng bảo chàng:
- Anh cho em nói chuyện đã.
- Ai đấy?
- Em đây, Công chúa vua Sư Bạc đây.
- Công chúa muốn nói gì?
Nàng chân thành và tha thiết quên hết cả dè dặt. Nàng bất chấp người chung quanh:
- Em nguyện theo anh.
- Công chúa theo tôi? Theo thế nào được! Và, Công chúa theo chi một người ăn mày?
- Em quyết định rồi, vua cha em không cấm em được nữa là!
Đồng thời hai người nói chuyện thì trong kia hoàng cung, Hoàng đế Sư Bạc tức giận lắm. Ông muốn hạ lệnh bắt chém ngay người ăn mày có tiếng đàn cảm động lòng con ông. Nhưng ông nghĩ:
- Ta vi hành xem nó thế nào mà con ta cảm được. Làm to chuyện chỉ bây tiếng.
Lẫn lộn vào đám người nghe đàn, ông nhìn rõ, bỗng giựt mình:
- Sao giống Hoàng tử Thiện Hữu?
Quái lạ! Không lẽ. Nhưng khuôn mặt kia?…
Ông nghĩ ngay một kế. Về gọi một vị sứ giả trung thành ông bảo:
- Nhà ngươi vì ta qua vấn an Hoàng đế La Xà, và hỏi thăm Hoàng tử Thiện Hữu.

Ngay ngày hôm ấy, sứ giả lên đường. Sư Bạc nằm chờ.
Trời đã về chiều, Hoàng hậu bảo:
- Hoàng đế cho người ra bắt con về chứ sao để vậy?
- Bắt về làm gì? Xem như nó không còn nữa!
- Nhưng tai tiếng?
- Thì làm sao được? Bắt nó về thì hết tai tiếng à?
Vợ chồng Hoàng đế Sư Bạc cho rằng đó là việc xấu. Phong tục và quần chúng bảo đó là tiếng xấu, nhưng một điều lạ là những người nào nghe được tiếng đàn và thấy được hình dung Thiện Hữu - họ chỉ biết cái thật ấy, họ làm gì biết cái danh Hoàng tử của chàng - họ đều cảm mến đức hiền của chàng. Ở chàng đã tỏa ra một cái gì bao bọc mọi người. Họ biết và có kẻ hôm nay thấy tận mắt Công chúa vua họ theo Thiện Hữu.
Nhưng họ cho là chuyện phúc. Họ trái tất cả tập quán và không suy nghĩ, không phân tích, không lý do. Thì ra đức hiền của người có khi đảo lộn cả tập tục, đúng hơn cả một quan niệm xã hội.
Chính họ khuyên Thái tử, khi chàng từ chối Công chúa.
- Người bằng lòng đi. Người đỡ lận đận cho chúng tôi mừng. Cho tiếng đàn người còn mãi mãi với chúng tôi.
- Nhưng phiền cho Công chúa và cho tôi lắm. Tôi biết… Uy quyền của một ông vua, khi ông bất bình. Tôi, kẻ ăn mày thì sợ gì ai, nhưng thân công chúa! Nói gì công chúa cũng không nghe. Nàng về với chàng trong sự hoan hỷ của những người mục kích đang thân mến nhìn theo.
Thiện Hữu tuy được vợ hiền, nhưng chàng không thay đổi. Tiếng đàn chàng đêm khuya vẫn trỗi dậy. Tiếng đàn bi thảm biểu diễn nỗi khổ vô biên của kiếp người, tiếng đàn cao hùng bộc lộ chí cao, cái hạnh cả muốn giúp người, cứu khổ cho người, tiếng đàn dũng mãnh toát hết cái chí hiên ngang của đấng đại trượng phu. Có khi tiếng đàn như tung không gian mà lên, có lúc như dấn mình xuống lao khổ… Có đêm điệu đàn bỗng lạc điệu: một điệu buồn thảm của kẻ nhớ cha, nhớ mẹ. Điệu đàn nghe chết cả lòng.
Công chúa sống cạnh chàng, lòng lên xuống đúng tiếng đàn của chàng. Nàng lấy làm lạ: Người ấy, tiếng đàn ấy, Công chúa nghĩ:
- Khả nghi lắm!
Nàng khóc:
- Anh dấu em!
- Quái lạ, anh dấu gì?
- Anh không phải là kẻ ăn mày!
- Thế là gì đây?
- Em khổ lắm! Anh dấu tông tích của anh! Anh, Anh nói rõ cho em. Tiếng lòng ta không đứt sao ta giấu nhau?
- Em nghĩ rằng một kẻ ăn mày, không thể đàn những tiếng đàn tuyệt đích?

- Nhưng em nghe ra: Tiếng đàn anh, lòng anh, nhất định không như tông tích anh nói! Anh nói cho em rõ đi.
Thiện Hữu buồn rầu:
- Anh dấu em làm gì? Nhưng nói em cũng chẳng tin được! Đời tin người mù mắt là kẻ ăn mày là dễ, Chứ tin thế nào được người mù là hoàng tử con vua!
- Thế anh là một Hoàng tử?
- Em không tin? Phải. Nhưng nói thật em biết anh, Hoàng tử Thiện Hữu đây!
Công chúa giật mình:
- Anh không biết em là vị hôn thê của Hoàng tử Thiện Hữu đấy chứ?
- Anh không muốn em tin rằng anh là một Hoàng tử, chứ đừng nói là Hoàng tử Thiện Hữu anh không phủ nhận, nhưng chí anh không phải là một ông Hoàng, hay một Hoàng đế.
- Em cũng muốn như vậy. Em muốn rằng anh là một người nào như tiếng đàn cao vút của anh kia!
- Nhưng anh nhớ phụ hoàng và mẫu hậu lắm. Lòng anh thương người đến lắm lúc anh nghĩ sống làm chi khi mọi người đau khổ, nữa là với cha mẹ!
- Thế anh quả là Hoàng tử Thiện Hữu?
- Nếu anh không dối, thì nguyện bảy hôm nữa anh được tin cha mẹ anh…
Hoàng tử Ác Hữu khi đâm mắt anh xong, chàng về ra mắt cha mẹ, đưa viên ngọc Như Ý ra:
- Tâu phụ hoàng và mẫu hậu! Anh con mất rồi!…
Vợ chồng Hoàng đế La Xà chỉ nghe có thể đã ngất đi. Hai vợ chồng khóc mù mắt rồi, ánh sáng không còn nữa, mà tin con ngày càng im bặt.
Hoàng đế La Xà không dám tin rằng con chết, nên càng buồn, càng khóc.
Con nhạn của Hoàng tử Thiện Hữu nuôi, con nhạn khôn ngoan mà hai vợ chồng Hoàng đế buộc tin và cho nó đi kiếm Hoàng tử, cũng bay đi đâu biền biệt.
Vợ chồng Hoàng đế La Xà sống trong sầu khổ cho tới hôm nay, có tin sứ giả Sư Bạc đến…
- Công chúa hạ thần kính dâng lên đại Hoàng đế lời vấn an cầu chúc.
- Có thế thôi?
- Và vấn an Hoàng tử Thiện Hữu.
Hoàng đế La Xà lại ngất đi. Sứ giả biết có điều lạ. Tìm dịp kín đáo, sứ giả gặp La Xà hỏi rõ những điều Sư Bạc dặn. Ông kết luận thầm kín:
- Nếu vậy thì chắc chắn người ấy là Hoàng tử Thiện Hữu rồi. Và có thể Ác Hữu đã hại anh mà lấy ngọc đem về.
- Ta cũng nghi như vậy?
Và La Xà hạ ngục ngay Hoàng tử Ác Hữu và cất kỹ viên ngọc Như Ý. Hôm sau cho người hoàng gia lên đường với sứ giả Sư Bạc.
Hoàng tử Ác Hữu khi bị bắt hạ ngục, chàng chỉ cười thầm:

- Việc thành rồi vậy!
Và mấy hôm nữa, dân chúng hoan hỷ tưng bừng đón rước Thiện Hữu như đón rước một ân nhân, hơn nữa, một người bạn.
Hoàng tử Thiện Hữu về với vợ giữa sự hoan lạc của dân chúng, sau ngày được tin cha mẹ, đúng vào ngày thứ bảy chàng nguyện với vợ. Dân chúng cảm động ứa nước mắt, thấy Hoàng tử đui mù vì mình. Thương tâm hơn nữa, khi họ thấy Hoàng tử vịn vay vợ đến ôm lấy cha mẹ, ba người mù khóc với nhau trong một lòng thương.
Và quay lại dân chúng theo vợ chỉ dẫn, chàng cầm nước mắt nói:
- Tôi không ngờ gặp lại được cha mẹ và bà con. Chí nguyện tôi đã đạt. Bà con sẽ no đủ. Chỉ tiếc rằng tôi không được cùng bà con sống trong ánh sáng. Nhưng tôi hoan hỷ. Lòng thương không cần ánh sáng mới gặp nhau. Bà con tạm về. Trong đời sống an lạc ngày mai, mong bà con gắng thương nhau và làm điều thiện.
Lời nói Hoàng tử, đúng hơn là lòng thương của Hoàng tử, lúc ấy đối với dân chúng, quả là đã cho họ mỗi người một viên ngọc Như Ý vậy.
Đức Thế Tôn tự kể tiền thân của mình rồi bảo đại chúng:
- Các con! Ác Hữu là ai các con có biết không? Là Đề Bà Đạt Đa vậy. Nhưng các con đừng tưởng Đề Bà Đạt Đa là người ác. Đời đời kiếp kiếp, ta nhờ thiện tri thức Đề Bà, mà ngày nay thành Phật Đà. Đề Bà dùng nhiều phương tiện vi diệu, khiêu khích và tác thành cho ta phát bồ đề tâm, tu bồ tát hạnh và thành vô thượng giác. Này A Nan! Con hãy thay ta xuống địa ngục thăm Đề Bà.
A Nan Tôn giả vâng lời, khi gặp ngài Đề Bà, Tôn giả cung kính thưa:
- Đức Thế Tôn kính lời thăm Ngài.
- Đức Thế Tôn giáo hóa có dễ dàng không? Chúng sanh giác ngộ có nhiều không?
- Nhiều và rất dễ dàng.
- Thế là ta mãn nguyện.
- Ngài ở địa ngục có khổ lắm không?
- Người nhập Tam thiền có vui không?
- Vui nhất thế gian, một thứ vui thanh tịnh từ trong đến ngoài.
- Ta ở địa ngục như ở Tam thiền.
Phật dạy:
- Bồ tát đại sĩ dẫn tiến chúng sanh bằng đại phương tiện chịu đủ khổ sở lớn mà không thấy gì là khổ vui.
Và kết luận:
- Các con! Nhờ Thiện tri thức mà ta biết ân báo ân cha mẹ và chúng sanh, nhờ thiện tri thức mà ta độ chúng sanh thành Phật Đà. Vậy các con phải biết ân báo ân của các vị thiện tri thức.

Trích báo: Viên Âm

Chỉ có lòng thương chân chính.
Và rộng rãi mới cảm hóa được quần chúng.

Kẻ Bỏn Xẻn Bị Phạt

Ngày xưa ở gần thành vua nước Xá Vệ, có ông Lô Chí, nhờ thừa hưởng của phụ ấm và thêm hà tiện có tiếng "Rán sành ra mở được trở nên triệu phú ít ai bì".
Một hôm trong thành có tổ chức cuộc lễ công cộng linh đình, tiếng pháo vang rền, trống kèn inh ỏi đưa lọt vào tai, thêm trước mắt hình ảnh nam thanh nữ tú dập dìu ngựa xe đông đúc kéo nhau rộn rịp vào thành dự hội, làm cho Lô Chí thấy trong người cũng hân hoan. Ông vội vàng vào nhà mở tủ lấy ít đồng tiền lẻ, định ăn xài một bữa cho ngỏa nguê. Xuống nhà bếp hốt một nắm muối, lấy một cái chai, gói cột lại một đùm, Lô Chí mang đi xem lễ, không ngượng ngùng gì cả.
Vào thành, sau một hồi bách bộ ngóng xem cảnh đẹp phố phường, trưởng giả nhà ta mỏi mệt bụng bắt đói, miệng thèm ăn. Ông ghé vào quán mua thêm ít cái bánh và rượu, rồi đi ngay ra ngoại ô tìm chỗ vắng người định dùng bữa. Đến một gốc cây to, ông vừa ngồi xuống mở nút trút ve, thì bỗng nghe tiếng kêu "quạ quạ!" trên không. Sợ lũ chim ô tinh ranh xớt bánh, ông lật đật đứng dậy chạy một hơi tuốt ra đồng không mông quạnh, một mình ăn uống. Rượu vài tuần, ông trưởng giả hứng chí đứng lên múa hát nghêu ngao, lúc cao hứng ông lại lớn tiếng tự hào:
"Bực vua Trời (Đế Thích) hôm nay cũng không sướng bằng ta, huống nữa là các vị Tứ Thiên Vương!". Rủi cho ông lúc đó ông Đế Thích với các vị hiền thánh đi ngang qua đồng đến tịnh xá Kỳ Hoàn nghe Phật thuyết pháp. Vừa nghe được lời ngạo nghễ của Lô Chí, vua Trời nghĩ ra một kế phương tiện để hóa độ người ngu si hết tật bỏn sẻn. Ngài liền hiện thần thông biến ngay một ông Lô Chí giả giống hệt Lô Chí thiệt, chạy thẳng về nhà ông trưởng giả. Lô Chí giả hối tất cả người nhà tựu họp lại nói chuyện. Ông thưa với mẹ rằng: Bấy lâu nay con bị con ma bỏn sẻn ám ảnh mất hết trí khôn. Nó không cho con chủ trương một việc gì có đạo nghĩa cả. Bao nhiêu tiền kho nó cũng cấm con đem cung phụng mẹ già, cấp dưỡng con cái, dâu rễ. May mắn thay! Ngày hôm nay, nhân dịp tiết hội, con đi chơi trong thành, gặp ông đạo sĩ cao tay ấn đuổi con ma tham lam ấy ra khỏi mình con. Từ đây cả nhà chúng ta đều được hạnh phúc. Ông lại dặn thêm rằng: "Con ma bỏn sẻn ấy giống con không sai chút nào. Nếu nó có đến, thì nội nhà ai ai cũng phải giúp con đánh

đuổi nó ra khỏi cửa".
Dăn dò xong, ông vào kho tuôn tiền bạc ra cho người đi chợ thuê nhạc, mua pháo và sắm đủ món ngon, vật lạ làm tiệc linh đình, thiết đãi tất cả lục thân quyến thuộc, tôi trai tớ gái trong nhà và lối xóm láng giềng không sót một ai cả. Ông bảo đóng cửa rào lại không cho con ma bỏn xẻn vào, để ông đem các đồ quí báu ra phân phát cho mọi người xong, rồi sau sẽ cho nó vô. Ông dâng cho mẹ quần áo quí giá, phát cho vợ, con, dâu, rễ vàng ngọc bạc tiền. Tay phải ông dắt mẹ, tay trái ông dắt vợ đi viếng thăm kho tiền trong lúc tiếng hát hoà với giọng đàn, giữa mùi thuốc pháo pha lẫn hương trầm. Thật là cuộc vui hi hữu trong nhà ông trưởng giả lần thứ nhất vậy.
Lô Chí thiệt tỉnh rượu trở về nhà. Thấy thiên hạ rất đông đảo bao vây quanh nhà mình, trong nghe có tiếng đàn hát trống kèn inh ỏi, ông lấy làm ngạc nhiên và sợ hãi. Ông cố sức chen lấn người vào đến cửa rào kêu gào lạc giọng người nhà, nhưng không ai lên tiếng. Lô Chí giả biết Lô Chí thiệt đã về, dạy người ra mở cửa rào. Ông trưởng giả chạy thẳng vào nhà. Khi ấy mọi người đều la lên rằng:
"Ma bỏn xẻn đến kia rồi! Hãy đề phòng sẵn sàng đánh đuổi nó".
Lô Chí trưởng giả thấy một người giống in mình ăn mặc sang trọng, có vẻ trang nghiêm, ngồi ăn uống với mẹ, vợ, con, gái, dâu, rể một cách tự nhiên. Ông lại gần hỏi: Ngươi là ai? Sao được vào nhà ta hoành hành phung phí như thế?
Vua Trời tươi cười hỏi lại: Ngươi là ai?
- Tôi là Lô Chí, chủ nhà này chớ ai. Bà này là mẹ tôi, cô kia là vợ tôi, đám nọ là con cái, dâu, rễ tôi.
Tất cả người trong nhà đều phản đối. Bà mẹ nói "Con ma bỏn xẻn, mày giống con tao thiệt, nhưng tao nhìn nhận đứa con hiếu thảo, mà từ bỏ đứa con bội nghịch". Bà lại kêu nàng dâu nói: "Con ma bỏn xẻn xưng là chồng mầy, sao không lại gần nó đi".
Nàng dâu đỏ mặt, nạt dội trưởng giả: "Đồ quỷ nói xàm! Hãy đi cho khỏi nhà này, thứ bỏn xẻn ai mà có yêu".
Vua Trời nói: Các ngươi đều công nhận tôi là Lô Chí, chủ nhà này thì sao còn để ma bỏn xẻn ở đây làm gì? Tức thời kẻ thộp gậy, người quơ roi đuổi xua trưởng giả chạy dài một nước. Ra đường ông ta tay bức tóc, chân dậm đất, miệng kêu trời, khóc kể rối rít như người mất trí. Một ông lão thấy vậy thương tình, cho mượn tiền sắm lễ vật đến vua cầu xin minh oan. Đến bệ rồng, trưởng giả Lô Chí vừa cúi đầu dâng hai tấm lụa lên bỗng bị Đế Thích dùng phép thần thông biến hai tấm lụa thành hai bó cỏ khô. Lô Chí chết điếng sợ tội khi vua, mặt mày tái mét, run rẩy lập cập nói ra không được lời nào.
Vua lấy thế làm thương, hỏi các người theo Lô Chí biết việc làm sao tâu

giùm rành rẽ.
Bạn của Lô Chí tâu rằng "Muôn tâu bệ hạ, hôm qua ông Lô Chí vừa đi dự lễ trong thành, thì có một người giống hệt như ông, tự xưng là Lô Chí, đi ngay vào nhà ông, tự do hoành hành, tiêu xài hết của cải. Ông Lô Chí về, người nhà gọi rằng ma bỏn xẻn không nhìn, đánh đuổi. Ông Lô Chí uất ức quá nên đến xin Thánh hoàng minh xét".
Vua nghe tâu rồi cho người bắt kẻ giống như Lô Chí đến hầu.
Lô Chí giả, chính là Đế Thích, đến trước bệ rồng. Vua xem tiên cáo, hai người in như khuôn đúc, không biết thế nào mà phân biệt giả thiệt. Vua suy nghĩ một chập rồi nói với bị cáo rằng: Lô Chí xưa nay vốn rít róng không dám xài tiền. Còn nhà ngươi tâm tánh rộng rãi, biết thi ân bố đức cho mọi người. Trẫm xét tính tình khác nhau như thế thì đủ biết thật giả lắm rồi, nhà ngươi cứ việc khai ngay.
Đế Thích đáp: "Bệ hạ phán lời ấy có lý, song gần đây tôi mới hấp thọ giáo pháp của Đức Phật Thích Ca, bỏ tà theo chánh, nên tôi phát tâm bố thí, dứt sạch thói bỏn xẻn đê hèn ngày xưa".
Vua hỏi quần thần có ý kiến gì hay giúp ngài minh oan.
Ông Túc Cầu tâu "Xin bệ hạ hỏi các việc bí mật ở trong nhà và trong thân thể thì biết được sự chơn giả". Vua đưa cho hai người vào phòng riêng bắt làm khai của cải và những việc cần mật. Thì hai tờ sớ khai trình sản nghiệp và sự bí mật đều giống nhau cả. Vua lấy làm lạ. Ngài hạ lệnh đòi mẹ Lô Chí vào hầu.
Vua hỏi: "Trong hai người này: ai là thiệt con bà?
Đế Thích nói nhỏ trong tai bà ấy: "Xin mẹ chớ để con bị con ma bỏn xẻn ám ảnh nữa".
Bà cụ chỉ Đế Thích: "Người này có lòng hiếu thảo với tôi. Còn người kia bạc bẽo lắm, quyết không phải là con tôi. Tôi căn cứ vào tánh nết tốt xấu mà thừa nhận, chứ hình vóc, tiếng tăm không phân biệt được.
Vua lại hỏi:
- Con bà có dấu vết gì? Ở trong chỗ ẩn mật hay không?
Bà cụ tâu:
- Ở dưới nách bên tả con tôi có một nút ruồi đen bằng hột đậu nành.
Đế Thích nghe lập tức biến nốt ruồi ngay ở nách để đợi khám nghiệm.
Vua truyền hai người cởi áo, đưa tay trái lên coi, thì thấy người nào cũng có nốt ruồi đen như nhau. Vua và quần thần hết sức ngạc nhiên đồng cười rộ.
Vua thú nhận rằng Ngài không phương giải quyết. Ngài nhất định thân hành đem nội vụ đến tịnh xá Kỳ Hoàn cầu Phật phân đoán.
Đến trước Phật đài, vua lễ Đức Như Lai và bạch rằng: "Lạy Đức Thế Tôn, chúng con đem hết tài năng suy cứu cũng không làm sao phân biệt được hai người này ai là Lô Chí thiệt ai là Lô Chí giả. Mong cần Đức Như Lai dùng

Phật nhãn phân giải giùm kẻo tội nghiệp ông Lô Chí trưởng giả".
Bạch rồi, vua phán dẫn hai ông Lô Chí đến trước Phật đài. Đại chúng ngồi yên lặng đợi nghe Đức Thế Tôn minh đoán.
Bị cáo Lô Chí giả, thân thể khác thường mặt mày vui vẻ, ngồi yên lặng chỉnh tề. Tiên cáo, Lô Chí thiệt thân hình tiều tụy, quần áo rách rưới, bẩn thỉu, mặt mày lem luốc, ra dáng đau khổ. Ông khóc mướt, bạch rằng: Lạy Đức Thế Tôn, xin đấng cha lành làm cho con khỏi sự oan ức.
Bị cáo, ông Đế Thích thấy Lô Chí khổ não quá thì mỉm cười.
Đức Như Lai cất cánh tay vàng thần quang rực rỡ chói lòa, phá tan mọi vật mờ ám tối tăm, không còn vật nào ẩn hình vào đâu được nữa. Đức Phật hỏi Đế Thích rằng "Ngươi làm gì thế?".
Lô Chí giả lập tức biến mất, hiện nguyên hình là Đế Thích, khắp mình hào quang chói rạng, tướng mạo trang nghiêm, chắp tay hướng trước Phật đài đọc bài kệ rằng:
Cái người bỏn sẻn ngu si
Không hay bố thí giúp gì cho ai,
Năm đồng bánh rượu một chai
Đem ra nơi vắng ngồi nhai một mình
Say rồi múa hát linh đình
Lớn lời tự thị dám khinh cả trời
Muốn cho tánh nó đổi đời
Quyền phi phương tiện nên tôi trá hình.
Phật bảo Đế Thích: "Tất cả chúng sanh đều có tội, nên hoan hỷ cho nó".
Trưởng giả Lô Chí than với Đế Thích rằng: "Tôi chịu khổ sở nhiều năm mới trích trữ được tiền của cho đầy kho. Nay bị Ngài huy hoặc phá tan hết trơn, tội nghiệp tôi quá!".
Đế Thích đáp rằng: "Ta không hề tiêu phá của ngươi đồng nào".
Trưởng giả Lô Chí còn hoài nghi.
Phật dạy rằng: "Ngươi hãy an lòng tin chắc, cứ về kiểm điểm lại đi, không mất một tí gì đâu cả."
Lô Chí tin lời Đức Phật, bao nhiêu phiền não đều tiêu tan. Ông kính cẩn lễ Phật rồi vội vã trở về nhà.
Thuật giả: Thích Trường Lạc

Vàng Hay Rắn

Khi Đức Phật còn tại thế, một hôm Ngài cùng hai vị đại đệ tử A Nan và A Nan Đà từ non Thứu Lãnh đi xuống kinh thành khất thực. Đi giữa đường, ngang qua một bờ lở, Ngài thấy một ghé vàng.
Đức Phật dừng lại bảo A Nan Đà rằng:

“Này A Nan Đà! Người có thấy đây là một loài rắn độc không?”. Ngài A Nan Đà cung kính bạch rằng: “Bạch Thế Tôn thật là một loài rắn độc đáng sợ hãi”. Có chàng tiều phu đứng gần nghe vậy, tưởng có gì độc thật vội vàng đến xem.
Anh đến, thấy một ghè niêm phong cẩn thận, mở ra xem. Anh mừng quá. Vàng toàn là vàng. Vàng ngọc quý cả. Anh cười thầm Phật và đệ tử Ngài không biết dùng thứ ấy, còn cho nó là rắn độc. Anh ta cẩn thận, hớn hở mang về. Trước khi đem về, anh ta sung sướng la lên rằng:
“Tôi xin nguyện con rắn độc nầy luôn luôn cắn tôi và cắn cha mẹ, vợ con, quyến thuộc tôi. Tôi không cảm thấy đau đớn gì hết”.
Anh chàng tiều phu kia trở nên một người trưởng giả giàu có kiêu sa: nào là nhà cửa, ruộng vườn, tôi tớ, bò trâu, xe cộ, cực kỳ sung túc và lộng lẫy. Làng xóm thấy vậy đâm ra nghi kỵ, không biết anh vì sao giàu sang đột ngột như vậy?
Tiếng đồn vang đến tai vua A Xà Thế. Vua cho sứ giả đến hỏi: “Có phải được của kín nhà vua chăng?”. Anh ta ấp úng trả lời: “Tôi giàu là tôi giàu; tôi cũng không được chi của nhà vua cả”.
Sứ giả về tâu lại.
Vua cho gọi đến hỏi. Anh cũng ấp úng trả lời như củ. Cho là người gian, vua ra lệnh tịch thâu gia tài điền sản và bắt anh ta và tất cả bà con quyến thuộc đem đi hành hình.
Khi đi giữa đường anh ta khóc lóc, buồn bã và la lớn rằng: “Ngài A Nan Đà ơi! Thật là một thứ rắn độc! Rắn độc nó đang cắn tôi và cắn bà con của tôi đây”.
Theo luật vua A Xà Thế, ông vua thật hành Phật Pháp, mỗi khi muốn xử tử một người nào, giữa đường nếu có gì lạ phải trở về tâu lại ngay. Bọn lính nghe chàng ta gọi mãi Ngài A Nan Đà, bèn trở về tâu lại vua hay.
Vua đoán chắc có chuyện lạ, nên ra lệnh đem anh về. Vua hỏi lại lần này anh ta mới chịu thưa thiệt nguyên do được ghè vàng, nghe xong, vua cảm động ân hóa dụ của Đức Phật và bảo chàng tiều phu rằng: “Tội ngươi đáng chết, nhưng may duyên gặp Đức Thế Tôn. Ta cũng là người Phật tử, ta phóng thích cho người và bà con người. Người được phép đem gia tài và châu báu về. Người phải đổi tự tâm tu theo thiện nghiệp và hết lòng cung kính cúng dường Tam Bảo.”
Chàng tiều phu được phóng thích, sung sướng vô cùng. Cảm mến ân Phật được sống, chàng về chỉ lo tu phước đức và hết lòng cúng dường Tam Bảo. Không bao lâu, nhờ công đức và lòng thành kính ta hành, anh ta được chứng quả giải thoát.
Ta phải làm chủ tiền bạc,
Đừng để tiền bạc làm chủ ta.

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập I - 4

Phước Báo Hiện Tiền

Ngày xưa ở xứ Hòa Na, dân chúng phần nhiều tín ngưỡng Phật giáo. Có vợ chồng chàng Kế Sa La cũng nhờ ảnh hưởng tinh thần ấy, mà nổi tiếng đôi vợ chồng hiền đức.
Nhà Kế Sa La rất nghèo, hằng ngày phải vất vả hai sương một nắng, tranh đấu với bát cơm manh áo; nhưng vợ chồng vẫn vui vẻ thân mật, an phần trong cảnh thanh bần, không bao giờ vì tiền tài danh vọng, mà làm hoen ố được lòng trong sạch của đôi vợ chồng chàng. Ngoài ra, chàng lại không quên đem chánh pháp mà mình đã hiểu biết, khuyến khích mọi người trở về đường thiện; mà chàng có thể đảm đương.
Thuở ấy, miền ngoại ô xứ Hoà Na vừa bị mất mùa, lại thêm nạn tật dịch, nên dân chúng miền ấy đói và chết rất nhiều. Các nhà hảo tâm trong xứ hiện thời, hoặc chung hoặc riêng, đến chùa tổ chức nhiều cuộc bố thí. Trước nhờ các Tăng sĩ cầu nguyện cho những kẻ vừa bỏ mình vì tật dịch được siêu thoát và nạn tật dịch đương hoành hành mau chấm dứt; sau đem các phẩm vật phân phát cho các nạn nhân đói khổ.
Vì vất vả theo sinh kế, vả lại cũng ít lui tới các phương xa, nên nạn tật dịch đói kém hoành hành ở ngoại ô vợ chồng Kế Sa La không hay biết gì cả.
Theo lệ thường, sáng nào Kê Sa La cũng cùng vợ chia nhau đến các nhà điền chủ để làm mướn. Nhưng lạ thay, sáng nay Kế Sa La đi một đoạn đường lại gặp những vị trưởng giả, khăn áo chỉnh tề, theo sau những tên gia đinh hì hục mang gánh gạo cơm mền áo… gặp hai ba phen như thế, Kế Sa La khống ngớt ngạc nhiên, dừng lại hỏi: Chàng mới biết vùng ngoại ô đang bị nạn và những bậc trưởng giả này đem các phẩm vật đến chùa để mở cuộc bố thí. Bị kích thích bởi tình đồng loại, lại thêm tủi cho số phận nghèo nàn của mình; trong khi đồng bào đang lâm cơn đói khổ mà mình không có một quan tiền, một đấu gạo, một viên thuốc đỡ đần. Càng nghĩ chàng càng đau đớn sầu tủi! Trong trí chàng hiện ra nhiều dấu hỏi: làm thế nào có tiền để giúp đồng loại? Và chàng nguyện rằng: nếu làm cách nào có tiền gạo để bố thí dù thân bị đọa đày suốt đời chàng cũng vui lòng đổi lấy. Đến đây, Kế Sa La không còn thiết gì đến ăn làm nữa, lủi thủi về nhà.
Tối đến vợ chàng về, thấy chồng mặt mày ủ rũ, ngồi một mình thở ngắn than dài hình như bất đắc chí vì một việc gì… Chị vợ lo sợ hỏi chồng, nhưng

chàng tìm cơ thối thoát không trả lời, vì chàng biết trước rằng: nếu đem sự thật nói với vợ, đã không ích gì mà lại gieo thêm cho vợ mối sầu tủi như mình, nhưng sau hai ba phen thiết tha gạn hỏi của vợ, Kế Sa La không nở giấu giếm nữa mới đem đầu đuôi câu chuyện thuật lại vợ nghe. Vợ chàng không kém gì chàng, cũng sầu, cũng tủi, cũng thở than như chàng! Nhưng sau một hồi suy nghĩ, chị vợ hăng hái nói: nếu chàng bằng lòng chị ta sẽ đến giúp việc cho các nhà phú hộ, thế nào cũng nhận đặng một số tiền, để làm việc bố thí. Kế Sa La không tán thành, và chàng không nở để cho vợ: nữ nhi yết ớt một mình đem thân thể làm tôi mọi người.

Chị vợ lại nói: Hay là cả chúng ta đều đến ở giúp việc cho một nhà đại phú, trước nhận được một số tiền lớn để bố thí, sau có thể giúp đỡ nhau trong những công cuộc nặng nề. Ý kiến này được Kê Sa La hoan hỷ tán đồng. Thế là sáng mai đôi vợ chồng Kế Sa La lên đường đến một nhà đại phú ở cạnh làng, xin giúp việc và nhận trước một số tiền.

Vốn nghe vợ chồng Kế Sa La là người hiền đức, nên nhà đại phú kia bằng lòng ngay và cho vợ chồng Kế Sa La mượn trước một năm quan tiền, lại được phép về nhà bảy ngày để sắp đặt công việc; và nếu trong bảy ngày ấy vợ chồng Kế Sa La đem đủ số tiền hoàn lại ông, ông cũng vui lòng trả quyền tự do cho vợ chồng chàng.

Tiền bạc giấy tờ, vợ chồng Kế Sa La hết sức vui mừng, đi vào chợ mua các phẩm vật… và đến chùa Đàn Ba gần đấy, xin thiết lập cuộc bố thí ngay tại chùa, sau sáu ngày chú nguyện, đến ngày thứ bảy sẽ phân phát các phẩm vật. Việc làm ấy rất thích hợp với hạnh Từ Bi, lại thấy lòng chí thành của vợ chồng Kế Sa La, nên các Tăng sĩ trong chùa đều tận tâm giúp đỡ, để cho cuộc bố thí này được thập phần viên mãn.

Chiều ngày ấy, Quốc vương bản xứ cũng cho người chuyên chở rất nhiều phẩm vật đến chùa Đàn Ba mở hội và cũng định ngày thứ bảy bố thí. Vị Trú trì chùa Đàn Ba tâu vua: ngày ấy đã có vợ chồng Kế Sa La định mở hội trước rồi, yên cầu nhà vua chung vào hội bố thí ấy, nếu không xin hoãn lại ngày sau. Nhà vua phán: Trẫm thiếu gì tiền bạc mà phải chung chạ với người khác và trẫm đây đường đường một vị quốc chủ, Kế Sa La nào đó lại không vì trẫm mà nhường cho trẫm được như nguyện, hay sao? Vị trú trì đem lời thuật lại với vợ chồng Kế Sa La. Kế Sa La nhờ vị trú trì tậu lại nhà vua: Vợ chồng chàng xin chịu tội, chứ không thể thay đổi cuộc bố thí qua ngày khác.

Với ý định kiên quyết ấy, nhà vua hết sức ngạc nhiên, cho đòi vợ chồng Kế Sa La vào hỏi. Tiếp diện nhà vua, Kế Sa La đem hết cả sự tình tâu rõ là: Vợ chồng chàng đã bán mình cho một nhà địa chủ lấy tiền mở hội bố thí, đến ngày thứ tám đã chính thức làm tôi tớ cho người, không còn đi lại tự do nữa.

Nghe xong câu chuyện, nhà vua hết sức cảm phục cử chỉ của vợ chồng Kế

Sa La. Ngài bùi ngùi than rằng: nếu trong quốc độ này mà được nhiều người có "tâm từ" như vợ chồng Kế Sa La, thì còn đâu những kẻ tham lam ích kỷ, lường gạt đồng bào và còn đâu những kẻ bơ vơ trong xó chợ đầu đình, lê mình khắp xứ, mà không đủ chén cơm lót dạ, manh áo che thân!
Tức thì nhà vua lại sai người đem vàng bạc ra ban thưởng và hạ chiếu cấp cho vợ chồng Kế Sa La được trọn đời hưởng quyền lợi trong mười xã. Ngài lại kêu vợ chồng Kế Sa La đến phán rằng: "Đây là PHƯỚC BÁO HIỆN TIỀN" của hai người đó và trẫm vui lòng nhượng hai người mở cuộc bố thí vào ngày thứ bảy để cho hai người được toại nguyện".
Vợ chồng Kế Sa La cảm động lạy tạ ơn vua. Và đôi vợ chồng ấy, không quên niệm hồng ân đức Phật đã tác thành cho vợ chồng chàng: "đức tánh Từ Bi, nâng cao Đạo sống". Nên nay mới gặp nhà vua đức độ, đem lại cho vợ chồng chàng đến cuộc đời sung sướng giàu sang.
Thuật giả: Thích Đức Tâm
Dắt một người mù qua đường, cho người đứt tay miếng giẻ rách, lượm cây gai giữa đường, cho con kiến hạt cơm, đều gọi là bố thí.

Con Dao Trong Tâm

Ngày xưa ở thành Xá Vệ nước Ấn Độ, đức Phật đến giáo hoá độ cho một gia đình kia, hai vợ chồng đều cá tánh tham lam độc ác, không biết tôn trọng đạo đức. Ngài liền hóa một vị đạo nhân, mang bình bát đến khất thực. Lúc ấy người chồng đi vắng, người vợ ở nhà, thấy vị đạo nhân vào liền mắng chửi ầm lên. Vị đạo nhân hiền từ nói:
"Tôi là người tu hành, chỉ xin ăn mà tự sống. Lòng chỉ mong gia chủ cho bát cơm để đỡ lòng, cớ sao lại mắng chửi tôi đủ điều thậm tệ như vậy".
Người vợ tức giận hét ngược lên, thì vừa người chồng về, trong tay sẵn cầm cao dao bén, chẳng nói chẳng rằng, người chồng lặng lẽ xông tới, định chém đạo sĩ. Bỗng một bức thành băng pha lê hiện lên, bao bọc người đạo sĩ, bức thành trong sáng, kiên cố, không có cửa, người chồng đến xô đập, đâm chém đủ cách cũng không sao chuyển được.
Người chồng liền nói: "Ông hãy mở mau cho tôi vào với".
Vị đạo sĩ trả lời: "Được, nhưng ông hãy quăng con dao bén đi đã".
Người chồng tự nghĩ: "Mình to lớn như thế này, còn người đạo sĩ bé nhỏ thế kia, mình dùng hai tay không cũng đủ giết chết vị ấy trong giây lát". Nghĩ đoạn, liền quăng con dao bén đi xa, nhưng sao bức thành pha lê vẫn nguyên như củ, người chồng tức giận hét lên:
"Tôi đã quăng con dao bén đi rồi sao ông không chịu mở cửa cho tôi vào".
Vị đạo sĩ đáp: "Không, tôi không có nói ông quăng con dao bén trong tay ông, tôi muốn ông quăng con dao bén trong tâm ông kia mà".

Người chồng giựt mình kinh sợ, nhận thấy vị đạo sĩ thấu hiểu tâm lý thầm kín của mình, nên đã bớt độc ác, cúi đầu lạy tạ, ăn năn hối lỗi. Bức thành pha lê kiên cố ấy bỗng biến mất, vị đạo sĩ hiện thành Đức Phật, phóng muôn ánh hào quang chói sáng rực rỡ một phương trời, và ngay khi đó Đức Phật thuyết pháp để hóa độ cho hai vợ chồng người ấy.
Trích báo: Viên Âm
Tâm bình thế giới bình

Người học trò bị thầy gạt được Phật độ

Thuở xưa, tại thành Xá Vệ có ông Phạm Chí làm cố vấn cho nhà vua, mở trường giảng đạo Bà La Môn, thâu được một số học trò rất đông. Trong đám đệ tử của ông, có chàng Ương Quật Ma là một ngôi sao tỏ rạng: Văn đã giỏi, võ cũng hay, nết na thuần tuý, thêm diện mạo khôi ngô. Ai biết được Ương Quật Ma rồi cũng trầm trồ khen ngợi là người tài đức song toàn.
Người vợ của ông Phạm Chí lại chú tâm yêu thầm trộm mến đứa học trò tài giỏi của chồng. Nhân lúc chồng đi vắng, nàng phấn son trang điểm xạ ướp hương xông đến nhà Ương Quật Ma đường đột vào phòng liếc mắt đưa tình, nói sỗ sàng những lời hoa nguyệt tray trúa, tỏ bày thái độ quyến luyến gió trăng một cách lả lơi chẳng biết ngại ngùng.
Trước cử chỉ khiêu dâm, người học trò nết na thuần túy ấy không bao giờ để cho lửa tà xâm chiếm, Ương Quật Ma giữ lễ đệ tử, thưa với vợ thầy rằng: "Thưa thím, thầy ví như cha, thì thím ví như mẹ, đệ tử thà chết chớ không dám làm điều bất chính để tiếng nhơ nhớp ngàn năm".
Vợ ông Phạm Chí còn dòn dã nói thêm: "Hễ đói thì ăn, khát thì uống; huống nữa ta đã sẵn sàng cho thì cứ tha hồ thưởng thức cái gì gọi là bất chính?".
Ương Quật Ma nghiêm nghị nét mặt cự tuyệt lại rằng: Kẻ ngu dốt lỡ làng thói chim muông còn biết hổ thay! người học đạo như tôi há chẳng thẹn, nếu không biết tôn ti thượng hạ. Vả lại thím cũng như mẹ tôi, tôi đâu bạo gan làm điều vô liêm sỉ. Dứt lời, Ương Quật Ma liền bước ra khỏi nhà.
Vợ Phạm Chí biết người học trò của chồng mình lòng cứng như sắt đá không thể lay chuyển nổi, nên nàng riu ríu ra về một nước với sự mắc cở chua cay. Dọc đường, nàng tức giận quá mới nghĩ kế trả thù cho đã nư, nhất là cho khỏi gai mắt. Về nhà, nàng xé quần áo, lấy màu thoa mặt biến sắc, quàu mình trầy trụa, giả bộ đau nặng, nằm rên hì hì…
Ông Phạm Chí về, thấy vợ đầu bù tóc rối, quần áo rách rưới, thân thể bị vít, thêm nghe vợ kêu nhức rối rít, ông hỏi tại sao mà đến nổi như thế?
Nàng đáp rằng: "Sớm mai này, thừa lúc chàng đi vắng, Ương Quật Ma lẻn vào phòng thiếp, kéo áo nắm tay, giở trò hãm hiếp: thiếp không không thuận tình, bị gã cưỡng bức mới ra nông nỗi như vậy".

Ông Phạm Chí nghe lời vợ nói thảm thiết đau thương, liền tin, không cần xét lại thật giả, quyết trừng trị ngay đứa học trò mình một cách nặng nề mới vừa lòng. Ông nghĩ ra một chước để gạt Ương Quật Ma sa vào lưới pháp luật, bị án tử hình hơn là mình ra tay giết nó; ông bèn gọi Ương Quật Ma nói ngon ngọt rằng: "Con đến học với thầy bấy lâu nay nghề kiếm thuật được tinh thông; theo chỗ thầy thấy thì trong đời không ai sánh kịp. Nhưng vì thiên hạ chưa biết nên con còn mai một tên tuổi. Muốn cho con mau nổi tiếng anh hùng, trước làm rạng rỡ tông môn, sau làm vẻ vang thầy tổ, nên thầy ban cho con thanh kiếm này để cho con lập công danh trong chớp mắt". Ương Quật Ma lãnh thanh kiếm và đứng chờ thầy chỉ dạy thêm. Ông Phạm Chí bảo rằng: "Sáng sớm, con mang gươm ra ngã tư đường cái là chỗ đông người qua lại đón chặt lấy mỗi người một ngón tay, đến đứng trưa, lấy cho đủ một trăm ngón, xỏ xâu làm như tràng hạt mà đeo, thì tự nhiên nổi danh "hoàn cầu vô địch dõng sĩ". Con phải lập tức thi hành y như lời thầy đã dạy. Hăng hái mau lên con!".

Ương Quật Ma gắng gượng mang gươm ra đi, vừa suy nghĩ sợ sệt, buồn rầu: nếu không nghe lời thầy thì lỗi đạo làm học trò; còn vâng lời thầy thì trái với lẽ phải; vì có ngăn ngừa mười điều ác và rộng làm mười việc lành mới sanh lên cõi trời; ấy mới phải phép con nhà Phạm Chí; con người lung lăng giết hại trái với lương tâm, con người học đạo nỡ lòng nào tàn nhẫn. Mãi so hơn tính thiệt, nghĩ tới xét lui, Ương Quật Ma bấn loạn tâm thần, đi vừa đến cội cây cổ thụ bên vệ đường, chàng bị xây xẩm mặt mày, ngã gục ngất người bất tỉnh. Thừa cơ, quỉ ác ám ảnh làm cho chàng như điên như dại, trợn mắt nghiến răng, hươi gươm vùn vụt.

Lúc bấy giờ, kẻ bộ hành bốn phương vì nghiệp xưa đuổi đến bị Ương Quật Ma chặt đứt mỗi người một ngón tay, trong chốc lát gần đủ số một trăm. Những kẻ mắc nạn kêu la thảm thiết, tiếng đồn thấu tai nhà vua, các thầy Tỳ kheo đi khất thực cũng rõ việc chẳng lành ấy, nên khi về tới tịnh xá, liền bạch với Phật:

Đức Thế Tôn nghe qua động lòng thương xót, bảo các thầy Tỳ kheo rằng: "Các người cứ ngồi yên, để ta đi cứu khổ cho mọi người". Dọc đường, Phật gặp bọn chăn dê và dân chúng khuyên Ngài đừng vào con đường đương có người điên rồ tàn ác giết hại không biết bao nhiêu người rồi. Nếu Đức Phật đến đó; Sợ e không khỏi bị thiệt hại: mất một ngón tay.

Đức Thế Tôn đáp: "Không sao cả, giả sử trong ba cõi đều là giặc cả, ta cũng không ngại gì, huống chi chỉ có một người tàn bạo, thì ta có sợ gì, chúng ngươi chớ lo ngại".

Mẹ Ương Quật Ma thường ngày vẫn thấy con gần đến giờ ngọ là về dùng bữa, mà hôm nay sắp đứng bóng rồi sao chẳng thấy con về, bà bèn đem cơm ra khỏi nhà tìm con. Khi đến nơi thì Ương Quật Ma đương đếm ngón tay

được 99 cái. Nó trông lên mặt trời thấy đúng ngọ mà còn thiếu một ngón tay nữa, sợ quá giờ hỏng việc. Ương Quật Ma lòng đương bối rối, thoạt thấy mẹ đến, không rõ là ai, giơ kiếm chực chặt lấy ngón tay cho đủ số một trăm. Mẹ Ương Quật Ma thấy con có bộ tịch hung hăng, bà hoảng hốt lui lại, thì lúc đó Phật vừa đến kịp.

Thương hại cho Ương Quật Ma thình lình bị ác quỷ ám ảnh mê muội làm việc tàn nhẫn nếu chặt đứt tay mẹ, phạm lấy tội ngỗ nghịch, sẽ bị trầm luân nhiều kiếp rất tội nghiệp, bèn hóa làm thầy Sa Môn lướt tới đứng trước mặt mẹ chàng. Gã thấy thầy Sa môn liền gươm toan chém lấy ngón tay. Nhưng vô hiệu quả, nó không làm sao lại gần bên mình thầy tu ấy được, mặc dầu nó ráng hết sức chạy theo cũng không bắt kịp. Ương Quật Ma nghĩ rằng: Ta nhảy một cái vượt khỏi sông lớn dễ dàng như kẻ thế gian bước mương rãnh, còn thầy Sa môn này đi bộ mà ta hết sức chạy theo cũng không kịp. Thật là lạ! Vậy ta phải dùng phép nhiếp hồn mới được. Ương Quật Ma bèn nạt một tiếng thật to vang như sấm, kêu rằng: "Thầy Sa môn kia phải dừng lại". Thầy Sa môn đáp: "Ta đứng yên đã lâu, tại ngươi cứ chạy mới cách xa ta mãi!".

Ương Quật Ma nghe nói hồi tỉnh lại, bèn ngâm bài kệ:

"Thầy nói đã đứng lâu,
Sao tôi rượt không kịp?
Thầy nói tại tôi chạy,
Ấy là tôi bị hiếp,
Xin thầy giải nghĩa dùm,
Cho tôi hết nghi hoặc".

Thầy Sa môn dạy rằng:

Chỉ mang [1] nghe ta nói, mới khỏi sai lầm.
Vì người trọng vọng, để cho ám vào, nên không tự chủ được.
Muốn nổi tiếng anh hùng gây ra nhiều tội ác.
Thật là rất u mê, mong gì nên đạo nghiệp.
Ta đã đứng yên lặng, nên ta được giải thoát.
Người vẫn cứ lăng xăng, nên người bị khổ não.

Ương Quật Ma nghe nói tỏ ngộ, như say mê được tỉnh táo, liền ném gươm bên vệ đường, quì mọp xuống đất lễ Phật, bạch rằng: "Lạy Đức Thế Tôn, xin dung thứ cho con là kẻ mê muội. Từ đây con xin làm đệ tử Ngài, bỏ tà theo chánh; mong nhờ Đức Thế Tôn rộng lòng thương xót cứu độ con".

Đức Phật biết Ương Quật Ma cơ duyên đã thuần thục, bèn nhận lời làm đệ tử, đưa về tịnh xá tại vườn ông Cấp Cô Độc. Từ đó người tu các phạm hạnh, tinh tiến, chẳng bao lâu chứng đặng quả thánh.

Bấy giờ vua Ba Tư Nặc kéo binh đi tìm bắt kẻ sát nhân là Ương Quật Ma. Ngài đi cùng nơi khắp chỗ mà tìm không gặp. Thoạt đến tịnh xá, vua Ba Tư

Nặc vào đảnh lễ Phật.
Đức Thế Tôn hỏi vua ở đâu lại đây con có vẻ mệt mỏi quá vậy.
Vua bạch rằng: "Lạy Đức Thế Tôn! Vì nghe quân báo có đứa nghịch tặc tên Ương Quật Ma đón đường giết hại lắm kẻ bộ hành; tôi phải đem binh tìm bắt để trừ hại cho dân lành, nên phải tuôn pha gió bụi dơ bẩn".
Phật nói: "Thế là Ương Quật Ma hiện nay đã xuất gia làm Tỳ kheo ở tại đây: Vua có cần trị tội người đó nữa chăng?".
Vua bạch Phật rằng: "Nếu người đã phát tâm xuất gia học đạo, thì chẳng những tôi không trách phạt lỗi trước, mà tôi nguyện xin hứa nguyện trọn đời tứ sự cúng dường nữa. Bạch Đức Thế Tôn, chẳng biết Phật thế nào mà khuyến hóa được kẻ hung ác ấy vào đạo dễ dàng? Và bây giờ người ấy ở đâu?".
Phật vừa nói vừa chỉ: Người ấy ngồi kế bên đây!
Vua ngoảnh lại thấy Ương Quật Ma, mặt liền biến sắc tỏ vẻ sợ hải.
Phật an ủi rằng: Vua chớ sợ, người ấy nay đã hiền lành không còn tánh bạo ác như xưa đâu, vua Ba Tư Nặc đi ngay trước mặt Ương Quật Ma chắp tay và chào hỏi rằng: "Thầy có phải là chỉ mang Ương Quật Ma không?".
Thầy Tỳ kheo đáp lại rằng: "Chính tôi là Ương Quật Ma".
- Thầy lúc còn ở tại gia họ là chi?
- Tôi Kỳ Giốc.
- Sao lại gọi là Kỳ Giốc?
- Vì tôi phải lấy theo họ của cha tôi lưu truyền.
- Thế là phải lắm! Thưa Thầy Kỳ Giốc Tỳ kheo, tôi xin trọn đời cúng dường cho thầy các món cần thiết trong lúc thầy tu hành.
Ương Quật Ma cảm lòng chí thành của vua nên hoan hỷ nhận lời.
Vua Ba Tư Nặc cúi đầu bái chào thầy Kỳ Giốc Tỳ kheo rồi lại trước pháp tòa khâm khen công Đức Phật như vầy: "Từ bi thay, Đức Thế Tôn! Giác ngộ cho người mê muội, dắt dẫn kẻ tàn ác trở lại đường lành, xuống phước cho nước nhà, ban ân cho lê thứ, cứu độ tất cả chúng sanh thoát khỏi vòng khổ não!". Vua tán thán công đức của Đức Phật rồi liền kéo binh về hoàng cung.
Bấy giờ Tỳ kheo Ương Quật Ma đắp áo cà sa, bưng bình bát vào thành Xá Vệ, lần lượt theo thứ lớp từ nhà xin ăn. Dọc đường, thầy gặp một người đàn bà có thai gần ngày sanh, cầu xin thầy chú nguyện cho được bình an. Thầy Tỳ kheo không biết chú nguyện thế nào, trở về tịnh xá, ăn cơm xong, thầy đến trước Phật bạch rằng: "Lạy Đức Thế Tôn, hồi sáng này, con vào thành khất thực, gặp một người đàn bà có mang gần ngày sanh nở. Người ấy lo ngại thai nghén thế nào nhờ Phật từ bi dạy cho con được rõ".
Phật bảo rằng: "Người mau trở lại an ủi người đàn ấy như vầy: Tôi rất thành thật nói lời chắc chắn, từ khi tôi mới sanh ra đến ngày nay, tôi chưa từng sát nhân hại vật. Vậy tôi nguyện cho bà đến lúc sanh sản được bình an vô sự".

Thầy Tỳ kheo Ương Quật Ma do dự bạch Phật rằng: "Con đã làm nhiều tội ác, chém đến 99 người lấy mất mỗi người một ngón tay, còn đâu dám nói vọng được!".
Phật nói việc ấy đã qua như thuộc về đời trước, khác hẳn với đời này. Từ khi người xuất gia đến giờ chưa từng nói dối, vì thế ngươi cứ chú nguyện như vậy cũng đủ cứu thoát ách nạn cho người đàn bà ấy.
Ương Quật Ma vâng lịnh Phật đến nhà người đàn bà chửa chú nguyện y như lời Phật dạy. Vừa dứt lời thì người đàn bà liền sanh được một cách dễ dàng, mẹ con đều bình an.
Lúc trở về tịnh xá, giữa đường thầy Tỳ kheo Ương Quật Ma gặp lũ trẻ hung tợn ngược đãi thầy, đứa thì lấy đá ném vào đầu, đứa dùng búa nện trên lưng, đứa lại lấy dao đâm, lấy gậy đập. Thầy bị u đầu, xể mặt, rách y, nhưng thầy vẫn coi như thường, không hề oán giận cũng không thốt ra một lời nào than phiền. Về đến tịnh xá, ngài đảnh lễ Phật và ngâm bài kệ rằng:
"Tôi thật là tàn ác
Chỉ mang tiếng lẫy lừng
Nay quy y theo Phật,
Học đạo dứt lòng sân.
Trước khi hay sát hại,
Nay lại rất hiền nhân,
Tuy chỉ có một kiếp,
Đã đổi xác thay hồn.
Phật từ bi vô lượng,
Không gậy cũng không gươm,
Giáo hoá điều phục tôi,
Thoát khỏi vòng nhân ngã.
Tấm lòng đã sáng suốt,
Không giận cũng không tham,
Không mừng cũng không sợ,
Không khổ cũng không vui.
Chỉ mang Ương Quật Ma,
Đã thành A La Hán,
Ở trước Đức Như Lai,
Kính cẩn đọc kệ nầy".
Thuật giả: Thích Trường Lạc
Dứt ác làm lành, giữ tâm hồn cho trong sạch, đó là Phật giáo.

Công Chúa Thuần Nhẫn

Công chúa Thuần Nhẫn là con gái út của vua Ba Tư Nặc. Công chúa là

người hiếu hạnh, lại có đức nhẫn nhục, nhưng phải có tội xấu quá, nên đã 18 xuân mà vua cha chưa tính việc xuất giá được.
Ôi! Bà mụ cay nghiệt làm sao?
Bắt nặn thế nào cho công chúa xấu đến nỗi ai thấy cũng bực mình, mũi tẹt, trán dồ, miệng hô, mắt toét, đó là chưa kể đến thân hình nếu nói đến thân hình thì nàng chỉ cao vỏn vẹn một thước lênh khênh. Vì vậy mà trong triều các vương tôn, công tử phải tìm kế du học ráo, để tránh cái nạn bị trạch phò mã.
Mỗi khi công chúa thấy hai chị hãnh diện trước nhan sắc xinh tươi, nàng rất ngậm ngùi tủi hận, song cũng không hề ganh tỵ. Trái lại, hai chị thì kêu căng, mỗi khi thấy nàng thường tỏ vẻ khó, không muốn gần gũi chuyện trò. Lại tâu với vua cha cấm không cho nàng đi ra ngoài sợ thế gian chê cười. Công chúa thui thủi một mình trong cung cấm.
Nàng hiếu hạnh với cha mẹ, chiều chuộng hai chị và hết lòng thương yêu những người hầu hạ. Nàng thường đem tiền bố thí cho người nghèo khổ, cung cấp thuốc men cho người bệnh hoạn, vì thế ai cũng yêu mến công chúa hơn hai bà chị.
Nhan sắc kỳ dị của công chúa Thuần Nhẫn bay ra, cũng như đức hạnh của nàng, nên một ngày kia Hoàng tử một nước lân cận đến xin cưới nàng làm vợ.
Cầm tay người nghĩa hiệp, vua Ba Tư Nặc cảm động, bảo Trọng Đức rằng: "Con trẫm được Hoàng tử thương mến thật trẫm không biết lấy lời gì tả cho hết được nỗi lòng cảm bội". Khi về nước, Hoàng tử không cho tiếp xúc với người, sợ thiên hạ thấy bên ngoài chê cười chăng?
Nhưng than ôi! Lòng hào kiệt của vị Hoàng tử thanh niên cá hạn, mà nhan sắc công chúa lại xấu vô cùng, nên mặc dầu vẫn mến đức, trọng tài của vợ, mà lắm khi Thái tử cũng bực mình về cái xấu của người vợ đáng thương. Rồi lần lần Trọng Đức tìm cớ săn bắn vui chơi riêng. Công chúa như con chim trong lòng son, tuy có gạo trắng nước trong, nhưng ngoài bốn bức tường thì nàng không còn hay biết gì cả. Công chúa biết nghiệp duyên nên thầm trách kiếp xưa bởi vụng đường tu nên kiếp này phải mang lấy quả xấu, không bao giờ oán thán ai. Nàng chỉ một lòng nhu thuận với chồng, khoan dung độ lượng với người trong cung.
Nhưng ác thay! Các bà Vương phi quận chúa thường tìm đến với nàng để khoe khoang hãnh diện, có khi còn dám chế nhạo nàng ra mặt. Đức nhẫn nhục của công chúa thuần thành, nên nàng luôn luôn vui vẻ xem như không có gì đáng để ý.
Một hôm các bà về xúi chồng bày một bữa tiệc, mời khắp cả Vương tôn danh nhân trong nước. Theo lệ thường thì vợ nào chồng nấy đều đến đủ mặt… Duy chỉ có Hoàng tử Trọng Đức lủi thủi đến một mình. lủi thủi đến

một mình. Thôi thì các bà Vương phi, quận chúa, tiểu thơ khoe khoang duyên dáng, các bà lại đi tìm Hoàng tử Trọng Đức chế giễu.
Hoàng tử không chịu nỗi cơn tức giận, nên sanh lòng ghét vợ. Chàng hằm hằm chuyến này thì về nhất quyết ly dị cho rảnh.
Chồng đi yến tiệc, công chúa một mình vò võ trong cung. Tự nhiên nàng thấy nao nao trong lòng, tin chắc có điều gì không hay xảy đến cho mình. Nàng tủi thân rơi nước mắt. Tự nghĩ ta đời trước đã tạo nhân gì ác nghiệp đến nỗi sanh thân kỳ dị, làm khổ tâm biết bao nhiêu người vì thương yêu ta. Nàng liền chắp tay thành kính hướng về giữa thanh không thầm niệm. "Nam mô Phật, nam mô chư Phật". và tự khấn nguyện: Đức Phật hiện nay Ngài hay ban bố ích lợi cho chúng sanh, cứu khổ cho tất cả người khổ sở. Nay con là một người đang chịu khổ, lại không làm sao ra khỏi cung cấm để hầu Ngài. Nguyện xin oai thần Đức Thế Tôn từ bi khuất giá giáng thần vào trong chốn u đày này, cho con được đảnh lễ. Nỗi thống khổ lòng thành kính tha thiết của con người đáng thương ấy, ứng hiệp với Đức từ bi của Phật. Được Đức Phật ở tịnh xá Kỳ Viên liền vận thần thông hiện ra trước mặt, trong khi công chúa đang quì lạy. Ngưỡng lên thấy Phật, vừa mừng vừa tủi, nàng kính bạch: "Bạch Đức Thế Tôn! Đời trước con đã gây nghiệp ác gì, mà ngày nay bị quả báo thân hình xấu xí như thế này? Lại nhờ phước đức gì mà sanh vào chốn giàu sang?" Ngài động lòng thương xót dịu dàng bảo: "Đời trước con là một người đàn bà có nhan sắc, lại hay cúng dường bố thí, nhưng khắc nghiệt với tôi tớ, kiêu căng với bạn bè và hay ganh tỵ với người có nhan sắc hơn mình, mắt thường hay nguýt, miệng hay nói xấu người, khi sân hận nổi lên thì đánh đập tôi tớ một cách tàn nhẫn. Nhất là hay ỷ mình có nhan sắc của cải khinh ngạo kẻ khác. Ngày nay con phải thành tâm tha thiết cần cầu sám hối đi, thì những tội lỗi trước kia sẽ tùy theo tâm niệm mà tiêu diệt".
Tiếng Phật dịu dàng như tiếng chim Ca Lăng Tần Già, công chúa thấy tự nhiên lòng nhẹ lâng lâng, nàng rút khăn lau ráo lệ, rồi tha thiết cần cầu sám hối. Nàng quỳ xuống chân Phật hàng giờ với những lời chân thật phát sinh ra tự đáy lòng. Đức Phật để cánh tay vàng lên đầu nàng, công chúa ngẩng lên thấy đôi mắt hiền từ trong sáng của Đức Phật nàng rất sung sướng. Liền khi ấy mắt nàng cũng trong sáng như mắt chim thu nàng thấy sắc diện của Phật đoan nghiêm hiền hậu, lòng nàng cảm động, sanh bao sự vui mừng, tự nhiên mặt nàng cũng đoan nghiêm mỹ lệ. Nàng thấy chân Phật sáng ngời, cốt cách siêu phàm, lòng nàng lại bội phần mến phục, tự nhiên thân nàng cũng đoan nghiêm điều đặn, các tướng xấu xa của nàng bị tiêu diệt. Nàng liền trở nên một công chúa đẹp đẽ xinh tươi đầy đủ phước tướng.
Phật thuyết pháp cho nàng nghe xong liền vận thần thông trở về Tịnh Xá.
Giữa bữa tiệc vui, Hoàng tử Trọng Đức không chịu được lời chế giễu của các bạn. Tình yêu không thể kéo lại cái hổ, cái nhục. Thái tử bực tức lên

ngựa trở về cung, vừa đi vừa thầm nghĩ: "Chuyến này nhất định để, nhất định ly dị".
Tiếng gió ngựa của người hào kiệt sao mà gấp gáp thế? Công chúa lo ngại vội vàng bước xuống thang lầu thấy mặt chồng đầy sát khí, nàng không dám hỏi han gì. Theo lệ thường nàng cúi xuống tháo chiếc đai ngọc trên lưng Thái tử và cất chiếc mũ vàng cho đầu chàng đỡ nặng. Thái tử ngạc nhiên, cử chỉ ấy rõ ràng là vợ, mà sao nhan sắc nàng biến đổi thế kia? Công chúa hiểu ý, liền đem chuyện cầu Phật kể lại cho chồng nghe. Từ đó vợ chồng vui vẻ hòa thuận cùng nhau lo tu phước thiện.
Một hôm vui câu chuyện, công chúa bảo chồng: "Thiếp xem chàng trọng sắc hơn trọng đức". Hoàng tử cả thẹn nói lảng qua chuyện khác.
Đọc câu chuyện này chúng ta nhận thấy nhẫn nhục là điểm cốt yếu cần phải có trong tất cả hạng người, cần phải dùng trong tất cả hoàn cảnh. Nhờ sự nhẫn nhục, nhờ lòng thiết tha ăn năn của công chúa Thuần Nhẫn đã đổi được cuộc đời tối tăm trở thành tươi sáng. Chúng ta nên biết nếu tâm đức thanh tịnh thì sẽ chuyển được hình tướng bên ngoài. Vậy ta nên nhớ "NHẪN NHỤC LÀ GỐC HẠNH LÀNH, SÂN SI LÀ NGUỒN TỘI LỖI".
Thuật giả: Thể Quán

Tỉnh Giấc Mơ Hoa

Đàn én bốn phương bay về, đem lại cho trần gian tin xuân vui đầm ấm. Ánh triều dương sắc vàng rực rỡ, lần lần lan rộng, phá tan màu khói sương vẩn màu sửa đục của buổi bình minh. Đôi hàng cây bên vệ đường đã trút sạch lớp áo vàng để thay vào những mầm non mập mạnh. Ngọn gió đông dịu mát đầy sinh khí, nhẹ nhàng thổi lướt trên đám cỏ xanh. Thành Thất La Phiệt vào buổi mai, âm thanh tràn ngập vẻ thanh hòa đáng mến.
Phút chốc vầng hồng đã lên cao.
Trên con đường lớn quanh co hướng dẫn vào thành, một đoàn Sa môn có hơn nghìn người, đi nối tiếp nhau như con rồng lượn khúc. Các Tăng sĩ, vị nào cũng có vẻ điềm tĩnh đoan trang, nhìn xuống lặng lẽ bước, dáng đi xem tự tại thoát trần. Dẫn đầu là một bực Tôn túc, thân xác vàng ánh, tướng tốt trang nghiêm, đi chậm rãi oai nghi như voi chúa. Sau đấng ấy một vị Tỳ kheo trẻ tuổi ôm bát theo hầu. Đấy là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cùng thị giả A Nan và chư Tăng vào thành khất thực. Bấy giờ, những người có lòng tin ngôi Tam Bảo, muốn gieo trồng giống phước, đem thức ngon vật lạ cúng dường Phật và chúng Tăng. Lại có kẻ không dâng cúng, nhưng thấy dáng điệu trang nghiêm siêu thoát của đấng Điều Ngự và các Đại Đức Tỳ kheo, cũng họp nhau đứng nơi cửa trông ra, hoặc đứng bên đường để nhìn ngắm. Từ nơi cửa sổ trên lầu cao, nàng Ma Đăng Dà một bậc tài sắc trong thành

Thất La Phiệt, nghe tiếng động, khẽ vén bức màn thêu, đưa mặt nhìn xuống. Nhưng sống với hương tình vị ái của tuổi xuân, nàng làm sao nhận thức được sự giải thoát đức thanh cao nơi các nhà tu sĩ. Trông qua lớp áo hoại sắc của những vị Sa môn, nhìn lại y phục sa hoa lộng lẫy nơi thân mình, nàng tự thấy phong lưu sang trọng. Rồi kêu hãnh, nàng điểm trên môi một nụ cười. Nhưng bỗng ngạc nhiên, Ma Đăng Dà chăm chú nhìn vị Tỳ kheo trẻ tuổi đứng hầu sau Đức Phật. Ôi! giữa trần gian này sao lại có trang nam nhân đẹp đến thế? Nàng tự nghĩ thầm nếu được cùng người này chung hưởng được trăm năm, dù phải nghèo nàn, khổ nhọc, ta cũng ưng lòng, không còn ước mong gì hơn nữa! Mắt vẫn nhìn, trí mãi suy nghĩ, Đức Phật và chư Tăng đi khuất từ lúc nào, nàng Ma Đăng Dà còn ngồi ngơ ngẩn dường như không hay. Đến chừng định thần lại, nhìn ra khoảng đường vắng vẻ, nàng buông một hơi thở dài, trên mặt lộ đầy vẻ bâng khuâng nhớ tiếc…

Không rõ A Nan xinh đẹp thế nào, mà Đức Phật không cho ông mặc áo trần vai, vì sợ hàng phụ nữ trông thấy động tình. Và Ngài Văn Thù Bồ Tát từng khen tặng ông rằng: "Mặt như vầng nguyệt sáng, mắt tợ cánh sen tươi". Thế thì cô mỹ nữ kia yêu mến ông, điều ấy cũng không lấy chi làm lạ.

Nàng Ma Đăng Dà từ khi trông thấy A Nan mối tình si dường như vấn vương khó dứt. Mỗi ngày, nàng thường lên lầu, trông ra cửa sổ, chờ chư Tăng đi khất thực, mong sao cho được thấy mặt người yêu. Sống trong tình khát ái khó tỏ nỗi lòng, Ma Đăng Dà tâm thần ngơ ngẩn, quên ăn uống, biếng nói cười, gương mặt xinh tươi lần lần hóa ra tiều tụy. Thân mẫu nàng thấy con có những trạng thái bất thường như thế, sinh nghi đôi ba phen gạn hỏi. Không thể che giấu, nàng phải đem sự thật tỏ bày và van xin mẹ làm thế nào cho mình khỏi thất vọng. Nghe xong, mẹ nàng lộ vẻ ngậm ngùi bảo: "Con ơi! Điều con muốn khó thể thực hiện được. A Nan là người hầu cận thân tín của ông Cù Đàm ông ấy và những Sa môn đệ tử của ông có nhiều phép thần thông kỳ diệu. Những bậc cao đức trong hàng lục sư còn phải nhường họ, thì mẹ đâu có tài gì làm thỏa nguyện cho con. Hơn nữa, A Nan là người thuộc dòng tôn quý, con của ông Hộc Phạn Vương, nếu không xuất gia, có lẽ y thay thế cho thái tử Tất Đạt Đa là vua trong một nước, mẹ con ta là phận thấp đâu mong gì sánh được với người. Thôi con hãy xóa bỏ những ý nghĩ ấy và khuây khỏa nỗi sầu khổ để cho mẹ vui lòng. Mất A Nan này sẽ có A Nan khác, trong bốn phương thiên hạ lẽ không tìm được một người đẹp như thế hay sao?". Nghe mẹ nói, tuy lặng yên không đáp, song nàng Ma Đăng Dà thật trăm phần đau đớn. Trước kia, một tia hy vọng lập loè trong trí, nay hiểu qua mọi nổi khó khăn, nàng tự cảm thấy như rơi vào cõi âm u ghê sợ.

Tâm tư tràn ngập nổi buồn thương thất vọng, nàng thầm than: "Thôi, thế là hết! Đời ta đã đến giai đoạn kết cuộc từ hôm nay…"

Thế là bệnh của Ma Đăng Dà mỗi ngày một nặng. Trong cơn mơ thấy A Nan đi đến, nàng vô cùng mừng rỡ, vội chạy đến choàng vai, nhưng vị Tỳ kheo trẻ tuổi nhẹ nhàng thoát khỏi tay nàng rồi biến mất; nàng cất tiếng khóc to lên thì vừa thức giấc… Thân mẫu nàng thấy con khi mê khi tỉnh, thoạt khóc thoạt cười, lấy làm buồn rầu lo lắng, một mặt khuyên dỗ, một mặt chạy chữa đủ thứ thuốc thang, song vẫn không hiệu quả.

Một buổi sáng tà dương đang tiết trời dìu dịu, gió bên ngoài nhẹ thổi động bức rèm thêu đùa không khí trong mát vào phòng; cơn sốt như được giảm bớt, Ma Đăng Dà lặng lẽ thức tỉnh. Nhìn lạy thân hình vỏ vàng gầy héo, lộ vẻ chua cay, nàng nhẹ nhếch một nụ cười. Nhưng vừa khi ấy nàng bỗng ngạc nhiên, vì nhận thấy hôm nay trong phòng trang hoàng rất sạch sẽ. Đối diện nàng bức họa: "Vườn xuân dưới nắng mai" được treo lên với vẻ mỹ thuật. Và, chiếc lọ thủy tinh cắm đầy hoa tươi, ai đã đem đến đây để ngay ngắn giữa mặt bàn như tấm thảm màu xanh da tươi. Để ý trông qua khe cửa, Ma Đăng Dà thấy mẹ đang ngồi tiếp chuyện với một vị đạo sĩ râu tóc bạc phơ, vầng trán sáng suốt, nét mặt trầm ngâm. Hai người nói gì nàng không nghe rõ, nhưng hình như xem mẹ nàng có vẻ chú trọng lắm, Ma Đăng Dà chưa hiểu, còn đang nằm yên suy nghĩ, thì nghe có tiếng giày của mẹ đi nhẹ vào phòng. Nàng nhắm mắt giả vờ như không hay biết, tiếng giày đi lại bên giường chợt im bặt hồi lâu, thốt nhiên nàng cảm thấy bàn tay từ mẫu đặt lên trán mình và tiếp theo đấy, nối liền một giọng đều đều êm dịu: "Con ơi! Chớ nên buồn rầu! Con là lẽ sống duy nhất của mẹ; với lòng quý mến con, mẹ có thể hy sinh tất cả hạnh phúc trên đời. Vì thế vừa rồi mẹ có mời được một đạo sĩ danh tiếng, ông đã truyền cho mẹ bài mật ngữ "Ta Tì La Phạm Thiên chú". Theo lời ông mật ngữ có năng lực mê hoặc người, dù người ấy đạo hạnh đã đến mức cao siêu. Nếu học thuộc thần chú này, con có thể thực hiện nguyện vọng của mình bằng cách mê hoặc A Nan, khiến cho y mất sức tự chủ và hoàn toàn bị sai sử tùy theo ý con muốn". Máu nóng chảy rần rật trong huyết quản, Ma Đăng Dà như cảm thấy có một nguồn sinh lực mầu nhiệm làm cho nàng mạnh mẽ hơn hồi chưa bệnh, sau khi nghe được mấy lời ấy; gương mặt tươi tỉnh hẳn lên, nàng nói với giọng run run vì sung sướng, cảm động: "Thật thế hở mẹ? Nếu vậy bệnh con sẽ lành và con không còn lo buồn gì nữa!". Rồi nàng trỗi dậy gọn gàng như người vô sự.

Nửa tháng sau, khi sức khỏe gần bình phục, Ma Đăng Dà đã thuộc làu làu bài mật ngữ. Nàng còn chờ một thời gian ngắn cho trong người thật mạnh sẽ thi hành ý nguyện, lòng chứa chan hy vọng, tin chắc thế nào mình cũng đắc thắng bằng hai lợi khí: nhan sắc và thần chú nhiệm mầu. Rồi, một buổi sớm mai, nàng trang sức rất đẹp, sắm sẵn những thức cúng dường để gợi ý trung nhân. Nhưng bóng ác càng cao, Ma Đăng Dà càng nhìn trông mỏi mắt và cuối cùng phải thất vọng, vì đã quá ngọ mà vẫn vắng bóng hành khất của

chư Tăng. Hoài công chờ đón như thế đến bốn năm hôm, hỏi ra nàng mới biết lúc này vào đầu mùa mưa, chư Tăng theo lệ thường mỗi năm phải ăn cư một chỗ trong vòng ba tháng. Nghe được tin ấy, nàng âu sầu khổ não, song cũng phải dằn lòng đợi dịp, không biết phải làm thế nào.

Lá tươi rồi héo, hoa nở rồi tàn, cảnh vật âm thầm biến chuyển mau lẹ theo cánh thời gian, thấm thoát đã đến ngày chư Tăng mãn hạ. Đối với nàng Ma Đăng Dà, ba tháng thật là mấy năm trường đằng đẳng! Nhưng việc sẽ đến tất phải đến, hôm nay nàng sẽ cảm thấy sống dậy một mùa xuân tươi đẹp mùa xuân ở cõi lòng. Từ sáng sớm, những thức cúng dường đã được sắp đặt đâu vào đấy. Công việc xong xuôi, Ma Đăng Dà đến trước gương trang điểm, vừa đọc nhẩm mấy câu Phạm chú. Vẻ vui tươi đắc ý hiện rõ trên mặt nàng. Giai nhân lồng bóng trong gương, hai dáng xinh đẹp in nhau, phưởng phất như cành hoa Tịnh Đế. Khi ánh nắng mai chiếu vào song cửa, trên con đường vào thành, hình dáng của đoàn Sa Môn đi khất thực lần lần lộ rõ và cũng lại gần, Ma Đăng Dà vô cùng mừng rỡ, định thỉnh riêng ông A Nan đến trước nhà để tiện bề dùng huyễn thuật. Nhưng lần này nàng rất ngạc nhiên, vì không thấy vị Tỳ kheo trẻ tuổi theo hầu Đức Phật. Thêm một điều lạ: chư Tăng cùng đi thẳng, không dừng lại từng nhà để thọ cúng như mọi khi. Ma Đăng Dà để ý nhìn từng vị Sa Môn lần lượt đi qua, nhưng cũng không thấy người mình muốn gặp. Mỗi nỗi buồn vô tả xâm chiếm tâm nàng, khi vị Sa Môn cuối cùng vừa đi khuất. Nàng để rơi mình xuống ghế, hai tay bưng mặt, choáng váng cả tâm thần. Không biết ngồi như thế được bao lâu, khi ngước đầu lên, Ma Đăng Dà chợt thấy từ xa tiến đến một hình dáng quen thuộc. Nàng mở to đôi mắt nhìn kỹ người ấy không ai đâu lạ, chính là vị Tỳ kheo trẻ tuổi mà nàng đã thương nhớ từ lâu. Lòng rạo rực, nỗi vui mừng không thể tưởng tượng, nàng vội vả đứng dậy đón chờ.

Tại sao lại có việc như thế?

Nguyên vào lúc các thầy Tỳ kheo mãn hạ, nhân ngày kỵ phụ vương Ba Tư Nặc sắm những thức ăn quí lạ, mời Phật và chư Tăng thọ trai trong hoàng cung. Đức Thế Tôn thân lãnh các vị Tỳ kheo thẳng đến cung vua để ứng cúng, nên không theo thường lệ đi từng nhà khất thực. Duy có ông A Nan trước đã chịu người mời riêng, đi xa chưa về, không kịp dự hàng trai chung. Vì về trễ, ông đi giữa đường một mình. Nhớ lời Đức Phật đã quở Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp và Tu Bồ Đề làm A La Hán tâm không quân bình, ông kính vâng lời dạy vô giá của đấng Điều Ngự, ôm bát theo thứ lớp ghé vào từng nhà, kính giữ phép hoá trai.

Khi A Nan đi đến, nàng Ma Đăng Dà đem thức ăn ra cúng dường đồng thời gọi thầm tên vị Tỳ kheo trẻ tuổi và đọc mấy câu Phạm chú, đoạn nàng xây lưng trở vào nhà.

Tay chân bủn rủn, thần trí không định, A Nan cũng nối gót theo sau. Lúc hai

người đã vào đến phòng, như cây héo gặp mùa xuân, Ma Đăng Dà giở đủ trò khêu gợi quyết tâm làm nổi dậy ngọn sóng tình trong con người tịnh hạnh. Trong giờ phút nguy hiểm ấy; tuy bất lực, song cũng còn tỉnh trí, A Nan tha thiết tưởng nghĩ: "Hỡi Đức Từ Nghiêm! Nay con bị nạn, Ngài đành bỏ con sao?".

Khi ấy Đức Như Lai thọ trai xong, đã về đến tịnh xá và đang ngồi thuyết pháp giữa vô số thính chúng. Đấng Từ Nghiêm trí tuệ thần thông nghe thấy ông A Nan mắc nạn, liền từ nơi nhục kế trên đảnh, phóng ánh sáng trăm thứ báu rất tự tại nhiệm mầu. Trong ánh sáng có vô số hóa Phật, mỗi vị đều ngồi trên toà sen nghìn cánh, đồng thời nói ra thần chú bí mật. Đức Như Lai khiến Ngài Văn Thù phụng trì chú ấy, đến dẹp trừ tà chú đem ông A Nan về. Ngài Văn Thù vâng lời đến, phóng áng sáng nói lại thần chú bí mật. Bấy giờ ông A Nan tâm trí sáng suốt, như cá đã thoát khỏi lưới, vụt chạy ra ngoài. Chưa được thỏa nguyện, bỗng mất người yêu, Ma Đăng Dà cũng chạy theo A Nan tâm trạng như người cuồng dại. Khi ba người đã đến Tịnh xá, lòng si ái quá nặng, Ma Đăng Dà sầu khổ bạch với Phật: "Xin Ngài trả ông A Nan lại cho tôi". Đức Phật mĩm cười, dùng phương tiện bảo: "A Nan là kẻ xuất gia, nàng là thế tục, hình thức và đời sống của đôi bên đều khác, thế thì làm sao gần gũi nhau được? Nếu nàng chịu cạo tóc, mặc áo cà sa, ta sẽ giao A Nan lại cho". Trước tiên, Ma Đăng Dà còn dùng dằng, nhưng bị ái tình làm mù quáng, đã thương trót phải liều, nàng nghĩ thầm: "Nếu Phật không giữ lời hứa, ta sẽ nắm áo Ngài và ông A Nan".

Nghĩ như thế nàng liền ưng thuận, sau khi đã thành hình thức xuất gia, Ma Đăng Dà lập lại yêu cầu khi trước, Đức Phật không đáp hỏi lại:

- Nàng thương A Nan vì chỗ nào?
- Tôi thương đôi mắt xinh đẹp của ông.
- Mắt của A Nan chỉ là hai khối thịt hôi, trong ấy chứa những nước mắt, ghèn dơ, có chỗ nào tinh sạch đặng cho nàng mến?
- Tôi thương cái mũi ông A Nan.
- Mũi của ông ấy có những chất nhớp bên trong và thường chảy ra thứ nước không sạch, nàng chẳng nên ưa thích.
- Tôi thương cái miệng ông A Nan.
- Miệng của A Nan có những nước miếng, đờm, dãi, nếu ông ấy không năng súc rửa, nơi đó sẽ đóng cáu bợn và tiết ra mùi hôi. Thế thì không đáng cho nàng yêu chuộng.

Sau khi đánh tan những chỗ ái chấp của Ma Đăng Dà, Đức Phật lại vì nàng giải thích, chỉ rõ thân người không sạch, mong manh chóng suy tàn, là nguyên nhân của sự đau buồn trong hiện tại và vô lượng nỗi khổ về sau. Nghe lời chánh chơn hợp lý của Đức Phật, như người trong bóng tối chợt bắt gặp ánh sáng, Ma Đăng Dà đứng lặng suy nghĩ. Trước kia nàng lầm tưởng ái

tình là vườn hoa tươi đẹp, đầy màu sắc rực rỡ, hương vị thơm tho, nơi ấy hẳn hứa hẹn cho thế gian một diễm phúc tuyệt trần. Nhưng hôm nay nhìn sâu vào thực tế, nàng mới biết nó là một mũi gai độc ẩn núp dưới lớp lá xanh; một sợi dây vô hình lôi kéo người vào ngục tối đau khổ, Tỉnh Giấc Mơ Hoa, nàng quan sát những lý: bất tịnh, khổ không, vô thường, vô ngã của Đức Phật vừa khai thị, liền chứng được quả A Na Hàm. Vừa mừng rỡ vừa tủi thẹn, nàng cúi xuống đảnh lễ Đức Thế Tôn, xin trọn đời làm đệ tử và phát nguyện sẽ dẫn dắt chúng sanh thoát khỏi vòng hoa mộng, vào bản thể an vui trong sạch…
Thuật giả: Trí Hiền

---

[1] Chỉ Mang: Vì chặt ngón tay người làm chuỗi đeo nên gọi là Chỉ Mang.

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập I - 5

Cứu vật, vật trả ơn - Cứu nhân, nhân trả oán

Xưa có vị quốc vương nước Thiên La, ông là một người thông minh, nên đã trực nhận: thế cuộc vô thường nhân sanh thống khổ. Liền từ bỏ ngai vàng với tình thương nhỏ hẹp để vào núi tu hành. Ở được 30 năm, bỗng một hôm nay có người đi săn ham đuổi theo một con nai, lỡ bước sa vào một cái hầm sâu, ở trước chỗ Ngài thường ngồi tham thiền; đồng thời có một con rắn một con chim, vì sợ hãi cũng đều rơi xuống đó, thân thể bị thương đau đớn vô cùng. Người trông lên cầu cứu kêu la thảm thiết. Vị đạo sĩ nghe tiếng kêu la, động mối từ tâm lấy đuốc soi xuống các nạn nhân đang gục đầu khóc lóc. Ngài đến bên hầm bảo rằng: "Các người hãy yên tâm, ta sẽ cứu các người thoát nạn". Ngài liền đi kiếm dây thòng xuống, người, rắn, chim đều nhờ sợi dây đó mà lên, thoát khỏi tai nạn. Sau khi lên khỏi hầm cả ba đều thành kính lạy tạ và thưa rằng: "Thân mạng chúng con được sống ngày nay, là nhờ lòng hoàng từ phổ độ của Ngài, vậy chúng con xin trọn đời cung cấp các vật dụng Ngài thiếu thốn, để đền đáp công ơn trong muôn một!". Đạo sĩ nói: Ta là quốc vương trong một nước, trân bảo đầy kho, muốn gì cũng được, nhưng ta nhận thấy phú quí như ngục tù, tài sắc danh vọng là cạm bẫy đưa ta vào vòng tội lỗi, chúng nó là những lưỡi gươm sắn bén để giết đời ta, là những

mũi tên nhọn để bắn vào tâm ta và cũng vì chúng ta lặn hụp mãi trong biển sanh tử, chịu đủ mọi điều đau khổ. Vì thế, ta phải từ giả xuất gia học đạo, ta nguyện chứng được đạo quả Vô thượng chánh biến tri để khai hóa chúng sanh trở về giác tánh, đâu phải ba người mà thôi?. Ngài nói tiếp: Từ nay các ngươi đền ơn ta, không gì quý hơn quy y Tam bảo, vâng lời Phật dạy, làm các việc lành.

Người thợ săn thưa: "Ở đời tuy có những nhà nho sĩ tích công lũy đức, làm lành tránh dữ, nhưng đâu bằng người Phật tử quên mình cứu người, mà không cần sự đền đáp của người chịu ân. Thâm ân của Ngài con không biết lấy gì đền đáp, song chỉ xin Ngài nếu thuận tiện quá bước đến nhà con, cho con cúng dường đôi chút".

Chim thưa: "Con tên Bác, khi nào gặp việc gì cần đến con xin Ngài gọi đến tên con, con sẽ đến ngay".

Rắn thưa: "Con tên Tràng, nếu đạo sĩ có gì không hay xãy đến xin Ngài gọi tên con, con sẽ đến hầu".

Thưa rồi cả ba đều từ biệt đạo sĩ ra về. Tình cờ một hôm đạo sĩ đến nhà thợ săn, người này vì lòng gian tham ám ảnh nên vừa trông thấy Ngài đi đàng xa, vội vàng bảo vợ: "Ngài đến kia sẽ không may cho ta, nếu ta có bảo ngươi làm thức ăn gì để cúng dường, ngươi hãy chậm chậm, vì quá ngọ thì ông ấy sẽ không ăn nữa". Đạo sĩ vừa đến nhà, hai vợ chồng thợ săn niềm nở tiếp rước, mời ở lại thọ trai nhưng dần dà nói chuyện mãi quá ngọ, Ngài phải về không.

Trở về núi thấy chim, Ngài gọi: Bác!… Bác!…

Chim thưa: "Ngài ở đâu về?"

- Ta ở nhà thợ săn về.
- Ngài đã thọ trai chưa.
- Nhà kia chưa kịp dọn thì đã quá ngọ, nên ta không ăn mà trở về đây.

Nghe vậy chim tức tối than rằng: "Thật người quá vong ân bội nghĩa!". Rồi quay lại thưa với đạo sĩ: "Con không biết lấy gì để cúng dường Ngài. Mời Ngài ngồi đây con đi chốc lát sẽ trở về". Chim liền bay vào hậu cung của vua nước Bà Già, thấy Hoàng hậu nằm ngủ, trên đầu có gài hột ngọc kim cương; chim tha về dâng cúng đạo sĩ. Hoàng hậu tỉnh dậy tìm ngọc không thấy, liền tâu vua. Vua truyền sắc trong nước: người nào tìm được ngọc trọng thưởng.

Đạo sĩ khi được ngọc kim cương bèn nghĩ rằng: "Ta tu hành dùng gì đến vật này, thôi đem lại cho người thợ săn". Người thợ săn biết là ngọc của vua, bèn trói đạo sĩ đem đến nộp cho nhà vua.

Vua hỏi đạo sĩ: "Nhà ngươi từ đâu đến mà được ngọc quý nầy?".

Đạo sĩ suy nghĩ: "Nếu nói sự thật thì loài chim trong cả nước nầy đều bị chết hết; nếu nói trộm được thì không phải người tu hành", Ngài nghĩ vậy đành

im lặng vui lòng chịu đựng sự hành phạt ngọn roi tàn nhẫn! Ngài không oán vua không thù người thợ săn. Trái lại, Ngài động lòng từ bi nên phát nguyện rằng: "Cho tôi được mau thành Phật để cứu độ các sự quả báo khổ não của anh thợ săn vì lòng tham ác đã gây nên, và tất cả chúng sanh hiện đang đau khổ". Vua truyền đem chôn đạo sĩ chừa đầu lại sáng mai để giết.
Bấy giờ đạo sĩ gọi tên con rắn:
Tránh! Tránh… Rắn nghĩ: "Trong thiên hạ không ai biết tên ta, chỉ có đạo sĩ thôi, có lẽ cần gì đến ta chăng?". Rắn vội vàng tìm đến, thấy đạo sĩ bị hình phạt như thế. Rắn đau đớn cúi đầu thưa rằng: "Vì sao Ngài bị mắc nạn này?".
Đạo sĩ kể tất cả nguyên do. Rắn rơi nước mắt thưa: "Lòng nhân đạo của đạo sĩ rộng lớn không bờ bến, mà còn gặp tai nạn như thế này, huống gì kẻ không đạo đức, thì tai họa lại sao tránh khỏi". Rắn thầm nghĩ: ông vua nầy chỉ có một Thái tử rất cưng quý, ta sẽ vào cung cắn chết Thái tử rồi trở ra đưa thần dược cho đạo sĩ. Và dặn: "Hễ thấy đám Thái tử đi ngang qua, Ngài đem thuốc này cứu Thái tử, Ngài sẽ thoát nạn".
Sau khi hay tin Thái tử chết, nhà vua đau đớn vô cùng, bèn truyền lệnh: "Người nào có tài năng làm cho Thái tử sống lại, ta xin chia một nữa nước". Nhưng tất cả lương y trong nước đều bó tay. Nhà vua đành đem thây Thái tử vào núi để hỏa tang. Đám đi ngang qua bên đạo sĩ, đạo sĩ hỏi: "Thái tử đau bệnh gì mà bỏ mạng chóng thế? Hãy thong thả tôi có thể cứu sống Thái tử". Thị tùng nghe vậy vội vàng đến tâu vua. Vua rất mừng cảm động nói: "Nếu Ngài cứu sống con tôi, tôi sẽ xá tội cho Ngài và chia nước để Ngài làm vua". Đạo sĩ lấy thuốc xoa khắp thân thể, bỗng nhiên Thái tử ngồi dậy: "Vì sao ta ở đây?". Người hầu thuật rõ mọi việc đã xảy ra. Thái tử vui mừng trở về cung. Vua giữ lời hứa chia nửa nước cho Đạo sĩ, Đạo sĩ nhất định từ khước không nhận. Khi đó nhà vua tỉnh ngộ, Đạo sĩ là người đã sống ra khỏi vòng danh lợi, bèn hỏi: "Ngài ở nước nào, và được ngọc ở đâu?".
Đạo sĩ thuật rõ đầu đuôi việc đã xảy ra. Nhà vua nghe rồi ăn năn cầu xin sám hối, rồi đòi thợ săn đến bảo: "Ngươi có công với nước, đem tất cả bà con đến đây ta sẽ trọng trưởng". Khi đã đến đầy đủ vua truyền lệnh: "Vì ngươi đã bất nhân bội nghĩa, mà đạo sĩ gần thác oan, tội người rất nặng ta sẽ giết cả họ". Lệnh vừa truyền ra, Đạo sĩ vội đến can vua: "Chúng ta là kẻ trượng phu, không nên đem oán để báo oán, nên đem ân mà báo oán, oán ấy mới mong dứt được. Vậy xin bệ hạ hãy vì tôi tha cho tất cả những người nầy". Vua nghe cảm động và mến phục đức nhẫn nại hy sinh cao cả của đạo sĩ. Liền ân xá cho những tội nhân ấy.
Đạo sĩ trở về núi, tiếp tục tinh tấn tu hành, đến khi mạng chung được sanh lên cõi trời và lần lượt chứng thành đạo quả.
Nói đến đây, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni gọi các Tỳ kheo mà bảo: "Đạo sĩ

này chính là tiền thân của ta, chim là tiền thân của ông Thu Tử, rắn tức là A Nan ngày nay, thợ săn chính là Điều Đạt đó vậy".
Thuật giả: Thể Thanh

Đâu Nguồn Hạnh Phúc

Ánh tà dương dịu sáng, vui tươi, lan rộng giữa khoảng trời xuân êm ả. Gió muôn phương thổi lại, đem hương hoa về ướp thơm cảnh vật nơi vùng tịnh xá Kỳ Hoàn. Cỏ cây lành mạc đượm vẻ thái bình, thanh tịnh trong buổi chiều hôm. Đó đây vài làn khói lam uốn éo vươn mình trên mấy túp lều tranh cũ kỹ. Xa xa một đỉnh núi cao của dãy Hy Mã Lạp Sơn đội xấp xỏa lùm cây trắng trông giống như ông lão bạc đầu.
Giữa khung cảnh thiên nhiên vừa êm đềm, vừa ẩn vẻ hùng tráng ấy, bốn thầy Sa môn cùng ngồi đàm luận dưới gốc cây cổ thụ. Trời xuân tươi đẹp như dục khách sanh tình, một vị bổng lên tiếng bảo: "Này các huynh đạo: thử nghiệm xem trong đời có điều chi đáng yêu và vui thích nhất?". Nghe lời ấy ba vị đều tỏ vẻ tán thành, nói tiếp: "Hay lắm, chúng ta mỗi người nên suy nghĩ, rồi đưa ý kiến ra để giải đáp câu hỏi này, xem đằng nào hơn?".
Sau vài phút trầm ngâm, vị thứ nhất bảo: "Vào tiết trong xuân, cây cỏ khoe tươi, muôn hoa cười nụ, tiếng chim líu lo trên cành bích, hương thanh phảng phất khắp nơi, phong cảnh thật là đẹp! Trong lúc ấy ví ta được thả thuyền nhẹ theo giòng nước hay mang theo bầu rượu đến sườn non, chắc trong đời không chi thú bằng!".
Vị thứ hai đáp: "Cảnh gia đình sum họp vẫn là vui. Nhưng nếu thêm vào đấy những thức ngon, rượu quí, và tiếng sinh ca khoan nhặt lẫn trong tình thân mật, nét hân hoan thì tôi thiết tưởng hạnh phúc trên đời chỉ trong ngần ấy!".
Vị thứ ba nói: "Tôi thấy: nếu ta được sinh trong dòng tôn quý giàu sang, ở lầu cao nhà rộng, sẵn tiền bạc nhiều ta muốn sắm món gì cũng tùy thích. Khi ra đường ta phục sức cực kỳ xinh đẹp, xuống ngựa lên xe. Lúc nào nhà ta gọi đến, lắm kẻ kính thưa hầu hạ. Trong cảnh đó thử hỏi còn chi hơn? Theo ý tôi đó là thú vui độc nhất".
Vị thứ tư lại bảo: "Giữa đời, tiền bạc, quyền tước có lẽ còn dễ tìm hơn giai nhân. Riêng về tôi, người nào có được ba nàng hầu tuyệt sắc, kẻ ấy chưa chắc vua chúa sánh bằng! Còn thú gì vui hơn: Khi ngắm nét hoa tươi đẹp, bâng khuân dường lạc non hồng; lúc nghe giọng hát du dương; ngơ ngẩn như vào động bích. Lại còn lúc khi cùng người ngọc bàn câu phong tuyệt, cạn chén đồng tâm, chắc rằng hạnh phúc giữa trần hoàn không qua mấy điều tôi đã kể". Sau khi tỏ bày ý kiến, bốn vị đều cho chỗ nhận xét của mình là đúng, cùng nhau tranh luận phân vân.
Bấy giờ, cách đấy không xa, Đức Phật đang đi kinh hành xung quanh Kỳ

Hoàn tịnh xá. Nghe mấy lời ấy, Ngài động lòng thương xót, liền bước đến hỏi: "Các ông bàn luận chuyện gì thế?". Bốn vị Tỳ kheo không dám che giấu, phải đem sự thật thưa lên. Đức Phật bảo: "Những lời mà các ông vừa nói, đều là đường lối đi vào sự lo sợ, đau buồn không phải hạnh phúc lâu dài, chân thật, vì sao? - cảnh vật dù tươi đẹp trong mùa xuân, nhưng sang thu đông là phải tàn tạ héo khô. Thân quyến tuy sum họp vui cười, song có lúc đau khổ vì sinh ly tử biệt. Tiền của, ngựa xe là những vật không lâu bền, và khi chết ta không thể đem theo. Đến như sắc dục là một mối nguy vô cùng nó làm cho con người thân thể suy mòn, tinh thần mờ mệt. Những cảnh hư nhà, mất nước đều từ ấy sinh ra. Tóm lại bao thú vui các ông vừa kể, đã mong manh ngắn ngủi, lại chính là nguyên nhân cho sự luân hồi đau khổ về sau. Chỉ có cảnh niết bàn là sáng suốt, thường còn, an vui, trong sạch. Đấy mới chính là nguồn hạnh phúc chân thật lâu dài. Là Sa môn đã lánh trần tìm đạo, các ông đừng để cho sự vui giả dối ám ảnh, mà tiến theo con đường chân chánh, sáng suốt của mình".

Tiếp theo mấy lời ấy, Đức Phật lại nói kệ rằng:

Thương mừng sinh lo
Thương mừng sinh sợ
Biết rõ thương mừng
Đâu còn lo sợ?
Ái dục sinh lo
Ái dục sinh sợ
Nếu không Ái dục
Đâu còn lo sợ?
Ham muốn sinh lo
Ham muốn sinh sợ
Nếu không ham muốn
Đâu còn lo sơ?
Ưa pháp trong sạch
Lòng thành, biết thẹn
Sửa mình gần đạo
Được chúng yêu mến
Xa lìa thị dục
Nghĩ rồi mới nói
Lòng không tham ái
Sẽ thoát luân hồi

Đức Phật lại bảo bốn vị Tỳ kheo: "Về kiếp trước có vị vua tên Phổ An, kết bạn với bốn ông vua bên nước láng giềng… Một hôm, vua Phổ An mời bốn ông bạn sang nước mình hội yến. Tiệc hoa kéo dài đến tận bốn tháng, tiếng ca nhạc, thức lạ ngon, đã làm cho tình thân hữu càng thêm đậm đà, khắng

khít. Đến ngày chia tay, vua Phổ An hỏi bốn bạn rằng: "Trên đời có thú chi vui nhất?" Bốn vị quốc vương đều theo chỗ ưa thích, tuần tự đưa ra mấy điểm sau này: Cuộc dạo chơi – Gia đình sum họp – Giàu sang - Sắc dục. Vua Phổ An nói: "Theo ý kiến tôi, những điều các ông bàn luận, đều là thú vui mong manh và nguyên nhân đau khổ, chỉ có đạo vô vi trong sạch là vui". Nầy các Tỳ kheo! "Vua Phổ An thuở trước chính là thân ta ngày nay; bốn vị quốc vương kia là tiền thân các ông đấy. Kiếp xưa ta đã giải rõ sự vui khổ, mà các ông còn chưa hiểu, nên mới trôi lăn mãi trong biển sanh tử cho đến đời nay. Nếu hôm nay các ông lại không cố gắng tu tỉnh thì bánh xe sống thác khổ đau chưa biết bao giờ dừng nghĩ".
Nghe Đức Phật nói, bốn vị Tỳ kheo hổ thẹn, sám hối khói tham dục tiêu tan, gương lòng lặng yên, trong sạch. Khi Đức Phật trở ngót bước đi, không ai bảo ai, bốn người đều ngồi thẳng mình, để tâm vào cõi thanh nhàn, vắng lặng…
Chiều dương từ từ đi thẳng xuống phương đoài xa thẳm. Dạ thần cũng bắt đầu rủ màn âm u trên vạn vật. Giữa khoảng trống của hai quả núi bên chân trời tây, bỗng lộ ra nhiều vệt mây hồng rực rỡ, tạo nên một vẻ đẹp huyền ảo, thiên thần. Cùng trong lúc ấy, khi ánh sáng đời sắp tắt, ánh sáng đạo lại bật chiếu nơi tâm của bốn vị Tỳ kheo. Trong một buổi chiều xuân, họ đã tìm thấy nguồn hạnh phúc khơi dòng trong cảnh trời xuân bất diệt - trời xuân của ly dục và thanh đạm.
Thuật giả: Trí Hiền
Có thì sẽ mất
Giàu sang sẽ nghèo hèn
Tụ hội sẽ phân ly
Mạnh khỏe rồi sẽ đau chết

Cặp Mắt Thái Tử Câu Na La

Thuở xưa ở Ấn Độ có một ông vua tên là A Dục trị dân rất công bình. Hồi còn trẻ, tính Ngài hay giận dữ nhưng dần dần Ngài trở nên hiền từ dịa dàng. Nhờ gương sáng của Ngài, nhờ huấn dụ đưa ra, Ngài dạy cho dân tính nhã nhặn đối với mọi người và lòng bác ái đối với kẻ khổ sở. Ngài lập bệnh viện để chữa trị người bệnh, lập công viên để người và vật có chỗ nghĩ ngơi, sai đào giếng để khách bộ hành và vật khỏi bị khát nước, sai trồng hai bên đường những cây ăn quả và cây để làm thuốc.
Người con đầu tiên của Ngài có cặp mắt đẹp hiền từ như chim "Câu Na La". Vì thế người ta gọi chàng là Câu Na La. Đức vua rất đổi yêu mến, Hoàng hậu Liên Hoa là mẹ của Thái tử.
Hoàng hậu mất sớm. Nhưng Thái tử rất được vua cha yêu dấu và tin dùng.

Lòng từ ái, tính dịu dàng và khiêm nhượng của Ngài làm nhân dân rất yêu mến và kính trọng. Vợ Ngài rất dịa dàng, bao giờ cũng làm vừa lòng Ngài, tên nàng là Ma Đa Vi.
Hoàng hậu mất, vua A Dục lấy một người vợ kiêu căng và độc ác tên là Xích Di. Sau khi nàng sanh được một con, nàng ước ao nó sẽ được nối ngôi thay chân Câu Na La, và tuy không để lộ ra một cử chỉ gì, lòng nàng rất ghét người con ghẻ.
Nhân khi vua mắc bệnh nặng, các thấy thuốc đành bó tay, nàng Xích Di tìm cách chữa khỏi, vua tỏ ý muốn tạ ơn nàng, nàng xin vua cho con nàng được nối ngôi. Thật éo le cho vua A Dục. Ngài rất làm buồn rầu vì không thể chiều lòng ân nhân, và Ngài nhắc lại lời hứa với chánh hậu lúc lâm chung là chỉ truyền ngôi cho Thái tử Câu Na La mà thôi. Ngài nói: "Ta có thể bỏ ngôi báu chứ không thể phụ lời hứa được".
Thấy chuyện không lành, Xích Di xin vua cầm quyền chánh một ngày mà nàng sẽ định sau. Vua nghe lời, và nàng định nhân dịp ấy mà làm những việc ghê gớm.
Trong nước có một thành gọi là Đắc Xô Thi La nổi lên chống lại các quan cai trị của nhà vua. Chính hoàng hậu Xích Di cũng dính vào việc ấy. Thật thế, trước hết nàng cho các quan tiền rồi bảo lấy thuế dân thành ấy thật nặng, sau xúi dân nổi lên làm loạn. Hoàng hậu xúi dân nên yêu cầu vua cho Thái tử Câu Na La ra cai trị thành ấy, lấy cớ rằng chỉ có Thái tử là công bình mới đẹp loạn được. Sáng hôm sau các đại biểu thành Đắc Xô Thi La đến để yêu cầu việc ấy, Xích Di tâu vua cho được tự tiện dùng ấn của Ngài, là cái ấn dùng để niêm phong những sứ mệnh gởi đi. Thế tức là nàng nắm được quyền hành trong ngày ấy.
Rồi các đại biểu, Hoàng hậu tán thành lời yêu cầu của họ, tâu vua rằng chỉ có Hoàng tử được dân khâm phục và vì thế đưa dân đến chỗ bình an mà không có cuộc bạo động vì. Vua nghe lấy làm bối rối, vì Ngài nghi Hoàng hậu có manh tâm.
Có gì nguy hiểm bằng sai Thái tử đến một thành phiến loạn.
Thấy vua lo âu, Hoàng hậu giả vờ đau đớn nói rằng: "Nếu nhà vua còn nghi ngờ lòng nàng thì từ nay nàng không nói gì nữa". Rồi nàng giả bộ giận dỗi trả ấn lại cho vua, vì nàng biết thế nào vua cũng không nỡ thu. Thật thế, vua A Dục trọng lời hứa không dám lấy ấn lại. Thái tử cũng một mực xin đi, Ngài phải bằng lòng. Nhưng muốn chắc chắn Ngài định cho một đội quân đi hộ thân Hoàng tử. Hoàng tử từ chối việc ấy, vì ngài nghĩ muốn tránh sự đổ máu, phải hành động rất mau: Nếu đi với đạo quân thì mất nhiều thì giờ. Ngài lại nói rằng: "Nào phải thấy gươm giáo như rừng, nghe tiếng ngựa hý, voi gầm, tiếng xe, tiếng trống, tiếng kèn, mà yên nhân tâm được đâu".
Vua không nói gì nữa. Thái tử từ giã Ngài, từ giã nàng Ma Đa Vi rồi một

mình cỡi ngựa Ma Đăng La phi đi mau như gió. Chàng có ngờ đâu sau lưng chàng có người kỵ mã phóng nước đại. Đó là người rất trung thành với Hoàng hậu, đương mang trong mình một sứ mạng có niêm ấn vua kỷ lượng. Thái tử cưỡi bạch mã đi mau như bay. Hai bên đường làng mạc núi đồi đồng lúa rừng xanh như thụt lui lại. Nhưng cái tên chàng còn đến nhanh hơn, vì nhân gian mong ngài đến lắm. Họ sửa soạn tiếp chàng. Kẻ thì rắc hoa xuống đường, kẻ thì hái quả đến hiến, đâu đâu cũng dậy tiếng hoan hô. Nhân dân xin Thái tử tha tội vì dân chúng không dám nổi lên chống vua, mà chỉ vì bọn tham quan ô lại. Nghe tiếng kêu vang. Ngài lấy làm thương hại tha lỗi mà đi vào thành giữa tiếng nhạc vang lừng. Thái tử đặt lại thuế má chọn người công bình ra trị dân; dân lấy làm mừng rỡ và phái đại biểu về tâu vua tỏ bụng trung thành, và ca tụng Thái tử đã đưa lại sự yên ổn.

Thành Đắc Xô Thi La đang vui vẻ thì bỗng nhiều người cưỡi ngựa theo Thái tử vừa đến, và giao cho công chức trong thành một cái dụ. Mở ra xem ai nấy sửng sốt sợ hãi vì đạo dụ ra lệnh: "Phải móc mắt Thái tử Câu Na La kẻ thù lợi hại của nhà vua và là kẻ làm nhơ nhuốc nòi giống". Đạo dụ lại nói rằng khi đã làm hình phạt ấy rồi, không được người dân nào cứu giúp Thái tử và cấm không được nói đến tên Ngài nữa.

Các viên chức không dám cho Thái tử biết đạo dụ vô nhân đạo ấy. Sau một đêm lo ngại, họ nói với nhau rằng: "Nếu ta không tuân lệnh sẽ bị nhiều nguy hiểm. Đến Hoàng tử là người tốt đối với tất cả thiên hạ mà nhà vua còn bắt tội nữa là chúng ta".

Ngày mai họ dâng đạo dụ lên cho Hoàng tử. Đọc xong Ngài nói: "Đây chính là lệnh của nhà vua, vì có niêm ấn rõ ràng, các ngươi cứ thi hành theo lệnh ấy".

Ngài cũng biết rằng vua cha chẳng bao giờ có ra lệnh hành hình con, đó là chỉ do Hoàng hậu, nhưng đã có niêm ấn thì phải tuân theo.

Dân gian được tin sẽ thi hành mệnh lệnh tại một khoảng đất giữa thành phố. Đến giờ đao phủ được lệnh móc mắt Thái tử, nhưng bọn này chỉ chấp tay cung kính xin chịu: "Chúng tôi không ai đủ can đảm làm việc ấy".

Thái tử tháo chuỗi ngọc mang trên đầu đưa cho đao phủ nói rằng: "Đây là tiền thưởng cho các ngươi để làm tròn phận sự". Chúng vẫn một mực từ chối. Sau cùng có một người hình thù quái gở, đến xin thay chân bọn đao phủ. Nhưng anh này cũng không có gan dùng tay móc mắt. Anh ta đốt một đống lửa lớn nung một thanh sắt đỏ rồi lại gần Thái tử. Thái tử ngồi tự nhiên để đốt cặp mắt. Cảnh tượng bấy giờ thật là đau đớn đến nỗi hằng nghìn người chung quanh đều khóc vang lên.

Hành hình xong, Thái tử một tay chống lên người kia, một tay ra hiệu bảo mọi người chung quanh yên lặng. Thái tử khuyên phải xa Ngài ra không được cứu giúp Ngài và kêu tên Ngài, y như trong đạo lệnh. Họ cúi đầu vừa

đi vừa khóc, trong lúc ấy Thái tử nằm phục xuống đất. Nghe nắng dội nóng, Ngài lê đến một chỗ có bóng mát để nghỉ.
Lâu lắm, chung quanh Ngài yên tịnh không một tiếng động, bỗng Ngài nghe tiếng chân ngựa dậm gần đến rồi có tiếng kêu thảm thiết.
Nhận là con ngựa Măng Đa La, Ngài nói: "Còn con nữa, con cũng nên bỏ thầy con".
Con ngựa quanh quẩn vài lần rồi đi xa, ra khỏi thành phố, một mình lủi thủi trở lại con đường mà nó đã vui vẻ đưa Thái tử đi.
Mặt trời lặn. Một vài ngườI động lòng muốn giúp Ngài. Song đã có lệnh cấm, họ đành đứng xa nhìn nhau lắc đầu. Sau mãi một bà lão nghèo đi lại gần Ngài lấy nước rửa chỗ đau và lấy cỏ băng lại; bà đỡ Ngài dậy, dìu ra khỏi cổng làng rồi đành thở dài trở về.
Trong lúc Thái tử đang đau đớn, thì đại biểu thành Đắc Xô Thi La được vua tiếp đãi ân cần. Thấy nói Thái tử được tung hô tôn trọng, lòng nàng Ma Đa Vi cũng bớt lo sợ, vì nghe chồng nàng phải đi dẹp loạn nàng vẫn áy náy không yên.
Mấy ngày sau, sốt ruột nàng đi đến chỗ nàng từ biệt chồng; qua ngày thứ ba, nàng bỗng thấy con ngựa Ma Đa La trở về một mình. Một tư tưởng ghê gớm thoáng qua óc nàng; rồi như cây gỗ bị đốn gốc, nàng ngã xuống bất tỉnh.
Tỉnh dậy nàng nghĩ rằng có lẽ chồng nàng đã bị dân nổi loạn giết chết. "Sao ta lại không tin chồng ta còn sống?" Nếu chưa được tin chắc chắn, sao ta không đi tìm chồng". Nghĩ vậy nàng không để mất một phút, trở về cung, trút bỏ đồ trang sức, ăn bận như người thường dân rồi trốn đi tìm chồng nàng không dám cho vua biết, sợ vua vì thương mà cầm lại chăng.
Nàng lủi thủi đi về phía thành Đắc Xô Thi La, ruột đau như cắt, dọc đường gặp ai nàng cũng hỏi có gặp Thái tử không? Đi ngày này sang ngày khác chẳng được tin gì cả.
Một buổi sáng vừa ra khỏi chỗ trú đêm, nàng liền gặp một người nông phu đang gieo mạ. Người ấy nói lúc rạng đông, nhân đi qua đám rừng nhỏ thấy một người trẻ tuổi mù mặc áo ra dáng ông hoàng; người nông phu liền cho người ấy mấy quả cây hái trong rừng và một chén nước lã.
Nàng Ma Đa Vi liền đến chỗ ấy thì nàng thấy Câu Na La một mình ngồi trên đá. Nhưng đau đớn thay, cặp nhỡn tuyến của chàng đã tắt hẳn. Nàng khóc nức lên và quì trước chàng nghẹn ngào, cầm lấy tay chàng hôn. Nghe nước mắt nhỏ xuống tay, Thái tử cảm động, đoán là nàng Ma Đa Vi. Nhưng chàng chưa dám tin. Đến khi nghe rõ tiếng nàng thì không còn nghi ngờ gì nữa. Chàng bảo nàng ngồi xuống; trong lúc đang đau khổ ấy, được gặp người thân yêu, nỗi vui mừng khôn xiết.
Thái tử thuật lại cho vợ nghe những chuyện xảy ra. Rồi nàng đỡ chàng đứng dậy đưa chàng cùng về ra mắt vua cha.

Về phần vua A Dục từ khi được tin con ngựa Ma Đa La về một mình và nàng Ma Đa Vi đi trốn, Ngài rất lo ngại. Tức khắc sai sứ về thành Đắc Xô Thi La để hỏi tin Thái tử và tìm nàng Ma Đa Vi. Nhân dân trong thành, thấy vua lo ngại cho Thái tử liền hiểu họ bị cái dụ đầu tiên lừa. Sợ bị nghiêm trị, họ bèn tìm cách lừa sứ giả rằng Thái tử đã một mình về triều. Dân chung quanh không dám hé răng, vì chúng biết rằng nói sẽ bị trừng phạt. Sứ giả nghi dân đã giết Thái tử nhưng không cớ chứng cớ gì đành trở về.
Trong khi ấy hai vợ chồng Thái tử cùng dắt nhau về kinh. Bấy giờ Thái tử đã trút bỏ bộ quần áo ông hoàng mà khoác đồ rách rưới vì trong cảnh ấy đồ trang sức chỉ làm thêm đau lòng. Đi qua làng hai vợ chồng cất tiếng hát trong trẻo dịu dàng, dân làng động lòng đưa cho đồ để ăn uống.
Một ngày kia hai người đến cung điện nhà vua. Lính canh cửa thấy người lam lũ nên không cho vào. Nhưng thấy cảnh thương hại áo rách bùn lầy bụi bậm nên cho vào trú trong chỗ chứa xe. Mỏi mệt hai người ngủ thiếp. Ngày mai vua A Dục đương buồn rầu nghĩ đến con thì ngài giật mình vì nghe tiếng hát quen tai; đó là tiếng hát của Thái tử ở trong nhà chứa xe. Vua nhận ra là tiếng con, nhưng còn sợ lầm. Ngài sai ra hỏi xem ai hát. Cận thần tâu rằng: đó là tiếng hát của người ăn mày mù, đi với một người vợ. Vua liền sai dẫn cặp vợ chồng kia đến sân rồng. Thoạt đầu thấy người ăn mặc rách rưới vua còn nghi ngờ chưa dám nhận là con nhưng hộ mặt hiền từ phúc hậu kia thật là của Thái tử, còn lầm sao được. Hơn nữa dầu nàng Ma Đa Vi áo quần thô kệch cũng còn dễ nhận. Vua đưa mắt nhìn dâu, nhìn con rồi ôm choàng cả hai mà khóc nức nở.
Một hồi lâu vua mới định thần lại, hỏi vì sao Thái tử mắc nạn. Khi hiểu nguyên do, vua nổi giận, hỏi rằng: "Đứa nào dám dùng ấn của trẫm để làm việc tày trời kia?". Thái tử ngồi im, vì chàng không muốn nói vì sợ Hoàng hậu bị nghiêm phạt, hỏi mãi, nàng Ma Đa Vi mới nhắc lại cho vua hay rằng Hoàng hậu Xích Di có được phép dùng riêng ấn vua trong một ngày. Đã nhiều lần vua nghi Hoàng hậu có bụng ác với Thái tử. Vì Ngài nghĩ rằng, Hoàng hậu muốn con được nối ngôi tức là muốn trừ Hoàng tử Câu Na La; tuy nghi vậy Ngài vẫn không dám tin. Nhưng bây giờ sự đã rõ ràng, Ngài liền truyền lệnh vời Hoàng hậu đến.
Về phần Hoàng hậu, từ khi thi hành được thủ đoạn, mất ăn mất ngủ; hễ chợp mắt là thấy hiện ra cảnh mắt Thái tử bị hành hình. Thế rồi vừa tỉnh dậy vừa la. Nàng lo rằng tội nàng sẽ có ngày tiết lộ. Nàng tưởng tượng rằng từ vua chí dân, lính tráng, quan lại ai cũng nhìn thấu rõ tâm can mình, khiến nàng càng thêm khắc khoải lo sợ.
Khi có lệnh đòi, nàng đoán biết là việc bại lộ, lúc thấy các tội ác của mình, nàng hối hận nhưng không nói ra tiếng nữa chỉ cúi gầm mắt xuống, đợi lời tuyên án. Thái độ ấy rõ ràng hơn lời thú tội.

Vua A Dục nổi giận mắng lớn và truyền rằng trước khi đưa Hoàng hậu ra chém còn bắt chịu nhiều cực hình đau khổ đã. Thái tử tâu xin vua mở lượng từ bi giảm tội cho nàng. Nhưng vua vẫn không nghe. Thái tử bèn quỳ xuống nói rằng: "Tâu lạy phụ vương, nào phải một mình Hoàng hậu phạm tội đâu! Đó chỉ là kiếp trước con làm nhiều tội ác, nên nay bị nghiệp báo thôi. Đã từ lâu con cố nhớ xem lại kiếp trước con đã tạo nên tội ác gì nhưng mãi đến tối hôm qua, con mới nhớ rõ…"
Vua ngắt lời: "Như con thì có tội gì, con là người tốt nhất trên đời!". Thái tử cảm động đáp: "Một người hiền lương chưa hẳn là vô tội. Vì nếu kiếp này ăn ở hiền lành, nhưng kiếp trước bạc ác thì cứ phải chịu quả báo. Tâu phụ vương, thuở xưa, có một người đi săn, một hôm thấy năm chục con dê rừng trong núi, liền lung núi bắt hết. Anh ta nghĩ rằng nếu giết hết thì tiêu thụ làm sao cho hết, chi bằng ta móc mắt chúng đi, chúng không trốn được, ta sẽ lần lượt đưa từng con tới tỉnh mà bán. Nghĩ thế anh ta không ngần ngại liền dùng tay móc mắt chúng đi rồi thả vào hang núi để bán dần. Người đi săn ấy là tiền kiếp của con. Người đi săn ấy đã làm đau khổ năm mươi chúng sanh, ngày nay là ngày cuối cùng người ấy trả nợ vậy".
Vua nghe lấy làm cảm động, nhưng còn phân vân chưa tin thì Thái tử ngồi ngay ngắn lại, chắp tay trước ngực mà nói rằng: "Nếu lời tôi nói đúng sự thật thì xin Phật chứng minh cho và mắt tôi sáng lại".
Lời nói vừa dứt, mắt Thái tử bỗng sáng như thường, vua A Dục và nàng Ma Đa Vi xiết bao vui mừng.
Vua dẹp giận ra lệnh ân xá cho nàng Xích Di, chỉ buộc nàng phải tìm chỗ yên để sám hối tội lỗi. Vua từ đó ngôi báu vững vàng, còn Thái tử được chính thức phong Đông cung để nối ngôi sau và nàng Ma Đa Vi sẽ là Hoàng hậu.
Thái tử Câu Na La là tiền thân Phật Thích Ca vậy.
Trích: Phật Pháp
Tạo một nghiệp nhân gì, dù lâu đến trăm ngàn kiếp cũng không mất, hễ đủ nhân duyên rồi, thì mình phải chịu quả báo.

Một Câu Đáng Giá Nghìn Vàng

Đời xưa có một nhà triết lý treo biển giữa chợ nói: "Ai chịu hễ một trăm lạng vàng thì sẽ dạy cho một bài học rất hay!". Một vị quốc vương lúc ấy đi dạo chơi, thấy biển đó, động lòng hiếu kỳ, liền đem một trăm lạng vàng cho nhà triết lý để xin một bải học, thì nhà ấy chỉ dạy cho một câu: "Phàm làm việc gì trước phải nghĩ đến kết quả".
Câu ấy giản dị đến nỗi phần đông cận thần của vua bĩu miệng trề môi cho giá một trăm lạng vàng là quá đáng. Nhưng sau khi ngẫm kỹ, vua nhận thấy

lời ấy rất hay và truyền khắc câu ấy trên các tấm cửa cung điện và các đồ khí dụng của vua, để hằng ngày nhớ mãi không quên. Nhờ một câu ấy mà vua xóa bỏ được nhiều điều tệ, phát minh được nhiều điều hay về chính trị làm cho nước mỗi ngày mỗi thêm thịnh vượng.
Thời ấy có những bậc Hoàng thân thấy Thái tử còn nhỏ, muốn gấm ghé ngôi báu, nên âm mưu làm nhiều điều thí nghịch, họ lo lót với một quan ngự y để đầu độc vua trong những khi đau ốm.
Một hôm, vua se mình đòi quan ngự y đến làm thuốc, quan ngự y chế thuốc độc sẵn, rót vào chén ngự để dâng vua. Nhưng may thay, trong lúc quan ngự y lại thấy nơi chén câu cách ngôn: "Phàm làm việc gì trước phải nghĩ đến kết quả". Ngự y giựt mình, nghĩ đến kết quả, thấy sự thí nghịch chẳng những làm cho mình phải tru di tam tộc, mà còn gây biết bao tai họa cho thần dân, nên liền hối quá, đem tất cả việc đầu độc thí nghịch tâu cho vua rõ. Nhờ sự thú nhận, mà cả bọn gian đảng đều bị tiểu trừ mà ngôi vàng càng thêm bền vững…
Trích báo: Viên Âm
Muốn biết nguyên nhân thời kỳ đã qua, thì nên xem kết quả hiện tại đương thọ.
Còn muốn biết kết quả về sau thế nào, thì nên xem cái nhân hiện tại đương làm.

Gương Bố Thí

Ngày xưa có một vị Bồ tát, nhân thấy cuộc đời vô thường cho đến cả thân mạng và của cải cũng vậy. Nên Bồ tát phát tâm dõng mãnh đem tất cả sản nghiệp của mình bố thí.
Trong khi bố thí Bồ tát không phân biệt người oán kẻ thân, miễn thấy ai thiếu thốn khổ sở là Ngài đem lòng thương xót và tận tâm giúp đỡ. Cũng vì thế, nên lòng nhân từ của Ngài vang khắp mọi nơi, và ai nghe đến tên Ngài cũng đều cảm phục.
Nhân đó, một vị Thiên đế Thích chưởng quản Dục giới sanh lòng ghen ghét lo sợ. Ông ta thầm nghĩ: "Nếu vị Bồ tát này tu hạnh bố thí quảng đại như vậy không bao lâu phước đức của người sẽ hơn ta và khi ấy địa vị Thiên Đế Thích này chắc gì ta giữ mãi được". Nghĩ thế rồi; Thiên Đế Thích bày mưu kế để lung lạc hạnh bố thí của Bồ tát. Ông bèn dùng thần thông hóa hiện một cảnh địa ngục ghê rợn trước mắt Bồ tát và trong địa ngục ấy, một tội nhân đang bị hành hạ khổ sở… Thấy tội nhân bị hành hạ Bồ tát thấy làm đau đớn thương xót trong khi ấy thì Thiên Đế Thích kia liền đến chỉ vì chuyên tu hạnh bố thí, nên ngày nay y phải chịu quả báo đau khổ và nếu ngươi tu hạnh bố thí, thì sau này khi mạng chung, ngươi cũng phải đọa vào địa ngục này để

chịu mọi điều đau khổ như thế. Vậy, ngươi còn muốn tu hạnh bố thí nữa không?".
Nghe Thiên Đế Thích nói, Bồ tát rất ngạc nhiên, và bảo với Thiên Đế Thích rằng: "Tôi chưa hề nghe ai nói bố thí mà bị đọa vào địa ngục và chịu mọi đau khổ!". Đế Thích trả lời: "Nếu ngươi không tin, thì ngươi thử đến hỏi tội nhân ấy". Bồ tát liền đến hỏi tội nhân: "Ngươi vì duyên cớ gì mà phải chịu hình phạt như thế?". Tội nhân trả lời: "Cũng vì lúc sanh tiền có bao nhiêu tiền của tôi đều đem giúp hết cho người, nên nay tôi chịu quả báo đau khổ ở đây". Bồ tát lại hỏi: "Nếu ngươi đem tiền của bố thí mà nay phải chịu quả báo đau khổ, vậy những kẻ được bố thí thì sao?". Tội nhân đáp: "Những kẻ được bố thí, sau khi mạng chung sẽ được sanh lên cõi trời hưởng quả báo an vui".
Nghe vậy Bồ tát vui vẻ nói: "Sở dĩ ta đã bố thí là vì muốn cho chúng sanh thoát khổ được vui… Nhưng nếu vì bố thí mà thân ta phải đọa vào địa ngục để chịu muôn ngàn đau khổ, ta cũng vẫn vui lòng. Vả lại cứu giúp chúng sanh mà thân mình bị đau khổ cũng là điều rất thường đối với Bồ tát".
Thiên Đế Thích nghe vậy, rất lấy làm cảm phục và cung kính hỏi rằng: "Vì chí nguyện gì mà người có những hành động quả cảm như thế?" Bồ tát trả lời: "Chí nguyện của ta không ngoài mục đích cầu Phật đạo để cứu khổ chúng sanh".
Sau khi biết rõ chí nguyện của Bồ tát, Thiên Đế Thích tự thấy hối hận, liền thành kính đến quì trước Bồ tát: "Thưa Ngài chỉ vì nghiệp chướng mê mờ, sợ mấy quyền vị Đế Thích nên tôi giả bày cảnh địa ngục ấy, để hầu lung lạc chí nguyện bố thí mà phải chịu quả báo đau khổ! Nghĩ lại hành động lỗi lầm của tôi, tôi rất hổ thẹn và đau đớn. Vậy trước Ngài tôi xin sám hối và xin nguyện sẽ mãi mãi noi gương bố thí cao quý của Ngài; và nguyện sẽ hết lòng giúp đỡ những ai trong cõi Dục giới này, phát tâm tu hạnh bố thí."
Thuật giả: Chơn Trí
Sướng gì hơn sướng làm lành
Cho bao nhiêu của để dành bấy nhiêu

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập I - 6

Tình Thương và Cừu Hận

Trường Thọ Vương ngước nhìn ra trời đêm mù mịt. Kinh thành Ba Diệp

đang ngập trong bóng tối nặng nề. Ngoài xa, có le lói ánh lửa chắc quân thù đã hạ trại khi trời chiều, ở đồi bên kia.
Ngày mai!… Vâng, ngày mai nếu cứ tình trạng này thì cũng đến đánh nhau to. Không lẽ thành kia vấy máu, hồ kia ngập xác người, máu thấm đất cày đã hút nhiều mồ hôi lao động? Ai thích nghe chi những tiếng ngầm gào say máu, tiếng khóc than trên trận địa?
Càng nghĩ Vương càng thấy ruột rối bời. Lời khuyên nhủ của vị trung thần còn văng vẳng.
Bệ hạ không lý do chậm trễ. Giờ phút hưng vong của nước nhà là đây. Chúng ta không thiếu người tài giỏi. Đội ngũ đã sẵn sàng, xin Ngài mau ra lệnh tiến binh.
Vương thấy ngao ngán vô cùng. Suốt đời làm vua, Trường Thọ Vương không bao giờ dùng thanh gươm nhọn để trị nước. Bằng đức độ và tình thương, Vương đã đem đến cho nhân dân cuộc sống yên lành. Nhưng cũng vì thế mà binh không hùng, tướng không mạnh. Vương có bao giờ nghĩ đến việc chinh phạt ai? Nhược điểm đó đã bị Phiên vương, một chư hầu nhòm ngó, rồi nảy ra ý tranh đoạt ngai vàng.
Bây giờ biết tính làm sao? Xuất binh ư? Chắc gì đã thắng? Mà nếu thắng thì cũng chỉ là giết người, có gì vui sướng. Gây chiến chinh thì làm sao tránh được cảnh mẹ già khóc con, vợ trẻ mỏi mắt chờ chồng và những em bé ngây thơ ôi chúng có tội tình gì đâu mà bắt chúng phải mồ côi, phải sống cuộc sống không tình thương và đói lạnh.
Mà để làm chi nếu không phải bảo vệ một ngai vàng vô nghĩ lý? Vương lắc đầu chán ngán: "Không thể được, ta không tham cái của phù hư đó. Các ngươi cứ việc giành nhau. Ta sẽ đi tìm một cái gì nhân loại hơn đạo đức hơn".
Vương đứng dậy, mắt sáng ngời quyết định. Ngài bước lần về phía hậu cung, phòng Thái tử vẫn còn ánh sáng. Qua những phòng cung nga Vương khẽ thở dài khi nhìn họ đang mê mệt ngủ. Họ đâu biết ngày mai có sự đổi chủ thay Thầy.
Đây là phòng Thái tử Trường Sanh Thái tử gục đầu xuống bàn, một ngọn nến lập lòe bên cạnh. Đứa con nhỏ hiếu học ấy là nguồn hy vọng và vui sống độc nhất của nhà Vua từ ngày Hoàng hậu chết giữa tuổi xuân. Vương sờ nhẹ trán con bằng một cử chỉ thương mến. Thái tử chợt tỉnh, ngỡ ngàng trong cái quỳ lạy đón chào. Vương nói với con:
- Con ơi! Phiên vương kéo quân đến cướp ngôi báu. Cha không muốn chỉ vì một ngai vàng nhỏ mọn mà nhân dân hai nước phải khổ đau. Hãy nhượng ngai vàng cho họ, cha con ta lên rừng tìm Đạo.
Thái tử chợt hiểu. Đôi mắt xanh biếc bỗng xoe tròn hai hàng lệ ngọc. Chàng nắm lấy tay cha như tìm nguồn an ủi. Thôi từ nay vĩnh biệt hoàng cung!…

Đêm ấy, theo hướng sao đêm có hai người dắt nhau vào núi.
Thế rồi dưới gốc cây già. Trường Thọ Vương cùng con tu luyện. Ồn ào của thế nhân chỉ còn văng vẳng phía bên kia đồi. Bụi đời mờ mịt nhân gian đã lắng yên trong người tu ẩn. Thái tử thường vào núi hái hoa quả cúng dường cha.
Hôm ấy chàng đi vắng. Trường Thọ Vương thiền định một mình. Bỗng giật mình vì một tiếng reo vui: "A! Chính Vua đây rồi!…" Một người ốm o hiện từ lùm dứa lại. Y nói:
- Kinh thành đã bị chiếm. Một số trung thần tử tiết. Phần lớn trở về vui thú đoàn viên. Phiên vương ra lệnh tầm nã Ngài rất dữ. Nhân dân rất nhọc nhằn không hiểu cái họa ấy đến bao giờ mới hết. Ngài thấy không, tôi đã đi khắp nơi trong nước. Hôm nay tình cờ gặp được, còn chi vui sướng bằng.
Vương hỏi như rên lên vì đau đớn:
- Vì ta trốn dân phải nhọc nhằn đày đọa?
- Vâng, Phiên vương đã đánh đập tra khảo biết bao nhiêu người vì nghi họ chứa Ngài. Phiên vương còn treo giải cho ai bắt được.
Y nắm lấy tay Trường Thọ:
- Ngài hãy đi theo tôi về triều để tôi nạp lấy thưởng.
Vương rẫy mạnh, tên tay sai của Phiên vương gần ngã dụi. Nhưng Vương nghĩ: "Không lẽ ta để cho dân chúng phải đọa đày? Ta đã nguyện hy sinh tất cả để cứu đời. Mà thân mạng này rồi cũng có ngày tan rã. Phải cứu lấy nhân dân!" Vương đến để hai tay xuống vai người định bắt mình:
- Người ạ, nếu người bắt ta, nhân dân đỡ lo sợ, người có thể sung sướng ta nào tiếc chi.
Nhớ đến con, Vương khắc lên thân cây già một dòng chữ: "Cha đã bị bắt đưa vào kinh đô. Con ở lại tiếp tục tìm Đạo". Rồi nắm lấy tay y, Vương thúc giục: "Thôi ta đi".
Hắn làm sao hiểu được tâm trạng của nhà Vua khi hắn chưa quan niệm rồi những con người xả thân cứu thế. Những con chim rừng thường hót líu lo chúc tụng đời giác ngộ nay reo gọi não nề…
Trường Sanh ôm giỏ hoa quả trở về thì còn đâu Từ phụ? Chàng tìm khắp nơi, gọi đến vang rừng cũng không một lời đáp lại. Tiếng tử quí buồn hiu hiu. Tình cờ đọc dòng chữ cha để lại, chàng ôm mặt khóc. Ôi đời có thể tàn bạo đến thế kia ư? Dù ở rừng sâu núi thẳm con người vẫn không được sống yên lành?
Theo đường cũ chàng lần về kinh thành Ba Diệp. Chính hôm đó, Trường Thọ Vương bị đưa lên giàn hỏa. Phiên vương đã đoạn tình khi xử tử một đấng vua hiền. Dân chúng bao nghẹt lấy giàn hỏa có những đôi mắt rơm rớm lệ. Họ đã khóc, thương một mạng sống lìa đời, tiếc một người cầm quyền đôn hậu.

Thái tử len lỏi đến tận dàn hỏa. Chàng lấy tay làm hiệu để cha biết đang có mình ở đây. Vừa lúc ấy, lính châm lửa vào giàn. Lửa bùng bùng bốc cháy. những ngòi lửa đỏ lòm lập lòa liếm quanh người Trường Thọ Vương như đang còn nếm thử. Thái tử bỗng giựt mình: Phụ vương đã thấy mặt con. Mắt Thái tử như đổ đồng tử. Nhưng tia lửa trên giàn hỏa kia liệu có rực đỏ bằng những tia lửa căm hờn trong mắt chàng thiếu niên ấy? Môi chàng mím lại, lúng búng một tiếng thét bị dằn vào trong: "Cha ơi! Con sẽ trả thù! Con phải trả thù! Trả thù cho cha!".

Lửa bắt đầu cháy mạnh. Trường Thọ Vương muốn nói với con đôi lời trăn trối. Người ngửa mặt lên trời để tránh sự nghi kỵ của đám tay sai Phiên vương. Người kếu lớn:

- Trường Sanh con! Hãy tưới tình thương và đức độ xuống hận cừu. Đừng bao giờ dùng gươm giáo để trả lời gươm giáo. Hãy sống cuộc đời Chư Phật, hỷ xả, từ bi…

Dàn lửa rừng rực, rừng rực. Lửa như reo hát, múa men. Những lời cuối cùng ấy bị tiếng lửa át mất. Thái tử mình trân trối và đau đớn vô cùng. Mắt cha hiền nhìn chàng tồi nhắm lại. Mùi khét lại bắt đầu lan xa…

Thái tử ngất đi trong đau thương cùng tận. Chàng đã thổ huyết đến 5 lần. Tuổi mười bốn ấy sớm chứng kiến những đau khổ của đời nên trở thành già dặn. Chàng bỏ vào rừng để nguôi ngoai tâm sự. Nhưng cứ một bước đi, một cái nhìn, hình ảnh cha hiện trên giàn hỏa rừng rực cháy cứ hiện ra như thục giục tăng trưởng ý chí phục thù. Chàng nghĩ:

- Nó đã giết cha ta. Nó đã cướp giang sơn ta. Phải lấy máu kẻ thù rửa hận. Giết! Giết!

Sương nắng của núi rừng rèn luyện thêm lòng chàng. Đói rét của cuộc đời lang thang thử thách con người chí khí. Thái tử đã quyết báo phục thù. Chàng lại lần mò về kinh thành Ba Diệp. Chàng tìm mọi cách để được gần Phiên vương.

Một viên đại thần thấy chàng có sức lực, nuôi và cho chàng trồng rau. Vốn bặt thiệp và thông minh, chàng lần hồi được mọi người mến phục. Những việc khó giải quyết trong nhà viên đại thần, chàng đều giải quyết được cả. Vì thế chàng trở thành kẻ tâm phúc của ông ta. Nhưng ông không hề biết đó là Trường Sanh Thái tử vì chàng cải trang rất khéo.

Một hôm, ông hỏi Thái tử:

- Nầy, nhà ngươi có tài gì đặc sắc nữa không?

- Thưa đại quan tôi có tài làm bếp.

Quả đúng như lời, Trường Sanh nấu ăn còn giỏi gấp mấy anh bếp trong nhà. Viên quan rất thích. Muốn khoe người bếp giỏi, ông ta mời Vua đến dự tiệc tại tư dinh.

Thái tử cố gắng nấu ăn thật ngon để thâu phục làm ham thích của Phiên

vương. Quả nhiên, Phiên vương nài nỉ viên đại thần trao cho mình người đầu bếp. Và Thái tử nghiễm nhiên trở thành người đầu bếp riêng của nhà Vua. Chàng tìm cách mua chuộc lòng tin yêu của Vua và đã nhiều lần chàng tỏ rõ sự thông minh uyên bác của mình. Phiên vương rất mến phục cho làm kẻ hộ vệ tâm phúc của mình. Hơn nữa làm việc gì Vua cũng hỏi ý kiến của chàng. Đi đâu, Vua cũng cho chàng đi theo.

Ngày mong đợi đã đến. Hôm ấy, chàng phò Vua đi săn. Mải theo con mồi, Vua cùng chàng tiến sâu vào trong rừng thẳm. Kể ra thì Trường Sanh cũng biết lối ra nhưng chàng cố ý đưa Vua đi lạc.

Mặt trời đã lặn mà hai người còn lẩn quẩn trong rừng. Đoàn hầu cận không có một ai. Những tàn cây u ám giăng bóng tối che khuất ánh sao đêm leo lét phía chân trời. Vua buộc lòng phải ngủ dưới một gốc cây. Thái tử đeo gươm đứng hầu bên cạnh.

Cơ hội tốt đã đến. Trường Sanh cứ nhìn kẻ thù đang mê mệt dưới chân mình. Tâm tư chàng thúc dục: "Nó đã giết cha mày, chiếm giang sơn của mày! Còn chờ chi nữa mà không ra tay?…" Chàng rút gươm ra khỏi vỏ. Bỗng nhiên chàng như thấy đôi mắt dịu hiền của Trường Thọ Vương trên giàn hỏa. Tiếng nói của người như đang dội lại trong lòng chàng: "Con ơi hãy tưới tình thương và đức độ xuống hận cừu. Đừng bao giờ dùng gươm giáo để trả lời gươm giáo. Hãy sống cuộc đời Chư Phật, hỷ xả, từ bi…". Ôi lời cha còn đó, Thái tử có thể quên chăng? Chàng run tay, thanh gươm bén lại hiền lành chui vào vỏ. Vừa lúc Phiên vương thảng thốt thức dậy:

- Này khanh trẫm vừa mơ thấy một người muốn giết trẫm.
- Muôn tâu bệ hạ, có lẽ hơi lạnh thấm vào người sinh ra mộng mị. Có hạ thần đứng đây thì ai mà dám bén mảng?

Phiên vương yên tâm nằm xuống ngủ. Hình ảnh cha mình bị thảm sát lại hiện lên rước mắt Thái tử. Tâm tư chàng lại thúc dục: "Còn chờ gì nữa mà không lấy máu kẻ thù tế cho linh hồn cha…" Trường Sanh cương quyết tuốt gươm. Nhưng cũng vẫn đôi mắt dịu hiền, vẫn câu nói ngày xưa văng vẳng: "…Hãy sống cuộc đời Chư Phật, hỷ xả từ bi!.." Trong tâm hồn Trường Sanh hai dòng nước ngược đang ào ạt chảy: một dòng hận cừu đỏ máu, một dòng đức độ thơm ngọt sữa hiền. Giữa ngã ba đường ấy biết về đâu?

Đã ba lần, chàng rút gươm toan hạ thủ nhưng nghĩ đến lời cha dặn, chàng lại thôi. Cuối cùng không chịu nổi sự dày đạp của lòng chàng hét lên tức bực:

- Hỡi kẻ thù tàn ác, vì danh giá nhà ta, vì lời dặn cha ta, ta sẵn lòng tha cho ngươi.

Từ bi đã thắng hận cừu. Thanh gươm bây giờ không còn chịu ra khỏi vỏ. Phiên vương tỉnh dậy ngơ ngẩn:

- Khanh ơi! Trẫm vừa chiêm bao thấy con của tiên vương tha trẫm mà không trả thù. Khanh có biết là điềm gì không?

Trường Sanh trả lời trong nước mắt:
- Thưa Ngài, con của vua nước này chính là tôi đây. Khi cha tôi bị ngài thiêu trên giàn hỏa có căn dặn tôi không nên buộc chặt oán thù, hãy noi gương Chư Phật sống cuộc đời từ bi, hỷ xả. Vì thế đã ba lần tôi rút gươm muốn giết ngài nhưng lại thôi.
Phiên vương vô cùng hối hận. Vua ôm chầm lấy Thái tử mà nức nở:
- Thôi khanh hãy giết trẫm để báo phục thù, Trẫm không muốn khanh phải khổ tâm hơn nữa.
Trường Sanh cảm xúc đáp:
- Không, hạ thần xin chịu tội. Bệ hạ hãy xử cho rồi!
Và cả hai im lặng. Đêm tối đã bắt đầu lui bóng. Phía chân trời ánh bình minh le lói như ánh sáng từ bi vừa lé sáng trong lòng người. Ôi từ bi quang! Từ quang đã dập tắt hận thù, chiếu sáng tâm hồn người đoạ lạc. Từ quang ôi! Hãy tuôn chảy như suốt thác, như sông biển dạt dào xuống lòng nhân loại si mê.
Phiên vương ôm đầu suy nghĩ. Vua thấy tội mình mới lớn làm sao. Gương sáng của Trường Thọ Vương làm ngài thấy hổ thẹn. Một ý so sánh chợt đến trong óc ngài. Vua nói:
- Khanh ơi, đêm nay ta bắt gặp những gì cao đẹp nhất của đời. Chiến tranh và hận thù đều là tội lỗi. Không gì quý bằng tình thương.
Trời đã sáng hẳn, Thái tử dắt vua ra khỏi rừng. Các quan đang nóng lòng chờ đợi. Đêm rồi nào ai biết vua ở đâu? Vua hỏi hết bá quan:
- Các khanh có biết Thái tử con vua cũ nước này ở đâu không?
Rồi không đợi trả lời, người nắm lấy tay Thái tử, cao giọng:
- Đây là ân nhân của ta, Trường Sanh Thái tử con vua cũ, người đã vì hiếu quên thù. Này các khanh, không có gì cao cả cho bằng đức độ của tiên vương. Hãy nghe theo lời người… "Tưới tình thương và đức độ xuống hận cừu…"
Ngày hôm sau, Phiên vương trả nước lại cho Thái tử. Công đức Trường Thọ Vương được tán tụng khắp nơi. Thái tử nối chí cha, gieo rắc từ bi trong lòng nhân loại. Cuộc đời vì thế bớt đau thương…
(Đây là một chuyện tiền thân của Phật Thích Ca do chính Ngài kể lại. Trường Sanh Thái tử là A Nan đệ tử yêu quý của Phật, còn Phiên vương là Đề Bà Đạt Đa.)
Huyền Thanh

Lòng Ngưỡng Mộ Phật Pháp của Vua A Dục

Vua A Dục trước là người rất độc ác, từ khi theo đạo Phật đổi thành người rất nhân từ. Hồi mới theo đạo, vì lòng cảm mộ quá dồi dào nên mỗi khi ngự

ngoài đường hễ gặp vị Tỳ kheo nào đi ngang qua, liền xuống kiệu khấu đầu lạy.
Có một vị đại thần tên là Da Tát lấy thế làm quá đáng bèn can ngăn vua rằng: "Các Tỳ kheo kia chẳng qua là những người các cấp đi hành khất ngoài đường, không đáng tôn trọng lắm". Vua yên lặng không trả lời.
Cách vài ngày sau, vua truyền cho các quan văn võ, mỗi ông phải đem bán một đầu súc vật, và cho biết giá bán các đầu ấy như thế nào. Ông Da Tát phải bán một đầu người. Các đầu súc vật thời bán được với giá tiền sai khác hơn kém nhau, duy có đầu người của ông Da Tát bán thời không ai mua cả. Vua hỏi cớ sao, ông Da Tát trả lời: Vì đầu người là vật hèn hạ không có giá trị gì, Vua lại hỏi: "Chỉ có một đầu này là hèn hạ hay tất cả đầu người đều hèn hạ?" Ông Da Tát đáp: "Tất cả đầu người đều hèn hạ". Vua bèn hỏi: "Vậy đầu Trẫm đây cũng hèn hạ sao?" Ông Da Tát sợ hãi không dám nói, sau Vua cũng thú thật đầu Vua cũng hèn hạ.
Vua bèn giảng cho ông Da Tát nghe rằng: Phải! Người muốn can ta đừng lạy các vị Sa môn là nhà ngươi có ý kiêu căng tự đắc. Nhưng cái đầu của Trẫm này là một vật hèn hạ không ai thèm mua, vì cúi xuống mà được thêm công đức, thêm giá trị lên, thì phỏng có hại gì? Nhà ngươi muốn chỉ trích các thầy Sa môn là người các cấp không sang trọng nhưng nhà ngươi không rõ uy đức của các Thầy. Khi nào có đi ăn tiệc, ăn đám cưới thời mới nên hỏi đến giai cấp người ta, chớ đi tu học phân biệt gia cấp làm gì. Như người sang trọng danh giá bị tội nặng thời ai cũng nói "Người này là kẻ có tội" và ai cũng đem lòng khinh bỉ. Trái lại con người hèn hạ mà tu nhân tích đức thời ai cũng kính trọng ai cũng cúi đầu.
Vua nói đến đây, bèn chỉ hẳn vào mặt ông Da Tát mà nói lớn rằng: Nhà ngươi há lại không biết câu này của Đức Phật Thích Ca hay sao? Ngài dạy "Người có trí thời dầu vật không có giá trị cũng làm nên giá trị". Ta muốn theo Phật, ngươi lại can gián ta, ấy là bất trung. Đến khi ta nằm xuống đất như cây mía kia thì dầu muốn lạy, muốn đứng dậy, muốn cung kính cũng không sao được nữa, thời làm thế nào được công đức. Vậy ngươi để yên ta lạy các vị Sa môn để kiếm chút phước đức. Nếu có người dám tự nói "Ta là người đáng tôn trọng hơn cả", thời người ấy là người u mê nhất đời vậy. Nếu lấy huệ nhãn của Đức Phật mà xem xét thân thể, thời biết thân thể ông vua và thân mọi người giống nhau, cũng là da, thịt, xương, khác nhau chỉ có cái phù hoa trang sức bề ngoài. Nhưng cốt yếu ở đời là lòng đạo đức thời trong thân thể người hèn hạ nhất ở đời cũng có được, chính cái ấy con người trí giả gặp đâu cũng phải cung kính phải vái lạy vậy.
Trích: Viên Âm
Hoa thơm nhờ nhụy
Người có giá trị bởi đạo đức.

Tịnh Xá Kỳ Hoàn

Đọc kinh sách Phật, chúng ta thấy Phật thường thuyết pháp ở "Tịnh Xá Kỳ Hoàn hay Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên" cũng thế.
Được truyền tụng hơn hết, Tịnh xá này là công trình kiến tạo to tát của ông Tu Đạt Đa, một Phật tử tại gia thuần thành tên tuổi được hậu thế luôn luôn nhắc nhở.
Tu Đạt Đa, người ở thành Xá Vệ, xứ Ấn Độ, là tôi đại thần của vua Ba Tư Nặc và là một nhà giàu có nhất thời bấy giờ. Tánh tình hào hiệp ưa cứu giúp kẻ cô bần, hay làm việc bố thí, thi ân, khoan hồng với người dưới, khắp xứ đều biết danh, ông được người thời bấy giờ gọi tặng là Trưởng giả "Cấp Cô Độc".
Tu Đạt sanh được bảy người con trai. Chúng đều khôn lớn cả và có gia thất, trừ cậu út. Hình dung tuấn tú diện mạo khác thường, chàng có ý tự mình lựa chọn bạn trăm năm. Trưởng giả mới nhờ một thầy Bà La Môn tìm nơi mối lái.
Một hôm thầy Bà La Môn đến hóa trai ở một nhà nọ tại thành Vương Xá. Một người con gái xinh đẹp tuyệt trần, đem vật thực ra dưng. Hỏi ra mới biết là ái nữ của Trưởng giả Hộ Di. Thầy yêu cầu xin tiếp chuyện với phụ thân của nàng. Thiếu nữ vào trong thưa lại, một chập sau thầy được ra mắt Trưởng giả và lấy thật tình tỏ ý mình muốn tác thành cho hai họ.
Vì đã được nghe đại danh của Trưởng giả Tu Đạt Đa chẳng những là người giàu có muôn hộ, hay cứu giúp kẻ nghèo đói, cô bần, mà còn là một vị đại thần quyền thế ở thành Xá Vệ, nên không ngần ngại gì; Hộ Di vui lòng hứa lời cho đàng trai bước tới.
Nhân dịp có người khách buôn dong xe về Xá Vệ Bà La Môn liền gởi một phong thơ báo tin lành, ông Tu Đạt tức tốc khởi hành, cho gia nhân chở theo rất nhiều châu báu.
Lúc đến nơi, thầy Bà La Môn đưa ông tới nhà ông Hộ Di. Đàng gái hết sức vui mừng, tiếp rước trọng hậu. Nhận thấy tôi trai, tớ gái tấp nập cỗ bàn, Tu Đạt Đa mới hỏi thăm duyên cớ. Trưởng giả Di cho biết sáng hôm sau ông sẽ làm lễ cúng dường Phật và chư Tỳ kheo Tăng.
- Phật là gì? Tu Đạt hỏi
- Quan huynh chẳng nghe ư? Con vua Tịnh Phạn ở thành Ca Tỳ La Vệ, tên Tất Đạt Đa, vì thấy khổ, sanh, già, bệnh, chết, buồn lòng không vui thú gia đình, bèn bỏ cung điện đi tu, sau sáu năm khổ hạnh, được trí huệ đầy đủ, thắng chúng ma vương, tự tại thần thông, quan minh chiếu diệu được người xưng tôn là Phật.
- Còn thế nào gọi là Tăng?

- Tăng chỉ các vị đệ tử của Phật đều là bậc sáng suốt giải thoát, có thể vì chúng sanh làm đám ruộng phước.
Tu Đạt vui mừng vô hạn hỏi tiếp:
- Chẳng hay Phật và chư Tăng ở đâu?
- Tại một Tịnh Xá trong vườn Trúc (Trúc Lâm).
Trong đêm ấy Tu Đạt Đa sanh lòng kính tin, lăn lộn không ngủ, trông mau trời sáng để đến ra mắt Thế Tôn.
Vừa bình minh ông đã trổi dậy, hỏi hướng rồi ra đi.
Tịnh xá Trúc Lâm vẫn còn yên tịnh, sương lạnh phủ dày, các Tỳ kheo còn đang thiền tọa. Tu Đạt Đa đang ngơ ngác, thì đàng xa có bóng người tiến đến. Thì ra đó là Đức Phật, bởi biết trước nên xuất thiền ra ngoài kinh hành. Vừa trông thấy tướng mạo nghiêm trang, oai nghi, đĩnh đạt của Ngài, Tu Đạt Đa mừng quá quên cả lễ phép:
"Thưa ông, không biết đức Cù Đàm đã dậy chưa? Ngài ở đâu? Tôi muốn gặp liền bây giờ được chăng?" Đức Phật vui vẻ chỉ chỗ mời ngồi, rồi ôn tồn hỏi: "Ông tìm đức Cù Đàm có việc chi? Chính tôi là người ông đang tìm".
Biết là Đức Phật và cảm kích trước lời nói của Ngài, Tu Đạt Đa liền cúi mình làm lễ và tha thiết bạch rằng: "Lạy Ngài rũ lòng thương xót, mở lòng dạy bảo cho kẻ đệ tử đầy tội lỗi này!".
Đức Thế Tôn bèn nói Pháp: khổ, không, vô thường, vô ngã và Niết Bàn yên vui vắng lặng cho ông Tu Đạt nghe. Khi nghe xong, ông quá đỗi vui mừng, liền nhiễm Thánh pháp, đắc quả Tu Đà Hoàn, thí như miếng lụa trắng dễ ăn màu nhuộm. Trưởng giả bèn quì xuống, chấp tay lạy Phật: "Bạch Thế Tôn, những người ở thành Xá Vệ nghe pháp có thể dễ thâm nhiễm như con không?" Phật bảo: "Ông vì túc căn nên mới sớm ngộ như thế không phải ai cũng ngộ như vậy đâu. Vả lại dân thành Xá Vệ phần nhiều tin theo tà giáo, khó mà nhiễm thánh pháp". Tu Đạt bạch Phật: "Cúi xin Ngài thương xót, rủ lòng đại từ quang lâm Xá Vệ đánh chuông cảnh tỉnh để người theo tà quay về lẽ chánh".
Phật bảo: Phép của người xuất gia không được ở chung chạ với người thế tục, bên ấy không có Tịnh xá thì làm sao ta và các Tỳ kheo sang ấy ở được.
- Đệ tử xin phát tâm kiến tạo Tịnh xá mong Phật từ bi hứa khả cho.
Đức Phật yên lặng, tỏ dấu hứa chịu.
Mấy hôm sau, khi lo vợ cho con xong ông Tu Đạt trở lại rừng Trúc bái Phật xin phái một vị đệ tử đi theo chỉ bảo cách thức xây cất Tịnh xá. Đức Thế Tôn nghĩ rằng ở Xá Vệ bọn Bà La Môn rất nhiều, họ tin tưởng xằng bậy những điều không hợp chánh lý thế nào họ cũng ra mặt tranh đương, người kém tài kém đức, khó bề hàng phục được họ. Chỉ có Xá Lợi Phất trước là dòng dõi Bà La Môn thông minh đa trí, hiểu rõ nội bộ của họ đi mới có lợi. Phật liền sai Xá Lợi Phất đi theo Tu Đạt sang Xá Vệ.

Dọc đường Tu Đạt hỏi Xá Lợi Phất: "Đức Phật đi bộ bao nhiêu dặm trong một ngày?" Xá Lợi Phất đáp: "Chừng nửa do tuần". Ông Tu Đạt bèn cứ hai mươi dặm là mướn người cất một khách xá (nhà tạm) để khi Phật sang Xá Vệ, đêm có chỗ tạm nghĩ.
Khi về đến nhà, Tu Đạt và Xá Lợi Phất trải qua mấy ngày vất vả và vẫn chưa tìm ra chỗ nào vừa ý. Một hôm đi ngang vườn cây của Thái tử Kỳ Đà, thấy đất đai bằng phẳng, cây cối xum xuê. Xá Lợi Phất bảo Tu Đạt: "Trong vườn này cất Tịnh Xá được, vì không xa không gần thành; xa quá thì khó cho sự khất thực, còn gần quá thì ồn ào, loạn động khó yên tâm để tu hành".
Thấy Tu Đạt ra chiều suy nghĩ, Xá Lợi Phất tiếp: "Phải chăng ông sợ không thể mua được chớ gì? Ông nên đến ướm hỏi Đông cung xem sao".
Ông Tu Đạt liền đánh bạo đến ra mắt Thái tử Kỳ Đà.
- Tâu Thái tử! Tôi muốn kiến tạo một Tịnh xá để thỉnh Phật và chư Tăng sang đây diễn giáo, nhưng tìm mãi không ra chỗ. Nay Thái tử có vườn cây tốt, rộng rãi, xin Thái tử vui lòng nhường, miếng vườn ấy lại cho tôi, công đức của Thái tử thật vô lượng vô biên.
Thái tử cả cười bảo: "Tôi đâu có thiếu thốn gì mà phải bán; vườn này để làm chỗ ngoạn thưởng trong khi nhàn rỗi, cho thư thả tâm hồn, bán đi thì làm thế nào?".
Ông trưởng giả Tu Đạt năn nỉ mãi. Thái tử tánh dễ cảm, song vì tiếc miếng vườn nên định làm thối chí ông Tu Đạt:
- Nếu trưởng giả mua, xin đem vàng lót khắp mặt đất tôi sẽ bán cho.
- Vâng.
Thái tử hỏi hối:
- Tôi nói chơi như thế, chớ bán đi thì làm gì.
- Quân tử vô hý ngôn, Thái tử sẽ làm vua trị dân, nói bỡn sao được.
Tu Đạt bèn vội trở về nhà hối gia nhân chở vàng đến lót. Khi đã phủ xong nơi đất liền. Trưởng giả suy nghĩ coi phải làm thế nào để lót mấy nơi bị cây mọc choán. Thái tử đến gần vỗ vai hỏi: "Thế nào Trưởng giả suy nghĩ gì? Nếu ông chê mắc thì thôi vàng ông chở về vườn tôi xin trả lại cho ông".
- Không, tôi không nói mắc rẽ gì đâu, thưa Thái tử. Tôi đang suy nghĩ coi phải chở ở kho nào cho vừa đủ, khỏi đem đi đem về thất công và tính coi mấy gốc bao nhiêu vàng đấy chứ.
Thái tử Kỳ Đà nghe xong hết sức ngạc nhiên, tự hỏi Phật là người thế nào mà Trưởng giả coi của cải như không, xem vàng ròng như đất cục. Thật kỳ lạ quá… Có lẽ là một thánh nhơn, đạo cao đức cả mới có thể cảm hoá được lòng người như thế.
- Thôi, Thái tử bảo, ông đừng chở vàng đến nữa, bây giờ đất vườn thuộc về ông, còn cây thuộc về tôi, tôi xin cúng cho Phật đấy.
Trưởng giả vui sướng quá. Ngay ngày hôm sau kêu thợ đo đất khởi công,

còn Xá Lợi Phất thì vẻ bản đồ và chỉ bảo cách thức.
Song một trở ngại lại xảy ra. Phái Lục sư ngoại đạo Bà La Môn kéo nhau đến tâu vua Ba Tư Nặc: "Trưởng giả Tu Đạt Đa mua vườn của Thái tử để kiến tạo Tịnh xá cho bọn Sa Môn Cù Đàm xin bệ hạ cho phép chúng tôi cùng bọn kia tranh tài, nếu họ thắng được bọn tôi, chừng ấy họ mới được phép cất Tịnh xá và sang đây thuyết đạo, còn trái lại, thì ở đâu phải ở đó".
Nhà vua liền triệu Tu Đạt Đa vào triều vào bảo rằng: "Hàng Lục sư Bà La Môn không chịu có phái nào khác truyền giáo. Nay khanh mau vườn cất Tịnh xá để rước đồ chúng của Đức Cù Đàm về đây dạy đạo. Lục sư vào tâu khi nãy, xin cho hai phái cùng nhau một trận thư hùng, nếu họ thua thì khanh tự ý muốn làm gì thì làm, còn nếu phe Cù Đàm thua thì đừng bén mảng đến đây. Muốn cho yên thuận, ta đã hứa với họ rồi, vậy khanh lo liệu thế nào cho chu tất".
- Xin bệ hạ cho phép hạ thần trở về bạch lại với đệ tử của Đức Phật xem sao.
- Được, khanh cứ đi, muốn cho bọn họ và công chúng biết được giá trị của đôi bên, ngoài phương pháp đó, không còn gì hơn nữa.
Trưởng giả cáo từ ra về, mặt luôn luôn dàu dàu, đầu óc miên man lo nghĩ: "Không rõ bên ta có thể thắng được không? Hơn chẳng nói gì, còn rủi thua thì khổ biết bao. Lục sư pháp thuật cao cường, lại bè lũ đông đảo, liệu một mình Ngài Xá Lợi Phất có đương cự lại chăng?". Bao nhiêu câu hỏi làm lòng ông ngổn ngang lo sợ, đến nỗi về đến cửa nhà mà ông không hay.
Trông thấy vẽ mặt đượm đầy u buồn, lo ngại của Tu Đạt, Xá Lợi Phất bèn cất tiếng hỏi: "Hôm nay có việc gì mà Trưởng giả không được vui?".
Tu Đạt rầu rầu đáp: Thưa Ngài công việc kiến tạo Tịnh xá sợ không thành tựu.
- Tại sao thế?
- Thưa Ngài, bọn Lục sư quyết lòng ngăn trở công việc làm của mình. Họ đã đến khiếu nại với vua, xin cho cùng chúng ta tranh thủ nếu chúng ta thắng họ thì mới được cất Tịnh xá. Vua đã chuẩn y lời của họ. Bây giờ trăm việc tôi xin trông cậy vào Ngài. Tôi lo lắm, bọn họ tu hành theo tiên đã lâu, tài nghệ pháp thuật cao cường, trong thành này ai cũng biết, thêm nỗi bọn họ rất đông, liệu mình Ngài có chống nổi chăng?
- Trưởng giả đừng ngại. Tôi tuy một mình, nhưng ông có thấy chăng, chỉ một ánh sáng mặt trời đủ phá tan bao nhiêu bóng tối; cần gì phải đông. Đồ chúng của Lục sư có nhiều đến bực nào cũng không làm chi tôi nổi. Trưởng giả cứ vững lòng tin tôi và tâu lại nhà vua xin định ngày đấu sức, không sao.
Tu Đạt nghe nhõm người, chạy bay vào cung, xin định ba hôm sau là mở hội tranh tài.
Bọn Lục sư truyền rao cho tín đồ của chúng hảy đến xem cuộc đấu phép ít có mà phần thắng chắc chắn về phái họ. Vua Ba Tư Nặc cũng truyền lệnh

cho dân gian và cho phép tam cung lục viện đến dự. Đồng thời vua cho cất khán đài tại một miếng đất trống to lớn phía ngoài thành.
Đúng ngày giờ hẹn, trời vừa tang tảng sáng, bọn Lục sư đã lũ lượt kéo tới, cả dân chúng nữa, người người không thể tính số được. Giữa khán đài, vua và hoàng hậu ngồi ghế lớn, hai bên trăm quan và cung phi mỹ nữ đứng hầu, còn dân chúng chen nhau đứng phía dưới. Trước đài, tả hữu có hai đài khác, dành cho hai phái tranh thủ.
Giờ đấu tài đã đến, bọn Lục sư thấy thế tuyên bố ầm lên: "Bọn Cù Đàm sợ chúng ta rồi, đã tới giờ mà không thấy bóng hình đâu cả". Tiếng bàn tán cải cọ thêm to. Có kẻ đánh bạo đến gần tâu vua: "Tâu bệ hạ, bọn đệ tử Cù Đàm có lẽ tự biết mình vô tài nên không dám đến. Vậy xin bệ hạ kể họ như thất trận rồi".
Vua Ba Tư Nặc trầm tĩnh đáp: "Chưa gì mà các người đã vội ca khúc khải hoàn, hãy đợi một chút nữa xem nào". Đoạn vua xoay qua Tu Đạt: "Tại sao thầy của khanh chưa đến, khanh hãy đi xem thử sao?".
Lúc ấy, Xá Lợi Phất đang ngồi thiền định dưới cội cây to, yên lặng suy nghĩ: "Hội chúng hôm nay phần đông theo tà giáo đã lâu, tà pháp đã thâm nhiễm vào trong óc của họ, nên họ đầy vẽ kêu mạn, tự cao. Làm thế nào mà cứu vớt họ? Phật đã dạy, trong khi truyền đạo, không nên dùng thần thông làm kinh dị lòng người, nhưng trong trường hợp này, nếu không dùng thần thông thì làm sao gây được tín tâm. Vậy xin Phật thấu hiểu và xá tội cho!". Vừa nghĩ xong thì Tu Đạt hấp tấp đến.
- Bạch Đại đức, công chúng đã nhóm họp đông đủ cả rồi, nhà vua đang chờ trông, xin Đại đức quang lâm cho.
Xá Lợi Phất bèn xuất thiền đứng dậy, sửa ngay y phục, vắt tọa cụ lên vai, rồi oai nghiêm cất bước, từ từ tiến về phía diễn trường mà quang cảnh mà là một biển người, lô nhô đầu là đầu không hàng ngũ trật tự gì cả. Thế mà khi Xá Lợi Phất đến, công chúng lại tự dưng vẹt ra, chừa một đường khá rộng cho Ngài vào. Tu Đạt ung dung theo sau khỏi chen lấn gì cả.
Xá Lợi Phất đi đến đâu thì đám đông cúi chào, xa trông như một đồng lúa bị gió đùa. Còn bọn Lục sư, tuy lúc đầu đã dặn nhau không được tỏ vẻ kính nể nào, nhưng khi thấy vị đại đệ tử của Phật, tất cả như bị một sức mạnh gì ở thâm tâm thúc đẩy, đồng đứng dậy lễ phép chào như bao nhiêu người khác. Xá Lợi Phất chậm rãi thượng đài và an tọa. Vua Ba Tư Nặc liền ra lệnh cho hai bên đấu phép.
Lao Độ Sai, tay huyền thuật giỏi nhất trong phái Lục sư, trổ tài trước. Công chúng đang lao nhao chờ đợi, bỗng thấy một cây đại thọ mọc lên giữa sân sừng sững, to lớn một cách nhanh chóng khác thường, tàn che kín khắp vùng đất chiếm làm diễn trường.
Đồ chúng của Lục sư, biết là sự biến hóa của phe mình, lấy làm thích chí,

trầm trồ khen ngợi vang rền. Tứ phía muôn mắt quay về hướng Xá Lợi Phất đang tĩnh tọa, đôi mắt lim dim như không hay thấy gì hết. Một phút, hai phút… Mọi người đều nóng ruột, nóng hơn hết có lẽ là Tu Đạt Đa. Tiếng ồn ào vừa ngưng trong một hồi chờ đợi thắt thỏm, thì từ đôi mắt của Xá Lợi Phất hai luồn hào quang xẹt ra, bao luyện thân cây rồi cùng với thân cây biến mất trong chớp mắt. Tiếng hoan hô nổi dậy để tức khắc đổi thành tiếng kinh khủng: một con rồng nhiều đầu, thân thể to lớn dị thường, múa lộn trên hư không, giữa tiếng sấm sét vang tai điếc óc. Nhưng kìa, từ miệng của Xá Lợi Phất, một đạo bạch quang phóng ra, biến thành một con đại bàng, to gấp hai kẻ nghịch, xáp đến xớt rồng bay mất.

Thua canh này bày canh khác, Lao Độ Sai bèn dùng mình biến thành một con quỷ Dạ Xoa kếch xù, trên đầu lửa cháy, mắt lồi, miệng đỏ, xồng xộ chạy lại đài Xá Lợi Phất, hung ác vô cùng. Trầm tĩnh vị đệ tử của Phật xòe bàn tay năm ngón dịu mềm: Năm vị Tỳ sa môn Thiên vương hiện ra, đứng bao bốn phía và trên không. Đồng thời lửa tam muội đùng đùng nổi dậy, phủ vây con ác quỷ không phương đào tẩu. Lửa càng cháy, tiếng than khóc cầu tha mạng sống càng lớn. Tâm khinh mạn đã tan, bốn phía lửa dữ cũng hạ, Lao Độ Sai hoàn phục nguyên hình, dập đầu sám hối tạ tội. Xá Lợi Phất bèn bay vọt lên hư không hiện đủ bốn oai nghi, đi, đứng, nằm, ngồi hoặc hiện thân to lớn như hư không rồi lại hiện nhỏ, hoặc nữa, chia thân ra trăm ngàn thân khác rồi thâu trăm ngàn trở lại một. Xong, Ngài trở về chỗ cũ, ngồi yên, thuyết kệ rằng:

Tâm sanh các pháp thảy đều sanh,
Tâm diệt các pháp thảy đều diệt.
Muôn ngàn nghiệp chướng thảy do tâm,
Rồi cũng do tâm mà diệt nghiệp.

Công chúng được xem các phép biến hóa và được nghe bài kệ rồi, nhảy nhót vui mừng như người nghèo được của báu.

Nhân cơ hội ấy, Xá Lợi Phất dạy: Các pháp là khổ, là không, là vô thường, vô ngã; tất cả đều do tâm, tâm không dính mắc theo trần lao phiền não là Niết bàn tịch tịnh. Trong thính chúng bấy giờ có nhiều người nhớ lại nhân duyên trước của mình, phát tâm hướng về nẻo giải thoát, thấu được lý đạo, kẻ chứng quả Tu đà hoàn, người chứng quả Tư đà hàm v.v… Hơn ba ngàn đồ chúng của Bà La Môn đều làm lễ Xá Lợi Phất xin thọ giáo.

Cuộc so tài đấu phép đến đây chấm dứt, vua truyền bế mạc. Công chúng lục tục ra về với bao vẻ hân hoan, mà người vui mừng nhất là Tu Đạt.

Mờ sáng hôm sau, người ta đã thấy Xá Lợi Phất, Tu Đạt Trưởng giả và những công nhân kiến trúc có mặt tại vườn Kỳ Đà, bắt tay vào việc. Tuy mệt nhọc nhưng mọi người đều vui vẻ sốt sắng.

Một hôm, đi ngang nền Tịnh xá, Xá Lợi Phất bỗng nhiên dừng bước chỉ con

kiến càng to lớn đang bò, bảo Tu Đạt trưởng giả: "Một khi ta mất thân người, muôn kiếp khó hoàn phục. Con kiến này đã nhiều kiếp chết đi sanh lại nơi đây là chỗ bảy đời Phật hằng giảng pháp. Ông nên biết, dầu ở sát bên chỗ Phật nói pháp mà trót mang thân súc sanh thì có mắt cũng như đui, có tai cũng như điếc, không giải thoát. Còn làm người mà mê muội, cứ nhắm mắt chạy theo tiếng gọi của vật dục, tham luyến dục lạc hiện tiền, không chịu suy nghĩ, chỉ biết có ngày nay không tin nhân quả, đã vậy còn gây thêm nghiệp hủy bán chánh pháp, thì xét kỹ không hơn con kiến bao nhiêu, cành sống càng xa ánh sáng giác ngộ, khổ não trăm bề, sa đọa vào bậc thấp hèn đem tối. Thế nên sanh được làm người là một điều khó; là một đại bất hạnh khi đã được thân người mà không lo tu sửa để được lần về nẻo giải thoát, hoặc kiếp sau còn trở làm người cố công tu học, thì thật uổng cho một kiếp.
Công trình kiến trúc vĩ đại quá, thành thử Xá Lợi Phất cũng như Tu Đạt trưởng giả phải vất vả, cực nhọc suốt ba bốn thánh mới hoàn thành. Tu Đạt bèn vào triều yết kiến vua Ba Tư Nặc trình các việc và xin vua phái sứ thần sang thành Vương Xá thỉnh Phật quang lâm. Vua y lời.
Một buổi sáng trời quang gió mát, Đức Thế Tôn cùng các đệ tử lên đường sang Xá Vệ, ngày đi đêm nghỉ nơi các khách xá của Tu Đạt đã lo xa cho cất bước kia. Khi gần đến thành, vua quan cùng dân chúng ra đón cách một khoảng xa. Vào đến Tịnh Xá, Đức Phật an tọa, mọi người làm lễ rửa chân cho Ngài và đi nhiễu ba vòng, rồi theo thứ cấp ngồi dưới chân quanh Phật. Đức Thế Tôn phóng ra năm sắc hào quang rực rỡ chiếu khắp thế giới, đoạn Ngài diễn nói công đức bố thí, tu phước cho đại hội thính chúng nghe. Ai nấy đều được lòng dạ sáng tỏ vui vẻ vâng làm.
Từ ấy, mỗi ngày Đức Phật và các đệ tử vào thành khất thực, đến trưa về Tịnh xá thọ trai xong và thăng tòa diễn pháp cho các đệ tử hai phái cùng nghe. Số người theo về quy y đông vô kể.
Chẳng những là một công trình xây dựng lịch sử, Tịnh Xá Kỳ Hoàn còn là một nhắc nhở lớn cho các hàng Phật tử tại gia về bổn phận hộ trì Tam Bảo.
Xây dựng một ngôi chùa,
Tức là đã phá huỷ một nhà lao.
Thêm một đoàn thể học Phật,
Tức nhiên bớt một số người tù tội.

Hoàng Tử Hiếu Thảo

Xưa có vị hoàng tử tên là Nhẫn Nhục, tướng mạo khôi ngô, trí rất thông minh, lòng rất nhân đức. Ngài đem lòng thương xót hết cả mọi người, nên rất được mọi người thương mến. Đối với Vua cha và Hoàng hậu, Ngài rất kính yêu và hiếu thảo, không bao giờ từ chối một việc gì mà Ngài có thể làm

cho cha mẹ vui lòng.
Một ngày kia Vua cha đau nặng, thuốc thang chạy chữa đã hết phương mà bệnh vẫn không thuyên giảm. Hoàng tử lo buồn lắm. Ngài hội các đình thần lại để hỏi xem ai có cách gì cứu chữa cho Vua cha. Trong triều có một kẻ gian thần, vì muốn giết Thái tử để cướp ngôi sau khi vua mất, liền đứng dậy thưa rằng: "Thưa Thái tử bệnh của Hoàng đế chỉ có một thứ thuốc có thể chữa được, nhưng khó kiếm". Hoàng tử tỏ vẻ vui mừng, vội hỏi: "Chẳng hay thứ thuốc ấy là thuốc gì thế? Nếu chữa được bệnh cho Phụ vương tôi, thì dầu khó thế nào, tôi cũng cố tìm cho được". Bẩm, ấy là cái não của một người trẻ tuổi mà từ nhỏ đến lớn rất hiếu thảo với cha mẹ và nhân đức với mọi người".
Hoàng tử hỏi: "Vậy não của tôi có thể đem dùng để làm thuốc được không?". Kẻ đại thần nghe nói, trong lòng lấy làm mừng rỡ, nhưng giả vờ buồn bã mà thưa rằng: "Thưa chắc được, vì còn ai hiếu thảo và nhân đức hơn Ngài. Nhưng chúng tôi không dám và cũng không nỡ làm một việc nhẫn tâm như thế". Hoàng tử khẳng khái trả lời: "Nếu tôi chết mà cứu sống được Phụ vương tôi, thì tôi rất sung sướng. Xin các Ngài đừng lo ngại".
Nói xong, Ngài liền truyền đem cắt đầu mình, lấy não đem hòa với thuốc để Vua cha uống. Lòng hiếu thảo của Thái tử động đến trời đất, nên khi vua uống xong chén thuốc thì bệnh liền thuyên giảm ngay.
Hoàng tử hiếu thảo trên đây, chính là tiền thân của Đức Phật Thích Ca.
Trích Viên Âm
Cùng tột điều thiện không gì hơn Hiếu,
Cùng tột điều ác không gì hơn Bất hiếu.

Công Đức Sám Hối

Thuở xưa, đời nhà Lương, vua Võ Đế, có quen với một vị Hòa thượng, hiệu là Chí Công, hằng ngày trò chuyện với nhau rất thân thiết.
Hoàng hậu tên là Hy Thị, thấy vậy, bèn can gián vua đừng chơi với người ngu tăng ấy, nhưng vua Võ Đế chẳng hề nghe, cứ giao du như thường.
Hoàng hậu giận lắm, toan lập mưu hại ngài Chí Công, bèn lén dùng thịt chó làm nhân bánh, rồi sai người đem bánh ấy đến chùa mà trai tăng.
Ai ngờ Hòa thượng Chí Công đã biết trước, nên dự sắm áo tràng rộng tay, làm bánh chay bỏ vào, rồi khi trai Tăng lén bỏ bánh mặn trong tay áo, lấy bánh chay ra ăn.
Bà Hi Thị đợi tin Hòa thượng ăn rồi, tức thì tâu với vua rằng: "Bánh ấy thiếp dùng thịt chó làm nhân, ông Chí Công ăn mà không biết, thiệt là người phàm ngu muội, không có đạo đức trí tuệ gì cả, nay bệ hạ còn làm bạn nữa chăng?".
Vua nghe nói nổi giận, liền mang gươm đến chùa mà giết Hòa thượng.

Khi ấy, ngài Chí Công cũng đã biết trước, nên ra ngoài cửa chùa đứng đợi. Lúc vua ngự đến trông thấy Hòa thượng thì hỏi rằng: "Ông ra đứng đây mà làm chi?".
Ngài Chí Công đáp rằng: "Bần tăng biết bệ hạ đến giết bần tăng, nên bần tăng ra đây đứng đợi. Nếu Bệ hạ mà vào chùa mà giết hại, thì ô uế chốn Già lam càng tội nghiệp lắm!".
Vua nghe nói kinh hồn chấp tay niệm Phật và sám hối, rồi liền mời Hòa thượng vào chùa mà hỏi rằng: "Ngài đã tiên tri được như vậy, vì sao còn ăn lầm bánh thịt chó mà không biết?".
Ngài Chí Công bèn đáp rằng: "Muôn tâu Bệ hạ! Bần tăng có ăn đâu!"
Tâu rồi Ngài liền thỉnh vua ra sau vườn, dạy người đào lấy bánh thịt chó lên, thấy vẫn còn đủ 120 cái. Hòa thượng bèn lấy nước Tịnh thuỷ phun vào, tức thì mỗi mười bánh hiệp lại thành một con chó, hình thể vận động như thường.
Vua thấy vậy thất kinh, mới biết pháp lực thần thông của Ngài Chí Công thiệt là cao cường quảng đại, liền trở vào chùa hết lòng lễ sám hối những sự lỗi lầm. Từ ấy Võ Đế càng yêu mến Hòa thượng Chí Công hơn ngày trước nữa; trái lại bà Hy Thị thấy thế lại càng giận thêm, nên khiến kẻ hầu hạ đến chùa lấy kinh sách đem ra đốt hết.
Đến niên hiệu Thiên Giám, bà mang bệnh nặng rồi phải từ trần, rồi bào thai làm con rắn mãng xà ở sau hậu cung ẩn mình không cho ai thấy, thừa khi ban đêm, bà lại mách điềm chiêm bao cho vua Võ Đế hay rằng: "Khi thiếp còn sống ăn ở bất nhân, tổn vật hại người, làm điều tham độc. Vì cớ ấy nên nay thiếp phải làm thân mãng xà, thân đã dài, vóc lại lớn, bò lết không nổi, đói không có chi ăn, khát chẳng có chi uống, cực khổ nhiều bề, còn mỗi trong chân vảy lại có thứ độc trùng đeo vào cắn rứt da thịt, đau thắt ruột gan thật là khó chịu! Thiếp nghĩ vì thiếp cùng Bệ hạ vẫn là tơ duyên chỉ nợ, tình vợ nghĩa chồng, mà nay thiếp bị đọa ra thân súc sanh thế này, Bệ hạ nỡ nào hưởng thọ phú quý một mình mà không tìm phương chi cứu thiếp, nên xin Bệ hạ từ bi thỉnh thầy làm chay độ giải cho thiếp, may nhờ Phật pháp hộ trì, thoát ra khỏi vòng ác báo, thì thiếp cảm ơn đời đời".
Vua Võ Đế nghe rồi, bèn thức dậy rầu rĩ khóc lóc một hồi; sáng ra liền truyền lệnh rước các thầy Sa môn nhóm tại điện mà hỏi rằng: "Vậy trong hàng chư tăng, ai có phép chi cứu giải Hoàng hậu khỏi điều tội khổ chăng?".
Hòa thượng Chí Công tâu rằng: "Muôn tâu Bệ hạ! Tội của Hoàng hậu rất nặng, xin Bệ hạ hãy thiết lập đàn tràng lễ bái sám hối, thì mới cứu được".
Vua Võ Đế bằng lòng, liền cầu Hòa thượng Chí Công soạn ra mười quyển sám văn, rồi thiết đàn trong cung là chay ba tháng, cầu sám cho Hoàng hậu.
Có một hôm kia, khi trai đàn gần mãn có mùi hương nồng nã bay khắp trong cung điện. Vua Võ Đế ngước mắt ngó lên trời, thấy có một nàng con gái,

nhan sắc tuyệt trần, đứng giữa hư không mà chấp tay tâu cùng vua rằng: "Thiếp nhờ công đức của Bệ hạ cầu sám hối đã thoát được thân mãn xà mà sanh về cõi trời Đao Lợi. Nên thiếp phải hiện thân ra cho Bệ hạ thấy để làm chứng nghiệm vậy – Thôi, mấy lời cảm tạ, kính chúc Bệ hạ ở lại bình an". Bà nói rồi liền ẩn mình không thấy nữa.

Khi ấy vua Võ Đế nửa mừng nửa khóc, khôn xiếc sự tình bèn lui vào cung mời Hòa thượng Chí Công mà hỏi rằng: "Hoàng hậu của Trẫm buổi còn sống, hết sức thù ghét Hòa thượng là túc duyên làm sao mà gây ra cừu oán như vậy?".

Ngài Chí Công tâu rằng: "Muôn tâu Bệ hạ! Sự cừu oán duyên do kiếp trước có một vị Trú trì và một vị Giám tự ở chung một chùa. Trong chùa ấy có cái đôn để nước, dưới chân cái đôn có con thiện trùng thường thường kêu trong khi ban đêm; tiếng kêu của nó inh ỏi như thể tiếng con dế hay con vạt sành vậy. Thường khi ông Trú trì tới đó lấy nước súc miệng, rửa mặt thì cũng chú nguyện cho con ấy mau mau thoát đặng cái thân súc vật, mà sanh về đường nhân luân.

Một bữa kia ông Trú trì đi khỏi, ông Giám tự ghét con thiện trùng đêm nào cũng kêu, và làm cho lòng ông không được thanh tịnh và chẳng cho ông ngủ thẳng giấc, nên ông bèn bắt con ấy, lấy dao cắt ngang giữa lưng làm hai, rồi cũng bỏ lại dưới chân đôn như cũ.

Qua bữa sau ông Trú trì về, trót đêm không nghe tiếng con thiện trùng kêu nữa, bèn kiếm dưới chân đôn, thì thấy nó đã chết rồi. – Ông thương khóc, niệm Phật chú nguyện cho nó và lấy một miếng vải đỏ buộc vào chỗ lưng bị cắt, rồi đem chôn sau vườn chùa.

Muôn tâu Bệ hạ! Con thiện trùng ấy tức là kiếp nầy làm thân Hoàng hậu; còn vị Giám tự là kiếp này làm thân của Bần Tăng đây. Vì vậy oan gia gặp nhau toan đòi nợ trước, nếu tôi kiếp nầy tu hành lơ láo, thì có thể nào thoát ra khỏi tay của Hoàng hậu!".

Vua Võ Đế nghe nói liều gật đầu mà đáp rằng: "Hèn gì Hoàng hậu của Trẫm thường thường buộc sợi dây đỏ ngang lưng, không khi nào rời bỏ, mà Trẫm không biết cớ làm sao. – Có một đêm Hoàng hậu ngũ mê, Trẫm lén mở sợi dây ấy ra, thì Hoàng hậu nói rằng đau lưng, rồi lấy dây ấy buộc lại vào, tức thì không đau nữa. Nay Hòa thượng bày tỏ sự túc trái như vậy, thì biết Phật nói "NHÂN QUẢ" thiệt là không sai".

Từ ấy, vua Võ Đế lại càng tin tưởng Phật pháp, trọng đãi Chúng Tăng và nguyện một lòng phụng sự Tam Bảo…

Trích gương: Nhân Quả

Chúng sanh khi xả báo thân này thì thọ báo thân khác. Nếu trong khi tìm thọ thân khác mà chưa đủ nhân duyên thì thân nầy chưa xả. Ví như con sâu đo, trong khi đàng đuôi bám chặt một nơi thì đàng đầu ngóc lên tìm kiếm. Hễ

đàng đầu tìm được chỗ mà bám xuống thì đàng đuôi mới nhả ra. – Con người trong lúc nằm thiêm thiếp chờ chết, chính là lúc nghiệp thức tìm kiếm nơi thác sanh. Nếu được nơi rồi thì liền chết, bỏ xác thân nầy mà thọ thân khác.

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập I - 7

Những Người Mù Rờ Voi

Thuở xưa, có một vị quốc vương tên là Cảnh Diện, tánh tình thuần hậu, nhân đức ít ai bằng. Về phương diện chánh trị thì Ngài thi hành những điều lợi ích cho dân chúng, và Ngài thường đem Phật pháp để giáo hóa nhân dân, nên trong thời kỳ ấy trình độ đạo đức của mọi người lên mức khá cao; vì thế từ trong triều cho đến ngoài dân sự đều đặng thái bình an lạc.
Nhưng trong thời kỳ ấy, trong triền còn một vài vị đại thần, tôn thời ngoại đạo, tin tưởng theo bọn tà sư do đó thường tranh luận với nhau; rốt cuộc ai cũng chấp thủ cho sự kiến giải của tôn giáo mình thờ, lý thuyết chủ nghĩa mình theo là đúng cả. Muốn chấm dứt tình trạng đó, nên vua thường suy tính và tìm tòi một mưu chước gì, để cảm hóa những vị đại thần kia trở về đạo giác ngộ cứu cánh của chư Phật, và nhận thấy những sự kiến giảIicủa mình lâu nay là sai lầm.
Thì một hôm, các vị cận thần được lệnh phải đi tìm những kẻ mù từ thuở lọt lòng, đem về cho vua. Được tin ấy, các quan trong triều cũng như dân chúng, ai nấy đều sanh nghi: vua sẽ thi hành những điều gì mới lạ chăng? Sau hai ba ngày tìm kiếm, các vị đại thần dẫn về một tốp người mù. Người nầy vịn người kia, người kia nắm kẻ nọ đi vào sân rồng, trong lòng anh nào cũng hồi hộp, không biết việc sắp xảy đến phước hay họa.
Sau khi nhìn qua tốp người mù, vua liền lớn tiếng truyền cho quần thần hay rằng: "Bổn ý của Trẫm là muốn thử xem mấy người mù này có biết mình dáng con voi ra sao không? Vậy các ngươi sai thị vệ dẫn họ đến chuồng voi, ra lệnh quản tượng kềm voi cho chắc chắn, đặng mỗi người lại gần rờ xem cho kỹ lưỡng, rồi dắt tất cả về đây để phúc tấu. - Nếu kẻ nào tả đúng hình dáng con voi, thì Trẫm sẽ trọng thưởng".
Tốp người mù nghe thế, đều lộ vẻ vui mừng – lòng tự hẹn với lòng sẽ rờ xem thật kỹ càng, và hy vọng phen này chắc chắn sẽ được nhiều tiền bạc! Anh nào cũng tự hào xúc giác của mình rất tinh tế, ý phân biệt của mình rất

tinh vi, xưa nay có hề sai khi nào đâu!
Vì thế, khi dắt đến chuồng voi anh nào cũng giành rờ trước; anh thì rờ đụng cái vòi, anh thì rờ nhằm cặp ngà, anh thì rờ đụng cái tai, anh thì rờ nhằm hông, anh thì trúng chân, anh thì rờ đụng đuôi – Anh nào cũng rờ đi rờ lại thật kỹ lưỡng và trong lòng đinh ninh rằng mình đã biết đúng hình dáng con voi.
Xem xong, các vị cận thần dẫn tốp người mù trở lại trước vua để Ngài thẩm xét. Vua thấy vẻ mặt anh nào cũng lộ vẻ hân hoan, liền phán rằng: "Trẫm thấy các ngươi con mắt bóng quáng, vì mù từ thuở lọt lòng mẹ, chỉ nghe người ta nói đi nói lại, chớ chẳng biết hình dáng con voi ra thế nào. Nay tất cả tuy là không thấy, nhưng đã đến tận nơi mà rờ rẫm con voi rồi; vậy bây giờ mỗi người phải tả hình dáng con thú ấy ra sao? Nếu đúng, Trẫm sẽ ban cho nhiều tiền bạc để hộ thân.
Không đợi hỏi lần thứ hai, anh rờ đụng cái vòi mau mắn trả lời:
- Thưa Bệ hạ, con voi hình như chiếc chiếu cuốn tròn!
Anh rờ cặp ngà vội cãi:
- Thế nào? Con voi giống chiếc chiếu cuốn tròn à? Thôi sai rồi chính tôi đã rờ xem kỷ lưỡng. Con voi như cặp sừng trâu!
Anh rờ đụng lỗ tai voi phát cáu:
- Sao? Con voi lại giống cặp sừng trâu? Cũng sai bét! Con voi giống cái quạt! Chính lúc tôi xem nó quạt vào mặt mát rượi mà!
Anh rờ nhằm hông voi không thể nhịn được nữa:
- Các anh mù thật! Con voi mà bé nhỏ giống chiếc chiếu cuốn tròn, giống sừng trâu, giống cái quạt ư? Chính tôi đã ôm sát lấy nó. Con voi như một bức tường bằng phẳng dài đến hai ba thước tây!
Anh rờ trúng chân voi, quơ tay lia lịa phân bua:
- Trật hết! Trật hết! Thôi nín đi, để tôi nói cho mà nghe. Con voi như cái cột nhà mời đúng! Chính tôi ôm thử giở lên không nổi đây nè! Con voi như cái cột nhà mới đúng! Thôi đừng cãi nhau nữa!
Anh rờ nhằm đuôi voi nãy giờ lặng thinh, nhưng bây giờ anh thấy đã đến giờ phút mình cần phải cải chính.
- Thôi các anh ơi, nín đi! Để tôi nói cho mà nghe. Nãy giờ các anh nói sai hết. Con voi hình như cây chổi. Chính tôi đã mân mê vuốt ve nó một hồi lâu.
Đám người mù ấy, ai cũng cho sự hiểu biết của mình về hình dáng con voi là đúng, nên cứ nhao nhao cãi vã nhau mãi, có anh tức giận quá muốn trở gậy phan nhau. Thấy cảnh đó, từ vua cho chí quần thần không ai có thể nhịn cười được, có người cười đến tức bụng, có người cười đến chảy nước mắt…
Vua cười ngất bảo các quần thần: "Các khanh có thấy không? Trong bọn người này, kẻ nào cũng cho sự hiểu biết của mình về hình dáng con voi là đúng. Nhưng thật ra, không kẻ nào nói đúng đặng sự thật của toàn thể con

voi. Các ngươi đây cũng vậy, người nào cũng cho tôn giáo, học thuyết, chủ nghĩa mình đã đúng với chân lý; nhưng sự thật chưa có người nào hiểu đặng toàn diện chân lý. Mà chỉ có đức Phật, mới là người sáng suốt giác ngộ được hoàn toàn sự thật vậy…
Các vị quần thần đều tỏ vẻ hổ thẹn cúi đầu.
Nhà vua Cảnh Diệp lập chước mà phá được sự kiến chấp sai lầm của các vị đại thần, và từ đó họ đều một lòng chánh tín Tam Bảo, bỏ hẳn các thứ kinh sách của ngoại đạo tà sư chỉ lo nghiên cứu nội điển của Phật để tu hành, mong thoát kiếp trầm luân sanh tử.
Thuật giả: Hoàng Minh
Các lối tuyên truyền xảo trá làm sao lung lạc được kiến thức loài người, một khi mọi người đã biết đem Chánh Pháp giác ngộ nhau.

Hoàng hậu Vi Đề với Pháp môn Tịnh độ

Trong lúc Đức Thích Tôn còn tại thế, ở Ấn Độ có vua Tần Bà Ta La, nước giàu dân mạnh, tiếng oai hùng khắp cả bốn phương chư hầu thảy đều quy phục.
Song không bao lâu ông bị nghịch tử là A Xà Thế, sanh lòng ác muốn hại để đoạt ngôi. A Xà Thế bắt phụ hoàng giam vào ngục tối và cấm không cho ai được vãng lai. Hoàng hậu Vi Đề mật lo với ngục tối lén đến thăm, khi vào bà thấy vua ngồi trong ngục tối, nhan sắc tiều tụy tinh thần bạc nhược sắp chết vì đói! Hoàng hậu vật mình chết ngất, sau khi tỉnh dậy về cung, bà tìm phương cứu chồng. Hoàng hậu mới hòa bột cùng mật làm chuỗi anh lạc mỗi khi vào thăm bà đổ ra cho vua dùng, nhờ vậy mà vua Tần Bà Sa La sống cầm chừng khỏi chết. Nhưng rủi thay, cơ mưu bại lộ, A Xà Thế biết được, ông giận quá xách gươm tìm mẹ để giết, may có vị đại thần can, bà mới thoát khỏi. Song bị giam vào lãnh cung. Từ đó Hoàng hậu không thể đem thức ăn cho vua được nữa. Ôi! Còn chi đau đớn bằng mình bị tù ngục và cảnh tượng chồng đói sắp chết hiện ra trước mắt! Bà kêu gào than khóc đến nỗi hai mắt gần mờ; nhân đó bà nhận thấy cuộc đời giả dối, ngai vàng là lao ngục, danh lợi là gông cùm, ân ái là hổ lang, địa vị như rắn độc.
Khi ấy bà liền nhớ đến Phật, nhờ sự cảm thông Đức Thế Tôn ở trong Kỳ Hoàn Tịnh xá, vận thần thông trên hư không cùng các đệ tử hiện vào trong lãnh cung. Trong khi bà đang quỳ gối chấp tay hướng về đấng Đại giác bỗng thấy hào quang chói khắp, bốn bức tường lạnh lẽo trở nên ấm áp. Ngẩng đầu lên bà thấy Phật; bà tủi mình khóc lóc đảnh lễ đức Phật và các vị Thánh chúng mà bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn không biết con đã gây nên tội gì mà nay sanh đứa con đại ngỗ nghịch đến nỗi toan giết cha giam mẹ để đoạt ngôi? Nay con được may mắn gặp Phật, nguyện Đức Như Lai cứu độ cho

con xả báo thân này để được sanh vào thế giới nào đừng gặp nghịch tử và chịu những điều oan khổ như ngày nay.
Đức Thế Tôn dịu lời an ủi: Hoàng hậu hãy bình tĩnh để nhớ lại chuyện xưa. Khi Hoàng hậu chưa sanh Thái tử thì Đại vương và Hoàng hậu đêm ngày lo buồn, cầu các vị thần linh để mong sanh con quý.
Vì lòng quá tin tưởng nên một đêm kia Đại vương chiêm bao thấy thần mách bảo: "Trên núi cao cách thành mấy dặm có vị tiên nhân đương tu trên ấy, khi xả báo thân sẽ đầu thai vào làm con bệ hạ". Lúc tỉnh lại Vua thuật lại cho Hoàng hậu nghe và truyền xa giá đưa đi, đến nơi quản nhiên thấy vị tiên nhân đang tỉnh tọa dưới gốc cây, vua quỳ làm lễ, và đem việc mình cầu tự cùng điềm chiêm bao mà thưa với đạo sĩ. Vị đạo sĩ nghe xong, nhập định một lúc lâu, rồi bảo: "Quả có như vậy, song tôi còn ba năm nữa mới ly khai được xác thân này, vậy bệ hạ hãy chờ". Vua nghe xong, buồn rầu thưa lại: "Mạng người vô thường đâu có hẹn được, xin ngài từ bi cho tôi mau mau được như nguyện, nếu chờ ba năm lâu quá, biết tôi còn sống mà đợi được chăng?" Vua nằn nì rất lâu mà không được; phần quỳ đã mỏi gối, ông liền nổi sùng bảo sẵng: "Trẫm làm vua trong một nước, chủ trị cả giang sơn, Ngài tuy tu hành song cũng ở trong đất nước của Trẫm, nay Trẫm đã hết lời yêu cầu, nếu Ngài không nghe chắc không được". Đạo sĩ ngậm ngùi sẽ bảo: "Mạng tôi chưa chết Bệ hạ lấy thế lực áp bức tôi nếu tôi không nghe chắc sẽ nguy hại, song tôi nghe thì khi vào làm con bệ hạ tôi sẽ hại bệ hạ mà đoạt ngôi thật là đáng tiếc". Đạo sĩ nói xong tự giận mà chết; và bắt đầu Hoàng hậu có thai, nhưng vua rất buồn vì câu nói và cái chết của Đạo sĩ vẫn ám ảnh trong lòng.
Chẳng bao lâu Hoàng hậu sanh Thái tử, vua đem việc ấy bàn với Hoàng hậu cả hai đồng tìm quẳng con từ lầu cao rơi xuống, cố cho Thái tử chết, nhưng Thái tử chỉ gãy một ngón tay mà lại lớn rất mau, diện mạo càng lớn càng đẹp đẽ oai nghiêm, tư chất lại thông minh khác thường, làm cho vua và Hoàng hậu yêu quý như ngọc minh châu mà quên lần câu chuyện cũ.
Tiếng Phật êm dịu như tơ đàn la miên, Vi Đề Hoàng hậu vừa nghe vừa nhớ lại việc ác của mình, nên dịu lòng đau khổ và ăn năn tội lỗi, bà liền đảnh lễ Phật, cầu Phật dạy cho phương pháp tu hành để diệt tội và khi xả thân được sanh về thế giới thanh tịnh bất sanh bất diệt.
Đức Thế Tôn phóng hào quang sáng chói hiện ra tất cả thế giới trong mười phương, trong đó có một thế giới Hoàng hậu nguyện sanh tức là thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà, cõi ấy an vui, không thấy khổ. Nhân đó Đức Phật dạy cho bà pháp môn Tịnh Độ là chuyên niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà để cầu vãng sanh theo chí nguyện. Bà chí tâm chuyên niệm đêm ngày không hở, nhờ vậy mà bà hết sự buồn khổ và chuyển được lòng ngỗ nghịch của Thái tử. Nên từ khi giam mẹ vào lãnh cung một thời gian ngắn, một hôm

A Xà Thế thấy lòng bâng khuâng và nhớ lại mẹ, nhớ tội ác của mình ông bèn tự thân vào lãnh cung thăm mẹ.
Khi ngục tốt tận lực đẩy cánh cửa sắt nặng nề, A Xà Thế bước vào, bỗng ông dừng lại, ông đã thấy gì? Ông thấy mẫu hoàng tĩnh tọa trên tấm đá lớn hai tay chấp trước ngực mắt hơi nhắm, nét mặt điềm đạm hiền từ mặc dù trời lạnh ở trong cung lạnh mà bà vẫn thản nhiên, dừng vài phút, ông rón rén đến bên và như một cái máy ông quỳ sụp xuống chân mẹ. Hoàng hậu giật mình mở mắt thấy A Xà Thế, bà nhẹ nhàng để hai bàn tay lạnh trên đầu con…
Chúng ta ngày nay biết pháp môn niệm Phật là khởi nguyên từ đó.
Thuật giả: Thể Quán
Dương gian là cảnh
Tịnh Độ là quê
Sống thì ta ở
Chết ta trở về

Nhân Nào Quả Nấy

Thuở nước Vua Lưu Ly vì thù hiềm dòng họ Thích Ca mới cử binh mà sang đánh nước Ca Tỳ La Vệ. Bắt được một nhóm thiếu nữ quyến thuộc của Phật, quân lính vua Lưu Ly toan hãm hiếp. Các người này cương quyết thà chịu chết chớ không để mất trinh tiết. Không được thỏa mãn thú tánh của mình, quân giặc liền đuổi xua tất cả thiếu nữ ra đồng đánh đập một cách tàn ác, đến khi các người ấy ngã gục mới chịu bỏ đi. Sau khi tỉnh hồn lại, các cô thiếu nữ đồng nhau một chí hướng tìm chỗ ẩn tu. Trong lúc đi lang thang giữa đồng hoang, bỗng đâu các cô gặp bà Hoa Sắc Tỳ kheo ni đi khất thực về. Các cô mừng rỡ đón chào bà và kể hết nỗi khổ đau để cầu xin theo bà xuất gia học đạo.
Động lòng từ bi, bà Hoa Sắc Tỳ khoe ni thâu nhận các cô làm đệ tử. Từ ấy các cô tuy được nơi tu tập mà người nào cũng thường than thân tủi phận. Sư bà thương tình khuyên dỗ: Các con mới gặp bao nhiêu tai nạn, vừa qua đã cho là khổ. Nếu các con biết rõ đời ta, thì các con phiền não đến bậc nào! Các con ôi! Khi ta còn ngoài đời, thì ta cũng có đôi bạn như ai. Theo phong tục nước ta, hễ mỗi khi gần sanh thì các cô gái có chồng được đưa về nhà cha mẹ ruột. Cũng như hai lần trước lần thứ ba, lúc cận ngày khai hoa nở nhụy, cả gia đình ta: Chồng vợ con cái cùng kẻ ăn người ở trong nhà đều kéo nhau về mái hiên cha mẹ ta cả. Trong khi đi đường xa vất vả, bữa nọ, vừa băng ngang cánh đồng vắng cách xa làng mạc, đến con sông thì trời sắp tối. Rủi gặp con nước rồng lại không thuyền, chẳng biết làm sao qua sông, gia quyến ta phải tìm gò nổng tạm nghỉ một đêm, đợi sáng ngày nước cạn sẽ đi qua, mới gặp chỗ cao ráo sạch sẽ thì bụng ta quặn đau. Một chặp sau ta sanh

một đứa con trai thứ ba giống hệt hai anh nó. Chồng ta và kẻ tùy tùng lập tức kiếm cây lá làm tạm cái sàn gác cho mẹ con ta nằm đó.
Khi lo xong cho bốn mẹ con ta có chỗ nằm kín đáo, ấm áp, chồng ta với bạn bè mới lên một cái nồng gần bên nghỉ ngơi, một sự bất ngờ rùng rợn đã xảy ra trong giữa đêm trường canh vắng là: nhiều con rắn độc to tướng đánh hơi người bèn bò đến nuốt cả chồng ta với các tôi tớ, mẹ con ta nhờ nằm trên sàn cao, dưới có bếp lửa đỏ, loài mảng xà không dám lại gần, sáng ngày thừa dịp nước ròng sát, ta định lội qua sông về quê quán chớ không còn phương nào hay hơn nữa. Ta bèn cõng con đầu lòng đưa sang qua bờ sông bên kia trước. Ta lội trở lại bên này, đai đứa con thứ hai trên lưng, còn đứa mới sanh thì để vào cái đãy vải ngậm ở miệng và đi từng bước dưới dòng nước. Đến giữa sông ta nghe bên kia bờ tiếng con ta rú lên bài hãi. Thì khốn thay! một con hổ vồ lấy nó, rồi tha tuốt vào rừng, trước cảnh đau thương bất ngờ ta không còn tỉnh trí, hả miệng kêu to, đứa bé trong đãy rơi ngay xuống nước. Bấm loạn tâm thần tay chân run rẩy, ta cứ lặn hụp dưới đáy sông, mò đứa bé mới nở, quên lững đứa con thứ hai đai trên lưng mà ta đã vô tình giết nó chết ngộp. Thảm thiết thay! Chỉ trong một ngày đêm, tới sáng mà cả gia quyết ta: chồng, con, tôi, bạn đều chết không kịp trối. Ta đành rơi lệ, nuốt sầu gắng gượng lội tới mé lên bờ, kiệt sức quá, ta ngã xỉu ngất đi, không còn biết sự gì nữa.
Trong lúc đó có một lũ ăn cướp đi qua gặp ta bắt đem về nhà nuôi rồi ép ta làm vợ. Chẳng bao lâu tên tướng cướp làm chồng sau của ta bị bắt và lãnh án tử hình. Ta cũng bị chôn sống theo chồng do phong tục. Sau mấy tiếng đồng hồ bị lấp đất, có bọn cướp khác đến đào mả định lấy của quý. Thấy ta còn thoi thóp, chúng bèn cứu ta đem về săn sóc lành mạnh rồi cũng bắt buộc ta lấy tên chánh đảng làm chồng.
Ăn ở với nhau được ít lâu, ta có thai. Tối nào, trước khi đi làm việc bất lương, chồng ta cũng dặn phải chực chờ mở cửa cho nó vào mau mau khi có tai nạn xảy đến. Một hôm, nó vừa ra khỏi nhà thì ta đau bụng, cách một chập sau, ta sanh một đứa con gái. Đồng thời chồng ta bị người đánh đuổi chạy về rất gấp. Ta mắc bận bịu vì đứa con nên không kịp mở cửa. Nó giận dữ tung cửa vào định giết ta? Ta chỉ đứa con mới nở hy vọng nó nghĩ tình máu thịt mà bớt cơn thịnh nộ đi chăng. Sau ta thất vọng: nó gắt gỏng, chỉ mặt đứa nhỏ bảo rằng: nó là nghịch tử báo đời. Rồi nó liền giết ngay. Nó kề gươm vào cổ ta, bắt buộc ta phải ăn thịt đứa nhỏ ấy thì nó mới tha.
Cách ít hôm sau, tướng cướp này bị sa vào lưới pháp luật chịu án tử hình. Ta cũng bị chôn sống một phen nữa gần bên mé rừng. Ít phút sau có một con cọp đến moi mả tha xác người chết ăn thịt. Thân ta chôn ở dưới thây chồng ta khỏi bị cọp ăn. Được thoát nạn này, ta ngẫm nghĩ cuộc đời của ta vào sanh ra tử, khốn khổ vô cùng, nên ta không còn tiếc những ngày sống thừa nữa, ta

mới quyết chí xuất gia đầu Phật.
Các cô thiếu nữ nghe nói hết sức kinh nghi mới bạch rằng: "Nay sư bà đã tu hành đắc đạo, sư bà có thể cho chúng con rõ nguyên nhân nào sư bà gặp lắm nỗi gian nan rùng rợn như thế không?".
Bà Hoa Sắc Tỳ kheo ni thong thả đáp: "Các con ơi! Có chi lạ đâu, đó là quả báo như muôn ngàn quả báo khác của tiền nhân kiếp trước mà thôi. Đây các con hãy nghe: Nguyên kiếp trước của ta, một thuở nọ, ta có chồng có con. Chồng ta có vợ lẽ cũng có con như ta. Vì ghen tương mà nhất là tham của, ta sợ gia tài của chồng ta phải chia cho con vợ bé thì mẹ con ta chẳng được phần nhiều, nên thừa dịp chồng ta với người thiếp đi vắng, ở nhà ta giết con chúng nó hết. Chuyện sát nhân đem đến cửa quan, tra khảo cách nào ta cũng chối mãi và ta lại thề dối rằng: "Nếu tôi có giết con chồng tôi, thì tôi sẽ bị khổ sở vô cùng, cả nhà tôi tan nát, các con tôi sẽ bị cọp tha, chết chìm, tôi sẽ bị chôn sống, chết ngộp v.v… Nếu tôi có ác tâm giết con vợ lẽ chồng tôi, thì ngày kia tôi sẽ bị người ta bắt buộc tôi phải ăn thịt người con tôi."
Đó các con có thấy không, một lời nói ra thì va lấy, một tiếng thề dối mà mắc ngay, một hành động ác thì bị quả báo dữ không sai. Biết được lý nhân quả như bóng theo hình, tợ vang theo tiếng, thì các con không còn thắc mắc gì với những tai nạn của các con ngày nay cũng như của bà ngày xưa. Cho hay nhân nào quả nấy, chớ khá than van; vì không bao giờ một việc xảy ra mà không có duyên cớ. Vậy khuyên các con phải tin nhân quả mà lo tu hành.
Thuật giả: Trường Lạc
Trước khi làm một việc gì
Phải nghĩ đến kết quả của nó.

Đâu Là Sự Thật?

Sáng nay, trời mùa xuân quang đảng quá, những mầm non đầy nhựa đang e ấp dưới những nách thân yêu của các kẻ lá, cành cây, muôn chim đang hòa vui, reo hót những bản nhạc mừng xuân, líu lo lãnh lót. Gió xuân lùa nhẹ những làn hương trong sạch của muôn hoa, làm giảm bớt một ít u buồn của những khách trần gian tục lụy, đồng thời gạt vỡ những giọt sương còn bám chặt, đè nặng trên mình hoa lá.
Vầng thái dương đã bắt đầu lên, nhả những tia nắng vàng chiếu tỏa khắp không gian, đem lại loài người nguồn sinh lực vô biên, đánh tan sự đen tối của đêm dài đầy sợ hãi.
Thành Xá Vệ đã trở về với những sự náo nhiệt của một đô thị lớn.
Khắp các nẻo đường, người đi, kẻ lại lăng xăng nhứt là con đường lớn vô ra cửa thành.
Ô kìa! Sao những người đi đường họ đứng dừng lại và nép qua một bên

đường hết thế kia? Họ còn đứng im ra dáng cung kính nữa! À, thì ra có Đức Phật từ vườn Cấp Cô Độc vào thành hóa trai, đi gần đến họ. Phải, ai thấy Phật mà không cung kính cuối đầu cho được. Bước đi khoan thai, tướng người oai nghiêm, hùng dũng sức sáng của trí huệ cao siêu, dường như không thể tiềm tàng hết trong người phải tung phát ra ngoài, thành muôn ngàn tia hòa quang rực rỡ. Đứng xa trông cũng đủ khiếp; lựa là phải đứng gần; càng ngắm lâu, càng nép phục.
Đức Phật vào thành, theo đường phố, tuần tự hết nhà nầy sang nhà khác để hóa trai. Đi như thế ngót một tiếng đồng hồ. Rồi bỗng nhiên Ngài đứng lại trước cổng một ngôi nhà khá sang trọng. Chẳng nói chẳng rằng, Ngài đứng im đấy thật lâu. Cửa cổng vẫn đóng kín và bên trong lặng lẽ tiếng người. Nếu nom kỹ, ta có thể thấy được bên trong vợ chồng chủ nhà và đứa con đang xúm quanh mâm ăn thì phải.
Đức Phật bèn thâu hào quang và dùng thần lực bay vào.
Tại thành Xá Vệ này, có một ông trưởng giả giàu có vô số thế mà thảm ông lại là người keo kiết nhất đời, không ưa làm việc bố thí, cũng không giúp đỡ ai bao giờ. Mỗi khi ăn ông sai vợ đóng chặt cửa cổng, không tiếp bất cứ một ai. Hơn nữa, cửa cổng nhà ông ít khi mở; ông rất sợ những vị Sa môn đến hóa trai và nhất là những người ăn mày. Ông keo kiết đến có tiếng khắp đô thành, thì phải biết! Ngày hôm nay, ông nghe sao thèm thịt gà lạ thường, lại thêm thằng con cũng đồng một ao ước như ông. Sao một hồi tranh chấp trong cõi lòng, ông bèn quyết định bạo dạn bảo vợ làm thịt con gà trống tơ. Khi món ăn làm xong, dọn lên mâm, lên bát, vợ chồng và con đồng nhau hỷ hả.
Đang thích thú khen miếng ngon, miếng béo, ép con, mời vợ, ông trưởng giả bỗng giật nẩy mình, tiếng động chân của Đức Phật đã đến tận thềm.
- Đàn việt! Ông bà nên cúng dường cho các thầy Sa môn, được phước báo vô lượng, đức Phật lên tiếng.
Bị quấy rầy, lại thêm keo kiết, trưởng giả nhà ta đổ cáu:
- Quái trong lúc vợ chồng người ta đang ăn uống, ông lại đến kỳ kèo xin xỏ? Nếu biết sự xấu hổ xin mời ông ra ngay cho.
- Trưởng giả là kẻ còn mê muội, tự mình không biết xấu hổ, chớ ta là nhà tu hóa trai có gì mà phải hổ thẹn.
- Tôi và vợ tôi, con tôi đang ăn uống ngon lành như thế này, vui sướng như thế này, mà ông bảo là xấu hổ à?
- Trưởng giả giết cha để ăn, lấy mẹ làm vợ, nuôi nấng cung cấp cho kẻ oán thù, đã không tự xấu hổ, còn lên mặt trở lại chê ta là nhà tu hành không biết thẹn à?
- Đạo sĩ nói thế nào? Nhà tu hành sao ăn nói kỳ cào thế, tôi giết cha, lấy mẹ hồi nào?

- À, thì ra trưởng giả chưa hiểu gì cả. Con gà trống tơ đang dọn ăn trên mâm kia là cha của ông. Hồi trước vì bản tánh tham lam, keo kiết, nên nhiều đời phải sanh làm loài gà, để ăn bẩn cối xay để trả nghiệp. Vì nghiệp quả của ông ngày nay chấm dứt, nên khiến ông thèm, con ông lại đốc thúc. Vợ ông tuy phải buộc lòng bắt gà làm thịt, chớ khi giết bà ta vẫn đau khổ hung lắm, bởi dây oan nghiệp nhiều đời còn vương vấn. Đứa con của ông hiện đây, đời trước nó là quỷ La Sát.
Còn vợ ông bây giờ, là mẹ ông hồi nhiều đời trước. Vì ái ân sâu nặng chưa dứt, nên ngày nay phải làm vợ ông để trả cho hết tình yêu thương tiền kiếp. Ông vì si mê không thấu biết căn nguyên, nên đành giết cha nuôi kẻ oán cừu, lấy mẹ làm vợ, thật là điên đảo luân thường.
Chúng sinh vì nghiệp chướng che ngăn, tạo nghiệp, thọ quả, quay cuồng mãi mãi, sanh tử trôi lăn trong ba nẻo, sáu đường không ngày nào cùng tận. Thật đáng hổ thẹn, đáng thương tiếc biết bao!
- Bạch Ngài phải làm thế nào để có thể hiểu rõ được và bậc người nào mới có thể thoát khỏi vòng khổ lụy của sanh tử, luân hồi, xin Ngài từ bi bảo cho chúng tôi thật muôn phần cảm tạ.
- Nầy thiện nam tử! Những sự oan oan tương báo, tử khứ sanh lai, lặn hụp nổi chìm như thế, chỉ những bậc tu hành đã dứt trừ tất cả phiền não mê lầm, chứng đặng ngũ nhãn lục thông mới mong thoát khỏi. Còn ngoài ra đều khó tránh được sự trả vay của nhiều đời nhân quả. Ta này đã quan sát kỹ, thấy trưởng giả nhân tiền căn có gieo hột giống Phật vào thức điền, dù trải bao nhiêu kiếp luân hồi đền trả oan khiên, nhưng phước báo vẫn không mất. Ngày nay nghiệp quả trả xong, căn lành thuần thục, nên ta khuyên trưởng giả hãy phát tâm cho mạnh mẽ tinh tấn tu hành kẻo ngày sau khó thoát.
Kỳ diệu thay! Lời của Đức Phật vừa thốt xong như liều thuốc trị bệnh, ông trưởng giả sợ tháo mồ hôi, tóc lông đều dựng đứng. Phật liền hiện oai thần cho ông nhớ lại những tội khiên tiền kiếp.
Bấy giờ ông trưởng giả hết sức ăn năn lạy Phật để sám hối những tội khiên ông đã tạo và phát nguyện tu hành, mong thoát khỏi những tội nghiệp do ngu muội tạo ra, tánh bỏn sẻn bỗng nhiên tiên tan mất.
- Lạy Ngài, nhờ thần lực của Ngài phá tan những lớp mây mờ trong đầu óc của con, ngày nay con mới thấy rõ đâu là sự thật. Bấy lâu nay, con tưởng những cái gì xung quanh con, nào vợ, nào con, nào của cải, đều là chân thật của con, nên con mới lẫn tiếc từ đồng. Xét ra con vì nghiệp chướng ngăn che, càng nhận thấy càng chìm, nên càng mê muội, lấy giả làm chơn, cho hư là thật. Ngày nay con đã rõ ra thì sự đã rồi, mong nhờ ơn Ngài giải thoát giùm con. Con thật muôn phần cảm tạ.
Đức Phật nhận lời thâu ông vào hàng đệ tử. Ông xin thọ 5 giới của Phật, tu hành chứng đặng quả Tu Đà Hoàn.

Tình Thương

Hoàng hôn về, đem theo một ít u buồn vơ vẩn. Theo gió nam, chim nhạn bay từng đàn lẽ tẻ, đàn chim nhạn bay về trong khói sương chiều ảm đạm cánh mỏi chưa tìm được chỗ trú chân trong một ngày gió bạt mưa ngàn. Mưa đã tạnh, gió đã yên, những lá rụng đầy đường đang than thở với ánh dương tà còn sót lại. Cảnh tượng đượm màu hoang tàn và thê thảm.
Ngồi bên song cửa, nàng Liên Hoa bâng khuâng nhìn trời với một mối u buồn khôn xiết. Đôi mắt nàng chạm phải cảnh tượng thê lương của buổi chiều vàng, cũng như lòng nàng chạm phải một cảnh đời oan trái.
Vâng, cảnh đời oan trái quá! Bao nhiêu là phỉnh phờ và bao nhiêu là dối gạt! Lòng nàng còn tươi thắm được không, khi đã bị gió mây u sầu bao phủ. Lòng người sâu độc và phũ phàng. Sắc nước hương trời mà làm chi, lâu đài vàng bạc có giá trị gì, khi lòng người phụ bạc! Ngón đàn tuyệt diệu của nàng không còn khêu gợi được những mãnh tình tan vỡ. Người mà nàng chắc chắn sẽ ngàn năm sum hợp, thì nay đã ghét bỏ nàng. Đã bao nhiêu lần như thế, và cũng đã bao nhiêu lần những buổi chiều vàng tan tác về trên cảnh vật. Tình thương trời ơi! Tình thương chỉ là man trá nhất thời. Tình thương là gì? Nếu không phải là những cánh nhạn bay qua, chỉ để lại trên mặt hồ, trên trái tim nàng, những u buồn thất vọng? Tình thương mong manh quá! Trái tim nàng hình như thắt lại. Đời còn có nghĩa gì với một kiếp hồng nhan bạc phận như nàng?
Cảnh vật đã nhuộm màu đen tối. Đêm xuống giữa cảnh vật và xuống giữa tâm hồn nàng. Nàng cảm thấy bơ vơ trống trải. Nàng mến tiếc thời xưa, thời mà nàng còn bé bỏng, sống trong tình thương không giới hạn của mẹ nàng. Tình mẹ thương con, nàng thấy rõ là một tình yêu chân thật, vững bền. Ôi, mẹ nàng còn đâu nữa để an ủi nàng trong phút đau đớn này. Tìm đâu ra tình thương cao cả và đằm thắm như tình mẹ yêu con.
Nhưng mắt nàng vừa chạm phải một ánh sáng xa xăm. Ừ, trăng đã lên ánh sáng dịu hiền đã lan tràn trên cảnh vật. Nàng cố tìm trong trí nhớ và chắc rằng một tình thương bao la như ánh trăng hiền hậu vẫn còn có ở đời này. Đâu đó, người ta ca ngợi tình thương. Phải rồi, tình thương của bực giác ngộ ra đời, thấm nhuần muôn vật. Mắt nàng sáng lên, như nhìn thấy ngôi sao cứu tinh hiện lên ở chân trời rực rỡ. Người đang gieo rắc tình thương cao rộng bao la, chính là bực giác ngộ, là Phật đà. Tình thương nhân thế mong manh, nhưng tình bác ái của đạo Vàng vẫn trường cửu và bao la cao rộng. Nụ cười thế nhân mong manh quá, nhưng nụ cười Đức Phật còn mãi hiền hậu với tất cả mọi loài. Nụ cười ấy có một cái gì giống với nụ cười mẹ yêu con tha thiết. Nàng thấy rõ: trú địa an tịnh là dưới ánh đạo Vàng mà Đức Phật còn đang

gieo rắc quanh Ngài. Nàng sẽ đến dưới tình thương Đức Phật.
Tìm được nơi nương dựa cho tâm hồ, nàng thấy lòng nàng êm tịnh. Ngày mai, nàng sẽ đến với tình thương cao cả của Ngài, và như đứa con thơ, nàng sẽ được an lành dưới nụ cười êm dịu của người mẹ hiền.
Sáng hôm sau, trời mới tinh sương, Liên Hoa đã vội vàng lên đường. Đường về Cấp Cô Độc không xa nhưng nàng muốn đến nơi trước giờ ngọ nắng nung người. Nàng đi với một lòng tin tưởng ở Đức Phật Từ Bi không bến hạn của Đức Thế Tôn. Mặt trời lên cao, trời đã bắt đầu nóng nực. Nàng Liên Hoa đi nhanh hơn để mau tới đích. Được hơn một nửa đường, thì mồ hôi đã thấm ướt áo nàng. Ghé vào một bóng cây to che rợp một hồ sen nước trong như gương, nàng ngồi nghỉ, nước hồ trong quá, nàng đứng lên lại gần vuốt mớ tóc lại để rửa mặt. Nước hồ mát rượi, nàng thấy khỏe khoắn và an lành. Vén tà áo sang bên, nàng bỗng thấy trong gương nước hồ trong, mặt nàng duyên dáng tươi lành in trên nền trời xanh biếc, nàng còn trẻ, tóc nàng còn xanh lắm và môi nàng còn thắm như son. Nàng còn xuân quá! Rồi đây xuất gia đầu Phật, nàng đứng yên suy nghĩ - rồi mớ tóc sẽ còn đâu. Sống trong cảnh thanh đạm của người tu hành, nàng thấy còn sớm quá. Để năm năm sau cũng còn chưa muộn. Nàng còn trẻ và đẹp biết chừng nào? Gương mặt nàng, biết đâu sẽ đem lại cho nàng một người yêu trong mộng tưởng.
Nghĩ thế và ý muốn quay về ám ảnh đầu óc nàng. Nhừng từ xa một bóng người đi lại. Bóng một thiếu nữ tha thướt trong dáng đi đẹp của hàng quí phái.
Liên Hoa giật mình: nàng chưa bao giờ trông thấy một người đẹp như thế! Mắt thiếu nữ trong như gương nước hồ sen, tóc nàng buông xuôi, đẹp như một làn mây mờ và mỏng. Nàng nhẹ tiến về phía nàng Liên Hoa, trên môi đã nở một nụ cười tươi như hoa phù dung buổi sáng.
Liên Hoa yên lặng cúi đầu. Nhưng thiếu nữ đã đến bên. Thiếu nữ cười, tiếng nàng trong như tiếng đàn huyền dịu:
- Sao chị buồn thế? Chị đi đâu, hẳn chị về Ca Tỳ La?
Liên Hoa chợt tĩnh, nàng đáp lời thiếu nữ:
- Không, tôi về vườn Kỳ Thọ.
Thế là hai người quen nhau.
Liên Hoa bắt đầu thấy mến thiếu nữ. Đã lâu, hai người nói chuyện tâm tình, thiếu nữ nhìn Liên Hoa cười và tiếp:
- Không, sắc đẹp chóng tàn lắm chị ạ. Chỉ có tình thương rộng rãi mới là trường cửu.Tình thương thế nhân en thấy quá mong manh.
Thiếu nữ tỏ vẻ nhọc mệt. Gối đầu lên vai Liên Hoa, nàng lặng yên nghe tiếng sáo diều đâu đây đồng vọng.
Lát lâu, khống thấy thiếu nữ nói gì, Liên Hoa tưởng nàng thiếp ngủ. Nhưng Liên Hoa kêu lên một tiếng khi nàng chạm phải cánh tay lạnh như đồng của

thiếu nữ. Nàng đặt đầu thiếu nữ dậy thì, than ôi! Người đẹp đã chết rồi, thân xác nàng đã lạnh ngắt và cứng đờ như gỗ. Hoảng kinh, Liên Hoa vùng dậy mắt nàng trông rõ khuôn mặt thiếu nữ: Còn đâu bao nhiêu vẻ đẹp não nùng! Mặt thiếu nữ xám lại, mắt trắng dã, toàn thân tím lại như xác người để đã bốn năm hôm.
Liên Hoa thở dài. Nàng thoáng thấy lẽ vô thường của kiếp sống đời người. Nở rồi tàn, sắc đẹp trôi theo thời gian tàn tạ. Bao nhiêu ham muốn trở về tiêu tan mất cả. Ý chí xuất gia mạnh mẽ trở lại với nàng, Liên Hoa đặt người bạn xấu số bên bóng cây già rồi vội vã ra đi về vườn Kỳ Thọ.
Mãi bước hướng về nơi chủ đích, Liên Hoa không còn nhìn lui lại phía sau. Nàng có ngờ đâu, thiếu nữ đã đứng dậy hồi nào. Thiếu nữ đứng lên, nhìn theo Liên Hoa khuất dạng trong bóng cây rậm rạp. Hình như đã hiểu sự thay đổi trong tâm hồn Liên Hoa, nàng mĩm cười đắc chí. Nàng chép miệng:
Bao nhiêu thế nhân, khi chạm phải luật vô thường vẫn còn ham muốn không thôi!
Than ôi! Tình thương thế gian là một trò hề điên đảo! Liên Hoa sẽ được an lành dưới bóng Đức Từ Phụ. Nàng sẽ chứng được đạo mầu.
Trong khi ấy, mặt trời đã lên đến đỉnh đầu. Tiếng hồng chung giờ ngọ đã từ Kỳ Viên bay lại, ngân nga trong gió…
Thuật giả: Thích Minh Lý
Chớ hẹn đến già mới học đạo,
Mồ hoang lắm kẻ tuổi xuân xanh.

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập I - 8

Cây đèn kỳ lạ
Sau lễ tiễn đưa Phật và các thầy Tỳ kheo trở về tịnh xá Kỳ Hoàn, vua A Xà Thế cùng với đình thần trở lại nội cung để dự buổi yến thân mật và bàn một vài việc cần làm thêm trong ngày đại lễ hôm ấy:
Câu chuyện mở đầu trong bữa tiệc là những lời sau đây do vua A Xà Thế phát khởi.
- Các khanh! Quả nhân rất bằng lòng và thỏa mãn về việc các khanh đã lo liệu quá ư tươm tất trong buổi lễ cúng dường Phật và giáo hội vừa rồi.
Hướng đôi mắt về phía đại thần Kỳ Bà, Vua A Xà Thế nói tiếp:
- Kỳ Bà! Khanh nghĩ hộ quả nhân xem còn có việc gì đáng làm nữa để quả nhân tận hiến tấc dạ chí thành lên đức Chí Tôn và giáo hội - những người tận

tụy trong công việc giáo hóa chúng sanh nói chung, thần dân của quả nhân nói riêng, trở về với ánh sáng chân lý.
Đứng dậy ngẫm nghĩ trong chốc lát, rồi đại thần Kỳ Bà thong thả tiếp:
- Tâu đại vương, ngoài sự cúng dường trai phạn và y phục mà Đại vương đã dâng lên đức Chí Tôn và giáo hội, theo thiển ý của hạ thần thì không việc gì có ý nghĩa hơn việc cúng dường ánh sáng. Vì ánh sáng trượng trưng cho trí tuệ, cho sự giác ngộ; ở đâu có ánh sáng thì ở đó bóng tối tan mất. Cũng như ánh sáng Phật và giáo hội đến đâu thì ở đó si ám và tội lỗi đều tiêu sạch. Ngu ý của hạ thần chỉ có bấy nhiêu, kính mong bệ hạ thẩm xét.
- Hay lắm! Ý kiến của khanh rất chí lý! Tiện đây nhờ khanh thay quả nhân sắm sửa cho thật nhiều đèn đuốc để tối hôm nay dâng lên Phật và giáo hội tại tịnh xá Kỳ Hoàn.
Đại thần Kỳ Bà vâng thuận. Buổi tiệc bắt đầu và tiếp diễn trong tình thân mật giữa nhà vua và các vị cận thần.
Chiều hôm ấy, trên đường trở về xóm nghèo, một bà lão hành khất gặp rất nhiều xe cộ, lính tráng, tấp nập khuân chở những thùng dầu, đèn và cả những chiếc lồng đèn ngũ sắc rực rỡ.
Hỏi thăm, bà lão hành khất biết đó là lễ vật của nhà vua đem cúng dường Phật và giáo hội.
Hình tướng trang nghiêm của Phật và các thầy Tỳ kheo lại hiện về trong óc bà. Bà vui hẳn lên và rất tán thành việc làm có ý nghĩa của nhà vua. Và xét lại tự thân, thấy mình chưa làm được một công đức nào đối với Phật và giáo hội, bà tự nghĩ phải sắm phẩm vật để cúng dường mới được. Thò tay vào bị, bà lão moi ra vỏn vẹn chỉ có hai tiền. Một sự quyết định nhanh chóng trong lòng khiến bà hoan hỷ đi ngay vào một cái quán gần đấy…
- Thưa cậu! Làm ơn bán cho tôi hai tiền dầu thắp.
- Bà mà mua dầu làm gì? Sao không mua đồ ăn lại mua dầu, nhà cửa đâu mà dầu với đèn!
- Thưa cậu! Tôi thường nghe các bậc hiền đức trong làng bảo: "Ngàn năm muôn thuở mới có một đức Phật ra đời; người nào có nhiều phước duyên lắm mới được gặp". Hôm nay tôi may mắn được gặp nhưng chưa có lễ mọn nào để dâng hiến lên Ngài. Điều ấy làm tôi vô cùng ân hận. Nhân tiện vua A Xà Thế sửa soạn đèn đuốc để dâng lên Ngài và giáo hội, tuy nghèo khổ, tôi cũng xin nguyện đem hai tiền mới xin được đây mua dầu dâng ánh sáng lên Ngài.
Nghe bà lão hành khuất tỏ tấm lòng chân thiệt đối với Đấng Giác ngộ, người chủ quán nhìn bà một cách cảm mến và hạ giọng: Hai tiền chỉ được hai muỗng, nhưng tôi xin tặng bà ba muỗng nữa là năm, và cho bà mượn luôn vịt đèn này. Mong bà nhân cho.
Sau khi cám ơn người chủ quán, bà lão ra về với bao niềm hoan hỷ vì được

người khác biểu đồng tình và giúp mình trong công việc phước thiện.
Trời chưa tối hẳn, những cây đèn xinh xắn, lộng lẫy của nhà vua đã được những đội thị vệ thắp sáng. Tịnh xá Kỳ Hoàn như vui nhộn hẳn lên. Đó đây vang lừng những điệu nhạc dịu dàng, nhịp nhàng với lời ca ngợi của những cận thần thay nhà vua tán thán công đức của Phật và giáo hội. Từng đoàn người lũ lượt đi dự lễ, đông như trẩy hội. Bà lão hành khất cũng tiến mau về phía Tịnh xá và dừng bước trước những hoa đăng rực rỡ, bà vội vàng đến rót dầu vào cây đèn mà bà đã lau sạch và thay tim. Vừa mồi ánh sáng bà vừa phát nguyện: "Cúng dường ánh sáng này lên Đức Thế Tôn và giáo hội, con chỉ cầu mong làm sao con cũng sẽ được trí tuệ sáng suốt như các Đấng Giác ngộ trong mười phương". Bà lại nghĩ: "Dầu ít như vầy có sáng cũng chỉ đến nữa đêm là cùng". Nhưng mạnh dạn bà thầm nguyện: "Nếu quả thật sau này tôi sẽ được giác ngộ như lòng tôi mong muốn hôm nay, thì số dầu ít ỏi này cũng làm cho cây đèn này sáng mãi không tắt".
Sau khi treo cây đèn trên một cành cây, bà lão hành khất đi thẳng vào tịnh xá, chí thành lễ Phật rồi ra về…
Số đèn của nhà vua, tuy được những đội lính thay nhau lo việc châm dầu, thay tim, nhưng ít cây được sáng suốt đêm, cây thì bị gió thổi tắt, cây thì bị phựt cháy…
Duy cây đèn của bà lão hành khất thì ánh sáng nổi bật hơn muôn vạn cây đèn khác và cháy mãi đến sáng mà dầu vẫn không hao.
"Này đệ tử! Trời đã sáng, hãy ra tắt hết những cây đèn còn đỏ", Đức Phật dạy với Ngài Mục Kiền Liên như thế.
Tôn giả Mục Kiền Liên làm theo lời Phật. Nhưng đến cây đèn của Bà lão hành khất, thì ba lần Tôn giả quạt mạnh, nhưng ánh sáng cũng không mất. Lần thứ tư, Tôn giả cầm ngay vạt áo cà sa và vận hết thần thông diệu lực của mình quạt hắt vào đèn nhưng đèn lại rực sáng hơn trước. Tôn giả Mục Kiền Liên và những người chung quanh đều ngạc nhiên và cho đó là một cây đèn kỳ lạ chưa từng thấy.
Ngay lúc ấy, Đức Phật vừa đến, Ngài điềm đạm bảo:
"Thôi! Đệ tử hãy thôi. Dù cho đệ tử có tận dụng tất cả thần lực của đệ tử cũng không thể nào làm tắt được cây đèn này; vì đó là ánh sáng công đức của vị Phật trong tương lai".
Lời dạy ấy của Đức Phật đã làm cho nhiều đệ tử của Ngài muốn tìm hiểu ai là người đã cúng dường đèn ấy. Sau một cuộc điều tra kỹ càng, họ biết rõ người cúng dường cây đèn kỳ lạ ấy chính là một bà lão hành khất!
Câu chuyện này đến tai vua A Xà Thế. Nhà vua cho vời đại thần Kỳ Bà đến để thuật lại câu chuyện và hỏi:
- Kỳ Bà! Như khanh đã biết quả nhân làm rất nhiều công đức và cúng dường rất nhiều đèn nhưng không thấy Đức Thế Tôn dạy gì về quả báo của quả

nhân. Trái lại, bà lão hành khất chỉ cúng dường có một cây đèn lại được Ngài thọ ký là nghĩa làm sao?
Đại thần Kỳ Bà đứng lên ngần ngại mãi không dám trả lời.
- Kỳ Bà! Ngươi đừng ngại gì cả, quả nhân muốn tìm hiểu những nguyên khuyết điểm chứ không bao giờ dám nghĩ khác về Đức Thế Tôn.
Đôi mắt của đại thần Kỳ Bà bỗng sáng lên và khiêm tốn trả lời câu hỏi của nhà vua:
- Tâu đại vương! Theo những điều mà hạ thần được phỏng văn từ cửa miệng của những người thân cận các thầy Tỳ kheo và cộng thêm sự suy luận của hạ thần thì tuy đại vương cúng dường rất nhiều phẩm vật, song tâm ý không được chí thành cho lắm và có lẽ đại vương không phát đại nguyện; cho nên tuy có công đức mà không làm sao bằng công đức của bà lão hành khất chỉ cúng dường một cây đèn nhưng đó là cả một tấm lòng chí thiết, một dạ chí thành đối với những Đấng Giác ngộ và nhất là lời thệ nguyện cao rộng của bà ấy.
Nghe đại thần Kỳ Bà phân tích tỷ mỉ về động cơ của sự cúng dường của mình và bà lão hành khất, sau một hồi suy nghĩ và xét lại bản tâm, vua A Xà Thế liền cởi mở được tất cả những điều thắc mắc…
Thiện Châu
"Công đức cúng dường không đánh giá nơi phẩm vật, mà căn cứ nơi sự thành tâm".

Quỷ La Sát

Xưa có một đoàn ca kịch vừa đi du lịch khắp nơi, vừa kiếm ăn bằng lối diễn tuồng. Trong các vở tuồng, đặc sắc nhất là vở tuồng "Quỉ La Sát" vừa rùng rợn lại vừa thích thú.
Chiều hôm nọ, đóng tuồng Quỉ La Sát hay quá rất được công chúng hoan nghênh. Đóng xong đoàn ca kịch thu xếp đồ đạc để qua tỉnh khác. Có kẻ vì quá yêu chuộng, nài cầu ở lại bằng cách dọa dẫm: "Các ông ở lại đây sáng rồi hãy đi. Bây giờ đã chiều mà phải đi qua một cánh rừng rậm, trong rừng nhiều Quỷ La Sát lắm, nhất là lỡ ra đêm xuống mà chưa ra khỏi rừng". Mấy chàng kịch sĩ cười phì: "Chúng tôi đây vốn đã là Quỉ La Sát, còn sợ La Sát nào nữa!". Thế rồi cả bọn đồng sửa soạn cất bước vượt rừng. Nhưng chưa ra khỏi rừng thì trời đã tối hẳn. Cả bọn đồng ý nghỉ lại trong rừng, mai sáng họ sẽ đi. Họ đi bẻ cành khô, hốt lá về đốt lửa lên, rồi trải tạm những tấm màn phông để ngủ, cắt phiên ngồi canh lửa, rồi thì vì mệt mỏi đồng lăn ra mê mết.
Nửa đêm độ vào canh một, sương xuống nhiều quá, trời lạnh chành gác lửa run lẩy bẩy, bèn mở rương lấy tạm một bộ đồ diễn kịch khoác vào người rồi

ngồi gật gù bên đống lửa hồng. Bộ đồ kia lại là bộ đồ Quỉ La Sát. Có tiếng chim kêu, một người nằm ngũ vụt thức, ngoái cổ lên nhìn xem lửa còn cháy và người bạn canh lửa còn đó không. Nhưng kinh sợ biết bao! Người bạn canh lửa đâu chả thấy, chỉ thấy có một con Quỉ La Sát ngồi gật gù bên đống lửa. Lông gáy dựng ngược, hoảng lên, anh chàng chồm dậy vừa chạy vừa la: "Quỉ La Sát! Quỉ La Sát". Bọn người thức dậy mắt nhắm mắt mở, nghe kêu tưởng là có quỷ thực, cũng la lên và bỏ chạy theo người trước không kịp suy nghĩ. Anh chàng gác lửa thiu thiu, nghe tiếng kêu tỉnh dậy, thấy bọn kia chạy hết thì cũng tưởng rằng có quỷ thực, bèn vội vàng mang cả bộ áo La Sát mà chạy theo. Bọn trước chạy được một khoảng khá xa ngoái lui trông thấy "hắn" theo sau, càng sợ, càng chạy, anh chàng gác lửa thấy bọn trước chạy vùn vụt như tên thì tưởng đâu quỉ đã kề sau lưng mình rồi, nên lại cố gắng đuổi. Bọn trước thấy "hắn" đuổi gấp, lại càng hoảng hốt cứ thế chạy cho đến mệt nhoài, đuối sức, trầy da chảy máu, cuối cùng hết hơi nằm lăn ra, đến khi biết rõ, tất cả đều bị thương, đau đớn khắp mình…
Con người vì thành kiến sai lạc, vì vô minh che lấp nên đua nhau chạy theo ảo tưởng trần gian và mua chuốc lấy bao nhiêu là đau đớn khổ nhục.

Mụt Ghẻ Nói Tiếng Người

Đời Đường vua Ý Tôn ở đất Trường An có một nhà sư mắc phải bệnh cùi, hằng ngày thất tha thất thiểu trong bộ quần áo lang thang, mặt mày khô đét, thân hình gầy còm, tay chân lở lói, ai trông thấy cũng gớm nhờm. Thỉnh thoảng, một vài người vì động lòng trắc ẩn, biếu cho chút ít quà bánh không đáng giá, ngoài ra không ai buồn đả động đến, hoặc hỏi han điều gì cả, vì vậy chẳng ai biết nguyên quán nhà sư ở đâu. Một hôm, trên con đường lớn xuôi về cổng chùa An Quốc, nhà sư tình cờ gặp Ngộ Đạt, lúc ấy chưa phải là một tu sĩ nổi danh.
Thấy người đồng đạo trong cơn hoạn nạn, Ngộ Đạt quá đau thương cố thỉnh về ở với mình. Trước tâm tình chân thật, lời lẽ thiết tha của Ngộ Đạt, nhà sư nhận chịu. Ngộ Đạt rước về chùa, kính như bậc thầy, hết lòng cung phụng. Mỗi ngày sáng dậy, Ngộ Đạt lấy nước nóng, rửa lau ghẻ lở, tuyệt đối không tỏ vẻ gì nhờm gớm cả. Sau một thời gian khá lâu, nhà sư từ giã ra đi, Ngộ Đạt tỏ lòng quyến luyến, cầm cọng lắm lời, nhưng nhà sư không đổi ý. Thấy thế Ngộ Đạt thiết tha xin theo để sớm hôm giúp đỡ, nhà sư cũng từ chối nốt, bảo rằng: "Trên đường danh đức, ông ngày sau sẽ được hiển đạt, ông nên ở lại, đừng nghĩ việc theo tôi mà phải trôi nổi bình bồng, mai một khả năng siêu tuyệt của mình". Nhưng điều này nên để dạ: "Hãy cẩn thận trong khi hưởng thụ những phần hưởng danh dự, vì nó có thể làm tổn thương đạo niệm của mình. Tôi hết sức cảm nghĩa tốt của ông, vậy nếu sau nầy có bị tai

nạn gì hãy nhớ qua đất Tây Thục, xứ Bành Châu, núi Trà Lung mà tìm tôi. Cứ đến lưng chừng núi, chỗ có hai cây tòng to tục gọi là "Song tòng lãnh" chúng ta sẽ gặp nhau".
Dặn dò xong, nhà sư từ biệt, Ngộ Đạt rơm rớm nước mắt, trông theo đến khi khất bóng mới quay gót trở về.
Ngày qua tháng lại, Ngộ Đạt đến thời kỳ hiển đạt. Bấy giờ ở kinh đô, người người đều quen biết và khâm phục danh đức của Ngài. Một vị sư có tài, có đức, giảng pháp hay, hiểu biết rộng, tiếng tăm vang dậy khắp nơi.
Vua Ý Tôn qua nhiều lần thăm dò, trải bao cơn thử thách, mới chịu thỉnh Ngài vào cung giảng đạo. Cách ít lâu lại phong Ngài lên làm Quốc sư và ban cho một pháp tòa bằng gỗ trầm thơm quí. Danh vọng này còn danh vọng nào hơn! Một hôm, nhân lên ngồi trên ghế trầm, nghĩ mình tài đức ai bằng, vua kiêng, quan phục, trăm họ kính nhường, Ngộ Đạt thấy thật không còn nấc thang nào cao hơn nữa. Lòng tự đắc dâng lên tột độ, bỗng nghe xây xẩm mặt mày, Quốc sư vội bảo đồ đệ dìu vào phương trượng, nằm mê man suốt hai ba giờ mới tỉnh lại. Cảm nghe trong mình khó chịu biết đã thọ bịnh, chợt rờ xuống gối nghe đau vén quần lên, thật là hết sức kinh ngạc. Một mụt ghẻ giống tạc như mặt người, có mày mắt, miệng, tai, mũi đủ cả. Ghê tởm quá! Kinh sợ quá! Quốc sư ngất đi, các đồ đệ kêu vực mãi mới mở mắt, bỗng nghe dưới mụt ghẻ nghiến răng, đau buốt thấu xương, khổ sở quá không phương gì cứu chữa. Các danh y và Quốc y đều được vua mời đến chữa cho Ngài, mà mỗi lần thoa thuốc men là mỗi lần chết giấc chớ không thấy thuyên giảm phần nào cả. Nhưng lạ, hễ mỗi lần đút thịt vào thì lại thấy mụt ghẻ ăn ngay và lại nghe trong mình êm ái dễ chịu. Thật là một quái bệnh xưa nay chưa từng thấy. Các danh y, quốc y đều thúc thủ lăn lóc chịu khổ sở mãi như thế đến hơn tháng trời, nằm nghĩ cuộc đời chả ra chi, thân như bọt nước thoạt có, thoạt không, thoạt còn, thoạt mất, đáng ghê sợ. Nhân nhớ đến vị sư bịnh khi xưa, ôn lại những lời dặn dò thiết yếu, Quốc sư sực tỉnh, bèn cố gắng một thân bị đau nhức, cắn răng lần mò qua đất Tây Thục, xứ Bành Châu.
Vất vả khổ sở suốt mấy tuần mới đến chân núi Trà Lung. Bởi đường dốc quanh co, nên mãi đến lúc hoàng hôn mới tìm ra được dấu. Kìa hai cây tòng đà lộ bóng, nhưng vị sư đâu chẳng thấy hình dạng; nếu không tìm gặp, thì đêm nay không khỏi dả thú nhai xương giữa chốn rừng núi hoang vu, không một bóng người thấp thoáng. Ngộ Đạt đang ngơ ngác đoái nhìn bốn phía, lòng những lo sợ bồi hồi, thì may quá, hình bóng thân yêu và quen thuộc khi xưa của vị sư, bỗng hiện ra trong một gộp đá gần đấy. Một tiếng kêu rú thất thanh vì mừng, Ngài Ngộ Đạt bất chấp đau đớn, chạy lại và leo nhanh lên gộp đá, ôm choàng lấy vị sư hỏi han rối rít. Khi bộc lộ hết những nổi vui mừng, khao khát của mình rồi, Ngài bèn kể bằng nước mắt sự khổ sở đau

đớn của mình cho vị sư nghe. Vị sư thốt lời an ủi và dìu dẫn Ngộ Đạt về Thảo am trên lưng chừng núi, Ngộ Đạt thưa:
- Bạch Thầy, kẻ đệ tử đang lâm vào cơn khốn nạn, bức bách, khổ sở không còn bút mực nào tả xiết, xin thầy rủ lòng từ bi ra tay tế độ giúp cho đệ tử thoát nạn, ơn đức Thầy thật vô lượng vô biên.
- Không hại gì, vị sư đáp, oan oan nghiệp chướng của ông đã vay từ nhiều đời về kiếp trước, ngày nay phải đến thời kỳ đền trả. Ông phải ẩn nhẫn trả xong mối nợ máu tiền kiếp ấy, mới có thể giải thoát được. Đức Thế Tôn ta khi xưa còn thị hiện nạn gươm vàng đâm vế, ăn lúa ngựa thay, huống chúng ta là hạng người phàm phu làm sao mà thoát được. Nợ mình đã trả thì sẽ hết, nhưng cần thiết là đừng nên vay nữa mới được.
- Thưa thầy, thầy nói nợ máu là thế nào đệ tử không hiểu ra sao cả, xin thầy hoan hỷ giảng cho.
- Chuyện ấy rồi ông tất sẽ rõ, vì đã có người sẽ nói cho ông nghe giờ khắc rất gần đây.
Rạng ngày hôm sau, nhà sư dạy đồng tử dẫn Ngộ Đạt xuống ngọn suốt dựa triền, lấy nước rửa ghẻ. Đồng tử vừa toan khoát nước thì thoạt nghe tiếng thét từ trong ung thư phát ra: "Khoan, hãy khoan đã, ta có việc cần muốn nói với ông".
Ngộ Đạt và đồng tử đang cơn kinh ngạc, thì mụt ghẻ tiếp lời:
- Tiếng đồn ông là người học rộng, vậy ông đã từng đọc sách Tây Hán chưa?
- Đã có xem qua vài lượt, Ngộ Đạt đáp.
- Vậy ông có nhớ chuyện người Viên Án dèm tâu với vua Cảnh Đế chém chết Triệu Thố ở phía đông chợ chăng?
- Nhớ lắm, nhớ lắm. Nhưng hỏi thế để làm gì?
- Chính ông là Viên Án còn Triệu Thố là tôi, ông giết tôi oan đến dường nào, ông có biết chăng? Thù ấy, oan ấy, thâm xương thấu cốt tôi đã từng mười đời theo dõi bên ông để tìm dịp báo oán, nhưng suốt mười đời ông luôn luôn làm bực cao tăng, tinh nghiêm giới luật, tôi đành ôm hận, nhưng quyết theo mãi, đến khi nào trả xong mối thù, đòi xong món nợ máu mới thôi. Mới vừa rồi, được dịp thuận tiện, ông vì vua kính chuộng, ban cho tòa trầm hương, phong làm đến Quốc sư, vinh quang hiển hách, do đó tâm danh lợi nổi lên, khí kiêu căng bừng khởi, khuyết phần đức hạnh, tôi mới nhân cơ hội đó làm hại ông để đòi món nợ nần trên. Ngày nay, nhờ Ngài Ca Nặc Ca Tôn Giả thương xót ra tay cứu giải cho ông, lại cho dùng nước Tam muội rửa tội, nhờ thần lực của Ngài khiến cho ông và tôi, từ đây oán hận không còn, cừu thù tan mất, vậy kính khuyên ông, hãy cố gắng tinh tấn tu hành và chúc ông vuông tròn đạo nghiệp. Tôi xin chào vĩnh biệt.
Ngộ Đạt nghe xong, đầy mình mọc ốc. Đồng thời với tay khoát nước rửa mụt ghẻ, nước vừa chạm đến thịt, Ngộ Đạt nghe đau buốt thấu xương, ngất

lịm hồi lâu. Khi tỉnh lại, mụt ghẻ đã lành da thịt liền lại như xưa, không chút vết sẹo nào. Quốc sư mừng quá đến chảy nước mắt, vội trở lên núi cảm tạ ơn dày của Tổ, tự thệ từ đó tinh tiến tu hành không dám chậm trễ nữa.
Tương truyền bộ Thủy sám ba quyển vốn tự tay Ngộ Đạt viết ra để làm pháp sám sau khi lành bệnh.

Phước Báo Của Sự Bảo Vệ Sanh Linh

Thuở xưa, có một vị La Hán ở trên núi tuyết đã chứng Lục thông: thấy rõ việc trong ba đời như xem việc trước mắt. Nên danh tiếng vang lừng, người đương thời đều cảm phục.
Vị La hán kia có nuôi thiếu niên Sa Di làm đệ tử.
Một hôm, vị thiếu niên đệ tử đứng hầu bên cạnh thầy. Vị La hán xem qua sắc tướng của vị đệ tử mình, Ngài liền buồn rầu bảo vị thiếu niên đệ tử rằng:
- Con ơi, Thầy xem sắc tướng hôm nay, Thầy rõ biết phước báu của con đến nay đã gần hết, sau bảy ngày nữa mạng con sẽ chết. Thôi Thầy trò ta ngày nay vĩnh biệt. Thầy cho con trở về nhà thăm bà con quyến thuộc và cho con được thấy cha mẹ con trong phút cuối cùng.
Nghe xong, thiếu niên Sa Di chỉ biết đau đớn đảnh lễ thầy rồi gạt lệ từ tạ ra đi.
Trên đường về, gặp phải trận mưa lớn, thiếu niêu Sa Di rẽ qua con đường hẻm thấy một bầy kiến nhỏ đang chơi vơi trên một dòng nước nhỏ chảy ngang đường. Bầy kiến hết sức chống đỡ, nhưng vô hiệu; vì thân nhỏ sức yếu mà dòng nước quá mạnh, nên đành để dòng nước tự do dày xéo, và chờ dòng nước đưa về cõi chết.
Thiếu niên Sa Di thấy vậy, động lòng từ bi, liền cởi chiếc áo đang mặc trong mình ngăn ngang dòng nước để đàn kiến có chỗ leo vào, những con nào kiệt sức, không thể leo vào áo được, thiếu niên Sa Di nhẹ tay bắt từng con bỏ vào aó, rồi đem bỏ vào chỗ khô ráo. Hai ba phen xem xét thấy bầy kiến chắc chắn thoát chết, mới yên lòng về nhà.
Đến nhà, trong thời gian bảy ngày, thiếu niên Sa Di lo sợ chờ ngày mạng chung. Nhưng đến ngày thứ tám, thiếu niên vẫn còn sống. Thiếu niên Sa Di mừng rỡ trở về chỗ thầy.
Đến nơi, vị La hán hết sức ngạc nhiên! Không biết vì sao đệ tử mình đến bây giờ mà vẫn còn sống. Ngài liền nhập định dùng diệu trí quan sát mới biết đệ tử mình do công đức cứu bầy kiến nên bảy ngày không chết mà còn sống lâu được nữa.
Sau khi xuất định, vị La hán giải cho Sa Di rõ lý do thoát chết, và giải nghĩa chữ từ bi.
Từ đấy, thiếu niên Sa Di tinh tấn tu hành không bao lâu chứng đặng đạo quả.

Đức Tâm
Dùng lòng từ bi cứu một mạng sống đặng phước báo không kể xiết.

Nan Đà Tôn Giả

Đã mấy năm qua. Từ ngày chứng nghiệm chân lý dưới gốc cây Bồ Đề, Đức Phật Thích Ca đã đặt chân lên nhiều kinh thành, nhiều thôn dã, nhiều đất nước để truyền bá đạo Từ Bi. Hàng đệ tử của Ngài càng ngày càng đông. Trên con đường giải thoát cho nhân loại không biên giới ấy, một hôm kia, Đức Phật trở về đất nước quê hương, nước Ca Tỳ La Vệ. Ngài thấy nhân loại đáng thương đang chìm trong sự lôi cuốn của cuộc đời có bà con thân thuộc mình, có… em Ngài, Hoàng tử Nan Đà.
Hoàng tử Nan Đà là em cùng cha khác mẹ với Đức Phật. Lúc Phật xuất gia, Nan Đà còn tấm bé, Nan Đà chỉ buồn thoang thoảng vì thiếu sự chăm sóc chỉ bảo của một người anh hiền từ. Thế thôi. Và tuổi trẻ cũng mau quên. Nan Đà lớn lên trong sự hầu hạ ân cần cẩn thận của cung vua. Không như anh. Nan Đà buông theo các thú vui. Cuộc đời bó hẹp lại, nhỏ dần trước mắt người thanh niên ham mê sắc dục. Nan Đà chỉ còn thấy các mỹ nữ trong giọng hát, trong điệu múa, trong những cuộc truy hoan…
Phật trở về giữa sự vui mừng của dân chúng. Ngài ở Tịnh xá và hàng ngày mang bình bát đi khất thực và truyền đạo như trong khi Ngài ở các nước khác. Lối sống bình dị ấy làm mọi người thán phục. Đời sống của kinh thành xáo trộn. Vàng bạc không còn là cứu cánh. Lòng thương yêu nhau, thương yêu đến cả các sinh vật được xem là cao quí. Người ta đã thấy những gì chắc thật của cuộc đời, thú vui chỉ là mong manh chốc lát.
Nhà vua đã mở nhiều cuộc bố thí, giảm nhẹ thuế má cho dân chúng.
Về phần Nan Đà, Nan Đà cũng cảm thấy vui. Những hình ảnh tươi đẹp của những năm xưa hiện lên. Nhưng trong hai người như có một cái gì khác nhau nhiều lắm, nên Nan Đà chưa dám gặp Phật. Nghe những lời ca ngợi về lòng nhân ái, về cuộc sống bình dị của Đức Phật, Nan Đà tự đối chiếu với mình. Và đã có lúc chàng nghiệm thấy một cái gì mong manh, chóng tàn trong những cuộc vui say, trên nét nhăn mệt mỏi của những mỹ nữ qua những cuộc múa ca.
Một hôm, Nan Đà thức dậy sau một giấc ngủ dài mệt mỏi. Mặt trời đã lên cao. Chưa kịp sửa soạn, chàng đã thấy Đức Phật đang tiến vào nhà. Phật khoác chiếc y vàng, tay cầm bình bát, Ngài đi khoan thai như lùa vào đây tất cả những ánh sáng trong lành của buổi mai.
Phật không khác xưa nhiều lắm, vẫn gương mặt hiền lành nhưng thêm phần sáng suốt. Tất cả những hình ảnh trên diễn ra trước mắt Nan Đà đang đứng ngây người nhìn. Đức Phật tiến lạI gần, ân cần hỏi han. Lời nói của Ngài dịu

dàng làm cho Nan Đà nhớ lại những ngày vui vẻ thuở xưa, hồi ấy Nan Đà nhìn đời một cách đẹp đẽ. Rồi Ngài nói với Nan Đà:
- Từ lâu, ta vẫn thấy bên trong ra có phụ hoàng và em. Chính trong mục đích giải thoát cho loài người rộng lớn và cho những người thân thuộc mà ta thấy được đạo lý. Ta biết em đang khao khát chân thật. Ta đi trước em, ta đã biết rằng hạnh phúc chân thật không thể tìm ở đâu khác ánh đạo. Ánh đạo ấy ta đem về cho em đây.
Nan Đà im lặng, cảm động. Người đứng trước mình là anh, là thầy, là ân nhân? Nan Đà thấy trong người rạo rực một mối tình muốn hướng về đường lành. Chàng cúi xuống thân mến ôm bàn tay của Đức Phật đang đưa ra nâng chàng dậy. Đức Phật âu yếm:
- Đường ta đi sáng như sao nhưng khó khắn trở lực không phải là ít. Mà có sự thành đạt nào không phải mua bằng gian lao, ta đã nghiệm điều đó. Biết em có đủ trí lực để vượt qua không?
Nan Đà ngẫm nghĩ rồi nguyện theo Phật. Chàng sửa soạn rất nhanh chóng. Phật đã tiến ra cửa. Ngài bước đi, Nan Đà theo Ngài, tuy lòng đang dâng lên một cái gì âm ấm, trong sáng như ánh nắng và trời đất tươi đẹp bên ngoài. Hai người cùng tiến về Tịnh xá.
Đến Tịnh xá, Phật bảo các đệ tử săn sóc cho Nan Đà. Người ta thay chiếc áo gấm xanh và khoác cho chàng chiếc áo nâu bằn vải. Người ta dành cho chàng một phòng rộng ngó ra vườn hoa. Nan Đà ngồi xuống chiếc ghế mây rồi nhìn ra vườn. Trăm hoa đang mở rộng tung cánh để đón ánh trời, màu hồng tươi mát của đào. Màu vàng dịu của mai, màu trắng như tuyết của huệ, nổi bật lên trên màu xanh tươi của lá cây. Đây đó một vài đạo sĩ đang ngồi trên các phiến đá trầm tĩnh niệm Pháp. Trong cái yên lặng, lâu lâu có điểm một tiếng chuông ngân dài. Nan Đà thấy một sức sống mạnh mẽ của muôn cây, một sự rạo rực hướng về đạo của con người. Thật là một thay đổi cực kỳ lớn lao trong tâm hồn vị Hoàng tử thanh niên.
Nhưng rồi có những lúc Nan Đà thiêu thiếu một cái gì. Chàng tiếc rẽ cái áo gấm chăng? Đâu phải thế! Trước đây cũng có nhiều lần chàng áo ước cởi bỏ nó đi để được mát mẻ. Chàng tiếc một cái gì? Đó là các sinh hoạt cũ, cái lối ăn chơi say sưa bên cạnh những người vũ nữ có bàn tay ngọc ngà, có thân hình mềm mại.
Đức Phật thừa hiểu rằng trong một sớm một chiều, Nan Đà chưa thể giác ngộ được chân lý nên chú ý đến Nan Đà nhiều hơn các đệ tử khác. Một hôm, có người mời Phật đi thọ trai, Ngài không đưa Nan Đà đi mà còn kêu đến đưa bình bát cho và dặn nhà múc nước đổ vào cho đầy.
Được ở nhà, Nan Đà là vui thích vì chàng thấy có cơ hội trở về thăm cung điện và các mỹ nữ. Biết như thế là sai lầm nhưng có một sức mạnh nào thúc đẩy mãnh liệt. Dầu sao, Nan Đà cũng không quên lời Phật dặn "đổ nước vào

bình bát" mà chàng không biết đổ để làm gì. Cái bình bát nhỏ bè này, hãy đổ vào một gàu là đầy ngay và rồi sẽ trở về thăm cung điện cũng không muộn.
Nan Đà đem bình bát ra giếng. Chàng xách lên gàu nước và đổ nước vào. Chàng cẩn thận để nước khỏi đổ ra ngoài. Lạ quá! Gàu nước đổ hết rồi mà sao không thấy nước tràn lên miệng bình. Nan Đà cúi xuống xem bình bát có bị nứt không. Tuyệt nhiên không một đường rạn nào, lớp men vẫn liền láng. Chàng múc gàu nước thứ hai, thứ ba, thứ tư và liên tiếp nhanh tay đổ vào. Lạ thật, không có nước chảy ra ngoài mà nước đổ vào biến đi đâu cả.
Nan Đà đã mệt nhoài mà bình bát vẫn không được một tí nào cả. Làm sao để về thăm cung điện? Nôn nả quá, chàng để bình bát ngay bên giếng và vụt chạy đi, hẹn trong lòng chốc trở lại sẽ tiếp tục đổ nước vào.
Chạy được một quảng, Nan Đà thấy ở xa có đoàn người đi ngược lại. Chàng dừng lại nhìn. Khốn rồi! Chính Phật và đoàn đệ tử thọ trai về. Nan Đà biết không có cách nào tránh khỏi, bèn nép bên đường, cúi mặt nhìn xuống đất.
Phật đến bên Nan Đà hiền lành bảo:
- Thôi! Trở lại. Em hãy còn lời hứa đối với ta, còn công việc ta giao chưa làm xong. Hãy tự chiến thắng mình mới đi đến đích cuối cùng.
Nan Đà đi theo Ngài cùng trở về Tịnh xá.
Năm hôm sau, trong cuộc du hành thuyết pháp ở cõi trời, Phật cho Nan Đà đi theo, Nan Đà mừng lắm.
Đấy là một trong những cõi trời đẹp đẽ và hạnh phúc nhất. Không biết bao nhiêu lâu đài tráng lệ nguy nga. Những chiếc bàn, những độc bình bằng thủy tinh muôn màu rực rỡ. Những vườn hoa với các cây xanh mướt, quanh năm hoa nở thắm tươi và tỏa mùi hương nồng ấm. Ánh sáng một màu huyền ảo. Mặt trời không gay gắt, ban ngày vẫn có sao sáng và ban đêm trời luôn luôn sáng, thứ ánh sáng vàng trắng của những đêm rằm.
Phật đưa Nan Đà đến một cung điện rực rỡ. Các tiên ông râu bạc trắng ra đón tiếp. Phật thuyết pháp cho họ nghe. Trong lúc đó các nàng tiên mời Nan Đà đi xem khắp nơi. Chỗ nào Nan Đà cũng tấm tắc khen ngợi. Rồi các nàng tiên múa cho Nan Đà xem. Những gương mặt tươi đẹp như chưa bao giờ lo buồn, các điệu múa uyển chuyển như còn gởi mãi trong không gian các đường nét mềm mại. Sau đó Nan Đà hỏi họ:
- Ai sẽ có vinh hạnh hưởng cảnh sống êm đẹp trong những cung điện ở đây?
Các nàng tiên nhỏ nhẹ thưa:
- Cung điện, vườn hoa, ánh sáng ở đây đang chờ đón một người tên là Nan Đà, nếu người ấy tu hành được chánh quả.
Nan Đà sung sướng nhẹ nhõm khi theo các nàng về cung điện.
Trên đường về Tịnh xá, Nan Đà định hỏi Phật xem lời các nàng tiên nói có đúng không, nhưng không dám, chỉ tự bảo với mình phải cố gắng tu tập. Nhưng biết đến bao giờ mới lên cõi trời sung sướng. Nan Đà nôn nả nên

thiếu thái độ hiền từ, tĩnh tâm, định trí. Và cái hăng hái của những ngày mới trở về lần lần phai nhạt.
Một thời gian sau, Phật lại chuẩn bị một cuộc đi truyền thuyết xa và Nan Đà cũng được đi theo. Lần này Phật dẫn chàng xuống địa ngục.
Địa ngục bày ta trước mắt Nan Đà trước những cảnh tượng ghê rợn. Đây là một người đàn ông bị ép dưới một tản đá khổng lồ. Tảng đá lún dần, lún dần trong tiếng kêu thắt nghẹn trong tiếng răng rắc của bộ xương ngực, xương tay, xương chân đang dập nát. Đây là một người đàn bà mang trên đầu một vành lửa đỏ. Tóc của người ấy cũng cháy khét lẹt; và tay bị trói chặt ra phía sau, người đàn bà vừa chạy vừa kêu không ra tiếng người. Nan Đà biết những hình phạt ấy là do sự tàn ác của họ ở kiếp trước nên im lặng đi theo Phật. Gương mặt của Ngài tỏ vẻ vô cùng thương xót và Ngài cầu nguyện cho họ.
Đến một đoạn nữa, Nan Đà thấy trước mặt có năm chảo dầu xếp thành hành dài trước mặt một cái đền tối om. Năm con quỷ đang sắp sửa đun lửa. Trong bốn cái chảo đã có bốn người không rõ là đàn ông hay đàn bà. Lửa đỏ, dầu gần sôi. Người trong chảo vẫy vùng, chồm lên rồi lại rơi xuống. Tiếng kêu của họ tắt đi trong tiếng sôi sùng sục của dầu, tiếng củi cháy phừng phực.
Nan Đà đến gần con quỷ coi chảo dầu thứ năm và hỏi:
- Tại sao trong nầy lại không có người nào?
Con quỷ không nhìn Nan Đà, chăm chú coi lửa và trả lời:
- Chảo không này cứ đun sẵn, để dành riêng cho một người tên là Nan Đà nếu người ấy biếng nhác, không lo tu tập.
Nan Đà giật nẩy mình và không dám hỏi thêm gì nữa.
Từ độ ấy về, Nan Đà không một chút nào dám xao nhãng việc tu niệm, chàng lo tụng niệm, thuộc làu kinh kệ. Mãi đến chiều chiều, Nan Đà mới để một ít thì giờ đi dạo ngoài vườn Tịnh xá.
Nhưng có một điều là chàng đến chỗ nào, người chỗ ấy đều lánh đi nơi khác. Nan Đà bực lắm. Có một hôm Nan Đà đến gặp Ngài A Nan, Ngài A Nan là em họ chàng và là đệ tử yêu mến nhất của Đức Phật. Thấy Nan Đà đến, Ngài A Nan cũng lánh đi nơi khác. Không thể giữ nổi sự bực bội trong lòng, chàng đến trước mặt Ngài A Nan là lấy lời kính cẩn thưa:
- "Xin chú cho tôi biết vì lẽ gì các Ngài và chú lại không muốn gặp tôi. Tôi tưởng đã ở một đạo với nhau, hơn nữa lại là bà con, chú cũng không nên đối xử với tôi như thế".
Ngài A Nan biết không còn cơ hội nào tốt hơn cơ hội nầy để trình bày cho Nan Đà rõ đầu đuôi nên ôn tồn bảo:
- Chúng ta tuy theo một đạo nhưng mục đích chúng ta không giống nhau. Anh nhắm một mục đích khác. Anh tu hành để được lên cõi tiên, để sống trong hạnh phúc, riêng anh, tu hành vì cảnh khủng khiếp của địa ngục. Anh

Nan Đà ơi! Mục đích của anh hẹp hòi. Phải lấy sự đau khổ của chúng sinh làm đau khổ của mình, xem thường tài sản và tính mệnh của mình, phát tâm thực hành lục độ để giải thoát vô lượng chúng sanh. Đó là mục đích của thầy ta, của chúng ta, của những người tu hành chân chính.
Ngài A Nan dừng lại để Nan Đà kịp suy nghiệm. Rồi âu yếm nhìn Nan Đà Ngài nói tiếp.
- Anh Nan Đà ơi! Đường tu hành còn dài lắm, cho đến khi nào chúng sinh không còn khổ đau. Cho nên không nhìn một mục đích cao rộng, ta sẽ dễ nản lòng thối chí như anh, đã có lần muốn bỏ dỡ công cuộc nửa chừng. Phải can đảm lên anh ạ! Quả lành sẽ đến với chúng ta.
Lời Ngài A Nan đi thẳng vào tâm can, vào trí óc A Nan. Từ đó Nan Đà công phu tu luyện với mục đích cao quý giải thoát cho chúng sanh và một ngày kia, bước theo A Nan, Nan Đà trở thành một đệ tử chân chính của Đức Phật, trở thành Nan Đà tôn giả đáng kính mến muôn đời của chúng ta.
Quảng Huệ
Luân hồi nhân quả không sai
Không tu ắt phải đọa đày khổ thân.

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập I - 9

Nhận Lầm Con
Có một chàng ngu kia sinh được đứa con trai, chăm chút thương yêu như ngọc như ngà. Một buổi sáng anh chàng đi ra chợ sớm, ở nhà lửa bốc cháy nhà và người ta bồng đứa con anh chạy mất, lúc trở về thấy nhà cháy, anh không tiếc, anh chỉ cuống cuống lên khi không thấy con. Một người láng giềng ức đoán chỉ vào thây của một kẻ bất hạnh đã cháy thành than và bảo: "Con anh chết cháy đây rồi". Thế là anh chàng tin ngay là thật, khóc than kể lể khôn xiết, rồi may một cái túi vải vuông bỏ nắm tro tàn vào đó mang luôn bên mình không lúc nào rời. Rồi cứ đinh ninh rằng con mình đã chết cháy, và nắm tro bên mình là xác con, không biết con mình hiện giờ đang còn sống.
Một buổi kia được thả, đứa con về gõ cửa kêu cha. Anh chàng buồn quá đóng cửa ngồi trong nhà, nghe gõ cửa hỏi vọng ra:
- Ai gọi đó?
- Con đây.
- Con, tôi đâu dám! Con tôi chết đã ba tháng rồi.

- Không, con còn sống đây mà, mở cửa cho con vào!
- Láo, cút đi! Con tao đã chết, mày là ai, đến đây nhận hảo thế? Cha con gì? Đứa con nằn nì ngoài cửa mãi, người cha ngồi trong nhất định không mở cửa. Cuối cùng nó đành khắc khoải ra đi. Thương hại cho anh chàng! Cha con không nhận, lại nhận bị xương khô!
- Người ngu tự biết mình ngu, nên biết người ấy có trí;
- Người có trí tự cho là có trí, nên biết người ấy ngu nhất trên đời.
- Người ngu cố chấp sự hiểu biết của mình là đúng, nên không bao giờ chịu thừa nhận những điều hiểu biết của kẻ khác. Vì thế, không bao giờ họ đạt đến được chân lý.

Máu Sanh Linh Không Rửa Sạch Tội Lỗi Của Người

Kinh thành Ba La Nại đang sống trong những ngày bối rối.
Khắp nơi, khắp nơi, những lễ đàn được dựng lên cao vọi. Tiếng nguyện cầu như muốn vượt mấy từng trời. Nhưng thuốc thang cũng đã nhiều, cầu đảo cũng đã lắm mà có ăn thua gì đâu?
Hôm nay cũng như mọi hôm, hoàng cung vẫn rộn ràng lo lắng. Mạng sống của Hoàng thái hậu như treo đầu sợi tóc. Thần chết chắc đang cầm lưỡi hái đợi chờ đâu đây. Bọn cung nga thế nữ vẫn túc trực đó, vẻ mỏi mệt hiện rõ trên nét mặt. Không biết họ thức trọn mấy đêm rồi?
Quốc vương Hòa Mặc thì như trong giấc mộng. Cứ nhìn gương mặt mẹ mình ngày một teo gầy lại, nhà vua thấy lòng tơi bời từng đoạn, cuộc sống không còn ý nghĩa gì nữa. Cung nga thế nữ mà làm chi? Lầu son gác tía mà làm chi? Nhà vua thấy có thể bỏ tất cả, hy sinh tất cả, miễn là mẹ mình được sống.
Tất cả những danh y trong nước đều đã được vời. Nhưng người nào cũng lắc đầu ái ngại. Vô kế khả thi. Hơi thở của mẫu hậu càng lúc càng khò khè, ngột ngạt. Ôi còn chi đau đớn hơn cảnh một người con hiếu đang thấy mẹ mình chết dần mà không làm sao cứu được!
Cuối cùng nhà vua cho triệu tất cả những vị Phạm Chí xa gần về để hỏi nguyên nhân và phương pháp chữa bệnh cho mẹ mình. Họ đã về đầy đủ rồi đó, nhưng nào ai có ý kiến gì đích xác đâu? Người thì bảo Thần sông, kẻ thì bảo Thần núi. Họ đổ lỗi cho trăng sao trời đất… Thế rồi, đến khi nhà vua thiết tha xin phương pháp điều trị thì yên lặng. Im lặng nặng nề ngự trị… Ai dại gì mà bày tỏ cái bất lực của mình?
Bỗng một Phạm chí, có lẽ lớn tuổi nhất, đứng dậy bấm tay chiêm quẻ rồi trân trọng trả lời:
- Tâu đại vương, nguyên nhân bệnh trọng của Hoàng thái hậu cũng chẳng có gì khó hiểu. Âm dương không hòa hiệp, thiên địa quỷ thần trách móc, Hoàng

thái hậu lại mắt phải hung tinh, trách gì không yểu mệnh? Muốn khỏi, nhất định phải tìm đủ một trăm súc vật khác giống để tế đất trời. Đại vương và Hoàng thái hậu cũng phải đến tại lễ đàn cần đảo thì mới mong bảo toàn mạng sống và được bình an.
Quốc vương như người sắp chết khát bỗng gặp nước lành . Tình thương mẹ cộng thêm lòng mê tín dị đoan khiến nhà vua không suy nghĩ gì thêm trước khi thi hành ý kiến của Phạm chí. Một trăm sinh mạng đã được đổi lấy một mạng trong hy vọng.
Bầy súc vật được xua ra lễ đàn một cách tàn nhẫn. Có ai nghe tiếng kêu than của những kẻ vô tội sắp phải bị hành hình? Có những con cừu non biết mình sắp chết, cố dừng lại không chịu bước. Có những con bò cứ ngoái đầu trở lại, nước mắt chảy ròng ròng. Những bọn lính thì có kể gì cả. Chúng lấy roi dài quất vùn vụt vào thân đàn thú, lấy đá ném vào những con nào đi chậm nhất. Đã có những vết máu hồng hoen trên đường cỏ.
Xa giá cũng theo sát bầy thú vật. Hoàng thái hậu thì mê man trong chiếc xe lắc lư trên đường đá sỏi. Quốc vương Hoà Mặc thì luôn luôn nhìn ra ngoài, xem thử đã đến lễ đàn chưa? Lúc xe vừa ra khỏi cửa thành thì bỗng nhà vua giật mình nhỏm dậy. Có cái gì uy nghiêm trên nét mặt của đại sĩ đang đứng chận giữa đường. Đôi mắt sáng ngời làm cho ta mến phục, y vàng giản dị nhưng lại có tính cách siêu phàm.
Quốc vương bước xuống xe. Ngài ngạc nhiên thấy đoàn hầu cận của mình không biết đã quỳ rạp xuống từ lúc nào. Có những lời chúc tụng vang vang, không phải cho một vị quốc vương, nhưng mà cho một đấng vô cùng cao trọng. Ngài bỗng thấy sợ sệt. Không, Đạo sĩ có gì hung dữ đâu. Đó là cái run sợ của một đứa con thơ trước mặt mẹ hiền. Rồi riú ríu chân, Vua cũng quì xuống. Muôn miệng một lời tung hô vang dậy: Kính chào Đức Thế Tôn!
Vâng chính là Đức Thế Tôn, Đức Phật Thích Ca. Cảm thông nỗi đau thương của một trăm sanh linh vô tội sắp phải bị hành hình, Phật đã từ Tịnh xá Kỳ Hoàn nước Xá Vệ, trèo đèo vượt núi về đây gieo mầm chân lý. Phật đỡ Quốc vương dậy và hỏi lý do việc cầu đảo. Quốc vương rơm rớm nước mắt trả lời:
- Bạch Thế Tôn, mẹ con lâm trọng bệnh đã lâu, không thang thuốc gì cứu khỏi. Nay theo lời Phạm chí con định dùng tinh huyết của một trăm con súc vật khác giống mà tạ lễ với trời đất. Kính lạy đấng Điều Ngự xin Ngài hãy chỉ đường vạch lối cho con.
Một con cừu nhỏ lê chiếc chân vấy máu đến ép mình vào chân Đức Phật, như để tìm một nguồn che chở thiêng liêng. Phật cúi nhìn và để một bàn tay lên đầu con thú nhỏ. Ôi cử chỉ mới dịu dàng và êm ái làm sao. Mắt cừu nhỏ gặp mắt Phật long lanh rồi nhỏ lệ. Cả đàn thú cũng ngước đôi mắt ướt hướng về Phật như muốn nói lên những điều oan ức, bất công.

Đức Phật trả lời:
- Này Quốc vương, không nên theo những lời mê hoặc. Không một ai, dù là thiên thần quỷ vật, có thể ban phúc hay giáng họa cho người. Ta quyết định đời ta theo đúng luật nhân quả. Muốn được mùa nông dân phải cày sâu cuốc bẩm, muốn giàu sang phải bố thí cho kẻ nghèo hèn, muốn sống lâu phải thực hành Từ bi và không sát hại. Không ai có thể chối cải điều đó.
- Nhưng bạch Thế Tôn, thiên địa quỷ thần là những kẻ có quyền phép, ta có thể nhờ họ giúp ta?
- Này Quốc vương, người có thích mặc chiếc áo sơ sài của hành khất không? Người có tham bữa ăn tồi tàn của lớp cùng dân?… Chư thiên cũng thế Quốc vương ạ. Vốn là hạng người phát tâm theo mười điều thiện, khi mạng chung, họ đã được sanh lên một trong ba mươi sáu cõi trời. Ở đó có cung điện huy hoàng, có cung nga thế nữ hầu cận, y thực tự nhiên có… nào họ có cần chi những thứ đồ tạ lễ của Quốc vương, khi lấy huyết một trăm sanh mạng để mưu cầu hạnh phúc cho một người? Quốc vương thật đã làm một việc thiếu suy xét, mà chỉ tin theo lời đường mật của những tà sư. Tội đó lớn lắm.
Từ châu thân đấng Từ bi bỗng lóe lên muôn vàn ánh sáng, chiếu rực cả muôn loài. Tất cả chúng sanh trong ba đường sáu nẽo bỗng thấy hân hoan và thấm nhuần ánh đạo. Toàn thể hai trăm vị Phạm chí thấy mình lầm đường lạc lối. Họ vội vả cùng nhà vua xin Phật thâu làm đệ tử.
Hoàng thái hậu cũng thấy một sinh lực mới dào dạt chảy vào lòng. Bà đón nhận ánh sáng của chánh đạo, xả bớt lòng tham lam, phát tâm bồ đề, cầu đạo giải thoát. Liền đó bà thấy sức khỏe đã trở lại như xưa. Dưới chân cha lành, bà không ngớt lời chúc tụng.
Phật hiền từ nhìn đàn vật như an ủi, rồi theo lời mời của vua trở về cung.
Đêm ấy, có một trăm sanh linh thoát khỏi hành hình oan uổng. Cũng trong đêm ấy ở miền biên giới Ấn Độ xa xôi, dân gian say sưa uống những lời thuyết pháp của Đức Từ phụ. Lòng người rửa sạch oán thù, lũ cướp ác hung bỗng ghê bàn tay vấy máu của mình mà trở lại cuộc đời lương thiện. Chánh pháp tung ra, thấm vào từng bộ óc. Không còn cảnh chém giết ghê gớm, không còn người tin theo tà đạo.
Và non nước vui hưởng thái bình trong hào quang Từ bi và Trí tuệ.
Huyền Thanh

Công Đức Trì Giới

Xưa ở nước Xá Vệ, có một huyện nhân dân đều quy Tam bảo, phụng trì năm giới và thực hành mười thiện nghiệp của Phật dạy. Khắp huyện không bao giờ sát sanh, người uống rượu nấu rượu cũng không có.
Trong huyện, có một người con dòng dõi, sắp đi buôn tha phương. Trước khi

đi, cha mẹ cặn kẽ dặn rằng: "Con nên cố gắng siêng năng, giữ gìn 5 giới cấm, thực hành mười điều thiện và cẩn thận chớ uống rượu, phạm đến trọng giới của Phật".
Người con vui vẻ ra đi, khi qua tới xứ khác vừa gặp người bạn đồng học cùng nhau chuyện trò tương đắc vui vẻ lắm. Bạn mời về nhà, đem rượu Bồ đào ra đãi. Người ấy tự cười nói rằng: "Nước tôi toàn giữ năm giới cấm của Phật, không một ai dám uống rượu; vì nếu uống rượu thì đời sau phải ngu si đần độn không thấy được Phật. Vả lại khi ra đi, cha mẹ tôi khuyên không nên uống rượu. Bây giờ tôi phạm giới cấm, thời trái mệnh lệnh của cha mẹ, tội ấy chẳng gì lớn bằng. Chúng ta là bạn thâm giao lâu ngày, được gặp nhau không gì mừng rỡ hơn nữa. Nhưng bạn chớ làm tôi phạm giới cấm của Phật và trái lời dạy của song thân tôi".
Người bạn tiếp lời: "Chúng ta là bạn đồng học một thầy, coi như anh em ruột; cha mẹ tôi cũng như cha mẹ anh, với cha mẹ, chúng ta có bổn phận kính thờ, không được trái mạng. Tôi nếu ở bên nhà anh là phải tuân theo ý muốn của cha mẹ anh, nhưng nay anh ở nhà tôi anh nên tùy thuận ý của cha mẹ tôi mới phải".
Trước sự khẩn khoản của lòng bạn, anh ta phải uống rượu, uống xong anh ta say luôn trong ba ngày, không biết gì, khi tỉnh anh ta ăn năn lo sợ vô cùng. Công việc xong, người ấy trở về nhà trình lỗi của mình cho cha mẹ rõ; cha mẹ tức giận mắng rằng: "Ngươi trái lời ta, phạm giới cấm thật là loạn pháp, không phải đứa con thảo". Tự nghĩ làm gương trước cho mọi người trong xứ, cha mẹ bèn thâu hết đồ đạc của đứa con, rồi đuổi ra khỏi nhà. Người con bị đuổi bèn đi qua nước khác, xin ở đậu trong một cái nhà. Chủ nhà ấy là người thờ phụng quỷ thần, thứ quỉ thần rất khôn ngoan, hay hiện ra thân người, ăn uống nói chuyện, chủ nhà ấy hết lòng tin tưởng với quỷ thần. Vì phải thờ phụng lâu năm mệt nhọc, của tiền hết sạch, trong nhà người đau chết xảy ra luôn, quỷ thần không cứu gì cả. Quỷ thần hiểu ý chủ nhà, liền bảo với nhau: "Nhà này của tiền hết sạch cũng chính vì ta. Đã lâu ta chưa làm gì được lợi ích cho chủ, nên chủ chán nản là phải lắm. Bây giờ chúng ta phải kiếm đồ trân bảo đem về biếu chủ, để chủ vui lòng". Nói rồi, cùng nhau đi lấy trộm vàng bạc trong kho nhà vua của nước khác, đem về dấu ở sau vườn rồi bảo chủ rằng: "Ngươi có công nhọc, nay ta muốn ban phước cho ngươi được giàu có. Sau vườn nhà ngươi có một tráp vàng bạc, ta cho ngươi đó". Chủ nhà ra vườn tìm thấy tráp vàng, sung sướng lắm, sáng sớm thiết tiệc rất long trọng mời thần tạ ân.
Thần vừa đến cửa, thấy trong nhà có bóng người ở nước Xá Vệ, liền tránh không đi vào. Chủ nhà chạy theo cố mời trở lại. Thần trả lời: "Trong nhà ngươi có vị Tôn khách ta đâu dám vào". Nói xong rồi tỏ vẻ sợ hãi rồi bỏ chạy. Chủ nhà nghĩ trong nhà chỉ có một mình người khách này thôi, liền

kính cẩn đến thưa rằng: "Xin mời ngài đến dự tiệc với chúng tôi cho vui". Ăn uống xong chủ nhà hỏi vị Tôn khách rằng: "Ngài có công đức gì mà vị thần của tôi thờ phụng sợ hãi ngài mà phải tránh đi?".
Vị Tôn khách trả lời: "Tôi chỉ có công đức thọ trì 5 giới và mười điều thiện của Đức Phật. Tôi vi phạm một giới uống rượu, bị cha mẹ đuổi, qua trọ tại đây. Nhưng còn giữ được bốn giới nên thiên thần ủng hộ, còn thần của ngươi thờ phụng là thứ tà thần ác quỷ làm sao sánh kịp".
Chủ nhà thưa rằng: "Tôi thờ các vị thần đã lâu rồi, không có lợi ích gì nên tôi chán quá, mong ngài hoan hỷ dạy cho". Nói rồi bèn theo vị Tôn khách thọ trì Tam quy Ngũ giới và pháp thập thiện. Thọ xong một lòng tinh tấn siêng năng phụng trì không hề hủy phạm. Một hôm hỏi vị Tôn khách rằng: "Đức Phật hiện nay ở đâu? Có thể đến yết kiến Ngài được không?" Tôn khách trả lời: "Đức Phật hiện nay ở nước Xá Vệ trong vườn Cấp Cô Độc, qua đó sẽ được yết kiến Ngài".
Nghe vậy, người chủ nhà rất sung sướng, quyết qua Xá Vệ để yết kiến Phật. Giữa đường trời tối ghé lại xin trọ một nhà thiếu nữ xinh đẹp. Thiếu nữ ấy chính là vợ của một con quỷ ăn thịt người. Thiếu nữ liền can rằng: "Ông chớ ở lại đây nên đi gấp tốt hơn". Người ấy hỏi có gì nguy hiểm chăng? Thiếu nữ tỏ ý không bằng lòng nói rằng: "Tôi đã nói với ông như vậy, ông còn hỏi làm gì nữa". Người kia tự nghĩ: "Người ở nước Xá Vệ chỉ giữ 4 giới của Phật còn khiến cho quỹ thần sợ hãi thay, huống chi ta đã thọ trì chắc chắn pháp Tam quy Ngũ giới và Thập thiện của Phật". Nghĩ vậy, nhất định ở lại không chịu đi. Đêm ấy con quỷ ăn thịt người về nhà thấy có khách oai thần và công đức trì giới nên phải lẩn quẩn ngoài hè, rồi đi trọ một đêm nơi nhà hàng xóm cách xa tới bốn mươi dặm. Sớm mai người ấy lên đường để qua Xá Vệ. Ra khỏi cửa ngỏ, thấy thây chết xương máu đầy đường, do quỷ ăn thịt người đã ăn xả.
Cảnh tượng ấy khiến người kia quá sợ hãi và hối hận rằng: "Nước ta sẵn đủ áo mặc, cơm ăn, nhà ở, không thiếu món chi ở trong nhà chẳng sướng hơn sao? Ta tưởng đến được yết kiến Phật và coi sự kỳ diệu của Ngài, ngờ đâu lại gặp hài cốt rùng rợn như vậy". Nghĩ xong chàng sanh ác ý, trở về khuyên người thiếu nữ kia theo mình trở về nước, cùng nhau chung sống trăm năm. Khi về ngay nhà thiếu nữ xin ở lại. Thiếu phụ hỏi: "Sao ông phải trở lui vậy?". Người kia đáp: "Hành kế không thành nên tôi phải trở lui, mong thiếu nữ cho tôi ở tạm một đêm". Thiếu nữ nói: "Ông ở đây chắc chắn phải chết vì chồng tôi. Chồng tôi là quỷ ăn thịt người và sắp về đến. Ông nên đi gấp tốt hơn". Người ấy không tin, năn nỉ xin ở lại cho được và trước sắp đẹp của thiếu nữ, người ấy khởi nhiều ý niệm không tốt đẹp, không còn tin pháp Tam quy Ngũ giới và thập thiện của Phật. Vị thiện thần hộ giới liền bỏ đi không ủng hộ cho người ấy nữa.

Quỷ ăn thịt người được dịp thuận tiện trở về. Thiếu phụ sợ chồng ăn thịt người kia tội nghiệp nên đem lòng thương hại, giấu người kia trong một cái lu. Quỉ bắt hơi người bảo vợ: "Mình có kiếm được thịt người phải không? Bây giờ ta thèm lắm". Vợ trả lời: "Tôi không đi đâu cả làm chi có thịt, sao hôm qua không thấy anh về?". Con quỷ nói: "Hôm qua trong nhà có vị Tôn khách nên ta phải đi tránh". Người ở trong lu nghe vậy càng thêm sợ hãi, đến nỗi không nhớ gì đến pháp Tam qui Ngũ giới của mình thọ. Người vợ hỏi tiếp: "Vì lẽ gì anh không kiếm được thịt?". Quỷ trả lời: "Vì trong nhà có đệ tử của Phật ở lại, nên thiên thần đuổi ta đi xa ngoài bốn mươi dặm, phải ngủ trống giữa trời một đêm rất là sợ hãi, đến bây giờ vẫn chưa hoàn hồn, cho nên không kiếm thịt được". Người vợ nghe vậy rất mừng thầm, mới hỏi chồng làm thế nào được nghe và phụng trì giới cấm của Phật?". Quỷ trả lời: "Bây giờ ta đói lắm, lấy thịt cho ta ăn đã, không nên hỏi việc ấy vội. Giới là pháp vô thượng chân chánh của Đức Như Lai, ta đâu dám nói đến". Người vợ cố năn nỉ: "Anh hãy vì tôi nói đi, tôi sẽ lấy thịt anh ăn". Giống quỷ tham ăn đã sẵn, thèm ăn lắm, lại thêm vợ cố hỏi, buộc phải nói Tam quy Ngũ giới cho vợ nghe.

Pháp Tam quy là:

1/ Quy y Phật

2/ Quy y Pháp

3/ Quy y Tăng

Ngũ giới là:

1/ Không sát sinh

2/ Không trộm cắp

3/ Không tà dâm

4/ Không nói dối

5/ Không uống rượu.

Khi quỷ vừa nói giới đầu, người vợ nghe liền định tâm lĩnh thọ, lần lượt nói hết 5 giới, thì vợ quỷ rất sung sướng nhất tâm chấp trì, và miệng đọc tụng không nghỉ. Người dấu ở trong lu nghe lại được pháp Tam quy Ngũ giới rất lấy làm hổ thẹn và vui mừng, tự tâm lãnh thọ trở lại.

Thiên Đế Thích biết hai người này đã phát tâm quy y Phật, thọ trì 5 giới, bèn lựa 50 vị thiên thần đến ủng hộ hai người ấy. Quỷ ăn thịt người sợ hãi phải trốn đi nơi khác.

Đến sáng, vợ quỷ hỏi người dấu ở trong lu: "Những chuyện vừa qua ông có sợ không?". Người kia trả lời: "Sợ lắm, nhưng được cái may là nhờ ơn ân giả, mà tôi ngày nay được hiểu biết oai thần và công đức giới pháp của Phật!".

Vợ hỏi quỷ tiếp: "Hôm qua ông trở lui làm gì vậy?".

- Vì tôi thấy hài cốt đầy đường nên quá sợ hãi phải trở lui.

Vợ quỷ mới nói rằng: "Hài cốt đó chính tôi bỏ đấy". Tôi đây vốn con nhà lương thiện, không may bị quỷ bắt đem về làm vợ, tôi buồn khổ vô cùng, nhưng chẳng biết tỏ cùng ai. Nhờ ơn nhân giả tôi được thọ năm giới cấm của Phật và được xa lánh con quỷ ác độc này thật là hạnh phúc cho tôi. Bây giờ nhân giả còn đi đâu nữa?
- Tôi cần qua nước Xá Vệ đế yết kiến Phật. Thiếu nữ nghe lấy rất làm sung sướng khen rằng: "Hay lắm thay! Tôi sẽ về nhà đem cha mẹ tôi theo nhân giả đi yết kiến Phật". Nói xong, cùng nhau lên đường. Đi được nữa đường thì gặp một đoàn 498 người ở bên nước Xá Vệ đi về. Người kia và thiếu nữ mới hỏi: "Các hiền giả đi đâu đông thế?".
- Chúng tôi đi yết kiến Phật về đây.
- Chúng tôi sắp qua nước Xá Vệ, chúng tôi nhờ thọ trì Tam quy Ngũ giới và mười điều thiện của Phật nên mới thoát khỏi nạn quỷ ăn thịt. Nay chúng tôi muốn qua yết kiến để tạ ơn và nghe thuyết pháp. Các hiền giả được thấy Phật rồi còn đi đâu làm gì nữa?
- "Phật thuyết pháp suốt ngày, nhưng chúng tôi ngu độn chưa hiểu được rõ. Nay trở về nước được gặp hai hiền giả và được nghe hai hiền giả cho biết công đức của người trì giới pháp của Phật. Chúng tôi xin theo hai hiền giả trở lui một lần nữa để yết kiến Phật".
Phật ở xa trông thấy đoàn người kéo đến liền mĩm cười chói tỏa hào quang năm sắc, tôn giả A Nan liền bước ra quì sát đất, trong tâm nghĩ ngợi, chắc Phật sắp dạy điều gì đây.
Phật bảo A Nan: "Ngươi có hiểu không, ngươi có thấy 498 người khi nãy trở về đây không?".
A Nan thưa: "Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy".
Đức Phật thuật lại tất cả việc xảy ra và bảo: "498 người đó ngày nay đã gặp được thầy và đã được thấy Phật, rồi đây họ sẽ đắc đạo không lâu".
Cả 500 người đến trước Phật đảnh lễ một cách rất thành kính và nhất tâm thính Pháp, mọi người đều được tâm ý thông suốt thành các bậc Sa môn và chứng được đạo quả A La Hán.
Phật dạy A Nan và chúng hội rằng: "Các người nên biết người phạm giới kia với thiếu nữ vợ con quỷ ăn thịt người là anh em trong nhiều đời vậy. Hai người này đời trước chính là thầy của 498 người kia đó, chớ không phải ai xa lạ".
Người đời phát tâm tu hành cầu đạo, thọ trì giới pháp, cần gặp được thầy hiền bạn tốt sự tu hành mới mong kết quả.
Phật dạy đến đây, các vị Tỳ kheo, 500 người ấy; và tất cả chúng hội đều sung sướng vui mừng, đảnh lễ Phật, và nguyện nhất tâm giữ gìn tịnh giới.
Chân Thuyên
Giới luật là thọ mạng Phật pháp

Giới luật còn Phật pháp còn.

Trọng Pháp

Đời xưa, có một vị đại quốc vương tên là Tu Lâu Đà, thống trị rất nhiều chư hầu nhỏ. Oai đức của nhà vua rất to, nhưng Ngài cũng chưa mãn ý. Một hôm Ngài nghĩ: "Ta có một khuyết điểm lớn. Mặc dù ta dùng đức trị dân, đem tài lực để giúp người, song đó chỉ là nuôi sống phần vật chất không được vĩnh cửu. Cần phải có một nền đạo giáo để trị muôn dân tu tỉnh. Ta phải tìm làm sao cho ra "Pháp tài chân thật" để cho mọi người cùng nhờ đó mà giải thoát được mọi sự khổ não ở đời. Được như thế ta mới khỏi ân hận".
Nhà vua liền truyền rao khắp trong xứ: Ai có phép giải thoát đem truyền trao cho nhà vua, sẽ được gia thưởng như ý muốn. Qua một thời gian khá lâu, không thấy ai đáp lại lời kêu gọi của nhà vua. Ngài đâm lo nghĩ, buồn rầu khổ sở, ăn không ngon, ngủ không yên. Người ngoài cuộc, ai trông thấy cũng phải cảm động và thương hại cho Ngài.
Lúc ấy, có một vị Tỳ sa môn Thiên Vương, rõ được tâm trạng của Tu Lâu Đà, bèn hóa hiện làm thân một con quỷ Dạ xoa hình sắc ai thấy cũng phải kinh tởm: hai con mắt lồi to và đỏ như huyết, nanh vuốt nhọn bén, tóc tai bờm xờm, lửa đầy miệng. Quỉ đến chỗ vua, hô to lên rằng: "Ai muốn nghe pháp ta sẽ nói cho".
Nhà vua nghe thấy mừng lắm, vội đến nghênh tiếp, mời ngồi tòa cao, làm lễ đúng pháp để cầu nghe quên cả sợ hãi.
- Xin Ngài vui lòng bố thí cho chúng tôi một pháp tài để cứu khổ cho nhơn sanh, ơn trọng vô cùng.
- Thân người khó được, chánh pháp khó gặp, đâu phải qua những nghi lễ tầm thường kém vẻ tôn trọng như vậy mà có thể nghe được.
- Tôi xin sẵn sàng làm theo ý Ngài muốn, chỉ cốt hầu được nghe pháp, dù phải tan thân mất mạng cũng không sao.
- Quý lắm, nhà vua hãy đem Hoàng hậu và Hoàng Thái tử đến cho ta xơi, xong rồi ta sẽ nói pháp cho nghe.
- Được tôi sẽ trân trọng làm theo ý Ngài muốn.
Trong khi ấy, tất cả triều thần đều nhao nhao phản đối: "Bệ hạ làm thế nhẫn tâm lắm, chúng tôi không tán thành! Bệ hạ giết chúng tôi trước, rồi sẽ thi hành cái cử chỉ thảm não ấy".
Nhà vua vẫn bình tĩnh, thản nhiên an ủi quần thần: "Các khanh yên lòng, ta cũng biết thế là đau xót lắm, nhưng trong đời, hễ có hợp rồi sẽ tan, không có gì là đáng quí cả, chỉ có chánh pháp mới là đáng quí, vậy dù đổi tánh mạng ta, ta quyết cũng không từ".
Trong khi quỷ Dạ xoa ăn thịt Hoàng hậu và Hoàng Thái tử, tất cả triều thần

cùng cung phi mỹ nữ trong tam cung lục viện đều kêu gào, than khóc vô cùng thảm não. Tiếng kêu than náo động cả kinh thành, mong làm chuyển được lòng cương quyết của nhà vua, để Ngài xóa bỏ ý định. Nhưng nhà vua vẫn điềm tĩnh như thường, chỉ một mực chăm chờ nghe pháp.
Quỷ Dạ xoa sau khi ăn xong Hoàng hậu và Hoàng Thái tử liền vì vua mà nói bài kệ rằng:
"*Tất cả các hành đều là vô thường,*
Có sanh đều có khổ,
Năm ấm không thật tướng,
Không ngã và ngã sở". [*1*]
Nhà vua nghe xong bài kệ vui mừng vô cùng, lòng không chút hối hận, liền truyền thần dân biên chép bài kệ ban khắp trong nhân gian, bắt phải đọc tụng, nhờ đó mà rất nhiều người được tỏ ngộ.
Lúc ấy, vị Tỳ sa môn Thiên Vương hiện lại nguyên hình và không tiếc lời khen ngợi:
- Quý hóa thay! Cao cả thay, tâm trọng pháp của nhà vua không ai sánh bằng. Hoàng hậu và Thái tử xin hoàn lại vẫn không sao cả. Chẳng qua là chỉ để thư lòng nhà vua mà thôi, thật không phải tôi đã ăn nuốt đi đâu.
Tôi mong ngày sau Ngài sẽ đạt đạo Bồ đề độ muôn loài hàm thức.
Làm đau thương không gì hơn buồn. Bắn tên độc không gì hơn ngu si. Không thể lấy sức mạnh gì trừ diệt được hai nỗi khổ ấy. Chỉ có học nhiều mới có thể trừ diệt được. Người mù sẽ nhờ học mà có mắt, người tối sẽ nhờ học mà sáng suốt. Nhờ học mới có thể chỉ đường cho mọi người. Có học như đem mắt cho người mù. Vậy phải rời bỏ ngục ngu si, xả lòng kiêu mạn và sự an hưởng giàu có, chuộng học nghe nhiều mới gọi là nhóm họp công đức.

Lòng Hiếu của con chim Oanh Vũ

Thuở xưa, ở núi Tuyết Sơn có một con chim Oanh Vũ, cha mẹ đều mù, thường đi tìm trái cây thơm chín, dâng cha mẹ dùng. Lúc bấy giờ, có vị điền chủ mới cấy lúa bèn phát nguyện rằng: "Lúa tôi đây, xin nguyện cho chúng sanh ăn dùng". Chim Oanh Vũ thấy vị điền chủ phát tâm bố thí như vậy, bèn thường bay xuống lấy lúa cúng dường cha mẹ. Người điền chủ đi xem lúa, thấy loài chim loài sùng phá hại lúa, bèn nổi giận đặt lưới bắt được chim Oanh Vũ. Chim Oanh Vũ thưa vị điền chủ rằng: "Trước đây ông có lòng tốt bố thí nên tôi mới dám lấy của ông, sao lại đặt lưới bắt tôi?". Người điền chủ hỏi: "Ngươi lấy lúa làm gì?". Chim Oanh Vũ đáp: "Tôi có cha mẹ mù, nên phải lấy lúa cúng dường". Vị điền chủ nói rằng: "Từ nay về sau, ngươi cứ lấy lúa mà dùng, đừng e ngại gì cả". Loài súc sanh còn biết hiếu thuận với

cha mẹ huống nữa là người.
Chim Oanh Vũ là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. Người điền chủ là tiền thân ông Xá Lợi Phất.
Trích: Phật Pháp

[*1*] *Tất cả vạn sự vật thế gian đều luôn luôn chuyển biến không ngừng, các hiện tượng chuyển biến ấy Kinh gọi là Hành. Các pháp do nhân duyên cấu hợp, không thật thể, không khác nào hình ảnh trên màn bạc. Người phàm phu không làm sao nhìn thấy sự thật của sự vật, luôn luôn chấp cho là thật cảnh, thật ra, nên khi được thì vui mừng, mất thì sanh đau khổ.*
Nên biết năm ấm (Sắc, thọ, tưởng, hành, thức) hòa hợp gọi là thân, song năm ấm biến chuyển không thường nên thân người thoạt còn thoạt mất, không có cái gì là "ta" cũng như không có cái gì là "của ta". Chẳng qua cũng như những bóng trong màn ảnh sân khấu, những giả ảnh trong chiêm bao mà thôi.
Chư Phật tỏ ngộ do đây, mà phàm phu mê muội cũng do đây vậy.

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập I - 10

Một Lòng Vì Đạo

Cũng một mùa xuân trong sáng đẹp đẽ như hôm nay nhưng là một mùa Xuân xa xăm lắm, một vị Quốc vương có tiếng nhân từ vui vẻ, ngự giá về các làng mạc thôn xóm, thăm viếng quần chúng và tặng quà tết cho kẻ nghèo. Ngài cùng chung vui với muôn dân. Đó còn là một dịp để nhà vua được tìm hiểu đời sống và tâm tình của dân.
Khi ra đi ngài vui vẻ bao nhiêu, khi trở về Ngài lại buồn rầu lo âu bấy nhiêu. Nhà vua thường khuyến khích mọi người phụng thờ Tam bảo, thực hành phép ăn chay, làm các việc thiện, hiếu thảo với cha mẹ, thuận hòa với anh em. Ngài tha sưu thuế cho tất cả những ai thực hành theo lời Ngài khuyên bảo.
Mọi người đều răm rắp làm theo.
Nhưng có ngờ đâu, bề ngoài họ mạng một lớp "đạo đức giả" để che đậy bao nhiêu điều xấu xa, hung ác, nham hiểm ở bên trong. Nhờ có cuộc kinh lý

trong ngày Xuân hôm ấy ngày mới thấu rõ được lòng người. Từ đó Ngài luôn luôn suy nghĩ để tìm một giải pháp cải thiện dân chúng một cách hoàn bị.
Một tuần sau gương mặt Ngài trở lại tươi vui như trước. Rồi khắp dân chúng được ban truyền sắc dụ của nhà vua: "Kể từ nay ai còn ăn chay niệm Phật sẽ bị tội xử tử, còn người nào không theo đạo Phật được tự do, an phần chức nghiệp".
Đương nhiên những kẻ dã tâm đều trở lại hành động như cũ, không còn phải che đậy một chút gì.
Tuy thế, sáng kia người ta dẫn đến sân triều một cụ già tả tơi yếu đuối, cụ này đã không tuân lệnh nhà vua vẫn quy ngưỡng theo đạo Phật. Cụ nghĩ rằng: "Lâu nay ta nghèo khổ trọn ngày chỉ có một bữa cơm rau nhưng được quy y Tam bảo, được nghe giáo lý của Chư Phật, lòng ta sung sướng vô cùng. Còn dẫu sống một cuộc đời sung túc trên châu báu ngọc ngà hay có được lên cõi Thiên đàng hưởng thụ mãi mãi cuộc sống Thần tiên đi nữa mà không được nghe đến một câu kinh, Phật, đối với ta cũng chỉ là ngục hình".
Cụ già khẳng khái tâu:
- Tâu Bệ hạ, bần dân này đã có tội không tuân lệnh của Ngài xin Ngài cứ việc chặt đầu.
Nhà vua phán:
- Nếu người biết tự hối và thi hành theo sắc lệnh mới của Trẫm, Trẫm sẽ tha tội và phong chức tước cho. Còn kẻ làm dân mà không tuân theo quốc pháp Trẫm sẽ xử chém đặng răn kẻ trái phép về sau.
- Tâu Bệ hạ, nếu bỏ chánh pháp mà làm đến bực vua chúa, hưởng thụ tất cả mọi khoái lạc trong cõi Nhân Thiên, bần dân này cũng không ham.
- Ngươi cãi lệnh ta sẽ truyền đem xử tử ngay tức khắc.
- Tâu Bệ hạ, trong Kinh Phật có dạy: "Nếu chúng sanh tự gieo mình vào ba đường ác thì khó được làm người và có làm người chăng nữa cũng không thể sanh vào nước có đạo đức, không xem được Kinh Phật, không gặp được các cao Tăng để cúng dường và nghe pháp". Nay tôi được biết pháp Tam bảo, hiểu được chút ít Kinh Phật, vậy có lẽ kiếp trước tôi đã dày công tu luyện lắm. Thế thì dẫu Bệ hạ có bỏ tôi vào nước sôi hay nung vào lửa đỏ đi nữa tôi vẫn giữ trọn một niềm theo Tam bảo mà thôi.
- Ngươi là ai mà còn khí khái với ta? Trước cái chết mà vẫn còn hùng hổ.
- Tôi tên là Thanh Tiến Sử, tâu Bệ hạ cứ việc xử tội, tôi không bao giờ oán than hay van xin một điều gì.
Quân sĩ hãy đem chém ngay ông lão Thanh Tiến Sử nầy.
Rất nhanh, các tên lính xáp đến dẫn cụ già ra pháp trường.
Trước pháp trường, bên cạnh những lưỡi gươm sáng quắc đang sẵn sang đưa lên cổ, Thanh Tiến Sử vẫn thản nhiên vui vẻ và khuyên người con trước khi

vĩnh biệt: “Con ơi! Con sanh gặp thời có Phật pháp, biết sùng bái Tam Bảo là một điều phước đức của con. Con hãy vững dạ tu học, noi gương cha đây, dẫu đầu cha phải rơi vì sắc lệnh nghiêm ngặt của nhà vua. Cha vẫn vui lòng và quyết theo Chánh đạo không bao giờ lãng bỏ”.
Vừa dứt lời, vị cận thần truyền cho quân lính dẫn cụ trở về triều.
Khi vị cận thần về tâu lại lời khuyên con của Thanh Tiến Sử, nhà vua rất cảm động và vô tình những dòng nước mắt tươm chảy trên đôi má nhăn nheo của vị vua hiền đức. Ngài bước xuống bệ rồng ra tận cửa thành ôm lấy Thanh Tiến Sử. Mọi người đều ngạc nhiên. Cụ già cũng trố mắt nhìn vua vì không hiểu chuyện gì. Nhà vua đưa cụ vào cung một cách ân cần vui vẻ, song Thanh Tiến Sử cũng chưa rõ điều gì nên chỉ biết cúi đầu sát đất lạy tạ ơn vua. Nhà vua liền đỡ lấy tay Thanh Tiến Sử rồi thân mật bảo: “Trong quốc dân này chỉ có một Thanh Tiến Sử! Chỉ có một Thanh Tiến Sử thuần thành theo Phật pháp, quyết một lòng vì đạo. Ngoài ra đều giả dối, đều vụ lợi. Chiếu dụ của Trẫm ban ra chỉ cốt để thử lòng người mà thôi. Vậy từ nay xin ngươi hãy sống cùng Trẫm, giúp Trẫm trong việc truyền bá Phật pháp thức tỉnh nhân tâm”. Rồi cả hai chuyện trò vui vẻ. Sau đó nhà vua phong cho Thanh Tiến Sử chức Tướng quốc.
Câu chuyện ấy được truyền tụng trên môi quần chúng lan ra tận các hang cùng ngõ hẻm, và cũng từ đó tiếng chuông cảnh tỉnh ngân vang trong tâm hồn mọi người.
Chẳng bao lâu dân chúng được sống trong cảnh êm ấm, thân yêu, an hòa, vui vẻ, ai ai cũng đều quay về với Đạo Phật.
Vị Quốc vương ấy chính là tiền thân của Đức Thích Ca.
Đức Thượng
Thà có đạo đức mà chết, chớ không chịu mất đạo đức để được sống.

Nai Hiền

Ngày xưa…
Ngày xưa trong một khu rừng ven bờ sông Hằng Độ, xuất hiện một con Nai hiền. Nai đẹp vô cùng, sừng màu trắng vươn cao như pha lê lóng lánh: da óng ánh vàng như gấm đính thêm từng hành minh muôn màu. Cả thân hình Nai thanh tú ấy có thể đã tập trung hết mọi vẻ đẹp của trần gian. Nhưng đôi mắt Nai buồn lắm thế? Có cái chi u ẩn như thương cho cuộc sống mê lầm. Nai chính là hiện thân của một vị Bồ tát. Nai nghe và nói được tiếng người. Thú trong rừng thương Nai, quay quần bên Nai như một bà mẹ hiền, theo lời Nai như một bậc thầy sáng suốt. Nai đem tình thương hòa vào cuộc sống muôn loài, núi rừng vì thế ít nhuộm màu hồng, con cháu trong rừng chỉ ăn cỏ cây.

Vốn biết thân mình là một miếng mồi thế nhân hằng ao ước, Nai chỉ ở trong rừng sâu, không để cho loài người được thấy. Những đêm trăng sáng. Nai vui cùng muôn thú cảnh thanh bình. Nhưng mà nếu cuộc đời chỉ là có thế thì còn đâu nước mắt đầy vơi?
Có một sáng mùa thu, rừng vừa qua cơn mưa lớn. Nước sông Hằng chảy mạnh. Những dòng suối nhỏ từ lâu vẫn hiền hòa róc rách giữa những triền đá trắng phau, hôm nay mở rộng bờ hung hăng như trăng lớn phun nước vào dòng sông cả. Nai đủng đỉnh xuống bờ sông uống nước.
Nhìn dòng nước cứ mãi tuôn đi, bọt trắng tóe tung trên mặt sông một màu xanh biếc, Nai bỗng thấy lòng ngập tràn chua xót. Không biết bao giờ vạn vật mới thôi quay cuồng trong bóng tối vô minh để trở về với thanh tịnh? Nai tử nhủ: "Nếu cần thì thân này có tiếc chi?".
Bỗng một tiếng kêu cứu từ xa vọng lại:
- Ai cứu tôi với! Trời ơi, tôi sẽ chết mất giữa dòng sâu.
Tiếng kêu càng lúc càng rõ. Nai ngước mắt nhìn ra giữa dòng sông Hằng hung bạo: Một người đang chới với trên một thanh củi mục. Có lẽ y đã chìm đò ở phía trên kia và nhờ niú được thanh củi mục mà khỏi chết. Nhưng tình thế thì cũng đã ngặt nghèo lắm. Y nổi lên chìm xuống, đôi tay co quắp một cách tuyệt vọng. Chắc sức cũng đã yếu rồi. Tiếng kêu càng lúc càng khan, mất dần trong tiếng reo hát điên cuồng của sóng nước. Nai biết giờ phút quyết định sự sống còn của người kia đã đến. Không lẽ làm ngơ? Lòng Bồ tát bỗng dạt dào một tình thương cao cả. Đau khổ của người là đau khổ của mình, cứu người là tự cứu mình. Nhìn người quằn quại ai thấy vui chi?
Nai lao nhanh xuống dòng nước lũ. Tình thương đã làm nên tất cả. Không quản nhọc nhằn và nguy hiểm, Nai lướt qua sông lớn và cõng người kia lên bờ. Người kia tỉnh lại, ngạc nhiên vô cùng khi biết một con Nai đẹp đã cứu mình thoát nạn. Quá cảm động y quỳ xuống đội lên đầu công đức của Nai. Y nói:
- Hỡi vị Nai thần, tôi không biết làm sao để nói tất cả tấm lòng. Ngài đẹp lắm, nhưng chính lòng vị tha của Ngài mới đẹp hơn cả. Kể từ nay, thân tôi là của Ngài, tùy Ngài sử dụng.
Nai hiền rưng rưng nước mắt. Quả thật không ngờ lại có người biết ơn đến thế. Nai nói:
- Ông ơi, tôi tưởng sẽ không bao giờ tìm được một người tốt ở cõi thế sa đọa này. Lòng biết ơn của ông đã làm cho tôi vô cùng sung sướng. Nhưng nói làm chi đến chuyện trả ơn. Ông còn vợ con ở nhà, không nên nán lại đây lâu, chắc họ đang nóng lòng chờ đợi. Nhưng ông đừng đem chuyện gặp tôi đây mà nói lại với ai, họ sẽ không ngại gì mà đến tìm bắt tôi. Hãy sống vì đời, vì người. Là thú rừng, tôi không biết nói lời gì đẹp đẽ hơn.
Người kia hứa chắc với Nai, xá tạ xong y lên đường về chốn cũ.

Lúc y về đến thành chính là lúc Hoàng hậu vừa chiêm bao thấy một con Nai vàng kỳ dị. Bà thấy trên một ngôi báu cao sang có một con Nai hiện đang giảng pháp bằng tiếng người. Mình Nai gắn đầy châu ngọc, da Nai óng ánh như những lớp gấm đẹp nhất của đời. Hoàng hậu liền đem chuyện ấy thỏ thẻ với nhà vua.
Bà nói:
- Tâu Bệ hạ, thần thiếp nghĩ không còn vật chi quý giá hơn con Nai vàng trong mộng ấy. Nếu vườn thượng uyển này mà có nó… trời ơi, Bệ hạ hãy tìm cách bắt đi!
Vua tin ngay lời Hoàng hậu, ở đời đã có được mấy người đàn ông không nghe lời vợ, không nghe lời thỏ thẻ của một người đàn bà, nhất là người đàn bà đẹp? Thế là vua cho truyền khắp nước:
"Trong sử có chuyện một con Nai vàng mình đầy châu ngọc. Đã nhiều người thấy nó, nhưng không biết bây giờ ở đâu. Nếu ai bắt được, hay chỉ cho người khác bắt, vua sẽ thưởng cho quyền cai trị một làng giàu có và vô số bạc vàng".
"Quyền cai trị một làng giàu có và vô số bạc vàng". Ai mà không ham? Người được Nai cứu lắng nghe cho rõ lời truyền rao của vua rồi bất giác y nhìn xuống chiếc áo đã sờn, đôi hài há miệng: Y nghèo quá! Một tiếng thở báo trước cơn giông tố của lòng. Y biết chắc chắn vợ con y đã hai hôm rồi nhịn đói. Ngay những lúc có y ở nhà, nai lưng người ra đổi lấy bát cơm, gia đình y vẫn không lúc nào no đủ, huống hồ là y đã đi vắng những hai ngày. Y nhắc lại lời truyền rao: "Nếu ai bắt được, hay chỉ cho người khác bắt, vua sẽ thưởng cho quyền cai trị một làng giàu có và vô số bạc vàng". Có thể như thế được không? Sung sướng giàu sang đến thế ư? Trong lòng con người vừa thọ ơn bỗng nổ ra một trận chiến gay go giữa tham lam và đức hạnh. Đức hạnh như nói với y: "Anh có thể quên được công đức của Nai hiền sao? Nếu không có Nai thì bây giờ có anh không? Cứ bội ước đi rồi không còn một kiếp nào anh cất đầu lên được!". Nhưng tham lam nhỏ to than thỉ: "Hãy chỉ chỗ của Nai đi! Anh sẽ được vinh hoa phú quí, vợ con anh sẽ được no đủ".
Lòng y thật như guồng chỉ rối. Y không biết nên theo đạo đức hay giàu sang, trung thành hay phản bội. Con quỷ tham lam gớm guốc vẫn cứ kề bên than thỉ. Cuối cùng, quỷ tham đã thắng. Một chút lương tâm còn nuối lại trong lòng, y tự nhủ:
- Ta quyết chỉ chỗ Nai ở cho nhà vua. Kể ra thì cũng tàn nhẫn thật nhưng còn dịp nào để được giàu sang. Bạc tiền và danh vọng trên hết!
Y cười lên sặc sụa, cái cười khoái trá của một con người sắp thỏa mãn. Nhưng y có biết không, bắt nguồi từ cái cười ấy, gương mặt y từ hiền lành chất phát bỗng trở thành gớm ghiếc lạ thường. Nếu soi gương, chắc y ngạc

nhiên về sự đội thay của mình lắm.
Y vào cung tâu vua biết chỗ ở của Nai hiền. Như mở nước cờ, vua ra lệnh đi săn Nai ngay buổi chiều ấy, khu rừng bị quân lính nhà vua vây kín. Từng đàn chó dữ ào ạt sủa cắn vang động cả một vùng. Chúng lục lội từng hóc núi, bụi lùm. Tiếng kèn săn rền vọng lên như một lời kết tội.
Nai choàng dậy trong giấc ngủ. Sau cơn hoảng hốt ban đầu, Nai biết mình không thể thoát khỏi tay người hung ác. Cũng vừa lúc ấy, vua và người được Nai cứu đến kề bên.
Y đưa tay chỉ chỗ cho Vua:
- Đó, Bệ hạ xem, con Nai vàng kỳ dị!…
Những tia nắng cuối của chiều thu chiếu lên mình Nai lộng lẫy, từng hang châu ngọc lóe sáng muôn màu. Vua say nhìn Nai đẹp. Cung tên đã sẵn sàng, bọn lính định bắn quị linh thú, nhưng vua ngăn lại:
- Đừng bắn, hãy bắt sống cho ta!…
Nhưng chưa đuổi bắt thì Nai đã tự dẫn mình đến trước mặt vua và nói lớn:
- Thưa Ngài, tôi không hiểu tại sao Ngài có thể tìm được chỗ trú của tôi!
Nhà vua ngạc nhiên – có thể nói là sửng sốt – vì Ngài chưa từng thấy Nai nào lại biết nói tiếng người. Vua đáp:
- Hởi Nai thần, chính người này đã chỉ cho ta.
Mặt Nai và vua đồng một lúc quay về người được Nai cứu. Bỗng nhà vua kêu lên kinh hãi: mặt người kia chỉ trong một khắc trở thành lở loét gớm ghê. Mủ máu chan hòa trên gương mặt trước kia hiền lành chất phát.
Nai lên tiếng giảng:
- Thưa Ngài không có gì lạ cả. Đó chính là cái quả báo mà nguyên nhân là sự vong ân của y. Thưa Ngài, người này trước kia đã được tôi cứu khỏi chết đuối, nhưng y đã quên lời hứa mà chỉ chỗ của tôi cho vua. Tham lam đã làm mờ mắt nhân gian. Trong bóng tối vô minh ác nghiệt con người quên hết liêm sĩ và ân tình. Ôi tham lam, gốc nguồn của bao tội lỗi! Vua chợt hiểu. Ngài bỗng thấy ghét cay ghét đắng người được cứu. Quay mũi tên về phía y, vua hét lên dữ dội:
- Kẻ vong ân bội nghĩa kia, mi đã làm nhơ nhuốc danh người. Ta quyết vì đời cho mi chết! Dây cung trương lên, nhưng Nai hiền đã đến chận phía trước. Mình Nai đã biến thành bình phong che chở cho người kia đang run như một cái đuôi thằn lằn. Nai nói với vua:
- Không nên Ngài ạ! Quả báo bao giờ cũng đến với người gây nhân như hình với bóng. Không cần và cũng không có một người nào thưởng phạt hay định đoạt quả báo cả. Chính gương mặt lở loét kia đã trừng phạt y nhiều lắm. Tôi xin Ngài hãy tha cho y. Phần tôi, tôi đang chờ Ngài quyết định.
Vua bỗng thấy ánh sáng đạo. Ngài thấy kính phục Nai hiền cùng tột. Ngài kêu lên:

- Đối với kẻ mưu hại mình Nai còn tỏ lòng từ bi cao cả như thế. Nai ơi, trong lốt thú rừng man dã ấy, chính Nai mới thật là người, một con người đúng nghĩa. Còn chúng tôi đây, Tuy mang lốt người, nhưng quả thật chưa bằng muông thú.
Rồi vung tay ra hiệu, vua hét vào tai tên phản bội:
- Ta tha cho ngươi. Hãy đi đi, đi cho khuất loài người.
Y lầm lũi bỏ đi, mặt cúi gầm xuống đất. Bóng y đổ dài trên nền cỏ rừng, lưng y quay lại phía mặt trời, y đang bước lần, bước lần vào bóng tối…
Vua nói với Nai:
- Thưa Ngài, Ngài đã hoàn toàn tự do. Từ nay, không ai trong nước này lại động đến thân Ngài nữa.
Về phần tôi, những lời cao đẹp của Ngài đã làm tôi trong phút chốc giác ngộ được chân lý. Tôi sẽ khắc những lời đó vào tim và đem chí hướng từ bi của Ngài gieo vào lòng nhân loại.
Thế rồi vua từ giả Nai, kéo quân về chốn củ. Rừng trở lại thanh bình như xưa. Người và vật từ nay hiểu nhau, không còn tìm cách sát hại nhau nữa. Rừng già thổi vọng tiếng kèn săn hung hăng, máu hồng thôi hoen trên cỏ màu xanh. Con cháu trong rừng ngày một đông thêm, phơi phới lớn lên, không lo loài người tàn bạo.
Và đêm đêm, lúc trăng ngà dọi bóng xuống rừng hoang, đàn thú hiền lành quây quần chung quanh Nai như để nghe lời giảng đạo.
Huyền Thanh
Ở hiền thì gặp lành,
Hễ ai làm dữ tan tành ra tro.

Năm Giọt Mật

Ngày xưa có một tên tử tù vừa vượt thoát khỏi lao ngục, chạy bán sống bán chết. Đàng sau hắn, hai con voi say đang đuổi theo, do sự tổ chức truy nã của nhà cầm quyền.
Trong cơn hốt hoảng, chẳng may hắn ta rơi tõm xuống một cái giếng sâu ở dọc đường.
Nhưng trong cái rủi ro cũng còn được chút may mắn: Khi thân mình chưa rơi tới đáy, không biết quờ quạng vùng vẫy như thế nào mà hắn ta níu được một cái rễ cây mọc thòng xuống giếng.
Hú vía ! qua giờ phút nguy ngập ấy, hắn tưởng chừng như đã yên thân: hai con voi sẽ chẳng biết mình ở đâu mà tìm. Nhưng ý nghĩ ấy thoạt biến mất theo hơi thở: hai con voi say đã đến bên miệng giếng, gầm rống vang động, hút phăng tất cả những cây cỏ mọc trên miệng giếng như để thị uy.
Nếu hắn mà lên thì phải chết!

Hắn hốt hoảng quá. Nếu sợi dây đang đeo mà đứt thì thật là chắc chết mười phần. Hắn ta tính phăng tuột lần xuống đáy giếng để may ra có chút hy vọng nào không. Nhưng bất đồ nhìn xuống đáy giếng sâu thẳm, hắn ta thấy ba con rồng đang múa vuốt, giơ nanh, miệng phun lửa dữ, như muốn bay đến nuốt trửng hắn. Điếng hồn, hắn đành phải cố bám chặt sợ dây, đeo lủng lẳng giữa chừng. Nhưng có phải được vậy là yên thân đâu? Ác nghiệt làm sao, kề trên miệng giếng, hai con chuột cống xù, một đen một trắng, đang đua nhau ráp cắn sợi dây. Ác nghiệt hơn nữa là bao quanh thành giếng, theo những lỗ trũng gần hắn nhất, bốn con rắn độc bây giờ xuất hiện, ngóc đầu, thè lưỡi toan mổ.
Những biến cố dồn dập xẩy tới tấp làm cho hắn ta hết phương trốn tránh, ý nghĩ liều mạng lại hiện đến: bề nào cũng không khỏi chết, thà leo ngược trở lên mặt đất, rồi bỏ chạy, dù có chết cũng còn thây. Thế là hắn ráng phăng lần leo ngược trở lên. Khốn khổ quá, phần lo sợ, phần đuối sức, bồ hôi bồ kê ướt dầm. Miệng khô cổ cháy, hắn ngước mặt lên trời mà than rằng: "Trời sao nỡ hành hạ ta đến nông nỗi này".
Càng mệt, càng thở, hơi thở càng lúc càng ngắn dần; thở bằng mũi không kịp, hắn phải há miệng để thở phụ, trong giờ phút mạng cùng tuyệt vọng ấy, bỗng một bầy ong mật bay ngang qua làm rơi vào miệng hắn 5 giọt mật… Hắn ta chíp ngay, chắp chắp thấy ngon ngon… mê tít… và trong giây phút, quên mất bao nhiêu sự nguy nan đang bao vây hắn…[1]
Người ta có thể quên bẳng đi được tất cả bao nhiêu khổ sở, đau đớn, khi người ta nhận được chút ít an ủi bằng Danh lợi, Tiền tài, Sắc đẹp, Tiếng khen, Ăn ngon, Ngủ kỹ.
Chỉ vì năm giọt mật "Ngũ dục" không đáng giá trong lòng lúc dục vọng đang khao khát trông chờ, mà người trong giếng có thể quên đi được bao nhiêu sự nguy hiểm đang bao bọc quanh mình; loài người vì năm món dục lạc mà quên đi tất cả những gì khổ não, tạm bợ, mạng sống không khác nào như chỉ mành treo chuông!

Đức Phật với Con Voi dữ

Thời kỳ Phật hành đạo tại thành Vương Xá, kinh đô của Vua A Xà Thế, vua A Xà Thế rất tham lam hung bạo, đã sát hại vua cha để dành ngôi báu. A Xà Thế lại hay thù ghét và manh tâm làm hại những kẻ trung lương nên thường lập vây cánh bè đảng làm hậu thuẫn.
Trong số bè cánh nhà vua lại có Đề Bà Đạt Đa em họ Đức Phật. Vị này cũng sẳn lòng ganh tỵ với kẻ khác, thấy Đức Phật được nhiều người cung kính, Đề Bà Đạt Đa cũng giả cách tu hành như Phật, nhưng không hề được ai cung kính, nên tức giận muốn tìm cách hại Phật. Nhưng những điều không may có

bao giờ đến với những người có lòng từ bi cao cả, đấng Giác ngộ đã tu hành trong nhiều kiếp. Nhưng chứng nào tật nấy, ông liền liên kết với vua A Xà Thế cầu xin nhà vua cộng tác trong việc sát hại Phật. Nhờ sự bằng lòng của nhà vua, nên Đề Bà Đạt Đa đến tại sở nuôi voi năn nỉ với bọn nài: "Ta đây là bạn thân với nhà vua, các người giúp ta việc này, ta sẽ xin nhà vua cho lương cao chức lớn. – Sáng mai thầy Gotama (Đức Phật) sẽ đi trì bình khất thực qua đây, các ngươi cứ việc thả voi hung dử Nalagiri ra để làm thịt thầy".

Sáng hôm sau, Đức Phật cùng một số đệ tử đi vào thành Vương Xá để trì bình khất thực, trông thấy bóng Ngài, bọn nài thả voi Nalagiri ra. Dân chúng nội thành phải tán loạn, dày xéo nhau mà chạy, lo sợ cho tánh mạng của mình, kẻ leo lên cây người núp ở tường cao nhà kín. Sau khi đã tìm được chỗ ẩn núp chắc chắn, những con mắt hiếu kỳ hay lo sợ cũng cố tình mắt để nhìn cho được sự việc sắp xảy đến.

Voi thấy bóng người đàng trước, nó cong đuôi, thẳng vòi chống tai xông tới như vũ bão. Các vị đệ tử thấy cơ nguy mới bạch với Đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con voi Nalagiri nó có tánh hung dữ và thù ghét loài người đã đến nơi kìa! Đức Phật vẫn thản nhiên dạy rằng:

- Này các Tỳ kheo, các người không nên sợ hãi. Không bao giờ một vị Chánh Giác phải chết vì một tai nạn ghê gớm như thế. Những đấng Như Lai chỉ tịch diệt khi thì giờ đã đến bằng cái chết tự nhiên và vẫn sống mãi trong tâm linh mọi người.

Trong khi ấy có tiếng bàn tán nhỏ to của mọi người đang ẩn núp. Những kẻ thiếu đức tin, u mê cho rằng: đó là một sự hy sinh vô lý, nên thốt ra những câu đầy mỉa mai:

- Chà, uổng quá, vị Sa môn kia trẻ đẹp như thế mà lại hy sinh cho con voi hung dữ giết hại thì thiệt là một việc dại khờ.

Nhưng nhóm người có đủ đức tin hơn là hiểu biết chân lý đôi chút thì cho rằng: đó là một cuộc thử thách, sự tranh đấu giữa loài vật với vị Từ phụ của loài người.

Voi hung hăng đã phóng tới trước mặt Đức Phật, mọi người phập phồng lo sợ. Nhưng Ngài vẫn điềm nhiên đem tất cả lòng Từ bi vô lượng để đối lại với sự hung dữ của con voi. Voi như bị một sức thôi miên huyền bí, từ từ hạ vòi và quỳ ngay trước mặt Ngài.

Đức Phật dịu dàng thoa vào đầu quy y cho voi và nói:

- Này voi ơi! Ngươi nên ăn ở hiền lành để đạt đến an vui chớ nên hung hăng như trước nữa.

Voi như hiểu được lời Ngài, từ từ lấy vòi hút tất cả bụi đã bám vào châm Ngài và rải lên khắp đầu nó như để chứng tỏ nó đã biến ăn năn và xin phục thiện. Đoạn cúi đầu đảnh lễ Ngài rồi trở về chuồng cũ.

Từ đó về sau voi Nalagiri trở nên hiền lành dễ thương. Và đó cũng là một trong những nguyên nhân làm cho Đề Bà Đạt Đa biết hối hận! Vua A Xà Thế biết trở về với Chánh Pháp.
Tiến Mạnh

Công Chúa Nhật Quang

Công chúa Nhật Quang là con thứ hai của vua Ba Tư Nặc nước Xá Vệ. Công chúa rất đẹp, một vẻ đẹp thùy mị hơn hẳn các thiếu nữ đương thời ở nước Xá Vệ; Công chúa lại rất thông minh học đâu nhớ đấy. Không những công chúa sắc sảo về môn nữ công mà còn tinh thông các triết lý học thuật; đức hạnh công chúa cũng quán chúng, tuy sanh trong giai cấp vua chúa cao sang, nhưng vẫn giữ thái độ khiêm tốn nhã nhặn, nhất là đối với hạng nghèo khổ tật nguyền, công chúa thành thật yêu mến và luôn luôn tìm cách giúp đỡ. Vì thế nên công chúa được rất nhiều người kính trọng. Người nào đã hân hạnh gặp công chúa một lần, họ sẽ nhớ mãi nụ cười hiền hòa và lời nói thanh tao của công chúa. Đối với cha mẹ, công chúa thật là người con hiếu hạnh, nàng hầu hạ vua và hoàng hậu hết sức chu đáo, và không bao giờ nói một lời hay làm một việc trái ý vua và hoàng hậu.
Ba Tư Nặc vương được một người con xứng đáng như vậy, vua rất cưng quý, có thể nói công chúa Nhật Quang là viên ngọc vô giá của vua nước Xá Vệ. Những cuộc quan sơn ngoạn thủy của vua, công chúa đều được tham dự, mỗi khi quốc sự rảnh rang, nhà vua thường đòi công chúa đến hầu chuyện, hỏi những vấn đề thắc mắc công chúa đều trả lời trôi chảy, nhà vua rất đẹp dạ.
Một buổi chiều nhà vua đang dùng trà tại vườn ngự uyển, có công chúa đứng bên cạnh, nhà vua nhìn con rồi vui miệng phán rằng: "Khắp nước Xá Vệ này không ai được hạnh phúc bằng con, đời con được như thế thật là hoàn toàn nhờ sức của cha mẹ tác thành vậy".
Công chúa Nhật Quang thành thật trả lời: "Tâu phụ vương, công ơn sanh dưỡng của Phụ hoàng và Mẫu hậu như trời bể con không hề dám quên. Nhưng đời con được hạnh phúc như thế này, con thiết tưởng cũng có ảnh hưởng của cha mẹ một phần nào, nhưng phần lớn nhờ kiếp trước con đã tu nhân tích đức nhiều vậy".
Câu nói của công chúa không ngờ đã chạm lòng tự ái của vua Ba Tư Nặc quá mạnh, vua liền đứng dậy, lặng lẽ trở vào cung.
Đêm hôm ấy, nhà vua không hề chợp mắt, suy nghĩ mãi lời nói của công chúa, và vua rất bực tức, đứa con yêu và ngoan ngoãn của mình chưa bao giờ trái ý mình dù là một cử chỉ nhỏ nhặt, hôm nay lại xúc phạm đến lòng tự ái của mình, có thể nói là không thừa nhận một lý thuyết (nghĩa là hạnh phúc

của con hoàn toàn do cha mẹ tác thành) mà ông cho là muôn đời bất biến và ai cũng phải công nhận.
Muốn bảo thủ thành kiến của mình, nên mới sáng tinh sương, Ba Tư Nặc vương liền đòi viên cận thần thân tín bảo rằng: ta cần một thanh niên trạc tuổi công chúa Nhật Quang mà hiện sống trong một cảnh nghèo hèn, cơm không có ăn, áo không đủ mặc, ngươi phải tìm cho ra một người có đủ điều kiện ấy, dẫn về đây cho ta.
Ba ngày sau, viên cận thần dẫn về một thanh niên hành khất, mặt mũi khôi ngô, nhưng trong người chỉ mặc vỏn vẹn một chiếc khố rách đến yết kiến vua Ba Tư Nặc. Vua rất mừng ban thưởng viên cận thần xong, quay lại hỏi thân thế thanh niên hành khất rồi bảo rằng: Ta thấy ngươi nghèo khổ, chưa có gia thất, nay ta đem công chúa Nhật Quang gả cho ngươi, ngươi được quyền dẫn công chúa đi đâu tùy ngươi.
Thanh niên nghèo khổ kia không biết trả lời ra sao chỉ cúi đầu vâng lệnh.
Vua lại kêu công chúa Nhật Quang đến phán rằng: hôm kia con đã nói: "Hạnh phúc của con hiện tại phần lớn là do con đã tu nhân tích đức ngày trước. Nay ta muốn thí nghiệm lời ấy, nên ta đã gả con cho một thanh niên hành khất, nếu con có phước báo thì con cũng trở nên giàu có sung sướng. Con hãy sửa soạn ngày mai lên đường với chồng con, khi nào có chiếu chỉ mới được trở về cung".
Với nét mặt đầy nghiêm nghị của Vua Ba Tư Nặc vương, công chúa không dám nói gì, chỉ yên lặng trở về hậu cung.
Sáng ngày công chúa vào lạy cha mẹ, từ biệt mọi người, rồi bình tĩnh ra đi với thanh niên hành khất.
Hoàng hậu và thần dân đều thương xót và khóc lóc, lo ngại cho số phận công chúa, nhưng ý vua đã quyết nào ai dám mở lời khuyên can!
Ra khỏi hoàng cung, công chúa hỏi thanh niên hành khất rằng: Cha mẹ chàng đâu? Nhà cửa chàng đâu? Vì sao chàng lại nghèo khổ đến thế?
Thanh niên buồn rầu đáp: "Gia đình tôi trước cũng giàu có, vì được cha mẹ cưng quý, tôi tiêu xài hoang phí, ham chơi bời với chúng bạn, có học tập nhưng không đâu đạt gì, đến khi cha mẹ qua đời, tôi bán hết ruộng đất nhà cửa, hiện nay chỉ còn một sở vườn cách đây ba trăm dặm cỏ lác mọc đầy, cho người ta mướn họ không mướn, bán họ không thèm mua, hết của cải, không nghề nghiệp không biết nghề gì nuôi thân, nên phải hành khất độ nhật. Hôm nay tôi đang lang thang giữa đường, thì gặp một vị quan của vua, ông ta hỏi cặn kẽ về gia thế tôi, rồi ông dẫn tôi yết kiến nhà vua, không biết gì sao nhà vua lại đem công chúa gã cho một kẻ nghèo hèn như tôi?".
Vẫn nét mặt ôn hòa công chúa nói với thanh niên hành khất rằng: "Dù sao từ nay chúng ta cũng đã là vợ chồng, chúng ta phải tìm phương kế làm ăn và trước hết phải tìm nơi tạm trú".

Không biết tìm chỗ nào khác, nên công chúa và thanh niên hành khất liền dẫn nhau đến sở vườn của cha mẹ thanh niên để lại - thật là một mảnh vườn hoang phế, cỏ lác um tùm sỏi đá lởm chởm. Hai người bàn định cắt cỏ đốn cây che một chiếc chòi nhỏ vừa tạm ở, những người quanh đấy có người biết công chúa Nhật Quang nên cùng nhau đến giúp đỡ công việc cho công chúa. Đến khi đào đất để dựng cột nhà, vừa đào được vài lát đất thì gặp ngay ba cái chum lớn niêm khằn cẩn thận. Công chúa liền mở chum ra thì thấy trong ba cái chum ấy, vô số là vàng bạc châu báu, công chúa vui mừng sung sướng đem bán bớt một số châu báu rồ9 mướn người9 dọn dẹp cỏ rác, trồng tỉa hoa quả, tạo lập lâu đài… Vốn sẵn tánh hiền lành lạ9 sẵn lòng yêu thương giúp đỡ mọi người, nên thợ thuyền tôi tớ rất trung thành tận tụy, không bao lâu đám vườn hoang phế kia đã biến thành một vườn hoa trăm sắc muôn màu; lâu đài trang hoàng lộng lẫy, người vô kẻ ra tấp nập không khác dinh thự của bậc đế vương.

Từ khi công chúa rời khỏi cung điện, vua Ba Tư Nặc sanh lòng hối hận đêm ngày trông nhớ, nhà vua đinh ninh rằng: Công chúa lâu nay chắc gặp nhiều khổ sở và định đón công chúa trở về cung để an hưởng cảnh đoàn viên phú quý. Nhà vua liền phái một số cận thần tìm nơi công chúa ở và dò xem đời sống của công chúa ra sao?

Sau một thời gian dò xét, các cận thần về tâu với nhà vua: "Công chúa ở cách xa cung điện nhà vua chừng ba trăm dặm và hiện đang ở trong cảnh phong lưu sung sướng giàu có ức triệu". Vua Ba Tư Nặc không tin, liền đến nơi dò xét quả đúng như lời các cận thần. Nhà vua nói với kẻ tả hữu rằng: "Trẫm thấy đời sống của vợ chồng công chúa Nhật Quang hiện tại, tuy trẫm là vua một nước, thật cũng không sung sướng bằng".

Nhưng vua cũng băn khoăn thắc mắc không biết tiền kiếp công chúa đã tu những nhân lành gì mà nay được nhiều phước báo như vậy.

Vốn nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là bậc đại giác, nên vua thân hành đến Tịnh xá nơi Phật thuyết pháp, cung kính bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Nghe danh Ngài là bậc đại giác chứng nhất thế trí, hiểu thấu việc trong ba đời, nay đệ tử có điều nghi xin Ngài chỉ dạy: "Nhật Quang công chúa thứ hai của đệ tử, không biết đời trước tạo nhân lành gì, mà ngày nay tướng mạo đẹp đẽ, thông minh xuất chúng, giàu có sang trọng… Đệ tử đã gả công chúa cho một kẻ hành khất nghèo hèn thế mà công chúa cũng đào được vàng bạc rồi trở nên sang trọng hơn người.

Đệ tử cứ thắc mắc mãi mong Ngài từ bi khai thị cho đệ tử rõ?"

Đức Phật Thích Ca nở nụ cười hiền hòa muôn thuở thong thả dạy rằng: "Nghi vấn Đại vương sẽ được tiêu tan sau khi nghe câu chuyện này:

- Nầy Đại vương! Xưa kia khi Đức Phật Ca Diếp ra đời, có hai vợ chồng người lái buôn giàu có, người vợ rất tôn kính Tam bảo, thường khuyến khích

mọi người bỏ việc ác làm lành, quy y Tam bảo, lại hay làm việc bố thí cúng dường, nhất là đối với kẻ tàn tật, nàng hết sức thương mến và tận tâm chăm sóc. Người chồng lại có tánh bỏn sẻn, mỗi khi thấy vợ làm việc cúng dường bố thí, thì tỏ ra thái độ bất bằng, tìm cách ngăn cản.

Một hôm gặp ngày nguyên đán, người vợ thành tâm sắm sửa lễ vật để cúng dường Tam bảo và bố thí kẻ nghèo trong ba ngày, người chồng thấy vậy bực tức nói rằng: "Hãy để dành tiền của lại sắm sửa thêm nhà cửa ruộng đất, chứ làm những việc ấy thêm hao tốn, phỏng có ích gì!". Người vợ dịu dàng trả lời: "Của cải là vật vô thường ta không bỏ nó, rồi nó sẽ bỏ ta; hơn nữa những kẻ nghèo khổ hiện tại, theo trong kinh Phật dạy, đều do đời trước tham lam ích kỷ, không biết dùng tiền của làm các việc phước thiện; ngày nay đời sống của vợ chồng chúng ta tạm gọi là khá giả, chúng ta nên dùng một số tiền làm các việc phước thiện để bảo tồn hạnh phục tương lai cho chúng ta, và cũng gọi là góp một phần trong công việc nghĩa chung vậy".

Nghe mấy lời giải thích của vợ, người lái buôn mới tỉnh ngộ và cảm động, từ đó anh không ngăn cản vợ mà lại rất hăng hái trong công việc làm phước đức…

Này Đại vương! Vợ người lái buôn xưa kia chính là công chúa Nhật Quang ngày nay, đời trước nàng thường khuyến khích mọi người bỏ ác làm lành, quy y Tam bảo, nên được quả báo thông minh xuất chúng; đời trước sốt sắng cúng dường bố thí, nên nay được quả báo sung sướng giàu sang, nhiều người mến phục; đời trước tận tâm săn sóc giúp đỡ kẻ tàn tật, ngày nay được quả báo nhan sắc đẹp đẽ, tướng mạo đoan trang.

Người lái buôn xưa kia chính là chồng công chúa hiện tại, ngày trước lúc chưa tỉnh ngộ, anh ta bỏn sẻn hay ngăn cản việc làm phước thiện của vợ, nên ngày nay phải chịu đói rách một thời.

Vua Ba Tư Nặc nghe Phật kể rõ tiền kiếp của công chúa Nhật Quang, nhà vua mới tỉnh ngộ, và rất thâm cảm đạo lý nhân quả tội phước của Phật. Rồi vua cúi đầu đảnh lễ Đức Phật ra về.

Về đến cung, công việc đầu tiên của vua là cho người đón rước vợ chồng công chúa Nhật Quang về. Gặp công chúa, vua Ba Tư Nặc khôn xiết vui mừng, vua không quên nói nhiều lời hối hận, với công chúa Nhật Quang cũng rất sung sướng được gần gũi phụng sự cha mẹ, và giúp vua cha trong việc trau dồi đạo đức, bảo quốc an dân. Thanh niên hành khất chồng công chúa, cũng được vua phong cho một chức quan cao cấp trong triền đình.

Quảng Tiến

Sướng gì hơn sướng làm lành
Cho bao nhiêu của để dành bấy nhiêu

---

[1] Nhà cầm quyền ví dụ cho vô thường. Hai con voi say: Sanh và Tử. Sợi dây: Mạng căn. Rơi vào giếng: Sự hốt nhiên thọ sanh. Hai con chuột đen và trắng: Ngày, đêm. Ba con rồng: ba độc (tham lam, giận dữ và si mê). Bốn con rắn: Bốn đại (đất, nước, gió, lửa). Năm giọt mật: năm món dục lạc (tiền tài, sắc dục, danh vọng, ăn uống và ngủ nghỉ).

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập I - 11

Truyện Con Chó Đói

Thuở Đức Phật còn tại thế, có một ông vua rất hung ác, nghe Phật đến thuyết pháp trong nước mình, ông liền ngự giá đến chỗ Phật ở và xin Ngài kể một câu chuyện gì đã vui lại hữu ích nữa.
Đức Phật liền kể chuyện con "Con Chó Đói" như sau:
"Thuở xưa, có một vị quốc vương rất bạo ngược, hà khắc với dân lành, nhân dân đều oán trách. Ông Đế Thích thấy vậy liền hiện xuống trần dắt theo một con quỷ rất dữ. Ông Đế Thích hóa mình thành một người thợ săn, còn con quỉ thì biến thành một con chó cao lớn.
Người thợ săn dẫn con chó vào cung của vị quốc vương để yết kiến. Bỗng con chó vùng tru lên dữ dộI, làm cho lâu đài cung điện đều rung rinh… Vị quốc vương thất kinh, liền đòi người thợ săn đến trước ngai vàng mà hỏi rằng:
- "Gã kia, vì cớ gì mà con chó tru lên dữ vậy?".
Người thợ săn thưa:
- Tâu Bệ hạ, vì đói nên nó tru.
Vị quốc vương liền ra lệnh đem cơm cho chó ăn. Nhưng một điều không ngờ là đem bao nhiêu thì con chó ăn hết bấy nhiêu, tất cả thực vật trong kho đã hết sạch mà nó vẫn chưa no, nên nó càng tru lên dữ dội hơn nữa, mà ác hại thay, mỗi lần nó tru thì cung điện đền đài của quốc vương lung lay hình như muốn sụp đổ…
Vị quốc vương không biết tính thế nào, mới hỏi người thợ săn:
- Lấy cái gì cho nó ăn để nó nín?
Người thợ săn đáp:

- Tâu Bệ hạ, lấy thịt của người nó ghét cho nó ăn nó hết tru.
Quốc vương hỏi:
- Nó ghét kẻ nào?
Người thợ săn tâu:
- Nó ghét những kẻ bất công hãm hại dân nghèo. Ngày nào trong nước không có dân đói khó nữa, ngày đó nó mới nín…
Vị quốc vương liền nhớ tới những việc ác của mình làm thì hết sức hối hận, từ đó mới ăn năn chừa cải, chịu nghe những lời công bình chánh trực".
Đức Phật kể dứt câu chuyện này thì mặt vua tái ngắt.
Đức Phật dịu dàng dặn với nhà vua rằng: "Ngày nào bệ hạ nghe tiếng chó tru thì bệ hạ hãy nhớ đến câu chuyện ta kể. Bệ hạ có thể làm cho con chó nín được".
Hoàng Minh
Đạo Phật đã cảm hóa những ông vua hung bạo như vua A Dục xứ Ấn Độ, thành những kẻ thương dân mến nước.

Vua A Dục Trở Về Với Phật Giáo
Lúc Đức Phật còn tại thế, Ngài đã đem Chánh pháp phú chúc cho các vị quốc vương và đại thần, để sự truyền bá Phật pháp mau phổ biến.
Từ ngày Đức Phật diệt độ, nếu quan sát trong lịch sử Phật giáo, thì thấy có hai vị quốc vương thật hết lòng lo hộ trì Phật pháp. Tại xứ Ấn Độ, thì có vua A Dục. Ở Trung Hoa thì có đến mười ông vua có nhiệt tâm với đạo, nhưng chỉ có ông Lương Võ Đế hết lòng vì đạo hơn cả.
Nay xin thuật sơ lịch sử của vua A Dục:
Nguyên vua A Dục là dòng dõi của A Xà Thế vương, thân phụ của Ngài tên là Tần Đầu Sa, thân mẫu thuộc phái Bà La Môn.
Khi Ngài còn nhỏ thì thân thể rất thô kịch xấu xa, nên vua cha chẳng thương yêu. Đến lúc Ngài thành nhân, thì oai võng hơn người và võ nghệ xuất chúng.
Sau nhân có việc nội loạn tại thành Hưu Thị La, vua cha mới sai Ngài đi chinh phục. Khi đâu đó được bình yên, vua cha thấy Ngài có công lao nên phong làm Thái tử.
Cách ít lâu, vua Tần Đầu Sa thăng hà, thì Ngài kế vị, song tánh rất bạo tàn vô đạo, đến nỗi giết hết mất trăm người tôi đại thần và kẻ thân thuộc.
Mùa xuân năm ấy… trăm hoa đua nở, cảnh vật vui tươi, Ngài mới dẫn bọn cung nữ đi dạo khắp vườn hoa mà thưởng ngoạn. Khi ra ngắm cảnh vườn xuân, bọn cung nữ chỉ lo chơi giỡn và trầm trồ khen ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, chớ chẳng quây quần bên Ngài như lúc ở tại nội điện. Vua nổi giận, truyền bắt giết tất cả, rồi tức thì trở về cung, chứ không đi thưởng ngoạn nữa. Lúc ấy, toàn dân trong nước đều ta thán cho Ngài là một ông vua đại gian ác.

Đã vậy mà Ngài còn lập ra một chỗ gọi là: "Địa ngục ở trần gian", đặt tên là vườn "Ái lạc" ngoài thì sắp đặt cực kỳ tốt đẹp, nào là ao sen non bộ, cỏ quý hoa thơm, cũng như công viên, để cho nhân dân mặc tình đến đó mà thưởng thức giải trí…
Nhưng trong, thì có non đao rừng kiếm, lò lửa vạt dầu, và đủ các món khí cụ để hành hình người một cách ghê gớm.
Hễ người nào vào trong vườn Ái lạc đó, thì ngục tốt bắt giam, rồi cứ hành hình. Còn những thế nữ ở trong cung mà cãi cọ xung đột với nhau, thì bắt đem vào cho chủ ngục phân xử. Thiệt là một cái thảm trạng thống khổ của nhân gian không kể xiết. Khi ấy có một vị Tỳ kheo, nhân đi khất thực nơi thành Hoa Thị, vì chẳng thông thuộc đường xá nên lạc vào vườn "Ái lạc", nhìn thấy cảnh tượng bên ngoài thì tốt đẹp lạ lùng, còn phía trong quả là một chốn địa ngục.
Thầy Tỳ khoe hoảng kinh, toan kiếm đường trở ra, ai ngờ bị ngục tốt đón bắt lại. Thầy hết sức yêu cầu mà bọn ấy không dung thứ, nên thầy bèn khóc òa.
Chủ ngục thấy vậy liền hỏi: Thầy là người tu hành, sao mà sợ chết đến đỗi khóc như con nít vậy?
Thầy Tỳ kheo đáp:
- Tôi chẳng phải sợ chết mà khóc, vì sợ mất sự lợi ích cả một đời người của tôi, nên mới ai bi như thế?
- Sự lợi ích làm sao, Thầy bày tỏ cho tôi nghe thử?
- Số là tôi mới xuất gia, chưa chứng đặng đạo quả. Tôi nghỉ lại thân người khó đặng, Phật pháp khó gặp, nay rủi sa vào chỗ ác địa này, thế nào cũng phải hủy mạng, thì còn đâu mà tu học nữa nên tôi mới khóc, chứ tôi đâu có sợ chết.
Thấy Tỳ kheo nói rồi, mới khẩn cầu với chủ ngục xin dung thứ cho Thầy sống sót trong bảy ngày, rồi sẽ hành hình chẳng muộn.
Chủ ngục thấy người tu, thì cũng động tâm, nên y theo lời của Thầy xin mà đình lại bảy ngày mới toan hạ thủ.
Ngày đầu, thầy Tỳ kheo nhìn thấy cách hành phạt rất độc ác, nào là người phụ nữ thân hình tốt đẹp mà bị bỏ vào cối quết người thì xương tan thịt nát, xem rất ghê sợ; nào là bọn ca nhi nhan sắc tuyệt vời mà cũng bị quăng vào lò lửa, đứa thì rút tay co cổ, đứa thì hả miệng nhăn răng.
Thầy Tỳ kheo thấy cảnh tượng ấy thì sanh lòng nhàm chán, mới nhớ lời Phật dạy rằng: "Sắc lịch dịu dàng dường như bọt nhóm, dung y đẹp đẽ mà đâu còn hoài". Nhờ chỗ dẫn chứng lời của Phật dạy đó mà Thầy tỏ ngộ, dứt hết các đều tạp nhiễm, liền chứng đặng quả A La Há.
Đến ngày thứ tám, ngục tốt bèn bắt Thầy đem bỏ vào chảo dầu, rồi chất củi mà đốt. Song khi lửa hạ và củi thành tro mà dầu trong chảo vẫn tự nhiên không nóng.

Chủ ngục thấy vậy nổi giận, đánh đập bọn ngục tốt, rồi hối đem củi cho nhiều và chụm thêm vào mãi mãi, nhưng đến khi xem lại trong chảo dầu thì thấy Thần Tỳ kheo ngồi kiết già trên hoa sen, xem bộ tự nhiên chẳng hề lay động chút nào cả. Chủ ngục hoảng kinh, lật đật đến tâu tự sự cho vua A Dục rõ.

Vua tánh nóng như lửa, khi nghe tin ấy liền tức tốc đi thẳng đến vườn Ái lạc. Vua vào đến nơi, thì thấy Thầy Tỳ kheo hiện thân lên hư không, biên đủ 18 phép thần thông, trên mình thì nước tràn lênh láng, phía dưới thì lửa cháy rần rần, thí như một hòn núi lớn ở giữa không gian vậy.

Vua A Dục đứng nhìn sửng sốt một hồi, rồi tự nghĩ: "Mình với Thầy Tỳ kheo này cũng đồng là loài người, cớ sao Thầy lại đặng phép thần thông tự tại như thế, còn mình thì lo việc sát hại nhân dân, làm việc đại ác!".

Vua nghĩ như thế nên vội vàng quỳ xuống bạch với vị Tỳ kheo ấy rằng: "Ngửa mong Thánh giả chiếu cố đến tôi, xin hạ xuống nơi đây, tôi nguyện từ rày về sau bỏ dữ làm lành mà quy với Ngài".

Thầy Tỳ kheo đáp:

- "Hay thay! Hay thay! Nay đại vương đã tự hối mà quy đầu Tam bảo, thì sẽ đặng phước đức vô cùng và hân hạnh cho dân chúng biết bao".

Thầy Tỳ kheo nói xong, liền dùng thần lực của mình mà trở về tịnh xá.

Khi vua A Dục đã quy y theo Phật rồi, thì trong lòng hân hoan vô cùng, định sửa soạn trở về cung. Bỗng người chủ ngục đến tâu: "Khi Đại vương lập ra cảnh "Nhân gian địa ngục" này, có ra lệnh hễ ai vào đây thì không cho ra. Tôi đã thọ mạng rồi, nên không dám cãi. Còn Đại vương là bực thiên tử cũng phải nhất ngôn mới được".

Nghe chủ ngục nói như thế, vua A Dục mới hỏi: "Cứ theo lời của nhà ngươi nói đó, thì bây giờ nhà ngươi muốn giết ta hay sao?".

Chủ ngục đáp: "Quả như lời của Đại Vương đó, thì mới đúng với quân lệnh".

Vua A Dục liền hỏi lại chủ ngục: "Vậy khi ban sơ tạo vườn Ái lạc này, nhà ngươi với quả nhân ai vào đây trước?".

Chủ ngục thưa: "Tâu Đại vương! Tôi vào đây trước".

Vua nghe đáp như vậy, tức thì truyền cho ngục tốt áp lại bắt chủ ngục bỏ vào chảo dầu, đồng thời ra lệnh phóng hỏa đốt hết cả vườn Ái lạc.

Từ đấy về sau, vua bỏ hẳn các điều dữ mà làm những việc lành, và tâm tánh hết sức từ bi nên kẻ thời nhơn đồng ca tụng là Đạt Ma A Dục Vương (ông vua hiền lành).

Sau lại nhờ đức Ưu Ba Cúc Đa (Tổ thứ tư) giáo hóa thêm, nên vua càng tín ngưỡng Phật pháp hơn nữa, chính vua đã phái 256 vị Cao tăng đi khắp trong xứ để truyền bá Phật giáo…

Thiện Dụng

Hoa Sen Trong Người

Mai hôm ấy, kinh thành Xá Vệ rộn rịp trong cảnh phố phường buổi sáng. Trên các đường lớn ngựa xe tấp nập; từng đoàn người qua lại trong những bộ áo màu sặc sỡ. Các cửa hàng đông nghẹt những người mua. Tiếng guốc giày của những người quí phái liên tiếp vang lên tạo thành những âm thanh ồn ào náo nhiệt. Nhưng đi sâu vào các đường hẻm thì những cảnh sống hình như vui tươi, giàu mạnh của số đông người trong hai giai cấp Sát Đế Lợi và Bà La Môn ấy không còn nữa, mà những cảnh bần cùng, đen tối của hai hạng người Tỳ Xá và Chiên Đà La hiện ra quá rõ rệt: những chiếc nhà lá thấp lè tè, chật hẹp, đóng cửa từ sáng sớm… Những đứa trẻ đang đùa giỡn chọc ghẹo nhau trên vệ đường. Những người tàn tật nghèo khổ lũ lượt đi từ nhà này sang nhà nọ xin nhờ sự bố thí một cách khó khăn…
Như lệ thường, sáng nay Đức Thế Tôn vào thành để giáo hóa. Bình đẳng, không phân biệt nghèo, giàu, sang, hèn; Ngài đi hết phố này đến xóm khác. Ni Đề, một thanh niên thuộc giai cấp Chiên Đà La, giai cấp thấp nhất ở Ấn Độ, đang gánh một gánh phân chạy lon bon trên con đường xóm, thấy Đức Phật, chàng bối rối, sợ sệt, vội rẽ qua đường khác và tự thanh trách; chàng nghĩ rằng mình đã sinh vào nơi thấp kém mà còn phải làm những việc đê hèn như thế này nữa, thật là vô phước quá, đồng là người thì tại sao người ta lại dìm nhau trong cuộc sống? Tuy rẽ qua đường khác nhưng đôi mắt chàng vẫn đăm đăm hướng về hình ảnh trang nghiêm; sáng rực hào quang của Đức Phật. Một sự ước ao trào dậy trong lòng chàng: Ôi! Biết bao giờ ta được trực tiếp gặp Đức sáng suốt kia. Càng nhìn lòng chàng càng cảm mộ. Tuy chưa gặp Đức Phật lần nào, song đức hạnh hoàn toàn của Ngài, chàng được nghe nhiều người kể lại.
Hiểu tâm niệm Ni Đề qua những cử chỉ rụt rè và đôi mắt đăm chiêu, Đức Phật bước nhanh về phía Ni Đề. Thấy Phật đến, Ni Đề hoảng hốt: Vì tự thấy mình nhớp nhúa không đáng gần Phật, phần sợ người bắt tội nên chàng nhanh chân lẩn tránh.
- Con ôi! Như Lai đến với con đây! Sao con lại tránh? Đức Phật ở xa nói lại với một giọng trong thanh, êm ái.
Để đôi thùng xuống, run rẩy Ni Đề quỳ thưa:
- Bạch Ngài con không dám… Có điều chi dạy bảo xin Ngài ban cho, xin Ngài đừng đến gần con…
Đức Phật bước thêm và đến sát Ni Đề. Ni Đề cúi xuống và sắc mặt biến xanh, ra vẻ sợ sệt lắm. Nở một nụ cười chan chứa tình thương Đức Phật nói:
- Con ơi! Không ai có quyền bắt tội con đâu, vì chính Như Lai đến với con, chứ không phải con đến với Như Lai. Hơn nữa Như Lai nay không phải là

người trong giai cấp vua chúa như Thái tử Tất Đạt Đa ngày xưa, mà là người của tất cả chúng sanh, nhất là hạng người đau khổ như con. Như Lai muốn nói với con một vài câu chuyện… Nghe qua những lời nói dịu hiền và có lý của Đức Phật, Ni Đề bớt lo sợ và nhìn Đức Phật một cách kính mến, chàng thưa:
- Chẳng hay Đức Thế Tôn vẫn đoái hoài đến người cùng khổ này sao? Và con đây cũng được Như Lai dạy bảo và được thật hành theo đạo của Như Lai nữa sao?
Một cách nghiêm nghị Đức Phật hỏi: Ai đã làm cho các con thắc mắc những điều ấy?
- Bạch Thế Tôn: những đạo sĩ Bà La Môn thường nói chỉ có giai cấp họ và người trong dòng Sát Đế Lợi mới có quyền thờ kính Hiền Thánh và có quyền giao thiệp với người đồng giai cấp, chứ bọn con thuộc dòng hạ tiện không có phép làm những việc của họ làm và phải trọn đời phục dịch họ…
Ni Đề muốn nói nhiều nữa song Đức Phật ngắt lời và hỏi:
- Vậy con không biết Như Lai ra đời để cứu khổ cho chúng sanh bằng cách phá tan những sự mê tín dị đoan, ỷ lại thần quyền và đưa chúng sanh đến cuộc sống bình đẳng và an vui sao?
Thôi, giờ đây, con có muốn sống một đời sống tươi đẹp và rộng rãi không? Và con muốn sống gần Như Lai không?
Sung sướng muốn chảy nước mắt, Ni Đề đáp: - Đó là điều mà con tưởng không bao giờ thực hiện được; nếu được Như Lai cứu độ thì đó là một phước lành của con vậy.
Dịu dàng Đức Phật cầm tay Ni Đề dắt đến bờ sông gần đấy… Tắm rửa xong, Ni Đề theo Đức Phật trở về Tịnh xá Kỳ Hoàn được Phật và Giáo Hội thâu nạp cho là Tỳ kheo, qua một thời gian tinh tấn tu luyện vị Tỳ kheo mới nhập đạo này đắc quả Tu Đà Hoàn rồi lần chứng quả A La Hán.
Bấy lâu Ba Tư Nặc vương bất bình và không hiểu tại sao Đức Phật là người của dòng hào thế Thích Ca mà lại độ đệ tử phần nhiều là những người ở hai giai cấp dưới. Nay lại được nghe Đức Phật vừa độ cho Ni Đề, ông càng bất bình hơn nữa. "Đảnh lễ - ai chứ ta không đảnh lễ anh chàng Ni Đề được…!". Ba Tư Nặc vương lẩm bẩm như vậy. Càng nghĩ càng tức giận, Ba Tư Nặc vương liền cùng với các vị cận thần đi đến Tịnh xá Kỳ Hoàn để xin Phật đừng độ cho Ni Đề là Tỳ kheo và từ rày về sau đừng cho những người thuộc cấp hạ tiện (theo quan niệm của ông và những người trong hai giai cấp trên) xuất gia.
Vừa đến tam quan Tịnh xá Kỳ Hoàn, thấy một vị Tỳ kheo đang ngồi trên một hòn đá lớn khâu vá chiếc áo cũ, Ba Tư Nặc vương liền đến nhờ vị Tỳ kheo ấy vào bạch Phật xin cho ông yết kiến. Nhận lời, vị Tỳ kheo liền xuyên qua hòn đá và ẩn mình đâu mất, làm cho Ba Tư Nặc vương và các cận thần

hoảng sợ nhưng vô cùng khâm phục!
Một lát sau, cũng từ hòn đá ấy hiện ra, vị Tỳ kheo khi nãy trả lời cho Ba Tư Nặc vượng:
- Đại vương cứ vào, Đức Thế Tôn đã hứa cho.
Ba Tư Nặc vương bái chào rồi đi ngay vào tịnh xá.
Đảnh lễ Đức Phật xong, Ba Tư Nặc vương liền hỏi:
- Bạch Thế Tôn! Thầy Tỳ kheo vừa xin cho con vào yết kiến là ai và tên là gì mà có thần thông quảng đại như vậy? Thầy đã xuyên qua đá cứng một cách nhẹ nhàng, tự tại…
- Đại vương! Ấy là Ni Đề, người gánh phân ở thành Xá Vệ mà ta đã độ cách đây hơn một tháng, nay đã chứng quả A La Hán nên đã có những thần lực như vậy.
Thấy Ba Tư Nặc vương im lặng và ra chiều suy nghĩ, Đức Phật ôn tồn nói thêm:
- Này Đại vương! Trong đất bùn nhơ nhớp nở lên những cánh sen đầy hương thơm tinh khiết. Đại vương có thích và có ưa hái không?
- Bạch Thế Tôn! nếu là hoa đẹp hương thơm thì không ai không quý và không muốn hái để ngắm nghía và trang hoàng cả.
- Đại vương! Cũng vậy tuy là người ở trong các giai cấp dưới (ấy là do con người phân chia), nhưng nhờ sự trau dồi đức hạnh, rèn luyện trí tuệ mà trở thành Thánh Hiền thì người trí tuệ có nên cung kính cúng dường không?
- Bạch Thế Tôn! Đã là Thánh Hiền thì rất đáng cho phàm phu chúng con cung kính cúng dường lắm!
- Lành thay! Đại vương quả là người sáng suốt biết quý trọng "giá trị chân thật" của con người.
Mặt trời làm tan mây mù ra sao thì những lời của Đức Phật cũng làm tan những ý niệm khinh rẻ chán ghét Ni Đề và các người trong hai giai cấp dưới của Ba Tư Nặc vương thế ấy… Bắt đầu từ đó ông vô cùng kính phục tài năng và đức hạnh của Ni Đề, vị Tỳ kheo mà ông đã gặp ở tam quan.
Ba Tư Nặc vương lại xin Phật cho thỉnh A La Hán Ni Đề ngày mai vào nội thành để giáo hóa cho hoàng tộc và nhân dân và cũng để ông cúng dường luôn thể. Phật hứa cho, Ba Tư Nặc và các vị cận thần đảnh lễ và trở ra tam quan để trực tiếp cung thỉnh vị A La Hán thần thông tự tại khi nãy.
Được vị A La Hán này chấp nhận, Ba Tư Nặc vương vô cùng sung sướng. Trên đường về ông không ngớt tán thán Đức Phật, đấng hiện thân của bình đẳng và Giáo Hội của Ngài là một đoàn thể đầy đủ tài năng và đức độ.
Thiện Châu
Không có giai cấp khi trong máu người cùng đỏ.
Không có giai cấp khi trong nước mắt người cùng mặn.

Vui Trong Đau Khổ

Một hôm, Đức Phật cùng đệ tử vào thuyết pháp trong thành La Duyệt Kỳ, lúc ra về gặp chành thanh niên đang lùa một bầy bò vừa ăn no, chúng nhảy vọt vào húc nhau. Thấy vậy, Đức Phật nói mấy bài tụng sau đây:
"Người đi chăn đưa roi chăn, lùa bầy bò; Cũng như thế già chết chăn nuôi và lùa kéo sinh mạng đi mà nào ai có biết!
Xưa nay, hàng trăm hàng ngàn người chứ không phải một, chứa chất của cải cho lắm, cung dưỡng thân thể cho nhiều, nhưng rồi không ai khỏi điêu tàn chết chóc.
Sống nghĩa là ngày đêm sinh mạng bị công kích, bị tước dần, cho nên sự sống bị tiêu mòn đi in như bờ đất bị nước soi lở".
Lúc về Tịnh xá, tôn giả A Nan bạch Phật:
- Bạch Thế Tôn! Vừa rồi trên đường về Đức Phật có nói ba bài tụng nhưng chúng con không hiểu hết ý nghĩa, xin Thế Tôn từ bi chỉ giáo cho.
- A Nan! Trên đường về vừa rồi ông có thấy người lùa bầy bò không?
- Bạch có.
- Người ấy là người thợ hàng thịt. Bò của anh ta có đến ba ngàn con, cứ ngày lùa ra ngoài thành tìm nơi cỏ tốt cho ăn rồi lựa con nào to béo thì làm thịt để bán. Giết hơn một nữa rồi mà bầy bò ấy không con nào biết số phận của mình ra sao cả. Chúng vẫn thản nhiên vui vẻ, húc nhau, nhảy vọt, kêu rống, ăn chơi… Ta cảm thương chúng nó nên mới nói mấy bài tụng vừa rồi.
Nhưng A Nan nầy! Có phải riêng chỉ người chăn bò và bầy bò ấy mới như thế đâu, nhân loại cũng có lắm người vùi mình trong hoàn cảnh tương tợ như thế. Họ chấp trước "Bản Ngã", không biết bản ngã chỉ là sự chuyển biến liên tiếp, vì thế, họ tham lam dục lạc cung dưỡng thân xác, rồi sung sướng khoái chí họ sát hại lẫn nhau, húc chết sự sống của nhau mà không biết là mình đang húc nhau với cái chết! Trong khi đó, bên cạnh sự sống, vô thường chết chóc lanh lẹ tiến đến, thế mà họ vẫn ngang nhiên không hay không biết, có khác gì bầy bò kia?
Phật dạy như thế, trong số được nghe có những người xưa nay cung dưỡng thân thể quá đáng liền tỉnh ngộ, tự cố gắng khuyến khích mình sống theo sự thật. Nhờ thế, nên không bao lâu họ đều chứng được vô sanh.
Hồng Mai
Một ngày đã qua, thế là chúng ta đã bước gần đến cái chết một bước, mạng sống cũng giảm lần. Như cá ít nước có vui gì! Ta phải siêng năng tu tập như cứu lửa cháy trên đầu. Nên nghĩ đến vô thường, cẩn thận đừng có buông lung!

Tập II - 1

Người đẹp gieo cầu

Cái tin "Người đẹp gieo cầu" loan đi rất chóng. Thế là hai vị Quốc vương ở nước lân bang chưa lập Hoàng hậu, và tám vị Đông cung của tám nước chư hầu, thêm vào nhiều vị Hoàng tử đa tình với một số Vương tôn hiếu sắc đều xao xuyến cả lên.
Kinh đô xứ Ma Kiệt Đà mấy tháng nay vô cùng náo nhiệt. Bộ kiến thiết xuất ra một số ngân quỹ lớn, để dựng lên những ngôi nhà mỹ lệ trang ngiêm chờ tiếp quý khách bốn phương.
Mùa đông, gió mưa đã lặng lẽ rút lui, trăm thứ hoa lan bắt đầu chớm nở để đón mùa Xuân về, kinh thành Ma Kiệt Đà cũng rộn lên như trăm hoa vậy. Rồi những đoàn lạc đà lông mướt như cỏ non, oai dũng tiến vào kinh đô, từng đoàn ngựa tốt yên cương toàn bạch ngân rầm rầm tiếp đến, và đây là đoàn bạch mã, hãnh diện trong những bộ yên cương vàng thắm như son. Nhưng người ta chú ý đến đoàn kỵ mã vào sau, có một đặc biệt làm dân chúng chú ý là phải. Một đoàn kỵ mã võ trang oai phong hùng dũng, tiếp đó là một thớt bạch tượng sắc trắng như tuyết, mướt như nhung, cổ bạch tượng đeo chuỗi anh lạc toàn thất bửu, bốn chân đeo nhiều lục lạc vàng mới y. Trên lưng bạch tượng, một thiếu niên anh quân, đây là vua nước Câu Đà Thi Lợi cũng có một danh từ đặc biệt của dân chúng tặng là: Hoàng Đế Tam Đa (đa trí, đa tham, và đa tình) từ khi mưu giết được anh, rồi lên ngôi Hoàng đế, ông có tài dụng binh rất giỏi nên các nước đều sợ oai, danh ông lừng lẫy bốn phương. Mặc dù nhà vua là một bậc anh hùng tái thế, nhưng phải cái bệnh cũng đa tình hiếu sắc. Khi nghe đồn con gái nhà vua Ma Kiệt là trang tuyệt sắc thì nhà vua mê mệt, và ước ao cưới được nàng sẽ sắc phong Hoàng hậu. Vua cho sứ thần đem nhiều lễ quí qua cầu hôn. Sứ đi vua hồi hộp đợi chờ như trẻ con mong mẹ về chợ vậy. Nhưng anh hùng cái thế cũng phải toát mồ hôi, khi nghe tin công chúa từ hôn, vì cái lịch sử của mình không được đẹp (giết anh đoạt ngôi). Tuy chưa hề gặp mặt, nhưng chữ khuynh thành đã ám ảnh nhà vua, nên ông thề thế nào cũng cưới cho được nàng mới nghe.
Bỗng nay, cái tin Công chúa sẽ làm lễ gieo cầu, làm ông đặt nhiều hy vọng. Trước khi lên đường, vua vỗ về bạch tượng: Phiền khanh chuyến này thật không phải vì tham đất nước nữa, chỉ mong khanh làm thế nào giúp trẫm, đoạt được quả cầu của mỹ nhân trẫm sẽ trọng thưởng.
Hôm nay là ngày lễ thần Phạm Thiên, trên lầu hoa cao, trước bàn thờ thần, bộ nghi lễ trang hoàng cực kỳ lộng lẫy. Người ta cắm trăm thứ hoa tươi

xông một trăm thứ bông quý, đốt trăm nén hương thơm, thắp trăm đôi bạch lạp. Trăm đồng nữ xiêm y rực rỡ, trăm vị Phạm Chí lễ phục oai nghiêm v.v… Ở đây thứ gì cũng phải đủ số trăm để tượng trưng cầu "Bách niên giai lão".
Các nhà danh cầm trong nước, đã vỗ nhiều bản nhạc đầy ý nghĩa: "Loan phụng hòa minh" hay "Sắc cầm hòa hiệp" v.v…
Ban nhạc cử lên, trăm em đồng nữ múa xong điệu, rồi rẽ ra hai bên tượng hình Song Hỷ, tiếp đó trăm vị Phạm Chí vào làm lễ cầu nguyện xong. Công chúa Vô Song trong phòng hoa đài các bước ra, kính cẩn quỳ trước tượng thần. Hai trẻ thanh y quỳ hai bên, dâng cao hộp ngọc đựng quả cầu, và bình pha lê đựng nước hoa thơm. Thanh y nghiêng bình pha lê rưới vào đôi bàn tay ngọc, rồi mở tráp dâng quả cầu, Công chúa nâng cao quả cầu lên đảnh (đây là quả bóng tròn, lớn bằng quả cam, ngoài bọc gấm quý, trên thắt trăm vòng dây kim tuyến) quả cầu chỉ có thế, nhưng đã mang lại một sứ mạng trọng yếu, nghĩa là tất cả cuộc đời của Công chúa, hạnh phúc an vui, hay bẽ bàng đau khổ, đều do quả cầu này định đoạt.
Nàng kính cẩn quỳ trước tượng thần rất lâu, khấn vái kỹ càng: ngày sanh, tháng đẻ, họ hàng làng nước v.v… cẩn thận nàng tha thiết cầu thần linh dun dủi, quả cầu gieo trúng người được nàng yêu, sẽ yêu nàng mãi mãi.
Những bản nhạc chúc mừng tiếp tấu du dương vừa dứt, hàng vạn âm hưởng lao xao đều ngừng bặt. Tất cả chú ý nhìn lên lầu hoa, Công chúa mặc lễ phục toàn sắc trắng tinh, đính nhiều hạt trai thêu thành trăm hoa. Trên đầu là một tràng hoa kết bằng kim cương. Toàn thân nàng là cả một tượng nữ thần kỳ công của nhà điêu khắc danh tiếng, hay một bức tranh mỹ nhân do bàn tay họa sĩ tuyệt tài. Thật không biết cái đẹp của hằng nga thế nào, nhưng ta cũng tạm mượn để ví với Công chúa Vô Song khi ở trong lầu hoa lộng lẫy bước ra. Nàng đứng hẫn ngoài bao lơn nhìn khắp một lượt. Thế là hàng trăm quả tim đứng đợi đoạt cầu, tuy không hẹn nhau mà đồng thời hồi hộp. Nhất là Hoàng đế Tam Đa, khi nhìn rõ Công chúa, ông kiêu hãnh và tự nghĩ: tài này sắc ấy thật xứng đôi, nếu ta đoạt được cầu thì ta thề sẽ thờ nàng trọn đời.
Công chúa nhìn khắp một lượt rồi dồi cao quả cầu tung lên giữa hư không… Ôi! Bóng hạnh phúc, bóng hạnh phúc hiên ngang lơ lửng giữa hư không, làm cho Quốc vương, điện hạ, sứ quân… ngớp ngớp chụp bắt. Nhưng làm sao bắt được bóng hạnh phúc???
Quả bóng vô tư gặp luồng gió nhẹ, và trên quả cầu có chùm kim tuyến, nên trăm mối chỉ xòe trông rất đẹp, nó cũng không rơi xuống ngay được. Vì thế quả cầu cắc cớ lơ lửng giữa không trung, chợp chờn trớ trêu trong khi trăm lòng mơ ước.
Bỗng người ta nghe có tiếng người la to: Á ông Sa môn, ông Sa môn ơi! Quả cầu vướng vào tích trượng của ông kia kìa.

Thế là trống kèn trổi dậy, để chúc mừng vị tân phò mã. Song vị Sa môn vẫn khoan thai từ bộ, hình như người không biết có việc gì xảy ra.
Đại phàm cái gì có tương đối mới tương tranh, còn cái không ngờ thì thật lòng cũng không nghĩ đến ganh ghét kịp. Như cuộc gieo cầu này, nếu có một vị trong trăm vị Quốc vương đại thần… mà đoạt được quả cầu, thì chắc chắn có cuộc chiến tranh không khỏi. Nhưng đằng này quả cầu trớ trêu vướng tòn ten trên đầu tích trượng, thành thử trăm lòng như một, họ đều chưng hửng và rồi vì đồng cảnh thất vọng như nhau, nên họ thông cảm nhau rất dễ.
Phải chăng bóng hạnh phúc vô tình vướng vào đầu tích trượng hay tại Thần lãng tai nghe khấn lộn, chớ ai nỡ đem cái ân ái buộc cho người xuất gia ly dục bao giờ?
Không, không phải vậy. Thật ra khi Công chúa đứng trên lầu hoa, nàng đã thấy trăm quả tim rộn lên vì sắc đẹp của mình, nàng nghĩ thầm: Ôi! Chỉ vì một chút nhan sắc của ta, mà làm hao phí biết bao nhiêu của dân của nước… Ừ! Tim kia đã rộn ràng lên vì sắc đẹp thì sẽ có ngày lạnh lùng vì tuổi già. Và nếu một người trong số trăm người này đoạt được quả cầu thì ta e không khỏi xảy ra chuyện chẳng lành cho dân cho nước. Đương bâng khuâng suy nghĩ, rồi nàng phóng tầm mắt nhìn xa và nàng đã thấy. Nàng thấy một vị Sa môn uy nghi trong bộ áo cà sa tay cầm tích trượng xa xa tiến lại, Sa môn từ bộ thản nhiên giữa đám người đang rộn rịp.
Ôi! Người đâu mà đẹp thế? Oai nghiêm như một vị thần linh ứng, từ bi như một bà mẹ dịu hiền và đĩnh đạt như một vị thầy mô phạm.
Tâm quan thanh tịnh của người ly dục phát ra một sắc đẹp phi thường. Công chúa sững sờ nàng cảm thấy tràn lòng yêu kính. Nàng nói một mình: Chỉ có quả tim này mới không rộn ràng trước sắc đẹp và chỉ có quả tim này, mới không lạnh lùng trước tuổi già. Công chúa nhắm ngay vị Sa môn… tung mạnh quả cầu vào người mặc dù trống dục còi thổi, nhạc trổi, người kêu. Vị Sa môn vẫn bất động, người cứ đi, và quả cầu cứ tòn ten trên đầu tích trượng.
Một toán ngự lâm quân phóng ngựa chạy theo: "Kính tâu tân phò mã. Xin người hãy dừng chân, xin phò mã hãy dừng chân lại…".
Lạ thay người đi vẫn ung dung, mà ngựa chạy theo không kịp. Vua quan tân khách và dân chúng đều lao xao cả lên. Đoàn ngự lâm quân phóng ngựa theo Sa môn, không biết đi về phương nào mà trông hoài không thấy.
Trên lầu hoa, cả hoàng gia ngồi chờ tin tức, nhưng mãi đến chiều tối, mới có một người trong đoàn ngự lâm ban sáng, bơ phờ trở về tâu lại mới hay, vị Sa môn ấy là Thái tử Tất Đạt Đa con vua Tịnh Phạn nước Xá Vệ và Ngài đã xuất gia, thành Phật hiệu "Thích Ca Mâu Ni" Ngài và đồ chúng vừa đến hôm qua, hiện nay đang trú tại rừng Tân Tần Già. Còn đoàn ngự lâm theo Ngài lúc ban sáng nay cũng theo Ngài cạo đầu xuất gia học đạo hết rồi.

Vua ngao ngán nhìn con gái yêu: Không biết con tôi khấn khứa thế nào mà ra nông nỗi này. Con ơi! Sa môn là người ly dục, lòng đã sạch ái ân, quả cầu con rơi lạc hướng rồi con ạ!
Công chúa như người trong mê, nàng còn biết nói sao, khi lòng mình đã vướng một mối tình bâng quơ. Nàng nghe danh Thái tử đã lâu, không ngờ hôm nay nàng được gặp và nàng đã yêu nhưng nay nàng mới biết nàng yêu như thế chỉ tự mình đem muôn mối tơ thương, quấn bậy giữa hư không, hư không đâu có dính mắc?
Song nàng cố trấn tĩnh tâu với Phụ vương: Tâu Phụ vương và Mẫu hậu, con tưởng theo kỷ luật gieo cầu của nước ta từ xưa đến nay, bất luận người sang kẻ hèn, hễ ai trúng cầu thì được vợ, vì đây là lương duyên do thần định đoạt, nay quả cầu con gieo trúng Thái tử rõ ràng, thì con xin tình nguyện theo Ngài để sửa bát nâng y trên đường hóa độ. Vậy xin Phụ hoàng và Mẫu hậu hãy cùng con đi đến chỗ Thái tử xem sao?
- Thì đành vậy, chỉ còn cách đi đến điều đình với Phật chứ biết sao?
Thế là sáng sớm hôm sau cả Hoàng gia đưa con gái đến ra mắt Phật. Tin ấy loan ra, rồi tất cả một trăm phò mã hụt cũng tình nguyện đi theo, mặc du đều là tín đồ của phái Bà La Môn.
Sáng nay Đức Phật bảo chúng Tăng đình việc đi khất thực lại, và vân tập để nghe Phật thuyết pháp. Phái đoàn Bà La Môn đến vừa lúc Đức Phật thuyết pháp xong.
Vua và Hoàng hậu đi trước, đến Công chúa kế đó là các vị Quốc vương… xứ lạ, lần lượt tiến vào.
Đức Phật ngự trên pháp tòa cao, oai nghi đồ sộ như núi Tu di, thân tượng chiếu ra một sắc đẹp lạ lùng. Hai bên hàng ngàn Tăng chúng ngồi im phắc như ngàn pho tượng vậy.
Vẻ oai nghiêm của Phật, sự yên lặng của chúng Tăng, đánh mạnh vào tâm khảm mọi người… Vua không đảnh lễ Phật, vì ông nghĩ dù là Phật song sẽ làm rể mình, không lẽ mình lạy rể? Vua phán:
- Kính Ngài, theo kỷ luật gieo cầu của nước chúng tôi, thì ai trúng cầu là được vợ. Hôm qua con gái tôi gieo cầu trúng Ngài, thế là Thần linh định lương duyên rõ ràng nên con tôi cũng tình nguyện theo Ngài trên đường hóa độ, phòng khi "nâng bát sửa y".
Đức Phật nhìn Công chúa, Ngài yên lặng một lúc Thế Tôn mỉm cười… bỗng trong kim khẩu phóng ra một đạo hòa quang xanh chiếu lên đỉnh đầu Công chúa, nàng toát mồ hôi, tụ thấy trên đầu rần rần ngứa, mồ hôi giọt xuống trán, xuống cổ, nàng lấy khăn lau rồi gãi, thì đụng một con gì mà xưa nay nàng chưa thấy cũng chưa biết tên, nàng len lén bỏ xuống đất (con chí đấy).
Phật lại phóng một đạo hào quang vàng vào đôi mắt Công chúa, nàng thấy xốn xang khó chịu, nước mắt tuôn ra, vừa lấy khăn lau, thì khóe mắt đọng

hai cục ghèn khá lớn.
Phật phóng một đạo hào quang trắng, chui thẳng vào mũi, nàng hắt hơi năm bảy cái mũi chảy ròng ròng.
Rồi một đạo hào quang lục, tuôn vào trong miệng, Công chúa ngáp luôn một dây, tiếp ho luôn một chuỗi, nàng nghe trong miệng có mùi thối ghê.
Đức Phật phóng thêm một đạo hào quang đỏ, chiếu vào thân Công chúa, làm nàng ngứa ngáy khắp người, gãi chỗ này chưa kịp đã ngứa chỗ khác, vừa lau ghèn thì mũi chảy, toan lau mũi thì chí cắn, nàng ho nàng ngáp, ụa, hắt hơi túi bụi, Công chúa nhăn nhó khổ sở, bao nhiêu vẻ yêu kiều diễm lệ biến đâu mất hết, nàng hoảng kinh như một người điên. Tất cả pháp hội, nhất là đoàn Bà La Môn đều rùng mình khiếp sợ.
Nhưng may thay, Đức Phật đã nhiếp thần lực thâu hào quang lại. Công chúa và tất cả pháp hội như vừa thoát cơn mê dữ, nàng lấy lại bình tĩnh, sữa lại áo xiêm rồi quì mộp xuống đất, thôi thì vua quan chi cũng dẹp hết kiêu căng đồng quì xuống một loạt.
Nhân đấy Đức Phật thuyết pháp: "Tứ Niệm xứ" cho cả đoàn nghe.
- Hỡi các thiện nam thiện nữ nhân: Công chúa Vô Song, xưa nay nổi tiếng kiêu căng vì ỷ mình có nhan sắc, nhưng không biết sắc đẹp chỉ tạm bợ một thời gian, dù có lấy phấn son nhung gấm ngọc ngà, bao bọc ở ngoài cũng không che được mắt người trí tuệ. Vừa rồi Như Lai phóng quang để trong pháp hội nhận rõ, thân người là bất tịnh, dù đương buổi niên hoa, nhưng không tắm thì hôi, đại tiểu vẫn thối, ghèn đờm mũi dãi, mồ hôi huyết khí tim gan phèo phổi v.v… mỗi chổ lại có vô số vi trùng rúc rẩy, phá hoại hoành hành thân thể chúng sanh trong từng sát na, thân thể chỉ là một đống nhơ nhớp đáng ghê tởm đối với người có trí tuệ, ta lại quán sát do sáu căn xúc đối với sáu trần, lảnh thọ cảnh đẹp thì sanh tâm ưa, ưa thì muốn tất cả cái ưa về mình; lãnh thọ cảnh xấu lại sanh tâm ghét, ghét thì muốn đùa cái ghét cho người, nhưng mới ưa, thì ưa khó đến, đuổi ghét thì ghét không đi. Chung qui không ngoài khổ vui đối đải.
Như Lai thấy chúng sanh trong tam giới, ngồi bàn chuyện khổ vui, thật không khác hai tù nhân nói chuyện khổ vui trong lao ngục. Chỉ có khi nào ra khỏi lao ngục lấy lại được tự do mới thật vui vậy. Cũng như thế, chúng sanh còn ở trong lao ngục tam giới thì không thể nói chuyện khổ vui được, chỉ khi nào thoát khỏi lao ngục tam giới mới gọi là an vui chân thật.
- Này các thiện nam tử, thiện nữ nhân: Ta lại quán sát các pháp là vô ngã, phân tể đầu số (chia chẻ quán sát) từ nhân sanh đến vũ trụ, đều do nhân duyên kết hợp mà thành, thật không có cái "ngã" thật thể, không có cái ngã tồn tại, người trí tuệ quán vạn pháp đều như huyển nên không đắm trước… Và ta lại quán tâm thức (vọng, tâm, ý thức) là vô thường, khi thương khi ghét, lúc giận lúc vui đều do ý thức phân duyên rồi phân biệt chấp trước điên

đảo, vì vậy mà kiếp luân hồi trong biển sanh tử.
Như Lai vì quán sát: Thân bất tịnh, tâm vô thường, thọ thị khổ, pháp vô ngã… nên đoạn trừ được ân ái, dứt bỏ hẳn lợi danh, vào núi tuyết tu khổ hạnh và chứng được bốn đức Niết Bàn: "Thường, Lạc, Ngã, Tịnh"
Cảnh yên lặng trong chúng hội, tiếng phát âm của Phật du dương như một bản đàn vô huyền (không dây) thảnh thót như tiếng chim Ca Lăng, tất cả vua quan trong pháp hội mắt thấy tai nghe thân tâm vô cùng thanh thoát.
Công chúa Vô Song nhứt thời viễn trần ly cấu liền chứng quả dự lưu (Tu đà hoàn).
Riêng Hoàng đế Tam Đa, ông suy nghĩ nhiều trong lời Phật dạy: Ôi! Ta với Phật Thích Ca đều con vua cả, nhưng Thái tử Tất Đạt đáng làm vua mà người chán nhàm ngôi báu, có vợ đẹp mà Ngài xa lánh yêu thương… còn ta chỉ vì đói danh lợi, khát tình yêu nên gây nhiều tội lỗi. Ôi! Đều từ một con người nhưng Thái tử đã trừ tận cùng thú tánh, để vươn mình lên địa vị Thánh nhân, còn ta! Ta chỉ vì không ngự trị được lòng tham nên tự gieo mình vào địa ngục… Ôi! Dục vọng! Chỉ kết quả trong đau khổ, trong nguy hại…
Trong lúc ông quan sát và thành thật ăn năn tội lỗi của mình, nên tâm khai ý giải rồi ông xin tình nguyện đầu Phật xuất gia.
Phật bằng lòng, vào bảo Tôn giả A Nan trao y bát cho ông, lại cả cây tích trượng hôm qua nữa. Ông kính cẩn quì thẳng nhận lãnh pháp bảo, khi ông thấy quả cầu còn treo lủng lẳng trên đầu tích trượng bất giác ông mỉm cười: Ừ, bóng hạnh phúc! Rồi ông ôm chặt y bát vào lòng. Chỉ có hạnh phúc này, mới là hạnh phúc chơn thường bất biến… Đưa mình và người đến nơi an lạc vĩnh viễn.
Thể Quán
"Tìm hạnh phúc trong vật dục cũng như người đã khát nước lại còn ăn thêm đồ mặn."

Con sư tử trọng pháp

Đầu đời mạt pháp về thời Đức Phật Tỳ Bà Thi, tại sứ Ba La Nại có một hòn núi tên là Tiên Thánh Sơn. Trong núi thường có các vị Sa môn Bích Chi Phật tu hành. Thường thường có các loài cầm thú hay đến gần gũi để nghe thuyết pháp. Có một con sư tử tên là Kiên Thệ, lông ánh sắc vàng, sức mạnh địch trên một ngàn con. Một khi rống lên thì chim bay phải rớt xuống, loài thú phải ẩn nấm sợ hãi.
Một hôm sư tử Kiên Thệ gặp một vị Sa môn Bích Chi Phật oai nghi thanh tịnh, tâm sanh hoan hỷ, nên ngày thường đến thân cận nghe tụng kinh và thuyết pháp.

Lúc bấy giờ có một người thợ săn thấy sư tử có lông vàng, nên muốn mưu giết, lột da dâng cho vua để lãnh thưởng. Người thợ săn nghĩ rằng: "Con sư tử này là vua các loài thú, cung tên không thể hại, lưới bẫy không thể sập được, chỉ có cách là giả dạng vị Sa môn, chờ con sư tử nghe quen thời lấy tên độc mà bắn. Nói đoạn liền cạo đầu, mạo hình Sa môn, vào núi ngồi dưới một gốc cây".

Lúc ấy, con sư tử Kiên Thệ thấy vị Sa môn, liền vui mừng đến liếm chân quấn quít một bên để nghe thuyết pháp. Người thợ săn dùng tên độc nhắm bắn. Con sư tử bị trúng tên đau quá rống ngược lên, muốn nhảy tới vồ giết vị Sa môn giả kia, nhưng lại nghĩ rằng: "Người này đã mặc áo cà sa là thứ biểu hiện của các Đức Phật Hiền Thánh trong ba đời, nay ta sát hại thời không khó gì, nhưng tức là ta sát hại biểu tượng của các Đức Phật". Nghĩ vậy bèn nuốt giận chịu đau.

Một lát sau, thuốc độc ngấm dần, đau đớn quá, sư tử lại muốn nhảy tới vồ nát người thợ săn, nhưng lại nghĩ rằng "Nay ta vồ giết thời không khó gì, nhưng ta sẽ bị các Đức Phật quở trách và làm người đời không thể phân biệt người lành kẻ ác. Người thợ săn độc ác âm mưu hại ta, nếu ta không nhẫn sẽ bị mọi người oán ghét, phiền não sẽ tăng trưởng. Phiền não tăng trưởng thời sanh tử tăng trưởng, sanh tử tăng trưởng thời sẽ sanh vào các chỗ hiểm địa, sanh vào chỗ hiểm địa thời rời xa bạn lành, xa bạn lành thời không được nghe chánh pháp, không được nghe chánh pháp thời mê mờ nghi loạn, mê mờ nghi loạn thời không được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vậy ta nên quyết không khởi ác tâm. Nghĩ vậy con sư tử liền nói bài kệ rằng:

Nguyện tự chịu bỏ thân mạng,
Trọn đời không khởi ác tâm.
Hại người mặc áo hoại sắc.
Nguyện tự chịu bỏ thân mạng,
Trọn đời không khởi ác tâm.
Đối với các bậc xuất gia.

Nói bài kệ xong liền ngã xuống chết. Người thợ săn cầm dao lột da sư tử đem về dâng vua. Nhưng khi vua nghe đầu đuôi câu chuyện, thấy rõ ác tâm của người thợ săn và rất cảm động trước lòng trọng Tam Bảo của con sư tử, bèn sai chém người thợ săn và đem xác con sư tử làm lễ Trà Tỳ xem như một vị Sa môn vậy.

Sư tử Kiên Thệ là tiền thân của Đức Phật Thích Ca.

Minh Châu

"Không thiên ma ngoại đạo nào có thể phá hoại đạo ta được, duy chỉ người mặc áo của ta, mới phá hoại đạo ta được mà thôi."

Nên thận trọng lời nói

Thuở xưa tại Kinh đô Ba La Nại có một người hai chân bại xuội, nhưng anh ta có tài búng sạn thật giỏi. Do đó, những trẻ em trong thành thường đẩy xe chở anh ta ra ngoài cửa thành, để anh dưới gốc cây biểu anh lấy sạn búng lá cây thành hình thú này thú nọ chơi, rồi cho anh tiền.
Một hôm, đức Vua ngự chơi vườn thượng uyển đi ngang qua chỗ ấy, những đứa trẻ kinh sợ bỏ chạy chỉ còn anh què ở lại. Đức Vua trông thấy bừa bãi dưới đất những lá cây lủng lỗ có hình thú rất ngộ nghĩnh mới phán hỏi quan hầu cận. Quan ấy biết rõ, mới tâu qua mọi lẽ.
Đức Vua đòi anh què đến hầu rồi phán:
- Nầy gã kia! Trẫm có một vị quân sư, có tật ham nói, khi trẫm muốn nói điều chi, thì quân sư cướp lời nói hết, Trẫm không nói gì được. Ngươi có phương kế chi làm cho ông không nói nhiều được không?
- Tâu Hoàng thượng! Nếu có vài cân phân dê, hạ thần có phương kế làm được.
Đức vua truyền đem anh què về triều, để anh ngồi một bên ngai, sau một tấm màn có khoét một lỗ và để gần anh một cân phân dê khô. Đoạn, Ngài hội triều thần bàn luận việc nước.
Vị quân sư quen tật cướp cả lời nói của mọi người. Khi ông há miệng thì bị anh què dò theo lỗ rèm búng một viên phân dê khô vào miệng. Nhưng vì ham nói quá, ông nuốt riết viên phân dê để nói nữa.
Đến chừng Đức vua trông thấy anh què đã búng hết cân phân, Ngài mới bảo Quân sư:
- Này Quân sư! Vì tật ham nói, nên khanh nuốt hết một cân phân dê khô mà vẫn chưa biết mình. Dạ dày của khanh không thể tiêu hóa được cân phân ấy, vậy khanh về nên uống thuốc xổ đi!
Quân sư cả thẹn ra về. Từ ấy không còn nói nhiều nữa.
Đức vua mới phán:
- Nhờ người bại này, mà lỗ tai của Trẫm đỡ bực bội.
Sau đó Vua ban cho anh què thâu thuế một làng rộng lớn vài ngàn dân số để sinh sống…
Sau một thời gian, có một người đến học nghề với anh bại nói trên. Sau khi học rành nghề, người ấy muốn thử tài mình, mới suy nghĩ, nếu mình búng sạn mà nhằm búng thử vào bò, heo, dê, ngỗng cùng gà vịt của người thì sợ bị họ đền, và sợ mình bị phạt.
Một hôm gặp Đức Phật Độc Giác, anh chàng bèn nghĩ: "Nếu ta thử tài với người khác, sẽ bị cha mẹ vợ con anh em họ kiện thưa, còn người này cô độc, là kẻ vô thừa nhận dầu ta thử mà có chết cũng không sao!".
Nghĩ thế, anh mới búng một viên sạn vào lỗ tai Đức Phật Độc Giác, viên sạn đi xuyên qua lỗ tai bên này thấu qua lỗ tai bên kia, theo như người thường

phải chết tại chỗ, nhưng Đức Phật Độc Giác dùng thuyền định về đến tư thất mới nhập diệt.
Anh ta tìm đến tư thất của Ngài để xem thử kết quả, thấy tính đồ bận lo hỏa táng và than khóc, anh mới khoe:
- Mấy người biết không? Ngài mà chết đấy là do tài búng sạn của tôi!
Tưởng khoe như vậy người ta khen mình, nào ngờ tính đồ tức mình lôi anh ta ra đánh chết. Vì tội giết chết Đức Phật, anh ta bị sa vào địa ngục A Tì…
Thông Kha
"Các ngươi thường tự giữ gìn lời nói, đừng nói lời vô nghĩa, nên nói hợp thời hợp pháp, những lời nói ngoài việc lợi ích cho người, dù là nói chơi cũng không nên nói."

Bán nghèo
Thuở xưa, ở nước Ấn Độ, có một trưởng giả giàu nứt đố đổ vách nhưng hết sức keo kiệt, thường cắt cổ, lột da thiên hạ với cách cho vay nặng lời. Tánh ông lại còn hung tợn, tàn ác nữa. Thật đúng với câu: "Vi phú bất nhân" ông không có chút từ tâm. Mỗi khi có những kẻ mang công thiếu nợ không lo trả nổi theo lời hứa hẹn, thì ông sai lũ gia nhân đánh đập một cách tàn nhẫn, thậm chí ông còn đối đãi với kẻ ăn, người ở trong nhà một cách hết sức tệ bạc, xem họ như loài thú vật không hơn không kém.
Trong nhà có một bà lão bộc, làm công việc nhà quần quật suốt ngày không có một lúc hở tay. Nhưng không phải chỉ vậy mà thôi đâu, mỗi khi có sơ sót, hay lỡ tay làm hư hỏng việc gì, thì ông chủ miệng chửi, tay đánh không mảy may thương xót. Áo quần không đủ để che kín tấm thân gầy, cháo cơm không đủ làm no dạ dày lép xẹp. Lại còn tuổi già sức yếu mà phải chịu bao nỗi nhọc nhằn, vất vả, vì sức chịu đựng của con người có hạn, cho nên bà thường bị đau yếu luôn. Có lẽ vì đau khổ quá, cực nhọc quá, nên nhiều khi bỗng không bà rơi nước mắt, rồi bà khóc thực sự, khóc cho thân thế bị bày vò, khóc cho tình đời đen bạc, trọng phú khinh bần.
Có một hôm nọ, nhân lúc mang bình ra mé sông múc nước, được ít phút rảnh rang khỏi cặp mắt gầm gừ của ông chủ, bà yên tâm tạm ngồi nghỉ chân dưới cội cây bàng. Trong đầu óc bà lúc ấy lại thoáng hiện ra những sự hành hạ, đập đánh, chửi rủa, tàn nhẫn vô lương tâm của ông chủ. Trong một phút suy ngẫm về giá trị đời sống, bà bỗng rùng mình. Tội nghiệp bấy giờ bà chán sự sống lắm, một ý nghĩ đen tối thoáng hiện trong óc bà, bà muốn quyên sinh. Bà nghĩ bà phải chết đi, chết để giải quyết tất cả mọi nỗi đau khổ loài người đen bạc đã cố ý đày đọa bà. Bà nghĩ những nỗi nọ niềm kia, nghĩ đủ thứ, nước mắt hai bên khóe tự nhiên ràn rụa tràn ra, lăn dài xuống hai má hóp. Bà để mặc cho hai dòng lệ tự do tuôn chảy không buồn chậm lau. Bà vẫn cố muốn khóc cho thật nhiều, khóc cho hết nước mắt để rồi bà chết, phải

rũ hết nợ đời, chớ sống mà thân xác cũng như linh hồn bị dày vò đày ải quá sức, thì thà chết đi còn hơn.
Bà khóc mùi mẫn cho đến đỗi Tôn giả Ca Chiên Diên đi đến tận bên, bà cũng không hay biết gì. Mãi đến lúc Tôn giả cất tiếng hỏi bà mới giật mình.
- Sao thế? Sao bà khóc lóc quá như thế? Ai ăn hiếp bà, ai hành hạ đánh đập bà?
Bà lao vẫn còn nghẹn ngào, không nói được ra lời để đáp lại những câu hỏi của Tôn giả. Bà chỉ giương đôi mắt mờ lệ nhìn Ngài.
- Tội nghiệp quá, xem bà nghèo khổ, gian truân quá, nhưng tình cảnh nhà bà ra sao? tại sao bà lại ngồi đây một mình mà khóc, bà cho tôi biết đi, bà nói hết nỗi khổ của bà cho tôi nghe đi, may ra tôi có phương chước gì để giúp ích phần nào cho bà.
- Bạch Ngài, Ngài xem tôi từng này tuổi mà vẫn phải làm tôi mọi cho người ta, công việc làm việc vất vả suốt ngày thâu đêm, lại còn bị chủ nhà ác nghiệt, bó buộc, đánh đập hành hạ khổ sở. Thân thể già yếu, nay đau mai mạnh, thế hằng ngày cơm chẳng đủ no, áo không đủ ấm, thì làm sao mà sống cho nổi!
Bà vừa nói vừa khóc trông thảm thiết lắm.
- Tội nghiệp bà nghèo từng này tuổi mà còn phải làm tôi tớ cho người để bị nhiều điều cơ cực, đau đớn, sao bà không bán quách cái nghèo đi, để đeo nó theo làm gì cho thêm khổ sở?
- Trời ơi! Sao Ngài bảo lạ thế? Ai thèm mua nghèo mà hòng bán?
- Bà ạ! Tôi nói thật đấy, nghèo có thể bán được như thường tôi thấy bà khổ sở, tôi khuyên bà bán ngay nó đi, tôi thương bà, tôi bảo thật đấy. Tôi nói gạt bà có ích lợi gì cho tôi đâu?
Nghe giọng nói quả quyết và trông gương mặt hiền từ, thành thật của Tôn giả, bà già hết sức ngạc nhiên, nhìn Tôn giả trân trân, hồi lâu mới thốt được lời:
- Nếu Ngài có phương kế gì bán được cái nghèo, mong Ngài thương xót chỉ cho, tôi xin ngậm vành kết cỏ, cảm đội ơn đức suốt đời, không lúc nào quên được.
- Được, tôi xin hứa chắc với bà và nếu bà thật tình muốn bán, thì tôi bảo thế này, bà phải làm đúng y như vậy mới có kết quả tốt đẹp được.
Bây giờ bà hãy xuống sông tắm cho thật sạch sẽ, thân thể bẩn thỉu quá có thể sinh ra nhiều bệnh tật, lại ai cũng chán mà chẳng dám đến gần.
Bà già vâng lời tôn giả xuống sông tắm rửa sạch sẽ xong xuôi, bà liền đến bên bạch rằng:
- Bây giờ Ngài dạy tôi cách nào để bán?
- Bây giờ bà phải bố thí. Vì Phật đã dạy: pháp bố thí là để cho người vượt khỏi lòng tham lam, mà tham lam là cái nhân bần cùng khổ sở. Tôi đã dùng

huệ nhãn quán sát thấy bà nhiều kiếp về trước tánh tình tham lam keo kiệt, nên kiếp này bà phải chịu quả báo cơ cực nghèo cùng. Vì vậy muốn hết nghèo cùng bà phải dứt lòng tham lam, còn phải thật hành phương pháp bố thí. Nhân nào thì quả nấy, chắc chắn không sai.
- Đất ơi! Ngài bảo tôi bố thí, bố thí để giứt lòng tham, nhưng tôi có tham hồi nào đâu? Tại tôi nghèo cùng đến nỗi giơ xương, lòi da như thế này, tôi phải đào đâu ra của để mà bố thí.Thưa Ngài, Ngài bảo cách nào dù thiên lao vạn khổ gì, già này cũng có thể cố gắng làm được, chớ còn điều này thì xin chịu. Tôi không biết làm cách nào để làm cho được vừa lòng Ngài. Đây hiện giờ trong tay chỉ có cái bình này của chủ thôi, tôi mang đi để múc nước về, nếu có thể bố thí được thì tôi xin bố thí ngay, bất quá về nhà chủ đánh chút thôi, không đến nỗi gì, quen rồi chả sợ. Miễn giờ đây có thể làm đủ theo ý muốn của Ngài là tôi vui lắm rồi.
- Ấy chết! Của chủ bà đem cho đi, về nhà mất bình chủ bà đánh chửi chịu sao nổi?
- Không sao, thưa Ngài! Già đã chịu đựng quen rồi, không đến nỗi gì, mà già cũng nghĩ liều mạng bất quá chết là cùng.
- Cũng được, miễn có lòng thành kính là được, không luận ít nhiều. Bà hãy đem bình tìm chỗ nước thật trong và thật sạch múc đầy bình đem về đây cho tôi.
Tôn giả Ca Chiên Diên tiếp nhận bình nước sạch do tự tay bà lão múc đem về dâng. Ngài chú nguyện cho bà, lại dạy bà lão nên ăn chay, niệm Phật, làm các công đức v.v… đoạn Ngài hỏi:
- Bà có chỗ ở nào thật sãch sẽ không?
- Tội nghiệp quá nhưng bà về nên cố gắng giữ lòng, lo trọn bổn phận, không nên hiềm hận điều gì cả. Tối đến, đợi khi trong nhà ngủ hết, bà hãy lén mở cửa lên nhà trên, vào trong ngồi xếp bằng ngay ngắn niệm Phật, tâm đừng nghĩ gì khác chỉ nên nhất tâm tưởng Phật mà thôi. Bà nên nhớ thế.
…Bọn đầy tớ nhà ông Trưởng giả rạng ngày mở cửa, cả sợ, tri hô lên. Ông Trưởng giả hốt hoảng ba chân bốn cẳng vừa chạy vừa quát "Mẹ tớ này sao hôm nay lại trốn lên được đây ngồi chết? Từ trước đến giờ không bao giờ mụ được lên đây cả, thế sao hôm nay… Bây đâu, hãy đến gần rờ xem bà ta chết đã lâu chưa? Nếu thiệt chết, bây cột chân kéo xác bỏ vào rừng cho quạ kên ăn quách đi là xong chuyện. Mau lên! Không tao đập chết cả lũ bay nữa bây giờ. Mau lên, mau lên.
Bọn đầy tớ lúi húi tìm dây cột chân làm theo lời ông chủ, nhưng ra khỏi ngõ chúng lại lôi tấm bố đã giấu được đem ra đắp điệm cho bà, xong rồi chúng ráp nhau khiêng xác đem bỏ trong rừng lạnh.
Có ai ngờ đâu, lúc bấy giờ bà lão tuy tồi tàn thế, nhưng thần thức của bà đã được sanh lên cõi trời Đao Lợi, do nhờ sự chú nguyện của Tôn giả Ca Chiên

Diên và nhờ sự cố gắng niệm Phật của bà.
Bấy giờ ở trên cõi Đao Lợi có một vị Thiên tử vì hết phước báo nên phải hoàn sanh nhân gian, bà lão nhờ sức trì giới, niệm Phật và công đức bố thí mà được thế vào địa vị ấy. Nhưng vì ham vui chơi theo khoái lạc của thiên báo mà quên nguyên do gì mình được sanh làm Thiên tử. Song vị Thiên tử này (bà lão bộc) trước đã gây phước lành, kết duyên Phật pháp, nên cảm đến lòng từ của Tôn giả Xá Lợi Phất, Ngài bèn đến lân la dọ hỏi để kích thích đạo tâm sẵn có của vị Thiên tử.
- Phàm việc gì có ra đều có nguyên nhân cả, hẳn Ngài đã biết mình từ đâu đến và do nhân duyên gì mà được cảm quả báo làm Thiên tử như hôm nay chứ?
Vị Thiên tử cùng các quyến thuộc còn đang ngơ ngác chưa hiểu ra làm sao cả, thì Ngài Xá Lợi Phất liền truyền đạo nhãn cho vị Thiên tử xem. Như chiêm bao chợt tỉnh, vị Thiên tử rối rít tỏ lời cảm tạ ơn Ngài Xá Lợi Phất đã khai thị cho, đồng thời họp cả năm trăm quyến thuộc lễ Ngài, rồi cùng nhau mang hương hoa sang ngay hàn lâm, xông hương, rải hoa cúng dường tử thi. Ánh sáng của Chư Thiên chiếu khắp cả khu rừng có tử thi của bà lão bộc làm cho mọi người hết sức kinh dị, nhà ông Trưởng giả cũng hay, cùng kéo nhau đến xem.
Lấy làm lạ, có người đến gần hỏi: "Đây là người tớ già của nhà chúng tôi vừa chết, thân thể đã sình trương dơ nhớp, khi bà còn sống người ta còn ghê tởm ít dám đến gần thay, phương chi nay bả đã chết rồi có gì quý lạ mà quý vị đến đây rải hoa cúng dường? Nghe hỏi vị Thiên tử bèn ứng tiếp đáp lời thuật rõ ngọn ngành, vì nhân duyên gì mình được bỏ thân tôi tớ, sanh làm trời hưởng phước báo vô lượng. Đoạn vị Thiên tử xây mặt về phía tịnh xá tưởng nghĩ đến Tôn giả Ca Chiên Diên, rồi vì Chư Thiên quyến thuộc của mình và một số người trần có mặt hôm đó giảng pháp mầu đã lãnh thọ được cho nghe, nào là: Luận về pháp bố thí, giữ giới, niệm Phật, lìa dục v.v…
Nghe xong, năm trăm vị trời ấy tâm được xa lìa trần cấu, chứng nhãn thanh tịnh, đồng bay về thiên cung.
Bấy giờ những người trần có mặt tại đó thảy đều tỉnh ngộ, ông Trưởng giả bấy giờ mới sáng mắt và mới nhận được cái giá trị của con người không phải ở vật chất mà chính ở tinh thần vậy. Thế là bà lão đã bán được cái nghèo với một giá cao hết sức tưởng tượng: làm thân trời.
T.P
"Người ta ở đời nghèo gì mà đến nỗi không có một chút bún để bố thí cho một con kiến."

Lỗi không phải tại thầy thuốc

Xưa có một chàng thanh niên đau nặng, đã hết phương cứu chữa mà bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Các thầy thuốc danh tiếng trong vùng đều bó tay, nên chàng ta thất vọng đau khổ lắm.
Nhưng may thay, một hôm có một vị lương y tìm đến thăm bệnh cho chàng rồi nói: "Bệnh anh trầm trọng lắm rồi, chỉ còn một phương thuốc cứu chữa mà thôi, thuốc ấy tuy khó tìm, nhưng cố gắng sẽ tìm được. Thứ thuốc ấy là thứ thịt chim trĩ, anh phải tìm mua cho được mà ăn, thì bệnh sẽ lành. Anh cứ y theo lời tôi thì một thời gian sẽ thấy hiệu quả ngay. Bây giờ tôi phải đi nơi xa để cứu chữa cho những người khác".
Chàng ta nghe qua lấy làm mừng rỡ, liền mượn một người hàng xóm đi mua hộ chim trĩ. Người hàng xóm thấy tình cảnh của chàng và lấy làm thương hại nên cố gắng đi tìm mua giùm. Đi tìm mãi mua được một con về cho chàng. Sau khi ăn xong thấy bệnh tình thuyên giảm nhiều, chàng rất sung sướng và tán tụng vị lương không ngớt. Nhưng tiếc thay, anh chỉ ăn một con rồi không ăn nữa, nên bất ngờ bệnh tình trở lại như cũ. Chàng lại than phiền thuốc không hay thầy không giỏi.
Thời gian sau, vị lương y trở lại hỏi:
- Bệnh bớt chưa?
Chàng đáp:
- Dạ thưa không bớt gì cả. Trước kia Ngài bảo tôi mua chim trĩ ăn thì hết bệnh sẽ lành, tôi y theo lời mượn người mua được một con đem về ăn. Khi ăn xong thì bệnh có giảm một đôi phần, nhưng trải qua vài ngày thì bệnh trở lại như cũ.
Vị lương y nói:
- Sở dĩ bệnh của anh không lành là không phải lỗi vì tôi, cũng không phải tại thuốc không hay, mà lỗi tại anh. Vì bệnh của anh là trọng bệnh cần phải ăn nhiều chim trĩ mới có thể lành, chứ mới ăn một con mà mong lành bệnh sao được. Nghe ra chàng ta tự giận và trách mình quá dại khờ nông nỗi…
Câu chuyện này Đức Phật ví dụ cho chúng sanh bị khổ trầm luân sanh tử nhiều đời nhiều kiếp, Đức Phật ra đời chỉ cho phương pháp thoát khổ nhưng chúng sanh biếng nhác không chịu y theo giáo pháp tiếp tục tinh tấn tu hành, nên vẫn bị sanh tử luân hồi mãi không giải thoát, trở lại trách Phật không độ, Phật pháp không nhiệm mầu…
Thiên Chơn
"Ta như thầy thuốc hay biết bệnh cho thuốc, uống hay không uống không phải tại thầy, ta như vị chỉ đường dạy con đường phải, nghe mà không đi, lỗi không phải tại người chỉ đường."

Tập II - 2

Điều đáng lo nhất

Hoàng Thái Hậu vua Ba Tư Nặc mất, y tục lệ cổ truyền của xứ Ấn Độ, nhà vua và quần thần lo cử hành lễ an táng rất long trọng. Sau khi công việc xong xuôi, nhà vua cùng Hoàng tộc mang cả áo vải sô gai, đi chân đến nước Xá Vệ nơi tịnh xá Kỳ Hoàn đảnh lễ Đức Phật.
Lấy làm lạ Đức Phật bảo vua Ba Tư Nặc ngồi rồi hỏi rằng:
- Hôm nay sao Đại vương mặc y phục như vậy?
- Kính bạch Đức Phật Thế Tôn! Mẹ con năm nay tuổi ngoài chín mươi, bà vừa mới mất sau một cơn bệnh nặng. Con an táng xong lòng cảm thấy buồn bởi thân thuộc biệt ly, nên đến đây chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn, may đâu nhờ Ngài để vơi được đôi phần đau xót.
- Nầy Đại Vương! Từ xưa đến nay điều đáng lo nhất cho nhân loại: "Sống thì thiếu thốn, già thì héo khô, bệnh thì đau đớn, và chết thì biệt ly…" Bốn thứ ấy không bao giờ hẹn với người cả.
- Bạch Thế Tôn! Thế thì bấy lâu nay con quá mê lầm: Buồn những điều không đánh buồn… nhất là lo những điều không đáng lo!...
Vua Ba Tư Nặc vừa dứt lời, thì Đức Thế Tôn dạy:
- Đại vương nầy! Vạn vật vô thường chuyển biến, di dịch không đứng yên: Sự sống của con người cũng y như vậy, chả khác gì nước sông xuôi dòng chảy suốt ngày đêm.
- Đại vương hãy chú ý nghe, tất cả các ý ấy ta sẽ tóm tắt trong bài kệ sau đây:
"Như nước chảy xuôi dòng, Chẳng bao giờ trở lại.
Mạng người cũng như vậy, Không khác một mảy may".
Im lặng một hồi lâu để cho vua Ba Tư Nặc được thấm nhuần chân lý ấy rồi Đức Phật lại tiếp thêm:
- Nầy đại vương! Đời người ai cũng già, cũng bệnh, cũng chết, chứ không ai là kẻ trường sanh, thoát ly ngoài định luật ấy, dù là vua chúa. Vậy đại vương buồn rầu một cách vô nghĩa trước cái chết thì chỉ hao tổn xác thân và tinh thần mềm yếu mà thôi. Là người con hiếu thảo, Đại vương làm tất cả phước thiện như: bố thí, trì giới, nhẫn nhục… để hồi hướng công đức ấy cho người quá cố. Nếu làm được như vậy thì không những ảnh hưởng đến người chết, mà hiện tại người còn sẽ được nhiều phước lạc và tương lai sẽ đi lần đến nơi giải thoát.
Những lời Phật dạy làm cho bao nhiêu sầu muộn của Ba Tư Nặc và Hoàng

Hậu tiêu tan và những niềm hoan hỷ hiện bày trên nét mặt.
Trên đường về vua Ba Tư Nặc luôn luôn nói với mọi người:
- Hôm nay chúng ta mới bắt đầu thấy được dấu Đạo. Ta hy vọng có thể làm cho Mẫu hậu ta được siêu thoát ly được bốn điều đáng lo nhất của nhân loại mà Đức Phật đã dạy nếu thật hành theo Ngài.
Tuyền Minh
"Không có vật gì thường trụ, vật gì cũng biến đổi, người ta không thể tắm hai lần trong một dòng nước, vì từ giây phút này đến giây phút khác, dòng nước ấy không còn y như cũ, nó đã biến đổi và trở thành dòng nước khác."

Nước mắt mẹ hiền

Nắng chiều ẩn vàng những căn nhà mới dựng trên bãi biển của thành Ba La Nại. Đó là nhà của một người lái buôn giàu có. Hơn mười năm nay, anh ta đã bao lần lên đênh trên biển cả, tìm đến những bến bờ xa lạ của các nước Ả Rập, tiếp xúc với những dân tộc hiền lành cũng như hung dữ. Sau mỗi chuyến đi anh ta lời rất lớn. Rồi anh trở thành một trong những người nhiều của cải nhất.
Vợ anh là một người đảm đang. Mắt nàng luôn ẩn vẻ lo buồn. Và ngày về của chồng với bao đồ quí giá vẫn không làm cho nàng vui, vì cái viễn ảnh của ngày ra đi, của cuộc chia ly sắp đến.
Hai vợ chồng sanh được một đứa con trai. Nàng đặt cho nó cái tên thật dài Métracanyaca. Đứa bé đem lại cho nàng những nỗi khuây khỏa trong lúc xa chồng.
Métracanyaca đã lên sáu. Một đêm về mùa đông nàng thao thức không ngủ được vì sắp đến ngày cha Métra về. Đến gần sáng, trời bỗng trở gió, gió càng lúc càng mạnh. Tiếng gió bể ầm ầm. Những nối lo ngại như nhiều lần trước trỗi dậy. Mãi đến chiều đoàn thuyền vẫn chưa thấy về. Người ta ra bãi ngóng trông.
Đến gần tối, một chiếc thuyền buồm xuất hiện. Trong số hàng chục chiếc ra đi chỉ có một chiếc trở về, và chiếc đó không phải là thuyền của chồng nàng. Người ta báo cho nàng cái tin hung dữ. Thuyền của chồng nàng bị đánh đắm. Nàng ngất đi, sự đau đớn lớn lao nhất của đời nàng ghi mãi nét buồn trên gương mặt nàng. Và tất cả hi vọng của mình còn lại, nàng đã trút vào cuộc đời của Métra.
Métra lớn lên khoẻ mạnh hơn người. Mắt hắn long lanh đen nháy, luôn luôn nhìn thẳng ra xa mơ ước một cuộc đời phiêu bạc. Nàng đã đoán trước được điều ấy nên tìm hết cách khuyên bảo con. Đôi lúc hắn hỏi mẹ: "Mẹ ơi! Cha con thuở trước làm nghề gì?". Câu hỏi đó đã làm nàng nhiều đêm không ngủ yên. Nàng thấy lại nỗi đau xót của mình trong buổi chiều đông năm xưa.

Nàng nói dối hắn: "Cha con hồi trước làm nghề đi buôn trong nước". Hắn liền nuôi mộng đi buôn trong nước.
Năm năm sau, Métra trở thành một thanh niên cứng cỏi, và hắn đi buôn trong nước. Trong chuyến đi buôn đầu, hắn lời được bốn đồng. Đó là một thành công lớn đối với kẻ còn thiếu kinh nghiệm như hắn. Hắn đem cả bốn đồng về giao cho mẹ hắn và yêu cầu mẹ cúng dường giúp đỡ các vị Sa môn, Ba La môn, các người nghèo khổ và ăn xin. Mẹ hắn tưởng hắn an phận thích nghề ấy rồi.
Nhưng một hôm hắn trở về buồn rười rượi. Hắn muốn đổi nghề vì nghe người ta nói cha hắn làm nghề bán dầu thơm. Mẹ hắn đành chiều hắn. Ngày hôm sau hắn lập quán trong thành phố. Lần này hắn lời được tám đồng khá hơn lần trước. Nhưng cái nghề bán dầu thơm tầm thường nọ không làm hắn hứng thú chút nào. Lại thêm có người bảo cha hắn trước kia làm nghề bán nữ trang. Thế là lần sao, hắn đem tám đồng về cho mẹ nó với cả ý định bỏ nghề bán dầu thơm.
Nó chuyển sang nghề bán nữ trang. Nó bán chạy và cạnh tranh với những tiệm vàng lớn trong thành phố. Nó lời tháng đầu mười sáu đồng. Tháng sau ba mươi hai đồng. Thật là những món tiền to lớn. Hắn đem về cho mẹ và cũng yêu cầu mẹ làm các việc công đức như những lần trước. Nhưng cái nghề này giữ chân hắn một chỗ và hắn thấy bực bội. Sự hoạt động của hắn bị bó hẹp, tầm mắt hắn bị chặn lại. Rồi có một chủ tiệm vàng đến nói với hắn: "Sau chàng không làm nghề hàng hải như ông thân chàng mà lại đi làm nghề bán nữ trang hèn mọn tù túng này". Hắn bị kích thích đúng chỗ… Vậy là hôm sau, Métra bán tất cả số vàng còn lại dồn được một số vốn lớn. Bể khơi với sóng gió ngàn trùng, với các bến bờ xa lạ kêu gọi hắn. Hắn nhất quyết rồi, hắn về nói với mẹ: "Thưa mẹ có phải cha con trước kia làm nghề hàng hải không? Mẹ cho con theo nghiệp cha con đi buôn ngoài bể cả".
Mẹ hắn sửng sốt. Bà đã cảm thấy trước điều mong muốn của con. Bà đã để ý đến cái nhìn đăm đăm của hắn ra tận bể khơi như cố tìm đến bên kia bờ đại dương. Bà đã để ý con say sưa thèm thuồng cuộc đời của những thủy thủ trên các thuyền buồm từ xa đến. Bà cũng muốn cho con thỏa nguyện, nhưng hình ảnh của cuộc ra đi không ngày về của cha Métra đã làm cho nàng tìm hết cách ngăn con: "Phải, Métra ạ! Cha con trước đây làm nghề hàng hải nhưng bị nạn chết đánh từ ngoài bể khơi. Mẹ đã đau khổ lắm rồi. Nay mẹ chỉ có mình con, con nỡ nào bỏ mẹ đi ra góc bể chân trời, mẹ sẽ khô héo mà chết".
Métra tuy cảm động nhưng hắn đã quyết. Chiều hôm ấy hắn cho người đánh chuông rao khắp kinh thành Ba La Nại: "Hỡi các thương gia đáng tôn kính! Métra sắp đi buôn xa, vậy ai muốn đem hàng ra hải ngoại thì cứ đi chung với người".

Mẹ Métra khuyên răng hắn rất nhiều. Hắn vẫn không đổi ý định. Đến ngày ra đi, năm trăm lái buôn cùng đi chuyến này với hắn, bà mẹ quá thương con. Cái cảnh ra đi giống hệt như cảnh ra đi của cha con ngày trước, làm bà quá đau xót. Bà ngã xuống ôm lấy chân con mà khóc. Mọi người đều cảm động, Métra ngồi xuống một lát, nhưng hắn bỗng đứng dậy, rút mặt chân ra, bước qua đầu mẹ hắn. Hắn đi thẳng xuống thuyền không ngoái nhìn lại. Bà mẹ chậm chạp ngồi dậy và trong nước mắt mà niệm nho nhỏ: "Con ơi! Mẹ cầu cho con tai qua nạn khỏi. Mẹ cầu cho con khỏi bị quả báo đã bước ngang đầu mẹ con ơi".

Đoàn thuyền vượt sóng đã ba ngày trường, đến ngày thứ tư trời bỗng đổi biến đột ngột rồi có gió mạnh. Gió cuốn từng hồi báo trước một cơn bão lớn. Mọi người lo ngại và cố sức chống chọi. Nhưng chuyện phải đến đã đến. Bão to đã đánh tan cả đoàn thuyền.

Métra đeo trên một tấm ván và may mắn trôi dạt vào bờ xa lạ. Hắn lần lần hồi tưởng lại và đi đến một thành phố. Đây là thành Ramana. Anh chàng thanh niên của kinh thành Ba La Nại được người ta niềm nở tiếp đón. Có bốn nàng tiên đẹp đẽ đến chào hắn, trước ngực mỗi nàng đều lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng vàng hắn đã trao cho mẹ ngày trước đây. Các nàng tiên nói với hắn: "Chào chàng Métra, đây là đền đài của các em. Đây là tất cả sự khoái lạc ở đời. Chàng vào đây chung vui với chúng em". Métra nhận lời. Hắn sống đầy đủ về vật chất hình như được hưởng những phước đức đã làm nên ngày trước, nhưng hình như có một nguyên do vô hình thúc đẩy hắn: Hắn buồn ý và ra đi, xuống miền Nam. Hắn đến thành Sadamaham. Có tám nàng tiên trẻ đẹp đến chào hắn. Trước ngực mỗi nàng lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng tiền vàng của hắn đã trao cho mẹ ngày trước đây. Các nàng tiên cũng nói với hắn những lời dịu dàng như những nàng trước. Hắn cũng nhận lời ở lại đây và hắn cũng đã sống đầy đủ về vật chất như được thừa hưởng những phước đức đã làm nên ngày trước. Sau, buồn ý lại ra đi, xuống miền Nam.

Hắn đến thành Nandana. Mười sáu nàng tiên đẹp đẽ đến chào hắn. Trước ngực mỗi nàng lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng tiền vàng hắn đã trao cho mẹ hắn ngày trước. Các nàng dịu dàng mời hắn ở lại và chăm sóc như những nàng trước. Hắn đã sống đầy đủ về vật chất như được thừa hưởng những phước đức đã làm nên ngày trước. Nhưng rồi hắn cũng lại ra đi về phía Nam.

Hắn đến thành Brahmottora. Ba mươi hai nàng tiên đẹp đẽ chào hắn. Trước ngực mỗi nàng lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng tiền vàng hắn đã trao cho mẹ hắn ngày trước. Hắn được mời ở lại hưởng khoái lạc trong thành. Đến đây nhiều điều đã làm cho hắn suy nghĩ: Tại sao hắn, một kẻ có tội với mẹ, hắn đã hưởng những sung sướng đã qua. Phải chăng đó là do

ngày trước hắn đã trao những món tiền bốn đồng, tám đồng, mười sáu đồng, và ba mươi hai đồng cho mẹ hắn để làm việc thi ân. Nhưng sự sung sướng được hưởng đối với hắn quá nhiều rồi. Hắn không thể ở lại đây nữa. Hắn lại muốn ra đi xuống miền Nam, mặc dù các nàng tiên hết sức khuyên can. Lần này hắn đi thật xa. Hắn đến một bức thành bằng sắt. Hắn đi vào thành thì cửa thành đóng lại. Hắn cứ đi nữa và không mấy chốc hắn gặp một người to lớn trên đầu đội một vành sắc cháy đỏ. Lửa phun rừng rực máu mủ trên đầu người ấy chảy tràn xuống miệng, người ấy liếm tất cả. Hắn đến gần và hỏi:

- Nhà ngươi là ai? Tại sao lại bị hình phạt đau đớn khổ sở như vậy?

Người ấy nén đau xót, ngẩn nhìn hắn một lát rồi trả lời:

- Tôi là người đã làm cho mẹ tôi đau khổ, nên tôi phải gánh lấy quả báo như thế này. Tôi sẽ chịu quả báo mãi cho đến khi một người khác đã tạo nghiệp ác làm mẹ đau khổ đi ngang qua đây sẽ thay thế cho tôi.

Cái quá khứ tội lỗi của Métra hiện lên rõ ràng trong tâm trí. Métra đã bước ngang đầu mẹ, đứa con bất hiếu đó đang đứng đây và đáng nhận những hình phạt nặng nề nhất. Métra vừa nghĩ như thế thì vành lữa nóng bay qua chụp lên đầu chàng. Métra nhìn người kia bây giờ đã khỏe mạnh, vết thương trên đầu bấy giờ đã lành hẳn và hỏi:

- Tôi phải chịu vòng lửa nầy trong bao lâu?

Người kia đáp:

- Chàng phải chịu hình phạt này đời đời kiếp kiếp cho đến khi có người phạm tội đã làm mẹ đau khổ như chàng, đến thay thế cho chàng. Métra đau khổ vô cùng. Lửa cháy xèo từng mảnh thịt, mặt như bị cắt từng mảnh thịt, mặt như bị cắt đi từng đường gân máu và tê liệt từng chỗ. Tuy vậy Métra vẫn bằng lòng với hình phạt mình đã chịu. Chàng nghĩ rằng: "Lại sẽ có người phạm tội đối với mẹ để đến chịu thay ta? Không nên như thế! Chúng sanh ơi! Hãy đừng ai sanh tâm làm mẹ mình đau khổ. Hãy đừng ai làm cho nước mắt mẹ mình tuôn chảy vì mình".

Rồi Métracanyana phát nguyện rằng: "Tôi xin nguyện đội vành nầy mãi mãi, xin thay chịu đau khổ cho tất cả chúng sanh".

Lời phát nguyện của Métracanyaca thật là vô cùng chứa chan tình yêu thương rộng lớn. Lời phát nguyện chân thành ấy đã dải thoát Métra khỏi vòng tội lỗi và vòng lửa bỗng rời khỏi đầu Métra bay lên hư không trả lại cho Métra đời sống an lành.

Quảng Huệ

"Xin mẹ hiền nhận lạy nầy con bất hiếu
Đã bao lần làm mẹ khổ ngày xưa
Đã bao lần làm mẹ khóc như mưa
Bao nhiêu lạy cũng chẳng vừa ân mẹ."

Tai hại của tham ái

Ngày xưa, có một chàng thanh niên phạm tội loạn luân với chị dâu của mình, và mối tình thầm lén này, đã khiến họ yêu nhau tha thiết, mặc dù đó là một tình yêu đầy tội lỗi. Người chị dâu lang chạ đã nhiều lần xúi em chồng giết chồng đi, để hai người tự do hưởng hạnh phúc bên nhau.
Thoạt nhiên người em không mù quáng nghe lời xúi dục thâm độc ấy, nhưng người chị dâu không nản lòng, cứ khuyến khích mãi, và cuối cùng người em đáng thương hại kia đã giết anh mình.
Vì tình thương vợ còn quá nặng, nên sau khi chết, người chồng đáng thương ấy lại đầu thai làm con thằn lằn ở trong nhà, và con thằn lằn này thường khi buông tay cho mình rớt xuống ngay mình người vợ.
Người đàn bà tội ác này biết con thằn lằn là chồng mình đầu thai, nên chỉ hai ba lần sau là thằn lằn bị giết chết.
Sau khi chết, con thằn lằn vẫn còn thương vợ, nên đầu thai làm con chó trong nhà. Lúc khôn lớn hễ mỗi khi người đàn bà ngoại tình đê tiện ấy đi đâu, thì chó ta chạy theo một bên như bóng theo hình. Bị các thanh niên trong xóm chọc ghẹo nhiều lần, họ kêu là cô thợ săn… Lòng tự ái bị tổn thương, cô ta lại giết con chó.
Nợ tình chưa dứt nên chó ta chuyển kiếp làm con bò đực trong nhà vợ. Lớn lên bò ta cứ đi theo một bên người đàn bà thâm độc ấy mãi. Lần này cũng bị các cậu trai chọc ghẹo họ kêu cô là cô chăn bò. Chịu đựng không nổi với lời bỡn cợt, có tính cách phỉ nhổ ấy, cô ta lần thứ ba giết chồng đang sống kiếp mang lông đội sừng.
Màn tình chót sắp hạ, mặc dù vợ giết ba phen, nhưng tình thương vợ vẫn còn vương vấn, nên sau khi bị giết, bò ta bèn đầu thai vào thai bào của người vợ. Nghĩa là hết làm chồng trở lại làm con.
Sau khi sanh ra, đứa nhỏ nhớ được kiếp trước của mình biết rằng: Chính tay người mẹ nầy đã giết mình trong bốn kiếp qua, từ khi mình còn là chồng nàng.
Quá đau khổ, đứa nhỏ bắt đầu làm khó mẹ nó, nhất định không cho người mẹ đụng đến mình nó. Mỗi khi người mẹ ẵm bồng, thì nó la khóc dẫy dụa như mình sắp chết.
Thế là chỉ có ông nội và bà nội cực khổ nuôi nấng đứa bé.
Khi đứa nhỏ biết ăn biết nói, một hôm ông nội hỏi cháu:
"Tại sao cháu không cho mẹ cháu động tới mình". Được dịp đứa bé thuật lại hết đầu đuôi và kết luận: "Nó đâu phải là má của con, nó là người thù của con đấy nội".
Nghe qua câu chuyện tình đẫm máu, và thấy rõ lòng dạ người đời, ông nội

bèn ôm cháu vào lòng và nói: "Thôi! Cháu đừng buồn nữa, ông cháu mình sẽ đem nhau đi tu". Mủi lòng ông cháu ôm nhau khóc. Ông nội thì khóc cho mối tình ngang trái của cháu, mà mới hôm nào là đứa con trai của mình. Còn đứa cháu cũng khóc, nó khóc cho ông nội mà trước đây là cha của mình phải cực khổ vì mình, khóc cho số kiếp của mình sao chóng thay đổi.
Và mấy ngày sau, trong một ngôi chùa người ta thấy một vị Tăng già và một em bé sống an lành dưới bóng Phật đài. Họ trầm ngâm trong vẻ mặt thảm buồn, và dường như họ cố gắng lắm. Phải! Họ cố gắng để quên đi mối tình sa đọa, mà trong đó họ chính là những nạn nhân đáng thương nhất…
Thông Kham
"Lòng tham ái không nặng không sanh cõi Ta bà. Tâm niệm Phật không chuyên nhất không sanh Tịnh độ."

Vua Ưu Điền với pháp ly dục

Khi Phật còn tại thế, có một nước tên là Câu Lâm, vua nước ấy hiệu là Ưu Điền. Trong nước có ông triệu phú tên là Mai Hồi Đề, sinh hạ một gái nhan ssắc tuyệt vời, trên đời không ai sánh kịp, vì thế song thân tặng cho cô gái cái tên Vô Tỷ. Vua các nước lân bang và các nhà hào phú đều đến cầu thân. Ông triệu phú trả lời: Nếu có người quân tử nào dung mạo xinh đẹp bằng con ông, thì ông mới nhận lời.
Bỗng, một ngày Phật đi qua nhà ông triệu phú, ông thấy Phật với 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, thân thể sáng chói như vàng, oai nghi trang nghiêm, tâm ông hoan hỉ và nói rằng: "Con ta có người sánh đôi rồi, ông liền trở vào bảo bà, tôi đã nhận thấy con người cho con mình làm bạn, bà nên sắm sửa cho nó và mình cũng sửa sang cùng nhau đem con đi". Bà triệu phú vội vàng lấy chuỗi ngọc kim cương đeo cho con và trang sức từ đầu đến chân trông như tiên nữ giáng thế. Cả ba cùng nhau đến chỗ Phật.
Bà triệu phú đi gần đến chỗ Phật, thấy dấu chân Phật đoán biết không phải người thường, nói với ông rằng: Dấu chân này không phải người phàm, chính là người thanh tịnh ly dục, không nên đem con mình đến mà bị nhục. Ông không nghe, mắng bà biết chi mà nói. Bà can không đắc lời, bực mình lui về, ông triệu phú một mình đem con đi.
Đến nơi ông đảnh lễ Phật thưa rằng:
- Ngài khó nhọc đi khắp nơi giáo hóa, thân tôi không thể cúng dường, tôi xin cúng dường người con gái tôi để Ngài sai khiến.
Phật bảo:
- Con gái ông đẹp lắm phải không?
Ông thưa:
- Thưa Ngài, tôi chỉ sanh một gái duy nhất dung mạo thật thế gian không ai

sánh kịp, các vị vương giả và các nhà hào phú đều ao ước mà tôi không nhận lời. Tôi thấy Ngài dung nghi tốt đẹp, trên đời không ai bằng, lòng tôi tham cúng dường nên đem đến Ngài để hầu Ngài.
Phật bảo:
- Ông bị mắt thịt mê hoặc, ta xem từ đầu đến chân người con gái ông không có gì là đẹp. Trên đầu có tóc không khác gì lông đuôi ngựa, dưới tóc có đầu lâu, giống như đầu heo ở hàng thịt, bề trong có não không khác gì não heo, hai mắt thường chảy ghèn nước mắt, hai lỗ mũi, miệng, hỉ nhổ mũi dãi, trong bụng có tim gan, phèo, phổi, ruột già ruột non, đầy dẫy hôi thối nhơ nhớp, không thể tả hết, chỉ như cái đẫy da đựng đầy vật ô uế, bốn chân tay do các lóng xương nối lại mà thành, nhờ chút hơi thở mà sống. Nếu đem chia ra đầu một nơi, chân tay thân thể mỗi nơi mỗi cái, thế thì lấy cái gì gọi là đẹp, mà nói không ai sánh kịp? Trước kia khi tôi mới thành Đạo dưới gốc cây Bồ Đề, có ba nàng ma nữ ở cõi trời, hình dung nhan sắc, không ai sánh bằng, họ đến gần tôi chực phá đạo chánh, tôi khi ấy nói pháp quán thân bất tịnh, như vầy, ba người kia bỗng nhiên thành già, tóc bạc, mặt nhăn, lấy làm hổ thẹn, bỏ đi mất. Ông thử nhìn xem thân người là vật ô uế có gì đáng gọi là đẹp. Ông nên đem con về, tôi không nhận lời ông đâu!
Ông Hồi Đề nghe Phật dạy thế, không còn biết nói gì, lấy làm hối hận, lủi thủi đem con về.
Ngày khác ông đem con gái đẹp dâng cho vua Ưu Điền. Vua được người đẹp, bằng lòng, liền phong tước lộc cho ông Hồi Đề, vua rước nàng vào cung, phong làm thứ phi, cấp cho một ngàn người hầu hạ múa hát, ngày đêm vui thú.
Hoàng hậu vua Ưu Điền quy y theo Phật đã lâu, bà tu hành chứng quả Tu Đà Hoàn.
Thứ phi thường tâu vua Hoàng hậu chứng quả, vua đem tâm nghi hoặc, lấy cung tên ra bắn Hoàng hậu. Hoàng hậu thấy tên không chút sợ hãi, cũng không giận hờn, chỉ nhất tâm niệm Phật, lại khởi từ tâm, hướng trước mặt vua. Những mũi tên vua bắn ra, đều lượn quanh Hoàng hâu ba vòng, trở lại rơi trước vua. Vua thấy thế lấy làm sợ hãi, liền lên xe bạch tượng đi thẳng đến chỗ Phật, gần tới nơi vua vội xuống xe, đi bộ vào cúi đầu lễ sát chân Phật, quỳ mà bạch:
- Thưa Thế Tôn, tôi có lỗi với Tam Bảo, vì tôi nghe lời tà siểm của người yêu nên tôi lầm sanh niệm ác đối với Phật và Thánh chúng, tôi đem trăm mũi tên bắn Hoàng hậu là đệ tử Phật.
Thế rồi ông trình bày những cử động tàn ác của ông đối với Hoàng hậu, ông lo sợ hối hận, ông tin rằng chỉ có Đức Phật mới đầy lòng từ bi vô lượng, đến như người thường làm đệ tử Phật, cũng biết phát từ tâm đến thế, chính Phật là đấng Chánh Chân Vô Thượng, nên ông xin xám hối tội lỗi và quy y Tam

Bảo.
Phật thấy ông thành thật trải bày tâm sự sám hối quy y, Ngài nhận lời và an ủi:
- Đại vương là người thông minh, mau biết tỉnh ngộ thật đáng quí.
Vua cảm mến lễ Phật.
- Thưa Thế Tôn, tôi từ trước đến nay theo thói dữ tợn ngu muội không biết nhẫn nhục, ba độc nó sai khiến tôi làm nhiều tội ác, nghe lời tà vạy không biết phải trái, nếu không gặp Phật, chắc tội lỗi càng sâu dày. Cúi xin Ngài thương xót nói rõ những tội lỗi tin nghe lời xiểm nịnh, để tôi nhớ mà giữ gìn, cũng để làm gương cho người đời sau.
Phật dạy:
- Hay lắm! Ông phải chăm nghe và gìn giữ. Ở đời có bốn điều người nam nữ, phải biết mà dè dặt:
+ Một là người dâm phu tầm thường mơ tưởng nữ sắc, bỏ quên Chánh Pháp nghe theo tà tín mờ tối, làm tôi tớ cho dục vọng, đem cả tâm trí chú trọng vào đó, ngoài ra không thấy gì hơn nữa.
+ Hai là khi có con mang nặng đẻ dau, tận tụy nuôi cho trưởng thành, tìm người xứng đôi vừa lứa, không kể xa gần, lặn lội cho được, chú ý nuôi dài mối dâm dục cho con. Khi có dâu rồi, nó quí vợ như của báu, riêng vui thú với nhau, chỉ nghe lời vợ, quên hẳn công lao cha mẹ, sinh thành dưỡng dục, trở thành bất hiếu.
+ Ba là người đời làm lụng khó nhọc dành dụm tiền tài mà không nghe làm phước, bố thí, cúng dường, vì không hiểu cuộc đời vô thường, chỉ có phước đức là lâu dài đáng quí. Thế nên khi có vợ rồi, tâm tình mê man, quên hết việc phải, chăm chú vào nữ sắc, tuy có muốn bố thí, làm các việc phước thiện khi nói ra bị vợ ngăn cản thì thôi, đành chịu thành kẻ tiểu nhân, vì vậy mà quên lời răn dạy trong kinh điển, không biết tội phước, bị ma nữ sắc ám ảnh, khốn khổ suốt đời.
+ Bốn là ở đời, không mấy người nghĩ ơn sanh thành, làm ra tiền của, ít người hiếu dưỡng song thân. Phần nhiều rong ruổi tìm tòi các việc cho vừa lòng dục vọng, đem hết tâm lực của cải đổi lấy một người cho vừa ý, khi được rồi vui mừng mê man, phải tìm bao nhiêu kế hoạch để kéo dài cái vui ấy, gây ra những sự ham cầu tiền của, vơ vét cho đầy túi tham, không kể phải trái liêm sĩ, quý hồ vợ con nhà mình đầy đủ sung sướng, ai đói khổ thiệt thòi mặc kệ ai, không khác chi con voi điên chạy rong theo dục vọng mà cho là khoái lạc.
Bốn thói xấu này, người Nam tử phải cẩn thận tránh xa, nếu mắc vào thì hiện tại rất tai hại cho bản thân, gia đình, xã hội. Mai sau sẽ đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đền trả tội lỗi đã gây ra.
Vua Ưu Điền nghe Phật dạy, hoan hỷ cúi đầu lễ Phật, bạch rằng:

- Từ trước đến nay tôi chưa được nghe lời dạy bảo quí báo như hôm nay, nên tôi trót làm bao nhiêu tội ác. Từ nay về sau, trọn đời tôi xin sám hối, quy y ngôi Tam Bảo không dám phạm nữa, xin Thế Tôn chứng minh cho tôi.Vua lùi ra trở về Hoàng Cung.
Từ đó về sau vua chăm chỉ học Đạo, ủng hộ Chánh Pháp, đem Chánh Pháp dạy bảo nhân dân. Kính trọng Hoàng hậu, coi như Đạo bạn vua lại truyền các cung phi phải vâng theo lời dạy của Hoàng hậu. Không bao lâu trong cung nội, ngoài nhân dân, đều quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới, nước Câu Lâm biến thành cảnh an lạc hiện tại ở trần gian.
Đàm Minh
"Sự tham lam nó làm cho con người chìm đắm mãi trong biển luân hồi, mà nhất là cái tham về sắc dục nó đày đọa và vùi lấp con người một cách ghê gớm."

Sáu giác quan tranh công

Ngày xưa, xưa lắm… Có một nhà vua nọ góa vợ chỉ có một nàng Công chúa mà thôi, nên bao nhiêu tình thương nhà vua đều dồn cả cho nàng.
Một hôm Công chúa đau nặng. Bao nhiêu ngự y chăm sóc thuốc thang đều thất thủ trước căn bệnh kỳ lạ của nàng Công chúa. Sau cùng nhà vua phải triệu tập một "Đại hội" thầy thuốc trong toàn quốc để mổ xẻ bệnh trạng hầu tìm ra phương pháp trị bệnh cho Công chúa. Sau khi đúc hết ý kiến, một bản quyết nghị dâng lên vua, đại ý cho rằng Công chúa bị chứng nội thương, phải có sữa sư tử mới trị khỏi…
Nhưng tìm đâu cho ra sữa sư tử?
Nhà vua bèn truyền khắp thần dân, hễ ai tìm được sữa sư tử để trị bệnh cho Công chúa sẽ được thưởng quan tước và tiền bạc.
Có một chàng trai trẻ nọ được tin, mộng công hầu thúc đẩy nên anh ta không quản hiểm nguy, lặn lội vào rừng sâu để tìm cho được sữa sư tử.
Qua bao ngày tìm kiếm dò xét, chàng trai nọ biết được chỗ ở của một bầy sư tử mấy trăm con, chàng bèn trộn thuốc ngủ vào nước uống để nhử. Khi sư tử ngủ dậy, thấy nước ngon quá bèn uống no. Thế là cả trăm con lại gục xuống ngủ mê man. Chàng trai nọ tha hồ tìm sư tử cái để nặn sữa.
Trên đường về kinh đô, một hôm chàng trai nằm nghỉ dưới gốc cây. Lúc ấy một vị A La Hán đi ngang qua bỗng nghe các giác quan của chàng trai nọ tranh công với nhau rất kích liệt.
Lỗ tai nói: Nếu tôi không nghe lệnh của nhà vua thì làm sao hiểu được đi tìm sữa? Công tôi to nhất.
Chân đáp: Này này, đừng có hỗn, tai anh nghe chân tôi không bước thì anh có đến được chỗ sư tử ở không? Công to là tôi đây.

Mắt phát biểu: Các anh sai hết. Chỉ có tôi đây là quan trọng. Tai nghe, chân bước nhưng mắt tôi nhắm lại thì các anh có gãy giò không? Tôi mới đúng thưởng công to.
Tay xen vào: Cãi nhau làm chi vô ích. Nếu đi đến nơi, thấy chỗ của sư tử, mà không có mười ngón và hai cánh tay này thì các chú có lấy được sữa mang về không? Công lao là ta.
Lưỡi bỗng nổi giận: Được! Tôi đây đồ bỏ chắc. Các anh khoe khoang tranh giành nhau, rồi đây sẽ biết tay tôi.
Quả nhiên, khi chàng trai nọ về triều, hai tay trịnh trọng dâng sữa lên nhà vua, bắt ngờ, lưỡi mách lẻo:
- Tâu bệ hạ, đây là sữa lừa chứ không phải sữa sư tử.
Mặt rồng đang tươi vui, bỗng sa sầm xuống, nhà vua nổi giận vì rõ ràng nghe nói sữa lừa chứ không phải sữa sư tử, bèn truyền lệnh chém đầu chàng trai nọ vì tội khi quân.
Chàng trai hết sức biện bạch nhưng nhà vua không tin.
Sau có một vị đại thần đề nghị vua hãy lấy sữa trị bệnh cho Công chúa thử, nếu lành là sữa sư tử, bằng trái lại thì chém đầu cũng không muộn.
Vua y lời, và nàng Công chúa nhờ được uống sữa nên khỏi bệnh.
Tiếp theo vị La Hán vào triều thuật lại việc Ngài nghe các giác quan của chàng trai nọ tranh công với nhau. Và việc làm sàm tấu kia chính là cái lưỡi không xương nên nhiều đường lắt léo.
Nhà vua hiểu rõ nội vụ, bèn trọng thưởng cho chàng trai nọ.
Nguyên Cao
"Này các Tỳ kheo! Hãy hoà hợp nhau lại, như nước với sữa, ánh sáng với không gian!..."

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập II - 3

Lòng ích kỷ quá độ
Ngày xưa có một thủy quái tên Makara vô cùng ích kỷ, vô cùng tự phụ và cũng vô cùng tàn bạo.
Tưởng chừng cả thế giới phải tiêu diệt, thì lòng khát vọng của nó mới thỏa mãn. Mỗi bữa ăn, nó ăn hết số cá mà một chiếc mành phải làm trong một ngày. Các loài thủy tộc, từ lớn đến bé đều lạ lùng, hoảng hốt, hãi hùng, bởi vì nó ăn tất cả, không chừa một con nào. Nhưng dĩ nhiên là trừ nó ra.
Đứng trước cảnh tượng diệt vong, loài thủy tộc phải làm thế nào, biết tìm

đâu một chỗ trốn tránh: Ở dưới nước, hay đáy bể, cũng như trên đất bằng không có lấy một chỗ, có một đôi con mọc cánh bởi vì nó sắp biến hóa thành chim, chúng nó hy vọng được cất cánh. Nhưng vừa vọt ra khỏi mặt nước, đâu lại vào đấy, nó rơi vào bể cả. Con thủy quái, khoái lạc nhìn con mồi, và chế nhạo trước mưu mô ngu ngốc của đồng loại. Loài cá, dù bơi hay lặn, lớn nhỏ đều bị nghiến ngấu. Con thủy quái ra chiều đắc ý, nhưng lòng dục vọng không đáy nó vẫn không thỏa mãn.

Không bao giờ nó có ý nghĩ rằng mình rồi cũng có ngày bị ăn thịt. Phải, vì còn ai mạnh khỏe, hung tợn, kiêu ngạo bằng nó? Loài cá càng làm cho nó tin rằng mình là đúng?

Nhưng loài cá, con thì bị ăn thịt, con thì chạy trốn, nên trong bể thưa thớt dần. Vật thực càng hiếm hoi, càng khó kiếm, và khi nhai những con cá nhỏ xíu dưới hàm răng to tướng của mình nó tức điên lên.

Makara nghiến và cắn lưỡi. Giận dữ, có giật mạnh cái đuôi vĩ đại bằng phẳng và cứng rắn như một tấm ván.

Nó quật lung tung nhưng không có tăm hơi một con cá nhỏ nào trong vùng nước nổi sóng. Nó ngạc nhiên, thất vọng và bực tức vật thực đã hết mà cơn đói lại càng hoành hành mãng liệt. Biết làm sao bây giờ? Nó bơi lội, sục sạo khắp nơi. Bỗng nhiên nó nghe bốc lên một mùi quen thuộc, mùi khuyến rũ của loài cá, mùi ấy nếu không bốc lên từ người nó thì còn từ đâu nữa? Tình trạng giống như con hươu chạy đuổi kiệt sức theo mùi xạ từ cổ nó tiết ra.

Con Makara lúc thì lặn xuống đáy bể, lúc thì nổi lên mặt nước. Cái mùi thơm ngon từ mình nó lại theo nó mãi. Trong cơn ngạc nhiên và bị kích thích, nó cắn nghiến lấy thịt mình. Mộ cảm giác vừa đau đớn vừa hoan lạc nổi lên. Nó nhắm nhía lấy máu mình và nó không thể dừng được nữa. Cứ như thế, nó ăn cho đỡ đói, và nó "đã lăn mình vào đau khổ để quên đau". Đến lượt biển cả lại ăn thịt nó, và cái gì còn sót lại, thì đó là vang bóng của lòng kiêu ngạo của nó, và lòng ám ảnh hãi hùng của bầy cá đang sợ sệt dìu dắt nhau trở về.

Toàn Siêu

"Như sét do sắt sinh ra rồi trở lại ăn sắt, ác nghiệt do con người gây ra rồi trở lại dắt con người đi vào cõi ác."

Của tuy đất cát lòng con kính thành

Hôm ấy nghỉ học, sáu đứa bé cả trai lẫn gái thân hình cũng như trạc tuổi xấp xỉ ngang nhau, chúng rủ nhau lại trong chiếc sân rộng mát trước nhà em Lệ Xa, con của ông bà Đăng Quang, một gia đình lễ giáo rất sùng thượng để chơi trò chơi mà mấy hôm nay chúng không chơi được vì mưa lạnh. Không

biết trò chơi này ai bày ra và đâu truyền đến mà đứa bé Ấn Độ nào cũng biết và rất thích chơi, nhất là những lúc có mặt độ năm bảy đứa.
Sau phút họp mặt chúng liền phân phối công việc để sắm sửa cuộc chơi. Mấy em gái thì đi chợ và nấu cơm, mấy em trai xây nhà và chưng dọn. Nguyên liệu làm nhà là những viên gạch bé, những tấm ván thừa. Nhà thì có nhà song không ở và làm gì trong nhà được cả. Bông hoa, đồ dùng đều phải chưng dọn bên ngoài. Chợ chúng là hàng rào râm bụt, hoa đỏ lá xanh là những thức ăn ngon lành dể mua. Gạo thì có sẵn bên hè nhà chỉ còn xúc nấu: Ấy là cát. Tuy nhiên, Li Tơ em bé gái phụ trách nấu cơm vẫn giả bộ bem hem, buốc huốc chum hum thổi phò qua những khe củi không bao giờ cháy vì tươi xanh và không có lửa, thức ăn thì không cần nấu, sau khi mua về chúng ngắt vụn và cứa nhỏ vào bát đĩa là xong, nói bát đĩa cho oai chứ toàn là những miếng mảnh sành, nắp hộp và khu chén. Còn đũa thì rất sẵn ở bờ đậu chúng tự bẻ lấy.
Hí hoáy, chạy ngược chạy xuôi la thúc hối trong chốc lát thì tất cả đâu vào đấy: Thức ăn đều được sắp lên bàn, ố thật là giản dị chỉ là cái đòn, có nải chuối tráng miệng, không biết chúng tạo đâu ra hay lượm trong thùng rác của chị bếp.
Bày biện xong xuôi, chúng mời nhau lại để khai mạc buổi tiệc. Đang xúm vít vây quanh chiếc bàn thấp lè tè thì bỗng nhiên đôi mắt tròn xoe của Lệ Xa hướng về những người đức hạnh trong những bộ áo cà sa vàng nghiêm trang vượt qua hàng cây trước bờ rào, rồi tất cả lũ trẻ quay mặt nhìn theo… Bữa tiệc chưa bắt đầu nhưng đã bị gián đoạn vì đoàn người kia khoan thai, im lặng bước vào cổng. Lệ Xa liền rời khỏi bàn ăn chạy ngay đến trước Đức Phật chắp tay vái chào và kính thưa:
- Thưa Ngài, thầy mẹ con hôm nay có việc phải qua làng bên cạnh.
- Tốt lắm! Thôi con trở vào chơi với bạn, Đức Phật bảo Lệ Xa.
Ngần ngừ không lui bước, Lệ Xa tỏ vẻ vì không có gì để cúng dường, mọi hôm, vào giờ này khi Phật và Chư Tăng đi ngang là cha mẹ Lệ Xa thường hay dâng cúng vật thực.
Đoán biết em bé Lệ Xa muốn thưa thỉnh điều chi nên Ngài chưa đi vội. Bỗng Lệ Xa nhanh nhẩu về phía bạn nhanh tay bưng ngay bát cơm to nhất trên bàn đem dâng cúng Phật với đôi tay tín thành kính cẩn.
Các đệ tử đứng sau đều lấy làm lạ, xầm xì và hỏi nhau về thứ lễ vật lạ kỳ mà em bé đang dâng cúng. Chính lũ trẻ, bạn của Lệ Xa cũng không hiểu Lệ Xa đang làm gì và rất lo ngại cho nó…
Đỡ lấy bát, Đức Phật nói với giọng trong thanh, hiền dịu: “Của tuy đất cát, lòng con kính thành. Như Lai nhận cho con”.
Đoạn Ngài trao bát cơm ấy cho Tôn giả A Nan, dặn đem về đắp lên nền nhà Ngài ở. Nhìn khắp các đệ tử, Ngài dạy thêm:

- Em bé này có tâm hoan hỷ cúng dường, nhờ công đức ấy một trăm năm sau sau khi Như Lai nhập diệt, em bé sẽ làm vị Quốc Vương tên là A Dục. Vị lãnh tụ nầy sẽ là một người hộ pháp đắc lực, rất tôn sùng Tam bảo, biết phân chia Xá Lợi, xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp để tôn thờ, biết đem Chánh Pháp áp dụng trong công việc trị dân, giúp nước, tiếng tăm lừng lẫy…
Tôn giả A Nan lại ngạc nhiên hơn nữa liền bạch Phật:
- Bạch Thế Tôn em bé này chỉ cúng dường chút ít đất cát mà sao lại được phước báu nhiều như thế, nhất là được nhân duyên xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp để cúng dường Xá Lợi?
Đức Phật ôn tồn giải đáp:
- Nầy A Nan và tất cả đại chúng. Không phải chỉ trong kiếp này mà ở một tiền kiếp xa xưa em bé đã là một vị Quốc Vương tên Ba Tắc Bỳ luôn luôn được cúng dường Đức Phật Phất Sa, và nghĩ đến nhân dân chưa có dịp được chiêm ngưỡng đức tướng trang nghiêm của Đấng Giác ngộ, người đã mời rất nhiều họa sĩ vẽ tám vạn bốn ngàn bức tượng để lưu truyền khắp mọi nơi. Nhờ công đức ấy cộng thêm việc đang làm trong hiện tại mà sau này em bé sẽ được vô lượng phước báu và nhất là đước có nhân duyên xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp để tôn thờ Xá Lợi.
Nghe đến đây Tôn giả A Nan và toàn thể đại chúng mới hết nghi ngờ.
Riêng về Lệ Xa thì em sung sướng và thỏa mãn vô hạn vì đã được Đức Phật tiếp nhận lễ vật và tự tay em làm ra dâng cúng.
Lũ trẻ nãy giờ đứng xa nhìn lại, bây giờ sau khi nghe, thấy và nhận biết lòng thương bao la rộng rãi của Đức Phật chúng rủ nhau đi gần lại và vây quanh Ngài.
Giờ đã gần hết, Đức Phật và các đệ tử phải tiếp tục đi hóa trai. Trước khi ra đi, một lần nữa Ngài rờ đầu và chú nguyện cho Lệ Xa thường được sức khoẻ, học tập tiến bộ và Ngài dặn thêm lũ trẻ:
- Các con chơi với nhau cho hòa thuận, vui vẻ nhé!
Đoàn người thanh tịnh khuất lần trong ngả xóm, nhưng lũ trẻ mải nhìn theo không chớp mắt.
Đại Chí
"Tam Bảo là ruộng phước phì nhiêu cho chúng sanh gieo giống."

Gần Phật và xa Phật

Một thời Đức Phật ở nước Xá Vệ, tại Tịnh Xá Kỳ Hoàn thuyết pháp cho Chư Thiên nghe. Lúc bấy giờ ở nước La Duyệt Kỳ có hai vị tân học Tỳ kheo muốn yết kiến Đức Phật. Giữa hai nước ấy có một khoảng đồng rộng, không có người ở, lại gặp thời tiết hạn hán, nên suối hồ đều cạn. Hai người đi ngang qua, bị khát nước, chỉ gặp được vũng nước nhỏ thì bị đầy những

trùng, không thể uống được.
Hai người mới bàn với nhau rằng:
"Chúng ta từ xa lại, cốt trông mong chiêm ngưỡng Đức Phật, không ngờ ngày nay bị chết khát giữa đường".
Mội người nói rằng:
- Thôi ta hãy tạm uống để khỏi chết có vậy mới gặp được Phật và lại ta uống cũng không ai biết cả.
Người kia đáp rằng:
- Giới luật Đức Phật chế ra, lấy nhân từ làm gốc. Nếu giết hại chúng sanh để tự sống thì dù thấy Đức Phật cũng không ích gì. Thà rằng giữ giới chịu chết, chớ không phạm giới mà được sống.
Người đầu theo ý riêng của mình uống nước đỡ khát và đi đến chỗ Phật ở. Người thứ hai không chịu uống nên phải chết vì khát nhưng được sanh lên cõi trời Đao Lợi. Nhờ suy nghĩ nên tự biết mình ở kiếp trước nhờ giữ giới nên được sanh thiên, thật là do lòng tin mạnh nên phước báu chẳng xa vậy.
Nghĩ như thế, bèn đem hương hoa đến lễ Phật rồi đứng hầu một bên.
Còn người uống nước, phải cực khổ trải qua nhiều ngày mới đến chỗ Phật ở. Thấy đầng Chí Tôn oai nghiêm, người liền cúi đầu đảnh lễ khóc lóc bạch Phật rằng:
- Con còn một người bạn muốn đến yết kiến Phật, chẳng may giữa đường bị mệnh chung, dám mong Đức Thế Tôn biết cho.
Đức Phật trả lời:
- Ta đã rõ rồi.
Liền lấy tay chỉ Tiên nhân đứng hầu một bên mà nói rằng:
- Người Tiên nhân này chính là người bạn của ngươi đó. Người này nhờ giữ trọn giới luật nên được sanh lên cõi Trời và được gặp ta trước ngươi.
Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn chỉ tay vào ngực người kia và bảo rằng:
- Ngươi tuy thấy hình ta mà không giữ giới luật của ta, thì tuy ngươi thấy ta mà ta không thấy ngươi. Người kia tuy cách xa ta ngàn vạn dặm, nhưng giữ giới luật thì người ấy tất đứng trước mặt ta.
Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bèn nói bài kệ rằng:
Học nhiều lại nghe nhiều,
Hai đời được ngợi khen.
Học ít lại nghe ít,
Hai đời bị đau khổ.
Phàm học nên nghe nhiều,
Dầu gặp nhiều tai nan.
Trì giới chẳng tái phạm,
Sở nguyện được thành tựu.
Giữ giới không chu toàn,

Sở nguyện bị tán mất.
Xét lý nhận yếu nghĩa,
Không gì đáng can ngại.
Lúc bấy giờ vị Tỳ kheo nghe bài kệ xong bèn tự xấu hổ, cúi đầu xin sám hối, yên lặng suy nghĩ lời Phật dạy. Còn vị Tiên nhân sanh tâm hoan hỷ, chứng được Pháp nhãn, trong chúng hội hoan hỷ phụng hành.
Minh Châu
"Giới luật là thầy của các ngươi.
Giới luật là thọ mạng của Phật Pháp.
Giới luật còn Phật Pháp còn."

Một cuộc chiến thắng vinh dự

Trong Ấn Độ Dương, cách chừng hàng chục dặm về phía nam bờ biển Ấn Độ, có một hòn đảo khổng lồ. Đó là đảo Tích Lan. Người ta gọi là đảo SinhGaLa (Singhaladvipa) vì người chinh phục đảo ấy là anh hùng SinhGaLa.
SinhGaLa là con trai một người lái buôn giàu có. Chàng rất được nuông chiều. Cha chàng thì trông mong chàng ngày sau trở thành một người sung sướng, sống yên thân trong đống tiền của lớn lao, nhưng mộng của chàng lại khác. Chàng thích phiêu lưu, thám du đến những đất nước xa xôi. Bể khơi sóng gió và chân trời mới lạ thúc dục chàng SinhGaLa khẩn khoản nhiều phen mới xin được cha vượt bể cả cùng với một đoàn lái buôn hơn năm trăm người.
Đoàn thuyền tiến về hướng Nam định sẽ ghé lại miền đất nào mà họ trông thấy trước nhất. Bỗng một chiều kia, một trận bão nổi lên dữ dội và đoàn thuyền bị sóng đánh tan từng mảnh. Trong tai nạn khủng khiếp này, một số người may mắn bám được vào các mảnh ván thuyền và trôi được vào bờ. Trong số này, có chàng thanh niên SinhGaLa.
Một đoàn thiếu nữ ra tận bờ biển đón tiếp họ rất nồng hậu. Mỗi người đàn ông được mời về một nhà riêng, ở đó có một thiếu nữ chăm lo săn sóc ân cần, âu yếm như đối với người thân yêu nhất. Các thiếu nữ tha thiết mời họ mãi mãi ở lại đây. Những ngày đầu, những người đàn ông bị nạn đều lo an dưỡng cho lại sức và lúc thảnh thơi là lúc tâm trí họ hướng về quê hương, gia đình mà họ không biết bao giờ gặp lại. Nhưng rồi thời gian đã đổi thay lòng họ. Họ thấy quen lần với cây cỏ nước non, với sự thân mật quyến rũ của các người đàn bà đẹp. Họ chịu thay những bộ áo cũ để khoác những chiếc áo choàng bằng lụa mới, bắt dầu đòi hỏi những món ăn ngon rồi dần dà họ sống chung thành gia đình với những người đàn bà đến đón tiếp họ trong những cuộc vui say đắm. Tháng ngày lần qua, lần qua, nhiều cặp vợ

chồng đã sinh hạ con cái.
Trong cảnh sống mới này, mọi việc đều do đàn bà đảm đương. Các người đàn ông được nghỉ ngơi dạo chơi thỏa thích. Nhưng có một điều là họ không được xuống hướng Nam. Sự cấm đoán này đem lại cho SinhGaLa, chàng thanh niên dũng cảm, nhiều nỗi nghi ngờ. Chàng quyết tâm tìm hiểu sự bí mật của những người đàn bà kỳ dị này.
Một đêm kia, SinhGaLa, chờ lúc vợ ngủ say, lén dậy và cặp chặt thanh gươm bên mình rồi đi thẳng về phía Nam. Chẳng mấy chốc, chàng thấy trước mặt bức thành kín không có cửa ra vào. Đây là đâu? Người ta cất giấu cái gì trong này? Chàng đến gần và lắng tai nghe. Có tiếng văng vẳng từ trong phát ra. Nhanh trí SinhGaLa leo lên một cây mọc trên bờ thành nhìn vào.
Cảnh tượng thật là ghê rợn. Hơn trăm người ốm yếu, đói khát đang quằn quại bên cạnh những đống xương trắng chồng chất. Một mùi tanh hôi hắt ra kinh tởm. SinhGaLa giữ được bình tĩnh hỏi chuyện các người còn sống. Chàng mới biết rằng đây là một toán lái buôn Ấn Độ bị đắm tàu trôi dạt vào đảo này trước khi đoàn người cùng đi với chàng đến nơi này. Trước đây bọn đàn bà, cũng đã đón tiếp họ, nhận họ làm chồng để rồi khi có một số người khác đắm thuyền trôi dạt đến, bọn đàn bà đem nhốt họ tại đây, làm đồ ăn cho chúng. Họ sẽ lần hồi bị giết chết như những người bạn xấu số của họ mấy ngày vừa qua. Và rồi cũng sẽ đến đoàn lái buôn của SinhGaLa chịu cái số phận làm mồi cho bọn yêu tinh tàn ác dâm dục này.
SinhGaLa không lấy gì làm ngạc nhiên vì chàng đã đoán thấy cái quyến rũ gian trá của người đàn bà làm vợ chàng. Chàng nắm chặt thanh kiếm lại. Rồi chàng hỏi các người kia thử họ có biết cách gì để thoát khỏi nơi này không. Có người trả lời:
- Mỗi năm, đến một ngày nhất định, có một con ngựa trắng, bay được, từ trên trời hạ xuống đảo này. Nó sẽ kêu lên ba lần.
"*Ai về Ấn Độ sông Hằng,*
Theo đây ta giúp vượt băng bể nầy".
Người nào vững tâm theo bám chặt mình nó, sẽ trở về được quê hương, gia đình.
SinhGaLa hỏi lại:
- Thế tại sao các anh không nắm cơ hội trên để thoát khỏi nơi nguy hiểm này?
- Trời ơi! Chỉ vì chúng tôi bị mê đắm. Những lời thân mật, những cử chỉ vuốt ve của bọn đàn bà kia làm chúng tôi bỏ lỡ mất cơ hội rồi. Đến phút này, chúng tôi chỉ còn một lời cuối cùng là chúc các anh may mắn can đảm trở về nước Ấn Độ yêu quí của chúng ta và nhắn chung với các người sau chúng ta hãy đừng mê đắm mà thiệt hại cả một đời.

Từ trên cây tụt xuống, SinhGaLa trở về nhà trước khi người đàn bà vợ chàng thức dậy. Chàng làm ra vẻ tự nhiên như không có điều gì xảy ra, và giữ kín những bí mật đã biết được.
Ngày quan trọng đến rồi. Ngày ngựa thần hạ xuống đảo. Chàng họp các bạn bè mình lại, nói cho họ biết số phận đen tối của họ. Mọi người đều kinh hãi và khi ngựa thần mới vừa hạ xuống thì ai nấy đều nhanh chóng bám chặt vào thân mình ngựa khổng lồ để được bay về xứ sở.
Ngựa đã bay lên cao và sắp vượt bể cả. Lúc bấy giờ bọn yêu tinh mới hay biết. Chúng nhờ phép lạ mà đuổi theo kịp ngựa BaLaHa. Mỗi con yêu bồng trên tay đứa bé mới sinh và đem hết những lời nói đường mật, những cử chỉ ái ân để quyến rũ chồng nó trở lại. Chúng đã đạt được kết quả. Từng người, từng người đàn ông mê hồn, buông tay ra và rơi vào trong lòng bọn quỉ đàn bà dâm dục ấy. Cuối cùng chỉ còn một mình SinhGaLa, người thanh niên can đảm, cương quyết đến nỗi không có gì lay chuyển nổi, bám chặt cổ ngựa thần và trở về được yên ổn, đáp xuống nước Ấn Độ, quê hương của chàng.
Về phần bọn nữ quái khi trở về đảo, chúng tỏ vẻ giận dữ với con yêu chúa bất lực đã không làm lay chuyển được lòng dạ SinhGaLa. Chúng trục xuất yêu chúa ra khỏi đảo cho đến khi nào con nầy đem được SinhGaLa trở lại.
Yêu chúa biến thành một người đàn bà đẹp, lộng lẫy vô cùng trong bộ áo lụa mỏng. Nó mang cả con nó theo vào đến tận nhà SinhGaLa. Nó tìm đến ông bà phú thương, thân sinh của SinhGaLa, tự xưng là công chúa một nước ở phương Nam. Rồi nó chỉ đến đứa bé rồi trách SinhGaLa đã bỏ mẹ con nó sau những năm ân ái nồng thắm, để cho nó phải lặn lội nhiều ngày mới ra được đến đây. Ông bà phú thương vừa cảm động cho tình nghĩa con dâu, vừa sung sướng được trông thấy cháu trai mập mạp kháu khỉnh nên lưu cả hai mẹ con lại và hứa sẽ bắt buộc SinhGaLa thuận tình hòa hợp. Ông lão nói với chàng:
- Con ơi! Con nỡ từ bỏ người con gái con một vị Quốc vương và đứa bé này hay sao? Mẹ con chúng nó là những kẻ đáng thương. Hãy rộng lượng mà tha thứ cho chúng nó nếu có gì mà con không bằng lòng.
SinhGaLa thấy cần trình bày cho cha mẹ mình rõ tung tích bọn đàn bà này:
- Thưa cha, người đàn bà này không phải là một công chúa, chính nó là một con yêu tinh ghê tởm.
- Con ạ! Không nên nghĩ như thế cho riêng nó. Phần nhiều đàn bà là yêu tinh. Hãy tha thứ.
- Không thể được! Thưa cha, con cương quyết rồi. Nếu không con đã mãi mãi cách biệt cha mẹ và quê hương như những người đã đi theo con. Giờ đây chỉ có hai cách, hoặc là cha mẹ giữ nó lại đây để con đi chỗ khác, hoặc là con ở đây và đuổi nó ra khỏi nhà nầy.
Thấy con một mực cương quyết, ông bà phú thương đành phải mời nàng

công chúa giả mạo đi khỏi nhà mình. Cùng kế, con yêu tinh vào triều đình, kiện SinhGaLa với Đức vua. Cố nhiên là việc nàng không thể làm SinhGaLa thay đổi ý định của chàng được, nhưng mang lại một điều tai họa, ấy là chuyện ông vua phải lòng người đàn bà đội lốt công chúa. Vua nói với SinhGaLa:
- Hỡi chàng thanh niên! Nếu chàng không thích, chàng hãy nhường nó lại cho ta.
SinhGaLa tâu rằng:
- Xin Đức vua hãy suy nghĩ lại. Tôi không thể nhận người đàn bà này và tôi cũng không có quyền nhường nó cho ai cả.
Từ sau khi vụ kiện này, con yêu tinh đã thâu nhận được lòng ái mộ của Nhà vua. Sắc đẹp mê hồn và những hành động quyến rũ của nó càng làm cho nhà vua ngây ngất, cho đến một hôm nó hoàn toàn làm chủ được tinh thần của Đức vua.
Rồi đêm đến, dùng tà thuật, nó bắt mọi người trong cung lăn ra ngủ mê man. Nhanh như chớp nó bay về tìm các chị em nó và thúc giục:
- Hãy nhanh lên! Ta mất một SinhGaLa nhưng ta được trọn một cung vua. Nhanh lên, ai thèm máu tươi! Hãy theo ta!
Trong đêm tối, cả bầy yêu tinh hăm hở xuất hành với nguyên hình ghê sợ của chúng. Chúng đã hoành hành hết sức kinh tởm trên các thân người đang ngủ say.
Đến sáng hôm sau, cửa cung vua vẫn đóng im ỉm. Người ta dồn lại nghẹt cả trên khúc đường vào cung điện. Các triều thần, các quan chức, các vị chỉ huy quân đội… Điềm chẳng lành truyền lan nhanh chóng và trên không trung, bầy quạ đen lượn qua lượn lại, kêu từng tràng tiếng dài rung rợn. SinhGaLa hiểu được công chuyện trước ai hết. Chàng bảo người bắc thang rồi leo nhanh vào thành, thanh gươm quý nắm chặt nơi tay. Chàng vung gươm xông vào giữa đám yêu tinh đang hối hả thanh toán bữa tiệc ngon của chúng. Cùng lúc ấy, quân lính ngoài thành cũng đã phá được cửa để vào trợ giúp SinhGaLa. Người ta thét lên vì căm giận cho sự tàn bạo của bầy yêu tinh. Bọn này hoảng hốt bay đi, đứa mang theo một cánh tay, đứa mang theo một cẳng chân người đang ăn dở. Không ai ngờ có sự tàn phá khốc hại trong cung vua như thế này, từ xưa nay. Đức vua, Hoàng hậu, Hoàng tử, Công chúa, Cung phi, Mỹ nữ tất cả đều bị tàn sát.
Sau khi an táng thi hài Đức vua và các người xấu số, triều thần lẫn dân chúng đều thấy mình lâm vào một tình trạng quẫn bách: Thiếu người đứng đầu quốc gia, thiếu vua: Ai sẽ đảm lên đảm nhận ngôi báu?
Mọi người đồng thanh:
- Trọng trách ấy phải dành cho kẻ thông minh nhất, can đảm nhất. Kẻ ấy, không ai xứng đáng hơn chàng thanh niên anh hùng SinhGaLa.

SinhGaLa từ chối vì chàng chưa có danh phận gì. Nhưng chàng chẳng đã chiến thắng bọn yêu tinh một cách rực rỡ hay sao? Chàng đã vững tâm không để sa mê vào lưới dục vọng hay sao? Đến cuối cùng SinhGaLa nhận lời với điều kiện là mọi người hăng hái giúp chàng phá tan sào huyệt bọn yêu tinh dâm dục để báo thù cho những người bị giết, để giải phóng cho những kẻ hiện đang bị giam cầm. Toàn thể đều tán thành công cuộc thích đáng ấy.
Hôm SinhGaLa lên ngôi vua cũng là hôm chàng xuất quân. Đội binh thuyền trương buồm tiến về phía Nam. Không có hy vọng đánh bọn yêu tinh vào lúc bất ngờ được, vì trên bãi bể chúng có dụng hai trụ cờ: trụ ngoài mé bãi báo tin mừng như tin có tàu chìm, trụ trên đồi cao phía trong bãi báo tin hung dữ như tin tấn công của chiến thuyền từ xa đến. Thành ra, muốn đánh chúng phải thật là tài giỏi và can đảm.
SinhGaLa đã tiến quân lên đảo. Bọn yêu quái đã chuẩn bị đối phó. Chúng hiện nguyên hình hung ác hòng đe dọa quân lính của SinhGaLa. Nhưng trái lại, chính bộ mặt yêu quái của chúng đã làm cho mọi binh sĩ phẫn uất thành ra họ càng thêm hăng hái mạnh mẽ. Vả lại cái quá khứ đầy tội ác của bọn chúng đã đưa chúng ngày hôm nay phải đền tội.
SinhGaLa thúc quân, oanh liệt chiến đấu, bọn yêu tinh túng thế, tan rã. Phần lớn đã bị tiêu diệt. Chỉ còn những đứa biết hối cải, nguyện từ bỏ cuộc sống tội lỗi để quay về đường lành được SinhGaLa ra lệnh tha thứ. Chàng khuyên chúng nên đi nơi khác để làm ăn lương thiện.
Từ độ ấy hòn đảo tên SinhGaLa tên của vị anh hùng đã chiến thắng bọn yêu tinh dâm dục. Vị anh hùng ấy là tiền thân Đức Phật Thích Ca. Một vị đại từ bi nhưng không kém phần dũng mãnh…
Quảng Huệ
"Chẳng có sự thắng trận nào cao thượng bằng sự thắng trận Chánh pháp. Chẳng có sự bại trận nào đê hèn hơn sự bại trận giặc lòng."

Quả báo của lời nói, hành động đâm thọc ly gián

Xưa có một vị Tỳ kheo tên Kondaahana kể từ khi vị này xuất gia, hễ thầy đi đâu thì sau lưng Thầy cũng có một người phụ nữ đi theo sau, riêng Thầy thì Thầy không biết gì cả, nhưng ai ai cũng đều thấy.
Khi đi khất thực, những thí chủ cúng dường để vào bát Thầy hai muỗng cơm, muỗng thứ nhất họ nói: Muỗng này là phần Thầy, và muỗng thứ nhì là phần cô bạn của Thầy.
Các vị Tỳ kheo thấy như vậy đinh ninh Thầy phạm giới Bất cộng trú mới đi nói với Trưởng giả Cấp Cô Độc và yêu cầu ông đuổi Thầy Tỳ kheo Kondaahana ra khỏi chùa.

Ông Trưởng giả không dám, chư Tỳ kheo cho bà tín nữ Visakha biết, bà cũng không dám.
Các thầy mới vào chầu Đức vua Ba Tư Nặc và thuật tự sự. Đức vua nhận lời. Chiều lại vào chùa, vua cho quan quân bao vây chánh điện, còn vua thì lên điện, Thầy Kondaahana nghe ồn ào mới ra coi, thì vua thấy sau lưng Thầy có một người phụ nữ, riêng Thầy thì biết vua đến liền trở vào. Gặp Thầy vua không đảnh lễ, nhưng vua lại không thấy hình người phụ nữ lúc ở ngoài. Vua tìm trong kẹt cửa dưới gầm giường cũng không thấy, mới hỏi:
- Bạch Thầy, trẫm vừa trông thất một người phụ nữ ở tại đây, cô ấy đâu rồi?
- Tâu Đại vương, bần đạo không thấy.
- Chính trẫm thấy một người phụ nữ đứng sau lưng Thầy.
Thầy Tỳ kheo vẫn quả quyết.
- Bần đạo không biết và không thấy.
Đức vua nghĩ: "Chuyện này sao kỳ thế!". Vua mới nói:
- Vậy xin Thầy hãy đi ra ngoài.
Khi Thầy đi thì lập tức có người phụ nữ theo sau lưng. Vua trông thấy rõ rồi, mới mời Thầy vào. Thầy trở vào và ngồi xuống.
Khi Thầy đi vào, vua trông chừng theo hình của người phụ nữ ấy, nhưng bỗng dưng lại biến mất. Vua lấy làm lạ mới hỏi:
- Bạch Thầy, còn người phụ nữ ấy đâu?
- Tâu Đại vương, bần đạo chẳng thấy người phụ nữ nào cả.
- Xin Thầy thành thật nói cho trẫm rõ.
- Tâu Đại vương, hàng Đại chúng đều nói rằng có một người phụ nữ đi sau lưng bần đạo, mà bần đạo thì không thấy.
Vua mới nghĩ rằng đây là hình giả, nhưng hãy còn nghi nên lại phán rằng:
- Vậy xin mời Thầy đi khỏi chỗ nầy lần nữa.
Thầy ra đứng ngoài thì hình người phụ nữ lại hiện ra đứng sau lưng. Đức vua hỏi Thầy vẫn trả lời như trước.
Vua mới nghĩ: "Quả thật là hình giả", vua mới thưa rằng:
- Bạch Thầy, một khi đã có điều không được trong sạch thế nầy, thì không có ai trong sạch cúng dường cho Thầy, vậy từ đây Thầy cứ vào cung nội, trẫm xin cúng dường những vật dụng cho Thầy.
Các thầy Tỳ kheo mới nói với nhau rằng:
- Quý Thầy nghĩ xem nhà vua ương hèn thái quá, chúng ta đã mời vào để xem tình tệ như thế này lại không chịu đuổi Thầy Tỳ kheo phá giới ấy, mà còn mời vào cung để cúng dường.
Rồi các thầy mới nói với Thầy Kondaahana rằng: "Này kẻ phá giới! Nhà vua cũng là kẻ hèn như ngươi vậy".
Lúc trước thầy không có bằng cớ để đáp lại, nhưng bây giờ đã được nhà vua làm chứng nên liền trả lời rằng: "Các người là kẻ phá giới, các người là kẻ

dẫn gái đi". Các thầy Tỳ kheo mới đem chuyện ấy vào bạch với Đức Thế Tôn.
Đức Thế Tôn gọi Thầy vào hỏi:
- Thầy có mắng các Thầy Tỳ kheo kia không?
Thầy bạch:
- Bạch Thế Tôn, vì các Thầy ấy nói đệ tử.
Đức Thế Tôn hỏi các Thầy kia:
- Tại sao các Thầy lại mắng Thầy Tỳ kheo nầy?
- Bạch Thế Tôn, vì chúng con thấy một cô phụ nữ đi theo sau lưng của Thầy Tỳ kheo này.
Đức Thế Tôn mới phán hỏi Thầy Tỳ kheo Kondaahana rằng:
- Các Thầy Tỳ kheo nầy thấy có thấy một người phụ nữ đi theo sau lưng ngươi, vậy tại sao ngươi lại không thấy, mà lại gây gỗ với các Thầy Tỳ kheo này. Quả này cũng do nơi nghiệp đê tiện của ngươi kiếp trước, vậy mà hiện nay tại sao ngươi cũng không bỏ tánh đê tiện ấy?
Lúc ấy các Thầy Tỳ kheo đồng bạch với Đức Phật:
- Bạch Đức Thế Tôn, thầy Kondaahana làm nghiệp thế nào trong quá khứ?
Đức Thế Tôn mới dạy rằng:
- Trong thời kỳ Đức Phật Ca Diếp, có hai vị Tỳ kheo yêu thương nhau chẳng khác nào anh em cùng một cha mẹ. Thời kỳ ấy, mỗi năm Chư Tăng hội làm lễ Phát Lồ một lần. Gần đến ngày Phát Lồ, hai thầy rủ nhau đi định đến nơi làm lễ phát Lồ.
- Lúc đi giữa đường, có một vị Chư Thiên ở cõi Trời Đao Lợi thấy hai vị thương nhau mới nghĩ rằng: "Hai vị Tỳ kheo này rất thương yêu nhau, ta có thể chia rẽ được không?".
Trong khi đang nghĩ kế chia rẽ, thì một trong hai thầy nói rằng:
- Xin Thầy vui lòng đợi tôi một chút, tôi cần đi sông.
Vị Chư Thiên mới đợi cho thầy Tỳ kheo ấy đi sông xong, khi từ trong bụi đi ra, vị này liền hóa ra một người phụ nữ một tay nắm lấy quần, một tay vén tóc làm như mới vừa ân ái với Thầy Tỳ kheo ấy xong. Vị Chư Thiên cố ý đợi cho Thầy Tỳ kheo kia thấy rồi mới biến mất.
Do đó, khi Thầy Tỳ kheo nầy đến thì vị kia liền nói:
- Thầy là người phá giới.
- Thưa Thầy đâu có!
Vừa rồi tôi thấy có một cô gái đi sau Thầy.
- Thưa Thầy chuyện nầy thật tôi không có.
Hai Thầy cãi nhau, kết cuộc hai Thầy chia đường nhau đi không bao giờ hợp nhau, vì không bằng lòng cùng nhau làm lễ Phát Lồ.
Vị Chư Thiên thấy kết quả tai hại như vậy mới nghĩ rằng: "Ta đã làm nên tội quá đáng lắm rồi", liền hiện xuống nói:

- Giới đức của vị Tỳ kheo nầy vẫn trong sạch, đây là do nơi tôi muốn thử hai Ngài thôi. Xin hai Ngài cùng làm lễ Phát Lồ chung.
Chừng ấy, hai vị Tỳ kheo mới chịu nghe theo và hoan hỷ cùng nhau làm lễ Phát Lồ.
Vì nghiệp đê tiện ấy, sau khi chết, vị Chư Thiên mới bị đọa vào địa ngục A Tỳ, thời gian nhiều kiếp, đến nay mới sanh làm Kondaahana.
Khi nhắc tiền kiếp của Thầy Tỳ kheo Kondaahana xong, Đức Thế Tôn mới phán rằng:
- Ngươi vì nghiệp đê tiện ấy nên mới có chuyện phi thường như hôm nay. Thế mà ngươi vẫn giữ tánh đê tiện ấy. Ngươi không nên nói tiếng gì với các Thầy Tỳ kheo. Ngươi phải nín lặng như người câm, khi ngươi làm được như thế mới mong hết nghiệp và chứng đạo quả…
Thông Kham
"Thánh hiền kiêng mọi lời nói vu khống. Nghe thấy điều gì, người cũng không nhắc lại để gây mối bất hòa giữa người này với người nọ. Bực hiền hòa giải những người chia rẽ, kết chặt dây thân ái giữa người đồng tâm nhất chí. Bực hiền lấy sự hòa hợp của người khác làm sự vui thích của mình, coi đó là công việc là lạc thú của mình. Người chỉ nói những lời làm cho người hòa hợp."

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập II - 4

Nàng kỹ nữ Phệ Sa

Ở thành Ma Đồ La, có nàng kỹ nữ sắc đẹp tuyệt trần tên là Phệ Sa. Nàng thường để ý đứa thị tỳ của nàng, khi nào đi mua phấn sáp gì thì cứ đến nhà một người lái buôn trẻ tuổi tên là Ưu Bà Cấp Da.
Một hôm nàng kêu hỏi:
- Ngươi có tình ý với chàng làm sao, mà mua gì cũng đến đấy cả?
Đứa Thị tỳ thưa:
- Chàng người phong nhã, tánh tình thuần hậu, lại là người chí thành theo đạo Phật, mọi người đều kính mến.
Nàng Phệ Sa nghe nói liền sai thị tỳ đến mời chàng đến chơi.
Chàng bảo về trả lời:
- Bây giờ chưa phải lúc gặp tôi.
Nàng nghĩ sợ chàng hiểu lầm phải có tiền, nên sai đến nói lại. Chàng cũng

vẫn trả lời:
- Bây giờ chưa phải lúc gặp tôi.
Cách ít lâu, nàng Phệ Sa muốn bán mình cho một nhà buôn giàu bèn mưu giết người nhân nghĩa cũ. Việc tiết lộ, bị vua Na Đồ La truyền bắt, cắt tay, cắt mũi rồi đày ra ở ngoài bãi tha ma.
Chàng Ưu Bà Cấp Da biết đầu đuôi câu chuyện nghĩ bụng rằng: Khi nàng còn đẹp đẽ sung sướng thì người tu đạo không nên đến làm chi. Nay nàng đã bị cụt tay, cụt chân, đau đớn khổ sở, chính là lúc ta phải đến thăm nàng.
Nghĩ xong chàng cùng người hầu cận đi đến thăm. Đứa thị tỳ nay vẫn không rời bỏ nàng, trông thấy chàng đến, liền hốt hoảng vào tin. Nàng Phệ Sa vội lấy miếng vải khoác trên thân, khóc lóc tủi thẹn mà nói rằng:
- Thưa chàng, khi người thiếp thơm đẹp như đóa sen báu thì chàng không đoái hoài đến. Nay thiếp thân tàn ma dại như thế này, chàng còn đến làm gì cho tủi cực lòng thiếp.
Chàng đáp:
- Trước kia tôi không đến vì tôi không có tà tâm, ngày nay nàng bị nạn, tôi đến để thăm nàng và chỉ cho nàng rõ những thảm trạng của sự khoái lạc gây ra ở trong đời. Rồi chàng đem đạo Phật nói cho nàng nghe, chỉ rõ nhân quả tội phước, khuyến hóa an ủi nàng.
Nàng Phệ Sa tự biết tội lỗi của mình, phát lòng sám hối, tâm được an vui nhẹ nhàng. Và từ đó, chí thành cải hóa theo lời Phật dạy, nàng luôn luôn làm điều lành, tránh điều ác, mở rộng thân tâm, quên nỗi đau khổ của mình, nghĩ đến đau khổ của người.
Minh Châu
"Người say mê sắc dục như cá nuốt lưỡi câu, như tằm kén tơ, như thiêu thân bay vào đèn, tự dấn thân vào chỗ chết mà không hay biết."

Vàng ngọc phải chăng là hạnh phúc

Thời Phật tại thế, có một vị Quốc vương tên là Đa Vị Tả kính thờ cả 69 dòng ngoại đạo. Bỗng một ngày vua phát thiện tâm muốn bố thí rất nhiều, bao nhiêu của báu chất đầy như núi, rao rằng hễ ai đến xin đều cho bốc đi một nắm.
Vì số người đến xin đã dài ngày mà núi báu vẫn chưa suy suyển.
Đức Phật biết Quốc vương có nhiều phước duyên về trước có thể hóa độ, liền hóa làm một vị Phạm Chí đến thăm. Vua rất mừng rỡ, làm lễ xong hỏi rằng:
- Ngài muốn cần dùng gì xin cho tôi biết? Tôi vui lòng cúng dường.
Vị Phạm Chí đáp:
- Tôi từ xa đến đây, cốt xin nhà vua ngọc báu để đổi lấy vật liệu làm nhà ở.

Vua đáp:
- Tôi rất vui lòng xin Ngài bốc lấy một nắm.
Vị Phạm Chí bốc một nắm, đi bảy bước, trở lại trả chỗ cũ.
Vua hỏi:
- Cớ sao Ngài không lấy?
- Với số báu ấy thật đủ làm nhà, nhưng khốn cho tôi về sau còn phải cưới vợ nữa, thì không đủ dùng, nên tôi không lấy.
- Thôi, Ngài lấy thêm ba nắm.
Vị Phạm Chí bốc ba nắm, đi bảy bước trở lại trả chỗ cũ.
- Sao Ngài lại thế?
- Với số báu vật ấy thật đủ cả cưới vợ, nhưng lấy gì sắm ruộng đất, đầy tớ, trâu ngựa, tôi tính không đủ, nên thôi là hơn.
- Thôi, Ngài lấy thêm bảy nắm.
Vị Phạm Chí lấy xong, đi bảy bước lại trở lại trả chỗ cũ.
- Cớ gì Ngài vẫn chưa vừa ý?
- Nếu tôi có con cái phải lo cưới gả, sắm sửa, lại còn việc nhà đám kỵ, giao tiếp thân bằng, tôi tính vẫn cứ thiếu, nên không lấy.
- Tôi vui lòng cúng tất cả, Ngài lấy về dùng cho đủ!
Vị Phạm Chí bước lên núi báu rồi trở xuống không nhận.
Nhà vua rất quái lạ thưa rằng:
- Ý Ngài thế nào, tôi thật không hiểu.
- Bản ý tôi đến xin Ngài để mưu cầu sự sống. Xong tôi xét lại mạng con người sống chẳng bao lâu, muôn vật cũng không thường sáng còn tối mất, khó giữ lâu bền.
Dầu tôi được cả núi báu, vị tất đã lợi ích hoàn toàn cho bản thân. Lo toan tham muốn bao nhiêu, luống công nhọc nhằn bấy nhiêu, chẳng bằng dứt bỏ dục vọng, cầu đạo giải thoát, rèn luyện các đức tính tốt cho bản thân, cho gia đình, cho xã hội, đều hướng về mục đích từ bi, trí tuệ là hơn, nên tôi không lấy.
Khi đó nhà vua tỉnh ngộ, tâm ý sáng suốt cầu được nghe pháp.
Vị Phạm Chí liền nói bài kệ rằng:
Tuy được núi vàng báu
Chất cao đến trời xanh.
Thế gian nhiều như thế
Chẳng bằng thấy nguồn đạo.
Đời không lành tưởng lành,
Ưa mà thấy như ghét
Lấy khổ dùng làm vui,
Cuồng phi bị tai hại.
Nói bài kệ xong, Ngài đã hiện Phật thân phóng hào quang sáng rực rỡ, vua

và quần thần vui mừng hớn hở xin thọ ngũ giới, chứng quả Tu Đà Hoàn.
Viên Minh
"Đời người ngắn ngủi lắm, thoáng qua lẹ làng như bóng chớp. Không ai sống mãi mà khỏi chết, thì con người có trường thọ được đâu. Vậy nên ta diệt lòng tham lam và bố thí cho kẻ nghèo. Sự giàu sang phong phú không phải thuộc về ta mãi mà thường thường vì nó mà ta lụy thân."

Oanh Vũ cứu đàn

Ngày xưa, bên một sườn núi cao là cụm rừng hoang, lá xanh bao phủ độ vài mươi mẫu đất, đấy là nơi trú ngụ của hàng vạn gia đình hươu, nai và chim chóc.
Một buổi trưa hè, vạn vật như bị tê liệt dưới sức nóng của những tia lửa mặt trời thiêu đốt. Chim thú uể oải gần như chết ngạt trong bầu không khí nặng nề oi bức. Tiếp theo đó những ngọn lửa hồng khe khắt bừng cháy từ góc rừng này qua góc rừng khác. Ngọn lửa độc ác cứ lên cao, lan rộng, bao vây dồn lần thú rừng, chim chóc vào những cụm rừng chưa kịp cháy…
Ảo não thay! Những tiếng kêu la thảm thiết, tuyệt vọng vang động một góc trời…
Trước cảnh bi thương, nhìn thấy sự chết chóc đau đớn của đồng loại, một chiếc chim bé nhỏ trong đoàn oanh vũ vụt bay qua làn khói đen nghi ngút làm cho đàn ngạc nhiên và hoảng sợ.
Thì sau đó vài phút, cũng chiếc chim nhỏ bé ấy trở về với một thân hình ướt đẫm, rồi đập mạnh đôi cánh và vung văng cho nước tưới vào lửa.
Chiếc oanh vũ ấy bay đi bay lại nhiều lần như thế. Với nắm thân bé nhỏ, với sức lực không bao nhiêu, oanh vũ mệt nhoài, không bay được nữa. Nhưng một lát sau người ta thấy oanh vũ lại làm công việc đã làm…
Cũng khi ấy đứng chợi trên đồi cao, một chủ trại vô tình trông thấy nghĩa cử của oanh vũ vô cùng thương xót, đem tâm cảm phục, bèn sai người nhà ra cứu lửa và kết quả ngọn lửa bạo tàn kia bị dập tắt.
Khi lửa đã tàn, thú rừng chim chóc kêu nhau trở về nơi quê hương tổ ấm sum họp trong cuộc sống an lành của gia đình thân mến.
Chim Oanh Vũ ấy là tiền thân của Đức Phật Thích Ca.
Thiện Châu
"Trước khi làm phước tứ phương, hãy giúp đỡ cho ngay người ở gần mình đi đã."

Tinh Tấn vì đạo hay là Tôn Giả Phú Lâu Na

Mùa Đông đã tàn, khí trời dần dần ấm áp. Dưới ánh sánh bình minh, muôn

cánh hoa đang vươn mình phô sắc. Trên cành, chim chóc đã rời tổ cất tiếng hát trong trẻo, như để chào mừng ánh sáng đã trở về, hay để tiễn chân nhà Đạo sĩ sắp lên đường quên mình vì Đạo.
Trong thành Ba La Nại ngôi Tịnh xá Trúc Lâm kiến trúc trên một canh đồi rộng rãi, cây cối um tùm tĩnh mịch dần dần hiện rõ trong đám sương mù.
Lúc bây giờ Đức Thế Tôn đang an tọa trong Tịnh xá Trúc Lâm, dùng đạo nhãn thấy dân chúng ở nước Rô Na Ba Răn Ta đang chịu nhiều điều thống khổ dưới quyền thống trị của nhà cầm quyền Kê Hoa Đà người Bà La Môn giáo. Người ấy đã dùng bạo thế lực sẵn có trong tay, ép buộc dân chúng phải tôn thờ Phạm Thiên và ngược đãi bắt bớ những người chống đối lại.
Trước hành động bạo ác và bất công ấy, Đức Thế Tôn thương hại cho Kê Hoa Đà là một nhà trí thức mà hiện tại không có người hướng dẫn sáng suốt tương lai không tránh khỏi ác báo trong ba đường.
Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy trong hàng đệ tử, chỉ có Tôn giả Phú Lâu Na là người có thiện duyên với Kê Hoa Đà và dân chúng xứ ấy nên sai đến đó để giáo hóa.
Đức Thế Tôn biết rằng: Trên con đường truyền bá Chánh Pháp dắt người trở về con đường tươi sáng của ánh đạo Từ bi, tôn giả Phú lâu Na sẽ gặp nhiều trở ngại thử thách của đối thủ.
Biết vậy, nên Đức Thế Tôn gọi Tôn giả Phú lâu Na đến dạy rằng:
- Dân xứ ấy và Kê Hoa Đà độc ác lắm, ta sợ ngươi không đủ can đảm để chịu đựng.
- Bạch Thế Tôn, con nguyện đem hết năng lực để làm tròn sứ mạng.
- Nếu đến đó bị chửi mắng, thì ngươi nghĩ sao?
- Con nghĩ: Những lời chửi mắng kia cũng như những tặng phẩm nếu họ đem đến tặng cho con, con không nhận, họ sẽ mang về, và con nghĩ rằng: Những người ấy còn hiền từ lắm, vì họ chỉ chửi mắng mà không nhận nước con.
- Nếu họ đem nhận nước ngươi?
- Con nghĩ rằng: Họ là những người tối dạ, và chỉ nhận nước mà không lấy đá ném vào đầu con.
- Nếu họ dùng đá ném vào đầu ngươi?
- Con nghĩ rằng: Họ rất tốt vì chỉ lấy đá ném vào đầu mà không dùng gậy đập con.
- Nếu họ dùng gậy đập ngươi:
- Con nghĩ rằng: Họ rất hiền từ vì chỉ dùng gậy đập mà không giam cầm, ngăn cản bước đường truyền đạo của con.
- Nếu họ giam cầm ngươi?
- Con nghĩ rằng: Những người ấy rất tử tế, vì họ giúp con có thời gian tịnh dưỡng tinh thần để nung luyện thêm ý chí, mà không dùng gươm đâm chém

con.
- Nếu họ lấy gươm đâm chém ngươi?
- Con nghĩ rằng: Họ rất tốt dạ, vì chỉ đâm chém mà không giết chết con.
- Nếu họ giết chết ngươi?
- Bạch Thế Tôn, con rất vui mừng, vì những người kia đã dùng tâm từ bi giúp cho con sớm thoát khỏi tấm thân giả tạm đau khổ này, để chóng thành quả vị Vô Thượng Giác.
Đức Thế Tôn dạy:
- Hay thay! Hay thay! Phú Lâu Na ngươi đã có một ý chí mạnh mẽ. Ngươi đã biết khinh thường thân mạng để phụng sự chân lý. Ngươi thật là một người đệ tử trung kiên của ta, đáng thay ta đến xứ ấy truyền bá Chánh pháp hướng mọi người trở về con đường sáng đầy an lạc và giải thoát.
Tôn giả Phú Lâu Na đảnh lễ, vâng lời Phật dạy rồi từ giã lên đường sang xứ Rô Na Ba Răn Ta.
Thiện Bình
"Chúng sanh cần con đến
Đạo pháp cần con đi
Không nề gian lao,
không từ khó nhọc,
Quyết tâm làm tròn nhiệm vụ của vị NHƯ LAI SỨ GIẢ"

Công chúa Ly Cấu

- Em cài thêm hoa lên mái tóc cho ta.
- Chà Công chúa đẹp quá!
Hoa Nô thốt ra câu nói ấy trong khi nàng cúi xuống cài đôi chim sẻ nạm toàn kim cương lên đôi cẩm hài của Công chúa.
Trước điện Quỳnh La 50 vị Phạm Chí đã túc trực sẵn sàng, hai hàng Ngự lâm quân đứng nghiêm như tượng, mấy chục nàng cung nữ xiêm y rực rỡ, tiếng lục lạc vàng dưới mấy chục chân tròn trắng cùng tiếng xao xuyến chạm vào nhau hòa thành một điệu nhạc lạ mà hay.
Tất cả đang chờ Công chúa. Bỗng tiếng vọi thổi lên để dẹp đường, người ta đều đổ dồn đôi mắt vào chính điện. Bức rèm nhung tơ màu hồng lạt thêu đôi phụng hoàng bằng kim tuyến lay động. Công chúa, một con người ngọc đài các bước ra.
Những ai đứng sau xa phải kiễng chân lên mới nhìn rõ Công chúa để mà thì thầm khen ngợi cái sắc đẹp đoan trang lộng lẫy của nàng, cũng như thầm phục đức khiêm tốn của con người đẹp khi đi ngang qua hàng Ngự lâm quân người đã cúi đầu kính cẩn đáp lễ.
Đây là một buổi lễ hành hương của Công chúa Ly Cấu con vua Ưu Điền.

Cũng giờ phút ấy, trong ngày hôm ấy, ở Tịnh xá Trúc Lâm các vị đại đệ tử của Đức Thế Tôn sau thời thanh đán xả thuyền định rồi. Các Ngài phân phó nhau đi khất thực theo lệ thường.
Trước khi ra đi, Trưởng lão Xá Lợi Phất bắt đầu chú nguyện: Tôi nguyện cho tất cả chúng sanh đều thâm hiểu pháp tứ đế, y theo tu hành và thành tựu quả vô sanh, Đại đức Mục Kiền Liên: Tôi nguyện tất cả chúng sanh đều tránh khỏi sự ma chướng, phát tâm bồ đề cầu đạo vô thượng, Tôn giả Đại Ca Diếp: Tôi nguyện cho tất cả chúng sanh đều phát thiện tâm, tu hành giải thoát hưởng phước vô lượng, thành tựu đạo quả, Thánh giả Tu Bồ Đề: Tôi nguyện cho tất cả chúng sanh thâm hiểu vạn pháp như huyễn trừ sạch tâm chấp trước, cầu chứng quả Niết bàn, Tôn giả A Nan: Tôi nguyện cho tất cả chúng sanh bỏ dữ làm lành, đầy đủ phước đức hiện sống tâm hồn ly dục, khi thác được sanh về các cõi an vui… cho đến Ngài A Nan Luật Đà, ngài Phú Lâu Na, La Hầu La… mỗi Ngài đều có chú nguyện cho chúng sanh trước khi ra đi.
Xe giá Công chúa vừa ra khỏi cửa thành phía Bắc thình lình nghe tiếng hô lớn: "Dừng xe", bọn Phạm Chí và tất cả tùy tùng đều kinh ngạc, có một vị Trưởng lão trong bọn Phạm Chí ra thưa: "Tôi thấy xa xa ở bên cửa phía đông có một đoàn đệ tử của Cù Đàm (chỉ Đức Phật) đương hướng về ngã này, nếu chúng ta gặp những người ấy chắc là có việc không hay xin công chúa hãy truyền cho lui xe về ngã khác". Nghe tâu, Công chúa để ý ngó xa quả thấy những vị tu hành ấy khoan thai trong chiếc áp vàng, đĩnh đạc và giải thoát làm sao, lòng nàng bỗng nhiên kính mến lạ: Sự thông cảm đến với Công chúa một cách đột ngột, nên chẳng những nàng không cho lui xe mà còn truyền xe giá ngừng hẳn lại, rồi Công chúa xuống kiệu để chờ đón đoàn người đức hạnh kia.
Bọn Phạm Chí và tất cả tùy tùng như bộ máy bị phanh, không một lời thưa lại.
Đoàn người ly dục đương từ từ đi đến, bước đi thong thả nhẹ nhàng trong im lặng, phải chăng ý niệm của người đương mải chú nguyện cho chúng sinh và cử chỉ oai nghi ấy còn ham lo ái hộ loài sâu kiến.
Đầu đoàn là Trưởng lão Xá Lợi Phất vừa đến nơi thì Công chúa quỳ sụp xuống cúi đầu đảnh lễ, tất cả bọn tùy tùng bất giác cũng sụp xuống quỳ theo. Đoàn người cao khiết ấy, cứ im lặng đi qua, cho đến khi Công chúa ngẩng lên và nhìn theo chỉ còn thấy những tà áo vàng bay nhè nhẹ.
- Ủa, Công chúa hành hương ở miếu Kỳ Bà sao mãi đến bây giờ vẫn chưa về? Trẫm phiền khanh truyền người xuống điện Quỳnh La xem thử.
Buổi hành hương của Công chúa bị về trễ, vua Ưu Điền ở nhà lo ngại.
Từ khi Hoàng hậu Băng Sa thăng hà, để lại cho nhà vua một nỗi nhớ nhung vô hạn và một người con gái yêu quý vô cùng. Vua cha đã cô đọng tình

thương con cả cha lẫn mẹ, thêm vào đó những đức hạnh cao quý của Công chúa, nên đức Vua để ý lo cho con từng cử chỉ.
Ngoài cái việc làm người con hiếu, Công chúa còn giúp vua cha nhiều ý kiến lành mạnh để trị nước an dân, nhờ vậy mà các nịnh thần tham quan ô lại không mọc lên, nên nhà vua tận hưởng thái bình, mà dân chúng thời ấy thật đã sống đúng nghĩa an cư lạc nghiệp. Vì thế nhà vua đối với Công chúa chẳng những yêu quý mà còn kính nể như một ngươ bạn vậy.
Nhà vua đã ngoài 60 tuổi, không có con trai, Ngài vẫn canh cánh bên lòng ước ao được người rể quý để ký thác non sông lúc tuổi già. Nhưng Công chúa không bao giờ nghĩ đến chuyện trăm năm, nên mặc dù đã 19 tuổi mà vua cha cũng không dám đá động đến lương duyên của con.
Sau buổi lễ hành hương hôm ấy, Công chúa trở về thâm cung chí xuất gia bỗng manh nha trong lòng người đẹp.
Thời ấy có bà Đại Ái Đạo là Ma Ha Ba Xà Ba Đề, Di Mẫu của Đức Thế Tôn đã xuất gia lãnh đạo một đoàn thể Ni Lưu (phái nữ tu sĩ) hiện an trú tại Kiều Đàm Tịnh Xá.
Công chúa xin phép vua cha được thường thường đến hỏi đạo với Ngài.
Một hôm Công chúa đem ý nguyện cầu xuất gia thưa với Di Mẫu nhưng Công chúa đã thất vọng, vì theo qui luật nhà Phật thì phải có sự thỏa thuận của gia đình, việc ấy Công chúa chắc chắn không bao giờ được vua cha cho phép.
Chí cầu giải thoát, lòng thương cha già đương phân tranh, thì Di mẫu đã tìm cho nàng một giải pháp vẹn toàn là có thể thực hiện hạnh xuất gia của bực Thượng Nhân (nghĩa là thân gia, tâm cầu xuất gia tam giới).
Vâng lời Di Mẫu, Công chúa như phăng được mối tơ lòng, nàng liền thực hành theo hạnh Bồ Tát tại gia.
Công chúa ngày nay không còn trang điểm như xưa, nàng ăn mặc thô sơ theo lối tu hành. Đồng thời nàng đã tìm nhiều phương tiện đưa vua đến yết kiến Đức Thế Tôn, nhờ vậy mà vua Ưu Điền cũng trở thành một Phật tử chân chánh và tận lực phục vụ đạo. Vả chăng cao hạnh của người ai lại phủ nhận?
Vì vậy, cung điện Quỳnh La nay đã biến thành một tịnh thất trang nghiêm thuyền vị, mỗi tháng cứ đến ngày trai Công chúa lại thỉnh Di Mẫu vào cung truyền giới "Bát quan trai" và dĩ nhiên tất cả cung nữ đều thừa nhận theo tu tập thuần thành.
Mấy kho châu báu là tư sản của vua cha cho để chờ ngày xuất giá, Công chúa đã đem ra bố thí cho dân nghèo. Nàng tâu vua cha mở mang nền kinh tế, dạy dân nghề nghiệp thiện, Công chúa đứng lên mở các trường huấn luyện đạo đức cho phái phụ nữ, nhất là người khéo áp dụng Phật pháp vào lối sống của dân chúng. Công chúa chủ trương các viện dưỡng lão, tế bần và

lập một bệnh viện mà nàng phát nguyện tự thân săn sóc bệnh nhân.
Công chúa Ly Cấu là người đầu tiên tham gia công việc xã hội ở nước Ấn Độ thời ấy vậy.
Nàng vui với đạo say với việc làm: Năm năm qua đều đều như thế. Một hôm, người ta khệ nệ khiêng đến một bệnh nhân bệnh tình trầm trọng, người bệnh phung lác lở cùng cả mình, một chứng bệnh khốc liệt đã ăn cụt mười ngón tay chân, còn chảy nước cùng mình, mặt mày lở loét trông rất dễ sợ. Bệnh nhân rên la thảm thiết, mới thoạt trông thấy con người đáng thương kia. Công chúa phải rung mình nghĩ đến khi tay mình đụng nhằm để tắm rửa săn sóc. Nhưng lòng từ bi cứu khổ đã thắng, đôi bàn tay tròn thuôn thuôn như ngọc chuốt từ từ khoát nước nhẹ nhẹ rửa cho bệnh nhân, tay Công chúa lầy lụa nước ghẻ, bệnh nhân thì giẫy giụa quằn quại nàng phải ôm đỡ bệnh nhân và không nhẫn tâm được, Công chúa đã tràn đầy đôi mắt lệ, nàng phải nhắm lại để rơi hai giọt nước mắt từ bi.
Nhưng khi mở mắt, thì lạ thay bệnh nhân đâu mất mà trước mắt nàng ánh sáng chói lòa Đức Như Lai uy nghi đứng như pho tượng độc tôn. Công chúa sung sướng quá nàng sụp xuống đảnh lễ Phật. Tất cả nhân dân trong bệnh viện lúc bấy giờ tâm hồn nhẹ nhàng, bao bệnh nhân đều thoát khỏi bệnh khổ. Đức Như Lai tán thán công hạnh của Công chúa và thuyết lý "Tứ Diệu Đế" cha nàng nghe, Công chúa liền chứng quả Tu Đà Hoàn và tất cả chúng hội nghe pháp đều chứng được ly dục.
Thể Quán
"Dẫu xây chín đợt phù đồ,
Không bằng làm phúc cứu cho một người"

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập II - 5

Giao du cần chọn bạn

Trong Tuyết Sơn có một khu rừng cây cối um tùm, có đủ thứ quả thơm ngon, lại ở về phía mặt trời soi luôn, được thêm phần ấm áp.
Có đủ thứ chim tụ họp, một hôm chúng bàn với nhau rằng:
- Chúng ta ở đây với nhau được đông đúc như thế này, kể cũng là một sự quý hoá. Xong cũng cần nên có một con đứng đầu để trông coi giữ gìn chặt tự, mong khỏi xảy ra những sự đáng tiếc về sau.

Chúng đều cho là phải, lập tức triệu tập hội họp cùng nhau, bầu lên một con làm vua, cầm quyền thống trị cho chúng.
Khi hội bàn cãi hồi lâu, bắt đầu bầu chim Hạc.
Có con phản đối nói:
- Không thể được, vì chim Hạc chân cao mỏ dài, bầu lên một khi con nào không may có lỗi sẽ bị mổ vỡ óc.
Phần đông cho là phải, Hạc bị bác.
Thứ hai đề cử chim Ngan.
Lại có con phản đối nói:
- Chim Ngan tuy lông trắng mỏ đỏ mình đẹp, ai trông thấy cũng yêu thật, xong vì cổ dài lạy hay ngoẹo, vậy cổ mình đã vênh, cử lên làm gương chính cho cả chúng ta thế nào được.
Ngan bị bác.
Thứ ba cử chim Công, chúng cho chỉ chim Công là xứng đáng, vì lông cánh đầu đuôi đều có vẻ, vậy có thể làm vua được.
Lại phái phản đối nói:
- Vẫn biết chim Công đẹp, xong chỉ tốt mã bề ngoài, không phải là loài biết liêm sỉ, mỗi khi múa là xù ngay hình ra thực rất khó coi.
Công cũng bị bác. Trông đi trông lại thấy chim Cú, chúng cho là Cú ban ngày thích yên tĩnh, ban đêm hay rình mò, như thế có thể trông coi cho chúng được mọi xự yên ổn, cả đàn vỗ cánh ưng thuận.
Cú được đại đa số tán thành.
Bấy giờ chim Vẹt đứng ngoài nghĩ rằng: Phàm như phép làm chim, ban đêm cần yên tĩnh để ban ngày đi kiếm ăn, nay bầu Cú lên, ban đêm thì hắn lần mò, chúng mình phải chầu chực, ban ngày hắn nghỉ ngơi, mình phải kiếm ăn như thế là cả chúng ta bị vất vả khổ sở suốt đêm ngày. Nay nếu ta tất bị hắn giận có thể sẽ bị hắn vặt lông và mổ chết. Nhưng nếu nay ta bỏ đi thì tất cả đàn cùng khổ.
Cuối cùng Vẹt lại nghĩ rằng: Thà là mình bị khổ, xong khổ để bênh vực lẽ phải cho công chúng được nhờ, còn hơn là yên phận sống lấy một mình.
Vì thế, Vẹt giữ một thái độ rất bình tĩnh và cương quyết ra nói với công chúng rằng:
- Cứ theo thiển ý của tôi thì không nên bầu Cú làm vua. Vì lúc vui vẻ trông mặt hắn khó coi, huống chi khi hắn cáu lên, thì còn ai dám nhìn nữa. Vả lại ban ngày thì hắn nằm dài ra, ban đêm lần mò đến sáng, thì còn ai chịu được, đó là lòng thành thực của tôi xin bày tỏ.
Cả chúng đều tỉnh ngộ cho Vẹt nói là đúng đều nhận Vẹt là chí tuệ, nhanh nhẹn sáng xuốt nhất, kết cuộc bầu Vẹt lên làm vua.
Trí Hải
Bạn bè có 3 pháp yếu:

- Một là thấy lỗi liền chỉ rõ can gián.
- Hai là thấy làm việc hay hết sức tùy hỷ.
- Ba là khi gặp tai nạn không rời bỏ nhau.

Tiếng đàn vi diệu

Trong một đêm trăng sáng, trời trong xanh hiền lành như một tâm hồn giải thoát. Trong Kỳ Hoàn tịnh xá, Đức Phật trang nghiêm ngồi trên Bửu tọa, hào quang ngũ sắc tỏa khắp quang Ngài ánh sáng chói ngời làm tăng thêm vẻ uy nghi của một đấng Thế Tôn.
Đêm càng về khuya, khí trời càng thêm mát dịu, gió nhẹ mơn man đem muôn vàn hương lạ từ Hy Mã Lạp Sơn về luồn qua kẽ lá của rừng cây, len vào trong Tịnh xá, hòa hợp tạo nên một hương vị đậm đà mùi đạo vị.
Giữa sự vắng lặng của đêm khuya, các vị Tỳ kheo đều ngồi quanh trong Tịnh xá, trầm tư mặc tưởng, cố công tu luyện tìm rõ cội gốc nghiệp chướng của con người, để diệt trừ mọi dây oan nghiệt hầu trở nên con người lành mạnh hữu ích cho thế nhân. Với tâm niệm bao la, với tâm hồn phóng khoáng, các vị Tỳ kheo tùy theo căn cơ tùy theo sở thích của mình, đều một lòng tinh tấn tu tập theo phương pháp của mình lựa chọn không ngừng.
Nhưng trong đêm nay một trong hàng ngàn vị Tỳ kheo đương tu tập có một vị mới được thọ giới Tỳ kheo vì chí bồng bột muốn mình sớm đắc đạo liền, đã tụng kinh Di giáo của Đức Phật Ca Diếp suốt đêm, cầu nguyện Ngài gia hộ để mau chứng Thánh quả. Nhưng đêm càng về khuya, thân thể của vị Tỳ kheo ấy càng thêm mệt mỏi, mà nhìn lại bản thân và nội tâm của mình vẫn chưa giác ngộ được điều gì. Vì thế, sau một hồi suy nghĩ chưa thấu đáo, vị Tỳ kheo ấy sinh tâm buồn chán, có ý định muốn thối lui trốn tất cả bạn đồng tu để về sống lại cuộc đời trần tục.
Ý định của vị Tỳ kheo kia vừa khởi Đức Phật biết được. Ngài cho vị Tỳ kheo thị giả gọi ngay vị tỳ kheo sắp thoái chí kia đến. Thoáng qua nét mặt ưu tư, với lòng Từ bi cao cả Đức Phật liền dịu dàng hỏi:
- Khi còn ở thế gian, con thích chơi thứ gì?
- Bạch Đức Thế Tôn, con thích chơi đàn cầm.
- Dây chùng thì thế nào?
- Bạch Ngài đàn không ra tiếng.
- Dây căng quá thì sao?
- Bạch Thế Tôn, mọi tiếng đều bứt.
- Còn dây lên vừa vừa thì thế nào?
- Bạch Thế Tôn, tiếng đàn vi diệu, vang ngân đó đây.
- Cũng vậy con ạ! Người học đạo không tinh tiến thì không hiểu đạo, mà tinh tấn quá cũng không đem lại kết quả nào. Nếu muốn có kết quả tốt đẹp,

con cần phải tu tập vừa phải, tinh tiến đều đặn. Đừng nên thái quá rồi bất cập, sanh tâm chán nản, như con vừa có ý định thoái lui.
Nghe Phật dạy xong, vị Tỳ kheo kia liền tỉnh ngộ. Thấy sự tu tập của mình quá khờ dại, ý định trở về trần tục thật điên rồ, nên đã thành thật ăn năn sám hối, đảnh lễ Phật và nguyện vâng lời chỉ dạy của Ngài, cố công tu tập vừa phải, tinh tiến không ngừng trên đường đạo.
Sau khi lễ Phật trở về phòng riêng của mình vị Tỳ kheo thoái chí kia vẫn còn nghe văng vẳng lời Phật dạy, trong lòng thấy khoan khoái và mãn nguyện lắm. Vì không có gì quý giá hơn, khi vị Tỳ kheo ấy thấy rõ hướng đi của mình trên đường tu tập không khác gì chiếc thuyền sau bao ngày lênh đênh lạc hướng giữa bể cả, vừa tìm thấy được lối về quê hương bến cũ.
Chuông trong Tịnh xá nhẹ nhàng, khoan thai điểm từng tiếng một, báo hiệu một đêm đã tàn. Ánh sáng ban mai hòa hợp với không khí trong lành của Tịnh xá, tạo thành một sớm bình minh vô cùng tươi sáng. Chim trong vườn tỉnh dậy, cất tiếng hát líu lo hòa theo tiếng gió, tạo nên một bản nhạc trầm hùng của vũ trụ.
Chư thiên khắp nơi, từ những phương trời xa thẳm vượt qua giới hạn của không gian, rộn ràng bay về trong Tịnh xá, và mang theo vô số hoa lạ của ngàn phương về cúng dường Đức Phật, làm cho buổi sáng của Tịnh xá, và mang theo vô số hoa lạ của ngàn phương về cúng dường Đức Phật, làm cho buổi sáng của Tịnh xá đã linh động lại tưng bừng và càng linh động thêm.
Nhưng có bình minh nào trong lành tươi sáng, có cảnh nào tưng bừng linh động bằng tâm hồn của vị Tỳ kheo kia, khi vị ấy nhận rõ được đường lối tu tập của đời mình qua một đêm dài đen tối của cõi lòng…
Trúc Ti
Trên đường đạo nhiều khi ta khổ sở,
Một lòng hăng hái tiến không thôi,
Dù cho non nước có đổi dời,
Ta cũng nguyện muôn đời tinh tiến mãi.

Hy sinh

Ngày xưa, có một người lái buôn nhân đức và hiền hậu, một ngày kia, chàng cùng năm người khách khác vượt trùng dương chèo thuyền qua xứ lạ để mua các thực phẩm và châu báu. Mua xong, mọi người đều vui vẻ dong buồm trở về xứ.
Khi ra đi thì trời quang mây tạnh, gió thuận buồm xuôi, nhưng khi thuyền ra khơi, thì thời tiết bỗng thay đổi, gió xoay chiều, từng đám mây đen ùn ùn kéo đến dần dần lan tỏa khắp cả bầu trời. Những lằn chớp rạch từng luồng sóng quằn quèo giữa vùng trời mây gió. Tiếng sấm vang dậy, mưa ào ào đổ

xuống. Gió mỗi phút mỗi mạnh, sóng mỗi lúc mỗi to, tiếng gầm thét dữ dội và nhào lộn như điên cuồng. Chiếc thuyền nhỏ, lên xuống theo với đợt sóng nổi chìm. Được một lúc thì lái gãy, buồm đứt, chiếc thuyền lảo đảo quay tít mấy vòng như chiếc lá vàng, giữa cơn gió lốc, bỗng bị úp lại và chìm hẳn. Cuống quít hãi hùng và lo sợ, những người trong thuyền đều bị sóng cuốn ra giữa bể. Trong khi ấy người lái buôn bám vào được cột buồm, còn năm người bạn đồng hành không bám vào đâu được cả và sắp bị chìm sâu vào đáy bể. Họ kêu cầu rên la rất thảm thiết. Ai đã từng chứng kiến tiếng khóc não lòng của một kẻ sắp lìa trần mà không động lòng đau xót? Cũng chính vì tiếng khóc ấy, đã khơi dậy ở lòng người thương gia một tình thương vô hạn, một sự hy sinh cao cả mà trừ phi những bậc Thánh nhân thì ít người làm được.
Chàng ta quay mũi cột buồm lại, rồi bơi đến vớt từng người một, khi cả năm người bạn đều níu vào cột buồm chàng mới hơi yên lòng, nhưng vì cột buồm nhỏ, không thể chịu đựng được sức nặng của sáu người. Kể cả người lái buôn kia nữa, nên bị chìm dần xuống nước. Người lái buôn tự nghĩ: Nếu ta ham sống cứ níu vào cột buồm này, thì không những một mình ta chết mà năm người kia cũng không tài nào thoát khỏi. Nếu ta dùng sức mạnh mà gạt bớt một người ra khỏi cột buồm thì có lẽ cứu được thân ta và bốn người kia nữa. Nhưng việc ác đức ấy ta không nỡ và không thể làm. Chi bằng ta hy sinh ta để cứu những người khốn nạn ấy.
Nghĩ như thế nên người lái buôn thả cột buồm và bị sóng đánh chìm nghỉm. Cột buồm bấy giờ được nhẹ bớt, từ từ nổi lên lại. Năm người kia nhờ thế mà được an toàn, trở về quê hương sum họp với gia đình họ.
Người lái buôn nhân đức và hiền hậu ấy là tiền thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.
Thiện Châu
Cứu một người bị nạn hơn bố thí tất cả.
Các sao tuy có sáng, chẳng bằng sức sáng của mặt trăng.

Bớ người ta! Ăn cướp!

Thuở xưa, lúc Đức Xá Lợi xuất gia, Ngài còn một người em trai và một người em gái. Mẹ ngài là người tà kiến, không tin theo Phật giáo, nên Ngài có căn dặn Chư Tăng, khi nào em trai Ngài có xin xuất gia thì cứ tự tiện cho, không cần chờ sự ưng thuận của mẹ Ngài.
Bà mẹ thấy con trai lớn của bà là Ngài Xá Lợi Phất xuất gia, bà sợ con trai út cũng xuất gia theo anh nên bà lo đi cưới vợ cho con. Ngày làm lễ rước dâu, theo phong tục thời ấy thì phải chọn một người rất già mà còn đủ vợ chồng đến xối nước trên tay cô dâu và chú rể.

Trong khi ấy chọn được bà ngoại của cô dâu là người có đủ điều kiện. Khi làm lễ bà ngoại vợ lại nắm tay đôi tân nhân rồi xối nước và nói rằng: "Bà cầu chúc cho hai con được ăn ở với nhau cho đến đầu bạc răng long như bà vậy".
Em của Ngài Xá Lợi Phất nhìn vợ thật là đẹp, nhưng khi day qua nhìn bà ngoại già nua, miệng thì móm mém, da nhăn tóc bạc, thật là xấu xí. Chàng ta mới có cảm tưởng rằng: "Bà ngoại vợ ta trước kia chắc cũng đẹp lắm mà hôm nay cái đẹp ấy không còn, thì sau này vợ ta cũng phải chịu cái cảnh già nua chi phối, vậy thì sắc đẹp đâu có tồn tại mãi được.
Trên đời không có gì trường tồn bền vững. Khi mà sắc đẹp của vợ ta phai lạt với thời gian, thì còn thú vị gì nữa. Thảo nào mà anh cả ta lại không đi tìm đường giải thoát!".
Suy sét đến đó, chàng phát tâm chán nản mùi giàu sang, vợ đẹp, ý chàng muốn xuất gia theo gương của anh, chàng mới nghĩ ra một kế, khi rước dâu theo đường chàng làm bộ đau bụng cứ đòi xuống đi sông mãi.
Nhiều lần như vậy, bà mẹ tưởng con mình bị bệnh kiết nên không để ý, để cho chàng tự do và cho xe rước dâu về trước, để chàng đi sau. Dịp may đã đến, chàng bèn đi thẳng vào Chùa ở gần đấy, xin Chư Tăng cho phép xuất gia.
Chư tăng nói :
- Nhà ngươi đã được sự ưng thuận của cha mẹ chưa
- Bạch chư Đại Đức, chưa!
Chư Tăng không dám cho xuất gia, vì theo luật Đức Thế Tôn cấm không cho người xuất gia trong khi cha mẹ không cho phép.
Khi hết sức yêu cầu Chư Tăng mà quý Ngài không bằng lòng cho xuất gia, chàng mới la lên rằng: "Bớ người ta! Ăn cướp nó cướp của tôi đây này!".
Chư Tăng lấy làm lạ mới hỏi:
- Gã kia! Ngươi đã điên rồi chăng? tại sao ở giữa chúng Tăng mà ngươi lại la lên như thế? Ai cướp của nhà ngươi?
Chàng đáp:
- Bạch Chư Tăng! Đệ tử là em của Ngài Xá Lợi Phất. Chư Tăng mới sực nhớ đến lời dặn của Ngài Xá Lợi Phất, nên cho em Ngài xuất gia…
Thông Kham
Trí tuệ là gốc của muôn hạnh loài.
Ngu si là nguồn tội lỗi.

Làm vua trong 7 ngày

Hoàng đệ Vi Ta gò cương ngựa, quay sang lão tướng Kiên Đà:
-Ta muốn đi tản bộ để được cùng lão tướng đến cạnh các đạo sĩ tu khổ hạnh

trong rừng già này.
Đội ngựa dừng lại ngoan ngoãn, hai người cùng nhảy xuống đất. Trong khi chờ đợi vị lão tướng của mình buộc xong ngựa vào gốc cây, Hoàng đệ Vi Ta đưa mắt nhìn theo con đường mòn sâu thẳm, mơ màng suy tưởng đến những cảnh trí mình sắp được trông thấy: "Dưới tàn cây, hốc đá của rừng xanh vắng lặng, thân đạo sĩ uy nghi như thần tượng.
Điệu nhạc thoảng lên từ hơi gió ngàn phương, thanh tịnh vô cùng như nâng hồn người thoát tục cao thêm mãi tận hư vô. Thật là huyền diệu".
- Xin mời Ngài đăng trình.
Vi Ta bỗng quay lạ, nhìn lão tướng Kiên Đà và nói với giọng u buồn:
- Lão tướng ạ! Lâu nay ta ôm ấp một mối băn khoăn khó giải. Ta tưởng đến một hướng đi cho cuộc đời. Phải chọn một trong hai con đường: Một là bằng mọi cách, chiếm đoạt tất cả những gì mình ao ước để tạo được hạnh phúc hiện tiền, hai là ép buộc thân xác vào cảnh thiếu thốn, khổ hạnh để hủy diệt thân này mà được hạnh phúc trong tương lai. Ta không tán thành cách tu tập của các vị Sa môn theo đạo Phật, vẫn ăn uống đầy đủ mà luyện tâm thanh tịnh.
Lão tướng có hiểu được ta chăng!
Ta buồn vì anh ta Hoàng Đế A Dục, một bậc trí tuệ, một vị anh hùng cái thế lừng danh của Đại quốc Magada này lại bị cám dỗ bởi những lời đường mật của hàng đệ tử của Phật. Nhưng mà thôi, ta không nên nhắc chuyện ấy lại làm chi, lão tướng hãy dẫn ta vào tận núi thẳm rừng sâu để ta được chiêm ngưỡng các đạo sĩ tu khổ hạnh.
Lão tướng Kiên Đà đăm chiêu nghĩ ngợi, lão vẫn giữ im lặng khi bước đi bên cạnh ông Hoàng. Nhưng bỗng vị cận thận chỉ về hốc đá, cung kính:
- Tâu Hoàng đệ, dưới hốc đá, một bóng hình đạo sĩ.
Ông Hoàng tiến nhanh về phía hốc đá. Dưới tàn cây rậm rạp, một đạo sĩ gầy như một bộ xương khô. Đôi mắt sâu như hai vực thẳm, và cái đầu tóc, tóc dài quanh rối ghê gớm, phủ kín cả đôi vai, tỏa xuống bộ sườn trần trụi. Thân thể đạo sĩ ở trong tình trạng gần như chết hẳn, chỉ còn cái lưng vẫn giữ thẳng, lồng ngực hồi lâu thấp thỏm.
Hoàng đệ Vi Ta đến bên cạnh đạo sĩ:
- Bạch Đại Đức, Ngài tu hành khổ đạo đã bao năm rồi mà thân xác ốm yếu như thế này? Thật đệ tử lấy làm bái phục.
Đạo sĩ vẫn nhắm nghiền đôi mắt trả lời:
- Đã mười hai năm rồi, mười hai năm mong giải thoát chiếc thân uế trược này để linh hồn siêu thoát.
- Bạch Đại Đức, Ngài dùng món chi để nuôi mạng qua ngày?
- Bần đạo ăn rễ rau và trái cây thôi.
- Bạch Đại Đức, Ngài ăn nghỉ ở đâu?

Đạo sĩ chỉ đồng cỏ khô bên cạnh:
- Bần đạo nằm nghỉ trên đống cỏ khô này.
- Bạch Đại Đức, trên đường tu học Thiên Ma bách chiếc, những chướng ngại nào làm tâm hồn Ngài không an tịnh?
Đạo sĩ lắc đầu tỏ vẻ chán nản:
- Điều làm cho bần đạo khổ công và tốn nhiều công phu nhất là nhìn thầy những đôi chim trời, thú rừng "nhảy nhót" với nhau.
Hoàng đệ Vi Ta buồn than:
- Ngài đã thấy chân đích của sự tu hành sắp đạt đến chưa?
Đạo sĩ yên lặng giây lâu, Ngài khẽ lắc đầu rung rinh mớ tóc dày:
- Họa may khi thân xác này tàn rụi!
Ông Hoàng đứng dậy nét mặt buồn rười rượi. Mười hai năm khổ hạnh hành hạ thân xác đến cùng kiệt mà vẫn chưa diệt hết được dục tình, dục ác! Phải đợi đến khi cái thân này hủi diệt, các giác quan không còn cảm xúc, cái biết hoàn toàn vô năng lực thì mới tin rằng có thể đạt được chân lý?
Lão tướng Kiên Đà đến bên cạnh góp lời:
- Xin Ngài chớ khá bận tâm! Chúng ta còn viếng thăm đôi vị danh tiếng nữa rồi Ngài được tận mắt tỏ tường, sức chịu đựng khổ đau vô cùng tận để mong cho cuộc đời riêng thoát khỏi khổ đau của kiếp người.
Hoàng đệ Vi Ta khua tay:
- Ta hiểu đủ rõ lão tướng ạ! Chúng ta sắp sửa về đi thôi.
Chiều đã xuống bóng cây đổ dài trên đường. Trước khi lên ngựa ông Hoàng quay lại vị cận thần nói:
- Kiên Đà ạ! Sự tu hành của vị Đạo sĩ kia khó khăn biết là bao mà chưa thoát được ước muốn tầm thường. Thế các vị Sa môn tu theo Đạo Phật ở trong các chùa viện, tuy sống trong chay tịnh đạm bạc nhưng no ấm, thì làm sao mà thành tựu được đạo quả. Ấy thế mà Hoàng huynh ta vẫn mãi cung kính, cúng dường cho họ.
Lão tướng Kiên Đà không trả lời. Và trên đường về hai người lặng lẽ cho ngựa chạy chậm chậm. Trong tâm trí mỗi người đều nặng một nỗi suy tư.
- Kìa lão tướng Kiên Đà và cả Đại thần Châu Đàn nữa. Các Ngài làm gì ở đây?
Đại thần Châu Đàn cung kính trả lời Hoàng đệ Vi Ta:
- Tâu Ngài, trời hè nóng bức, Hoàng đế tắm ở trong cung, cho nên chúng tôi đứng đây giữ long bào và mão ngọc.
Ông Hoàng Vi Ta nhìn đăm đăm vào chiếc vương miện trên tay Châu Đàn. Vị Đại thần biết ý, đưa chiếc vương miện lên trước mặt hoàng đệ Vi Ta:
- Thưa Hoàng đệ, đây quả thật là một chiếc mão vô giá và đẹp nhất kinh thành. Nó kết bằng một trăm hạt xích châu, hai trăm hạt lưu ly và năm mươi hạt mã não. Lót bên trong là gấm quý xứ Ty La và ở ngoài bọc vàng Đề Bạt.

Ông Hoàng tỏ ý thèm thuồng :
- Thật là một chiếc vương miện quý giá và đẹp đẽ vô cùng ước gì ta sẽ được một chiếc nhỉ!
Lão tướng Kiên Đà nhìn Vi Ta, mỉm cười :
- Thưa Hoàng đệ, với dung mạo đẹp đẽ uy nghi và gương mặt khôi ngô của Ngài, nếu Ngài đội chiếc vương miện quý giá này thì hạ thần sẽ tưởng đến một vị trời Đế Thích vừa giáng hạ.
Vi Ta khoái chí, cầm chiếc vương niệm mân mê.
Đại thần Châu Đàn liếc nhanh về phía ông hoàng:
- Lão tướng Kiên Đà nói đúng đấy. Thưa Hoàng Đệ, Ngài hãy đội thử để chúng tôi chiêm ngưỡng dung nhan.
Hoàng đệ mỉm cười nhìn quanh:
- Nhưng ta ngại…
Châu đoàn cướp lời:
- Thưa không, Hoàng đế mới đi tắm. Vả lại, Ngài là Hoàng đế tương lai kia mà. Chiếc vương miện này sẽ là của Ngài.
Kiên Đà phụ hoạ :
- Vâng, Ngài sẽ là Hoàng đế. Ngài hãy đội thử tý thôi.
Hoàng đệ Vi Ta không còn tự chủ được lòng ham muốn. Ngài trịnh trọng đặt chiếc vương miện lên đầu và dang ra xa:
- Các khanh ngắm ta có đẹp không nào?
Bổng cửa phòng vụt mở và Hoàng đế A Dục đã bước ra khỏi phòng.
Vi Ta hốt hoảng đứng ngây người chiếc vương miện vẫn còn mang trên đầu.
Nghiêm nghị Hoàng đế A Dục phán:
- Ngự đệ Vi Ta! Hành động của ngươi tố cáo một tham muốn cuồng loạn.
Ông Hoàng Vi Ta quỳ xuống run run van xin:
- Em khờ dại lầm lỗi. Xin Hoàng huynh mở lượng bao dung. Thật tình em không có lòng bội phản chỉ một phút…
Hoàng Đế A Dục cắt ngang lời:
- Pháp luật nghiêm minh của triều đình không cho phép ta dung tha, dù tội phạm chính là em ruột ta.
Rồi đổi sắc mặt Ngài truyền lệnh:
- Lực sĩ đâu. Hãy dẫn phạm nhân ra pháp trường.
Vi Ta sụp xuống chân vua, nức nở khóc. Các cận thần cũng lạy lục, xin vua thương tình, giảm tội. Hoàng đế A Dục hạ giọng và chậm rãi, Ngài nói:
- Ta niệm tình các khanh! Và để thỏa lòng ước muốn của em ta, ta sẽ cho Vi Ta làm vua trong bảy ngày, nhưng…
Ngài dừng lại một lát, rồi nhìn thẳng vào Hoàng đệ Vi Ta, ngài tiếp:
- Nhưng sau bảy ngày làm Hoàng đế, ngươi sẽ phải chịu y luật tử hình.

Hoàng đế A Dục đỡ Vi Ta dậy, truyền khoác thêm áo cẩm bào và bảo các quan đón rước Vi Ta về cung điện đặt lên ngôi cao cả.
Trước sân rồng, Hoàng đế Vi Ta tiều tuỵ, rũ rượi trong bộ áo cẩm bào, phủ phục dưới bệ. Hoàng đế A Dục nghiêm nghị:
- Ngự đệ Vi Ta!
- Dạ !
- Bảy ngày đã qua! Trong bảy ngày trên ngôi vàng điện ngọc, say sưa bên cung nữ yêu kiều, có trong tay muôn vạn quyền lực, hẳn em đã được sung sướng rồi chứ?
Hoàng đệ Vi Ta ê chề, chán nản:
- Tâu Hoàng huynh, em khổ lắm Hoàng huynh! Ngồi trên nệm gấm vương giả, chung quanh dìu dặt tiếng nhạc, tiếng ca của những cung tần mỹ nữ, nhưng lòng em không thể nào vui được khi trí em mãi nghĩ đến lưỡi gươm sáng quắc của tên đao phủ, đến dòng máu đào phun giọt từ cổ em sau khi chiếc đầu em lăn lóc. Trời ơi! Lại thêm nỗi, mỗi khi hoàng hôn vừa tắt, bốn tên lực sĩ Chiên Đà La đứng bốn góc Hoàng cung, tay cầm gươm trần, tay nắm xích sắt, khua lổn cổn hô to: "Một ngày qua. Một…còn sáu ngày nữa, tân vương sẽ bị chặt đầu. Cái chết của Ngài đang đi tới… một ngày qua…"
Hoàng đệ Vi Ta buông tiếng thở dài não nuột, rồi tiếp:
- Tâu Hoàng huynh, mỗi tiếng nói của họ là mỗi lưỡi gươm nhọn đâm vào tim em. Suốt cả bảy ngày, em sống trong phập phồng lo sợ. Ngai vàng điện ngọc, cung phi mỹ nữ, quyền lực danh vị nào có nghĩa lý gì đâu khi tâm em đang đau khổ, Hoàng huynh ạ!
Rồi Vi Ta bưng mặt khóc nức nở. Đôi vai run run trong chiếc cẩm bào rộng. Bá quan đều cảm động.
Vua A Dục từ từ bước xuống ngai vàng, đến bên cạnh đỡ em Ngài dậy, dịu dàng an ủi:
- Vi Ta em! Trong cái danh vị cao cả nhất của người đời, em chỉ sợ sệt, lo âu chết mất một thân này, một kiếp nầy mà cảm thấy thống khổ đến như thế. Vậy em hãy nghĩ lại, các vị Sa môn tu theo đạo Phật, họ luôn luôn nghĩ đến cảnh sanh, già, bệnh, chết của hết thảy con người, trong vô lượng kiếp, qua nhiều cảnh giới đau thương khốn nạn như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thì thử hỏi ăn một đôi bữa trong ngày, khoác hài gai áo vải, có gì là sung sướng đâu em!
Hoàng đệ Vi Ta trầm ngâm nghĩ ngợi, Ngài nhớ lại những băn khoăn trước đây của mình mà đã có lần Ngài thổ lộ với lão tướng Kiên Đà.
- Tâu Hoàng Thượng…
Vua A Dục không để em nói hết lời:
- Ta đã hiểu hết những thắc mắc của em. Có phải em đã cho rằng cần phải tu hành ép xác, làm tê liệt giác quan mới có thể tạo được tâm thanh tịnh. Và sự

thật đã trả lời cho em như thế nào. Vi Ta ạ! Đức Phật có dạy: Chẳng phải đi chân không, chẳng phải để tóc bồm sồm, chẳng phải xoa cho đất vào người mình, chẳng phải tuyệt thực, chẳng phải nằm trên đất, cũng chẳng phải ngồi mãi mà người ta có thể trở thành thanh tịnh nếu không tiêu diệt dục vọng tự tâm mình.
Và Đức Phật cũng đã dạy: "Có hai cực đoan mà kẻ cầu đạo phải lẩn tránh. Cực đoan thứ nhất là sống cuộc đời buông lung theo dục vọng để mưu cầu những thọ hưởng ích kỉ, ti tiện, xấu xa. Cực đoan thứ hai là sống đời sống khổ hạnh, hành thân hoại thể mình một cách khả ố, ghê tởm. Cả hai cực đoan kia đều không có lợi ích gì để đưa đến cứu cách giải thoát. Phải đi trên con đường trung đạo. Chỉ có con đường trung đạo mới đưa hành giả đến chánh tri kiến, đến thanh tịnh yên vui. Đến đại giác ngộ, và cứu cánh "Niết Bàn". Em đã nghe rõ chưa?
Mắt sâu hóm của Hoàng đệ Vi Ta khô dần, mặt Ngà tươi tỉnh. Ngước lên nhìn Hoàng đế A Dục, Ngài nói:
- Tâu Hoàng huynh. Em đã hiểu rồi! Những nỗi băn khoăn lâu nay của em đã được cởi mở. Em đã thấy được con đường tu tập chân chính. Em đã thấy lòng nhẹ nhõm dù bây giờ em phải bị tội tử hình.
Hoàng đế A Dục nắm lấy tay em cảm động:
- Không! Không! Em không còn có tội lỗi gì nữa. Nếu như trước đây, lòng ước vọng cuồng loạn của em đã gây nên tội lỗi thì bây giờ chính sự giác ngộ của em đã tự nó xóa được hết cả lỗi lầm của em rồi! Hoàng đệ Vi Ta nắm lấy tay anh nói qua ánh mắt trìu mến kính yêu:
- Hoành huynh, hoàng huynh thương em đến ngần ấy sao! Hoàng huynh đã chỉ cho em con đường giải thoát. Em đã thấy rõ rồi và em nguyện sẽ đi theo con đường sáng suốt của Đức Phật.
Hai anh em ôm nhau. Tình thương yêu chan hòa trong đôi tim đồng điệu thông cảm, giác ngộ.
Ngoài vườn ngự, con chim hoành anh chuốt lưỡi tung một tràng nhạc mừng vầng dương lên mang ánh sáng đến loài người.
Quảng Huệ
Nghĩ đến cái chết, đến cái đời mơ hồ, không biết mình sống bao lâu và không biết thời thế nó xảy ra cho mình như thế nào, nghĩ như vậy khiến mình sống theo chân lý.

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập II - 6

Bốn Con rối

Ngày xưa có hai vợ chồng người thợ chuyên làm các con rối có được một cậu con trai đặt tên là Aung. Đến ngày trưởng thành, Aung quyết định lên đường đi làm ăn xa.
Để giúp đỡ con, ông bố mới làm cho con 4 con rối đặc biệt: Con thứ nhất mang hình dáng một thiên thần, con thứ hai thì lại bộ dạng của một con yêu tinh, con thứ ba là một ông thiên lôi, riêng con thứ tư thì làm theo kiểu một thầy Tăng, một tay cầm thiền trượng và một tay cầm bát đi khất thực.
Trên đường đi phiêu lưu, lần lượt cả ba con rối đầu tiên đều hóa thành người thật theo mẫu của người sẵn có để giúp đỡ Aung. Con rối thiên thần giúp Aung thoát khỏi nanh vuốt của loài thú dữ gặp phải trên đường đi. Con rối yêu tinh giúp chàng chiếm đoạt của cải một đoàn thương nhân và con rối thiên lôi thì giúp biến những của cải đó sanh sôi nảy nở thêm. Thế là cả mấy thầy trò trở nên giàu có, mua một lâu đài lớn để cư ngụ.
Nhưng dù đã thành công trên đường đời, Aung lại vướng một món nợ tình không nguôi. Nguyên do là: Trong vụ chiếm đoạt của cải của đoàn thương nhân nọ chàng đã bắt được cô con gái của chủ đoàn thương nhân. Aung đem lòng yêu thương cô ta nhưng cô gái thì căm thù, nhất quyết cự tuyệt. Cuối cùng cô gái bỏ ra đi.
Thất tình, Aung trở nên vô cùng buồn khổ dù đang sống trong cảnh giàu sang tột độ. Lúc đó, con rối thầy Tăng mới cho Aung một lời khuyên là:
- Hãy thử sống như tôi: Tôi không có ham muốn xấu nên tôi không biết đến đau khổ, tôi ăn ở hoàn thuận với mọi người nên lúc nào tâm hồn cảm thấy bình yên.
Thế là Aung quyết định bắt đầu sống cuộc sống như con rối thầy Tăng, là rời bỏ lâu đài và cuộc sống giàu sang, một mình đi khất thực trên khắp các nẻo đường.
Tuy chưa hẳn trở thành một tu sĩ xuất gia nhưng kì lạ thay từ cách sống đó, tự nhiên lần hồi chàng cảm thấy tâm hồn yên ổn, thanh thản hơn.
Thế rồi, một ngày nọ trên đường đi khất thực, Aung đã tình cờ gặp lại hai cha con cô gái chàng từng yêu dấu. Nhìn thấy Aung phải chịu đựng và nghe Aung thuật lại đầu đuôi sự tình, bấy giờ cô gái mới động lòng, hiểu là Aung đã thực sự hối lỗi. Tha thứ cho Aung, cô gái và cha nàng bằng lòng cùng chàng trở về ngôi lâu đài cũ để làm lễ cưới.
Tại lễ cưới có mặt đông đủ 4 con rối bạn thân của Aung, con rối thầy Tăng một lần nữa đã giảng giải cho Aung nghe về lẽ đời và lẽ đạo:
- Trước kia, cậu đã giàu sang, được quyền lực nhưng như cậu đã thấy, của cải và quyền lực nào có mang lại hạnh phúc đâu. Nay cậu đã có hạnh phúc,

lại tiếp tục sống trong giàu sang và quyền lực, nhưng nên nhớ cái hạnh phúc này không phải do của cải và quyền lực mà là do phải biết bất chấp với thứ đó. Của cải và quyền lực tự nó không làm nên điều thiện hoặc điều ác. Cái đó chỉ tùy thuộc vào việc cậu dùng nó như thế nào mà thôi…
Thắm thía bài học do con rối thầy Tăng gợi nên, hai vợ chồng Aung cho xây một ngôi chùa thờ Phật cạnh lâu đài, để đón tiếp thiện nam tín nữ khắp nơi đến cùng mình chứng ngộ chân lý Phật pháp như những điều con rối thầy Tăng đã giảng dạy…
C.T.N
Thắng lợi thì bị oán thù, thất bại thì bị đau khổ, kẻ nào không màng đến thắng bại, kẻ ấy sẽ sống một cuộc đời hòa hiếu an vui.

Hoàng tử A Xà Thế

Hoàng tử A Xà Thế, bị Đề Bà Đạt Đa xúi dục, âm mưu sát hại vua cha là Tần Bà Ta La để chiếm ngôi. Nhưng công việc bị bại lộ, A Xà Thế bị bắt quả tang, và người cha đầy lòng từ bi không đành sử phạt xứng đáng như quần thần xin, mà nhường ngôi vàng cho Hoàng tử vì thấy con thèm muốn làm vua.
Để trả ơn, vị Hoàng tử bất hiếu vừa lên ngôi liền hạ ngục cha và ra lệnh bỏ đói cho chết dần. Chỉ một mình Hoàng thái hậu được phép vào thăm. Mỗi khi đi bà giấu đồ ăn trong túi áo đem cho chồng, A Xà Thế hay được quở trách mẹ. Sau lại bà giấu trong đầu tóc, A Xà Thế cũng biết được. Cùng đường bà tắm rửa sạch sẽ rồi thoa vào mình một thứ đồ ăn làm bằng mật ong, đường và sữa. Vua gọt lấy món ăn này để nuôi sống. Nhưng A Xà Thế cũng bắt được và cấm hẳn mẹ không cho vào thăm vua cha nữa.
Lúc ấy vua Tần Bà Ta La cam chịu đói, nhưng lòng vẫn không oán trách con. Ngài đã đắc quả Tư Đà Hoàn nên thản nhiên, cố gắng đi lên xuống kinh hành, thọ hưởng hạnh phúc tinh thần. Thấy cha vẫn vui tươi A Xà Thế nhất định giết cho khuất mắt nên hạ lịnh cho người thợ vào khám, lấy dao bén gọt gót chân vua cha, xát dầu và muối vào rồi hơ trên lửa nóng.
Khi người cha bất hạnh thấy người thợ cạo đến thì mừng thầm ngờ rằng con mình đã ăn năn hối cải, cho người đến cạo râu tóc để rước về.
Trái với sự mong ước của Ngài, anh thợ cạo đến chỉ đem lại cho Ngài cái chết vô cùng thê thảm.
Cùng ngày ấy, vợ A Xà Thế hạ sanh một hoàng nam. Tin lành đến vua một lượt với tin vua Tần Bà Ta La chết trong ngục.
Tin chánh hậu hạ sanh hoàng nam được đọc trước. Nỗi vui mừng của A Xà Thế không sao kể xiết. Cả người nghe nhẹ nhàng vui sướng. Tình thương của một người cha lần đầu tiên chớm nở trong lòng, mặn nồng sâu sắc, thấm

vô từng khớp xương ống tủy. Đứa con đầu lòng là một nguồn yêu thương, là cơ hội để cha mẹ thưởng thức một tình thương mới mẻ đậm đà, vô cùng trong sạch. Cảm giác đầu tiên của người mới được đứa con đầu lòng dường như đưa họ vào cảnh giới kỳ lạ, khiến họ có cảm tưởng rằng máu huyết mình đã đổ giọt ra để nối tiếp mình.
Tức khắc A Xà Thế vội vã chạy đi tìm người mẹ yêu dấu và hỏi:
- Thưa mẫu hậu, khi con còn nhỏ Phụ hoàng có thương con không?
- Tại sao con hỏi lạ vậy? Mẹ tưởng trên thế gian này không tìm đâu ra một người cha lành như cha con. Để mẹ thuật lại cho con nghe. Lúc mẹ còn mang con trong lòng, ngày nọ mẹ nghe thèm lạ lùng mọt món kỳ quái. Mẹ thèm nút vài giọt máu trong bàn tay mặt của cha con. Mà nào mẹ dám nói ra. Rồi càng ngày mẹ càng xanh xao, và sau cùng phải thú nhận với cha con. Khi nghe vậy, cha con vui vẻ lấy dao rạch tay cho mẹ nút máu. Lúc ấy các nhà chiêm tinh trong triều tiên tri rằng con sẽ là người thù của cha con. Do đó tên con là A Xà Thế (Ajatasattu kẻ thù chưa sanh). Mẹ có ý định giết con ngay trong lòng nhưng cha con lại cản mẹ. Một hôm con có cái nhọt trên đầu ngón tay, nhức nhối vô cùng, khóc suốt ngày đêm, không ai dỗ được. Cha con đang cùng bá quan phân xử việc triều đình, nghe vậy cầm lòng không đặng, bế con trong lòng và không ngần ngại ngậm ngón tay của con trong miệng nhẹ nhẹ nút cho con đỡ đau. Gớm thay! Cái mụt nhọt bể, máu mủ tuôn ra trong miệng cha con vào sợ lấy ra con sẽ nghe đau nên cha con nuốt luôn vào bụng cả mủ lẫn máu. Phải, người cha hết lòng thương yêu con, vì tình phụ tử đậm đà, nhẹ nhẹ nuốt hết vừa máu vừa mủ.
Nghe đến đó bỗng vua A Xà Thế đứng phắt dậy, kêu lên như điên:
- Hãy chạy mau, thả ra lập tức người cha yêu quý của trẫm.
Than ôi! Người cha yêu quý đã ra người thiên cổ.
Tin thứ nhì được trao tận tay vua A Xà Thế, vua xúc động rơi lụy đầm đề. Bây giờ ông mới nhận định rằng chỉ khi bắt đầu làm cha mới biết được tình cha thương con như thế nào.
Vua Tần Bà Ta La băng hà và tức khắc tái sinh vào cảnh trời Tứ Đại Thiên Vương tên là Janavasabha.
Về sau vua A Xà Thế được gặp Đức Phật, trở nên một thiện tín lỗi lạc và tạo được nhiều công đức trong một kết tập Tam Tạng đầu tiên.
Narada
Còn cha gót đỏ như son,
Một mai cha thác, gót con đen sì!
Còn cha nhiều kẻ yêu vì,
Một mai cha chết ai thì yêu con!

Thầy nhường đệ tử đi trước

Thuở xưa, ở chùa Tước Lý có một vị Trưởng lão Tỳ kheo đắc quả A La Hán. Một hôm, vị Tỳ kheo dẫn ông Sa di vào thành hóa đạo. Ông Sa di gánh y bát rất nặng theo sau Thầy.
Dọc đường ông Sa di suy nghĩ: "Người ta sanh ra ở trần gian, không ai chẳng bị khổ. Muốn thoát khỏi khổ này, phải phát tâm tu những pháp gì?" Rồi lại suy nghĩ: "Phật thường khen ngợi hạnh Bồ Tát là thù thắng. Nay ta phải phát tâm Bồ Tát". Vừa khởi ý niệm đó, thì vị La Hán dùng tha tâm thông soi suốt tâm suy nghĩ kia, liền bảo ông Sa di:
- Đem y bát đưa đây! Ông Sa di bèn theo y bát trao cho thầy mình. Nhận xong y bát vị La Hán liền bảo:
- Ngươi đi trước đi!
Ông Sa di đi trước, lại vừa suy nghĩ:
- Đạo Bồ Tát rất cần khổ, xin đầu cho đầu, xin mắt cho mắt. Việc này rất khó, ta không thể trọn vẹn chẳng bằng sớm cầu quả La hán, mau được xa lìa khổ nạn thì hơn.
Vị La Hán biết rõ tâm niệm ấy lại bảo ông Sa di:
- Ngươi hãy gánh y bát trở lại đi theo sau ta!
Ba lần như thế. Ông Sa di rất lấy làm lạ, không biết ý gì. Đợi đến khi dừng nghỉ, ông Sa di chấp tay bạch Thầy, thỉnh vấn ý ấy.
Vị bổn sư đáp:
- Ngươi đối với đạo Bồ Tát ba phen tinh tấn tâm Đại thừa, nên ta cũng ba phen nhường cho ngươi đi trước. Nhưng vì tâm ngươi ba phen thối chuyển, nên ta ba phen để ngươi đi sau.
Vi Sa đi hiểu được ý thầy dạy. Từ đó phát tâm tinh tấn tu hạnh đại thừa …

Đạo Lược
Người tu hạnh Bồ Tát phải lấy từ bi làm gốc. Cây bồ đề lớn mạnh nhờ bám sâu gốc rễ trong đất, kẻ tu hành lấy từ bi lợi lạc hữu tình làm lẽ sống.

Bố thí thân mạng

Về thời kỳ quá khứ xa xăm, trên một đại thọ có ổ chim năm con. Một chim trống, một chim mái và ba chim con.
Ngày kia, chim trống thấy ba lữ khách thoạt đến nghỉ chân dưới gốc cây, bèn nói với chim mái rằng:
- Nầy, chúng ta phải làm sao bây giờ? Khách lạ đến nhà, nhằm mùa đông lạnh lẽo mà ta lại không có chút lửa!
Dứt lời, chim trống cất cánh bay đi, rồi tha về một miếng củi cháy, nhả ngay xuống trước chỗ ba người. Lữ khách mới lượm cành khô nhúm thành một

đống lưởi để sưởi.
Thấy vậy, chim trống cũng chưa thỏa lòng, bèn nói cùng chim mái:
- Nầy, chúng ta phải làm sao bây giờ? Khách đã đói lòng, nhằm tiết đông thiên mà chẳng có chi đãi khách! Đây là nhà của ta, vậy ta có trách nhiệm phải nuôi mấy kẻ xa lạ đến tá túc. Cái chi có thể làm thì phải làm ngay! Vậy để tôi hiến thân cho khách đỡ lòng.
Vừa dứt lời, chim trống bay nhào xuống đống lửa hồng.
Ba lữ khách ngồi dưới gốc cây, thấy vậy lật đật lại cứu chim, nhưng đã muộn.
Chim mái bùi ngùi, than rằng:
- Dưới gốc cây, có ba người mà một thân của chồng ta thì sao cho đủ! Bổn phận của ta là vợ, phải tỏ rằng chồng đã cư xử đúng theo lẽ đạo. Vậy ta cũng phải hiến thân cho khách qua đường! Dứt lời, chim mái liền nhào xuống ngay đống lửa…
Ba chim con chứng kiến cử của cha mẹ, và biết rằng bấy nhiêu cũng chưa đủ cho ba khách no lòng, nên bàn tính với nhau:
- Cha mẹ đã tùy theo sức mà tròn bổn phận, nhưng việc cũng chưa xong! Vậy thì chúng ta lại phải hiến thân cho khách lạ!
Dứt lời, cả ba nhào xuống đống lửa một lượt…
Trích chính bản Thanh Nguyên
Người thọ thí là ân nhân của người bố thí. Vì người kia có đến xin, người này mới thực hành được hạnh bố thí.

Chuyện Dũng Mãnh

Phóng hạ đồ đạo
Lập địa thành Phật
Xưa kia có một vị Thiền sư tên là Diệu Pháp ở chùa Dư Sơn, tuổi đã ngoài bảy mươi. Một hôm, Thiền sư đang ngồi niệm Phật trên bàn thạch, bỗng thấy một người nhảy xuống suối tắm, cách Thầy độ mười thước. Thầy trừng mắt nhìn một hồi lâu rồi than rằng:
- Bản tính chúng sanh chẳng phải là dữ, chỉ vì mê mà đến nỗi gây nên tội ác như kia, đời nay mắc lưới pháp luật, đời sau phải đọa vào tam đồ. Biết mấy kiếp mới ra khỏi.
Người đi tắm kia độ ba mươi tuổi, mí to mày rậm, vai rộng lưng dài, nghe tiếng được tiếng mất, vội vàng lên bờ mặc áo rồi đến hỏi:
- Tôi tắm can chi đến Thầy, mà Thầy lại rủa tôi chi chi, những là tam đồ, là độc ác?
Thầy Diệu Pháp đáp:
- Nam mô A Di Đà Phật, tôi là người tu hành, lẽ đâu sanh lòng rủa ai. Anh

đừng ngờ vực mà mang lấy tội. Vì tôi thấy anh tai nạn sắp đến nơi, sẽ bị gông cùm khổ sở nên tôi thương xót, thở than một đôi lời, chứ không có gì ác cả.
- Thầy già lẫn quáng mắt, Thầy sao biết được tai nạn của tôi mà nói càn như vậy?
- Anh thực là nóng nảy quá, tôi tu hành đã lâu năm, lẽ đâu phạm giới vọng ngữ. Khi vừa thấy anh tôi đã biết nghề anh làm không phải là nghề lương thiện. Có nhân duyên thì có quả báo, anh còn mê nên không biết đó thôi. Ước chừng trong một tháng nữa, dù anh cao bay xa chạy thế nào cũng mắc lưới pháp luật.
Anh ta giật mình, chắp tai lạy Thầy và nói:
- Thầy thực là một vị Đại sư đoán không sai một may, con tự biết lỗi đã nhiều, xin Thầy liệu có phương pháp gì cứu con khỏi tai, khỏi nạn.
- Cứu khổ cứu nạn là bản nguyện của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Nhưng từ nay về sau anh phải biết cải hoá tự tâm, thường niệm tên Ngài thì thế nào cũng thoát khỏi tai ách.
- Bạch Thầy, Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát vì sao mà được phép mầu như vầy?
- Các vị Phật, các vị Bồ Tát cũng một tâm như mình cả, vì có công tu tập nên tâm ấy được hoàn toàn tấn hóa, rũ sạch các lối mê lầm và chứng được công đức vô lượng vô biên. Người đời cũng một tâm như vậy, nhưng vì không chịu tu tập nên bị màng vô minh bao phủ, dễ mắc vào lưới tham sân si, phải luân hồi mãi mãi. Cổ nhân có câu "Nhất thất nhân thân, vạn kiếp nan phục" nghĩa là một phen mất thân người, muôn kiếp khó được lại. Như thế được sanh làm người, nghe được Phật pháp mà không biết tu hành cho giải thoát, thì uổng biết chừng nào. Lỡ ra làm điều tội lỗi rồi phải sa đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì muôn kiếp gỡ ra không khỏi. Anh nên nghe lời tôi, về nhà tự tu tự tỉnh, đừng để đến khi lửa cháy đến mi thì dù có lo cũng không kịp nữa.
Anh nghe rồi, chào Thầy đi về, ra tuồng hối hận, vài bữa sau, khi Thầy đương ngồi tọa thiền niệm Phật thấy một người đến trước mặt quỳ lạy ba lạy và xin quy y làm đệ tử.
Thầy hỏi:
- Anh có phải là người tắm bữa trước không? Anh quê quán ở đâu, suy nghiệm thế nào mà nay đến đây xin xuất gia đầu Phật?
- Nam mô A Di Đà Phật tên con là Dũng Mãnh, ở làng này vẫn là con nhà lương thiện, khi còn nhỏ cũng có theo học chút ít về Nho giáo. Nhưng chẳng may cha mẹ mất sớm không ai dạy bảo, rong chơi trong xóm cờ đám bạc bày mưu định kế, gian xảo đủ vành, mà gia tư cành ngày càng sa sút. Khi ấy các bạn lại rủ rê thêm một nghề ăn trộm nữa. Lòng tham sẵn, biết đâu là phải trái miễn được đồng tiền. Ban đầu còn e ngại rụt rè, đến sau tập dữ tánh

thành, chỉ biết rình ngõ dò đường cho thành thuộc, nghĩ mưu mẹo cho khôn ngoan cốt lấy được nhiều tiền là sung sướng, chứ không biết gì nữa hết. Con ma tham dục đã dắt lối đưa đường, dù mưa gió lớn cũng ngồi chỗ xó vườn không biết chi lạnh lẽo. Một mực trèo tường đào ngạch, cậy đố, khoét vách. Vào nơi hổ huyệt mà cũng không biết gì là nguy hiểm, dẫu được của như nước mà cũng không giàu có hơn ai.

Tháng ngày lần lựa, từ khi gặp Thầy về nhà ngồi nghĩ lại những hành động ấy mà rùng mình rởn ốc.

Ôi! Vì tôi mà bao nhiêu người tan nát cửa nhà, vì tôi mà bao người đau lòng xót ruột, càng suy nghĩ càng thương, thương đến nỗi ước chừng các của lấy được giá có còn cũng đem trả lại.

Ngờ đâu ngẩn ngơ đôi ba ngày mà xem trong lưng gạo không tiền hết, con ma ích kỷ thúc dục bên tai tôi, cái đói đã tới kề bên tai. Thôi, xếp đạo đức lại, mà đi kiếm gạo.

Bấy lâu rình nhà bà Quản Oai một nhà giàu có, đường xá thông làu cả rồi, hôm nay lại mưa to gió lớn, trời tối như mực, cũng nên qua nhà ấy mà kiếm món tiền tiêu, thói cũ lại tuôn ra như nước.

Tôi bất giác vai mang đồ nghề bước ra, đi thẳng đến nhà bà Quản Oai, bấy giờ chỉ có một mẹ một con ở nhà nên tôi lách dậu, thuốc chó rồi thì chắc có lẽ đêm ấy cũng được món tiền kha khá. Tôi lần bước đến gần, nhòm vào cửa thấy một người con gái trẻ đương ngồi tựa án, chong ngọn đèn khuya, đầu bù tóc rối ra dáng âu sầu khổ não.

Tôi đứng nép bên chái nhà chờ cho cô ta đi ngủ, ngờ đâu từ canh một tới canh tư mà thỉnh thoảng vẫn nghe có tiếng đi ra đi vào, tâm sự tôi đêm hôm ấy bối rối tợ tơ vò.

Khi nhớ đến lời Thầy dạy thì muốn quay trở về mà cứ hễ cất bước đi thì con ma tham dục kéo dắt trở lại, không sao về được. Đêm khuya thanh vắng, nghe trong mình mỏi mệt nhường nào thì lòng tham lại thôi thúc lên chừng ấy. Khi sắp đến canh tư trong lòng tôi chỉ còn là một thằng ăn trộm hung dữ mà thôi, chứ không nhớ lời Thầy dạy bảo nữa, rồi lại nhòm lối cửa sau một lần nữa cũng vẫn thấy cô ta còn thức. Khi bấy giờ giận tức nổi lên, tôi rút giao phá cửa quyết vào giết đi cho đáng kiếp. Giận thực sao mà giận.

Đến bây giờ tôi nghĩ lại thật là vô lý quá, nhưng khi đó lòng tham đã nổi lên còn biết chi là phải trái. Của người ta để trong rương đã nghĩ như của mình, thì người thức không cho mình lấy tức là người giữ, phản đối với mình, vì vậy mà mình giận, mình quyết giết người ta cho bằng được.

Ôi! Cái năng lực của con ma tham dục nghĩ mà ghê ma sợ. Một người đã được nghe lời phải biết hối hận như tôi mà còn tối tăm mù mịt, làm càn làm dở, huống chi ai ai. Thật đáng thương cho người còn mắc trong vòng tham dục.

Tôi vừa phá cửa vào thì người con gái ấy đứng dậy một cách tỉnh táo, bảo tôi rằng :
- Chú ơi! Chú cứu mẹ tôi với, mẹ tôi đau mệt, thầy thuốc chạy cả chỉ còn một chút hơi thở thoi thóp mà thôi. Anh tôi đi xa, tin không về kịp, không biết làm sao bây giờ. Chú có phương chi cứu mẹ tôi thì dù bổ đầu lấy não, mổ bụng lấy gan tôi thì tôi cũng đành lòng chết thay cho mẹ tôi. Xin chú làm ơn cứu mẹ tôi với.
Lúc ấy kỳ thực cô ấy chỉ biết có mẹ đau mệt, gặp ai thì xin cứu mạng chứ không còn biết chi nữa cả. Tôi thấy lòng cô ấy chí hiếu như vậy cũng cảm động sa nước mắt. Sực nhớ lời Thầy dặn, tôi liền khuyên cô ta đặt bàn thờ giữa sân mà niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát , cầu Ngài linh ứng cứu cho bà mẹ cô ấy sống lại.
Cô ta nghe lời mừng rỡ khôn xiết, đặt hương án ngoài sân, khấn quỳ niệm Phật, lại nhờ tôi ngồi bên trong giúp bà mẹ cô ta.
Tôi nghĩ cũng ngán thiệt, ai ngờ trong đời lại có người lạ như thế, ăn trộm đã phá cửa vào nhà, không kêu la cứu thì thôi , lại trao nhà cửa tài sản cho người ăn trộm nữa.
Cô ấy quỳ niệm Phật ngoài sân, đêm hôm tối tăm lại thêm mưa gió lạnh lẽo mà không hề lay động, thực là chí thành chí kính.
Khi ấy giá tôi muốn lấy của, dù vơ nhặt cả tài sản cũng không ai biết, nhưng tôi thấy người con gái hiếu hạnh như vậy, nghĩ đến phận mình làm trai càng thêm tủi hổ, lòng tham của tôi đã tiêu tan hết, tôi chỉ còn nghĩ thân người cũng như thân mình, lo trông nom bà mẹ cô ta chứ không còn nghĩ đến tiền bạc nữa.
Tôi sực nhớ tới Thầy là một vị Cao Tăng Đạo Đức mới thấy tôi mà đã biết đầu đuôi gốc ngọn, chắc ai cầu khẩn chuyện chi Thầy cũng hiểu rõ nên tôi cả đêm cầu Thầy cứu mạng cho bà Quản Oai kẻo tội nghiệp quá.
Quả nhiên đến khi gần sáng có một vị Đạo nhân trong chùa ra đưa cho cô con gái quỳ ngoài sân một chén thuốc. Thuốc có linh nghiệm hết sức, vừa đổ vào miệng là bà Quản Oai đã hắt hơi thở một tiếng mạnh, chân tay nóng lên rồi mở mắt ra hồi lâu một cách tỉnh táo. Bà bảo người con gái: "Con ơi! Ngờ đâu mẹ còn sống được trông thấy mặt con ".
Bà lại chỉ tôi mà hỏi: "Có phải nhờ chú nầy mà mẹ sống lại chăng?". Cô gái thưa: "Phải". Bà bảo con gái lạy tạ ơn rồi nói: "Mẹ trông chú nầy cũng thiếu túng lắm, con hãy vào trong nhà lấy một món tiền khát lớn đưa cho chú về tiêu dùng. Người sống hơn đống vàng, con đừng suy ít tính nhiều mà mang lấy tội. Chú túng cũng như mình túng, con lấy mau mang ra đây để chú còn về nghỉ kẻo chú thức khuya mỏi mệt".
Tôi liền đáp:
- Chút công nhỏ mọn đâu dám kể ơn, bà sống lại đây là nhờ lòng hiếu hạnh

của cô em chí thành cầu nguyện cảm động đến chư Phật. Tôi không giấu chi bà, tôi chính là một thằng ăn trộm, khi tôi phá cửa vào nhà thấy cô em chí hiếu, cảm phục bội phần nên không nỡ hạ thủ. Một đêm tôi đã giác ngộ được rồi, muôn sự lỗi lầm từ trước xin sám hối, từ nay nhất định cắt tóc đi tu, của cải thế gian tôi không cần dùng làm chi nữa đâu mà bà phải đền ơn đáp nghĩa.
Thưa Thầy, sau khi từ giã hai mẹ con bà Quản Oai, tôi đi một mạch đến đây để bạch Thầy xin xuất gia cầu Phật. Tôi xét ăn năn hết sức, người ta cũng một tâm mà sao lại hiếu hạnh khiêm cung, mình cũng một tâm mà sao lại gian tham độc ác. Nói rộng ra, Phật cũng một tâm mà sao lại từ bi, hỉ xả, nhu hòa, nhẫn nhục, công đức vô lượng vô biên, tôi cũng một tâm mà sao lại tham sân si hiểm độc, ích kỷ hại người, tội ác vô cùng tận. Như vậy nghĩ mà ghê gớm cho tâm mình, muốn bỏ cái tâm ấy đi, rồi tu theo cái tâm tốt lành như của chư Phật.
Thưa Thầy, tôi đã trình bày đầu đuôi gốc ngọn, muôn sự về trước đều sám hối cả, xin Thầy tin lòng mà thu nhận làm đồ đệ, tôi nguyện một lòng xin theo lời Thầy dạy bảo dù muôn thác cũng không chối từ.
Đại sư làm thinh hồi lâu rồi nhẹ nhàng bảo:
- Tập quán anh đã nhiều kiếp nhiều đời, phép giới luật nhà Phật e về sau anh chịu không nổi, nhưng anh đã nguyện thì hễ tôi bảo chi dù muôn thác cũng không nan từ. Vậy tôi thử bảo anh một việc: "Kìa, cây đại thọ trước của chùa, anh hãy trèo lên chót cây rồi nhảy xuống đất. Làm như vậy tôi mới tin bụng anh và mới truyền phép cho anh tu tập".
- Con xin vâng lời Thầy dạy.
Cây đại thọ cao ước chừng ba mươi thước Dũng Mãnh trèo tới ngọn liền nhắm mắt, miệng niệm Nam Mô A Di Đà Phật rồi nhảy xuống, khi ấy nghe trong mình nhẹ nhàng như bấc, hình như có ai bồng đỡ. Khi hai chân chấm đất, Dũng Mãnh mở mắt ra đã thấy Thầy đứng trước mặt. Dũng Mãnh sụp xuống lạy, Đại sư liền đỡ dậy và khen:
- Lòng anh đã quyết định như vậy, lo chi không thành chánh quả.
Sau đó thầy liền làm lễ thế phát, truyền giới, giảng lý duy tâm và dạy Dũng Mãnh ngồi kiết già niệm Phật theo phép Nhất Hạnh tam muội.
Dũng Mãnh nhờ túc căn đã sẵn, giảng đâu hiểu đó, vừa thọ pháp xong liền tạ ơn Thầy và thưa:
- Con nhiều kiếp nhiều đời, say mê trong bể khổ, nay nhờ Thầy chỉ bảo đã biết đường tu tập. Nhưng con trộm nghĩ con còn phải mang lốt Dũng Mãnh này thì dù có cao đàm điệu luận đến đâu cũng khó lòng phát khởi tín tâm cho thế gian được. Vậy con xin phép Thầy tọa thiền niệm Phật dưới gốc cây này chờ đến khi nghiệp chướng tiêu diệt, thực tướng hiện tiền, bỏ thân này mà vãng sanh tịnh độ, về sau may ra mừng Phật thọ ký, con cũng nguyện

phân thân trở lại xứ này để cùng Thầy hoằng tuyên Phật pháp.
Đại sư nhủ:
- Nhất cú Di Đà vô biệt niệm, bất lao đàn chỉ đáo Tây phương, con hãy cố gắng trì niệm, tinh tiến tu hành, thì có lo chi không chứng được quả vãng sanh Cực lạc.
Từ đấy, mỗi ngày Đại sư thường ra khỏi cảnh giới Dũng Mãnh và chỉ đường tu tập trong bảy ngày đêm Dũng Mãnh ngồi kiết già nhập định, đến ngày chót phá màn vô minh thấy được chơn như bản tánh, Dũng Mãnh xét mình sắp về cõi Tịnh độ, nên đến đảnh lễ Tôn sư, từ giã Đạo hữu.
Trưa hôm sau cả Tăng, Ni, Đạo hữu trong chùa đều đến hộ niệm, bổn đạo xa gần nghe tin đến xem đông vô kể.
Thầy Dũng Mãnh ngồi kiết già, hai tay chắp rồi niệm bài kệ rằng:
"Biến quan pháp giới,
Bản vô nhất vật.
Phóng hạ đồ đao,
Lập địa thành Phật".
Đọc bài kệ rồi, trời đã đúng ngọ Thầy Dũng Mãnh nhập tịch. Mùi hương bát ngát, hào quang sáng ngời, Tăng, Ni, Đạo chúng lại sờ mình Thầy Dũng Mãnh thấy đã viên tịch.
Nhìn cây đại thọ trước cửa chùa, cành lá đều ửng sắc vàng, các thứ chim tụ về kêu nhịp nhàng như là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.
Hơn ba ngày bầy chim mới giải tán…

Trích Khóa Niệm Tùy Thân
Một lòng kính lạy Phật đà,
Ngàn đời con nguyện ở nhà Như Lai.
Con hằng mặc áo Như Lai,
Con ngồi pháp tọa Như Lai muôn đời.

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập II - 7

Nên kính trọng người già cả đức hạnh

Thuở Đức Phật còn tại thế, một hôm chư Tăng hội lại rất đông để hầu Phật. Nhiều Thầy Tỳ kheo choán chỗ rộng lớn, có vị một mình chiếm hai hoặc ba chỗ. Đại Đức Xá Lợi Phất đến sau, không có chỗ ở, đành phải ở ngoài trời.

Khuya lại đi kinh hành gặp Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn đã biết chuyện ấy, nhưng để đến khi gặp đức Xá Lợi Phất, Ngài hỏi tại sao ở ngoài đồng. Đại Đức Xá Phất mới bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Vì con đến trễ nên không có chỗ nghỉ".
Nhân chuyện ấy, sáng ngày Đức Thế Tôn mới cho họp chúng và nhắc một tích như vầy :
- Về thời quá khứ, tại rừng Tuyết Lãnh có một cây vừng to, nơi cây vừng ấy là nơi tụ họp của ba con thú và cũng là ba người bạn thân: Chim đa đa, khỉ và tượng. Ba con thú ấy chơi với nhau rất thân nhưng không biết ai lớn ai nhỏ. Ba con mới nói với nhau rằng: "Chúng ta chơi với nhau như vầy chưa đủ vì chúng ta thiếu phép cung kính nhau, vì không biết kẻ lớn người nhỏ để chỉ dạy nhau, vâng lời nhau. Vậy trong chúng ta biết cây vừng nầy từ bao giờ?".
Tượng đáp: "Này các bạn, trong khi tôi còn là tượng con, mẹ tôi dẫn đi ăn thì cây vừng này còn ở dưới bụng tôi. Tôi biết cây vừng từ khi ấy.
Khỉ đáp: "Này các bạn, khi tôi còn bú, tôi ngồi trên đất, không cần phải ngước đầu lên, cũng có thể dùng miệng cắn ngọn cây vừng này được. Vậy tôi biết cây vừng nầy từ khi ấy".
Chim đa đa đáp: "Còn tôi, khi trước ở bên kia có cây vừng to, tôi ăn trái vừng về đại tiện nơi đây nên mới có cây vừng nầy".
Từ ấy về sau, khỉ, tượng tôn chim đa đa lên làm anh cả, cả hai kính trọng vâng lời chỉ bảo. Khỉ và tượng vâng lời chim đa đa lánh ác làm lành, nên sau khi chết đều được sanh về cõi trời.
Sau khi nhắc tích này Đức Thế Tôn mới dạy các Tỳ Kheo:
"Này các Thầy Tỳ kheo! Loài thú mà nó còn biết kính trọng nhau thay huống chi các Thầy, xuất gia hành theo giáp pháp chân chánh của Như Lai sao không biết kính trọng nhau?...".
Thông Kham
Sự vui mừng của người xuất gia, chỉ khi nào chánh pháp được thường trú lan rộng, đau buồn khi chánh pháp bị xuyên tạc suy vong.

Mê hoặc bị tai nạn

Thuở xưa, có một vị tỳ kheo bị tẩn xuất, ảo não buồn rầu, than khóc mà đi. Dọc đường gặp một con quỷ. Con quỷ này phạm pháp cũng bị Tỳ Sa môn thiên vương tẩn xuất. Con quỷ hỏi vị Tỳ Kheo:
- Vì sao ngài buồn rầu than khóc?
- Tôi phạm việc trong Chúng Tăng, bị Chúng Tăng tẩn xuất mất hết sự cúng dường của tất cả đàn việt. Tiếng xấu bị đồn khắp gần xa, nên tôi buồn rầu than khóc!

Con quỷ bảo vị Tỳ kheo:
- Tôi có thể làm cho Ngài được cúng dường nhiều, và tiếng xấu tiêu tan. Ngài có thể đứng trên vai tả của tôi. Tôi sẽ đội Ngài đi trên hư không. Người ta chỉ thấy ngài mà không thấy hình tôi. Nếu Ngài được cúng dường nhiều, trước phải chia cho tôi!
Con quỷ kia tức thời mang vị Tỳ kheo đi trên không đến nơi địa phương mà Thầy Tỳ kheo đã bị tẩn xuất. Bấy giờ mọi người trong địa phương ấy trông thấy, đều lấy làm kinh ngạc, cho là người đắc đạo có thần thông, lại cùng nhau truyền tụng: "Chúng Tăng vô cớ, lại tẩn xuất oan uổng một vị Đạo nhân chân chính".
Đồng thời cùng nhau đến ngôi chùa này trách mắng Chúng Tăng, và đưa vị Tỳ kheo ấy trở lại ở trong ngôi già lam, lại cúng dường hơn xưa rất nhiều vị Tỳ kheo nầy lãnh thọ cúng dường áo cơm, tài vật được bao nhiêu, đều phải chia sớt cho con quỷ, không làm trái với lời cam kết khi trước.
Thế rồi, một ngày khác, con quỷ này lại cõng vị Tỳ kheo du hành trên hư không.
Hôm ấy, lại rủi ro gặp người quen thuộc của Tỳ Sa môn Thiên Vương, quỷ rất kinh hoảng ném bỏ vị Tỳ kheo, chạy trốn thục mạng. Vị Tỳ kheo bị quăng xuống đất, thân hình tan nát phải mạng chung tức khắc…
Đạo Lược
Nên tạm lánh trong chốc lát người nóng giận và xa lánh vĩnh viễn kẻ giả dối.

Bố thí vật thực

Thuở xưa, bên cõi Thiên Trúc, có năm anh em phú thương kia cử hành một cuộc lễ tế long trọng, và nhằm cơ hội này mới tổ chức một cuộc bố thí vỉ đại giúp mọi người nghèo khổ.
Ai ai đều hoan hỷ và đồng thinh tán dương cuộc bố thí hy hữu, số tài vật thí ra thật nhiều, quá sức tưởng tượng.
Cuộc lễ vừa chấm dứt thì từ đâu một con chồn đèn lại chạy đến. Nửa thân của chồn đã trổ màu vàng lóng lánh và nửa thân thì lông còn giữ màu xám như thường. Chạy đến dưới đàn hành lễ, chồn lăn tròn dưới mặt đất mấy vòng, rồi đứng dậy nói cùng mấy người dự lễ như vầy:
- Các anh chị đều phạm tội vọng ngữ cả! Nào có hiến tế chi đâu?
- Sao ngươi dám quyết là chẳng có? Gia chủ đã thí cho kẻ nghèo vô số tài vật ai lại còn chẳng biết! Này ngươi phải nhớ rằng đây là cuộc bố thí hy hữu trên cả thế gian.
Nghe nói như vậy, chồn đứng nhóng hai chân, rồi chậm rãi nói rằng:
- Các anh hãy lắng tai nghe, tôi thuật lại chuyện này! Trước đây, trong một

làng hẻo lánh, có hai vợ chồng cư sĩ kia rất nghèo mà phải nuôi cả con và dâu. Họ nghèo đến nước túng thiếu trọn năm và nhờ láng giềng thương xót mà giúp đỡ không biết bao nhiêu lần.
Vận rủi dập dồn. Từ đâu không ai rõ, hạn hán thoạt xảy đến, thiêu hủy hết cỏ cây. Nạn đói lan tràn khắp thôn quê và thành thị trong ba năm liên tiếp. Thật là vận khứ lôi vang tiến phước bia! Gia đình của cư sĩ đã lâm vào cảnh khốn cùng không bút nào tả được. Cả nhà đã nhịn đói trọn ba ngày.
Buổi sáng kia vì đói quá, cư sĩ mới vét khạp gom nhóp được một nắm bột lúa mạch. Cư sĩ bèn đem hòa với nước lã, nấu chín thành bánh, chia ra bốn phần: cho mình, cho vợ, cho con và con dâu. Khi cả nhà xúm lại để ăn phần bánh tí ti cho đỡ đói, thình lình có ai gõ cửa. Cư sĩ vội bước ra mở và trông thấy một người khách lạ.
Nên biết rằng, theo cổ tục của xứ Thiên Trúc, thì bổn phận của gia chủ phải tôn trọng bất cứ khách nào đến nhà. Khách là hóa thân của Thượng đế thì phải kính nhường cho xứng địa vị cao quí ấy.
Vì bổn phận, cư sĩ cúi mình chào khách thưa rằng:
- Xin mời Ngài bước vào và chúc Ngài được vạn phúc.
Sau lúc khách đã an tọa, cư sĩ bèn đem dâng phần của mình. Khách dùng trong phút chốc là hết miếng bánh rồi nói rằng: “Thí chủ hại ta đó! Nhịn đói mười hôm, nay ăn một miếng bánh thì đói lại càng đói thêm”.
Nghe vậy, bà chủ nhà xin phép chồng đem luôn phần bánh của mình dâng cho khách. Nhưng cư sĩ biết vợ đã đói quá nên lòng chẳng nỡ… Bà vợ cố van lơn: “Tội nghiệp! Thấy ông đói quá, tôi thật cầm lòng không được! Ta hữu phúc có nhà có cửa, vậy ta có phận sự giúp kẻ lỡ đàng. Tôi là vợ, ông không còn chi thì tôi phải giúp thêm”. Bà liền dâng phần bánh của mình. Khách dùng luôn, rồi cũng than rằng chưa hết đói. Người con trai của gia chủ bèn thưa rằng: “Xin cha hãy dâng phần bánh của con đi! Đó là con phải giúp cha thi hành nhiệm vụ”. Rồi khách lại dùng miếng bánh thứ ba mà cũng còn than đói. Người dâu của cư sĩ đem dâng luôn phần bánh của mình. Xong việc, khách mời vừa lòng, chúc phúc cho gia chủ rồi từ tạ ra đi…
Trong đêm ấy, cả gia đình bị đói cả nên kiệt lực. Bốn người đều qua đời.
Qua ngày sau, có dịp tạt qua làng đó, chính ta đây đã ghé vào cái nhà bất hạnh ấy. Thấy còn rơi rớt một chút bột trên mặt đất ta vội lăn mình trên bột, và bột ít quá nên sắc lông của ta mới trở màu vàng được có nửa phần thôi. Than ôi! Từ đó đến nay ta bôn tẩu khắp bốn phương trời xa lạ, lòng thầm ước dự một cuộc hiến tế vĩ đại thứ nhì, nhưng mà ngày tháng trôi đi, đã biết mấy thu mà ta chưa mãn nguyện. Thứ bột vàng quí ấy dường như đã tuyệt trên cảnh sắc Ta bà… Hiện thời, màu vàng lóng lánh chỉ nhuộm được nửa thân ta. Vì cớ đó ta quyết rằng đây chẳng phải là một cuộc hiến tế thích đáng.

Trích chính bản Thanh Nguyên
Bố thí là vị dõng tướng điều phục giặc gian tham.

Lời thề nguyện

Đã hơn một tuần nhật rồi, vị Thánh nữ buồn rầu ủ ê, ăn không ngon miệng, ngủ không yên giấc, vì mẹ nàng vừa từ biệt cõi đời.
Gọi nàng là Thánh nữ, bởi vì nàng là một người tu hành đoan chánh, rất hiếu thảo với cha mẹ và tử tế với mọi người. Tuy nàng thuộc dòng dõi quí tộc Bà La Môn, song lại tu theo Phật giáo, ăn ở rất phúc hậu nên được nhân dân địa phương kính nể và mến phục mà tôn xưng là Thánh nữ.
Vị Thánh nữ thương mẹ lắm, song không phải là nàng thương vì mẹ nàng không còn ở cõi đời. Vốn là bậc tu hành chân chánh, nàng đã hiểu rõ lẽ sống chết như thế nào rồi. Đối với nàng, sự sống chết thật ra không làm cho nàng bi lụy xót xa cho lắm, nhưng nàng thương mẹ vì một lẽ khác.
Lúc còn sinh thời, mẹ nàng vốn theo ngoại đạo, tà giáo, không tin Phật pháp, không kính Tam bảo, không tin lẽ nhân quả, luân hồi, thường sát sanh hại vật, ăn ở tàn ác với mọi người, nói lời không chân thật… Đã nhiều lần, nàng cố sức khuyên can, mong phát huy chánh kiến cho mẹ nhưng mẹ nàng không chịu tin theo.
Vì hiểu rõ lý luân hồi, nghiệp báo, nên nàng càng cảm thấy thương xót mẹ vô cùng. Nàng tin thế nào sau khi thác, mẹ nàng cũng bị đọa vào các đường ác như: Địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh chứ chẳng không.
Nghĩ như vậy, rồi hai hàng nước mắt chan hòa, lòng đau như cắt. Bỗng nhiên đôi mắt vị Thánh nữ sáng ngời, trước mắt nàng hình ảnh Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai hiện ra.
- Chỉ có Đức Phật mới có thể cứu được mẹ ta. Ta hãy cầu nguyện nơi Ngài.
Sáng hôm sau, khi vầng thái dương vừa ló dạng, muôn chim ca hát vui mừng chào đón ánh bình minh, vị Thánh nữ Ba Là Môn thức dậy, nàng thu xếp hành trang và lễ vật, rồi khoan thai đi về phía chùa làng.
Sau khi dâng hương và lễ vật Thánh nữ ngước nhìn pho tượng Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai oai nghi rực rỡ. Bất giác, nàng phục xuống chân Ngài, trong lòng thổn thức.
Nàng tự nghĩ: "Phật là bậc Đại giác, đầy đủ trí tuệ. Song là bạc phước cho ta, nên không được gặp Ngài lúc Ngài còn trụ thế. Nếu lúc này Ngài còn tại thế, tất ta có thể hỏi được, mẹ ta bị đọa nơi nào?"
Còn đang suy nghĩ chưa dứt, bỗng một làn khói thổi mạnh, ngọn nến lung linh. Văng vẳng bên tai Thánh nữ, như có ai nói tiếng rất ngọt ngào:
- Hỡi Thánh nữ đang khóc lóc kia, hãy nín đi và nghe đây, ta sẽ chỉ bảo cho nơi mẹ con bị đọa.

Bàng hoàng như vừa tỉnh giấc mộng, Thánh nữ ngạc nhiên và hướng lên không trung và bạch rằng:
- Chẳng hay vị thần linh nào ứng hiện, xong rủ lòng thương xót mà giải cho con tấm lòng lo âu. Từ khi mẹ con mất đến nay, ngày đêm thương xót, không biết mẹ con bị đọa vào ngã ác nào?
Ở trên không lại có tiếng nói vang lên văng vẳng như tiếng chuông chiều:
- Hỡi Thánh nữ! Ta đây chính là Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà con đang cúng dường và chiêm ngưỡng đó. Vì tấm lòng hiếu thảo gấp mấy thường tình của con, nên ta mới bảo cho con biết.
Thánh nữ nghe nói khôn xiết vui mừng, liền chắp tay quì lạy. Đức Phật lại phán:
- Hỡi Thánh nữ Bà La Môn kia, sau khi cúng dường, hãy trở về tọa thiền nghiêm chỉnh mà niệm danh hiệu ta, thì sẽ thấy nơi mẹ con bị đọa.
Vì nóng lòng thương mẹ, Thánh nữ Bà La Môn vội vã làm lễ tạ Phật rồi ra về. Y theo lời phật dạy, Thánh nữ trang hoàng bàn thờ Phật và đối trước tượng Phật, nàng ngồi kiết già nghiêm chỉnh, miệng và tâm đều kính cẩn niệm danh hiệu Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai luôn luôn không dứt.
Một bầu không khí mơ màng và trong ánh sáng bỗng hiện ra Thánh nữ Bà La Môn ung dung tiến bước đến một bờ biển mênh mông bát ngát. Nhưng lạ thay, nước biển lại sôi lên sùng sục. Trên mặt biển, làn sóng cuồn cuộn nhấp nhô rất nhiều thú dữ, hình dáng quái dị, hung ác, bay nhảy, bơi lặn tung tăng, tranh nhau xé xác hàng ngàn, hàng vạn người trôi nổi trong đó, đàn ông có, đàn bà có, tiếng rên la khóc lóc vô cùng thảm thiết: Những cảnh tuỡng diễn ra vô cùng tàn ác, dã man, rùng rợn, không nỡ nhìn lâu. Tuy vậy Thánh nữ chỉ thấy thương xót cho những kẻ bị thú dữ ăn thịt đó thôi, chứ lòng nàng không cảm thấy sợ hãi chút nào. Lòng Thánh nữ rất phân vân về cái cảnh tàn sát ghê rợn ấy, nàng định tâm nếu gặp người nào sẽ hỏi cho rõ nguyên do!
Bỗng từ đằng xa đi lại một người hình dáng kỳ dị, cổ quái. Tới gần Thánh nữ, người kia vội vã chắp tay vái chào mà rằng:
- Mô Phật! Bạch Bồ Tát, chẳng hay vì duyên gì mà Ngài lại tới đây?
- Thánh nữ vô cùng ngạc nhiên về cách xưng hô của người kì dị kia. Nàng bèn hỏi lại:
- Mô Phật! Chẳng hay Người là ai mà kêu tôi là Bồ Tát?
Người kia mỉm cười đáp lại:
- Mô Phật! Đệ tử là Quỷ Vương Vô Độ, cai quản nơi này nên được biết rõ: Vào được cõi này, chỉ có các bậc Bồ Tát hoặc các tội nhân mà thôi. Cứ nhìn cốt cách ung dung của Ngài thì biết ngay Ngài là bậc Bồ Tát mới đủ thần thông để chứng kiến những cảnh ghê gớm ở chốn này mà chẳng chút sợ hãi.

Thánh nữ suy nghĩ giấy lát, rồi hỏi Quỷ Vương Vô Độc:
- Vậy đây là chốn nào?
- Bạch Bồ Tát! Đây là từng bể thứ nhất vế phía Tây núi Đại Thiết Vi.
- Phải chăng, trong núi Đại Thiết Vi là địa ngục?
- Thưa vâng, trong núi Đại Thiết Vi quả có địa ngục! - Tôi có việc muốn vào địa ngục có được chăng? Thánh nữ hỏi.
- Bạch Bồ Tát! Muốn vào địa ngục chỉ có hai cách: Uy thần và nghiệp lực. Ngoài hai cách ấy thì chẳng bao giờ vào được. Hiện nay Bồ Tát đang nhờ sức niệm Phật nên có uy thần, có thể vào được, song tôi muốn hỏi Bồ Tát muốn vào địa ngục có duyên cớ chứ?
Thánh nữ nghe Quỷ Vương Vô Độc hỏi, ngậm ngùi nhớ đến mẹ và liên tưởng đến những cực hình ghê gớm trong địa ngục. Nàng đáp:
- Tôi muốn đi tìm nơi mẹ tôi bị đọa. Mẹ tôi mới thác, không biết người bị đọa đến ngã nào?
Quỷ Vương Vô Độc phân vân giây lát, rồi hải Thánh nữ:
- Bạch Bồ Tát! Dám hỏi mẹ Ngài khi còn trên dương thế, hạnh nghiệp thế nào?
Thánh nữ gạt lệ đáp:
- Mẹ tôi vốn tin theo tà đạo, thường chê bai Tam bảo và tạo nhiều nghiệp dữ.
- Chẳng hay mẹ của Bồ Tát thuộc dòng dõi nào và tên họ là chi?
- Cha mẹ tôi đều thuộc dòng dõi Bà La Môn. Cha tôi tên là Thi La Thiện Kiến, mẹ tôi là Duyệt Đế Lợi.
Thánh nữ vừa dứt lời, Quỷ Vương Vô Độc vội vã chắp tay đảnh lễ Thánh nữ mà rằng:
- Mô Phật! Bạch Bồ Tát! Xin Bồ Tát chớ bi lụy nữa và hãy hoan hỉ trở về cho. Bà Duyệt Đế Lợi rất may mắn. Tuy bà có phạm nhiều tội ác bị đọa vào địa ngục Vô Gián, song nhờ lòng hiếu thảo của Bồ Tát, hết lòng tu phước, bố thí, cúng dường, nên được sanh lên cõi trời từ ba hôm nay rồi. Chẳng những một mình bà, mà tất cả những tội nhân trong địa ngục Vô Gián hôm ấy đều hưởng chung sự vui sướng ấy cả.
Quỷ Vương Vô Độc vừa dứt lời. Thánh nữ vui sướng quá, bất giác ra khỏi cõi tiền định. Nàng bừng tỉnh đứng dậy, chạy trước bàn thờ Phật làm lễ và phát lời thề nguyện rất to tát và chân thành:
- Con xin thề nguyện rằng mãi mãi về đời sau này, nếu còn chúng sanh nào còn có tội khổ, con sẽ mở rộng phép phương tiện mà giải thoát cho họ và con cũng thề nguyện đời đời kiếp kiếp sẽ tu theo pháp của Phật, làm hạnh của Bồ Tát để độ hết chúng sanh và chỉ thành Phật khi nào hết thảy các chúng sanh đều thành Phật.
Lời thề nguyện vang lên như tiếng sắt chạm vào nhau, cương quyết và hùng mạnh, ghi sâu vào tâm khảm vị Thánh nữ chí hiếu và dư âm còn vang dội

vào tâm tư muôn triệu tín đồ của Đức Phật trong muôn triệu thế hệ sau này.
Vị Thánh nữ nói trên là tiền thân ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát.
Y Chu Nguyễn Long Tiếp
Đội đường nhân hiếu vẹn hóa đôi,
Vằng vặc gương soi ức vạn đời.
Tích trượng phá tan bao cửa ngục,
Minh châu chiếu sáng mọi chân trời.
Độ sanh nhiều kiếp không sờn dạ,
Cứu mẹ hai phen thật hiếm người.
Bể khổ vì còn chưa tát cạn,
Con thuyền tế độ vẫn còn bơi.

Cái đuôi chó xoắn ruột gà

Ngày xưa, có một anh rất nghèo, cùng quẫn đến mức không tiền mua vật thực để sống lây lất với vợ con dưới mái tranh xơ xác.
Ngày kia, đang lúc than van số phận hẩm hiu cùng vợ, anh ta sực nhớ có nghe ông bà thuật rằng: "Ai có phước nhờ thần linh phò trợ thì được cấp vô số bạc tiền". Do đó, anh bèn thành tâm cầu Trời khấn Phật ban cho cái phúc hy hữu. Khấn vái xong, anh bèn cất bước ra đi khỏi làng, lang thang cùng rừng khắp núi.
Rồi một buổi sáng nọ, bước chân đưa anh ta đến gần một động đá cheo leo dựa triền non, kề bên một vực thẳm. Một dị nhân đang ngồi luyện phép. Anh ta sụp lạy lia lịa. xin ban cho mình một vị Thần linh. Thấy lạ, dị nhân mới hỏi cớ sự.
- Bạch Thầy! con xin thỉnh một vị Thần linh, mong thầy thương xót mà ban cho ân huệ đó.
- Người chớ khá nghĩ đến chuyện ấy! Trở về đi! Bữa sau anh nghèo lại tìm đến than van, quỳ lạy dị nhân, cố sức nài nỷ cho được một vị thần linh. Chung cuộc bị khấy rầy quá, tham thiền không được, dị nhân buộc lòng phải nhận lời thỉnh cầu và nói rằng:
- Thôi, ta cho ngươi phép nầy! Hễ đọc câu thần chú của ta truyền thì Thần linh hiển hiện và thi hành mọi việc ngươi xin. Nhưng ngươi phải nhớ kỹ lời ta dặn mới được! Là các Thần linh thì hung tợn lắm. Phải cắt việc cho Thần linh mãi mãi thì người mới yên thân, nhược bằng không có việc để cho Thần ở không, thì Thần vật ngươi lập tức.
- Bạch Thầy, việc đó không sao cả. Tôi sẽ cậy Thần làm việc suốt đời không hết.
Xong đâu đó, anh ta quay trở xuống núi, băng vô rừng sâu, lập đi lập lại câu thần chú cho thuộc lòng. Nào ngờ thình lình một vị Thần hiển hiện trước

mắt. Thần khổng lồ, hình thù dữ tợn, quát lớn rằng:
- Ta là Thần linh! Phải cắt việc lập tức! Để ta rỗi, ta nuốt sống ăn tươi một tòa cung điện!
- Xong cả!
- Đem vàng bạc đây!
- Đủ hết rồi đó!
- Phá rừng này dựng lên một đô thị!
- Đã hoàn thành!
Đến đây chàng ta phát sợ, run cầm cập, nghĩ thầm: "Biết cắt việc chi bây giờ? Làm như nháy mắt, ai xây trở lại cho kịp".
- Cắt việc cho mau! Không thì ta nuốt sống!
Chàng ta hoảng hốt, không việc chi mà cắt, tức tốc chạy nhào lên động đá,quỳ lạy dị nhân, cầu xin cứu mạng.
- Chuyện chi vậy?
- Bạch Thầy, thần lẹ quá. Không còn việc đòi nuốt tôi.
Chàng ta vừa dứt lời thì Thần hiện đến ngay, toan nuốt sống, làm gã kinh hồn, chạy núp sau lưng dị nhân.
- Thôi, ta chỉ cho một cách. Con chó này có cái đuôi xoắn ruột gà. Ngươi lấy dao chặt đuôi nó, giao cho Thần uốn thẳng, mau đi!
Hắn lật đật chặt đuôi chó trao liền cho Thần.
-"Kéo ra ngay".
Thần lảnh lấy đuôi chó, ráng vuốt cho ngay, rồi buông ra thì xoắn lại như cũ. Thần lại vuốt đuôi chó lần thứ nhì rồi buông ra thì đuôi chó cũng xoắn lại in như lần trước. Làm lại, làm lại mãi, làm như thế ấy trong bao nhiêu lần không kể xiết… Sau cùng, Thần bị kiệt sức chịu thua, nói lên rằng:" Bình sinh ta chưa gặp việc nào khó khăn như vầy! ta chẳng phải bất tài, nhưng cây việc nầy thì ta chịu thua!"
Trích chính bản Thanh Nguyên
Cuộc đời nào khác chi cái đuôi chó xoắn rột gà! Đã bao thế kỷ lần trôi, con người vẫn ráng sức uốn cái đuôi chó xoắn lại cho ngay, mà nó không thể nào ngay được cả. Buông ra, nó lại xoắn lại. Trò đời vẫn éo le, tình người vẫn đen bạc, kẻ đi trước phải học lấy bài học kinh nghiệm ấy, rồi người đi sau cũng khinh suất mà sa ngã vào cạm bẫy của dục tình.

Thử lòng

Vui thay sáng lạng cả trời,
Hoa đàm đã nở rạng ngời khắp nơi.
Đại từ Đức Phật ra đời,
Đem thuyền Bát nhã độ người trầm luân.
Thiều quang chói lọi cõi trần.
Hỡi ai có biết Hồng Ân gần kề
Ca di - Ánh sáng đã về…

Tiếng hát trong thanh ấy, gần như ở tận cõi trời xa đưa lại, bay lạc trong gió thoảng lanh lảnh dội từ rừng này sang rừng khác, từ non cao đến động thẳm, từ biển cả đến đồng bằng, chẳng chỗ nào mà không nghe đến nhạc điệu thần tiên ấy.

Từng đàn bướm cánh vàng, xanh đỏ tím bay liệng nhởn nhơ, rập rờn trên cành hoa thắm, từng đàn chim non ríu rít ở trên cành cây, từng đàn sóc xinh đẹp ranh mãnh rượt bắt nhau lẹ làng trên cổ thụ, cả thảy đều chuyền nhau cái tin mừng qua khẽ lá.

Những điệu nhạc du dương, những âm thanh đều đặn như dìu dặt ở mấy từng không vang động những làn sóng điện của bể trần.

Chúng sanh ơi! Đấng giải thoát đã đến rồi. Đi! Ta hãy đi cùng về phía Nam dãy núi Hy Mã Lạp Sơn để nhờ Ngài giác ngộ. Tạo vật tưng bừng vừa mới tái sinh. Trên trời sương mù đã tan hẳn. Vừng thái dương ẩn hiện sau đám mây thưa chiếu ánh sáng huy hoàng trong khoảng không gian trong tạnh. Lòng người như cảm thấy một điềm lành, một ánh sáng thiêng liêng để phá tan bóng tối của cõi đời.

Những cành hoa sắp héo bỗng chuyển sang màu xanh biếc, nhưng cái ảnh hưởng huyền diệu nhất của ánh sáng này là nó biến đổi lòng người trong nháy mắt: Con người cảm thấy mình tốt đẹp hơn và cao thượng hơn. Kẻ sát nhân bỗng ghê rợn bàn tay đẫm máu của mình, bèn ăn năn hối tiếc. Chị bán hàng đang cân thiếu bỗng giựt mình không dám gian lận nữa. Người đau yếu mỉm cười trên giường bệnh, cách hẳn tiếng rên than và nghe lòng mình ấm dịu, reo nhảy một nguồn vui. Kẻ sắp lìa trần không còn sợ hãi mà được an tĩnh và đầy hi vọng. Người giàu sang vương giả không còn thiết tha cảnh vào đài ra các, đâm ra chán nản mùi phú quí hồng trần, muốn tìm đường thiêng liêng giải thoát để độ rỗi linh hồn.

Ngày hôm ấy, khi vầng ô vừa gác non đoài, bóng hoàng hôn hiện giữa rừng sâu rung động chập chờn trong làn gió lạnh. Rải rác ở cánh đồng cỏ lục, vài ba chú nông phu với cặp bò vàng đi về phía chân đồi xanh biếc. Giữa cảnh rừng hoang tĩnh mịch, thỉnh thoảng chìm những tiếng rủ nhau về tổ. Trên núi Tuyết, gió lạnh từ xa thổi đến ngạt ngào hương thơm của trăm thứ hoa rừng,

xen lẫn mùi ngọt dịu của trái chín muồi.
Dưới cội Bồ Đề hùng vĩ, Đức Phật Thích Ca đang ngồi kiết già, trầm tư mặc tưởng, chân xếp bằng, tay để trên gối, đầu ngay thẳng, Ngài ngồi tham thiền yên lặng như pho tượng đá. Trong cõi âm u tĩnh mịch, hào quang Đức Phật tỏa sáng, rực rỡ cõi trời, và ân huệ của Ngài cũng ban ra khắp chốn, thỉnh thoảng vài con sóc vàng nhảy lên vế Ngài, vài con bạch điểu xinh tươi nghiêng đầu vào cánh tay Ngài như mong chờ mơn trớn. Cái không khí thiêng liêng tràn đầy bác ái, khiến cho kẻ nào thiếu đức tin đi ngang qua đó cũng phải cúi đầu quỳ gối kính phục, như những thú rừng hung dữ kia, mà khi đến gần Ngài cũng hóa ra hiền lành và kính sợ!
Nhưng kìa con nai cái đang nằm úm con dưới áo Ngài, lại ngước mõm lên ngửi trên không một cách lạ thường, dường như có linh tính đoán trước sẽ xảy ra chuyện gì. Một tiếng động rập rềnh ở tận phương xa đưa lại. Rồi kế tiếp tiếng nện gót giày một cách vội vàng trên mặt đất rất rêu xanh. Làm xào xạc cây cỏ phá tan sự tĩnh mịch của cảnh rừng im lặng. Đi đầu là một vị thiếu niên anh tuấn, ăn mặc xênh xoang diễm lệ, đeo ngọc ngà châu báu khắp mình, xăm xăm đi lại chỗ Đức Phật. Trước vẻ uy nghiêm, an tịnh và hiền lành của Đức Phật, chàng bỗng khiếp sợ, vội vàng quỳ mọp xuống chân Ngài một hồi lâu. Khi đứng dậy hết sức cung kính. Trong khi đó Đức Phật vẫn ngồi điềm nhiên như không có gì xảy ra. Nhưng trong cặp mắt Ngài cũng nẩy ra một tia sáng dịu dàng chứa chan vẻ từ bi bác ái.
Chàng thiếu niên ấy nói:
- Bạch Đức Thế Tôn, con xin kính lạy Ngài. Con ở tận xứ xa, từ nước Cam Sa Ba, trải qua ngàn dặm xuyên sơn mới tới đây. Con là Đông cung Thái tử Djêta đến xin Ngài một chút an lành. Đức Thế Tôn ơi! Từ khi con nghe đặng thanh danh Ngài, con không còn an nghỉ đặng nữa. Cung điện nhà vua, kho vàng lẫm bạc, hoàng thân quốc thích cho đến mỹ nữ cung phi nhan sắc tuyệt trần cũng không làm con phi dạ. Cái bã đỉnh chung mùi phú quý hết làm cho con say đắm nữa. Con muốn tìm cái gì cao thượng hơn, trường cửu hơn và thiêng liêng hơn. Lạy Đức Thế Tôn, con xin Ngài chỉ giáo cho con và thâu con làm đệ tử. Ơn đức ấy ngàn năm con nguyền khắc cốt ghi tâm.
Đức Phật vẫn điềm nhiên trầm tĩnh, không thốt một lời nào, Ngài nhìn Thái tử một cách dịu dàng hiền lành và thương xót.
Thái tử nói tiếp:
- Đức Thế Tôn ơi! Xin Ngài huệ cố chỉ dạy cho con rõ, xin Ngài hỷ xả cho con biết, con có xứng đáng cái đặc ân này chăng? Bạch Đức Thế Tôn! Từ khi còn bé, con đã giữ mình tinh khiết, con tập làm lành lánh dữ thuận với luật trời. Con giữ vẹn cang thường đạo lý, sớm công phu chiều bái sám, hằng xem kinh sách trau mình. Những hành vi của con như thế Ngài cũng đã rõ lắm rồi. Vậy Ngài cho con biết -- Con có đủ tư cách làm người đệ tử

chăng?.
Đức Phật chỉ đáp vỏn vẹn rằng: "Không".
Thái tử Djêta làm thất vọng, buồn rầu bạch rằng:
- Lạy Đức Thế Tôn, vậy con phải làm sao mới đặng? Con cúi xin Ngài phán cho con rõ, con nguyện sẽ đem tất cả bình sanh chí lực tuân theo, hầu được Ngài hạ cố thâu con làm đệ tử.
- Con tự tìm thấy… rồi con sẽ rõ.
- Ôi! Con biết tìm cái gì bây giờ?
Hoàng tử nói với giọng đau thương rung cảnh vô cảm vô ngần, nhưng Đức Phật vẫn giữ vẽ mặt điềm nhiên lặng lẽ…
Hoàng tử mới tiếp rằng:
- Bạch Đức Thế Tôn cao cả! Vậy thì để con tự tìm lấy. Có lẽ Ngài muốn thử lòng con?
Đức Phật nói: "Phải".
- Bạch Đức Thế Tôn, bao giờ Ngài cho phép con trở lại hầu Ngài nữa?
- Bảy trăng sau mùa mưa này.
Thái tử Djêta lặng lẽ mọp xuống một lần nữa, hồi lâu rồi mới từ từ đứng dậy, chậm rãi ra đi. Đoàn quân hộ tống khuất dạng trong đêm khuya. Thanh khí nhẹ nhàng trở lại dần tứ phía. Mảnh trăng rằm treo lơ lửng trên những chóp núi cao đầy tuyết phủ. Những dòng ánh sáng trăng màu sữa chảy láng dài trên không gian tĩnh mịch. Muôn sao nhấp nhánh kết thành ngàn chuỗi hạt kim cương… Rừng đêm khuya lặng lẽ như tờ. Dưới cội Bồ Đề Đức Phật cứ mãi tham thiền, đưa tâm linh lên tận cõi Niết Bàn Cực Lạc. Con nai cái hiền lành tựa đầu lên gối Ngài lim dim đôi mắt.
Bảy trăng vừa qua, ngày kỳ hạn đã đến, cũng dưới vội Bồ Đề, cũng tại mé rừng hoang ấy, Đức Phật đang đợi chờ…
Mặt trời đã chen lặng ửng đỏ một vùng phía tây rồi dần dần biến màu xám sậm.
Từ phương Đông mây đen kịt nặng trĩu đủ các hành hình kỳ quái kéo đến. Bỗng chớp nhoáng, sấm sét vang động, gió thổi mỗi lúc mỗi mạnh, cành cây oằn oại lá cuốn bụi bay, cả thảy đều báo tin trận bão to sắp đến. Thú rừng xôn xao rạo rực, tìm nơi ẩn trú. Chim từng đàn bay núp dưới cội Bồ Đề, kêu líu lo ríu rít ra dáng hãi hùng. Một con beo cái chui vào chân Phật, điềm nhiên an tĩnh như không biết cảnh giông tố bên ngoài.
Mưa bắt đầu tuôn xuống, nước chảy ào ào như lở núi, lở non gió thổi mạnh kêu vi vút xô ngã nhiều cây đại thụ. Thật là đáng khiếp. Nhưng cảnh bão bùng sấm sét hiểm nguy như thế không cưỡng chế được lực bên trong. Đúng giờ kỳ hẹn, Thái tử Djêta đã quỳ dưới chân Phật. Rồi vì rét mướt, vì cảm động Thái tử lẳng lặng giây lâu mới bạch rằng:
- Bạch Đức Thế Tôn, con đếm từng ngày đợi cái buổi hạnh phúc hôm nay.

Đối với lòng con mong mõi thấy thời gian qua rất chậm và hôm nay. Ôi! Giờ phút thiêng liêng đã đến sung sướng cho con biết dường nào! Bạch Đức Thế Tôn! Từ khi con vâng lệnh Ngài về nước, con ráng dồi mài đạo đức, con giữ mình khiết bạch, chịu khổ hạnh nhiều bề: Ăn không dám no, ngủ không dám ngủ kỹ, để kiềm thân xác thân. Con buộc mình thức khuya dậy sớm, tham thiền, sửa tánh để ăn năn sám hối. Vậy hôm nay Ngài có bằng lòng thâu con làm đệ tử chăng?
Đức Phật trả lời: "Không".
Vừa nghe lời vắn tắt này Djêta rất đỗi kinh hoàng, nghẹn ngào rưng rưng giọt lệ vén áo lên chùi với bao nỗi thất vọng. Hoàng tử lẳng lặng một hồi lâu, mới lập cập bạch rằng:
- Kính lạy Đức Thế Tôn! Xin Ngài mở lòng từ bi bác ái thương xót con, cho con hiểu làm sao con không được Ngài thâu làm đệ tử. Đức Thế Tôn ơi! Xin Ngài giải rõ cho con nhờ.
Trong lúc ấy, con beo cái ngẩng đầu lên ngó Hoàng tử mà hầm hừ, Đức Phật đưa tay vuốt ve nó. Lúc bấy giờ sấm sét đã dứt, mây tan mưa tạnh, cảnh vật trở lại êm đềm như cũ, tựa hồ như để lắng nghe lời Phật dạy:
- Nầy Hoàng tử cao quí ơi! Những sự thử lòng mà ta mong chờ ở con chẳng phải thuộc bên ngoài, mà chính về cõi tâm tình của con. Vậy ta chẳng biểu con bỏ vợ và cung phi mỹ nữ đâu. Ta chẳng biểu con ly gia đình, cắt ái để hủy bỏ cuộc đời xuân xanh lạc thú của con đâu. Ta nào bắt con chịu khổ hạnh để ép mình trì giới.
- Không, không đâu. Ta không muốn con dứt bỏ những gì bên ngoài trong khi tâm con còn vương vấn những cái không hay.
Bởi kiếp xưa con vụng đường tu, gây ra nghiệp chướng nặng nề, kiếp này tự nhiên con phải trả… Nhưng khi con đứng trước sự thử lòng khó khăn kia, thì con không có đủ nghị lực để thắng nó! Con đã sa ngã một cách sỉ nhục, ương hèn mà con không hay. Vậy con hãy trở lại đền vua làm người đạo đời suông, chớ những cách hành thiện của con có đủ điều kiện để làm người đệ tử.
Nghe dứt mấy lời Phật nói, Hoàng tử Djêta như sét đánh vào tai, vừa thảm đạm vừa hổ thẹn mà bạch rằng:
- Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài từ bi chỉ cho con rõ -- Con sa ngã ở chỗ nào? Nói ra càng thêm thẹn cho con. Nhưng con muốn biết để ăn năn sửa mình.
Đức Phật dạy:
- Được, con hãy lắng tai nghe!
Điều thứ nhất: Con phẫn nộ khi người ta vu cáo con.
Nầy, Hoàng tử cao quí ơi ! Con hãy nhớ lại một khi kia, tại trào đình của phụ vương con có người vu cáo con một chuyện để mưu đồ đoạt ngôi vị của con. Đó là một thử lòng đến cho con, đối phó cách nào cho xứng đáng là

người đệ tử Phật. Mà rồi con không bình tĩnh đợi chờ cái ánh sáng chân lý đến chứng tỏ kẻ ngay người gian, hoặc giả con chịu ô nhục chuốc lấy sự vu oan một cách nhẫn nại và từ tâm, để trả lại cho rồi cái quả báo kiếp xưa mà con đã gây ra. Trái lại con lại thối thoát, con nhứt quyết minh oan cho bằng được và con lại còn phẫn nộ lôi đình nữa. Đó là sự sa ngã thứ nhất của con.
Hoàng tử Djêta xanh mặt đáp rằng:
- Bạch Đức Thế Tôn! Nếu con biết đó là nghiệp chướng tiền khiên thì ắt con đã vui lòng cam chịu sự nhục ấy rồi. Nhưng vì con còn vô minh, phải có bổn phận minh oan, trước cứu danh giá cho mình, sau cho Hoàng tộc mình.
- Nầy Hoàng tử! Người thiện nhân ở đời bao giờ cũng có quyền phản kháng và minh oan cho mình khi mình bị vu cáo. Nhưng kẻ tu hành muốn bước chân vào đường Đạo và muốn làm môn đồ nhà Phật thì phải làm thinh cam chịu nỗi bất công xảy đến riêng mình. Bởi vì kẻ nào sống với tinh thần rồi thì những sự vật bên ngoài như danh giá, giàu sang, thế lực… không còn trọng đãi nữa. Chúng nó chỉ có giá trị tương đối với đời sống tạm mà thôi. Con hãy tin chắc rằng: Trên đời này chẳng có sự ngẫu nhiên đâu, ta sướng hay cực, ta được người thương hay bị người ghét, ta giàu sang hay hèn hạ đều do duyên lành hay quả xấu của ta đã gây ra nghiệp báo. Bởi vì thiên hạ chí công và không bao giờ hữu nhân mà vô quả đặng. Người học đạo nên đợi một cách lãnh đạm cái mão vinh hoa hay ô nhục, và luôn luôn bình tĩnh, tâm không xáo động: Chẳng khinh bên nào mà chẳng trọng bên nào. Khi con bước chân vào nền vương giả tâm con cũng phải giữ mực quân bình như con đến chốn lều tranh vách đất. Con chớ vì ngoại cảnh mà khinh hay trọng.
Hoàng tử Djêta cúi đầu bái phục.
Đức Phật dạy tiếp:
- Điều thứ hai -- Con sa ngã vì cái ích kỷ. Con ích kỷ trong tình thương. Con rất yêu mến một người bạn tên là Da Sa (Jachas) chẳng khác gì con. Tình thương ấy là do nhân duyên kiếp trước mà tạo thành.
Rồi có một ngày kia, có một người lạ mặt tên là Ba Ti Ca (Batica) đến tại triều của phụ vương con cậy Da Sa làm một việc ý con không muốn. Và khi người xin kết nghĩa kim bằng với bạn con, con lại ghen tức. Đó là cơn giông tố đã xảy ra ở trong lòng con. Đáng lẽ con phải ôm lòng chịu lẻ loi và ráng nhổ tận gốc những cỏ xấu đang xâm chiếm lòng con. Đáng lẽ con phải thương Da Sa chớ chẳng phải thương để chiếm lấy một mình, nhưng con lại đâm ra uất ức buồn rầu, con tìm cách ngăn cản không cho bạn con thân thiện với kẻ khác. Và từ đấy trong lòng con đã nhen nhúm lửa phiền ghen hận! Đó là điều con sa ngã lần thứ hai vậy.
- Bạch Đức Thế Tôn, sở dĩ con không muốn Ba Ti Ca kết bạn với Da Sa vì con biết y lợi dụng bạn con, y vì tư lợi, chứ chẳng phải vì tình thương. Con thầm nghĩ con có bổn phận bảo hộ bạn con, khỏi lâm vào cạm bẫy đó thôi.

Đức Phật trả lời:
- Nầy Hoàng tử cao quí ơi! Với tai phàm mắt thịt, với thất tình lục dục của con, con làm sao đoán người trúng đặng? Làm sao con dám quả quyết rằng--Ba Ti vì tư lợi?
Con phải đề phòng sắc tướng bên ngoài nó gạt gẫm ngũ quan con, làm cho con đã vô minh càng thêm vô minh hơn nữa. Vả lại người học đạo nên biết người mà không tìm thấy tật xấu của người, chỉ lưu ý đến tánh nết mà thôi. Ví dầu con có đoán trúng đi nữa thì cái tính tư lợi sẽ không vì thời gian mà để lại tính chân chánh hay sao?
Hoàng tử ơi! Người thiện nhân ngoài xã hội có quyền bảo vệ tình yêu của họ để cho họ thưởng thức đến mãn đời, chớ người đã xả thân cầu đạo và muốn làm đệ tử Phật Tiên thì phải dứt bỏ cả mọi điều, cho chí tình yêu độc nhất cũng vậy, và phải nhớ trong lòng mình những rễ nhuộm máu của sự ghen ghét và ích kỷ. Hơn nữa, người ấy phải ôm chân, không than van phiền muộn, sự phản bội và bất trung của người thân yêu nhất đời. Con ơi! Chẳng phải người học đạo nên đặt chữ thương như nhiều người lầm tưởng mà trái lại nên rộng lòng bác ái, yêu thương một cách vị tha không mảy gì ích kỷ. Tình thương chân chính là nấc thang đưa con đến đài minh triết muôn đời.
Hỡi Hoàng tử, những của tiền phụ vương con, những sự vui sướng về nhục dục không làm cho con ưa thích nữa vì lẽ con đã hưởng rồi, con đâm ra chán ngán, chớ chẳng phải công trạng gì mà con kể.
Hoặc giả con muốn dứt bỏ cảnh phú quí để tôn mình hơn người chớ có giá trị gì. Còn trước các công đức vĩ đại này, mà duyên may đã đưa đến cho con. Con lại thiếu can đảm, thiếu nghị lực để khoác lên thân chiếc áo hy sinh thật sự, một mảnh chiến bào bác ái, cứ cho ra mãi không trông mong hồi đáp.
Hoàng tử Djêta bèn bạch rằng:
- Lạy Đức Thế Tôn, xin Ngài mở lòng từ bi, giảng thêm cho con nghe nữa! Xin Ngài hãy làm cho con thêm thẹn nhục để con được thức tỉnh mà ăn năn những sự lầm lạc, chiếc màn vô minh tợ đám mây đang phủ kín phần hồn con, làm cho con ở trong cảnh đêm tối hơn giữa đêm khuya.
Đức Phật dạy tiếp:
- Hỡi Hoàng tử cao quí! Điều con sa ngã thứ ba là vì con thiếu lòng nhân ái: Nan Đà (NanĐa) một vị thứ phi của con đã làm nên tội trạng: Vì tánh lăng loạn, con không cảm xót sự ngây thơ khờ dại của nàng, con đành nhẫn tâm mạt sát rồi xô đuổi ra khỏi hoàng cung. Vô cùng tủi nhục, nàng van lơn khóc lóc, lạy lục xin tha thứ nhưng con cũng đành nhắm mắt trừng trị thẳng tay. Tại sao không mở rộng chút lòng nhân, để khoan dung tội lỗi. Biết đâu chừng trước sự cao thượng của con, trước dạ từ bi bác ái của con, con sẽ cảm hóa đặng nàng, và sẽ đem nàng lại con đường ngay chánh?

Thái tử bạch rằng:
- Bạch Đức Thế Tôn! Con biết làm cách nào hơn bây giờ?
Nàng Nan Đà đã nhơ danh xú tiết, nếu con còn giữ nàng lại ngôi vị xưa, thì tự nhiên con bôi lọ danh giá của Hoàng gia và của con nữa. Nếu con cứ điềm nhiên trước sự lố lăng ấy, có phải con làm bại hoại luân thường đạo lý của xứ con chăng?
Đức Phật nói:
- Hỡi Hoàng tử Djêta! Ta phải cần lập lại với con nữa sao?
Người thiện nhân ở đời có thể nghĩ đến quyền lợi mình và tự do thưởng phạt cùng phán đoán theo lý trí mình. Nhưng người đã bước chân vào đạo rồi, thì không được xét xử ai phải tìm hiểu để mà tha thứ, chớ chẳng phải để kết án. Con cứ tưởng con là riêng biệt với kẻ điên cuồng tội lỗi. Họ chính là con đó, mặc dầu còn ở hạng thấp kém hơn con.
Nhưng nếu con nghĩ rằng -- Con không liên đới một người hoặc một vật khác, tức là con đã tạo ra một nghiệp quả, nó sẽ buộc con với vật đó, hoặc người đó cho tới chừng mà con cảm thấy sự duy nhất của vạn vật mới thôi. Con nên nhớ rằng, Tội lỗi và nhục nhã của thế gian là tội lỗi và nhục nhã của con, bởi vì con vốn là một phần tử của thế gian. Nghiệp quả của con, vốn dệt chặt với nghiệp chung của nhân loại. Và trước khi con được giác ngộ, con phải trải qua mọi chỗ dơ, cũng như mọi chỗ sạch. Cái áo dơ mà bây giờ con gớm, có thể là cái áo của con hôm qua hoặc ngày mai. Và nếu con tỏ vẻ nhờm gớm thì khi đặt lên vai con, nó sẽ siết chặt lấy con hơn nữa.
Vậy người đạo đức thật sự bao giờ cũng để ý tìm những lý do để châm chế và tha thứ, hơn là để vạch lỗi người. Cái tâm họ chứa chan nguồn bác ái, từ bi đối với nhân loại nhiều hơn là những hạt cát trên đồng sa mạc.
Sự thanh bạch là gì? Chẳng qua là một cái đức đó thôi.
Người tu hành không nên lấy sự thanh bạch làm nền đạo riêng của mình, lắm khi sự thanh bạch trở ngại bước đường tinh thần của mình, nếu nó không đi đôi với tình bác ái từ bi, và nó sẽ dẫn ta đến chỗ kiêu căn và tự phụ, đến chỗ lãnh đạm trước sự đau khổ của người đời. Như thế sự thanh bạch chỉ là một cái bóng không hồn đó thôi. Này Hoàng tử Djêta ơi! Trong khi nhàn hạ, con có bao giờ nhìn lên chót núi Hy Mã Lạp Sơn lúc mặt trời sắp lặn chăng? Con có thấy đỉnh núi đầy tuyết phủ sừng sững giữa bầu trời xanh biếc chăng? Núi thật oai nghiêm, hùng vĩ, nhưng bốn mùa lạnh như đồng.
Ôi! Cái cảnh ấy quá tiêu sơ, lạnh lùng ảm đạm. Không ngày nào khi có ánh sáng chiều ấm áp vừa dịu dàng, chiếu ngày vào, thì cái cảnh buồn tênh, não ruột kia, lại bỗng hóa ra linh động, rực rỡ và đẹp đẽ phi phàm. Tạo vật trở nên mỹ tú kỳ quan làm cho ta ngoạn mục và phơi phới tấm lòng.
Sự thanh bạch mà thiếu lòng nhân ái, thì có khác gì chót núi đầy tuyết phủ,

lạnh lùng lãnh đạm, trông tẻ ngắt như xác không hồn. Còn sự thanh bạch mà đi đôi với lòng nhân ái thì có khác gì suối thần hễ chảy tới đâu là vạn vật hớn hở vui mừng tới đó.
Thái tử Djêta đem hết tinh thần nghe Phật giảng không sót một lời nào. Trong lòng rất hổ thẹn, ăn năn, cứ quỳ gối mà bạch rằng:
- Lạy Đức Chí Tôn! Con xin Ngài cho con cái đặc ân gặp Ngài một lần nữa, để con ráng sửa mình cho hợp với lý đạo. Bây giờ con đã biết làm cách nào cho Ngài vui lòng rồi.
Đức Phật từ bi dịu dàng đáp:
- Ta bằng lòng.
Đoạn Ngài nhìn thái tử Djêta với nụ cười tươi dịu, chứa chan tình thương… Cặp mắt hiền lành của Ngài bỗng chói lên như ngôi tinh đẩu, lóng lánh rạng ngời, sáng khắp cả rừng, làm cỏ hoa hớn hở chim chóc líu lo giữa đêm khuya như buổi bình minh vậy.
Trời đất tối đen như mực, xa xa đoàn quân hộ giá đốt đuốc dẫn đường, theo sau là Hoàng tử Djêta lê chân chậm rãi, trong trí còn văng vẳng lời vàng tiếng ngọc của Đức Phật từ bi. Ra khỏi rừng thì trời đã sáng. Hoàng tử cùng đoàn tùy tùng lên đường trở về nước Cam Sa Ba. Làm sương mờ đục đêm hôm đã tan dần trong không khí nhẹ. Nơi phương Đông một dãy mây hồng nhạt nằm ngang chân trời xanh, phút chốc lại lan rộng ra và đổi màu đỏ ra màu da cam. Rồi bỗng vụt biến sau những tia sáng rực rỡ thành hình vẽ quạt. Vầng ô đã mọc, cảnh vật trở nên trong sáng tưng bừng với những màu tươi thắm, vang động những tiếng chim nuông đón chào buổi bình minh ngoạn mục.
Lúc bấy giờ trong chốn rừng xanh tĩnh mịch, dưới cội Bồ Đề, Đức Phật Thích Ca vẫn ngồi yên như pho tượng.
Khi Hoàng tử Djêta hồi trào gặp lúc vua cha lâm bệnh nặng, Ngài lên cầm quyền thống trị, lấy sự công bằng và nhân ái làm căn bản.
Trước nhất Ngài ban tước lộc cho Da Sa và Ba Ti Ca.
Ngài truyền cất cho hai người hai cái cung điện đẹp đẽ khít nhau cho đôi bạn được ở gần. Ngài lại cho người tìm vị thứ phi Nam Đà rước về hoàng cung ở với Ngài.
Khi tất cả triều đình và các vị cựu thần hay tin thái tử Djêta phục chức nàng Nan Đà thì như bị sét đánh ngang tai họ hết sức kinh ngạc, họ mới si tiếu dèm pha và khiển trách Ngài thậm tệ.
Thái tử Djêta còn giảm thuế cho dân và thả tội nhân. Ngài bãi bỏ những sự dị đoan mê tín. Tuy những sự cải cách sửa sang việc nước được công bình và nhân ái. Nhưng vì quá đột ngột nên Hoàng tử không tránh khỏi lời dèm siểm của triều đình và dân chúng. Họ nói Ngài quá lạm quyền bỏ chế độ quốc gia, phá hoại phong tục nước nhà, khuyến khích sự loạn luân…

Hoàng tử giả mắt ngơ, tai điếc, trầm tĩnh và yên lặng trước sự sỉ tiếu cũng như trước sự khen ngợi. Ngài thấy mình đang trải qua của sự thử lòng để tiến tới, bằng phải đọng lại thì sẽ thất bại như mấy lần kia. Ngài nhớ rằng: Nếu muốn đến chỗ toàn thắng lợi, trước nhất phải chịu lao khổ. Mỗi mũi gai đâm vào chân làm rướm máu là mỗi lần bước kề ngôi thiêng liêng. Người muốn đi xa trên con đường đạo thì phải làm chủ lòng mình và phải tìm trong thâm tâm cái gốc rễ của sự quấy, đặng diệt tân gốc nó đi. Sự quấy cũng sống và đâm chồi mọc rễ trong tâm của các bậc thượng nhân, nếu ta không cương quyết thì làm sao thắng nó đặng. Nó là một thứ cây cứ sống và cứ lớn mà kiếp này sang kiếp khác. Và nó chỉ đơm bông khi nào con người đã thu thập nhiều sự kinh nghiệm của muôn kiếp luân hồi. Vả lại trong kinh cỗ điển đã có nói như vầy: "Gốc rễ của tật xấu mọc tận thâm tâm con người, nếu ta nhổ nó đi, thì tâm ta phải rướm máu và đời sống của ta dường như ta rã! Nhưng đó là một cuộc thử lòng ta phải trải qua. Nó có thể xảy ra ở nấc đầu hay cuối thang Minh Triết để đưa ta đến con đường sống thật, ta phải tập trung tất cả lực lượng của tâm hồn vào đó mới đặng".

Trong khi thái tử Djêta thấy đặng cái chân lý vĩ đại nầy, thì có một phái bí mật lập ra để đánh đổ Ngài do em ruột Ngài chủ mưu. Họ họp nhau để tìm mưu thần chước quỷ lật Ngài đặng đem em Ngài lên thay thế. Họ phủ dụ quần chúng: "Hoàng tử Djêta độc tài. Những sự cải cách của Ngài sẽ làm cho nước Cam Sa Ba mắc phải vòng nước lửa binh đao và sẽ đi đến chỗ diệt vong". Họ lại còn phao rằng: "Thái tử mê tín dị đoan nghe lời một vị ác Tăng khét tiếng tại thành phố Cam Sa Ba làm cho nước nhà rối loạn và đã bãi bỏ nhiều quốc luận lưu truyền từ cổ chí kim, cốt ý để lập ra một cái tôn giáo phù thủy!"

Người ta cứ tuyên truyền như thế để gây ác cảm trong lòng dân chúng. Rồi một ngày kia, Hoàng tử Djêta nghe kẻ tâm phúc mách rằng: "Có một nhóm người định thích khách Ngài". Cái tin sét đánh ấy không làm cho Ngài lo sợ và xao xuyến, vẫn an tĩnh như thường trong lòng cứ tưởng niệm đến đấng từ bi. Nhưng tốp quân hầu trung tín của Ngài sốt sắng hộ giá cho Ngài, ngày đêm không ngớt.

Một ngày kia, Hoàng tử Djêta vừa bước chân ra khỏi Hoàng cung, thì có người cầm dao nhảy tới toan thích khách Ngài. Người ấy là A La Da thuộc dòng Kshattryas. Ngài hô lên, thị thần nhào tới bắt trói đặng thủ phạm. Hoàng tử Djêta mới bảo dẫn tên sát nhân đến trước mặt Ngài. Hoàng tử bình tĩnh hỏi rằng:

- Này A La Da! Tại sao nhà ngươi muốn giết ta?

- Bởi vì tôi thấy Ngài là một mối hại cho đất nước. Ngài phá hoại luân thường đạo lý. Ngài muốn hủy bỏ phong tục thiêng liêng của nước nhà và đem lại cho chúng tôi một cải cách nguy hiểm, có thể đưa xứ sở đến chỗ diệt

vong, tôi phải giết Ngài để trừ hậu họa mai sau.
Hoàng tử Djêta nhìn kẻ sát nhân với cặp mắt chứa chan tình thương xét nghĩ: "A La Da phạm tội chỉ vì mê tín mà thôi".
Đoạn Ngài day qua đám quân hộ giá mà nói rằng:
- Ờ các khanh! Các khanh có nhận thấy kẻ sát nhân nầy còn chút điểm lương tâm không? Vậy các khanh hãy mở trói thả nó ra!
Các quan chưng hửng, nhưng không dám cãi lệnh. Rồi Thái tử nói tiếp với một giọng oai nghiêm như vầy:
- Bây giờ đây các khanh hãy lui ra, để một mình ta với người này nói chuyện mà thôi!
Trước sự cương quyết ấy đoàn hộ giá rất kinh ngạc, nhưng bất đắc dĩ phải ríu ríu lui ra xa, không dám ngó ngoái lại, cả thẩy đều phập phồng lo sợ cho tính mạng của Hoàng tử không cùng.
A La Da ngạc nhiên và không còn hoảng sợ nữa. Y khoanh tay ưỡn ngực nhìn vào mặt thái tử như muốn khiêu khích, không để ý đến cử chỉ khinh thị ấy, Djêta bước lại gần nhẹ nhàng để tay lên vai y lẳng lặng nhìn y trân trối. Trong mắt Ngài chứa biết bao là từ bi bác ái và sẵn sàng tha thứ các tội lỗi. Ngài càng nhìn càng thầm nghĩ: "Người đời cũng vì sự tư kỷ mà gây ra lắm điều tội lỗi. Bậc chân tu hay để mắt tìm cái nguyên nhân của sự tội lỗi để tha thứ chớ không chịu tìm cái tội lỗi để mà trách phạt. Mọi việc xảy ra trước ta chẳng hung dữ, muốn tận sát người? Trời đất chí ư công bình, lưới trời tuy thưa mà mũi kim dễ lọt được nào! Tội nghiệp thay cho kẻ tàn ác! Vì vô minh mà kiếp sau phải chịu muôn vàn đau đớn".
Rồi một tình thương không bờ bến chiếm cả tâm hồn của Thái tử và lan cùng vạn vật một sự ước muốn được cứu độ chúng sanh đến đỗi tâm tư Ngài đã thoát ra ngoài bản thể. Thình lình Thái tử Djêta tiếp xúc một cái cảm giác mới lạ và phi thường dường như Đức Phật mà Ngài đã tôn sùng là Đấng Tôn Sư, trong âm thầm đã ban ân bố hóa Ngài được minh tâm kiến tánh, biết rõ điều quá khứ vị lai…
Nhãn quan bật tỏ chốc thời, Ngài thấy được kiếp trước của A La Da vốn là một Tướng sĩ hung tàn bạo ngược, tạo ra biết bao nghiệp quả nặng nề. Rồi ngày nay cũng vì sự vô minh mà nó phải lầm lạc như thế nầy! Nếu ta lấy oán mà báo oán thì biết bao giờ oán nọ mới tiêu! Ta phải lấy ân mà đáp oán thì oán mới dứt.
Ôi! Tội nghiệp thay cho A La Da! Chớp mắt, Hoàng tử Djêta không còn thấy A La Da nữa, Ngài thấy hiện ra chỗ A La Da đứng một cõi hồng trần với vô số sanh linh đang mê man lăn lóc trong cảnh lầm than đau khổ! Chúng sanh vì vô minh mà mắc vào bánh xe luân hồi, mãi sanh rồi tử, tử rồi sanh, chịu biết bao lần khổ não đau đớn. Khi vào các ra đài, lúc lên xe xuống ngựa, khi làm kẻ cùng đinh tàn tật… mà mỗi kiếp luân hồi đều đem sự đau

khổ, nhưng con người luôn luôn muốn đầu thai, chịu sự đao đớn, mà sự đau khổ là cái kết quả của sự ham muốn vậy! Than ôi! Đời là bể hoạn. Nghĩ đến thân phù thế mà đâu có khác gì bọt trong bể khổ. Tội nghiệp thay cho nhân loại, đang oằn oại dưới màn vô minh, mãi đắm chìm theo mùi trụy lạc, chớ nào dè: "Phú quý tợ môn tiền tuyết, công danh như thảo thượng sương!" Hỡi thế giới đau khổ! Hỡi nhân loại đang dẫy dụa trong lưới đau thương của cuộc đời. Ta đã thấy và đã nghe hơi thở hấp hối của trần gian. Ôi! Đời vẫn là thế sao chính ta đây cũng đã say đắm với những khoái lạc huyền hoặc của cuộc đời.

Người hiểu rõ cơ trời, thì cho cõi trần chẳng khác giấc mộng huỳnh lương, nên không tranh giành cấu xé vì bã vinh quang phú quý. Phải chi mọi người đều biết thương yêu lẫn nhau như tình huynh đệ, thì đâu có sự thống khổ này? Nếu biết chắc chúng sanh vốn một gốc mà ra và huynh đệ với nhau, thì đâu có cảnh nồi da xáo thịt?

Suy nghĩ đến đây, Thái tử Djêta cảm thấy trong lòng tràn ngập một mối yêu thương tha thiết!... Ngài muốn dang tay xiết chặt loài người vào lòng đang thổn thức của Ngài, mong đem tánh mạng, và tinh thần với một tình thương vô tận mà ấp ủ vuốt ve, những kẻ tội lỗi, rầu đau!... Ngài muốn hy sinh cái gì cao quý của lòng mình để đưa người trần tục lên một nấc thang tiến hóa… Đến đây Thái tử Djêta bỗng trở lại thực tế, dường như chợt tỉnh sau một giấc mộng phi thường. Rồi nhìn lại thấy A La Da gục đầu kinh khủng. Ngài bèn nói với một cách tha thiết rằng: "Anh ơi! Tôi không biết gì hơn là anh và tôi vốn thật là anh em với nhau cùng chung một đấng Cha lành. Tôi thương anh lắm. Vậy anh hãy ngã vào lòng tôi, cũng như muốn chia sự vinh quang của tôi, cũng như tôi muốn chia điều đê nhục của anh."

Từ đàng xa quân hầu đợi đã lâu, ánh thái dương rọi xuống giữa rừng sâu, vạn vật tưng bừng cây cỏ tươi xanh, muôn hoa đua nở hương sắc thanh kỳ phô vẻ ngàn hồng muôn tía như mỉm cười duyên dáng trước ngọn gió mai. Xa xa, mấy gốc thùy dương dịu dàng nghiêng mình soi bóng bên dòng suối nhỏ trong veo. Dưới cội Bồ Đề hùng vĩ Đức Phật đang ngồi kiết già thiền định, Ngài đang đợi Thái tử từ đêm hôm, bởi vì Ngài đinh ninh Thái tử không bao giờ thất hẹn. Cảnh vật lúc bấy giờ như đang đón một niềm hạnh phúc thiêng liêng gì. Đóa hoa hàm tiếu trong kẹt đá bỗng ngửng lên và khoe nhụy. Những con sóc vàng mắt sáng đang uốn mình dưới ánh thái dương, bỗng nhảy nhót lên như mừng rỡ, đợi chờ. Gió hôm nay, lại rào thổi ngạt ngào hương rừng từ cõi xa xăm đưa lại. Trên cành hoa sứ trắng tinh, bầy chim non ríu rít mà Đức Phật thường nói là bầy con dại đang uốn lưỡi tung ra tràng nhạc thiêng liêng nghe thánh thót, xa trông những giọt sương nặng trĩu trên cành tơ liễu buông mình xanh mướt lóng lánh dưới ánh mặt trời buổi sáng như những hạt kim cương vô giá. Bởi vì, trong cảnh tĩnh mịch của

núi rừng sự hoan khởi của tạo vật tức là hoan khởi của tinh sương trong sạch…
Bỗng đâu có tiếng động từ xa đưa lại và Đức Thế Tôn bèn mỉm cười mở mắt. Thái tử Djêta đã đứng trước mặt Ngài, không một tên quân hầu, không ăn mặt xôm xuê, chỉ khoát trên mình một manh áo vàng của người hành khuất với dáng điệu mệt nhọc vì đã trải qua bao dặm xuyên sơn. Thái tử bèn quỳ mọp xuống chân Đức Từ Bi vô cùng cảm động, chẳng thốt một lời nào! Đức Thế Tôn xòe bàn tay mặt đưa lên khỏi đầu Thái tử để ban ân huệ rồi nói với một giọng hết sức dịu dàng:
- Đệ tử Djêta con ơi! Ta vui mừng và hoan nghênh con vậy.
Rồi từ đấy trên con đường giải thoát rộng lớn thênh thang của Đức Từ Bi, bên cạnh Ngài hình bóng Djêta sớm hôm luyện đạo để một ngày kia thay mặt cho Tôn Sư mà phổ độ thế gian…
Trên đường đạo nhiều khi ta khổ sở
Một lòng hăng hái tiến không thôi
Dù cho non nước có đổi dời
Ta cũng nguyện muôn đời tinh tiến mãi.

Hai con cọp tinh ở Hoành Sơn

Đời đường bên Trung Hoa, ở vùng Mân Trung có một sử sĩ tên là Mã Thừa. Mã Sinh tánh thanh thoát nhàn tĩnh, ưa ngao du ở nơi danh lam thắng cảnh, dù trèo non vượt suối cũng không nài sự gian lao.
Trong niên hiệu Trường Khánh, Mã sắm sửa hành trang đem theo một đứa tớ, đến du ngoạn các cảnh đẹp ở Hoành Sơn. Nghe nói nơi ngọn Chúc Dung có một ngôi chùa cổ, khi xưa vốn là Đạo Tràng của Phục Hổ Thiền sư, cảnh trí bốn bề rất nên u nhã, Mã liền lần hỏi sơn dân tìm đường đến thăm viếng. Một buổi xế ngọ, Mã cùng đứa tớ đã để bước đến đạo tràng ngọn Chúc Dung, tuy lộ trình khó nhọc, nhưng nhờ gió non phất phơ, thanh khí mát mẻ, xung quanh cỏ thụ xum xuê, nhìn xa xa núi đồi thấp cao trùng điệp, chim hót véo von dường chào hỏi, hoa tươi muôn sắc tợ đón cười, thầy tớ cơ hồ như quên cả mệt mỏi. Đi lần vào trong, thấy ngôi chùa xưa đã hư đổ gần phân nửa, một vị lão Tăng tướng mạo khôi vĩ, tóc mày đều bạc, mừng rỡ bước ra đón chào lên viếng Đại Hùng Bảo điện, Mã sinh thấy nơi bàn Phật có ba chiếc hốt bằng bạc. Hành lễ xong, thầy trò được lão Tăng đưa xuống nhà hậu uống trà. Giải lao giây lát, vị Tăng bảo: "Ở đây duy có một mình tôi đơn chiếc, xin ông tạm nghỉ nơi liêu sau và cho tôi nhờ đứa tớ xuống chỗ quán gần Huyện đây mua chút ít tương muối". Mã Sinh vui lòng chấp thuận, đứa tớ cầm tiền ra đi, vị lão Tăng cũng có việc bên ngoài vắng mặt. Nằm nghỉ độ nửa giờ, Mã Thừa bước ra ngoài định đi dạo quanh, thì vừa gặp sơn dân tên

Mã Chiểu cũng một mình lên non viếng cảnh. Cả hai cùng mừng rỡ hỏi han. Chiểu bảo Thừa rằng: "Tôi lên đến lưng chừng núi bỗng thấy con cọp đi rồi mới vội vã lên đây". Thừa gạn hỏi cách phục sức của người đó, nghe Chiểu tả lại hình dạng, biết là đứa tớ của mình, trong lòng bỗng nhiên thê thảm. Chiểu lại nói: "Từ xa tôi thấy cọp trắng sau khi ăn thịt người, liền trút bỏ lớp da ngoài, hoàn lại hình người mặc chiếc áo nhà Thiền, nghiễm nhiên là một vị lão Tăng". Mã Thừa nghe nói lại càng kinh khủng.
Đang khi nhỏ to trò chuyện, vị lão Tăng ở bên ngoài về đến Mã Chiểu cả sợ bảo: "Thôi đúng là lão nầy rồi!". Mã Thừa bấm tay bạn, ngầm bảo nên trấn tĩnh. Đợi lúc vị lão Tăng đến gần, Thừa liền lựa lời dò hỏi rằng: "Anh bạn tôi vừa thuật lại có người ở lưng chừng núi bị cọp ăn thịt, việc ấy Sư có biết chăng?". Vị Tăng lộ nét giận bảo: "Ở cảnh của bần đạo đây, núi chẳng cọp beo thú dữ, cỏ không rắn rết trùng độc, cho đến rừng cũng vắng bóng ác điểu như loài chim cú, chim mèo. Đó là lời đồn đãi của những kẻ nông nổi mà thôi!". Thừa lặng lẽ quan sát, thấy nơi khoé miệng vị lão Tăng còn ứa máu tươi, lòng đã tin chắc, liền thác cớ nói rằng: "Bây giờ trời đã hoàng hôn, chúng tôi đi đường xa mệt mỏi, xin phép vào nhà sau an nghỉ, rạng ngày sẽ hầu chuyện".
Đoạn hai người đem hành trang vào hậu trường, nhìn quanh thấy đây là nhà trai. Nơi bàn giữa có thờ cốt tượng một vị Tăng mày trắng rủ dài, nơi vách trên đề câu: "Nam mô Giám Trai sứ giả Tân Đầu Lô Phả La Đọa Xà Tôn Giả". Cả hai liền gài đóng cửa chắc chắn, khiêng bàn tấn chặt thêm cửa sau trước, đốt ngọn nến sáng để ở chỗ thờ Tân Đầu Lô A La Hán. Xong, mới lấy lương khô ra ăn, rồi cùng thì thầm bàn luận: "Đây tất con cọp bạch lâu năm đã thành tinh. Chắc mấy vị Tăng khi trước ở chùa này đều bị nó ăn thịt cả, sau nó mới hóa thành hình sa môn để gạt người. Những du khách lên viếng cảnh, có thể đã nhiều kẻ bị mất mạng vì nó. Cái chết đã đến gần, chúng ta chớ nên ngủ, phải cùng nhau bàn định để thoát qua tai nạn này".
Lần bần đã gần nửa đêm, cả hai tính chưa ra kế, bỗng nghe từ phía trước rồi đến sau, có tiếng va vào cửa rầm rầm. Biết là cọp tinh muốn phá cửa vào ăn thịt, hai người kinh hoảng vội chạy đến đốt hương nơi bàn thờ, cùng quỳ xuống chắp tay niệm danh hiệu Đức Tân Đầu Lô Tôn Giả cầu xin cứu độ. Chí thành niệm được một lúc lâu bỗng nghe từ pho tượng có tiếng ngâm chậm rãi nho nhỏ rằng:
"Người Dần sẽ đắm trong thành nước
Gã Ngọ nên chia hướng cấn Kim
Nếu như đặc Tiến thêm giương ná
Tướng dữ đi sau bị tổn tim".
Vì cửa rất chắc cọp tinh không vào được, nên tạm thối lui. Trong khi đó hai người duy để hết tâm cầu nguyện, quên cả ngoại duyên. Đến chừng nghe rõ

bài kệ, dò lắng bên ngoài thấy yên, mới cùng nhau bàn giải rằng: "Người Dần - Dần thuộc về hành chi Hổ, tức chỉ cọp tinh hoá thành người. Thành nước - nước có thành quách xung quanh, đó là nước giếng. Gã Ngọ - Ngọ là ngựa, tức chỉ cho chúng ta vì đều là họ Mã. Hướng Cấn Kim - chữ Cấn đứng bên chữ Kim, thành chữ Ngân. Đó là ý bảo chúng ta phải chia thứ gì bằng bạc. Còn hai câu sau, hai người không thể giải thích được.

Sáng ra gần đến trưa, có tiếng vị lão Tăng gọi đi ăn cháo. Không còn lòng dạ nào để ăn uống, mà ở mãi trong nhà khách cũng bị chết đói, bất đắc dĩ cả hai phải mở cửa ra ngoài. Mã Chiểu than thở: "Tình thế này chúng ta không thể liều lĩnh xuống núi, vì sợ nó hoàn hình đón đường vật chết!". Mã Thừa nhìn quanh thấy cái giếng bên nhà trai, chợt động tâm cơ bảo: "Thôi đúng rồi, Tôn Giả mách bảo chúng ta như vầy…"

Liền đó hai người tới giếng, gọi to lên rằng: "Sư lại đây xem dưới giếng có cái chi lạ lắm". Lão Tăng đến nơi nhìn xuống, bất ngờ bị hai người xô xuống giếng, rồi cả hai cùng khuân tảng đá lớn liệng bồi thêm. Kết cuộc lão Tăng chết đắm dưới giếng hoàn thành hình con cọp bạch nổi lên. Hai người rảnh mối bận tâm, vào chùa tìm thức ăn thấy ba cái hốt bằng bạc nơi bàn Phật, nhớ lại lời kệ, liều thâu lấy rồi cùng xuống núi.

Đi đến nửa đường, trời đã sẩm tối. Cả hai gặp một người thợ săn đón lại bảo: "Đêm đã đến, đường xuống núi e có nhiều thú dữ. Phía trước tôi đã đặt bẫy, xin hai ông tạm lên chòi gác ở với tôi cho qua đêm nay". Hai người kinh sợ, vội theo thợ săn leo lên cây, ngủ trên chòi gác. Giây lát trăng non mọc lên. Trong sáng ánh sáng mơ màng, bỗng có một đoàn độ năm mươi người, Tăng, Ni, Đạo sĩ, đàn ông, đàn bà từ trên núi đi xuống. Đoàng người có kẻ trầm lặng, có người ca ngâm hoặc nhảy múa. Khi đến chỗ đặt bẫy, cả bọn nổi giận bảo: "Hồi trưa có hai tên giặc giết chết vị sư già của chúng ta. Nay bọn ta theo dấu mà tìm bắt, lại có kẻ cả gan dám đặt bẫy muốn giết tướng quân của chúng ta nữa". Nói xong gỡ tháo chốt ná rồi bỏ đi. Mã Chiểu gạn hỏi: "Bọn đó là chi, Tướng quân là ai". Thợ săn đáp: "Đó là những người bị cọp giết chết thành ma tràng, gọi là hổ tràng. Bọn ma này tiền đạo đi trước dọn đường. Tướng quân, có lẽ là chỉ cho con cọp đi sau". Mã Thừa nhớ lại lời kệ liền hỏi thợ săn: "Anh tên họ là chi?". Thợ săn đáp: "Tôi họ Ngưu tên Tiến".Hai người cả mừng bảo: "Nếu thế, lời kệ có ứng nghiệm rồi. Hai câu "Nếu như Đặc Tiến thêm giương ná, tướng dữ đi sau bị tổm tim". Chữ Đặc có chữ Ngưu ở một bên, Đặc Tiến tức là ám chỉ cho Ngưu Tiến. Còn tướng dữ đi sau chỉ cho tướng quân mà họ nói. Đây chắc là một con cọp thành tinh nữa, nên mới gọi là "dữ". Có lẽ cọp kia là chánh tướng, cọp này là phó tướng".

Không kịp giải thích câu chuyện hai người vội thôi thúc nên giương ná lại. Anh thợ săn y lời, xuống giương bẫy ná rồi leo trở lên. Vừa ngồi yên, bỗng

thấy từ xa có con cọp xám rất to lần lần tiến đến. Vì thờ ơ, chân trước cọp đạp nhằm chốt nỏ, mũi tên phát ra xuyên trúng vào tim, nó gào rống một lúc rồi tắt thở. Bọn ma tránh nghe tiếng chạy trở lại, phục xuống bên xác hổ than khóc rằng: "Ai lại nỡ giết hại tướng quân của chúng ta như thế này?".
Ở trên cây Mã Chiểu nghe khóc bỗng tức giận quát lớn: "Chúng bây thật là lũ ma khờ dại! Lúc sống đã bị cọp giết một cách thê thảm nay ta vì chúng bay báo thù, sao không cảm tạ lại còn than khóc? Ma quỷ gì mà không linh hiển chi cả vậy!". Tiếng quát vừa dứt bốn bề yên lặng, bỗng có con ma đáp rằng: "Chúng tôi bị thế lực của nó ám, nên không biết tướng quân là cọp tinh. Nay nghe ông nói mới bàng hoàng tỉnh ngộ!". Nói xong cả bọn đạp xác cọp rủa mắng, tạ ơn ba người rồi tản đi mất. Mã Thừa lần lượt thuật lại trước sau câu chuyện cho anh thợ săn nghe. Đoạn lấy ra ba chiếc hốt bạc, chia nhau ba người mỗi người một cái. Thợ săn than thở bảo: "Những con cọp tinh đều có tánh linh thông, nếu không nhờ sức ám trợ của Tôn Giả Tân Đầu Lô, tất chẳng dễ gì giết hại được chúng nó!".
Sáng lại, hai họ Mã từ biệt người thợ săn, xuống núi trở về…
Liên Du
Việc làm hư thật tự mình hay
Họa phước do ta chớ hỏi Thầy
Thiện ác chung qui đều báo ứng
Nếu không sớm đến ắt là chầy.

Thọ trì ba giới

Tương truyền, khi Phật còn tại thế, nơi thành Xá Vệ có một thanh niên, con một gia đình trưởng giả lương thiện, thường nghe Phật thuyết pháp, phát tâm quy y Tam Bảo và xin xuất gia học đạo.
Bấy giờ, trong hàng Tăng chúng có một vị Tôn Giả được giao cho trách nhiệm giảng về thế giới luật cho thanh niên học hỏi. Tôn Giả dạy rằng: "Này là pháp hữu, đây là loại giới thứ nhất, đây là giới thứ hai, giới thứ ba, thứ tư…thứ chín, thứ mười v.v…Đây là tiểu giới của người xuất gia, đây là trung giới, đây là đại giới, đây là Ba La Đề Mộc Xoa, đây là giới căn bản, đây là Tịnh giới về hành vi, đây là những thường giới để dùng hàng ngày…". Vị Tôn Giả còn giảng nhiều hơn nữa.
Nghe xong, vị tân Tỳ kheo nghĩ rằng: "Số mục, danh từ của giới quá nhiều, một lượt mà phải thọ giữ bao nhiêu giới luật như vậy, e rằng khó bảo toàn! Đã không giữ giới được hoàn toàn, thì sự xuất gia không lợi ích gì. Chi bằng trở về làm một trưởng giả (như cha mình trước kia) làm ít việc thiện như: Bố thí, phóng sanh… rồi nuôi dưỡng vợ con là đủ rồi". Nghĩ vậy, vị tân Tỳ kheo mới thưa với Tôn Giả rằng: "Thưa Tôn Giả, tôi không thể giữ một lúc nhiều

giới luật như vậy được! Không giữ được thì xuất gia có ích gì? Tôi sẽ hoàn tục để sinh sống, xin dâng y bát lại cho Ngài!".
Tôn Giả đáp: "Đành rằng ông có thể hoàn tục nếu thấy mình không kham lãnh, nhưng ông cũng phải đến đảnh lễ Đức Phật một lần cuối đã". Nói đoạn, Tôn Giả dẫn vị tân Tỳ kheo đến lễ Đức Phật. Đức Phật vừa trông thấy hai người đã hỏi rằng:
- Các ông hôm nay đến đây có việc gì?
- Bạch Thế Tôn, vị Tỳ kheo nầy nói là không thể chấp trì giới luật, giao trả y bát, và hoàn tục vì vậy chúng con hướng dẫn người đến đảnh lễ lần cuối, từ biệt Đức Thế Tôn.
Hiểu được nguyên cớ, Đức Phật mới dạy rằng:
- Nầy Tôn Giả, sao Tôn Giả lại giảng cho vị tân Tỳ kheo nầy nghe nhiều giới luật như thế? Ông ấy chỉ nên tùy theo sức mình mà tuân giữ chớ! Về sau Tôn Giả không nên giảng giới nhiều như vậy nữa. Bây giờ hãy để ông ấy ở lại đây với tôi…
Rồi Đức Phật bảo vị tân Tỳ kheo kia rằng:
- Ông hãy nghe đây, ông không còn phải giữ nhiều giới như vậy chỉ có 3 giới thôi. Chừng ấy ông có nhứt định giữ được không?
Vị Tỳ kheo muốn hoàn tục kia thưa rằng:
- Bạch Đức Thế Tôn, chỉ có 3 giới thôi, thì con có thể giữ được.
Đức Phật mỉm cười:
- Tốt lắm! Từ nay về sau ông chỉ giữ 3 giới là ngăn ngừa 3 nghiệp Thân, Khẩu, Ý không để chúng phạm vào các điều ác. Tôi nhắc lại là ông chỉ cần giữ 3 giới ấy mà thôi, chớ nên hoàn tục làm gì.
Nghe Đức Phật dạy như thế, vị Tỳ kheo kia hết sức vui mừng, hướng về Đức Phật đảnh lễ và phát nguyện trọn đời giữ 3 giới mà Đức Phật vừa trao, rồi đảnh lễ Đức Phật theo chúng trở về tịnh xá. Ông nghĩ rằng: "Các vị Tôn Giả không được như Đức Phật, giảng dạy giới luật cho mình mà dùng nhiều loại danh số quá, khiến cho mình trong một lúc không thể lãnh ngộ, nhưng khi đến Đức Phật Ngài tóm thâu các danh số phiền phức của giới, chỉ còn có 3 môn để trao dạy cho mình, thì mới vỡ lẽ thấu rõ. Đức Phật quả là một vị Pháp Vương trong thế gian không còn ai hơn nữa".
Từ đó trí tuệ ông tăng trưởng rất mau. Sau mấy hôm, ông chứng được quả vị A La Hán.
Khi rõ được sự kiện trên, các vị Tỳ kheo mới họp nhau bàn luận: Các pháp hữu, đối với vị Tỳ kheo sắp sửa hoàn tục kia, Đức Thế Tôn đã khéo léo phương tiện đem tất cả giới luật gồm thâu làm 3 môn học mà trao cho ông ta, làm cho ông ta sớm chứng được quả vị, Ngài thật là một người vĩ đại!
Trong khi mọi người đang bàn luận về công đức của Đức Phật, thì ngay lúc ấy Đức Phật cũng vừa đi đến, Ngài hỏi:

- Các ông nhóm họp bàn luận việc gì?
Một vị Tôn Giả thay mặt đại chúng thưa rõ mọi việc điều vừa bàn luận, Đức Phật nghe xong liền dạy:
- Nầy các Tỳ kheo, một bao to thì nặng quá nhưng khi chia thành mấy bao nhỏ, vác lên vai mà đi thì sẽ nhẹ nhàng. Xưa có một Trưởng giả được một khối vàng rất lớn không thể nhắc lên, ông bèn phân làm mấy khối nhỏ, sau đó ông lần lượt đem về nhà, không có gì gọi là nhọc sức cả.
Tiếp theo Đức Phật thuật lại một mẩu đời như sau:
"Thuở xưa, trong thành Ba La Nại, có một nông phu một hôm ra đồng cày ruộng. Đó là một khoảnh ruộng được di tặng bởi một phú ông trong thôn. Phú ông trước khi qua đời có đem chôn giấu một khối vàng lớn trong đám ruộng ấy. Người nông phu đang cày ruộng, thì bỗng dưng lưỡi cày chạm phải khối vàng trượt lên. Ông tưởng là cái rễ của một đại thọ, bèn moi đất lấy lên, mới biết là một khối vàng vĩ đại! Ông vui mừng trong lòng, rồi lấp đất phủ lại như cũ, đánh trâu tiếp tục cày những nơi khác. Đến chiều, khi mặt trời vừa lặn, ông cho trâu nghỉ ngơi và đến moi lấy khối vàng. Nhưng khối vàng quá nặng, ông mới suy nghĩ: "Chỉ có cách chẻ khối vàng nầy ra làm bốn, một phần để sinh kế, một phần để dành làm vốn buôn bán về sau, và một phần đem ra bố thí làm các việc thiện". Nghĩ như vậy ông liền chẻ khối vàng ra làm bốn, rồi lần lượt đem về nhà ba phần một cách dễ dàng không mệt sức. Ông giữ lời nguyện đem một phần ra làm việc phước thiện. Nhờ đó, đời đời kiếp kiếp được sanh vào các cảnh thiện…".
Rồi Đức Phật kết luận:
- Người nông phu được khối vàng lúc bấy giờ chính là tôi ngày nay đây!
Tâm Hiện
Nầy các ngươi, không có công đức gì lớn hơn cung kính và cúng dường Xá Lợi, nhưng công đức ấy hãy để lại cho các vị Quốc Vương Trưởng giả làm; nhiệm vụ cần thiết của người tu hành chúng ta là phải kết tập Pháp tạng và thanh tịnh tu hành, làm sao cho Phật pháp ở thế gian thường còn không tiêu diệt.

Món nợ truyền kiếp

Ngày xưa hồi mới khai thiên lập địa, có một con chim họa mi, làm ổ trên cành cây đào, ngày nào nó cũng hót để ca tụng vẻ đẹp của muôn loài. Dưới gốc cây, có một con rắn rất hiền lành, bây giờ thuộc loại rắn mù, nhưng hồi đó nó có một mắt. Con rắn rất mê giọng hót lảnh lót của chim họa mi. Nó thường nằm khoanh dưới gốc cây hay nằm dài phơi nắng để thưởng thức tiếng hót thần tiên của họa mi. Thuở ấy, chim họa mi cũng chỉ có một con mắt ngay giữa trán.

Một hôm, con bướm có đôi cánh ngũ sắc rất đẹp, ở gần đấy đến mời chim họa mi đi ăn cưới. Bướm biết mình đẹp đẽ, uyển chuyển, nhẹ nhàng, thường được ca tụng nên bướm rất kiêu hãnh. Không bao giờ bướm chịu nhìn xuống, nên bướm không biết sự có mặt của rắn trên mặt đất. Tiếng hót của họa mi đã nhiều lần giúp đôi cánh bướm dịu dàng thanh thoát nên bướm nhất định mời chim họa mi, để tiếng hót làm tăng thêm phần long trọng cho bữa tiệc tân hôn.
Được bướm mời mọc ân cần, chim họa mi rất hãnh diện, nhưng sau đó chim cảm thấy lo sợ, khi nhìn lại thấy bộ lông của mình quá tầm thường, chim sợ mình sẽ không được ai để ý trong tiệc cưới của anh bướm rực rỡ màu sắc. Chim liền than thở với con rắn hiền lành. Nghe xong rắn nói:
- Có được tiếng hót như anh, lo gì không được người để ý. Tôi tin chắc, lúc anh cất tiếng hót, không ai còn để ý đến đôi cánh rực rỡ của anh bướm hay bộ lông trắng của muốt của chị thiên nga. Tất cả đều sẽ mê tiếng hót của anh, không ai để ý đến bộ lông tầm thường của anh đâu. Anh bướm mời anh dự tiệc, cũng vì tiếng hót của anh hay. Anh hãy yên tâm đi đi, đừng lo sợ gì cả.
Tuy nghe rắn nói thế, nhưng chim vẫn không hết lo sợ, sau cùng chim nói:
- Phải tôi có được hai con mắt, có lẽ tôi sẽ đẹp hơn. Một con mắt giữa trán làm cho tôi có vẽ dữ tợn và nghèo nàn làm sao ấy.
- Có được giọng hót như anh, ai dám bảo anh nghèo?
- Nhưng bề ngoài tôi có gì có thể làm cho mọi người chú ý. Phải chi anh chịu giúp tôi…
- Tôi mê tiếng hót của anh lắm, anh cần tôi giúp việc gì, tôi cũng sẵn sàng cả.
- Tôi chỉ cần anh cho tôi mượn con mắt của anh một hôm để đi ăn cưới. Anh nằm phơi nắng không có mắt cũng đâu có sao…
Rắn lắc đầu nói:
- Không được đâu, tôi cũng chỉ có một mắt như anh, nếu tôi cho anh mượn thì làm sao tôi thấy đường?
- Nhưng tôi chỉ mượn có một hôm thôi, buổi chiều mãn tiệc, tôi đem trả anh ngay lập tức. Trong lúc chờ đợi, anh cứ nằm ngủ ở đây. Nếu anh thật tình mê giọng hót của tôi thì anh cố giúp lần nầy…
Chim họa mi cứ van xin, nài nỉ, giọng chim càng lúc càng êm đềm, gợi cảm, làm rắn cảm động xiêu lòng nên bằng lòng cho mượn mắt trong ngày cưới của bướm.
Vào một ngày nắng ấm, lúc màn sương mỏng còn phủ cánh rừng, chim họa mi đã vội vã sửa soạn bộ lông cho thật mướt để đi ăn cưới. Thêm được một mắt, chim thấy cuộc đời đẹp đẽ thêm lên. Trong lúc chim ra đi, sung sướng hài lòng hơn bao giờ hết, thì ở gốc cây đào, con rắn trở nên mù nhút nhát, sợ

hãi, ẩn mình trong đám lá khô, chờ đợi chim trở về, trả lại ánh sáng cho mình. Chim đến nhà bướm nghe người ta chào mừng chúc tụng nhau, không ai để ý đến chim họa mi bé bỏng không bóng sắc cả.
Đến lúc bướm mời chim ra hát, những loài thú có mặt mới để ý đến chim. Tiếng chim hót thanh tao, lảnh lót, làm cả thảy đều im lặng, lắng nghe. Chim hót say mê lột hết tinh thần làm cả thảy đều mê mẩn như say. Tiếng hót trong trẻo vang đến tai rắn, rắn mỉm cười tự nhủ mình cũng có góp phần tham dự cuộc vui đó.
Đến khi dứt bản, tất cả đều bị chim chinh phục và bắt đầu từ đó trở đi, mọi loài đều bao vây khen ngợi bộ lông, giọng hót của chim. Tất cả cũng không quên ca ngợi mắt đẹp của chim.
Bây giờ tiếng tăm lừng lẫy, chẳng những chim không thú nhận mình chỉ có một mắt, còn con mắt kia là của rắn, mà chim thì đặt điều nói thêm:
- Ở dưới gốc cây chỗ tôi ở, có một con rắn mù từ thuở mới lọt lòng mẹ, nó buồn bã chán đời, nhiều lần nó có ý định quyên sinh, nhưng nhờ tiếng hót tuyệt vời của tôi đã an ủi được nó. Tội nghiệp, hàng ngày tôi phải đem thức ăn về và ca hát vỗ về nó.
Tất cả đều cảm phục tính rộng rãi và lòng bác ái của chim.
Mãi đến khuya, chim mới trở về, bên tai còn vẳng nghe tiếng vỗ tay vang dội và những lời ca ngợi nồng nàn.
Về đến gốc cây đào, chim thấy rắn nằm ngủ, phơi mình dưới ánh nắng thanh dịu mát. Thấy thế, chim không gọi rắn dậy và tự nói, mai mình sẽ trả mắt lại cũng không muộn. Chim về ổ định ngủ một giấc thật ngon lành nhưng nằm mãi mà giấc ngủ vẫn không đến. Muôn vàn ý nghĩ bao vây tâm trí của chim: bây giờ chim đã nổi tiếng nổi danh với đời rồi, nếu chim trả mắt lại, tức là tự thú cho mọi loài biết chim chỉ có một mắt, còn con mắt kia là của mượn, thì còn gì là tiếng tăm chim đã tạo ra với bao khó nhọc. Hơn nữa, với hai con mắt chim nhìn đời thấy rộng rãi, đẹp đẽ hơn khi chỉ có một mắt. Bỏ tất cả danh vọng để trở thành tầm thường như trước, chim thấy mình không có đủ can đảm. Hay là xin rắn cho mắt luôn, nhưng chim kịp nghĩ là không đời nào rắn chịu cho mắt để lại thành mù lòa vĩnh viễn. Nhưng rắn thường ở một chỗ mà nếu bò đi cũng không cần thấy đường gì cho lắm. Một ý nghĩ xấu từ từ xâm nhập vào đầu óc chim.
Nếu mình không trả thì rắn cũng không làm sao đòi được, bây giờ rắn mù rồi.
Nghĩ thế nên chim nhất định giựt luôn con mắt của bạn. Đêm đó, chim lén dọn đi ở nơi khác và tìm đủ mọi cách tránh rắn luôn.
Tội nghiệp, con rắn cứ bò lần mò, dò dẫm đi tìm chim họa mi để đòi mắt lại. Nghe chim họa mi hót ở đâu, rắn cũng cố gắng tìm đến, mặc dù rắn bò đi khó khăn và gặp nhiều trở ngại trên bước đường phiêu lưu đi tìm người bạn

phản phúc, bội ân. Thế mà buồn thay, mỗi khi chim họa mi thoáng thấy rắn thì chim vội bay đi, để rắn lại ngơ ngác trong sự mù lòa đáng thương.
Một đêm, chim họa mi đang ngủ mê trong tổ ấm, bỗng chim giựt mình tỉnh giấc vì một tiếng động thật nhỏ. Chim thấy rợn cả người khi nhìn thấy một cái đầu rắn mù sờ soạng bò đến. Chim la lên một tiếng kinh hoảng bay tìm nơi khác ẩn náu.
Từ đó, sự yên tĩnh trong giấc ngủ cũng như sự yên tĩnh trong tâm hồn không còn nữa – Con rắn mù cứ không ngớt tìm chim để đòi con mắt đã cho mượn với tất cả lòng tin, mà lại bị cướp mất một cách quá tàn nhẫn.
Chim họa mi không muốn trả mắt nên phải luôn luôn canh chừng. Ban ngày thì chim được yên thân, vì rắn biết ánh sáng mặt trời làm chim thấy rõ tất cả, nên rắn đợi đêm xuống để tìm cách đến gần chim trong lúc ngủ say, để bất ngờ buộc chim phải trả mắt lại cho mình.
Chim họa mi biết được ý định của rắn, nên nhất định không ngủ những đêm trong mùa đẹp trời. Mùa lạnh và mùa mưa thì chim có thể ngủ yên, vì những mùa ấy rắn sợ lạnh không dám bò ra ngoài.
Đến mùa xuân, chim bay hót suốt đêm, để không buồn ngủ có thể canh chừng rắn mù tìm đến.
Vì thế, những đêm xuân, chúng ta thường nghe tiếng chim họa mi hót vang lên ru hồn vào mộng ảo, chúng ta mỉm cười thấy lòng rung động vì tiếng hót thanh tao trong suốt, nhưng chúng ta có biết đâu tiếng hót đó ca tụng một niềm vui không vững chắc luôn luôn bị đe dọa, một hạnh phúc mong manh pha trộn đôi chút hối hận làm ray rứt cả tâm hồn.
Bảo Liên
Người nào cầu hạnh phúc cho mình mà lại phá hoại hạnh phúc kẻ khác, người ấy sẽ không được hạnh phúc.

Cứu người bị giặc cướp

Khi chưa thành Đạo, đức Phật Thích Ca có một kiếp làm một người lái buôn, tên là Đại Bi, đức hạnh hoàn toàn, tài trí hơn người.
Một hôm, Đại Bi cùng năm trăm người khác đi thuyền ra biển tìm châu báu. Thuyền đang đi giữa biển thì gặp một bọn cướp bể đuổi theo, định giết hết cả những người trong các thuyền để cướp giật của cải. Quân cướp đuổi theo một lúc một gần, và reo hò vang dậy một góc biển. Những người lái buôn sợ hãi quá, kêu la rất thảm thiết. Phen này họ chắc chết mà thôi, không còn được thấy mặt vợ con nữa.
Đại Bi thấy thế mới nghĩ rằng: "Nếu ta giết bọn cướp nầy, thì ta sẽ mang tội sát nhân, nhưng nếu ta để cho chúng giết hết năm trăm người thì lòng ta

không nỡ. Thôi thà ta chịu tội sát nhân một mình mà cứu được năm trăm người khỏi chết, vừa cản ngăn được những việc làm tàn ác của quân cướp để gỡ tội cho chúng nó sau này".
Tuy nghĩ thế, nhưng Đại Bi chưa ra tay liền. Người đứng lên trên mũi thuyền to, lấy lời ôn hòa mà khuyên lơn bọn cướp, nhưng bọn này quen thói hung tàn, không nghe lời Đại Bi nói cứ hầm hồ hung hăng xông tới quyết giết hết cả con buôn. Đại Bi liền nhảy qua thuyền quân cướp, một mình địch với cả bọn, vũng vẫy nhanh lẹ và oai phong như một người tướng tài ra trận. Quân cướp biết thế không địch nổi, liền hè nhau quay thuyền chạy trốn. Năm trăm người thoát chết, vui mừng khôn xiết, liền quỳ xuống tạ ơn Đại Bi, rồi cùng trương buồm cho thuyền trở lại quê nhà.
Lược sử PHẬT TỔ
Hạnh từ bi của Phật giáo phải đi đôi với trí tuệ dũng cảm.

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập II - 9

Đại vương và khỉ chúa

Ngày xưa, có một vị Đại Vương bị cướp mất ngôi nên cùng Hoàng Hậu lẫn tránh vào rừng. Một hôm, lúc đi hái quả trở về, Đại Vương không thấy Hoàng hậu đâu cả. Ngài lang thang tìm kiếm khắp nơi. Đến một khu rừng kia, Ngài gặp một con khỉ vẻ mặt buồn bã, đi đầu một đàn khỉ rất đông. Vua hỏi sao buồn thế, nó liền kể lễ: "Tôi là khỉ Chúa rừng này, mới bị cậu tôi đến cướp mất nước nên tôi phải ra đi. Vậy xin Ngài mở lòng từ bi giúp tôi lấy lại nước, thì tôi xin đội ơn Ngài lắm".
Vua tuy trong lòng buồn bã, nhưng thấy việc đáng làm, nên nhận lời ngay. Khỉ cậu nghe tin có người đến đánh, kéo cả bầy ra chống cự. Đại Vương thấy vậy liền trèo lên một hòn đá cao nói với Khỉ cậu rằng: "Mầy phải trả lại nước nầy cho cháu mầy, nếu không nghe lời sẽ bị giết ngay". Khỉ cậu thấy Đại Vương nắm một cái cung thần, sợ hãi lắm liền ríu ríu kéo cả bầy đi nơi khác.
Khỉ Chúa lấy lại nước, mừng rỡ lắm. Nhưng nhìn vẻ mặt không vui của Vua, nó liền hỏi nguyên nhân vì sao, Vua kể lại chuyện mất vợ cho Khỉ Chúa nghe. Khỉ Chúa bèn hội cả bầy khỉ lại, cùng Đại Vương đi tìm Hoàng Hậu. Đến một nơi kia, cả đoàn gặp một con khỉ lạc. Hỏi nó thì nó có gặp một con Độc long cõng một người đàn bà vào một cái hang gần đấy. Đại Vương cùng

cả đoàn Khỉ đến hang tìm, con Độc long nằm trong hang thấy có người đến cứu Hoàng Hậu, nổi giận hóa một trận mưa gió rất to, rồi phóng một luồng ánh sáng, làm cho cả bầy khỉ sợ hãi vô cùng. Khỉ liền tâu với Vua lấy cung thần bắn. Luồng ánh sáng bị trúng tên thần biến mất và con Độc long cũng chết. Bầy khỉ chen vào hang, cứu Hoàng Hậu ra. Cả đoàn rất đổi mừng, cùng nhau trở về rừng cũ.
Lược sử PHẬT TỔ
Chớ khinh điều ác nhỏ mà làm. Chớ khinh điều lành nhỏ mà không làm. Phải biết giọt nước nhỏ lâu ngày cũng làm đầy bình. Kẻ ngu phu sở dĩ đầy tội ác. Kẻ trí sỡ dĩ toàn thiện cũng bởi chứa tồn từng khi ít mà nên.

Đạo thầy trò

Xưa có một con thỏ (Tiền thân của Đức Phật Thích Ca) rất thông minh và đức hạnh, thường ngày nó cứ quanh quẩn bên mình một vị Đạo Nhân, tu hành ở trong rừng để nghe kinh kệ. Đến bữa ăn nó chạy đi kiếm hoa quả đem dâng cho Đạo Nhân. Được ít lâu trời đổi tiết những ngày mưa tầm tã nối tiếp nhau, từng luồng gió lạnh thổi đến, rét tận xương, cây cối tả tơi, hoa quả thối rụng. Con thỏ đi kiếm mãi không ra thức ăn cho Đạo Nhân, vì thế mà đói rét rất thảm thương. Người định hoãn việc tu hành, thu dọn đồ đoàn để trở về nhà, đợi đến mùa xuân sang năm sẽ vào rừng tu lại. Thỏ nghe vị Đạo Nhân sắp về nhà buồn bã lắm. Nó nghĩ: "Đạo Nhân lòng nhân từ rộng như biển, xem ta như con, ngày nào cũng giảng kinh kệ cho ta nghe, ơn ấy thật không có gì sánh kịp. Nay nghe người gặp cảnh hoạn nạn như thế mà ta không có cách để giúp đỡ thật ta lấy làm xấu hổ lắm". Nghĩ như vậy nó chạy đi tìm thức ăn lại.
Nhưng lần nầy cũng như lần trước, nó không tìm được gì cả. Nó buồn bã trở về nói với vị Đạo Nhân rằng:
- Xin Ngài hãy nhóm lửa lên, tôi vừa kiếm được một vật ăn ngon lắm.
Đạo Nhân nghe theo, nhóm lửa lên. Khi lửa đã đỏ rực, con thỏ nhảy vào đống lửa mà nói rằng:
- Vật ấy là tôi đây!
Đạo Nhân hoảng kinh, vội ôm thỏ ra, rồi hỏi nó tại sao làm như thế? Nó trả lời:
- Con mang ơn Ngài nhiều lắm! Nay Ngài gặp cơn đói khát phải hoàn việc tu hành, lòng con không nỡ, nên con xin hiến thân con để Ngài dùng đỡ cho qua ngày, khỏi phải bỏ lỡ cuộc tu hành.
Đạo Nhân nghe thỏ nói, thương nó lắm. Từ đấy về sau, hai thầy trò người và thỏ, cùng nhau ở lại rừng tu hành, không quản đói rét.
Lược sử PHẬT TỔ

Tình yêu của thế gian thì ích kỷ và bắt nguồn từ những ham muốn của dục vọng.
Tình yêu của tứ vô lượng tâm trái lại cho ra không điều kiện, vô giới hạn và không thay đổi. Tâm hồn con người được tiếp xúc với tứ vô lượng tâm sẽ vĩnh viễn trở nên siêu thoát.

Động mối từ tâm

Đây là một dãy núi rừng phía bắc kinh thành ở khoảng giữa hai ngọn núi cao, núi sà thấp xuống như một lòng chảo. Thung lũng nầy là đường thường bay qua của loài chim nhạn di cư.
Những ngày đông giá lạnh đang sắp trở về. Chim nhạn vượt qua thung lũng của dãy núi cao, từ Bắc bay về Nam, từng đàn từng đàn cất tiếng kêu vang trời như rủ rê, như hò hẹn. Bầy chim vô tình không để ý rằng đã có một người đó biết được sinh hoạt thường kỳ trên của chúng. Người đó là tên bẫy chim của nhà Vua, một ông Vua rất ưa ăn thịt chim nhạn.
Tên bẫy chim đã chuẩn bị một kế hoạch qui mô. Hắn sắp sẵn cung tên, mang theo một con chim mồi tuyệt khôn. Và tất cả hy vọng của hắn đặt hết vào một chiếc lưới vừa rộng, vừa dài mà nó sẽ giăng ngang thung lũng trên con đường thường bay qua của bầy chim nhạn. Lần nầy, không những một vài con sẽ sa lưới mà có thể hắn sẽ bẫy trọn cả một đàn.
Một buổi sáng kia, tên bẫy chim thức dậy thật sớm. Hắn nghe có tiếng chim nhạn ríu rít gọi đàn. Như có cái gì báo trước một điềm lạ, hắn vuốt ve con chim mồi rồi giả tiếng chim khẽ kêu lên vài tiếng.
Khác ngày thường, sáng nay chim mồi buồn bã, ủ rũ, vẫn không đáp lại hắn. Giữa lúc đó, thì trên không trung có tiếng vỗ cánh rồi một đàn chim nhạn xếp hàng thứ tự, bay về phương Nam. Chim đầu đàn, lông trắng như tuyết, duỗi thẳng đôi chân ra sau, lướt tới nhẹ nhàng như tên bắn.
Bỗng chim đầu đàn, buông lên vài tiếng đau thương làm cả đàn kinh hoảng. Rồi chim lộn lại mấy vòng và bay sà thấp xuống. Chim vừa thấy dưới thung lũng một con chim nhạn, lông cánh phờ phạc, đôi chân bị trói vào nhau và đôi mắt u buồn. Chim đầu đàn sà thấp hơn nữa. Chim muốn cứu lấy bạn mình. Và có ngờ đâu, trong khi đôi mắt chỉ để ý đến con chim mồi đau thương, chim nhạn đầu đàn sa vào lưới của tên đánh bẫy, đầu chim lọt trọn vào một mắt lưới, đôi cánh cũng bị kẹt vào trong những dây tơ. Càng muốn vươn tới, chim càng bị quấn thêm chặt vào, càng muốn thối lui thì các đường lông bị đẩy ngược xừng lên không tài nào gỡ ra được.
Bầy nhạn trên không quần lại, buông lên những tiếng kêu đau xót trong lúc tên bẫy chim, từ trong khóm cây, mừng rỡ chạy ra. Hắn đang tóm lưới lại. Hắn thật hài lòng về các cách đánh bẫy mới lạ của hắn và trong trí hắn tưởng

tượng đến một lồng nhốt đầy chim nhạn để dâng lên cho Vua hắn.
Hắn đang gom thâu gần hết lưới rồi. Chim nhạn đầu đàn sắp phải nằm gọn trong tay hắn, bị nhốt vào trong lồng để rồi ngày hôm sau biến thành thức ăn thích thú của Hoàng Thượng. Trong lúc đó, thì trên không trung, một con nhạn vụt sà thấp xuống, bay quanh chim đầu đàn, kêu lên những tiếng dài não nuột như là những tiếng khóc than. Người bẫy chim giơ tay xua đuổi mà chim vẫn không chịu bay đi. Giận dữ, hắn nói:
- Tao mà có sẵn cung tên đây thì tao cho mầy một phát để mầy cùng chết theo bạn mầy. Lời nói hung bạo, những tia lửa căm tức, vẫn không làm cho chim nhạn kia sờn lòng. Chim cứ quần đi, quần lại bên chim đầu đàn, có lúc như muốn đâm sầm vào trong lưới và hai ba lần suýt bị người bẫy chim nắm được.
Chửi rủa đã chán, tên bẫy chim lụi cụi lần hết tay lưới. Tay hắn đã nắm được chim đầu đàn và lần gỡ chim ra. Phải như mọi lần, nó chỉ làm trong nháy mắt là xong để rồi giăng lưới lại, chờ bắt thêm con chim khác, nhưng lần này hắn không thể nhanh tay được. Hắn thấy bộ lông trắng nõn của chim đầu đàn như cò cái gì quý giá vô song, nên nó giữ gìn cẩn thận từng tí. Đôi mắt chim không lộ vẻ gì sợ hãi mà trái lại vẫn nhìn thẳng như an nhiên tự tại.
Tên bẫy chim cầm chim đầu đàn trong tay, ngồi xuống một phiến đá, bên cạnh lồng. Hắn để ý rằng từ nãy đến giờ, chim nhạn kia vẫn theo sát nó, quấn quít một bên chim đầu đàn, tiếng kêu khan trông rất thảm thương.
Bỗng nhiên tên bẫy chim tự nghĩ: "Con chim nhạn đầu đàn đẹp đẽ, khí thế oai nghiêm này mới đáng quý làm sao. Nếu đem chim nhổ trụi lông đi, chọc tiết để dọn cỗ cho nhà Vua mua lấy cái thú vị ở đầu lưỡi, chất đầy một cái dạ dầy thì thật là quá uổng phí. Hay ta phải trả chim lại cho trời đất!".
Nhưng liền sau đó, hắn nhớ lại nét mặt giận dữ của Vua, trong những bữa ăn thiếu thịt chim nhạn, những lần hắn bị quở mắng và đe dọa bị bãi chức. Không thể được! Hắn còn phải nghĩ đến vợ con, gia đình hắn đang sống nhờ bổng lộc của Hoàng Thượng. Tên bẫy chim mở nắp lồng và nhốt chim nhạn đầu đàn vào. Nhưng nó lại thấy chim ngạn kia sà ngay xuống bên lồng, hai chân bám vào hai vành tre. Chim nhạn mắt vẫn không rời chim nhạn đầu đàn, mồm cất tiếng kêu thê thảm, máu miệng trào ra, chảy thành hai vạch đỏ trên đám đông trắng dưới cổ chim.
Tên bẫy chim ngừng tay lại, nghẫm nghĩ rằng: "Loài chim muông còn biết thương nhau đến đỗi quên thân mạng như thế nầy, ta há nhẫn tâm giết hại chúng hay sao?"
Vừa lúc đó thì chim nhạn đậu ngoài lồng buông tiếng kêu than và se sẽ đập cánh để khỏi ngã ngất xuống đất. Tên bẫy chim lòng đã quyết. Hắn đứng dậy mở tay vừa thả chim ra. Chim đầu đàn bay thẳng lên cao cùng với chim nhạn kia, cất tiếng vui mừng như để cảm ơn rồi nhập vào đàn. Cả đàn chim quấn

quít lấy nhau, vỗ cánh tưng bừng rồi xếp đặt lại đội ngũ, lướt nhanh về phương Nam như một đám mây trắng nõn trên vùng trời xanh.
Khi thả chim xong người bẫy chim chợt thấy mình đứng trước cảnh tình khó xử. Hắn sẽ nói thế nào để nhà Vua khỏi quở trách khi hắn trở về với hai bàn tay không? Nếu như nhà Vua cho hắn là một kẻ bất tài rồi nổi giận mà bãi chức thì gia đình, vợ con hắn sẽ ra sao? Suy tính hồi lâu, hắn chỉ thấy còn cách là trình bày hết sự thật và trông mong nhà Vua sẽ thương tình mà tha tội cho hắn.
Hắn lủi thủi trở về, lòng nặng một nỗi lo âu. May mắn cho hắn, hắn gặp đức Vua trong khi Ngài đang dạo chơi ngoài vườn. Vua cho gọi hắn đến, muốn xem những chim nhạn mà hắn vừa bẫy được. Lâu nay, Ngài chỉ thấy những con chim nhạn quay vàng trên đĩa bàn ăn mà thôi. Nhà Vua nhìn con chim nhạn lông trắng tuyết đầu cúi gục buồn thảm, trong chiếc lồng tre nhỏ và hỏi tên bẫy chim:
- Chim nhạn kia có bộ lông trắng đẹp như thế, sao trông buồn thảm vậy!
Hắn quỳ xuống tâu:
- Tâu Bệ hạ, đây là con chim nhạn mồi. Lông chim nhạn đều màu trắng như tuyết. Thần đã dùng nó để nhử các chim nhạn khác bay sà vào lưới để bắt chúng dâng thịt cho Bệ Hạ.
Nhà Vua nhìn đăm đăm vào bộ lông chim nhạn, vào đôi mắt u buồn của nó. Một lát, Ngài quay sang tên bẫy chim.
- Ta khá khen cách bẫy chim khá sâu hiểm của ngươi. Lấy chim nhạn để giết chim nhạn. Vậy thì ngươi đã sắp sẵn để sẽ dâng cho ta một bữa ăn tuyệt vời!
Tên bẫy chim cúi đầu sát đất và run run hắn cất tiếng thưa:
- Tâu Bệ Hạ! Hôm nay Thần bẫy được con chim nhạn đầu đàn, lẽ ra phải dâng lê cho Bệ Hạ. Nhưng vì con chim nhạn khác đã không sợ chết, lăn xả vào chim đầu đàn mà kêu than thảm thiết đến nỗi trào máu miệng ra, suýt chết ngất đi. Nghe những tiếng kêu đẫm máu, nhìn thấy cảnh tượng đau thương ấy, Thần đã mủi lòng nên đã thả chim ra. Thật là Thần đắc tội với Bệ Hạ. Cúi xin Bệ Hạ rộng lòng tha thứ.
Nhà Vua truyền đỡ tên bẫy chim dậy. Vừa đứng lên, hắn phân vân lo lắng không biết nhà Vua sẽ xử trí với hắn như thế nào? Bỗng hắn nghe nhà Vua phán:
- Ngươi đã tự tiện giải quyết, như thế là phạm tội khi quân. Tuy nhiên ngươi đã dám trình bày lại sự việc trước mặt ta, nên ta cũng vui lòng tha thứ.
Và trong khi tên bẫy chim lạy tạ lui ra.
Nhà Vua nghĩ rằng: “Loài chim thú mà còn biết thương yêu nhau đến quên mạng sống như vậy! Đến cả tên bẫy chim mà còn xúc động để thả chúng ra. Lẽ nào, ta là một vị Vua lại không biết trải lòng thương yêu rộng rãi hơn ư!”.
Nghĩ rồi, Ngài liền phát từ tâm và quay sang các cận thần. Ngài phán:

- Các khanh! Các khanh có nghe thấy không? Chim nhạn mà biết thương yêu nhau đến quên cả thân mạng, đó là một bài học cho chúng ta vậy. Riêng ta, ta muốn từ đây không sát hại đến chim nhạn. Ta thề sẽ không ăn thịt chim nhạn nữa".
Rồi quay phía tên bẫy chim, nhà Vua nói:
- Ta khá khen cho ngươi đã thả chim nhạn đầu đàn. Và ta còn dặn ngươi điều này nữa, hãy từ bỏ phương pháp hiểm độc: Dùng chim nhạn để sát hại chim nhạn. Nghĩa là ngươi hãy mở cửa lồng, thả cho chim nhạn mồi trở lại tự do. Trở về với đất trời cao rộng.
Tên bẫy chim làm theo ý Vua. Mọi người cảm thấy lòng thanh thản trong khi chim nhạn cất cánh bay vút lên tận mây xanh tiếng kêu vui mừng đưa theo gió ngàn lồng lộng.
Chim nhạn đầu đàn trong câu chuyện trên là tiền nhân của Đức Phật Thích Ca, con chim nhạn đã liều chết để cứu chim đầu đàn đến nỗi đã làm lay chuyển cả lòng hung bạo của tên bẫy chim, phát động từ tâm của nhà Vua trên đây, chim nhạn ấy là tiền nhân của Ngài A Nan, người Đệ tử gần gũi và tin yêu nhất của Phật.
Dương Trường Giang
Bạn bè mấy kẻ đá vàng, hòng khi mưa nắng lỡ làng cậy nhau. Khi vui thì vỗ tay vào, đến khi hoạn nạn thì nào thấy ai.

Con khỉ nhân từ

Đời xưa, có một con khỉ lớn, sức lực mạnh mẽ, trí não thông minh và lòng nhân từ của nó chưa chắc người đã bì kịp (tiền thân của Đức Phật Thích Ca) nó đi khắp cả rừng cây này, núi nọ để cứu giúp những kẻ gặp cơn hoạn nạn. Một hôm, đang ngồi ăn trái ở trên cây, nó nghe có tiếng than khóc ở trong cái hang đá đưa ra. Ngạc nhiên nó nhảy đến nhìn xuống hang, thì ra một người bị rơi xuống đáy mà chẳng có đường lên. Nó tìm lối xuống hang rồi nói rằng: "Anh kia, anh đừng sợ hãi. Tôi xuống để cứu anh đây. Anh cứ leo lên lưng tôi để tôi cõng anh ra".
Người bị nạn trong lòng sợ hãi, nhưng cũng liều trèo lên lưng khỉ. Khỉ lần mò vịn từng cành cây khớp đá, cố đem hết sức lực mới ra khỏi hang. Cả hai cùng mừng rỡ nhưng vì quá mệt mỏi, phải nằm lăn trên thảm cỏ xanh, dưới một bóng cây to để nghỉ cho lại sức. Gió hiu hiu đưa người và khỉ vào giấc ngủ say. Khi tỉnh dậy, người vừa được cứu thoát nạn nghĩ thầm: "Ta lâu nay đói khát và đường về nhà còn xa xôi, đồ ăn chẳng có, chi bằng trong lúc con khỉ đang ngủ ta lén giết quách, lấy thịt ăn qua ngày".
Người ấy liền lấy một hòn đá to ném vào đầu khỉ. Khỉ bị thương máu ra lai láng, liền nhảy lên cây, nhìn xuống, nó biết người kia cố tâm hại mình lòng

ngao ngán nhưng không giận hờn. Nó đau đớn nhìn con người ác độc ấy và để rơi từng giọt nước mắt theo từng giọt máu đỏ xuống đám cỏ xanh. Một hồi lâu, nó liền chuyền qua cây khác đi mất.
Lược sử Phật Tổ
Hãy tưới tình thương và đức độ xuống hận thù.
Đừng bao giờ lấy gươm giáo trả lời với gươm giáo.
Hãy sống cuộc đời Chư Phật, Hỷ Xả, Từ Bi.

Chết vì không chịu vâng lời

Đời xưa, có một bầy rùa rất đông, ở dưới một gốc cây đại thọ. Trong bầy có một con rùa chúa (tiền nhân của Đức Phật Thích Ca) rất thông minh có thể đoán trước được những việc sắp xảy ra. Trên cây đại thọ có một bầy thằn lằn thường hay tự thả mình từ trên nhành cao xuống để khoe tài với bầy rùa ở dưới. Bọn rùa rất lấy làm khâm phục. Rùa chúa thấy thế mới bảo bầy rùa rằng:
- Các ngươi không nên ở chỗ này, vì cách hành động của bọn thằn lằn có khi sẽ làm cho chúng ta mang họa. Vậy các ngươi nên theo ta mà đi ở một nơi khác, yên ổn hơn.
Trong bọn rùa có nhiều con nghe theo rùa chúa đi ở chỗ khác, nhưng có nhiều con cứng đầu không chịu đi. Khuyên bảo mãi nhưng bọn rùa cũng không nghe, rùa chúa đành đau đớn mà bỏ đi ở nơi khác với bầy rùa biết vâng lời.
Cách mười ngày sau, có một đàn voi đi ngang qua đấy, đến nghỉ dưới gốc cây đại thọ. Bấy giờ những con thằn lằn cũng như mọi ngày biểu diễn để rơi mình xuống đất chẳng may có con rơi vào lỗ tai một con voi. Voi bị nhột khó chịu, kêu la ầm ỹ. Cả bầy voi tưởng có thú dữ đến hại, hoảng kinh, chạy toán loạn. Bầy rùa ở dưới gốc cây không tránh kịp, bị đạp chết rất nhiều.
Lược sử PHẬT TỔ
Trí tuệ là gốc của muôn hạnh lành.
Ngu si là nguồn tội lỗi.

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập II - 10

Người không tai, mắt, mũi, lưỡi
Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đang trú tại nước Xá Vệ, Tịnh xá Kỳ Đà diễn

giảng đạo lý cho chúng Tỳ Kheo.
Có một gia đình trưởng giả, sinh được năm người con, nhưng toàn là con gái, chẳng có thằng con trai nào hết. Trong lúc bà đang mang thai người con thứ sáu thì chẳng may ông trưởng giả chết.
Theo luật nước nếu sau khi người cha chết rồi mà gia đình ấy không có con trai để thừa hưởng gia tài, thì của cải đó được sung công vào kho nhà nước. Sau khi ông trưởng giả qua đời, thì chính quyền địa phương đến lập thủ tục giấy tờ tịch thu tài sản, xung công quỹ. Nhưng người con gái lớn không cho và đến tâu vua:
- Tâu bệ hạ, cha con mới mất, gia đình con hiển nhiên hiện giờ là không có con trai rồi, nhìn mẹ con còn đang mang một người con trong bụng, biết đâu sau này là con trai thì sao. Vậy mong ơn Vua xin hẹn lại một thời gian, say khi mẹ con đủ ngày, đầy tháng, chừng ấy quả thiệt là chẳng muộn. Vua nghĩ có lý bèn nói:
- Con nói có lý, ta sẽ cho quan địa phương dừng lại.
Chăng bao lâu, bà trưởng giả hạ sanh một cậu con trai, nhưng tiếc thay chẳng có tai mắt mũi lưỡi gì cả, chỉ có hình dáng như người con trai nên gọi là con trai mà thôi, bèn đặt tên là Man Từ Tỳ Lê.
Dù chẳng đầy đủ bộ phận con người, nhưng cũng là trai, nên tài sản đó không bị nhà nước tịch thu làm của công.
Tuy được một người em trai, nhưng người chị chẳng hài lòng tí nào cả, mặc dù tài sản vẫn còn nguyên, vì đứa em trai chẳng giống vật chỉ mà cũng mang dành hưởng trọn một gia tài đồ sộ, cô chán nản cho thân gái bèn bỏ nhà ra đi làm kẻ hầu hạ cho người. Khi nấu ăn, khi dâng nước, chẳng khác như đứa tớ gái.
Gần đó có một nhà trưởng giả, ông thấy vậy bèn hỏi:
- Nhà con giàu có, đâu phải nghèo hèn gì, tại sao không ở nhà mà thụ hưởng, tiêu xài mà phải ra thân tôi tớ cực nhọc vậy?
- Thưa ông, cha con vừa chết, của cải đầy kho đụn, mà chị em chúng con đều là con gái, nên của kia bị Vua thu làm công, nhưng may sao mẹ con vừa hạ sinh được một đứa con trai, nhưng nghiệt nỗi chẳng có tai mắt mũi lưỡi gì cả, nhờ vậy mà tài sản khỏi bị tịch thu. Em trai của con được trọn quyền sử dụng, nhìn thấy vậy mà buồn tủi cho phận gái vô duyên, chẳng bằng một người con trai mà chẳng ra người nên thân con mới ra nông nỗi này.
- Buồn làm gì vô ích, con muốn thoát khỏi thân gái bây giờ hãy tạo nhân lành, làm phước để kiếp sau sanh làm con trai khôi ngô tuấn tú, vậy giờ con hãy đi với ta đến chỗ Phật.
Hai ông cháu cùng đi đến yết kiến Thế Tôn.
- Kính bạch Thế Tôn, Man Từ Tỳ Lê được phước duyên gì mà sinh vào nhà giàu sang, phú quý, nhưng bạch Thế Tôn, bị tội gì mà sinh làm thân người

mà chẳng đủ lục căn, xin Thế Tôn chỉ dạy.
- Lành thay, trưởng giả, về đời quá khứ có hai anh em sanh vào một gia đình giàu có, người anh tên là Đàn Nhã Thế Chất người em tên là Thi La Thế Chất.
Người anh nết na thuần hậu, trung chánh và hay bố thí, giúp đỡ kẻ nghèo cùng, bởi vậy nên được mọi người trong nước kính nể, tôn trọng, về sau được Vua chọn vào triều giữ chức bình sự, để xử lý việc kiện tụng của dân. Theo luật bấy giờ, những người vay nợ, chẳng có giấy tờ bút mực gì cả, mà hai bên đều đến quan bình sự làm chứng cho là được.
Lúc ấy, nhà Thi La Thế Chất giàu sang cho vay tiền lãi. Hôm ấy, có người lái buôn đến vay ông một số tiền khá lớn để đi buôn. Ngày giao tiền cả hai cùng đến trước quan bình sự để làm chứng. Khi đi Thi La Thế Chất dắt theo hai đứa con trai nhỏ, nói với anh rằng:
- Em chỉ có đứa con trai này, vậy sau này em có chết đi, thì món nợ người lái buôn mượn trả lại cho nó. Xin anh làm chứng cho.
- Em đừng lo, không sao đâu, sau này ông ta sẽ trả lại cho cháu, miễn sao ông đi được tốt đẹp và trở về an toàn là hay.
Sau thời gian chẳng bao lâu, Thi La Thế Chất qua đời, để lại tài sản cho vợ và con, còn người lái buôn kia không may, khi thuyền ra biển bị trận bão đánh đắm tàu tất cả, ông bám vào khúc gỗ và gió thổi tạt vào bờ.
Người con trai của Thi La Thế Chất hay được tin ấy lấy làm thương tình, nên khi gặp lại người lái buôn cũng chẳng đòi nợ.
Thời gian sau có người lái buôn khác, cho mượn vốn và dẫn ông ta đi để đền bù lại chuyến thất bại trước. Rất may, chuyến này gặp tốt đẹp hoàn toàn, vàng bạc, châu báu chở đầy tàu. Thế là ông ta phát tài lớn. Ông mời họ hàng anh em vui say, thanh toán món nợ của người lái buôn cho mượn vừa rồi, nhưng còn món nợ của Thi La Thế Chất thì không trả. Ông nghĩ: "Chuyến trước mình về chẳng thấy đứa con trai ông đòi hỏi gì, có lẽ khi mình với cha nó giao ước mượn tiền thì nó còn nhỏ quá nên không nhớ, hoặc là thấy mình buôn bán lỗ lã nên không đòi, vậy mình thử cậu bé có còn nhớ hay không".
Hôm đó ông mặc áo đẹp, cưỡi ngựa đi chợ, gặp cậu con trai Thi La Thế Chất, cậu trai hỏi:
- Người lái buôn, bây giờ ông đã phát tài lớn rồi, vậy hãy trả lại số tiền mượn khi trước của cha tôi đi.
Ông ta giả đò vớ vẩn rồi đáp:
- Nào tôi có mượn tiền của cha cậu hồi nào đâu, hay là ai, cậu nhầm ư?
Trở về nhà, ông ta liền lấy một viên ngọc đi ngay đến nhà quan bình sự, nhét viên ngọc vào tay vợ quan, thưa rằng:
- Thưa bà quan lớn, khi trước tôi có vay của ông Thi La Thế Chất một số tiền nên bây giờ con ông theo đòi, mà hiện giờ gia đình tôi túng thiếu nên

không trả nổi, vậy thằng con trai ấy đến kiện tụng, thì xin bà nói giúp dùm quan lớn để cho qua, tôi khỏi trả số nợ ấy.
- Ôi! Quan lớn nhà tôi trung trực lắm anh ơi! Tôi không dám đâu.
Nhưng ông ta theo năn nỉ mãi nên bà ta cũng động lòng, chấp nhận. Đến tối, vợ đem câu chuyện ấy thuật lại cho chồng nghe, chồng gạt phắt đi và nói:
- Bà chỉ làm việc rầy rà, bà có biết nó là cháu tôi, hơn nữa tôi là người thành thực liêm chính, nhà Vua tin dùng, giờ này bà biểu tôi làm điều càn dở hay sao, mai nó có đến, sai lính đuổi đầu nó ra.
Sáng ngày người lái buôn lại lóc ngóc đến, vợ quan lớn thấy liền nói rằng:
- Không được ông ơi, tôi nói rồi nhưng chồng tôi không nghe, còn la tôi nữa.
Thấy bất ổn người lái buôn lòi ra hai viên ngọc nữa và nói rằng:
- Xin bà lớn giúp dùm cho một phen nếu giả như rằng con trai kia có kiện tụng và số tiền bồi thường ấy bà cũng đâu có dùng được. Bà cầm tất cả đi, xin bà thương cho trăm sự nhờ bà.
Nghe êm tai, và lòng tham nổi dậy bà hứa sẽ giúp.
Tối đến quan lớn làm việc về, cơm nước xong xuôi, vào phòng khách ngồi nghỉ, bà lẽo đẽo theo sau và nói với chồng:
- Nầy mình, đó là việc nhỏ mọn mà, mình giúp tí thôi, có gì mà liêm chính quá.
- Không có lý như vậy, tôi là người thiên hạ tin dùng, nếu tôi làm điều gian dối, ăn hối lộ thì đời nay không ai tin tôi, rồi đời sau đọa vào địa ngục để trả nợ, biết chừng nào cho xong. Bà hãy dẹp đi, đừng nói nữa.
Đứng phắt dậy, ông bỏ vào phòng ngủ.
Lúc ấy đôi vợ chồng sinh được một mụn con trai chưa biết đi. Bà bèn lập mưu bế con vào phòng giận dỗi:
- Tôi với mình kết duyên với nhau hai thân như một, gặp việc dù đến chết cũng chẳng thể rời nhau và cũng chẳng lúc nào trái ý, huống nữa đây là một việc chẳng đáng kể, trọn quyền nắm trong tay mình, vậy mà tôi đã hết lời năn nỉ mà mình chẳng chiều tôi một chút, vậy mà tôi sống làm gì cho bận lòng mình, tôi giết con trước rồi sau tự sát cho xong đời tủi hổ này.
Quan bình sự nghe vợ nói quyết liệt như vậy, như nhát búa bổ vào đầu, nghẹn vổ họng, thầm nghĩ: "Ta chỉ có một mụn con, nếu chết rồi thì ai nối dòng gia thất, còn nếu chiều theo bà vợ oan nghiệt này thì trái pháp luật, làm điều xằng bậy, đời này bị phỉ nhổ, rồi đời sau chịu quả báo khổ muôn kiếp. Thật là một việc nan giải, từ chối cũng không được mà nhận lời cũng chẳng yên". Cuối cùng buộc lòng ông phải đáp:
- Thôi bà cứ yên tâm.
Thấy chồng chấp nhận bà vui mừng, sáng hôm sau gặp người lái buôn, bà hớn hở nói:
- Mọi việc đều xong, quan lớn nhận lời rồi, ông khỏi lo.

- Thật cám ơn bà muôn vạn, quý hóa quá, nhờ bà tận tình giúp đỡ.
Sáng hôm sau người lái buôn thức dậy, mặc áo quần bảnh bao, đeo vòng vàng ngà ngọc, cưỡi ngựa đi vào chợ, cậu bé con trai Thi La Thế Chất thấy mình ông đeo vòng vàng, ngà ngọc thầm tưởng chắc ông ta mang đến trả nợ cho mình, nhưng một đỗi chẳng thấy ông nói gì hết và có vẻ làm lơ, cậu bèn chạy lại hỏi:
- Nầy người lái buôn, tiền nợ của cha tôi khi trước ông nên trả cho tôi đi chớ!
- Ô kìa, cậu bé, ai vay nợ cha cậu hồi nào?
- Ông quên rồi hả? Có quan bình sự làm chứng mà!
- Tôi không biết, cậu có muốn cứ trình quan.
- Vậy ông theo tôi.
Hai người bèn đi đến trước quan bình sự.
Hai người bèn đi đến trước quan bình sự.
- Thưa bác, ông lái buôn nầy ngày trước có vay tiền của cha con để đi buôn và khi ấy bác làm chứng, lúc ấy cũng có con nữa. Vậy mà bây giờ con đòi, ông nói chẳng có vay mượn chi cả. Xin bác giải quyết dùm con.
- Nầy cháu, bác có nghe nói gì đâu? Hay là cháu nhầm ai rồi! Thôi cháu nghe lời bác, hãy bỏ qua đi, đừng rầy rà nữa.
- Không, chính bác đã quên chứ cháu không có nhầm đâu, hôm đó bác có đưa tay chỉ và nói với cha cháu rằng: "Được rồi không sao đâu, chú cứ yên lòng cho họ vay, miễn họ đi về được yên lành thì tốt". Vậy mà bây giờ bác bảo là không thấy, không nghe, không chỉ, không nói gì.
- Bác là người xử đoán công minh, luật pháp rõ ràng, lẽ nào bác lại ép cháu. Thôi cháu chớ có nhiều lời.
- Thưa bác, bác là người liêm chính, trung thực nhà Vua cử làm Quan bình sự, ai ai cũng tin dùng bác, còn tôi, tôi là cháu ruột của bác mà bác xử ngược lý như vậy thì người ngoài ra sao nữa, bác sẽ ép họ đến mức nào. Nhưng riêng cháu, cháu cũng chẳng biết điều phải lẽ trái như thế nào, thôi thì, đời sau sẽ rõ.
Thuyết giảng đến đây, Đức Thế Tôn nhắc lại:
- Nầy Trưởng Giả, Quan bình sự thuở trước nay chính là Man Từ Lê Tử, chịu phải quả báo không tai mắt mũi lưỡi, bởi do một lời nói dối và giả bộ làm ngơ lúc đó, nhưng cũng vì hay giàu lòng bố thí nên được phước thọ sanh nhà giàu sang, phú quý và làm chủ một gia tài đồ sộ như thế.
Sự báo ứng thiện ác rõ ràng, hãy cẩn thận miệng lưỡi chớ nói càn mà mang họa.
GIỚI ĐỨC
Kiếp nầy nợ trả chưa xong
Làm chi thêm đỡ nợ chồng kiếp sau

Tai hại của sân hận

Thuở xưa, tại thành Ba La Nại dưới quyền thống trị của Đức Vua Ki Ta Va Sa, Ngài là một minh quân, thương yêu dân chúng như con ruột của mình. Hiền nội của Ngài là một trang tuyệt sắc giai nhân, đủ tài cầm kỳ thi họa. Trong chuỗi ngày hạnh phúc trọn vẹn ấy, Hoàng Hậu thọ thai, thật là một tin lành khiến cho Hoàng gia và dân chúng vui mừng không sao tả xiết. Đức Vua Ki Ta Va Sa vốn đã thương yêu Hoàng Hậu, bây giờ lại quý mến hơn, và hằng gia tăng lễ bái cầu nguyện thường xuyên hơn, tự thân Ngài chăm sóc từng miếng ăn thức uống của nàng, cho đến màn nệm gối loan thật êm ấm, thật tinh khiết. Một đoàn ngự y được lệnh túc trực bên Hoàng hậu để theo dõi sức khỏe, từng biến chuyển của Hoàng Hậu và thai nhi.

Thời gian thấm thoát trôi qua, ngày khai hoa nở nhụy đã đến, Đức Vua Ki Ta Sa Va cùng Hoàng tộc hết sức đợi chờ, dân chúng Ba La Nại đều kéo về Hoàng Cung, hàng vạn dân chúng tụ tập quanh Hoàng thành để chờ đợi tin mừng, thời gian hình như lắng đọng. Khi tiếng loa tin Hoàng Hậu trổ sanh Hoàng Tử thì tiếng reo mừng của dân chúng vang trời dậy đất. Mọi người ôm nhau nhảy nhót hò hét như điên để biểu lộ niềm vui tột cùng ấy. Nhưng người sung sướng nhất hôm nay phải kể là Đức Vua Ki Ta Sa Va. Ngài truyền lệnh dân chúng kết hoa ăn mừng, một đại tiệc được tổ chức sau đó, Hoàng Tử mới ra đời được chọn một tên thật đẹp là Đút Tha Ku Ma Ra. Một vị tiên tri đại tài được mời đến, sau khi quan sát Thái Tử nhiều lượt, nét mặt nhà tiên tri bỗng thoáng vẻ âu sầu. Đức Vua liền phán hỏi:

- Khanh xem tướng Thái Tử như thế nào mà lộ vẻ lo âu như vậy?

- Vị tiên tri ngập ngừng:

- Tâu Hoàng Thượng… Tâu Hoàng Thượng…

Đức Vua nóng lòng hỏi:

- Hoàng Tử thế nào? Khanh cứ trình bày, ta sốt ruột lắm!

Vị tiên tri đáp:

- Muôn tâu Bệ hạ, hạ thần không muốn vì một lời nói của mình làm suy giảm cuộc vui hôm nay.

Đức Vua vội nói:

- Kể từ các vị Tiền Đế dựng nước đến nay, dòng dõi của ta là một chủng tộc anh hùng, chỉ biết chiến thắng không hề biết chiến bại, ta và chủng tộc bao giờ củng nhìn thẳng vào sự thật, Khanh cứ tâu trình đi, đừng ngại chi cả.

- Muôn tâu Hoàng Thượng, sau nầy Hoàng Tử sẽ lìa đời một cách khổ sở lắm.

- Khổ sở đến mức nào?

- Kính tâu, Hoàng Tử sẽ lìa trần bởi khát nước.

Đáp xong vị Tiên tri xin phép cáo từ, Đức Vua cho tùy tùng đưa vị Tiên Tri

đến nơi cư ngụ.
Vốn biết tài tiên đoán của vị Tiên Tri không bao giờ sai. Đức Vua cho triệu tập bá quan một phiên họp khẩn cấp, tại Kim Loan điện. Hôm ấy, bầu không khí thật u buồn và nghiêm trọng. Ai ai cũng hiểu rằng, Hoàng Tử bây giờ không phải riêng của Đức Vua và Hoàng tộc mà sinh mạng của Hoàng Tử bây giờ gắn liền với niềm hy vọng của toàn thể dân tộc này. Bá quan ai cũng thi nhau đưa những ý kiến hay nhất của mình. Cuối cùng một kế hoạch tỉ mỉ được thảo ra với niềm hy vọng lớn sẽ ngăn ngừa những điều tai hại xảy đến cho Hoàng Tử.
Một mặt Đức Vua truyền lệnh cho đào giếng trong và ngoài thành, trữ nước bằng lu để trong các chòi lá rải rác theo dọc đường. Một mặt Vua ra lệnh cho các nơi gia tăng nguyện cầu mong được nhiều sự an lành đến cho Thái Tử. Nhưng than ôi! Nghiệp chướng của Hoàng Tử Đút Tha Ku Ma Ra quá sâu dầy, cho nên bây giờ dù muốn chuyển nghiệp cũng rất khó, những nghiệp ác đó đã tạo phải trả không sai vậy.
Thời gian thấm thoát trôi qua, Hoàng Tử Đút Tha Ku Ma Ra lớn dần trong sự vui mừng của Đức Vua, Hoàng Hậu cùng Hoàng tộc, nhưng ai cũng lo lắng không hiểu đại họa chừng nào sẽ đến cho Hoàng Tử.
Càng lớn lên Đút Tha Ku Ma Ra cũng tỏ ra thông minh đĩnh ngộ, văn võ song toàn, nhưng trước sự nuông chiều của Đức Vua cùng Hoàng Hậu và sự kính trọng của mọi người, lòng kiêu hãnh cũng lớn dần theo thời gian. Bao giờ Đút Tha Ku Ma Ra cũng nghĩ rằng ngoại trừ phụ vương và mẫu hậu, ai ai cũng phải cúi đầu trước mặt chàng.
Cách kinh thành Ba La Nại không xa, một khu lâm viên tươi tốt, thú rừng rất nhiều. Dân chúng không được phép bén mảng đến đấy, khu lâm viên này chỉ dành cho Hoàng tộc, Hoàng Tử Đút Tha Ku Ma Ra rất thường đến đây tha hồ bắn giết không một chút nương tay. Trong xứ ấy dân chúng rất tôn trọng những nơi tu hành này. Các vị tu sĩ kể từ các triều đại trước, những ngôi tu viện luôn luôn được nhà Vua xây dựng và bảo hộ, những vị tu sĩ luôn luôn được tôn trọng, vì họ hiểu rằng có như thế các vị Thánh nhân mới đủ cơ duyên ra đời, bởi một nước nào nơi tôn thờ được giữ gìn có các vị Thánh nhân xuất hiện, xứ ấy sẽ hưởng thanh bình an lạc, mưa gió thuận hòa, thiên tai sẽ không đến, và triều đại sẽ rất bền vững.
Một hôm Hoàng Tử Đút Tha Ku Ma Ra cùng đoàn tùy tùng đến khu lâm viên săn bắn, Đút Tha Ku Ma Ra rất thích khu rừng này vì nơi đây có đủ muông thú để thỏa mãn lòng hiếu sát của chàng.
Ngược chiều với đoàn xa giá, một vị Phật Độc Giác lặng lẽ ôm bát vào thành khất thực, trước vẻ trang nghiêm và oai nghe tế hạnh của vị Bích Chi Phật, những tư tưởng an lành của ngài luôn luôn phát tiết, khiến mọi người khi nhìn Ngài cảm thấy hoan hỷ lạ thường. Không ai bảo ai, đoàn tùy tùng đồng

loạt chắp tay cung kính hướng về Đức Phật Độc Giác đảnh lễ.
Hoàng Tử Đút Tha Ku Ma Ra thấy thế, lòng sân hận nổi lên như thác lũ, nghĩ rằng bọn tùy tùng ấy chỉ được phép cúi đầu trước mặt mình mà thôi, bây giờ trong khi đi vời mình mà ngang nhiên cúi đầu trước lão tu sĩ này. Nhanh nhẹn rời lưng voi, tiến đến trước mặt Đức Phật Độc Giác giựt lấy bình bát trên tay Ngài quăng xuống đất rồi dẫm lên cho bể. Đoàn tùy tùng kinh ngạc lẫn hãi hùng trước hành động quá ngông cuồng của Thái Tử nên không ai kịp can gián điều gì.
Với lòng bi mẫn, nghĩ rằng hành động tội lỗi vĩ đại như thế sẽ gây nhiều thảm họa cho kiếp hiện tại và kiếp vị lai, nên Đức Phật Độc Giác nhìn Hoàng Tử với đôi mắt từ bi vô lượng.
Không một chút hối hận ăn năn, Thái Tử cất lên một chuỗi cười ngạo nghễ và khiêu khích:
- Nầy lão Sa môn kia, ông biết tôi là ai không?
Đức Phật Độc Giác vẫn yên lặng.
Hoàng Tử nói tiếp:
- Ta là Hoàng Tử Đút Tha Ku Ma Ra con của Ki Ta Va Sa đây.
Vị Độc Giác Phật vẫn lặng yên không nói gì, Đút Tha Ku Ma Ra thao thao bất tuyệt:
- Lão có giận ta không? Lão hãy mở mắt nhìn ta cho kỹ. Xem bộ dạng ông như thế mà dám làm gì ai.
Đức Phật Độc Giác vẫn thản nhiên yên lặng, Ngài đành chịu đói và vận thần thông bay về núi Nam Dra Mu Ha Ka.
Không còn hứng thú trong việc đi săn đó nữa, Hoàng Tử truyền lệnh cho đoàn tùy tùng trở lại hoàng cung. Đoàn tùy tùng nặng nề lui bước, ai ai cũng lo sợ vì nghiệp dữ quá nặng nề mà Hoàng Tử mới tạo.
Trên đường về, Hoàng Tử bỗng cảm thấy chói nắng lạ thường, sức nóng ngày càng tăng, cảm thấy khát nước. Hoàng Tử truyền lệnh cho đoàn tùy tùng tìm nước uống, nhưng do nghiệp lực quá nặng nề khiến hồ ao giếng đều khô cạn, đoàn tùy tùng tìm mãi không được một giọt nước nào, trong khi ấy Hoàng Tử đang lăn lộn la hét:
- Nước! Nước! Hãy cho ta uống nước. Ôi! Khát nước quá! Có lẽ ta chết mất!
Dù tận tâm tận lực, đoàn tùy tùng vẫn không tìm ra chút nước nào, thậm chí đến một giọt cũng không có.
Chịu khát không nổi, Đút Tha Ku Ma Ra quằn quại khổ sở, cuối cùng trút linh hồn.
Sau khi lìa trần, linh hồn Hoàng Tử bị đọa vào địa ngục A Tỳ chịu khổ không sao tả xiết.
GIỚI ĐỨC
Giận lên là phát cơn điên

Người khôn hóa dại, người hiền hóa ngu.

Tai hại của lòng tham

Thời Đức Phật còn tại thế, một hôm Ngài cùng A Nan đi du hóa tại một vùng quê, Đức Phật đang đi trên đường bỗng Ngài bước đi bên bờ cỏ. A Nan ngạc nhiên, tự nghĩ: "Đức Thế Tôn không bao giờ đi dậm trên cỏ non, vì lý do nào hôm nay Ngài không đi trên đường mà lại đi trên cỏ". Nghĩ thế A Nan bạch Phật:
- Bạch Thế Tôn, vì sao Thế Tôn không đi trên đường mà lại tránh đi trên cỏ?
- Này A Nan, phía trước có kẻ giặc, sau ta có ba Phạm Chí đang đi, họ sẽ gặp giặc đó.
Ba người Phạm Chí đang đi bỗng thấy bên đường có một gói vàng bèn dừng lại lấy bỏ túi.
Khi được của, ba anh mới bàn tính, rồi bảo một người đến chợ mua đồ về ăn uống no say, khao nhau một bữa.
Anh đi chợ vừa đi vừa nghĩ: "Gói vàng ấy nếu chia cho hai anh kia thì ta sẽ ít đi, chi bằng nhân lúc này ta cho thuốc độc vào đồ ăn để giết cả hai người kia thì số vàng đó do ta hưởng trọn". Nghĩ thế, anh liền thực hành ngay ý định.
Trong khi đó, hai người ở lại cũng cùng nhau bàn tính:
"Nếu chúng ta chia cho người kia thì số vàng sẽ bị ít đi, chi bằng đợi nó về rồi cả hai cùng ra giết quách là xong". Nghĩ vậy hai người cùng núp vào chỗ kín, chờ người kia đi chợ mua đồ ăn về, liền nhảy ra giết chết. Giết xong, hai người đem đồ ăn ra, ăn uống, no say thỏa mãn, nhưng khi ăn xong thuốc độc thấm vào người, liền lăn đùng ra đất chết hết.
Đức Phật bảo A Nan:
- Cả ba người vì lòng tham nên sanh ác tâm để rồi cùng giết hại lẫn nhau. Kẻ ngu si thật đáng thương.
GIỚI ĐỨC
Khi lòng tham đã xâm nhập con người thì họ quên mất đạo đức ở đời này và quả báo ở đời sau.

Trì giới thanh tịnh
Xưa tại núi Trung Nhạc có thầy Tỳ kheo Nguyên Khuê hằng ngày ngồi dưới gốc cây trong chốn rừng sâu u tịch để nhập định. Thầy đã giữ giới rất thanh tịnh trong tâm tư đã không, ngoài cảnh được tịnh nên mới chứng được Pháp Hoa Tam Muội. Công phu tu luyện của Thầy đã khiến Thầy nhận thấy tâm Thầy với Phật đã đối hiệp, thân với Đạo đã cảm thông.
Thần linh các cõi đều cảm phục công đức Thầy và rải hoa Mạn Đà La xuống

để dâng cúng.
Một buổi nọ, trăng thanh gió mát, Tỳ kheo Nguyên Khuê tụng niệm vừa xong, bỗng thấy có một người tướng mạo oai vệ đứng bên mình, Thầy vui vẻ cất tiếng hỏi:
- Nhân giả là ai vậy? Người đến với tôi đàm đạo chơi hay có điều chi cần thiết?
Khách đáp rằng:
- Tôi là Thần Nhạc Đế ở núi này, thấy Thầy trì giới thanh tịnh nên hết lòng cảm phục. Nay tôi đến cầu xin Thầy mở lòng từ bi truyền giới cho tôi được tu tập, vì giới Pháp của Đức Phật sẽ hóa độ tất cả chúng sanh vượt ra ngoài sông mê bể khổ.
Tu sĩ đáp:
- Nhân giả đã thành tâm cầu giới thì ắt được, hà tất còn xin ta truyền giới làm chi vì giới tự trong tâm mà ra chứ đâu phải tự ngoài tâm mà tới.
Nhạc Đế khẩn khoản thêm:
- Lời Thầy dạy đó hẳn là tâm lý giới. Tôi còn mê muội chưa thấu suốt được xin Thầy truyền giới cho tôi, tôi tập hành theo sự tướng để ngộ nhập lý tánh.
Tỳ kheo bèn lên điện thắp đèn đốt hương kính cẩn lễ Phật và ngồi lại nghiêm trang thuyết thần Nhạc Đế:
- Năm giới rất khó giữ gìn cho được thanh tịnh viên mãn. Khi kể các giới, nhân giả phải suy nghĩ cho kỹ, liệu giữ được giới nào thì thọ giới ấy, bằng không giữ được thì thôi chớ đừng nên nói giữ được mà sau lại hủy phạm. Như thế thọ giới đã chẳng được công quả gì mà còn thêm mắc tội "pháp giới".
Vị thần kính cẩn thưa lại:
- Tôi xin vâng theo lời dạy của Thầy.
Thầy Nguyên Khuê lại nói:
- Giới thứ nhất: Phật cấm sát sanh, không cho giết hại thần mạng các giống hữu tình dù nhỏ mọn như loài sâu kiến, liệu ngươi có giữ được chăng?
Nhạc Đế đáp:
- Tôi lãnh nhận nhiệm vụ sát hại kẻ hung ác để răn đời. Nếu bỏ việc ấy tôi sẽ không làm tròn bổn phận.
Giới sư nói:
- Không phải thế, ta muốn ngươi lưu ý đến những kẻ vô tình không cố tâm phạm tội mà trót lỡ lầm phạm phải thì hãy nên châm chước và những án nào mà ngươi còn nghi ngờ thì hãy xét lại tận tường rồi mới ra tay thi hành để tránh giết oan người vô tội.
Nhạc Đế nghe xong nhận xin thụ giới thứ nhất.
Giới sư lại tiếp:
- Giới thứ hai Phật cấm trộm cắp, không cho phép giữ lấy vật gì không thuộc

quyền sở hữu của mình, dù là vật mọn không đáng là bao như ngọn cỏ cành rau nếu người không cho, ta không được phép lấy. Nhân giả nghĩ thế nào?
Nhạc Đế nói:
- Tôi làm Thần linh, ngay thẳng lắm không hề trộm cắp của ai.
- Ý ta muốn bảo nhân giả đừng hưởng lễ của kẻ ác mà tha thứ nó, cũng chớ nên trách người lương thiện không hay cúng dường mà chẳng độ trì.
Nhạc Đế nhận giữ một lòng vô tư, làm tròn phận sự đúng như lời Giới sư chỉ bảo.
Giới sư lại tiếp:
- Giới thứ ba, Phật cấm phạm dâm, liệu ngươi có giữ được chăng?
Nhạc Đế ngẫm nghĩ rồi thưa:
- Tôi lỡ đã có vợ rồi, biết làm sao giải được.
- Được, điều đó không sao, nhân giả có vợ nhưng phải gìn giữ cho có tiết độ, ngoài ra không được gian dâm với vợ người hoặc con em người.
Nhạc Đế nhận mình chuyên trừng trị nghiêm khắc những kẻ tà dâm, sẽ không phạm giới ấy.
Đến đây, Giới sư lại tiếp:
- Thứ tư là Phật cấm nói vọng: Không nói dối trá, không nói hai lời, không nói bóng bẩy xa xôi, không nói lời gian ác, nhân giả giữ được hay không?
- Tôi chánh trực công minh không bao giờ nói vọng.
Giới sư nói:
- Như thế chưa đủ, ta muốn nhân giả trước khi nói điều gì phải suy nghĩ chín chắn, coi lời nói có đúng với chân lý hay không. Lời nói là vô cùng quan hệ nhất là đối với người quyền thế, có thể làm cho kẽ khác nên cửa nên nhà hoặc tán thân mất nghiệp.
- Tôi xin tuân lời Thầy.
Giới sư tiếp:
- Giới thứ năm Phật cấm uống rượu, nghĩa là các chất làm say người.
- Rượu là vật đứng đầu trong các lễ vật cúng tế của người thế gian, thiếu nó thì không ra lễ.
Giới sư ngắt lời:
- Như thế có thể châm chước cho nhân giả được dùng chút ít trong dịp đại lễ. Ngoài ra không nên nhận những buổi tiểu lễ và lai rai uống mãi vì uống nhiều mê say đến mất trí khôn, làm hỏng các công việc. Còn khi nào người ta cùng mà lỡ thiếu rượu thì đừng vịn câu "Vô tửu bất thành lễ" mà trách phạt hay không chứng cho người.
Nhạc Đế nguyện xin tuân theo giới tửu trong điều kiện ấy. Giới sư giảng giải thêm:
- Năm giới tôi vừa kể là năm giới gốc làm căn bản cho mọi giới, phàm hễ trì giới thì phải biết kinh quyền, biến thông chớ không thể câu nệ chấp nhất.

Nhạc Đế từ khi thọ giới hết sức vui mừng ra công gìn giữ. Có lần Nhạc Đế quá hào hứng thốt với Giới Sư rằng:
- Thưa Thầy, từ khi trì giới đến nay, Thần thông của tôi rất là diệu dụng, chỉ kém có Đức Phật mà thôi.
Tỳ kheo vội bảo:
- Nhân giả thọ giới thứ tư "Không vọng ngữ" mà đã vội quên. Trước khi nói lời gì phải suy nghĩ chín chắn xem có đúng hay không rồi sẽ nói, thế mà ngươi cao hứng quá nói ra như thế nên phạm tội nói dối. Vì người tuy làm thần, có phép biến hóa nhưng còn năm việc chưa làm nổi.
Thứ nhất là ngươi không thể trái lệnh bề trên cai trị ngươi.
Thứ hai ngươi không thể đi bảy bước từ phương Đông sang phương Tây, hay từ phương Bắc xuống phương Nam.
Thứ ba là ngươi chưa đủ sức cai quản tất cả chư vị bách linh và thống lãnh hết quyền chánh trong Tòa Ngũ Nhạc.
Thứ tư ngươi không thể chuyển đi được bốn biển.
Thứ năm ngươi không thể trốn khỏi luật vô thường.
Chính Đức Phật là bậc vô thượng Chí Tôn của Tam giới còn nhận rằng Ngài có ba điều chưa làm được thay.
- Thứ nhất Ngài không thể diệt ngay được định nghiệp.
- Thứ hai tuy Ngài biết rõ được tất cả nghiệp tánh của chúng sanh với nhân quả muôn kiếp ngàn đời của họ, nhưng Ngài không thể cứu độ được những chúng sanh vô duyên với Phật.
- Thứ ba là tuy Ngài hóa độ được vô lượng, vô biên, vô số chúng sanh nhưng Ngài cũng không độ được hết thế giới chúng sanh.
Vậy khuyên ngươi nên ngẫm điều đó mà từ đây cố gình giữ lời ăn tiếng nói kẻo mắc lấy khẩu nghiệp.
Thần Nhạc Đế cúi lễ Giới Sư nguyện sám hối và thưa rằng:
- Tôi nhờ Thầy chỉ dạy lý huyền của Đạo vô thường như kẻ đi đêm được nhờ ánh sang soi đường. Thật là một điều duyên phúc lớn vậy. Từ nay tôi xin tình nguyện hiến dâng này để Thấy sai khiến gọi là đền đáp ân nghĩa.
Thầy Nguyên Khuê vội chối từ:
- Bấy lâu nay trong tâm ta đã rỗng không mà ngoài cảnh ta vẫn tịch, ta còn mong mỏi gì hơn mà nói đến ân nghĩa.
Nhạc Đến thưa:
- Đức Phật còn hoan hỷ cho Chư Thiên Bát Bộ hộ pháp Ngài, nay mặc dù Thầy không lưu tâm đến chuyện đền ân trả nghĩa nên lòng tôi phát nguyện muốn để lại chút kỉ niệm với Thầy trong cảnh Già lam.
Giới Sư mỉm cười và sau đó Thần Nhạc Đế dùng phép thần thông biến nơi am cỏ của Tỳ kheo thành một nơi đầy hoa lá tốt tươi, hương thơm bóng mát, phong cảnh thật là thanh khiết u tịnh để đền ơn vị giới sư đã giác ngộ

mình…
Trích NIÊN LỊCH P.G
Giới luật còn đạo pháp còn.

Phật xử kiện

Có một người đàn bà bồng một đứa bé đến hồ sen của Đức Mahasadha để rửa tay cho nó. Sau khi rửa rái cho con và để con ngồi trên đống áo quần khô, người đàn bà ấy xuống hồ tắm rửa.
Lúc bấy giờ, một con quỷ Dạ Xoa cái trông thấy và thèm ăn thịt đứa bé. Nó liền biến thành một người đàn bà và đến nói với mẹ đứa bé rằng:
- Chị ơi, thằng nhỏ dễ thương quá! Phải con chị không?
- Vâng con tôi đấy.
- Tôi cho nó bú nhé?
- Được, chị cứ cho.
Lúc ấy con quỷ ẵm đứa bé lên, nâng niu rồi bồng đi mất.
Trông thấy con mình bị người lạ mặt bồng đi, mẹ đứa bé đuổi theo và la lên:
- Chị, chị đem con tôi đi đâu đấy?
- Sao, con chị à? Đây là con của tôi.
Hai người đàn bà tranh chấp nhau về đứa bé.
Từ trong nhà nghe tiếng cãi cọ ồn ào, Đức Mahosadha gọi họ và hỏi:
- Có chuyện gì xảy ra đấy?
Sau khi biết được lý do của cuộc tranh chấp và nhận ra con quỷ Dạ Xoa cái qua đôi mắt đỏ ngầu và thân hình không in bóng của nó, Đức Mahosadha hỏi thêm:
- Các ngươi có muốn ta phân xử việc này không?
- Xin Ngài phân xử cho.
Đức Mahosadha gạch một đường thẳng trên mặt đất, đặt đứa bé nằm cân phân trên đường thẳng ấy và bảo con quỷ cầm hai tay đứa bé, mẹ nó cầm hai chân đoạn Ngài hô lên:
- Hai người kéo đi. Đứa bé sẽ thuộc về người kéo được nó.
Hai người đàn bà nong sức kéo, đứa bé đau quá ré lên khóc.
Mẹ đứa bé, vì quá thương con, không kéo được nữa và đứng khóc.
Đức Mahosadha hỏi mọi người chung quanh:
- Trong hai người, mẹ ruột và người dưng, ai là kẻ thương yêu đứa bé?
- Kính thưa Ngài, mẹ ruột.
- Và ai là người mẹ của đứa bé? Người giữ đứa bé hay là người thả đứa bé?
- Kính Bạch Ngài, người thả đứa bé.
- Các ngươi có biết người ăn cắp đứa bé nầy không?
- Kính Ngài, chúng con không biết được.
- Đấy chính là một con quỷ Dạ Xoa cái, nó đã ăn cắp và định ăn thịt đứa bé.

- Kính Bạch Ngài, tại sao Ngài biết?
- Bởi vì đôi mắt của nó đỏ ngầu, thân hình của nó không có bóng, nó không có một chút tình thương đối với đứa bé và kéo đứa bé một cách tàn nhẫn.
Bấy giờ Đức Mahosadha mới hỏi con quỷ Dạ xoa cái:
- Mầy là ai?
- Tôi là quỷ Dạ Xoa.
- Tại sao mầy ăn cắp đứa bé?
- Để ăn thịt nó.
- Vì mê muội, kiếp trước mầy đã phạm nhiều tội ác và phải đầu thai làm quỷ. Thế mà ngày nay mầy vẫn tiếp tục phạm tội ác. Ngu si lầm lạc như thế thật là quá đỗi.
Sau khi ban dạy những lời vàng ngọc trên, Đức Mahosadha quy y cho con quỷ Dạ Xoa trước khi nó từ giã.
Mẹ của đứa bé hướng về Đức Mahosadha và bạch rằng:
- Kính Bạch Ngài, con xin kính chúc Ngài được trường thọ.
Rồi với đứa con trong tay và niềm hoan hỷ trong lòng, người đàn bà bái biệt Đức Mahosadha…
THIỆN CHÂU
Không bố thí tiền của, không bố thí pháp, không bố thí vô úy, thường ôm lòng tham lam ganh ghét, do nhân duyên ấy sẽ sanh vào cõi ngạ quỷ.

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập II - 11

Phận đẹp duyên may
Ngày xưa, tại một địa phương nọ bên nước Ấn Độ có một ngọn núi tên gọi Ẩm Sơn. Trên núi cây cối um tùm, cỏ hoa tươi tốt, quanh năm ít có người qua lại, thực là một cảnh thích nghi cho những ai muốn lên đây tu hành.
Về sau, ngọn núi tĩnh mịch này được nhiều vị tu hành để ý mỗi ngày một nhiều, nên dần dà thành ra chốn đạo tràng của các vị thánh Tăng, được hàng vạn người kính mộ và lên núi cầu phúc, cúng dường, thiết trai luôn luôn không ngớt.
Một hôm có một vị Trưởng giả đem người nhà lên núi chuẩn bị một bữa cơm chay rất tinh khiết để cúng dường chúng Tăng. Mọi người lũ lượt lên núi, dự buổi tập phước này, trong số đó có một cô gái nghèo, tuổi 17, 18 nghĩ rằng: "Hôm nay nhà Phú ông cúng dường Chư Tăng trên núi, nếu ta lên theo chắc thế nào cũng được một bữa no nê, nhất là đã mấy hôm nay, ta

chưa hề được bữa ăn nào gọi là lưng lững dạ". Nghĩ xong, với một vẻ mặt hớn hở, người con gái đó rảo bước chân đi.
Khi cô gái nghèo ấy lên đỉnh núi thấy cỗ chay của Trưởng giả bày ra đủ thứ mỹ vị thơm tho tinh khiết thì trong bụng nghĩ : "Kiếp trước vị Trưởng giả nầy chắc là dầy công tu thân tích phước, nên ngày nay mới thành người giàu có, đó là quả báo đền bù. Đến ngày nay Phú ông lại có Thiện tâm thiết trai cúng dường Chư Tăng, sửa tạo những công đức lớn, chắc rằng phước quả kiếp sau còn nhiều, có lẽ còn nhiều hơn cả đời hiện tại nầy nữa.
Ngẫm lại thân ta – cô gái nghèo nghĩ tiếp - thực là đáng thương! Chỉ vì kiếp trước không biết tu tạo phước quả, cho nên bây giờ mới chịu cảnh cùng khốn như thế này. Nếu giờ đây ta không lo tu phước thì kiếp sau chắc còn nghèo khó gấp mấy! Vậy, hiện tại trong lưng còn hai đồng tiền đồng mà ta đã dành dụm được, sao ta chẳng đem ra cúng dâng các vị Hòa Thượng có được không? Mặc dù hai đồng tiền này cũng có thể mua được hai chiếc bánh ăn tạm cho đỡ đói lòng, xét ra: Nếu ta đem cúng dâng các vị tu hành xuất gia thì ta không đến nỗi chết kia mà".
Nghĩ rồi, cô gái nghèo lẳng lặng đợi các vị Tăng Ni dùng trai xong, liền móc trong bị ra hai đồng tiền đồng cung kính dâng lên Hòa Thượng.
Theo qui tắc đã định trên núi Nà, nếu có ai bố thí cúng dường thì chỉ có vị sư tri khách đứng lên thay mặt cho Chư Tăng hướng thí chủ mà chúc phước. Nhưng lần này cô gái nghèo lại được chính vị Hòa Thượng trụ trì thân hành ra trước mặt cô gái mà chúc phước rằng: "Tất cả bảo vật trên trái đất đều ở cả trong người đồng nữ này đã đem bố thí cho kẻ xuất gia, vật bố thí đây nguyên là việc tu phước. Vậy bần Tăng chúc cho thí chủ vĩnh viễn lìa khỏi nghèo khổ".
Cô gái nghèo nghe xong, trong lòng không thể kể xiết nỗi niềm hân hoan. Rồi đại chúng ai ai cũng cấp thức ăn cho cô, thật là một sự vui về đạo pháp không còn gì sánh kịp.
Sau khi cô gái đã no nê liền đủng đỉnh ra khỏi cửa chùa tới dưới một gốc cây cổ thụ nằm nghỉ và chợp mắt đi lúc nào không biết. Lúc đó vầng Thái dương đã xế chiều, thế mà bóng cây vẫn y nguyên không thay đổi. Nhìn lên xem thấy trên đỉnh cây cao bỗng có đám mây năm sắc như chiếc tàn che cho cô gái. Đó là một chuyện hiếm thấy từ trước đến nay.
Giữa lúc ấy, Đức Quốc Vương nước đó vừa vặn đi qua, nhân vì Hoàng Hậu mới từ trần, nên trong lòng ngài u uất buồn rầu mới ruổi xe đi du sơn ngoạn thủy để cho tiêu sầu giải muộn, bỗng nhiên gặp thiếu nữ nghèo nằm ngủ dưới gốc cây mà trên đỉnh ngọn cây có đám mây ngũ sắc che cho như chiếc tàn vàng thì Quốc Vương lấy làm kinh ngạc, khác nào được thiên nữ hiện xuống dưới trần. Nhà vua tự tán thán: "Thiếu nữ nầy ở đâu mà dám nghỉ nơi đây? Sắc đẹp của nàng chẳng kém gì hằng nga! Với cái thân hình yểu điệu,

với vẻ mặt xinh tươi, nàng đã khiến cho nhiều người để ý". Nói rồi, sai cung nữ ẵm nàng lên xe.
Cô gái trong cơn mộng chợt tỉnh, mở choàng mắt ra, thấy mấy người khiêng mình bỏ lên xe thì kinh hãi kêu lên:
- Ôi! Các người là ai? Định mang tôi đi đâu?
- Xin cô đừng sợ, chúng tôi không phải là quân gian phi đâu, chúng tôi vâng mệnh Quốc Vương đón cô về cung đây!
Cô gái nghèo sau khi đã được đặt nơi sau xe Quốc Vương ngồi rồi, Quốc Vương liền dịu dàng hỏi:
- Năm nay cô nương bao nhiêu tuổi?
- 18 tuổi.
- Cô nương đẹp quá, rất đáng yêu, trẫm muốn đem cô nương về cung lập làm đệ nhất phu nhân. Vậy cô nương có bằng lòng không?
Cô gái nghèo liếc nhìn vị Quốc Vương thấy Ngài xin đẹp trẻ trung thì nở một nụ cười. Nhưng trong lòng vẫn nghi hoặc không tin, cô nghĩ: "Có lẽ nào ta lại được mạng vận quá tốt, đến nỗi đương từ một đứa con gái nghèo đi ăn xin mà bỗng trở nên một vị phu nhân số một". Cô càng nghĩ càng ngây người ra, không nói được câu gì.
- Thế nào cô nương không vui lòng hay sao mà làm thinh không trả lời?
- Tâu Đại Vương! Tôi hoài nghi rằng... Tôi đương ở cõi thực hay là cõi mộng đây?
- Không phải mộng mị gì đâu. Đây là cõi thực đấy! Đoàn xe Quốc Vương đã về tới cung. Ngài liền tuyên bố với toàn quốc lập cô làm đệ nhất phu nhân.
Sau khi đã trở thành người đàn bà cao sang nhất nước, nào ăn ngon, nào mặc đẹp lại được mọi người kính nể nhưng trong lòng cô vẫn không đoạn tuyệt với ý nghĩ: "Sỡ dĩ ta có hạnh phúc ngày nay chỉ vì đã có nhân duyên bố thí hai đồng tiền! Vậy thì vị sư phụ chúc phước cho ta hôm trước đã là một vị ân nhân tuyệt đối cao quý của ta".
Nghĩ rồi, liền bẩm với Quốc Vương:
- Tâu Đại Vương, tiện thiếp vốn là cô gái hèn mọn, ngày nay được đội ơn Đại Vương yêu mến, lập làm đệ nhất phu nhân, lẽ tất nhiên phải cảm tạ hồng ân của Vua. Nhưng nghĩ đến cái ân của vị xuất gia mà tiện thiếp đã bố thí hai đồng tiền đồng, tiện thiếp muốn được đem chút gì lại chùa bố thí cúng dường để tỏ lòng báo ân. Vậy chẳng hay ý Đại Vương thế nào?
- Tốt lắm, tùy khanh định liệu, khanh muốn như thế nào trẫm cũng vui lòng cho phép.
Rồi đó, Quốc Vương và Hoàng Hậu sắm sửa thật nhiều cỗ chay long trọng và tinh khiết, chất đầy hàng mấy chục xe đem lại núi Ấm Sơn bố thí.
Sau khi các vị Tăng chứng thọ trai rồi đến lúc ra chúc phúc cho thí chủ, thì

không thấy vị Hòa Thượng trụ trì thân ra trúc phúc như lần trước mà chỉ là vị sư tri khách thay mặt người chúc phúc thí chủ mà thôi. Việc này khiến cho cả Quốc Vương lẫn Hoàng Hậu đều lấy làm kỳ quái mà nói rằng:
- Ngày trước, tôi đem bố thí hai đồng tiền đồng được vị sư phụ trụ trì ra chúc phước. Ngày nay, tôi bố thí biết bao nhiêu là phẩm vật trân quí, thế mà không thấy sư phụ ra chúc phước là tại làm sao?
Đại chúng đều nhận xét như thế là ai ai cũng thắc mắc như nhau.
Vị sư phụ trụ trì thấy mọi người cùng xôn xao, liền vân tập quần chúng lại mở lời khai thị rằng: "Ngày trước, tuy Hoàng Hậu bố thí chỉ có hai đồng tiền đồng là vật nhỏ mọn, nhưng là cả một tấm tâm thành phát ra, đấy là điều chí cao và khả quí. Ngày nay Quốc Vương và Hoàng Hậu tuy bố thí rất nhiều, nhưng trong lòng có hàm chứa nhiều "ngã mạn" không giống như lần trước. Nên biết rằng Phật pháp không trọng "vật chất" mà trọng ở điều "phát tâm" sỡ dĩ vì đó mà lần này ta không thân ra chúc phúc. Vậy mọi người nên hiểu rõ Phật pháp độ kẻ nghèo cùng bố thí là như thế nào!".
Quốc Vương và Hoàng Hậu nghe lời Hoà Thượng giảng giải thì trong lòng vừa thẹn vừa vui mừng. Bây giờ mới hiểu rõ nghĩa thực và giá trị của hai chữ bố thí.
PHẠM NGỌC KHUÊ
Nếu người được tiền của, tham tiếc không bố thí, nên biết rằng người ấy đang tạo hột giống bần cùng đời sau vậy.

Câu chuyện Phật nhận con

Khi Phật trở về nước Xá Vệ, vào trong Vương cung thì bà Cung phi Da Du Đà La đến nép xuống mà lạy chào. Vua cha Tịnh Phạn bèn thuật lại cho Ngày rõ rằng: "Từ khi Thái tử bỏ cha, lìa vợ, dứt con mà đi tìm đạo, thì nàng ở trong cung rất niềm hiếu thuận, nết hạnh và giữ nghĩa cùng chồng, việc nhà trọn vẹn. Khi nghe tin Thái Tử tu khổ hạnh thì nàng ở trong cung cũng làm như vậy, bỏ những việc hầu hạ và sự cung phụng, lìa bỏ giường ngả, chiếu ngọc, lại cũng không trang điểm như trước nữa".
Khi đó bà Da Du Đà La bèn dắt con là La Hầu La ra cho cha thấy mặt. Lúc ấy trong hàng quyến thuộc của Phật thấy vậy, thì ai cũng nghĩ rằng: "Ngài đã bỏ cha mẹ vợ con, bỏ nước đi tu lâu rồi, mà bà cung phi của Ngài làm sao lại có thai sinh ra người con như vậy?" (Bà có thai 6 năm mới sinh La Hầu La).
Phật hiểu ý những người quen thuộc nghĩ như vậy bèn nói rằng:
- Nàng Da Du Đà La vốn thiệt là người chân chính, thanh tịnh chẳng có nhiễm một chút chi mà phải ngại, làm cho tội nghiệp thân nàng, nếu chẳng tin, thì ta làm phép mới rõ chân giả.

Phật nói rồi, liền dùng phép thần thông làm cho mấy vị Tỳ Kheo theo hầu, ai nấy cũng đều biến thân hình ra như Phật, không khác chút nào cả. Bà Da Du Đà La bèn lấy chiếc nhẫn ấn tín đương đeo nơi thân mình mà trao cho con là La Hầu La và bảo rằng:
- Con nhìn người nào là cha của con, thì con đem chiếc nhẫn này trao cho người ấy.
La Hầu La liền lấy chiếc nhẫn trao đúng cho Phật. Rồi Phật dùng thần thông làm cho các vị Tỳ Kheo kia hiện lại nguyên hình. Vua cha và những người trong hàng quyến thuộc thấy vậy rất vui mừng và khen rằng:
- La Hầu La thiệt là con của Phật.
Phật ở lại Vương cung ít lâu thì Vua và bá quan nghe pháp đều phát tâm tu hành, còn tất cả trong hàng cung phi mỹ nữ cũng đều thọ Pháp Tam qui, Ngũ giới, chăm tu phạm hạnh, càng ngày càng tấn tới, cho nên cảm được khí hậu điều hòa, mưa hòa gió thuận, lúa đậu được mùa, nhân dân no ấm, và các nước lân bang đều kính phục.
TÂM MINH
Trời tối, nhân gian mờ mịt quá!
Giờ này Thái Tử định đi đâu?
Chính đời mờ mịt nên ta phải,
Đi để tìm ra ánh nhiệm mầu!
Ngày mai, bao kẻ trong tan khóc,
Ly biệt, thưa Ngài, nỗi khổ đau!
Ta sẽ trở về khi thấy đạo,
Giải thoát nhân gian vạn thảm sầu!

Một chồng hai vợ

Thuở quá khứ, có chàng thanh niên rất mực hiếu thảo, mặc dù là con trong một gia đình và đã đúng tuổi trưởng thành, nhưng y vẫn không chịu lập gia đình, nhứt định sống độc thân để phụng dưỡng mẹ già, vì người cha đã mất sớm.
Thấy con lo trong lo ngoài vất vả, người mẹ khuyên chàng cưới vợ. Nhưng chàng cương quyết từ chối. Vì quá thương con người mẹ tự động hỏi vợ cho con. Cực chẳng đã, chàng đành phải làm vừa lòng mẹ.
Đứa con dâu rất nết hạnh, lại thêm quán xuyến công việc gia đình và tỏ ra đảm đang cả việc nặng nhọc, nhưng rủi cho nàng không thể sanh con.
Đã buồn cho số kiếp bất hạnh của mình, nàng lại càng khổ sở hơn, khi thấy chồng thường tỏ ra nghĩ ngợi xa xôi, nét mặt đăm chiêu tư lự.
Đọc rõ tâm trạng chồng, nàng tự động cưới vợ lẽ cho chồng. Người vợ sau này chẳng bao lâu đã thọ thai. Bấy giờ người vợ lớn cảm thấy như mình bị

bỏ rơi vì trông người chồng ra tuồng nưng nui vợ lẽ rất mực. Lòng ganh tỵ của người đàn bà đùng đùng nổi lên như trời giông biển động. Không tự chủ và kềm hãm được lòng ghen tức, người vợ lớn tự nghĩ, nếu không sớm chận đứng thì hậu quả cô đơn sẽ đến với đời mình trong một sớm một chiều. Thế là, một trương trình hiểm độc mọc lên trong óc nàng và nàng nhất định ra tay thực hiện dù phải trả với bất cứ giá nào.
Để cho vợ lẽ tin lòng, người vợ lớn tỏ ra săn sóc và dùng nhiều thì giờ trong việc giúp đỡ người vợ lẽ từ việc nhỏ đến lớn. Thỉnh thoảng nàng hỏi thăm sức khoẻ và ngày sinh nở của người vợ lẽ.
Tưởng vợ lớn thật lòng, người vợ nhỏ không dấu diếm chi cả. Được cơ hội người vợ lớn làm thuốc phá thai bỏ vào thức ăn. Thế là người vợ lẽ bị sảy thai. Tuy thế, người vợ lẽ vẫn còn tin tưởng người vợ lớn như thường.
Đến lần thứ hai, người vợ lớn cũng dùng thủ đoạn phá thai người vợ lẽ như trước.
Hai lần bị hư thai, người vợ lẽ đã học được một bài học giá trị. Bắt đầu từ đấy, nàng biết ra sức đề phòng kín đáo.
Khi thấy cái thai của người vợ nhỏ ngày càng to, người vợ lớn mới tìm cách phá thai, nhưng vì cái thai đã già tháng, nên người vợ nhỏ phải chết cả mẹ lẫn con.
Trước khi nhắm mắt, nỗi đau khổ và căm thù đã dâng tràn lên khoé mắt. Cắn răng, rớt nước mắt người vợ nhỏ quyết trí rửa thù trong những kiếp lai sinh.
Người nào gây gió người đó phải gặp bão. Sau khi người vợ nhỏ chết đi, người chồng điều tra biết rõ sự thật, bèn đánh đập hành hạ người vợ lớn, không bao lâu người nầy cũng chết.
Luật luân hồi vay trả, trả vay. Sau khi chết người vợ nhỏ sanh làm con mèo cái, còn người vợ lớn sanh làm con gà mái ở chung một nhà. Mỗi lần gà mái có con là mỗi lần mèo ta bắt ăn thịt và lần sau cùng giết luôn cả gà mẹ.
Kiếp thứ ba, sau khi chết, gà sanh làm con beo cái, còn mèo thì sinh làm nai cái. Mỗi khi nai sinh con thì beo ta tìm đến ăn thịt nai con, và cuối cùng giết luôn cả nai mẹ.
Kiếp thứ tư, sau khi chết nai cái sanh làm hung thần, còn beo sanh làm con gái của một gia đình giàu có.
Đến tuổi trưởng thành cô gái về nhà chồng. Cứ mỗi lần cô nầy sinh nở là hung thần hóa làm người bạn đến thăm chơi để rồi thừa cơ chụp lấy hài nhi ăn thịt, lần thứ hai, tấn tuồng quái gở của hung thần và cảnh nát lòng của người mẹ cũng diễn ra như trước.
Người đàn bà đau khổ ấy đã gần như mất trí, khi biết mình thọ thai lần thứ ba. Gần ngày sinh nở người chồng đề nghị đưa vợ về sinh nở bên quê ngoại.
Nói về hung thần vì đến phiên hầu nước cho Đức Vessa Vanna là vị chúa tể cai quản tất cả hung thần.

Sau khi hết phiên, hung thần lập tức đến nhà tìm người thù truyền kiếp của nó. Khi biết người thù của mình đã về quê ngoại, nó liền bay vọt lên mây nương mình theo gió để tìm cho bằng được người thù không đội trời chung.
Nhắc lại người đàn bà nạn nhân của hung thần, sau khi cùng chồng về quê sinh nở và dưỡng sức một thời gian, bèn đem nhau lên đường trở lại quê chồng. Vợ chồng đi bộ gần đến Kỳ Viên Tịnh Xá, thấy có ao nước trong mát, bèn rủ nhau tắm rửa và nghỉ mệt. Người vợ tắm trước lên ẵm con cho chồng tắm. Trong khi đang cho con bú, nàng bỗng nghe tiếng gió từ xa đưa đến như cuồng phong bão tố. Nhìn lên trời nàng thất kinh hồn vía, vì vừa nhận ra hung thần. Không kịp chờ chồng tắm xong nàng la thất thanh: "Nó đến kìa! Nó đến kìa!". Rồi cắm đầu ôm con chạy thẳng vào Kỳ Viên Tịnh Xá, đem con để nằm dưới chân Đức Phật và yêu cầu Ngài cứu mạng con mình.
Ngay lúc ấy, hung thần cũng vừa đến cửa Tịnh xá, nhưng Chư Thiên gác cửa không cho vào. Đức Phật dạy Ngài A Nan Đà ra gọi hung thần vào. Nhờ oai lực của Đức Phật nên hung thần tỏ ra hiền lành dễ dạy.
Trước sự gặp mặt của hai nạn nhân, Đức Phật từ tốn khuyên bảo: "Này hai người, tại sao hai người làm khổ nhau như thế. Nếu hai người không may mắn gặp được Như Lai thì mối thù truyền kiếp này đến bao giờ mới chấm dứt được và hai người sẽ như quạ với chim mèo, như rắn với chồn, cứ gặp nhau là tìm cách giết hại nhau, để rồi oán thù chồng chất thêm mãi".
Tiếp theo Đức Phật kể lại mối thù truyền kiếp giữa hai người, đồng thời nói bài kệ:
"Trên thế gian này,
bất cứ thời đại nào
nếu lấy oán báo oán
thì oán chập chồng
lấy ân báo oán
thì oán tiêu mất
đó là chân lý của bậc hiền xưa."
Nhờ nghe bài kệ và lời khuyên của Đức Phật mà mối thù truyền kiếp giữa hai người từ đây chấm dứt, oan khiên không còn vay trả…
H.G.
Luân hồi nhân quả không sai,
Không tu ắt phải đọa đày khổ thân

Lắt thịt để cứu bồ câu khỏi chết

Thuở đời quá khứ, tại Diêm Phù Đề này có một vị Quốc Vương tên Tát Bá Đạt, thống lãnh trọn một quốc độ lớn mà cai trị, tiếng nhân hiền đồn dậy bốn

phương chỗ bố thí khắp trùm trăm họ. Đến đỗi tất cả mọi người ai muốn thọ dụng món chi, cứ đi ngay vào đền mà trình bày, thì thảy đều tùy tiện theo chỗ khuyết điểm của cá nhân mà chu cấp, chứ Vua không lẫn tiếc chút nào, bởi vậy lúc bấy giờ những người cô bần đều nhờ dư phước mà đặng phần tự tại.
Khi ấy, thiên thần quan sát thấy vậy bèn vào tâu với Đế Thích rằng: "Tại cõi Diêm Phù Đề có vị Quốc Vương tên là Tát Bá Đạt, ngôi cao phước lớn, đức hạnh hoàn toàn, ơn nhuần rộng khắp. Tôi sợ vị Quốc Vương ấy nhờ công đức đó, đến khi mạng chung chắc sanh về cõi trời mà làm chức lớn".
Đế Thích nghe tâu, thì có ý sợ ngày sau mất ngôi, nên kiếm cớ thử lòng Vua Tát Bá Đạt.
Đoạn rồi Ngài mới bảo Biên Vương rằng:
- Nay tại cõi Diêm Phù Đề, có một vị Quốc Vương tên là Tát Bá Đạt, chỗ phổ tế đượm nhuận lê thứ và lòng ví hoài vời vợi vô cùng, ta sợ nhờ phước quả to tát đó mà đoạt ngôi Thiên Vị của ta. Vậy nhà ngươi biến hóa làm một con bồ câu, bay xán xả đến bên mình Vua, rồi giả đò bị nạn mà yêu cầu khẩn thiết xin cứu mạng. Nếu Vua có lòngtừ bi thì thế nào cũng che chở cho nhà ngươi. Còn phần ta thì hóa làm con ó bay theo sau, cứ nằng nặc quyết một lòng đòi Vua trả bồ câu lại mà ăn thịt. Thoảng như ý Vua là bậc chân chánh, chịu lắt thịt của mình cân cho bằng thịt con bồ câu mà đổi, thì ta mới bằng lòng. Khi cân thịt đó thì ngươi dùng thần biến làm con bồ câu nặng trĩu, dẫu có lắt hết thịt người thì cũng không đủ. Hễ thịt hết thì phải đau nhức, phải hối hận, nếu y có hối hận, thì chỗ chí hướng không thành tựu. Chừng đó ta sẽ an hưởng nơi cõi trời này đời đời, không ai tranh dành nữa.
Đế Thích bàn tính kế hoạch xong, bèn hóa ra một con ó, còn Biên Vương thì hóa con bồ câu mà bay đi.
Đây nói về Vua Bá Đạt đang đứng nơi chốn hoa viên với người tôi thị thần mà hóng mát, bỗng đâu con bồ câu bay xán xả rớt ngay bên chân, rồi ra bộ sợ sệt mà nói hớt hải rằng:
- Đại Vương ơi! Xin thương đến mạng tôi đương lúc nguy biến này, vì con ó rượt bắt tôi mà ăn thịt. Xin Ngài mở lượng từ bi ra tay tế độ, ơn ấy nguyện ngậm vành về sau mà đền đáp.
Vua Tát Bá Đạt thấy tình cảnh của loài phi điểu như vậy thì động mối từ tâm liền nói rằng:
- Không sao đâu! Không sao đâu! Có ta cứu ngươi được bảo toàn tính mạng.
Vua nói vừa dứt lời, kế con ó bay đến mà kêu nài rằng:
- Xin Đại Vương thả con bồ câu ra, vì nó là miếng mồi của tôi ăn thịt.
Vua Tát Bá Đạt nghe con ó năn nỉ hoài thì trả lời lại rằng:
- Số là con bồ câu đến đây yêu cầu ta cứu mạng mà ta đã hứa rồi, nên phải thủ tín, như nhà ngươi có nói vậy, thì ta đem thịt khác mà thường lại hơn gấp

bội nữa.
Con ó liền đáp lại rằng:
- Tôi chỉ muốn ăn thịt con bồ câu đó mà thôi, chớ không chịu dùng thịt nào khác đâu! Đại Vương là bậc sang cả, nỡ nào đoạt món ăn của tôi cho đành.
Vua Tát Bá Đạt nghe con ó nói một cách khẳng khái như vậy, thì lật đật an ủi:
- Bởi vì ta đã hứa cứu mạng con bồ câu, thì ta phải nhớ lời. Vậy bây giờ ngươi muốn dùng thịt chi cho ta biết, thì ta y theo cho vừa lòng ngươi chớ không có chút gì chấp nệ, miễn là để con bồ câu được toàn tánh mạng mà thôi.
Con ó nghe Vua đáp lại như vậy thì chi xiết nỗi vui mừng liền trả lời:
- Nếu Đại Vương có lòng từ huệ muốn cứu giúp tất cả chúng sanh thì xin lắt thịt nơi mình của Đại Vương đó đem ra cân cho bằng con bồ câu thì thôi, trước là cứu tôi khỏi sự đói khát, sau cứu con bồ câu kia đặng toàn tánh mạng. Như vậy cả hai đều tiện lợi cả.
Vua Tát Bá Đạt nghe con ó kêu nài như vậy, thì trúng cái bản nguyện của mình bèn đáp:
- Hay lắm! Hay lắm! Ta không có lẫn tiếc khối huyết nhục này đâu.
Vua liền bảo thị thần đem gươm và cân ra hoa viên bè bắt con bồ câu để đứng trên giá cân này, rồi cầm gươm thẻo thịt của mình để lên giá cân kia, song thẻo bao nhiêu thịt thì cũng vẫn không cân bằng.
Vua thấy vậy lắt hết thịt cả mình mà cũng thấy thiếu mãi, đến nỗi mình mẩy lòi xương mà cứ tự nhiên không có gì nhút nhát.
Vua Tát Bá Đạt bèn dạy bảo thị thần rằng:
- Mau giết ta đặng lấy cốt tủy cân cho đủ tịt con bồ câu kia, bởi vì ta thuận theo trong giới luật chân chính của Chư Phật, nguyện phổ tế sự nguy ách cho chúng sanh.
Chừng đó Đế Thích và Biên Vương thấy sự xả thí của Vua chẳng có chút nào dời đổi, nên cảm phục lòng tử tế không ai sánh bằng, và hườn lại bổn thân rồi đến trước mặt Vua cúi đầu bạch rằng:
- Chẳng biết Đại Vương muốn hy cầu sự chi mà chí hướng rất cao thượng, đến đỗi thân hình khổ não như thế mà không có chút nào thối chuyển xin nói cho anh em tôi biết.
Vua Tát Bá Đạt đáp lại rằng:
- Tôi sở dĩ bố thí đầy bổn ý chẳng phải hy cầu những điều phước báu nơi cõi nhân thiên hay là các ngôi Hoàng Đế phi hành! Vì tôi thấy chúng sanh cứ lặn hụp nơi ô trược chẳng nghĩ đến ngôi Tam Bảo và chẳng tưởng giáo lý của Phật, mãi buông lung làm các việc bạo ngược, thường bị gieo mình trong ngục hỏa trạch mà không thức tỉnh hồi đầu chút nào, nên tôi thương xót vô cùng, thề nguyện cầu được đến chỗ chứng ngộ mà cứu vớt chúng

sanh đem lên cảnh an vui tịch tịnh. Bởi thế, nên dầu chỗ sở hành của tôi rủi có vong thân tánh mạng đi nữa thì cũng cương quyết cho đến cùng chớ không bao giờ thối chuyển.
Đế Thích và Biên Vương nghe nói cả kinh và tự hối rằng:
- Theo ngụ ý của chúng tôi tưởng Đại Vương muốn đoạt ngôi thiên vị, cho nên mới lập kế mà nhiễu hại ra nông nỗi này. Bây giờ chúng tôi mới rõ bản nguyện cao cả của Ngài thì biết phương pháp gì mà sám hối cái tội ác nầy cho đặng!
Vua Tát Bá Đạt nói:
- Các Ngài biết mình làm việc sai quấy, nay muốn sám hối tội lỗi, vậy thì làm sao cho mấy chỗ dấu cắt trong thân thể tôi lành lại như cũ.
Đế Thích nghe nói vui mừng, tức thời khiếc các vị Thiên Y và Thần Y đồng đến điều trị cho Vua.
Linh nghiệm thay! Ban đầu thoa thuốc vào, thì thấy mấy chỗ vết thương đều phát động, phút chốc thoạt nhiên bình phục lại như cũ, thân thể hình dáng có vẻ càng tốt đẹp hơn xưa.
Lúc ấy, Đế Thích và Biên Vương đồng cúi đầu từ tạ và đi giáp vòng ba lần rồi bái biệt trở về bổn vị.
Sau đó Vua Tát Bá Đạt về triều thuật chuyện ly kỳ đó cho bá quan và phu nhân nghe, thì tất cả đều tán thán xưng tụng.
Từ đó sắp sau, Vua càng bố thí hơn trước đến bội phần, thành thử cả quốc độ gió thuận mưa hòa, ruộng nương thạnh mậu, thật là một thời kỳ nước trị dân an.
Nguyên vị Quốc Vương Tát Bá Đạt lắt thịt cứu con bồ câu nói trên đây, chính là tiền thân của Phật Thích Ca vậy
Trích chuyện TIỀN THÂN PHẬT TỔ
Người bố thí nên nhớ người đến xin như khi đói suy nghĩ món ăn, khi thấy người đến xin, tâm sanh hoan hỷ như nhà bị cháy đem được của quý ra.

Liên Hoa tiểu thư

Khi Đức Phật Thích Ca còn tại thế, ở một nước nhỏ Ấn Độ, có một phú ông rất lương thiện, thích chơi Hoa Sen. Chung quanh biệt thự của ông là ao sen vây quanh. Cứ mỗi năm về mùa hạ thì Hoa Sen đua nở. Những người phụ cận đều gọi nơi biệt thự của ông là "Liên Hoa công quán". Nguyên Lai, nhà phú ông đó có một người con gái, dung mạo mỹ lệ, tánh tình ôn hòa, giống như hóa thân của Hoa Sen, nên người ta gọi cô là "Liên Hoa tiểu thư". Phú ông rất thương con gái của mình nhưng có một việc mà phú ông không vừa ý, đó là âm thanh của con mình không thích nghi với vẻ đẹp và tánh ôn hòa. Bởi vì tiếng nói của Tiểu Thư vang như sấm động, mỗi khi nói chuyện, làm

cho người nghe phải long óc mà bịt tai lại. Đã thế, Tiểu Thư lại thích ca hát.
Có một năm về tiết mùa hạ, Vua nước Ma Kiệt Đà (Magadha) phái khiển một sứ thần tới, được phú ông tiếp đãi rất ân cần. Sứ thần nói:
- Quốc Vương có ý định tới đây xem hoa trong mùa hạ năm nay. Ông phải gấp rút chuẩn bị để cung nghinh xa giá!
Vì xa giá của Quốc Vương ngự lãm, không phải là một việc dễ dàng, nên phú ông không khỏi sợ hãi kinh ngạc. Sứ thần lại nói:
- Vậy phú ông chuẩn bị nghênh giá được chăng?
- Thưa được! Đó là một việc rất hân hạnh cho tôi.
Sau khi sứ thần ra về, phú ông cao hứng tự nói:"Mừng thay, đó thực là một vinh dự lớn cho nhà ta".
Lúc đó, Liên Hoa tiểu thư từ hoa viên đi tới thấy phụ thân có vẻ hân hoan liền hỏi:
- Phụ thân có việc chi mà vui mừng?
- Tại sao âm thanh của con lại thô kệch đến thế?
Phú ông mắng con như vậy.
Liên Hoa tiểu thư vừa tủi vừa hổ thẹn, nhưng cũng biết tiếng nói của mình quá lớn, hạ giọng nói:
- Phụ thân! Con xin lỗi! Con đã quên mất.
Tuy Tiểu thư đã hạ thấp giọng nói, nhưng âm thanh vẫn còn vang lớn, phú ông phải bịt tai mình lại và nói:
- Không cần phải nói ra tiếng nữa. Im lặng đi! Im lặng đi!
Tiểu Thư bực mình quá, bất giác oà lên khóc. Phú ông đứng dậy an ủi Tiểu Thư và nói:
- Thôi đi con! Cha đã lầm và đã quên mất âm thanh quá lớn của con, con đừng khóc nữa.
Tiểu thư lau nước mắt trở về phòng riêng, phú ông thở dài nói:
- Ôi! Thực là điều không hay. Âm thanh của con mình giả sử làm Quốc Vương phải phẫn nộ thì đó là tội lớn của ta. Đó là sự bất hạnh cho gia đình ta.
Trải qua một ngày, hai ngày, rồi đến năm ngày, phú ông cứ ngày ngày lo buồn. Tiểu thư thấy thế tự nghĩ: "Đó chẳng phải là nguyên nhân vì âm thanh của mình để cho phụ thân phải nhọc lòng lo nghĩ?". Thế rồi hai cha con đều sinh buồn rầu.
Tiểu thư ngẫm nghĩ mãi, chợt nảy ra một biện pháp mắt sáng ngời hẳn lên rồi nói với cha:
- Phụ thân! Con đã nghĩ được một phương pháp rất hay.
- Phương pháp chi thế?
- Giản dị lắm! Tới khi hoa nở, nếu cha muốn con không phải nói chuyện tốt hơn hết là để con im lặng, cho đến lúc vua xem hoa xong trở ra về.

Đó cũng là một phương pháp hay, nhưng đó cũng không phải là lối thoát khổ của Tiểu Thư. Tiểu Thư lại nói:
- Phụ thân cho phép con đi. Con nhất định sẽ thực hành như thế.
Sau khi nghe lời yêu cầu cần thiết đó, phú ông bất đắc dĩ phải ưng thuận cho.
Qua xuân sang hạ, chung quanh biệt thự của phú ông được bao quanh bởi những đóa hoa sen hương thơm ngào ngạt vẻ đẹp lạ thường, nào Bạch Liên Hoa, nào Thanh Liên Hoa và Hồng Liên Hoa đua nhau phô diễn màu sắc.
- Đẹp thay hoa sen xanh, khả ái thay hoa sen trắng.
Tiểu Thư thốt ra những tiếng như vậy, chợt lại nghĩ chỉ 3, 4 ngày sau nữa, Quốc Vương sẽ xa giá tới!
- Ôi! Thời gian trôi nhanh quá! Còn chi hơn ta cất giọng hát cuối cùng cho ngày hôm nay:
Hoa sen nở ngát đầy ao,
Từ trong bùn nọ mà nào gợn chi.
Hoa tươi lá biếc xanh rì,
Ba ba má má cùng đi xem nào!
Tiết trời xơ hạ gió hiu hiu thổi hương thơm tỏa ngát bốn bề. Từng đóa hoa sen đưa đi đưa lại theo chiều gió. "À! Hình như chúng cũng lộ vẻ vui mừng cho lời ca tiếng hát của ta chăng? Thôi ta không thể ca hát đượcc nữa vì Quốc Vương sắp tới nơi đây. Hoa sen ơi! Mi cũng hiểu được ý ta chăng, nếu vậy hãy nhất tề nở đều để ta xem!".
Hoa sen tuy là loài thực vật nhưng chúng cũng cảm động với ý niệm thành khẩn của Tiểu Thư mà nhất tề mãn khai làm cho cảnh đẹp mỹ lệ phi thường. Phú ông thấy thế vui mừng khôn xiết, liền gấp rút chuẩn bị để hoan nghênh Quốc Vương. Hôm đó Quốc Vương đem rất nhiều bộ hạ theo hầu. Nhà Vua ngồi trên xe ngựa trắng ngự giá tới. Phú ông rất hoan nghên và nói:
- Thưa Đại Vương tôn quý! Thần dân được gội hồng ân, hân hạnh hôm nay được Thánh gia quan tâm.
Tiểu Thư và tất cả nhà đều ra cửa xa mã của Vua tiến vào trong biệt thự. Phú ông ứng tiếp chu đáo phi thường. Ngày hôm đó, Quốc Vương rất cao hứng dạo gót quanh hoa viên rồi tới nghỉ mát ở Liên Hoa đình. Phú ông chuẩn bị các thứ đồ ăn cổ bàn lại dâng Quốc Vương. Tiểu Thư cũng tới ứng tiếp.
- Ồ! Tiểu Thư, quả thực người con gái có dáng đẹp phi thường.
Lúc đó trống ngực của Phú ông dồn dập quá độ không dấu nổi niềm vui.
- Tiểu Thư đây chính là lịnh ái của Phú ông?
- Thưa vâng! Đó chính là người con gái độc nhất của tôi năm nay vừa 15 tuổi.
- Hừ! Thực có vẻ khả ái. Cô nương tên cô nương là gì?
Tiểu Thư muốn trả lời ngay nhưng lại sợ làm súc não đến Quốc Vương, sẽ

sảy ra việc không hay, nên Tiểu Thư im lặng không đáp.
- Cô nương! Không nên khắc khí cứ tự do nói đi.
Tiểu Thư đang lúc e thẹn luốn cuốn, Phú ông vội vã trả lời thay:
- Kính tâu Đại Vương! Vì âm thanh của con gái nhỏ tôi, bản lai vẫn lớn, nên không dám cất tiếng nói, sợ làm náo động Quốc Vương và các quan. Xin lượng trên khoan thứ.
- Không hề chi! Đã là bản lai như vậy thì có quan hệ gì. Vậy cô nương tên là gì?
Tiểu Thư tuy đã được nghe lời Vua phán, nhưng vẫn không dám cất tiếng. Phú ông nói tiếp.
- Xin lượng cả tha thứ, quả thực là vì âm thanh con gái tôi quá lớn…
- Biết rồi! Không cần nói, chính ta cũng thích tiếng nói lớn…
Quốc Vương phát gắt, Tiểu Thư bất đắc dĩ phải tới trước mặt Vua nói:
- Tôi tên là Liên Hoa.
Âm thanh của Tiểu Thư vang động quá lớn, gần như phá vỡ màng tai của người nghe. Quả là thứ âm thanh đáng sợ và vô nghĩa.
Do thế Quốc Vương, sứ thần và các quan bỏ ra về.
Phú ông là người nhát đảm, bất luận việc lớn hay việc nhỏ xảy ra đều làm cho ông buồn rầu phiền não. Lần này, nhân vì Tiểu Thư xúc phạm đến oai nghi của Quốc Vương, nên luôn luôn sợ hãi không yên, thở dài rồi nói:
- Tội lỗi đều vì cơ duyên này, chắc đó là tiền nghiệp đã định. Con gái ta nhất định sẽ bị Quốc Vương quở phạt.
Phú ông cứ như thế nghĩ tưởng liên miên không lúc nào nguôi, nên phát bệnh nặng đã đón nhiều danh y tới chạy chữa. Nhưng đều vô hiệu. Trong đó có một ông thầy thuốc nói:
- Kỳ lạ quá! Tôi không thể chữa khỏi bệnh này, phải đi tới thỉnh lời giáo huấn của Đức Phật.
Không may lúc đó Đức Phật đi giáo hóa chưa về, duy có Ngài Tân Đầu Lư Tôn Giả còn ở lại tịnh xá. Vì lòng hiếu thảo nên Liên Hoa tiểu thư tới tận đỉnh núi thỉnh Tôn Giả và nói:
- Kính xin Tôn Giả thương tình cứu bệnh hoạn cho phụ thân của con…
Tôn Giả đương lúc ngồi thiền định, im lặng, Tiểu Thư lại thỉnh một lần nữa.
- Tôn Giả y nguyên không động, chợt có một cơn gió thổi mạnh làm rung động những chiếc lông mày trắng của Tôn Giả và liên tiếp hai, ba chiếc lá rơi xuống. Tôn Giả mới dõng dạc nói:
- Tiếng nói của con sao lớn thế! Căn cứ vào lời nói tha thiết mà ta thấu rõ được lòng hiếu thảo của con. Đức Phật rất trọng người con có hiếu. Để đáp lại lời khẩn cầu của con và để giúp con làm tròn đầy đạo hiếu, nghĩa là con phải vâng theo lời giáo huấn của Đức Phật, để tạo cho cuộc đời chân hạnh phúc ở hiện nay và ngày mai, con hiểu ý ta nói chăng?

Tiểu Thư cúi đầu chăm chú nghe, Tôn Giả lại nói tiếp:
- Ta bảo cho con hay. Cách đây về phương tây chừng ba trăm dặm, có một ngọn núi cao gọi là Long Sơn. Trên núi có một cái hồ, trong hồ có cung điện. Trong cung điện thường thường có một thứ nước trong suốt chảy ra, con nên tới đấy múc thứ nước đó về cho cha con uống, thì bệnh của cha con tự nhiên khỏi ngay, và âm thanh của con cũng trở nên êm dịu.
Tiểu Thư nghe xong vui mừng khôn xiết cúi đầu bái tạ và tiếp nói:
- Đa tạ! Con hiểu ý Tôn Giả nói. Con xin đi ngay.
Tôn Giả nói:
- Đừng lo ngại! Uống thứ thuốc đó mà cha con sẽ được khỏi bệnh, đó là từ ở lòng hiếu thảo của con mà ứng nghiệm.
Tiểu Thư thưa tiếp:
- Nếu vậy sau khi cha con khỏi bệnh con sẽ lại tới đây xin thỉnh giáo Đức Phật.
Tôn Giả gật đầu.
Tiểu Thư hạ sơn hướng về phương Tây mà đi đột nhiên mê mất đường. Trong khi đó, Tiểu Thư thấy một người tiên đầu tóc bạc phơ xuất hiện, Tiểu Thư vội tới hỏi thăm đường, người tiên chỉ đáp một câu: "Cách đây ba trăm dặm phương Tây". Nói xong biến mất. Tiểu Thư nghĩ tại sao đến ba trăm dặm? Bất đắc dĩ lại tiếp tục cuộc hành trình, đi rẽ qua bờ sông, lại thấy người tiên xuất hiện ở dưới cây Bồ Đề. Tiểu Thư lại hỏi. Người tiên lại đáp: "Cách đây ba trăm dặm về phương Tây". Trả lời xong rồi lại biến mất. Tiểu Thư buồn rầu quá liền oà lên khóc: "Thôi không còn hy vọng gì nữa, ta lại phải trở về chăng?". Lúc đó chợt nhớ lời Tôn Giả dặn nên Tiểu Thư lại tiếp tục cuộc hành trình vừa đi vừa khóc.
Bỗng người tiên lại xuất hiện liền tới an ủi Tiểu Thư:
- Cô nương! Người con hiếu thảo, đằng kia là ngọn núi Long Sơn, con hãy cỡi con hươu của ta mà đi.
Người tiên nói xong liền bỏ đi. Tiểu Thư vâng lời cưỡi hươu lên thẳng đỉnh núi, thì thấy quả thực trên núi có cái hồ rất đẹp, trong hồ có cái đảo nhỏ. Trời đã xế chiều, ánh trăng bắt đầu chiếu. Tiểu Thư đi thẳng vào trong hồ chợt gặp một Tiểu Đồng ở cửa một cung điện đón tiếp và nói với Tiểu Thư:
- Thưa Tiểu Thư, Tiên ông đang đợi Tiểu Thư.
Tiểu Thư bước theo Tiểu Đồng đi lên trên thềm đá của cung điện, trong cung quả có một cái suối, nước cuồn cuộn từ đất ra trong trắng như tuyết. Người Tiên mà Tiểu Thư đã gặp trước kia đang thảnh thơi mỉm cười, Tiểu Thư liền quỳ xuống nói:
-Xin Tiên ông cho con ít nước!
Người tiên đáp:
- Được lắm, cho con múc đem về cứu bệnh cho cha con.

Trong khi chờ đợi Tiểu Đồng mang đồ đựng nước tới, Tiểu Thư liền tay vốc nước lên uống thử. Ồ! Vị nước thơm ngọt quá! Bất giác Tiểu Thư cảm than như vậy, tiếng nói Tiểu Thư cũng biến thành êm dịu không thô kệch như trước. Tiểu Thư rất vui mừng vái tạ người tiên rồi múc nước mang về nhà cho cha. Khi về tới nhà, Tiểu Thư thấy bệnh tình của phụ thân rất trầm trọng, vội đem thứ nước ấy cho cha uống. Mầu nhiệm thay! Chỉ trong giây lát, bệnh của phú ông tự nhiên thuyên giảm.
Sau khi khỏi bệnh, Tiểu Thư đưa phụ thân đến tịnh xá của Tân Đầu Lư Tôn Giả tạ lễ và qui y Đức Phật. Nhờ sự chỉ giáo của Tôn Giả mà gia đình của Tiểu Thư hưởng được chân hạnh phúc.
Vị Quốc Vương xưa kia, nghe biết tin đó, cũng lại xa giá đến nhà phú ông xem hoa, nhận thấy tiếng nói của Tiểu Thư trở nên êm dịu khác thường. Vua khen: "Đó thực là lòng hiếu thảo của người con mà cảm ứng đến thế".
Vua liền đem của cải ban thưởng cho Tiểu Thư và bố cáo cho khắp trong nước để nhân dân đều biết. Từ nay trở về sau mọi người nên tin theo Phật Giáo, và Phật giáo sau nầy sẽ trở thành tôn giáo lớn trên thế giới.
CHÂN TỪ
Lấy món ăn vật mặc phụng dưỡng cha mẹ là hiếu thế gian, khuyến hóa cha mẹ tu học chánh pháp là hiếu xuất thế gian.

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập II - 12

Lòng kiên nhẫn

Thuở xưa, Đức Bồ Tát đầu thai là con một vị thương gia rất giàu có tại nước Ka Ci. Khi lớn lên Ngài dọn 500 cỗ xe đi buôn.
Một ngày kia đến ranh giới một bãi sa mạc rộng lớn, cát nơi đó nhỏ li ti và hầm nóng như lửa đốt. Đức Bồ Tát thuê một người dẫn đường và sắm sửa lương thực, nước uống chờ trời tối mới tiếp tục cuộc hành trình. Đêm đi ngày nghỉ vì sự nóng bức vô cùng khó chịu.
Khi đi được 58 dặm, Đức Bồ Tát nghĩ rằng: "Chỉ còn nốt một đêm mình sẽ ra khỏi sa mạc". Nhưng chẳng may người hướng đạo ngồi cỗ xe đầu, vì mệt mỏi ngủ quên đi và để mấy con bò quay trở lại đường cũ. Tới hừng đông, người hướng đạo thức giấc cả sợ hô to ra lệnh cho đoàn xe ngừng lại. Khi mọi người bước xuống mới nhận ra mình đã trở về chốn hôm qua khởi hành. Tất cả ai nấy đều kinh hãi vì củi đốt và nước uống đã hết sạch. Lòng buồn

rầu họ lên xe nằm với bộ mặt thoái chí, thất vọng. Đức Bồ Tát thầm nghĩ: "Nếu ta không bền chí, kiên nhẫn thì sẽ chết cả đám". Nghĩ rồi, Ngài gọi vài ba người cùng lần mà đi tìm xem có ao giếng hoặc lạch nước nào gần đó chăng? Đi được khoảng xa, Ngài gặp một đám cỏ, Ngài bèn nói: "Đám cỏ này nhờ nước mới sống, vậy các ngươi hãy mang cuốc xuống lại đào chắc sẽ có nước uống".
Khi đào xuống 60 thước, một thì đụng một cục đá rất lớn, mọi người đều ngã lòng bỏ đi. Nhưng Đức Bồ Tát vẫn tin tưởng dưới cục đá này là lạch nước. Ngài bước xuống giúp đào và kề tai trên cục đá lắng nghe tiếng róc rách chảy. Ngài trở về kêu người đầy tớ tâm phúc tới và nói:
- Nầy em, em hãy xách cái búa lớn ráng đập cho bể cục đá đừng ngã lòng. Nếu em không kiên nhẫn thì mọi người chúng ta đều chết khát cả.
Người đầy tớ vâng lời cố sức đập tan mảnh đá rồi trở lên. Một lát sau, bỗng nước ở dưới trào lên tới miệng giếng. Cả thảy đều mừng rỡ tắm rửa, múc nước nấu ăn và tích trữ đổ vào lu, bình để chờ tối qua sa mạc.
Nhờ ở sự bền chí đó mà cả đoàn người đã thoát nạn qua biển cát khô khan, nóng bức.

Y HÀ

Người tu hành cũng giống như người ra chiến trường sau khi mặc áo giáp ra trận, có thể vì hèn nhát mà bỏ trốn đi, có thể chết tại chiến địa, có thể thắng trận trở về rất vinh quang.
Kẻ sa môn học đạo hãy cố gắng bền tâm, hăng hái chống với hoàn cảnh xấu xa, mới mong thành đạo được.

Phóng rộng tình thương

Thời xưa…
Ở kinh thành Xá Vệ, có gia đình một người phú trưởng giả thừa hưởng cái gia tài lớn của ông cha, nên hai vợ chồng sống cuộc đời sang trọng. Bao nhiêu vật quý mà người đời có thể có, ông đều đã sắm được để trang hoàng nhà cửa của mình. Những chậu sứ nước Tàu, những tấm gương thủy tinh Ai Cập… Duy chỉ có một điều mà ông phú trưởng giả đã lâu mơ ước chưa thành. Đó là sự ao ước về con cái. Và mãi mười năm sau khi lấy nhau, vợ chồng ông mới sinh được một người con gái. Ông cũng khuây khỏa đôi chút về sự muộn màng này, vì người con gái càng lớn lên, càng xinh đẹp. Tất cả

sự lo lắng của gia đình ông đều hướng về nàng. Nàng thích hoa, thế là bốn con nữ tỳ sáng ngày chia bốn hướng đề tìm những chiếc hoa hồng tươi đẹp, những chùm hoa huệ, hoa lan thơm ngát nhất. Nàng thích áo đẹp, thế là ngày hôm sau, những tay thợ khéo được mời đến để cắt cho nàng chiếc áo xinh xắn bằng thứ hàng đắt tiền. Và mặc dầu sau này vợ chồng có thêm một rồi hai con trai, không khi nào ông để con gái ông chạm tay đến cái thùng vắt sữa bò buổi sáng, nắm lấy đầu kim mũi chỉ, sợ sắc đẹp của nàng vì những công việc nặng nhọc mà suy suyển đi.

Trong hoàn cảnh ấy, người con gái lớn lên xinh đẹp, ông phú trưởng giả chọn mặt gởi vàng, kén chọn một nơi giàu sang quyền quý. Trong số nhiều người đến hỏi, có một thanh niên thế phiệt được ông chú ý. Chàng là cháu họ nhà vua. Cha chàng trước là một quan lớn trong triều, danh vọng lớn lao và tiền của bộn bề. Cách đây một năm cha chàng chết và cũng trong năm đó mẹ chàng đau khổ, héo hắt đi rồi vĩnh biệt chàng. Ngưuời thanh biên bây giờ làm chủ cái gia tài và tha hồ ăn chơi phóng túng. Đó là những chi tiết quan trọng được nơi vừa lòng. Con gái ông sẽ được nuông chiều, không một người nào khác có thể sai bảo, làm nhọc nhằn thân con ông. Vào cửa giàu sang, con ông không phải lo vất vả lo miếng cơm manh áo như bao nhiêu người đàn bà khác. Còn việc ăn chơi phóng túng thì không lo ngại mấy, vì ông cho đó là do sự buồn bực của hai lần tang chế, với lại chuyện ăn chơi của đàn ông còn do ở người đàn bà trong gia đình. Ông tin rằng con gái ông duyên dáng, xinh đẹp, nhất định sẽ giữ được chàng ở mãi trong nhà.

Lễ cưới được cử hành rất trọng thể. Người thanh niên đã bỏ ra một số tiền khá lớn để làm tiệc thiết đãi thân thuộc bạn bè. Ông phú trưởng giả cũng linh đình tổ chức ăn uống để tỏ ra ông không sút kém gì nhà trai và để vui lòng con gái.

Hai vợ chồng son trẻ rất thương yêu nhau từ sau ngày cưới, đúng theo dự đoán của ông trưởng giả, chàng quanh quẩn ở nhà. Chàng thuê thêm nhiều nữ tỳ để lo việc cơm nước, hầu hạ người yêu. Chàng bảo trồng thêm nhiều thứ hoa lạ trong vườn, đóng lại cỗ xe ngựa mới để dạo chơi buổi chiều. Ngày tháng trôi đi, những thú vui say sưa ban đầu đã bắt đầu nhạt dần. Con người đi tìm cái ham thích vật chất không bao giờ thỏa mãn, và không thể nào thỏa mãn được, rồi người thanh niên đi lại đường mòn cũ. Bạn bè trở đến đông đảo như xưa. Những cuộc ăn uống say sưa đến dần, những câu chuyện ly kỳ, khoe khoang tang bốc nhau tuôn ra càng nhiều, khi hơi rượu càng phừng phừng trong những khối óc. Cứ như thế mà tiền của trôi dần. Đã nhiều lần chàng vắng nhà hai ba hôm, rồi hằng tuần. Lúc trở về, tiền túi hết sạch. Vợ chàng ở nhà tìm cách khuyên can, nhưng nàng lại thiếu lời lẽ khôn ngoan. Nàng được tấm lòng chân thành yêu mến chồng, nên chàng những lúc ở nhà, vẫn tỏ ra thương vợ nhiều lắm.

Ngồi không mà ăn thì núi cũng phải vỡ, huống hồ đây chàng phung phí không kể. Sự sa sút đến rất gấp. Và hết thóc, bồ câu bay đi chỗ khác.

Lúc nầy người chồng bắt đầu thấy rõ cuộc đời thì đã muộn. Không nỡ để cho gia đình chịu khổ nhục kém sút thiên hạ, nên hai vợ chồng vẫn giữ nguyên những người giúp việc trong nhà, cũng có nữ tỳ mang nước buổi sáng, cũng có người làm cơm sẵn sàng. Và như thế vợ chồng sẽ xoay tiền của cha mình, lần đầu nàng xin với cha để mua ruộng đất. Mừng cho con, ông phú trưởng giả cho một số tiền lớn. Nhưng với cái cốt cách rậm đám của một gia đình thế phiệt, tiền ấy chẳng thấm vào đâu. Rồi nàng lại về xin cha, một lần rằng để thêm vốn cho chồng đi bán một chuyến xa, một lần để sắm sửa nữ trang và một lần nữa thì… không còn cách nào dối quanh nữa, nàng đã khóc lóc thú thật với cha cái tình cảnh sa sút của gia đình do chồng nàng ăn chơi phóng túng gây nên. Thì ra tiền ông giúp đỡ bấy lâu nay là thằng ăn hại ấy phá hết cả. Càng nghĩ bao nhiêu, ông càng giận rể bấy nhiêu. Nhưng thương con gái ông không biết cách nào khác là cho con lần nữa để mong xoay sở mà lo liệu. Và số tiền lần này, cố nhiên là không bì được các lần khác. Trước khi nàng ra về, ông không quên nhắc rằng ông không muốn thấy con ông trở về với mục đích như thế này nữa. Vả lại ông còn đâu nghĩ tới con gái ông nhiều bằng hai con trai ông.
Đối với anh chàng thế phiệt, cái hành động xin tiền cha mẹ vợ thật khó xem quá. Nhưng anh chàng lại cho dễ chịu hơn cái cảnh bán đồ đạc trong nhà, tự bỏ cái xe ngựa để đi chân. Trời ơi! Như thế thì còn ai coi mình ra gì nữa. Cho nên người vợ lại phải sang nhà xin tiền cha lần nữa.
Lần này, cha nàng giận dữ chàng rể ông lắm. Ông không muốn thấy con gái ông làm một việc như thế, ông không muốn thấy con gái ông thong thả từ nhỏ chí lớn, bây giờ phải sống lo lắng chật vật. Ông thầm tính với vợ đem con gả cho một người khác. Chuyện ấy lọt vào tai nàng.
Lúc trở về, sau bữa cơm chiều, nàng thuật lại cho chàng về điều khá quan trọng đã nghe được, để hỏi chồng cách đối phó. Chồng nàng nheo mày lại, một cách ghê gớm không nói một lời, anh chàng cảm thấy đau xót, hơn cả những phút lâm chung của cha mẹ anh ta. Không có một cái gì tồn tại nữa chung quanh anh ta. Anh ta ghiến chặt hàm răng.
Nàng ngồi yên lặng. Sau một lúc lâu, chàng ta tươi tỉnh lại. Chàng đến bên vợ âu yếm và khuyên vợ cứ yên lòng.
Sáng hôm sau, chàng sai bảo đầy tớ quét dọn nhà cửa sạch sẽ, sắm sửa bữa ăn thật ngon như để thiết đãi một vị khách quí nào sắp đến. Vợ chàng cũng ngạc nhiên, vì từ lâu nay ít khách khứa ra vào đây nữa. Rồi đến trưa, nàng chờ mãi cũng không thấy ai đến. Bữa cơm hôm ấy, chàng vui vẻ gắp đồ ăn bỏ vào chén vợ và nói chuyện say sưa như bữa cơm riêng đầu tiên giữa hai

vợ chồng.
Sau đó anh chàng gọi vợ vào buồng đóng chặt cửa lại, người ta nghe tiếng một người đàn bà hét lên kinh hãi rồi tiếng thây người ngã xuống, và tiếng dẫy dụa, tiếp theo là một tiếng đổ ngã khác.
Khi bọn gia nhân phá cửa chạy vào thì một cảnh tượng ghê rợn diễn ra: hai xác thân nằm sóng sượt, thân người đàn bà dồn vào góc phòng, thân người đàn ông nằm giữa phòng trong tay nắm chặt con dao sáng bén vấy máu. Máu thấm từng vệt sậm trên áo, máu lai láng trên sàn nhà, đôi vũng đã đen lại, chỉ trong chốc lát, hai sinh mạng đã kết thúc, sau một kiếp đời ngắn ngủi chạy đi tìm thú vui.
Người ta báo cho ông phú trưởng giả biết tin sét đánh ấy, và theo phép nước thì ông phú trưởng phải tù tội. Hai tin dữ ấy đến một lúc làm ông chết ngất đi. Ông đau đớn lắm, tù tội cũng không đau đớn cho ông bằng mất đứa con gái thân mến, vợ ông khuyện giải nhiều lần nhưng không làm cho ông khuây khỏa chút nào. Ông chửi rủa rể ông, chửi rủa bọn giai nhân bất tài không ngăn cản được tai họa, ông trách trời đất, trách số mạng khắt khe đối với ông. Rồi nhiều lần ông rối loạn, ông lang thang đi tìm người hỏi duyên cớ. Tình cờ một hôm ông gặp được Đức Phật. Lâu nay ông cũng nghe nói đến nhiều lần đến sự hiểu biết vô lượng của Đức Phật. Nhưng ông không để ý tới. Bây giờ, thấy Phật vừng trán cao, đôi mắt nhìn xa xăm và huyền diệu lòng ông tự nhiên trở lại yên tỉnh.
Đức Phật bảo ông bình tĩnh thuật lại đầu đuôi. Sự việc lần lần hiện ra trở lại trong trí ông. Ông nhớ lại từ lúc cằn nhằn con gái ông đến lúc ông dự định gả con gái ông cho người khác. Kể xong ông lặng thinh và cúi mặt xuống đất. Đức Phật giảng giải cho ông rõ nguyên do sự việc và kết luận. Ngài nhấn mạnh từ tiếng trong lúc những vết nhăn trên mặt ông phú trưởng giả dãn lần, dãn lần ra.
"Đời khổ chỉ vì người ta hướng lòng mình vào một chỗ. Phóng rộng tình thương yêu tất cả mọi người thì cuộc đời làm chỉ có cảnh tự sát và sát hại lẫn nhau".

QUẢNG HUỆ

Người ta khổ vì cho không phải cách
Yêu sai duyên và mến chẳng nhằm người.

Mèo dạy con

Xưa có một con mèo, sinh ra các con mèo con, ngày đêm chăm lo nuôi nấng, dần dần mèo con lớn lên, nó hỏi mẹ nó rằng:
- Mẹ ơi! Sau khi thôi bú sữa mẹ, thì con ăn bằng thức ăn gì? Xin Mẹ bảo con.
Mèo mẹ đáp:
- Đã có người ta sẽ bảo con.
Một hôm, mèo con lân la sang nhà hàng xóm, lẻn vào sau cái chum trong góc nhà chợt có người trông thấy, người ấy bảo cho tất cả mọi người khác rằng:
- Trong nhà có mèo đấy, vậy có những niêu thịt cá gì phải đậy cho kỹ, còn gà con thì phải cất cho cao, cẩn thận kẻo mèo nó ăn đấy!
Mèo con nấp ở trong nghe rõ mồn một trong bụng biết là các thức ăn ấy là món ăn chính của mình.
Đây là một tỷ dụ cũng như Phật hết lòng thương chúng sanh, dạy bảo cho chúng sanh, biết rõ nhân quả tội phước, báo ứng phân minh không sai một chút.
Nhưng có khi chúng sanh vì mê chấp những lý sai lầm khác, nên không chịu tin giáo lý của Phật dạy, thì khi nào gặp phải những trường hợp, những cơ hội được báo ứng rõ ràng mới biết lời Phật dạy là đúng. Đại khái như không tin làm ác là phải tội, sanh ra phóng túng làm càn, tới khi tội mới biết rõ, làm thiện cũng thế.
Lại như cha mẹ dạy con, muốn cho con tránh những điều độc ác tội lỗi, nhưng dù hết lòng nói kỹ đến đâu, người con vẫn không hiểu hết, nên phải tuỳ tiện đến đâu dạy lần đến đấy. Tức là phải dạy bằng cách thực hành, chứ không căn cứ cả vào lý thuyết mà đã đủ.

Trí Hải

Nuôi con chả dạy chả răn.
Thà rằng nuôi lợn cho ăn lấy tiền.

Ấm trà phúc đức

Tương truyền 500 năm về trước, tại huyện Mỹ Nùng có một vị tu hành đức hạnh tên là Chánh Thông pháp sư, nhân muốn lập một tòa tùng lâm tại nơi này, đã đặt chân khắp nơi để tìm địa điểm mà vẫn chưa tìm thấy.

Có một đêm, pháp sư ra suối tắm, khi trở về qua khu rừng, dưới ánh trăng trong vằng vặc, bỗng nghe có tiếng nho nhỏ gọi:
- Lão Pháp sư! Lão Pháp sư!
Người dừng bước trông chung quanh không thấy một bóng ai cả, trong lòng lấy làm kỳ quái tưởng là mình nghe lầm nên cứ thản nhiên tiến về thảo am. Nhưng vừa đi được vài bước, lại nghe có tiếng gọi:
- Pháp sư! Lão Pháp sư!
Chánh Thông pháp sư liền theo hướng tiếng gọi phát lên mà tìm đến coi thử thì thấy trong đám cỏ dại um tùm trước hoang viện, hiện ra một người giống hệt dáng hồ ly, chắp tay vái pháp sư.
Pháp sư hoan hỷ hỏi:
- Thế ra nhà ngươi gọi ta?
- Dạ đúng! Người đó trả lời.
- Vậy ngươi có chuyện gì muốn nói cùng ta Pháp sư hỏi. Người đó chớp chớp đôi mắt nói :
- Có phải lão Pháp sư định tìm một địa điểm để xây dựng tu viện?
- Làm sao ngươi lại biết?
- Dạ, con là người ở xứ này, có biết một chỗ rất thích hợp cho việc kiến trúc tu viện. Nếu Pháp sư bằng lòng con xin đưa Pháp sư đi coi.
Pháp sư nở một nụ cười sung sướng:
- Nguyên lai như thế. Vậy địa điểm ở nơi nào, xin ngươi đưa ta coi một phen!
Thế là hai bóng đen, ngay trong đêm đó, một trước một sau, thoăn thoắt băng rừng lội về nẻo Châu Quán Lâm, ở đây có một khu rừng rộng lớn, cây cối u nhàn, cảnh sắc tuyệt đẹp. Chánh Thông pháp sư rất lấy làm mãn ý quyết định lập một tòa Tùng Lâm tại chốn rừng này, lấy tên là Mậu Lâm Tự.

Sau khi thành lập ngôi chùa Mậu Lâm rồi, người khách chỉ đường ấy lại đến nói với Chánh Thông pháp sư:
- Con hy vọng được ở chốn này với Pháp sư để tu học Phật, vậy xin lão Pháp sư mở lòng từ bi thu làm đệ tử, phỏng có được không?
Lẽ dĩ nhiên là Chánh Thông pháp sư gật đầu ưng ngay và đặt tên người đó là Thủ Hạc. Từ đó, Thủ Hạc ngày ngày quét chùa, lên hương, tụng kinh, thổi cơm, sớm hôm chăm chỉ thật là tinh tiến.
Quang âm thấm thoát trôi mau. Chánh Thông pháp sư cũng viên tịch, kế đến vị Hoà Thượng thứ hai, thứ ba… vị nào cũng là bậc cao tăng đại đức kế tiếp trụ trì chùa nầy, tới vị thứ sáu lên Niết bàn thì Nguyệt Chu pháp sư thay thế là vị thứ bảy mà Thủ Hạc vẫn thường thọ và mạnh khỏe như xưa tưởng chừng sống mãi không chết. Thủ Hạc đối với bảy vị Hòa Thượng, thủy chung vẫn tỏ rất trung thực, thành kính một lòng, không hề xao lãng một

phút những việc quét tước chùa, lên hương, tụng kinh, thổi nấu ăn, nhất là đối với khách thập phương cùng dân làng chung quanh, Thủ Hạc thường thường hết lòng giúp đỡ những việc khốn khó.

Năm đó vào năm Phật lịch 2113 pháp sư Nguyệt Chu sửa soạn cử hành một đại quy mô pháp hội tại Mậu Lâm Tự, dự ước tín đồ thập phương lại nghe giảng có tới ba, bốn ngàn người, và lúc này tiết trời về tháng hạ, tất nhiên phải lo vấn đề về nước uống cho chu toàn. Pháp sư bù đầu suy nghĩ chưa tìm đâu ra được chiếc ấm trà nào to, dung lượng có thể thỏa mãn nước uống cho bấy nhiêu người.
Thủ Hạc nhìn thấu tình hình ấy liền nói với Nguyệt Chu pháp sư:
- Thưa Pháp sư! Ấm đựng trà trong chùa chỉ có thể đủ 50 người uống thôi. Ngày mai có thể tới mấy ngàn người thì làm thế nào?
- Đúng, đúng! Ngày mai nhất định có nhiều người mà ta chưa chuẩn bị được đủ số ấm đựng nước… (Pháp sư thở dài tiếp) không biết tính sao đây???
- Nếu vậy con xin đến xứ Giang Hộ, mượn một chiếc ấm trà thật lớn về đây, sư phụ tính sao?
- Đến xứ Giang Hộ, cha chả! Đường xa mấy ngàn dặm, làm sao mà tới được trong một đêm? Vả chăng, dù có đi tới xứ Giang Hộ đi nữa, chắc gì đã mang được ấm trà về?
- Xin pháp sư phóng tâm! Nhất định con mang về được. Bây giờ còn sớm con xin đi ngay, kẻo muộn không kịp.
Thủ Hạc nói xong, mặc giầy cỏ vào chân, thoắt một cái đã bước ra khỏi chùa. Còn pháp sư trong lòng vẩn vơ nghĩ, nếu Thủ Hạc có mượn được ấm cũng chẳng thể đem về kịp ngày mai…

Sớm hôm sau, Nguyệt Chu pháp sư còn đang tọa thiền trong phòng bỗng cánh cửa phòng hé mở, thấy Thủ Hạc đã chắp tay bạch:
- Bạch Pháp sư, con đã về.
Pháp sư trông qua song cửa ra ngoài hiên thấy chiếc ấm to lớn để thù lù ngăn cả lối đi thì kinh ngạc chưa kịp hỏi, bỗng Thủ Hạc đã trỏ ấm trà cười bảo:
- Có chiếc ấm này rồi, tất không còn sợ nhiều khách hay ít khách nữa.
Nguyệt Chu pháp sư tấm tắc khen ngợi Thủ Hạc:
- Thật là chiếc ấm khổng lồ, to quá! to quá!
- Chắc vác về vất vả lắm đấy!
Thủ Hạc đem ấm trà xuống phòng, đổ nước vào đun sôi thì lạ thay trong ấm bốc ra một hương thơm lạ lùng, ai uống vào cũng thấy nhẹ nhàng, dễ chịu, mà chẳng còn nóng nực chút nào. Nhân thế, người người xúm lại xin nước uống lấy uống để:
- Cho tôi một chén!

- Tôi… tôi… một chén nữa!
Thực ra, Thủ Hạc đem chiếc ấm trà nầy về chẳng khác gì đem về một ngọn suối, cứ việc đậy chặt nắp lại là nước tuôn ra bất tuyệt, dùng bao nhiêu cũng không hết và uống xong là hết khát liền. Các người thấy lạ, thì cho là chuyện hết sức huyền bí liền hỏi Thủ Hạc:
- Thủ Hạc sư phó! Ấm trà này thật là kỳ diệu, tại sao lại được như thế, hở sư phó?
Thủ Hạc nở nụ cười vui sướng nói với quần chúng:
- Ấm trà này gọi là Phúc Đức Hồ, trong có tám món công đức nên khi uống vào thấy:

1/ Không sanh bệnh.
2/ Thêm sức
3/ Không sợ sệt.
4/ Sanh trí tuệ.
5/ Có nhân duyên.
6/ Được người tôn kính.
7/ Trừ tai nạn; và sau hết.
8/ Được trường thọ. Nhân có công đức như vậy Phật tử nên uống nữa đi! Uống nhiều càng tốt.

Sau khi pháp hội viên mãn, chiếc ấm trà này trở nên một vật trân bảo của chùa Mậu Lâm.
Thủ Hạc với một tuổi thọ phi thường dài lâu, ông còn sống tới vị trụ trì thứ 10, là pháp sư Thiên Nam, mà thân thể vẫn tráng kiện như còn trẻ. Tất cả người trong vùng ai cũng tỏ vẻ cung kính ông. Nhất là bàn đến chiếc ấm Phúc Đức Lồ, tức ấm trà không ai là không ngớt tán tưởng và nổi lên nghị luận xôn xao.
- Thủ Hạc sư phó chẳng phải là người tầm thường phổ thông như ai!
- Đúng, đúng! Nếu không giỏi thì sao một mình mang nổi chiếc ấm to như thế?
- Theo ý tôi, sống tới hơn 100 năm không chết mà còn mạnh khỏe như thế, tất nhiên là hồ ly…

Tới năm Phật lịch thứ 2130, ngày 28 tháng 2, một buổi nọ trời xuân ấm áp, trăm hoa đua nở, con hoàng oanh trong bụi cất tiếng hót líu lo làm thức tỉnh cảnh u tĩnh của chùa Mậu Lâm. Thủ Hạc ngồi tắm ánh dương quang ở hành lang chùa, trong lòng cảm thấy khoan khoái êm đềm, bất giác ngủ đi lúc nào không biết. Vừa lúc đó, có một vị Sa di đi tới, bỗng hoảng nhiên trông thấy một chú cáo già đang ngon giấc, phát lên tiếng ngáy khò khò, thì thất kinh

tán đảm kêu lên:
- Hồ ly! Hồ ly!...
Thủ Hạc bị Sa di làm kinh động liền tỉnh dậy chưa kịp thu hình thì tứ phía đã xúm lại đông nghịt cùng xỉa xói xỉ vả:
- Bây giờ mới rơi mặt nạ nhé! Thì ra mi là một con hồ ly! Cứ tưởng mi lại đây nương nhờ Chánh Thông pháp sư giáo huấn tu hành học Phật để thoát cái nghiệp chướng súc sinh nào ngờ ngày nay hồ lại hoàn hồ!!! Thôi nhé! Từ nay trở đi biết đường biết nẻo thì cút, nghe chưa!
Tiếng lao xao vang đến tai Pháp sư trụ trì. Người liền ra tận nơi, Thủ Hạc thấy Pháp sư liền cung kính bạch:
- Bạch Pháp sư cùng chư đồng đạo! Đã từ lâu, tôi được ơn dầy chiếu cố, thật cảm kích bội phần. Nay vì báo đáp từ ân đem lực thần thông ra diễn một đoạn việc xưa, vậy toàn thể hãy nhìn vào phía rừng rậm kia.
Mọi người nghe xong liền trông thẳng vào rừng, thấy hiện ra một cảnh giới trang nghiêm không đâu sánh kịp, trong đó có hình ảnh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trên núi Linh Thứu đang thuyết pháp, tại tọa có tới 1250 cao cấp đệ tử và mấy nghìn vạn Thiên Long Bát Bộ, ai cũng tâm niệm niệm nghe Phật thuyết pháp. Mọi người thấy thế đều kinh lạ phép Phật thì cùng thụp lạy.
Thủ Hạc đợi mọi người ngẩng đầu lên, liền cất tiếng từ biệt:
- Giờ đây, tôi xin từ biệt quý vị. Chiếc ấm trà Phúc Đức Lồ lưu lại chùa này để làm kỷ niệm, dám xin quí vị bảo vệ cho! Thôi, xin chào quí vị ở lại!
Nói xong, Thủ Hạc lao thân như chớp vào rừng biến mất.

PHẠM NGỌC KHƯ

Tuy mang xác thân cầm thú mà tư tưởng đầy lòng từ bi, vị tha… Đó tức là người… Trái lại, hình hài là người mà tâm địa đầy dẫy lòng ích kỷ, tham lam độc ác, dã man vô nhân đạo, kẻ ấy đã là thú.

Ngày gặp phụ vương

Sau khi gặp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo, Ngài thuyết pháp ở vườn Lộc Uyển xong, lần lần đi truyền giáo các nơi, rồi thuận đường hành hóa Đức Phật đến nước Ca Tỳ La Vệ.
Được tin trước, vua Tịnh Phạn cảm mừng vô hạn, rồi tất cả Hoàng gia cũng như toàn dân Ấn Độ đều sửa soạn rước Phật trong niềm hân hoan đặc biệt.
Từ khi vượt thành xuất gia, cho đến ngày thành đạo, thấm thoát hơn hai mươi năm, hôm nay Ngài trở về, với một tấm cà sa, một bình bát đất, Đức

Phật khoan thai để chân lên đất nước thân yêu. Đức độ từ bi của Phật cảm thông cả ngọn cỏ ngàn cây, nên Ngài đặt chân đến đâu thì hoa lá tươi thêm cây cối xanh tốt. Còn từng rừng người, từng loạt sóng người đã nấc lên vì cảm động trong lúc người đi ngang qua.
Thế là chiều hôm đó, vua Tịnh Phạn thỉnh Phật thuyết pháp tại Hoàng cung. Ngài ngự trên pháp tọa cao, dung nghi đĩnh đạc, hào quang của Phật chiếu tỏa một màu sáng dịu.
Khi ấy vua Tịnh Phạn liền đứng dậy đến trước Phật đảnh lễ rồi bạch:
- Kính cẩn bạch đấng Vô Thượng Sư! Tôi nay già cả xin Ngài chỉ cho một phương pháp tu hành để được giải thoát các khổ lão, bệnh, tử.
Đức Phật bùi ngùi khi thấy Phụ Hoàng đầu bạc da nhăn, chân bước run run. Than ôi, tất cả khí tượng hiên ngang của vị Đế vương oanh liệt lúc thiếu thời, nay còn đâu nữa. Thế Tôn thương xót, Ngài đứng dậy đỡ Phụ hoàng ngồi xuống và ôn tồn bảo:
- Kính tâu Phụ hoàng, từ khi Tất Đạt Đa xuất gia cho tới ngày thành đạo, trên đường truyền giáo Pháp đệ A Nan thường bị ngoại đạo phỉ báng: "Thầy ngươi bất hiếu, bạc tình, chúng ta không phục".
- Kính tâu Phụ hoàng, ngoại đạo vô tri chỉ thấy cái hiếu tầm thường cạn cợt, không biết Như Lai quyết đi tìm một món quà vô giá để dâng Phụ hoàng và ban khắp chúng sanh, mà Da Du cũng có một phần trong đó. Món quà vô giá chính là câu Phụ hoàng hỏi đấy.
- Kính tâu Phụ hoàng! Tất cả các pháp đều vô thường, công danh như bọt, tình ái như mây, tuổi trẻ qua mau như làn điện chớp, thế mà chúng sanh chỉ bám víu theo các pháp vô thường, mà quên cái thường còn của mình là "Phật tánh". Tâu Phụ hoàng, chúng sanh đều có Phật tánh, nên ai cũng có thể phát triển khả năng thành Phật cả. Nhưng những phương pháp để phát triển khả năng thành Phật có nhiều lối, song chỉ có Pháp môn niệm Phật là thuận tiện và dễ dàng hơn hết. Như Lai khi thành Chánh giác đã dùng Phật nhãn xem khắp thế giới trong mười phương, thì chỉ có thế giới "Cực Lạc" là an vui hơn cả. Đấng Chánh biến tri ở nước Cực Lạc hiệu là A Di Đà từ kiếp xa xưa, trong lúc tu nhân Ngài đả phát 48 lời nguyện, trong ấy có lời nguyện: "Nếu chúng sanh trong tất cả mười phương, người nào phát tâm tin tưởng, phát chí tâm niệm danh hiệu ta, người ấy khi lâm chung chắc chắn được vãng sanh, nếu không như nguyện ta thề không thành Chánh giác".
Tâu Phụ hoàng! "Cực Lạc" là một thế giới an vui, chúng sanh về bên ấy chẳng những không còn bị khổ: già, bệnh, chết, oán tắng hội, ái biệt ly, cầu bất đắc… mà cũng không bao giờ thấy khổ, nghe khổ. Cõi nước thanh tịnh đầy đủ trợ duyên để chúng sanh tu hành chóng được thành tựu đạo quả.
Kính tâu Phụ hoàng! Thập phương Như Lai tu hạnh thành Phật, nói lời đúng đắn lợi ích chúng sanh. Vậy Phụ hoàng và tất cả Thích chủng nên tin tưởng,

thật hành Pháp môn niệm Phật, thì chắc chắn sẽ được thoát các khổ: sanh, lão, bệnh, tử…
Khi vua Tịnh Phạn, Di mẫu và Da Du Đà La cùng tất cả Thích chủng được nghe pháp âm của Phật đều phát tín tâm mạnh mẽ, liền chứng "Vô sanh pháp nhẫn".
Thế Tôn mỉm cười thuyết bài kệ:

"*Thích chủng có trí tuệ, nghe pháp của Như Lai phát tâm chuyên niệm Phật, người ấy khi mạng chung, quyết sanh về Cực Lạc, được thấy Phật A Di Đà, Quan Âm cùng Thế Chí, chắc chắn thành Bồ Đề*".

Thích nữ CÁT TƯỜNG

Cung phụng cha mẹ sung sướng một đời chưa gọi là hiếu, làm cho cha mẹ đời đời an vui mới là chí hiếu.

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập II - 13

Phật dạy vua Thắng Quang làm chính trị

Bấy giờ vua Thắng Quang ở nước Kiều Tát La đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ dưới chân Phật, chắp tay hướng lên Phật mà bạch rằng:
- Bạch Đức Thế tôn! Xin Ngài từ bi dạy các pháp làm chính trị cho tôi hiểu biết mà cai trị nước nhà.
Phật dạy rằng:
- Phàm là một vị Thiên Tử, chủ quyền một nước, thống lãnh muôn dân, phải rộng lòng nhân đức, đầy đủ các đức tính từ bi, thương yêu dân như cha thương yêu con vậy, hằng cầu nguyện cho được yên lành. Nếu họ có điều gì độc ác, thì nên dạy bảo khiến họ biết chừa bỏ, còn làm điều gì hiền lành ích lợi thì nên khuyến khích cho họ tin tiến thêm lên.
Nếu Đại vương thương yêu dân như cha thương yêu con, thì tất cả dân đều trung thành hiếu thuận như con thảo thờ cha mẹ.
Còn cách chính trị phải đủ: Nhân, tình, ân, thứ, khoan hậu, nhu, hòa. Thuế má chớ nên bắt họ đóng nặng, công việc chớ nên sai khiến nhọc nhằn nhiều, chọn kẻ hiền tài mà phong làm quan, mỗi người coi một việc, phải tùy cơ tùy thời, không cần phải dùng nhiều người mà sinh sự phiền phí. Nếu có kẻ

nào tàn ác, thì phải trừ khử, còn người nào hiền lành thì phải khuyến thưởng, vả lại kẻ nào sinh điều ác nghịch, không lòng trung lương, tức thì phải phạt trị, chớ nên để lạm dụng mà sinh di họa về sau!
Cần nhất phải tuân theo chế độ chân chánh của các vị Thánh Vương đời trước, chớ nên hà khắc tàn hại những kẻ dân đen, mà mắc phải khổ báo luân hồi, đền trả thân mạng về sau.
Thường phải dốc lòng tôn kính Tam Bảo, chớ sinh lòng tà kiến. Sau khi ta nhập diệt rồi, thì phó thác lại cho các vị Thánh Vương. Đại thần cùng nhau dương ngọn đèn tuệ cho thường quang minh, bánh xe pháp luân thường chạy, phải gắng sức giữ gìn cho lâu dài, chớ nên để tiêu diệt.
Nếu các Đại Vương y theo pháp tu hành mà giữ đúng như lời ta dạy dỗ, thì Chư Thiên cũng thấy hoan hỷ, các bộ Long Vương cũng đều vui lòng, trong nước được hưởng mọi sự tốt: mưa thuận gió hòa, lúa đậu được mùa, nhân dân no ấm, tai nạn tiêu trừ, nước nhà an lạc, thiên hạ thái bình, ngôi rồng của nhà vua được bền vững, phúc duyên tăng tấn, tuổi thọ được thêm cao.
Nếu được như vậy, thì tiếng đồn vang khắp gần xa, các nước lân bang đều khâm mộ, đem lễ vật đến mà cống hiến. Nếu Đại Vương tuyên truyền Chánh Pháp được như thế, thì chẳng những nước trị dân yên mà thôi, và lại sau khi thăng hà, còn được sinh về cõi trời, mà hưởng phần tiêu dao khoái lạc nữa.
Tuân lời Phật dạy vua làm lễ ra về.

TÂM MINH

Đại Bi trì nghiệm

Xưa ở nước Ma Dà Đà xứ Tây Thiên Trúc có một người Phật tử tại gia, tánh ưa sắc đẹp.
Một hôm nhân xem kinh thấy nói làng A Tu La người nam tuy xấu, song người nữ lại xinh đẹp tuyệt trần, trong lòng sanh niệm mến thích, ước làm sao được cùng kết mối lương duyên.
Không bao lâu, lại nghe nhiều vị bảo trong núi nọ có cung điện A tu La rất nguy nga tráng lệ, báu lạ như Thiên cung, liền quyết tâm trì chú Đại Bi ba năm, cầu mong được viếng cảnh mầu để thỏa lòng ước nguyện khi trước.
Ba năm đã mãn, người ấy đến từ tạ thân hữu và gọi một tên đệ tử cùng đi theo. Khi thầy trò đi đến trước núi, chí tâm tụng chú cầu nguyện bỗng cửa đá vụt mở, trong ấy lộ ra cung điện có quỷ thần canh giữ cực nghiêm, vị Phật tử liền bước tới nói rõ bổn nguyện mình trì chú muốn kết duyên cùng thần nữ A Tu La xin nhờ thông báo và thỉnh ý dùm. Kẻ giữ cửa vào thưa lại. A Tu La nữ nghe nói tỏ dáng vui đẹp, hỏi: "Đi đến có mấy người?". Đáp: "Thưa

hai người". Thần nữ bảo: "Ngươi ra thuật lại ý ta đã hứa thuận, thỉnh người trì chú mau vào, còn đồng bạn hãy tạm đứng ngoài cửa". Kẻ giữ cửa ra thưa lại, vị Phật tử liền đi vào trong.
Nhìn theo thầy mình đi rồi, người đệ tử còn bàng hoàng, bất giác bỗng tự thấy đã trở về đứng ở phía Nam của nhà mình hồi nào không hay.
Từ ấy về sau, ông nầy đã mấy lần đến chỗ cũ, song chỉ thấy vách đá đứng sững, mây khói mịt mù, không còn được nghe biết tin tức gì bên trong nữa.
Nhân đó, người đệ tử phát tâm lìa nhà tu hành, nguyện trọn đời ở nơi Già Lam cúng dường ngôi Tam Bảo.
Khi ngài Huyền Trang sang Ấn Độ tu học, trụ ở chùa Na Lan nghe chính người đệ tử nầy thuật chuyện lại…

LIÊN DU

Ở đâu có nhiều dục vọng, ở đấy có nhiều khổ đau.

Đức Phật với người nghèo khổ

Một hôm Phật ứng thỉnh ông Cấp Cô Độc, đến Tịnh xá ông lập an cư 3 tháng. Phật thuyết pháp giáo hóa nhân dân thành Xá Vệ vô số, ai cũng cảm mến Ngài và được ánh đạo soi sáng đời sống. Nên sau 3 tháng an cư, khi Ngài ra đi, từ quan quân cho đến dân chúng ai cũng khóc thỉnh Đức Phật ở lại ít nhất là một tuần nữa. Nhưng Ngài không hứa nhận, bấy giờ trong nhà ông Cấp cô Độc có người tớ gái tên là Phước Lê, nàng rất nghèo khổ nhưng giàu lòng hướng thượng: Nghe Phật ra đi, nàng cũng như mọi người, lòng buồn tủi vô hạn, nhưng nàng nghĩ Đức Phật không phân biệt nghèo khổ như ai, nên đánh bạo đến trước Phật đảnh lễ và thỉnh Phật ở lại. Phật liền nhận lời và ôn tồn bảo mọi người:
- Lòng ta không phân biệt, song chỉ muốn làm cho mọi người nghèo khổ mà nàng Phước Lê là một người được tắm gội ánh đạo từ bi. Ta nhận lời để mọi người thấy rằng người nghèo khổ không phải đáng khinh. Trí giác chỉ có ở nơi họ cũng như lửa chỉ có ở nơi cây khô.
Được Phật nhận lời và nghe Ngài dạy như vậy, mọi người đổi cái nhìn khinh thị ra cái nhìn biết ơn, nhìn nàng Phước Lê và nói với nhau:
- Người nghèo khổ nhất lại có thể gần đấng Trí Giác nhất.

MINH CHÂU

Không nên căn cứ vào địa vị xã hội hay là gốc tích cha mẹ bà con mà phán đoán một con người nào. Con người sinh ra là tuân theo cái nghiệp của mình. Nó khiến mình vào lòng người đàn bà sau mà đáp sự thừa thiếu ở đời trước vậy.

Cò và cua

Một ngày kia, ở vườn Trúc Lâm, trước một số đông đệ tử, trong đó có vua (Vimbasana) Bình Sa Vương và Hoàng tử A Xà Thế (Ajâtacatrou) Đức Phật bố thí Pháp, Ngài nói:
- Hỡi các đệ tử, nghe và suy ngẫm ta nói: "Dùng mưu mô xảo trá để mưu đồ một việc gì, không bao giờ thành công. Ác nghiệt, bạo tàn, chỉ đem lại kết quả thảm khốc".
Để chứng minh câu hỏi đó, ta kể cho các đệ tử nghe một câu chuyện sau nầy ta đã chứng kiến.
Trong một tiền thân ta xưa kia, ta là một vị thần ở một cổ đại thụ. Cổ đại thụ mọc trên một khoảng đất, hai bên có 2 cái đầm: một cái nhỏ xấu, một cái lớn nom rất ngoạn mục. Trong cái đầm nhỏ có rất nhiều cá, cái lớn sen mọc che kín mặt nước.
Gặp một năm, trời làm tiêu khô, hạn hán, cái đầm nhỏ nước cạn gần hết, trái lại cái đầm lớn có sen phủ, không bị cạn, nước lúc nào cũng mát rượi.
Tình cờ một con cò đi ngang qua đó, nom thấy trong đầm nhỏ nhiều cá vô kể. Nó đứng lại, co một chân lên suy nghĩ: "Cá nhiều thế này, tuyệt quá, nhưng giống này lanh lắm, đụng vào, chúng sẽ lủi bằng hết, vị tất đã bắt được con nào. Ta không nên kinh động, phải lập mưu mà tỉa dần".
Nhưng nghĩ cũng ái ngại cho chúng, chen chúc nhau trong bùn nóng, nếu chúng được sang bên đầm bên kia, chúng được vẫy vùng, sung sướng lắm.
Trong đàn cá, có một con thấy Cò có một dáng điệu kỳ khôi, co một giò, đứng hàng giờ không nhúc nhích, như một tu sĩ quán thiền nhập định bèn hỏi:
- Tôn ông chắc có điều gì thắc mắc mà trầm tư mặc tưởng lâu thế?
- Đúng thế em ạ, nom thấy các em, anh không khỏi mủi lòng, nghĩ thân phận của các em anh rất lo và ái ngại.
- Tại sao Tôn ông nói lo và ái ngại cho chúng em?
Cò nói:
- Các em không thấy ư? Nước cạn gần hết, nếu trời cứ nắng như thế này, chẳng mấy lúc nước cạn hết, lúc đó các em sẽ ra sao, các em không nghĩ đến điều đó à? Các em sẽ chết khô hết. Nghĩ thế nên ta không cầm nổi nước mắt.
Đàn cá nghe cò nói, hoảng cả lên, đứng khấu đầu trước vị cứu tinh, năn nỉ:

- Tôn ông ơi, Tôn ông có mưu chước gì tế độ, giúp chúng em thoát khỏi cảnh hiểm nghèo này không?
Cò làm bộ nét mặt rầu rầu, vờ đứng suy nghĩ một lúc rồi chậm rãi nói:
- Anh suy nghĩ đã nhiều, chỉ có một kế nầy có thể cứu các em trong tình trạng nguy ngập này.
Đàn cá chen lấn nhau, lắng tai, cố nghe cho rõ, Cò nói:
- Ở gần đây có một cái đầm tuyệt đẹp, rộng lớn hơn cái nầy nhiều, sen mọc phủ đầy đầm, nước vì thế không cạn. Các em di cư sang ở bên đó, anh lấy mỏ cắp từng em một chuyển sang, chỉ có cách đó mới có thể thoát được cảnh hiểm nghèo thập phần nguy ngập nầy.
Đàn cá nhiệt liệt hoan hô tán thưởng. Bỗng có một con Cua la lớn:
- Thật từ thuở lọt lòng mẹ tôi ra đến bây giờ, chưa bao giờ thấy có chuyện kỳ khôi như thế này!
Đàn cá nhao nhao lên chất vấn con Cua:
- Chú mầy lạ cái gì? Lạ làm sao?
Cua trả lời:
- Từ khai thiên lập địa đến giờ, có thuở nào Cò thương hại bọn Cá, Cua chúng mình. Chỉ khi nào nó đói, nó mới mò mẫm hỏi thăm anh em mình.
Cò làm ra bộ nhân đức, nghĩa hiệp xen vào:
- Chú Cua ơi! Lời nói của chú thất đức, tội quá, chú gieo rắc sự nghi kỵ, để cả bọn này chết thảm, chết nhục hay sao? Anh chỉ tâm tâm niệm, cố làm sao cứu được các em trong lúc này là anh sung sướng, anh không có tà tâm, ác ý nào.
Quay về đàn cá, Cò nói:
- Lòng anh trong trắng, các em không nên nghi kỵ, phụ lòng. Muốn rõ hư thực, hãy cứ chỉ định một em, anh quắp sang bên kia đi chơi ít lâu rồi anh lại quắp về. Em đó sẽ tường thuật lại, các em sẽ rõ, lời anh nói, việc anh làm có đúng không.
Đàn cá tán thưởng ý kiến đó, đề cử một chú cá già mắt kèm nhèm, cho là chú này khôn ngoan, cho đi công cán để thăm dò đường đất.
Cò lấy mỏ quắp chú cá già sang đầm bên kia, thả xuống. Chú cá già tha hồ tung tăng, vùng vẫy thỏa thuê.
Khi ủy viên công cán trở về với đồng bọn ca ngợi cò hết lời, nó tường thuật đầm bên kia thật là bồng lai tiên cảnh.
Tất cả đàn cá nghe nói thích quá, suy tôn Cò là vị cứu tinh, nhao nhao xin Cò hoan hỷ chuyển vận di cư sang ngay bên đó, Cò nói:
- Anh xin hết lòng phục vụ các em, anh sẽ chuyển các em sang dần. Chú cá già được Cò quắp mỏ đi tiên phong. Lần này Cò có đem chú cá già sang đầm sen đâu, Cò quăng chú xuống đất, rỉa hết thịt, còn xương vứt ở dưới gốc cây cổ thụ. Ăn thịt cá già. Cò quay về đầm bảo đàn cá:

- Nào em nào muốn đi với anh bây giờ?
Tất cả đàn cá nóng lòng muốn biết cảnh non bồng tranh nhau đi, Cò tha hồ lựa chọn, con nào vừa mắt đem đi ăn thỏa thích.
Dần dần cả đàn cá, con lớn, con nhỏ, con già, con trẻ được định cư vào bụng Cò.
Tất cả đầm chỉ còn sót lại một con Cua. Cua vẫn thắc mắc nghi sự man trá, thủ đoạn của Cò. Nó nghĩ:
- Ta nghi quá, đàn cá được sang bên đầm sen thật là vô lý, không khéo cả đàn, cả lũ chui hết vào bụng Cò gian hùng.
Ở đây đất hẹp nước cạn, ta cũng cần phải di chuyển đi nơi khác, nhưng có đi ta cũng phải tính toán kỹ càng, phòng Cò có manh tâm phản phúc, ta phải có cách đối phó kịp thời. Mình mà có chết nó cũng khó bảo toàn được tính mạng nó.
Cò lại gần Cua, vồn vã, mơn trớn:
- Bây giờ đến lượt chú mầy, anh đưa chú mầy sang bên đó?
Cua hỏi:
- Thế anh đưa em sang bằng cách nào?
Cò nói:
- Ô hay! Thì cũng như các em cá, anh quắp vào mỏ, chứ còn bằng cách nào?
Cua nói:
- Em nghĩ như thế không được anh ạ. Cái áo (vỏ) của em nó cứng ngắc mà trơn lắm, anh quắp em sẽ bị tuột mất. Nếu anh cho em bám vào cổ anh em cố lựa không để anh đau đâu, như thế có lẽ bảo đảm hơn, chắc chắn hơn.
Cò nghe gật đầu ưng thuận.
Cò đem Cua đi, đến gần gốc cây nó đứng lại. Cua hỏi:
- Sao anh lại đứng lại chỗ này, anh Cò? Anh mỏi chân rồi à? Hai cái đầm cũng chẳng cách xa nhau mấy.
Cò lặng thinh không biết đằng nào trả lời.
Thấy khác ý Cua bèn bắt đầu dùng hai cái càng siết chặt cổ Cò:
- À nầy! Cái đống xương cá ở dưới gốc cây đã tỏ lòng thâm độc, xảo quyệt của mầy. Cò ơi! Mầy không lừa nổi tao đâu như mầy đã bịp tụi cá.
Cò bị đau quá, nước mắt dàn dụa thổn thức:
- Em Cua ơi! Anh đau quá! Anh không hại em đâu, anh sẽ đưa em sang đầm sen.
Cua nói như truyền lệnh:
- Đi, mau!
Cò lủi thủi sang bên đầm sen, vươn cổ đặt ngang mặt nước, để Cua xuống. Nhưng Cua dùng hết sức hai càng siết chặt cứa cổ Cò đứt làm đôi.
Vị thần ở cổ đại thụ, được mục kích nói:
- Cua làm thế phải lắm. Ác giả, ác báo! Đừng mưu mô xảo trá để mưu đồ vị

kỷ không bao giờ thành công.
Ác nghiệt bạo tàn chỉ đem lại kết quả thảm khốc.
Con cò gian manh lại gặp phải con Cua mưu trí.
Đức Phật kết thúc thời pháp, Ngài nói:
- Hỡi các đệ tử, nhất là Hoàng tử A Xà Thế có mặt ở đây, chớ có quên chuyện ta vừa kể.
Vua Bình Sa Vương khấu đầu trước Phật, cám ơn Ngài đã bố thí cho một thời Pháp rất hữu ích, những ai có tánh mang tâm, sâu độc lấy đó làm gương mà sửa mình.

NGUYỄN THẾ VINH

Hại người sẽ bị người hại,
Oán người sẽ bị người oán,
Mắng người sẽ bị người mắng,
Đánh người sẽ bị người đánh.

Nàng dâu giỏi

Có một thời Đức Phật ở trong vườn của ông Cấp Cô Độc và cây của ông Kỳ Đà thái tử tại nước Xá Vệ, vua Ba Tư Nặc chủ nước ấy, có một quan đại thần tên là Lê Kỳ Di ông là người rất hiền hậu và giàu có lắm, ông sinh hạ được bảy người con trai, sáu người con lớn ông đã gây dựng cho thành gia thất cả rồi.
Bấy giờ ông tự nghĩ rằng hiện nay mình già sức yếu, sống chẳng bao lâu nữa, mà xem tất cả mấy nàng dâu lớn, không ai là người đủ tài đảm đang giữ gìn được cơ nghiệp này. Nay còn một người con út, cần phải kén chọn một nàng dâu sao cho đủ tài năng đức hạnh để giao phó thì mới an tâm.
Ông nghĩ xong liền cho mời một ông bạn thân tới để bàn về việc đó. Khi ông bạn kia tới ông tiếp đãi rất trọng hậu rồi nói với ông bạn rằng:
- Tôi còn một cháu út, nay muốn gây dựng cho cháu, nhưng chưa tìm được nơi nào xứng đáng, vì cháu là người thông minh đĩnh độ, nên tất cả cơ nghiệp sau này của tôi, tôi định giao cho cháu út chủ trương.
Xưa nay ông là người hay đi lại khắp nước, tôi muốn phiền ông làm ơn giúp cháu việc này, xin ông để ý cho, xem đâu có người con gái hiền hậu tài năng tương đương với cháu xin ông cố làm mối giúp cho.
Ông bạn nhận lời, đi thăm dò khắp cả, khi đến nước Đặc Xoa Thi Ly thất một tốp con gái rủ nhau đi hái hoa để trang điểm chơi với nhau. Ông liền

theo dõi để ý xem xét, một lúc đi tới quãng đường lội thì các cô đều trút guốc và vén áo lội qua. Trong số đó chỉ có một cô người rất xinh xắn, và coi có vẻ thông minh hiền hậu lắm, lúc lội xuống cô để yên cả áo và đi cả guốc lội qua. Lúc đến rừng, các cô kia đều tranh nhau trèo lên cây hái hoa, riêng cô ấy cứ đi xin mỗi người một vài hoa và không bao lâu mà đã được đủ các thứ hoa.

Bấy giờ ông kia liền đến tận nơi hỏi cô ấy rằng:

- Thưa cô, tôi có chút việc hơi thắc mắc cô có thể làm ơn chỉ giúp cho?
- Thưa cụ, cụ cần có điều chi hỏi đến cháu, cụ cứ nói, nếu cháu biết cháu xin trả lời.
- Vì sao lúc nãy lội qua nước, tất cả mọi người đều bỏ guốc mà chỉ một mình cô đi cả guốc là sao?
- Thưa cụ, sở dĩ người ta chế ra guốc cốt để hộ vệ cho bàn chân. Đi trên khô, nếu có chông gai đá sỏi còn có thể thấy được để tránh, chứ ở dưới nước đáy nước là chỗ khuất mắt không trong thấy, thì những thứ chông gai ngói sỏi rắn độc, rất dễ làm hại chân người, vì thế mà cháu không bỏ guốc chứ có chi lạ.
- Mọi người đi qua chỗ lội đều vén áo, riêng cô không vén áo là sao?
- Thưa cụ, thân thể người ta có tốt có xấu, nhất là đàn bà con gái nếu đi chỗ lội mà vén áo lên rất là khó coi, bị người ta chê cười, vì thế cháu cứ để yên.
- Thế sao chỉ có mình cô không lên hái hoa?
- Thưa cụ! Vì sợ gãy cành nên cháu không dám lên.

Người con gái ấy chính là con ông Đàm Ma Ha Tiện, ở nước vua Ba Tư Nặc, trước vì bị tội trốn sang đất nước nầy, lấy vợ sanh ra người con gái đặt tên là Tỳ Xá Ly. Ông nghe những lời lẽ trên biết là người hiền lành, liền hỏi lại rằng:

- Cha mẹ cô còn không?
- Thưa cụ, hãy còn cả.
- Nay tôi muốn vào thăm ông bà nhà có được không?
- Xin mời cụ quá bộ lại, cháu xin về thưa ngay với thầy mẹ cháu.

Khi tới nơi người con báo tin cho cha mẹ biết, liền cùng ra đón tiếp thân mật, ông liền hỏi rằng:

- Có phải người con ấy là con của ông bà không?
- Thưa phải!
- Xin lỗi, đã gả cho ai chưa?
- Thưa cháu hãy còn nhỏ chưa dám cho ai.
- Ông bà có biết ở nước Xá Vệ có quan Đại thần tên là Lê Kỳ Di không?
- Trước tôi đã quen biết.
- Thưa ông bà, hiện nay ông ấy còn một người con út rất thông minh ngay thẳng và cực kỳ khôi ngô, ông muốn nhờ tôi đến thưa chuyện với ông bà để

cho cậu út ông ấy được kết duyên cùng cô em nhà, việc đó nên chăng thế nào xin ông bà cho biết ý kiến tôi xin cám ơn.
- Ông ấy cũng là một nhà hào kiệt xứng đáng nếu quả có lòng thương cháu thì chúng tôi cũng vui lòng.
Khi được rồi, may sao lại có người về nước Xá Vệ, ông liền viết thơ gởi cho ông Lê Kỳ Di bảo cho ông biết các việc đã xong xuôi, đúng như ý muốn của ông, vậy sắm sửa sang đón dâu về.
Ông Lê Kỳ được tin mừng, lập tức sắm sửa đủ các lễ vật, xe ngựa, đi sang gần tới nơi, cho người báo tin cho ông Đàm Ma Ha Tiện biết. Ông liền sắp đặt đón rước rất là long trọng, mời cả họ hàng bạn bè yến tiệc ròng rã suốt bảy ngày. Lúc trở về Xá Vệ cô con gái vào bái biệt cha mẹ, bấy giờ bà mẹ đứng trước mặt mọi người dặn con rằng: "Từ nay về sau lúc nào con cũng mặc áo thật đẹp, thường phải ăn các thứ thật ngon, ngày nào cũng phải soi gương luôn".
Người con gái quỳ xuống xin vâng lệnh.
Ông Lê Kỳ Di nghe thấy thế, nghĩ thầm trong bụng lấy làm giận lắm, cho người ta sinh ra ở đời những sự khổ sự vui làm thế nào mà ấn định được. Sự ăn ngon, mặc đẹp làm thế nào mà có mãi được, huống chi là soi gương suốt ngày thì lại càng vô lý lắm.
Tuy ông nghĩ như thế, nhưng dù sao ông cũng phải giữ lễ chủ khách cho qua, và đã trót tin ở ông bạn rồi, bây giờ cũng đành cố nhẫn xem sao.
Công việc xong, đôi bên từ giã, cùng nhau thẳng đường về trước. Khi đến giữa đường vào nghỉ nhờ một nhà trọ, rất lịch sự mát mẻ, ai nấy đều lấy làm vui thích, mọi người đến trước đều đã nghỉ ngơi cả. Khi cô dâu đến sau, cô nói với bố chồng rằng: "Xin dời nhà khác, chớ ở đây".
Ông cũng không trái ý, thu xếp ngay chỗ thoáng đãng rộng rãi nghỉ ngơi, còn mấy người cố ý không nghe ở lại, đến đêm những voi ngựa buộc chung quanh nhà bị ngứa ngáy, chúng nó cọ xát đổ nhà cột gãy, đè phải người ở trong, người thì chết người thì bị thương, không người nào thoát cả.
Bấy giờ ông nghĩ rằng, "Hôm nay ông thoát chết là nhờ ở con dâu, nên từ đấy ông đem lòng kính nể tin cậy."

Hôm sau lại lên xe ngựa đi đến bên một bờ sông con, mọi người thấy cây cối um tùm mát mẻ liền dừng lại nghỉ, khi cô dâu đến sau, cô cũng lại nói là đi chỗ ngay chỗ khác, không ở đây, phải lên trên chỗ cao ráo mới có thể yên được.
Mọi người nghe lời vừa đi lên trên ngọn đồi nghỉ được một lúc thì bỗng dưng đùng đùng nổi lên cơn giông tố, ầm ầm gió táp, mây kéo nghịt trời, sấm vang chớp giật, mưa xuống như trút, trong khoảnh giây phút mà nước ngập hết cả đường đi lối lại những chỗ vừa qua.

Bấy giờ ông Lê Kỳ lại nghĩ rằng: "Hôm nay lại nhờ con dâu nên tất cả mọi người được thoát chết". Từ đấy nàng dâu nói câu gì ai ai cũng lấy làm tin cẩn.
Khi về đến nhà, ông cho mời tất cả họ hàng, bạn bè thân thích đến mở tiệc ăn mừng rất là vui vẻ.
Mấy hôm xong công việc, ông liền cho hội họp tất cả các con dâu lại mà bảo rằng:
- Bây giờ cha già tuổi yếu, tất cả công việc và của cải trong nhà, nay cha muốn giao lại cho các con trông coi gìn giữ giúp đỡ cha. Vậy ai có thể đảm đương được thì nhận lấy công việc và cầm lấy chìa khóa các kho tàng.
Sáu người đều từ chối, chỉ có nàng dâu út nhận lời. Khi nhận công việc rồi thì nàng hết sức chăm chỉ, sáng dậy sớm, sai bảo các người ở sửa sang quét dọn nhà cửa, đi chợ nấu ăn, sắp đặt việc dâng cơm lên cha mẹ và dọn cho cả nhà ăn, rồi thu xếp cho các người tôi tớ ăn xong, phân công người nào việc ấy, xong xuôi tất cả công việc rồi nàng mới ăn.
Ngày nào cũng như thế, ông bố chồng thấy nàng khác hẳn người phàm, lấy làm lạ nhất là không thấy nàng làm theo những lời mẹ dặn khi bước chân về làm dâu. Ông liền hỏi:
- Trước khi con về nhà chồng thì mẹ con có dặn là: "Phải ăn ngon, mặc đẹp, ngày ngày soi gương", việc đó có ý nghĩ như thế nào?
Nàng liền thưa:
- Theo chỗ mẹ con dặn phải mặc áo đẹp, nghĩa là ở trong thân thể phải luôn luôn giữ gìn cho sạch sẽ, còn áo mặc thường chỉ cốt sao cho bền chắc sạch sẽ là đủ. Những lúc hội họp tiếp xúc với tân khách mới cần phải ăn mặc cho xứng đáng.
Còn ăn ngon, không phải là ăn các thứ cao lương mỹ vị béo bổ, mà ý mẹ con dặn nên ăn muộn lại cốt để cho đói thì ăn mới ngon, bấy giờ dù thức ăn thế nào cũng vẫn thấy ngon.
Còn ngày ngày soi gương, không phải các thứ gương soi thường dùng. Mà ý mẹ con dặn phải dậy sớm, chăm chỉ quét dọn, rửa ráy trong ngoài mọi nơi cho sạch sẽ, sửa sang kê lại bàn ghế thẳng tề chỉnh gọn gàng, không được để chỗ nào xiên xẹo bẩn thỉu. Nhất là mỗi ngày phải kiểm điểm trong ngày ấy mình có phạm lỗi lầm gì không để mà sửa chữa… Đó chính là ý nghĩa những điều mẹ con đã dặn.
Nghe xong, trong lòng ông rất kính phục là bà mẹ có biệt tài dạy con, mà con cũng là người khác hẳn phàm tục, ông liền giao phó tất cả cơ nghiệp cho trông coi, và từ đấy vui vẻ không còn lo ngại gì nữa.

Có một hôm, đàn chim nhạn bay qua sân nhà vua, nó đánh rơi một bông lúa "tám cánh" là một thứ lúa rất quí ở mãi ngoài bể khơi, mọc ở các gò rất xa,

khi nó ăn tha về qua đánh rơi. Có người nhặt được đem dâng vua, vua cho là thứ lúa ấy có thể làm thuốc được, vậy không nên bỏ đi, liền chia cho các quan mỗi ông mấy hạt về làm giống cấy để dành.
Ông Lê Kỳ Di được phần đem về cho cô dâu út, nàng liền sai người làm ruộng rất kỹ càng và ở trong thửa ruộng tốt nhất gieo mạ chăm chỉ cấy. Đến mùa sau, được bao nhiêu lại để giống gieo nàng cho là giống lúa quí nhất mà xưa nay ít thấy, kế tiếp mãi mùa nọ sang mùa kia, số thóc đó trong nhà ông có rất nhiều.
Bấy giờ Hoàng hậu bị bệnh rất nguy kịch, các thầy thuốc đều bảo làm thế nào lấy được thứ lúa tám cánh ở ngoài bể để chế thuốc thì mới chữa được, không thì đành phải chịu.
Vua liền nhớ lại ngày trước có được thứ lúa ấy đã giao cho các quan đem về làm giống cấy. Vua liền triệu các quan vào hỏi việc đó. Ông thì nói nó không nở, ông thì bảo bị chuột ăn, ông thì nói sâu cắn, mỗi ông có mỗi cách, không ông nào còn lại hạt nào.
Ông Lê Kỳ Di về hỏi lại con dâu, thứ lúa ngày xưa cho đem cấy bây giờ thế nào, nay nhà vua cần một ít để làm thuốc cho Hoàng hậu, cần lắm.
Người dâu đáp: "Thứ lúa ấy hiện nay ở nhà có rất nhiều, nếu chỉ làm thuốc thì có thể chữa cho cả nước cũng không hết, chứ chữa cho một người thì có là bao".
Ông Lê Kỳ Di đưa lúa vào, vua cho thầy thuốc dùng chữa được Hoàng hậu khỏi ngay. Vua rất mừng rỡ, ban thưởng các phẩm vật và vàng ngọc cho ông rất nhiều.

Bấy giờ giữa nước Đặc Xoa Thi Lý và nước Xá Vệ hai bên hiềm khích nhau, thường thường xảy ra những sự xung đột trở nên rối loạn.
Vua nước Đặc Xoa Thi Lý muốn thử xem nước Xá Vệ có những bậc hiền tài trí tuệ không, liền sai sứ giả mang sang hai con ngựa thật giống nhau như một. Hỏi xem con nào là con, con nào là mẹ.
Vua cho hội họp cả các quan lại bàn, tuyệt không ai biết làm thế nào mà biết được.
Ông Lê Kỳ Di cũng đi họp về, tỏ vẻ buồn rầu lắm, vì nếu không hiểu được thì cả nước sẽ bị khinh.
Ông về tới nhà, người dâu thấy ông có vẻ khác, liền hỏi ngay thì ông nói lại việc trong triều cho nghe.
Nàng nói:
- Việc đó có khó gì phải lo ngại, nghĩa là đem ít cỏ rất ngon bỏ cho cả hai con, thì thế nào mẹ nó cũng nhường cho nó ăn trước, phân biệt rõ ngay.
Hôm sau ông vô vào tâu làm đúng như thế, thử xong gọi sứ giả vào bảo, người kia nhận là đúng. Vua lấy làm mừng lắm, lại ban thưởng cho ông

được thăng phẩm tước và bổng lộc.
Khi sứ giả về tâu vua nước kia, thì vua nước ấy lại sai mang sang hai con rắn dài bằng nhau, hỏi xem con nào đực con nào cái?
Vua quan bên này lại hội họp cùng bàn, cũng lại không giải quyết được, ông Lê Kỳ Di lại về hỏi con dâu xem như thế nào thì biết được? Nàng bảo:
- Lấy lụa trải xuống đất, rồi đặt hai con rắn lên trên, hễ thấy con cái thì nó nằm yên, còn con đực thì nó cựa quậy luôn. Bởi vì tánh con cái thích trơn nhẵn êm dịu không thích động, còn tánh con đực thì mạnh mẽ hay bạo động, suy đó có thể biết được.
Ông lại vào tâu vua làm đúng như thế rồi bảo sứ giả, cũng chịu nhận là đúng. Vua lại ban thưởng tước lộc cho ông.
Sứ giả về tâu lại, vua nước kia lại cho mang sang một cây gỗ dài 10 thước, bào nhẵn hai đầu giống nhau, lại cho sơn kín. Hỏi đầu nào là gốc, đầu nào là ngọn?
Tất cả vua quan bàn nhau mãi cũng không ai nghĩ ra, ông Lê Kỳ Di lại về hỏi con dâu: Nàng bảo:
- Đem thả xuống nước, đầu nào chìm tức là gốc, còn đầu nào nổi là ngọn.
Hôm sau sứ cũng làm cho đúng như thế, rồi lại trả lời cho sứ giả. Sứ giả chịu nhận là đúng. Vua lại ban thưởng tước lộc cho ông.
Còn vị sứ giả về trình tấu với vua nước ấy mọi sự việc. Vua nước ấy nghe xong rất lấy làm hoan hỷ, cho là ở trong nước bạn có bực hiền tài thực phải tôn kính.
Vua liền cho sắm sửa lễ vật và các thứ châu báu, sai sứ giả mang sang cống hiến và đề nghị từ nay hai nước nên tu chỉnh lễ nghĩa, giữ tình giao hảo tốt đẹp với nhau, vì nước bạn thực đã có bực hiền tài phước đức.

Vua Ba Tư Nặc bấy giờ lại càng mừng rỡ sung sướng, liền cho triệu ông Lê Kỳ Di vào, đồng thời hỏi ông làm thế nào mà trước đây ông quyết đoán được mọi sự thử đố của nước láng giềng.
Ông thành thực tâu với vua, không phải chính ông có những sáng kiến đó, mà chính là do tài trí của người dâu út của ông.
Vua nghe xong hết sức cảm phục, cho triệu nàng vào cung và ban đặc ân nhận nàng là em thứ ba của vua.

Nàng dâu Tỳ Xá Ly nầy sau sanh ra một bọc 32 cái trứng, nở ra 32 người con trai, người nào cũng thông minh anh dũng, văn võ toàn tài, sức một người địch nổi muôn người, cha mẹ rất yêu mến mọi người đều kính sợ.
Những người con kia khi khôn lớn lên lấy toàn con gái các nhà hào phú trong nước, thuần là những con nhà phúc đức hiền hậu.
Cả nhà này đều ngưỡng mộ Phật pháp, thường thỉnh Phật và Chư Tăng tới

cúng dường và được nghe thuyết pháp, nên người nào cũng đã đắc đạo chứng được bậc sơ quả, duy còn một người con út chưa chứng đạo.

Có một hôm cưỡi ngựa đi chơi ở ngoài thành, lúc đi qua một cái cầu, gặp một chàng thiếu niên con quan Phụ tướng đi tới cầu. Chàng thiếu niên kia đi xe, hai bên gặp nhau, đều cậy vào con nhà hào phú quyền thế không ai chịu nhường bước ai. Lúc đó con bà Tỳ Xá Ly nổi giận, lập tức xuống dùng sức mạnh lôi xe của chàng kia vứt xuống vệ cầu, làm cho thân thể chàng bị thương nặng.
Chàng bị đau bưng đầu khóc, về mách với cha: "Con của Tỳ Xá Ly nó làm nhục nên con bị đau đớn như thế này.
Quan Phụ tướng thấy con bị thương rất lấy làm tức tối và thương con, song ông lại nghĩ: "Lũ con nhà kia có sức khỏe, hiện nay cả nước không ai dám địch với chúng", nên ông nghĩ kế để báo thù.
Ông liền thuê thợ làm 32 cái roi toàn bằng thép ở trong có lưỡi rất sắc, ngoài bọc kín chỉ nhìn như bao kiếm, đem tặng cho mỗi người một chiếc. Lúc đem tặng nói là các cậu trẻ tuổi nên dùng thứ nầy để thường cầm tay cho tiện, tất cả đều nhận để chơi, vì thấy nó rất nhỏ rất xinh.
Luật trong nước lúc bấy giờ cấm không ai được mang dao trong mình, sau khi tặng ông thấy các người con của bà Tỳ Xá Ly thường mang roi đi chơi, ông mới vào dèm tâu với vua rằng, 32 người con của bà Tỳ Xá Ly mỗi người sức địch được hàng nghìn người, nay xem như là có ý ám hại vua. Vua nghe không lấy gì làm tin, ông liền tâu tiếp. Nếu vua không tin cho nghiệm xét sẽ thấy. Hiện nay thường nào cũng mang dao dấu trong roi ngựa, cứ lấy đó suy ra là đúng.
Vua liền đòi vào xem thử quả đúng.
Lập tức vua cho triệu các người lực sĩ vào mai phục ở trong cung rồi cho gọi tất cả 32 người con của bà Tỳ Xá Ly vào, giết chết xong cắt tất cả đầu đóng vào một cái hòm đậy kín, cho mang lại nhà em vua là bà Tỳ Xá Ly.

Đúng ngày hôm ấy lại là ngày bà thỉnh Phật và Chư Tăng về nhà thọ trai, khi có người mang hòm đến bà tưởng nhà vua giúp thêm thứ gì cho bà, định mở ra, Phật liền ngăn lại, bảo để ăn cơm xong đã.
Khi ăn xong, Phật cho tất cả mọi người cùng ngồi, Phật thuyết pháp cho nghe. Phật nói:
- Tất cả cái thân của người ta đây, đều là vô thường không có chi là bền chắc cả. Phàm đã có thân đều phải chịu những sự đau khổ, không thể kêu ai được. Tất cả muôn sự muôn vật ở đời đều là giả dối, như chiêm bao, như bọt nước, không có chi là có thực. Cái thân này cũng là giả hợp, mượn nhiều nhân duyên họp lại mà thành, đến khi nhân duyên hết lại tan rã, như cây chuối kia

khi bóc hết bẹ ra là không thấy cây đâu nữa. Nói tóm lại, phàm đã có sinh ra thân này đều phải chịu những sự lo buồn khổ não nó ràng buộc, những sự lo buồn khổ não nó ràng buộc, những sự đắng cay chua xót nó vẫn ở luôn bên mình, những sự yêu mến nhau tới lúc ly biệt nhau làm cho nhau thương xót ảo não, uổng chịu những nỗi khổ đau làm cho thân tâm nhọc mệt mà không ích lợi gì cho đạo cả, không có gì đứng mãi không đổi thay tàn hoại. Chỉ có những người có trí tuệ mới hiểu các lẽ đó.
Lúc đó bà Tỳ Xá Ly nghe xong liền tỉnh ngộ, chứng được quả A Na Hàm, vui mừng chắp tay bạch Phật:
- Xin Phật thương xót cho con được làm theo bốn điều nguyện như sau:

1. Xin cung cấp thuốc thang cơm nước cho các vị Tỳ kheo bị đau ốm.
2.Cung cấp cho những người trông nom các vị Tỳ kheo bị bệnh.
3.Cúng dường các vị Tỳ kheo ở xa mới tới.
4.Cúng dường lương thực thuốc thang cho các vị Tỳ kheo đi xa.

Bởi vì những vị bị bệnh nếu không có đủ thuốc thang ăn uống, có thể nguy mất tánh mạng.
Những người săn sóc cho các vị bị bệnh, nếu thiếu các sự ăn uống và cần dùng, thì người ấy sẽ bỏ vị bị bệnh, người bệnh khó khỏi.
Những vị ở các phương xa mới tới, còn lạ lùng bỡ ngỡ, đi xin rất khó, hoặc gặp chó dữ hoặc gặp người không tốt, có khi họ làm cho khó chịu sanh lòng căm giận nên con phải cúng dường các vị ấy trước.
Các vị Tỳ kheo đi xa cần nên có bạn, nếu không có bạn hoặc thiếu lương thực, hay không đi kịp bạn, đường lối hiểm trở gặp nhiều thú dữ, có khi xảy ra tai nạn, vì thế nên phải cúng dường cung cấp cho các vị ấy trước.
Khi Phật nghe bà Tỳ Xá Ly phát nguyện như thế, Phật liền khen ngợi: “Hay lắm, hay lắm! Ngươi phát nguyện như thế cũng như cúng dường Chư Phật”.
Công việc xong, Phật và Chư Tăng cùng về Kỳ Hoàn Tịnh Xá.

Sau khi Đức Phật về rồi, bà Tỳ Xá Ly mới mở hòm ra, trông thấy 32 cái đầu, nhưng nhờ bà đã hiểu đạo, dứt bỏ được mối ái dục, nên không đến nỗi áo não lắm.
Về phía họ hàng bên vợ của 32 người con kia, khi được tin đều lấy làm đau khổ vô cùng và căm giận lắm. Cho vua là người vô đạo, giết hại những người lương thiện, nên cùng nhau chiêu tập binh mã kéo tới vây kín cả chung quanh nhà vua định để báo thù.
Vua lấy làm sợ hãi quá, vội vàng chạy tới chốn Phật ở, các người kia lại kéo quân tới, vây kín chung quanh Tịnh Xá Kỳ Hoàn.
Lúc ấy, Ngài A Nan nghe tin vua Ba Tư Nặc giết chết 32 người con của bà

Tỳ Xà Ly, nay có người họ hàng bên ngoại đem quân tới báo thù, liền bạch Phật rằng:
- Bạch Đức Thế Tôn! Vì cớ gì mà 32 người con kia bị giết một cách đau đớn đến thế?
Phật nói:
- Ai muốn nghe nhân duyên 32 người con Tỳ Xá Ly bị chết thì lặng yên mà nghe rồi ghi nhớ lấy.
Ngài A Nan và mọi người đều bạch với Phật:
- Chúng con đều muốn nghe, xin Phật dạy bảo cho.
Đức Phật bảo Ngài A Nan và tất cả đại chúng:
- Về đời trước kia, cách đây đã lâu lắm, có một bọn 32 người kết bạn với nhau, đi ăn trộm một con bò. Bấy giờ tại địa phương ấy có một bà già, con cái không có, bị nghèo túng, ở trong một cái nhà ở vùng hẻo lánh. Khi bọn kia bắt được bò thì dẫn tới nhà bà lão ấy làm thịt, bà lấy làm mừng rỡ lắm, bà liền đi sắm sửa củi nước, chuẩn bị các thứ thổi nấu.
Lúc sắp giết thì con bò quỳ xuống tỏ ý cầu cứu xin tha mạng. Nhưng các người kia đã quyết định giết, nên đồng bảo: "Không thể nào mà tha cho mi được!".
Khi con bò bị giết, trong bụng phát lời thề: "Nay chúng mi giết ta, sau nầy ta sẽ không tha cho chúng mi, dù chúng mi có đắc đạo ta cũng không tha".
Phát lời thề xong thì bị giết, mọi người xúm lại cắt xẻo đem nấu nướng ăn uống cùng nhau, cả bà lão kia cũng ăn, vừa ăn vừa khen vừa cám ơn các người kia là quý hóa.
Đấy, chính con bò kia ngày nay là Vua Ba Tư Nặc. Lũ ăn trộm bò ấy bây giờ là 32 người con bà Tỳ Xá Ly. Bà lão thuở trước nay là bà Tỳ Xá Ly. Vì quả báo ấy, mà đã 500 đời nay thường bị giết như thế. Cho tới ngày nay cũng vậy, bà lão kia vì trong 500 đời cũng lại thường làm mẹ để đồng chịu những sự khổ não. Nay được gặp ta mới chứng được đạo quả, nên mới đỡ đau khổ một phần nào, vì đã hiểu đạo.
Ngài A Nan lại hỏi ví cớ gì những người này lại được hưởng phúc giàu sang mạnh khỏe? Phật nói:
- Cũng về đời đã qua, trong thời Đức Phật Ca Diếp có một bà lão tin kính Tam Bảo nhà bà rất giàu có, bà mua đủ thứ hương hoa để cúng dường và bà rất chăm việc làm phúc đức cứu giúp những người cùng khổ. Có một hôm, bà làm các việc phước thiện, đi gặp một lủ 32 người bà khuyên các người kia giúp vào để hưởng phước cùng nhau. Chúng ta sẽ nguyện cùng nhau sanh vào nhà giàu, mà thường được làm mẹ con với nhau, và được gặp Phật nghe pháp tu để tu thành Đạo quả. Vì thế nên trong 500 đời nay vẫn được sanh làm người giàu sang khỏe mạnh.
Bà lão lúc bấy giờ nay là Tỳ Xá Ly, còn 32 người kia, ngày nay là lũ con của

bà bây giờ đấy.
Khi tất cả mọi người nghe Phật nói như thế rồi, những người có lòng phẫn uất đều nguôi hết giận, mà nói với nhau rằng:
- Không phải là vua cố ý giết, đấy là vì kiếp trước những người kia đã tạo ra tội, nên nay phải chịu quả báo. Giết một con bò mà còn bị quả báo như thế. Vậy Vua Ba Tư Nặc là chủ của chúng ta, sao ta nỡ giết hại để gây thành tội báo. Lập tức thu khí giới nộp cho vua và xin lỗi, vua hoan hỷ không chấp những lỗi ấy.
Tất cả đại chúng được nghe Phật nói các Pháp dạy tu nhân tích đức, xa lìa các sự tàn ác. Phật lại nói rõ các pháp Tứ Đế cho mọi người nghe, ai nấy đều đắc đạo, vui mừng theo lời Phật dạy mà tu hành.

TRÍ HẢI

Tạo một nghiệp nhân gì, dù lâu đến trăm ngàn kiếp cũng không mất, hễ đủ nhân duyên rồi, thì mình phải chịu quả báo.

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập II - 14

Dứt bỏ ảo tình

Từ khi Phật Thích Ca Mâu Ni lại thành Xá Vệ thuyết pháp, giáo hóa đại chúng thì nhân dân toàn thành nầy trở nên có đạo đức có lễ độ lại biết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, khiến cho nước Xá Vệ biến thành một cực lạc quốc.
Tin nầy truyền đi gần xa, có một số người khác đạo ở nước La Kiệt Kỳ rất khâm phục uy tín Đức Phật, liền không quản đường xá xa xôi, cố tìm đến nước Xá Vệ để cầu Phật dạy bảo. Nhưng trong khi chưa gặp được Đức Phật thì bỗng xảy ra một chuyện rất trái ý ở giữa đường.
Số là nước Xá Vệ ở vào xứ nóng, thường có nhiều rắn độc, một khi rắn đã cắn phải người thì người ấy tức khắc chết liền, không có cách nào cứu sống được.
Hôm đó, người viễn khách vừa tới ngoài thành, ngồi nghỉ dưới bóng cổ thụ, nhìn xuống bên đường, thấy hai người, một già một trẻ, đang cuốc đất. Bỗng đâu có con rắn độc núp trong cỏ nhảy ra mổ chết người ít tuổi, người nhiều tuổi bỏ cuốc chạy lại thấy người ít tuổi đã tắt thở thì hơi lộ nét buồn rồi thản

nhiên quay lại chỗ cũ cuốc đất.
Viễn khách thấy thái độ ấy làm lạ, liền tiến lại bên cạnh ông già mà hỏi rằng:
- Nầy cụ! Thanh niên vừa chết kia có là con cháu hay là gia nhân cụ?
Ông già đáp cách tự nhiên:
- Hắn là con tôi.
- Ủa, lệnh lang bị rắn cắn chết sao cụ lại không kêu gào khóc lóc thảm thiết như người xứ chúng tôi thường làm?
- Nó là con trai tôi đó, nhưng bây giờ đã chết rồi, thiết tưởng dù có khóc than chỉ là thêm phiền não mà cũng chẳng cứu sống lại được. Vậy khóc than có ích lợi gì?... Trầm ngâm một lúc, ông lão nói tiếp:
- Ông ạ! Con người ở đời trước sau thế nào cũng chết, khác nào như mọi sự vật, có thành tựu thời phải có hoại không, đó là hiện tượng tự nhiên của tuần hoàn, nếu mà lúc sống gây nhiều nhân thiện thì sau có báo ứng tốt, nhược bằng gây nhiều nhân ác thì có ác báo không sai. Nay đã chết rồi, thì dầu gì chăng nữa cũng là thừa.
Ông già nói xong thấy khách suy nghĩ đờ đẫn người ra liền hỏi:
- Phải chăng ông định tiến vào thành? Tôi muốn cảm phiền ông giúp cho một việc, phỏng có được không?
- Có việc gì xin cụ cứ nói!
- Thế thì hay lắm! Đây: nhà tôi ở ngay cổng thành đi vào, quẹo sang bên phải bỏ gian đầu đến gian thứ hai ấy chính là nhà tôi. Vậy xin ông, khi đi qua, ghé vào nói giúp với bà nhà tôi rằng, "Đứa con đã chết, vậy trưa nay chỉ đem một xuất cơm cho tôi ăn mà thôi."
Viễn khách nghe ông già dặn thì điếng người, vừa đi vừa tự nghĩ: "Ông già này keo quá, con đã chết mà còn đếm xỉa đến cả bữa cơm… Thật cả thế gian này cũng không đâu có người cha đến như thế!" Kịp khi qua cửa thành, quẹo sang bên phải, cách hai nhà, quả nhiên thấy bà cụ vừa vặn đứng ở ngoài cửa. Viễn khách liền thi lễ và nói:
- Thưa bà, con trai bà bị rắn cắn chết, ông có nhắn tôi về bảo bà chỉ cần đem một suất cơm cho ông thôi.
Bà nghe khách nói xong thì tỏ vẻ buồn rầu thoáng qua nét mặt, rồi trân trọng cảm tạ khách, viễn khách lấy làm lạ lùng hết sức và tự hỏi: “Tại sao bà nghe tin con chết mà không kinh hoảng hoặc té xỉu người đi???”. Liền hỏi luôn:
- Nầy bà, xin thứ lỗi cho tôi hỏi câu đường đột. Bà không thương xót lệnh lang hai sao?
Bà lão thong thả đáp:
- Thưa ông! Cái đạo con cái với cha mẹ là tự túc nhân nghiệp báo nên mới có sự thác sinh vào nhà chớ không phải là do cha mẹ mời vào mà được, đến khi họ chết, cũng là do mãn nhân, mãn nghiệp mà họ đi, nên cũng không thể lưu họ lại. Cha mẹ khác nào như người chủ quán trọ chiều nay có khách lại

ngủ đỡ, sáng mai hay ngày kia khách lại ra đi, chủ quán không thể lưu lại. Ấy sự liên quan giữa cha mẹ và con cái cũng thế đó. Vậy thì, có thương tiếc hay kêu gào khóc lóc liệu có thể cứu sống lại được người đã chết không? Hay chỉ là gây thêm phiền não mà chẳng có ích gì?
Nghe câu trả lời của bà cụ, khách rất hoang mang cho rằng vợ chồng ông già này quả thật là xứng đôi vừa lứa. Cả hai đều có một tấm lòng sắt đá giống nhau. Giữa lúc nầy, từ phía trong nhà, một người con gái đi ra, bà lão giới thiệu là chị gái người vừa chết. Khách liền hỏi ngay:
- Em trai cô vừa bị rắn cắn chết, chắc cô thương xót lắm nhỉ?
- Thương xót là lẽ thường, nhưng thương xót có thể cứu người em sống lại được chăng? Tôi tưởng, Chị em một nhà, khác nào như các cây gỗ ở rừng, hạ xuống đóng thành cái bè rồi thả vào nước cho trôi. Nếu sông hồ phẳng lặng thì bè trôi mãi, bằng có cơn phong ba bão táp nổi lên đánh tan chiếc bè thì mỗi cây trôi đi mỗi ngả, có bao giờ còn hy vọng lắp lại liền với nhau? Tình chị em cũng thế. Đó là nhân duyên kiếp trước hợp rồi sinh vào một cửa. Tuổi thọ cũng tùy nghiệp báo, có người ngắn có người dài, và ngày chết cũng là vô thường, không sao biết trước được. Nay em tôi chết, mặc dầu tôi là chị hắn, nhưng tôi có làm gì được đâu? Huống chi là khóc với lóc, có phải không ông?
Người này đang nói, bỗng ở đằng sau, thấy một người đàn bà nữa tiến ra, khi nghe cô chị nói xong thì kêu lên:
- Thế ra chồng tôi đã chết rồi?
- Đúng đấy! Chồng bà đã bị rắn cắn chết ở ngoài đồng. Vậy bà đau buồn lắm thì phải?
- Thưa ông! Chồng chết ai không đau buồn, nhưng cái đạo vợ chồng ở đời khác nào như đôi chim trong rừng, tối đến cùng ngủ một cành, sáng ngày lại bay đi kiếm ăn, nếu có duyên thì trở về cùng nhau, nhược bằng gặp tai họa thì mỗi con bay đi một ngả. Ấy nghĩa vợ chồng ở đời là thế, mỗi người có một số mạng riêng, không làm sao mà nói được rằng, chồng chết thay cho vợ, hay vợ chết thay cho chồng. Như thế khóc lóc phỗng có ích gì?
Viễn khách nghe lời mọi người trong gia đình nầy nói ra thì lòng sanh hoài nghi cho thế tục nhân tâm ở xứ này, liền hối hận đã mất công tìm đến xứ này để học cái hay cái tốt của Đức Phật giáo hóa dân chúng; nào ngờ dân chúng như thế hỏi còn học được cái gì ở đây? Chi bằng lui gót trở về quê hương xứ sở là hơn.
Nhưng hồi lâu lại nghĩ, Mình chưa được gặp Đức Phật đã nóng nảy phê bình một vài thái độ của dân, rồi vội vã quay về, như thế là hành động nông nổi chưa chín chắn, chắc sau này có điều phải ân hận… Vậy ta phải đến thẳng tịnh xá tại vườn Kỳ Viên, để được gặp Đức Phật đã rồi sẽ hay. Nghĩ rồi, khách đi thẳng một hơi tới Tịnh xá và được ra mắt Phật.

Khi thấy Phật, khách khoanh tay cúi đầu thi lễ, đoạn lui sang ngồi một bên, không nói không rằng. Đức Phật đọc rõ ý kiến trong lòng khách, nhưng cũng cất tiếng từ bi hỏi:
- Tại sao viễn khách có bộ dạng buồn rầu?
- Bạch Thế Tôn, nhân vì con hy vọng một việc mà chưa được như ý nên trong lòng con không được vui vẻ.
- Có việc gì trái với bản tâm, tưởng cứ nói ra không nên để trong lòng phải ưu sầu không thể giải quyết được việc gì hết!
Lúc đó người khách mới thuật hết đầu đuôi câu chuyện đã gặp ở ngoài thành, cuối cùng khách phê bình thái độ của gia đình nông dân ấy là trái với tình đời.
Phật nghe xong tủm tỉm cười dạy rằng:
- Điều mà viễn khách cho rằng trái với tình đời là thuộc về "nhân tính". Còn chân lý thì không những không được thể hiện theo "nhân tính" mà còn phải tước bỏ nhân tính cho đến hết. Đó mới thực là điều khẩn yếu của kẻ tu hành xuất gia.
Nghĩ một chút, Ngài nói tiếp:
- Viễn khách đây vì chưa hiểu chân lý, nên thấy gia đình nhà nông kia hành động như thế thì vội cho là "phản tình đời". Nhưng đứng về mặt chân lý mà xét, thì những người ấy quả nhiên là không có hành động lỗi lầm, vì họ biết rõ thế nào là "cuộc đời vô thường", nghĩa là con người đời không thể nào nắm giữ vĩnh viễn được cái "sắc thân" làm sinh mệnh bấy hủy bất diệt của mình. Kìa xem từ xưa tới nay, dù là phàm hay Thánh, cũng không ai có thể tránh được cái chết.
Nếu vì một cái chết mà cả nhà theo nhau khóc lóc đến phát đau, phát ốm thì sự khóc lóc ấy hỏi có ích lợi gì cho cả người sống lẫn người chết? Vả chăng, con người ngay từ lúc sơ sinh, đã nắm chắc lấy cái chết trong tay rồi. Nay thấy sự chết mà gây phiền não trong lòng quá đỗi thì ta "mê hoặc" chưa hiểu cái lẽ sống chết. Nên biết rằng "sống" và "chết" là hai đầu mối luôn luôn tiếp diễn và luân chuyển không lúc nào ngừng. Hễ đã biết rõ được như thế là đã giải thoát rồi.
Viễn khách nghe Đức Phật giảng giải cho nghe một hồi thì lòng thoát nhiên tỉnh ngộ. Liền nguyện xin ở lại làm đệ tử của Phật và qui y Phật pháp tức thì. Viễn khách này sau trở nên một vị Tỳ kheo rất tinh tiến.
PHẠM NGỌC KHUÊ
Thân như bóng chớp chiều tà,
Cỏ xuân tươi tốt, thu qua rụng rời
Sá chi suy thịnh việc đời,
Thịnh suy, suy thịnh, sương rơi đầu cành.

Chuyện bảy cái lọ vàng

Đời quá khứ cách đây vô số kiếp, ở cõi Diêm Phù Đề có một nước lớn tên là Ba La Nại. Thuở đó có một người ham làm giàu đến nỗi không dám ăn no, mặc đủ, hoặc bố thí giúp đỡ ai. Làm được bao nhiêu người đó mua vàng dần tích trữ, dần dà đóng thành 7 lọ đem chôn dấu kỹ.
Chẳng may một thời gian sau khi bệnh chết, vì tiếc của nên phải đọa làm rắn độc, ngày ngày quanh quẩn ở xó nhà giữ vàng.
Năm, tháng trôi qua, căn nhà mục nát sụp đổ, rắn ấy bị chết. Bởi tâm quá tham tiếc nên lại đọa làm thân rắn một lần nữa để coi giữ trên đống đất chôn vàng.
Cuối cùng, quá chán ngán mệt mỏi, rắn thầm nghĩ, "Thân thể ta xấu ác bởi vì tham tiếc của, nay phải đem số vàng này cúng dường bố thí để cầu phước báo". Nghĩ xong, rắn bò men tới bên vệ đường, chợt thấy một người đi qua liền gọi:
- Nầy bác kia, lại gần đây tôi bảo!
Khách qua đường thấy rắn liền đáp:
- Ngươi độc ác như vậy gọi ta làm chi, có phải định hại ta chăng?
- Ừ, ta ác đấy, nếu bác không nghe lời ta sẽ tác hại.
Nghe rắn đe dọa, người đó sợ hãi vội lại gần. Rắn nói tiếp:
- Nhà tôi có 7 lọ vàng, nay muốn nhờ bác đem đi cúng dường bố thí hộ cho.
Người đó ưng thuận. Rắn dẫn ông ta về nhà chỉ chỗ chôn vàng và bảo ông ta bới lên một lọ rồi dặn:
- Bác đem vàng này về cúng Trai Tăng và định ngày nào thiết trai cúng dường thì mang một cái gậy lại đây khiêng tôi đến.
Người ấy mang vàng về chùa giao cho một vị Tăng, chức vụ Duy Na và kể rõ sự tình.
Đến ngày thiết trai, người đó trở lại chỗ rắn ở với một chiếc gậy. Rắn gặp ông ta, vui vẻ hỏi han và quấn mình tròn vào chiếc gậy. Ông ta lấy cái khăn chiên phủ lên trên và khiêng tới chùa. Đi nửa đường gặp một người khách lạ hỏi:
- Ông khiêng cái gì đẹp thế?
Khách trịnh trọng nhắc tới ba lần câu hỏi đó. Ông ta vẫn cứ yên lặng rảo bước. Rắn độc tức giận, ác tâm bộc phát muốn cắn chết ông nhưng lại thầm nghĩ: "Người này vì ta làm phúc, ơn đã chưa trả thì ta nên nhẫn".
Một lát đi tới khu đồng vắng vẻ, rắn đòi đặt xuống đất và cực lực trách ông ta về thái độ lạnh lùng lúc nãy đối với người khách. Ông ta hối hận và xin hứa không bao giờ xử sự như thế nữa.
Khi đến chùa, rắn độc được nằm trước mặt Tăng chúng. Rắn nhờ ông dâng hương. Rắn tự lấy tín tâm cung kính quan sát không rời mắt. Chư Tăng chú

nguyện và thuyết pháp cho rắn nghe, rắn rất hoan hỷ nói:
- Bạch Đại Đức! Xin mời Ngài tới chỗ tôi ở, còn 6 lọ vàng nữa xin dâng cúng dường bố thí để cầu phước. Vị Tăng Duy Na theo rắn và người khiêng tới chỗ lấy vàng. Cúng dường xong, rắn chết.
Cũng do phước đức ấy rắn được sanh lên cõi trời Đao Lợi.
Ở câu chuyện trên, một hôm Đức Phật nói với Ngài A Nan rằng:
- A Nan! Ông có biết người khiêng rắn lúc bấy giờ là ai không? Chính là ta đó! Còn rắn độc thuở đó là ông Xá Lợi Phất. Ngày ấy bị rắn trách mắng ta hổ thẹn và tự thề sanh tâm khiêm hạ đối với mọi loài, mọi vật đều xem bình đẳng mãi mãi không thối chuyển…
Y HÀ
Tài thí trừ khổ về thân, pháp thí trừ khổ về tâm.
Tài thí cho tiền vô tận, pháp thí cho trí vô tận
Tài thí làm thân sung sướng, pháp thí làm tâm sung sướng.
Tài thí người ngu ham muốn, pháp thí người trí ham muốn
Tài thí đem vui hiện tiền, pháp thí đem vui Niết bàn.

Lễ cúng dường cuối cùng của Thuần Đà

Ở nước Câu Di Na Kiệt có vị trưởng giả tên là Thuần Đà, cùng 5000 vị trưởng giả nghe tin Phật sắp nhập Niết bàn, liền đến đảnh lễ khóc lóc mà bạch Phật rằng:
- Xin Ngài từ bi thương xót chúng con. Xin Ngài ở lại lâu thế gian, đừng vội nhập Niết bàn. Xin Ngài thọ lãnh lễ cúng dường này để chúng con được công đức và sớm giải thoát.
Đức Thế Tôn bảo Thuần Đà:
- Ta nay vui lòng thọ lãnh lễ cúng dường cuối cùng của ông. Các ông chớ có sanh lòng ưu não chính nên phải sung sướng hoan hỷ, đừng có thỉnh cầu Như Lai ở lại lâu làm gì.
Các ông thử quan sát mà xem, ở đời mọi vật đều vô thường, hết thảy chúng sanh cũng lại vô thường. Dầu ở lâu trên đời rồi cũng có ngày diệt tận. Tuy sanh trưởng thọ yểu, mạng sống cũng có lúc bị tổn hoại. Mạnh rồi sẽ bị bệnh bức khổn, người sống rồi phải chết, đâu có thể thường tại lâu ngày, cho đến vợ con, vàng bạc, voi ngựa cũng chịu luật vô thường chi phối. Những kẻ thân thích nhất ở trên đời cũng phải chịu biệt ly, duy có bốn món họa lớn chi phối con người là sanh, lão, bệnh, tử.
Thuần Đà nghe nói lại càng khóc lóc thảm thiết, khẩn cầu Như Lai ở lại.
Đức Phật lại bảo:
- Ông chớ nên khóc lóc làm loạn động tâm niệm. Hãy bình tĩnh suy xét. Nên biết rằng tất cả pháp hữu vi đều không kiên cố chân thực.

Thuần Đà lại bạch Phật:
- Đức Như Lai không thương xót chúng con nên không ở lại trên đời. Thế giới này mà không có Như Lai thời vắng vẻ trống rỗng như hư không, làm sao chúng con lại không than khóc được.
Đức Phật lại phải dạy rằng:
- Đức Thế Tôn thật vì có lòng thương tưởng chúng sanh và các ông nên mới nhập Niết bàn. Hết thảy Phật pháp đều vô thường, hết thảy pháp hữu vi cũng đều vô thường…
MINH CHÂU
Nếu không có cái sanh, cái già, cái bệnh, cái chết thì Đấng Như Lai cũng chẳng giáng trần làm gì và Phật pháp cũng chẳng có cơ hội để rải tủa ánh sáng siêu việt khắp trong thế gian.

Chiến công oanh liệt nhất

"Trẫm đang say danh lợi, sợ nghe pháp Phật lỡ tin thì bỏ giang sơn, sự nghiệp cho ai".
Đây là câu nói của Hoàng đế Vô Trách Niệm trả lời với đạo thần Bảo Hải. Vua Vô Trách Niệm là một vị Hoàng đế danh tiếng lẫy lừng nhất trong thời xưa ấy. Vua có tài dẹp giặc nên trăm trận trăm thắng, đi đến đâu thì các nước đều qui phục, và người ta dâng vua rất nhiều mỹ nữ. Trong số tám ngàn cung nữ, người được vua sủng ái nhất là Mai Phi và Lan Phi của hai nước đem dâng trong khi làm lễ đầu hàng.
Nhưng có lẽ "chiến công oanh liệt nhất" của vị Hoàng đế thanh danh ấy là một hôm mải say sưa với phép dụng binh, để sửa soạn chinh phục thêm mấy nước, lại đương triền miên trong dục lạc, thì vị cận thần của vua là Ngài Bảo Hải đến mời vua đi nghe Đức Bảo Tạng thuyết pháp. Vua cười,"Trẫm đương say danh lợi sợ nghe pháp Phật lỡ tin thì giang sơn sự nghiệp bỏ cho ai?" Đại thần Bảo Hải làm thinh. Nhưng vua ngoảnh lại tìm người sắp sẵn xe giá để vua đi hành lễ.
Thế rồi tất cả đình thần, tám nghìn cung nữ chánh cung Hoàng hậu và Mai Phi, Lan Phi cùng theo vua đi yết kiến Đức Bảo Tạng Như Lai. Sau khi được nghe pháp Phật xong, vua và Hoàng hậu phát tâm cúng dường Phật cùng Chúng Tăng đầy đủ tứ sự trong 3 tháng.
Sau thời gian 3 tháng cúng dường xong, Đại thần Bảo Hải tâu vua, "Trong tất cả các pháp cúng dường Chư Phật, thì chỉ có pháp Bồ Đề Tâm - Chỉ có phát triển cái tâm trên cầu thành tựu quả Phật dưới nguyện độ tất cả chúng sanh mới là hơn hết."
Trong một tuần suy nghĩ kỹ, vua Vô Tránh Niệm quyết trường từ bảo vị trước Phật Bảo Tạng Ngài xin xuất gia làm Sa môn. Trong một đời vua Vô

Tránh Niệm đánh đông dẹp bắc, trăm trận trăm thắng. Nhưng chỉ có trận giặc lòng nầy mà ngài đã thắng mới là chiến công oanh liệt nhất.
Ngài Pháp Tạng Tỳ Kheo (vua Vô Tránh Niệm) đối trước Đức Phật Bảo Tạng mạnh mẽ phát bốn mươi tám nguyện. Khi Ngài phát nguyện xong thì cả đại địa đều rúng động, vì nguyện nào cũng chứa chan tha thiết một ý niệm cầu cho tất cả chúng sanh thoát khổ được vui, vì thế Đức Bảo Tạng thọ ký cho ngài, sau này sẽ thành Phật hiệu A Di Đà làm giáo chủ cõi nước Cực Lạc.
Phát nguyện rồi Ngài tinh tấn lo tu phước đức. Trong thời gian tu phước, Ngài đã làm tất cả những việc khó làm, nhẫn tất cả những việc khó nhẫn. Giữ gìn thân khẩu ý thanh tịnh, thường hòa thân vào trong các loài, thọ dụng như chúng để tiện bề giáo hóa. Cứ như thế trải vô lượng kiếp cần khổ, tích lũy công đức, đến khi thành Phật thì được phước báo sống lâu vô lượng, nên hiệu Ngài là: "VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT".
Ngài lại giữ gìn phạm hạnh, siêng tu thiền định nên trí tuệ càng ngày càng sáng suốt, cho đến khi huệ tánh bao trùm cả thái hư thì ngài thành Phật niên hiệu là "VÔ LƯỢNG QUANG".
Từ khi phát tâm ban đầu cho đến khi thành Phật, tất cả việc làm, lời nói, ý nghĩ gì Ngài cũng hồi hướng về chúng sanh cả. Vì thế nên chúng sanh ở cõi Ta Bà có rất nhiều duyên với Ngài, nếu nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Ngài dù tối thiểu trong một ngày mười niệm, mà tha thiết cầu sanh về nước Ngài thì hiện đời này sự sống sẽ yên ổn, khi lâm chung chắc chắn được vãng sanh. Khi đã sanh về Cực Lạc thì sẽ được thần thông tự tại, có thể đi khắp tam giới, thấy suốt mười phương và biết được trong ba đời, không còn bị khổ, không có chướng duyên, nên ai đã được may mắn sanh về Cực Lạc thì dễ tu chứng không còn sợ phải trở lại lăn lóc trong cõi Ta Bà này nữa.
Vua Vô Tránh Niệm đầu tiên chứng được thiên nhãn thông, Ngài mới biết đại thần Bảo Hải là thiện tri thức, nhờ thiện tri thức kích phát bồ đề tâm vua Vô Trách Niệm mới thành Chánh Giác.
Đại thần Bảo Hải chính là tiền nhân của Đức Thích Ca, Đức Thích Ca là thiện tri thức của Đức Di Đà, mà hiện nay Ngài là Minh Sư của chúng ta…
THỂ QUÁN
Ái ái hà là ngàn thước nước xao,
Muôn trùng biển khổ sóng nhào thương ôi!
Muốn cho khỏi kiếp luân hồi,
Phải mau sớm niệm Nam Mô Di Đà.

Sự tích bánh cốm

Ngày xửa ngày xưa, không biết từ đời nào, tương truyền ở tỉnh Hà Đông, có

một nhà Phú ông nọ hay tu nhân tích đức đã nổi tiếng khắp vùng. Những người nghèo khổ thường đến xin ông bố thí đồng tiền bát gạo, những người có cha mẹ từ trần, mà túng bẫn quá, thường đến xin ông cấp cho quan tài, những người có cha mẹ vợ con đau yếu, không tiền chạy chữa, thường đến xin ông cấp cho đôi chút để cân thuốc thang. Cả những đứa trẻ mất cha, mất mẹ từ lúc nhỏ cũng được ông đón về nuôi nấng cùng cho đi học. Nghĩa là cả vùng đó ai có sự cần cấp là không quên đến gõ cửa nhà ông, mà chưa ai từng bị ra tay không bao giờ. Do đó, mà thời bấy giờ hễ nói đến hai chữ "Tích Đức" thì không ai không trỏ vào nhà ông. Cho nên hai chữ này sau trở thành tên riêng, khác nào cả dân chúng toàn vùng đã đặt cho ông vậy.
Một hôm, ông Tích Đức sau khi đi bố thí ở vùng lụt về, mệt quá ông ngồi xuống chiếc tràng kỷ đặt bên cạnh lối ra vào để nghĩ ngơi, bỗng chốc có 6 vật lạ, người chẳng ra người, ma chẳng phải ma, thấp thoáng đi lại chỗ ông ngồi, và cất tiếng rụt rè có ý cầu khẩn ông.
- Thưa ông, chúng tôi muốn lại nhờ ông dung nạp…
Ông liền hỏi một cách bâng quơ:
- Các bạn là ai? Có cần tôi việc gì xin cứ nói!
Lập tức trong hư vô có tiếng trả lời:
- Chúng tôi là Lục Tặc: Nhãn, nhĩ, tỳ, thiệt, thân, ý của Quốc vương hiện tại. Nhân vì giả thân tứ đại của Ngài sắp tan rã, nên chúng tôi phải tìm chỗ đầu thai để báo hiện thân Ngài. Bởi Ngài tuy có nghiệp căn tốt, nhưng hiện mắc 6 điều tham:
1. Mắt Ngài tham sắc, không lúc nào chán, cho nên bây giờ linh tính đó phải thác vào địa ngục Noãn sanh (do trứng nở ra) biến làm loài chim có lông đẹp khoác luôn vào mình để được thỏa mãn sự ngắm nghía.
2. Tai Ngài tham nghe đàn ca du dương, lời nói uyển chuyển nên bây giờ linh tính đó phải đọa vào địa ngục Thai sinh (do bào thai sinh ra) biến làm giống lừa, ngựa, chó, mèo có nhạc đeo ở cổ để thỏa mãn sự nghe.
3. Mũi Ngài tham ngửi mùi thơm cá thịt chiên xào, nên bây giờ linh tính đó phải đọa vào địa ngục thấp sinh (sinh dưới nước) biến làm cua, cá, lươn, tôm ở nơi đầy bùn dơ dáy hôi hám để thỏa mãn sự ngửi.
4. Lưỡi Ngài tham ăn các vị ngũ tân (hành, hẹ, tỏi, nén, hương cừ) nên bây giờ linh tính đó phải đọa vào địa ngục hóa sinh (thay lột nhiều lần mà sinh) biến làm muỗi rệp, gián, ve, rận, chí để được thỏa mãn sự hút máu tanh hôi.
5. Thân Ngài tham dâm dục, nên bây giờ linh tính đó phải đọa vào kiếp gà, vịt, ngỗng, ngang để được thỏa mãn sự giao cấu thư hùng.
6. Tâm Ngài châu báu, tiền của nên bây giờ linh tính đó phải đọa vào kiếp lạc đà, la, lừa cả ngày chỉ chuyên chở đồ vật vàng bạc trên lưng để thỏa mãn sự giàu có.
Nay chúng tôi thấy nhà ông đây có đức, thường đối xử tốt với các loài người

lẫn loài vật, vả lại nhà ông có đủ mọi loaì, ở cạn cũng như ở dưới nước, dễ bề đầu thai cho cả 6 đức chúng tôi, nên chúng tôi đến cả đây nhờ ông dung nạp cho. Chúng tôi xin báo trước đêm mai, con lừa nhà ông đẻ, mà đứa con nó là linh tính tham tài cuả nhà Vua thác sinh vào. Vậy sinh ông lưu tâm. Bọn lục tặc nói đến đây, bỗng một cơn gió mạnh đập vào mành mành khiến ông tỉnh dậy, hóa ra giấc mơ.
Suốt ngày hôm sau, ông Tích Đức thắc mắc cửa tin, nửa ngờ về chuyện báo mộng, nên cứ trằn trọc tới nửa đêm vẫn chưa ngủ. Xịch có tên gia nhân thấy ông còn thức thì hối hả vào báo: “Lừa nái vừa sanh lừa con” lúc đó ông mới yên tâm tin là mộng đã báo đúng như sự thật. Tiếp luôn đến chiều hôm sau, có tin: Quốc Vương thăng hà vào khoảng nửa đêm hôm trước, đúng là lúc con lừa nhà ông đẻ, làm cho ông càng tin rằng quả có Lục Tặc đầu thai.
Từ đó trở đi, mỗi lần linh tính nào của nhà Vua đầu thai làm vật gì trong nhà ông, ông đều được báo trước cho biết. Đến khi nhà Vua đầu thai hết 6 lần: Làm lừa, làm cá, làm chim, làm muỗi v.v… thì ông cũng vừa 80 tuổi.
Cách 3 năm sau, một hôm tại nhà cụ Tích Đức có thết tiệc cơm chay long trọng cúng dường Chư Vị Hòa Thượng và Chư Tăng. Hôm đó, trên bàn thờ Phật đủ cả các lễ vật, hương hoa, lại có thêm một thứ bánh dẹp, hình vuông, gói trong lá chuối xanh, có buộc lạt đỏ mà xưa nay chưa từng thấy.
Khi cúng Phật xong, Chư Hòa Thượng và Chư Tăng vào thọ trai với tuần dâng hoa quả bánh trái, bỗng mọi người ngạc nhiên thấy thí chủ đem lên những đĩa bánh màu xanh như ngọc, chất mượt như tơ, khi bỏ vào miệng thấy có hương vị xông lên như hương lúa đồng mà chất bánh thì dẻo quánh càng nhai càng ngọt càng bùi. Thật là một thứ bánh đặc biệt.
Trong khi mọi người đang ca ngợi thưởng thức, thì Hòa Thượng cao tuổi nhất từ từ đứng lên hỏi thí chủ:
- Xin cho bần đạo và Chư Tăng biết thứ bánh quý nầy, thí chủ đã mua ở đâu và gọi tên là gì?
Thí Chủ - Cụ Tích Đức - trịnh trọng đứng lên, với giọng nói phào phào, cụ bạch rõ câu chuyện đã thuật ở trên, từ chỗ Lục Tặc đầu thai cho đến chỗ Quốc Vương thác sinh hết 6 kiếp, cụ nghỉ lấy hơi nói tiếp,"Lần báo mộng cuối cùng Lục Tặc có nói cho biết rằng":
- Thể theo lời Quốc Vương lúc sắp thăng hà, có tỏ ý hối hận về lúc sống đã quá mắc phải 6 điều tham xúi bậy, nên phải trụy lạc luân hồi. Nay quyết sám hối tội lỗi và mong được biến hóa làm một vật gì vừa được giúp ích cho đời, vừa được gần Phật, nên chỉ anh em chúng tôi đã hóa làm giống nếp hương, hiện mọc tại cánh ruộng lúa nhà cụ. Vậy mong cụ cố gây giống lúa cho nhiều thêm rồi lưu tâm sáng chế thành thứ bánh dâng cúng Phật và Chư Tăng để cho Quốc vương sớm đoạn kiếp mà siêu sanh tịnh độ.
Do đó, cụ Tích Đức nói tiếp: “Già này không dám ngại công khó nhọc đã hết

sức gây giống lúa ấy cùng chế ra thứ bánh nầy, lấy tên là bánh Cốm. Nghĩa là lúa còn non, để dâng Phật và cúng dường Chư Hòa Thượng và Chư Tăng ngày hôm nay, không ngờ lại được từ âm quá khen, thật là sung sướng cho già này không sao tả xiết! Mới hay tâm thành cũng thấu đến trời Phật".
Cụ Tích Đức trình bày xong, các vị Hòa Thượng cùng Chư Tăng thảy đều hoan hỷ và cùng công nhận bánh cốm là sản phẩm quý báu của nước nhà đang đứng vào hàng trai phẩm cúng Phật.
Bắt đầu từ đó nước ta có bánh cốm ra đời. Sau nhân sự phổ biến ngày một rộng lớn, và nổi danh khắp nơi, nên đời mới đem bánh cốm dùng vào các lễ trọng của nhân dân như lễ ăn hỏi, lễ sêu tết, lễ cưới và cả đến lễ táng cũng dùng bánh cốm thay cho bánh dầy, bánh chưng.
PHẠM NGỌC KHUÊ
Đến khi ta mãn phần, linh hồn ta nó tách đi một mình, chừng đó, chỉ có những điều lành của ta đã tạo phò trợ cho ta mà thôi.

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập II - 15

Niệm Phật

Ngày xưa, có một phú ông rất sùng mộ đạo Phật. Phú ông xuất tiền xây cất một ngôi chùa cực kỳ nguy nga tráng lệ. Ông già hảo tâm ấy lại có tính hiếu kỳ.
Sau khi hoàn thành ngôi Bảo điện ông già muốn có một điểm gì đặc biệt khác thường nên ông chạm trổ một bức hoành phi thật đẹp và khắc sáu chữ vàng "Nam mô A Di Đà Phật" bằng chữ phạn rồi treo trước chánh điện.
Những học giả và bô lão trong làng đều chịu không biết là chữ gì. Họ rất thánh phục Phú ông, cho Phú ông là một học giả uyên bác, thông hiểu cả Phạn ngữ. Kỳ thật thì Phú ông đã nhờ một Pháp sư người Ấn Độ viết cho sáu chữ đó.
Được thiên hạ trầm trồ khen ngợi bao nhiêu thì tính hiếu kỳ tự đắc của Phú ông càng bị kích thích bấy nhiêu.
Một hôm, ông cho viết sáu chữ ấy lên các tấm bảng gỗ kèm theo mấy hàng chữ bản xứ ở dưới: "Nếu ai đọc được mấy chữ này tôi sẽ gả con gái cho làm vợ và chia một nửa gia tài". Đoạn Phú ông cho dựng những tấm bảng đó khắp nơi trong vùng và mỗi nơi cắt một người đứng gác.
Sau khi những tấm yết thị được dựng lên các học giả, văn gia, thi sĩ và nho

sinh nô nức đến xem, nhưng không một ai đọc được cả.
Một ngày nọ có chàng thanh niên bán chiếu tên Hoàng Kim Ấn, đi qua một nơi có dựng bảng, thấy rất nhiều người đang chen lấn nhau vào xem chữ, dĩ nhiên là ai cũng ôm một bầu hy vọng to tướng trong lòng. Tò mò, chàng bán chiếu cũng cố len lỏi để vào cho được. Nhưng khi đến nơi, nhìn lên tấm bảng chàng chẳng hiểu cái quái gì, chỉ thấy mấy dòng chữ ngoằn ngoèo như giun bò, chàng thất vọng quay ra. Song, lúc chàng vừa quay ra thì không may đầu đòng gánh của chàng đụng ngay vào trán của một văn sĩ đang đứng bên cạnh. Hoàng Kim Ấn hoảng hồn la lên "Nam Mô A Di Đà Phật". Lập tức người đứng gác bảng tóm lấy cổ chàng và nói: "Đúng người nầy rồi". Hoàng Kim Ấn chẳng hiểu đầu đuôi ra sao, cứ van lạy để xin lỗi vì trót vô ý để đòn gánh đụng vào trán nhà văn. Nhưng người gác nhất định không buông tha chàng, và vội vàng đưa chàng về trình với Phú ông. Chàng bán chiếu vẫn kêu van lạy lục xin tha, nhưng người gác lại nói:
- Anh này thật dại dột, sắp được vợ đẹp và giàu sang đến nơi rồi mà không biết, còn cứ xin tha mãi! Bộ anh sợ vợ hay sao?
Hoàng Kim Ấn càng hoang mang ngơ ngác thêm không hiểu chi hết và cứ bước theo người gác về nhà Phú ông.
Chả là Hoàng Kim Ấn là một Phật tử rất kiên thành. Mặc dầu nhà nghèo, học ít, không được đọc kinh sách, nhưng chàng rất tin Phật, nên chỉ trì sáu chữ Nam mô A Di Đà Phật và lúc nào cũng nhớ Phật, niệm Phật, dù đi đứng, nằm, ngồi không bao giờ quên cả. Niệm Phật đối với chàng đã thành một thói quen. Mỗi khi gặp nguy hiểm, hay việc gì ngoài ý muốn của chàng, chàng lại niệm Phật to hơn. Do đó, lúc vô ý để đòn gánh của mình đụng vào tránh nhà văn sĩ, chàng cất tiếng niệm danh hiệu Phật, mục đích để cầu cho việc đó được vô sự. Nhưng không ngờ sáu chữ chàng niệm lại đúng với sáu chữ viết bằng chữ Phạn ở trên bảng, nên người đứng gác tưởng chàng biết những chữ ấy, nên liền tóm lấy cổ chàng rồi lôi cổ chàng về để Phú ông gả con gái cho. Khốn nỗi chàng bán chiếu không hiểu cứ tưởng là người ta bắt đi để mang "gông" vào cổ, vì đã làm sứt trán của nhà văn lúc nãy nên cứ kêu xin tha tội hoài!
Khi về tới nhà Phú ông, chàng bán chiếu mới vỡ lẽ là chàng được tôn lên hàng "học giả" để cùng sánh vai với tiểu thư, con gái Phú ông để cùng ca khúc "Phượng cầu Kỳ Hoàng". Chàng bán chiếu thấy bàn tay của định mệnh xếp đặt lắm việc kỳ diệu quá. Bất giác chàng khẽ ngâm hai câu đối để ghi lại một biến chuyển trong quãng đời chàng mà chàng cho là vô cùng huyền bí:
"Phúc chủ, lộc thầy, bát tất con hiền, con thận,
Thơm tay, may miệng, hà tụ phụng thỉnh, phụng chư".
Từ đó, Hoàng Kim Ấn sống cuộc đời trưởng giả, nhưng hàng ngày chàng vẫn không quên công việc niệm Phật của quãng đời bán chiếu hồi xưa.

Một hôm, vì trái nắng trở trời, vợ chàng cảm gió. Cũng tưởng chỉ qua loa, nào ngờ mỗi ngày bệnh tình mỗi trầm trọng, cứ sốt li bì, không thuốc nào khỏi. Hoàng Kim Ấn đâm lo và lúc nào cũng ngồi bên giường bệnh nhân để niệm Phật. Vừa niệm, chàng vừa đưa tay thoa từ đầu đến chân của tiểu thư, và huyền diệu thay! Hễ chàng đưa tay đến đâu là nàng cảm thấy nhẹ nhõm đến đó. Chẳng bao lâu, vợ chàng bình phục hẳn. Thật là đã "may miệng" lại "thơm tay".

Từ đó, Hoàng Kim Ấn nổi tiếng là một "Đại y sư" thành danh lừng lẫy, đồn đến tai Vua.

Thật là một sự trùng hợp ly kỳ. Cũng trong thời gian trái nắng, trái gió ấy. Công chúa cũng lâm bệnh, và bao nhiêu danh y đã được triệu vào để trị liệu cho Công chúa, nhưng đều vô hiệu. Khi tiếng tăm của Hoàng Kim Ấn được đồn đến Hoàng cung, lập tức nhà vua hạ chiếu chỉ vời chàng vào để chữa cho Công chúa. Nhận được chiếu chỉ, Hoàng Kim Ấn cảm thấy bối rối, lo sợ, sợ vì không biết miệng chàng còn may không nữa? Câu niệm Phật biết có còn hiệu nghiệm để chữa bệnh cho Công chúa nữa không? Mặc dầu lo sợ, song không cách nào để khước từ mệnh lệnh của nhà Vua, bởi vậy chàng đành "nhắm mắt đưa chân" và chỉ tin tưởng vào sức vạn năng của một câu niệm Phật chí thành, đã đến chỗ nhất tâm bất loạn.

Khi tới Hoàng cung, Hoàng Kim Ấn được đưa ngay vào phòng bệnh của Công chúa. Chàng đuổi hết người hầu cận ra ngoài. Trong phòng chỉ còn có chàng và Công chúa. Bây giờ chàng bắt đầu chữa cho Công chúa bằng phương thần dược. Miệng chàng niệm Phật, tay chàng thoa vào đầu và mình mẩy Công chúa. Công chúa ngạc nhiên và không thấy y sư cho uống thuốc gì cả, mà trong người thì cứ thấy nhẹ nhàng dần, rồi cuối cùng như một chiếc đũa thần hễ tay Hoàng Kim Ấn đưa đến đâu là bệnh hết đến đấy. Mừng và lạ quá, Công chúa chạy vào tâu với Hoàng hậu và Đức Vua. Nhà Vua thấy con mình bình phục mau quá cũng hết sức ngạc nhiên và trong bụng nghĩ thầm Hoàng Kim Ấn đúng là "Thánh sư".

Nhà Vua hạ lệnh mở yến ăn mừng và khoản đãi "Thánh sư". Trong bữa tiệc không thiếu một thứ gì, đủ cả sơn hào hải vị. Trong lúc rượu đã ngà ngà, Nhà Vua nhìn ra sân, nơi có đắp một con rồng thật lớn nói với Hoàng Kim Ấn:

- Trẫm đố khanh biết trong miệng con rồng kia có cái gì? Nếu khanh nói đúng, Trẫm sẽ cho làm phò mã và gả Công chúa cho, bằng không trẫm bắt tội!

Nguy to rồi, nếu lần này mà cái miệng của chàng hết "may" thì đến "du địa phủ". Đầu óc Hoàng Kim Ấn lúc này thật là rối tùng xòe, như một túi bòng bong vậy. Chàng tự nghĩ: "Nếu không nói đúng, chắc mình phải chết, còn nếu nói đúng thì cái nghĩa "tào khang chi thê" mới làm sao đây?". Thật là

tiến thoái lưỡng nan. Đúng cũng khổ mà không đúng thì chết. Chàng cứ băn khoăn lo lắng, tự nghĩ đời tàn, bất giác chàng than một câu để thương cho số phận Hoàng Kim Ấn! Nhưng chàng vừa dứt lời thì bỗng nhà Vua vỗ tay reo và truyền gọi Công chúa ra dâng cho chàng một ly rượu. Hoàng Kim Ấn ngơ ngác, không hiểu ra sao. Chàng còn đang ngơ ngác thì nhà Vua nói:
- Khanh nói đúng, thật là Thánh sư! Trẫm có cất chiếc "Hoàng Kim Ấn" trong miệng rồng đó!
Kỳ diệu biết bao! Tưởng mình chết đến nơi, kêu tên mình lên để than thở cho số phận, không ngờ tên mình lại trùng với tên có dấu bằng vàng ròng của nhà Vua, chết thì thoát rồi, còn việc phò mã và lấy Công chúa thì sao? Hoàng Kim Ấn vập đầu xin nhà Vua tha cho tội đó, viện lẽ mình đã có vợ và phải giữ trọn đạo thủy chung. Nhà Vua cảm khích vì người có tiết nghĩa, không nỡ ép buộc, liền ban thưởng thật trọng hậu rồi sai cận vệ đưa tiễn về nhà…
Huyền diệu và linh nghiệm thay sáu chữ Nam mô A Di Đà Phật khi được phát ra với niềm chí thiết, chí thành và nhất tâm bất loạn!
NGƯ ÔNG
Ví dù muôn đắng ngàn cay,
Một câu niệm Phật tan ngay cấp kỳ!...
Niệm Phật dứt bỏ oán thù,
Lòng không hung dữ ngục tù đâu vương?
Niệm Phật mở rộng lòng thương
Oan thân bình đẳng tai ương nào vào?

Mối tình thân hữu

Nắng vàng buổi chiều dịu lại, phảng phất trên các ngọn cây xanh của rừng rậm. Gió nhẹ thổi mặt nước hồ khẽ gợn sóng, rung rinh những bóng cây cao hai bên bờ in hình trong đáy nước.
Trong khung cảnh những buổi chiều êm mát này của chốn núi rừng, một con linh dương đang thong thả uống từng ngụm nước trong. Nó hình như đang chờ đợi. Nó nghĩ đến một chiều trước đây, nó làm quen với chàng rùa cùng chị chim gõ kiến. Cả hai bạn nó đều cùng cư trú ở bờ hồ này và thường về vào cái giờ mà nó đến uống nước. Lâu rồi thành quen nhau. Rồi chuyện trò qua lại trở nên thân thiết, mỗi lần mà một con nào đến trễ là những con kia trông đợi và tỏ vẻ lo lắng.
Nhưng kìa linh dương ngẩng mặt lên mừng rỡ vì chàng rùa, đã bò gần đến và trên cành cây chị gõ kiến cũng đã reo lên những tràng tiếng dài. Câu chuyện của rừng sâu, của lưng trời, của bờ nước, được trao đổi cùng nhau. Trong lúc linh dương cúi thấp xuống gần sát chàng rùa và chim gõ kiến đang

gạt những con nhện vẩn vơ trên bộ lông linh dương mướt màu nâu lợt. Cho đến khi mặt trời khuất sau trái núi đằng xa, linh dương rời hai bạn để trở vào bên trong đám cây rậm rạp.
Một hôm kia, một người thợ săn lảng vảng đến rừng nầy. Hắn mang theo cung tên giáo mác đầy đủ. Hắn lần theo dấu chân linh dương và khám phá ra chỗ linh dương thường hay đến uống nước. Hắn núp vào một bụi rậm chờ đợi.
Trưa đã qua rồi, mặt trời đã chết về phương tây. Mệt mỏi hắn đứng dậy, ra khỏi bụi, nhìn hồ nước, nhìn cái gốc cây rồi bỏ đi nơi khác. Trong óc hắn đang chuẩn bị một kế hoạch sát hại gì đây? Ngày mai hắn trở lại. Hắn đào đất thành hục nhỏ, ở mỗi hục hắn đặt một chiếc bẫy rồi khỏa đất lại liền láng. Nó còn bỏ thêm lên vài chiếc lá để không ai để ý tới những dấu đất mới ở trên đường. Nó khôn ngoan đoán trước những chỗ mà linh dương sẽ để chân tới mà đặt bẫy. Xong đêm ấy nó quanh sang đường khác, đi trở về, hẹn sáng mai trở lại để trói chặt bốn chân linh dương xỏ vào đầu gậy quẩy về. Từ trước đến nay, chưa lần nào nó đặt bẫy mà không đánh được con thú nào.
Nắng vàng buổi chiều dịu lại, phảng phất trên các ngọn cây xanh, linh dương thong thả bước đi. Nó lánh một đôi dấu lạ trên đường và tiến đến bờ hồ để gặp hai bạn thân thiết. Vừa uống từng ngụm nước, nó vừa kể chuyện của rừng sâu trong lúc chàng rùa và chị gõ kiến lắng tai nghe.
Gió mát quá thành ra cả ba đều muốn kéo dài thời gian gặp gỡ. Đến khi linh dương từ giã bạn ra về thì trời đã gần tối. Trong rừng sâu, đêm đổ xuống rất mau, đường đất chỉ trông thấy mờ mờ. Linh dương đang đi bỗng sụp một chân xuống, nó nhảy lướt tới, nhưng không kịp nữa rồi, một cái gì giữ chặt chân nó. Nó giựt mạnh và nghe chân càng bị thắt chặt thêm. Nó biết là nó bị mắc bẫy rồi. Cảnh tượng như thế này đã in sâu vào trí nó. Chính cha nó, trước đây đã bị trói chặt chân sau, khi dẫn nó đi ăn, hồi nó còn nhỏ lắm. Rồi liền sau đó hai người dữ tợn từ bụi rậm nhảy xổ ra, vật ngã cha nó, trói chặt bốn chân, khiêng đi trong lúc nó chạy lùi lại xa, đứng nhìn theo, nước mắt tuôn trào, đến nỗi nó không còn thấy gì nữa.
Giờ đây đến lượt nó, nó nhìn ra hai bên cây là tối đen, không có hai người tàn ác đó nhưng nó cũng đoán biết là chính loài người đã gây ra tai ác này. Tại sao con người lại tìm cách giết nó, giết gia đình nó, trong lúc chúng nó không làm gì hại ai cả.
Nó giật mạnh chân lần nữa. Sợi dây càng thắt chặt hơn trước nó làm tê cả bắp đùi. Nó kêu cứu khe khẽ. Trong rừng lúc này, tiếng kêu của nó thật không lợi gì cho nó vì loài thú dữ có thể theo đó mà tìm đến. May quá là chim gõ kiến nghe được liền chạy đến ngay. Tội nghiệp quá! Nó nhìn quanh quẩn hồi lâu quanh linh dương mà chẳng tìm được cách nào để cứu bạn.

Thấy bạn lo lắng, linh dương không lộ vẻ đau đớn nữa. Rồi bỗng gõ kiến bay đi. Chim vất vả lắm mới tìm được chỗ rùa. Rùa đoán biết được việc chẳng lành vì từ đầu hôm đến nó thấy nóng lòng không sao ngủ được. Gõ kiến vừa nói xong, rùa vội vã giục đi. Gõ kiến dẫn đường. Rùa bò theo sau, nhanh gấp mấy lần ngày thường. Đường tối mò, hai ba phen rùa ngã lăn lóc, nhưng rồi cũng trở dậy được, bò theo kịp bạn.
Tới nơi rồi, rùa không khỏi đau lòng khi nghe linh dương thở mệt nhọc, và rờ thấy chiếc dây thừng to đang xiết chặt chân bạn. Rùa bắt đầu thử sức nó mổ vào sợi dây thừng. Dây thừng bằng gai bền chắc, làm tê cả hai hàm răng. Nó mổ nhát thứ hai. Lần này dây thừng bị xơ ra đôi ba sợi ngoài nhưng hàm răng rùa cũng rung rúng.
Rùa ngậm dây, nghiến từng sợi nhỏ. Chậm, nhưng chắc chắn và ít đau. Công việc phải làm xong trong đêm nay. Gõ kiến suốt đêm canh chừng, và rùa không một chút nghỉ ngơi, cắn đứt từng sợi trong lúc linh dương chịu đau giữ cho dây căng thẳng.
Gần sáng, dây thừng đã đứt quá nửa, việc cắn dây dễ làm hơn trước, nhưng rùa đã mệt quá sức rồi. Có nhiều lần rùa gục đầu vào dây không cử động được. Nhưng rùa cố tỉnh lại để nghiến đứt thêm một vài sợi con nữa.
Trời sáng hẳn, thật khó lòng giải thoát cho linh dương trước khi người thợ săn đến. Phải làm thế cho tên tàn ác đến chậm, gõ kiến vụt bay đi. Chi tìm ra nhà người thợ săn vào lúc hắn bước ra cửa mang theo tất cả những đồ dùng sát hại của hắn. Gõ kiến bay đến trước hắn, kêu lên những tiếng buồn thảm nhất. Tên thợ săn ngẩng đầu lên lẩm bẩm, chửi rủa. Hắn cho là điềm xấu nên vội quay lại. Khá lâu rồi mà không thấy hắn ra. Nhưng kìa hắn đã lách cửa sau, định tiến bằng đường khác. Rất nhanh, chim bay tới trước mặt hắn và kêu lên ai oán. Hắn nhìn lên chửi rủa rồi lại đi trở vào.
Mặt trời đã lên cao, không chậm trễ được nữa, hắn hối hả tiến vào rừng mặc cho gõ kiến buông những lời oán trách tội ác trước mặt hắn, hắn đi nhanh như chạy, hắn nghĩ đến cách hả hê khi vật ngã con thú đã kiệt sức, đến những ly rượu hòa với máu tươi, đến đĩa thịt phay ưng ửng hồng màu máu. Hắn gần đến nơi rồi, con linh dương đang đứng ở đằng kia kìa. Đích là nó đã mắc bẫy rồi. Tên thợ săn có cả sự thật để tự hà là xưa nay nó chưa lần nào đặt bẫy mà không bắt được một con mồi. Hắn thỏa thích không gì bằng.
Dây vẫn chưa chịu đứt, không lẽ công trình cả một đêm chỉ đưa đến kết quả thảm hại thế này ư? Trên cây gõ kiến giục quyết liệt. Rùa gom góp cả toàn lực cắn phát cuối cùng trong lúc linh dương giựt thật mạnh. Dây thừng đứt ngang. Một đoạn còn lại nằm cong queo trên mặt đất. Rùa ngã lăn ra ngất lịm đi. Linh dương không thể nỡ rời bạn. Nhưng không còn có thể trì hoãn nữa, nó vội vã lánh vào đám rậm lánh sang rừng bên cạnh. Tên thợ săn chạy như bay đến nhưng không còn đuổi kịp linh dương nữa. Hắn dậm chân tức

tối. Hắn lượm hòn đá quăng vào bụi rậm để xua đuổi chim gõ kiến mà nó ghét cay ghét đắng. Hắn định dậm nát thân rùa cho hả dạ, nhưng suy nghĩ lại, hắn bắt rùa bỏ ngay vào cái giỏ nó đang mang sau lưng. Hắn thâu các bẫy lại và buồn bực trở về.
Người thợ săn đi được một quãng đường thì thấy phía trước mặt mình con linh dương đang đi thấp thỏm. Hắn mừng quýnh hắn đi nhanh hơn định bắt lại con vật mới sổ ra khỏi tay hắn. Hắn đến gần hơn, gần hơn. Hắn chạy nhanh lại, nhưng linh dương nhanh nhẹn lánh sang lối khác. Phía sau xa này rõ ràng tên đi săn nom thấy con linh dương đi thấp thỏm một cách đau đớn. Chân sau vẫn còn mang theo một đoạn thừng. Hắn lại rượt đuổi theo mà có cái gì nặng cứ đập thình thịch sau lưng hắn như muốn trì hắn lại. Thì ra, hắn nhớ lại là con rùa đáng đánh chết này đang bò ngọm ngóp trong chiếc giỏ mang sau lưng hắn. Nếu không có cái giỏ này chắc chắn hắn đã bắt kịp con linh dương từ buổi đầu, hắn nghĩ như thế.
Đàng xa, linh dương đi chậm lại, có lẽ linh dương đã mệt đừ rồi. Phải rồi! Vùng vẫy suốt một đêm, còn gì sức đâu mà chạy thi với hắn nữa. Tên thợ săn tin ở tài chạy của hắn lắm. Nhưng phải trừ bỏ cái giỏ bất tài vô tướng này. Hắn vội gấp tay, rút ra khỏi quai giỏ. Hắn quăng giỏ sang một bên và đuổi theo linh dương. Hắn tin rằng chỉ trong dây lát, con thú sẽ thuộc về hắn.
Nhưng khi hắn tới gần thì linh dương vụt lao nhanh sang đường khác và chạy như biến. "Ừ có giỏi thì cho mày gắng giỏi một lần cuối cùng này nữa". Nghĩ thế rồi, tên thợ săn quên mệt đuổi theo.
Trong lúc này chim gõ kiến vẫn theo dõi cuộc đuổi của người thợ săn. Cho đến lúc người thợ săn mệt nhoài chạy theo linh dương mà tiến sâu vào rừng, thì gõ kiến dẫn linh dương đi ngõ tắt trở lại chỗ rùa. Đến nơi linh dương thấy rùa lung túng trong giỏ mà thương lắm. Thật là may mà nó còn gặp lại bạn, ân nhân của nó ở đây. Không thì còn cách nào để đền đáp ơn cứu thoát. Linh dương chân đạp một quai giỏ, miệng cắn chặt vành giỏ. Nó giật một cái mạnh, xé rách một mảnh lớn. Rùa mừng rỡ bò ra khỏi ngục tù, gật đầu cám ơn bạn và đi luôn không thèm ngó lại cái giỏ xấu xí. Trên cành cây chim gõ kiến reo từng tràng dài vui vẻ.
Chiều hôm ấy, trong bầu trời yên tĩnh và mát mẻ bên bờ hồ quen thuộc, linh dương một tiền thân của Đức Phật và hai bạn thân thiết cùng yên lặng để tưởng nghĩ đến tai nạn khủng khiếp vừa qua, giữa lúc mối tình thân hữu đang rạo rực bừng dậy từ mọi cõi lòng.
QUẢNG HUỆ
Khi tai nạn gấp rút mới biết được lòng bạn, có đánh nhau mới biết kẻ yếu người mạnh, có luận nghị mới biết được người trí, lúc cơm thua gạo kém mới biết người có lòng nhân.

Dắt nhau xuống giếng

Xưa kia ở trong một khu rừng, có đàn khỉ tới khoảng 500 con, chúng rủ nhau tới một cây cổ thụ, trên bờ giếng.
Gặp ngay kỳ trăng, đến tối chúng trông thấy ở dưới đáy giếng nước rất trong và có bóng trăng. Chúng đều kêu rộ lên rằng: "Ôi! Chết rồi các anh em ơi! Nguy to rồi! Hôm nay mặt trăng rơi xuống giếng này rồi. Chúng ta phải tìm cách mò lên, không thể để thiên hạ bị tối tăm khổ sở được".
Xôn xao nhảy nhót, cuống quít với nhau chưa biết làm cách nào, thì con khỉ chúa bảo các con kia rằng:
- Tất cả các anh em hãy yên lòng, tôi đã có cách. Việc nầy cũng không khó khăn chi, miễn là làm theo lời tôi.
Vậy tôi bíu lấy cành cây, rồi một anh bám lấy đuôi tôi, rồi cứ thế lần lượt bám đuôi nhau hết tất cả đàn, thế là chúng ta xuống được tới ngay đáy giếng.
Chúng đều cho là diệu kế, làm đúng như lời khỉ chúa. Khi gần xuống đến nơi bị nặng quá nên cành kia gãy, cả lũ đều rơi xuống giếng lúng túng không có lối lên, không người cứu vớt, kết cuộc cả lũ đều bị chết.
Bấy giờ ông Thần ở trên cây trông thấy, nói bài kệ rằng:
"*Một con ngu dại đã xong,*
Thương thay cả lũ cũng không biết gì.
Trăng tròn vằng vặc trên kia,
Dắt nhau xuống giếng làm chi cực lòng"
TRÍ HẢI
Biết rõ ràng, nhưng sự thật là không, nên gọi là không, chớ không phải không biết.
Ôi nhân sanh mê muội,
Nhận khổ cho là vui,
Chấp ngã cho là thường
Mà lặn lội nơi non sầu bể hận.

Bồ Tát và mãng xà vương

Có một hôm, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát cỡi mây chu du tay cầm bình Dương Chi, mình mặc áo bào trắng nhìn xuống và quan sát thế gian thấy người trần nào kêu cầu danh hiệu cứu khổ cứu nạn thì Ngài cứu độ.
Khi Ngài đến núi Phổ Đà ở địa phận Triết Giang quận Nam Hải, thấy núi non tráng lệ, cây cỏ xanh tươi, chung quanh có bể bao bọc, thì Ngài lấy làm mãn ý và nghĩ rằng:
"Tại chốn này nên lập một đạo tràng trang nghiêm để mở mang Phật Pháp,

khiến cho chúng sinh có nơi cầu phước cầu tuệ. Tuy nhiên, núi này lại thuộc La Môn Xà Vương, vậy ta thử xuống hỏi mượn địa điểm của y xem sao?" Nghĩ như thế, rồi Đức Quán Thế Âm Bồ Tát liền từ từ hạ mây giáng xuống núi Phổ Đà.

Đây nói về La Môn Xà Vương vốn là một con rắn tu hành đã hàng nghìn năm và đã có phép thần thông. Hôm đó rắn biết Đức Quan Thế Âm Bồ Tát đến mượn đất Phổ Đà Sơn để mở ngôi đạo tràng, hắn muốn lánh mặt Bồ Tát, liền chui xuống đất để lộ cái đuôi ngoe nguẩy chọc lên trời, trong chẳng khác chi một cây cổ thụ cao chót vót mà không có cành có lá chi cả. Nhưng cái thủ đoạn thần thông nho nhỏ của y làm sao mà che mắt được vị Quán Thế Âm Bồ Tát là bậc đại trí tuệ, đại thần thông? Khi Đức Quán Thế Âm xuống bên cạnh cây Xà Vương, liền vịn tay vào thân cây, mỉm cười và tự nói:

- Cây đại thụ nầy không cành không lá, chắc là đã chết khô rồi, ta há nên chặt đem về làm đồ dùng.

La Môn Xà Vương nghe thấy nói vậy thì hoảng hồn. Còn đang bối rối, lại nghe Đức Quán Thế Âm Bồ Tát nói:

- Xà Vương! Nhà ngươi không cần giả vờ ẩn dấu để trốn tránh ta. Ta có câu chuyện hay muốn nói với nhà ngươi đây!

La Môn Xà Vương nghe Bồ Tát nói thế, tự biết là trốn tránh không khỏi, liền rút đầu ra khỏi đất hỏi Bồ Tát muốn nói chuyện gì? Đức Quan Thế Âm Bồ Tát liền bày tỏ ý kiến muợn núi Phổ Đà làm nơi thiết lập đạo tràng. La Môn Xà Vương nghe xong cự tuyệt ngay:

- Không được, đây là chỗ con con cháu cháu đời đời kiếp kiếp của rắn tôi dùng làm chỗ căn cứ để ở. Người có uy đức gì mà dám nghĩ đến chuyện mượn núi Phổ Đà này của tôi.

Bồ Tát trả lời:

- Ta đây không có đại oai thần lực như Đức Phật Tổ, nhưng vì ta thay người tế độ chúng sanh nên không thể không xin nhà ngươi bố thí cho chút phương tiện là mượn dãy núi nầy.

La Môn Xà Vương nghe rồi tỏ vẻ bất phục vì hắn nghĩ rằng: "Ta tu hành ít ra cũng có hàng ngàn năm nay và có phép thần thông quảng đại, liệu Quán Thế Âm Bồ Tát có thể đấu phép với ta được chăng?". Nghĩ như thế rồi hắn liền nói với Bồ Tát:

- Nếu Bồ Tát chỉ biết đến Phật Tổ mà không cần đếm xỉa gì đến Xà Vương ta đây, thì đây không ngại gì mà không đấu phép với Bồ Tát một phen. Nếu Bồ Tát không thắng thì xin tự tiện rút lui đi nơi khác chớ đừng hy vọng gì mượn núi này.

Bồ Tát nói:

- Tốt lắm, nếu nhà ngươi không thắng nổi ta, thì núi này ta được tùy ý được

dùng mà nhà ngươi không được hối hận ảo não chứ gì? Vậy nhà ngươi định đấu thứ phép gì đây?
La Môn Xà Vương gật đầu và mỉm cười:
- Ta đây không hối hận cũng không ảo não chi hết, miễn là Bồ Tát chịu thừa nhận rằng: Phàm đất đai trong núi này ta sẽ vươn mình bao bọc được đến đâu là ở trong khoảng đó, Bồ Tát không được mượn. Bồ Tát gật đầu, La Môn Xà Vương liền vận dụng thần công đại lực vươn mình dài ra khoanh lấy núi Đà Sơn. Nhưng kỳ lạ thay! Bình thường hắn dùng phép vươn mình ít ra cũng quấn được tới ba lần, nhưng hôm nay trước mặt Bồ Tát phép thần thông của hắn tan mất, hắn cố hết sức vươn mình cho dài tưởng chừng như đứt cả đầu đuôi ra làm hai đoạn, thế mà mình vẫn không dài ra được chút nào. Lúc đó La Môn Xà Vương mới thấy sức thần thông của mình không bằng Bồ Tát nên có ý duyệt phục mà giải hòa rằng:
- Thưa Bồ Tát! Tôi thực có mắt mà không nhìn thấy núi Thái Sơn, đức thần thông của tôi quả không địch nổi Bồ Tát. Nhưng có một điều khó xử là: Con con cháu cháu gia đình, nhà tôi tôi biết ở chốn nào?
Bồ Tát vui vẻ trả lời:
- Nếu nhà ngươi phát tân hoan hỷ cho ta mượn núi này thiết lập đạo tràng thì nhà ngươi sẽ được công đức vô biên, còn con cháu nhà ngươi vẫn ở nguyên đây như cũ.
Xà Vương có ý ngần ngại không quyết?
- Thưa Bồ Tát làm sao để người và rắn ở chung cùng nhau. Bởi vì người sợ rắn, rắn sợ người, đôi bên nhất định phải tàn sát lẫn nhau mất. Nay Bồ Tát bảo con cháu tôi cứ ở nguyên núi này, thì tối thiểu tôi và Bồ Tát phải lập một điều ước: "Nếu giống rắn tôi con nào xâm phạm đến tín đồ phật giáo thì rắn đó sẽ do Bồ Tát xử phạt, nhược bằng tín đồ nào sát hại đến loài rắn chúng tôi thì tín đồ đó sẽ bị tôi bắt thường mạng, chẳng hai tôn ý nghĩ biện pháp đó như thế nào?".
Đức Quán Thế Âm Bồ Tát nhận rằng Xà Vương nói đúng bè lập đính ước với Xà Vương. Từ đấy Phổ Đà Sơn trở thành đạo tràng Quán Thế Âm Bồ Tát, chùa chiền được dựng lên rất nhiều, Tăng Ni cũng lại ở rất đông, những khách du lịch thập phương thấy núi này non xanh nước biếc hùng vĩ vô cùng, đều rủ nhau đến hành hương nghe giảng kinh Phật.
Chỉ hiềm một nỗi chỗ nào chỗ nấy đều nhan nhãn có rắn nhỏ rắn to ẩn nấp làm cho phải kinh hoảng hãi hùng.
Tuy nhiên các rắn này đã nghe lời giáo thị của Xà Vương, cho nên kể hàng bao nhiêu năm chưa từng thấy rắn cắn một người nào. Trên núi cũng đã có cắm bảng cáo thị thông tri của nhà Chùa: "Các tín đồ và du khách không được làm hại rắn". Cho nên đôi bên người và rắn bình an vô sự, không xảy ra chuyện gì đáng tiếc. Trên núi này có một số rắn nhân thường ngày nghe

mõ sớm chuông chiều, cùng tiếng tụng kinh niệm Phật mà phát tâm tu hành rồi thoát khỏi kiếp rắn cũng không phải là ít.
Có một em nhỏ tên là Tiểu Đinh thường quen tính chơi nghịch tinh quái, hay đi quấy phá tổ chim, bắt di, bắt sẻ về chơi, nghe nói phong cảnh trên núi Phổ Đà rất đẹp, có nhiều chim muông thì có ý muốn lên đó sục sạo lung tung một phen cho hả dạ, đã mấy lần nó năn nỉ cha mẹ cho theo lên núi, nhưng vì thấy bản tính nghịch ngợm của nó nên lần nào cũng bị từ chối khiến cho Tiểu Đinh trong lòng buồn rầu sinh oán cha mẹ. Một ngày kia Tiểu Đinh quyết trốn cha mẹ một mình lên Phổ Đà Sơn.
Khi đến chân núi thấy người đi lễ Phật rất đông lũ lượt qua lại như mắc cửi. Thiện nam, tín nữ cũng không quản đường xa trời nắng, không ngại đói khát mỏi mệt, đều theo nhau trèo lên núi với vẻ mặt cực kỳ thành khẩn niệm cầu. Tiểu Đinh vội vã bước theo tới khi miệng khát, chân mỏi nó liền ngồi lên một cái ghế dài đặt trước cửa điện Tam Bảo. Lạ thay! Khi ngồi xuống, toàn thân cảm thấy mát mẻ lạ lùng nó nở một nụ cười mãn nguyện và lên tiếng khen chiếc ghế:
- Cha chả phiến đá đại lý thạch quý hóa làm sao, trên mặt có bao nhiêu là điểm điểm, chấm chấm coi thật sướng mắt và lại lạnh như băng sương, mát đến gan ruột khiến cho những người mỏi mệt ngả lưng lên trên thì tiêu hết được khí nóng nực và quên cả sự mỏi mệt đi đường, Tiểu Đinh đang lẩm bẩm một mình khen chiếc ghế, bỗng có một người hành khất ở bên đường nghe thấy phì cười bảo Tiểu Đinh:
- Hỡi người bạn nhỏ ngây thơ của tôi ơi! Thử nhìn lại chiếc ghế xem, nó không phải chiếc ghế làm bằng đá đại lý đâu. Đó là lưng con mãng xà đấy, con mãng xà này đã tu hành hơn ba trăm năm nay rồi, nó phát nguyện lấy thân làm ghế để mọi người ngồi nghỉ chân, tiêu sự nóng nực trong khi leo núi mỏi mệt.
Tiểu Đinh nghe xong nhảy phắt dậy, mặt trắng phệt cắt không còn một tí máu, nổi gai khắp người nó gương to đôi mắt rồi hỏi người ăn mày:
- Thế đầu rắn và đuôi rắn đâu sao không thấy?
Người ăn mày thấy Tiểu Đinh vẫn còn run rẫy bất giác cười và nói rằng:
- Không những chiếc ghế này là con đại xà mà cả chiếc ghế đối nhiện cũng là đại xà nốt, vì hai con rắn này sợ thiện nam tín nữ trông thấy hình rắn mà sợ nên đầu nó chui vào trong cung Tam Bảo mà không ai nhìn rõ được; còn đuôi nó thì cắm sâu dưới đất. Tuy nhiên bạn đừng sợ, ở trên núi Phổ Đà này rắn chưa từng hại một ai cả! Miễn là chúng ta đừng nghịch phá và giết hại dòng họ rắn.
Tiểu Đinh vẫn kinh hoảng ngắm đi ngắm lại một lần nữa thấy hai khúc rắn này dài ước mười trượng chẳng khác gì hai chiếc ghế dài đặt trước cửa điện Tam Bảo. Nhưng cái văn hoa bóng loáng đẹp như đá Đại Lý đều là vẩy rắn

có màu sắc như vân đá. Tiểu Đinh sợ quá không dám ngồi nữa và kiếm đường lánh đi nơi khác. Tiểu Đinh trốn nhà ra đi lẽ tất nhiên không mang theo đồ ăn, lại nhân chạy nhanh nhiều nên miệng khát dạ đói nôn nao chưa biết tính sao, thì may thay trên núi Phổ Đà, trong chùa thường vẫn sẵn có cơm chay nước vối, thiện nam tín nữ vào đó đói cứ việc ăn uống tự nhiên. Tiểu Đinh mừng quá nhảy vào ăn uống cho đến thỏa thích, ăn rồi lại đi ngao du khắp núi. Chiều hôm đó nó vào ngủ trong chùa, nằm bên một cụ già. Hôm sau nó dậy sớm, nghe thấy cụ già ấy đang hỏi một vị sư phó:
- Xin Sư phó chỉ giáo cho câu chuyện này. Nguyên đêm qua vào khoảng nửa đêm tôi sực tỉnh dậy thấy bóng trăng le lói bên giường như tăng thêm cảnh mỹ lệ êm đềm của Phổ Đà Sơn. Tôi liền bước ra khỏi phòng bồi hồi ngắm cảnh núi dưới trăng trong, bỗng nhiên tôi thấy xuất hiện một cây khổng lồ không cành không lá, cao vút ở giữa trời, chung quanh có rất nhiều các cây khác, tôi lại gần rờ vào cây khổng lồ thì thấy mát lạnh, tôi có trăm lạng vàng kim muốn mua cây đó của quý tự đem về chơi, vậy dám hỏi cây đó là cây gì và hiện giờ ở đâu?
Vị Sư phó nghe xong kinh ngạc bảo rằng:
- Làm gì có thứ cây đó, lão Tăng ở đây đã trọn ba mươi năm nay, nội các thứ cây thứ hoa ở trên núi này lão tăng đều biết hết không có cây nào như thế cả.
Cụ già nhất định cãi lại:
- Có mà, đêm qua tôi trông thấy rõ ràng và chính tôi rờ lên trên thân cây vừa nhẵn vừa mát thì làm sao Sư phó bảo là không có cây đó. Chẳng tin thì xin người cùng tôi đi tìm xem!
Giữa lúc hai người rủ nhau định đi thì Sư phó trụ trì khác nghe thấy liền vào xua tay ngăn lại:
- Các vị không cần phải đi xem, cây khổng lồ đó thật không có đâu. Đêm qua, chắc rằng ông thấy La Môn Xà Vương hiện thân đấy. Ai thấy được Xà Vương thì ít lâu cũng gặp điềm hay, vậy tôi mừng cho ông đấy.
Cụ già nghe xong rất lấy làm vui mừng nhưng hãy còn bán tín bán nghi liền hỏi lại:
- Có thật như thế không? Nếu quả tôi sẽ gặp chuyện hay thì tôi nhất định thành tâm xây một tòa bảo pháp bảy từng để cúng dường.
Vị Sư phó trụ trì gật đầu đáp:
- Thật như thế đấy! Xà ở đây thì nhiều nhưng Xà Vương thì ít người trông thấy ông ạ. Chỉ ai có phúc mới được gặp mà thôi.
Tiểu Đinh ngồi bên cạnh nghe rõ đầu đuôi, bất giác trong lòng rất là thắc mắc về câu chuyện Xà Vương ở núi Phổ Đà Sơn, cho là một chuyện thần kỳ quá sức.
Tiểu Đinh lại bắt đầu đi theo thiện nam tính nữ vãn cảnh như hôm qua, mặc dầu nó đã được nghe chuyện thần bí của Xà Vương, nhưng vì trong lòng nó

vẫn có bản tính sát sanh, cho nên khi nghe xong thì đôi mắt trợn trừng, nhìn sau nhìn trước, nhìn tả nhìn hữu, xem có con chim nào ở trên cành, hoặc chuồn chuồn, bươm bướm bay qua thì tìm cách bắt, ném cho chết hoặc bắt về làm trò chơi cấu chân, bẻ cánh cho hả thích.
Đến một đoạn đường nọ, có thấy một con bọ cạp đuổi theo một con rắn, nó dừng chân lại ngắm thấy rắn nhỏ sợ quá đang lao đầu cố chạy mà bò cạp thì hết sức đuổi theo. Tới một khe nước nhỏ, rắn nhanh như chớp bơi sang bờ bên kia, còn bò cạp vì không biết nên đành phải dừng lại nhìn theo rắn ta với vẻ thất vọng. Tiểu Đinh thấy thế vụt nghĩ: " Chuyện này hay quá ta! Để ta lấy cây bắc cầu cho con bò cạp qua khe sang đánh nhau với rắn coi chơi".
Nghĩ rồi nó làm ngay, bò cạp qua sang được khe, rồi thừa lúc rắn không để ý, sấn lại cắn luôn làm cho rắn đau đớn, quằn quại một lúc lâu, rắn lăn quay ra chết. Tiểu Đinh nhìn sướng mắt reo lên rồi vừa đi vừa nhảy vừa ca hát, tỏ ra khoái ý.
Khi mặt trời gần lặn những ánh vàng rớt lại trên Phổ Đà Sơn, phủ lên mọi vật tạo nên một màu vàng quắc thật đẹp mắt, Tiểu Đinh tìm một ngôi chùa vào ngủ qua đêm, khi vào tới cửa, Tri khách lão Sư nhìn Tiểu Đinh lắc đầu ra vẻ thương hại nói rằng:
- Em nhỏ ơi! Ta xem sắc mặt em có ám khí che phủ, ta e rằng tối nay em lại nghỉ ở đây, nhưng sáng mai em sẽ không còn sống để ra về nữa.
Tiểu Đinh không hiểu câu nói trố mắt ra nhìn và hỏi lại:
- Thế là nghĩa làm sao, con không hiểu ý Thầy định nói gì?
Tri khách lão Sư nhìn Tiểu Đinh chăm chú một hồi lâu rồi căn vặn hỏi:
- Em thử nghĩ gần đây em có làm một việc gì tổn đức không?
Tiểu Đinh quả quyết trả lời:
- Thưa Thầy, con không hề làm một sự gì tổn đức cả.
Sư phó lắc đầu lần nữa:
- Em thử nghĩ lại một lần nữa coi, hoặc giả trên núi Phổ Đà này trong khi đi đường em có sát hại một sinh vật nào không?
Tiểu Đinh ngẫm nghĩ hồi lâu:
- Thưa Thầy! Hôm nay giữa đường con thấy một con bò cạp đuổi một con rắn nhỏ. Rắn nhỏ chạy đến bên khe nước bơi sang hồ bên kia. Bò cạp không lội được nước nên dừng, con liền nhặt một cành cây bắt qua bên kia làm cầu. Bò cạp nhờ đó qua được khe và đuổi rắn cắn, nhân thế mà rắn chết.
Tri khách lão Sư cau mày:
- Chao ôi! Nhân vì tội nghiệp đó thế nào mà em chẳng biết sắc mặt, việc này khó khăn lắm đấy. Không thể trốn thoát tay Xà Vương được. Nhân vì trên núi này, khi xưa Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã lập qui ước với Xà Vương đòi thường mạng". Vậy tối nay em sẽ chết về tay Xà Vương mất.
Tiểu Đinh sợ quá cố van cầu:

- Xin Thầy cứu con với. Ba má con ở nhà chắc là đang trông đợi con lắm.
Tri khách lão Sư lắc đầu than thở:
- Đó là tội nghiệp do con gây ra, Thầy không có cách nào cứu được.
Tiểu Đinh rỏ hai hàng lệ ròng ròng, túm chặt lấy vạt áo vị Sư mà van lơn không chịu bỏ ra một phút.
- Nhất định Thầy cứu được con và từ nay con nguyện sẽ vâng lời cha mẹ, không bỏ nhà đi chơi và con nguyện xin làm người hiền lành không dám giết hại sinh linh nữa. Con không bắt chim, bắt bươm bướm chuồn chuồn nữa.
Tri khách lão Sư cúi đầu nghĩ ngợi hồi lâu rồi từ từ nói:
- Em ơi, giờ đây Thầy chỉ biết hết sức vì em mà tụng kinh trước Chư Phật Bồ Tát, để nhờ công đức tụng kinh may ra cứu thoát oan nghiệp này không, ngoài ra cũng còn phải nhờ phúc đức của nhà em cứu thêm. Ngoài cách đó ra, Thầy không còn phương pháp nào cả.
Tiểu Đinh gật đầu lia lịa tỏ vẻ hết lòng cảm khích và nhất thiết y theo lời tri khách Sư phó xếp đặt cho. Tri khách Sư phó liền thả dây cho cái chuông lớn treo ở trước cửa Tam Bảo hạ thấp xuống và bảo Tiểu Đinh núp vào trong niệm Phật luôn mồm, còn Sư phó thì khêu đèn đốt hương mở kinh rồi quỳ trước bàn Phật tụng kinh.
Quái lạ thay! Khi trông vào kinh điển tri khách rất lấy làm ngạc nhiên vì cả quyển kinh không nhìn thấy một chữ nào cả, khi cầm dùi gõ mõ thì mõ cũng chẳng kêu. Tri khách Sư phó, ba lần gõ, ba lần xem vào kinh mà trước sau vẫn nguyên tình trạng như thế thì trong lòng lấy làm sợ hãi muôn phần, thật là định nghiệp của đứa nhỏ không thể trốn thoát được.
La Môn Xà Vương lúc đó ở ngoài tiến vào phía quả chuông quấn ba vòng chung quanh quả chuông và từ từ buông ra và lặng lẽ ra khỏi cửa Tam Bảo biến mất.
Tri khách lão Sư thấy Xà Vương đi rồi, liền chạy mau đến kéo chuông lên thì trong quả chuông chẳng thấy Tiểu Đinh đâu, mà chỉ thấy còn sót lại một vũng máu và một mớ tóc. Vị Sư nhắm nghiền hai mắt lại miệng niệm:
- A Di Đà Phật.
Và tự lẩm bẩm một mình:
- Định nghiệp không thể chuyển được. Định nghiệp không có cách nào chuyển được, làm ra thời phải chịu lấy, nhân quả tơ hào không sai! Há chẳng đáng cẩn thận lắm ru?
Tri khách lão Sư vì việc Tiểu Định hiếu sát nên tụng kinh niệm Phật luôn trong ba ngày để cầu cho vong hồn Tiểu Đinh được sớm giải thoát về nơi Cực Lạc.
PHẠM NGỌC KHUÊ

Tập III - 1

Hồn Ma Nhà Đạo Sĩ
(*Truyện Cổ Phật Giáo Nhật Bản*)
Nam Mô A Di Đà Phật.
Vị sư già đứng đó đã lâu nhưng chẳng ai để ý đến ông cả. Đó là vị sư mình hạc , xương mai, khuôn mặc gầy gò, vàng bệch nhưng luôn luôn tươi cười, biểu lộ đức từ bi, bác ái.
Cách mấy bước, gần đó là một nhà kiếm sĩ. Chàng ta cao lớn nhưng người khô đét . Nét mặt khắc khổ nhưng không giống vẻ khắc khổ của nhà tu. Đó là vẻ khắc khổ của một kiếm sĩ hết thời, tài nghệ không còn nuôi sống nổi thân nên đành cấp kiếm đi giang hồ, rày đây mai đó.
Kiếm sĩ vào quán một lần với nhà sư. Chàng thét gọi tửu bảo. Tên này chạy ra, lúng túng không biết nên tiếp ai trước giữa hai người.
Nhà sư nói với tửu bảo:
- Anh hãy dọn rượu thịt cho kiếm khách trước. Ông ấy đến trước ta và dáng chừng còn nhiều việc gấp.
Nghe vậy, chàng kiếm sĩ vội xua tay:
- Tửu bảo hãy tiếp nhà sư trước. Cần giữ lễ với một vị đạo cao đức trọng, còn kẻ giang hồ khốn khó, khỏi cần trọng đãi.
Hai người cùng thi lễ – Kiếm sĩ tự giới thiệu:
- Tôi là Ta Mã Sum.
Hai người cùng ngồi một bàn với nhau – thức ăn dọn ra chỉ có cơm trắng, măng kho và ngó sen luộc. Qua câu chuyện trao đổi , họ mới biết là cả hai cùng đang đến tỉnh Ki-Ô-Tô bằng con đường Tô-cai-Dô . Tại sao họ không cùng kết bạn với nhau, cùng đi một lượt cho dặm dài đỡ vắng vì có bạn đồng hành ?
Sau bữa cơm , hai người đã trở nên đôi bạn. Hành lý của họ không nhiều lắm. Ta Mã Sum chỉ có hai thanh kiếm , còn nhà đạo sĩ thì xách một cái bị vải trông rất nghèo nàn . Họ vừa đi vừa trò chuyện rất tương đắc. Nhà sư luôn kể chuyện hành đạo còn Ta Mã Sum thì kể chuyện những kinh nghiệm từng trải trên bước đường giang hồ phiêu bạt của mình.
Con đường Cai-Tô-Dô thật nhộn nhịp. Hành khách ngược xuôi, đủ mặt các nhà sư, Kiếm sĩ, những người hành hương đi viếng các đền chùa, cả những người hát dạo,mãi võ,làm trò thủ thuật và rất nhiều hành khất đi xin ăn, đầu đội chiếc nón thật lớn, che kín mặt.
Nhiều vị lãnh chúa, thượng hạng ngự trong kiệu , có quân lính theo hầu. Mỗi lần họ đi qua , dân chúng lại kính cẩn cúi mình rạp đất, tỏ sự chào mừng.

Nếu có vị lãnh chúa cùng đi chung một đường thì vị nào chức vị cao, bổng lộc hậu sẽ được nhường đi trước.
Người ta còn thấy trên đường Tô-Cai-Dô những văn nhân , thi sĩ đi ngắm cảnh, tìm vần thơ hoặc những họa sĩ đang say mê ghi lại phong cảnh hữu tình trên nền lụa.
Ta Mã Sum kể cho nhà sư nghe về dĩ vãng của mình , đã theo học những ai để trở thành kiếm sĩ, đã từng đụng độ bao nhiêu trận và giết được bao nhiêu người.
Vị sư già không chê trách gì Ta Mã Sum. Theo ông , ông là người đạo đức suốt đời không hề làm hại ai, không giết ai, không gây cho ai buồn rầu, đau đớn . Nhưng , Ta Mã Sum, chàng là kiếm sĩ mà kiếm sĩ thì phải đánh, phải giết. Ông không thể khuyên chàng hay chỉ trích những hành động đó. Mỗi người có một số phận. Sau khi chết, họ sẽ đầu thai trở lại làm người hay làm thú vật tùy theo cái nhân mà họ gây ra . Ai cũng có thể gặp cơ duyên để trở nên tốt cả nếu họ chịu tu hành. Con người, súc vật, cây cỏ một ngày kia đều có thể thành Phật.
Nhà sư luôn miệng "Nam Mô" và đem các điều đạo lý ra nói cho Ta Mã Sum nghe. Ông kể chuyện Hoàng tử Ấn Độ bị Hoàng hậu độc ác móc mắt nhưng vẫn từ bi, tha thứ cho kẻ thù vì áp dụng câu : " Lấy oán báo oán, oán oán chập chùng, lấy ân báo oán, oán ấy mới tiêu tan".
Sau mấy ngày làm bạn đồng hành , họ đã trở nên thân thiết. Nhà sư có điều gì đều nói hết cho kiếm sĩ nghe , không giấu một chuyện gì.
Một hôm, ông trỏ cái bị vải đang đeo trên vai, nói với Ta Mã Sum:
- Ông bạn có biết cái bị vải mà tôi đeo kè kè bên mình này đựng cái gì không?
Ta Mã Sum lắc đầu:
- Không biết được! có gì quý giá không, thưa đạo sĩ.
- Quý lắm.
- Chắc là một tượng Phật?
- Không.
- Hay là một cuốn kinh quý giá mang lời vàng ngọc của đức Như Lai?
- Cũng không nốt.
Ta Mã Sum nghĩ thầm: " Hay là một chiếc răng của đức Phật". Hắn định hỏi đùa thế nhưng không dám, đành tuyên bố chịu thua.
Nhà sư thông thả đáp:
- Trong chiếc bị nghèo nàn này có hai trăm nén bạc.
Ta Mã Sum cười:
- Đạo sĩ giỡn tôi làm chi, tội nghiệp! Nếu người có một số tiền lớn như vậy thì người đã chẳng đi khất thực như tôi đã gặp. Nếu quả thực là chiếc bị này đựng hai trăm nén bạc thì người phải mặc áo đẹp, trọ ở khách sạn sang

trọng, mời tôi uống rượu quý, có đâu lại trọ ở cái quán nghèo nàn, nơi chúng ta gặp nhau.
Gương mặt đạo sĩ sáng lên, hớn hở.
- Không, bần đạo không đùa đâu. Bần đạo mang theo 200 nén bạc nhưng không phải để tiêu dùng cho mình. Bạn muốn biết để làm gì phải không? Đã gọi là chỗ thân tình, tôi xin kể bạn nghe.
Số là một ngày nọ, tôi đi từ Ô-Mô-Ri đến đền I-Kê-Ga-Ni. Có lẽ bạn biết vùng đó. (Ta Mã Sum gật đầu). Tôi chưa hề thấy cảnh sắc vùng nào đẹp hơn vùng ấy. Thời tiết êm dịu. Lòng tôi phơi phới , thanh thản. Thốt nhiên, tôi nghe tiếng chuông báo hiệu, mời tín đồ lại hành lễ tại đền thờ. Tiếng chuông thấm sâu trong lòng tôi và tôi cảm thấy mến yêu đức Thế Tôn vô vàn. Tôi nguyện rằng suốt đời phải làm sao đúc cho được một tượng Phật bằng đồng. Từ nhiều năm qua, tôi đã đi khắp nước Nhật để xin bố thí và để dành dụm được 200 nén bạc đựng trong cái bị này. Chuyến đi này đến Ki Ô Tô, tôi sẽ mướn một nhà điêu khắc lành nghề thực hiện giấc mộng mà bao lâu nay tôi ấp ủ.
Đôi mắt đạo sĩ rực sáng lên vì vui thích. Hình như ông đang hình dung trước mắt, pho tượng Phật hiện lên, kết quả của bao nhiêu năm ông đã chịu gian khổ , dành dụm thực hiện điều mình ước nguyện.
Ông say sưa nói tiếp:
- Đức Phật sẽ ngự trên một tòa sen, ngồi theo lối kiết già. Bàn tay mặt của Ngài sẽ đưa lên vai, lòng tay xoay ra ngoài để ban phước cho chúnh sanh, trên trán Ngài có dấu hiệu toàn trí , toàn năng và nụ cười của Ngài sẽ là nụ cười từ bi vô lượng.
Đó, bạn đã biết lý do vì sao tôi giữ gìn cẩn trọng cái bị nầy.
Ông cười đùa:
- Người ta nói rằng ai mang vàng bạc trong người sẽ đeo theo mối hiểm nguy nhưng với một kẻ anh hùng mã thượng như ông bạn, tôi chẳng chút gì ái ngại hay lo lắng cả.
Ta Mã Sum nghiêng đầu một cách cung kính, tỏ lòng cám ơn mỹ ý của đạo sĩ nhưng trong lòng gã đang ngổn ngang trăm mối. Trán gã nhăn lại, cử chỉ gã mất phần tự nhiên. Gã nghĩ :
- Suốt cả đời ta ngang dọc, tung hoành vào sinh ra tử , chưa bao giờ ta có được một phần mười số bạc mà lão sư già đang làm chủ. Ta đang đói rách, khốn khổ trong khi lão có 200 nén bạc lại nghĩ đến việc đúc tượng Phật.
Gã thở dài:
- Ta đã già rồi! Tuổi 40 là tuổi về vườn , vô dụng. Kiếm sĩ đến tuổi đó còn hoạt động gì được nữa? Chẳng ai thu dụng ta. Với số bạc 200 nén của lão sư già chắc chắn ta sẽ sống một cuộc đời sung sướng. Nhưng có bao giờ lão cho ta một ít. Họa là điên mới làm thế vì xem ra, lão đang say mê chuyện

đúc tượng Phật và chẳng nghĩ gì khác nữa.... . .
Lòng ghen tức bắt đầu dày vò tâm trí Ta Mã Sum. Đôi lúc hắn mong cho vị sư già để quên đâu đó cái bị bạc và hắn sẽ chiếm lấy, trốn đi . Một ý nghĩ táo bạo đến với hắn . Hắn chép miệng, nhủ thầm: " Đời chỉ là một cuộc phiêu lưu mà mục đích chỉ là tốt hay xấu mà thôi, gặp thời thế phải lợi dụng nó, có khi phải tự mình tạo ra thời thế. . ."
Ban đầu, Ta Mã Sum cố xua đuổi những ý nghĩ bất chính, nhưng lần hồi lòng tham đã làm mờ mịt lý trí của gã. Gã chỉ nghĩ cách làm sao đoạt cho được số bạc của sư già. Sư già thì chẳng hề để ý gì đến sự thay đổi của Ta Mã Sum. Ông luôn tin tưởng vào người mà ông đã nhận là bạn đồng hành.
Hai người đến thị trấn Quản A . Đường đi bị gián đoạn bởi một eo biển phải dùng thuyền mới qua được . Người lái thuyền chờ cho đủ 30 khách mới lái thuyền đi. Khi bước xuống thuyền, vị sư già loạng choạng thế nào suýt té xuống nước. Trông thấy thế, Ta Mã Sum lòng mừng khấp khởi. Hắn đã tìm ra cách thủ tiêu nhà sư để đoạt gói bạc.
Hắn dìu nhà sư đến ngồi sau lái, ở một chỗ vắng người. Gói bạc để ở giữa. Vờ trỏ cho nhà sư một con cá đang nhảy lên khỏi mặt nước, thừa lúc nhà sư nghiêng mình xuống xem, Ta Mã Sum bèn đẩy nhẹ một cái. Nhà sư té ùm ngay xuống biển. Chờ cho thuyền chạy được một quãng, Ta Mã Sum mới làm bộ la lớn:
- Trời ơi! Bạn tôi té xuống biển rồi, ngừng lại mau! Ngừng lại mau!
Gió lúc đó đang thổi mạnh. Buồm căng gió đẩy con thuyền đi vùn vụt. Khi người lái thuyền cố sức neo thuyền lại thì không còn thấy dấu vết nhà sư đâu nửa cả.
Ta Mã Sum gào lên, nước mắt hắn dàn dụa:
- Lão đạo sĩ đó là bạn thân thiết của tôi. Trời ơi, bây giờ ông chết đi bỏ tôi lại một mình, khổ sở thân tôi!
Mọi người trên thuyền thấy vậy đều xúc động. Ta Mã Sum lau nước mắt, đoạn nói với mọi người:
- Chúng ta phải trình việc này tới nhà chức trách địa phương, nhưng tôi nghĩ làm thế mất nhiều thì giờ khai báo, phiền đến quý vị sợ chậm trễ công việc . Tôi cũng vậy, tôi cũng có việc gấp cần đi ngay. Vả lại, nếu khai báo, sợ bác lái thuyền bị nghi oan, tội nghiệp. Chi bằng ta cứ tiếp tục hành trình, đến Ki-Ô-Tô, tự tôi sẽ đứng ra khai báo việc nầy, khỏi phiền đến quý vị.
Mọi người, kể cả bác lái thuyền, thấy có lý, sợ phiền phức, liên lụy nên ai cũng đồng ý là giữ kín chuyện nầy và cứ tiếp tục hành trình.
Khi thuyền cập bến, Ta Mã Sum cập cái bị bạc, nhảy phốc lên bờ, trong chốc lát, không còn thấy hắn đâu nữa.
Tối hôm đó, trong phòng riêng tại lữ quán, Ta Mã Sum mở bị bạc ra xem. Hắn lóa mắt khi đếm đúng 200 nén bạc nằm trong chiếc bị vải cũ kỹ, rách

rưới đó.
Bây giờ số bạc đó thuộc về hắn. Hắn vẽ ra trong đầu kế hoạch dùng số bạc đó làm vốn để mai này càng ngày, càng nảy nở thêm ra. Từ đây, hắn đã thoát cơn nghèo đói.
Hắn đến Ki Ô Tô, thay tên đổi họ, không còn là kiếm sĩ nữa mà trở nên một thương gia: Tô Cự Bi, thương gia mễ cốc.
Hai thanh kiếm võ sĩ đạo, hắn bọc vào trong túi gấm và cất kỹ vào một chiếc hòm.
Bây giờ, công việc hằng ngày của hắn là giao dịch, bán buôn, làm ăn càng ngày càng phát đạt, Tô Cự Bi lấy vợ, đẻ con. Hắn thành đạt ngoài sức tưởng tượng.
Tuy nhiên, đôi lúc hắn cảm thấy lương tâm cắn rứt. Hắn biết rõ cái sự nghiệp đồ sộ của hắn hôm nay là do tội ác mà nên. Để cố quên chuyện xấu xa và những ám ảnh ghê rợn, hắn lao đầu công việc làm ăn, mong nhờ những bận rộn hằng ngày xua đuổi những ý nghĩ dày vò tâm trí hắn.
Từ lúc hắn đến lập nghiệp ở Ki Ô Tô thắm thoát mà đã ba năm. Tô Cự Bi cảm thấy cần nghỉ ngơi đôi chút để dưỡng già. Hắn mua một biệt thự xinh đẹp, có một vườn hoa to rộng đầy anh đào, có thêm mấy cây tùng.
Hôm ăn tân gia, tuy được bạn bè thân thuộc chúc mừng nhưng Tô Cự Bi không khỏi một thoáng buồn rầu vì cái sản nghiệp hắn mới tậu thêm đây cũng do nơi tội ác của hắn ngày xưa mà có. Hắn cứ nguyền rủa mãi sự nghèo đói. Chính nghèo đói đã xui hắn làm bậy, tạo nên tội ác. Càng nghĩ đến nhà sư, hắn càng hối hận. Nhà sư từ bi, đạo đức bao nhiêu thì hắn độc ác, xấu xa, bẩn thỉu bấy nhiêu.
Đêm hôm đó, nhân trời có trăng, Tô Cự Bi dạo trong hoa viên. Mắt hắn chợt để ý đến một cây tùng. Cây tùng lạ làm sao! Hình như có một cái bóng người mờ ảo đang hiện ra từ thân và cành của cây tùng. Thân cây là thân người,cành cây là tay, chân. Hình ảnh đó ban đầu lờ mờ, ảo ảo nhưng càng lúc càng hiện rõ ra. Đó là hình dáng một người mình hạc, xương mai, đầu trọc lóc, đôi mắt sâu, má hóp, da dẻ tái xanh như một người chết trôi sông. Người chết đó, trời ơi, đang cử động. Lại cười nữa! Nụ cười thật khoan hòa, hỷ xả. . .
Mồ hôi Tô Cự Bi vả ra như tắm. Hắn hốt hoảng hét lên:
- Kìa, nhà sư!
Thây ma của nhà sư từ từ đi về phía Tô Cự Bi, càng lúc càng lớn dần nên làm Tô Cự Bi hoảng sợ, chôn chặt chân một chỗ, không còn đủ sức chạy trốn.
Thây ma đạo sĩ đưa đôi tay khẳng khiu đã rửa hết thịt ra ôm choàng lấy Tô Cự Bi, kề bộ mặt buồn thảm sát dần, sát dần mặt tên trọc phú.
Trước hình ảnh khiếp đảm đó, dầu là một kiếm sĩ đi nữa cũng phải kinh

hoàng, chết giấc nhưng vì nguy hiểm đến kề bên mình nên Tô Cự Bi thấy máu anh hùng nổi lên. Hắn sực nhớ mình là một kiếm sĩ. Lập tức hắn chạy vào nhà lấy thanh kiếm ra. Hắn múa lên như gió bão, nhắm thây ma của nhà đạo sĩ mà chém tới tấp. Hắn chém rất trúng nhưng lạ thay, thây ma đạo sĩ giống như sương khói, hết tan lại tụ, cứ sán lại, ôm choàng lấy tên cựu kiếm sĩ. Sốt ruột, Tô Cự Bi chém mạnh một kiếm, chiếc đầu của nhà sư bay tung lên. Nhưng kìa lạ lùng thay, chiếc đầu lại rơi xuống nối liền vào cổ và thây ma lại lạnh lùng tiến tới.
Cuộc chiến đấu giữa người và ma cứ thế mà kéo dài suốt đêm. Đến rạng sáng hồn ma mới tan đi.
Đêm sau, rồi đêm sau nữa cũng vậy, thây ma của nhà sư xuất hiện từ cây tùng và cuộc chiến lại tái diễn làm Tô Cự Bi cảm thấy kiệt lực. Hắn ra lệnh đốn ngã cây tùng nhưng đêm đến, thây ma nhà sư lại hiện ra từ một cây tùng khác. Tô Cụ Bi đâm ra sợ đêm tối. Cứ tắt mặt trời là hắn đã hoảng hốt, lo sợ. Cuối cùng, hắn đóng chặt của phòng, giam mình trong nhà, không dám ra ngoài vườn khi đêm đến. Nhưng lạ thay, vừa đóng cửa phòng, hắn đã thấy thây ma của nhà sư hiện lên trên đầu giường, trên cửa sổ.
Tô Cự Bi phát bịnh nặng. Suốt ngày hắn vùi đầu trong chăn nệm, miệng luôn luôn nói sảng.
Vợ hắn tìm khắp mặt các lương y trong vùng, xin đơn, hốt thuốc nhưng bịnh tình của Tô Cự Bi vẫn không mảy may thuyên giảm. Bịnh tình kỳ lạ của nhà đại phú thong Tô Cự Bi đươïc loan truyền đi khắp vùng, ai nghe cũng lấy làm thắc mắc.
Trong vùng đó có một nhà sư, nghe chuyện lạ thì tìm tới. Nhà sư này nổi tiếng là đạo đức, ai gặp việc gì khó khăn cũng tìm tơí ông chỉ dẫn. Con hầu của Tô Cự Bi, một hôm, đem chuyện nhà kỳ lạ của chủ nhân mình bạch với nhà sư. Nhà sư hỏi rõ ngọn nguồn, suy nghĩ một lát, đoạn bảo người tớ gái nhà đại phú.
- Nếu đã uống đủ mọi thứ thuốc thang mà không lành thì làm lễ khấn nguyện, xin Trời Phật hộ trì, may ra sẽ thuyên giảm chăng.
Vợ Tô Cự Bi nghe vậy bèn rước nhà sư về nhà, kể lể đầu đuôi câu chuyện cho nhà sư biết. Đoạn, bà ta đưa nhà sư vào phòng của Tô Cự Bi. Vừa trông thấy nhà sư, bệnh tình của Tô Cự Bi bỗng gia tăng trầm trọng, hắn chỉ tay vào nhà sư mà la hoảng:
- Đó. . . đó. . . Nhà sư. Rõ ràng không còn ai vào đó. Nhà sư ngày trước trở về báo thù ta. Bắt lấy hắn, bắt lấy hắn. Cứu tôi, trời ơi!
Hắn run lên cầm cặp, vơ vội mền chiếu trùm kín lên người, che kín mặt như cố chạy trốn hình ảnh người đối diện.
Nhà sư yêu cầu để ông ở lại một mình trong phòng, đoạn bước tới gần Tô Cự Bi, ông nói:

- Phải, tôi là nhà sư, bạn đồng hành của ông mấy năm về trước. Tôi chính là người đã bị ông xô xuống biển cách đây 3 năm qua.
Tô Cự Bi run lên. Tay chân hắn cử động như một thây ma của người treo cổ bị gió đùa. Thây ma mọi hôm ở trong vườn không hề nói một tiếng, tại sao hôm nay lại nói? Còn hình phaït khủng khiếp nào nửa đây?
Có lẽ đoán được ý nghĩ của Tô Cự Bi, nhà sư thong thả nói:
- Tôi không phải là thây ma. Tôi là người sống. Tôi nhắc lại, tôi là nhà sư đã kết bạn cùng ông trên đoạn đường đến Ki-Ô-Tô. Tôi chính là người đã bị ông xô xuống biển cho chết chìm. Cũng may từ nhỏ tôi đã tập bơi nên hôm đó, tôi bơi được vào bờ, thoát chết.
Tôi đã tìm ông khắp chốn để xin lại số bạc hầu đúc cho được tượng Phật nhưng không tìm thấy ông đâu cả. Tôi bèn tiếp tục cuộc sống lanh thang, đi khắp bốn phương, khất thực, xin mọi người bố thí và tôi đã gom được số tiền đủ để đúc tượng Phật. Tượng Phật hiện đã hoàn thành.
Sự tình cờ đưa tôi đến đây. Tôi đã hiểu vì đâu ông sinh bịnh. Ông đã phạm vào một tội ác kinh khủng nhất đời, đó là tội sát nhơn. Tuy nhiên, tôi là kẻ tu hành, tôi tha thứ cho ông. Đức Phật đã dạy : " Lấy đức báo oán, oán ấy tiêu tan". Phải chấm dứt thù oán và sẵn sàng tha thứ. Tôi không hề thù oán gì ông cả. Ông cứ yên tâm. Hãy nhìn tôi đây. . .
Tô Cự Bi lấm lét nhìn nhà sư. Ông ta đang mỉm cười với hắn. Ôi, nụ cười đầy khoan dung, hiền hòa vô lượng, làm lòng hắn tự nhiên cảm thấy nhẹ nhàng. Cuối cùng hắn khóc nức lên, quỳ xuống chân nhà sư :
- Tội lỗi tôi thật tày đình. Tôi đã xô Ngài xuống biển để đoạt lấy số bạc. Xin Ngài tha tội cho tôi, chỉ vì tôi quá khốn khổ . . .
- Phải, con người sinh ra bản tính vốn thiện nhưng rồi cuộc đời làm cho vẩn đục. Nghèo khổ đẩy con người vào mê lầm, tội ác, nhưng biết sám hối thì tội lỗi sẽ được nhẹ đi. . .
- Thưa đạo sĩ, con hối hận vô cùng. Đêm nào con cũng bị ám ảnh dày vò, hành hạ không nguôi. Lương Tâm con không được yên ổn để hưởng cảnh giàu sang.
- Phải rồi, khi mình làm điều ác thì lương tâm không yên ổn, chỉ một thoáng gió xao động cành cây cũng đủ giật mình.
Nhà sư và cựu kiếm sĩ nói chuyện với nhau y như ba năm trước họ gặp nhau trên con đường đến Ki-Ô-Tô vậy.
Tô Cự Bi khẩn khoản xin trả cho nhà sư 400 nén bạc, tức gấp đôi số bạc mà hắn đã cướp của nhà sư, nhưng nhà sư khoát tay, từ chối:
- Không, tôi không cần dùng đến số bạc đó nữa. Tôi đã đúc xong tượng Phật rồi.
Tô Cự Bi van nài:
- Nếu đạo sĩ không nhận tức là đạo sĩ chưa thật lòng tha thứ cho đệ tử. Xin

Ngài cứ nhận rồi bố thí lại cho chúng sinh nghèo khổ.
- Nếu nhận để cho người nghèo khổ thì được, tôi nhận. Bây giờ, tôi xin phép cáo từ. Nếu ông bạn muốn tôi được vui lòng xin ông bạn hãy dọn mình cho trong sạch, từ nay nên làm việc thiện. Cần tha thứ kẻ khác và rộng lượng với những kẻ khốn nghèo.
Từ đó, nhà phú thương Tô Cự Bi hết bịnh, tâm hồn trở nên thư thái. Ông tỏ ra nhân đức, sẵn lòng cứu giúp mọi người.
Cuộc đời về già của ông được dùng để làm toàn việc thiện. Người ta thường thấy ông lim dim mắt và niệm:
- Nam Mô A Di Đà Phật!
Tô Kiều Ngân
"Ở thế gian này, chẳng phải hận thù trưø được hận thù, chỉ có từ bi trừ được hận thù. Đó là định luật của ngàn xưa".

Chiếc Cầu Muôn Thuở

Đây là một khu rừng xanh tươi trong dãy núi Hy Mã Lạp Sơn, lòng sông Hằng từ ngàn cao đổ về, chầm chậm chảy như muốn nghỉ ngơi sau khi đã vượt qua nhiều đoạn thác ghềnh.
Bên bờ sông phía Nam, vượt lên trên muôn ngàn cây lá xanh tốt, có một cây xoài khổng lồ. Thân cây vút tận trời. Cành xoài đâm ngang che cả một vùng trời rộng lớn. Nhiều nhánh ngã ngang trên giòng sông, soi hình xuống đáy nước, trái xoài mập mạp, to trĩu cả cây.
Cây xoài là nơi tụ họp của một đoàn vượn đông đúc. Tám ngàn con, chúng họp thành một quốc gia hẳn hoi đứng đầu là một vượn chúa, thân hình cao đẹp, sức khỏe phi thường. Nguồn lợi thiên nhiên đủ cung cấp cho toàn đoàn lương thực trong suốt cả một mùa. Nhưng phải cẩn thận, không được để trái nào chín tới, phải ăn quả lúc còn xanh. Đó là lịnh của vượn chúa biết lo xa, và bầy vượn ngoan ngoãn làm theo.
Một hôm, một điều không may xảy đến. Một trái xoài che khuất bởi một tổ kiến to, dần dà chín mùi, chín mùi, rơi xuống dòng sông. Trái xoài bị nước cuốn đi, trôi dạt vào bể bơi của vua xứ Ba La Nại vừa đúng lúc nhà vua đang tắm. Trái xoài to một cách khác thường, mập mạp và thơm tho. Nhà vua bèn với nhặt lên bóc ra ăn thử, ngài không đợi ý kiếàn của viên cận thần. Chưa khi nào vua được ăn một trái cây ngon như thế.
Thế là sau đó, các người thợ rừng được gọi đến hỏi ý kiến. Mọi người đều trả lời là họ chưa thấy cây xoài nào trái to như vậy. Nhưng nhà vua đã quyết định sẽ tìm cho kỳ được cây xoài quý giá kia. Và ngày hôm sau cả một đội binh thuyền được huy động để vượt dòng sông, họ chuẩn bị rất nhiều lương thực, quyết dừng lại khi nào đến được dưới gốc xoài. . .

Sau ba ngày đường, một buổi chiều kia, người ta tìm thấy trên một triền núi xa, một cây xoài cao lớn. Tin vui mừng truyền đi rất nhanh. Cánh tay được chuyền thêm sức mạnh. Người ta chèo suốt đêm ấy và cả ngày hôm sau. Đến chiều người ta đã gần đến được dưới cây xoài. Không thể tả hết nỗi ngạc nhiên của quân binh và vua quan. Họ chưa bao giờ thấy một cây to như thế. Đứng trước cảnh núi non hùng vĩ, con người thấy mình bé nhỏ quá. Ai nấy đều có ít nhiều lo ngại. Mà hình như trên cây có những con vật đang chuyển động. Không phải một vài chục, một vài trăm mà hàng ngàn. Đoàn thuyền đến gần. Người ta nhận ra đó là một thế giới vượn đang chiếm cứ cả cây xoài và sinh sống ở đấy. Nhà vua đứng ở mũi thuyền cũng vừa nghiệm thấy như thế. Quả là một sự khinh mạn lớn vì tất cả những trái xoài ngon từ trước đến giờ đều bị loài vượn đáng ghét kia ăn trước hết cả. Lịnh truyền ra cho tất cả quân lính phải bao vây chặt chẽ, và chuẩn bị sẵn sàng cung tên chờ ngày mai, khi mặt trời trở dậy,bắt đầu tàn sát tất cả đoàn vượn kia!
Về phía đoàn vượn, tất cả đều tỏ vẻ hoảng sợ. Chúng đoán biết có một tai nạn không tiền khoáng hậu sẽ xảy đến với chúng, mặc dầu vượn chúa đã tìm cách làm an lòng.
Trong đêm ấy, vượn chúa băn khoăn nát óc nghĩ cách cứu đoàn. Rồi thình lình, vượn chúa vụt trèo ra đầu cành ngả sang sông. Từ đây qua bờ bên kia còn xa lắm. Sông rộng, nước sâu khó có một con vượn nào có thể thoát được sang ngã này. Bỗng vượn chúa nhún mình lấy hết sức mạnh, đánh một cái nhảy sang bên kia bờ. Rồi vượn chúa đi tìm những sợi mây dài, nối liền lại và loay hoay cột một đầu dây vào thân cây, còn đầu dây kia cột vào thân mình, xong xuôi, vượn chúa lại lấy hết sức để nhảy trở về cây xoài. Vượn chúa định làm một chiếc cầu bằng dây để cứu thoát cho cả đoàn mình chuyển sang bên kia bờ. Nhưng, nguy thay! Sợi dây bị hụt đoạn chừng một sải tay và vừa đúng khi hai tay vượn chúa nắm được cành xoài đâm ra sông là sợi dây vừa căng thẳng, kéo chân vượn ra phía sau. Không còn có thể chậm trễ một giây lát nữa. Tám ngàn vượn phải chuyền sang sông đêm nay. Cho nên vượn chúa nằm ngay trong thế đó, hai tay vượn nắm kỹ nhánh xoài, chân vượn nối dài thêm sợi dây để làm cầu, vượn chúa ra lịnh cho toàn đoàn qua sông. Bầy vượn ngần ngừ. Phải bước lên mình vượn chúa? Phải chuyền mình trên sợi dây đang kéo nặng thân vượn chúa? Trước sự đau lòng ấy, nhiều con đã nức nở, chảy nước mắt. Nhưng không còn chậm trễ được. Hoặc xót thương để ngày mai phải tiêu diệt cả? Hoặc phải cứu sống cả đoàn.
Và lịnh được lập lại một lần nữa trước sự cương quyết của vượn chúa. Bầy vượn chuyền sang sông. Con nào con nấy đều cố sức đi thật nhẹ nhàng. Chúng cảm thấy như đang dày vò lên một cái gì quí, một trái tim đã hết mức hy sinh cho chúng.
Vượn chúa đã ngất đi nhiều lần, nhưng lại cố trấn tĩnh ngay để nắm vững

thân cây. Bầy vượn qua gần hết. Con vượt qua cuối cùng là con vượn Devadatta. Đây là con vượn xấu xa nhất, đã nhiều lần tỏ lòng ganh ghét vượn chúa và tìm cách ám hại. Nó cho là cơ hội đã đến. Nó nhảy mạnh lên mình vượn chúa với tất cả sức mạnh của nó và nhún thật mạnh trên cầu dây. Vượn chúa tưởng chừng như dập cả buồng gan, nhưng vẫn cố ráng sức nắm chặt thân cây để nó sang sông được an toàn. Rồi vượn chúa mệt lả đi. Qua bên kia bờ sông, con vượn Devadatta quay nhìn lại. Trong ánh lờ mờ của ngày sắp dậy, nó thấy thân hình vượn chúa lông lá phờ phạc, im không cử động. Tự nhiên nó cuối mặt xuống, rơi hai hàng lệ nóng, nó hối hận, nó cảm phục đức độ bao dung của vượn chúa.
Sáng hôm sau, vua Ba Tư Nại truyền tiến quân. Nhưng một ngạc nhiên lớn! Toàn thể bầy vượn đông đảo đang đêm đã trốn đi ngã nào hết. Quan quân đang đứng dưới gốc cây xoài. Người ta nhìn lên. Cảnh tượng thật là cảm động. Một con vượn to lớn khác thường đang nối mình với một sợi dây to bắt từ bên này sang bên kia bờ sông.Vượn nằm im không cử động, hình như mệt ngất đi. Theo nhiều người thợ săn cho biết thì đây là con vượn đầu đàn. Lúc bấy giờ nhà vua rõ đầu đuôi. Thì ra con vượn đầu đàn đã lấy thân mình nối thành cầu để cứu thoát cho cả bầy của mình. Vượn đầu đàn đã nêu gương hy sinh cao cả làm nhà vua cảm phục lắm. Ngài đột nhiên tỉnh ngộ, nghĩ đến việc làm ích kỷ và thấp hèn của mình. Chỉ vì muốn có những trái xoài ngon ngọt mà ngài đã dùng uy quyền huy động nhiều người đến đây. Chỉ vì một ý muốn tầm thường nếu không muốn nói là sai lầm, một sự tức giận nhỏ nhen mà ngài suýt gây nên một sự tàn sát thảm khốc. Rồi ngài quay sang bọn thợ săn đang đứng yên, không còn hăm hở muốn giết hại như trước. Ngài nói to để chỉ cho họ một bài học và lập tức truyền lịnh lui quân, sau khi đã sai đưa vượn chúa xuống và tự tay ngài vuốt ve săn sóc cho vượn chúa tỉnh lại.
Vượn chúa đã nêu lòng hy sinh cao cả để cứu đoàn một cách cảm động trên đây, chính là tiền thân Đức Phật Thích Ca.
“ Người tu hạnh Bồ Tát phải lấy từ bi làm gốc. Cây Bồ Đề lớn mạnh nhờ bám sâu gốc rễ trong đất, kẻ tu hành lấy Từ Bi lợi lạc hữu tình làm lẽ sống”.

Tôn Giả Tí Hon

Thuở Phật còn tại thế, một hôm vị đệ tử Đại Trí của Ngài, Tôn Giả Xá Lợi Phất, đi khất thực trong thành Vương Xá. Ngài bỗng nhớ đến một người bạn nghèo của thân phụ, và muốn đến gieo phước cho ông. Tôn giả đi đến nhà ông lão. Khi thấy Tôn giả từ xa đi lại, ông lão nghĩ thầm “ Kìa là cháu Upatissa (tên của Tôn giả lúc ở đời) yêu dấu của ta ngày xưa đến khất thực. Y không biết rằng ta không còn gì để cho y”. Nghĩ thế, ông lão lánh mặt, tự

nhủ xin được chút gì mới cúng dường Tôn giả. Ít hôm sau, ông lão kiếm được một ít cháo và một mảnh y phục nhờ sự tụng đọc kinh điển Bà La Môn. Ông định bụng sẽ cúng dường Tôn giả. Lúc ấy Tôn giả đang nhập định quán sát thấy ông lão muốn bố thí, nên Ngài xuất định, ôm bát đến nhà ông lão. Tôn giả đứng trước cửa như thường lệ, ông lão ra đảnh lễ Tôn giả mời vào nhà để cúng dường. Tôn giả chỉ nhận phân nửa bát cháo, rồi đậy nắp bát. Nhưng ông lão năn nỉ: " Bạch Tôn giả, đây chỉ là một phần ăn. Xin Tôn giả nhận tất cả, cho con trọn phước báo đời sau. Con muốn cúng tất cả cho Ngài.
Nói rồi ông lão đổ trọn bát cháo vào bát Tôn giả. Tôn giả Xá Lợi Phất dùng cháo ngay tại chỗ. Khi Ngài dùng xong, ông lão lại cúng nốt mảnh y phục cho Ngài. - Bạch Tôn giả, nguyện cho con đời sau sẽ có được trí tuệ sieâu việt như Ngài.
- Này Bà-La-Môn, ngươi sẽ được toại nguyện.
Tôn giả đáp, và sau khi nói lời tùy hỷ công đức, Ngài đứng lên tiếp tục du hành đến Kỳ Viên tịnh xá.
Ông lão sau khi cúng dường Tôn giả thì vui mừng vô hạn, và tăng lòng ái mộ đối với Tôn giả. Do sự ái kính này, ông lão thác sanh vào một gia đình thí chủ thường xuyên của Tôn giả Xá Lợi Phất. Khi bà tín nữ mang thai, bà đâm ra khát khao hơn bao giờ hết là được cúng dường cháo hằng ngày cho chúng Tỳ kheo của Tôn giả Xá Lợi Phất, gồm tất cả 500 vị. Bà khao khát được mặc y vàng, đến ngồi ngoài cổng tịnh xá mà chực ăn phần cháo thừa của chúng Tăng để được thừa hưởng phước trí trang nghiêm. Thân quyến và chồng bà giúp bà thực hiện ước nguyện ấy, cúng dường cháo hằng ngày cho chúng tỳ kheo. Có người cho rằng sự thích mặc áo vàng của bà là điềm báo trước người con trong bụng sẽ là một vị Tỳ kheo đệ tử Phật, và họ lấy làm sung sướng.
Đúng kỳ sanh nở, một hài nhi xinh đẹp ra đời, cả gia đình hân hoan đón tiếp. Họ tắm em bé bằng nước thơm, mặc cho em bé những y phục vô cùng quý giá đã may sẵn từ trước, và đặt em bé trong một chiếc nôi lộng lẫy như một hoàng cung, đắp cho em bé một mền gấm sang trọng. Rồi thỉnh Tôn giả Xá Lợi Phất và chúng Tỳ kheo đến quy y cho em bé. Khi Tôn giả đến, em bé đang nằm ngửa nhìn chăm chăm vào Tôn giả với một cặp mắt tinh anh lạ kỳ, một cái nhìn trìu mến như đối với đồng hàng quyến thuộc. Em bé nghĩ " Đây là thầy của ta đời trước nhờ Ngài mà ta được sang quý đời này. Ta phải cúng dường Ngài một cái gì". Khi mẹ ẵm em bé lên để thọ tam quy với Tôn giả, những ngón tay của em quấn vào trong cái mền gấm. Gia nhân la lên " Kìa tay em bé kẹt trong cái mền gấm" và chạy lại gỡ ra thì em bé òa khóc như không muốn rời. Người mẹ nói: "Để vậy đừng làm em bé khóc" và ẵm con đến cho Tôn giả. Khi đến trước Tôn giả, em bé thả tay cho cái mền rớt phủ

trên chân Ngài. Người mẹ thông ngôn rằng: Bạch Tôn giả, xin Ngài nhận cho con của cúng dường này, và cho con được thọ tam quy làm đệ tử Ngài. Tôn giả hỏi:
- Tên đứa bé là gì?
- Bạch Tôn giả xin cho hài nhi cái tên của Ngài lúc chưa xuất gia.
- Vậy nó sẽ mang tên Tích Sa (Upatissa là tên của Tôn giả).
Khi được bảy tuổi, Tích sa nói với mẹ:
- Thưa mẹ, con muốn xuất gia theo Tôn giả Xá Lợi Phất.
- Tốt lắm, cho con xuất gia.
Rồi bà mời Tôn giả lại nhà bạch:
- Bạch tôn giả, đệ tử của Ngài xin được xuất gia với Ngài. Chiều nay con sẽ đưa y đến tu viện.
Sau khi được Tôn giả nhận lời, bà mẹ sắm nhiều lễ vật cúng dường và dẫn chú bé đến Kỳ Viên tịnh xá. Tôn giả nói với Tích Sa:
- Tích Sa nầy, đời sống của người xuất gia rất kham khổ. Khi muốn ấm thì người phải gặp lạnh, muốn mát người lại gặp nóng. Những Tỳ kheo phải sống ngược đời như thế đấy. Liệu ngươi có chịu đựng không?
- Bạch Tôn giả, con sẽ làm tất cả những gì Ngài dạy bảo.
- Tốt lắm.
Rồi Tôn giả dạy cho Tích Sa quán pháp bất tịnh bằng cách năm món đầu trong 32 món ô uế trong thân là tóc, lông, móng, răng, da. Tôn giả lại truyền cho Tích sa thập giới và từ đó Tích Sa khởi sự cuộc đời của một chú tiểu.
Để mừng việc xuất gia của con, cha mẹ Tích Sa cúng dường toàn thể chúng Tăng ở Kỳ Viên tịnh xá suốt một tuần với một thứ cháo thập cẩm ngon lành. Những Tỳ kheo chưa chứng quả không ngớt thì thầm với nhau: "Ngon lành thật! Đâu phải chúng ta luôn luôn được như thế nầy".
Sau bảy ngày thiết đãi chúng Tăng, cha mẹ Tích Sa từ giã trở về nhà. Qua ngày thứ tám, chú tiểu Tích Sa bắt đầu ôm bát đi bọc hậu đoàn Tỳ kheo do Tôn giả Xá Lợi Phất dẫn đầu vào thành Xá Vệ để khất thực.
Những người trong thành phố bảo nhau: " Nghe đồn hôm nay chú tiểu Tích Sa sẽ đi khất thực trong thành phố. Ta hãy sửa soạn tặng phẩm cúng dường". Bởi thế, khi Tích Sa vào thành, những người quen biết cha mẹ chú tiểu đều đem phẩm vật cúng dường tới tấp. Chú tiểu nhận được 500 bát đầy phẩm vật và 500 bộ y phục đem về chùa.
Hôm sau, những người chưa được cúng lại thân hành đem phẩm vật đến tịnh xá. Chú tiểu nhận thêm 500 bát, 500 y, rồi dâng tất cả 1000 y,1000 bát cho chúng Tỳ kheo tại vườn Cấp Cô Độc. Do đó, chú được mệnh danh là thí chủ Tích Sa.
Một hôm vào tiết trời giá buốt, trong khi Tích Sa quét dọn chung quanh tịnh xá, chú tiểu thấy chư Tăng tụm năm tụm ba, đang sưởi bên đống lửa liền

hỏi:
- Bạch chư Đại đức, tại sao chư Đại đức phải hơ lửa vậy? (trẻ con thường không biết rét là gì).
- Chú tiểu ơi, chúng tôi lạnh cóng cả người phải hơ cho ấm. Bạch chư Đại đức, khi nào trời rét thì ta đắp mền cho ấm. Mền sẽ ngăn cái lạnh không cho thấm vào cơ thể. Chú tiểu có nhiều phước đức mới có mền mà đắp, chớ chúng tôi làm sao có mền được!
- Bạch chư Đại đức, thế thì ngày mai, vị nào cần mền, xin hãy đi với con vào thành.
Rồi chú xin chư Tăng thông báo như vậy cho chúng Tỳ kheo trong tịnh xá. Bởi vậy, hôm sau có 1000 vị Tỳ kheo cùng đi theo chú tiểu.Trước khi vào thành Xá Vệ, chú ghé từng nhà ở ngoài thành và đã được 500 cái mền. Khi vào thành, mọi người đều đổ xô đến cúng dường theo lời yêu cầu của chú tiểu. Tại một cửa tiệm, ông chủ đang ngồi sau một đống mền cao ngất. Một người đi đường đêÙn rỉ tai:
- Nầy, có một chú tiểu đang đi xin mền đó, nên dấu hết đi.
Ông chủ nói:
- Nếu tôi muốn cho, thì tôi cho. Không muốn, thì tôi không cho. Dấu làm gì?
Nhưng người ta đi khỏi, ông chủ ngẫm nghĩ, và dấu bớt hai cái mền thượng hạng trong số mền bày bán. Ngay lúc ấy Tích Sa cũng vừa đến. Mới thấy mặt chú tiểu ông đã đem lòng thương mến vô cùng. Cả người ông tràn ngập sự kính yêu chan chứa. Ông nghĩ, Coi đáng yêu chưa tề! Trông mặt mũi một bé trai kháu khỉnh như thế kia, thì dù có đem cho cả thịt da, tim ruột của ta, ta cũng không tiếc, nói chi tới vài ba cái mền". Và lập tức ông rút ngay hai cái mền quý giá nhất đặt dưới chân Tích Sa đảnh lễ mà bạch:
- Bạch Đại đức, mong sao cho con được thấm nhuần ánh sáng đạo mà Ngài đã thấy.
- Cư sĩ sẽ được toại nguyện.
Chú tiểu chúc tụng, rồi nói lời tùy hỷ công đức. Ngày hôm ấy chú nhận đúng 1000 cái mền cho chúng Tỳ kheo. Do đó, chú được mệnh danh là người cho mền. Đó là nhờ công đức lúc mới sanh Tích Sa đã cúng dường mền cho Tôn giả Xá Lợi Phất.
Tại tịnh xá Kỳ Viên, chú tiểu Tích Sa phải tiếp đón những cậu bé bạn cũ đến thăm. Ngày nào chúng tới, hỏi han mọi chuyện, làm cho chú không có thì giờ mà tham thiền nhập định gì hết. Nghĩ rằng sanh tử là việc lớn chú đến xin đức Phật một đề mục thiền định để rút sâu vào rừng mà tu tập.
Khi đến một khu làng. Tích Sa gặp một ông lão. Chú hỏi:
- Thưa cư sĩ, gần đây có một khu rừng nào cho tu sĩ ẩn cư không?
- Bạch Đại đức có. Vậy, xin người hãy chỉ đường cho tôi đến đó.
Mới nhìn chú, ông lão đã có cảm tình, nên bằng lòng dẫn chú đi. Vừa đi chú

vừa hỏi ônglão địa danh những nơi đi qua. Khi tới rừng ông lão nói:
- Bạch Đại đức, đây là chỗ tốt lành. Ngày hãy ở đây và xuống làng tôi khất thực. Tích Sa nhận lời, và từ đấy ngày ngày chú xuống làng để khất thực. Dân chúng yêu kính chú khôn cùng và năn nỉ: "Đại đức hãy ở đây thật lâu với chúng tôi để chúng tôi được thọ tam quy ngũ giới với Ngài". Họ cúng dường những vật dụng cần thiết cho Tích Sa. Mỗi khi nhận Tích Sa đều chúc lành cho thí chủ như sau:
- Mong thí chủ được hạnh phúc an vui. Mong thí chủ khỏi khổ ách.
Sau hai tháng ở rừng nỗ lực tu tập thiền định, Tích sa chứng quả A La Hán. Bấy giờ Tôn giả Xá Lợi Phất có ý định thăm chú, nên bạch Phật:
- Bạch Thế Tôn, con sẽ đi thăm chú tiểu Tích Sa.
- Được ngươi cứ đi.
Tôn giả đến bên người bạn cố tri của Ngài là Tôn giả Mục Kiền Liên.
- Hiền huynh tôi sẽ đi thăm Tích Sa.
- Tôi cũng đi với.
Và tất cả những vị Đại đệ tử của Phật như Ngài Ca Diếp, A Nậu Lâu Đà, Ưu Đà Di, Phú Lâu Na v. v...đều đi cùng Tôn giả Xá Lợi Phất để thăm chú tiểu ở rừng. Khi đoàn Thánh chúng đến, dân cư tiếp đón nồng nhiệt. Họ vô cùng hân hoan khi thấy vị Thánh đệ tử Phật nổi danh thiên hạ, và xin Ngài ban một thời pháp. Nhưng Tôn giả từ chối.
- Ta đến thăm chú tiểu Tích Sa của ta cái đã.
Khi Tích Sa được tin, chú xuống làng thi lễ và làm bổn phận của một chú tiểu đối với những vị trưởng thượng đầy uy đức của mình. Chỗ nghỉ ngơi đã được dân cư lo chu đáo tại một ngôi chùa trong làng. Họ lập lại lời thỉnh cầu nghe pháp, mặc dầu trời đã tối. Tôn giả Xá Lợi phất nói:
- Vậy hãy đốt đèn lên và loan tin cho Phật tử xa gần đến nghe.
Khi dân làng tề tựu, Tôn giả Xá Lợi Phất bảo Tích Sa:
- Nầy, Tích Sa, các thí chủ của con ngỏ ý muốn nghe pháp. Con hãy nói pháp cho họ đi.
Toàn thể dân làng đều đồng thanh thưa:
- Bạch Tôn giả, vị Đại đức của chúng con đây, không biết gì, ngoài ra hai câu: "Mong gia chủ được hạnh phúc an vui, mong gia chủ thoát khỏi khổ ách." Xin Ngài cho vị khác nói pháp cho chúng con nghe.
Khi ấy Tôn giả hỏi chú tiểu:
- Tích Sa, nhưng làm sao để được hạnh phúc an vui? Người ta làm thế nào để thoát khổ ách? Con hãy giảng rộng hai câu ấy.
- Thưa vâng, bạch Tôn giả.
Tích Sa thăng tòa, giảng như nước chảy về khổ đế, nguyên nhân khổ, Niết Bàn và con đường đưa đến tịch diệt. Và chú kết luận:
- Bạch chư Tôn giả, đó là đường đi của một vị A La Hán để thoát khỏi khổ

ách, để được an vui.
- Giỏi! Con đã thông thuộc rành rẽ giáo pháp.
Những cư dân nghe xong thời pháp đều rất ngạc nhiên. Một số mừng vì lâu nay được cúng dường một vị thông tuệ, nhưng một số tỏ ý bất mãn bảo nhau:
- Không dè Đại đức ấy thuyết pháp hay như vậy. Tại sao lâu nay Đại đức cứ câm miệng hến, không chịu nói gì cả. Thật là gan lì.
Từ tịnh xá Cấp Cô Độc, Đức Thế Tôn biết được tâm niệm bất kính của những cư dân này đối với Tích Sa. Ngài động lòng từ bi, muốn cho họ thoát khỏi tội báo xúc phạm một vị A La Hán, nên đích thân đến làng thăm chú tiểu. Khi thấy Đức Phật đích thân đến làng chỉ vì để thăm Tích Sa dân làng mới hoàn toàn công nhận tầm quan trong của vị Đại đức tí hon này. Ngài bảo Tích Sa đưa Ngài lên tận núi cao nhất từ đó có thể nhìn xuống biển cả, và hỏi:
- Tích Sa, khi đứng trên đỉnh núi này, nhìn quanh con thấy gì?
- Bạch Thế Tôn, con thấy nước biển mênh mông không bờ bến.
- Con nghĩ gì khi thấy đại dương?
- Bạch Thế Tôn, con nghĩ: trong vô số kiếp luân hồi, ta đã đổ bao nhiêu là nước mắt để khóc vì những nỗi đau khổ, nước mắt ta có lẽ còn nhiều hơn nước trong bốn biển lớn kia.
- Đúng lắm, Tích Sa.
Rồi Ngài đi thăm động đá nơi Tích Sa cư trú.
- Con nghĩ gì khi cư trú nơi đây?
- Bạch Thế Tôn, con nghĩ, ta đã chết vô số lần, vô số lần thi hài ta đã nằm trên mặt đất này.
- Đúng lắm, Tích Sa! Không có một nơi nào trên mặt đất mà chúng sanh không xả bỏ thân mạng vô số lần ở đó.
Và Ngài hỏi tiếp:
- Tích Sa, khi con nghe tiếng hổ báo gầm trong rừng sâu con có sợ không?
- Bạch Thế Tôn, con không sợ. Trái lại một niềm yêu thích núi rừng lại tăng lên trong tâm khảm con.
Và Tích Sa đã đọc cho Phật nghe 60 bài thơ mình đã cảm hứng từ rừng sâu.
Sau khi thăm các nơi, Đức Thế Tôn từ giã:
- Tích Sa, bây giờ ta trở về tịnh xá. Con muốn đi theo ta hay ở lại rừng?
- Bạch Thế Tôn, nếu thầy con (chỉ Tôn giả Xá Lợi Phất) muốn con trở về, con sẽ trở về. Ngài muốn con ở lại, con sẽ ở lại.
Tôn giả đoán biết Tích Sa không muốn trở về nên bảo:
- Tích Sa, con hãy ở lại núi rừng, nếu con muốn vậy.
Tích Sa đảnh lễ Phật và chư Tôn Giả rồi quay trở về rừng, sau khi đưa tiễn các Ngài một quãng xa.

Tại Diệu Pháp đường trong tịnh xá Cấp Cô Độc, khi chúng Tỳ kheo ngồi bàn tán về hạnh xả ly của Tích Sa, họ không ngớt lời tán thán:
- Khó thay những gì Tích Sa đã làm, bỏ tất cả lợi dưỡng, cung kính, để rút vào ẩn sâu trong rừng! Đức Phật nhân đó thốt lên bài kệ thứ 75 trong kinh Pháp cú. "Một nẻo đường dẫn đến thế lợi, một nẻo đường khác dẫn đến Niết Bàn. Hàng Tỳ kheo đệ tử đấng Giác Ngộ khi hiểu nhhư vậy, không nên tham bám lợi dưỡng thế gian, mà hãy chuyên tâm vào hạnh độc cư thiền định".
Thích Nữ Trí Hải
"Mắt trông thấy sắc rồi thôi
Tai nghe thấy tiếng nghe rồi thì không
Trơ trơ lẳng lặng cõi lòng
Nhẹ nhàng ta bước ra vòng thế gian."

Không Đau Ruột Bằng . . .

Sau khi nhập Niến Bàn, tại Câu Xá Hi có một ông già nhờ Ngài A Thù hướng dẫn thấu triệt đươc giáo pháp nên thường cúng dường chư Tỳ kheo. Ông Trưởng giả ấy có một người con và một người cháu kêu bằng cậu. Khi ông Trưởng giả gần lâm chung, mời Ngài A Thù đến chỉ chỗ cất vàng bạc và thưa với Ngài A Thù rằng:
- Sau khi con qua đời, hai đứa nhỏ này, đứa nào tín mộ Phật – Pháp thì Ngài chỉ chỗ cất của báu đó cho nó... . . .
Vị Trưởng giả ấy thưa xong liền trúc hơi thở cuối cùng!
Sau một thời gian khi hai đứa trẻ thành niên, Ngài A Thù xét thấy đứa cháu của ông Trưởng giả lại mến mộ Phật – Pháp, còn đứa con ông ta lại hoang nghịch nên Ngài A Thù kêu người cháu của ông ta đến chỉ chỗ chôn cất của báu ấy.
Con ông Trưởng giả nghe được việc đó, liền đến Ngài A Nan hỏi:
- Của cha mẹ để lại, ai được hưởng?
Ngài A Nan trả lời:
- Dĩ nhiên là con của người ấy được hưởng!
Con ông Trưởng giả liền thưa lại rằng:
- Như vậy tại sao của cha tôi để lại mà ông A Thù lại cho con của em gái cha tôi?
Ngài A Nan nghe xong liền tức tốc đến chỗ Ngài A Thù và dồn dập hỏi Ngài A Thù rằng:
- Tại sao. . . tại sao ? Như vậy Ngài chẳng phải Sa Môn, không phải Thích chủng tử. . .
Ngài A Thù bình tỉnh trả lời:
- Tôi là Thích chủng tử, tôi theo đúng kinh luật để quyết định việc đó.

Ngài A Nan giận quá hỏi vặn:
- Kinh luật nào dạy như vậy?. . .
Khi đó các Trưởng lão Tỳ kheo đều công nhận Ngài A Thù là phải.
Ngài A Nan và Ngài A Thù bất đồng ý kiến với nhau, không hòa hợp với nhau phải trải qua một thời gian khá lâu nên trong trú xứ của hai Ngài ở không có Bố Tát, Tự Tứ được.
Vấn đề ấy được đồn khắp các nơi, tất cả mười phương thiện tín đều khổ tâm và đau buồn nhất là các thiện nam tín nữ trong dòng họ Thích.
Một hôm tình cờ ông La Hầu La du hóa đến thành Ca Duy La Vệ, các nữ Thích chủng tử đều cùng nhau ra nghinh đón La Hầu La để trình bày sự việc ấy và thưa rằng:
- Tại sao Thế Tôn mới Nê hoàn (nhập diệt) chưa bao lâu mà chúng Tăng lại không hòa hợp với nhau như thế? Chúng tôi tha thiết muốn chư Tăng hòa hợp lại mà không biết làm cách nào. Xin La Hầu La chỉ vẽ cho.
Ông La Hầu La hướng dẫn:
- Việc đó dễ lắm. . . Khi nào Ngài A Nan đến đây các người ai có con nhỏ khi ra nghinh đón Ngài nhớ bồng theo, vừa gặp Ngài thì bỏ nó xuống đất. Dĩ nhiên là nó khóc. . . Chắc chắn Ngài A Nan hỏi tại sao các người bỏ nó xuống đất và Ngài sẽ bảo bồng chúng nó lên. Khi ấy quý vị thưa rằng khi nào Trưởng lão (A Nan) và Ngài A Thù hòa hợp thì chúng tôi mới bồng chúng nó lên. . .
Ông La Hầu La hướng dẫn như vậy xong, tiếp tục lên đường du hóa.
Sau đó mấy hôm, Ngài A Nan đến, 500 Thích nữ bồng con ra nghênh đón Ngài và thi hành đúng như La Hầu La hướng dẫn, khi Ngài A Nan bảo bồng lên và nói:
- Tại sao con các người đẻ ra, bỏ nó khóc như vậy, các người không đau ruột? !
Các tín nữ dòng họ Thích liền thưa lại rằng:
- Dĩ nhiên là chúng tôi đau ruột, nhưng "không đau ruột bằng. . ."
Ngài A Nan cảm thông được nỗi đau lòng của 500 Thích nữ. . . nên quay về yêu cầu họp chúng để giải quyết vấn đề với Ngài A Thù. Khi họp cúng tiền phương tiện xong. Ngài Ưu Ba Ly hỏi:
- A Thù có tội gì?
Ngài A Nan liền thủ lễ thưa rằng:
- Ngài A Thù không có tội gì, chính tôi mới là người có tội. . .
Khi nghe Ngài A Nan thưa như vậy, trong chúng xúc động đến nỗi đều chảy nước mắt. Ngài A Nan liền đến trước Ngài A Thù để sám hối.
Vài ngày sau tin ấy loan truyền khắp nơi, mười phương thiện tín,nhất là các Thích nữ lũ lượt kéo nhau đến đảnh lễ cúng dường vui mừng không xiết kể! ! !

Đổng Minh
"Nhập thế thì phải tùy thời tùy duyên, đó là điều không thể chê trách, nhưng nếu vì danh vì lợi mà sân si tật đố, phá hòa hiệp Tăng, đó là điều đau buồn nhất của hàng Phật tử, mà cũng là kẻ đắc tội với Phật Pháp".

Dạy Khỉ Nói

Ngày xưa, có một ông vua nước nọ, đã hơn 70 tuổi, khi cao hứng liền ban ngay sắc chỉ xuống cho quan chức và thần dân: "Ai dạy khỉ nói được, nhà vua sẽ thưởng một ngàn lượng vàng, các quan ai làm được sẽ thăng chức cao, ai không làm được sẽ bị cất chức".
Lệnh đưa ra, cả triều đình đều xôn xao, lo lắng vô cùng. Xưa nay có ai dạy khỉ nói được bao giờ. Đột nhiện, một ông lão hơn 70 tuổi đến xin vào yết kiến nhà vua. Lão quỳ trước bệ rồng tâu:
- Khải bẩm Hoàng thượng, thần có nghề gia truyền dạy khỉ biết nói, xin sẵn sàng làm theo ý Hoàng thượng.
Nhà vua hết sức hài lòng, nhưng ông Lão lại nói thêm:
- Nghề dạy khỉ nói rất công phu, ít nhất phải 20 năm khỉ mới nói rõ ràng được như người. Vậy thần xin nhận trước 500 lượng vàng để đi khắp nơi tìm một con khỉ thật thông minh về dạy.
Nhà vua nghe nói rất hứng thú liền ra lệnh xuất kho cho ông lão 500 lượng vàng. Đình thần cũng mừng rỡ như trút được gánh nặng.
Nhưng khi ông lão về đến nhà, vợ con ông khóc lóc ầm ĩ nói với ông:
- Xưa nay có ai dám cả gan gạt nhà vua bao giờ, ông có biết dạy khỉ bao giờ đâu mà dám nhận. Như vầy thì chỉ có "tru di tam tộc" mà thôi.
Ông lão cả cười nói với vợ con:
- Nghe chi mà nghe lắm thế! Đức Phật đã dạy đời là vô thường. Năm nay tôi đã hơn 70 tuổi, nhà vua cũng vậy, chắc chi vua còn sống được đến 20 năm nữa. Mà vua chết, tôi chết thì chuyện chi cũng đều xí xóa cả, có chi mà lo!. . .
Thái Thanh
"Dù tiếc thương hoa kia vẫn rụng,
Chán ghét nhiều cỏ vẫn xanh tươi".

Mục Kiền Liên Tôn Giả

Trong hàng Thánh chúng hay trong mười đại đệ tử của Phật. Mục Kiền Liên là vị thần thông số một. Trong mọi tình huống, Mục Kiền Liên thường hay sử dụng phép thần thông, khi đi truyền giáo Mục Kiền Liên dễ dàng chinh phục được người. Nhưng pháp căn bản của sự giải thoát không phải là thần thông. Với nghiệp lực của con người thần thông không thể giải cứu. Với phép thần thông có thể khuất phục người được dễ dàng, nhưng chưa hẳn lòng người đã chừa oán giận.

Dù bị Phật quở, Mục Kiền Liên vẫn sử dụng phép thần thông để làm phương tiện. Ngày vua Lưu Ly kéo binh đội đến vây hãm thành Ca Tỳ La Vệ, Mục Kiền Liên đã dùng thần thông đến cứu dòng họ Thích Ca bị bách hại, nhưng thành Ca Tỳ La Vệ vẫn bị hỏa thiêu.

Mục Kiền Liên cũng không cứu được mẹ bằng phép thần thông. Ngay chính Mục Kiền Liên cũng đã không thắng được nghiệp báo để chết bởi tay bọn ngoại đạo, khi Mục Kiền Liên đến truyền đạo thành Thất La Phiệt.

Một hôm, trên đường đi khất thực, Mục Kiền Liên dừng chân trước một nhà bán bánh ít trần, thứ bánh ngọt mà không bọc lá. Thấy người đàn bà không đem vật thực ra cúng dường, đoán biết bà nầy có tâm keo kiệt, Mục Kiền Liên cố tình đứng lại chờ đợi, để bà gieo công đức phước điền.

Không những không cúng dường, bà còn xua đuổi Tôn giả, bà nói:

- Làm gì mà sáng sớm ông đến đứng án nhà tôi thế? Ông có biết rằng tôi đang hong bánh, chưa có bán gì được cả chăng? Xin mời ông đi mau cho với để sáng sớm tôi khỏi mất hên.

- Xin bà cho tôi một nắm cơm, nếu không bà cho tôi một cái bánh cũng được. Mục Kiền Liên năn nỉ.

- Tôi nghèo lắm ông ơi! Bà già nói, ông không thấy nhà tôi đang xiêu vẹo sau trận cuồng phong, chưa sửa được đấy à! Còn cái bánh, tôi đã bảo bánh chưa chín mà, ông này lẩn thẩn thật.

- Nếu bà không cho, tôi hóa phép làm gió thổi sập nhà bà luôn.

- À! Thế ông biết làm phép ư? Nếu thật sự ông có thể biến hóa mà chết được, tôi sẽ cho.

Với thần thông đã chứng, Mục Kiền Liên rùng mình ba lần rồi lăn ra chết. Thấy thây người chết khiếp quá, nhưng vì tâm keo kiệt bà nói:

- Đã là xác chết, còn ăn uống gì được mà cho, giờ ông còn lại báo đời, tôi phải chôn cất thây ma, thật đến khổ!

Mục Kiền Liên đứng dậy và nói:

- Giờ nầy, tôi là người bình thường, ăn uống được, xin bà hãy đem vật thực cho tôi.

- Tôi đã bảo là tôi nghèo rớt mồng tơi mà, xin ông hãy dời gót mau mau, để tôi còn lo sanh kế nữa chứ.
- Bà đã biết tôi có phép, Mục Kiền Liên nói, sẵn có tảng đá bên đường, nếu bà không cho vật thực, tôi sẽ mang tảng đá thả đè bẹp nhà bà ngay tức khắc.
Giận quá, nhưng lại sợ sập nhà, nhân đang hâm bánh (nấu cách thủy) bà mở vung, chọn một cái bánh nào nhỏ nhất để cho, hầu khỏi rắc rối.
Lúc nầy, bà thấy cái bánh nào cũng to lớn, cho thì thiệt hại cả vốn và lời. Dù bánh đã được xoa dầu để khỏi dính nhau, nhưng bà càng xáo tìm cái bánh nhỏ nhất thì bánh càng dính chùm với nhau.
Giận quá, bà khuân cả nồi để trước Mục Kiền Liên và nói:
- Ông hại tôi quá, làm bánh tôi dính chùm với nhau hết. Hỏng hết rồi, ông mang luôn cả nồi này về mà ăn cho thỏa. Thấy ý cho bánh trong sự tức giận, nhưng thiện tâm đã bắt đầu nhen nhúm. Mục Kiên Liên gắp một cái bánh để vào bình bát, rồi tạ từ bà già và tiếp tục lên đường.
Một lần khác, nhân đi khất thực, ngang qua một khu vườn rất nên thơ, Mục Kiền Liên gặp một phụ nữ tuổi trung niên rất là kiều diễm. Bà nầy đón Mục Kiền Liên lại và mời vào rừng nói chuyện. Biết chuyện chẳng lành, chuẩn bị nếu có bị hại khi không chiều ý bà ta, thì sẽ đem sức thần thông chống trả, Mục Kiền Liên từ chối và nói:
- Bà không nên đem sắc đẹp mê hoặc tôi, con người của bà bên ngoài vui tươi, ngọt ngào nhan sắc, nhưng chắc chắn lòng bà không khác một cuộn chỉ rối. Bà đang có một tâm sự uất nghẹn nên mượn sắc đẹp sẵn có để giết thời gian, hầu quên lãng tất cả, xin lỗi, bà chớ phiền, tôi thẳng thắn khuyên bà không nên chơi với lửa, lội vào vũng sình, nguy hiểm lắm! Càng lao vào con đường trụy lạc, tâm hồn càng thêm dơ bẩn. Trong vũng bùn, bà càng cố vẫy vùng thì bà càng lún sâu, khó thoát khỏi tội lỗi. Thiện tâm của bà chưa hẳn đã mất, bà nên quay hướng chưa muộn lắm đâu.
Nghe nói đúng quá, bà ta giật mình khóc sùi sụt và thưa:
- Thưa Tôn giả! Tôi vẫn biết thế, nhưng không có con đường nào hơn. Tôi mượn lạc thú để quên hết uẩn khúc của cuộc đời, quên quá khứ đau thương.
Mục Kiền Liên bình thản khuyên:
- Thông thường, với những điều càng cố quên thì càng nhớ, càng nhớ lại càng thấy đau. . . càng đau thì lòng càng căm tức, càng oán tức lại có thể phát điên khùng. Lúc đó, hết biết phương cứu chữa, ở đời có hai con người mạnh nhất.
Người không có tội lỗi. Người có tội lỗi mà biết ăn năn, sám hối. Thân thể, quần áo dơ bẩn dùng nước giặt rửa. Nước trên sông ô uế khi vào biển cả đều được lóng trong. Tâm hồn nhiễm đầy trần cấu, Phật Pháp có năng lực làm cho trong sạch, thánh thiện.
Nếu biết sám hối bà sẽ hết tội, tăng phước, trở nên con người gương mẫu.

- Những tội lỗi quá nhiều, sám hối bao giờ mới hết tội? ! ! Bà ta nói, tôi đã mượn tiền tài và sắc đẹp làm lung lạc không biết bao nhiêu người đàn ông nhẹ dạ. Tôi đã phá tan hạnh phúc của nhiều gia đình, rồi tôi cũng bị người cùng phái nguyền rủa, có lần tôi suýt toi mạng. Người ta khinh ghét tôi bội phần!
- Với giáo pháp của Phật, khi nghe bà bộc lộ tâm hồn, tôi sẽ tăng thêm từ ái,không có khi dễ bà đâu.
Nghe thế, rất yên tâm, bà kể:
- Tôi là con của trưởng giả ở thành Đức Xoa Tỳ La, tên là Liên Hoa Sắc, lúc lên 16 tuổi tôi lấy chồng, chẳng may cha chồng chết sớm, mẹ chồng tôi còn xinh đẹp, và sinh lý còn cường thịnh, do đó bà khuynh đảo chồng tôi, phạm tội loạn luân. Quá buồn, tôi xin ly dị, để lại cho chồng tôi một bé gái, rồi tôi đi lang thang như kẻ mất hồn. Vì buồn, tôi lại kết bạn với một chàng thương gia trẻ tuổi. Tôi ở nhà lo việc quản gia, chồng tôi lại đi đó đi đây để buôn bán. Làm ăn phát đạt, lắm tiền của lại sinh tật. Một chuyến đi buôn xa trở về, chồng tôi đem về một hầu thiếp son trẻ, gởi ở nhà một người bạn hữu. Thường mượn cớ đến nhà bạn hàn huyên, chồng tôi ít ngủ ở nhà. Nghe bà con xì xầm, tôi nổi cơn ghen, quyết tìm cho bằng được và ăn thua đủ với con quỉ cái đã ám hại gia đình tôi. Không ngờ khi chạm mặt nhau, hầu thiếp của chồng tôi chính là con gái của tôi với đời chồng trước.
Oan trái gì mà ghê thế! Bà già tôi lại đi cướp chồng của tôi. Rồi con tôi và tôi lại cùng chung một chồng. Xưng hô như thế nào cho phải đạo lý? Uẩn khúc như thế thì hỏi ai còn chịu đựng nổi? Tôi ngất xỉu.
Khi tỉnh lại, không giữ được thăng bằng của tâm hồn, tôi lại bỏ nhà ra đi, mượn những cuộc truy hoan đó đây đùa cợt cho quên sầu. Chuyện đời của tôi quá bi thảm, Tôn giả có đủ năng lực để cứu vớt tôi chăng?
Nghe tâm sự não nùng của Liên Hoa Sắc, Mục kiền Liên đem thuyết duyên sanh, thiện ác, nghiệp báo, nhân quả luân hồi giảng giải cho Liên Hoa Sắc nghe.
Khi thấy Liên Hoa Sắc có thể hồi tâm, Mục Kiền Liên hướng dẫn Liên Hoa Sắc về bái yết Đức Phật .
Liên Hoa Sắc hết lòng sám hối, tinh tấn tu hành, chẳng bao lâu chứng quả A La Hán và có thần thông số một bên phái nữ. Trong khi, Mục Kiền Liên đã là bậc thần thông số một bên phái nam.
Trong hàng Thánh Chúng. Mục Kiền Liên không những là vị thần thông số một, bản tánh rất năng động mà còn là một vị có hiếu đạo hơn hết.
Một hôm, nhớ mẹ, Mục Kiền Liên vận dụng thần thông đi khắp mọi nơi để tìm mẹ. Khi vào địa ngục, Mục Kiền Liên thấy mẹ không chỉ ở chốn địa ngục, mà còn đói khủng khiếp, cơ thể vô cùng gầy yếu. Để phục hồi sức lực cho mẹ là bà Thanh Đề, Mục Kiền Kiên đem cơm dâng cho mẹ. Mừng quá,

bà Thanh Đề dùng tay trái che bát để cho tù nhân khác không thấy thức ăn, tay phải bốc cơm đưa vào miệng. Nhưng than ôi! Cơm thành than đỏ, bà không thể nào ăn được. Mục Kiền Liên rơi nước mắt, lòng buồn vô tận! Mục Kiền Liên vận đủ mọi phương tiện để cứu mẹ, nhưng vẫn không có kết quả. Trở về bạch Phật sự tình và hỏi lý do. Với tinh thần từ ái,Phật nói:
- Mục Kiền Liên, lúc sanh tiền mẹ ông đã hủy báng Phật, mắng Tăng, bà không tin nhân quả luân hồi. Đặc biệt bà rất bỏn xẻn, chẳng bao giờ bố thí cho ai, kể cả bố thí cho con kiến hạt gạo. Vì thế, sau khi chết bà phải chịu quả báo như thế. Ông tuy là con người hiếu đạo, thương cha nhớ mẹ, muốn đền đáp thâm ân, nhưng sức của cá nhân giới hạn, dù đã có thần thông, một mình ông cũng không thể giải cứu nghiệp lực của bà Thanh Đề. Ông hãy đợi đến rằm tháng bảy, ngày chư Tăng mãn hạ, thiết lễ Vu Lan nhờ chư Tăng chú nguyện, mẹ ông mới thoát khỏi cảnh địa ngục.
Theo như lời Phật dạy, ngày Rằm tháng bảy, Mục Kiền Liên sắm sửa trai diên, dâng cúng mười phương Tăng, và nhờ thần lực của chư Tăng chú nguyện.
Quả như vậy, với đạo nghiệp tấn tu 3 tháng, chư Tăng không những giúp cho bà Thanh Đề, mà nhiều nhiều người khác trong ngày đó cũng thoát khỏi cảnh địa ngục tối tăm.
Kinh Vu Lan, lễ Vu Lan, và gọi là ngày Rằm xá tội vong nhơn có từ đó. Vu Lan Bồn có nghĩa là mở sợi dây treo ngược cho người có tội. Trung Quốc gọi là giải đảo huyền.
Vào thời Đức Phật, Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên là hai cánh tay đắc lực của đức Phật. Cả hai đã làm cho ngoại đạo kính sợ. Xá Lợi Phất đã dùng trí tuệ biện tài chinh phục bọn ngoại đạo. Với dũng khí kiên cường năng động. Mục Kiền Liên dùng thần thông lấn lướt bọn ngoại đạo. Bởi thế hàng ngoại đạo rất ghét Mục Kiền Liên hơn hết, và tìm cơ hội bức hại.
Một hôm trên đường đi du hóa trở về, Xá Lợi phất và Mục Kiền Liên bị đồ đệ Bảo Lặc Noa, thuộc phái Ni Kiền Tử, thường gọi là phái lõa hình đem gậy gộc ra chận đường gây sự.
Bọn này hỏi Xá Lợi Phất:
- Trong chúng cháng mạng (tự xưng của phái lõa hình) có sa môn không?
Vốn bậc trí tuệ, đoán biết được ý đồ của Bảo Lạc Noa, Xá Lợi phất nói:
- Chúng chánh mạng sa môn không. Chúng Thích Ca sa môn có, nếu A La Hán còn tham ái là không có kẻ ngu si.
Không hiểu ý, tưởng đó là lời khen mình, họ để cho xá Lợi Phất đi.
Bọn lõa hình xây qua hỏi Mục kiền Liên. Giọng đanh thép, Mục Kiền Liên đáp:
- Trong chúng của các ông làm gì có sa môn.
Cho là giọng trịch thượng, bọn lõa hình tức giận, vác gậy gộc đánh Mục

Kiền Liền. Không chịu nổi trận đòn, Mục Kiền Liên bất tỉnh, tưởng là địch thủ đã chết, bọn lõa hình bỏ đi. . . Xá Lợi Phất trở lại tìm xem bạn như thế nào. Thấy Mục Kiền Liên bất tỉnh thân thể tím bầm, máu ra lai láng, Xá Lợi Phất lấy cà sa làm võng đưa Mục Kiền Liên về tịnh xá. Đại chúng hỏi Mục Kiền Liên:
- Tôn giả là bậc có thần thông, sao lại chịu thua thiệt đến thế?.
Mục Kiền Liên liền đáp:
- Vì bất ngờ, hơn nữa, khi nghiệp lực đến, chỉ một chữ Thần còn chưa thể được, huống là phát Thông.
Nói xong Tôn giả vào Niến bàn.
Khi nghe tin Mục Kiền Liên bị ám hại, vua A Xà Thế đã phẫn nộ và đã hạ lịnh truy nã bọn lõa hình. Khi có tên nào bị bắt, nhà vua cho xử bằng cách ném sống vào hầm lửa.
Sau khi hỏa táng Mục Kiền Liên, Ngài Xá Lợi Phất, Mã Túc và Mãn Túc đã đem hài cốt của Mục Kiền Liên về trình Phật. Phật tập họp chúng Tỳ kheo lại và dạy:
- Nầy các vị Tỳ kheo! Hãy chiêm ngưỡng hài cốt của Mục Kiên Liên. Đã mang sắc thân, chắc chắn còn nghiệp phải trả.Nhục thể phải chịu vô thường. Do đó, sinh tử, trả nghiệp là chuyện thường tình. Không có gì phải hoang mang lo sợ. Khi xả báo thân con người nên giữ tâm hồn không nên mê muội, oán thù, sân giận. Trong các nghiệp, cận tử nghiệp là nghiệp nặng nhất. Mục Kiền Liên vì tuyên dương giáo pháp mà phải tử nạn đó là một vinh dự, đáng cho tất cả noi gương. . .
Minh Tuệ
"Còn thân 5 ấm là còn nghiệp lực phải trả. Người đạo sĩ hơn kẻ thường tình là mỉm cười trước cái chết, không oán hờn, than khóc, tiếc nuối, mê mờ". . .

Bát Cơm Cúng Dường

Thuở Đức Phật còn tại thế, hằng ngày Phật và hàng đệ tử đi khất thực để mọi người có duyên gieo hạt giống lành vào thửa ruộng phước của mình. Trong mùa an cư, Phật thường thọ trai của thí chủ phần đông là hàng cư sĩ, luân phiên nhau mang thức ăn sẵn vào Tịnh xá cúng dường.
Trong giới tại gia của Đức Phật, có một người học trò tuy của cải không bằng ai nhưng lại khá giàu lòng tốt. Phiên chàng cúng dường thường vào những ngày cuối tháng. Những bữa cơm giản dị không phải quý giá về phẩm chất,mà quý vì chàng đặt đó tất cả lòng thiết tha thành kính của một đứa con thuần hiếu, mà lòng chân thành lắm khi làm cảm động đến chư Thiên. . .
Khi sao mai vừa ló dạng, chàng thức dậy, sửa soạn vớt chất đề hồ cho vào chiếc bình trắng trong, để lên chiếc bàn con bằng gỗ chiên đàn, một gia bảo

của mẹ chàng thuộc dòng Bà La Môn để lại cho chàng. Chiếc bàn đã mấy đời dùng làm bàn sắp đồ cúng tế trong các buổi lễ.
Kế đó, những món rau đậu chính chàng trồng lấy ở vườn nhà được tự tay chàng nấu nướng.
Hôm nào cũng như hôm nào, bữa cơm chàng sửa soạn cúng dường Đức Phật cũng mang trọn tất cả lòng thành kính vui mừng. Chàng khẩn nguyện cho cơm chàng cúng dường là bữa cơm đầy Pháp vị, tuy chàng biết vốn liếng tu học của mình không được bao nhiêu và gia thế lại còn tệ hại hơn cả sự hiểu biết của mình nữa.
Nhưng không biết tại sao tâm chàng thấy hoan hỷ và tin tưởng rằng những bữa cơm đơn giản của mình mang đến cho người thọ dụng tất cả niềm thanh tịnh, hoan hỷ. Và đó cũng là nguồn an ủi lớn lao nhất trong kiếp sống hiện tại của chàng.
Mặt trời lên khá cao, chàng vui vẻ mang thức ăn đi cúng dường Đức Phật. Con đường đi vào Tịnh xá Kỳ Hoàn thật êm ả trầm lặng. Chàng không bao giờ ngắm mây bay hoa nở, bước chân chàng nhẹ nhàng thanh thoát lướt qua không kịp nhuốm bụi đường, lòng chỉ lo quá ngọ Đức Phật không kịp thọ dụng. . .
Nhưng có một hôm, ra khỏi nhà một đỗi, mắt chàng dừng lại, bóng dáng một sinh vật thất thểu dưới nắng hè. Đó là một con chó gầy guộc, lông lá rụng hết, từng mảng lở ghẻ loét hiện rõ dưới ánh mặt trời chói chang. Bốn chân nó khẳng khiu xiêu vẹo không đỡ nổi chiếc thân vốn đã quá gầy còm!
Hình như nó đánh hơi được thức ăn đang xách trên tay nên lấm la lấm lét tiến lại gần. Nó không biết noí, nhưng đôi mắt van nài, bộ tướng ủ rủ tiều tụy của nó, đủ nói lên được với chàng rằng: "Tôi không được ăn từ lâu lắm".
Chàng đứng khựng lại. Bấy giờ, trước mắt chàng chỉ có hình ảnh của một sinh vật đói lả, mà trong tay chàng lại có sữa, cơm và thức ăn. Thật may phước cho nó quá! Chàng ngồi xuống bên đường, mở bình bát ra, bày các thức ăn trước mặt nó. Con chó ăn không kịp thở, chàng hồi hộp nhìn con vật cùng chia sớt với nó sự bằng lòng, niềm vui hy hữu đang âm thầm tràn ngập tâm hồn. Trong một thoáng chiếc bình đề hồ, cơm, thức ăn hết sạch. Bây giờ con chó no, thong thả ra đi. Chàng trông theo bước chân của nó, giờ đây chắc chắn vững chải trên con đường và nở một nụ cười thoải mái. Nhưng, khi chó vừa khuất dạng sau rặng cây trước cửa Tịnh xá, chàng nhìn lại bình đề hồ và liễn cơm với thức ăn sạch nhẵn, lo sợ kinh hoàng!
Mặt trời rọi bóng chàng lùn xủn trên mặt đường vậy là vừa đúng ngọ. Tới thì không dám, lùi cũng không đành, sau một giây, thu hết can đảm, chàng hớn hở rảo bước vào Tịnh xá mà nước mắt lăn tròn theo mồ hôi.
Đức thế Tôn dùng huệ nhãn soi rõ sự tình. Ngài ngồi yên, đôi mắt như hai vì sao sáng, nụ cười hoan hỷ từ bi nở tươi làm sáng một vùng trời.

Chàng nào dám ngó lên, đôi mắt e dè dán chặt xuống đôi bàn chân tê dại. Tuy nhiên, chàng quyết không dối Phật, quyết thú thật hết tội lỗi của mình, mà cũng không dám mong cầu được Phật tha thứ.
- Bạch Thế Tôn! Hôm nay con có lỗi nặng vô cùng. . . và tiếng chàng rứt lại nhỏ dần như tắc nghẹn. . .
Đức Phật ôn tồn khuyến khích như thường lệ:
- Hôm nay phải phiên con đem cơm cúng dường Như Lai đó không?
- Bạch Thế Tôn!. . . Tiếng chàng nức nở trong nước mắt. Xin Ngài thứ tội cho con. Vừa rồi trước Tịnh xá, con gặp con chó ghẻ đói lả, con lú lẫn quên mất giờ trai của Thế Tôn, con lỡ đem bình bát thức ăn cho con chó ăn hết. Tội con xuẩn ngốc, vô lễ nặng nề không biết ngần nào.
Nhưng, một vùng hào quang giữa đôi mày Đức Phật phóng ra ánh ngời Tịnh xá như những hôm Phật lên Pháp tòa khởi điểm nói bài kinh trác tuyệt. Tiếng Ngài ngân vang, từ ái tròn đầy:
- Mùa hạ này, Như Lai muốn cho các con biết, chỉ có hôm nay Như Lai thọ dụng một bữa cúng dường rất thanh tịnh của một vị đại thí chủ, đầy đủ Pháp vị trong một bữa cúng dường.
Diệu Chương
"Phụng sự chúng sanh tức cúng dường Chư Phật".

Vườn Nai
Vào một thuở xa xưa, tại thành Ba La Nại nước Ấn Độ, có một khu rừng xanh tốt, rậm rạp. Một đàn nai quy tụ lại đó sinh sống. Lúc mới di cư đến chúng không khỏi phập phồng lo sợ, mỗi ngày chúng phải cắt phân nhau canh phòng, nếu có nguy hại thì lo tầm đường tẩu thoát, nhưng dần dần dọ dẫm, một ngày, hai ngày, một tháng, hai tháng cho đến cả năm vẫn không thấy dấu hiệu gì điềm chỉ một tai biến có thể xảy ra, nên chúng yên lòng sinh sống một cách hiền lành thanh thản, vui vẻ.
Nhưng một việc đáng buồn đã xảy ra giữa chúng. Một con nai nay tánh kiêu hãnh, hẹp hòi, nổi máu háo danh đòi lên làm chúa đầu đàn, song lạ lùng gì tư cách, tài năng và tâm địa của hắn, ai mà tôn hắn làm chúa đầu đàn?
Chẳng kể phải quấy, dư luận, con nào theo hay không theo, hắn vẫn mang râu đội mũ xưng là nai chúa đầu đàn. Rồi bằng những mánh khoé dỗ dành, mua chuộc, van lơn dần dần hắn cũng lôi được một số nai nhẹ dạ theo hắn. Thế là đàn nai thuần nhất khi mới đến, bây giờ bị chia ra làm hai. Tuy vậy chúng vẫn sống lẫn lộn với nhau trong khu rừng đó. Năm này qua năm khác, chúng sống và tiếp tục sinh sôi nẩy nở, mới đó mà bây giờ mỗi đàn của chúng đều có tới năm trăm con. Chúng sống ở đây như vậy đã không biết bao nhiêu ngày rồi mà chẳng có điều gì tai biến, nên tâm hồn chúng trở nên giản dị vô tư. Chúng tưởng mọi loài, mọi vật chung quanh cũng đều như

chúng nên không đề phòng.
Không ngờ,trong khi đó, ông vua Phạm Đạt Đa ở thành Ba La Nạii đã nghe tin đồn về chúng, ông lập tâm để dành một ngày dò biết chúng tập trung về đó đủ cả, ông sẽ kéo quân đến vây bắt hết để làm thịt. Sớm nọ khi ông biết rõ tình hình đàn nai đã quy tụ như ý ông chờ đợi, ông cắt quân đến bao vây. Cả đàn nai đều không để ý. Lúc đầu tưởng người ta đi chơi hay làm việc gì, không dè vòng vây mỗi lúc một thắt chặt, nhìn phía nào cũng thấy toàn gươm giáo, cung tên, chúng hoảng hốt lên, con này chạy báo con kia, hoang mang nhốn nháo, sợ hãi, khủng khiếp tràn lan, bỗng chốc khu rừng, tổ ấm an lành của chúng trở thành khu rừng lửa, phen này đành phải chết hết không còn cách gì thoát khỏi. Quả vậy, vua đã ra lệnh vây chặt khu rừng rồi châm lửa đốt để bắt thịt lớn bé một lần. Trước cảnh nguy biến cấp bách ấy, một con nai chúa đầu đàn vốn thông minh nhân từ được tôn trọng ngay từ đầu, dõng dạc đứng lên tuyên bố cho cả hai đàn nai biết, nó sẽ đi thẳng tới vua, trình bày ý kiến xin hoãn sự chết cho cả đàn và tưởng thế nào cũng được nhà vua chấp thuận. Khi nghe qua lời tuyên bố, ngoại trừ con nai đầu đàn kiêu hãnh, vì tự ái không biểu lộ vẻ hân hoan, còn con nào con nấy đều sáng cả con mắt lên, lấy lại sự bình tĩnh để chờ đợi. Nai chúa nhân từ một mình mạo hiểm ra đi.
Khi trông thấy nó, thì bao nhiêu mũi tên, giáo mác chỉa dồn về phía nó. "Ồ! Con nai này hình thù đẹp quá, để bắt sống, chớ bắn, chớ giết". Nghe một người trong đám quân nói vậy, các người khác hưởng ứng theo, con nai khỏi bị chết, nhưng đã lọt vào tay đám quân. Nó xin đưa trước mặt nhà vua. Vừa đến nó liền quỳ xuống trình bày:
- Thưa nhà vua, hôm nay nhà vua hạ lệnh vây đốt rừng để bắt chúng tôi làm thịt, dẫu biết mạng sống đã nằm trên dao thớt, chúng tôi không trái lệnh, song thiết nghĩ đàn chúng tôi có tới một ngàn con, nếu chúng tôi phải chết một lần để làm món ngự thiện, thì nhà vua cũng chỉ dùng được đôi ba ngày đầu, đến ngày thứ tư, thứ năm chắc thịt chúng tôi sẽ bị sình thúi ắt phải đổ đi, sau đó nhà vua muốn dùng thịt chúng tôi nữa cũng khó lòng. Vậy điều hay nhất, chúng tôi xin hứa mỗi ngày tự đem thân đến nạp nhà vua một con để nhà vua làm thịt, như vậy món ngự thiện được tươi tắn, ngon lành mà chúng tôi cũng sống thêm được ít lúc, khỏi bị chết một cách oan uổng vô dụng".
Nhà vua nghe xong tấm tắc khen chí lý, liền truyền lịnh cho nai lui về và không quên dặn phải giữ lời hứa, và hạ lịnh giải vây, kéo quân về. Khi ấy ông liền yết lịnh cho toàn dân biết không ai được phép xâm phạm khu rừng bắt nai. Nếu ai thấy nai đi về phố thì phải dẫn đến cung vua, không được phá phách, ngăn chận hay bắt giết. Còn đàn nai thì lo sắp đặt thứ tự đi nạp mình. Sáng nầy một con nai xấu số bị thui trên lửa.

Sáng nọ lại một con nai xấu số khác bị đưa vào cỗ ăn của nhà vua. . .
Ăn thịt nai vài ba hôm, nhà vua lại hạ lịnh cho hoãn 10, 15 ngày lại tiếp tục con nai khác đến nạp mạng. Lần này đến phiên một con nai đang chửa, nó đến trước nai đầu đàn kiêu hãnh của nó van xin cho nó đi phiên sau, bây giờ chọn con nai khác đi thay, viện lẽ nó sắp sinh. Đến phiên nó nạp mạng nó không có tránh né, đưa đẩy kêu oan, nhưng nghĩ đứa con trong bụng sắp sinh, chưa đến phiên mà phải bị chết thì rất tội, chi bằng cho nó sinh xong, nó sẽ đi nạp mạng. Ngưng con nai đầu đàn kiêu hãnh khư khư không chịu, nộ nạt mắng nhiếc: " Mầy không đi, đây ai dại gì đi chết thế cho mầy". Con nai chửa ríu ríu ra về tìm đến nai chúa nhân từ ở đàn nai kia cầu khẩn.
Vừa nghe qua, nai chúa nhân từ chấp nhận liền. Nó suy nghĩ chọn con nào đi thay thế bây giờ dễ gì đã có, thôi ta hãy đi nạp mạng, nếu không thì tức khắc chết rụi hết cả đám, nó liền bình tĩnh ra đi.
Khi vừa đến phố thì mọi người xúm lại chỉ trỏ, trầm trồ: "Con nai đẹp quá!". Có người muốn chận lại, nhưng nhớ lệnh nhà vua nên tức tốc đưa nó đến cung đình.
Vừa thấy nó nhà vua ngạc nhiên hỏi: "Nay tới phiên ngươi sau?" Nai chúa nhân từ đáp: "Không phải" và trình bày đầy đủ lý do mà nó đi nạp mạng sớm như vậy.
Nhà vua nghe xong liền đổi ra dáng đăm chiêu nghĩ ngợi: "Không ngờ, không ngờ, trong loài thú mà có con nai đầu đàn nầy vừa thông minh, vừa nhân từ đại độ, vừa cam đảm thành tín như vậy. Nó là chúa đầu đàn của chúng nó, nó biết thương yêu đùm bọc, biết can đảm hy sinh cho sự sinh tồn của đàn nó như vậy. Còn ta, ta là người, là chúa đầu đàn của một đám thần dân rộng lớn, ta có bằng nó không? Liệu khi thần dân ta bị bao vây sát hại, ta có đủ trí lực thông minh, nhân từ, can đảm để đối phó với sự nguy hiểm như nó không? Có lẽ ta sẽ không bằng! Không bằng! Nếu bây giờ ta chỉ nghĩ đến một chút khoái khẩu trong giây lát mà giết nó, thì khác nào ta tự chôn vùi lương tâm sâu thêm một từng nữa. Ta giết nó tức là ta giết một đạo lý sống cao thượng, giết một tình thương rộng lớn, một lòng quả cảm hy sinh, tức là giết hết những gì cao quý nhất của cuộc đời. Ôi! Nếu cuộc đời không từ bi, thiếu trí tuệ, không dũng cảm, chỉ là cuộc đời trống rỗng tối tăm, ta còn mặt mũi nào để xưng mình là một ông vua trong loài người ở trên chúng nó".
Con nai chúa nhân từ vẫn đương quỳ yên đợi lịnh, nhà vua sau một hồi chìm đắm trong ý nghĩ miên man, vụt ngồi thẳng mình, lộ vẻ hân hoan như vừa tìm ra chân lý, ông dùng hết lời ca ngợi nai chúa, hạ lịnh đưa nó trả về rừng và truyền cho toàn dân từ nay không ai được phép xâm phạm đến khu rừng, cũng như không ai được phép phá nai, bắt nai, giết nai làm thịt.
Từ nay đàn nai trở lại đời sống yên lành như trước dưới sự thương yêu chăm sóc của nai chúa sáng suốt nhân từ (một tiền thân của Đức Phật) và cũng từ

đây khu rừng này mang tên là Rừng Nai hay Vườn Nai (Lộc Uyển).
Lúc Đức Phật ra đời, Vườn Nai nầy lại một lần đặc biệt nổi tiếng, trở thành một trong bốn chỗ trọng tâm của Phật giáo. Vì sau khi Đức Phật thành đạo, Ngài liền tìm đến năm ông đạo sĩ nhóm Kiều Trần Như đang tu tại Vườn Nai để chuyển bánh xe pháp lần đầu tiên cho họ nghe.
Lại một thuở xa xưa khác, có 500 vị tiên vừa đi ngang qua chỗ này thì gặp đoàn cung nữ của nhà vua đi du ngoạn, liền động lòng mê đắm mà bị sa đọa, nên chỗ này cũng có tên là Chư Tiên đọa xứ (Isipatana – chỗ các vị tiên đọa).
Giới Đức.
Người biết "đạo" tất không khoe.
Người biết "nghĩa" tất không tham.
Người biết "đức" tất không thích tiếng tăm lừng lẫy.

Duyên Xưa Nghiệp Cũ

Câu chuyện sau đã xảy ra ở một nhà giàu tại Trung Quốc ngày xưa. Truyền thống "Cải gia vi tự" (biến nhà thành chùa) bắt nguồn từ đó.
Một gia đình rất giàu sửa soạn nhà cửa đón dâu. Phú ông đang bận rộn với việc đám cưới thì gia nhân vào báo, có một sơn Tăng đến khất thực hóa duyên. Vốn là người mộ đạo, Phú ông vội vàng ra nghinh tiếp, mời sư vào nhà, thỉnh ngồi ở ghế thượng khách. Nhưng vị Sư chỉ chống tích trượng đứng cười ha hả.
Lạ lùng trước cử chỉ của nhà Sư, nhưng Phú ông không dám có ý nghĩ đấy là người cuồng. Bởi, trông mọi dáng vẻ Ngài đều có tiêu phong đạo cốt, phú ông quyết đấy không phải là người thường giả bộ. Ngước nhìn đôi mắt sáng như sao của nhà Sư, phú ông bất giác rơi lệ quỳ mọp xuống:
- Bạch Hòa Thượng, đệ tử ngu dốt, nay có phước duyên được người chiếu cố, xin người từ bi dạy bảo!
- Hà hà. Chúng sanh mê muội, làm tội ác tày trời còn hí hửng đánh trống thổi kèn.
Trong khi nhà Sư nói vậy, thì từ nhà sau vọng lên tiếng lợn kêu thống thiết.
Vị Sư tiếp:
- Con heo đó là cha ngươi ngày trước. Vì tham tiếc cái gia tài, ông đã tái sanh làm con heo sau chuồng nhà ngươi.
Phú ông đầm đìa nước mắt, bạch:
- Bạch Hòa Thượng, quả đúng như vậy, cha con khi sắp chết cứ thao thức, tiếc cái gia tài của cải một đời mồ hôi nước mắt nầy, và dặn đi dặn lại chúng con phải giữ gìn đừng hoang phí.
Nói rồi, vội bảo gia nhân đình chỉ việc giết heo. Nhà Sư lại nói tiếp:

- Còn đứa con gái ngươi sắp cưới cho con ngươi là ai biết không?
- Bạch Hòa Thượng, đó là đứa con gái nhà láng giềng của con. Hai trẻ có cảm tình với nhau từ nhỏ, nên khi chúng thành niên, con cho tác hợp thì có gì sai quấy.
- Hà hà. Mới bà bà cháu cháu đó, mà nay đã vợ vợ chồng chồng. Than ôi, chúng sanh có mắt như mù.
- Bạch Hòa Thượng, xin Hòa Thượng từ bi khai thị cho kẻ ngu muội. Con không được rõ thánh ý.
- Có gì là mờ mịt đâu, chỉ vì ngươi không thấy! Đứa con gái kia là mẹ ngươi ngày trước. Do vì khi sắp chết, bà lưu luyến đứa cháu nội không nỡ rời, nên thần thức đầu thai lại cõi đời để sống gần nó.
Phú ông nhẩm lại, thì quả nhiên cô gái thua cậu con 4 tuổi, nghĩa là cô ra đời đúng lúc bà mẹ ông mất, lúc con trai ông lên 4.
- Bạch Hòa Thượng, quả như Ngài nói, mẹ con khi mất đã cầm chặt tay đứa cháu nội, bà rất yêu cháu vì nó là đứa cháu trai duy nhất. Nay sự tình vậy thì con không dám làm việc ác tày đình thế kia. Xin Hòa Thượng chứng minh cho con được thế phát xuất gia biến nhà thành chùa.
Rạp trang hoàng cho tiệc cưới trong chốc lát được sửa lại thành đạo tràng. Phú ông cung thỉnh Sư lên pháp tòa thuyết pháp cho bá tánh đến dự và coi đám cưới. Nghe xong thời pháp, mọi người đều xin quy y Tam Bảo, từ bỏ sát sanh, chú rể xin cha theo vị Hòa Thượng về núi tu hành, còn cô dâu nguyện trọn đời ở vậy phụng dưỡng cha mẹ cho đến khi hai thân khuất núi, rồi cô cũng xuất gia.
Thích Nữ Trí Hải.
"Cuộc thế tợ rạp cao, con người như kép hát
Đổi thay nhiều lớp, biết ai mẹ ai con?
Luân chuyển lâu đời, tưởng người dưng người lạ
Đời nay thù oán, té ra cha mẹ trước không hay!"

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập III - 3

Ca Lưu Đà Di

Ưu Đà Di (UDÀYI) là một viên đại thần rất được sủng ái của đức vua Tịnh Phạn. Ông có biệt tài tổ chức các vấn đề kinh tế tài chánh và ngoại giạo. . . Nhưng cũng có một tật khá lớn là vô cùng háo sắc, đắm nguyệt say hoa. Chính ông là người đã hiến kế cho đức vua Tịnh Phạn lập tam cung lục viện,

tuyển mộ cung phi đem sợi tóc mỹ nhân để cột chân Hoàng tử Tất Đat Đa dạo nọ.
Khi đã được tin con mình đã thành đạo, đi bố giáo nhiều nơi mà chưa chịu về thăm nhà, vua Tịnh Phạn vô cùng nôn nóng, liên tiếp Ngài phái liền chín vị cận thần thân tín, mời Đức Đạo Sư về thành Ca Tỳ La Vệ. Đáp lại sự chờ mong của đức vua, sau khi gặp Phật và nghe pháp, chín vị sứ giả đều tỉnh ngộ, quên phứt đi sứ mệnh của mình, xin cạo tóc sống đời Sa môn và lần lượt đắc quả cả. Lần thứ mười Ưu Đà Di phụng mạng ra đi, thỉnh được Đức Đạo Sư trở về thăm quê cũ, dù ông cũng rất lấy lòng cảm động khi nghe những thời pháp của Ngài, nhưng Ưu Đà Di vẫn trở về phò vua giúp nước như trước.
Mãi đến lúc vua Tịnh Phạn mất, Ưu Đà Di mới từ quan, bỏ lại hàng chục tòa dinh thự nguy nga cùng hàng trăm thê thiếp lộng lẫy, cạo bỏ râu tóc sống đời khất sĩ. Để ghi dấu lần đổi thay vĩ đại này ông đổi tên là Ca Lưu Đà Di (KALUDÀYI). Tuy đã thay đổi thức ăn, hình thức, cùng nếp sinh hoạt nhưng các cố tật của Ca Lưu Đà Di vẫn còn, vì thế ông đã gây ra khá nhiều rắc rối cho Đức Đạo sư, Tăng đoàn cũng như chính bản thân ông.
Vừa gia nhập Tăng đoàn, Ca Lư Đà Di đã đến gặp Đức Đạo sư than phiền rằng diện tích tấm tọa cụ do Ngài hạn định cho chư Tăng thật là khiêm tốn so với thân hình to béo của Sư. Đức Thế Tôn liền chế luật cho phép Sư được mở rộng kích thước tấm nệm ngồi, mỗi bề thêm nửa tấc.
Có được tấm tọa cụ ưng ý, Ca Lưu Đà Di vẫn chưa tọa thiền được, vì tiếng quạ kêu ồn ào làm tâm tư xao động. Thế là trong lúc các bạn đồng phạm hạnh đang ngồi thiền định, Ca Lưu Đà Di liền đi chẻ tre, chuốt cung tên để đi bắn quạ. Sau giờ tỉnh tọa, các thầy Tỳ kheo kinh hoảng khi thấy xác quạ nằm đầy vườn, vì quan đại thần thành Ca Tỳ La vốn lừng danh với tài xạ thủ.
Chuyện đến tai Phật, Ca Lưu Đà Di bị Ngài khiển trách một trận nên thân. Chưa hết, một hôm trên đường đi kinh hành, đức Đạo sư bắt gặp một sàng tòa cao ngất nghểu đặt giữ ngả ba đường, Ca Lưu Đà Di đang nằm đong đưa trên chiếc giường dây nầy. . . Đương sự được mời xuống và Đức Đạo sư phải chế thêm một giới cấm nữa: "Không được giăng võng quá cao".
Nhờ sự hướng dẫn của Đức Đạo sư và các bạn đồng phạm hạnh Ca Lưu Đà Di gọt dũa dần những tập khí quan liêu vương giả, duy có một điều gây rắc rối không ít cho Sư và Tăng đoàn là Sư khó lòng tự chủ khi thấy bóng mỹ nhân.
Một hôm đang ngồi trong tịnh thất, chợt thoáng thấy một thiếu nữ diễm lệ đi ngang, quên phứt là mình đã xuất gia, Ca Lưu Đà Di liền tụt xuống giường thiền chạy ra chận đường người đẹp. chuyện đến tai Phật, Sư bị rầy la nặng nề và thề chừa hẳn.

Lời thề chỉ giữ được một nửa... lần khác Ca Lưu Đà Di không chạy ra chận đường người đẹp, nhưng ngồi trong tịnh thất Sư không nín được dăm lời trêu chọc. Lần này Ca Lưu Đà Di lại phủ phục dưới chân Đức Đạo sư nguyện. . . sẽ không chọc ghẹo người đẹp nữa. . .
Xui xẻo cho Sư nhiều Hoàng phi và cung nữ của vua Bình Sa, trên đường đi lễ Phật lại đi qua tịnh thất của Sư. Đương sự liền khua chìa khóa lẻng kẻng để gợi sự chú ý của thiên hạ. Để trừ hậu hoạn, Đức Đạo sư cho phép Ca Lưu Đà Di được dời tịnh thất ra cuối vườn để tránh cảnh.
Chuyện rắc rối lại xảy đến với nhà sư đa tình nầy trên đường đi khất thực. Ca Lư Đà Di ôm bát đứng bất động trước nhà mỹ nhân. . . Đức Đạo sư đành chế giới: "Tỳ kheo khất thực xong phải đi không được nấn ná lại nhà người đẹp".
Điều luật này được Ca Lưu Đà Di hết sức tôn trọng, Sư chỉ đứng ngoài đường lộ dòm vào thôi. Có người mách Phật, Ngài lập tức chế giới. Ca Lưu Đà Di liền ngồi trên ngạch cửa, Đức Đạo sư cấm ngồi nơi cửa, Sư bèn chui vào kẹt cửa của gia chủ. . . Nhiều phen Sư bị các ông bố hoặc đấng phu quân của mỹ nhân vây đánh phải chạy thục mạng, vất cả y cùng bát.
Tai tiếng của Ca Lưu Đà Di bay tới tấp đến hương thất của Đức Đạo sư, sau các lời khiển trách, Ngài từ bi đích thân giáo hoá Sư, cấm không được rời xa Ngài. Nhờ vậy, Ca Lưu Đà Di dần dần bỏ được thói cũ, tinh cần tu tập, không bao lâu đắc A La Hán quả.
Việc lớn đã xong, Tôn giả Ca Lưu Đà Di dùng hết năng lực của mình để phụng sự mọi người. Tôn giả tỏ ra xứng đáng xuất sắc trong việc giúp Đức Phật tổ chức Tăng đoàn và hướng dẫn quần chúng bình dân, vì hành chánh và ngoại giao là một trong những biệt tài của Tôn giả.
Tôn giả còn được Đức Đạo sư phái đi giảng hòa những vụ tranh chấp trong dân chúng. Và bất cứ cuộc hiềm khích nào, dù gây go cách mấy, khi Tôn giả đã nhúng tay vào đều được hòa giải rất tốt đẹp.
Về sau do những dư nghiệp của quá khứ, Tôn giả Ca Lưu Đà Di đã điềm nhiên thị tịch dưới nhát dao của tên hung bạo, khi Tôn giả muốn cứu hắn ra khỏi bùn nhơ của dục vọng.
"Đốn cây mà chưa đào hết cội rễ thì nhánh vẫn ra hoài, đoạn trừ ái dục mà chưa sạch căn gốc thì khổ não sanh trở lại mãi".

Phật Pháp Nan Văn

Một thuở nọ, Phật ngự tại tịnh xá Kỳ Hoàn có 500 thiện tín đến xin Ngài giảng pháp. Đức Thế Tôn không hề phân biệt gia cấp dòng họ sang hèn. Với ai, Ngài cũng giảng dạy bình đẳng như nhau, giống như nước mưa rơi từ không trung xuống thấm nhuần ngàn cây nội cỏ một cách vô tư.
Nhưng dù Ngài ân cần giảng dạy, mấy người kia ngồi nghe pháp một cách lơ

đãng. Ông thì ngũ gục; ông lấy tay gõ hoài trên mặt đất; người cứ lay mãi một nhánh cây; kẻ ngó mông lung trên trời; chỉ có một người chăm chú nghe. Tôn giả A Nan đứng quạt hầu Phật, ngạc nhiên về cử chỉ của năm ông khách nên khi họ vừa ra về, Ngài liền hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, thời pháp của Ngài giảng như sấm rền vang không trung, mà chỉ có một người chăm chú nghe, còn mấy người kia đều lơ đảng hết sức.

- Này A Nan, ông chưa biết rõ về năm người ấy?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Người đầu tiên đã làm thân rắn 500 đời, thường khoanh tròn nằm ngủ nên đến kiếp này hắn cũng còn giữ cố tật ấy, chẳng có lời nào của ta lọt vào tai hắn.

- Bạch Thế Tôn. Những kiếp ấy xảy ra liên tiếp hay có xen kẽ?

- Khi thì hắn mang thân người, lúc mang thân trời. Khi khác làm rắn. Không thể nào kể được những kiếp luân hồi của hắn. Nhưng có 500 kiếp liên tiếp, hắn làm rắn và thường ngủ li bì.

Người dùng tay gõ gõ trên mặt đất, đã 500 đời làm nối kết tổ trong lòng đất nên kiếp này hắn vẫn còn giữ thói quen ấy.

Người cứ lay động nhánh cây, là 500 đời làm khỉ quen leo trèo nên bây giờ hắn không tài nào ngồi yên một chỗ.

Người hay nhìn mông lung trên trời, đã từng làm chiêm tinh 500 đời, nên bây giờ vẫn còn thói quen.

Người chăm chú nghe lời ta, đã từng đọc tụng kinh Vệ đà 500 đời nên quen chăm chú cần mẫn như lúc nghe mật chú.

- Nhưng Bạch Thế Tôn, lời Ngài dạy, con thấy thấm tận xương tủy, mà lại sao họ lại lơ là?

- A Nan, bộ ông tưởng giáo lý của ta dễ nghe lắm sao?

- Bạch Thế Tôn! Chẳng lẽ Ngài cho nó khó nghe?

- Đúng thế.

- Tại sao?

- Nầy A Nan, những người này trong vòng luân hồi đã trải qua nhiều kiếp chưa - từng nghe đến tên Tam Bảo, cho nên bây giờ họ không thể thâm nhập giáo pháp. Ra vào cuộc tử sanh vô tận, họ chỉ quen nghe tiếng nói của súc sanh. Hơn nữa, họ còn tiêu phí gần hết thì giờ trong việc ăn uống, vui chơi, múa hát, và không thể nghe theo lời ta giảng.

- Bạch Thế Tôn! Vì lý do vì họ không thể nghe pháp?

- Không lửa nào mạnh như lửa tham ái, đốt cháy hết mọi loài chẳng chừa một cọng cỏ. Vào kiếp hỏa, hỏa tai thiêu rụi toàn thế giới, không chừa lại một thứ gì, nhưng lửa nầy cháy có giới hạn trong một thời gian, trong vòng một thái dương hệ. Vì thế ta nói rằng không lửa nào bằng lửa tham ái, không

kềm kẹp nào bằng sân hận, không lưới nào như lưới si mê, và không dòng sông nào bằng sông ái dục. Ngài nói kệ:
Lửa nào bằng tham dục?
Ngục nào bằng tâm sân?
Lưới nào bằng mê đắm?
Sông nào bằng ái hà?
(*Pháp cú 251*)
Thích Nữ Như Thủy – Như Đức
"Chiều chiều nghe tiếng chuông ngân
Lòng như xoá hết tham sân hận thù.
Cuộc đời là kiếp phù du
Sớm còn, tối mất, mau tu thân mình".

Tâm Nhìn
Xưa có một vị Tỳ kheo, cất một cái am trên một sườn núi vắng vẻ để tu tập thiền định. Dưới chân núi là một con sông, có một chuyến đò qua lại. Vị Tỳ kheo muốn hạ sơn hoá đạo phải đi qua chuyến đò ấy. Kẻ đưa đò là một lão mẫu tuổi trên 50, còn khoẻ mạnh.
Một hôm, khách qua sông thấy kẻ đưa đò không phải là lão mẫu nữa, mà một thiếu nữa rất duyên dáng đẹp đẽ, dung nghi trang trọng, cử chỉ thanh cao. Hỏi ra mới hay rằng, người con gái không biết người ở xứ nào, một ngày nọ, tới xin lão mẫu ở trọ và giúp bà một tay đưa khách qua sông.Thấy nàng xinh đẹp, lại đoan trang, lão mẫu vô cùng thương mến.
Từ đó, khách sang sông thăm thầy ngoạn cảnh mỗi ngày mỗi đông. Có lẽ ai cũng thích qua đò để được ngắm dung nhan giai nhân và cái vẻ thướt tha mềm mại của tay ngà đưa mái chèo nhẹ trên mặt nước.
Thầy Tỳ kheo thỉnh thoảng có việc phải hạ sơn, cũng qua đò. Nhưng có điều lạ, khi qua bên kia sông rồi, khách chỉ trả có một tiền, cô gái đòi thầy phải trả hai tiền. Vị Tỳ kheo ngạc nhiên hỏi tại sao lấy tiền đắt hơn. Cô gái cười nói:
- Mọi người qua đò chỉ có qua đò thôi. Còn thầy, ngoài việc qua đò, thầy còn ngắm tôi nữa nên phải trả gấp đôi. Không lý cãi cọ lôi thôi với một cô gái, vị Tỳ kheo đành phải chịu trả cho cô hai tiền.
Lần sau, có việc phải hạ sơn. Vị Tỳ kheo bước xuống đò không dám nhìn cô mà úp mặt xuống lòng đò.
Đến bến, mọi người lên trả tiền đò, đến lượt thầy, cô gái bắt trả gấp tư. Thầy hỏi:
- Lần trước, cô bảo tôi qua đò nhìn cô phải trả gấp hai, nay tôi không hề nhìn cô mà chỉ úp mặt xuống đò, tại sao cô đòi gấp tư?
Cô gái nói rất nghiêm trang:

- Mấy lần trước, thầy chỉ dùng mắt nhìn nơi mặt và bên ngoài của tôi. Hôm nay, thầy dùng tâm và nhìn hết toàn thân bên trong của tôi nên phải trả gấp tư.
Nghe xong, thầy Tỳ kheo phát lên cười và hình như có sở ngộ. Ngoảnh lại cô gái đò đã biến đi đâu mất. Từ đó, chỉ còn lão mẫu đưa khách sang sông . . .
"Tâm không vọng động, pháp pháp toàn chơn. Tâm là nguồn gốc của Thiện Ác. Muốn đoạn cội rễ trước phải chế ngự Tâm. Tâm có định, ý mới sáng suốt, sau mới chứng Đạo".

Nắm Tro Tàn
Ngày xưa. . . thuở Đức Phật còn tại thế, một hôm có người mẹ ôm xác con tìm đến Đức Phật để khóc lóc và xin cứu sống cho đức con của bà vừa mới chết.
Người mẹ đau khổ tin vào thần thông và lòng từ bi vô biên của Đức Phật sẽ cứu sống cho con mình.
Đức Phật thông cảm nỗi khổ đau của người mẹ mất con và truyền cho bà đi xin một nắm tro mang về Ngài sẽ cứu. Nắm tro đó phải ở trong một căn nhà mà 3 đời chưa có người thân thích chết.
Người mẹ đau khổ vâng lời và ôm xác con vào xóm để xin tro tàn theo lời Đức Phật dạy. Nhưng đi từ trưa đến tối, nhà nầy sang nhà khác, bà mẹ đau khổ đều nhận được những câu trả lời giống nhau: "Gia đình chúng tôi cũng có người đã chết". Chưa tuyệt vọng, người mẹ đau khổ vẫn cố gắng đi thêm vài nhà nữa. Vì sợ nắm tro xin trong một gia đình có người chết sẽ không linh nghiệm nên bà mẹ thương con vẫn cố gắng kiếm tìm.
Vẫn như những lần trước, bà mẹ đau khổ đều nhận được những cặp mắt e ngại, những cái lắc đầu.
Suy đi tính lại, đã hơn một buổi và không nhớ rõ là đã vào mấy gia đình, người mẹ tuyệt vọng lẩm bẩm: "Nhà nào cũng có thân nhân đã qua đời: thân thích, họ hàng ba đời biết bao nhiêu, làm sao tránh được cái chết".
Trên đường trở về tìm Đức Phật, người mẹ mất con không còn kêu gào thảm thiết như lúc trước, tuy lòng thương nhớ con vẫn chưa nguôi. Quỳ trước Đức Phật, người mẹ mất con kể rõ chuyến đi vừa rồi và thuật lại những lời từ chối của chủ nhà.
Nhân đó, Đức Phật giảng về sự sanh tử, vô thường của kiếp người. Có sanh tất có khổ, có sống tất có chết. Người mẹ mất con đã thấu rõ sanh tử, vô thường, không riêng gì mình đau khổ vì có thân nhân qua đời, mà hầu hết mọi người đều nhận chịu định luật hủy diệt đó.
Cuối cùng, người mẹ đành ôm xác con về chôn cất.
Minh Hưng

"Chiều nay một tiếng than buồn diết,
Đinh đóng vào săng tiếng trả lời".

Sự Tích Chim Tu Hú

Ngày xưa, có hai nhà Sư Năng Nhẫn và Bất Nhẫn. Hai người cùng cạo đầu xuất gia từ ngày còn trẻ và cùng tu ở một ngôi chùa hẻo lánh. Sau một thời gian dài tu luyện thì bỗng một hôm, Năng Nhẫn được Đức Phật cho thành chánh quả.

Bất Nhẫn thấy mình tu hành không kém gì bạn mà không được hưởng cái may mắn sớm như bạn thì rất buồn bực. Chàng đến trước toà sen hết sức kêu nài với Đức Phật, bày tỏ lòng chân thành tu đạo cùng mọi sự khổ hạnh đã trải qua của mình. Đức Phật bảo chàng:

- "Nhà ngươi chuyên tâm cầu đạo, lại là người trong sạch, thật đáng khen ngợi. Nhưng tính tình nhà ngươi vẫn như con trâu chưa thuần, chưa thể đắc đạo được. Vậy hãy cố gắng tỏ rõ tấm lòng nhẫn nhục trong một cuộc khổ hạnh trường kỳ, rồi sẽ theo bạn cũng chưa muộn".

Bất Nhẫn nghe lời bèn lên núi chọn một gốc cây bắt chước người xưa ngồi xếp bằng tu theo lối trường định. Chàng cương quyết ngồi im lặng như thế mãi trong ba năm, dù có phải thế nào cũng không chịu dậy.

Từ hôm đó, Bất Nhẫn như một vật vô tri giác. Những con sâu con kiến bò khắp người chàng. Những con thú cà vào người chàng. Những con chim ỉa phẹt lên đầu chàng. Chàng đều không hề bận tâm. Chàng chỉ tâm tâm niệm niệm những nghĩa lý đạo Phật.

Cứ như thế, trải qua hai mùa hè và sắp sửa qua một mùa hè thứ ba là kết liễu cuộc tu luyện. Tự dưng một hôm có hai vợ chồng con chim chích ở đâu đến làm tổ ngay trong vành tai của Bất Nhẫn. Chàng cứ để yên, mặc chúng muốn làm gì thì làm. Chúng đi về tha rác lên đầu, lên mặt. Rồi chim mái đẻ trứng. Rồi cả một thời kỳ hai vợ chồng thay phiên nhau ấp. Cho đến lúc những con chim con kêu léo nhéo suốt ngày. Nhưng Bất Nhẫn không lấy thế làm khó chịu.

Một hôm, lúc ấy chỉ còn mười ngày nữa thì Bất Nhẫn hết hạn ngồi dưới gốc cây. Hôm đó, chim vợ đến lượt đi tìm thức ăn cho con. Suốt cả một buổi chiều nó vẫn không kiếm được một chút gì. Mãi đến gần tối, lúc lượn qua một cái hồ, chim vợ mới thấy một con nhện đang giăng tơ trong một đóa hoa sen. Nhện nhác thấy chim liền ẩn vào giữa những cánh hoa làm chim mất công tìm mãi. Không ngờ hoa sen vừa tắt ánh mặt trời đã cúp ngay những cánh của nó lại, nhốt chim vào trong. Chim cố tìm lối chui ra nhưng những cánh hoa vây bọc dày quá đành chịu nằm lại đó.

Ở nhà chim chồng hết bay đi kiếm vợ lại trở về. Đàn con đói mồi nháo nhác suốt đêm. Mãi đến sáng mai, chờ lúc hoa nở, chim vợ mới thoát được bay về

tổ. Một cuộc cãi lộn nổ ra bên tai Bất Nhẫn. Ghen vợ, chim chồng nhiếc vợ hết lời, nhưng chim vợ hết sức bày tỏ nỗi lòng trinh bạch của mình. Cuộc đấu khẩu kéo dài suốt cả một buổi sang và có cơ chưa chấm dứt. Bất Nhẫn rất khó chịu. Thêm vào đó, đàn chim con khóc đói chiu chít điếc cả tai. Nhè một lúc vợ chồng chim tiếp tục cuộc cải vã. Bất Nhẫn bỏ tay lên tai giật cái tổ chim vất mạnh xuống đất và nói: "Đồ khốn! Chỉ có mỗi một chuyện đó mà chúng mầy làm điếc tai ông từ sáng đến giờ!".
Thế là công sức tu luyện của Bất Nhẫn sắp hoàn thành thốt nhiên vứt bỏ nó trong chốc lát.
Nhưng Bất Nhẫn vẫn không nản chí. Trước tòa sen, chàng hứa sẽ kiếm cách tỏ rõ sự hối lỗi của mình. Chàng tìm đến một khúc sông nước chảy xiết, tình nguyện làm người chèo đò đưa khách bộ hành quá giang mà không lấy tiền. Chàng quyết chở cho đến người thứ một trăm mới chịu nghỉ tay.
Lần ấy Bất Nhẫn tỏ rõ một người rất nhẫn nại. Tuy bến sông thường vắng khách, chàng vẫn không chịu bỏ dỡ công việc. Luôn trong hai năm chàng chở được chín mươi tám người mà không xảy ra việc gì.
Một hôm vào khoảng giữa thu, nước sông tự nhiên tràn về chảy siết hơn mọi ngày. Trời bỗng đổ trận mưa lớn, giữa lúc đó có một người đàn bà dắt một em bé đòi qua sông. Hắn có vẻ là vợ một viên quan sở tại, chưa bước xuống thuyền đã dọa Bất Nhẫn:
-Chú nhớ chèo cho vững nghe không. Che mui cho kín. Nếu để chúng ta mà ướt thì liệu chừng kẻo roi quất đít đó.
Nghe nói thế Bất Nhẫn bừng bừng nổi giận, nhưng chàng nín được và giữ vẻ mặt tươi cười đáp:
- Bà và cậu đừng sợ gì cả. Tôi xin cố sức.
Rồi chàng vận dụng hết tài nghệ để đưa hai mẹ con nhà nọ qua bên kia sông được vô sự. Lúc sắp lên bờ, người đàn bà bỗng kêu lên:
- Ta quên khuấy đi mất. Có một gói hành lý bỏ quên ở quán bên kia. Vậy nhà ngươi chịu khó chèo sang lấy hộ.
Bất Nhẫn nín lặng cắm cổ chèo qua sông giữa sóng gió. Mãi đến gần tối, chật vật lắm chàng mới đưa được gói hành lý sang cho người đàn bà. Nhưng khi soát lại gói, người đàn bà nọ lại kêu lên:
- Thôi rồi! Còn một đôi giầy của thằng bé bỏ gầm giường. Thế nào ngươi cũng phải gắng lấy cho ta một lần nữa.
Người đàn bà nói chưa dứt lời thì Bất Nhẫn đã giơ tay chỉ vào mặt:
- Cút đi đồ chó ghẻ! Ta có phải sinh ra để hầu hạ mẹ con nhà mầy mãi đâu.
Nhưng người đàn bà ấy vốn là Đức Phật Quán Âm hiện hình xuống thử lòng người đệ tử khổ tu đó, bấy giờ lại hiện nguyên hình và cất tiếng bảo chàng:
- Nhà ngươi vẫn chưa thực tâm nhẫn nhục, như thế thì tu gì mà tu. Có tu hú!
Bất Nhẫn thẹn quá đành cúi đầu nhận lỗi.

Phật Quan Âm sau đó bắt Bất Nhẫn hóa thành một giống chim mà người đời sau quen gọi là chim tu hú. Họ bảo thứ chim đó vào khoảng cuối hè sang thu hay xuất hiện, đúng vào lúc xảy ra câu chuyện giữa Bất Nhẫn với Phật Quán Âm.

Nguyễn Đổng Chi

"Sân si nghiệp chướng không chừa
Bo bo mà giữ tương dưa làm gì!"

Tập III - 4

Ông Trưởng Giả Keo Kiệt

Cách thành Vương Xá không xa có một gia đình ông Trưởng giả mệnh danh là keo kiệt. Bởi vì, mặc dầu ông sở hữu tài sản kho đụn chất đống, gia súc ruộng vườn mênh mông bát ngát, ông không bao giờ sử dụng của ấy cho vợ con hay cho chính mình, nói gì đến người thiên hạ.

Một buổi sáng, sau khi có việc đến cung vua trở về, ông keo kiệt trông thấy một người ăn xin đang gặm một miếng bánh tiêu giữa đường (thứ bánh làm bằng bột mì trộn đường bỏ vào dầu sôi phồng lên làm thành một cái bánh rỗng ruột). Ông thèm quá định bụng về bảo vợ làm như vậy. Nhưng về đến nhà, ông suy nghĩ: "Nếu ta nói cho bà ấy biết ta thèm bánh tiêu bà ấy sẽ làm cho cả nhà cùng ăn, thì sẽ tốn kém quá nhiều bột, đường, mè, dầu mỡ, và các thứ khác. Chi bằng lặng thinh tốt hơn". Nghĩ như vậy ông keo kiệt lặng lẽ vào phòng, leo lên giường nằm thở dài sườn sượt, chiến đấu với cơn thèm, nhưng sợ hao tốn ông không dám thố lộ cùng ai nỗi thèm khác ấy.

Bà vợ thấy chồng buồn bã, đến bên hỏi han:

- Sao ông buồn rầu như vậy? Có chuyện gì không?
- Không có gì đâu, bà ạ.
- Vua có rầy rà gì ông chăng?
- Không có.
- Các con trai, con gái, dâu,rễ, cháu chắt, người ăn, kẻ làm , tôi tới trong nhà, có đứa nào làm ông buồn lòng ông hay không?
- Tuyệt đối không có chuyện ấy. Vậy thì, ông đang ao ước một điều gì?

Ông keo kiệt nghe vợ nói vậy, càng sợ tốn hao của cải, nên nhất quyết không hở môi, vẫn nằm bất động mà thở dài. Bà vợ năn nỉ:

- Nầy, ông hãy nói đi, ông muốn cái gì thì bảo?

Ông Trưởng giả nuốt nước bọt đánh ực một cái, rồi mới thở dài não ruột mà bảo:

- Phải tôi thèm một món.
- Thèm chi, ông nói ra thử tôi nghe.
- Tôi thèm ăn một cái bánh tiêu.
- Trời đất quỷ thần ơi! Bộ mình nghèo lắm sao? Tạo sao ông không bảo tôi ngay? Thứ bánh đó làm dễ ợt. Tôi có thể làm ngay một mớ bánh tiêu, cho dân chúng cả thành phố nầy ăn..
- Nầy, nhưng tại sao bà nghĩ điên rồ như vậy? Dân chúng ai làm nấy ăn, mắc

gì tới bà?
- Vậy thì, tôi có thể làm bánh cho hết thảy người ở con đường nầy ăn.
- Cái đầu của bà làm sao vậy hả? Tại sao lại cứ nghĩ chuyện ngoài đường?
- Vậy, tôi có thể làm bánh cho cả nhà ăn.
- Bà điên mất rồi. Bà có biết nhà ta đông đến mấy trăm mấy ngàn miệng ăn không?
- Vậy, tôi sẽ làm bánh cho ông, tôi, và các con chúng ta ăn.
- Tại sao bà phải bận tâm với chúng nó?
- Vậy, tôi sẽ làm bánh cho ông và tôi ăn thôi.
- Nhưng còn bà, bà ăn bánh tiêu làm gì đã chứ?
- Vậy, tôi làm bánh cho một mình ông ăn thôi.
- Bà nói vậy nghe mới được. Nhưng ở trong cái nhà nầy, chúng ta làm gì cũng nhiều người trông thấy. Vậy bà hãy đem bột, đường, dầu, mè và các thứ soong chảo, lò bê đi lên tuốt trên tầng lầu thứ 7, ở chót vót trên cao ấy, chúng ta mới làm bánh được, khỏi bị ai dòm ngó.
- Được rồi.
Bà vợ soạn tất cả dụng cụ và vật dụng làm bánh, lễ mễ bưng lên từng lầu chót. Ông Trưởng giả xách xâu chìa khóa đi theo, khóa hết các lối đi lên. Sau khi đến tầng lầu cuối, khóa cửa xong, ông mới bắt đầu bảo vợ khuấy bột chiên bánh.
Lúc ấy, tại Kỳ Viên Tịnh xá, Đức Đạo sư bảo Tôn giả Mục Kiền Liên:
- Nầy Mục Liên, trong thành phố kia, có ông Trưởng giả keo kiệt đang ngồi trên tầng lầu chót mà chiên bánh vì sợ mọi người thấy. Vậy ông hãy vận thần thông mà đến đó, đem tất cả người và bánh lại cho ta. Trưa nay ta và chúng Tỳ kheo sẽ độ ngọ bằng bánh ấy và cải hóa Trưởng giả keo kiệt.
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.
Tôn giả Mục Kiền Liên vâng lời vận thần thông đi đến chỗ trưởng giả Ngài hiện hình đắp y chỉnh tề đứng giữa hư không, ngay trước cửa sổ. Ông keo kiệt nhìn ra giật mình tự nhủ: “Chính vì sợ gặp những người như vậy mà ta mới leo tận đây, thế mà Sa môn này cũng lò dò tới được, lại đứng ngay trước cửa sổ!" ồi ông tức giận nói lớn:
- Nầy Tỳ kheo kia, muốn gì mà đứng như trời trồng ở đó? Dù ngươi có đi tới đi lui cho mỏi cả chân, cho thành một con đường mòn giữa hư không, ngươi cũng không được gì đâu.
Tức thì vị Tôn giả đi tới đi lui. Ông keo kiệt tức mình bảo:
- Ngươi đi tới đi lui làm chi cho mất công! Dù ngươi có ngồi kiết già giữa trời, ngươi cũng không được gì đâu.
Vị Tôn giả liền ngồi kiết già giữa hư không. Ông keo kiệt liền bảo:
- Ngồi kiết già làm chi đó? Vô ích mà thôi! Cho dầu ngươi có phun ra khói đi nữa, ngươi cũng không được gì đâu.

Tôn giả liền phun khói vào cửa sổ, khói lên đầy đặc cả căn phòng. Sợ Tôn giả sẽ làm cho căn phòng phát hỏa nên ông keo kiệt không dám nói thêm "Dù ngươi có phun lửa ngươi cũng không được cái bánh nào!" Ông tự nhủ: "Sa môn lì lợm này có lẽ nhất quyết ăn cho được bánh của mình mới chịu đi". Rồi ông bảo vợ:
- Nầy bà, thôi thì hãy chiên một cái bánh nhỏ xíu đưa cho ông ta đi cho xong.
Bà vợ lấy một ít bột bỏ vào chảo dầu. Nhưng cái bánh phồng lên đầy cả chảo. Ông bảo bà:
- Bà lấy nhiều bột quá để tôi lấy cho.
Ông lấy một chút bột dính đầu muỗng bỏ vào chảo. Do thần lực của tôn giả, cái bánh nầy còn lớn hơn cái trước. Ông keo kiệt cứ tưởng mình lấy nhiều bột, nên tiếp tục chiên cái khác nhỏ hơn mới đem cho. Nhưng càng ngày bánh cứ càng lớn, không thấy cái nào nhỏ cả, ông bèn bảo bà:
- Thôi bà hãy lấy đưa cho ông ấy bất cứ cái nào, một cái một mà thôi.
Bà vợ lấy một cái từ nơi rổ bánh đã chiên. Nhưng bà không rứt ra được cái nào, nên bảo:
- Ông ơi, bánh mắc dính với nhau. Tôi không thể nào gỡ ra được một cái.
- Để tôi gỡ cho.
Rồi ông cầm một cái bánh đã chiên, bà cầm rổ bánh, cả hai cố kéo ra một cái mà biếu vị Sa môn. Nhưng ông không tài nào rứt ra được, mồ hôi đổ ra nhễ nhại, ướt cả mặt mày y phục. Mắt hai vợ chồng đỏ ngầu vì khói do Tôn giả phun ra, cuối cùng ông Trưởng giả mệt nhoài, không thiết gì nữa, bảo vợ:
- Nầy bà, tôi không ăn uống gì nữa hết. Bà hãy đem hết rổ bánh cúng đường vị Sa môn đi.
Mục Liên Tôn giả thu hồi thần lực là cho hết khói, rồi thuyết pháp cho ông keo kiệt nghe. Nghe xong ông phát sinh lòng tin thanh tịnh đối với Tam bảo, cung kính mời:
- Bạch Tôn giả, xin Ngài hãy tới đây, ngồi trên chỗ nầy mà dùng bánh của con.
- Nầy Trưởng giả, Đức Đạo sư đang chờ để dùng bánh này. Ta hãy đem tới cúng dường Ngài.
- Bạch Tôn giả, nhưng hiện giờ Ngài ở đâu?
- Ngài đang ở Kỳ Viên Tịnh xá, cách đây chừng 45 dặm.
- Quỷ thần ơi, xa như vậy làm sao chúng con kịp giờ Ngài dùng ngọ?
- Trưởng giả, nếu ngươi muốn, ta sẽ đưa ngươi, vợ ngươi và bánh đến nơi Ngài trong chớp mắt. Đỉnh cầu thang ở nguyên chỗ, nhưng cái chân cầu thang này sẽ ở ngay chỗ vào Tịnh xá. Các ngươi sẽ đến đó trong thời gian ngắn hơn đi bộ xuống bảy từng lầu.
- Bạch Tôn giả, như vậy rất tốt.

Tôn giả liền hoá phép cho cái chân cầu thang ở ngay cổng Tịnh xá trong chớp mắt. Vợ chồng ông keo kiệt xuất hiện trước đấng Đạo sư, đảnh lễ và thỉnh Phật dùng bánh.
Khi Phật và chúng Tỳ kheo ngồi vào bàn ăn ông Trưởng giả đặt một cái bánh vào bát của Ngài. Tăng chúng thì dùng bánh từ rổ do bà vợ dâng lên. Vợ chồng Trưởng giả cũng được dùng bánh thỏa thích.
Sau khi Đức phật, Tăng chúng và hai cư sĩ dùng xong bữa, rổ bánh vẫn còn nguyên vẹn như cũ. Đức Phật bảo đem bánh ấy để ngoài cổng Tịnh xá cho chim ăn. Đến nay nơi ấy vẫn còn được gọi là động bánh.
Đức Phật thuyết tùy hỷ pháp cho hai cư sĩ.
Khi nghe xong thời pháp của Phật, ông bà Trưởng giả đều đắc quả Dự lưu (nhập dòng thánh). Họ đảnh lễ Phật bước lên cầu thang và do thần lực của Tôn giả Mục Kiền Liên, đến ngay tầng bảy của lâu đài mình. Đức Thế Tôn nhân đấy đã khen Tôn giả Mục Kiền Liên một lời mà sau được ghi vào kinh Pháp cú như sau:
"Này các Tỳ kheo, một vị Tỳ kheo muốn cải hóa một gia đình mà không làm mất tín tâm của họ, không phiền nhiễu họ, thì phải như ong hút mật hoa, chỉ giữ lấy mùi vị, không làm tổn thương hương sắc và như vậy chính là hạnh của Pháp Tử Mục Liên!".
Thích Nữ Trí Hải
"Nhân quả kia kìa có sai đâu
Thử xem trần thế khắp hoàn cầu
Giàu nghèo, sướng khổ sang hèn đó
Khác biệt do nhân tạo thuở nào".

La Hầu La Xuất Gia

Lúc Đức Phật còn tại thế, một hôm Phật bảo Ngài Mục Kiền Liên rằng: "Ông hãy về thành Ca Tỳ La Vệ kính thăm Phụ vương, Thúc Phụ và bà Di mẫu của ta, ủy dụ mẹ của La Hầu La hãy cắt tình ân ái, cho La Hầu La xuất gia làm Sa di. Tình ân ái giữa mẹ con thương nhau chỉ trong giây lát, chết rồi bị đọa vào địa ngục, không bao giờ được biết nhau. Nếu La Hầu La xuất gia chứng đạo, thời sẽ trở lại độ cho mẹ, trọn đời ra khỏi luân hồi sanh tử như ta ngày nay vậy".
Ngài Mục Kiền Liên liền đến thành Ca Tỳ La Vệ trình bày ý định của đức Phật, bà Gia Du Đà La nghe tin có sứ giả của Đức Phật đến tìm bắt La Hầu La, liền đem con lên trên một lầu cao và đóng bít tất cả ngõ vào.
Ngài Mục Kiền Liên liền dùng thần thông vào tiếp kiến, bà Gia Du Đà La bất đắc dĩ phải làm lễ kính thăm Đức Thế Tôn và hỏi sứ mệnh của Ngài đến đây có việc gì. Ngài Mục Kiền Liên nói rằng: "Thái tử La Hầu La nay đã

chín tuổi nên cho xuất gia tu học Thánh đạo để tự giải thoát và giải thoát cho mọi người. Chính bổn ý của Đức Phật là như vậy".
Bà Da Du Đà La đáp: "Đức Thích Ca Như Lai khi còn làm Thái tử cưới hỏi tôi làm vợ, tôi phụng thờ Thái tử như phụng thờ một vị thiên thần. Chưa được ba năm, Thái tử vượt thành xuất gia tu đạo, lòng tôi đau khổ biết bao, tự nghĩ sau khi Thái tử thành Đạo, chắc có thể cùng nhau tương kiến. Nhưng từ khi Đức Phật thành đạo, hoàn toàn quên hết tình nghĩa cũ đối với những người thân cựu, lạt lẽo hơn người dưng nước lã, khiến tôi phải sống cô độc khốn cùng. Ngày nay Ngài lại muốn chiếm đoạt con tôi , thời còn gì tàn khốc hơn nữa. Thái tử thành đạo tự nói là từ bi nhưng nay Thái tử làm cách biệt mẹ con tôi, thời từ bi của Ngài ở chỗ nào? Mong Ngài hãy trở về bạch lên Đức Thế Tôn, nỗi lòng của tôi cho Ngài rõ."
Đức Mục Kiền Liên liền từ tạ, đến kể lại câu chuyện cho vua Tịnh Phạn hay. Vua liền bảo bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề đến khuyên nhủ nàng Da Du Đà La, bà đến khuyên ba lần, nàng nhất quyết không nghe và thưa rằng: "Ngày tôi còn ở nhà, vua của tám nước tranh nhau đến cầu tôi, cha mẹ tôi đều từ chối, để dành riêng tôi cho Thái tử là bậc xuất chúng hơn người. Nếu Thái tử không muốn ở đời, thời ân cần cầu tôi làm gì? Phàm ở đời, lập gia đình thành vợ thành chồng, đều mong có con cháu nối dòng, đó chính là chánh lẽ ở đời. Thái tử đã đành tâm đi rồi, nay lại đòi đem La Hầu La đi, cho tuyệt hẳn dòng dõi truyền thống thời còn có nghĩa lý gì nữa".
Bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề liền im lặng không biết nói gì. Đức Phật hiểu được tâm trạng câu chấp và buồn khổ của nàng Da Du Đà La, liền dùng vị hóa nhơn đến nói rằng: "Nàng còn nhớ thệ nguyện của nàng không? Thời ta còn làm vị Bồ Tát lấy 500 đồng tiền bạc mua 5 bông sen của nàng để dâng cúng Đức Phật Định Quang, nàng còn gởi hai bông sen nhờ ta dâng cúng Đức Phật, và cầu xin đời đời kiếp kiếp làm vợ của ta. Ta có nói với nàng -- Ta là vị Bồ Tát, có nguyện bố thí tất cả, nếu nàng muốn làm vợ ta, thời nếu ta có bố thí cả quốc thành thê tử cho đến tự thân, nàng phải hoan hỷ. Nàng đã thỏa thuận cùng ta rồi, sao nay nàng lại thương tiếc La Hầu La không muốn rời bỏ".
Nàng Da Du Đà La nghe nói liền biết sự lỗi lầm của mình, làm lễ sám hối với Ngài Mục Kiền Liên, ân cần giao phó cho Ngài, và khóc lóc từ biệt con. La Hầu La biết mẹ sầu muộn liền khuyên giải mẹ và từ tạ mẹ mà đi. Vua Tịnh Phạn liền bảo các nhà hào tộc, mỗi nhà cử cho một người con trai cùng xuất gia với La Hầu La.
La Hầu La cùng với 50 vị công tử đến đảnh lễ Đức Phật.
Đức Phật sai Ngài A Nan cắt tóc cho La Hầu La và 50 vị công tử, cho xuất gia, bảo Ngài Xá Lợi Phất làm Hòa Thượng, Ngài Mục Kiền Liên làm A Xà Lê truyền trao 10 giới Sa Di. Đức Phật giảng kinh Phiến Đà La nói về tội

báo các đời trước cho các vị Sa Di nghe.
La Hầu La nghe kinh, trong lòng lấy làm ưu sầu, bạch Phật rằng:
- Bậc Hòa Thượng đại trí đức, thọ lãnh các món cúng dường tối thượng, kẻ tiểu nhi ngu mà không có đức, ăn đồ tín thí của người, đời sau chịu khổ như Phiến Đà La. Vậy nên chúng con rất lo lắng, nguyện Phật cho chúng con bỏ đạo về nhà để khỏi các tội lỗi.
Đức Phật dạy:
- Như có hai người bị đói, gặp được người chủ đãi bữa cơm ngon, tham ăn quá no. Một người có trí, liền uống thuốc xổ, gìn giữ nghỉ ngơi nên giữ được mạng sống. Một người vô trí sát sanh tế lễ để cầu được sống, không ngờ đồ ăn chất chứa không tiêu, nên bị đau phải chết, đọa vào cõi địa ngục. Người sợ tội mà xin bỏ đạo về nhà thật là kẻ vô trí. Các con đã có nhơn lành được gặp ta, thời nên uống thuốc cứu khổ, thời khỏi phải chết.
La Hầu La nghe lời Phật dạy, hiểu rõ chơn nghĩa của sự tu hành, đảnh lễ chân thật, vâng theo lời giáo huấn của đấng Thế Tôn.
La hầu La chưa chứng đạo, nên tâm tánh còn thô tháo chưa được thuần thục, lời nói ít thành tín.
Một hôm, Phật bảo La Hầu La: "Con hãy về ở tại tịnh xá Hiền Đề, giữ miệng nhiếp ý, siêng tu kinh giới".
La Hầu La vâng theo lời Phật dạy, về ở tịnh xá Hiền đề 90 ngày, tàm quý tự hối, ngày đêm không dừng nghỉ.
Đức Phật đến thăm La Hầu La hoan hỷ đảnh lễ, sửa soạn chỗ ngồi thỉnh Phật an tọa, nhiếp tâm đứng hầu một bên Phật. Phật bảo La Hầu La:
- Con hãy bưng chậu nước đến đây, rửa chân cho ta.
La hầu La vâng lời rửa chân Đức Phật. Khi rửa xong Đức Phật bảo La Hầu La:
- Con có thấy nước rửa chân trong chậu kia không?
- Bạch Thế Tôn, con thấy.
- Nước ấy có thể dùng để ăn uống súc miệng được không?
- Bạch Thế Tôn, không thể được. Nước ấy trước kia trong sạch, nay vì rửa chân trở thành nhớp đục nên không thể dùng.
Phật dạy:
- Con cũng như vậy, là con ta, là cháu vua Tịnh Phạn, bỏ sự vui sướng ở đời, làm vị Sa Môn, nếu không tinh tấn, nhiếp thân giữ miệng, thời sẽ bị ba món độc là tham, sân, si, làm nhơ nhớp tâm ý, cũng như nước kia không thể dùng được.
Phật lại bảo La Hầu La:
- Hãy đổ chậu nước kia đi.
La Hầu La liền đổ nước trong chậu ra.
Phật dạy:

- Chậu kia không còn nước dơ nữa, vậy có thể đựng đồ ăn uống được không? Bạch Thế Tôn, không thể dùng được, vì đã mang cái tên chậu đựng nước rửa chân và đã từng chứa nước không sạch.
Phật dạy La Hầu La:
- Con cũng như vậy, tuy làm vị Sa môn, miệng không nói thành tín, tâm tánh lại cang cường, chẳng niệm tinh tấn, thường bị tiếng đồn không tốt. Thật cũng như cái chậu rửa kia không thể đựng đồ ăn được.
Đức Phật lại lấy ngón chân hất cái chậu rửa, khiến chạy lăn tròn, nghiêng qua nghiêng lại vài lần rồi mới dừng lại. Phật lại hỏi La Hầu La:
- Con có tiếc cái chậu nầy bị bể không?
- Bạch Thế Tôn, cái chậu để rửa chân là vật không quý giá gì. Trong lòng tuy cũng có tiếc đôi chút, nhưng không đến nỗi thiết tha lắm.
Phật bảo La Hầu La:
- Con cũng như vậy, tuy là người Sa môn, không nhiếp thân và miệng nói lời thô ác làm hại nhiều người, thời trong chúng không ai thương, người tri thức không ai tiếc, thân chết bị luân chuyển trong ba đường dữ, sống chết vô lượng, các vị Hiền Thánh không ai thương tiếc, cũng như ngươi nói không tiếc cái chậu vậy.
La hầu La nghe lời Phật dạy lấy làm hổ thẹn và sám hối tất cả lỗi lầm đã phạm. . .
Minh Châu
"Hãy xem người thợ rèn dung sắt, phải cạo bỏ tất cả sét bẩn, mới trở nên đồ dùng tốt.
Người học Đạo phải bỏ tất cả thói xấu, mới trở nên trong sạch được".

Đạo đức trở về

Trị vì kinh thành Ba La Nại, một thời kia, là dòng họ Sudasa. Nhà vua thì ham mê săn bắn hơn chăm lo đến đời sống dân chúng.
Trong một cuộc săn, nhà vua mải miết đuổi theo đàn hươu tơ nên lạc vào rừng sâu. Đến khi dừng lại, mệt quá, vua ngủ thiếp đi. Và lúc ngài thức giấc, ngài thấy một con sư tử cái đang ngồi cạnh liếm chân ngài ra chừng luyến ái. Ngài cũng vuốt ve hắn một cách thân mật như quen biết nhau từ thuở nào. . .
Câu chuyện lạ lùng trên đây lần lần theo thời gian xóa mờ đi, thì một hôm kia, ngạc nhiên khác đến. Người ta thấy đi vào kinh thành Ba La Nại một con sư tử cái to lớn, trên lưng nó cõng một đứa bé mới sinh. Nó đi thẳng vào cung điện, trao đứa bé cho nhà vua rồi trở lại rừng sâu.
Nhà vua không có con nên nhận đứa bé làm con mình, và đặt tên là Kamasa (Chân vằn). Kamasa lớn lên rất nhanh chóng và được vua cho đi học ở Ta Xi La. Tại đây, Kamasa làm quen với nhiều hoàng tử ở nhiều nước, trong đó có

hoàng tử Su Ta Ma mà ta sẽ biết sau này.
Đến sau vua cha mất, Kamasa được lập lên ngôi, kế tục dòng họ Sudasa cũng nhớ các luật trước, Kamasa duy trì được nề nếp cũ, nhưng chỉ mỗi một điều khác là nhà vua rất thèm thịt. Đó là bản tính mà ông thừa hưởng của mẹ. Người đầu bếp biết tính vua nên bữa nào cũng sửa soạn đầy đủ nhiều món thịt kho nướng ngon lành. Cho đến một hôm kia, trước bữa ăn, vì sơ ý anh ta không cất đặt đồ ăn kỹ lưỡng nên tất cả các món thịt đều bị bọn chó săn chén hết sạch.
Hôm ấy là ngày lễ nên các cửa tiệm đều đóng cửa. Và chạy đủ hết mọi nơi cũng không thể mua được mẩu thịt nào, tình thế thật là nguy cấp. Vợ người đầu bếp bỗng nảy ra một sáng ý. Chị ta lén xẻo một miếng thịt đùi của người tù vừa bị xử trảm đem vào cho chồng. Rồi hai vỡ chồng hối hả chiên xào với nhiều đồ gia vị thơm tho. . .
Mới vào ngồi vào bàn ăn nhà vua đã để ý ngay đến mùi vị khác thường. Rồi nhà vua gạn hỏi tên đầu bếp về món thịt mới lạ nầy. Người đầu bếp sợ hãi nói quanh và đến cuối cùng phải thú thật. Rồi hắn nén thở chờ sự trừng phạt mà hắn dự đoán sẽ rất nặng nề. Nhưng, nhà vua không tỏ vẻ giận dữ mà trái lại khen ngợi hắn, nhà vua lại còn dặn dò kỹ lưỡng rằng sau nầy nhà vua chỉ thích một món thịt ấy thôi.
Ở miền khí hậu nóng của xứ Ấn Độ khó mà giữ được thịt tươi ngon đến ngày hôm sau, nên cứ mỗi ngày phải hạ thịt một người. Những tên tù lần lược đem ra chém để lấy thịt dọn cho vua. Nhưng rồi cũng đến cái ngày mà nhà tù hết người. Thế là cái tên đầu bếp khốn nạn lại phải đi săn người. Những người đi về khuya thường bị bắt cóc, trẻ con đi chơi một mình thường bị mất tích, gieo một kinh khủng trong khắp kinh thành mãi cho đế một hôm người ta bắt được hung thủ. Tên đó chẳng phải ai khác là tên đầu bếp của nhà vua. Người ta dẫn hắn ra trước pháp đình với cả xâu thịt đùi treo ở cổ hắn. Hắn nhận tất cả tội lỗi và cung khai là hắn làm theo lệnh nhà vua. Dân chúng rất đổi ngạc nhiên. Rồi nhớ đến cái dòng giống sư tử của ông vua khát máu, người ta đều hiểu được sự thật. Mọi người phẫn uất, định nổi dậy lột mặt nạ thật ông vua độc ác. Nhưng Kamasa đã đứng dậy, vung gươm vạch một lối thoát để trốn vào rừng sâu cùng với tên đầy tớ.
Cũng vào thời kỳ đó, trong lúc ở thành Ba La Nại cái màn khủng khiếp diễn ra thì ở xứ Indra (gần Đề Ly bây giờ) không khí sinh hoại lại khác hẳn. Nhà vua thuộc dòng họ Khu Ra và Thái tử Su Ta Ma (tiền thân của Đức Phật) là người đức hạnh. Dân chúng sống yên ổn thanh bình. Người ta thường đọc lên rất nhiều bài thơ ca ngợi hạnh phúc và lòng đạo đức của Thái tử. Thái tử Su Ta Ma còn trao nhiều giải thưởng quý giá cho những đoạn văn thơ lỗi lạc. Hơn một lần Thái tử đã thưởng hàng chục lạng vàng cho những áng thơ tuyệt tác đến nỗi vua cha phải tìm cách khuyên can. Nhưng Thái tử đều một

mực xin cha được như nguyện, vì theo ý ngài thì không có kho của cải nào trên đời này quý giá bằng những ý tưởng cao đẹp thoát lên từ những lời thơ hay.
Một buổi sang đầu mùa, lúc Thái tử đi đến vườn hoa để dự hội mùa Xuân, Ngài gặp một ông lão Bà La Môn, ông lão từ Ta Xi La đến, quần áo còn dính đầy bụi đường, đến tìm Ngài để đọc cho Ngài nghe bốn đoạn thơ tuyệt tác với hy vọng mong ở Ngài một phần thưởng xứng đáng. Vì còn phải dự lễ nên Thái tử hẹn sẽ gặp lại ông già khi Ngài trở về. Ngài không quên dặn người nhà phải đối đãi với ông già rất tử tế. . .
Buổi lễ đã khai diễn. Người ta chào đón Thái tử trong những điệu múa tươi đẹp như hoa hồng nở, trong những lời ca trong lành như gió reo ánh sang. Bỗng một tiếng gầm lớn. Cuộc vui dừng lại. đoàn lính hầu cận Thái tử đã sẵn sang để bảo vệ Ngài chống với một kẻ lạ mặt cao lớn, thân hình đầy lông lá trông vô cùng man rợ đang tiến về phía Thái tử, Thái tử Su Ta Ma bình tĩnh hơn bao giờ hết và nhận ra kẻ lạ mặt là Kamasa, bạn cùng học tại Ta Xi La. Ngài khoác tay cho lính đừng chống cự. Kamasa rống lên như một thú rừng rồi chạy xổ tới, trông khỏe như voi và nhanh như gió bão. Hắn cõng Thái tử lên vai và chạy biến vào rừng sâu.
Kamasa đã làm gì trong rừng nầy, từ sau khi từ bỏ kinh thành Ba La Nại. Thật khó kể hết những hành vi tàn bạo của hắn,râu tóc hắn mọc dài ra. Áo quần hắn rách tươm, dính đầy bùn và máu. Hình thù khhủng khiếp ấy đã làm nhiều người đi trong rừng chết ngất, trước khi biến thành thịt ngon để vào bụng hắn.
Một hôm kia, hắn săn suốt ngày mà không tìm được một người nào. Lúc trở về dưới gốc cây đa dùng làm nhà cho hắn lâu nay, Kamasa đói cào ruột. Hắn bỗng thấy một bóng người, hắn nhảy xổ đến, giết chết. Hắn gọi tên đầu bếp. Hắn gọi đã năm bảy lần mà vẫn không thấy trả lời. Tức giận hắn định đứng dậy đi tìm thì bỗng hắn nhìn kỹ lại xác người nằm dưới chân hắn. Đó! Người nằm dưới chân hắn không ai khác là tên đầy tớ của hắn. Không một chút cảm động, hắn tự tay phanh thịt tên đầu bếp tại chỗ mà trước đây tên kia đã quay thịt rất nhiều người. Thế là từ ngày ấy hắn phải đích thân làm đầu bếp.
Cũng chưa bằng lòng, Kamasa còn đón bắt 99 vị hoàng tử, phần lớn là bạn bè của hắn hồi ở Ta Xi La về giam dưới gốc cây đa. Hắn định bắt đủ một trăm để cùng chọc huyết một lượt lấy máu tế thần cây, và Thái tử Su Ta Ma là người thứ một trăm.
Tất cả đều đã sẵn sàng. Hắn đặt Thái tử Su Ta Ma xuống đất với một cử chỉ thắng trận. Hắn tuyên bố cho Su Ta Ma biết ý định của hắn. Su Ta Ma không hề mất bình tĩnh nhưng bỗng nhiên mắt Thái tử rươm rướm ướt. Kamasa cười chế nhạo, hắn nói:
- Thái tử còn tiếc nhiều điều lắm phải không. Và danh vọng và thú vui và vợ

con ngài. . .
Phải! Đối với Kamasa hắn chỉ hiểu chừng ấy. Làm sao mà hắn có thể biết rằng hiện Thái tử Su Ta Ma đang nghĩ đến ông lão Bà La Môn, đến bài thơ tuyệt tác mà ông ta sắp đọc cho Ngài nghe, đến hy vọng được khen thưởng của ông lão, đến lời hứa của Ngài với ông lão chưa thực hiện được. Ông ta sẽ thất vọng buồn khổ biết bao nhiêu!
Suy nghĩ một lát, Thái tử Su Ta Ma bèn tỏ cho hắn biết, và xin hắn để cho mình được trở về làm tròn lời hứa. Ban đầu hắn nhất định không thuận, vì hắn không tin rằng Su Ta Ma sẽ trở lại với hắn. Nhưng đến khi Su Ta Ma chỉ vào gươm mình mà thề lời thề danh dự của người Su Ta A.
Với ngay cả Kamasa, phải chăng lời thề danh dự đó tác động đến tâm hắn. Hay là hắn muốn thử lòng thủ tín của người bạn hắn chăng. Chỉ biết rằng cuối cùng hắn để chịu cho Thái tử Su Ta Ma trở về gặp ông lão Bà La Môn.
Su Ta Ma được mọi người đón mừng, nhưng việc đầu tiên của Ngài là đến gặp ông lão Bà La Môn để ông ta khỏi chờ đợi. Thái tử chăm chú nghe ông ta đọc bốn đoạn thơ tuyệt tác. Bốn đoạn thơ có mãnh lực phi thường! Nó kích động tận tâm can những đức tín cao đẹp của con người. Ngài ghi sâu bài thơ vào lòng. Ngài thưởng cho lão rất hậu. Rồi Ngài ghé lại từ biệt vua cha. Vua cha không muốn Su Ta Ma trở lại một mình, sợ thiệt hại đến tính mạng Thái tử, lại còn muốn cử một đội binh hùng mạnh để chấm dứt cuộc đời tàn bạo của Kamasa. Nhưng Thái tử can vua. Và giữ đúng lời hứa ttrước mặt kẻ thù, Su Ta Ma trở lại một mình.
Su Ta Ma trở về đúng hẹn làm Kamasa kinh ngạc. Sự coi thường cái chết của Ngài đã làm cho nó cảm phục. Rồi tự nhiên đến lượt hắn, hắn tò mò muốn nghe bốn đoạn thơ huyền diệu. Su Ta Ma từ chối vì cớ rằng những lời thơ hay không thể để lọt vào tai kẻ không xứng đáng. Hắn chột dạ nhưng lòng muốn biết lại mạnh hơn, nên cố gắng nén tức giận. Hắn từ tốn xin Thái tử đọc cho nó nghe.
Một lát sau biết là đã đến lúc hắn tình tĩnh để hiểu. Su Ta Ma đọc lên toàn bài thơ một cách nồng nhiệt như ông lão Bà La Môn trước đây đã đọc cho Ngài. Bài thơ có tác dụng kỳ diệu. Nó khơi dậy các điều lành trong tâm của một kẻ hầu như đã mất hẳn tánh người. Nghe xong Kamasa yên lặng suy nghĩ rồi đáp lại, hắn hứa cho Thái tử ao ước bốn điều.
Sau khi cân nhắc, Thái tử Su Ta Ma phát biểu lần lượt các điều ước của mình. Đầu tiên, Ngài ước cho Kamasa, người bạn của Ngài thời niên thiếu được sống lâu. Thật không thể nào ngờ được, Kamasa không thể nào ngờ được người sắp bị hắn ăn thịt lại không có một ác ý gì với hắn, trái lại còn đặt nhiều tình cảm với hắn.
Điều thứ hai, Ngài ước rằng 99 vị hoàng tử đang bị giam cầm sẽ được trả lại tự do. Kamasa chấp thuận điều này một cách dễ dàng.

Điều thứ ba, các vị hoàng tử sẽ cùng được thả ra cùng trong một lúc ở đây, Kamasa hơi do dự một chút vì hắn sợ sẽ bị trả thù nhưng sau hắn cũng bằng lòng.
Chỉ còn một điều ước cuối cùng. Đã ba lần rồi, Su Ta Ma chưa ước gì về Ngài cả. Kamasa đoán chắc thế nào lần này hắn cũng sẽ nghe Thái tử Su Ta Ma ước về sự giải thoát của mình. Nhưng hắn lầm vì Su Ta Ma đang ao ước một lần nữa về hắn. Ngài ước rằng:
- Từ nay về sau Kamasa sẽ bỏ cuộc đời man dã.
Thật là một lời sét đánh, trong tâm Kamasa có một cuộc nổi loạn. Hắn, kẻ đã từ bỏ của cải, đất đai ngôi báu để sống theo bản chất hung hãn, giờ đây hắn trở về con đường hiền lành của con mồi của hắn? Chưa khi nào hắn có ý nghĩ như thế. Nhưng lần này có một sức mạnh đang truyền khí lực vào những cái gì tốt còn sót lại trong tâm hắn. Và bài thơ ban nãy, và người đang đứng trước mặt nó, quả đã tiếp sức cho nó một nguồn lực, một nguồn lực tinh thần dồi dào. Cho nên trong cuộc chiến đấu bên trong, Kamasa đã tự thắng được mình.
Kamasa đã tự thấy được tội ác của mình. Nó hối hận quá, sụp xuống chân Thái tử Su Ta Ma tỏ lòng muốn quay về con đường lành. Trong lúc đó trên khắp cõi trời đất vạn vật đều rung động tỏ nỗi vui mừng chào đón sự thắng lợi của Thái tử Su Ta Ma.
Thái tứ hoan hỷ đỡ Kamasa dậy, giúp Kamasa thực hiện những điều đã thuận hành, Kamasa cắt dây cởi trói, trả lại tự do cho 99 vị hoàng tử trước sự vô cùng ngạc nhiên của họ.
Những điều quan trọng cần phải giải quyết là việc đưa Kamasa trở lại kinh thành Ba La Nại. Làm thế nào bảo không còn sự căm hờn của dân chúng, của những kẻ bị mất con, mất chồng, mất người thân thuộc? Tội ác của tên đầu bếp, hắn đã nhận cái hậu quả tai hại trong dạ dày của chủ hắn rồi. Còn tất cả tội lỗi của Kamasa, Kamasa phải chuộc bằng tất cả việc lành sau nầy của mình. Ai phải bảo đảm điều đó với dân chúng? Giải quyết khó khăn này, không thể trông cậy vào người nào ngoài Su Ta Ma.
Thái tử Su ta Ma cùng với 99 vị hoàng tử Kamasa về thành. Ngài đứng ra phân giải với dân chúng. Tin ở Ngài, dân chúng bằng lòng tiếp đón Kamasa. Ngày hôm sau khắp kinh thành mở hội. Trước mọi người, Kamasa hứa giữ gìn tập tục tốt và đức hạnh. Rồi mời 99 vị hoàng tử và Thái tử Su Ta Ma cùng dự bữa tiệc chào mừng ngày trở về của đức hạnh trong tâm tư con người, ngày thắng lại của lẽ phải, ngày hết âu lo của kinh thành.
Quảng Huệ
"Thắng lợi thì bị oán thù, thất bại thì bị đau khổ, kẻ nào không màng đến thắng bại, kẻ ấy sẽ sống một cuộc đời hòa hiếu an vui".

Không biết mình điên

Ngày xưa, tại một xứ nọ trong nước Ấn Độ dân chúng sống đời bình yên, mưa thuận gió hòa, chưa khi nào gặp phải thiên tai hạn hán.
Nhưng chẳng ngờ, một chiều hôm đó, bầu trời mây đen giăng kín và trút xuống cơn mưa, ngập tràn hồ ao sông biển, dân chúng uống phải thứ nước mưa ấy ai nấy thảy đều loạn tâm, cuồng trí, cởi bỏ y phục, nhảy múa như những kẻ điên. Họ hốt đất bùn tô trét đầy mình mẩy, mặt mày. Trải qua bảy ngày như vậy mọi người mới tỉnh cơn cuồng loạn, nhưng họ chẳng biết do nguyên nhân nào gây nên sự kiện này.
Trong triều đình, vị vua đang trị vì xứ ấy là một bậc minh quân, tài trí một hôm thấy trời kéo mây đen, nhà vua biết được đó là cơn mưa độc sắp trút xuống, bèn lấy đồ đậy miệng giếng lại. Lúc ấy cả thành, nước mưa độc tràn xuống ao hồ sông suối, dân chúng uống thứ nước ấy đều bị cuồng loạn như lần trước.
Sáng hôm sau, nhà vua lâm triều thấy quần thần, bá quan văn võ đều trần truồng, bùn đất dính khắp thân thể, ngồi chầu hai bên. chỉ có một mình nhà vua vì không uống phải thứ thuốc độc ấy nên bình tĩnh sáng suốt, mình mặc áo long phụng, đầu đội mão cửu long gắn đầy châu báu, ngồi trên long ỷ. Quần thần thấy vậy, ngơ ngác, chỉ chỏ nói với nhau rằng: "Ồ kìa! Thằng khùng! Nó làm cái gì mà dị hình dị tướng như vậy, chắc là nó điên. Nó quấn cái gì cùng mình chẳng giống ai, chúng ta hãy hỏi tội nó".
Nhà vua nghe quần thần bàn tán với nhau như vậy sợ hãy, liền nói rằng:
- Ta có thứ thuốc hay, có thể trị được bịnh nầy. Các ông hãy chờ ta một chút, ta đi lấy thuốc đem ra ngay. Nhà vua trở vào cung trút bỏ y phục, trần truồng giống như bọn quần thần rồi lấy đất bùn trét lên mình mặt rồi trở ra. Bọn người thấy thế vui mừng, hớn hở, cho rằng ông ta đã hết điên, giống y như mình.
Trải qua bảy ngày chất độc tan hết, mọi người đều tỉnh lại, thấy mình trần truồng lấy làm xấu hổ, về nhà mặc quần áo rồi lâm triều nhưng khi ấy nhà vua lại ngồi trần truồng trên long ỷ, đầy mình đất cát nhơ nhớp, quần thần ngó thấy kinh ngạc nói rằng:
- Đại vương là bậc đa mưu trí tuệ tại sao cuồng loạn như vậy?
Nhà vua nói:
- Tâm ta thường vắng lặng không biến đổi, chính các ông bị cuồng loạn.
Đấng Thế Tôn cũng như vậy, chúng sanh bị màng vô minh làm mê mờ, cuồng loạn, nếu nghe bậc đại Thánh Trí giảng thuyết về các pháp bất sanh, bất diệt , nhất tướng. . . thì cho đó là lời cuồng loạn. Bởi vậy Như Lai tùy theo chúng sanh mà phương tiện, nói thiện bất thiện, hữu vi, vô vi vậy.
Giới Đức

Không lửa nào có thể ví được với lửa của tham dục.
Không có ngục tù nào có thể ví được với ngục tù của oán hờn.
Không mối ràng buộc nào có thể ví được với sự rối loạn của tâm trí.
Không đau khổ nào giống như sự đau khổ của loài người.
Nhưng chẳng có hạnh phúc nào lớn bằng sự an định của tâm trí.

Chuyện chàng 4 vợ

Một chàng kia có bốn bà vợ.
Bà thứ nhất, được chồng mến yêu, đi đứng, nằm ngồi, làm lụng không rời nửa bước. Ăn uống, áo quần thường được chồng lo cho trước hết. Lạnh nóng đói khát xem sóc tùy thời, chìu theo ý muốn, chẳng bao giờ cùng nhau to tiếng.
Bà hai, đi đứng nói năng, thường ở hai bên tả hữu. Chồng gặp thì vui, xa chút thì buồn.
Bà ba, thỉnh thoảng năm thì mười họa, khi cùng cực thiếu thốn, mới được anh chồng nghĩ đến.
Bà thứ tư, hẩm hiu hơn hết, bị chồng sai bảo đủ chuyện , phục dịch đủ điều, nhưng chẳng bao giờ thèm hỏi đến.
Một ngày kia, anh chồng hấp hối, kêu bà vợ thứ nhất vô bảo:
- Bà phải đi theo ta.
Bà thứ nhất trả lời:
- Tôi không thể theo anh được.
Anh chồng nổi xùng, hỏi:
- Ta vốn yêu mi nhất, thường cưng chìu ngươi đủ thứ. Tại sao chẳng chịu theo nhau!
Bà vợ đáp:
- Anh tuy có lòng yêu mến tôi thật, nhưng tôi không thể đi.
Anh chồng bèn kêu bà hai đến bảo:
- Mình đi theo tôi đi.
Bà nầy đáp:
- Anh yêu mến chị cả, sao không bắt chị ấy đi, tôi đâu có đi theo anh được.
Anh chồng bèn nạt nộ:
- Ngày trước, ta tìm mi thật khổ sở không thể tả xiết. Nào chịu lạnh, chịu nóng, nhịn ăn nhịn tiêu mới giữ được mi. tại sao chẳng chịu đi với ta.
Bà hai vẫn đáp tỉnh bơ:
- Bởi lòng anh tham dục mới tìm đến tôi, chớ tôi đâu có cần gì anh. Nay sao lại đem việc gian khổ ấy buộc nhau làm gì!
Quá ngao ngán, anh chồng phải kêu đến bà vợ ba mà rằng:
- Mình nên đi theo tôi.
Bà ba tỏ ra lưu luyến, nhưng chỉ khóc lóc mà nói:

- Tôi với anh ân nghĩa nặng lắm. Nay đến phút cuối cùng, tôi xin đưa tiễn anh tới ngoài thành mà thôi, không thể theo anh đi đến tận chỗ anh ở được.
Sau cùng, anh chàng bốn vợ đành phải kêu bà vợ thứ tư, người thường ngày bị chàng ta hất hủi, mà bảo đi theo mình. Chị vợ nầy bảo chồng:
- Tôi đã xa lìa cha mẹ tôi, đi theo hầu hạ anh, thì việc sống chết, vui khổ, phải có mặt với nhau. Giờ đây, tôi xin theo anh đi cho đến chỗ.
Bốn bà vợ trên là bốn thí dụ:
- Bà thứ nhất, dụ cho thân xác con người. Người đời, ai nấy ưa mến xác thân mình như anh chồng kia mê bà nhất. Nhưng đến khi chết, nó nằm trơ trơ nơi đất, nào chịu đi theo.
- Bà hai, dụ cho của cải tiền bạc. Khi được thì vui, chẳng được thì buồn. Nhưng đến lúc chết của cải hoàn trả cho đời, nào chịu đi theo.
- Bà ba, dụ cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ, bạn hữu. Sanh thời lấy ân nghĩa tình ái, cùng nhau tưởng mến. Nhưng khi chết, dù họ có khóc lóc than van, cũng tiễn đưa được nhau tới nghĩa địa là cùng, rồi ai về nhà nấy. Thương nhớ có lâu lắm cũng chẳng qua mười ngày là lại ăn uống cười nói mà dần quên người chết.
- Bà tư, dụ cho tâm ý của con người. Trong thiên hạ, ai mà không có lúc tự ái, bảo thủ ý mình, buông thả tâm ý, tham dục giận dữ, chẳng tin chánh đạo. Đến khi chết, chỉ có tâm ý là chịu đi theo để phải đọa vào ác đạo.
Cho nên, phải săn sóc tâm ý, bằng cách luôn luôn nhớ tới nó mà thắng tâm chánh ý.
Báo Bát Nhã
"Tâm như nhà họa sĩ, vẽ các tranh ảnh.
Tâm như người nô lệ bị các món phiền não sai khiến.
Tâm như vị quốc vương làm mọi việc tự tại.
Tâm như bọn giặc cướp khiến tự thân bị đau khổ."

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập III - 5

Chú tiểu hiền triết

Thuở Phật Ca Diếp còn tại thế, Ngài có một tăng đoàn gồm 20.000 tỳ kheo đã diệt tận các lậu hoặc. Mỗi khi du hóa một nơi nào, tất cả chúng Tỳ kheo ấy đều theo Phật Ca Diếp, cũng như 1250 Tỳ kheo thường đi cùng với Đức

Bổn Sư Thích Ca của chúng ta.
Một hôm, Phật Ca Diếp và Tăng chúng của Ngài đi đến thành Ba La Nại, dân chúng đua nhau đến đảnh lễ cúng dường và nghe Ngài thuyếp pháp. Sau khi thọ thực xong, Phật nói lời tùy hỷ công đức như sau: "Này các cư sĩ, trong thế gian có bốn hạng người. Thế nào là bốn? Một là những người tự mình làm phước bố thí, nhưng không khuyến khích kẻ khác làm. Hạng người nầy, trong tương lai được giàu có nhưng không được nhiều người theo. Hai là những người khuyên kẻ khác bố thí, nhưng tự mình không bố thí. Hạng người nầy đời sau có phước báo được đông người theo, nhưng không có của cải. Ba là những người tự mình không bố thí cũng không khuyên người bố thí. Hạng người nầy đời sau không có của cải cũng không có người theo, phải sống cô độc, ăn cơm thừa của kẻ khác. Bốn là hạng người vừa tự bố thí, vừa khuyên người bố thí, hạng người nầy trong tương lai sẽ được cả hai phước báo -- giàu có và đông người theo".
Khi nghe như thế, có một người khởi lên ý nghĩ: "Ta cố làm sao để được hai phước ấy". Rồi vị ấy đến đảnh lễ Phật, bạch rằng:
- Bạch Thế Tôn, xin Ngài đến thọ thực làng con vào ngày mai, để chúng con được phước cúng dường.
Phật Ca Diếp hỏi lại:
- Ngươi muốn cúng dường bao nhiêu vị Tỳ kheo?
- Bạch Thế Tôn, Tăng chúng của Ngài gồm bao nhiêu?
- Hai mươi ngàn.
- Bạch Thế Tôn, ngày mai xin Ngài đem theo tất cả Tỳ kheo ấy.
Đức Phật nhận lời.
Người kia cầm một mảnh bối diệp (xưa dùng lá cây khô để viết chưa có giấy) trở về làng, rồi đi từng nhà khuyên sửa soạn cúng dường Phật và chúng Tăng tùy khả năng của mỗi gia đình. Có nhà tình nguyện cúng dường 500 vị, nhà 200 vị, nhà 100 vị, nhà 50 vị v. v. . . Người kia đều ghi dấu vào lá bối để hôm sau thỉnh đúng số Tỳ kheo đến từng nhà. Trong làng, có một gia đình rất nghèo đến nỗi ông chủ được mệnh danh là "Chúa Nghèo". Người kia cũng không quên ghé vào nhà Chúa Nghèo để tạo phước cho ông ta. Khi Chúa Nghèo nghe người kia muốn mình cúng dường chúng Tỳ kheo thì giật bắn người lên:
- Ối bạn ơi! Bạn coi nhà cửa tôi đây, đến một chỗ ngồi cũng không có, làm sao tôi cúng dường gì được? Tôi có đồng xu nào đâu? Hãy đến những nhà cao cửa lớn kia!
- Nầy bạn, không phải chính vì vậy bạn mới nên nhân cơ hội này mà gieo giống phước sao? Vì sao bạn phải nghèo? Phải chăng bạn chưa từng giúp ai một chút gì cả.
Chúa Nghèo ngẫm có lý bèn ưng thuận:

- Được. Vậy thì xin bạn ghi cho tôi cúng dường một vị tỳ kheo. Người kia bằng lòng nhưng không ghi vào lá vì y nghĩ rằng một vị thì ít quá, chẳng cần ghi làm gì. Y từ giã, tiếp tục đi phổ khuyến.
Chúa Nghèo gọi vợ ra, cho hay ý định cúng dường một vị Tỳ kheo của mình, và đề nghị với vợ cùng đi làm mướn để đủ tiền sắm sửa các thứ. Người vợ bằng lòng ngay và cả hai cùng đi đến một nhà phú hộ. Nhà nầy sẵn lòng mướn hai vợ chồng làm việc một buổi chiều hôm ấy, để chuẩn bị cho việc cúng dường hôm sau. Họ mướn Chúa Nghèo giã gạo, còn bà vợ thì gánh nước. Hai vợ chồng làm việc rất hăng hái, nét hân hoan lộ hẳn trên gương mặt, đến nỗi chủ nhà hỏi nguyên do. Khi được biết họ làm mướn để có tiền mua thực phẩm cúng dường một vị Tỳ kheo, phú ông cảm khái, trả công gấp bội. Với số tiền nhận được họ mua ít gạo thơm hảo hạng, trái cây quí và ít đồ vặt vãnh để nấu nướng.
Sáng hôm sau, Chúa Nghèo dậy sớm đi hái rau bên bờ sông về cho vợ làm thức ăn. Một người đánh cá hỏi:
- Chúa Nghèo hái rau làm gì sớm thế?
- Tôi hái rau để cúng dường một vị Tỳ kheo.
- Thế à! Vị nào ăn rau của Chúa Nghèo cúng dường chắc là hên lắm đó. Nầy, làm hộ tôi việc nầy được chăng? Đây tôi có mấy xâu cá đỏ, Chúa Nghèo đi bán dùm. Tôi bận coi lưới. Mỗi xâu hai đồng.
- Được.
- Chúa Nghèo xách cá đi bán một chốc đã hết, vì nhà nào cũng đang cần thức ăn để cúng dường. Khi trở về giao tiền cho chủ, Chúa Nghèo từ giã:
- Thôi tôi đi đây, sắp tới giờ cúng dường rồi.
- Nầy Chúa Nghèo, tặng Chúa Nghèo xâu cá đỏ đây, về mà nấu.
- Cảm ơn lắm.
Chúa Nghèo sung sướng xách cá và rau đem về cho vợ. Khi ấy, từ trong tịnh xá của Ngài, Phật Ca Diếp đã biết được một người nghèo đang thành tâm sửa soạn cúng dường một vị Tỳ kheo. Ngài cũng biết được rằng tất cả chúng Tỳ kheo đã được sắp đặt vào từng nhà, mỗi nhà sẽ cúng dường một số Tỳ kheo. Duy chỉ có nhà Chúa Nghèo chỉ cúng có một vị, người phổ khuyến quên ghi vào lá, do đó mà y đã không chừa một người nào cho Chúa Nghèo. ”Vậy chỉ còn ta để cho Chúa Nghèo gieo ruộng phước”. Phật nghĩ thế, và Ngài lấy làm hoan hỷ, vì Phật vốn thương những kẻ nghèo cùng.
Vừa khi Ngài có ý định như vậy, thì vua trời Đế Thích cảm thấy chiếc ngai vàng đang ngồi rung mạnh, “Có chuyện gì thế?” Vua trời ngẫm nghĩ, và biết chính tấm lòng thành khẩn của Chúa Nghèo ở dưới thế đã làm chấn động đến chư thiên. “Ta phải giúp Chúa Nghèo một tay để sửa soạn món ăn cúng dường Phật”. Đế Thích cùng với vợ rời thiên cung bay xuống, hóa làm hai vợ chồng nghèo đang đi tìm việc làm. Đến gần nhà Chúa Nghèo, Đế Thích

hỏi:
- Nhà có việc gì làm không? Cho chúng tôi làm với.
- Ông lão ơi! Chúng tôi có nhiều việc làm lắm, nhưng thú thật là chúng tôi không có tiền để trả công ông lão.
- Bạn làm gì thế?
- Chúng tôi làm thức ăn cúng dường vị Tỳ kheo.
- Ồ, việc phước ấy thì tôi cũng muốn hùn. Tôi không cần trả công đâu.
- Tốt lắm. Vậy lão hãy giúp chúng tôi. Xin vâng.
Rồi hai vợ chồng Đế Thích bước vào nhà, Đế Thích bảo:
- Bây giờ, để chúng tôi làm thức ăn cho. Bạn hãy đi thỉnh vị Tỳ kheo của bạn đi.
Chúa Nghèo đi đến vị phổ khuyến hôm qua. Y bảo:
- Ồ bạn! Tôi quên bẵng. Không còn vị Tỳ kheo nào cho bạn thỉnh vì tất cả đều nhận lời các nhà khác rồi.
Không thể nào tả nỗi tuyệt vọng lớn lao của Chúa Nghèo lúc ấy. Chúa Nghèo đấm ngực, lăn ra mà khóc.
- Trời đất ơi! Bạn hại tôi rồi! Suốt hai hôm nay, chúng tôi làm việc tối mắt tắt đèn để chờ đợi bữa trưa nay cúng dường một vị Tỳ kheo! Vậy mà bây giờ bạn bảo không còn vị nào! Bạn phải cho tôi một vị Tỳ kheo! Không thì tôi chết mất. Hu hu.
Quần chúng bu lại xem đông. Người kia bối rối năn nỉ:
- Nầy Chúa Nghèo, xin Chúa Nghèo đừng làm tội tôi nữa. Tôi lỡ mà. Chúa Nghèo tha cho tôi đi.
- Không biết! Phải cho tôi một vị Tỳ kheo! Hu hu, hu hu.
Túng quá, người kia đánh bạo đề nghị:
- Thôi chúa Nghèo hãy đứng dậy, tôi bày cho một cách nầy. Đấng Đạo sư chưa nhận lời của ai, vì rất đông vua chúa đại thần đều muốn thỉnh Ngài. Vậy bạn hãy đến thỉnh Ngài đi. Ngài rất thương những người nghèo chắc Ngài sẽ nhận lời bạn đấy. Ngài đang ngồi trong tịnh xá nói pháp cho các bậc thượng khách nghe.
Chúa nghèo nghe lời, đứng lên đi đến tịnh xá. Vua và đình thần đang nghe pháp, thấy Chúa Nghèo tiến tới thì ngăn lại (vì họ tưởng Chúa Nghèo đến xin đồ ăn thừa):
- Chúa Nghèo, chưa đến giờ ăn đâu.
- Tôi biết. Tôi đi thỉnh Phật về nhà tôi thọ trai.
Đức Phật mỉm cười, chìa cái bình bát của Ngài ra, trao cho Chúa Nghèo một cách thân mật. Chúa Nghèo ôm lấy bình bát của Phật vào lòng, mặt mày hớn hở như đứa bé vừa được kẹo. Các ông Hoàng và đại thần chạy theo đề nghị:
- Chúa Nghèo, hãy nhường cái bát ấy cho ta cúng thức ăn cho Phật. Ta sẽ cho Chúa nghèo 1000 đồng.

Chúa Nghèo trân trọng ôm bình bát của Phật về nhà để bày thức ăn. Vua đang ngồi gần Phật ngẫm nghĩ: "Lão Chúa Nghèo chắc chẳng có gì ngon lành mà cúng dường Đức Thế Tôn đâu. Chi bằng ta sắm sẵn các thức ăn thượng vị đựng trong một cái bát khác, chờ khi Chúa Nghèo dâng lên Phật ta sẽ đổi thức ăn của ta cho Phật dùng.
Đến giờ thọ thực, Phật Ca Diếp đến nhà chúa Nghèo. Vua đi theo ý định như trên. Nhưng khi Phật vào nhà Chúa Nghèo. Đế Thích hóa trang để dâng Phật một bát đầy thức ăn mùi thơm bay khắp không gian. Vua bẻn lẻn cáo từ Phật trở về.
Do phước báo cúng dường Phật Ca Diếp, Chúa Nghèo được sanh lên cõi trời cho đến khi Phật Thích Ca ra đời mới trở xuống trần thế, sanh vào nhà một thí chủ thân tín của Ngài Xá Lợi Phất. Khi mang thai Chúa Nghèo, người mẹ bỗng thông minh khác thường, những người trong gia đình ai có bệnh tật gì đều được khỏi và trở nên thông tuệ. Do đó hài nhi được Tôn Giả Xá Lợi Phất đặt tên là Hiền Trí. Khi lên 7, Hiền Trí xin mẹ xuất gia làm đệ tử Tôn giả.
Tôn giả dạy cho chú tiểu những uy nghi phép tắc phải theo trước khi đưa chú vào thành khất thực. Lần đầu tiên ôm bát theo hầu thầy ra đường, chú hỏi Ngài khi thấy một con đê:
- Bạch Tôn giả, cái kia là cái gì?
- Chú tiểu, đấy là một con đê.
- Bạch Tôn giả, con đê dùng để làm gì?
- Để dẫn nước đi khắp nơi nào người ta muốn.
- Nhưng bạch Tôn giả, nước có hiểu biết gì không?
- Không đâu, chú tiểu. Nước là vật vô tri giác.
- Bạch Tôn giả, thế thì người ta có thể hướng dẫn một vật vô tri giác đến bất cứ chỗ nào người ta muốn hay sao?
- Chính vậy, chú tiểu.
- Hiền Trí nghĩ: "Nếu người ta có thể hướng dẫn một vật vô tri tùy theo ý muốn thì tại sao ta lại không thể nhiếp phục theo tâm ý mình để chứng A La Hán quả?"
Đi thêm một quãng, chú thấy những người làm tên, đang hơ những cây tên trên lửa, và nheo mắt, nhằm để uốn chúng cho thẳng. Chú tiểu hỏi:
- Bạch Tôn giả họ làm chi vậy?
- Họ đang uốn những cây tên cho thật thẳng.
- Cây tên có lý trí không?
- Không nó là vật vô tri.
Chú tiểu nghĩ: "Nếu người ta có thể uốn nắn một vật vô tri cho thẳng theo ý muốn, thì ta cũng có thể nỗ lực điều phục tâm ý để chứng quả A La Hán."
Một lát sau, hai thầy trò gặp những người thợ mộc đang đẽo bánh xe, chú lại

hỏi:
- Bạch Tôn giả, họ làm gì thế?
- Đây là thợ mộc đang đẽo bánh xe.
- Bánh xe có lý trí không?
- Không, bánh xe chỉ chạy theo ý người muốn.
Khi ấy chú tiểu trao y bát cho thầy và bạch:
- Bạch Tôn giả, con muốn trở về.
Tôn giả Xá Lợi Phất không nói một lời đỡ lấy y bát trên tay chú tiểu. Chú tiểu vái chào thầy xong còn quay đầu lại dặn Tôn giả:
- Bạch Tôn giả, khi nào Ngài đem thức ăn về cho con, xin Ngài chia cho con một cá vàng ngon nhất ấy.
- Ở đâu ta có thể kiếm được thứ ấy, chú tiểu?
- Bạch Tôn giả nếu Ngài không thể kiếm được nhờ phước đức của Ngài, thì Ngài cũng sẽ kiếm được do phước đức của con.
Tôn giả Xá Lợi Phất vốn cẩn thận, Ngài sợ chú tiểu ngủ ngoài trời có thể bị rắn cắn, hay sâu bọ đốt, bởi thế Ngài dặn dò chú tiểu và bảo:
- Hãy mở cửa tịnh thất của ta mà vào.
Chú tiểu vâng lời. Vào phòng Tôn giả, chú bắt đầu tỉnh tọa thiền quán. Khi ấy Đế Thích ở trên trời cảm thấy chiếc ngai vàng rung động, và nhận ra rằng chú tiểu Hiền Trí đang ngồi thiền, quyết chứng quả A La Hán trong ngày đó, nên Ngài muốn giúp chú một tay. Ngài bảo thần mặt trời phải đi chậm lại, kéo dài buổi sáng ra trọn ngày, và sắc cho Tứ Thiên vương đứng gác bốn góc chùa, đuổi hết chim chóc ra khỏi vườn đừng gây tiếng động. Do đó, tịnh xá Cấp Cô Độc trở nên yên tĩnh lạ thường. Thỉnh thoảng mới có một âm thanh rất nhỏ gây nên bởi một chiếc lá vàng lìa cành rơi xuống.
Trong khi ấy, Tôn giả Xá Lợi Phất vào nhà người thí chủ quen biết để khất thực. Gia chủ vừa mua về một mớ cá đỏ nấu nướng xong đem đặt vào bát Ngài. Tôn giả định đem về cho chú tiểu như lời chú tiểu dặn nhưng gia chủ xin thỉnh Tôn Giả cứ dùng, sẽ còn phần khác để Tôn giả đem về. Tôn giả ngồi lại thọ thực.
Đúng lúc ấy, từ tư thất của Ngài, đức Đạo Sư quan sát bằng Phật nhãn thanh tịnh, thấy chú tiểu có thể chứng quả A La Hán trong vài giờ nữa. Nhưng nếu Tôn giả Xá Lợi Phất mà về lúc nầy, đem thức ăn vào phòng cho chú tiểu thì lỡ mất dịp đắc quả của chú. Do đó, Đức Phật quyết định đi đến tịnh thất của Tôn giả để đón đường. Vừa khi Tôn giả trở về, Ngài gặp ngay đức Đạo Sư đứng trước cửa. Tôn giả thi lễ, đức Đạo Sư hỏi vị thông tuệ của Ngài về một số câu hỏi trong luận tạng, chỉ cốt kéo dài thời gian cho chú tiểu có thể đắc quả. Khi biết Hiền Trí đã chứng quả, Ngài bảo Tôn giả Xá Lợi Phất:
- Bây giờ, nầy Xá Lợi Phất, hãy đem thức ăn vào cho chú tiểu Hiền Trí đi.
Tôn giả gõ cửa. Chú tiểu bước ra đỡ lấy bát trên tay Ngài đặt xuống một nơi,

rồi bắt đầu quạt cho Ngài. Tôn giả bảo:
- Nầy chú hãy ăn sáng đi.
- Bạch Tôn giả, còn Tôn giả thì sao?
- Ta đã ăn rồi.
Khi ấy, chú tiểu mới ngồi xuống quán tưởng năm điều rồi thọ thực. Khi chú đã ăn xong, rửa bát và dọn dẹp xong, thì mọi sự mới trở lại bình thường. Mặt trời bắt đầu lặn, trăng từ từ lên, Tứ thiên vương hết canh gác bốn góc chùa. Đế Thích trở về thiên cung ngồi vào chiếc ngai vàng thường lệ. Chúng Tỳ kheo bảo nhau:
- Thật kỳ lạ! Hôm nay buổi sáng hầu như dài suốt cả ngày, mà buổi chiều lại ngắn có một khoảnh khắc. Tại sao thế nhỉ?
Đức Đạo Sư giải thích:
- Đúng thế, nầy các Tỳ kheo, chính vì chú tiểu 7 tuổi kia phát tâm chứng quả A La Hán, mà tất cả trời Đế Thích, Tứ Thiên Vương, thần mặt trời, thần mặt trăng đều hỗ trợ cho công việc của chú ấy. Và để canh chừng, chính Như Lai cũng đã phải bỏ cả thời giờ nghỉ ngơi, để giúp cho chú bé - nhân quán sát con đê dẫn nước, thợ làm tên, người làm bánh xe, mà quyết tâm nỗ lực thiền định để chứng quả.
"Người đào đê dẫn nước. Người làm tên uốn tên
Thợ mộc đẽo gỗ, còn người trí thì lo điều phục tâm mình"
(Pháp cú 80)
Thích Nữ Trí Hải
"Không ai làm cho anh cao thượng, cũng không ai làm cho anh thấp hèn, mà chỉ có những hành động của anh làm cho anh cao thượng hay thấp hèn mà thôi".

Nhờ nghe Phật pháp khỏi phải tự thiêu

Xưa kia tại nước Bùi Phiến Xá, có một người đàn bà tên Đề Vi, dòng Bà La Môn. Nhà rất giàu, chồng chết không con, phải ở góa một mình không người che chở. Theo phép Bà La Môn, những ai sống không được như ý thì nên tự thiêu.
Các vị Bà La Môn liền đến khuyến hóa nàng Đề Vi nên tự thiêu để được sanh lên cõi trời Na La Diên, lại nên thỉnh cho đủ 100 vị Bà La Môn để thiết đại hội cúng dường và đem trâu bò của cải bảo vật cúng dường cho 500 Bà La Môn, rồi đem củi chất lên làm một dàn hỏa để tự thiêu trên bờ sông Hằng.
Các vị Bà La Môn sẽ chú nguyện cho nàng tiêu trừ tất cả tội lỗi nặng nhẹ, để đời sau được sống trong gia đình đông đúc, thọ mạng vô lượng và sung sướng không cùng. Nàng Đề Vi nhất thiết nghe theo và cho dựng một dàn

củi để tự thiêu.
Lúc bấy giờ có vị Sa Môn hiệu là Biện Tài, giữ giới học rộng, thường lấy từ tâm giáo hóa chúng sanh làm lành tránh dữ rất nhiều. Khi Ngài được tin nàng Đề Vi muốn tự thiêu, liền đến hỏi:
- Nàng dùng dàn củi để làm gì?
Nàng Đề Vi thưa:
- Tôi muốn tự thiêu để diệt trừ những tội chướng đã tạo nên.
Ngài Biện Tài nói:
- Những tội chướng gây ra luôn luôn tùy theo tâm thức, đâu có thuộc về thân thể. Nay nàng thiêu thân làm sao diệt tội được. Vả lại, tội phước theo tâm mà sanh, tâm niệm pháp lành thời quả báo lành, tâm niệm pháp dữ thì quả báo dữ. Trong khi tự thiêu đốt, thế nào tâm cũng sanh đau khổ áo não, thời làm sao trông mong diệt được tột được quả báo lành. Về lý, chắc nàng khó hiểu, nay tôi đem một vài ví dụ cho nàng rõ. Như có người đau bệnh khổ não, lại bị một người mắng chửi đánh đập, người bệnh có thể giữ thiện tâm không sầu não chăng? Nàng nay cũng vậy. Vì muốn diệt tội thân trước, nên thiêu thân. Trong khi lửa đốt thân thể thì đau đớn vô cùng, tâm sanh khổ não đến lúc mạng chung liền sanh vào cõi địa ngục, chịu khổ lại kịch liệt gấp trăm ngàn vạn lần.
Lại ví dụ như con bò kéo xe, vì ghét kéo xe nên đạp cổ xe đi. Nhưng nếu cỗ xe trước bị hư thì cỗ xe thứ hai sẽ được thay vào, làm sao tránh thoát được. Nghiệp tội của nàng chưa hết, nếu có đốt trăm ngàn thân cũng không bao giờ xa lìa. Vả lại, nhhững nghiệp tội ở A tỳ địa ngục, phải tám vạn lần chết, tám vạn lần sống, trọn hơn một kiếp mới trừ diệt tội. Nay nàng chẳng qua thiêu thân chỉ có một lần, làm sao hết tội được.
Nàng Đề Vi thưa:
- Xin Ngài giảng cho con nghe, phương pháp diệt trừ tội lỗi.
Ngài Biện Tài đáp:
- Tâm trước tạo ác, như mây che mặt trăng. Tâm sau khởi niệm lành, như ngọn đuốc trừ tối tăm. Nguồn gốc nghiệp tội do thân, khẩu, ý nghiệp tạo các nghiệp hành. Nàng nay chân thành sám hối, cải tà quy chánh, xả thân thọ thân, chí thành Phật đạo.
Sau đó Ngài Biện Tài đem pháp Thập Thiện trao dạy cho nàng Đề Vi. Nàng Đề Vi hoan hỷ lãnh thọ, dâng cúng các món trân bảo và thỉnh cầu Ngài Biện Tài ở lại giáo hóa. Ngài từ tạ rằng:
- Nàng đã thọ lãnh phép Thập Thiện đó là pháp thí, nàng nên đem mà dạy bảo mọi người. Đó là chính cách đáp ân thiết thực nhất nàng đã được độ, tôi không cần lưu lại làm gì. Tôi còn phải đi giáo hóa nơi khác, và xin trả lại các món trân bảo cúng dường. Vì người tu hành không bao giờ dùng những đồ vật quý báu. . .

Minh Châu
"Ai biết sửa đổi lỗi lầm thì người ấy được tiến hóa trong giáo pháp của Như Lai."

Ông sư Huyền Trân

Xưa ở chùa Quang Minh, làng Hậu Bổng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, có một vị sư tên Huyền Trân, tu đắc đạo.
Một đêm, nằm thấy Phật Di Đà báo mộng rằng:
- Nhà ngươi tu hành có công đức, trời Phật độ cho kiếp sau được làm vua nước Tàu.
Nhà sư thức dậy lấy làm kỳ dị, gọi các đạo tràng bảo rằng:
- Đêm, Thầy thấy mộng lạ, đến khi Thầy chết hãy lấy bút son mà viết trên vai Thầy mười chữ rằng: "Nhà sư tu ở chùa Quang Minh, nước An Nam ", rồi đem thiêu đừng có chôn!
Khi vị sư chết, tuổi đã chín mươi, các đạo tràng làm theo như lời dặn trước.
Đời vua Hoàng Định, nhà Lê, ông tiến sĩ tên là Nguyễn Tự Huyện sang cống vua Khang Hy nước Tàu, vua Khang Hy phán hỏi:
- Ngươi có biết chùa Quang Minh, ở nước An Nam, thuộc về tỉnh nào?
Ông ấy tâu rằng:
- Muôn tâu bệ hạ, hạ thần chỉ biết chùa Quỳnh Lâm, chùa Thiên Phúc, còn chùa Quang Minh thì thần không rõ.
Vua nói rằng:
- Khi Trẫm giáng sinh, ở trên vai có mười chữ son, hẳn là kiếp trước Trẫm tu ở chùa ấy. Nay Trẫm muốn bỏ những chữ ấy đi, mà không phép nào rửa sạch.
Ông ấy tâu lại rằng:
- Dám xin có phải thế, thì lấy nước giếng chùa ấy mới rửa được.
Vua dặn rằng:
- Thế thì khi về, người tâu với vua Lê cho đi tìm, lấy hộ Trẫm nước giếng ấy.
Ông Nguyễn Tự Huyền về tâu lại với vua Lê như thế. Rồi ông tìm đến chùa Quang Minh, lấy một vò nước đem sang Tàu, dâng vua Khang Hy. Vua Khang Hy lấy nước ấy rửa, thì những chữ son đi ngay. Nhà vua mừng lắm, mới đưa cho ông ta ba trăm lạng vàng, nhờ đem về tu bổ chùa Quang Minh cho lịch sự.
Nguyễn Bình
Truyện cổ tích Việt Nam
"Làm sao hiểu được luân hồi,
Rõ thân kiếp trước, biết nơi sau về?"

Nguyễn Minh Không

Nguyễn Minh Không người làng Đàm Xá, phủ Tràng An (Nam Định) tên là Nguyễn Chí Thành. Lúc nhỏ đi học, xảy gặp Từ Đạo Hạnh, mới theo học đạo Đạo Hạnh hơn 40 năm. Đạo Hạnh khen là người có chí, cho ấn quyết và đổi tên là Minh Không Thiền sư, cho ở riêng một chùa Quốc Thanh.
Khi Đạo Hạnh sắp hóa bảo Minh Không rằng:
- Ngày xưa Phật Thế Tôn ta, đạo quả đã tròn, mà còn có báo Kim tỏa, huống chi lâu nay phép đạo suy mòn, thì ta giữ mình làm sao cho xiết được, kiếp sau ta ở ngôi nhân chủ, chắc là không khỏi bệnh lạ, ngươi nên nghĩ nghĩa thầy trò, đến bấy giờ hãy cứu cho ta.
Đến khi Đạo Hạnh hóa rồi, Minh Không trở về quê nhà, cày cấy làm ăn, trụ trì hơn 20 năm, không cần tiếng tăm với đời.
Năm Thiên Chương Bảo Tự thứ tư đời vua Thần Tôn(1136). Vua bỗng sanh ra một bệnh dị kỳ, thuốc chữa thế nào cũng không khỏi tinh thần phiến loạn, tiếng gào thét kinh người (tục truyền vua hóa hổ). Các thầy thuốc, có hằng nghìn muôn người, nhưng không ai biết chữa bằng cách nào cả.
Minh Không nghe tin là vậy, mới chống gậy đến các chỗ trẻ con chơi, cho chúng ăn quà và dạy chúng nó hát rằng:
- "Tập tành vông, có ông Nguyễn Minh Không chữa được Hoàng Thái tử".
Dần dần đám trẻ nào cũng hát câu ấy, tiếng đồn đến triều đình. Triều đình sai sứ đi hỏi thăm, mà tìm được Minh Không. Minh Không thấy sứ giả đến triệu mình, mới thổi một nồi cơm con, cho bọn chèo thuyền cùng ăn.
Sứ giả nói rằng:
- Bọn chèo thuyền đông lắm, có một niêu cơm con thế kia, thì ăn làm sao?
Minh Không nói:
- Hãy cứ ăn đi, lúc nào thiếu sẽ hay.
Minh Không mới sai dỡ cơm ra rá, thì càng dỡ càng nhiều,
hàng mấy trăm người ăn mà vẫn không hết. Chúng càng ngạc nhiên lấy làm lạ. Đến lúc ăn xong, Minh Không bảo các quân chở thuyền rằng:
- Các anh hãy ngủ đi một lát, đợi lúc nào có nước chảy thủy triều lên sẽ đi.
Chúng nghe lời nằm ngủ cả trong thuyền, một lát tỉnh dậy thì thuyền đã ngược đến kinh đô rồi, ai nấy đều mừng rỡ cho là phép tài.
Minh Không đến kinh, các thầy thuốc cùng các phù thủy đang túc trực cả trên điện, mỗi người dùng một cách chữa bệnh cho vua, mà vẫn chưa thấy kiến hiệu.
Trông thấy Minh Không đến, ăn mặc quê mùa cộc kệch, dân chúng ai cũng khinh bỉ không thèm chào hỏi đến. Minh Không lấy một cái đinh dài độ năm, sáu tấc, đóng lên trên cột nói to lên rằng:

- Hễ ai rút được cây đinh này ra, thì mới chữa được Hoàng đế.
Nói hai, ba câu, không ai thèm trả lời, Minh Không mới lấy hai ngón tay trái nhổ ra, cái đinh ấy bật ngay.
Minh Không đến tận trước mặt vua thét to lên rằng:
- Đại trượng phu đã phú quý mà làm đến Thiên tử, sao lại còn cuồng loạn như thế?
Vua sợ hãi run lật bật, Minh Không sai lấy cái vạc to, đổ nước hòa thuốc vào đun lên, đun sôi một trăm lần, Minh Không ra tắm cho vua, tắm xong thì vua khỏi bệnh.
Vua khỏi rồi, phong Minh Không làm quốc sư, thưởng cho vài nóc nhà lấy thuế mà ăn.
Đến năm Đại Định thứ hai Minh Không mất, bấy giờ đã 76 tuổi, Minh Không mất rồi thiêng lắm, nhiều sự hiển linh. Phàm dân xã cầu mưa đảo nắng tất nghiệm.
Các chùa ở huyện Giao Thủy, huyện Phả Lại, đều tô tượng Minh Không để thờ cả.
Nguyễn Bình
Truyện cổ tích Việt Nam
"Các việc làm (Nghiệp) của tôi là của cải của tôi
Các việc làm của tôi là gia tài của tôi.
Các việc làm của tôi là cái thai bọc lấy tôi.
Các việc làm của tôi là hạng phái của tôi.
Các việc làm của tôi là chỗ tôi gởi thân."

Vọng phu

Khi người đang hái hoa
Lòng say mê lạc thú
Niềm vui kia chưa thỏa
Tử thần đã lôi xa
Pháp cú 48
Một buổi sáng ở thiên đường, vua trời Đế Thích đi vào Lạc viên ở cung trời 33 cùng với 1000 tiên nữ hầu hạ. Năm trăm nàng leo lên cây hái hoa tung xuống, năm trăm nàng lượm hoa kết thành tràng để trang sức cho vua trời, chồng của họ. Một nàng đang hái hoa trúng gió nặng, hồn lìa khỏi xác ngay khi ngồi trên cây. Thân thể nàng tan biến mau lẹ như hơi sương (vì là tiên nên thể xác nhẹ hơn người trần) và thần thức nhập vào thai cung của một phụ nữ thuộc hàng trưởng giả thành Xá Vệ.
Khi xuất thai và dần dần lớn thành một thiếu nữ. Nàng vẫn nhớ kiếp vừa qua của mình và mong mỏi được về cõi trời hầu hạ Đế Thích như trước. Nàng

thường đến Kỳ Viên tịnh xá Cấp Cô Độc để cúng dường Phật và chúng Tăng với một nguyện bất di bất dịch: "Mong rằng với phước đức nầy con được trở lại với chồng con". Các Tỳ kheo đều lấy làm lạ về lời nói của thiếu nữ, và đặt cho nàng một biệt hiệu là "Vọng phu".
Vọng phu tiếp tục bố thí cúng dường như vậy cho đến năm 16 tuổi, cha mẹ gả chồng cho nàng và lần hồi sinh được bốn con. Một ngày kia sau khi đến tịnh xá cúng dường Phật và chúng Tăng trở về, Vọng phu cảm thấy nhức đầu, chóng mặt, liền lên giường nằm một lát rồi trút hơi thở cuối cùng.
Thần thức nàng trở về cõi trời 33 trong khi các tiên nữ đang bận rộn kết hoa để trang hoàng cho Đế Thích. Khi vua trời thấy nàng liền hỏi:
- Sáng nay sao ta không thấy nàng, nàng đi đâu?
- Thưa thần thiếp chết giấc một hồi, rời khỏi thiên cung.
- Nàng nói cái gì thế? (Đế Thích ngạc nhiên).
- Quả thế, muôn tâu thánh thượng, thần thiếp đã chết đi một lát.
- Rồi nàng tái sanh ở đâu?
- Tâu, ở một gia đình trong Xá vệ.
- Nàng ở đấy bao lâu?
- Sau mười tháng ở trong thai, thần thiếp ra khỏi thai mẹ. Khi lên 16 tuổi thần thiếp được gả chồng, có 4 con. Thần thiếp đã tu phước và bố thí liên miên, ước nguyện được trở về thiên cung sum họp với thánh thượng.
- Đời sống của con người dài bao lâu?
- Tâu thánh thượng, chỉ có 100 năm thôi ạ?
- Ôi ngắn thế kia ư?
- Dạ, tâu thánh thượng.
- Nếu đời sống con người ngắn ngủi như vậy, thì chúng ta không làm được cái gì? Chắc chúng phải tạo phước lành gấp lắm?
- Dạ không, trái lại, tâu thánh thượng, con người ở dưới ấy vẫn mê ngủ, buông lung, bê tha làm như chúng sẽ sống mãi hoài, làm như chúng sẽ không bao giờ chết.
Vua trời nghe xong, buồn rầu bảo:
- Nếu như lời nàng nói, con người chỉ sống có 100 năm mà lại mê ngủ, buông lung, bê tha thì biết bao giờ chúng mới giải thoát khỏi khổ?
Ngày hôm sau ở Xá Vệ khi chúng Tỳ kheo vào làng đến chỗ thường lệ vẫn được nàng Vọng phu tiếp đón, thì thấy lạnh ngắt như tờ. Không có chỗ ngồi, nước uống được xếp đặt như mọi khi. Họ hỏi:
- Nàng Vọng phu đâu rồi?
Dân chúng thưa:
- Bạch chư Đại đức, nàng ấy đã chết chiều qua, sau khi cúng dường trở về.
Khi ấy những vị Tỳ kheo chưa chứng quả bỗng thấy lòng buồn man mác nhớ đến những săn sóc chu đáo của người tín nữ hôm qua mới đó, mà nay đã ra

người thiên cổ. Trở về họ hỏi Phật:
- Bạch Thế Tôn, Vọng phu tạo phước cúng dường nhiều cốt để được gặp chồng. Tại sao nàng vừa mới ở với chồng chưa bao lâu, hương lửa đang nồng mà đã phải chết như vậy? Bây giờ tái sanh ở đâu?
- Nầy các Tỳ kheo, không phải Vọng phu ước được sống với chồng hiện tại của nàng đâu. Nàng vọng là vọng cái người chồng cũ của nàng trên cõi trời thứ 33 ấy, và bây giờ đã được toại nguyện. Hiện giờ nàng trở lại hầu hạ Đế Thích trong Lạc Viên. Một đời nàng trải qua dưới thế gian nầy không bằng nửa buổi sáng trên cung trời Đế Thích.
- Ồ, Bạch Thế Tôn, đời con người ngắn ngủi. Mới buổi sáng nàng ấy cúng dường thực phẩm cho chúng con, mà chiều đã nghe nàng ấy chết rồi.
- Quả thế, các Tỳ kheo, đời con người ngắn ngủi lắm. Trong khi chúng khát khao những lạc thú cõi trần mà chưa được thỏa mãn, cũng đã bị thần chết mang đi.
Thích Nữ Trí Hải
Hoa nở để mà tàn
Trăng tròn để mà khuyết
Bèo hợp để mà tan
Người gần để ly biệt.

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập III - 6

Hồ ly vượt bể mót vàng

Ngày trước, bên sườn núi có một khu sơn trang, trong đó, một ngôi chùa thờ Phật được dựng lên từ lâu lắm rồi.
Trong chùa, trừ vị sư già cỡ chừng 70 tuổi ra, không còn có ai nữa. Năm đó, sư đã trắng xóa đôi lông mày, và chòm râu phất phơ trước ngực tựa hồ chùm cước trắng. Tuy nhiên, sư vẫn mạnh khoẻ. Các công việc trong chùa như khóa tụng sớm chiều, thổi cơm, quét đất, nhặt cỏ, giặt áo, lên đèn nhang. . . nhất nhất đều do hai bàn tay sư già đảm đương cả. Các người trong sơn trang, ngày ngày đi qua sân chùa thấy sư làm lụng cực khổ đều ra ý ái ngại hỏi:
- Thưa Hòa thượng! Hòa thượng tuổi già sức yếu mà còn làm việc cực nhọc. Vậy không cảm thấy sự mệt mỏi sao? Bà con chúng tôi xin lại giúp Người

giặt giũ đây! Hoặc có việc gì khác xin cứ dạy bảo, chúng tôi nguyện tận tâm làm thay.
- Cảm tạ tấm lòng quý hóa của quí vị. Hiện bần Tăng còn có sức làm việc, khi nào sức ấy kiệt quệ, quí vị có lòng giúp đỡ, lúc đó bần tăng đâu dám từ chối. Vả chăng, sức còn khoẻ mà được phục vục công tác, cũng là một đều khoái hoạt cho tinh thần.
Hòa thượng nói xong, để hở hai hàng lợi móm phát lên một hồi cười giòn giã: Khách . . . khách. . .
Đại khái cuộc sinh hoạt hằng ngày của Hoà thượng rất là hồn nhiên vui sướng, không bợn chút phiền não ưu tư chi hết. Các người trong thôn trang gặp sự gì khó giải quyết, hoặc không thông hiểu, đều ra hỏi Hòa thượng và được Hòa thượng giải đáp một cách rành rẽ, đầy lòng từ bi hỷ xả, có khi thuận miệng, Hòa thượng còn giảng them kinh kệ và Đạo Phật cho nghe nên hầu hết gia đình ở thôn trang này đều tỏ ra cung kính tôn sùng Hòa thượng. Để biểu lộ tấm lòng ấy, họ thường mang gạo, rau tương ra chùa cúng dường. Khi nào trời mưa to, gió lớn, họ ra chùa hỏi Hòa thượng xem chùa có bị hư hoại gì không, và mái chùa có chỗ nào lủng dột?
Hòa thượng trả lời mọi người với giọng vui vẻ:
- Cảm tạ quý vị! Cảm ơn quý vị! Đêm qua nước nhỏ giọt lên trên đầu bần Tăng, lên giường bần Tăng, đại khái, trời mưa luôn ít ngày như thế này thì nhất định giường lên nấm và lúc đó tha hồ làm ăn.
Thế là mọi người cùng xúm lại lên mái chữa dột, thay chiếc rui mục nát đi và lấp các chỗ trống lại.
Nhân vị Hòa thượng là vị đạo đức, nên dù là chùa nhỏ, cảnh nghèo, mà nhân dân hết sức ủng hộ, lại kính trọng phi thường vị Hoà thượng trụ trì.
Còn vị Hòa thượng trụ trì nầy tuyệt đối không cảm thấy sự nghèo khổ là gì. Trái lại, lúc nào cũng hồn nhiên, vô tư lự, đến nổi gian chùa nhỏ nầy, giường của sư nằm, nấm cứ tự do mọc, tường chái và sân chùa, cỏ cứ tự do lên. Hòa thượng vẫn giữ nếp sống vui vẻ, từ bi tự tại.
Một năm qua, mùa đông heo hút đã đến.
Hôm đó, tuyết trắng phau nphau, chất đầy cổng mái, sân chùa, càng về chiều khí lạnh càng toát, thấu đến xương tủy. Bỗng có tiếng gõ cửa: Cách cách cách. . .
- Ai?
Hòa thượng lớn tiếng hỏi:
- Lão Hòa thượng! Lão Hòa thượng!
Ở ngoài có tiếng trả lời.
Hòa thượng lấy làm kỳ dị, tự nghĩ: “quái lạ! Đêm đông lạnh lẽo như cắt ruột thế nầy mà có ai đến gọi ta?” Tuy nhiên, chân Hòa thượng đã như chiếc máy tiến sát tới cửa.

Chiếc cửa mở ra, ngờ đâu chú hồ ly đang ngồi thu hình vào khe tường, ngoài trời, những tràng gió bấc vù vù thổi tới, đập vào cánh cổng ầm ầm. Khí lạnh thấu xương, chú hồ này toàn thân run lên lẩy bẩy, thật là run như cầy sấy!
- Té ra là mi, tội nghiệp! Đêm hôm giá lạnh tới đây làm gì? Hay là có chi cần đến bần Tăng này chăng? (Hòa thượng xúc cảnh sanh tình mà phát lên lời này, chứ ai chẳng biết rằng loài vật đâu có biết nghe tiếng người)
Nhưng thật lạ lùng! Hồ ly này biết nghe và nói tiếng người nữa. Nó nghe Hòa thượng nói xong, liền quỳ xuống sát đất thưa với Hòa thượng:
- Lão Hòa thượng! Hòa thượng không nhận con ra sao? Con ở ngay phía sau núi này, hiện nay tuổi mỗi năm mỗi già, thân thể gầy ốm, không chịu nổi được sức rét của trời đông này ở trong hang, nên con đến đây trông ơn Hòa thượng từ bi cứu khổ, cho con được vào trú tạm thời đêm nay và đốt lửa hông cho đỡ rét, phổng có được không?
- Được, được. Vào đi!
Vị Hòa thượng từ bi này đưa hồ ly vào bếp, lấy luôn củi nhóm lửa cho hồ ly sưởi, và bảo hồ ly:
- Củi này của đồng bào thôn trang đem ra cho bần Tăng chuẩn bị mùa đông ngay từ khi trời thu mới bắt đầu. Nhưng bần Tăng nghĩ rằng sưởi một mình thì phí quá, nếu là hai người thì số củi cũng chỉ tốn như thế mà thôi. Vậy hồ ly đừng e ngại, lần sau cứ lại đây sưởi chung với bần Tăng nhé!
Hồ ly nghe câu này, cũng cảm tạ lòng thương người của Hòa thượng, thì gật đầu lia lịa.
Hòa thượng lại hỏi hồ ly:
- Xưa nay bụng đói làm tăng cơn rét. Chắc rằng hồ ly đói lắm phải không? Đây bần Tăng còn cơm, bần Tăng đem ra cho hồ ly ăn, nghe không? Nói rồi, Hòa thượng lấy ra một bát cơm lớn đưa hồ ly.
Hồ ly đỡ lấy cơm, nét hoan hỷ lộ ra ngoài mắt, làm chiếc đuôi ngoe nguẩy lên trời, và chỉ nháy mắt, bát cơm to lớn đã trút hết vào bụng chỉ còn trơ lại chiếc bát.
Cơm no, sưởi ấm, hồ ly dần dần trở lại trạng thái bình thường, tưởng đến giấc ngủ ngon liền từ biệt Hòa thượng mà về hang của mình.
Hòa thượng tươi nét mặt đáp:
- Hồ ly có tánh quen ngủ trong hang, bần Tăng cũng chẳng cần giữ lại ở đây. Duy tiết trời kỳ nầy lạnh lắm, vậy thường lại đây mà sưởi ấm nhé!
Từ hôm đó trở đi, chiều nào hồ ly cũng lại chùa sưởi ấm với Hòa thượng. Có một chiều nọ, hồ ly lụm cụm vác một cây củi lớn trên lưng đem lại đưa Hòa thượng.
Hòa thượng cười, khuyên:
- Hồ ly! Bần Tăng khen trí thức hồ ly mỗi ngày một mở mang, đã biết nhặt cây khô đem lại sưởi ấm, bần tăng rất cảm ơn. Tuy nhiên, hồ ly nên để ý chớ

bẻ bậy cây cối của người. Người ta đánh chết đấy!
Chẳng bao lâu xuân tàn xuân tới, những mảng tuyết trắng phau chất đầy ngọn núi đã tan hết, để lộ cành cây trơ trụi đã bắt đầu lú nhú mầm non. Khí tiết cũng đổi thay với một ôn độ ấm áp như trả sự bình thường về cho vạn vật.
Một buổi chiều nọ, hồ ly gập mình xuống đất nói với Hòa thượng:
- Lão Hòa thượng! Con được bóng từ bi che chở, nếu không thì đã chết rét ngay từ đêm mùa đông vừa rồi! Cái ân ấy to tát lắm thay, con chưa biết gì báo đáp. Vậy xin Hòa thượng có cần chi, nói cho con biết, để con tận lực làm theo ý muốn của Hòa thượng.
- Không, không, hồ ly không cần để tâm điều đó làm gì! bần tăng hiện nay, không cần chi hết.
Hồ ly từ tạ trở ra, nhưng trong lòng vẫn thắc mắc phải có dịp báo đáp được ân tình của Hòa thượng đã ban cho mới thôi, mặc dầu Hòa thượng có nói là không cần đến.
Qua mấy hôm sau, hồ ly lại đến. Trong lúc vui chuyện, Hòa thượng bất giác buột miệng than thở với Hồ Ly:
- Bần Tăng trụ trì ở ngôi nhà nhỏ bé này đã 60 năm nay, đội ơn từ bi của Phật Tổ, và nhờ thôn trang ủng hộ. Nhưng 60 năm, ngôi chùa đã dần dần hư hoại, cần phải sửa chữa, tượng Phật cũng cần phải thếp lại. Bần Tăng nghĩ rằng, trong đời bần Tăng còn sống đây, thế nào cũng phải lo sửa chùa, tô tượng, và mời thôn trang lại thọ trai một bữa để tỏ tình cảm tạ mới hả lòng này.
- Thế sao Hòa thượng không khởi sự ngay đi?
Hồ ly ngây thơ hỏi:
- Cái đó phải đợi lúc nào trong tay có được vài lượng vàng mới nói chuyện khởi sự được. Còn bây giờ, dù có nghĩ, cũng chỉ là không tưởng mà thôi!
Hòa thượng nói đây, chỉ là rỗi rãi bàn chơi, không ngờ hồ ly cúi đầu trầm trầm tỉnh tỉnh nghe Hòa thượng nói hầu như ngây ra không còn cử động, khiến cho Hòa thượng rất hối hận cho lời nói của mình, muốn đánh lảng sang chuyện khác, nhưng hồ ly vội vàng cáo biệt.
- Hòa thượng! Con cần phải về, xin hẹn một buổi khác sẽ lại. Kính chào Hòa thượng.
Mấy ngày sau, không thấy hồ ly tới chùa.
Hòa thượng trong lòng nghĩ: "có lẽ trời đã ấm, không cần sưởi nữa, nên hắn không lại, nhưng nếu quả vì đó mà hắn không lại thì cũng là thường, chuyện vài lượng vàng mà ta vô tình buột miệng nói ra, khiến hắn không kiếm được mà mắc cỡ không dám lại thì đó cũng là thường; không đáng quan tâm. Ta chỉ sợ, hắn đi ăn trộm ăn cắp vàng của người khác, rồi bị đánh chết thì mới là tội nghiệp quá."

Vị Hòa thượng từ bi nầy nghĩ như thế thì trong lòng nổi lên hối hận, yên trí hồ ly không còn sống ở cõi đời nầy nữa, nên cứ sớm chiều hai buổi gắng sức tụng kinh, niệm Phật cầu cho Hồ ly kiếp sau không phải đọa vào loài súc sinh, mà được chuyển sang làm người.
Thời gian thấm thoát như nước chảy dưới cầu.
Chớp mắt trôi qua đã ba năm có lẽ. Vị Hòa thượng cũng đã tám, chín mươi tuổi và vẫn trụ trì ở chùa nầy.
Một buổi mùa hạ, vào khoảng đêm lặng canh tàn, vừng trăng ngà treo lơ lửng trên không, tỏa ánh êm dịu xuống khắp khu chùa. Trong bờ lau, bụi cỏ, các côn trùng đang cùng nhau hòa khúc nhạc du dương, Hòa thượng toan đi nằm, thì ngoài cổng bỗng có tiếng gõ và tiếng gọi:
- Lão Hòa thượng! Lão Hòa thượng!
Hòa thượng lắng nghe, trong đêm im lặng, rõ là tiếng hồ ly, liền mau ra mở cửa.
- À! Hòa thượng như trút được mối ưu tư trong mấy năm trường, quả nhiên là hồ ly! Thế ra hồ ly vẫn còn sống?
- Mừng quá! Mừng quá! Mau vào đây!
Hòa thượng vuốt đầu hồ ly, cả hai cùng rươm rướm mắt cảm động về sự lâu ngày cách biệt, nay bỗng trùng phùng.
Hồ ly cầm tay Hoa thượng rồi đặt vào lòng bàn tay một thỏi vàng.
Hòa thượng ngac nhiên, hỏi Hồ ly:
- Cái gì đây? Làm sao mà có được của này? Hồ ly đem ngay đi nơi khác, đâu trả về đấy, chớ có tham lam phải tội!
Hồ ly đặt thoi vàng xuống giường từ tốn giải bày:
- Ba năm trước đây, Hòa thượng có còn nhớ câu chuyện cần vài lượng vàng để sửa chùa, tô tượng, cùng thiết cơm chay không? Từ đó đệ tử vốn có ý niệm đi lấy trộm của người đem về cúng dường, nhưng nghĩ rằng Lão Hòa thượng là một vị cao Tăng đạo đức, đâu chịu nhận như thế, nên con phải rút lui ý đó, mà theo người ta vượt qua bể sang đảo Kim Sa, ở đấy có mỏ vàng nhân dân đang khai mỏ lấy vàng, nhưng dù sao vẫn còn tí chút vàng rơi vải lẫn vào cát, con liền cố công nhặt kỹ luôn trong ba năm, được một số ngần nầy đây, con đốt củi nung cho vàng chảy liền với nhau và đem về cúng dường Hòa thượng để khởi sự sửa chùa, tô tượng, thiết trai như ý Hòa thượng mong mỏi.
Hồ ly nói xong, nhặt thoi vàng đặt vào lòng bàn tay Hòa thượng.
Hòa thượng quá cảm động, bất giác ứa lệ, không phải ứa lệ vì mừng được vàng, mà ứa lệ thấy hồ ly có tín tâm, không quản ngàn dặm, vượt bể mót vàng luôn trong ba năm biết bao là lao khổ, biết bao là bền gan nhẫn chí, thật là cái tinh thần ấy, cái nghị lực ấy, cái tín ngưỡng sắt đá ấy mới khiến cho Hòa thượng nhỏ lệ, và cứ để thoi vàng đặt trên lòng bàn tay run run như thế

mãi hàng giờ không hạ xuống.
Phạm ngọc khuê
"Con người không phải là một vị Thánh, cũng không phải là một con thú, nhưng là cả hai. Vậy thì con thú cũng có thể là Người, cũng có thể là Thánh."

Trư hòa thượng

Ngày xưa, ở một ngôi chùa nọ, vị thiền sư trụ trì nuôi một con heo lâu năm. Tuổi heo xấp xỉ tuổi đạo của nhà sư, và cả đại chúng kể từ vị tri sự tăng trở xuống đều phải nhường heo về phía cạnh thâm niên nọ.
Do đó vị trụ trì đặc cho heo một biệt danh là Trư hòa thượng. Trư hòa thượng chỉ việc ăn, nằm và bài tiết (để lấy phân bón cho vườn chùa) nên rất mập mạp, đến không ngồi dậy nổi. Tuy nhiên mỗi khi tiếng hồng chung của nhà chùa vang lên vào chiều tối hoặc canh khuya, Trư hòa thượng đều cố ngốc đầu dậy một cách mệt mỏi. Nhân đấy mà thiền sư rất yêu mến Trư hòa thượng chỉ cho chúng xem, bảo:
- Các con thấy đó, loài súc sanh cũng có Phật tánh, chớ khinh thường.
Một hôm thiền sư có việc phải đi xa vài hôm. Ngài cho hợp chúng căn dặn:
- Trong khi tôi đi vắng, lỡ Trư hòa thượng có viên tịch, thì các ông hãy cắt thịt, chia cho láng giềng mỗi nhà một miếng. Hãy nhớ làm theo lời dặn của tôi.
Đại chúng lấy làm quái dị về lời dặn của Thầy, nhưng không dám hỏi, cứ vâng dạ lãnh tôn ý. Có lẽ họ nghĩ rằng Thầy quá lo xa, Trư hòa thượng không bệnh hoạn gì chưa chắc đến nỗi chết.
Nhưng ngờ đâu Thầy vừa đi vắng một hôm, thì Trư hòa thượng ngã lăn ra chết. Đại chúng bây giờ thật khó xử nếu làm theo lời Thầy dặn thì sợ đời dị nghị, nhất là trong khi vắng Thầy. Lỡ người ta nghi chúng Tăng nhân Thầy không có nhà đã làm thịt con heo, rồi ăn không hết mà đem biếu thì sao? Thầy tri sự sau khi hội ý toàn thể đại chúng, quyết định đem mai táng Trư hòa thượng sau vườn chùa, rồi Thầy về sẽ sám hối sau.
Khi thiền sư trở về, hỏi ra mới biết chúng không làm theo lời Ngài dạy:
- Thế là các ông làm lỡ việc của ta rồi.
Khi đại chúng thưa hỏi, Ngài kể:
- Trư hòa thượng chỉ còn một kiếp cuối cùng là được giải thoát. Trong kiếp cuối ấy, Trư hòa thượng phải chết vì nạn "loạn đao phân thây". Nhờ có túc duyên mà Trư hòa thượng được thoát nghiệp ấy trong lúc sống, nhưng định nghiệp không thể không trả. Do đó mà ta muốn giúp Trư hòa thượng trả xong định nghiệp bằng cách phân thây ông ta sau khi chết. Được vậy khỏi thọ sanh kiếp khác. Nhưng bây giờ gì các ông không làm theo lời ta, Trư hòa

thượng sẽ phải luân hồi trở lại để trả cho xong định nghiệp.
Đại chúng nghe lời Thầy dạy đều lấy làm hối hận. Đại sư an ủi:
- Không hề gì, rồi đây các ông còn duyên gặp lại Trư hòa thượng.
Thời gian trôi qua nhanh chóng. Thấm thoát đã hơn 20 năm kể từ ngày Trư hòa thượng viên tịch. Một hôm, vị trụ trì mới, đệ tử trưởng kế vị thiền sư sau khi Ngài viên tịch, tiếp đón một vị quan huyện trẻ tuổi vừa tới nhậm chức tại địa phận chùa nhà. Quan đi quanh chùa thăm viếng tỏ ý lưu luyến như một vị cố nhân. Quan có cảm tình đặc biệt với tất cả đại chúng, và từ đấy mỗi lúc rảnh rỗi việc quan, ông lại tới chùa đàm đạo với chư Tăng,
Mối đạo tình đã đằm thắm ấy kéo dài thời gian cho tới một ngày. . .
Tin đồn quan huyện bị triệu về kinh đô vì một vụ án phản nghịch, và ngay sau đó đem ra giữa chợ phân thây, được loan đi rất nhanh đến chùa.
Chư Tăng bàng hoàng sửng sốt, thương cho số phận quan huyện nhân từ, người bạn chí thiết của đại chúng.
Tại sao một người tốt như quan huyện lại phải chịu một cái chết thê thảm như kia? Chư Tăng ngậm ngùi tự hỏi. Nhất là vị trụ trì người kỳ cựu nhất ở chùa, người ngày xưa đã từng săn sóc Trư hòa thượng khi chết, và bây giờ là người bạn thân của tri huyện, vị trụ trì buồn bã mất mấy ngày.
Vào một thời tọa thiền, Ngài bỗng thấy quan huyện mỉm cười hòa nhã và một âm thanh nhẹ như hơi gió thoảng bên tai Ngài:
- Tôi là Trư hòa thượng ngày xưa, xin đến vĩnh biệt Thầy và tạ ơn tri ngộ.
Vị trụ trì bàng hoang dụi mắt nhớ lại tất cả chuyện xưa nay.
Thích nữ Trí Hải
"Đừng mất thì giờ để sửa lại cho thẳng cái bóng của một cây cong".

Sự tích con muỗi

Có hai vợ chồng nhà nọ yêu nhau rất mực. Ngày mới lấy nhau, họ đã từng ăn thề hẹn không bỏ nhau,. Nếu không may một trong hai người chết đi thì người kia sẽ chết theo để xuống âm ty cho có bạn.
Sau đó không lâu, người vợ trẻ bị cái chết mang đi một cách đột ngột. Người ta không thể tả được cảnh đau thương của người chồng. Anh chàng đã mấy lần toan tự tử, nhưng bị người nhà ngăn trở và canh phòng ráo riết.
Hôm sắp sửa cất đám bỗng có một đạo sĩ đến bày cho chàng phép cải tử hoàn sinh mà theo lời ông ta, đã từng có nhiều người dùng phép đó cứu người chết sống lại. Phép của ông ta rất giản dị, chỉ cần người sống gan dạ và kiên trì một chút là được. Nghĩa là người sống mỗi lần ba lần ôm ấp và truyền hơi ấm của mình cho tử thi. Làm luôn như thế không nghỉ ngày nào, chỉ trong khoảng ba tháng mười ngày là người chết sống lại.
Người chồng cảm ơn đạo sĩ và làm đúng như lời dặn, hy vọng đưa người

yêu trở lại cõi thế. Anh ta ngày ngày ôm ấp vợ, truyền sức nóng, hơi thở của mình vào cái xác đã lạnh toát.
Nhưng sau đó ba ngày, mùi thối của tử thi bay ra khắp xóm làm cho mọi người không chịu được. Họ kéo nhau đến nhà bắt anh phải chôn lập tức. Bất đắc dĩ, người chồng nhờ xóm giềng chặt nứa làm giúp một cái bè để mình đưa xác vợ đi một nơi khác. Nhiều người vui lòng giúp anh chàng trong việc này. Chỉ trong nửa ngày, hắn đã chở người yêu đi biệt.
Chiếc bè theo dòng nước trôi mãi. Người chồng vẫn ngày ngày ấp ủ vợ. Cái tử thi đó trông vẫn như người nằm ngủ. Lòng anh chàng tràn trề hy vọng. Đến một nơi kia, anh ta cắm bè lại kề một bãi cỏ rộng, lên bộ nấu ăn.
Tình cờ trong khi đi nhặt củi anh ta gặp một ông cụ già. Nhìn thấy ông cụ chống gậy đi một mình giữa cảnh trời nước hoang vu, lại râu tóc trắng xóa, hình dung không có gì lam lũ, chàng trẻ tuổi lấy làm ngạc nhiên. Hắn đang suy nghĩ thì thoáng một cái ông cụ đã đứng trước mặt. Hiểu ngay đó là bậc Tiên Phật, hắn vội phục xuống chân cụ già rồi kể lể sự tình, cuối cùng không quên cầu khẩn ông cụ xin làm cho vợ mình sống lại.
Thấy hắn nài nỉ hết sức, Bụt – vì chính cụ già đó là Bụt – liền theo xuống bè, bảo hắn chích máu ngón tay nhỏ ba giọt vào miệng vợ. Tự nhiên, người đàn bà mấp máy môi rồi từ từ ngồi dậy như vừa tỉnh một giấc mơ. Bụt trước khi ra về có hỏi người vợ:
- Anh chàng nầy cho vay ba giọt máu để ngươi được hồi sinh. Vậy nhà ngươi có yêu anh ta chăng?
Trước câu thề bội nặng nề của người đàn bà, Bụt bảo:
- Không can gì. Nếu không yêu nữa thì chỉ có việc trả lại ba giọt máu cho anh ta thôi.
Thấy bọn họ nóng lòng trở về quê hương, Bụt gọi một con cá sấu khổng lồ từ dưới nước lên bảo chở họ đi.
Cá sấu vượt sông được nửa ngày đường thì bụng đã đói. Nó bảo hai vợ chồng lên bộ để nghỉ ngơi để nó đi tìm cái ăn. Hai vợ chồng dắt nhau vào quán cơm. Trong quán hôm đó có một người khách thương sang trọng. Hắn ta thấy nhan sắc người vợ diễm lệ, ít có ai sánh bằng, thì bỗng nảy âm mưu chiếm đoạt. Hắn lân la lại gần, đưa các mẫu hàng tơ lụa và đồ trang sức ra chào khách. Tuy chào khách nhưng kỳ thực là để tán tỉnh người đàn bà đẹp. Hắn nói trong thuyền hắn đậu ở gần đấy còn có nhiều món hàng nữa rất quý giá và rất rẻ, hắn mời họ xuống xem.
Nhưng người chồng thì chẳng thiết một tí nào. Cơm nước xong, chàng bỏ mặc người khách thương, dắt vợ ra bến vắng, ở chỗ hẹn với cá sấu, ngồi đợi. Họ ngồi dưới bóng cây trò chuyện một chốc rồi vì mệt quá, ngủ quên lúc nào không biết. Họ cũng chẳng ngờ rằng sau lưng họ, người khách thương kia vẫn theo hút không rời. Khi thấy hai người nằm ngủ, hắn đi nhè nhẹ đến

thức riêng người vợ dậy, mời nàng xuống thuyền đậu kề đó để hắn biếu một món trang sức rất đẹp. "Thuyền của tôi chỉ cách đây mươi bước. Bà không phải đợi lâu đâu!" Nghe nói thế, lòng người đàn chuyển động. Nàng đứng lên, đi theo người khách thương xuống thuyền, bọn thủy thủ nhổ neo và dông thuyền chạy mất.
Lại nói chuyện cá sấu lúc ngoi lên chỗ hẹn thì thấy chỉ có một mình người chồng, bấy giờ vẫn đang ngủ say. Cá sấu thức hắn dậy hỏi chuyện. Anh ta ngơ ngác không hiểu thế nào. Một mất mười ngờ, hắn đổ tội cho cá sấu đã ăn thịt mất vợ mình. Để giải mối ngờ, cá sấu mới bảo hắn kiếm cây luồn qua miệng mình, khua trong dạ dày xem thử cho biết. Anh chàng làm theo, chỉ thấy trong bụng cá sấu toàn là xương cá và đá cuội, mới biết mình ngờ sai. Tìm khắp mọi nơi chẳng thấy vợ, hắn trở về bến, ôm đầu kêu khóc rất thảm thiết. Cá sấu thương tình bèn bảo hắn cưỡi lên lưng để nó chở đi đuổi theo những chiếc thuyền vừa qua lại ngang đây, dò tìm tung tích.
Sau mấy lần dò hỏi, người ta cho biết một chiếc thuyền buồm vừa đi qua có một người đàn bà trẻ và đẹp. Họ tả nét mặt và hình dạng thì đúng vợ chàng. Cá sấu bèn cố công đuổi riết.
Khi nhìn thấy vợ ngồi trong thuyền khách thương, người chồng nói vọng vào:
- Nàng cứ nhảy ra đây. . . tôi không thể sống xa nàng được. . . Tôi sẽ làm cho nàng sung sướng. . .
Nhưng người vợ bảo chồng:
- Chàng về đi! Em đành phụ chàng. Chàng tha thứ cho em vậy.
Rồi đưa ra cho chồng một gói vàng:
- Chàng nhận lấy cái nầy và coi như em đã chết từ hôm nào rồi.
Vừa bực tức vừa thất vọng, chồng ném gói vàng xuống nước nhờ cá sấu đưa mình trở lại tìm Bụt. Khi Bụt gặp bọn họ, liền giục cá sấu hối hả rượt theo chiếc thuyền của khách thương, để cho anh chàng thất tình đòi lại ba giọt máu của mình.
Lại nói chuyện người đàn bà, sau khi chích máu ở tay để lấy ra ba giọt máu trả nợ cho chồng, thì ngã vật xuống chết ngay. Người khách thương hết sức chữa chạy nhưng vô hiệu. Rồi thì hắn ném xác nàng xuống biển. Nhưng do phép mầu của Bụt, người đàn bà ấy hóa thành con muỗi. Vì thiếu máu, nên lúc nào muỗi cũng lén lút đi chích trộm của người một tí để sống.
Nguyễn Đổng Chi
Truyện cổ Việt Nam tập II
"Luân hồi vay trả, trả vay
Có vay có trả có sai bao giờ!"

Phước Huệ song tu

Vào thời Đức Phật Ca Diếp, tại một thôn kia có hai anh em nhà nọ đều xuất gia làm Sa môn. Hai anh em cùng xuất gia tu hành, người anh thì siêng năng thiền định, giữ giới, một lòng mong cầu giải thoát, nhưng tâm tánh bỏn xẻn không chịu bố thí. Ngược lại, người em thường thực hành hạnh bố thí, làm phước, nhưng lại giãi đãi không chịu tu tập thiền quán!
Trải qua nhiều kiếp, đến đời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện, người anh sanh lại làm người, gặp Phật xuất gia học đạo. Chẳng bao lâu diệt trừ lậu hoặc chứng quả A La Hán, nhưng vì kiếp trước Ngài chẳng thực hành hạnh bố thí, nên ngày nay thường hay túng thiếu.
Trong lúc đó, người em lại bị sanh vào loài voi, được nhà vua đem về cung huấn luyện, vua rất mực thương yêu, ăn uống đầy đủ, dùng đủ thứ gấm vóc, vàng bạc, ngọc ngà, trang sức cho voi, thật cực kỳ lộng lẫy.
Một hôm thầy Sa môn đi khất thực, ngang qua cung vua, nơi vườn thượng uyển, thấy con voi của vua, thầy Sa môn biết được tiền kiếp của voi chính là em mình, liền đi đến bên voi, vuốt ve rồi bảo rằng:
- Ta cùng với ngươi đều có tội!
Voi nghe người anh nói, liền nhớ được tiền kiếp, bỗng sa nước mắt, buồn rầu bỏ cả ăn uống.
Bấy giờ lão chăn voi, thấy voi buồn rầu bỏ ăn, nên sợ hãi vào tâu với vua:
- Tâu Đại vương, chẳng biết vì sao voi buồn rầu bỏ cả ăn uống.
- Có ai đến quấy rầy voi không?
- Chẳng có ai cả. Duy khi sáng có một vị Tỳ kheo mang bát khất thực, đi ngang qua đây, đến bên voi vuốt ve rồi đi.
Nhà vua liền hạ lệnh cho quân lính đi tìm vị Sa môn ấy. Tìm kiếm khắp nơi, đến trưa quân lính mới gặp thầy ở khu rừng, đang tọa thiền dưới gốc cây, liền bắt đem tới trước vua. Vua hỏi:
- Khi sáng Ngài có đến vuốt ve con voi của tôi?
- Thưa vâng.
- Ngài đã nói những gì với nó?
- Tôi chỉ vuốt ve rồi nói: "Ta cùng với ngươi đều có tội".
Rồi vị Tỳ kheo thuật rõ nhân duyên kiếp trước của mình và voi cho cua nghe. . .
Giới Đức
"Tu phước không tu huệ thì chỉ giàu sang phú quý, không thông minh
Tu huệ không tu phước thì thông minh nhưng nghèo túng".

Quạ Cú thù nhau

Xưa kia có một đàn Quạ và một đàn Cú, hai bên thù oán nhau. Quạ đợi đến

ban ngày, biết hẳn là Cú không thấy gì, chiêu tập tất cả đàn kéo nhau tới chỗ Cú ở, dày xéo tàn sát Cú lấy thịt ăn.
Cú cũng lại đợi đến đêm biết là Quạ không trông thấy gì, liền kéo nhau đến chỗ quạ ở đánh cả đàn moi lấy ruột ăn.
Một bên sợ đêm, một bên sợ ngày, hai bên cùng nơm nớp sợ lẫn nhau không biết làm thế nào chấm dứt tình trạng khốc liệt đó được.
Bấy giờ trong đàn Quạ, có một con khôn nhất, bảo tất cả các con kia rằng:
- Mối thâm thù này đã gây ra, quyết không thể nào mà giải cứu được, nếu cứ kéo dài mãi tình thế này, thì có ngày phải tiêu diệt hết, không thể nào mà còn cả hai bên cùng hoàn toàn được.
Nay ta cần phải tìm cách tiêu diệt hết bọn kia, không còn mống nào, thì sau này chúng mình mới có thể hưởng những sự yên ổn được, nếu không thì thế nào cũng sẽ bị hại.
Cả đàn nghe cho là phải, nhưng chưa biết làm cách nào mà tiêu diệt hết bọn Cú, là những kẻ thù chung, không thể đội cùng một trời với nhau được.
Con Quạ khôn kia lại bảo cả đàn rằng:
- Nay tất cả đàn hãy nghe tôi, xúm lại đánh cho tôi xơ xác mình mẩy đầu óc, lông cánh đi, làm cho máu me chảy ra, rồi tôi sẽ tìm cách tiêu diệt chúng.
Bàn xong làm đúng như thế.
Khi con Quạ kia bị thương rồi coi hình thể rất tiều tụy, lân la đến trước cửa hang chỗ Cú ở, kêu ra những tiếng nghe rất rầu rĩ có lúc hình như tắt thở.
Cú nghe tiếng chạy ra hỏi, vì cớ gì mà thân thể xác xơ tiều tụy đau đớn như thế và đến đây có việc gì?
Quạ vừa rên vừa đáp:
- Tất cả đàn tôi nó oán ghét tôi, nó đánh đập tôi, nó đuổi tôi đi, nay tôi bị bơ vơ không biết nương tựa vào đâu, tôi đến đây ước mong các bạn sẽ thương tình mà cứu giúp cho, tôi rất cám ơn, nếu tôi sống qua được lúc nầy thì không bao giờ tôi dám quên.
Con Cú ra trước trông thấy thế, nghĩ tình nên thương liền bảo cho các con kia biết.
Các con kia đều nói:
- Đấy là kẻ oán gia ở gần còn không được, huống chi là ở chung và nuôi, thì chả hóa ra là giúp sức mạnh cho quân thù đó hay sao.
Con kia nói:
- Nay vì bị khổ sở nên mới đến cầu cứu ta, vả lại nó có một thân mình, thì nó còn làm gì mà sợ.
Bàn xong liền cho Quạ vào ở, hằng ngày cho ăn các thức ăn còn thừa, được ít lâu thân thể lông cánh Quạ lại bình phục khỏe mạnh như cũ, Quạ liền giả cách vui mừng và lập phương kế để hành động.
Ngày ngày Quạ đi tha các cành củi và cỏ khô về chất cả chung quanh hang

chỗ Cú ở tỏ ra vẻ báo ân.
Cú thấy thế hỏi thì quạ đáp rằng:
- Ở đây toàn là hang đá lạnh, nên dùng các thứ này để ngăn gió rét.
Cú cho thế là phải cứ để mặc Quạ làm. Bấy giờ Quạ lại canh gác ở ngoài cửa để đền ơn bấy lâu nuôi nấng. Quạ vẫn luôn luôn săn sóc hầu hạ canh gác ở ngoài cửa hang.
Thu qua đông tới, tiết trời thay đổi, tuyết bay phủ khắp mọi nơi, gió bấc thổi rất mạnh, khí lạnh buốt thấu xương, rét run.
Tất cả chung quanh đấy có bao nhiêu Cú đều vào hết trong hang.
Quạ gặp được dịp may hiếm có, cơ hội thuận tiện rất lấy làm mừng, ra ngay chỗ lũ trẻ chăn bò đốt lửa sưởi hãy còn cháy dở, tha ngay một thanh củi còn than cho vào đống củi và cỏ khô đã chứa sẵn, nhờ sức gió thổi mạnh chỉ trong chốc lát mà cả đàn Cú đều bị tiêu diệt hết.
Trí Hải
"Dò sông dò biển dễ dò,
Nào ai bẻ thước mà đo lòng người"

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập III - 7

Vô duyên với Phật thì không được Phật độ

Trong thời Đức Thích Ca còn tại thế, khi đó có ông Trưởng giả tên là Tu Đạt, ông Trưởng giả nầy có một người giúp việc, bà già ấy tên là Tỳ Đề La, để coi giữ nhà cửa, tất cả kho tàng vàng bạc. . . cũng đều tin cậy phó thác gìn giữ.
Nhân một hôm ông Trưởng giả thỉnh Phật và chúng Tăng để cúng dường. Những vị Tỳ kheo có bệnh thì ông lại phải dùng mọi thứ thích nghi để cung cấp cúng dường.
Bà lão giúp việc thấy vậy sanh lòng tham ghen ghét mà nói rằng: "Ông Trưởng giả nhà nầy thật là ngu si mê hoặc, đến nỗi xin thụ giáo quy y cả những Sa môn đi khất thực, có đạo nào mà như vậy".
Bà ta lại sanh ra ý niệm: "Không muốn nghe thấy cái tên Tam Bảo nữa".
Hoàng hậu của vua Ba Tư Nặc là Mạt Lợi phu nhân nghe biết chuyện đó, liền nói: "Ông Tu Đạt Trưởng giả này thương mến bà lão giúp việc như thương yêu nàng Liên Hoa kiều diễm vậy". Tức thời sắc cho ông Trưởng giả

Tu Đạt phải sai vợ đến chầu hoàng hậu".
Trưởng giả phu nhân đến nhà vua kính lễ Hoàng hậu và tâu rằng:
- Kính thưa Hoàng hậu, người ở nhà tôi quả thật ác khẩu, bất tín phỉ báng Tam Bảo.
Hoàng hậu nói:
- Sao không đánh đập đuổi đi?
Trưởng giả phu nhân thưa:
- Tâu hoàng hậu, Đức Phật là cha của tất cả chúng sanh, thương tất cả như con đẻ, Ngài coi kẻ oán người thân như ruột thịt, huống gì người ở nầy mà Ngài lại không thương? Ta là con Phật, há còn đánh đập làm chi.
Hoàng hậu nghe Trưởng giả phu nhân tâu rồi, tâm rất hoan hỷ mà nói rằng:
- Tôi muốn thỉnh Phật và Chúng Tăng, bà nên sai người ở ấy đến trợ giúp việc cúng dường cho tôi, trước khi Phật và Chúng Tăng đến.
Ông Trưởng giả liền sai người ở đem vàng bạc đến giúp nhà vua để cúng dường Phật và chúng Tăng.
Khi Đức Phật và Chúng Tăng tới cửa nhà vua, thì người ở kia thấy rồi tâm sinh ra buồn rầu tức thời muốn bỏ chạy đi. Đức Phật ở trước người kia, giơ tay hoá thành 10 Đức Phật, thần tướng trang nghiêm phóng ra hào quang sang lớn, mỗi Đức Phật lại nói ra mọi pháp mầu nhiệm.
Người ở kia ra về lại sợ thấy Phật nên không dám đi, Đức Phật bảo người đó rằng:
- Ngươi thật là vô duyên đối với ta, ta lấy Phật nhãn xem biết ngươi chỉ có duyên với ông La Hầu La mà thôi.
Đức Phật dùng Phạm âm sai ông La Hầu La qua để hóa độ.
Bấy giờ Ngài La Hầu La thừa sức uy thần của Phật, dùng thần túc bay đi trên hư không mà đến, khi người ở thấy Ngài La Hầu La có sức thần thông tự tại từ trên hư không mà xuống, tâm sinh ra rất vui mừng chưa từng có, liền cầu xin quy y.
Bấy giờ Ngài La hầu La vì thương người ở kia mà nói các pháp cho nghe, người ấy nghe rồi xin thọ Tam quy, ngũ giới, liền chứng được sơ quả Thánh nhân Tu Đà Hoàn.
Tâm Minh.
"Thân người khó được, Phật Pháp khó nghe,
Chúng Tăng khó gặp, Tín tâm khó sanh. . ."

Bà lão kỳ dị

"Tâm phàm phu xoay vần theo ngũ dục xao động không thể nắm bắt. Chỉ những người nào điều phục được tâm mình mới được yên vui"
Câu thứ 35 trong kinh pháp Cú có duyên khởi như sau:

Thuở Phật còn tại thế, trong xứ Kiều Tất La có một khu làng, nằm dưới chân núi là Mã Đề thôn. Tại đấy có một bà lão sống một mình với một gia tài phong phú. Bà được mệnh danh là Mã Lão mẫu. Vào một ngày an cư sau khi Đức Phật chỉ dạy cho chúng Tỳ kheo pháp quán 32 thể trược trong thân, có 60 vị đi đến Mã Đề thôn để thực hành thiền quán. Bà lão cho xây cất một tu viện cho 60 vị ấy cư trú và cúng dường đầy đủ về y phục, thực phẩm, dược phẩm, mền chiếu trong suốt mùa an cư.
60 vị Tỳ kheo ấy muốn tinh tiến tu hành nên cùng đặt ra một quy luật như sau:
- Không được hai vị Tỳ kheo đứng hay ngồi tại một chỗ đồng thời với nhau. Đại chúng chỉ nhóm họp hai lần trong ngày là sáng sớm trước khi vào rừng tọa thiền, và chiều tối sau khi ở rừng về, để bái yết vị Thượng Tọa chúng trưởng. Tuy nhiên nếu có Tỳ kheo nào bị bệnh, thì hãy đánh một hồi kẻng tất cả nhóm lại lo cho bệnh nhân.
Sau khi thỏa thuận quy luật trên, chúng Tỳ kheo đi vào rừng mỗi ngày. Một hôm bà lão đem thực phẩm tới chùa cúng dường, không thấy ai cả, bà bèn hỏi những người ở xung quanh, làm cách nào để gặp chúng Tỳ kheo. Có người biết quy luật nói trên, bày cho bà đánh kiểng.
Tức thì từ trong rừng, các vị Tỳ kheo lần lượt trở về. Bà lão lấy làm quái lạ thấy mỗi người đi từ một hướng, không ai đi chung với ai, nên nghĩ thầm: "Có lẽ các Đại Đức có chuyện cãi vã nhau chăng?" Khi họ đến gần, bà lão hỏi ngay câu ấy, và được trả lời: "Không đâu lão mẫu".
Bà lão hỏi:
- Nếu quý vị không xích mích thì tại sao khi tới đây quý vị đi chung, mà bây giờ mỗi người đi mỗi ngã?
- Lão mẫu, chúng tôi mỗi người ngồi một gốc cây riêng để thực hành một phép quán của Thế Tôn chỉ dạy.
- Thưa quý Đại Đức, phép quán gì thế?
- Lão mẫu, chúng tôi quán 32 thể trược nơi thân.
- Thưa, phép quán ấy chỉ dành cho các vị Tỳ kheo mà thôi hay cư sĩ như lão cũng được tập tành?
- Ồ, lão mẫu, phép quán ấy ai muốn học cũng được cả, không ai cấm.
- Vậy xin Đại Đức dạy cho lão với.
- Được lão bà hãy nghe kỹ.
Rồi một Tỳ kheo đảm trách dạy cho bà lão phép quán 32 thể trược trong thân, để đi đến nhận thức rõ ràng về hoại diệt, chết chóc luôn luôn ẩn lặng trong thân mình.
Bà lão thuộc lòng ngay phép quán, và tinh cần tu tập đến nỗi bà đắc được quả vị thứ ba (bất lai) trong bốn thánh quả, trước các vị Tỳ kheo.
Với thiên nhãn thiền định siêu nhân, bà quán thấy tất cả những vị Tỳ kheo

chưa ai đạt được cái gì, và sau khi quán sát kỹ, bà thấy họ có khả năng chứng quả A La Hán.
Khi nhận thấy điều nầy, bà lão quyết định hỗ trợ cho chúng Tỳ kheo đầy đủ về mọi mặt, để họ có thể mau chứng quả.
Vị nào thích hợp với món ăn nào, thức uống nào, bà cung cấp đúng nhu cầu của họ. Bà thận trọng không cúng dường những thực phẩm có vị chua cho người nào yếu bao tử.
Vị nào ưa ngủ gục trong lúc tọa thiền bà lão cúng trà đậm, vị nào yếu phổi, bà cúng thêm mền và áo lạnh.
Trong tâm vị nào tưởng đến món ăn gì, bà lão biết ngay, và đáp ứng. Nhờ sự chăm sóc ấy, sau khi giải hạ, 60 Tỳ kheo trở về bên Phật với sắc diện hồng hào tươi nhuận, và tiến bộ khá hơn trên đường tu.
Phật âu yếm nhìn đàn con trở về và bảo:
- Nầy các Tỳ kheo, chắc chắn các con được an vui, sức khoẻ, thực phẩm đầy đủ trong mùa an cư?
- Dạ thưa vâng, bạch Thế tôn. Chúng con được an vui, sức khỏe, và khỏi lo gì đến chuyện ăn uống. Bởi vì, có một bà lão ở Mã Đề thôn biết được tận thân tâm chúng con, đến nổi chúng con vừa ước món gì là có ngay món đó.
Các Tỳ kheo thi nhau kể về bà lão dị kỳ cho Phật và Tăng ở Xá Vệ nghe.
Một vị Tỳ kheo nghe xong, quyết đi đến Mã Dề thôn để thiền định và xin Phật:
- Bạch Thế Tôn cho con đến đó.
Phật bằng lòng, sau khi ra đề tài cho vị ấy thiền quán. Vị Tỳ kheo lên đường đi đến Mã Đề thôn khi đến ngôi chùa của bà lão bỏ vắng, vị ấy nghĩ: "Mình nghe bà lão dường như biết được tâm kẻ khác.Vậy nay mình vừa mới tới, quá mệt vì đường xa không thể quét dọn chùa. Mong sao bà lão cho người đến quét dùm". Bà lão đang ở nhà riêng, biết được ý ấy, bèn cho một người đến quét chùa.
Vị Tỳ kheo lại ao ước trong lòng "Ước chi mình có được ly nước mát lạnh mà giải khát". Bà lão cho người đem ly nước lạnh cho vị Tỳ kheo.
Hôm sau, vừa thức dậy, vị Tỳ kheo ước: "Mong sao bà lão dọn cho mình một bữa điểm tâm nhiều bơ và thức ăn ngon lành. Bà lão cho người đem bữa điểm tâm như người ấy muốn. Vị Tỳ kheo kia nghĩ: "Bà lão đã cho ta mọi thứ ta ao ước. Bây giờ ta muốn gặp mặt bà, mong sao bà hãy đích thân đến, mang cho thật nhiều thứ ăn loại cứng loại mềm". Bà lão đi đến chùa cùng với thức ăn cúng dường đúng sở thích của vị Tỳ kheo. Vị Tỳ kheo hỏi:
- Lão mẫu, có phải bà là Mã lão mẫu không ?
- Thưa vâng.
- Bà có tha tâm thông à?
- Tại sao Đại Đức hỏi vậy?

- Vì bà đã cho tôi mọi thứ tôi nghĩ đến.
- Nhiều vị Tỳ kheo cũng có tha tâm thông.
- Tôi không nói các Tỳ kheo, tôi muốn hỏi bà.
Bà lão vẫn tránh né bằng cách nói:
- Thưa Đại Đức đâu cần phải có tha tâm thông mới có thể cúng dường các thứ ấy?
Khi ấy vị Tỳ kheo bắt đầu hoảng sợ, nghĩ: "Khốn thay" Kẻ chưa chứng đạo như ta thì có khi nghĩ tốt nhưng lắm khi nghĩ bậy. Nếu lỡ có một ý bậy bạ khởi lên, bà lão sẽ tóm lấy cổ ta như tóm bắt một kẻ trộm, và liệng hành lý ta ra khỏi chùa. Ta sẽ bị khốn đốn với bà lão. Chi bằng ta hãy thoát khỏi chốn này."
Nghĩ như vậy xong, vị Tỳ kheo nói với bà lão:
- Nầy lão bà, tôi muốn rời khỏi nơi đây.
- Đại Đức đi đâu?
- Trở về với Thế Tôn.
- Đại Đức ở lại ít lâu đã.
- Không , tôi không thể ở lại. Tôi phải đi ngay.
Nói xong, vị Đại Đức của chúng ta thu xếp hành lý thoát ra khỏi ngôi chùa bà lão, vừa đi vừa thở phào nhẹ nhõm cả người, như vừa trốn thoát khỏi tử nạn. Khi trở về vườn Cấp Cô Độc, đến đảnh lễ Phật, Phật hỏi:
- Sao, con không ở Mã Đề thôn nữa à?
- Bạch Thế Tôn, bà lão ấy biết hết mọi ý nghĩ trong tâm con, và con nghĩ rằng, kẻ chưa chứng đạo như con thì có khi nghĩ tốt, nhưng cũng nhiều khi nghĩ bậy, lỡ mà con có ý nghĩ gì xấu, bà lão ấy sẽ túm lấy đầu con như bắt kẻ trộm, và làm cho con khốn đốn.
- Con ơi, chính nơi ấy con cần nên cư trú.
- Bạch Thế Tôn, con không thể nào ở chỗ ấy được nữa.
- Nầy Tỳ kheo, con có thể chỉ giữ một điều này thôi không?
- Điều gì bạch Thế Tôn, con chưa hiểu.
- Chỉ giữ cái tâm của con, không làm việc gì khác nữa.
Sau khi nghe lời dạy của Phật, vị Tỳ kheo trở lại làng bà lão. Với thiên nhãn bà biết được vị Tỳ kheo sắp đắc quả nên càng chu đáo cúng dường để hộ trợ vị Tỳ kheo chóng đạt được mục đích. Do đó, chỉ trong vài ngày vị ấy đắc quả A La Hán.
Sau khi chứng quả, vị ấy suy nghĩ: "Bà lão ấy quả thực giúp ta rất nhiều. Nhờ bà ấy mà ta thoát ly được vòng sống chết. Không biết chỉ trong kiếp này bà ấy giúp ta, hay nhiều kiếp trước cũng vậy?
Vị La Hán nhập định quán sát các tiền kiếp thì biết được rằng trong 99 kiếp trước, bà lão đã làm vợ mình và bà ấy đã ngoại tình với những người đàn ông khác đã làm cho mình phải thất điên bát đảo. Bà lại còn âm mưu giết

mạng sống của mình. Khi biết được điều ấy, vị La Hán nghĩ: "Ồ, tín nữ này đã phạm biết bao tội lỗi!"
Bà lão ngồi trong nhà riêng biết được tâm niệm của vị A La Hán. Bà nghĩ thầm: "Vị ấy đang nghĩ về tội lỗi 99 kiếp trước của ta. Nhưng trong vòng luân hồi đã qua, có lần nào ta giúp vị ấy không? Bà lão nhập định thấy ở kiếp 100 về trước, bà đã cứu mạng sống của vị A La Hán ấy, khi vị ấy là chồng bà. Do đó, bà dùng thần giao cách cảm bảo vị La Hán:
- Hãy quán tiếp, đi sâu thêm nữa vào quá khứ.
Bằng thiên nhĩ thông, vị La Hán nghe được hiệu lệnh trên, và tiếp tục quán sát đến kiếp thư 100 về trước của mình, thì thấy quả nhiên bà lão cứu mạng mình.
Vị La Hán nghĩ: "Tín nữ này quả giúp ta rất nhiều". Sau khi nghĩ như vậy, ngay tại chỗ vị ấy nhập Niết Bàn vô dư y.
Thích Nữ Trí Hải
"Nghìn sông con nước lưu giao
Mênh mông muôn dặm nơi nào không trăng
Hư không chẳng vướng mây ngàn
Minh linh hiển lộ màu xanh da trời".

Voi Trung nghĩa

Từ kinh thành Ba La Nại, ngược dòng sông hằng độ ba bốn ngày đường, người ta đi kiếm một khu rừng rậm của dãy Hy Mã Lạp Sơn. Khu rừng già này có rất nhiều cây gỗ quý. Ven rừng, bên triền sông, một đám nhà lá san sát nhau, đây là một làng nhỏ. Dân làng kể cả đàn ông, đàn bà và trẻ em độ trên vài trăm người. Họ sống về nghề làm gỗ. Họ hạ cây, xẻ ván ghép thành bè chở về bán tận kinh thành. Công việc tuy vất vả nhưng họ kiếm được khá tiền để nuôi miệng họ và cả gia đình.
Một hôm kia, trong lúc mọi người trong làng đang hì hục đốn cây, cưa gỗ trong rừng, họ nghe có chân thình thịch bước đến và tiếng rống đau đớn. Rồi một con voi khổng lồ hiện ra, nhắc bước nặng nhọc trên ba chân. Chân trước bên phải của nó nâng lên khỏi mặt đất bàn chân sưng húp lên. Nó chậm rãi, cân nhắc, tiến đến các thợ rừng, tỏ ý cầu cứu họ. Thấy dáng điệu hiền lành của voi, một người thợ rừng đến gần, và thấy vết thương đang làm mủ. Cũng khá trầm trọng, nhưng đối với các người thợ rừng quen sống trong rừng sâu và từng gặp những tai nạn như thế, họ thấy không khó khăn gì trong việc cứu chữa cho voi. Họ gỡ gai ra, nặn hết mủ, rồi rửa chân voi bằng nước nóng. Họ hái lá, nhai nhỏ, rịt vào vết thương. Voi thấy dễ chịu, nhẹ hẳn đi. Và chỉ còn thời gian là vết thương sẽ lành. Voi gật đầu ba lần tỏ vẻ cám ơn rồi từ biệt.

Thời gian qua. Người ta cũng không nhớ ra câu chuyện trên đã xảy ra đã bao lâu rồi. . .
Bỗng một hôm, một con voi đã đi vào giữa đám thợ đang làm việc. Phải rồi chính là con voi hôm nọ. Nhưng trông nó mập mạp, tươi trẻ hơn hôm trước nhiều. Vết thương ở chân đã lành hẳn rồi. Nó bước mạnh dạn. Nó đến bên người đã cứu chữa cho nó hôm trước mà quỳ xuống. Nó tỏ ý muốn gíúp đỡ các người thợ rừng để trả ơn họ. Không ai ngờ lại có câu chuyện như thế. Người ta đứng im xem nó làm gì. Voi đứng dậy, đến bên các cây vừa hạ xong, dùng vòi khuân các thân cây to đem đến chỗ cưa rồi những bó gỗ từ trại cưa đến bờ sông. Sức khoẻ của nó thật là kinh khủng. Nó làm một cách gọn gàng công việc của vài mươi người. Thế là từ đó, trong đoàn thợ gỗ có thêm một năng lực vô cùng dồi dào và chen vào trong tiếng cưa, tiếng búa đốn cây, lâu lâu lại có tiếng voi rống trầm hùng, vui vẻ. . .
Năm, tháng trôi qua, sức khoẻ của voi không còn như buổi mới đến. Các người thợ rừng cũng thấy rõ điều ấy nên không để voi làm nhiều. Cho nên một hôm voi thấy không thể tiếp tục công việc nặng nhọc được nữa, nó cúi chào mọi người rồi đi lẫn vào rừng sâu. Ai cũng thương nó đã giúp quá nhiều cho họ.
Nhưng đến chiều, voi lại trở về và dẫn theo một con voi trẻ đẹp. Đây là con voi con, chịu tuân theo lời cha, đến đây để thay thế cha nó mà trả ơn cho các người thợ rừng. Thật là cảm động. Nhiều người thợ rừng đã rưng rưng nước mắt.
Voi con tiến đến gần. Mình nó trắng như tuyết. Đôi mắt voi sâu, hiền lành và cương quyết. Toàn thân voi như toát lên một oai lực làm cho mọi người kính nể.
Đích rồi! Voi con là một con voi chính thống. Cũng cần phải nhớ rằng đời xưa, voi chính thống có một thể lực lạ thường trong các trận chiến tranh. Sức khỏe nó, hơi hám nó có thể trong phút chốc làm tan rã bao đàn voi của địch quân để đem lại thắng lợi chắc chắn cho chủ nó.
Voi con làm tất cả công việc trước đây cha nó đã làm cả ngày. Voi hết sức gíúp đỡ các người thợ rừng, rồi đến chiều voi trở về làng chơi đùa với bọn trẻ con sau khi đã tắm rửa sạch sẽ. Mọi người vì thế đều thương mến và kính phục voi.
Có một điều lạ là duy nhất có nhiều lúc phải lăn lộn ngoài sông nhưng không bao giờ voi đại tiện bừa bãi trong dòng nước. Những đống phân của voi khi nào cũng tìm thấy ở nơi cao ráo và kín đáo.
Nhưng cuộc đời không luôn bình thường như thế, có một lần trời mưa to suốt ba ngày. Nước sông Hằng dâng lên ngập cả vùng. Nhiều bè gỗ bị nước cuốn trôi phăng. Dân làng bị thiệt hại nhiều, và đến khi nước rút xuống, nước cũng đã rút theo các đống phân voi. Những đống phân to này lềnh

bềnh trôi đi và một hôm tình cờ đưa dạt vào bờ, trong đám lau gần kinh thành Ba La Nại. Chỗ này lại là chỗ bầy voi của nhà vua thường tắm.
Khi trời nắng ráo lên, bọn quản tượng nhà vua, lại dẫn voi đi tắm. Đến nơi, cả bầy voi năm trăm con cùng nhận ra một mùi đặc biệt, mùi của con voi chính thống, một con voi chúa. Cả bầy voi dừng lại, không con nào dám xuống nước. Rồi bỗng chúng sợ hoảng lên, dựng thẳng đuôi, cắm đầu chạy trốn mặc sức cho bọn quản tượng tìm hết cách trấn tĩnh chúng, không ai hiểu nguyên do kỳ lạ này.
Sau cùng, nhờ kinh nghiệm của một quản tượng cao niên, họ dự đoán rằng... Trong nước sông có điều gì khác thường. Theo ý đó, người ta tìm tòi và thấy được trong đám lau, vật "quý báu" trên kia.
Điều nầy đã làm họ nghiệm rằng trên dãy rừng Hy Mã Lạp Sơn phải có một con voi chính thống. Họ tâu lên nhà vua điều nhận xét của họ. Vua Ba La Nại mừng rỡ vô cùng. Ngài truyền lệnh chuẩn bị thuyền lương để vượt ngược sông Hằng.
Nhà vua đã mất công tìm kiếm nhiều ngày ròng rã. Mãi đến hôm kia nhà vua đến làng của đoàn thợ rừng đông đảo. Nghe vua đến, mọi người đều nghỉ tay, cùng với vợ con họ ra bờ sông để đón tiếp. Có người đã nói với vua:
- Tâu Bệ hạ nếu ngài cần dùng đến gỗ, cần dùng đến chúng con thì không phiền gì Ngài phải đến đây, nhọc thân Ngài. Chỉ cần có lịnh của Ngài là chúng con sẽ đích thân mang đến tận tay Ngài những điều gì Ngài muốn.
Nhà vua không trả lời, chỉ đăm đăm nhìn voi. Nhà vua ngắm kỹ làn trắng tinh bạch của lông voi, đôi mắt cương quyết lạ thường của voi. Một lúc sau vua quay lại các người thợ, nói với họ:
- Điều ta muốn đòi hỏi ở các ngươi không phải là gỗ rừng mà chính là con voi đang đứng đàng kia.
Dân làng ngơ ngác. Nhà vua thiếu gì voi mà phải băng rừng tìm cho được con voi khuân gỗ của họ. Dâng voi cho nhà vua? Họ thấy không tiếc cái công sức mà voi đã giúp họ, nhưng họ mến thương lòng trung nghĩa của voi. Tuy vậy họ cũng không dám trái ý vua. Riêng đám trẻ con thì tỏ ý không bằng lòng. Chúng nghĩ đến những buổi chiều trèo lên mình voi, đùa giỡn với voi và chúng muốn khóc rống lên.
Mọi người quay nhìn về phía voi đang đứng im không nhúc nhích. Nó còn món nợ ân nghĩa phải trả đối với thợ rừng. Vua dò đọc ý voi và hỏi thăm dân làng. Biết được câu chuyện đầu đuôi, nhà vua càng tỏ ý khâm phục voi hơn nữa. Rồi nhà vua sai khuân vác lương thực dưới thuyền để thưởng tặng cho toàn thể dân làng, tặng cho mỗi người đàn bà 2 đồng để sắm áo quần nói là để trả ơn thay con voi. Nhưng voi chưa chịu đi, nhìn sang các bạn thiếu niên đang âu yếm nhìn về phía voi rơm rớm lệ. Nhà vua đem tiền túi phát cho mỗi đứa bé 1 đồng gọi là chút tình đối với các bạn thân mến của voi. Bọn

chúng phải cầm lấy tuy trong lòng không đứa nào thích nhận cái mà hằng ngày chúng mơ ước.
Lúc bấy giờ voi mới chịu bước đi, voi đến gần vua, cúi đầu cảm tạ và chịu đi theo đoàn thuyền để trở về kinh thành. Trước khi lên đường, voi còn nhìn lại toàn thể dân làng và núi rừng quen thuộc một lần chót, vô cùng lưu luyến.

Đến kinh thành nhà vua dành cho voi một sự săn sóc ân cần. Nhà vua gọi là voi Dõng Mãnh, với bộ giáp trận thật oai vệ. Vua ngồi trên lưng voi, dạo khắp các đường lớn trong kinh thành trước khi đưa voi về nhà riêng của nó. Vua xem Dõng Mãnh như người bạn thân thiết và Dõng Mãnh thường quấn quít bên vua, xem thật hết lòng trung nghĩa.
Ít lâu sau đó, Hoàng hậu có thai. Ngày sanh đẻ gần đến thì một chuyện đau đớn bất thình lình xảy đến: Vua băng hà. Cả triều đình đều nhất trí dấu không cho voi hay. Người ta sợ tin buồn này sẽ làm tan vỡ tim gan Dõng Mãnh.
Liền ngày hôm đó, một tin hung dữ khác lại đến làm náo động cả kinh thành. Đó là tin quân lính nước Cô Xa La hùng hổ tràn vào, và vua Cô Xa La định nhân cơ hội Ba La Nại thiếu vua, chưa có người kế nghiệp mà muốn tóm thâu đất nước, chiếm đoạt ngôi báu. Quân giặc đã vây chặt kinh thành. Các cửa thành Ba La Nại đóng kín. Triều đình đã gởi người thương thuyết với vua Cô Xa La hoãn việc tấn công bảy ngày nữa, chờ Hoàng hậu sanh đẻ, hẹn 2 điều, hoặc là sẽ mở cửa thành khi Hoàng hậu sanh công chúa, hoặc là sẽ nghinh chiến khi Thái tử ra đời để kế tục ngôi báu. Cô Xa La bằng lòng. Ngày thứ bảy đúng theo dự tính của các ngự y. Hoàng hậu sanh ra được Thái tử. Thế là dòng vua đã có người kế nghiệp. Lệnh truyền ra cho mọi người sẵn sàng chống giặc. Thái tử mới sinh có tướng mạo khác thường đã làm vững lòng triều đình. Nhưng chuyện chống giặc, thắng giặc đâu phải chuyện dễ vì thiếu người điều khiển tối cao. Trong cơn nguy cấp nầy người ta còn một hy vọng mạnh mẽ, hy vọng ở tài trí của voi Dõng Mãnh.
Hoàng hậu nghiêm trang trong đồ lễ phục, mặc áo vàng cho Thái tử và tự tay ẵm Thái tử đi thẳng xuống chỗ voi ở. Nhiều vị quan trong triều cũng đi theo Hoàng hậu, đặt Thái tử trước mặt voi rồi long trọng nói với voi:
- Hỡi Dõng Mãnh! Vua ta, chủ của ngươi và cũng là bạn thân của ngươi đã qua đời. Ta đã bảo dấu không cho ngươi biết tin đau xót ấy sợ làm đau xót tâm can ngươi. Nhưng mà, ngươi hãy bình tĩnh. Đây là Thái tử, con vua, sẽ thay vua để chăm sóc dân chúng, chăm sóc ngươi. Hiện nay, kinh thành đang bị vây khốn, và sắp sửa bị dày xéo bởi quân lính của vua nước Cô Xa La. Toàn nước ta đang đứng trước hai điều, hoặc là để Thái tử mới sinh phải chết dưới lưỡi gươm quân địch, hoặc là chúng ta phải gìn giữ non sông gấm vóc.

Hoàng hậu vừa dứt lời, voi Dõng Mãnh rống lên một tiếng trầm dài não ruột. Bỗng nó đứng dậy, đến bên Thái tử, quỳ xuống, lấy vòi nâng Thái tử lên cao rồi đặt xuống trên bắp thịt trước trán nó. Voi muốn nói sự tôn thờ trung nghĩa của nó đối với người chủ bé nhỏ cũng như trước đây nó đã hết lòng với vua cha.
Voi trao Thái tử cho Hoàng hậu rồi phủ phục chờ lịnh. Hoàng hậu khoát tay cho nó đứng dậy và dặn: "Hỡi voi Dõng Mãnh. Bây giờ là lúc ngươi hành động để tỏ lòng trung nghĩa của ngươi, để tỏ dòng máu quật cường trong ngươi, trong một con voi chính thống". Hoàng hậu vẫy tay cho nó lên đường. Một vị đại thần mặc áo giáp cho voi, và xuống lệnh cho quân lính sẵn sàng.
Voi rống lên hùng dũng, rung chuyển cả không gian.
Tiếng rống xuất trận của một con voi chính thống đã làm bầy voi địch nhớn nhác. Bây giờ là lúc đánh bật quân địch. Người ta mở cửa thành cho voi xông ra. Voi Dõng Mãnh rống lên một lần nữa. Thật là kinh hoàng. Bầy voi tiên phong của Cô Xa La khiếp sợ. Trong giây phút, tất cả đều quay đầu về phía sau, cướp đường mà chạy. Hàng ngũ địch rối loạn nhanh chóng. Voi Dõng Mãnh lanh lắm. Nó xông tới trước mặt vua nước Cô Xa La, lấy vòi nắm chặt thân vua và quay trở về trong lúc quân địch hoàn toàn tan rã. Thế là trận đánh kết liễu và thắng lợi thuộc về nước Ba La Nại.
Voi Dõng Mãnh đặt vua giặc dưới chân Thái tử mới sinh chờ triều đình xét xử. Dân chúng đòi phải xử tử tên vua xâm lược tàn bạo. Nhưng Hoàng hậu thể theo sự thông cảm của mình đối với Thái tử truyền thả vua Cô Xa La được trở về xứ sở với điều kiện là từ nay về sau, không được lợi dụng Thái tử còn nhỏ mà trả thù buổi thất trận này. Voi Dõng Mãnh rống lên tỏ ý bằng lòng sung sướng.
Từ đấy, nhờ voi Dõng Mãnh mà Thái tử mới còn niên thiếu đã truyền được sự tin cậy trong toàn thể các nước ở Ấn Độ, trị nước một cách công minh.

Quảng Huệ
"Tình thương sẽ thắng hận thù,
Chùa thiêng phải dựng ngục tù phải tan"

Nhà sư vướng lụy

Lúc Phật ngự tại Trúc Lâm cùng Tăng đoàn, có một thầy Tỳ kheo trẻ tuổi là đồ đệ của Ngài Ca Diếp, tinh cần tu tập đã đắc đến tứ thiền.
Một hôm thầy về thăm nhà, trông thấy những đồ trang sức đủ kiểu rất đẹp mắt tại hiệu kim hoàn của người chú, thầy khởi lòng tham ái, mất định và hoàn tục.

Chàng trai nhiều tham vọng này khoái ăn ngon mặc đẹp, đeo đồ trang sức, tắm dầu thơm. Nhưng ngoài những sở thích đó ra, chàng chẳng có tài cán gì cả, suốt ngày ăn rồi đi bát phố chẳng chịu làm một công việc gì. Thân quyến chịu hết nổi đành đuổi ra khỏi nhà.
Du thủ du thực, chàng bèn kết bạn với mấy tên du thủ du thực, lập thành một đảng cướp có vũ khí, chuyên "ăn hàng mà sống".
Một hôm đảng cướp sa lưới, cả đám đều bị bắt, quân lính còng tay các đương sự đem về nha, đánh đập đến mềm xương. Vì có nhiều thành tích bất hảo, toàn nhóm đều bị tuyên án tử hình.
Ngày hành hình dân chúng rủ nhau đi xem rất đông. Tôn giả Ca Diếp trên đường đi khất thực gặp lại đồ đệ của mình đang bị áp giải ra pháp trường. Động lòng trắc ẩn Ngài dùng thần lực nới lỏng dây trói và bảo:
- Con hãy cố gắng tập trung tư tưởng vào đề mục thiền định mà thầy đã dạy, như con từng làm ở tăng đường.
Nhà sư hoàn tục y lời, chú tâm hành thiền ngay trên đường bị áp giải. Bị tử thần rượt nà sau lưng, thầy nỗ lực cao độ và đắc tứ thiền trở lại.
Để răn dân, nhà vua truyền lịnh một pháp trường tại phía nam thành phố. Cờ xí rạp đất, chuông trống, thanh la, não bạt khua vang, dân chúng đi xem như mở hội. Ba vòng phủ quân nai nịt chỉnh tề, gươm giáo sáng ngời bao quanh pháp trường. Trước mặt đám tử tội, đao phủ bày la liệt dụng cụ hành hình: giáo mác, tên, nỏ, trường thương, đoản côn. . . và họ bắt đầu nung chông nhọn. Ngoại trừ sư thầy hoàn tục, các tử tội mặt xanh như chàm, mồ hôi nhỏ giọt, có tên lăn ra chết giấc.
Sư thầy hoàn tục được hành hình đầu tiên. Đao phủ ngạc nhiên khi thấy tội nhân không hề đổi sắc, toàn thân còn thấm nhuần một niềm an lạc vô biên. Đám đông cũng nhận thấy điều đó, họ đồng thanh cất tiếng hoan hô:
- Thật lạ lùng! Tên tử tội ấy chẳng sợ hãi chút nào.
- Xem đồng bọn của hắn ngất xỉu hết kìa!
- Thật là một con người can đảm phi thường!
Trước hiện tượng lạ, quân canh liền phi báo cho nhà vua. Vua truyền lệnh hoãn vụ hành hình, và xa giá đến Trúc Lâm thỉnh ý Phật. Đức Thế Tôn từ Hương thất gởi một hóa thân đến pháp trường đọc bài kệ:
"Người đã lìa dục xuất gia, ẩn mình chốn sơn lâm rồi lại hoàn tục, Khác nào kẻ đã được mở trói rồi tự buộc vào".
Pháp Cú 344
Phật vừa đọc kệ xong, sư thầy hoàn tục đắc quả Dự lưu, thầy dùng thần túc bay về tịnh xá đảnh lễ Đức Thế Tôn. Và giữa hội chúng đông đảo gồm các Tỳ kheo Tăng, Ni, vua quan, binh lính. . . thầy đắc luôn quả vị A La Hán.
Thích Nữ Như Thủy – Như Đức
"Hồn đạo sĩ say sưa trong cõi định

Màu thời gian không dính áo cà sa
Quên bao nhiêu cảnh tưởng cõi ta bà
Để tìm lại pháp sâu xa vi diệu
Nguồn tâm thể nghĩa là kho tịch chiếu
Trải nghìn muôn ức triệu vẫn như nay
Xa không gian và xa cả tháng ngày
Xa tất cả nét thương vay đau khổ".

Sự tích cây huyết dụ

Ngày xưa, có một bác đồ tể chuyên mua lợn về giết thịt để mang bán ở chợ. Nhà bác ta ở bên cạnh một ngôi chùa làng. Hàng ngày, vào lúc mờ sáng là lúc sư cụ bên chùa theo lệ thường dậy tụng kinh. Và cũng theo lệ thường sư cụ thức chú tiểu dậy gõ một hồi chuông mai. Bấy giờ cũng là lúc bác đồ tể sửa soạn giết lợn, cho nên bác ta quen lấy tiếng chuông chùa làm chừng, thức dậy làm việc hàng ngày. Cứ như thế, ngày nào cũng như ngày ấy không bao giờ sai lạc.
Một đêm nọ, Sư cụ nằm mộng thấy một người đàn bà dắt năm đứa con nhỏ đến trước mặt mình rồi vái lấy vái để, miệng nói "Xin cứu mạng! Xin cứu mạng!" rối rít. Sư hỏi người đàn bà:
- A Di Đà Phật! Cứu mạng là thế nào? Bần Tăng phải làm gì đây?
Người mẹ có bộ điệu hãi hùng ấy trả lời:
- Ngày mai xin Hòa Thượng hãy cho đánh chuông chậm lại. Như vậy mẹ con tôi rất đội ơn.
Nhà Sư tỉnh dậy không hiểu thế nào cả. Nhưng tờ mờ sáng hôm đó, vâng theo lời báo mộng, Sư cụ chỉ lâm râm đọc kinh cầu nguyện mà không thức chú tiểu dậy thỉnh chuông.
Lại nói chuyện cũng hôm ấy bác đồ tể ngủ một giấc li bì. Mãi đến lúc mặt trời lên chừng một cây sào, tiếng chuông chùa mới bắt đầu vang rền làm cho bác giật mình choàng dậy. Thấy trời đã quá trưa, bác không dám giết lợn như thường lệ, vì nếu làm thịt thì khi đưa ra đến chợ, chợ đã vãn người rồi. Tức mình vì lỡ mất buổi chợ, bác ta lật đật sang chùa trách Sư cụ. Sư cụ cho biết câu chuyện nằm mộng đêm qua để phân trần với ông hàng xóm không phải lỗi tại mình.
Nhưng bước chân về chuồng lợn nhà mình bác đồ tể ngạc nhiên thấy con lợn nái mới mua ngày hôm qua toan giết thịt sáng đó, đã đẻ được năm con lợn con. Vừa mừng vừa sợ, bác ta kể cho mọi người biết sự lạ lùng: "Đúng là linh hồn người đàn bà ẩn trong con lợn cái đã tìm cách cứu bầy con của mình khỏi chết."
Tự nhiên bác đồ tể đâm ra suy nghĩ. Bác thấy bàn tay của mình đã từng vấy

máu biết bao nhiêu là sinh mạng. Trong một lúc hối hận đến cực điểm, bác ta cầm cả con dao bầu chạy sang chùa bộc bạch nỗi lòng với Sư cụ. Bác ta quả quyết cắm con dao của mình trước sân chùa, thề trước Phật đài từ nay xin giải nghệ.
Không rõ bác đồ tể rồi sau đó như thế nào, nhưng con dao của bác tự nhiên hóa thành một loại cây có lá đỏ như máu và nhọn như lưỡi dao bầu, người ta vẫn gọi là cây huyết dụ.
Nguyễn Đổng Chi
Truyện cổ Việt Nam tập II
"Trăng sáng sau khi trời mới tạnh
Hiên ngoài thoang thoảng gió hương đưa.
Tiếng chuông ngân nga trong đêm vắng
Thử hỏi lòng ai đã tỉnh chưa?"

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập III - 8

Công đức xuất gia

Tại thành Vương xá, vườn trúc Ca La Đa, một bài pháp tán than về hạnh xuất gia, mà âm vang còn vọng khắp đó đây: "Nếu người nào thường hay khuyến khích, kẻ nam người nữ, dân chúng, hay chính tự mình xuất gia thì công đức ấy thật nhiều vô lượng, nếu đem so sánh với những phước báo khác thì phước báo nầy hơn hết. Vì sao vậy? Vì phước báo bố thí chỉ có hạn định, còn phước báo xuất gia thì vô ngần mé, nên không thể bì kịp, hoặc phước báo trì giới, hoặc phước báo của các vị các thần tiên có năm phép thần thông, cho đến phước báo cùng tột của cõi trời Phạm thiên mà đem ví với phước báo của người xuất gia chơn chánh trong Phật pháp thì không thể so sánh nổi. Hơn nữa người xuất gia là kẻ đi trên con đường đến Niết Bàn, thể nhập tịch tĩnh, nên nói đến phước báo nầy không thể nghĩ bàn.
Giả như có người phát tâm xây tháp bằng thất bảo, cao ngất tận trời cao, thì công đức ấy cũng không bằng người khuyến khích kẻ khác xuất gia, vì thât bảo kia, chắc chắn có ngày nào đó sẽ sụp đổ, hoặc bị kẻ gian ác ngu si phá hủy, còn kẻ khuyến khích người xuất gia, thì người kia tu hành phạm hạnh, tinh tấn trì giới đức , cuối cùng chứng đắc A La Hán vô sanh hoặc lậu đoạn tận, trang nghiêm chánh pháp, thì phước báo nầy là hơn nhất và cũng không ai hủy hoại được.

Muốn cầu các pháp thanh tịnh, ngoài Phật Pháp ra không có pháp nào có thể hơn được. Cũng như có 100 người đui gặp thầy thuốc chữa lành, thấy rõ mọi vật, hoặc 100 người bị tội móc mắt mà giải cứu được khỏi bị nạn móc mắt, hai việc làm trên tuy có lớn lao, nhưng cũng không bằng khuyên người xuất gia.
Công đức xuất gia cao cả cùng tột, vì vậy chính tự mình xuất gia hay cho người khác xuất gia, sau khi tu hành thành tựu quả vị Bồ Đề, hoằng dương giáo pháp, phổ giáo chúng sanh, chứng đắc tuệ nhãn, muôn ngàn kiếp không thể hoại diệt, lại còn làm con mắt sáng cho nhân thiên nữa. Những người được hưởng phước báo trong cõi người, cõi trời, chỉ trong thời gian rồi cũng bị dục vọng làm mê hoặc, phóng túng tư tình mà không có con mắt trí tuệ để nhận xét sự vật là vô thường, hư ngụy, là hố lửa, hang sâu thiêu đốt những ai ngu si tham vọng, là con đường dẫn dắt vào tam đồ lục đạo.
Pháp xuất gia có uy lực tiêu diệt quyến thuộc ma vương, làm cho lợi ích cho dòng xuất thế của Phật Pháp, nuôi pháp lành, nhổ tội báo, tăng phước duyên rồi thành Phật.
Đức Phật dạy -- Công đức xuất gia trong sáng, cao như núi Tu di, sâu như biển cả, rộng như hư không. Ai đem tâm cản trở người xuất gia sẽ bị đoạ vào địa ngục hắc ám, và không có mắt, chịu sự tối tăm đoạ đày vậy.
Vì vậy, khuyến khích hỗ trợ người xuất gia hay tự mình xuất gia được công đức cao như trời xanh, lớn như biển thẳm. Người xuất gia lấy kinh điển làm nước để rửa sạch hoặc nghiệp ô nhiễm, tẩy trừ sự sinh, già, bệnh, chết và gây nhân thể nhập Niết bàn. Lấy giới làm chân bước trên đất thanh tịnh trang nghiêm, lấy luật làm mắt để quán sát những việc thiện ác của thế gian, đi trên chánh đạo thẳng tiến Niết bàn. Đó là pháp tối thắng của người xuất gia.
Thuở xưa, có một ông trưởng giả tên là Thi Lợi Bí Đề sống đã tới 100 tuổi. Một hôm, ông nghe người ta kể cho ông nghe công đức của người xuất gia cao cả như vậy, ông thầm nghĩ: "Ta nay tuổi đã già, sức đã yếu, nhưng đối việc xuất gia học đạo theo Phật pháp được nhiều phước đức cao cả vậy ta hãy đến chỗ Phật xin xuất gia kẻo uổng lắm". Nghĩ xong gọi vợ con lên bảo:
- Nầy bà và các con, hôm nay tôi muốn đi xuất gia học đạo, làm đệ tử Đức Thế tôn, vậy ở nhà hãy lo làm ăn, có đồng ý không?
Vốn dĩ bị vợ con ghét bỏ, vì họ cho ông chỉ là kẻ ăn hại, chẳng làm việc gì cho có ích gia đình và những kẻ xung quanh, nên khi nghe ông đề nghị như vậy, vợ con đều tỏ ý vui mừng và tán đồng ngay.
- Dạ phải, ông hãy đi xuất gia đi, càng nhanh càng tốt, đi cho lũ chúng tôi nhờ.
Ông già bèn lên đường, thẳng đến Trúc Lâm nơi Thế Tôn và đại chúng trú ngụ. Nhưng chẳng may cho ông là hôm đó Thế Tôn chẳng có nơi tịnh thất, đi hóa độ nơi xa, ông già thăm hỏi các thầy:

- Bạch Đại Đức, Thế Tôn ở phòng nào? Xin làm ơn chỉ dùm tôi.
- Đức Thế Tôn đi hóa độ chưa về.
- Bạch Đại Đức, Thế Tôn đi vắng rồi ai là bậc Tôn Túc Trưởng lão ở đây?
Nghe hỏi các Tỳ kheo đều chỉ đến ngài Xá Lợi Phất, ông lão chống gậy về phía Tôn giả, đến nơi, ông lão bỏ gậy, chắp tay thưa:
- Kính lạy Tôn giả, con một lòng chí tín xuất gia, học đạo, cúi xin Ngài thương xót thân già, thâu nạp làm đệ tử, con xin đội ơn muôn kiếp.
Tôn giả Xá Lợi Phất nhìn ông lão một lúc, rồi nghĩ: "Ông lão nầy yếu đuối quá, vậy học hỏi tọa thiền và giúp việc chúng làm sao ông đảm đang nổi", nên Tôn giả đáp:
- Ông già yếu lắm rồi, không thể xuất gia được đâu.
Nghe nói vậy, ông lão bèn chống gậy đến Ngài Ca Diếp, Ưu Ba Ly, A Nậu Lâu Đà. . . cuối cùng đến 500 vị A La Hán đều hỏi:
- Ông đã thưa vị nào chưa?
Trước tiên con có đến Đức Thế Tôn, nhưng Thế Tôn không có nhà, rồi con lại đến Tôn giả Xá Lợi Phất, nhưng Ngài chê con già nua, lẩm cẩm nên không nhận con làm đệ tử, xuất gia học đạo.
Nghe nói các vị đều nghĩ: "Tôn giả Xá Lợi Phất là bậc trí tuệ siêu phàm mà không dám nhận ông lão vào hàng xuất gia huống nữa là ta. Như người thầy thuốc giỏi thấy con bịnh không thể chữa được nên các thầy thuốc khác cũng chạy luôn, có nghĩa gì. Hay Tôn giả biết trước ông lão sắp sửa chết nên không nhận, vì có nhận thì cũng không thể tu học được gì. Nghĩ vậy nên các Ngài cũng từ chối luôn.
Ông lão thất vọng, xin xuất gia mà chẳng có Ngài nào chấp nhận, chán nản ông ra ngoài cổng Trúc viên ngồi than khóc một mình, nghĩ rằng: "Ta từ lúc cha sanh mẹ đẻ cho đến khi khôn lớn, rồi có gia đình sự nghiệp mãi đến bây giờ, thử nghĩ lại, ta có làm điều chi tàn ác đâu, vậy tại sao ta chẳng thể xuất gia học đạo được. Còn ông Ưu Ba Ly là người bần tiện, ông Ni Đề là người hốt phân bò, ông Ương Quật Ma La là kẻ sát nhân khủng khiếp, ông Đà Tắc Ky là ác nhân làm giặc, vậy mà sao họ lại được xuất gia thâu vào hàng Tăng chúng? Còn riêng ta thì có tội chi?"
Đương cật vấn lòng mình, thì bỗng nhiên Đức Thế Tôn đi đến trước mặt, hào quang chiếu sáng, dung ghi đoan nghiêm, ông hoảng hồn chấp tay bái lạy.
- Này Thi Lợi Bí Đề, làm gì mà khóc lóc vậy?
Đức Thế Tôn hỏi, ông mừng rỡ quá, vội thưa:
- Bạch Đức Thế Tôn, có những chúng sanh kẻ giết người, người làm giặc, kẻ nói dối, người phỉ báng, kẻ hạ tiện và những người cùng đinh, nhưng tất cả đều được xuất gia tu học, còn riêng con, tự xét từ thuở cha mẹ sinh ra, làm người đến giờ, nay là 100 tuổi rồi, con có làm điều gì bất thiện đâu, vậy tại

sao con không thể tham dự vào hàng Tăng chúng xuất gia của Thế Tôn được. Bạch Thế Tôn, ở nhà thì bị vợ con ghét bỏ, nên đến đây, cầu chí nguyện xuất gia thì lại bị các Tôn giả chê là già cả, vô tích sự nên không thâu nhận. Khốn nổi quá! Con muốn tự tử, chết quách tại đây cho xong cái thân hủ bại này.
- Ai nói người nầy được xuất gia, còn kẻ kia thì không được xuất gia?
- Kính bạch Thế Tôn, Trưởng lão Tôn Túc Xá Lợi Phất đó.
- Thôi ông chớ buồn nữa, ta sẽ cho ông xuất gia học đạo, hãy theo ta vào Tịnh xá.
Nỗi lòng được xoa dịu, ước nguyện được viên thành, ông lão vui mừng hớn hở, như muốn chắp cánh bay lên hư không.
Khi về tới Tịnh xá, Thế Tôn gọi Mục Kiền Liên giao trách nhiệm và dạy bảo, làm lễ thế phát cho ông lão.
Vì Đức Thế Tôn là bậc Nhất thiết trí, với thiên nhãn, Đức Thế Tôn nhìn thấy suốt tâm địa chúng sanh, ai có duyên với người nào thì người đó mới độ được. Như người chỉ có duyên với Phật thì duy chỉ có Phật mới độ được mà thôi, còn như Xá Lợi Phất hay Mục Kiền Liên Liên cũng chịu; hoặc ngược lại kẻ có duyên với Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên thì Phật cũng chịu không thể độ được người đó. Vì duyên ai nấy gặp, không thể thay thế. Vì vậy, ông lão nầy trừ Mục Kiền Liên ra không ai độ được. Vâng lời Thế Tôn, nhận trách nhiệm dạy bảo ông lão, Mục Kiền Liên thầm nghĩ: "Ông lão nầy tuổi tác đã già rồi, thân hình lọm khọm, thì trong ba việc tụng kinh, tọa thiền, và làm việc chúng chẳng được việc nào, nhưng Thế Tôn đã giao, ta không dám trái ý".
Được vài hôm sau, Tôn giả làm lễ thế phát và mở giới đàn truyền giới cụ túc cho ông.
Từ khi ông lão được thế phát xuất gia, chính thức là một Sa môn chánh hạnh, ông rất tinh cần, ngày đêm cố gắng tu tập, nghe rành hiểu rõ giáo pháp nên chẳng bao lâu ông đã thuộc làu kinh điển, do vì đời trước ông cũng đã gieo rồng chủng tử lành, và có duyên với Phật Pháp nên tuy đời nầy đi xuất gia muộn nhưng chưa phải là trễ, chỉ tiếc có điều là tuổi già sức yếu nên về phép tắc oai nghi đối với các bậc tôn túc không được tròn bổn phận cho lắm, vì vậy mà các vị Tỳ kheo trẻ sanh tâm khinh lờn ông, cho rằng ông chẳng giữ lề luật, thanh quy nơi thiền môn, cửa Phật.
Thấy thái độ của các Tỳ kheo trẻ đối với ông như vậy, ông lão tự nghĩ: "Thiệt khổ! Khi còn ở nhà thì vợ con chẳng ngó ngàng gì tới, nay được xuất gia làm Sa môn đầu Phật, mong sự an nhàn, để tiến tu công đức ai ngờ lại bị các thầy Tỳ kheo trẻ tuổi hất hủi, khinh miệt, chẳng biết ta có tội gì mà nặng nề quá vậy, phiền não chẳng chịu được, chi bằng ta chết bỏ xác cho hết chuyện".

Ông liền đi đến khu rừng, bên cạnh con sông chảy siết, ông cởi áo cà sa, vắt lên cành cây, rồi quỳ thẳng chấp tay đối trước chiếc áo khóc lóc mà nguyện rằng: "Con xin bỏ mạng nơi nầy, nhưng không bao giờ bỏ Phật Pháp Tăng. Chiếc áo của con, xin dâng cúng các vị Tỳ kheo tinh tấn, trì giới tu hành, nguyện bỏ thân nầy, được sinh vào nhà giàu sang, phú quý, vui vẻ thuận hòa, chẳng ai cản các thiện pháp, ước nguyện việc làm của con và được gặp thiện trí thức, xuất gia học đạo, tu đắc quả vị vô sanh, hoằng truyền pháp Phật và thẳng tiến trên con đường cứu cánh Niết bàn". Nguyện xong, ông lão nhảy ùm xuống nước.

Khi đó Tôn giả Mục Kiền Liên ở trong khu rừng trúc, dùng thiên nhãn xem ông đệ tử già của mình làm trò gì, thì chợt thấy ông ta nhảy tủm xuống sông, Tôn giả bèn phóng thần túc vớt ông lên bờ rồi bay tới hỏi:

- Pháp tử làm gì vậy?

Thi Lợi Bí Đề nhìn lên thấy Thầy mình, mắc cỡ quá liền cúi đầu xuống chẳng biết thưa như thế nào cho phải. Ông thầm nghĩ: "Ta không nên nói dối với Thầy, nếu nói dối trải qua nhiều đời sẽ bị tội không lưỡi, nhưng nói dối sao được, vì Thầy mình có thần thông mà, vậy có nói gì nữa thì cũng biết. Trên đời bậc trí tuệ, thông minh, thật thà, ngay thẳng, các ông trời cũng phải kính trọng, còn kẻ dối trá, ngu si thì sẽ bị người ta khinh miệt, chê bai, cho là đồ hèn hạ, bẩn thỉu, lắm lúc có nói thật đi nữa thì họ cũng cho là nói dối, chẳng tin. Vậy chi bằng ta hãy trình bày sự thật cho Thầy mình biết, tội gì phải nói dối, mang tội đọa địa ngục".

- Bạch Thầy, con đã chán nản cái cảnh tục lụy hồng trần này nên nguyện cắt tóc xuất gia, cầu sự an lạc, nhưng những ngày con ở đây, chẳng thấy sự an lạc gì hết, mà trái lại còn bị phiền nhiễu, bận lòng, nên con muốn chết tại đây cho xong đời, không ngờ Thầy biết được, xin Thầy rộng lượng từ bi mà tha thứ.

Tôn giả Mục Kiền Liên liền nghĩ: "Ông lão nầy sao chán ngán quá vậy, cứ đòi tự tử mãi thôi. Nếu ta không dùng một phương pháp sợ hãi thì đối với việc xuất gia của ông không thành công".

- Nầy Pháp tử, hãy nắm chặt chéo áo cà sa của ta, khi đi trên hư không, ông phải nhiếp niệm chớ có loạn tưởng nghe.

- Dạ, con xin tuân mạng.

Ông nắm chéo áo thật chặt, Tôn giả Mục Kiền Liên bèn vọt thẳng lên hư không, như một cơn gió thổi mạnh, cuốn theo sau một làn bụi mỏng, trong chốc lát đã tới bờ biển.

Tôn giả đáp xuống trên bãi cát, hai thầy trò thả bộ dọc theo biển. Đi được một đỗi, gặp người con gái mới chết, nằm phơi xác dưới ánh nắng mặt trời, ruồi nhặng bu quanh, trên mặt có một con trùng bò ra rồi chun vô lỗ mũi, sau lại luồn ra hai mắt, rồi rúc vào lỗ tai, thấy thật ghê rợn.

- Bạch Thầy, người con gái này tạo nghiệp gì mà chết phơi thây trên bãi cát vậy?
- Chớ vội, tí nữa sẽ hay.
Hai thầy trò đi được vài dặm lại gặp một người con gái, đội cái chảo bằng đồng đến mé biển, đổ nước đầy rồi đun lửa sôi sùng sục, cô bèn cởi bỏ áo quần nhảy vào chảo nước sôi ấy, tóc lông rụng hết, chân tay rả rời, nhừ nát cả thân thể, nước sôi mạnh quá làm hất tung cả xương thịt ra ngoài, nhưng xương thịt ấy gặp cơn gió thổi qua thì liền lại thành hình người như cũ, rồi cô gái ấy tự xé thịt mình từng mảnh mà ăn nhai ngấu nghiến, trông ngon lành lắm. Thấy vậy, ông lão sợ hãi, núp sau lưng thầy mà hỏi:
- Bạch Thầy, người con gái nầy mắc tội gì mà tự ăn thịt mình ghê quá vậy.
- Chớ vội, tí nữa sẽ hay.
Rồi tiếp tục đi, vài dặm nữa, có một thân cây to đứng bên đường rất nhiều sâu bọ bám quanh mình, cho đến cành lá cũng đều bị sâu bám chặt rúc rỉa, lại nghe những tiếng kêu than thảm thiết, rợn người.
- Bạch thầy, tiếng rên la của ai mà nghe rợn tóc gáy vậy?
- Chớ vội, tí nữa sẽ hay.
Thầy trò lại dắt nhau đi lang thang một đỗi thì gặp một trái núi rất lớn, có nhiều đao kiếm nhọn sắc, cắm ngược mũi lên trời, sừng sựng như hàng cây mọc, lại có một người nằm lăn từ trên đỉnh xuống dưới chân núi cứ như vậy suốt ngày không thôi. Hình dạng rách nát, máu me đầm đìa chẳng còn hình thù một con người nữa, thấy vậy, ông lão lên cơn sốt, bám chặt sau lưng Thầy:
- Bạch Thầy, ông làm công việc như vậy để được gì trông ghê quá!
Với giọng từ hòa cố hữu:
- Chớ vội, tí nữa sẽ hay.
Lại tiếp tục cuộc đi, qua khỏi hòn núi nầy, lại gặp một con trai to lớn, quanh mình mọc ra những đầu thú to tướng, lại thấy các quỷ thần từ xa cầm cung nỏ, mỗi mũi tên có ba chỉa, đầu bọc sắt nhọn có tẩm thuốc độc và cháy đỏ, họ thi nhau bắn vào thân hình người con trai, cháy nung da thịt, kêu gào thảm thiết.
- Ồ Bạch Thầy, người chi lạ vậy, con sợ quá!
- Từ từ rồi sẽ hay, chớ vội.
Nắm chéo áo theo sau Thầy được một đỗi nữa, thì có một quả núi lớn nhưng núi nầy toàn bằng xương ghép lại, không có đất đá, cỏ cây, cao tới bảy trăm do tuần, che kín cả một khoảng trời rộng, thầy trò bèn lên trên sườn núi mà đi. Thi Lợi Bí Đề vừa đi vừa nghĩ: "Giờ này có lẽ ta hỏi Thầy sẽ trả lời, chứ hồi nãy đến giờ Thầy chưa trả lời cho mình một câu hỏi nào hết. Nghĩ vậy liền thưa:
- Bạch Thầy, xin Thầy giảng giải những sự việc vừa rồi cho con hiểu.

- Pháp tử, hãy chú ý, lần gặp đầu tiên, người con gái chết nằm trên bãi cát đó là vợ của Tát Bạc, người nước Xá Vệ. Cô ta rất đẹp nên được chồng quý mến và chẳng muốn xa rời. Một hôm Tác Bác dông thuyền đi buôn, nhưng vì thương vợ quá không thể để ở nhà một mình nên cho đi theo, cùng 500 khách buôn ra biển.
Thường ngày cô vợ hay tô điểm phấn son, trâm cài, lược dắt, soi gương ngắm nhìn vẻ đẹp kiều diễm của mình và sanh lòng kiêu mạn, và quyến luyến sắc đẹp ấy chẳng muốn phôi pha.
Thuyền đã ra khơi, bỗng gặp một con rùa khổng lồ đạp thủng hông thuyền, nước tràn vào và thuyền chìm lỉm xuống biển, mọi người đều chết hết, sóng gió thổi tạt những thây chết ấy vào bờ, vì tâm ái luyến và tưởng nhớ sắc đẹp nơi mặt mình, nên cô ta sau khi chết đọa làm côn trùng, nó vơ vẩn trên khuôn mặt từ mồm rúc ra lại luồn qua mũi, sang lỗ tai, chui vào mắt để ngắm xem bộ mặt đẹp đẽ, khả ái của mình mà không nỡ rời xa.
- Còn người thiếu phụ tự ăn thịt mình nơi chảo nước sôi, ấy là tội gì vậy?
Người con gái đó, ở Xá Vệ là đứa tớ của một người Ưu Bà Di. Người Ưu Bà Di nguyện cúng dường cho một Tỳ kheo trì giới thanh tịnh trong mùa an cư ở riêng trong một tịnh thất, ngày ngày Ưu Bà Di sửa soạn các món ăn ngon lành có mùi đặc biệt, tới bữa sai đứa tới gái ấy bưng dâng cho vị Tỳ kheo kia, nhưng khi bưng đi, người tớ gái đó bốc ăn hết những thức ăn ngon chỉ để lại các món ăn dở cho vị Tỳ kheo dùng. Qua một thời gian, Ưu Bà Di thấy nhan sắc của tớ gái tươi tắn, mập mạp bèn hỏi:
- Bộ mi ăn vụng các món ăn của Thầy ta hay sao mà độ nầy mi mập tốt vậy?
- Thưa bà, đâu dám, con cũng tin tội phước lắm chứ, con đâu phải kẻ tà kiến ngu si, có lẽ nào con lại làm một việc hỗn ẩu như vậy. Sau khi Thầy ăn xong rồi còn thừa cho con, con mới dám hưởng chứ. Con xin thề: "Nếu con ăn trước đồ ăn của Thầy, đời đời con tự ăn thịt thân con".
- Nầy Pháp tử, chính do nơi lời nói dối trá và thề thốt của người tớ gái mà sau khi chết phải chịu quả báo chính tự mình tạo ra là ăn thịt tự thân mình, sau đọa vào địa ngục, chịu khổ vô cùng tận.
- Bạch Thầy, còn thân cây to lớn hồi nãy, có các con trùng bám chặt, sao mà rên la dữ vậy?
- Đó là một vị Tỳ kheo, giữ của thường trụ tên là Lại Lợi Cha, lấy hoa quả và những đồ dùng khác cho anh em họ hàng và những người chung quanh, những người ấy sau khi chết, rơi vào loài súc sanh, sâu trùng bám vào thân cây mà rúc rỉa, còn thân cây ấy, chính là vị Tỳ kheo giữ của thường trụ.
- Bạch Thầy, còn người bị bắn, thân thể cháy nám hết cả, là ai vậy?
- Người ấy lúc sanh thời là một thợ săn, sát hại các loài thú quá nhiều, bởi tội báo đó nên bây giờ phải chịu các quỷ thần bắn tên độc vào mình, chịu khổ não muôn bề, chưa rõ ngày nào thoát khỏi.

- Cái người lăn trên núi dao, máu me đẫm mình ấy, ông ta tạo tội gì mà bức bách quá vậy?
- Người nầy ở thành Vương Xá, là một chiến tướng đi tiên phong, sát hại dân chúng chẳng gớm tay, vì tội báo nầy, phải đọa vào đại địa ngục chịu thống khổ và việc làm hiện tại của ông đó là sự trả báo cho ngày trước.
- Vậy, còn cái núi xương mà chúng ta đang đứng đây là do đâu mà có?
- Núi xương này là của con cá Ma Kiệt, chính là tiền thân của ông. Ông còn là kẻ phàm phu chưa biết.
Nghe Thầy nói, ông lão đánh thót cả người, quỳ xuống bạch rằng:
- Bạch Thầy, tâm hồn con mê mờ, ngu tối chẳng biết đâu là đâu, vậy xin Thầy chỉ cho con biết vì tội gì mà con phải làm thân cá?
- Sinh tử không bờ, luân hồi không bến, nhưng đối với nghiệp báo thiện ác không sai lệch, trốn thoát được – Vào thuở quá khứ, có ông vua ở Diêm Phù Đề nầy, tên là Đàm Ma La Bí Đề, chăm làm việc bố thí, giữ giới nghe kinh, có tâm từ bi, tánh không bạo ác, chẳng khi nào làm tổn thương tánh mạng loài côn trùng. Xứng đáng là một ông vua đạo đức. Ông dùng chánh pháp để trị dân, làm vua được 20 năm, nhân lúc rảnh đánh bạc chơi vui, lúc ấy có người bất bình với quan tòa trong một vụ xử kiện, quan tòa nổi giận và ỷ mình là quan lớn nên đi ngay vào tâu láo với vua:
- Tâu bệ hạ, ngoài thành có kẻ phạm tội giết người, vậy phải trị như thế nào?
Nhà vua ham chơi chẳng suy nghĩ:
- Cứ chiếu theo luật nước mà trị tội.
Quan tòa y theo luật, kẻ nào giết người thì bị tử hình, nên người đó bị xử trảm một cách oan ức.
Mãn cuộc chơi vua hỏi kỹ lại các quan, mới hay người ấy bị hãm hại vô cớ. Vua giựt mình, xây xẩm mặt mày, té lăn xuống đất. Các quan kêu gọi hồi lâu mới tỉnh. Vua than:
- Thôi rồi! Hỡi các cung tần mỹ nữ! Hỡi bá quan văn võ ! Ta phải đọa vào địa ngục, vì đã phạm tội giết người! tất cả đền đài ngôi báu ta xin trao lại cho các khanh ngự trị, riêng ta một mình dấn thân vào rừng sâu núi thẳm để tu hành, cầu đạo giải thoát từ đây.
Nỗ lực tiến tu, sau thời gian liên tục, cuối cùng mạng chung, vua đọa làm loài cá Ma Kiệt ở trong biển lớn, thân cá dài 700 do tuần. Một giấc ngủ trải qua một trăm năm, lúc tỉnh dậy đói quá, không có đồ ăn nên há miệng ra các loài tôm cá đều trôi vào bụng Ma Kiệt. Giữa lúc há miệng có một chiếc thuyền buôn đang theo dòng nước, xuôi thẳng vào miệng cá, mọi người trên thuyền quá khủng khiếp, gào thét, khóc la, có kẻ niệm Phật, người cầu trời khẩn đất, cũng có người kêu gọi cha mẹ vợ con, kể lể hôm nay là phút cuối cùng từ biệt cõi đời, không bao giờ thấy lại gia đình nữa. Thuyền sắp chui vào miệng cá, sự sợ hãi lên tột độ, mọi người đồng thanh niệm to "Nam Mô

Phật".
Bấy giờ cá Ma Kiệt nghe được tiếng Phật, động lòng từ bi liền ngậm miệng lại, đoàn người nhờ vậy được an lành. Vì lòng từ bi đó, cá Ma Kiệt lặn xuống nước nhịn đói rồi chết, sau đầu thai sinh vào thành Vương Xá, còn xác cá Ma Kiệt, nổi trên biển, các quỷ dạ xoa la sát kéo vào bờ và khiêng vứt lên bãi. Trải qua ngày tháng nắng mưa, da thịt đều tan hết chỉ còn trơ lại bộ xương. Nầy pháp tử, ông vua thuở đó nay chính là ông. Bởi tội giết người mà phải đọa làm cá Ma Kiệt ở dưới biển, nay đã làm được thân người tại sao lại muốn chết? Ông hãy nhàm chán sinh tử để yên tâm cầu giải thoát, chứ nếu một khi rơi vào địa ngục thì khó bề có ngày ra khỏi.
Thi Lợi Bí Đề nghe thầy mình giảng giải những báo ở tiền kiếp được hiểu rõ nhân quả luân hồi, và sự tạo nghiệp, trong lòng rung động, nhàm chán sanh tử. Ông chú ý quán sát đống xương cá là kiếp trước chính thân mình, thầm hiểu nỗi vô thường biến dịch. Trong giờ phút đó, Thi Lợi Bí Đề trút sạch các lậu hoặc, đắc quả A La Hán.
Biết được đệ tử của mình đã chứng quả, Mục Kiền Liên hoan hỷ:
- Nầy pháp tử, việc làm của ông đã xong, gánh nặng đã đặt xuống rồi, vậy hãy về Tịnh Xá.
Nói xong, Tôn giả vụt lên hư không như phượng hoàng vỗ cánh, Thi Lợi Bí Đề cũng bay theo, như chim con bay theo chim mẹ, trong chốc lát đã đến vườn trúc, trước cửa Tịnh xá.
Khi ấy các vị Tỳ kheo trẻ chưa biết ông đã chứng quả A La Hán nên vẫn xem thường, không cung kính có lúc lại còn la rầy nữa. Nhưng vì lòng đã từ mẫn nhu nhuận nên ông hoan hỷ âm thầm chấp nhận.
Đức thế Tôn biết được tâm ý của các Tỳ kheo trẻ kinh mạn đối với các bậc đã chứng quả, và để chận đứng tội lỗi đó, nên giữa đại chúng Phật dạy:
- Này Thi Lợi Bí Đề, ông mới ở ngoài biển về phải không?
- Bạch Thế Tôn, con mới từ biển về.
- Ra biển có gì vui không?
Thi Lợi Bí Đề cung kính thuật lại những điều đã qua cho Thế Tôn và đại chúng nghe. Phật dạy :
- Lành thay, Thi Lợi Bí Đề kể từ hôm nay nỗi khổ sanh tử ông đã trút sạch, thể chứng Niết Bàn. Như vậy, ông thọ nhận sự cúng dường của chư thiên và loài người, việc làm xứng đáng của một bậc A La Hán.
Nghe sự việc rõ ràng như vậy, các Tỳ kheo trẻ lo sợ, thầm nghĩ: "Chính ông lão này là bậc Trưởng lão Tôn túc, ấy là mình không hiểu, đem tâm khinh mạn, tội này chẳng phải nhẹ, vậy giờ ta hãy tỏ bày sám hối trước Tôn giả là hơn." Nghĩ xong, các Tỳ kheo trẻ đứng dậy đến trước Thi Lợi Bí Đề cúi đầu xin sám hối.
- Tôi đối với mọi người đều có lòng thương xót, xin nguyện các Thầy thân

tâm được thanh tịnh.
Mặc dù đã sám hối, nhưng các Tỳ kheo trẻ vẫn thấy sợ sệt, Thi Lợi Bí Đề biết được, ông giảng giải lý sanh tử cho nghe, từ đó các Tỳ kheo trẻ gắng tu, tinh cần công hạnh, chẳng bao lâu đều đắc quả A La Hán. Do nhân duyên này, tiếng đồn khắp thành Vương xá:
- Thật lạ quá, ông già 100 tuổi rồi mà đi tu còn đắc đạo, thuyết pháp như nước chảy suối reo, chưa từng thấy.
Từ đó, người trong thành noi gương ông mà lần lượt xuất gia rất nhiều.
Giới Đức
"Đức Phật cao thượng hơn các bậc trí tuệ, Ngài chẳng những chỉ cho chúng sanh thấy cái quả, mà còn dẫn chứng cho thấy cái nhân. Mỗi khi đề cập cái nhân, thì Ngài tiên đoán ngay cái quả".

Vị Sa Di giữ giới

Xưa tại nước An Đà có một vị Tỳ kheo sai một vị Sa Di đến nhà một cư sĩ lấy đồ ăn. Lúc bấy giờ cả nhà đi xem hội vắng, chỉ có một người con gái tuổi 16, nhan sắc đẹp đẽ ở nhà. Người con gái thấy vị Sa Di, tà tâm nổi lên, bèn cuối lạy vị Sa di và thưa rằng:
- Nhà của tôi tiền bạc rất nhiều, nếu Ngài chiều theo ý của tôi thời Ngài làm chủ cái nhà nầy, tôi nguyện xin cung cấp tất cả.
Vị Sa di suy nghĩ rằng: "Ta thà chịu bỏ thân mạng, quyết không phá cấm giới".
Nghĩ vậy bèn vào trong phòng, đóng cửa quỳ thẳng chấp tay phát nguyện rằng:
- Tôi nguyện không bỏ Tam Bảo chánh giới, nguyện sanh vào nhà thanh tịnh dứt sạch mọi phiền não, thành đạt Chánh giác.
Phát nguyện xong bèn tự vận mà chết.
Vua trong nước nghe tin bèn tán thán cho rằng việc chưa từng có, bèn tự thân hành đến đảnh lễ trước vị Sa di, để thi hài trên xe báu, làm lễ cúng dường, rồi đem các thứ gỗ thơm làm giàn hỏa thiêu thân vị Sa di: "Xả thân giữ cấm giới".
Minh Châu
"Giới là phao nổi để vượt qua bể khổ sanh tử, là ngọc anh lạc để trang nghiêm Pháp thân"
"Giới là đèn sáng lớn
Hay thiêu tối đêm dài.
Giới là gương thật báu
Soi khắp pháp thế gian
Giới là thuyền bè lớn

Đưa người qua bể khổ.
Giới là ao thanh lương
Tắm gội trừ phiền não.
Mọi công đức lành, đều từ đây phát sanh".

Vạ mẹ

Ngày xưa có một nước rất là thái bình thịnh vượng, nhân dân cực kỳ đông đúc yên vui, mùa màng tươi tốt, của cải chứa chan, khí hậu đều hòa, tật bệnh không có, khắp thị thành thôn quê, đâu cũng như đâu, ai nấy đều được sung sướng như ý, không hề nghe tiếng kêu ca than thở bao giờ, đi đến đâu cũng thuần những cảnh ăn uống chơi bời hát xướng vui vẻ, thật không khác chi cảnh thần tiên hiện tại.
Bấy giờ vua hỏi các quan rằng:
- Trẫm nghe nói có những thứ tai vạ, vậy không biết có những thứ gì và hình thù của nó ra sao?
Tất cả các quan cũng đều nói là không ai biết cả. Vua liền sai một ông quan đi sang nước bên cạnh xem có thì mua về.
Lập tức ông sắm sửa để đi, sang tới nơi, vào trong một cái chợ rất đông, thấy có một người (thần hóa) đứng giữa một con vật thật kỳ quái, hình nó như một con lợn nhưng coi rất hung tợn, nên phải buột bằng dây sắt và khóa bằng một cái khóa sắt rất cẩn thận.
Ông quan kia liền hỏi:
- Đây là con vật gì và có bán không?
- Đây là "Vạ mẹ" ông có mua tôi bán cho.
- Bao nhiêu thì bán và hằng ngày nó ăn bằng gì?
- Một nghìn vạn thì tôi bán, cứ mỗi ngày nó ăn hết một đấu to kim.
Khi ông quan mua được đem về, liền truyền khắp cho tất cả toàn dân ai ai cũng phải góp kim để nuôi Vạ mẹ.
Từ đấy trở đi suốt đêm ngày khắp cả nhân dân trong nước, ai ai cũng phải lo tìm kiếm sao cho ra kim để đóng góp, từ quan chí dân, đi đến đâu cũng thấy diễn ra những cảnh hà hiếp bắt bớ nhau, toàn dân bỏ hết mọi sự làm ăn, thành ra vườn ruộng bỏ hoang nhân dân đói khổ, tranh dành cướp bốc lẫn nhau, trở nên rối loạn, đâu đấy đều bị lầm than khổ sở vô cùng.
Sau một thời gian, các quan thấy dân thống khổ quá lắm rồi, mới tâu vua rằng:
- Vì cái Vạ mẹ nó đã sinh ra cho dân biết bao nhiêu tai họa, khiến cho toàn dân phải điêu đứng khốn khổ vì nó, vậy nay xin đem giết nó đi.
Vua nói:
- Việc đó phải lắm!

Bấy giờ cho người đem ra ngoài thành giết, thì đâm nó không thủng, chém nó không đứt, bổ nó không vào, đập nó không vỡ, đánh nó không chết, sau cùng phải đem lửa đốt nó.
Khi mình nó bị lửa cháy hồng, thì nó chạy xông vào khắp tất cả làng xóm, chợ búa, phố phường, nó đi đến đâu có bao nhiêu nhà cửa hàng quán đều bị thiêu ra tro hết.
Nhân dân lúc đó lại càng rối loạn khốn cùng đi đến đâu cũng nghe thấy tiếng kêu ca than khóc suốt đêm ngày, đầy rẫy những cảnh hoang tàn thảm đạm, ai ai cũng đều than vãn cho là đương yên lành, bỗng dưng đi mua cái vạ mẹ đem về để nó sinh ra tai vạ, làm dân phải chịu lầm than khổ não.
Trí Hải
"Muốn làm một việc gì, trước nhất phải nghĩ đến kết quả của nó.
Kẻ thường nhân sợ kết quả nhưng người trí tuệ chỉ sợ nguyên nhân".

Hòa thượng cua

Thuở trước ở miền Bắc nước ta, có một chú bé mồ côi cha sống với mẹ tại một miền quê hẻo lánh nọ.
Năm chú bé được 12 tuổi, bà mẹ vẫn còn buôn bán tảo tần nuôi con. Một hôm, trước khi mang hàng ra chợ bán, bà mẹ trao cho con một giỏ cua đồng, bảo giã ra nấu canh làm cơm trưa. Chú bé y lời mẹ dặn mang giỏ cua ra làm. Bất ngờ, vừa giáng chày đập con cua đầu tiên, thấy con vật quýnh quáng, quờ quạng tay chân tìm đường sống, chú bé chợt động lòng bi mẫn, không nỡ tiếp tục, liền đem giỏ cua ra trút xuống ruộng.
Tan chợ, bà mẹ mang hàng về. Nhìn mâm cơm đạm bạc, bà ngạc nhiên hỏi:
- Thế, món canh cua đâu?
Chú bé ấp úng:
- Khi sáng con mang cua ra làm, thấy chúng nó khóc, con thương quá, nên. . . thả hết rồi mẹ ạ!
Vừa đói, vừa giận, bà mẹ vơ lấy cây đũa bếp, gõ cho con một cái, chú bé hoảng sợ co giò chạy ra khỏi nhà. Chú đi, đi mãi và xa mẹ từ đó.
Ba mươi năm đã qua, bà mẹ đã già nua, vẫn bán hàng từng buổi chợ để mưu sinh. Một hôm đang buổi chợ, bà gặp một vị Tăng trung niên, ghé qua hàng hỏi thăm qua gia thế và đề nghị giúp đỡ bà bằng cách đem về chùa nuôi dưỡng. Bà cụ nhận lời và vào chùa làm công quả từ dạo đó.
Ngày tháng dần qua, đã đến lúc bà cụ từ giã cõi đời. Hòa thượng trụ trì, tức vị Tăng đã đề nghị mang bà vào chùa dạo trước, có việc phải đi bố giáo phương xa.
Trước khi đi, Ngài dặn các môn đệ rằng nếu bà cụ mất thì chư Tăng cứ tẩn liệm, nhưng đừng mai táng mà phải đợi Ngài về. Mọi người đều y lời.

Bà lão mất được một hôm thì Hòa thượng trở về. Đứng trước quan tài mẹ Hòa thượng thắp hương khấn vái rằng:
- Trong kinh Phật có dạy, một người con tu hành đạt đạo, cha mẹ sẽ được sinh thiên. Nếu lời nói ấy không ngoa thì xin cho chiếc quan tài nầy bay bổng lên và vỡ làm ba mảnh.
Hòa thượng vừa dứt lời, chiếc quan tài đựng thân xác bà cụ từ từ bay lên, bỗng hạ xuống vỡ làm ba mảnh.
Trước sự kinh ngạc của toàn thể hội chúng, Hoà thượng bèn thuật lại thân thế của mình, chẳng ai đâu xa lạ mà chính là chú bé thả cua dạo nọ. Từ đó, người ta gọi Ngài là Hòa Thượng Cua, và cũng theo lời người ta kể ba mảnh vỡ của chiếc quan tài hiện vẫn còn tồi tại ở một ngôi chùa Bắc Việt để mọi người ghi nhớ câu chuyện lạ lùng và cảm động về Hoà Thượng Cua và vị thân mẫu sinh ra Ngài.
"Tu một thuở cứu thân vĩnh kiếp
Độ mình còn cứu vớt Mẹ Cha
Thuyền to một chiếc sắm ra
Tất nhiên chở hết cả nhà xuống đi".

Hái hoa cúng Phật

Một thời Đức Phật ở thành La Duyệt Kỳ. Lúc bấy giờ vua trong nước thường hay sai 10 người đi hái hoa. Một hôm, những người này ra ngoài thành hái hoa xong, liền trở về. Giữa đường gặp Đức Phật hào quang chói sáng tướng tốt oai nghi, như mặt trăng giữa các vì sao, như mặt trời mới mọc, xung quanh lại có rất nhiều vị Bồ tát đệ tử theo hầu.
Các người hái hoa liền đến trước Đức Phật, chấp tay đảnh lễ và bạch Phật rằng:
- Mạng người rất khó bảo toàn, Đức Phật rất là khó gặp, kinh pháp rất là khó được nghe. Nay chúng con gặp được bậc Đại Thánh, thật chẳng khác gì người bệnh gặp lương y. chúng con vì lòng tham dục mà phải đi hành dịch như thế nầy, mỗi ngày phải đi hái hoa về dâng cho vua, nếu chậm trể thì bị hình phạt. Nhưng ở đời được gặp vị Thánh Nhân là rất khó, trăm kiếp ngàn đời may mới gặp một lần, dầu cho chúng con cũng rất hoan hỷ dâng hoa cúng dường Phật và Thánh chúng, được thọ lãnh kinh giới, nghiên cứu suy tầm Phật Pháp cao sâu, trí tuệ vô cùng tận. Chúng con trải qua vô số kiếp, bị người hãm hại không sao kể xiết, nhưng chúng con chưa được vì Phật Pháp mà hy sinh thân mạng. Nay chúng con xin dâng bó hoa Tam Bảo cúng dường Đức Thế Tôn, dầu có gì việc nầy mà bị hại, chúng con cũng khỏi đọa vào đường dữ, được sanh lên những cảnh giới an lạc. Chúng con xin thành tâm quy y, đảnh lễ Đức Thế Tôn.

Đức Phật biết rõ tâm ý chân thành của các người dâng hoa, tâm sanh lòng thương mến vô hạn, liền đem giáo lý Đại thừa ra giảng dạy, khiến cho mọi người đều phát đạo ý, khai sáng Phật tuệ, chứng được bậc bất thối chuyển, không còn bị đọa lạc. Đồng thời Đức Phật thọ ký cho những người hái hoa tương lai sẽ thành Phật hiệu là Diệu Hoa.
Minh Châu
"Ở đời ai nghèo đến nổi không có thân.
Thấy người làm việc thiện, tự mình giúp hoặc sanh tâm hoan hỷ tán thành, như vậy cũng gọi là thí chủ, cũng được phước đức".

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập III - 9

Con trâu

Bác nông phu vác cày lên rồi đánh trâu ra đường, vừa đi bác vừa nhẩm tính: "Còn 3 hôm nữa là ta cấy mạ".
Bác sung sướng vì năm nay bác được mùa, bây giờ bác còn mong đợi ở thắng lợi ở mùa trái nữa, bác cười thầm, tay bác vụt mạnh mấy roi vào hông trâu.
Bị thúc giục trâu bết bải bước gấp trên con đường gồ ghề của nông thôn. Làng nầy nằm một bên đồi hẻo lánh và hiện giờ đang ở trong cảnh yên lặng tịch mịch của ban đêm.
Màn sương vén dần, vừng đông vừa nhô lên khỏi đồi núi, những tia sáng đầu tiên lung linh xuyên qua đám mây trắng, lấp lánh chiếu trên mấy rặng thông. Trước mặt bác là cánh đồng phì nhiêu chạy dài đến tận chân đồi xa thẳm, thỉnh thoảng đôi rạch nước ánh lên vì nắng sớm.
Tắc hò! Tắc hò! Miệng bác nông phu lanh lảnh, con trâu nặng nề kéo, chân bác ấn mạnh lên lưỡi cày, đất bị xẻ từng đường dài uốn cong ra hai bên, như những lượn sóng rẻ ra trước mũi thuyền. Xa xa vài người đang cuốc lên nền trời trong. Năm bảy con ác là khấp khểnh đớp mồi trên những sóng đất cày. Từ phía rừng tiếng chim rải rác và gà rừng vang lên trong rừng lá rậm. Mặt trời càng lên cao, người và trâu nướng mình trong nắng. Lưỡi trâu le dài và nước bọt ràn rụa, mắt trâu lờ đờ vì nắng thiêu, đuôi trâu phe phẩy như vang lơn ngọn roi vun vút của bác.
Trâu tuy đã già, nhưng sức còn khỏe. Gia đình bác mỗi ngày mỗi lên, một phần lớn là nhờ trâu. Con trâu nầy là người bạn quý hóa của bác, rất tận tụy

với bác, đã cùng bác vật lộn với cuộc sống và chịu dầm mưa dãi nắng, để đưa gia đình bác lên. Bác nông phu trìu mến trâu lắm, nhưng vì quá ham công tiếc việc nên đôi khi bác quên nghĩ đến sức khỏe của trâu cũng như sức khỏe của bác.
Cày hết đám này, bác cày tiếp đám khác, con vật cần cù ấy vẫn hì hục theo mệnh của bác. Cánh đồng bây giờ hoang vắng, gió bắt đầu đổi chiều. Bỗng sầm lại. Từ phương đông mây đen nghịt nặng nề kéo đến khuất mặt trời, rồi đổ mưa xuống. Trâu và người vẫn thản nhiên cặm cụi làm việc trong mưa gió. Gió mỗi lúc mỗi mạnh, những hàng tre ngửa nghiêng, chớp sáng loáng, sét rầm vang. Một giờ sau mây tan dần mưa thưa hạt, rồi trời tạnh hẳn. Mặt trời lại rực rỡ xé toang màn trời cũ. Khí nóng, hơi bốc lên làm mờ những lũy tre trong làng. Bên kia đồi một vài con chim hót rời rạc.
Bác nông phu thấy choáng váng đầu, người hơi tê lạnh, mắt loa lên, thả cày xuống lần vào gốc cây đa, nằm xuống bác thiếp ngủ.
Một hồi lâu đứng đợi mệnh lệnh, trâu không thấy bên sau cử động gì ngoảnh đầu lại thì thấy chủ đã nằm sóng sượt dưới gốc đa, và một con cọp từ đồi mon men đi xuống. Biết chủ mình lâm nguy, trâu vùng vằng một lúc hất văng dù một bên đường ruộng chạy bay vào cứu chủ. Thấy trâu hung hăng cọp lui vào bụi rậm. Trâu nhìn mãi không thấy bóng cọp, vui mừng đến húc chủ dậy. Bác nông phu mở mắt, trâu chỉ biết ngước mặt lên phía đồi… Đầu bác còn choáng váng, thấy trâu đến húc mình, bác tưởng trâu thù bác, vùng dậy bác bẻ cây đánh trâu túi bụi, chịu đựng không nổi trước những ngọn roi vô lý ấy, trâu bỏ chạy mà không muốn phản kháng. Bác nông phu mệt lừ, vất roi bác thở hổn hển rồi mê đi bao giờ không hay.
Trên nền trời lam biếc, từng đám mây trắng đuổi nhau không ngừng. Gió hiu hiu thổi. Bác nông phu ngủ ngon lành. Không dằn được lòng háo sát, một lần nữa cọp ra khỏi bụi rậm, lần mò xuống đồi. Nãy giờ trâu buồn rầu đứng nhìn ngơ ngác giữa đồng ruộng, bỗng quay về phía rừng, trâu hoảng hốt, vì cọp đã đến gần gốc đa. Trâu không nhớ những vọt roi tàn bạo, mà chỉ nghĩ đến bổn phận của mình. Trâu chạy đến như bay, cọp nhún mình định vồ lấy bác nông phu, nhanh như chớp, bốn chân trâu nhẹ nhàng, bước đến phủ lên mình bác. Cọp tức giận phồng mang trợn mắt, phóc qua nhảy lại cố vồ cho được mồi ngon. Nhưng vô hiệu, mắt trâu đăm chiêu theo mọi hoạt biến của cọp để trương sừng đối phó.
Trong khi đó bác nông phu vẫn mê man ngáy đều đều, trong bầu không khí xâm chiếm và kháng cự yên lặng. Cầm cự một hồi lâu, thấy không thể tấn công được nữa, cọp nguýt trâu lần cuối, rồi trở về núi rừng. Trâu sung sướng rống lên một tiếng mừng chiến thắng. Đang ngủ say sưa bác nông phu giật mình tỉnh dậy, thấy mình nằm dưới bụng trâu, bác khủng khiếp, lồm cồm, vừa bò bác vừa la:

- Làng xóm ơi! Cứu tôi với, hắn giết tôi!
Trâu nghe bác la vang trời, tưởng bác mừng thoát chết, không ngờ bác lấy cây roi nguy hiểm khi nãy… Trâu vẫn thản nhiên đứng nhìn và chịu đựng những hành động phủ phàng của bác. Vừa đánh đập vừa nhiếc mắng:
- Đồ phản chủ! Tao đánh chết mầy.
Trên đường về Tịnh xá, từ xa Đức Phật đã nhìn thấy hành động độc ác gây nên bởi sự hiểu lầm của người và nỗi oan ức của vật. Đi nhanh đến, Đức Phật đỡ cây roi và bảo:
- Thôi đừng đánh nó nữa, ngươi cho ta cây roi nầy, vất roi xuống đất.
Đức Phật vuốt ve mình trâu:
- Thế là con hết bị đánh rồi.
Trâu như hiểu lời Phật dạy cảm động, nước mắt ràn rụa.
Đức Phật đưa tay thoa nhẹ vào các lằn roi rướm máu trên mình trâu, Ngài ôn tồn bảo:
- Trâu ơi con đau khổ lắm không? Nhưng thôi con đừng buồn tủi nữa, ta đã biết rõ nỗi lòng của con – lòng trung thành mà con đã được trả lại những ngọn roi oan khuất của chủ con.
Đức Phật mãi mê an ủi con trâu như quên cả bác nông phu đứng bên cạnh, Ngài nói tiếp:
- Trâu ơi, một lần nữa ta khuyên con đừng buồn chán và con nên biết rằng không những một mình con, mà chính ta cũng đã nhiều lần nếm qua nỗi niềm chua chát ấy.
- Con ạ, ta vì thương nhân loại nên ra đời cứu khổ, thế mà có lắm người không thấu rõ lòng ta, họ đã và đang lăm le phá hoại và sỉ nhục ta. Nhưng trâu ơi, ta không nản lòng và không cho đó là sỉ nhục, mà những điều đáng sỉ nhục là khi nào không làm tròn phận sự của ta và không đem lại lợi ích, an vui vho mọi người. Con cũng thế, ta khuyên con vui lên, tiếp tục chân thành giúp đỡ khi an cũng như lúc nguy cho chủ con và cho tất cả mọi người, thì đó chính là một phần thưởng an ủi lớn lao cho đời con. Còn chủ con thấu hiểu lòng con hay không, điều đó không đáng kể lắm!
Nói xong Đức Phật xây qua bác nông phu:
- Luôn hai lần cọp đến định vồ ngươi, mà đều được trâu chống cự để bảo vệ tính mạng cho ngươi. Thế mà vì hiểu lầm, ngươi đã đánh đập trâu. Không tin ngươi hãy nhìn dấu chân cọp, vừa nói Đức Phật vừa đưa tay chỉ những dấu chân cọp còn lại.
Giật mình bác nông phu vang lên:
- Lạy Ngài con không biết.
Bác chạy đến ôm lấy trâu khóc nức nở:
- Trâu ơi. Con hiếu nghĩa quá!
Một lần nữa Đức Phật thoa nhẹ mình trâu và bảo:

- Thôi ta đi, con ở lại, con hãy làm tròn bổn phận của con nhé!
Từ giả bác nông phu, Đức Phật khoan thai xuống đồi.
Trâu lẫn người bốn mắt ngậm ngùi nhìn theo.
Châu Đức
Đốt nén tâm hương trước Phật đài,
Phổ Hiền hạnh nguyện đừng sai.
Hóa than vô số làm muôn việc,
Cứu khổ sanh linh khỏi lạc loài.

Sư bác quản tượng

Thuở ấy, có một chàng quản tượng rất sành nghề, bỏ nhà đi tu, gia nhập Tăng đoàn và đi khất thực trên những con đường mà ngày xưa thầy vẫn thường cỡi voi đi. Một hôm, dừng bước thọ thực bên bờ sông Aiiravati, thấy một gã quản tượng non tay đang cố gắng điều phục một chú voi con, nhưng không thành công, thầy vọt miệng nói với mấy huynh đệ đồng hành:
- Luyện voi bằng cách đó thì còn lâu nó mới nghe theo. Phải đánh nó mấy chỗ nhược da non như chỗ nầy… chỗ nầy… thì nó mới sợ.
Gã quản tượng nghe lọt tai, mới làm theo và quả nhiên con voi chịu phép.
Khi trở về tịnh xá, các thầy Tỳ kheo vui miệng kể cho chúng bạn ở chùa nghe và câu chuyện đến tai Phật. Phật gọi ông sư quản tượng đến, hỏi:
- Có phải ông đã mách nước như thế không?
- Thưa phải.
Phật quở:
- Nầy ông thầy vô tích sự! Ông làm như vậy, nào có ích gì. Đâu phải nhờ cỡi thú mà người ta có thể đi đến nơi giải thoát. Chỉ có người nào biết tự huấn luyện mình, người đó mới đến bờ giải thoát. Ông nên tự luyện mình, đừng có làm cái trò luyện thú như vậy.
"Chẳng phải nhờ xe hay ngựa mà đến được cảnh giới Niết Bàn. Chỉ có người tự huấn luyện mình mới đạt được thôi"
(Pháp cú 323)
Thích Nữ Như Thủy – Như Đức
"Nhhững ai thấu chánh pháp
Tự điều phục thân tâm
Thanh tịnh không não hại
Mới đáng gọi thượng nhơn"

Cây táo núi Thiết Sơn

Xưa, trên núi Thiết sơn có một cây táo to lớn không biết mọc từ thời nào, chỉ

biết rằng từ xưa tới nay, chưa ai hề trông thấy cây đó có quả, dù là quả rất nhỏ. Vì thế, nhân dân ở chung quanh vùng đều đặt tên là "bất quả thọ".
Chí Hiếu - một tiều phu ở miền kế cận, ngày ngày đem tấm thân gầy gò yếu đuối, lên núi kiếm củi bán lấy chút tiền mua rau cháo về phụng dưỡng mẫu thân.
Mẫu thân anh là một bà già hình vóc mảnh mai, tuổi ngoài lục tuần và chỉ sanh hạ ra có một mình anh. Ít tháng nay, bà cụ bất hạnh bị đau mà nhà nghèo không có tiền thuốc thang chạy chữa nên dần dần hóa chứng tê bại nằm liệt trên giường, khiến cho Chí Hiếu ngày đêm nung nấu, phần thương mẹ già bệnh hoạn, phần buồn cho mình số hẩm hiu không lo tròn bổn phận làm con.
Một tối kia, vừng trăng hiền lành từ từ nhô lên khỏi khu rừng và tỏa đầy ánh sáng vào gian nhà ọp ẹp của anh. Trên chiếc chõng tre, lúc nầy, anh đang kể chuyện hầu mẹ để mẹ khuây khỏa nỗi niềm đau khổ, bỗng anh thấy cụ bà im bặt không trả lời, nghe hơi thở của mẹ đều đều phát ra, anh đoán chắc hôm nay bệnh của mẹ anh có vẻ dễ chịu hơn, nên mẹ anh đã ngủ giấc ngon lành. Nghĩ như thế, anh thấy lòng anh tràn ngập hân hoan liền khe khẽ đứng dậy khép cửa phòng và nhẹ nhàng bước ra nhà ngoài nơi có kê chiếc giường của anh nằm và cũng là cái bếp để thổi nấu.
Động tác đầu tiên của anh là mở toang cánh liếp chắn cửa cho ánh trăng thỏa sức chiếu vào, anh giương to lồng ngực hít lấy không khí thì ít mà hít lấy ánh trăng thì nhiều, anh cảm thấy khoan khoái quá bất giác thốt lên:
- Cha chả! Đêm nay trăng đẹp làm sao!
Nhất là khi nhìn đến mảnh vườn sạch sẽ trước sân đương tắm dưới ánh trăng vàng, khác nào như rải lên trên cảnh vật một tầng kim cương bảo thạch xem thấy vừa mát mẻ vừa mỹ lệ. Những giọt sương lấm tấm bám đọng vào lá cỏ ngọn cây lóng lánh như sao sa trông nào kém gì những hàng ngọc châu quý giá. Anh nghĩ: "Giả thử mẹ ta được mục kích cảnh tuyệt mỹ nầy của tạo vật an bài chắc người hoan hỷ không biết đến chừng nào?" Vừa nói anh vừa phóng tầm mắt nhìn về nẻo xa, bỗng một đạo quang trắng xóa qua ánh trăng êm đềm và bắn thẳng vào mắt anh. Hào quang đó quay mấy vòng rồi rơi xuống ngay chỗ trước mặt anh đứng.
Chí Hiếu định thần nhìn ra thì chao ôi! Bạch hào quang là một vị Lão Hòa Thượng!
Vị Lão Hòa Thượng này xúng xính trong chiếc áo dài trắng tinh và điểm thêm một chòm râu phất phơ đến rún, trắng như bạc. Chí Hiếu hoảng sợ quá, tóc gáy dựng ngược và khắp mình gai ốc nổi đầy. Anh run lên cầm cập lưỡi líu lại không nói được câu gì chỉ biết trố mắt sợ hãi nhìn vị lão Hòa Thượng.
Vị Hòa Thượng ôn tồn cất tiếng bảo rằng:
- Chí Hiếu! Con chớ có sợ hãi! Bần đạo là Hòa Thượng núi Thiết sơn lại đây

với mục đích chữa bệnh cho mẫu thân con, vì lòng hiếu thảo của con đã cảm động Tam Bảo, nhất là lòng ấy đã phát ra từ một người con nghèo nàn như con không tìm ra tiền thang thuốc cho mẹ già thì lại đáng cứu lắm!
Chí Hiếu nghe xong trong lòng xiết bao hoan hỷ, liền quỳ xuống bái tạ vị Hòa Thượng. Hòa Thượng đỡ anh dậy và vui vẻ an ủi:
- Con khỏi lo ngại cho bệnh tật của mẹ già! Hãy mau lên đỉnh núi Thiết Sơn, tìm đến cây táo cổ thụ mà hái cho kỳ được một trái đem về dâng mẹ ăn thì bệnh chi cũng khỏi liền.
Với sự bán tín bán nghi anh ấp úng một hồi rồi cung kính thưa cùng Hòa thượng:
- Bạch Hòa thượng, cây táo này đã từ bao đời chưa hề có bói một quả nào thì ngày nay có chi để hái?
Hòa thượng hồn nhiên nhắc lại:
- Không, hãy nghe lời bần Tăng, đừng nghi ngờ gì cả!
Chí Hiếu bản tính chất phác chậm hiểu nên vẫn còn hồ nghi, liền hỏi lại Hòa thượng:
- Thật có trái táo như lời Hòa thượng vừa nói không? Nếu vậy thì sung sướng quá!
Hòa thượng vẫn vui vẻ xác nhận:
- Bần đạo đâu có nói dối ai bao giờ! Cây táo đó sở dĩ lần nầy có trái là vì cảm thông lòng hiếu của con đối với mẹ già. Vậy con nên mau mau hái trái táo về chữa cho thân mẫu đi!
Chí Hiếu cuống quýt , thụp lạy Hòa thươợng hai ba lần không ngớt, khi ngẩng đầu lên thì Hòa thượng đã biến đi đâu mất.
Đêm đó, anh hồi hộp quá không sao ngủ được, mặc dầu anh đã cố nhắm mắt hằng giờ. Khi gà gáy sáng lượt đầu, như chiếc máy, anh bật nhổm dậy, nhảy xuống khỏi giường rồi xăm xăm mở cửa, đi một mạch lên đỉnh núi Thiết sơn, nơi có cây táo "bất quả thọ" xem có trái nào chín đỏ như lời Hòa thượng đã mách bảo đêm qua?
Khi đến chân núi, anh sực nhớ lúc đi đã quên không sang xin phép mẹ và nói để mẹ hay câu chuyện Hòa thượng hiện hình, anh chỉ sợ mẹ anh ở nhà, lúc thức dậy, không thấy anh thì sốt ruột sanh ra lo ngại. Tuy nhiên, việc đã lỡ rồi, anh đành cố mau chân đến đỉnh núi để chóng thu được kết quả đem về.
Phong cảnh núi Thiết Sơn lúc này sương lam còn phủ kín dầy đặc, vạn vật như ngừng lại trong vũ trụ im lìm, các loài muông rừng ra săn mồi ban đêm hầu như đã rút hết vào hang núi, hay gốc cây không còn con nào đi lảng vảng nữa. Đàn chim sơn ca cũng còn nằm yên trong tổ ấm, hoặn chíu mỏ vào cánh, để cố níu thêm một đôi chút yên tĩnh trước khi thần thái dương le lói hiện hình. Cả đến con ong, con bướm, con kiếm, con sâu, giống nào, giống nấy cũng e lệ sương mai làm ướt bộ cánh mỏng manh, hoặc làm dính

bộ chân mềm yếu nên chưa con nào chịu nhúc nhích ló hình ra vội, duy có dòng thác vô tư bên sườn núi không quan tâm gì đến ngày đêm lưu chuyển, nên cứ rù rì thả một điệu nhạc trầm trầm giữa cảnh núi vắng rừng hoang.
Mặc dầu trời chưa sáng rõ, nhưng đôi chân Chí Hiếu, với nhịp bước không ngừng, vẫn xuyên qua đèo ngang, rồi đến khe dọc, kế đến ghềnh đá, tới khi mặt trời vượt khỏi đỉnh non sông, thì anh đã leo đến lưng chừng sườn núi. Anh chỉ còn nỗ lực một phen nữa là tới đỉnh tức là nơi có cây táo: "bất quả thọ" đang chờ đón anh theo như lời Hòa thượng đêm qua.
Ngặt vì khoảng núi này ghềnh đá cheo leo, cây mọc rậm rạp, anh cố leo hết những phiến đá nhô ra như tai mèo,thì vấp phải những tấm quái thạch sừng sững như vách dựng. Nhưng với tâm thành nồng nhiệt và một chí nguyện hăng hái, anh cũng đã leo được đến đỉnh núi. Lúc đó, mặt trời vừa đứng giữa đầu.
Anh ngửa mặt lên cây táo, quả nhiên là một cây cổ thụ rườm rà, trong đám lá xamh, lộ ra trái táo to bằng vóc tay và chín đỏ như son chẳng khác gì vừng thái dương mọc ở giữa từng mây dày đặc. Anh reo lên:
- A ha ! Quả táo đây rồi. Hòa thượng quả nhiên không nói gạt ta! Trăm lạy Hòa thượng, người thật vì kẻ khổ, kẻ bệnh, kẻ nghèo mà mở đường cứu vớt.
Anh vừa nói vừa tán dương công đức Hòa thượng thì trên cành cây táo bỗng nhiên thấy nhiều quả táo xuất hiện đồng thời, và chỉ trong phút chốc quả nào quả ấy cũng vừa to vừa chín đỏ ối làm cho cành cây nặng trĩu phải rũ xuống thấp lè tè.
Anh mừng quá, hai tay ôm chặt lấy thân cây và đôi chân ngoành ra đằng trước lấy sức đẩy mạnh người lên trên cao như con nhái bầu ôm sát bụng vào cọc tre leo lên dàn. Khắp người anh mồ hôi nhễ nhại tuôn ra, làm ướt cả áo quần. Cũng may, cây mọc ở trên cao nên có khí trời trong gió mát, nhờ đó làm giảm được sự trèo leo vất vả một vài phần.
Khi anh trèo được lên cây rồi, lòng tham lam bắt đầu mở rộng, anh trẩy hết cành này đến cành khác, tích được một số khá nhiều, anh liền cởi áo buộc lấy, rồi thoăn thoắt đi thẳng một mạch về nhà, anh vào ngay phòng mẹ nằm, đặt bọc táo trước mặt mẹ cười cười nói nói:
- Mẹ! (anh vừa nói vừa mở táo ra) Mẹ ăn đi! Ăn rồi sẽ hết mọi bệnh, mẹ ạ!
Mẹ anh mở to mắt nhìn thẳng những quả táo và hỏi:
- Ồ! ở đâu có của quý hóa thế này con? Ai cho con? Hay đi hái trộm của người ta? Mẹ chắc con chả làm gì có tiền mua được nhiều táo quý đến như thế!
- Mẹ ăn đi! Rồi con sẽ kể lai lịch để mẹ nghe.
- Không! Mẹ không ăn đâu, nếu chưa biết rõ của nầy từ đâu có. Nếu là của phi nghĩa thì không nên ăn con ạ!
- Con đã nói là mẹ cứ ăn đi, con cam đoan không phải là của ăn trộm ăn cắp

đâu mà sợ!
- Vậy con kể mẹ nghe mau lên! Gớm, sáng nay con tự nhiên bỏ nhà đi, mẹ gọi mãi không thấy con thưa, làm cho mẹ lo hết vía.
Chí Hiếu liền đem các chuyện xảy ra kể lễ: Nào vị Hòa thượng cây táo Thiết Sơn hiển hiện ra như thế nào, cùng chuyện đi lấy táo trên cây "bất quả thọ" ra sao, nhất nhất nói cho mẹ nghe một lượt. Mẹ anh nghe rồi hết sức ngạc nhiên, hai tay cứ chấp lại vái lạy và miệng thì luôn luôn miệng Phật.
Bà cụ tạ ơn vị Hòa thượng trên núi Thiết Sơn, rồi cầm quả táo đưa lên miệng thấy một mùi hương ngào ngạt xông lên, khi miếng táo lọt vào mồm rồi bỗng tiết ra một thứ nước cam lồ vừa mát vừa ngọt, tưởng chừng như nước đó chạy khắp cơ thể đem theo một thần lực thấm nhuần làm cho khoan khoái các cơ quan trong người, khác gì ruộng khô mà được mưa tưới. Chỉ trong phút chốc bà mẹ của anh, nằm liệt giường hằng mấy tháng, bỗng nhiên ngồi nhỏm dậy và tập tễnh từng bước nhỏ lê được ra đến cửa ngoài.
Tin này đồn đi, trong vài ngày khắp vùng đều biết tiếng. Cả đến thị trấn lân cận cũng lũ lượt kéo nhau đến nhà Chí Hiếu xin ban trợ cứu cho. Người đem cha mẹ lại, người đem anh chị hay vợ con lại, tấp nập đầy nhà, mà toàn là những bệnh kinh niên hiểm nghèo, mười phần chết hết chín. Chí Hiếu liền đem một phần số táo chia cho mọi người, quả nhiên ai ăn xong cũng đều khỏi bệnh.
Từ đấy, nhà Chí Hiếu hết toán này đến toán khác vào, Anh nghĩ bụng: "Tại sao ta không bắt bệnh nhân mỗi người phải đóng một phần tiền phí tổn về công phu của ta đi hái táo? Thiết tưởng làm như vậy cũng hợp lý chứ có sao đâu? Nghĩ rồi, anh liền yêu cầu mọi người phải trả tiền thì anh mới cho táo. Thế mà số người đến mua vẫn đông, cứ vài ngày anh lại bí mật lấy táo về bán.
Chí Hiếu nhờ đó, thu vào rất nhiều tiền, tiền càng vào thì anh càng mở thêm rộng lòng dục vọng. Trước còn thu gấp đôi gấp ba giá đã định, sau thu gấp năm gấp sáu, rồi đến gấp chín, gấp mười. Lúc nầy để chóng làm giàu, chứ không dòm ngó chi đến cảnh ngộ của người bệnh túng nghèo, nghĩa là có đưa đủ số tiền mới bán táo. Và chỉ thấm thoát trong vòng mấy tháng, một anh tiều phu nghèo nàn bỗng nghiễm nhiên trở nên một vị giàu có nhất vùng, khiến cho nhiều người phải lác mắt.
Một hôm có người con gái tiến vào quỳ mọp dưới đất cấu khẩn van lơn anh, mỗi lời nói là một hàng lệ giàn giụa:
- Trăm lạy ông! Ngàn lạy ông! Xin ông bố thí cho tôi một trái táo thần để về dâng mẹ, mẹ tôi đang hấp hối, chỉ còn trông đợi ở táo thần của ông cứu mạng mẹ tôi!
Chí Hiếu lên mặt đạo đức chậm rãi nói:
- Nghe lời nói tôi cũng thấy thương. Chỉ còn lâu nay táo ít quả quá, nếu cô

không trả tiền thì khó mà bố thí cho cô được! Nói xong, anh cất bước đi vào nhà trong, mặc cho thiếu nữ nức nở khóc than kêu cầu, nước mắt cứ chảy như mưa, nhưng thủy chung anh vẫn giữ một mực không có tiền là không cho táo. Thiếu nữ không biết làm sao được đành thất vọng đứng lên đi về.
Đêm hôm đó, trên đỉnh Thiết Sơn, dưới bóng trăng soi vằng vặc tạo nên quang cảnh rất nên thơ, tân phú ông Chí Hiếu đứng dưới gốc cây táo thần, ngửa đầu lên ngắm nghía tàn cây xanh tươi, bất giác bật lên một giọng cười khanh khách tỏ vẻ đắc ý, bỗng có một đạo hào quang vút qua rồi hiện sừng sững trước mặt anh: Vị Hòa thượng áo trắng râu bạc ngày trước. Nhưng vị Hòa thượng lần này không tươi cười mà trái lại hiện ra với sắc mặt nghiêm nghị bảo anh:
- Hỡi Chí Hiếu! Người thiếu nữ đến nhà ngươi ngày hôm qua thật có hoàn cảnh đáng thương! Sao ngươi không thỏa mãn lời ai cầu của kẻ nghèo nàn mà cứ nhất định đòi nhiều tiền mới bán táo cho? Như vậy ngươi quả là người không có tâm từ mẫn mà chỉ muốn mở rộng lòng tham lam dục vọng thôi! Từ nay, cây táo này không cấp quả cho ngươi nữa và bao nhiêu những gì ngươi đã hưởng từ trước, nhất nhất phải thu về!
Nói xong vị Hòa thượng lấy tay rút cây táo lên khỏi mặt đất và ném thẳng ra bể Đông .
Chí Hiếu sợ hãi quá, lủi thủi ra về, trong lòng tuy buồn nhưng yên trí rằng nhà đã giàu có, dù có mất cây táo cũng không sợ. Kịp khi về đến nhà thì bỗng lạ thay! Cửa nhà đã hiện nguyên hình là một túp lều tranh với chiếc lá bẹp nát y nguyên như khi trước, còn những lâu đài mới xây cất tráng lệ thì không biết biến đi đâu mà tuyệt nhiên chẳng còn lưu lại một vết tích gì cả! Ngay chiếc áo cẩm đoạn bằng thứ vóc đắt tiền mà anh mặc trên mình lúc nầy cũng chỉ còn là một cái áo vừa rách vừa vá của anh vẫn mặc khi xưa! Anh đứng ngắm nghía cơ nghiệp đã mất đành chùi nước mắt mà hối hận cho cuộc đời trở lại nghèo nàn của anh.
Than ôi! Tiền của ở đời,
Đã xui lòng thế bao người tham sân.
Nghĩ gì hái quả trồng nhân ...
Chí Hiếu biết hối thì thân đã tàn!
Thôi còn chi nữa mà than?
Cơ hàn, giờ lại cơ hàn như xưa!
Phạm Ngọc Khuê
"Càng được càng thấy thiếu,
Càng trì niú càng thấy chơi vơi"

Chàng ngốc

Sau lũy tre xanh kia, là gia đình đôi vợ chồng son. Chị buôn bán đảm đang, anh siêng chất phác. Tuy gặp nhau đã tám, chín năm mà chưa có con cái gì cả, song vợ chồng rất hòa thuận và tin yêu nhau hết lòng. Nhờ sự đồng tâm nhất chí, lại biết cần kiệm dành dụm nên không bao lâu anh chị được giàu to. Đại phàm khi lùi xùi thì không nói, chứ đã giàu mà thiếu chữ "sanh" sao coi không được. Vả lại phương ngôn có câu: "Vợ ngoan làm quan cho chồng" chị liền đem vàng mua cho anh hai chữ "Bá hộ". Thế thì khi có đình đám đâu, anh cũng có áo địa xanh, khăn chữ nhất, bệ vệ đi trước. Chị vợ thì tóc đuôi gà, giầy hàm ếch đủng đỉnh theo sau.

Người ta thường bảo "Phước bất trùng lai" (phước không khi nào đến hai lần) nhưng anh chị nhà này đã "cách mạng" câu nói ấy. Vì sau khi ăn khao Bá hộ được ít lâu, thì chị sanh hạ một cậu con trai. Vì hiếm hoi nên vợ chồng đặt tên con là "Cái ngốc". Ngốc siêng ăn, chóng lớn, dễ nuôi, thấm thoát thế mà đã lên mười rồi đấy, vợ chồng cho con nhập học ở ngay trường làng. Xưa nay hễ phú quý thì sanh lễ nghĩa, nên anh chị nuôi một chú bé cũng trạc tuổi con để ngày hai buổi ôm trác hầu cậu đến trường. Tưởng đặt ngốc chơi ai ngờ ngốc thật, thầy hét ầm rát cổ, chữ nhất cũng không vô. Một tráp đựng đầy nghiên với bút, mà trong lòng chẳng có chút văn chương. Tuy đọc chậm, nhưng lớn mau. Cái Ngốc đã thành cậu Ngốc, một thanh niên mười tám tuổi.

Một hôm cha mẹ cho đi chơi phố. Cậu Ngốc ngỡ ngàng như mọi về thành nội, thấy cái gì cũng đẹp, cũng ưa. Khi đi ngang một tòa biệt thự thì cậu đứng nhìn sững.

- Ồ nhà ai đẹp quá!

Ba tầng cao ngất, hai tầng dưới thì còn đẹp vừa, chỉ có tầng trên hết là đẹp nhất, có bao lơn rộng, có chậu hoa to, trang hoàng mát mẻ mà nghiêm lệ. Cậu bảo tên tiểu đồng:

- Không biết ai làm ngôi nhà nầy mà đẹp quá!...

Có anh thợ nề đi qua, tình cờ nghe thế, liền đứng lại bảo:

- Nhà nầy là của quan Thượng thư thuê tôi làm năm trước đấy.

Cậu Ngốc mừng quýnh, liền mời anh thợ cùng về với mình, để xin cha mẹ cất cho một tòa lầu như vậy.

Thợ cũng mừng quýnh, liền theo ngay cậu Ngốc về quê. Ngốc thưa cha mẹ công chuyện và bảo thợ vẽ bản đồ nhà ấy cho cha mẹ xem. Khi trù giá tiền thì thấy đắt quá, cậu Ngốc cầm ngay bút quẹt hai tầng dưới, bảo:

- Thôi hai tầng dưới này không cần bác ạ, bác chỉ làm cho tôi cái tầng thứ ba kia.

Thấy bác thợ ngơ ngác, cậu Ngốc giải thích:

- Nếu làm cả ba tầng thì nhiều quá, mà hai tầng dưới xấu tôi không ưng, vậy bác chịu phiền làm ngay tầng thứ ba cho tôi thôi.

Bác thợ tưởng món bở bỏ việc theo cậu Ngốc về, nay nghe cậu Ngốc nói ngớ ngẩn bác thợ chưng hửng, tức quá bác "xì" một cái thật dài rồi đi thẳng. Bác về kể chuyện lại mọi người đều cười lăn ra.
Câu chuyện này Đức Phật ví dụ với những người đệ tử Phật, chịu bỏ dữ làm lành, giữ gìn ba nghiệp v.v… đã vậy còn chê những quả vị thấp (Tu Đà Hoàn) mà muốn bước ngay lên địa vị A La Hán, nên bị người đời chê cười, cũng như cậu Ngốc trong câu chuyện này vậy.
Thể Quán
"Không có kẻ thù nào có thể gây tai hại cho ai nhiều bằng những tư tưởng sân hận, si mê, tham ái của chính mình".

Mãnh lực lời nguyện

Một hôm, sau khi khất thực, thọ trai xong trở về Kỳ Viên tịnh xá, đức Thế Tôn được báo cáo có một vị tân Tỳ kheo (Tỳ kheo mới thọ giới) lâu nay bỗng đâm ra thẩn thờ, biếng nhác, không chịu đi khất thực, không tọa thiền , không ăn uống. Phật đi đến am thất của vị Tỳ kheo ấy, thì thấy Đại đức râu tóc mọc dài, mặt mài tiều tụy hốc hác, Phật biết ngay đó là tình trạng của một người đã bị con hổ cái hớp hồn. Đấng từ bi khẻ ngồi xuống cạnh giường người bệnh, ôn tồn tham hỏi. Vị đệ tử sa nước mắt thú thật với Ngài:
- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cứu vớt con, thật sự là con đã bị nữ sắc lôi cuốn. Con cố chống cự mà dường như vô hiệu, hình ảnh "nàng" mãi ám ảnh tâm tư con, làm cho con đau khổ. Con thật không xứng đáng là Tỳ kheo. Con muốn chết.
Đức Phật mỉm cười an ủi:
- Con hãy tỉnh tỉnh lại. Ham mê sắc đẹp là chuyện thường. Điều cốt yếu là con phải sáng suốt vượt qua, không có gì là trầm trọng cả.
- Bạch Đức Thế Tôn, làm sao con vượt qua được, khi mà hình ảnh mỹ miều khả ái của nàng cứ ám ảnh con hoài?
- Đó là con mới nhìn qua một lần, mà không nhiếp tâm quán sát. Con chỉ thấy một cái đẹp mà chưa thấy những cái xấu, và nguy hiểm của đàn bà. Nếu con thấy được toàn diện như thế, thì con sẽ thoát ra sự đam mê. Đối với sắc, cần phải quán ba điều: vị ngọt, nguy hiểm, và sự xuất ly của sắc.
Rồi Đức Thế Tôn kể cho vị Tỳ kheo một ký ức tiền thân, Ngài cũng đã từng bị nữ sắc mê hoặc, nhưng nhờ sáng suốt mà Ngài đã vượt qua.
Thuở ấy, Ngài làm một vị vua trẻ đẹp, tài đức vẹn toàn.Vì ham việc nước, vua chưa nghĩ đến việc tuyển hoàng hậu. Giúp vua trị nước có quan Tể tướng, phong tư tài mạo tuyệt vời cũng chưa có vợ. Tình vua tôi tuy lễ độ mà rất tương đắc.
Bấy giờ trong lãnh thổ cai trị của vua có một nhà tỷ phú có cô con gái sắc

nước hương trời, xa gần đều biết tiếng. Cô có một sắc đẹp mê hồn, làm cho thanh niên nào thấy cô ta là "tá hỏa tam tinh", hồn siêu phách lạc, té ngửa người ra bất tỉnh nhân sự.
Cũng may cho những thanh niên, cha cô ấy quý cô như lá ngọc cành vàng, và theo phong tục Ấn Độ thời đó, đàn bà con gái ra đường phải che mặt lại bằng tấm voan mỏng (chỉ chừa hai con mắt để dòm ra cho thấy đường khỏi vấp té) cho nên ít người đàn ông nào có dịp thấy cô mà phải tán đởm kinh hồn.
Vì sao cô gái ấy lại có một số phận kỳ quái như vậy? Đó là do mãnh lực của một lời nguyền của nàng từ kiếp trước.
Tiền thân nàng là một cô gánh nước mướn nghèo khó. Một hôm đi gánh nước, cô gặp một bà mặc chiếc "Sari" (kiểu áo của phụ nữ Ấn, chỉ là một tấm vải rộng quấn quanh mình, phù cả đầu, chừa cái mặt) bằng katê vàng rất đẹp, cô ao ước được có một chiếc Sari như vậy, và hỏi:
- Bà đã mua nó bao nhiêu tiền.
Bà ta cho biết một giá tiền kinh khủng, nhẩm tính ra cô phải gánh nước thuê những mười năm mới đủ tiền sắm nó. Nhưng vì quá yêu thích chiếc áo đẹp, cô nhất định phải có nó. Bà kia thấy cô khao khát như vậy, bèn đề nghị cô đến làm nô tỳ ba năm bà sẽ cho một cái áo giống hệt bà đang mặc. Cô gái đồng ý ngay.
Mãn hạn nô tỳ ba năm, cô được xấp hàng mới đem về, trở lại với cuộc sống tự do gánh nước mướn. Khi cầm xấp hàng đi giữa đường, cô gặp một vị Tỳ kheo người quấn toàn lá chuối khô để che thân, ngạc nhiên cô hỏi, thì biết được vị ấy đi đường bị kẻ cướp đoạt hết y phục nên bây giờ phải quấn tạm lá chuối khô như vậy. Động lòng trắc ẩn, cô dâng cả xấp hàng cho vị Tỳ kheo.
Vị Tỳ kheo đi vào bụi rậm trút bỏ lá chuối khô, khoác lên mình chiếc y vàng ấy. Khi Đại đức từ trong bụi bước ra, người con gái bàng hoàng sửng sốt trước vẻ đẹp sáng chói của Ngài, tưởng như Phật vừa giáng thế.
-Nàng quỳ xuống phát nguyện:
Mong rằng nhờ phước đức dâng y nầy, kiếp sau con sẽ được một sắc đẹp siêu phàm, làm cho nam nhi thấy con thì phải mê mẩn, rụng rời tay chân như là con thấy Ngài vậy!
- Con sẽ được toại nguyện.
Vị Đại đức chúc lành cho cô rồi bỏ đi.
Lời nguyện quái ác của của cô gái được thành tựu. Nhờ công đức bố thí đó, kiếp hiện tại cô được sanh vào nhà giàu có, nhưng cũng do lời nguyền, cô được cái sắc đẹp làm mê mẩn hồn người như một bà phù thủy.
Bấy giờ trong triều, quan Tể tướng và đình thần bàn nhau:
- Đấng minh quân của chúng ta đã đến lúc nên tuyển ngôi chánh cung để sanh con nối dõi. Không biết cặp mắt xanh của Ngài đã để ai lọt vào chưa?

Quan Tể tướng nói:
- Tôi thường gần vua, thấy Ngài chỉ lo việc dân việc nước, không màng tới việc ấy.
- Vậy thì quan Tể tướng nên khuyên vua để chúng ta tuyển chọn một số mỹ nhân trong nước, xem Ngài vừa ý ai thì xin Ngài đặt lên ngôi chánh cung đi. Tục ngữ có câu: Trai không vợ như ghế ba chân.
Quan Tể tướng bằng lòng. Gặp lúc cùng vua nhàn tản, ông mở lời:
- Tâu bệ hạ, bọn hạ thần có trộm bàn chuyện bệ hạ nên sớm yên bề gia thất.
Vua mỉm cười:
- Bộ các khanh đã có mỹ nhân vừa ý, toan kén chọn cho ta ư?
Quan Tể tướng tâu:
- Dạ, tâu bệ hạ, bọn hạ thần nghe tục ngữ nói: "Trai không vợ như ghế ba chân" nên bàn nhau xin bệ hạ cho đi tuyển về một số mỹ nhân để mắt rồng chọn lựa.
Vua cười xòa:
- Các khanh muốn vậy cũng được. Nhưng nếu không kén chọn được người ngọc như ý thì ta thà ở góa thôi.
- Xin bệ hạ yên lòng, chúng thần sẽ ra sức tìm kiếm. Nghe đồn có một tỷ phú ở phương bắc có cô gái nước sắc hương trời.
- Sao khanh không chọn nàng cho khanh đi? Khanh cũng đồng tuổi như ta, mà sao mắt xanh chưa để ai vào cả.
- Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần muốn lo việc bệ hạ trước, kẻ hạ thần tính sau cũng không hại gì.
Được lịnh vua, triều đình mở cuộc sơ tuyển mỹ nhân khắp nước. Tụ họp lại thì quá đông, họ bè yết bảng khắp nơi và cho người đi rao bằng ống loa rằng, nhà ai có gái đẹp hãy nộp hồ sơ ghi các chi tiết về người đẹp như bề cao, cân nặng, vòng ngực, vòng eo, lưng ong, lưng tôm hay lưng ếch, giọng kim hay vọng thổ, đi chân chữ bát hay chữ nhất… Chỉ trong vòng hai tuần lễ, hồ sơ mỹ nữ gởi đến triều đình tới tấp như bươm bướm.
Xem trong mấy ngàn tấm hình họa mỹ nhân, nhà vua không vừa ý người nào cả. Quan Tể tướng cũng đồng ý với vua là không có người nào xứng đáng trong số đó. Ông bỗng sực nhớ ra, trong số mấy ngàn hồ sơ không hề thấy hồ sơ của cô con gái nhà tỷ phú nọ. Ông bàn với vua:
- Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần xin cử một phái đoàn của triều đình gồm những quan giỏi tướng số đi đến nhà tỷ phú ấy, xem tướng cô gái ấy đẹp như thế nào, nếu quả xứng đáng vừa ý nhà vua thì xin tuyển làm chánh cung.
Nhà vua chấp thuận đề nghị ấy. Quan Tể tướng bèn chọn mười viên quan giỏi về nhân tướng và lý số đi đến nhà tỷ phú xem mặt cô gái. Người thì có biệt tài xem tướng mặt, người xem tướng lưng, người xem tướng gò má, người xem tướng đi tướng đứng tướng ngồi, tướng giọng nói mắt nhìn…sao

cho tất cả con người của cô biểu lộ cung cách của một vị hoàng hậu xứng đáng với đức vua đẹp trai phong nhã tài tình của họ. Sắp đặt xong xuôi, triều đình báo tin cho ông tỷ phú sẽ có phái đoàn về xem tướng con gái ông để tuyển làm hoàng hậu. Cô gái rất kiêu hãnh về sắc đẹp của mình nên không thèm nộp hồ sơ,cô biết cuối cùng ngôi chánh cung sẽ về tay cô, bởi vậy cô không thèm bận tâm về việc đó. Khi nghe cả đoàn mười vị quan triều đình đến nhà để xem tướng cô, cô cảm thấy tự ái nổi lên dữ dội, định bụng sẽ cho các quan nầy một phen sĩ nhục ê chề. Cô trang điểm lộng lẫy, chờ khi các quan vào phòng khách, cô từ nhà trong xuất hiện, đưa cặp mắt sắc như dao phay liếc qua liếc qua liếc lại một lượt các ông quan. Bỗng các quan đều đứng ngẩn người ra như phỗng đá nhìn trừng trừng vào sắc đẹp ghê hồn của cô. Cô cất giọng oanh vàng thỏ thẻ:
- Xin mời các quan ngồi. Dám hỏi các quan đến có điều chi dạy bảo?
Các quan cũng không nhúc nhích. Cô gái bỗng đổi giọng đanh thép giận dữ nói:
- Nghe đồn triều đình hôm nay phái người về xem tướng ta. Tưởng là người, hóa ra là một lũ ngợm thế kia à?
Rồi quát gia nhân túm từng người ném ra sân. Cô gái thi hành xong việc trả đũa đủng đỉnh đi vào nhà đóng cửa lại. Khi các quan không còn, trông thấy bóng dáng cô gái thì ma lực của sắc đẹp nàng cũng tan biến, họ lồm cồm ngồi dậy đứng lên phủi áo ra về, rất tức giận cô gái và quyết trả đũa. Khi trở về họ tâu vua:
- Tâu bệ hạ, cô gái ấy là một mụ phù thủy có bùa ngãi, bệ hạ không nên rước cái của nợ ấy về nguy lắm!
Nhà vua dễ dãi cười xòa:
- Vậy thì hãy thôi. Tự các khanh bày đặt, chứ ta đâu biết gì đến chuyện ấy.
Về phần nhà tỷ phú, khi chờ mãi không thấy nhà vua để cập đến tuyển con gái mình làm hoàng hậu, ông bàn với con:
- Ta sẽ gả con cho quan Tể tướng, con chịu không?
Cô gái làm bộ e lệ đáp:
- Tùy ý cha.
Thâm tâm cô cũng nghĩ đó cũng là thượng sách để trả thù ông vua kiêu căng không thèm để ý tới cô. Tể tướng chỉ dưới vua một bực, không được làm hoàng hậu, nhưng được làm mệnh phụ phu nhân thì cũng tốt số lắm rồi.
Ông tỷ phú cho người môi giới đến nói với quan Tể tướng, ông muốn gả con gái cho người. Quan Tể tướng thấy việc nhà vua lơ là với việc vợ con, nên không dám gượng ép Ngài nữa. Lâu nay quan cũng muốn để dành mỹ nhân cho vua, bây giờ sau vụ xem tướng, cái nhân duyên giữa vua và nàng kể như đã lỡ. Quan bèn chấp thuận cưới cô gái vì quan cũng không muốn làm "ghế ba chân" mãi, lổng chổng thế nào!

Thế là đám cưới xảy ra giữa quan Tể tướng và cô con gái nhà tỷ phú. Nhờ tục lệ che mặt, nhà vua tuy có dự đám cưới cũng không thấy mặt nàng nên khỏi bị thơ thẩn thần hồn. Chỉ mình quan Tể tướng sau khi cưới về mới ngơ ngẩn trước sắc đẹp siêu phàm của vợ (chỉ một lúc đầu thôi, sau quen mắt thì không sao). Quan từ đấy cẩn thận khóa cửa mỗi khi vào triều để cho bà vợ có sắc đẹp mê hồn khỏi bị ai thấy, mà phải bấn loạn tinh thần.
Tể tướng phu nhân vẫn ôm lòng thù hận nhà vua, và muốn vua phải thấy mặt mình một phen, cho bị điên đảo cho bỏ ghét. Bà để tâm chờ cơ hội.
Hôm ấy gặp ngày mừng quốc khánh. Quan Tể tướng vào triều sớm dặn nàng.
- Hôm nay có xe loan của Hoàng thượng đi ngang đường mình để về cung sau khi xem duyệt binh. Vào giờ xe vua đi ngang em hãy lánh mặt kẻo vua nhìn thấy, không hay cho Ngài.
Phu nhân giả bộ vâng lời:
- Thưa lang quân, vâng ạ!
Nhưng trong lòng mừng khấp khởi vì được dịp báo thù. Đúng giờ vua đi ngang bà trang sức lộng lẫy, ra đứng ở bao lơn cầm sẵn một rổ hoa, bốc từng nắm tung xuống xe hoa của vua đang chầm chậm diễn qua dưới đường trước tiếng tung hô vạn tuế của dân chúng. Những cánh hoa tươi thơm ngào ngạt mưa xuống đầy long bào nhà vua, vua ngẩng lên nhìn thì chao ơi! Ngài bủn rủn cả tay chân, tâm thần tán loạn không còn biết gì nữa… Đôi mắt mỹ nhân đắm đuối theo dõi nhà vua mãi như một oan hồn. Trở về cung, vua leo lên long sàn nằm dài, không còn thiết gì ngủ nghỉ, ăn uống, hình tướng mỹ miều của Tể tướng phu nhân như dán chặt trước mặt nhà vua. Đau khổ, vua thở dài thườn thượt.
Quan Tể tướng đã biết rõ sự tình, bèn đi vào bên vua tâm sự:
- Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần xin nhường lại cô vợ cho bệ hạ đó. Xin bệ hạ hãy hồi tỉnh lại để lo việc nước việc dân.
- Khanh tốt bụng quá, làm cho ta thấy hổ thẹn. Không bao giờ ta nỡ đi cướp một báu vật của khanh.
- Tâu bệ hạ, đối với kẻ hạ thần, chỉ có Hoàng thượng là kho báu của cả muôn dân. Để bảo vệ mạng sống của Ngài, thì dù có mất mạng của kẻ hạ thần cũng vui lòng, huống hồ chỉ là một người con gái.
Nhà vua vẫn tư lự u sầu không thuận lời đề nghị hiến dâng ấy. Quan Tể tướng bèn đánh một đòn mạnh hơn.
- Thôi thì kẻ hạ thần sẽ viết tờ khai trừ bà vợ, cho nàng về lại nhà cha mẹ. Bệ hạ muốn thì tuyển nàng vào cung, mà không muốn thì thôi kẻ hạ thần cũng nhất quyết ly dị.
Nhà vua giật mình ngồi dậy mở mắt lớn nhìn quan Tể tướng:
- Nàng có tội gì mà khanh nỡ dứt tình như vậy?

Quan Tể tướng thấy nhà vua trúng kế của mình, bèn làm tới:
- Nàng có tội rất lớn, đã đem sắc đẹp mê hoặc nhà vua, làm cho nhà vua, cột trụ của muôn dân phải tiêu ma chí khí, thân bại danh liệt. Tội ấy đáng tru di.
Nghe mấy lời ấy, nhà vua như bị một gáo nước lạnh dội từ trên đầu dội xuống, làm cho ngài tỉnh hẳn, khỏi ma lực của nữ sắc. Ngài cười xòa đứng dậy:
- Tể tướng, thôi ta đã hiểu. Mọi sự chỉ vì ta mê muội lú lẫn trong chốc lát. Khanh sẽ thấy, cũng đã thấy, là ta không phải là hạng mê gái tới chết đâu. Khanh hãy yên tâm ra về. Bùa lực của nàng đã tan biến nơi ta.
Kể xong chuyện, đức Thế Tôn cho biết nhà vua là tiền thân của Ngài, còn quan Tể tướng chính là A Nan tôn giả ngày nay.
Thích Nữ Trí Hải
"Người ta lấy lửa thử vàng, lấy vàng thử đàn bà, và lấy đàn bà thử đàn ông".

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập III - 10

Nụ cười em bé
Xưa có một vị Sa di lớn tuổi, chuyên tu khổ hạnh, chứng quả A La Hán. Người ở mãi trong núi sâu, không giao tiếp với ai, quyết chí tu luyện các phép mầu và điều phục mọi phiền não để cầu quả vị Vô Thượng Chánh Giác.
Một làng nọ, sát chân núi, có một em bé mới lên bảy tuổi, mặt mày sáng rỡ, tư chất thông minh trông có vẻ khác thường lắm. Mặt dù tuổi còn nhỏ, nhưng em rất mến chuộng Phật Pháp, vì vậy mà em đã sớm gỡ bàn tay âu yếm của người mẹ hiền tìm thầy học đạo.
Một hôm, trên đường tìm thầy vất vả trên núi sâu, em gặp một vị A La Hán đương ngồi tham thiền trên tảng đá lớn. Em mừng rỡ quá, tâm hồn bừng sáng lên, em liền đảnh lễ vị A La Hán xin làm đệ tử hôm sớm với thầy học đạo. Thấy em tướng mạo đẹp đẽ phương phi, có chí hướng xuất trần, vị A La Hán thâu nhận làm đệ tử và trong tâm tưởng rằng em bé mai sau sẽ nối sự nghiệp mình để duy trì Phật Pháp.
Trải qua một năm trường học tập, tu dưỡng em bé ấy không lúc nào lãng xao mà mỗi lúc mỗi tinh tấn thêm nữa. Vì vậy mà em sớm được thần thông tự tại, mắt thấy thấu suốt các quốc độ nhiều như vi trần, tai nghe hết mọi thứ tiếng khắp nơi, tùy theo ý mình có thể thay đổi hình dáng bay khắp trong

không gian vô biên tự tại. Đồng thời em có thể biết biết hết các cuộc đời quá khứ của mình, rõ thấu nguồn gốc chân giả trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai.
Một hôm em bé ấy ngồi tham thiền, thấy cuộc đời quá khứ của mình nên mỉm cười, trông có vẻ nên thơ lắm.
Thấy em bé cười rất dễ thương, vị A La Hán hỏi:
- Vì sao đương khi tham thiền con lại cười thế?
- Bạch Thầy. Con cười với con, đời trước cũng như đời nầy, làm một người con để lại cho năm người mẹ ngày đêm khóc lóc, buồn rầu, tủi phận tình thương con không một chút nguôi phai. Con là đứa con làm cho năm người mẹ đau khổ, thân thể hao mòn, mất hết hạnh phúc. Bây giờ năm người mẹ ấy vẫn còn và còn nhớ con, khóc vì con quên ăn bỏ ngủ. Thân con như điện chớp, như sương mai, năm bà mẹ con như người nắm hạt châu trong tay, không khổ mà vẫn cứ đi tìm cái khổ. Con ở trong thiền định nhìn lui về quá khứ thấy cuộc đời như thế nên con mỉm cười trước nỗi rắc rối khó tả ấy.
- Người mẹ thứ nhất ấy khi sanh con ra, thì bên cạnh nhà con cũng có người sanh ra đồng thời với con. Con ra đời được ít ngày, vì nhân duyên hết nên con đi qua đời sống khác. Mẹ con thấy đứa bé bên cạnh học đi, học nói, học cười liền liên tưởng đến con, buồn rầu và than thở: "Nếu như con tôi còn thì bây giờ cũng đã biết học đi, học nói, học cười rồi. Trời ơi, sao con tôi bỏ tôi đi đâu sớm vậy".
Mẹ con ôm bụng nghẹn ngào không nói nên lời, hai hàng lệ lăn tròn xuống khóe miệng.
Mẹ đứa bé bên cạnh tươi vui ngắm nhìn đứa con vừa cười vừa đi chập chững, còn mẹ con đau lòng khóc nức nở.
Khi làm con người mẹ thứ hai, con lại từ giã mẹ con rất sớm. Mẹ con thấy đứa bé ôm vú mẹ vừa bú vừa mân mê rồi say ngủ say sưa trong lòng mẹ, bà liền xúc động nhớ đến con rồi khóc. "Con ơi, mẹ nhớ con quá. Sao con không ở lại bú sữa mẹ, chuyện vãn với mẹ, để cho mẹ bồng ru con ngủ. Con sao không nhớ mẹ mang nặng đẻ đau mà con vội lìa mẹ để cho mẹ nhớ con đến nỗi hao mòn tàn tạ".
Khi làm con người thứ ba, năm mười tuổi, con từ biệt mẹ con, chuyển qua đời sống khác. Thường trong bữa ăn, mẹ con khóc lóc và than rằng : "Tội nghiệp cho đứa con tôi, giờ phút này, không cùng ngồi ăn với mẹ như trước. Nào cơm ngon, nào thức ăn quý, một mình mẹ cô độc như thế này sao mẹ nuốt cho vô, con ơi! Gia tài sự nghiệp lâu nay mẹ dành dụm cho con, sao con không ở lại với mẹ hưởng lấy miếng ngon, con lại ra nằm ngoài gò hoang vắng."
Nói xong mẹ con lăn ra khóc ròng rã.
Khi làm con người mẹ thứ tư, tuổi chưa thành niên, con lại sanh ra trong đời

này. Bấy giờ bên cạnh nhà con có một người bạn tuổi đã trưởng thành đang làm lễ rước dâu linh đình nhộn nhịp. Mẹ con thấy thế, ra vào than thở: "Năm nay mà con mình còn thì cũng đã có cháu sum vầy, mình đây cũng hớn hở vui sướng như ai, có đâu đến nỗi cô đơn, tương lai hiu quạnh!". Mẹ con buồn bực, khóc than và oán giận cho kiếp số mong manh bể dâu.
Trong đời nầy, mẹ con nuôi con được bảy năm, con lại từ biệt quê hương, cắt tình âu yếm của mẹ con, may mắn được gặp thầy học đạo. Hơn một năm tu dưỡng con đã được thần thông tự tại, biết được bao nhiêu con đường gai góc đã qua và nhìn thấy sự cao đẹp huy hoàng suốt đời vị lai không bến hạn. Mẹ con ở nhà nhớ nhung, ngày đêm luôn luôn than vãn. "Con ơi! Con tìm thầy học đạo ở đâu mà mẹ không nghe tin tức chi đến con cả. Con còn bé quá, rủi ro ai biết, đói lạnh ai hay, lỡ có sơ suất điều gì ai đỡ lời chịu tiếng. Ngày đêm nghĩ đến con mẹ trằn trọc xót xa và đau lòng cho mẹ quá. Mẹ van xin con về để sống có mẹ có con đầm ấm, ngày mai khôn lớn, con đủ lông đủ cánh con hãy tìm thầy học đạo mẹ chả ân hận gì. Nhờ ơn trên xui khiến cho con tôi sực nhớ đến mẹ để trở về núp dưới bóng mẹ hiền che chở, tội nghiệp!"
Trải qua mấy lần tử biệt sanh ly, con đã để lại cho năm người mẹ con một mối thương tâm thống thiết. Giá như thời gian và không gian rút ngắn lại trong một lúc một nơi, con sẽ lần lượt trở về với năm người mẹ con. Nhưng con e việc đi lại đối với con vẫn tự tại an nhiên không một chút thêm bớt. Song dù có trở lại, những người mẹ ấy có biết con là ai, rồi chớp nhoáng đời qua càng làm cho người mẹ ấy thêm âu sầu buồn thảm hơn nữa. Năm người mẹ ấy vì tình thương ràng buộc, ngày đêm chỉ cuộc hạn trong vòng nhớ thương chật hẹp, nhưng con vẫn là con, con nào có đắm say lưu luyến trong vòng sanh tử trầm luân. Năm người mẹ ấy, người nào cũng tưởng con sống với cuộc đời ba, bốn, năm năm đâu có biết đời con bao la, sống chan hòa trong muôn nghìn sự vật. Giá như con chỉ sống trong tình lưu luyến ấy thì đời con còn vất vưởng mãi trong vòng tham ái thế gian, có đâu được vươn lên một cuộc đời cao rộng, an vui và giải thoát.
Bạch Thầy, con xem thấy thế gian phàm phu không nhận chân sự thành hoại, hợp tan, hễ được thì reo mừng, mất thì đâm oán trách, nên cứ mãi tao ra vô số ác nghiệp rồi suốt đời suốt kiếp bị nghiệp ấy chi phối. Mọi chúng sanh sở dĩ chịu lấy bao nhiêu khổ báo cũng đều bắt nguồn từ tham ái ấy mà gây ra. Nếu mọi người ai cũng gạt ra ngoài tham ái triền phược, mở mắt vươn lên các đấng Giác Ngộ tối cao để bắt chước làm theo mọi công hạnh tốt đẹp của Người thì cuộc đời biết bao sung sướng.
Thầy là cây đuốc đưa đường cho con làm cho đời con được nhìn xa thấy rộng và giao cảm được với các đấng Như Lai trong mười phương tam thế. Hôm nay con xin tạm biệt cùng Thầy để đem ánh sáng của Thầy gieo rắc

mọi chân trời đen tối.
Em bé vì Thầy thưa xong liền bay thẳng lên không bao la, lướt khuất trong bầu trời thanh thanh huyền diệu.
Minh Huấn
"Ta lang thang trong vòng luân hồi qua bao kiếp sống, tìm mãi mà không gặp kẻ làm nhà. Đau khổ thay! Kiếp sống cứ tái diễn mãi! Hỡi kẻ làm nhà! Nay ta đã gặp được ngươi rồi. Ngươi không được làm nhà nữa! Bao nhiêu rui mè của ngươi đều gãy cả rồi, kèo cột của ngươi đã tan vụn cả rồi. Trí ta đã đạt đến vô thượng Niết bàn, bao nhiêu dục vọng đều dứt sạch cả".

_____
(Kẻ làm nhà: nguyên luân hồi, ái dục. Nhà: thân thể. Rui mè: các thứ dục khác. Kèo cột: vô minh).

Gương mặt hoa mè

Thuở xưa có một vị tiểu thư xinh đẹp, con quan tri huyện. Nhân một chuyến lễ chùa, nhan sắc mặn mà của nàng, làm động tâm một nhà sư trẻ tuổi. Vừa trông thấy cô gái, trống ngực sư đã nện inh ỏi. Sư kêu gọi Đức Bồ Tát Quán Thế Âm đến líu cả lưỡi mà hình bóng của giai nhân vẫn lảng vảng quanh Sư. Nghĩ mình đã xuất gia đầu Phật, nhất định cắt đứt đường tơ mà nghiệp chướng tiền khiên quá sâu nặng. Sư đổi pháp môn tu, nhờ một chàng thư sinh có đôi tay tài hoa, vẽ dùm hai bức tranh: Một bức là dung nhan chim sa cá lặn của giai nhân, còn bức kia thì tô thêm những nốt đậu mùa để Sư tập quán "bất tịnh".
Chàng thư sinh vui vẻ nhận lời trợ giúp cho nhà Sư đáng thương tha thiết cầu đạo nầy. Để bức họa linh động, chàng tìm cách gặp gỡ giai nhân. Ngờ đâu thần ái tình lại bắn luôn mũi tên còn lại, chàng đâm ra yêu thiếu nữ mê mệt. Và sau khi hoàn thành hai bức tượng, nhờ nhà Sư chúc phúc cho mình, chàng trở về mượn người đánh tiếng xin cầu hôn người đẹp. Sau bao nhiêu lễ lộc rắc rối, chàng thư sinh được giai nhân nhận lời. Hôn lễ được dự định sẽ cử hành vào mùa đông sắp tới. Mọi chuyện tưởng đâu sẽ xuôi chèo mát mái thì…thình lình có dịch đậu mùa.
Giai nhân vì chưa quá tuổi vị thành niên, nên đã vướng phải bệnh nầy. Và gương mặt đẹp như ngọc của nàng bỗng trở nên giống hệt bức tranh thứ nhì mà nhà Sư đang quán tưởng.
Đến cuối đông, chàng thư sinh thở dài, vì cưới cô vợ xấu xí; một lời đã thốt ra thì dù đến bốn ngựa cũng không theo nổi. Nghĩ rằng dung nhan của vợ mình từ đây sẽ không gây rắc rối cho ai nhất là chư Sư, nên sau tuần trăng mật, chàng đưa vợ đến lễ chùa và luôn tiện thăm nhà Sư si tình dạo nọ.
Nhác trông thấy "người xưa" nhà Sư sững người kinh ngạc và sau đó Sư vui

mừng khôn tả.
Đêm hôm ấy nhà Sư lúi húi dựng một dàn hỏa và viết một phong thư gởi lại cho Hòa thượng trụ trì báo tin rằng Sư đã đắc đạo nhờ phép quán "bất tịnh", rằng mối tình si, sự vô minh của Sư đã được giải tỏa… bằng cớ là khi chạm mặt giai nhân, Sư chỉ thấy dung nhan của nàng qua bức tranh mặt rỗ của Sư. Và đó là một bằng chứng hiển nhiên để Sư tin rằng khi bước lên dàn hỏa, Sư sẽ vào Niết bàn lập tức. Bức thư được gởi đi trước khi dàn hỏa được nhúm lửa; nên sau đó, Hòa thượng trụ trì bắt Sư khuân hết số củi dựng dàn hỏa vào nhà trù rồi sắm hành lý cho Sư lên đường học đạo…
"Sự tham lam nó làm cho con người chìm đắm mãi trong biển luân hồi. Mà nhứt là cái tham về sắc dục nó đày đọa và vùi lấp con người một cách ghê gớm".

Đoạn đường phải đến

Lúc Phật ngụ tại Xá vệ, có một thương gia chở hàng hóa từ thành Ba La Nại đến bán. Vừa đến thành phố, trời đã quá nhá nhem tối, ông thương gia phải dừng xe cạnh một dòng sông, nghĩ bụng: "Ngày mai ta sẽ qua sông".
Đêm hôm ấy, một cơn giông thổi qua thành phố mưa như trút. Suốt bảy ngày đêm vẫn không ngớt, nước sông dâng cao, đường sá lấy lội, dân chúng đều tìm chỗ trú mưa nên khách thương không có dịp bán hàng.
Ông tự nghĩ: "Ta đã đi một đoạn đường khá dài, nếu phải đổi lộ trình chắc là không kịp nữa. Thôi! Ta đành ở đây hết mùa mưa, mùa đông, và mùa hạ để bán buôn vậy!".
Lúc đó Đức Thế Tôn đi khất thực trên đường phố, ngang qua đoàn xe buôn, Ngài mỉm cười. Tôn giả A Nan hỏi lý do, Ngài đáp:
- A Nan, ông có thấy vị thương gia kia không?
- Bạch Thế Tôn, con có thấy.
- Đời sống của ông sắp hết, vậy mà ông ta còn dự định ngụ tại đây hết mùa nầy sang mùa khác để bán hàng.
- Bạch Thế Tôn, ông ấy sắp chết sao?
- Nầy A Nan, chỉ bảy ngày nữa, ông ta sẽ rơi vào bụng cá.
Và Ngài nói kệ:
Hãy tinh cần nỗ lực
Làm những gì cần làm trong hôm nay
Ai biết được ngày mai sẽ chết?
Chúng ta đều bất lực trước tử thần
Hạnh phúc thay cho kẻ nào sống
Từng ngày và đêm không lo lắng
Dù chỉ là một đêm

Đó là người khôn ngoan thanh tịnh.
- Bạch Thế Tôn, như vậy con sẽ báo tin cho ông ta biết.
- Được, ông cứ đi.
Tôn giả đến trại vị thương gia khất thực. Ông cung kính cúng dường thức ăn cho Ngài. Tôn giả hỏi:
- Ông định ở đâu bao lâu?
- Bạch tôn giả, con từ phương xa đến, nếu trở về thì quá tốn kém nên con dự định ở lại đây suốt năm, bao giờ bán hàng xong mới đi.
- Này cư sĩ, ông nên biết rằng đời người thật ngắn ngủi, không biết sẽ chết vào lúc nào.
- Sao? Bộ con sắp chết?
- Phải đó, cư sĩ. Ông chỉ còn bảy ngày nữa thôi.
Quá xúc động, vị thương gia mời Phật đến cúng dường suốt bảy ngày liên tiếp. Đến ngày cuối, ông xin Phật hồi hướng phước báo cho ông. Phật dạy:
- Nầy cư sĩ, người khôn ngoan không bao giờ nghĩ rằng ta sẽ ở đây suốt mùa mưa, qua đông sang hạ. Ta sẽ làm việc nầy việc nọ. Hãy nghĩ đến cái chết của mình.
Ngài nói kệ:
Ở đây ta an trú suốt
Mùa mưa, mùa đông, mùa hạ.
Người ngu tưởng thế,
Không biết rằng mình sẽ chết".
(Pháp Cú 236)
Nghe xong vị thương gia chứng quả Dự Lưu, chúng hội cũng được lợi ích. Thương gia tiễn Phật đi một quãng đường mới trở lại. Ông cảm thấy nhức đầu và đi nằm. Chẳng bao lâu ông chết, thác sinh lên cõi trời Đâu Suất.
Thích Nữ Như Thủy- Như Đức
"Đời sống bị tổn giảm theo từng giây phút, trong từng niệm, không được tăng trưởng, cũng như dòng nước dốc không thể đứng một chỗ, cũng như hạt sương mai không thể đọng lâu, cũng như người mù dẫn đến pháp trường, mỗi bước là gần cõi chết".

Người dốt giác ngộ

Tôn giả Châu Lợi Bàn Đà Già là một đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni, người kém trí tuệ nhất. Tôn giả cũng có tên là Bàn Đặc được sanh trong một gia đình nghèo khó, mộc mạc và sự cách biệt của cha mẹ. Cha Tôn giả là người vất vả, thiếu học, cuộc đời chỉ biết làm tôi tớ, còn mẹ lại là con gái của vị trưởng giả giàu có, học rộng hiểu xa. Hơn nữa bà còn nhanh nhẹ trước những việc khó khăn. Thế mà cuộc hôn nhân của ông bà vẫn được thành tựu

tốt đẹp, âu cũng là duyên kiếp.
Cuộc sống êm ả trôi qua, đôi vợ chồng khác biệt nầy vui sướng khi sắp sửa làm mẹ. Bà chuẩn bị về quê để chờ ngày khai hoa nở nhụy. Trên đường về lòng bà tràn ngập niềm vui, miên man nghĩ đến đứa con xinh xắn sắp chào đời mà quên đi quãng đường xa. Chẳng mấy chốc đã gần đến nơi chợt bà thấy đau nhói, mỗi lúc càng nhiều. Đến lúc không chịu nổi nữa, bà phải dừng lại bên vệ đường, tìm vào nơi kín đáo, rồi hạ sanh một bé trai trắng trẻo, mập mạp, ấy chính là Bàn Đặc. Thương thay cho kẻ sơ sinh phải vương mùi khổ lụy từ khi lọt lòng mẹ.
Thuở nhỏ Bàn Đặc thật dại khờ, vả lại nhà nghèo nên không được đi học, vì vậy mà càng thêm dốt nát. Sau nhờ quả phước báo may mắn được Đức Phật độ cho xuất gia tu hành. Đức dạy ông bài kệ chỉ bốn câu nhưng vì căn tánh ngu độn mà ông học mãi không thông. Bấy giờ Đứa Phật dùng phương tiện thực tế giáo hóa ông, chờ khi Châu Lợi Bàn Đặc cầm chổi quét nhà Đức Phật liền chỉ ngay cây chổi mà dạy rằng:
- Nầy Bàn Đặc! Khi nào cầm đến cây chổi quét nhà thì con nhớ đọc hai tiếng: "Chổi Quét". Nếu lòng con giữ vững được chánh niệm hai tiếng "Chổi Quét" thì con quyết sẽ chứng Thánh đạo, giải thoát sanh tử luân hồi.
Lúc đầu, chỉ bấy nhiêu đó mà Bàn Đặc cũng không nhớ nổi, hễ nhớ tiếng "Chổi" thì quên tiếng "Quét", mà nhớ tiếng "Quét" lại quên tiếng "Chổi". Thật con người của ông không có một chút trí nhớ nào hết, đến đỗi ai gặp ông cũng đều cười chê, đùa cợt.
Một hôm Vương tử Kỳ Vực đến cầu Đức Phật và hàng đệ tử vào cung vua để thọ sự cúng dường, nhưng không mời Bàn Đặc tham dự. Lúc Đức Thế Tôn cùng hàng đệ tử đến cung thì Vương tử Kỳ Vực sẵn sàng bưng thau nước trong dâng lên Đức Phật để rửa chân (theo phong tục Ấn Độ, đó là phép lịch sự của chủ đối với khách), nhưng Ngài chẳng tiếp lấy. Thấy vậy, Vương tử ngạc nhiên thưa hỏi:
- Kính lạy Đức Thế Tôn! Con kính dâng thau nước trong nầy để Ngài rửa chân sao Ngài không nhận?
- Nầy Vương tử! Trong hàng đệ tử của ta đến nhận sự cúng dường có thầy Tỳ kheo Bàn Đặc ở đó không?
- Kính lạy Đức Thế Tôn! Thầy Tỳ kheo Bàn Đặc chỉ có hai tiếng "Chổi Quét" còn không nhớ nổi, so lại không sánh bằng kẻ chăn dê nên con không có mời đến.
- Nầy Vương tử! Không phải vậy, Phật pháp phải là bình đẳng, không phân giai cấp cao hay thấp, cũng chẳng có kẻ sang người hèn, tất cả đều như nhau. Nếu Vương tử không mời Thầy Tỳ kheo Bàn Đặc đến đây thì ta không nhận lấy thau nước này.
Biết mình lầm lạc, làm trái ý Đức Phật, Vương tử vội phái quan đại thần đến

thỉnh Tôn giả Bàn Đặc.
Khi tới nơi, Bàn Đặc vào lãnh thọ sự cúng dường. Đức Phật bảo Tôn giả A Nan gắp thức ăn để vào bát Bàn Đặc. Thấy vậy Bàn Đặc lấy làm mừng rỡ liền đứng dậy một lúc lâu, đúng ra việc này ông phải chờ lệnh của Đức Phật, bởi vì đem so thì Tôn giả A Nan xuất gia sớm hơn Tôn giả Bàn Đặc.
Tôn giả Bàn Đặc ngồi cách xa Đức Phật nên việc đem bình bát đến bên Đức Phật khi ăn xong không phải là chuyện dễ, nhưng bình bát của Tôn giả Bàn Đặc vẫn được đưa đến đây trước sự ngạc nhiên của mọi người. Đó là nhờ sức oai thần của Đức Phật mà đại chúng không được biết.
Thấy vậy, Vương tử Kỳ Vực vội chắp tay đến quỳ trước Tôn giả Bàn Đặc mà thành tâm sám hối.
Thuở trước Tôn giả Bàn Đặc vốn ngu dốt, có thể là tâm ông không bền vững. Mặc dù bị người đời chê cười, biếm nhã, nhưng ông vẫn không thối chí, nản lòng, mà quyết chuyên đọc hai tiếng "Chổi Quét" suốt sáu năm dài, để rồi ông được thức tỉnh, tâm không còn rối loạn, đi đến Giác Ngộ và chứng Thánh quả.
Từ đó về sau tâm trí phát sanh rộng lớn, ông thấu hiểu nhiều đạo lý mầu nhiệm, lãnh hội nhiều pháp ngữ sâu xa của Đức Phật.
Những người trước kia khinh thường, chê biếm ông sẽ thay ông tiêu tai nạn. Bấy giờ không còn một ai dám cười chê ông nữa mà lại càng kính trọng hơn.
Có một lần Tôn giả Bàn Đặc cùng 499 vị Đại để tử theo Đức Phật đến cung Long Vương A Nậu Đạt nhận sự cúng dường. Khi đến bờ ao A Nậu Đạt, Đức Phật bảo hàng đệ tử:
- Nầy các thầyTỳ kheo! Mỗi vị hãy múc lấy nước tám công đức ở trong ao mà uống. Sau đó các vị có thể biết được việc đời trước của mình.
Khi hàng đệ tử thực hành xong, Đức Phật tiếp:
Bây giờ các vị hãy thuật lại kiếp đời trước của chính mình nghe ra sao.
Vâng lời Phật dạy, Bàn Đặc liền tự thuật:
- Kính lạy Đức Thế Tôn! Thưa toàn thể đại chúng: Đời trước con là một người nuôi heo. Một hôm con lùa heo đến chợ bán. Đi được nửa đường thì bị một con sông cản lối, vì muốn đem heo đến chợ sớm nên con không thể dừng lại đó. Con giải quyết bằng cách cột chân heo lại và lấy vải buộc mỏ chúng để khỏi la ồn. Xong xuôi, con cầm dây từ từ kéo bầy heo qua sông. Khi con sang được bờ bên kia thì bầy heo bị ngộp thở mà chết cả. Vốn liếng con bị tiêu tan từ đó. Cuộc sống của con trở nên khổ sở, lắm lúc như điên dại, thường đứng ở bờ sông ngơ ngác không tìm ra lẽ sống. May gặp được một vị cao Tăng rộng lòng thương xót, Ngài khuyên con xuất gia tu học. Sau khi bỏ thân ấy con được sanh lên cõi Trời. Lúc hưởng hết phước ở cõi Trời rồi mới trở xuống nhân gian làm người.
Do vì kiếp trước buộc mỏ heo kéo sang sông làm tổn hại rất nhiều sanh

mạng nên kiếp này con mắc quả báo ngu dốt. May nhờ kiếp trước có nhân duyên xuất gia nên đời nầy con được gặp Phật độ, chứng quả vị A La Hán.
Minh Tâm
"Người tâm không an định, không hiểu biết chánh pháp, không tín tâm kiên cố, thì không thể thành tựu được trí tuệ cao siêu".

Một chút lửa địa ngục

Thuở xưa, khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, lúc nào Ngài cũng đem giáo pháp nhiệm mầu ban bố cho chúng sanh từ hàng vua chúa quan quyền cho đến lê thứ đều thấm nhuần Pháp Bảo. Do đó, khi bóng Ngài xuất hiện nơi đâu là đem cảnh thái bình an lạc đến đấy.
Ngài thường ngự nơi Kỳ Viên tinh xá, một tòng lâm vĩ đại của Trưởng giả Cấp Cô Độc, vùng vườn cây cổ thụ xanh tươi của Thái tử Kỳ Đà.
Chung quang Ngài lúc nào cũng có đại chúng Tỳ kheo Tăng và các vị Đại đệ tử uy danh lừng lẫy. Nổi bật nhất là Đại Mục Kiền Liên thần thông biến hóa vô cùng, có thể di sơn đảo hải hoặc ngự lên cung trời, bay xuống địa ngục dễ dàng như trở bàn tay.
Một hôm Đại đức Mục Kiền Liên, muốn vào cõi địa ngục để xem chúng sanh thọ hình khổ sở đến mức nào.
Sau khi đảnh lễ từ giã đấng Thiên Nhơn Sư (Phật) xong. Ngài liền dùng thần thông bay thẳng vào cõi địa ngục. Ngài chứng kiến những cảnh tội nhân rên siết rất đau đớn khổ sở từ địa ngục nhỏ cho đến địa ngục lớn như A tỳ.
Khi Đại đức ngự đến đâu, do oai lực của Ngài, các tội nhân được giảm tội và dừng hình phạt trong giờ phút ấy. Những đống lửa vĩ đại đang cháy ngùn ngụt bỗng dưng khô cạn. Một hoa sen lớn bằng bánh xe hiện ra Đại đức Mục Kiền Liên đến an tọa trên đóa sen tươi ấy.
Các tội nhân vô cùng mừng rỡ khi nhận thấy hình ảnh uy nghi của Đại đức Mục Kiền Liên, tất cả chạy đến vây quanh Ngài quỳ xuống thành kính đảnh lễ. Một tội nhân bạch hỏi:
- Bạch Ngài, Ngài từ đâu đến đây?
Đại đức Mục Kiền Liên đáp:
- Bần tăng từ thế giới loài người đến đây.
Các tội nhân khi nghe Đại đức đáp như thế, lấy làm mừng rỡ, mỗi người kể trường hợp khổ đau của mình, xin Đại đức hoan hỷ báo cho thân bằng quyến thuộc của họ được biết họ đang ở trong địa ngục, khổ sở lắm, rất thương nhớ quyến thuộc. Xin thân bằng quyến thuộc hãy vui lòng bố thí, làm phước, trai Tăng cúng dường đến chư Tăng rồi hồi hướng phước báu đến họ.
Đại đức Mục Kiền Liên hoan hỷ nhận lời, hứa sẽ nhắn lại cho các thân nhân từng trường hợp một. Sau đó Ngài dùng thần thông thử lấy một chút lửa địa

ngục bằng hạt cải gói trong chéo y của Ngài rồi Ngài trở về thế gian.
Khi trở về cõi ta bà, Đại đức Mục Kiền Liên thông báo ngay cho thân bằng quyến thuộc của các tội nhân. Hay tin dữ, các thân bằng quyến thuộc than khóc vô cùng thảm thiết. Khi sự đau buồn lắng dịu một phần nào, họ liền tổ chức một buổi lễ trai Tăng rất long trọng để hồi hướng phước báu cho những thân nhân đã quá vãng, dưới sự chứng minh tối thượng của Đức Phật và Đại đức Mục Kiền Liên cùng với chư Tăng.
Do nhờ oai lực chú nguyện của Đức Phật và chư Tăng, những tội nhân được thọ lãnh phần phước báu, được thoát khổ cùng được thọ sanh nơi tiên cảnh.
Sau đó Đại đức Mục Kiền Liên, dùng thần thông bay lên cõi Trời, với ý định quán sát sự an vui và hỷ lạc của chư Thiên ở cõi Trời.
Ngài ung dung thưởng ngoạn cảnh vui tươi của cung trời Đao Lợi. Lúc ấy chư Thiên trong sáu cõi Trời đang sống vui hạnh phúc. Bỗng dưng họ cảm thấy nóng bức khó chịu phi thường, cất tiếng hét vang rần, vì bị sức nóng của lửa địa ngục toát ra do Đại đức Mục Kiền Liên mang theo trong chéo y của Ngài.
Đức Thiên Vương thấu hiểu nguyên nhân khiến cho chư thiên nóng bức, khó chịu đến như thế liền đến ra dấu cho Đại đức Mục Kiền Liên hiểu tình trạng đã xảy ra.
Đại đức Mục Kiền Liên thầm nhủ rằng: "Chư Thiên lại nóng bức khó chịu, náo loạn thiên cung thế nầy chỉ do một chút xíu lửa từ địa ngục ta mang đến đây. Bây giờ phải ném lửa nầy vào đâu? Nếu ta ném xuống mặt đất thì mọi vật trên thế gian sẽ bị thiêu hủy hết. Nếu ta ném xuống biển cả thì biển sẽ cạn nước, còn nếu ném vào không gian sẽ bị hạn hán không mưa 12 năm. Như thế thì hãy mau mau trả lửa nầy lại xuống địa ngục.
Đại đức Mục Kiền Liên lại bay xuống địa ngục một lần nữa, để đem chút lửa nguy hại ấy trả về địa ngục như cũ.
Xong rồi Đại đức Mục Kiền Liên bay trở lại trần gian, về Kỳ Viên tịnh xá đảnh lễ Đức Thế Tôn và tường trình lại cho Đức Phật rõ về chuyến du hành vào địa ngục và cõi Trời của Ngài. Nhân cơ hội ấy, Đức Phật liền dùng đề tài trên để ban bố một thời pháp cho đại chúng nghe, có câu kệ ngôn như sau: "Hai trạng thái: Một là Thiện pháp hai là Ác pháp, vì hai pháp nầy kết quả không giống nhau. Ác pháp đưa chúng sanh vào cảnh khổ, Thiện pháp đưa chúng sanh đến cảnh an vui…"
Khi thời pháp vừa chấm dứt, các hàng Phật tử trong pháp hội ấy đều được đắc quả, vào khoảng ba vạn bốn ngàn người trong cùng một lúc.
Kim Quang
"Ác nào bằng ác sân si,
Lửa nào bằng lửa dục tham lan tràn.
Khổ nào bằng khổ trần gian,

Vui nào sánh kịp Niết bàn thanh cao."
Diệu Mỹ

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập III - 11

Pothila ông sư rỗng

Vào thời Phật tại thế có vị trưởng lão tên Pothila. Vị sư nầy lão thông Tam tạng, và vẫn thường tuyên đọc giáo lý cho một nhóm 500 vị Tỳ kheo nghe. Chỉ hiềm có một điều là sư chưa chứng được quả Thánh nào cả. Để giúp sư, Đức Thế Tôn thường gọi sư là "Pothila rỗng" mỗi khi tiện dịp. Chẳng hạn như mỗi lần sư đến bên Đức Phật. Ngài bảo:

- Hãy đến đây Pothila rỗng!
- Ngồi xuống đi Pothila rỗng!
- Hãy đi đi Pothila rỗng ! v.v…

Và khi trưởng lão Pothila đã rời khỏi ghế, đi ra, Ngài nói:

- Pothila rỗng đã đi.

Trưởng lão Pothila thầm nghĩ: "Ta đọc tụng thông thuộc cả Tam tạng và chú giải cũng rành mạch không kém, ta là thầy giáo thọ cho 500 Tỳ kheo và 18 hội chúng, vậy mà Đức Thế Tôn vẫn gọi là "Pothila rỗng" chắc vì ta chưa phát triển chánh định nên Ngài gọi như thế". Cảm thấy bị kích động, Sư tự nhủ: "Ta sẽ vào rừng để thiền định".

Chiều hôm ấy sau khi giảng kinh xong, đợi lúc trời nhen tối, trưởng lão mang y bát, nối gót theo nhóm thính chúng cuối cùng ra khỏi pháp đường. Các thầy Tỳ kheo ngồi trong phòng học kinh nhưng chẳng hề hay biết gì về vị pháp sư của mình.

Sau khi đi khoảng 120 dặm đường trưởng lão Pothila gặp một cụm rừng là nơi ẩn cư của 30 vị Tỳ kheo. Sư đến chào vị trưởng chúng thưa:

- Bạch trưởng lão, xin Ngài hãy chỉ dạy cho con.
- Nầy Tôn giả, Ngài là một vị giảng sư chúng tôi còn phải học với Ngài, sao Ngài nói thế?
- Thưa trưởng lão, Ngài đừng từ chối, xin hãy chỉ dạy cho con.

Tất cả vị Tỳ kheo ngụ tại rừng cây này đều đã đắc quả A La Hán. Vị trưởng chúng nghĩ thầm: "Ông sư nầy là người học rộng, có lẽ ông đầy lòng kiêu hãnh" nên thầy từ chối chỉ dạy và gởi Pothila xuống cho đệ nhị tòa.

Pothila cũng cung kính xin học hỏi với vị sư này, nhưng vị đệ nhị tòa lại đẩy

sang đệ tam tòa. Và cứ như thế, cho đến người nhỏ nhất trong chúng -- một chú tiểu 7 tuổi đang ngồi khâu áo. Kiêu khí của Pothila cũng tụt dần cho đến mức thấp nhất .
Trưởng lão Pothila đến bên chú tiểu, chắp tay cung kính:
- Thưa Tôn giả, xin Ngài hãy chỉ dạy cho con.
- Ồ! Pháp sư! Ngài nói gì thế? Ngài lớn hơn tôi về tuổi tác cũng như học thức tôi còn phải học thêm ở Ngài nữa mà?
- Bạch Tôn giả, xin Ngài đừng từ chối. Hãy chỉ dạy cho con!
- Thưa Tôn giả, nếu Ngài có đủ kiên nhẫn làm theo lời tôi, tôi sẽ hướng dẫn Ngài.
- Con sẽ kham nhẫn tất cả, nếu Ngài dạy con nhảy vào lửa, con cũng nhảy theo.
Nhìn bộ y phục đắt giá của Pothila, chú tiểu chỉ một cái ao gần đó:
- Xin Ngài hãy để nguyên y phục và nhảy xuống ao.
Thấy y phục của vị trưởng lão này ướt đẫm, chú tiểu bảo:
- Hãy leo lên.
Trưởng lão Pothila liền leo lên đứng cung kính trước mặt chú tiểu. Chú giảng dạy:
- Nầy Tôn giả, như một cái hang có sáu cửa ngõ. Một con dế chun vào hang. Ai muốn bắt nó phải bịt năm cửa, chỉ chừa một cửa là tóm được nó ngay. Tôn giả hãy quan sát sáu căn của mình. Đóng năm căn lại và tập trung trọng tâm vào ý căn.
Nghe những lời nói của chú tiểu, Trưởng lão hốt nhiên tỉnh ngộ, nói:
- Bấy nhiêu cũng đủ rồi.
Trưởng lão liền nhập định.
Đức Thế Tôn cách đó 120 dặm, biết rằng Tôn giả sẽ đắc quả, Ngài liền hóa thân đến trước mặt Pothila, đọc kệ. Bài kệ này trở thành câu pháp cú 282, và được lưu truyền cho đến ngày hôm nay:
"Thật vật do thiền định trí tuệ phát sinh, không hành thiền trí tuệ phai dần, thông suốt những điều lợi hại nầy, hãy tự mình làm thế nào để trí tuệ phát sinh".
Thích Nữ Như Thủy-Như Đức
"Dù tuổi cao mày bạc
Không tịnh hạnh tu trì
Tôn xưng là hòa thượng
Danh suông chớ ích chi"

Dưới gốc mai vàng

Ngày xưa, có đôi vợ chồng Rùa sống rất êm đềm trong một động đá bên

dòng sông thơ mộng.
Một hôm, Rùa vợ mắc phải chứng bệnh ăn không tiêu. Rùa chồng cho mời tất cả lương y thủy giới đến chữa, nhưng bệnh vẫn không thuyên giảm mà có phần trầm trọng hơn.
Một buổi chiều nước lớn, Tôm có dịp đi qua động Rùa, nghe có tiếng rên liền hỏi:
- Anh rùa ơi! Bộ trong nhà có ai đau sao tôi nghe có tiếng rên? Rùa chồng bước ra trả lời:
- Mấy hôm nay vợ tôi bị bịnh vì ăn không tiêu.
- Chị đau mấy hôm rồi?
- Ba hôm rồi, đúng hôm kỷ niệm ngày chúng tôi gặp lần đầu, vợ tôi vì sung sướng nên ăn nhiều hơn thường ngày.
Tôm ân cần hỏi:
- Anh có mời ai đến chữa bịnh cho chị chưa?
- Đủ cả rồi, nhưng sao không thấy thuyên giảm tí nào, tôi lo quá anh ơi.
- Tôi biết một thứ thuốc hay lắm, có thể làm chị lành bịnh tức thời, nhưng không biết anh dám tin kinh nghiệm của tôi không?
- Anh biết làm ơn chỉ dùm, ơn nầy tôi không dám quên.
- Ơn nghĩa gì, biết chỉ dùm cho nhau, tôi chỉ thuốc sợ khó tìm. Bây giờ, nếu anh muốn chị chóng lành bịnh thì anh phải mau mau đi tìm gan khỉ đem về phơi khô, rồi cho chị ăn từng miếng nhỏ.
Nói xong Tôm theo dòng nước lội đi. Rùa chồng trở vào nói với vợ:
- Thuốc của anh Tôm chỉ có vẻ hay, nhưng biết làm sao tìm ra được gan khỉ mà phơi khô.
- Em cũng không biết nữa.
Rùa chồng tìm trong óc mãi lúc lâu mới nhớ ở cách đó khá xa có một hòn đảo có rất nhiều khỉ thường hay nhảy nhót, đùa giỡn bên dòng sông. Con khỉ chúa đàn thường hay nhăn nhó mặt mày trêu chọc mỗi khi thấy Rùa lội qua.
- Anh nhất định chữa bịnh cho em bằng thứ thuốc anh Tôm vừa chỉ. Bây giờ anh đi tìm thuốc đây, em ở nhà nằm yên một chỗ chờ anh, nhớ đừng đi đâu hết nghe không. Anh ráng đi mau về sớm với em.
Dặn dò xong Rùa chồng hăng hái ra đi. Vừa bơi, Rùa vừa suy nghĩ phải ăn nói làm sao cho thật hay để Khỉ chịu theo về động của mình. Rùa bơi đến đảo thì đã quá nửa đêm. Vầng trăng mười sáu nghiêng mình tỏa xuống đảo một màu vàng nhạt, làm cảnh vật trở nên mờ ảo trông thật đẹp mắt.
Vừa bước lên bờ, Rùa đã lên tiếng gọi. Khỉ nghe tiếng gọi liền hỏi:
- Ai gọi tôi đó?
- Tôi, Rùa đây.
- À, té ra anh mà tôi tưởng ai đâu xa lạ. Anh đến đây chơi hay tìm tôi có việc gì?

- Không có việc gì cả. Hôm nay trăng đẹp tôi thả đi chơi, thấy anh tôi có cảm tình, nên ghé hỏi thăm vài lời thế thôi.
- Nếu thế thì còn gì bằng, tôi cũng đang buồn, không biết nói chuyện với ai. Anh nói chuyện nghe có vẻ hiền lành vui vẻ, thế mà ngày trước tới giờ thấy anh xa lạ tôi cứ tưởng là anh dữ dằn và khó chịu.
- Ồ, sao anh lại nghĩ thế, tôi mới là hiền lành, dễ chịu nhất thế gian. Thôi anh xuống gần đây nói chuyện cho vui, anh ở trên cây tôi ngó lên hoài mỏi mắt quá.
Khỉ liền chuyền cây xuống ngồi gần Rùa .
- Anh chuyền cây giỏi quá, tôi thật phục tài anh.
- Tôi thì được cái sung sướng là chạy nhảy, chuyền cành không ai bằng, nhất là những đêm trăng đẹp như thế nầy, ít khi tôi chịu đi ngủ sớm lắm, tôi thích ngồi ngắm trăng một mình bên bờ sông.
Nghe Khỉ nói, Rùa ganh tức lắm nhưng cũng cố lấy giọng bình thản nói:
- Nghe anh nghe nói tôi ham quá, anh biết thưởng thức vẻ đẹp của đêm trăng, nếu nghe được cá hòa nhạc chắc anh hẳn hài lòng lắm.
- Cá hòa nhạc làm sao? Anh nói rõ tôi nghe với.
- Ở chỗ động tôi ở, buổi sáng nào lúc mặt trời vừa mọc, cá cũng hòa nhạc để đón chào bình minh. Tiếng nhạc của từng loài cá hòa cùng tiếng nước chảy trên động đá, trên rong rêu nghe tuyệt diệu làm sao, không kém gì nhạc ở thiên thai.
- Nghe anh nói tôi ham quá, nhưng tôi là giống trời sanh ở trên bờ, nên đành phải thua anh ở điểm đó chớ biết làm sao.
- Nếu chuyện không biết lội làm cản trở ước muốn của anh thì có gì khó đâu. Anh cứ việc lên lưng tôi, tôi sẽ đưa anh đi xem hòa nhạc, tôi hứa chắc cho anh khỏi lo là anh sẽ được an toàn, không ướt một sợi lông.
- Tôi cảm ơn lòng tốt của anh, nhưng tôi nặng quá, tôi sợ làm anh mệt nhọc.
- Chỗ anh em mà, anh đừng lo ngại gì cả. Anh lên mau, chúng ta cùng đi cho kịp giờ. Đoạn khởi đầu bao giờ cũng hay hơn hết…
Không đợi Rùa nói thêm, Khỉ vội leo lên lưng Rùa.
Rùa vội bò xuống sông bơi thật nhanh, lòng cảm thấy sung sướng vì đã gạt được Khỉ một cách quá dễ dàng. Đi được nửa đường thì trời đã hừng sáng.
- Tôi nghe dường như có tiếng hòa nhạc phải không anh Rùa?
Rùa không nhịn được phá lên cười làm Khỉ ngạc nhiên hỏi:
- Chuyện gì làm anh cười có vẻ thích thú thế?
- Tôi cười anh, cười sự ngây ngô khờ dại của anh. Khỉ từ xưa tới nay vốn khôn ngoan mà lại thua trí Rùa.
- Anh nói gì lạ vậy? Không có hòa nhạc sao?
- Anh là con vật kém thông minh nhất mới đi tin chuyện cá hòa nhạc.
- Nếu không có chuyện hòa nhạc thì tại sao anh lại chở tôi đi làm gì cho

nặng?
- Tại tôi cần lá gan của anh để chữa bệnh cho vợ tôi.
- À, té ra anh đến tìm tôi để lấy lá gan về làm thuốc cho vợ anh uống?
- Đúng vậy!
- Nếu thế thì anh lầm to rồi. Anh đem tôi về mổ bụng, tìm khắp chỗ cũng không làm sao thấy được gan tôi.
- Tại sao lạ vậy?
- Anh không biết sao, tôi thì có tính cẩn thận, nên trước khi nhảy chỗ nào nguy hiểm, tôi thường treo lá gan lên một cành cây. Như thế sẽ chắc ý hơn và khỏi mất công tìm. Anh không biết sao, loài khỉ chúng tôi, con nào cũng làm như thế cả. Treo gan rồi chạy nhảy tự do dễ dàng hơn. Hồi nãy, anh hối đi gấp quá nên tôi quên đem gan theo rồi.
Rùa ngạc nhiên ngừng bơi chờ nghe Khỉ nói.
- Phải anh đừng tính gạt tôi mà nói tử tế: "Vợ tôi đau nặng, tôi cần lá gan của anh để chữa bệnh cho vợ tôi", thì tôi không bao giờ từ chối. Anh cũng thừa biết là tôi có cảm tình với anh rất nhiều. Lá gan của tôi để treo nhánh cây hay ở trong bụng chị thì cũng thế thôi. Không có thiệt hại gì cho tôi cả kia mà. Nếu anh nói thật thì tôi sẵn sàng tặng chị lá gan và sung sướng đã làm được một điều thiện.
Rùa cảm thấy gượng ngùng không biết làm sao. Dáng điệu bình thản của Khỉ càng làm cho Rùa mắc cỡ hơn.
- Thật tôi không biết làm sao, tôi lấy làm xấu hổ vì đã đi lường gạt một người bạn tốt như anh. Anh không có đem gan theo thì tôi chở anh về cũng vô ích.
- Tôi hiểu tình cảnh của anh, nên không nỡ giận anh làm gì. Tôi bằng lòng cho lá gan của tôi. Thôi anh chở tôi về đảo mau để lấy lá gan làm thuốc cho chị.
Rùa cảm ơn rối rít quay đầu bơi trở lại. Vừa đến đảo. Khỉ vội nhảy lên bờ, leo lên cây chuyền cành này sang cành khác. Chờ một lúc lâu, Rùa sốt ruột hỏi:
- Lá gan của anh đâu?
Khỉ lượm một hòn đá to liệng xuống lưng Rùa và nói:
- Gan của tôi đó, đem về mà làm thuốc cho khôn thêm tí nữa.
Hòn đá to của Khỉ liệng trúng lưng, tuy không làm tổn thương thể xác, nhưng làm xao động tinh thần của Rùa rất nhiều. Vẻ mặt giận dữ của Khỉ không làm cho Rùa tức giận, mà trái lại làm Rùa hối hận vô cùng.
Rùa nghĩ thầm: "Chỉ tại mình có lòng hiểm ác định giết hại bạn để cứu mạng vợ mình. Cũng may Khỉ lanh trí, nếu không thì đã tán mạng rồi. Khỉ oán giận mình là phải. Mà anh Tôm cũng độc, bày chi phương thức ác quá, mà mình thì cũng không hiền gì. Không biết thuốc làm bằng lá gan có trị bịnh

được không mà dù là thần dược đi nữa cũng chẳng nên dùng. Ai nỡ giết oan một mạng người để cứu một người. Dù kẻ được cứu là người thân, mà kẻ bị giết là người thù..."
Chỉ trong giây phút mà trong trí Rùa thoáng qua không biết bao ý nghĩ. Rùa ngước nhìn Khỉ với đôi mắt lành, đầy vẻ hối hận:
- Tôi rất ân hận về hành động gian ác của tôi vừa rồi, xin anh từ bi hỷ xả cho tôi.
Nãy giờ Khỉ cũng ngạc nhiên không thấy Rùa có phản ứng gì, khi liệng đá trúng lưng, mà trái lại có vẻ trầm ngâm suy nghĩ. Bao nhiêu hờn giận đã theo viên đá đổ trút xuống lưng Rùa rồi, nên khi Rùa tỏ vẻ hối hận. Khỉ cảm thấy hả dạ ngay, vì bản tánh của Khỉ cởi mở, không hiểm ác.
- Tôi xin anh tha lỗi về cử chỉ tàn bạo của tôi vừa rồi. Anh có sao không? Lên đây tôi xem, tôi sẽ đi hái thuốc chữa trị cho anh.
- Cám ơn lòng tốt của anh, tôi không sao cả. Viên đá tuy to, nhưng lưng tôi cũng khá cứng. Lòng tốt của anh làm tôi cảm động và thẹn thùng vô cùng.
Rùa từ từ bò lên khỏi mặt nước.
Khỉ cũng tuột xuống khỏi cây. Khỉ đến gần Rùa thân mật hỏi:
- Anh thật không sao cả phải không?
Quan sát Rùa thật kỹ lưỡng rồi Khỉ cười nói:
- Thấy anh an lành tôi mới an tâm. À mà chị nhà đau ra sao? Bịnh gì vậy anh?
Rùa kể rõ căn bịnh của vợ mình, nghe xong Khỉ nói:
- Không sao đâu, anh đừng lo, tôi biết có thứ lá cây nầy trị bịnh đó hay lắm để tôi hái, rồi anh chở tôi đi trị bịnh cho chị. Anh chờ tôi một tí.
Khỉ chuyền cây một lúc trở lại với một nắm lá.
- Nào chúng ta cùng đi.
Lại cái màn Rùa chở Khỉ, nhưng lần nầy lòng dạ hai đàng khác hẳn, không còn rắp tâm hại nhau, mà lại thông cảm thích giúp đỡ nhau. Với lòng chân thật và mến thương vô hạn. Thật khác xa tâm địa xấu xa lúc ban đầu. Mỗi đàng đều im lặng đeo đuổi ý nghĩ riêng của mình. Một lúc Khỉ bỗng nói:
- Trong rừng của chúng ta dạo nầy có một vị Tăng đến ở tu. Những đêm trăng sáng Ngài thường hay thuyết pháp, anh có đi nghe không?
- Tôi thường hay đi nghe lắm, nhưng buồn quá anh ơi! Nghe giảng hoài mà sao tâm tánh vẫn còn mê mờ, chưa sửa đổi được gì nhiều cả. Cũng vẫn ích kỷ, nhỏ nhen, cũng vẫn hẹp hòi đố kỵ, thấy ai hơn thì ganh tỵ, thấy ai thua thì khinh khi. Chúng ta đối với Thầy thì tỏ ra kính mến còn đối với nhau thì chẳng ra gì. Trước mặt Thầy chúng ta chào hỏi nhau xem như chừng lưu luyến lắm, còn sau lưng Thầy thì ghét nhau như chó với mèo.
- Tôi cũng nhận thấy như anh, chúng ta còn xa đạo không biết bao nhiêu cây số. Anh biết bây giờ tôi nghĩ gì không? Tôi nghĩ đến câu Thầy giảng hôm

rằm: "Tâm dục vọng chỉ để dối gạt, trái nghịch với đạo. Người vào đạo phải dùng tâm đoan chánh, ngay thẳng làm gốc". (Kinh Di Giáo). Vậy mà chúng ta làm trái ngược, dùng tâm dối trá, gian ác để đối xử nhau, nên mới sanh chuyện. Mà cũng lỗi tại tôi có tâm khinh người, thấy anh chậm chạp, nên nhăn nhó trêu chọc.
- Cũng lỗi tại tôi thấy anh nhanh nhẹn khôn ngoan nên tôi sanh tâm đố kỵ, thấy anh trêu chọc sanh tâm thù ghét, cố chấp mong có dịp trả thù. May là là chúng ta đã dừng lại kịp thời, nếu không thì "Ác do tâm sanh, trở lại hại tâm, như sắt hay sanh sét, sét lại tiêu sắt" (Kinh Bột).
Khỉ gật đầu nói:
- Thật đúng: "Nói ác, mắng chửi, kiêu căng, khinh người. Các điều ác ấy khởi ra là ganh ghét, oán hận sanh ngay. Nói lời khiêm tốn, tôn kính, bỏ oán, nhẫn ác là ganh ghét, oán hận tự dứt. Là người sanh ở đời, cái búa tại trong miệng sở dĩ giết thân cũng như lời nói dữ". (Kinh Pháp Cú).
Mãi bàn luận, mấy chốc cả hai về đến hang Rùa. Khỉ trổ tài làm lương y. Uống thuốc Khỉ cho chẳng bao lâu chị Rùa cảm thấy khoẻ khoắn và từ từ khỏi bịnh. Trước khi ra về Khỉ căn dặn:
- Anh chị nhớ tối hôm nay đi nghe giảng nghe. Chúng ta cố đi nghe để sửa đổi tâm tánh, theo thiện, bỏ ác. "Công đức nghe pháp được ra khỏi sanh tử" đó anh ơi! Anh chị nhớ đi đúng giờ, đừng đi trễ có lỗi, nhớ chờ tôi dưới gốc mai vàng nhé!
Nói xong Khỉ nghiêng mình chào chị Rùa, vị chủ nhà chậm chạp trả lễ và không quên cảm tạ ơn chữa bịnh của khách. Xong đâu đấy. Rùa chở Khỉ thong thả bơi đi. Đến mé rừng, Khỉ nhảy vội lên bờ, hái một cành mai nhỏ thật đẹp đưa cho Rùa và nói:
- Nhân dịp xuân về tôi xin biếu chị ở nhà và cầu chúc anh chị một mùa xuân hạnh phúc.
Rùa ngậm cành mai vàng, chào anh bạn quý rồi sung sướng bơi đi…
Bảo Liên
Lấy từ bi thắng nóng giận
Lấy hiền lành thắng hung dữ
Lấy bố thí thắng xan tham
Lấy chân thật thắng ngoa ngụy.

Ngọc báu trong túi áo

Có một thanh niên hiếu khách, ưa tiếp bạn bè, tính hòa hiệp, dễ sống chung với mọi người. Anh có rất nhiều bạn ở khắp nơi xa gần trong nước. Anh vốn là con của một đại phú ông, của cải trong nhà vô số, không cần mua bán kinh doanh. Cả ngày ngoài việc tiếp khách đãi bạn, người ta không thấy anh

làm gì vất vả. Tuy nhiên, "mùa xuân nào rồi cũng phải hết", điều bất hạnh đã xảy đến cho anh. Khi anh vừa đúng 20 tuổi thì phụ thân anh qua đời. Từ đây anh phải sống những ngày cô độc của tuổi trẻ.
Vốn là người chỉ giỏi về sự giao du rộng với bạn hữu, không thạo về buôn bán làm ăn, anh dần dần tiêu sạch bao nhiêu tài sản của phú ông để lại. Khi tất cả không còn gì, anh cô thân chích bóng lưu lạc xứ người, một ngày một đồng cũng không có, với ý tưởng quay gót thăm lại cố hương. Vì trước kia anh từng giao tiếp rộng, anh bước chân đến đâu đều có bạn bè tiếp đón. Lần lượt anh đến thăm những người bạn cũ năm xưa.
Anh không chịu làm một thực khách lâu ngày của ai. Tính khẳng khái và tự tôn của tuổi trẻ, bảo anh làm thế. Tiền trong mình hết hẳn. Đã có lúc qua hai ba ngày liên tiếp mà không có hạt cơm nào trong bụng. Tuy thế anh vẫn không dám đến cầu sự giúp đỡ lần nữa của bạn bè. Cuối cùng khi mà sức lực đã kiệt như không chịu nổi nữa, anh mới chịu lần đến nhà một người bạn tri kỷ của thuở nào. Lâu ngày được gặp lại tình bạn hữu tha thiết bội phần. Anh muốn cố giữ không để cho bạn biết sự nghèo khó của mình, mặc dầu cái dáng vẻ bần cùng của anh rất dễ bị khám phá.
Bữa nọ, bóng chiều vừa xuống, nhân bữa ăn, chủ khách hai người đã than thở với nhau về sự thay đổi vô thường của nhân tình thế thái. Những sầu muộn tích tụ trong lòng anh trong những năm qua, hôm nay được khơi dậy nhân sự tiếp xúc với bạn. Anh vừa tâm sự vừa ăn uống. Nói thật nhiều và uống thật nhiều, bất chấp tính toán so đo. Kết quả anh đã say mèn "bất tri nhân sự". Bây giờ người bạn đưa anh qua phòng ngủ, để anh nằm trên chiếc "giường an lạc" và ngồi bên cạnh trông nom. Người bạn nhìn chăm vào dung nhan của anh trong khi ngủ, và khi đã cùng đường mới tìm đến người bạn nầy để nhận sự giúp đỡ. Hôm nay ta giàu có như thế này-Ý tưởng của người bạn mà bạn ta bần cùng khốn khổ. Xem qua hình dáng, nhất định anh đã chịu hết mọi thống khổ của cảnh "thương hải tang điền". Tuy nhiên anh không đề cập một câu nào về điều ấy. Khí sắc của anh không còn chút nào giống như ngày trước. Bao nhiêu của cải ta có hôm nay đều là của anh cho cả. Giá như phải đem tất cả tặng lại cho anh, ta cũng phải làm. Nhưng ta biết tính khí của anh tâm tự tôn rất cao, anh nhất định không nhận sự bố thí của người đâu… Nghĩ đoạn người bạn rời khỏi giường, để anh tiếp tục ngủ, vào phòng mở tủ lấy một viên ngọc báu vừa sáng lớn, rồi một cách kín đáo nhét viên ngọc vào túi áo của anh. Đây là viên ngọc vô giá, có thể giúp anh nuôi sống trọn đời không hết.
Qua hôm sau, người thanh niên từ cõi mộng trở dậy. Mở mắt ra, anh thấy mình đã ngủ một giấc dài trên chiếc giường lớn lộng lẫy. Anh cảm thấy xấu hổ khi nghĩ về cuộc say sưa chiều hôm qua. Anh hối hận vô cùng, biết rằng mình làm một người khách ở nhà bạn sao lại có thể quá tùy tiện như vậy.

Người bạn đến, tiếp theo là một nữ bộc bưng thau nước. Sau khi lau chải sơ sài, anh theo bạn vào phòng ăn. Bữa ăn sáng hôm ấy quá thịnh soạn.
Mặc dù bạn ân cần thế nào, anh vẫn thấy bất an.
Sau khi ăn xong từ biệt bạn để ra đi. Một lần nữa bạn mời ở lại, nhưng anh nhất quyết ra đi. Cuối cùng không biết làm sao hơn nữa, người bạn chỉ còn cách đưa anh ra cửa. Từ đấy, anh lại sống qua những ngày của một người vô gia cư lưu lạc. Từ thôn nầy qua thôn khác, thành nầy qua thành khác, thời gian cũng theo bước chân anh, đi mau như dòng nước chảy. Bị sự thúc bách của sinh hoạt anh mất hết thần khí, cúi đầu lặng đi. Cuối cùng, anh đã làm việc hết sức khổ nhọc hoặc phải đến từng nhà xin ăn. Chỉ cần một bữa cơm, khổ bao nhiêu anh cũng ráng chịu, không một biểu tượng từ nan. Anh đã biết: Sức sống và sự sống của chính mình quan hệ lẫn nhau.
Anh xa cách người bạn trên đã hai năm, không hề có một ý tưởng mong được gặp lại. Nhưng việc đời làm sao ta có thể ngờ trước. Vì vậy trong một lúc tình cờ, anh gặp lại người bạn đó. Anh đã bị bạn phát hiện trong lúc hì hục làm công cho một nhà giàu. Người bạn rất đỗi ngạc nhiên hỏi:
- Anh bạn, trong khi chúng ta xa cách nhau, sao anh lại nghèo như thế này? Nhớ lại ngày sau bữa rượu anh đã say tại nhà tôi, dìu anh lên giường, rồi lấy một viên ngọc quý đặt vào túi áo của anh. Đó là viên ngọc vô giá, dùng trọn đời không hết, anh đã bỏ mất rồi sao?
Qua lời chỉ dạy của bạn, anh mới bắt đầu đưa tay mò túi áo của mình, và viên ngọc quý sáng rỡ đã được anh moi ra, lúc ấy mới cảm động than rằng:
- Tôi ngu si quá chừng! Ngu si quá chừng! Trong người mang ngọc quý, lại chịu khốn khổ trong cảnh bần cùng. Vì sự sinh kế mà phải vất vả, lo buồn, quả tôi là một thằng khùng nhất trong đời vậy.
Thích Tâm Thiện
"Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật. Ta là Phật đã thành. Chúng sanh là Phật sẽ thành".

Tam nghiệp hằng thanh tịnh

Một vị thiền sư đi hành cước ngang thôn ấp nọ, tìm tới nghỉ tại một ngôi chùa bỏ vắng lâu năm. Dân làng kéo đến khuyên thầy đi chỗ khác, thầy hỏi duyên cớ, họ kể:
- Bạch thầy, ngôi chùa này có con quỷ xuất hiện vào lúc nửa đêm, khóc than thảm thiết rùng rợn, khiến chúng con phải dời nhà đi chỗ khác không dám ở gần. Nguyên do là ngày xưa nghe đâu có vị trụ trì ở đây chết hóa thành quỷ.
- Tại sao chết?
- Dạ bạch, vị sư ấy đã già khi ốm nặng, các đệ tử theo lời y sĩ, đổ súp gà cho thầy lai tỉnh. Lúc tỉnh dậy thầy hỏi đã cho thầy uống thuốc gì và khi được

biết họ đã đổ súp gà, thầy giận đến ngất đi và chết luôn. Từ đó đêm nào cũng có quỷ xuất hiện ngâm lên hai câu:
Lâm bệnh ngọa tại sàng
Nhất dạ ẩm kê thang
(Liệt giường bệnh hành ta
Nên uống phải súp gà)
Rồi khóc lên tru tréo rất thê thảm.
Vị thiền sư nghe qua câu chuyện quyết định ở lại ngôi chùa hoang đêm ấy. Ngài thức chờ, khi quỷ xuất hiện ngâm hai câu:
Lâm bệnh ngọa tại sàng
Nhất dạ ẩm kê thang
Ngài bèn ngâm tiếp:
Tam nghiệp hằng thanh tịnh
Đồng Phật vãng Tây phương.
(Ý nói dù uống lỡ súp gà, nhưng ba nghiệp thân khẩu ý thường thanh tịnh, thì vẫn có thể sanh Tây phương gặp Phật).
Quỷ nghe xong, biến mất, từ đấy không xuất hiện nữa.
Thích Nữ Trí Hải
"Đoạn trừ phiền não trùng tâm bệnh
Xu hướng chân như tổng thị tà
Tùy thuận chúng sanh vô quái ngại
Niết bàn sanh tử thị không hoa".

Phạm Chí ngạo mạn

Ngày xưa, tại Ấn Độ có một Phạm Chí học vấn uyên thâm, biện tài vô ngại. Ông thường dùng xảo ngôn để lập thuyết, lấy hư làm thực, lấy thực làm hư, chưa một ai địch lại, ông rất lấy làm tự đắc.
Một hôm ông đến thành Xá Vệ, giữa ban ngày ông đốt đuốc cầm đi, mọi người thấy lạ chạy theo coi, có người trong đám hỏi ông:
- Nầy đạo sĩ, giữa thanh niên bạch nhật như thế nầy sao đạo sĩ lại đốt đuốc mà đi?
- Trong nước tối tăm, không có ánh sáng, nên ta phải đốt đuốc mà đi.
Câu chuyện được đồn đến tai vua, nhà vua rất lấy làm hổ thẹn, nghĩ cả nước chẳng có người tài giỏi, để phải bị kẻ xảo ngôn nhục mạ. Nhà vua liền sắc các quan quân mang trống lệnh treo trên cửa thành dóng lên từng hồi vang vọng để cầu các bậc biện tài vô ngại, hàng phục kẻ ngông cuồng, xảo ngôn ấy.
Bấy giờ có một vị Sa môn tài cao đức lớn, đi ngang qua thành, thấy trống lệnh dóng lên liên hồi, liền kêu quân giữ thành hỏi:

- Nhà vua cầu việc gì mà đánh trống lệnh liên hồi vậy?
- Thưa Sa môn, vua muốn cầu bậc hiền tài để tranh luận với Phạm Chí xảo ngôn kia.
Nghe vậy, vị Sa môn vào thành yết kiến nhà vua. Nhà vua lấy làm mừng rỡ, cho lập đàn tranh luận và báo cho Phạm Chí cùng dân chúng biết.
Ngày khai đàn tranh luận được quy định, vị Sa môn đến thật sớm, lên ngồi nơi tòa cao nhất. Phạm Chí đến sau nên ngồi dưới thấp. Vị Sa môn nói:
- Nầy Phạm Chí, ai ngồi trên thì được nói trước, ông bằng lòng chăng?
Phạm Chí tự nghĩ: "Ta là bậc biện tài xưa nay chưa hề có ai địch lại, vậy sợ gì. Hãy cho Sa môn nầy nói trước".
- Nầy Sa môn, ông cứ nói trước rồi đến phiên ta.
- Lành thay, nầy Phạm Chí, ông là kẻ trí tuệ, minh đạt, là bậc chơn nhơn đạo cốt, chứ chẳng phải kẻ đầy tớ, tôi đòi, binh lính, xe ngựa hay kẻ vác xác chết ngoài bãi tha ma.
Khi ấy Phạm Chí suy nghĩ mông lung chẳng biết trả lời sao cho được. Nhà vua thấy Phạm Chí cúi đầu làm thinh, không đối đáp, rất lấy làm mừng rỡ, dọn tiệc thiết đãi, rồi ra lệnh cho Phạm Chí hốt phân đội trên đầu mà đi và đuổi ra khỏi nước.
Giới Đức
"Không biết mà nói là ngu,
Biết mà không nói là hiểm".

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập III - 12

Sự tích ông bình vôi

Ngày xưa, có một người con gái con một nhà giàu có. Cô rất đẹp nhưng cũng rất kiêu. Cô đã từng làm cho các bạn gái xa lánh mình. Cô làm cho các bạn trai ghét cô vô hạn. Cũng vì thế đến khi tuổi lấy chồng, cô gái vẫn chưa có đám nào vừa ý. Chàng trai nào cũng bị cô sổ toẹt, vì "cao chê ngõng, thấp chê lùn, béo chê béo trục béo tròn, gầy chê xương sống xương sườn bày ra". Nhưng rồi cô cũng lấy được chồng. Chồng cô yêu vợ nhưng lại bực mình vì thói ghen của vợ. Cô ghen chồng làm cho xóm giềng luôn luôn cau mặt vì những lời qua tiếng lại của họ. Cuối cùng hai người không vừa ý nhau và ly dị. Buồn bực vì duyên phận, cô bỏ đi tu.

Cô xuất gia ở một ngôi chùa cổ trên núi suốt hai mươi năm. Những con chim, con thú rừng hầu như quen thuộc bóng dáng của người sư nữ.
Hai mươi năm qua cô vẫn chưa đắc đạo. Cô thắc mắc, vì tự cho mình thông kinh kệ hơn người và chịu đủ mọi khổ hạnh của nhà thiền. Một ngày kia cô quyết định sang Tây Trúc một phen để tìm cho ra lẽ. Đường sang Tây Trúc thiên nguy vạn hiểm nhưng cô quyết định đi cho bằng được.
Một hôm, sau khi vượt qua một trái núi, sư nữ tìm vào một ngôi nhà hẻo lánh dọc đường để nghỉ chân. Hai mẹ con tuy người rừng núi quê mùa nhưng vốn là kẻ ăn chay niệm Phật, nên thấy khách là nhà tu hành thì tiếp đãi rất hậu. Khi họ được nghe kể công trình tu luyện của sư nữ thì họ càng cung kính, coi như bậc thầy. Và khi họ biết ý định của sư nữ thì họ cũng xin phép bỏ nhà bỏ cửa đi theo thầy để mong được đắc đạo. Nghe họ cầu khẩn, sư nữ cười: "Hai mẹ con nhà nầy cũng muốn thành Phật ư? Được cứ theo ta!" Nhưng bụng nàng bảo dạ: "Chuông khánh còn chẳng ăn ai, nữa là mảnh chĩnh vứt ngoài bờ tre".
Từ hôm đó nhà sư nữ có thêm hai người bạn đồng hành chân bớt mỏi, đường bớt dài, họ đi chả mấy chốc mà đã tới đất thánh. Từ trước đến sau, hai mẹ con nhà nọ vẫn cung kính, coi sư nữ như thầy. Còn sư nữ đối với họ không được như trước: "Không biết chừng họ thành Phật trước ta. Họ sẽ hơn ta… Bọn nầy mà đắc đạo, thật là một điều nhục cho thiền môn".
Nói chuyện Đế Thích khi vừa hay tin có người tìm đường đến Tây Trúc cầu đạo, vội hóa thân đi theo dõi. Từ đầu đến cuối, Đế Thích vẫn không bỏ sót một lời nói, một cử chỉ nào của sư nữ. Khi họ sắp qua một con sông rộng, Đế Thích hóa phép hiện ra ở bên kia bờ một tòa cổ tự, trước cửa có một cây bồ đề lớn để chờ họ.
Muốn cho hai mẹ con khỏi lẽo đẽo theo mình đến đất Thánh, nên khi qua sông, sư nữ giả cách ngạc nhiên, chỉ ngôi chùa và cây bồ đề mà bảo rằng:
- Kìa, chúng ta đã tới Tây Trúc. Chóng thật! Chính là cây bồ đề của đức Thế Tôn tu luyện ngày xưa. Thôi! Hai mẹ con cứ việc trèo lên một cành cao niệm kinh rồi buông tay rơi xuống tức khắc thành Phật!
Tin tưởng ở lời nói của bậc thầy, hai mẹ con mừng rỡ làm theo không chút ngần ngại. Nhưng khi họ buông tay cho người rơi xuống thì Đế Thích đã đón họ đưa lên trời. Có bốn vị A La Hán mang tòa sen đến rước đi. Tay hai mẹ con vẫy vẫy như có ý gọi người bạn đồng hành.
- Đúng là họ đã thành Phật rồi!
Sư nữ vừa kinh ngạc vừa mừng, vội trèo lên cây để làm như họ. Nhưng Đế Thích đã có ý trừng phạt người đàn bà kiêu ngạo và độc ác ấy một cách đích đáng, nên đã để cho cái xác rơi thịch xuống đất, tan xương vỡ sọ. Và sau đó Đế Thích lại bắt người khốn nạn ấy hóa thành bình vôi. Tại sao lại cho hóa thành bình vôi. Có người bảo chính là Đế Thích muốn bắt những kẻ trong

lòng bất nhân, nhưng lại đeo bộ dạng từ bi phải để cho người đời luôn luôn móc ruột.
Nguyễn Đổng Chi
Truyện cổ Việt Nam tập II
"Một kiếp không tu muôn kiếp khổ,
Một đời vô đạo vạn đời sầu".

Oan nghiệt

Thuở xưa, vào thời chánh pháp của đức Phật Thích Ca, tại một nơi nọ có một vị trưởng giả giàu có. Vị nầy có hai người vợ, người vợ lớn không con, người vợ nhỏ sinh được một đứa con trai khôi ngô tuấn tú, cả gia đình nhờ thế mà sinh vui vẻ.
Khi ấy người vợ lớn sinh lòng đố kỵ, luôn tìm cách để hại đứa bé con người vợ nhỏ, nhưng bên ngoài bà tỏ ra hết lòng thương yêu, chìu chuộng, không một chút ganh tị nào.
Một hôm người vợ nhỏ đi vắng, người vợ lớn lén lấy cái kim ghim vào đỉnh đầu đứa bé. Đứa bé từ ấy phát bịnh la khóc suốt ngày, bỏ ăn bỏ uống, thân hình tiều tụy, qua bảy hôm thì chết. Trong nhà ai cũng sầu khổ. Người vợ lớn cũng tỏ ra đau đớn, tiếc thương, Còn người vợ nhỏ thì vật mình xuống đất, khóc than thảm thiết suốt cả ngày đêm. Nhưng cả nhà chẳng ai biết được vì sao đứa bé ấy chết. Về sau bà vợ nhỏ biết được do lòng ganh tỵ của người vợ lớn và chính bà ấy giết. Bà vợ nhỏ lập tâm báo thù. Bà đến chùa hỏi các thầy Tỳ kheo.
- Bạch Đại đức muốn toại nguyện lòng mong cầu, phải làm công đức gì?
Các Tỳ kheo đáp:
- Muốn toại nguyện lòng mong cầu thì phải thọ trì bát quan trai giới, điều cầu xin sẽ được như ý.
Nghe xong, bà xin thọ bát quan trai giới. Sau đó bảy ngày bà chết đầu thai làm con gái lớn bà vợ lớn, thân tướng đẹp đẽ. Bà vợ lớn thương yêu, quý trọng hơn vàng, nhưng oan nghiệt thay, đứa bé gái ấy chỉ sống được một năm rồi chết, khiến cho người mẹ khổ sở đau đớn khôn cùng, khóc lóc thảm thương bỏ ăn, quên ngủ. Oan oan tương báo như thế đến bảy lần, bà vợ lớn đoán biết đây là sự báo oán của người vợ nhỏ.
Cho đến lần cuối cùng, bà vợ lớn sinh được một bé gái lại càng đẹp đẽ, thân thể đoan trang hơn mấy lần trước, nhưng lần nầy đứa bé sống được 14 tuổi, sắp có gia đình. Một hôm đang đêm nàng bước ra khỏi cửa, liền ngã ra chết. Bà mẹ khóc lóc kêu gào la hét suốt ngày, lòng thương con cùng cực, khiến bà phát cuồng, không còn biết chi nữa. Bà để xác con giữa nhà, chẳng chịu tẩn liệm càng nhìn xác con càng thấy đẹp lạ thường. Để như thế hơn 20

ngày.
Một buổi sáng nọ, các thầy Tỳ kheo thiền định, dùng từ tâm quán khắp tâm chúng sinh, thấy người đàn bà ấy bị một chuỗi oan nghiệt nối dài và nay chính là lúc nhờ sự đau khổ cùng tột có thể làm tâm bà bừng sáng. Sau khi dùng từ tâm quán sát, thầy Tỳ kheo liền khoác y ôm bát, đến nhà bà vợ lớn khất thực. Đến nơi trước nhà vắng vẻ, bên trong nghe tiếng khóc than quằn quại. Thầy rung tích trượng, hồi lâu có kẻ đầy tớ mang cơm ra cúng:
- Bạch Ngài, bà chủ con bận việc không thể ra, xin Ngài từ bi nạp thọ.
Thầy Sa môn im lặng, không mở bát ra mà nói:
- Ta muốn gặp thí chủ.
Người đầy tớ trở vào thưa cùng bà vợ lớn rằng:
- Thầy Sa môn muốn gặp bà.
- Ta có chuyện buồn khổ, chỉ muốn chết thôi, ta không muốn gặp ai cả. Mày hãy mang cơm ra cúng dường Thầy Sa môn ấy và xin Ngài hãy đi đi.
Nhưng khi đứa đầy tớ mang cơm ra, Ngài cũng không nhận và nói như trước. Bà vợ lớn tự nghĩ: "Ta đang lúc khổ sở mà vị Sa môn này chẳng hiểu được tâm ta, sai người đem cúng dường mà chẳng nhận, quyết muốn gặp ta. Khổ quá! Thôi ta cứ ra coi Ngài muốn gì?"
Nghĩ xong bà bước ra. Thầy Sa môn vừa trông thấy liền hỏi:
- Nầy thí chủ, vì sao bà có vẻ sầu khổ, đầu tóc rối bù, mặt mày hốc hác tiều tụy đến thế?
- Bạch Ngài, từ ngày tôi có gia đình đến nay, sanh bảy đứa con gái đứa nào cũng đẹp đẽ dễ thương, nhưng khi đến một hoặc ba tuổi thì chết, duy chỉ có đứa con nầy đến 14 tuổi, đêm hôm vừa bước ra khỏi nhà liền té xuống đất chết ngay. Thật tôi quá khổ sở, chỉ còn có muốn chết nữa mà thôi. Nói xong bà khóc nức nở. Thầy Sa môn bảo:
- Hãy rửa mặt, chải đầu rồi ta sẽ nói cho bà nghe.
Nhưng bà ta vẫn khóc. Thầy Sa môn nói:
- Nầy bà, người vợ nhỏ của ông chủ nhà nầy vì sao chết?
Bà vợ lớn nghe nói trong lòng bối rối sợ hãi, tự nghĩ: "Vì sao vị Sa môn này lại biết được việc của nhà ta?".
- Hãy quay đầu ra đây ta sẽ nói cho bà nghe.
Bà liền quay đầu ra.
- Người vợ nhỏ của nhà nầy sanh được một đứa con trai, vì sao đứa con ấy lại chết đi?
Bà vợ lớn nghe nói trong lòng càng sợ hãi, run rẩy chẳng nói lên lời.
- Nầy bà, do bà giết đứa bé ấy, nên người mẹ của nó đau khổ rồi chết theo, vì oan oan tương báo, người mẹ của đứa bé quyết báo thù, nên bảy lần sanh làm con của bà, rồi lại chết, để bà phải đau khổ mà chết theo, như bà đã gây ra cho người vợ nhỏ. Giờ đây đứa con bà vừa mới chết, bà hãy xa ra thì sẽ

biết đứa con ấy thế nào?
Nghe vị Sa môn nói, bà quay lại thì toàn thân đứa con ấy tan rã, hôi thối vô cùng, trong lòng cảm thấy hổ thẹn, khủng khiếp. Bà cúi đầu đảnh lễ vị Sa môn cầu xin cứu độ.
- Ngày mai bà hãy đến chùa ta sẽ làm lễ quy y cho.
Ngay khi ấy, xác đứa con gái liền biến thành rắn độc, biết được bà vợ lớn sẽ đi thọ giới, nên rắn nằm ngang chận đường. Sáng ngày bà vợ lớn đi đến chùa, rắn đuổi theo. Bà sợi hãi nói:
- Ta đến chùa thọ giới quy y, tại sao mầy lại chận đường không cho tao đi?
Lúc ấy, thầy Sa môn biết được, đến nơi, người vợ lớn trông thấy vô cùng mừng rỡ. Thầy Sa môn nói với rắn:
- Oan nghiệt, đã trải qua mấy đời nhiễu hại, người vợ lớn chỉ giết có một người con của nhà ngươi, thì tại sao nhà ngươi lại làm khổ người ta đến bảy lần. Tội nhà ngươi rất lớn, hôm nay lại muốn cản đường không cho người ta đi quy y Tam Bảo nữa, tội nầy đời đời sẽ đọa vào địa ngục, hiện tại nhà ngươi chỉ là thân rắn đâu được thân người.
Rắn nghe nói, liền nhớ lại kiếp trước, đau đớn trong lòng, vặn mình uốn khúc, đập đầu xuống đất, hướng về vị Sa môn mà sám hối.
- Hai người đời trước đã tạo oan nghiệt gây khổ đau cho nhau. Vậy kể từ nay tội lỗi mỗi người sẽ được chấm dứt, đời đời đừng có ý niệm giết hại nhau nữa.
Cả hai đều ăn năn, khi ấy rắn độc nhờ sức chú nguyện của Thầy Sa môn, liền được thác sanh làm thân người, tâm ý khai mở. Rồi cũng được quy y Tam Bảo, tinh tấn tu hành.
Giới Đức
"Luân hồi nhân quả không sai
Không tu ắt phải đọa đày khổ thân".

Hoa vương

Ngày xửa, ngày xưa có một Minh Quân cai trị một quốc gia thanh bình trù phú. Mọi việc đều xuôi chèo mát mái, ngoại trừ một điều là dù tuổi đã khá cao, nhà Vua hiền đức của chúng ta vẫn chưa có được Hoàng nam nối dõi. Một bữa tốt trời đức Vua cho yết bảng, truyền lệnh cho vời các đồng tử lên 7 đến 12 vào sân rồng cho Ngài tuyển chọn người kế nghiệp.
Các thần dân của đức Vua trong số tuổi ấn định lũ lượt kéo nhau về kinh đăng ký. Bất kể gia tộc sang hèn, nghèo giàu mỗi cậu bé đều được nhận một hạt giống tí teọ. Các thí sinh phải đem hạt giống về tự tay gieo trồng và chăm bón. Đến bao giờ hạt giống nẩy mầm, nứt lộc, đâm chồi, ra nụ kết hoa thì sẽ mang đến Hoàng cung dự thí.

Ngày khảo thí được ấn định vào đêm rằm tháng tám, chậu hoa nào được đức Vua chấm giải nhất thì người gieo trồng nó sẽ được vào cung làm Hoàng tử. Người sẽ kế vị đức Vua sau nầy.
Cái ngày chờ đợi đó đã đến, vườn ngự uyển chất đầy các lẳng hoa do thí sinh đem nộp, không chê vào đâu được, vì loài hoa nào cũng rực rỡ ngát hương. Nhưng đức Vua và Hoàng hậu xem chừng vẫn chưa chọn một thứ nào vừa mắt.
Cuối cùng một đứa bé khoảng 8 tuổi, áo quần rách rưới nhưng mặt mũi dễ thương, xin được vào chầu đức vua của chú. Mọi người cười ồ khi thấy chú khư khư ôm một cái chậu bằng đất nung chứa đầy phân và rác bẩn. Vị thần dân tí hon này quỳ trước bệ rồng, nước mắt chảy quanh, sụt sịt nói:
- Muôn tâu, con đã làm hết sức mình, con đã chọn chiếc chậu lành lặn nhất, để vào đó thứ đất mịn nhất… rồi mới đặt hạt giống của đức Vua ban cho con vào đó… Con đã phơi sương ủ nắng và tưới nước cho nói… Vậy mà nó không chịu nứt cái mầm nào cả.
Đức Vua nghe xong không dấu được sự xúc động, ôm chầm lấy cậu bé reo:
- Ôi! Con chính là vị Hoàng tử mà ta chờ đợi.
Mọi người kinh ngạc lẫn bất bình. Đức Vua vuốt râu mỉm cười giải thích:
- Tất cả các hạt giống trao cho thí sinh đều đã được hấp chín… Nó chỉ có thể nở hoa trung thực mà thôi…
Đưa tay chỉ chiếc chậu đầy đất bẩn của chú bé dân dã, đức Vua tiếp:
- Đóa hoa trung thực ấy chỉ đâm chồi nẩy lộc trong mỗi một chiếc chậu này. Con người đã gieo trồng được loại hoa ấy, nhất định sẽ là vị minh quân mà đất nước ta chờ đợi.
Đức Vua đã không lầm trong sự lựa chọn ấy.
"Vô bệnh là điều rất lợi, biết đủ là kẻ rất giàu,
Thành tín ở nơi chí thân, Niết bàn là vui tối thượng".

Tham y hóa rận

Thuở Phật còn tại thế, ở vườn Cấp Cô Độc, có một vị tân Tỳ kheo được cúng một bộ y lụa tuyệt đẹp. Thầy mân mê bộ y không rời, tối dùng làm gối ngủ.
Đêm ấy rủi thay thầy bị trúng gió nặng, cấm khẩu, các vị đồng phạm hạnh tìm đủ cách cứu chữa, nào cạo gió, nào thoa bóp dầu nóng, nào hô hấp nhân tạo… song đều vô hiệu.
Thầy trút hơi thở cuối cùng.
Vì tâm thức cuối cùng của thầy là ham thích bộ y mới, nên khi thoát xác, thần thức thầy thác sanh vào loài rận, làm một con rận đeo cứng vào bộ y lụa. Con rận khôn ngoan chui tuốt vào cái giải "Bần bà" (Tương truyền, khi

nhiều người cúng vải để may y cho Phật, cái y sắp xong thì có một bà nghèo tới cúng một mảnh vải. Đức Thế Tôn thương xót nhận của hiến cúng muộn màng để gieo phước cho bà, và bảo thị giả A Nan may vào hai góc y. Do đó sợ dây buộc y ngày nay có tên là "bần bà" để nhớ đến bà già nghèo khó đã cúng dường mảnh vải cho Phật.) để mọi người khỏi thấy.
Sau khi vị Tỳ kheo qua đời, y lệ nhà chùa chúng Tăng chia đều nhau cái tài sản nhỏ bé của thầy, trong đó có bộ y. Với Phật nhãn đức Thế Tôn rõ biết vị Tỳ kheo đã hóa làm con rận đang ôm giữ chiếc y nên Ngài bảo đại chúng:
- Các ông có "quân Tăng" (chia đều cho Tăng chúng) tài sản của tân Tỳ kheo ấy, thì hãy chừa bộ y lại, để tuần sau hãy cắt chia.
Các Tỳ kheo không hiểu vì sao Thế Tôn bảo chừa bộ y, nhưng không dám trái mệnh bèn đem bộ y ấy xếp để một nơi. Vừa khi bộ y bị dời chỗ, con rận đã cuống cuồng lên, la lối om sòm:
- Trời đất quỷ thần ơi! người ta cướp giựt của tôi bộ y nè! Ai cứu cho với! Bộ y nầy là của tôi, không phải của các người! Các người toan mang nó đi đâu, bớ làng nước ơi! Quân cướp giựt!
Con rận la khan cả cổ họng mà nào ai có hay! Có chăng chỉ đức Từ phụ thần thông quảng đại thấy nghe được nỗi khổ đau của nó.
Trong tuyệt vọng con rận chạy quanh cái dãi bần bà để cầu cứu lính tuần đến bắt cướp cái y của nó. Chạy rã giò chẳng có ma nào đến cứu, người ta vẫn ngang nhiên nhấc bổng bộ y mang theo khổ chủ không biết đi đâu. Đức Phật thương xót gọi thị giả A Nan đang ôm bộ y để cất vào tủ:
- Con hãy đem bộ y vào trong tịnh thất của ta.
Tôn giả A Nan vâng lệnh. Đức Thế Tôn đến bên bộ y, thuyết pháp cho rận nhớ tiền kiếp của mình:
- Nầy rận, con vốn là một Tỳ kheo vừa thọ giới. Cái y nầy là của thí chủ cúng cho con. Con đã quên quán sát rằng: "Không có gì là ta, không có cái gì là của ta. Cái nầy không phải là ta, cái nầy không phải là của ta, cái nầy không phải tự ngã của ta". Vì một chút bất giác, cận tử nghiệp (nghiệp xảy ra lúc lâm chung) đã khiến con phải sa đọa vào loài súc sanh. Con hãy tịnh tâm nhớ lại tiền kiếp. Ta là đức Như Lai, đang ở trước mặt con.
Do mãnh lực từ tâm nơi Phật, con rận thoạt nhớ lại kiếp vừa qua của mình, lòng trở nên nhẹ nhàng thanh thản. Rận nằm im bảy ngày không ăn rồi trút hơi cuối cùng. Thần thức rận thác sinh lên cõi trời tứ thiền thác sinh của những vị Tỳ kheo siêng tu thiền định.
Khi rận thoát xác, đức Phật mới bảo Tôn giả A Nan đem bộ y cắt ra chia cho mỗi người một mảnh để làm khăn lau mặt. Các vị Tỳ kheo hỏi lý do vì sao Ngài đợi đến bảy ngày mới phân chia bộ y, đức Thế Tôn kể lại câu chuyện và dạy:
- Nếu các ông chia ngay lúc đó, con rận sẽ nổi sân và bị đọa vào loài quỷ.

Nay nhờ nghe pháp, nhờ thần lực của Như Lai, lại nhờ bản thân đã từng tu hành thanh tịnh, mà vị Tỳ kheo hóa rận ấy đã được sanh lên cõi trời.
Các vị Tỳ kheo nghe xong, ai nấy toát mồ hôi hột, ngán ngẫm cho cái "cận tử nghiệp" ác ôn kia. Sợ thay, mà lại mừng thầm cho ai!
Thích Nữ Trí Hải
"Ham muốn nhiều là khổ. Sống chết khổ đau là do lòng tham dục, trừ bớt dục vọng thời thân tâm tự tại".

Sự tích con nhái

Ngày xưa có một vị Hòa thượng trẻ tuổi nổi tiếng chân tu. Mọi "thị dục" của bản thân, Hòa thượng đều kiên quyết cắt đứt, chỉ một lòng chuyên chú vào lẽ hư vô của đạo Thiền. Nhà vua nghe tiếng, vô cùng kính trọng, vời về cung, ban tước Quốc sư và sai tu bổ một ngôi chùa ở Nam kinh thành để cho sư trụ trì. Nhưng Hòa thượng từ tạ vua, chỉ xin phép đi xem chùa chiền, cảnh đẹp trong thiên hạ.
Một hôm, Hòa thượng một mình tìm đến một ngôi chùa xa ở vùng Bắc. Ở đó có một vị sư bạn trụ trì mà Hòa thượng lâu ngày chưa gặp.
Từ lâu Phật Bà Quán Âm đã nghe tiếng đồn về Hòa thượng, Phật Bà định bụng thử xem con người đó như thế nào. Nếu quả đúng là chân tu thì sẽ đưa về Tây Trúc, cho hóa thành Phật.
Lúc Hòa thượng sắp qua một con sông rộng, Phật Bà hóa ngay làm một cô gái rất đẹp chống đò cập bến chờ khách quá giang. Hôm ấy cũng theo phép mầu nhiệm của Phật Quán Âm, khúc sông đó trở nên vắng vẻ, người và thuyền bè qua lại rất ít. Khi Hòa thượng chui vào trong khoang đò thì cô gái nhổ sào chèo ra giữa sông. Đoạn nàng chèo thuyền đến một bãi cát vắng đậu lại. Hòa thượng lấy làm lạ hỏi cô lái vì sao không đi thẳng qua bờ bên kia. Cô lái chỉ đợi có câu hỏi ấy là buông chèo, cười một nụ cười rất tình tứ rồi cùng chui vào khoang, trả lời một cách trắng trợn là thấy sư đẹp trai quá nên cắm lại đấy cầu xin một chút tình yêu. Hòa thượng vốn nghe nói con gái ở vùng nầy có nhiều người đáo để, nên nghiêm nét mặt lại:
- A Di Đà Phật! Mong người trần giới buông tha cho kẻ tu hành này.
Nhưng cô lái đò đâu có buông tha, cô cố sán lại gần gợi tình. Hòa thượng không nói gì, lẳng lặng mở gói lấy quyển kinh Kim Cương Tam Muội ra tụng. Tiếng đọc của sư mỗi lúc mỗi lớn, át cả tiếng của cô lái đò. Nhưng cô lái đò vẫn cười cười nói nói. Rồi cô che tay lên quyển kinh. Hòa thượng ngoái cổ nhìn ra ngoài đò rồi nghiêm khắc cảnh cáo:
- A Di Đà Phật! Trong người bần Tăng có một tờ lệnh chỉ của Hoàng đế. Trong đó Hoàng đế đã ra lệnh là hễ người nào phạm vào người bần Tăng sẽ bị án trảm quyết. Vậy bần Tăng mong người đừng phạm vào phép của thiên

tử.
Lời dọa của nhà sư không làm cho cô lái nhục ý chí một tí nào. Cô nói:
- Em đang muốn chết đây! Em chỉ mong chàng đoái thương một tí rồi chết cũng thỏa.
Nhưng hồi lâu, thấy lòng nhà sư không chuyển, cô lái đò lại thi hành một mưu khác, cố quyến rũ cho bằng được. Cô bắt đầu cởi áo ra. Khi chiếc yếm có đuôi nhạn bỏ xuống thì Hòa thượng nhắm mắt lại. Hòa thượng quay về cái gói lấy chiếc áo của mình khoác vào người nàng. Trong khoang đò chật chội, tay Hòa thượng vẫn lần tràng hạt, miệng vẫn lẩm nhẩm đọc kinh. Trong khi đó những tiếng cô gái như mật rót vào tai:
- Chàng thương em một tí… Chàng nhìn ra ngoài xem, không có một ai cả. Nhưng vô hiệu.
Phật Bà rất cảm động. Những người con Phật như thế nầy rất xứng đáng chiếm một chỗ ngồi trên Niết bàn. Nhưng đã thử thì phải thử cho trót. Lần tấn công thứ chín, cô gái vẫn bị cự tuyệt. Hơi thở của cô gái trẻ và đẹp phảng phất ở trên má, nhưng nét mặt của Hòa thượng vẫn không thay đổi.
Nhưng đến lần thứ mười, cô gái không ngờ thành lũy tưởng là kiên cố lại bị hạ một cách bất ngờ như thế. Bàn tay Hòa thượng tự nhiên bỏ lên mình nàng. Thôi thế là chỉ trong một phút, vứt bỏ hơn hai ba mươi năm tu luyện. Thế là chuyến đó Phật Bà không được hài lòng. Giận vì Hòa thượng đã thiếu kiên trì trước sức cám dỗ của "thị dục", mà đã như thế thì thanh danh cũ không còn đáng đếm xỉa nữa, nên Phật Bà lại nắm cổ Hòa thượng vứt ngay xuống sông như người ta vứt một cái xác. Như thế mà Phật Bà còn cho là chưa đáng tội, mà còn bắt hóa làm loài nhái là một động vật hạ đẳng. Cũng vì thế mà người ta nói rằng ngày nay dòng dõi của loài nhái vẫn còn giữ cái thói quen của tổ tiên, ví dụ khi chúng sắp bị chặt đầu, chúng vẫn chắp hai chân trước lại với nhau như người đang vái.
Nguyễn Đổng Chi
Truyện cổ Việt Nam tập II
"Giới là phao nổi để vượt qua bể khổ, nên người qua biển quý trọng phao nổi như thế nào, thì người tu hành cũng giữ gìn quý trọng giới luật như thế ấy".

Tôn giả A Nan

"Phật pháp như đại hải thủy,
Lưu nhập A Nan tâm"
Tiền thân A Nan:
Trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, bấy giờ chúng Tỳ kheo vây quanh với nhau mà bàn luận rằng: "Không rõ hiền giả A Nan vào thời quá

khứ đã tu tập công đức gì, mà đời nầy, hiền giả hiểu sâu biết rộng, nhớ dai và đẹp đẽ quá vậy?". Các Tỳ kheo nghĩ rồi bèn đi đến bạch Phật:
- Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con chẳng hiểu đời trước của hiền giả A Nan đã tu tập công đức gì mà hiền giả được làm thị giả Thế Tôn, và thông minh đĩnh ngộ quá vậy? Xin Thế Tôn ân cần chỉ giáo cho chúng con sáng tỏ.
- Nầy các Tỳ kheo, hãy lắng nghe kỹ.
Vào thời quá khứ, có một vị Tỳ kheo, nuôi một chú Sa Di, ngày ngày bắt chú phải tụng kinh đủ thời. Vì vậy mà khi nào chú Sa Di tụng kinh đủ thời đã quy định thì vị Tỳ kheo vui vẻ, khen thưởng cho chú Sa Di, còn khi nào bận công việc mà chú Sa Di tụng trễ hoặc thiếu thời khóa thì vị Tỳ kheo ấy buồn hiu, và quở trách chú Sa Di nữa.
Vì trách nhiệm như vậy nên lúc nào chú Sa Di cũng lo lắng và sợ sệt, vì ngoài công việc tụng kinh ra, chú còn phải đi khất thực suốt buổi sáng nữa. Có khi đàn việt vui lòng cúng dường nhiều thì được về sớm, rồi lo tụng kinh. Còn khi nào ít người cúng dường thì chú phải đi khất thực cho đủ hai phần ăn, như vậy là đã trưa rồi, làm sao tụng kinh được nữa. Vì vậy ăn thì mất tụng, được tụng thì mất ăn.
Thực tế đã xảy ra là hôm nay chẳng may ít ai cúng dường quá, nên chú về trễ, đành bỏ thời tụng buổi sáng, vì vậy mà bị thầy quở trách, buồn quá sang ngày hôm sau, vừa đi khất thực vừa khóc. Khi ấy, gặp ông Trưởng giả, ông ta hỏi:
- Có việc gì mà chú lại khóc lóc vậy?
- Thưa trưởng giả, thầy tôi thật nghiêm khắc, bắt tôi phải tụng kinh đủ thời giờ thầy tôi đã quy định, nhưng khổ nỗi, tôi còn phải đi khất thực nữa, ngày nào đàn việt thương nhiều thì tôi được về sớm và tụng kinh đầy đủ, còn chẳng may ít người bố thí thì tôi phải trở về trễ, như vậy là bỏ mất thời tụng kinh và chắc chắn bị thầy quở trách, vì vậy mà tôi buồn tôi khóc.
- Tưởng gì chứ thầy muốn chú sốt sắng tu hành như vậy thì tốt quá. Được rồi, kể từ nay về sau, đến giờ chú cứ đến nhà tôi lấy thức ăn về cho hai thầy trò đủ dùng, còn hầu hết các thì giờ chú cứ việc lo tụng kinh niệm Phật cho đúng thời khóa đã quy định, đừng buồn việc khất thực xin ăn gì nữa.
Như vậy kể từ hôm đó, tới bữa chú Sa Di mang bình bát tới nhà ông trưởng giả để mang đồ ăn về cho hai thầy trò dùng, còn bao nhiêu thì giờ chú đều chuyên tâm trong việc tụng kinh niệm Phật tu hành đầy đủ, nhờ đó mà cả hai thầy trò đều vui vẻ.
Đến đây, Đức Thế Tôn nhắc lại:
- Nầy các Tỳ kheo, các thầy biết không, vị Tỳ kheo của chú Sa Di đó chính là Đức Phật Định Quang, ông trưởng giả cúng dường thức ăn, hàng ngày chính là Ta, còn chú Sa Di tụng niệm đó chính là A Nan bây giờ.
A Nan nhờ phước báu tụng kinh đời trước mà đời nầy trí tuệ đa văn, nhớ rõ

từng câu kinh chẳng sai một chữ và khi Phật nhập diệt thì cùng chư tăng trùng tuyên giáo pháp.

Thân thế:

A Nan chào đời trong đêm Phật thành đạo, nên còn có tên là Khánh Hỷ, thuộc dòng dõi quý tộc, nơi vương cung của vua Bạch Phạn, là em ruột của Đề Bà Đạt Đa mà cũng là anh em chú bác của Thế Tôn.

Trong hạng đồng thời đó, Ngài A Nan là người nhỏ tuổi nhất, nếu so với La Hầu La thì còn nhỏ thua nửa số tuổi.

Là một Thế tử được vua cha chìu chuộng, bảo bọc, đời sống vương giả chẳng thiếu một món gì, nhưng đối với tánh tình thuần hậu, hoan hỷ đó, A Nan không quyến luyến những vật dục, sang giàu của hoàng cung, cùng chơi đùa với chúng bạn chẳng phân giai cấp. Mặc dù tuổi còn nhỏ, nhưng với tư cách một con vua, bẩm tính sẵn có lúc nào A Nan cũng vui vẻ, hiền hòa, dễ thương đáo để.

Vì đời sống của một phước báo tiền kiếp xa xưa, nên đã trưởng thành A Nan một con người khôi ngô, tuấn tú. Về sau nầy, có thể nói trong hàng đệ tử Phật, A Nan là người đẹp đẽ, đoan trang nhất, với thân hình cân đối, nét mặt hào hoa, tươi nhuận, lúc nào cũng tỏ ra dễ thương với mọi người. Vì sự đẹp trai và tánh tình dễ thương ấy mà sau nầy có lắm chuyện rắc rối xảy đến với A Nan.

Gia nhập Tăng đoàn:

Ngày Thế Tôn trở về thăm Ca Tỳ La Vệ đầu tiên, trong dáng đi trầm hùng, sắc diện trang nghiêm, dung mạo rực rỡ chiếu sáng như vầng trăng lồng lộng giữa khoảng trời bao la, đã soi sáng mọi vật, cảm hóa được lòng người.

Chú bé A Nan nhìn say sưa dung nhan thâm thậm kỳ diệu, sắc diện như núi vàng đoan nghiêm của Thế Tôn, cảm thấy chấn động tâm linh, bèn vào trình vua cha xin đi xuất gia theo Phật cùng với bảy vương tử thời bấy giờ. Được vua cha chấp nhận, trong lòng hoan hỷ vô cùng, như vậy kể từ đây A Nan theo sát chân Phật, là một người tùy tùng thân cận với Đức Thế Tôn, và sau nầy, chẳng bao lâu được đại chúng cử làm thị giả hầu hạ Phật.

Thị giả:

Bấy giờ, các Tỳ kheo, Trưởng lão thượng tôn danh đức, đại đệ tử của Phật được mọi người hiểu biết: Tôn giả Câu Lan Nhã, Tôn giả A Nhiếp Bối, Tôn Giả Bạt Đề Thích Ca Vương, Tôn giả Ma Ha Nam Câu Lệ, Tôn giả Hòa Phá, Tôn giả Da Xá, Tôn giả Bân Nậu, Tôn giả Duy La Ma, Tôn giả Già Hòa Ba Đề, Tôn giả Na Đề, Tôn giả Kim Tỳ La, Tôn giả Ly Bà Đa, Tôn giả Đại Mục Kiền Liên, Tôn giả Đại Ca Diếp, Tôn giả Đại Câu Hy La, Tôn giả Đại Châu Na, Tôn giả Đại Ca Chiên Diên, Tôn giả Bân Nậu Gia Nậu Tả Trưởng lão, Tôn giả Da Xá hành trù trưởng lão, rất nhiều các Tỳ kheo Trưởng lão, danh đức đại đệ tử cùng đi du hóa tại thành Vương Xá, tất cả

đều ở xung quanh ngôi nhà lá của Phật.
Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo các Tỳ kheo rằng:
- Nầy các thầy, hiện nay ta tuổi đã già, thân thể càng ngày càng suy yếu, nên ta cần có một thị giả nhất định để chăm sóc và mang y bát cho ta, làm vừa lòng ta và ghi nhớ những lời thuyết pháp rõ ràng, không quên nghĩa lý. Vậy các thầy hãy chọn dùm Ta một vị.
Nghe vậy, Tôn giả Câu Lan Nhã, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo sửa y chắp tay hướng về Thế Tôn, bạch rằng:
- Bạch Thế Tôn, con tự nguyện hầu hạ Thế Tôn, làm vừa lòng Thế Tôn và ghi nhớ rõ ràng những lời Thế Tôn dạy.
- Nầy Câu Lan Nhã, thầy tuổi đã già rồi thân thể chẳng hơn gì Ta, như vậy, chính thầy cũng cần có một thị giả, để chăm sóc hầu hạ thầy trong cơn bịnh hoạn, thôi được thầy hãy về chỗ cũ ngồi đi.
Bấy giờ, các Trưởng lão tôn túc lần lượt bạch Thế Tôn để xin tự nguyện làm thị giả hầu Thế Tôn, nhưng cuối cùng tất cả đều được Thế Tôn bảo hãy lui về chỗ cũ mà ngồi.
Kết quả cuộc tự nguyện làm thị giả, chẳng có vị nào được Thế Tôn ghi nhận, Tôn giả Mục Kiền Liên, suy nghĩ: "Đức Thế Tôn muốn chọn vị nào làm thị giả, ý Ngài đặt vào vị nào muốn cho ai săn sóc Ngài, tự nãy đến giờ chẳng có vị Tỳ kheo nào được diễm phúc ấy cả, có lẽ ta nên nhập "Như Kỳ Tượng Định" để quan sát tâm của đại chúng xem sao. Thế là Tôn giả nhập "Như Kỳ Tượng Định" xem từng tâm niệm của đại chúng Tỳ kheo, lần lượt, lần lượt, đến Ngài A Nan Tôn giả dừng lại, đây rồi, Thế Tôn đang hướng đến A Nan, muốn chọn A Nan làm thị giả, liền xuất định, Tôn giả Mục Kiền Liên thưa với đại chúng rằng:
- Thưa chư hiền, đức Thế Tôn muốn chọn hiền giả A Nan làm hiền giả, ý Ngài đã đặt vào A Nan để thỉnh làm thị giả. Nói xong các vị thượng tôn trưởng lão, cùng Tôn giả Mục Kiên Liên đồng đi đến chỗ A Nan, tất cả đều chào hỏi rồi ngồi xuống. Lúc ấy, Tôn giả Mục Kiền Liên đại diện trình bày:
- Nầy hiền giả A Nan, thầy thật là diễm phúc, thầy có biết không đức Thế Tôn muốn chọn thầy làm thị giả đó, để săn sóc Thế Tôn, khi mang y, khi dâng bát và ghi nhớ những lời Thế Tôn giảng giải rõ ràng nghĩa lý. Cũng như ngoài thôn xóm không xa, có một tòa lâu đài to lớn, cửa sổ ở phía đông mở ra, khi mặt trời mọc lên, ánh sáng sẽ rọi thẳng vào vách phía tây. Nầy hiền giả A Nan, đức Thế Tôn cũng vậy, chú ý muốn thầy hầu Thế Tôn. Vậy thầy nên làm thị giả mà săn sóc Thế Tôn được phước hựu lớn.
- Thưa Tôn giả Mục Kiền Liên, tôi không thể lãnh trách nhiệm hầu hạ Thế Tôn nổi. Vì đối với các đức Thế Tôn, khó xứng ý, khó hầu hạ, nghĩa là khó làm thị giả lắm, xin Tôn giả thông cảm cho tôi. Cũng giống như con voi rất hùng mạnh, đã hơn 60 tuổi, kiêu bạo, sức mạnh cường thạnh, đủ ngà, đủ

vóc, khó mà làm cho xứng ý gần gũi, chăm sóc được. Thưa Tôn giả với những bậc Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác cũng vậy, khó làm vừa lòng và gần gũi của một trách nhiệm thị giả được.
- Nầy hiền giả A Nan, chưa chi sao vội từ chối quá vậy, Thầy hãy nghe tôi ví dụ thì sẽ hiểu rõ ý nghĩa, cũng như hoa Ưu Đàm Bát La đúng thời mới xuất hiện thế gian, thì đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác cũng vậy, đúng thời Như Lai mới thị hiện ra đời, vậy Thầy còn chần chờ gì nữa, hãy mau làm thị giả đức Thế Tôn đúng lúc?
Bị Tôn giả Mục Kiền Liên ép nài, A Nan túng thế phải chịu, nhưng với những điều kiện như sau, nếu Thế Tôn thỏa mãn:
- Thưa Tôn giả, nhờ Tôn giả bạch lại Thế Tôn, nếu Thế Tôn thỏa mãn cho ba điều nguyện của tôi, thì chừng ấy tôi mới chịu làm thị giả, bằng không thì thôi. Một, tôi nguyện không đắp y của Thế Tôn dù mới hay cũ. Hai, tôi nguyện không ăn thực phẩm biệt thỉnh của Thế Tôn. Ba, tôi nguyện không gặp Thế Tôn chẳng đúng lúc.
Thấy A Nan đã chịu làm thị giả rồi, Mục Kiền Liên cùng các vị trưởng lão, từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả A Nan ba vòng rồi đi về chỗ Phật, làm lễ xong, ngồi xuống một bên, Tôn giả Mục Kiền Liên liền thuật lại sự việc:
- Bạch Thế Tôn, vừa rồi con đã khuyên hiền giả A Nan làm thị giả cho Thế Tôn, nhưng hiền giả A Nan đã xin Thế Tôn thỏa thuận cho ba điều tự nguyện: Không đắp y của Thế Tôn, dù mới hay cũ, không ăn thực phẩm biệt thỉnh của Thế Tôn và không gặp Thế Tôn chẳng đúng thời. Nếu Thế Tôn cho phép A Nan được ba điều ấy thì A Nan mới làm thị giả hầu Thế Tôn.
- Nầy Đại Mục Kiền Liên, Tỳ kheo A Nan thông minh, trí tuệ, dự đoán biết trước có những lời tỵ hiềm, hoặc các vị đồng phạm hạnh sẽ cho rằng: "A Nan vì cơm áo mà hầu hạ đức Thế Tôn". Đây là pháp vị tằng hữu của A Nan.
Tỳ kheo A Nan thông minh dự đoán biết trước những lời tỵ hiềm: "A Nan vì thực phẩm nên hầu hạ Thế Tôn".
Tỳ kheo A Nan khéo biết thời, khéo phân biệt được thời, khéo biết lúc nào tự mình cần gặp đức Như Lai.
Lúc nào nên cho và không nên cho Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, chúng Ưu Bà Tắc, chúng Ưu Bà Di, hay Sa môn Phạm Chí, dị học đến gặp Như Lai, thuận lợi hay không thuận lợi. Biết thức ăn loại cứng hay loại mềm mà đức Như Lai thường dùng được an ổn, và loại thức ăn nào đức Thế Tôn dùng rồi không được an ổn, nhẹ nhàng.
Tỳ kheo A Nan mặc dù chưa có tha tâm trí, nhưng có thể biết trước được đức Như Lai sẽ thuyết pháp cho ai, khi Như Lai từ chỗ tỉnh tọa dậy, vào buổi xế, hôm nay đức Như Lai sẽ làm như vậy, sẽ hiện pháp lạc thọ như vậy,

nhận xét đúng lời Thế Tôn nói, chắc chắn không thể sai khác. Khi A Nan nói như vầy: "Thưa chư hiền, tôi đã hầu hạ đức Thế Tôn suốt 25 năm, trong thời gian đó tôi chưa hề khởi tâm cao ngạo bao giờ".
Khi A Nan nói như vầy: "Thưa chư hiền, tôi đã hầu hạ đức Thế Tôn suốt 25 năm cho đến ngày hôm nay tôi chưa hề gặp đức Thế Tôn chưa phải lúc".
Khi A Nan nói như vầy: "Thưa chư hiền, tôi đã hầu hạ đức Thế Tôn suốt 25 năm, chưa hề bị Phật quở trách, trừ một lỗi, nhưng lỗi đó cũng vì người khác".
Khi A Nan nói như vầy: "Thưa chư hiền, tôi theo đức Thế Tôn thọ trì tám vạn pháp tu, thọ trì không quên, không bao giờ khởi tâm cống cao, tự đắc".
Khi A Nan nói như vầy: "Thưa chư hiền, tôi theo đức Thế Tôn thọ trì tám vạn pháp tu, chưa hề hỏi lại một lần thứ hai, trừ có một câu, câu ấy như vậy cũng không phải dễ".
Khi A Nan nói như vầy: "Thưa chư hiền, tôi theo đức Thế Tôn thọ trì tám vạn pháp tu, trước hết không có tâm này: tôi thọ trì pháp ấy là để giáo hóa cho người khác. Nầy chư hiền, tôi chỉ muốn tự điều ngự, tự tịch tịnh, tự bát Niết Bàn thôi".
Khi A Nan nói như vầy: "Thưa chư hiền, có điều rất kỳ lạ này, đó là bốn bộ chúng đi đến chỗ tôi để nghe pháp, nếu tôi vì thế mà khởi tâm cống cao, điều ấy chắc chắn không thể có được. Tôi cũng không hề tác ý trước, để khi có người đến hỏi, thì tôi trả lời như vầy -- nầy chư hiền, bây giờ tôi ngồi đây, rồi tùy theo phía của người kia hỏi mà ứng đối".
Khi A Nan nói như vầy: "Thưa chư hiền, có điều rất kỳ lạ nầy -- đó là có số Sa môn, Phạm Chí, dị học đến hỏi việc nơi tôi, nếu vì thế mà tôi sợ sệt, hãi hùng, lông tóc dựng đứng, không thể có sự kiện đó. Tôi cũng không hề tác ý trước để khi có người đến hỏi thì tôi sẽ trả lời như vầy: thưa chư hiền, bây giờ tôi ngồi đây, rồi theo nghĩa ấy mà ứng đối".
Lại nữa, có một hôm Tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Mục Kiền Liên, Tôn giả A Nan, trụ tại nước Xá Vệ, trong núi Bà La Là. Bấy giờ Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi rằng: "Nầy hiền giả A Nan, thầy hầu hạ Thế Tôn suốt 25 năm, thầy nhớ có lần nào khởi dục tâm không?".
- Thưa Tôn giả Xá Lợi Phất, tôi còn là hàng hữu học, chưa ly dục.
- Nầy A Nan, tôi không hỏi thầy là bậc hữu học hay vô học, tôi chỉ hỏi thầy suốt 25 năm qua, thầy hầu hạ bên đức Thế Tôn có khi nào Thầy khởi dục tâm không?
Xá Lợi Phất hỏi ba lần như vậy, thì A Nan cũng trả lời ba lần như vậy. Khi ấy Tôn giả Mục Kiền Liên ngồi một bên nắm chéo áo A Nan thúc mà nói:
- Hiền giả A Nan đáp nhanh đi, hiền giả đáp nhanh đi, đừng xúc nhiễu đến bậc thượng tôn trưởng lão mà tội.
- Thưa Tôn giả Xá Lợi Phất, tôi hầu hạ đức Thế Tôn suốt 25 năm, tôi nhớ lại

chưa hề khi nào phát khởi dục tâm, vì tôi thường hướng đến Thế Tôn và các vị đồng phạm hạnh với tâm niệm hổ thẹn.
Lại nữa, có một thời đức Thế Tôn du hóa tại thành Vương Xá, trụ trong Nham Sơn. Bấy giờ Thế Tôn bảo:
- Nầy A Nan, thầy nên nằm như cách nằm của sư tử chúa.
- Bạch Thế Tôn, sư tử chúa nằm như thế nào?
- Sư tử chúa ban ngày đi tìm ăn, xong rồi vào hang, khi muốn ngủ, bốn chân xếp chồng lên phải. Qua đêm ấy, đến sáng hôm sau, quay ra nhìn thân thể, nếu như sư tử thấy thân thể mình không ngay ngắn thì chẳng ưng, buồn bã, còn nếu ngay ngắn tròn trịa thì hớn hở vui mừng, nó từ chỗ nằm đứng dậy, ở trong hang đi ra, đi ra rồi vươn mình, vươn mình rồi tự ngắm thân thể, tự ngắm thân thể xoay nhìn bốn hướng, xoay nhìn bốn hướng rồi liền rống lên vài ba tiếng, rồi đi tìm ăn, cách thức nằm của sư tử chúa là như vậy.
- Bạch Thế Tôn, đó là cách nằm của sư tử chúa, còn cách nằm của Tỳ kheo thế nào?
- Nếu Tỳ kheo trụ nơi thôn ấp, qua một đêm đến sáng hôm sau, khoát y ôm bát, đi vào thôn khất thực, khéo hộ trì thân thể, nhiếp thủ các căn, trụ nơi chánh niệm. Vị ấy từ thôn ấp lần lượt khất thực xong, thâu bát xếp y, rửa sạch tay chân, vắt ni sư đàn lên vai đi đến chỗ rừng vắng hoặc đến dưới gốc cây, hoặc trong nhà trống, hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền, trừ các phép chướng ngại trong tâm. Ban ngày đã tịnh trừ chướng ngại trong tâm, rồi lại vào đầu hôm, tinh tấn tọa thiền, tư duy để thân tâm được vắng lặng, cho đến nữa đêm, xả thiền đi vào tịnh thất đất nằm, xếp làm bốn Uất Đa La Tăng trải lên giường, gấp đôi Y Tăng Già Lê làm gối, nằm xuống phía hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, ý buộc vào mình tưởng chánh niệm, chánh trí, hằng hướng đến ý tưởng sẽ ngồi dậy. Khi đêm đã qua, mau ngồi dậy, đi kinh thành, hoặc tọa thiền để tịnh trừ sự chướng ngại của tâm. Như vậy là cách nằm sư tử của Tỳ kheo. Kể từ đó A Nan nằm xuống như sư tử chúa không hề có lần nào nằm về hướng bên trái.
Lại nữa, có lúc đức Thế Tôn du hóa Câu Thi Na Kiệt, trụ trong rừng Ta La của Hòa Bạt Đam lực sĩ. Bây giờ là lúc tối hậu, đức Thế Tôn muốn thủ bát Niết bàn, Thế Tôn bảo:
- Nầy A Nan, thầy hãy đi đến giữa hai cây Ta La song thọ, trải một giường nằm, đầu quay về hướng bắc cho Như Lai, vì nửa đêm hôm nay Như Lai sẽ bát Niết bàn.
Tôn giả A Nan vâng lời, liền đến giữa hai cây Ta La, trải giường nằm, trải xong trở về đức Thế Tôn, cúi đầu lễ Phật, đứng sang một bên, bạch Thế Tôn:
- Con đã trải giường nằm, quay đầu về hướng bắc cho Như Lai, ở giữa hai cây Ta La song thọ rồi, kính mong Như Lai tự quyết.
Bấy giờ Thế Tôn dẫn A Nan đến giữa hai cây Ta La song thọ, xếp làm bốn

Uất Đa La Tăng trải lên giường, gấp đôi Y Tăng Già Lê làm gối, nằm về phía hông bên phải, hai chân chồng lên nhau.
Lúc tối hậu, Thế Tôn sắp bát Niết bàn, Tôn giả A Nan quạt hầu Phật giơ tay gạt nước mắt, nghĩ như vầy: "Trước kia có đại chúng Tỳ kheo ở các nơi muốn đến thăm viếng đức Thế Tôn để cúng dường, lễ bái thì đều có thể tùy lúc mà được thăm viếng, cúng dường, lễ bái. Bấy giờ họ nghe được Thế Tôn sắp bát Niết bàn thì sẽ không còn đến thăm viếng, cúng dường Thế Tôn nữa".
Khi ấy đức Thế Tôn hỏi các Tỳ kheo: "Tỳ kheo A Nan giờ ở đâu?"
Bạch Thế Tôn, A Nan đang cầm quạt hầu Phật và khóc lóc nghĩ ngợi.
- Nầy A Nan, thầy chớ khóc lóc, cũng chớ buồn rầu, vì thầy hầu hạ Ta, thân hành từ hòa, khẩu và ý hành từ hòa, chưa từng có hai tâm, an lạc vô lượng, vô biên, vô hạn. Nầy A Nan, trong đời quá khứ, các bậc Như Lai, Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Chánh Giác có người thị giả hầu cận, thì cũng không thể hơn thầy được, nay Ta là bậc Như Lai, Ứng Cúng trong đời hiện tại, nếu có người thị giả nào thì người thị giả đó cũng không thể hơn thầy được, vì thầy khéo biết thời, khéo phân biệt thời, điểm và hiểu biết ý Như Lai trong mọi trường hợp.
Bấy giờ Thế Tôn muốn làm cho Tôn giả A Nan vui vẻ, bèn bảo các Tỳ kheo rằng:
- Vị chuyển Luân Thánh Vương có bốn pháp vị tằng hữu, mà mỗi khi các hàng Sát đế lợi, cư sĩ hoặc Sa môn đến yết kiến, Chuyển Luân Thánh Vương dù nói hay im lặng, họ thấy mặt đều sanh tâm hoan hỷ, vui vẻ. Tỳ kheo A Nan cũng vậy, A Nan có bốn pháp vị tằng hữu mà mỗi khi chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đến tham vấn thì dù A Nan có nói hay im lặng, họ thấy A Nan rồi thì liền sanh tâm hoan hỷ, vui mừng.
Lại nữa, A Nan thuyết pháp cho đại chúng có bốn điểm vị tằng hữu. Mỗi khi A Nan thuyết pháp cho chúng Tỳ kheo, Tỳ Kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, bằng lời chí tâm thành kính, cả chúng nghe rồi nghĩ như vầy: "Mong Tôn giả A Nan thuyết pháp không dừng lại nửa chừng".
Khi nghe Tôn giả A Nan thuyết pháp, các chúng hoàn toàn tâm không chán nản, và Tỳ kheo A Nan vẫn ngồi im lặng.
Lại nữa thuở ấy, Thế Tôn đã bát Niết bàn chưa được bao lâu, A Nan du hóa tại Kim Cang, trụ ở thôn Kim Cang. Bấy giờ thuyết pháp cho vô lượng trăm nghìn đại chúng vây quanh. Hiện đó, có Tôn giả Kim Cang Tử cũng ở trong chúng, Tôn giả trong lòng suy nghĩ: "Hiền giả A Nan vẫn còn là bậc hữu học chưa ly dục sao, ta thử nhập Như Kỳ Tượng Định để quan sát tâm A Nan như thế nào?". Nghĩ rồi bèn nhập định, Tôn giả biết A Nan vẫn còn là bậc hữu học chưa ly dục, Tôn giả liền xuất định hướng về A Nan, nói bài tụng:
Núi rừng vắng tư duy

Niết bàn khiến vào tâm
Thiền Cù Đàm không loạn
Sẽ sớm chứng tịch tịnh.
Bấy giờ A Nan nghe lời dạy của Tôn giả Kim Cang Tử, rời bỏ chỗ đông người, sống một mình nơi yên tĩnh, tinh tấn không tán loạn, thời gian chẳng bao lâu các lậu dũ sạch, cho đến khi vừa mới nghiêng đầu chưa đụng gối, lòng bỗng nhiên khai ngộ, chứng tâm giải thoát. Nếu Tôn giả A Nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của A Nan.
Nếu sau khi chứng tâm giải thoát rồi, A Nan nói rằng: "Tôi sẽ ngồi kiết già để bát Niết bàn, thì đó chính là pháp vị tằng hữu của A Nan".
Bị nạn Ma Đăng Già:
(Xem chuyện Tỉnh Giấc Mơ Hoa ở Truyện cổ Phật giáo Tập I)
Đối với Ni Chúng:
Một con người đa cảm, giàu tình thương, nên lắm lúc thấy ai đau khổ hay ý nguyện không tròn, thì A Nan sẵn sàng giúp đỡ mọi cách. Với một tình thương, giàu nhân ái đó mà A Nan đã đề bạt và bạch Phật cho hàng nữ nhân được xuất gia theo học giáo pháp Phật, trong khi đó cả Thánh chúng chẳng ai dám làm.
Một thời đức Thế Tôn du hóa giữa dân chúng Thích Ca, tại Ca Tỳ La Vệ, trong khu vườn Nigrodha.
Đêm đã qua, vừa tờ mờ sáng bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề đi đến Thế Tôn, lạy sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:
- Bạch Thế Tôn, hôm nay con xin làm lễ Thế Tôn, mong Thế Tôn hứa khả cho nữ nhân được xuất gia tu học theo giáo pháp Phật, sống đời không nhà để cầu đạo giải thoát.
- Thôi! Vừa rồi, Kiều Đàm Di chớ có ưa thích mà xin cho nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống trong pháp và luật do Như Lai thuyết giảng.
Lần thứ hai rồi lần thứ ba đề nghị, nhưng rồi Đức Thế Tôn cũng ba lần từ chối.
Hiểu ý Đức Thế Tôn chẳng muốn cho nữ nhân xuất gia, sống đời không gia đình, nên bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề quá đau khổ, sầu muộn, khóc lóc nước mắt chảy đầy mặt rồi đứng dậy đảnh lễ Đức Thế Tôn, nhiễu quanh ba vòng rồi đi.
Khi ấy Đức Thế Tôn rời khỏi Ca Tỳ La Vệ để đi đến Vệ Xá Ly trú tại đại lâm, trong ngôi nhà nóc nhọn. Biết được Thế Tôn hiện trú tại Vệ Xá Ly, bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề bèn tự cạo đầu đắp áo cà sa cùng với 500 nữ nhân khác kéo đếnVệ Xá Ly quyết cầu Phật cho xuất gia bằng được, trông thân thể tiều tụy, lấm lem cát bụi, đôi chân sưng vù, đôi tay ướt đẫm, đau khổ sầu muộn mặt mày ràn rụa nước mắt, khóc than, đứng ngoài cổng chính. Khi ấy A Nan thấy tình huống như vậy, bèn đến:

- Thưa Kiều Đàm Di, vì sao lại đứng ngoài cửa, và thân thể đến nổi nầy? Trông thảm thương quá vậy?
- Thưa Tôn giả A Nan, Thế Tôn chẳng cho nữ nhân xuất gia, sống đời không nhà trong chánh pháp luật của Ngài, nên tôi mới làm ra việc này.
- Thưa Kiều Đàm Di, hãy đứng chờ ở đây, tôi sẽ vào xin phép Thế Tôn cho.
Rồi Tôn giả A Nan đi đến bạch Phật:
- Bạch Thế Tôn, có Kiều Đàm Di đứng ngoài cửa, thân thể lấm lem cát bụi, tay chân sưng vù, trông thiểu não, nguyện xin Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống đời không nhà trong chánh pháp luật do Thế Tôn thuyết giảng cũng tốt vậy.
- Thôi, vừa rồi A Nan, chớ có ưa thích mà xin cho nữ nhân xuất gia trong chánh pháp luật của Ta.
A Nan lại thưa đến ba lần, nhưng rồi Thế Tôn cũng từ chối ba lần. Túng thế quá, A Nan tự nghĩ: "Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân xuất gia, sống trong giáo pháp, vậy ta hãy dùng phương pháp khác để xin Thế Tôn".
- Bạch Thế Tôn, chẳng biết nữ nhân sau khi xuất gia tu học chơn chánh trong giáo pháp thì có thể chứng đắc tứ quả của bậc Thánh không?
- Nầy A Nan, sau khi xuất gia, sống đời không nhà, tinh tấn tu hành trong chánh pháp luật thì nữ nhân chắc chắn chứng đắc quả Dự lưu, Nhất lai hoặc A La Hán.
- Bạch Thế Tôn, như vậy, Ma Ha Ba Xà Ba Đề đã giúp đỡ Thế Tôn còn nhỏ, trong bổn phận của một người dì, người kế mẫu, cho Thế Tôn bú sữa mẹ, khi bà mẹ Thế Tôn từ trần. Bà đã thay mẹ nâng niu nuôi nấng Thế Tôn cho đến ngày khôn lớn. Vậy Thế Tôn hãy nghĩ tình mà cho phép nữ nhân được xuất gia.
Vì sự chân thành khẩn khoản của A Nan, nên cuối cùng đức Thế Tôn đã chấp nhận.
Kể từ đây, hàng nữ nhân được sống trong chánh pháp luật, cuộc đời không nhà, và tổ chức thành Giáo Hội Ni Chúng.
Pháp Vị Tằng Hữu:
Từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến Thế Tôn, A Nan cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:
- Bạch Thế Tôn, con nghe Đức Thế Tôn đến thời Phật Ca Diếp mới bắt đầu phát nguyện Phật đạo, thực hành phạm hạnh, rồi sinh lên cõi trời Đâu Suất. Thế Tôn sinh lên sau, nhưng có ba việc thù thắng hơn các vị trời Đâu Suất sinh trước, đó là thọ mạng, sắc tướng và danh dự của hàng trời. Vì vậy, các vị trời Đâu Suất vui mừng, hớn hở, tán thán rằng: "Kỳ diệu thay, hy hữu thay vị thiên tử này có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Như vậy, con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Thế Tôn. Con nghe khi Đức Thế Tôn ở cung trời Đâu Suất, ở nơi đó mạng chung biết

sẽ sinh vào thai mẹ, lúc ấy chấn động cả trời đất, có ánh sáng quảng đại vi diệu chiếu khắp thế gian, cho đến những nơi u ám tối tăm cũng không có gì ngăn che được, trong khi đó ánh sáng của mặt trăng, mặt trời không thể lọt qua, chúng sanh các nơi ấy do thấy được ánh nhiệm mầu này mà phát khởi sự hiểu biết rằng: "Có một chúng sinh kỳ diệu, hi hữu ra đời". Như vậy, con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Thế Tôn.

Con nghe Đức Thế Tôn biết mình trụ trong thai mẹ, tựa vào hông bên phải, nằm duỗi dài, ẩn kính trong thai, không bị máu dơ làm ô uế, cũng không bị các thứ bất tịnh khác làm ô uế. Rồi Thế Tôn biết mình sắp ra khỏi thai mẹ, lúc ấy chấn động cả đất trời, có ánh sánh vi diệu, quảng đại, chiếu khắp thế gian cho đến những nơi u tối cũng không có gì ngăn che được. Khi Đức Thế Tôn duỗi dài để ra khỏi thai mẹ và không bị máu me làm ô uế. Như vậy, con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Thế Tôn.

Con nghe khi Đức Thế Tôn vừa sinh ra có bốn vị Thiên tử, tay cầm áo mịn, đứng trước thai mẹ, làm cho người mẹ hoan hỷ, tán thán rằng: "Đồng tử này rất kỳ diệu, rất hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai thần". Rồi Thế Tôn vừa mới sinh ra liền đi bảy bước, không khiếp sợ, không kinh hãi, quán sát các phương, thì ngay khi ấy phía trước người mẹ bỗng nảy sinh một hồ nước lớn, nước tràn bờ, làm cho người mẹ ở nơi đó được tắm rửa thanh tịnh, còn Thế Tôn thì từ trên hư không nước mưa rưới xuống, một luồng ấm, một luồng lạnh để tắm thân thể của Thế Tôn, chư Thiên đánh trống tấu nhạc của trời, hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng, hoa mạn đà la của trời, và bột chiên đàn rưới trên đức Thế Tôn. Như vậy, con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Thế Tôn.

Con nghe khi đức Thế Tôn ở trong hoàng gia của phụ vương Bạch Tịnh vào một ngày đi dự lễ hạ điền, ngồi dưới gốc cây diêm phù, ly dục, ly ác và pháp bất thiện, có giác có quán, ly sanh hỷ lạc, nhập sơ thiền và thành tựu an trụ, bấy giờ là buổi xế, tất cả bóng của các cây đều ngã dần dần chỉ có cây diêm phù ấy là bóng không ngã để che mát thân thể Thế Tôn. Lúc ấy vua Bạch Tịnh đến quan sát công tác hạ điền, đi đến chỗ người làm ruộng hỏi rằng: "Này nông phu, Vương tử ở chỗ nào?" -Vị Vương tử ấy hiện ở dưới gốc cây diêm phù. Rồi vua Bạch Tịnh đi đến cây diêm phù, ngài ngạc nhiên thấy bóng cây diêm phù không ngã như những bóng cây khác, liền nghĩ: "Vị Vương tử nầy thật là kỳ diệu, có phước hựu lớn lao". Như vậy, con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Thế Tôn.

Con nghe có một thời Đức Thế Tôn du hóa ở đại lâm, lúc đó qua một đêm, đến buổi sáng, Đức Thế Tôn đắp y, mang bát vào thành Tỳ Xá Ly khất thực, khất thực xong, thâu y, ôm bát, rửa tay chân, vắt ni sư đàn lên vai đi vào rừng, đến dưới một gốc cây đa la. Khi ấy Thích Ma Ha Nam, ung dung đi đếm đại lâm, thấy Thế Tôn đang tĩnh tọa dưới bóng cây che mát, Ma Ha

Nam nghĩ: "Sa môn Cù Đàm rất kỳ diệu, rất hy hữu và có đại công đức lớn". Cũng có một thời Đức Thế Tôn du hóa tại Tỳ Xá Ly, trong đại lâm. Bấygiờ, các Thầy Tỳ kheo để bát ngoài đất trống, lúc ấy, bát Thế Tôn cũng có trong số đó, có một con khỉ ôm bát của Thế Tôn mà đi, các Thầy Tỳ kheo la gọi, sợ rằng nó làm bể bát của Thế Tôn, nhưng Phật bảo các Tỳ kheo: "Hãy để yên đừng la, nó không làm bể bát đâu". Thế rồi khỉ ôm bát của Thế Tôn đi đến một cây Sa La, chậm rãi leo lên, lấy mật đầy bát, rồi chậm rãi leo xuống, trở về chỗ của Đức Phật, đem dâng bát mật ấy lên cho Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn không nhận. Lúc đó, khỉ liền ôm qua một bên, nhặt bỏ rác và sâu bọ, sau khi lựa bỏ rác xong, nó ôm bát trở lại dâng lên Thế Tôn, nhưng Thế Tôn vẫn không nhận. Khỉ lại ôm qua một bên, múc nước đổ vào trong mật, rồi ôm trở lại dâng lên Thế Tôn. Bấy giờ Thế Tôn thọ nhận. Khỉ thấy Thế Tôn lấy bát mật rồi, vui mừng hớn hở, múa may nhảy nhót rồi bỏ đi.
Hoặc một thời Đức Thế Tôn du hóa tại Tỳ Xá Ly, cao lầu đài quán, bên bờ ao di hầu, bấy giờ Thế Tôn đang phơi tọa cụ, rũ bụi phủi đất, lúc ấy có một đám mây kéo tới trái thời, che kín khắp hư không, muốn mưa nhưng dừng lại chờ Đức Thế Tôn phơi tọa cụ. Sau khi rũ bụi phơi xong, xếp đem vô nhà, bấy giờ đám mây lớn ấy mới mưa xuống thật to, từ đất cao cho đến thấp, nước ngập lai láng. Như vậy, con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Thế Tôn.
Con nghe Đức Thế Tôn khi ở trong miếu A Thần Phù, bấy giờ sau một đêm, đến buổi sáng Đức Thế Tôn khoác y ôm bát vào thôn A Phù để khất thực. Sau khi khất thực xong, thâu bát xếp y, rửa tay chân, Thế Tôn vắt ni sư đàn lên vai đi vào miếu thần ngồi nghỉ. Bấy giờ mưa to và sấm sét đánh chết bốn con trâu và hai người cày, lúc chôn cất cho hai người chết đó, thật đông đảo ồn ào, âm thinh cao và to, tiếng dội chấn động. Bấy giờ vào xế trưa, khi Đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, trong miếu thần đi ra chỗ đất trống để kinh hành, trong đám đông, có người thấy Thế Tôn, liền đi đến cúi đầu làm lễ rồi đi kinh hành theo Phật. Đức Thế Tôn thấy người ấy ở phía sau, nên hỏi rằng: "Vì cớ gì mà đông đảo ồn ào, nhiều người vậy". Người ấy thưa: "Bạch Thế Tôn, khi trưa trời mưa to và sấm sét đánh chết bốn con trâu và hai người cày, họ chôn các người ấy, nên đông đảo và ồn ào như vậy. Bạch Thế Tôn, vừa rồi Ngài ngủ sao? -"Không phải"-Lúc ấy Ngài tỉnh mà không nghe âm thanh lớn ấy sao?" -"Quả thật như vậy". Rất là kỳ diệu, rất là hy hữu, sở hành của Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác rất là vắng lặng, rất là tịch tịnh. Vì sao? Vì lúc tỉnh mà vẫn không nghe các âm thanh to lớn nầy. Như vậy, con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của Thế Tôn.
Rồi có lần Đức Thế Tôn trụ tại Uất Tỳ La bên bờ sông Ni Liên thuyền ngồi dưới cây A Xà Hòa La Ni Câu Loại lúc mới thành đạo. Bấy giờ mưa lớn đến bảy ngày, từ chỗ cao đến thấp bị ngập nước, từng luồng nước lớn chảy

ngang dọc, trong vùng đất đó, Đức Thế Tôn đi kinh hành đến chỗ nào thì chỗ ấy đều khô ráo. Hoặc nữa, ma vương trong suốt sáu năm theo Phật để tìm chỗ sơ suất mà không được, liền chán nản bỏ về, chẳng phá hoại được gì nơi Thế Tôn. Lại nữa, Thế Tôn suốt bảy năm suy niệm về thân, luôn luôn suy niệm không gián đoạn, thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu của Thế Tôn.
Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo rằng:
- Nầy A Nan, thầy hãy nghe Như Lai nói và thọ trì thêm pháp vị tằng hữu. Nầy A Nan, Như Lai biết thọ sanh, biết trú, biết diệt, luôn luôn biết chẳng có lúc nào không biết. Nầy A Nan, Như Lai biết tư và tưởng sanh, biết diệt, luôn luôn biết không lúc nào không biết. Cho nên, nầy A Nan, hãy nghe Như Lai mà thọ trì pháp vị tằng hữu như vậy.

Bảy điềm mộng:

Thời gian sau này, khi Đức Thế Tôn gần bát Niết bàn, một đêm A Nan nằm mộng thấy bảy điều quái dị, trong lòng hoang mang lo sợ, sáng ngày đến bạch Thế Tôn:
Bạch Thế Tôn, đêm vừa qua con nằm ngủ thấy bảy điều mà lâu nay con chưa hề bao giờ thấy mộng mị hay chiêm bao. Bạch Thế Tôn, bảy điềm mộng mà con thấy là:
1. Lửa dữ khắp nơi, thiêu đốt làm khô biển ngòi sông rạch.
2. Mặt trời rụng xuống, thế gian tối tăm, đầu con cao ngang núi Tu di.
3. Tỳ kheo bỏ giới luật, vứt áo cà sa.
4. Tỳ kheo y áo tả tơi, xuôi theo thế gian khổ sở.
5. Heo rừng kéo đến ủi bức gốc rễ cây chiên đàn to lớn.
6. Voi con không nghe lời voi mẹ rong chơi khắp nơi, lạc đường bị chết đói.
7. Sư tử chết, bị các vi trùng trong thân bò ra lúc nhúc, rúc rỉa.

A Nan, biết rằng mộng là do tâm sanh, nhưng bảy điều vừa rồi thầy đã thấy đó chính là điềm báo trước trong tương lai Tăng đoàn sẽ suy đồi, giáo pháp sẽ bị mai một.
- Nầy A Nan, điềm thứ nhất, đó là trong đời mạt pháp có hạng Tỳ kheo được đàn na thí chủ cúng dường đầy đủ, rồi lại sanh lòng tranh cãi chia rẽ.
Thứ hai, mặt trời sụp xuống, thế gian tối tăm và đầu A Nan vươn cao như núi Tu Di, đó là sau khi Ta bát Niết bàn, đại chúng, chư thiên sẽ cử thầy trùng tuyên lại giáo pháp.
Thứ ba, Tỳ kheo mà vứt bỏ cà sa, hủy hoại giới pháp đó là điềm trong đời mạt pháp có hạng Tỳ kheo chỉ lý thuyết suông mà chẳng chuyên tâm tinh tấn tu hành.
Thứ tư, Tỳ kheo lận đận, khốn đốn, y áo tả tơi, đó là điềm trong đời mạt pháp có Tỳ kheo bị vợ con ràng buộc, bỏ giới chạy theo thế tục.
Thứ năm, heo rừng ủi tung rễ chiên đàn, đó là điềm trong đời mạt pháp có hạng Tỳ kheo buôn bán Như Lai, xem giáo pháp như món hàng để trao đổi

sự lợi dưỡng.
Thứ sáu, voi con không nghe lời voi mẹ, cuối cùng phải chết đói, đó là điềm trong đời mạt pháp có hàng Tỳ kheo trẻ tuổi, hậu học, không chịu nghe lời chỉ dạy của bậc Tôn túc, không tin tội phước nhân quả, chết đều rơi vào địa ngục.
Thứ bảy, dòi bọ từ trong thân sư tử chết bò ra rúc rỉa thịt xương của sư tử, đó là điềm trong đời mạt pháp chính đệ tử của Như Lai phá hoại Phật Pháp, chứ chẳng do ngoại đạo, bên ngoài có sức phá nổi.
Bảy điềm mộng của A Nan, để chứng minh cho hôm nay, thực tế đã xảy ra, vậy chúng ta biết rằng giai đoạn nầy chính là thời mạt pháp.
Sáu tội Đột Kiết La:
"Các đệ tử Phật
Nếu nghĩ đến Phật
Nên báo ân Phật
Chớ nhập Niết bàn"
Một hoàn cảnh thật đau lòng, sau khi Phật diệt độ, trong hàng đệ tử vị nào đã chứng đắc A La Hán thì cũng lần lượt Niết bàn theo Phật, còn những ai chưa đạt đến quả vị tự thâu thần tịch diệt được thì ưu sầu thương tiếc. Tâm tư của hàng đệ tử bấy giờ bị chấn động mãnh liệt, ai cũng đầy ấp nỗi lòng nhớ nhung, bàng hoàng trước sự ra đi của Thế Tôn vào nơi tịch mặc, chẳng ai có lòng dạ nào để suy nghĩ việc gì hơn nữa.
Trước cảnh bi thương ấy, Ngài Đại Ca Diếp quán xuyến tâm tư của hàng Thánh chúng bị xáo trộn, lung lay. Ngài nghĩ nếu như vậy tiếp tục diễn tiến thì chắc chắn Phật Pháp sẽ bị mau tiêu diệt, giáo pháp sẽ chóng lãng quên và chúng ta chẳng tròn bổn phận với Đức Như Lai và đắc tội với chúng sanh, xa thời chánh Pháp. Trước một trọng trách nên làm và phải hoàn thành trước nhất, ấy là kiết tập giáo pháp của Đức Thế Tôn, suốt thời gian 45 năm Ngài đã hoằng hóa.
Tiếng kiềng chùy được dống lên trên đỉnh núi Tu Di, vang vội khắp thế giới ba ngàn: "Hỡi các Thánh đệ tử, những bậc vô sanh, các hàng tôn túc, hãy nhớ lời Phật dạy, thương xót chúng sanh, chớ vội thâu thần thị tịch, thế gian tăm tối hàng chúng sanh trong đời mạt pháp sẽ bơ vơ, vì con mắt trí tuệ của thế gian đã nhắm lại rồi. Vì lòng thương tưởng cho đời, mở lượng từ bi, xin các Ngài hãy kiết tập giáo pháp, xâu chuỗi viên ngọc vô giá thành từng chuỗi mà Đức Thế Tôn đã trao truyền cho chúng ta, để sau nầy hàng chúng sanh được ân triêm công đức".
Lời triệu thỉnh được truyền đi và hội chúng tụ tập, vây quanh giảng đường để báo ân Phật, kiết tập giáo pháp.
Trước khi bắt tay vào công việc, Ngài Ca Diếp nhập đại định, để quán tâm đại chúng, xem ai chưa đoạn tận các lậu, và thấy A Nan hãy còn những kiết

sử vụn vặt của một vị Tu Đà Hoàn. Xuất định, Đại Ca Diếp đi đến chỗ A Nan, thản nhiên nắm tay A Nan kéo ra khỏi đại hội và nói rằng: "Trong hàng Thánh chúng tất cả các lậu hoặc đều đã đoạn trừ và đang làm việc thanh tịnh, ông hãy còn nhiễm ô, chưa sạch, vậy xin mời ra khỏi đại hội. Đó là tội đột kiết la thứ nhất.
Như cả một bầu trời sụp đổ, mây đen giăng kín cả lòng, thật là một điều không ngờ, làm thị giả suốt 25 năm trời gần Phật để đến giờ phút nầy A Nan phải lãnh chịu hậu quả tan nát cả lòng, bị đuổi ra khỏi đại hội chẳng được duyên lành báo đáp ân Phật.
Tủi phận mình, A Nan tự nghĩ: "Khi Phật còn tại thế, ta theo hầu Ngài từ khi mới xuất gia cho đến khi Ngài thị tịch, chưa có lần nào bị tủi hổ và khổ não như bây giờ".
- Thưa Tôn giả Đại Ca Diếp, từ khi làm thị giả cho Thế Tôn đến bây giờ, không phải tôi không đủ khả năng để hoàn thành một vị A Lan Hán, nhưng vì trong pháp Phật, một vị A Lan Hán không thể làm công việc của một thị giả, hầu cạnh Phật được, vì lý do đó nên tôi còn giữ lại một ít kiết sử nhỏ nhiệm để tròn bổn phận của mình.
Trước nỗi lòng tha thiết đó, Ngài Ca Diếp vẫn lạnh nhạt, tiếp tục hạch tội:
- Khi Đức Thế Tôn còn ở đời, ý Ngài không muốn cho nữ nhân xuất gia sống theo pháp luật của chúng Tăng, nhưng do ông ân cần thưa thỉnh nên Đức Thế Tôn nhận lời, để cho thời chánh pháp của Đức Thế Tôn bị giảm 500 năm, đó là tội đột kiết la thứ hai.
Rồi đến Phật sắp nhập Niết bàn, Ngài đau lưng phải trải bốn lớp áo Uất Đa La Tăng để nằm. Lúc đó, Đức Thế Tôn nói với ông hãy múc nước cho Thế Tôn. Khi ấy sao ông không chịu múc nước, đó là tội đột kiết la thứ ba.
Một hôm nọ trong rừng Ta La, Đức Thế Tôn hỏi: "Bậc có bốn thần túc, có thể duy trì đời sống trong một kiếp hay một phần kiếp". Ông vẫn làm thinh, Đức Thế Tôn hỏi tới ba lần mà ông cũng không đáp. Do nhân duyên đó mà Đức Thế Tôn quyết định nhập Niết bàn, đó là tội đột kiết la thứ tư.
Trong khi trải Tăng Già Lê của Phật mà ông lại dẫm chân lên đó là tội đột kiết la thứ năm.
Sau khi Đức Thế Tôn nhập Niết bàn tại sao ông lại vén y cho nữ nhân thấy tướng mã âm tàng của Thế Tôn, một việc phi pháp, đó là tội đội kiết la thứ sáu.
Trước những lời buộc tội gay gắt, nhưng A Nan bình tĩnh, xin giải bày:
- Đối với tội thứ nhất tôi phải đành chịu, vì thương Phật nên tôi lưu lại một ít phiền não. Còn tội thứ hai vì thấy tình cảnh của bà Kiều Đàm Di thảm thương quá, hơn nữa lại là di mẫu của Thế Tôn, nên tôi cầu xin như vậy, vì trong chư Phật ba đời thảy đều có bốn bộ chúng, thì Đức Thế Tôn của chúng ta cũng phải có đủ. Tội thứ ba chẳng phải tôi không dâng nước cho Phật, mà

vì do ngựa voi lội trên sông làm cho nước vẩn đục. Tội thứ tư, là khi ấy ma vương muốn hại nên che kín cả tâm tôi, chứ không phải tôi có ác ý muốn Thế Tôn nhập Niết bàn sớm. Tội thứ năm, lúc ấy vì gió lớn quá, một mình tôi nắm y chẳng hết, nên bị gió tung và rớt y xuống chân chứ không phải tôi cố tình dẫm lên y Phật. Cuối cùng tội thứ sáu, tôi tự nghĩ rằng cho các nữ nhân thấy tướng âm tàng của Thế Tôn để tự xấu hổ thân hình nữ của mình mà siêng năng tu hành và cầu làm thân nam, tướng hảo, chứ chẳng phải làm điều phi pháp chẳng biết xấu hổ.
Sau những lời luận giải rõ ràng, nhưng Ngài Ca Diếp vẫn bắt A Nan sám hối trước đại chúng, và nói rằng: "Khi nào ông hết các kiết sử thì mới được vào đây".
Thầm lặng A Nan bước ra khỏi giảng đường và về phòng riêng.
Trong đêm đó, A Nan tọa thiền, nhập định cho đến nửa đêm, thấy mỏi quá, bèn nghiêng mình nằm xuống nghỉ, nhưng đầu chưa chấm gối thì hoát nhiên đại ngộ. Tiếp tục A Nan nhập Kim Cang định và phá đổ hết thảy các lậu hoặc vi tế, chứng đắc tam minh lục thông, trở thành vị A La Hán.
Trong đêm đó, A Nan liền đến phòng riêng của Đại Ca Diếp gõ cửa để trình bày sở đắc của mình, nhưng Ngài Ca Diếp chẳng mở cửa mà nói rằng: "Hãy chui lỗ khóa mà vào". A Nan bèn dùng thần thông sẵn có lách mình qua lỗ khóa vào đảnh lễ Ngài Ca Diếp.
Đại Ca Diếp vui mừng, xoa đầu A Nan nói rằng: "Nầy A Nan, hiền giả chớ giận ta nghe, mục đích ta muốn hiền giả tự đắc chứng, như vẽ hình giữa hư không, không dính mắc vào đâu cả, hơn nữa, giáo pháp của Thế Tôn tồn trữ trong tâm của hiền giả vắng lặng trong ngần như biển sâu để tuyên hoằng lại cho hàng hậu chúng".
Một lần nữa Đại Ca Diếp vỗ đầu A Nan, tỏ một niềm kính mến thiết tha, vì A Nan sẽ chủ trì trọng trách kiết tập giáo pháp, sẽ xâu lại những lời vàng, tiếng ngọc để làm mặt trời huệ cho hậu lai.
Tiếng kiềng chùy lại dống lên và buổi kiết tập giáo pháp được bắt đầu. Ngài Đại Ca Diếp đi trước, A Nan theo sau khoan thai tiến vào hội chúng, trong bước đi trầm hùng như sư tử, dõng dạc như tượng vương, sắc mặt rạng rỡ tươi sáng. Đại chúng đều im lặng, cung thỉnh A Nan thăng lâm pháp tòa sư tử, và suối pháp tuôn chảy từ A Nan, như hải triều âm bất tuyệt.
Nhập Niết bàn:
Một thời A Nan du hành tại Tỳ Xá Ly.
Sau buổi du hóa, Ngài đi đến các vị Tỳ kheo đang nhóm dưới những gốc cây thanh vắng tĩnh tọa, tư duy, hay cùng nhau đàm đạo những lời Đức Thế Tôn đã giảng thuyết.
Trong nhóm Tỳ kheo trẻ đang luận bàn về đề tài thế gian vô thường Phật pháp sanh diệt, con người cũng nằm trong định luật ấy. Có kẻ sanh ra đời rồi

lớn lên trải qua đôi mươi năm rồi chết đi, luống qua một kiếp người vô tích sự, không làm lành, cũng chẳng tạo phước hay ích lợi cho ai, vậy sự sống của kẻ ấy có trải qua trăm năm hay ngàn năm rồi cũng vô dụng.
Khi bàn luận đến đây, có vị Tỳ kheo trẻ phát biểu:
- Thế gian vô thường, đời người chóng vánh, sinh ra đời sống hằng trăm năm mà không gặp Phật Pháp, không tạo duyên lành, tô bồi cho kiếp sau thì rồi cũng luống trôi qua, chẳng bằng kẻ sống một ngày mà thấy được con hạc già đứng cạnh bờ ao. Rồi vị Tỳ kheo ấy đọc lên bài kệ:
"Như nhơn sinh bách tuế
Bất kiến thủy lão hạc
Bất như sinh nhứt nhật
Nhi đắc kiến chi".
Bấy giờ Tôn giả A Nan cũng ngồi gần đó nghe vị Tỳ kheo trẻ đọc bài kệ như vậy, Ngài thầm nghĩ -- "Vị Tỳ kheo nầy sao đọc lạ vậy, Đức Thế Tôn có dạy như vậy bao giờ đâu, chắc có lẽ vị ấy đã nhầm lẫn". Nghĩ xong Tôn giả đứng dậy đi đến bên vị Tỳ kheo ấy nói rằng:
- Nầy hiền giả, vừa rồi hiền giả đọc bài kệ như vậy là nhầm rồi, Thế Tôn không phải dạy như vậy, mà như thế này, hiền giả hãy nghe kỹ:
"Nhược nhơn sinh bách tuế
Bất kiến sanh diệt pháp
Bất như sanh nhứt nhựt
Nhi đắc kiến chi".
Nghe xong vị Tỳ kheo trẻ không biết đâu là sai, đâu là đúng.
Sau khi trở về tịnh xá, vị Tỳ kheo trẻ ấy đem sự việc bài kệ mà Ngài A Nan đã đính chính đọc lại cho thầy nghe. Vị bổn sư của thầy Tỳ kheo trẻ nầy nghe rồi liền nói:
- Tôn giả A Nan bây giờ đã già nên sanh ra lẩm cẩm, có nhớ rõ ràng gì đâu mà nói đúng.
A Nan biết được điều này, Ngài tự nghĩ: "Hàng chúng sanh hậu học căn cơ chậm lụt chẳng nhận ra đâu là tà thuyết của ngoại đạo, của sự mê mờ, chấp giữ sai lầm, thật thương thay! Giáo pháp của đấng Thế Tôn rồi đây sẽ mai một. Thôi, giờ ta hãy vào Niết bàn, vì đã già nua lẩm cẩm". Nghĩ vậy, A Nan quyết định nhập Niết bàn.
Trước khi vào nơi tịch mặc vĩnh viễn, A Nan bèn kêu đệ tử của mình là Thương Na Hòa Tu dạy rằng:
- Nầy Pháp tử, khi Đức Thế Tôn sắp nhập Niết bàn Thế Tôn đã trao truyền chánh pháp nhãn tạng lại cho Tôn giả Đại Ca Diếp, sau đó Tôn giả cũng nhập Niết bàn nên đã trao lại cho ta, nay ta cũng nhập Niết bàn, vậy ta phó chúc lại cho ông, ông nên truyền thừa ngọn đuốc giáo pháp để soi sáng thế gian làm con mắt huệ cho đời và báo Phật ân đức, lợi lạc chúng sanh. Ông

hãy giữ gìn cẩn thận.
- Kính bạch Thầy, xin Thầy hãy vì lòng từ bi thương tưởng cho đời, vì lợi ích hàng Tăng chúng, làm điểm tựa cho hàng hậu học còn đang cần Thầy, chớ vội vào Niết bàn.
- Đã đến lúc ta vào Niết bàn, ông hãy lắng lòng nghe bài kệ mà thọ trì pháp Như Lai:
"Bản lai phó hữu pháp
Phó liễu ngôn vô pháp
Các các tu tự ngộ
Ngộ liễu vô vô pháp".
Tin Ngài A Nan sắp vào Niết bàn, từ vua quan đến dân chúng ai nấy đều rơi lệ thương tiếc. Vòm trời trần gian mất đi bóng sáng của ánh sao mai và hàng chúng Tăng mất đi một bậc kỳ đức tôn túc.
Khi ấy vua A Xà Thế và vua nước Tỳ Xá Ly rắp tâm đến dành Xá lợi đem về nước xây bảo tháp thờ.
Thấy trước tình cảnh như vậy, Tôn giả A Nan đi thẳng về phía bờ sông Hằng, lên một chiếc thuyền và ngồi kiết già thả trôi ra giữa dòng sông mà nhập Niết bàn.
Vua A Xà Thế liền cùng quan quân, tùy tùng tìm đến bờ sông, vua thấy Tôn giả A Nan kiết già phu tọa trên thuyền ở giữa dòng sông, liền cúi đầu đảnh lễ và đọc bài kệ:
"Khể thủ tam giới tôn
Khí ngã nhi chí thử
Tạm bằng bi nguyện lực
Thả mạc bát Niết bàn".
Đồng thời, vua nước Tỳ Xá Ly cũng rầm rộ voi ngựa kéo đến bờ bên kia sông Hằng, cúi đầu và đọc bài kệ:
"Tôn giả nhất hà tốc
Nhi quy tịch diệt trường
Nguyện trụ tu du gian
Nhi thọ ư cúng dường".
Trước nỗi lòng khuyến thỉnh của hai vua, Tôn giả A Nan đọc bài kệ:
"Nhị vương thiện nghiêm trụ
Vật vi khổ bi luyến
Niết bàn đương ngã tịnh
Nhi vô chư hữu cố".
Liền khi ấy, Tôn giả A Nan nhập định và bát Niết bàn.
Giới Đức
"Làm cho ông lưu chuyển sanh tử, là lỗi tại cái tâm cùng với con mắt, vậy nếu ông không biết cái tâm cùng con mắt ở chỗ nào? Thì ông không hàng

phục được phiền não trần lao. Cũng như vị quốc vương bị giặc đến xâm chiếm, đem binh dẹp trừ, nếu không biết được giặc ở chỗ nào, thì không bao giờ dẹp trừ giặc được".

Độ đệ tử

Lúc Phật còn tại thế, có một vị tân Tỳ kheo tên là Hòa Tiên, cùng đi với một người đệ tử đến yến kiến Đức Thế Tôn. Đức Phật lấy tay chỉ người cùng đi, hỏi vị tân Tỳ kheo rằng:
- Thầy là gì giới Thầy?
Vị Tân Tỳ kheo ấy tỏ vẻ sung sướng:
- Kính bạch Đức Thế Tôn, Thầy nầy là đệ tử của con!
Đức Thế Tôn ngạc nhiên:
- Thầy được bao nhiêu tuổi hạ?
- Bạch Thế Tôn, con được hai tuổi hạ.
Vị tân Tỳ kheo trịnh trọng thưa. Đức Thế Tôn tiếp lời:
- Người đệ tử của Thầy đây được mấy tuổi hạ?
- Bạch Thế Tôn, Thầy nầy được một tuổi hạ, vị tân Tỳ kheo trả lời.
Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn liền kêu riêng vị Tỳ kheo ấy mà dạy rằng:
- Thầy độ người như vậy là không đúng phép, không đúng của Sa môn… Thầy không nên làm như vậy. Chính Thầy chưa biết chi, lấy chi Thầy dạy đệ tử?!
Đức Thế Tôn la rầy quở trách ông Hòa Tiên Tỳ kheo xong liền bảo các Thầy Tỳ kheo rằng:
- Từ nay về sau, vị nào muốn độ người xuất gia phải đủ những điều căn bản như sau đây:
1/ Phải đủ 10 tuổi hạ - chứ không phải tuổi đời hay tuổi thọ giới.
2/ Phải thành tựu giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến…
3/ Phải biết thế nào là khai, giá, trì, phạm, khinh, trọng v.v…
Nếu không hội đủ những điều tất yếu như vậy thì không được độ người xuất gia làm đệ tử. Ngoài ra, vị nào xét thấy mình đủ những yếu tố trên nhưng trước khi bắt đầu độ người xuất gia phải (bạch nhị yết ma) và Tăng đoàn chấp thuận mới được.
Lại có một vị Tỳ kheo Ni, ham nuôi đệ tử, có năm độ đến hai ba người xuất gia, mà rồi không chu đáo được vấn đề giáo dục cho họ, nên gây ảnh hưởng không hay cho Tăng đoàn. Đức Thế Tôn liền kêu vị Tỳ kheo Ni ấy hỏi rằng:
- Ngoài đời có ai một năm sanh hai ba người con không? Nếu có thì sự nuôi dạy có chu toàn không v.v…
Đức Thế Tôn quở trách vị Tỳ kheo Ni ấy xong liền khuyên bảo các Tỳ kheo rằng:

- Từ nay các vị đừng nên làm việc phi pháp, phi Sa môn… như vậy nữa!
Thích Đổng Minh
"Giới luật là mạng mạch của Tăng già, là thuyền bè đưa chúng sanh thoát khỏi bể khổ".

Đạo tràng của Bồ Tát

Ngày xưa ở một ngôi chùa lớn tại Trung Quốc, có một vị sư nổi tiếng là khùng. Thầy không bao giờ ở chùa, quanh năm mặc cái rách đi lang thang la cà khắp các trà đình tửu điếm, bạn với những kẻ côn đồ, nghiện ngập. Những kẻ nầy sau khi giao thiệp với Thầy, phần lớn đâm ra hiền lương và trở thành những hiệp sĩ ưa giúp đời. Chúng tụ tập tại các bến chợ, đỡ đần gánh nặng cho những người già yếu, sản phụ, trẻ con.
Sau những giờ làm việc nghĩa chúng hội họp lại ôn những lời dạy bảo của vị sư khùng. Được biếu món gì ngon chúng để dành cúng dường vị thầy yêu mến, vì lâu lâu chúng mới thấy được bóng dáng Thầy ngất ngưỡng trở về đô thị một lần. Thầy đi đâu? Thì ra chỗ hóa duyên của Thầy là một làng đánh cá ở biển. Thầy thường ở trong làng ấy, thỉnh thoảng mới về chùa một ngày, vào các dịp giỗ lớn.
Chúng Tăng trong chùa rất bực bội về bề ngoài của Thầy khùng, thật là mất hết thể thống của một vị Tăng nhất là khi họ thấy Thầy không trường trai như quy luật ở chùa. Thầy không đòi ăn gì khác hơn đại chúng mỗi khi về chùa, nhưng buổi sáng Thầy về thì buổi chiều họ đã thấy "bổn đạo" của Thầy ở biển gánh tới chùa một gánh cá biển, tôm, cua, đủ thứ sơn hào hải vị để cúng dường. Thầy quát mắng:
- Tiên sư tụi bây, tao ăn gì hết mà gánh tới nhiều dữ vậy? Lần sau có muốn đem cho thì chỉ đem cho tao một con cá là đủ.
Một điều quái lạ, là mặc dù Thầy đối với họ có vẻ thô lỗ cộc cằn, mà những dân đánh cá xem ra rất kính trọng Thầy. Họ xoa tay cười nịnh:
- Dạ để Thầy biếu bà con trong chùa… Chúng con nghĩ là chùa đông người.
- Ý, tụi bây ngu. Các Thầy chùa không nạp thứ này, hiểu chưa? Chỉ có tao. Thôi, về đi.
Họ riu ríu kéo nhau về, hớn hở sau khi cúng dường Thầy vài con cá, và được gặp Thầy. Đến giờ thọ trai, Thầy ngồi vào bàn chư Tăng, xách theo con cá biển mới luộc. Tăng chúng không chịu nổi mùi tanh, vác chén chạy, tránh ngồi gần Thầy. Thầy cười điềm nhiên gắp cá luộc, hề hề chấm nước tương ăn qua bữa.
Chỉ có vị Phương trượng hình như rất hiểu và thương Thầy, do đó Tăng chúng không dám bàn ra tán vào mặc dầu thái độ nghênh ngang của Thầy. Vì lâu lắm Thầy mới về chùa, nên Phương trượng cùng ngồi chung bàn với

các đệ tử vào những dịp ấy. Đó là một biểu lộ rõ rệt của lòng ưu ái nơi bậc Thầy khả kính. Có Thầy, Phương trượng vui hẳn lên. Hai Thầy trò đàm đạo rất tương đắc. Phương trượng dường như không quan tâm mảy may tới mùi tanh nồng nặc của con cá Thầy đang ăn, mặc dù chính Ngài đang dùng rau luộc.
Trong bữa ăn ấy, Thầy khùng lỡ đánh rấm kêu cái đùng. Thầy điềm nhiên bỏ đũa, ra trước đại chúng lạy ba lạy sám hối. Lạy xong, trở về chỗ cũ tiếp tục ăn. Vài người không nhịn cười được, vừa ăn vừa cười khúc khích. Thầy quắc mắt, mắng:
- Tiên sư tụi bay, ta đã lạy sám hối, còn cười cái gì? Ngồi ăn trước mặt Thầy không được cười giỡn.
Bẵng đi một dạo khá lâu, Thầy không trở về chùa. Một buổi chiều nọ Tăng chúng thấy Thầy thất thểu bước lên đồi, dẫn đến chùa, mặt mày nghiêm trang khác hẳn mọi khi. Chúng ra chào Thầy:
- Hôm nay sao sư huynh nghiêm trang thế?
- Nay mai giỗ Tổ, về bái biệt Thầy đây.
- Sư huynh đi đâu.
- Về chầu Tổ.
Đại chúng cười rộ, không tin lời Thầy. Nhưng đến giờ ngọ hôm sau tắm rửa xong Thầy vào nhà thiền lạy Phương trượng ba lạy từ biệt và bảo đại chúng:
- Hãy lên chuông trống bát nhã đi. Tây phương Tam Thánh sắp đến rước ta rồi.
Đại chúng chưa tin hẳn, nhưng nhìn ra thì cả làng đánh cá ùn ùn kéo lên chùa tiễn đưa Sư phụ của họ về Tây phương. Một mùi hương lạ xông khắp, và trên hư không, mọi người đều trông thấy ba luồng ánh sáng chói lòa của Tây phương Tam Thánh (Di Đà, Quán Âm, Thế Chí) đến rước người con yêu dấu của các Ngài khi vị này đã mãn duyên hóa độ.
Ba hồi chuông trống vang rền trong khi Sư khùng điềm nhiên tọa tịch trong tư thế kiết già. Đại chúng rơi lệ sụp lạy sám hối trước con người mà họ thường báng bổ vì không thể hiểu thấu hành tung của Ngài. Sau khi Ngài thị tịch, đại chúng hỏi Phương trượng:
- Bạch Thầy, thì ra sư huynh chúng con tu mật hạnh khó nghĩ bàn. Nhưng tại sao người phải làm như vậy, sao không sống bình thường như những vị khác.
- Để hóa độ những dân dao búa, đệ tử ta phải làm như vậy. Nhờ ông ấy mà cả làng đánh cá mới quy y theo Phật, đa số bỏ hẳn nghề ác. Cho nên xét người, các ông chớ nên chỉ xét bề ngoài. Đức Phật đã dạy: "Nếu thấy tướng mà không chấp tướng mới thấy được Phật", các ông phải nhớ lấy điều ấy.
Thích Nữ Trí Hải
"Hoa nở hoa tàn việc thế gian

Đường tu tự tại cảnh thanh nhàn
Việc gì cần đến thì ta đến
Như vậy trần gian tức Niết bàn".

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Tập IV - 1

Tấm gương đạo hạnh muôn đời còn ghi

Khu rừng phía Nam kinh thành bỗng náo động hẳn lên. Chim chóc gọi nhau lẩn trốn, thiêm thiếp lo sợ trong các cành cây kẽ lá. Từ hươu nai cho đến hổ báo đều loan truyền một tin hung dữ: "Nhà vua đi săn."

Ca Lợi Vương đi săn. Khác hẳn với các cuộc đi săn thường, lần nầy nhà vua tổ chức một cuộc săn quy mô trong suốt tuần lễ. Vì nhiều lẽ, và trong đó có một lẽ là để trừ khử uy tín của một đạo sĩ về tu hành trong khu rừng phía Nam nầy.

Đoàn người đi săn đã đến tại mé rừng. Thật như là một binh đoàn đi chiến trận. Có đủ cung tên gươm giáo, có ban tiếp vận lương thực, có hệ thống truyền tin liên lạc. Họ dựng lều trại và sửa soạn cho vua tá túc.

Ca Lợi Vương cưỡi một con bạch mã, bận nhung phục gọn ghẽ, dẫn đầu toán lính săn. Bản chất mạo hiểm của ngài thường thấy bộc lộ trong những trường hợp như thế nầy.

Đoàn người tiến sâu vào rừng. Mỗi lần nhà vua bắn hạ được một con thú thì cả đoàn hoan hô vang dậy và sẽ có một bọn sắp sẵn để mang con vật xấu số đến trước mặt ngài.

- Muôn tâu Hoàng thượng! Con thú bị mũi tên thần bắn trúng vào chính giữa đầu.
- Muôn tâu Hoàng thượng! Hoàng thượng vừa hạ một con hươu đẹp đẽ nhất trong loài hươu.
- Muôn tâu Hoàng thượng!...

Và Hoàng thượng kiêu hãnh mỉm cười, truyền lịnh khao thưởng quân sĩ.

Đến trưa, cuộc đi săn tạm nghỉ. Vua ngả người trên chiếc võng và an mình trong giấc điệp. Khi ngài thức dậy thì ngài ngạc nhiên thấy quân lính vắng mặt rất nhiều. Bọn chúng đi đâu?

Ngài đang băn khoăn thì bỗng đội liên lạc về phi báo là bọn quân lính đã tề tựu ở dưới một gốc cây Bồ Đề để nghe một đạo sĩ thuyết pháp.

Hãy tưởng tượng Ca Lợi Vương giận dữ đến bực nào! Trước đây, dư luận đã xôn xao về tin nầy, người ta đã cho nhà vua hay là có một vài người trong

hoàng tộc cũng lén lút đến nghe đạo sĩ thuyết pháp. Và chính bởi lẽ đó mà vua tổ chức cuộc đi săn nầy để tìm hiểu thực hư. Vậy mà giờ đây, tên đạo sĩ lại cả gan khuyến dụ cả quân lính nhà vua.
Lệnh tập họp cấp tốc được lan truyền. Số vắng mặt vẫn chưa thấy trở về. Vua đinh ninh rằng kẻ tu hành đã đánh bùa mê để cầm giữ một cách phi pháp lính của ngài. Ngài nhảy lên ngựa và đích thân đến nơi. Quan quân lục tục kéo đi theo ngài.
Gần đến nơi rồi. Một vài cận thần thân tín thúc ngựa lên trước. Họ quát tháo ầm ĩ. Quân lính đang vây quanh vị đạo sĩ sực nhớ lại nhiệm vụ của họ đối với Hoàng thượng, nên vội vàng nới rộng vòng và cúi đầu chịu hình phạt. Họ vừa nghe một bài dạy về hạnh từ bi, họ cảm thấy tội lỗi của họ trong cuộc đi săn đầy sát khí, và giờ đây họ ước muốn nhà vua đuổi cổ họ về, hơn là họ tiếp tục cuộc chém giết.
Nhà vua đã xuống ngựa. Ngài định tiến đến trước mặt nhà đạo sĩ, nhưng những cận thần đã vội ngăn cản :
- Muôn tâu Hoàng thượng, việc trục xuất tên Sa Môn nầy đâu phải nhọc đến thánh thể, xin cho phép để hạ thần ra tay.
Vừa tâu xong, họ xông đến. Họ dùng bao nhiêu lời thô bỉ để lăng mạ, để chửi rủa như trong giây phút họ sẽ phanh thây đạo sĩ thành trăm mảnh. Nhưng "chó vẫn sủa mà lạc đà vẫn đi qua", đạo sĩ vẫn không nói lại một lời, không sắc giận, điềm nhiên như không.
Cảnh tượng ấy làm vua Ca Lợi Vương khá ngạc nhiên. Từ trước đến giờ, kẻ nào thấy vua cũng phải phủ phục dưới chân để tung hô hoàng đế vạn tuế, thế mà hôm nay lại có một kẻ tu hành trước mặt ngài vẫn cứ ngồi lì như chết. Ngài bước tới, truyền lịnh cho các cận thần lui ra và dõng dạc hỏi :
- Nầy tên Sa môn ương ngạnh kia! Nhà ngươi ngồi đây để làm gì?
Đạo sĩ trả lời:
- Kẻ nầy tu hạnh nhẫn nhục.
- Hạnh nhẫn nhục là thế nào?
Đạo sĩ điềm tĩnh trình bày, giọng từ hòa như giọng đã thuyết pháp cho các người lính săn ban nãy :
- Tâu Hoàng thượng! Tu hạnh nhẫn nhục là giữ tâm khiêm nhường với tất cả mọi người, là trừ bỏ những hành vi tự đắc, kiêu mạn, là dùng lời nói êm dịu để khuyến hóa chúng sanh. Tâu Hoàng thượng...
Nhà vua không nén được giận dữ nữa. Những lời đáp của đạo sĩ thì chân thật mà vua tưởng là cố ý soi mói công kích sự ồ ạt nóng nẩy của mình. Hoàng thượng thét, cắt ngay lời đạo sĩ:
- Im, im ngay.
Vua quay lại, như muốn hạ lịnh cho vệ sĩ của ngài ra tay tức khắc. Bỗng vừa nẩy ra sáng kiến gì, vua lại hướng về phía đạo sĩ, rồi dịu giọng hỏi:

- Nhưng mà, ta hỏi thêm nhà ngươi câu nầy. Tại sao khi nãy, cận thần của ta hết lời mắng chửi nhục mạ nhà ngươi mà nhà ngươi vẫn làm thinh?
- Tâu Hoàng thượng! Kẻ nầy suy nghiệm rằng: Nếu như những lời chửi mắng của người khác là đúng thì phải sanh lòng hổ thẹn để mà hối cải. Còn nếu những lời chửi mắng nhầm lẫn thì xem như là những tiếng vang, như gió thoảng ngoài tai mà thôi. Tuyệt nhiên không khi nào sanh tâm oán hận.
Câu trả lời có một phản ứng mạnh. Quân lính thì thầm thán phục, các cận thần trố mắt kinh ngạc. Còn nhà vua, ngài cảm thấy tự ái của ngài bị xúc phạm. Để phục hồi uy tín của ngài, ngài rút mạnh thanh kiếm, và bảo:
- Đây là những lời xảo trá và vô lễ!
Rồi ngài hạ tay cắt đứt đôi vành tai của đạo sĩ. Dòng máu đỏ rỉ rả thấm ướt đầm cả đôi má. Mọi người nín lặng. Tuy nhiên, đạo sĩ vẫn tĩnh tọa sắc mặt vẫn thản nhiên. Không chút gì tỏ vẻ đau đớn và oán thán.
Nhà vua không ngờ có một sức chịu đựng lạ lùng. Hay đây là một tên phù thủy có nhiều pháp thuật? Dầu sao, vua không thể lùi bước được. Ngài vung kiếm chặt đứt thêm hai bàn tay đạo sĩ đang chấp trước ngực:
- Hãy xem tên thầy pháp nầy nhẫn nhục đến nước nào?
Máu đào tuôn ra, thấm quanh chỗ ngồi của vị tu hành. Tuy thế đạo sĩ vẫn không thốt lên một tiếng kêu than. Vết thương như làm cho thần trí của người thêm sáng suốt và dõng mãnh. Gương mặt người trông từ bi lạ lùng. Thật là một dòng nước mát rưới lên lửa hận thù của nhà vua hung bạo. Vua lặng thinh. Bây giờ ngài hiểu rằng kẻ đương ngồi trước mặt ngài không phải là một kẻ tầm thường. Ngài gượng cất tiếng giữa sự im lặng nặng nề của quân binh :
- Hỡi đạo sĩ, tại sao ngươi bị hành hạ thân xác mà ngươi không chút gì sắc giận?
Đạo sĩ thong thả trả lời:
- Tâu ngài, nếu như tôi có lỗi, mà bị hành hạ thì tôi phải nhẫn thọ, như uống được nước cam lồ và sinh lòng cung kính với người. Còn gặp trường hợp không phân biệt phải trái mà người xúc phạm đến tôi, thì tôi suy nghĩ rằng ngày nay tôi vô tội, nhưng biết đâu không phải do ác nghiệp ngày trước mà nay phải chịu. Vả lại, thân này là sự cấu hợp giả tạm thì cũng không nên lấy gì làm luyến tiếc.
Ca Lợi Vương bấy giờ đã hối hận về tội ác của mình. Nhưng vì tập tánh chủ quan chỉ biết hạch lỗi kẻ khác lâu nay, vua gạn hỏi thêm một lần nữa :
- Hay lắm! Nghĩ được như thế thì hết sức tốt đẹp. Nhưng làm thế nào cho ta tin rằng nhà ngươi thật tình nghĩ như thế. Làm thế nào cho ta tin rằng nhà ngươi không oán hận ta, không oán hận những cận thần của ta đã sỉ nhục nhà ngươi?
Đạo sĩ giơ hai cánh tay cụt, mắt sáng lên một cách lạ thường. Người phát

thệ:
- Tôi thề rằng tâm tôi không có một chút oán hận nào. Những người gây đau thương cho tôi chỉ vì bị mây mờ che lấp đáng thương mà thôi. Nếu như lời tôi không chân thành với tâm tôi thì những vết thương của tôi trở thành lở lói ghê gớm, bằng như trái lại, tâm tôi hoàn toàn không oán hận thì những vết thương của tôi sẽ lành lặn.
Trời đất bỗng nhiên rung chuyển. Hương thơm tỏa ra ngào ngạt. Ca Lợi Vương và mọi người nín lặng chờ đợi. Họ trông thấy, ôi kinh ngạc biết bao! Họ trông thấy thân thể đạo sĩ lành lặn như xưa. Người ngồi tĩnh tọa dưới gốc cây Bồ Đề, gương mặt từ bi, chói lọi hào quang.
Cái kiêu hãnh trước đây, tạm thời cung cấp cho nhà vua một sức mạnh ồ ạt, mong manh, bây giờ vỡ tan ra bọt nước. Và hạnh nhẫn nhục của đạo sĩ quả là một năng lực bền bỉ, trường cửu, và bất khả chiến thắng. Nhà vua qùy sụp xuống bên đạo sĩ và xin sám hối bao nhiêu tội lỗi. Vua còn nguyện ghi nhớ gương sáng nhẫn nhục nầy để thực hiện trong đời sống cá nhân, trong việc trị quốc của mình và đời đời kiếp kiếp xin tận tâm phụng sự Chánh Pháp.
Đạo sĩ khiêm tốn đỡ Ca Lợi Vương dậy và hiền dịu bảo:
- Lời phát tâm tốt đẹp của ngươi tự nó đã xóa bỏ được lỗi lầm do chính ngươi gây ra. Và ta hứa với ngươi rằng, trong tương lai khi ta thành đạo, ta sẽ nhận ngươi làm đệ tử đầu tiên của ta.
*
Vị đạo sĩ đáng kính trên đây là tiền thân Đức Phật Thích Ca và Ca Lợi Vương là tiền kiếp của ngài Kiều Trần Như.
Và đúng như lời đã hứa, sau khi thành Phật, mở đầu cho lịch trình truyền đạo 49 năm trời, Đức Thế Tôn đã thuyết pháp lần đầu tiên tại khu vườn Lộc Uyển cho năm vị đệ tử, trong đó có ông Kiều Trần Như.
Quảng Huệ
"Kẻ nào bị người khác làm nhục mà trong lòng không sinh mối ác cảm, kẻ ấy đã thắng một trận vẻ vang."

Hương Trinh công chúa

Hoàng đế Đại Lâm nhìn ra sân, màn sương còn dầy đặc:
- Ủa, Võ hộ giá sao chưa thấy?
Thì tiếng nhạc ngựa vừa đến. Một thanh niên bước xuống, chàng nai nịt gọn gàng trong bộ đồ săn thú trông oai phong nhưng không kém vẻ hào hoa.
Là Tiên Đình võ hộ giá của Hoàng đế Đại Lâm, chàng đã đẹp trai lại có vẻ tiên phong đạo cốt. Tuy được vua trọng dụng, Tiên Đình vẫn gây nhiều thiện cảm với quần chúng. Nhất là chàng đã khuyên vua bỏ nhiều tội ác. Vì thế Tiên Đình rất được lòng dân, các bạn đồng liêu đều kính mến và thường gọi

chơi là "bạch diện thư sinh".
Lịch sử của chàng như một giấc mơ. Người ta không biết Tiên Đình con cái nhà ai? Chỉ nghe đồn miệng: -- cách 10 năm về trước, trong ban nhạc của nhà vua có một em bé mặt đẹp mà ca hay, nên một hôm sau buổi tấu nhạc Hoàng hậu cho tuyển em vào hầu cận ở hoàng cung. Tiên Đình thông minh ý tứ nên vua và hoàng hậu đều thương mến.
Giữa lúc đang được sủng ái, thì bỗng đâu tai bay họa gió đến với em. Một chuỗi ngọc châu quý của Hoàng hậu khi không, không cánh mà bay.
Hôm ấy sau buổi dạ yến, Hoàng hậu vừa trở về phòng, vừa định cất xâu chuỗi, thì không biết vì sao xâu chuỗi mất biến. Trong phòng riêng của Hoàng hậu trừ vua thì chỉ có một Tiên Đình ra vào. Vì vậy em bị bắt.
Quan tư pháp bộ hình để riêng một phiên xử vụ Tiên Đình. Khi chủ ngục dẫn em ra, thoạt nhìn, quan bộ Hình cũng phải yêu. Ngài ôn tồn: "Theo tuổi con thì chưa có luật (em mới 12 tuổi). Vậy con có lấy chơi bỏ đâu thì khai ra ta sẽ tâu vua tha tội cho. Nếu không khai chắc bị tra tấn con làm sao chịu được những hình phạt nặng nề, vậy con cứ khai đi ta sẽ châm chước cho.
Em cúi đầu lặng, vẻ mặt bình tĩnh có dáng suy nghiệm nhiều, lúc lâu em thưa:
- Thưa ngài, về vụ này một mình con không thể lấy lọt được nên trong đây có bốn người tòng phạm.
Mọi người đều nín lặng, nhất là quan bộ Hình chăm chỉ nghe. Ông dỗ:
- Ừ, ai con cứ khai ra ta sẽ xử phân minh.
- Thưa ngài, nếu con đã khai thì ngài phải mời cả bốn người chứ đừng vị tình chi cả.
- Ừ được rồi, con nói đi!
Giao hẹn xong, em khai trong vụ nầy có Hoàng tử Mạnh Đan, đại thần Trí Tuệ, phú ông Đức Trí và cô ca kỹ Dạ Lý Hương.
- Ủa, sao bốn nhận vật em khai lại toàn những danh nhân trong nước cả.
Thái tử Mạnh Đan là điện hạ của đương kim Hoàng đế, đại thần Trí Tuệ là tể tướng đầu triều, phú ông Đức Trí oai quyền sang trọng địch quốc, Dạ Lý Hương một danh ca tài sắc đương thời.
Từ cái ngạc nhiên nầy đến cái ngạc nhiên khác, bốn nhân vật em khai, sao không dính dáng gì đến nhau cả. Nhưng không lửa sao có khói? Không lẽ thằng bé này dám khai dựng đứng? Coi bộ nó nói chắc chắn lắm mà... năm sáu dấu hỏi trong lòng mọi người, nhất là rắc rối cho quan tư pháp. Vì thế vụ xử đành đình lại, và dĩ nhiên quan tư pháp tâu lên chúa thượng.
Vua và Hoàng hậu rất lấy làm lạ. Cho hỏi Đông cung cũng tức cười rồi vì tính hiếu kỳ ngài muốn đi cho biết.
Đại phàm việc gì vừa vừa, thì người ta mới tức bực chớ những cái không ngờ mà xảy ra thì họ tức cười hơn. Nhất là trong vụ nầy lại có nàng Dạ Lý

Hương. Cái nhan sắc khuynh thành của cô ca kỹ đã làm cho ba ngài quên đi cái bực mình. Thái tử, Đại thần, Phú ông ngồi nhìn sững Dạ Lý Hương nét mặt buồn của người đẹp càng đẹp lạ, các ngài đồng nghĩ: -- Không biết thằng bé này vô tâm hay hữu ý, mà nó khai kèm Dạ Lý Hương vào đây thật diệu kế. Thật thế nếu không có cô Dạ Lý Hương ngồi đó thì em bé phải biết tay ba ngài. Nhưng nhờ vậy, Hoàng tử khoan hồng hỏi Tiên Đình:
- Con có dại lấy chơi thì trả lại ta sẽ tâu Hoàng hậu tha tội cho, chứ sao con dám khai cho ta hử?
Trước mặt người đẹp dù sao Phú ông cũng không lẽ hung hăng, ông nhìn Tiên Đình:
- Nầy em, em ngó lại qua đây, có khi nào vào Hoàng cung đâu, huống chi chỗ phòng riêng của Hoàng hậu sao em lại khai rắc rối cho qua thế?
Dạ Lý Hương e lệ trước quý ngài, nàng cũng dịu dàng:
- Nầy em coi có bao giờ chị gặp em đâu mà em lại đi khai lựng lựng cho chị tội quá!
Trí Tuệ đại thần ngồi yên lặng, ông đang suy nghĩ: "Lạ thật, không biết ai bày mà nó lại khai ta với ba người nầy thật vô lý quá". Ông có ý tức nhưng khi nhìn thấy Tiên Đình thì ý tức giận của ông tiêu ngay. Mặt nó thông minh thế kia, xinh quá ai mà không yêu! Nó khai rắc rối cho người ta rồi ngồi tự nhiên tự tại. Ừ, sao nó không khai cho bọn cung nữ lính tráng trong cung, lại lựa bốn người nhất hạng trong nước mà khai? Lạ thật! Vậy để ta bình tĩnh suy nghiệm kỹ may ra manh mối chăng?
Từ khi nghe Thái tử bị liên quan vào việc này, tuy Hoàng hậu không nghi nhưng rất buồn, Ngài truyền nhiều lính Ngự lâm đi khắp nơi dọ hỏi. Mấy chục cung nhân giả dạng thường dân cũng phân đi các ngả dò xét.
Phú ông khi có lịnh quan mời, Phú bà rất lo sợ, một mặt sai gia nhân đi kiếm và bỏ tiền thuê người rải tán mọi ngả, đón đường để hỏi tìm.
Dạ Lý Hương một danh ca được nhiều vương hầu, bá tước để ý, nhưng nàng còn chưa ghé mắt xanh. Nay nghe Dạ Lý Hương bị bắt, các ngài bết bát cưỡi ngựa rong xe thân hành lùng khắp tất cả, từ thành nội thành ngoại, các thôn quê, những ngả đường, hiệu cầm đồ, nhà bán ngọc v...v... ai cũng tâm niệm cho mình tìm ra thì được người đẹp để ý.
Suốt mấy hôm Trí Tuệ đại thần không nhắm mắt, ông suy nghiệm mãi, rồi đến một hôm cách ba ngày sau ông tin cho quan bộ Hình biết là: -- xử vụ này phải mời cả Chúa thượng, Hoàng hậu cùng tất cả bá quan chứng kiến.
Hôm sau khi công chúng tề tựu đông đủ, Đại thần đứng lên dõng dạc hỏi:
- Tâu Thánh thượng, trong phòng Hoàng hậu trừ Tiên Đình ra, ngài có nuôi con vật nào không? Câu hỏi của Đại thần như một tiếng trống dội mạnh, cả hai vua đều thốt:
- À hay Lệ Nô? Có lẽ Lệ Nô.

Thế là một toán Ngự lâm vội vàng chạy vào hậu cung... thì trên một cây nhãn cành lá sum sê, đấy, gia đình của Lệ Nô, quả nhiên chuỗi ngọc treo tòn ten trên cành cao.
Lệ Nô là một con khỉ cái rất tinh khôn cũng được vua thương lắm. Thái giám dâng chuỗi ngọc ra, đức vua đưa lên cao cho mọi người xem. Ai cũng khen tài của quan Đại thần. Nhưng người ta không khỏi ngạc nhiên cái việc em bé khai, nhất là quan Đại thần Trí Tuệ. Ông liền xoay lại hỏi em vì lý do chi em khai như vậy?
Tiên Đình đứng lên hùng dũng thưa :
- Thân con thơ dại, tứ cố vô thân, may được vua thương cho vào hầu cận, rủi mất ngọc, Hoàng hậu nghi con cũng phải, vì cung ngài chỉ một mình con được ra vào. Đã bị nghi, nếu con nói quanh quẩn chắc các ngài nổi xung thế nào cũng bị tra tấn, con bé bỏng làm sao chịu được cực hình? E phải chết oan! Con nghĩ -- Nếu khai mạo cho Thái tử thì Hoàng hậu đủ uy thế, cung nga thể nữ nhiều, ngài sẽ cho đi tìm ngọc. Phú ông giàu sang địch quốc, nếu khai ông dính dáng vào vụ này thì Phú bà phải thuê người dò xét. Cô Dạ Lý Hương bị bắt thì các công tử nóng ruột thi nhau đi tìm dùm. Còn đại thần Trí Tuệ là quan công minh xưa nay, may nhờ trí sáng của ngài xét nghiệm có thể ra manh mối...
Mọi người đều ngạc nhiên và khâm phục trí thông minh của em. Có người cảm động đến rơi nước mắt.
Sau vụ tìm ra ngọc, vua, hoàng hậu càng thương quý, cho em học hành và dĩ nhiên Tiên Đình học rất thông minh, đến năm 20 tuổi thì văn võ toàn tài, hiện nay tức Lã Tiên Đình võ hộ giá của Hoàng đế Đại Lâm.
Cuộc lạp du (Đi săn bắn) hôm nay do Tiên Đình tổ chức đơn sơ, vì chàng đã tâu trước với đức vua nhân việc săn bắn ở Mã Lạp Sơn sẽ bàn nhiều quốc sự. Săn bắn là thú vui của ông vua gian hùng hiếu sắc ấy. Nhưng đã mấy năm nay, Tiên Đình lên giúp vua chàng thường can vua, không để vua chơi những trò hung bạo.
Thế mà hôm nay chàng lại tổ chức đi săn khiến vua ta rất bằng lòng. Màn sương còn đọng, bạc cả ngàn cây.
Hai con bạch mã song song trên đường thiên lý, hướng về Mã Lạp Sơn. Vua mặc thường phục, theo sau vài tên Ngự Lâm không xuất sắc.
Tiên Đình đăm chiêu nhìn khoảng đường khúc chiếc quanh co. Đã đôi ba phen chàng trả lời bâng quơ không ăn khớp câu hỏi của Chúa thượng. Nhưng bạo chúa làm sao đọc được những ý niệm tế nhị trong đôi mắt của vị thiếu niên anh tuấn ấy???
Rồi không hiểu sao? Hay chàng đã thấy gì? Bỗng nhiên Tiên Đình quất ngựa chạy, chạy mau, vua cũng chạy theo, ngựa chàng cứ phi lên, ngựa vua cũng thế, hai anh Ngự lâm bất giác cũng chạy theo nhưng không kịp nữa.

Con đường đến núi quanh co nhiều ngả quá, họ trông theo dấu bụi để tìm nhưng vẫn chịu tìm không thấy. Hai anh ngơ ngác nhìn nhau, được cái họ tin ở tài quan Võ hộ giá chắc không để Chúa thượng phải lâm nguy.
Hai chúa tôi nãy giờ cứ loanh quanh mãi tìm đường, nhưng càng tìm hình như lại càng đi sâu vào núi. Có lẽ xa lắm rồi, nơi đây không có dấu chân người. Vua hơi chột dạ, nhưng được Tiên Đình bình tĩnh nên ngài đỡ lo. Không biết đã mấy giờ? Cơn nắng lên cao lắm, xuyên qua những cành cổ thụ. Trên nét mặt Tiên Đình nổi lên nhiều đường gân, môi chàng mím lại... Vua mệt nhiều, mồ hôi ướt như tắm, ngựa cũng uể oải vì nắng gắt. Tiên Đình tâu vua xin dừng ngựa nơi đây cho định thần và đỡ mệt. Vua nằm dài trên tảng đá dưới cây cao rồi ngủ mê như chết. Chàng vén tay áo lên trong đôi mắt cháy đỏ vì hận thù... Phải chăng chàng đã thấy gì trong cánh tay nõn nà như ngọc chuốt ấy? Hai cái sẹo to nổi lên hai chữ "phục thù"... Rồi cả một khung cảnh diễn lại tuy mơ hồ từ ngày chàng còn bé... nhưng càng theo tuổi lớn lên lại rõ thêm.
Ngày ấy, khi vua cha bị Hoàng đế Đại Lâm chiếm ngôi, mẹ con chàng được một vị trung thần phò đi lánh nạn. Năm ấy Tiên Đình mới lên sáu, chàng còn nhớ câu nói đầy uất hận của phụ vương: "Than ôi! Nếu Hương Trinh là trai thì thù nầy mong báo được, ta vô phước sinh Hương Trinh, thôi còn nói gì nữa!?". Tuy mới 6 tuổi, Hương Trinh cũng biết tủi mình trước lời Phụ hoàng than. Không chịu nhục và bắt đầu nuôi chí nguyện, nàng khắc ngay hai chữ "phục thù" vào cánh tay để nhớ mãi.
Trong những ngày mẹ con lánh nạn, Hương Trinh nhớ rõ lắm. Nhớ những khi mẫu hậu cầm tay dặn con qua hơi buồn thảm: "Con ơi! Bốn năm trước khi Phụ hoàng bị cực hình, cha con có than: "Không con trai để phục thù" nhưng giờ đây mẹ lại mừng vì con là gái. Mẹ là Phật tử, được tắm trong bể cả từ bi của Phật, vì thế không bao giờ muốn con nuôi chí ấy. Lâu nay mẹ chờ con đủ trí khôn mẹ mới nói --Con ạ! Lấy ân trả oán thì oán mới tiêu, lấy oán trả oán, oán kết thêm nhiều, vả lại mẹ khuyên con nên thấy cảnh gia đình mình tan nát, thì đừng gieo rắc sự tan nát cho kẻ khác, mẹ chỉ khuyên con như thế... rồi vì không chịu được sơn lam chướng khí, Hoàng hậu đã băng hà trong núi sâu giữa đêm mưa gió tơi bời. Cựu thần an táng Hoàng hậu xong, rồi không lâu, tuổi già cũng đưa con người trung thần ấy về nơi cõi chết. Những tấm màn đen dầy đặc phủ lớp nầy lớp khác lên đời công chúa thơ ngây, mất lần hết những tình thương yêu.
Một mình Hương Trinh sống bơ vơ giữa núi rừng hoang vu. Trong huyết quản của Công chúa trộn lẫn hai dòng: Mẹ là Phật tử phụng sự từ bi, cha thuộc Bà La Môn giáo, tính cương quyết và hiếu chiến. Cương quyết của Công chúa giống cha. Hương Trinh cải trang (giả trai) rồi lần về đồng nội. Nhờ mặt đẹp ca hay đã tiến cử em sung vào ban nhạc kịch đồng ấu của tân

quân. Rồi mối thù cũng như tuổi tác mỗi ngày lớn lên. Hương Trinh chờ cơ hội. Và nàng đã sắp đặt cơ hội trong cuộc lạp du hôm nay.
14 năm nuôi chí nguyện, sống trong lo sợ hồi hộp, chịu nhiều oan trái... cơ hội chỉ đến trong giờ phút nầy.
Hương Trinh run lên, khi hình tướng tiều tụy của Phụ Hoàng nhìn mẹ con nàng lần cuối cùng. Nàng nóng bừng đôi má vì câu than của Tiên vương... Kẻ thù làm tan nát gia đình, tan nát hạnh phúc của nàng nằm sờ sờ trước mặt. Hương Trinh vận hết sức lực tuốt kiếm ra... Linh hồn Tiên Vương đang mỉm cười sung sướng vì thấy nàng không kém con trai.
Nhưng than ôi! Lưỡi kiếm sáng vừa ra khỏi vỏ thì bóng mẫu hậu hiền dịu hiện ra... "Mẹ là Phật tử được tắm trong bể cả từ bi mẹ không muốn con nuôi chí phục thù..." nghe cha thì bỏ mẹ, nghe mẹ thì phụ cha, hai chí hướng trái ngược của mẹ và cha dằng co trong lòng người con hiếu.
Tay bủn rủn, nàng cảm thấy thanh kiếm nặng nề cầm không muốn nổi. Nhưng hình ảnh Tiên Vương lại hiện ra, hai cánh tay người cha yêu quý bị kẻ thù trói chặt, nàng còn bé, nắm áo mẹ đứng xa xa, Mẫu Hậu vì khóc to đã bị lính nạt nộ. Nét mặt Phụ Hoàng tiều tụy, tiếng than đầy uất hận : "Ta vô phước sinh Hương Trinh! Thì còn mong gì?".
Mặt nàng nóng rần, khí hận xung lên, hiếu tâm kích phát dữ dội trong lòng. Hương Trinh rít lên: "Không thể dụ dự hèn yếu nữa, 14 năm trời ta chỉ trông có một chút nầy. Đại Lâm, ngươi phải đền tội. Ngươi đã giết Phụ Hoàng ta, ta phải giết ngươi, ngươi đã làm cho gia đình ta tan nát ta phải làm gia đình ngươi tan nát lại. Nghe chưa Đại Lâm!" Lưỡi kiếm Hương Trinh vừa chém mạnh xuống... thì ôi! Bàn tay hiền mẫu lại dịu dàng đưa ra:... "Con ạ, hãy lấy ân trả oán thì oán mới tiêu. Đem oán trả oán thì oán kết thêm nhiều... Mẹ không muốn con gieo rắc nỗi đau khổ cho kẻ khác...".
Hương Trinh tưởng tượng khi Đại Lâm chết, một nhóm cựu thần sẽ thời cơ khởi nghĩa giam Hoàng Hậu, hại Đông Cung v.v... gia đình tan nát... thêm vào đấy muôn dân đồ khổ điêu linh vì chiến tranh... ba, bốn năm nay từ ngày nàng giúp tay với kẻ thù để trị nước, mục đích nàng chỉ muốn trăm họ được an, nay nếu vì thù riêng, sẽ không khỏi xáo trộn cuộc sống thanh bình của quần chúng. Rồi vô số gia đình cũng tan nát theo... điều mà mẫu hậu không muốn, đã tha thiết khuyên nàng.
Hương Trinh nhẩm lại: "Ngươi đã giết cha ta, ta phải giết ngươi, ngươi đã làm gia đình ta tan nát, ta phải làm cho gia đình ngươi tan nát lại... Ồ sao mà hèn quá, ta nuôi chí nguyện 14 năm để làm cái việc hèn ấy ư".
Giọt nước Từ bi của Phật đã làm dịu ngọn lửa hận thù, tâm trí nàng lần lần bình tĩnh. Hương Trinh nhìn lại Đại Lâm, một ông già gần 60 tuổi, chòm râu đế vương điểm hoa râm tuy hãnh diện vênh lên, nhưng giấc ngủ vô minh đã làm con người thành thây chết. Nàng nghĩ-- Nếu ta hại người thất thế thật

không phải khí tượng anh hùng. Và lại ngai vàng đã dày vò tâm trí kẻ gian hùng không ít, mà thời gian cũng tàn phá sức lực ông đã nhiều rồi, đợi gì ta phải giúp thời gian kết liễu đời ông? Thôi ta tha cho.
Giấc ngủ nặng nề vì nặng nhọc nắng bức, Đại Lâm nằm nhừ, mồ hôi nhễ nhại, ông ú ớ trong mơ... Hương Trinh tra kiếm vào vỏ. Thức vua dậy:
- Tâu Chúa Thượng đường về hạ thần đã tìm ra.
Vua bàng hoàng mở mắt:
- Ồ may quá! Quả nhân vừa thoát cơn ác mộng.
Vua quẹt mồ hôi, tiếp:
- Quả nhân mơ thấy con gái cựu Hoàng vác kiếm đuổi trẫm.
Lã Tiên Đình buông mắt nhìn xa, trong nét thu ba của vị anh hùng căng quắc (con gái) đượm một vẻ buồn khó tả.
Chàng nhìn vua:
- Oai danh bệ hạ lừng lẫy bốn phương, một người con gái đuổi bệ hạ sợ chạy sao?
Vua vuốt râu chữa thẹn:
- Ừ mộng mị nhiều khi biến tướng (không thật, thấy lớn hoá nhỏ, nhỏ hóa lớn, v.v...).
Lã Tiên Đình nghiêm nét mặt:
- Nhưng giá như thật, Công Chúa tính chuyện phục thù thì Chúa Thượng nghĩ sao?
Linh tính đế vương cũng có một phần nào trong người con gái ấy. Đại Lâm ngờ vực nhìn Lã Tiên Đình, thấy vua thất sắc, chàng thương hại, rồi như một nhà hùng biện, Tiên Đình đứng lên kể hết sự tình...
Vua hoảng hốt kinh ngạc và cảm động trước cử chỉ cao thượng của Hương Trinh và đức độ từ bi của cựu Hoàng hậu... thần lương tâm đã trở về với con người tham vọng. Đại Lâm như một tội nhân, ông quỳ xuống:
- Quả nhân còn biết nói sao cho hết sự ăn năn của tội ác, thôi giờ đây trẫm xin giao lại đất nước để công chúa...
Tiên Đình vội đỡ vua dậy:
- Bệ hạ yên tâm, tôi sẽ đưa đường ngài về để phục vụ muôn dân, còn đất nước là của chung. Ngài làm cũng như tôi. Nhưng tôi chỉ khuyên Ngài-- muốn củng cố giang sơn phải triệt để thực hành phước thiện. Thưa Ngài, lấy nhân ái để giữ gìn đất nước là khí tượng của Thánh quân, lấy bạo tàn duy trì ngôi báu là hành động của bạo chúa.
Đại Lâm cúi đầu ngượng ngạo ông thở dài, Tiên Đình tiếp:
- Bệ hạ đừng ngại, trong Khế Kinh dạy -- có hai hạng người được Như Lai tán thán: 1- Là người biết sợ tội phước, tin nhân quả nên không bao giờ dám gây tội ác. 2- Là người trót làm tội ác, rồi biết sợ nhân quả mà ăn năn, nguyện chừa bỏ, mà lấy công chuộc tội, thi ân cứu khổ cho mọi người v.v...

cả hai đều được gọi là "đại trượng phu". Hối hận, hổ thẹn, cảm động, kính phục... xáo trộn trong lòng. Đại Lâm bơ phờ ngẩng nhìn Lã Tiên Đình với tấm lòng tri ân.
Trên đường về, lại song song hai ngựa, nhưng chúa tôi hai dòng tư tưởng khác nhau.
Buổi thiết triều hôm nay sao mà buồn bã thế? Quân vương bâng khuâng như mất đi một vật gì quý giá. Mọi người cũng đều mặc cảm như thiếu một cái gì quen biết lâu nay.
Nhưng khi câu chuyện Lã Tiên Đình là công chúa Hương Trinh đã công khai khi Hoàng đế Đại Lâm kể lại, thì bá quan đều chưng hửng cũng như sự kinh ngạc và cảm động kính phục chí khí đức độ của vị nữ anh hùng.
Đại Lâm tiếp:
- Thật thế, chỉ có lấy ân mà trả oán thì oán mới tiêu, lấy oán trả oán thì oán kết thêm nhiều. Nếu công chúa chiêu binh đem về phục thù thì trẫm không bao giờ chịu thua. Nhưng cựu Hoàng hậu đã dặn con: "Lấy nước từ bi dội lên lửa hận" thì quả nhân há không bằng một phu nhơn sao? Vậy trẫm cũng nhờ giọt nước từ bi rửa sạch lòng tham vọng... Thôi giang sơn trả về cho công chúa. Phiền các khanh ra dinh quan võ hộ giá thỉnh người vào đây.
Bá quan nôn nả ra đi. Nhưng đến nơi thì cửa văn phòng đóng chặt thanh bảo kiếm Tiên Đình thường mang, đã treo sẵn trước cửa, là câu trả lời dứt khoát việc không có mặt của nàng.
Phải chăng Hương Trinh biết trước nên nàng đã yên lặng giã từ ngai vàng để đi tìm một cái gì cao đẹp hơn?
Thích Nữ Thể Quán
"Lấy oán thù đáp oán thù,
Oán thù không dứt, niềm từ lại tiêu.
Lấy tình yêu, gọi tình yêu,
Sóng lên một gợn, thủy triều liền dâng."

Tôn giả Bạt Đà Lợi

Không phải lúc nào thuyết pháp Đức Phật cũng được mọi người hoan hỷ tín thọ phụng hành. Đôi khi ngài phải đương đầu với những kích bác của ngoại đạo, và ngay trong chúng Tỳ kheo đệ tử đương thời của Ngài, cũng có nhiều vị không hoan hỷ, nhất là khi Ngài đưa ra những học thuyết hay giới luật họ khó thật hành, vì còn nhiều ngã ái. Nhưng chính trong những dịp này, chúng ta mới được thấy rõ đức bình tĩnh của đấng Thiên Nhân Sư. Ngài không bao giờ tỏ ra mất kiên nhẫn, đối với những kẻ cứng đầu.
Một thời khi đức Thế Tôn ở Kỳ Viên tịnh xá, Ngài gọi các Tỳ kheo bảo:
- Nầy các Tỳ kheo, hãy ăn chỉ một bữa trong ngày, chỉ ngồi ăn một lần rồi

thôi. Nhờ ta chỉ ăn một bữa trong ngày, ngồi ăn một lần, ta cảm thấy ít bịnh ít não, nhẹ nhàng có sức và yên vui. Do vậy, nầy các Tỳ kheo, các ngươi chỉ nên ăn một lần, thì sẽ cảm thấy ít bịnh ít não, nhẹ nhàng có sức và an vui.
Khi nghe vậy Tôn giả Bạt Đà Lợi bạch Phật:
- Bạch Thế Tôn, con không thể chỉ ăn một bữa, ngồi ăn một lần, ăn như vậy con sẽ thấy nhiều phiền não, hối tiếc, ân hận, mất sức và buồn rầu.
- Vậy nầy Bạt Đà Lợi, khi nào ai mời ăn, ngươi hãy ăn tại chỗ một ít, còn một ít đem về để ăn sau. Ngươi có thể ăn như vậy mà sống qua ngày được không?
- Bạch Thế Tôn, con cũng không thể làm được. Bạch Thế Tôn, ăn như thế con cũng cảm thấy nuối tiếc, ân hận.
Trong mùa an cư ấy, Tôn giả Bạt Đà Lợi luôn luôn lánh mặt Phật, vì đã không chấp hành học giới Đức Đạo Sư chế định cho chúng Tỳ kheo. Khi giải hạ, Tôn giả đi đến chúng Tỳ kheo để thăm viếng. Những vị này đang ngồi may một tấm y Tăng Già Lê cho Đức Thế Tôn. Khi thấy Tôn giả Bạt Đà Lợi, chúng Tỳ kheo nói:
- Tấm y này đang làm cho Đức Thế Tôn, sau khi làm y xong, Thế Tôn sẽ du hành. Hiền giả hãy suy nghĩ lại về trường hợp vi phạm học giới của hiền giả để đến sám hối với Đức Đạo Sư, chớ để về sau lại càng khó khăn cho hiền giả.
- Thưa vâng, chư hiền.
Tôn giả Bạt Đà Lợi vâng lời chúng Tỳ kheo đi đến Đức Đạo Sư, đảnh lễ và bạch rằng:
- Bạch Thế Tôn, một lỗi lầm đã chiếm đoạt con, con thật ngu ngốc, thật si mê, thật bất thiện. Trong khi chúng Tỳ kheo tuân hành học giới đã được Thế Tôn chế định, thì con lại tuyên bố mình bất lực. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận cho sự sám hối của con, để có thể ngăn chừa trong tương lai.
- Nầy Bạt Đà Lợi, đúng như vậy, một lỗi lầm đã chiếm đoạt ngươi, ông thật ngu ngốc si mê, bất thiện khi tuyên bố sự bất lực của ông đối với học giới đã chế. Nầy Bạt Đà Lợi, trong thời gian ấy, ông đã không ý thức được rằng, bậc Đạo sư đã biết ta là bậc Tỳ kheo không thực hành học giới trọn vẹn. Ông không ý thức rằng một số đông Tỳ kheo đến an cư tại Xá Vệ, sẽ biết mình là một Tỳ kheo không thực hành trọn vẹn học giới. Ông không ý thức rằng, một số đông Tỳ kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sẽ biết đến một thượng tọa Tỳ kheo là Bạt Đà Lợi, là đệ tử của Sa môn Gotama, không thực hành trọn vẹn học giới.
- Bạch Thế Tôn, thật sự một lỗi lầm đã chiếm đoạt con. Mong Thế Tôn nhận cho sự sám hối của con, để có thể ngăn chừa trong tương lai..
- Nầy Bạt Đà Lợi, khi một vị Tỳ kheo đã chứng câu phần giải thoát hay Tuệ giải thoát, hay Thân chứng, hay Kiến đạo, hay Tín thắng giải, hay Tùy pháp

hành, hay Tùy tín hành, khi đã chứng một trong bảy địa vị ấy, được ta bảo rằng, hãy lấy thân mình làm cầu trải cho ta đi qua đám bùn, vị ấy có vâng lời hay tránh né, bảo "Không".
- Bạch Thế Tôn, vị ấy vâng lời.
- Nầy Bạt Đà Lợi, vậy ông là gì trong thời gian ấy mà cãi lời ta? Ông đã chứng Câu phần giải thoát hay Tuệ giải thoát, hay Thân chứng, hay Kiến đạo, hay Tín thắng giải, Tùy pháp hành, Tùy tín hành.
- Bạch Thế Tôn, không.
- Vậy có phải ông là kẻ rỗng tuếch, mà lại ương ngạnh không?
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận cho sự sám hối của con, để ngăn chừa về sau.
- Nầy Bạt Đà Lợi, vì ông thấy rõ lỗi lầm, và như pháp phát lộ, chúng ta sẽ chấp nhận cho ông. Vì rằng, nầy Bạt Đà Lợi, như vậy là sự lớn mạnh trong giới luật bậc thánh, nghĩa là bất cứ ai, sau khi thấy rõ lỗi lầm, phải như pháp phát lộ và ngăn chừa trong tương lai.
Nầy Bạt Đà Lợi, khi một vị Tỳ kheo không thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư, thì dù vị ấy sống trong rừng núi hoang vu với hy vọng chứng được pháp môn hơn người, vị ấy cũng không chứng được, vì bị Đạo Sư quở trách, các vị đồng phạm hạnh có trí quở trách, bị chư thiên quở trách, và tự mình cũng quở trách mình.
Nhưng nầy Bạt Đà Lợi, nếu vị Tỳ kheo nào thực hành trọn vẹn giới luật trong giới pháp của bậc Đạo sư, thời vị ấy có thể chứng được các pháp thượng nhân, vì vị ấy không bị Đạo sư quở trách, không bị chư thiên quở trách, và không bị chính mình quở trách. Vị ấy có thể chứng sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, cho đến tứ thiền, và với tâm định tĩnh, thuần tịnh vô nhiễm, vô phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vị ấy hướng tâm đến túc mạng minh, nhớ được nhiều đời trước của chúng sanh, biết người hạ liệt, kẻ cao sang đều do hạnh nghiệp của chúng. Vị ấy có thể hướng tâm đến lậu tận trí, trừ được dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, nhờ đã thực hành trọn vẹn các học giới trong giới Pháp bậc Đạo Sư.
- Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì, có người được chúng Tăng giải tội một cách mau chóng, có người lại không?
- Nầy Bạt Đà Lợi, nếu một vị Tỳ kheo thường phạm giới tội, khi bị cử tội lại tỏ ra bất phục, không có thiện chí sửa đổi, vị ấy không được giải tội mau chóng.
Nếu vị Tỳ kheo ít phạm giới tội, nhưng khi phạm và bị chúng Tăng cử tội, lại tỏ ra phẫn nộ, bất mãn, thì chúng Tăng cũng không giải tội mau chóng.
Nếu vị Tỳ kheo thường phạm giới tội, khi bị cử tội tỏ ra ăn năn lỗi lầm, vị ấy được giải tội mau chóng.
Nếu vị Tỳ kheo ít khi lỗi lầm, nhưng khi bị cử tội, lại ăn năn chừa bỏ, thì

chúng Tăng giải tội người đó mau chóng.
Nhưng khi một vị Tỳ kheo chỉ còn sống trong Tăng chúng với chút ít lòng thương, chút ít lòng tin, thì Tăng chúng không kết tội người ấy, vì không muốn mất chút ít lòng thương còn lại nơi vị ấy.
Nầy Bạt Đà Lợi, cũng như người chỉ còn một con mắt, thân bằng quyến thuộc của người ấy sẽ lo bảo vệ con mắt còn lại của người ấy, không để cho nó bị đoạn diệt.
Tăng chúng đối xử với Tỳ kheo chỉ còn chút ít lòng tin cũng thế. Do nhân duyên ấy, có khi chúng Tăng giải tội mau chóng, và có trường hợp chúng Tăng không kết tội một vị Tỳ kheo, khi vị ấy chỉ còn một ít tình thương đối với chúng Tăng.
- Bạch Thế Tôn, vì sao ngày xưa, học giới ít mà có nhiều Tỳ kheo ngộ nhập chánh trí, còn ngày nay học giới nhiều, mà Tỳ kheo nhập chánh trí rất ít?
- Nầy Bạt Đà Lợi, khi diệu pháp sắp diệt thì học giới nhiều mà Tỳ kheo ngộ nhập thì ít. Khi hữu lậu pháp chưa sanh khởi trong Tăng chúng, thì bậc Đạo sư không chế giới làm gì. Chỉ khi hữu lậu pháp sanh khởi, bậc Đạo sư mới chế giới luật để đối trị.
Khi nào thì hữu lậu sanh khởi? Ấy là khi Tăng đoàn lớn mạnh, đông người, khi Tăng chúng có nhiều quyền lợi, khi Tăng chúng bắt đầu có danh tiếng, khi Tăng chúng bắt đầu đạt đến địa vị kỳ cựu. Khi ấy bậc Đạo sư mới chế định giới luật để đối trị các pháp hữu lậu ấy. Nầy Bạt Đà Lợi, khi các người còn số ít, ta đã giảng thí dụ con ngựa tốt, ngươi có nhớ không?
- Bạch Thế Tôn, không.
- Nầy Bạt Đà Lợi, tại sao vậy?
- Bạch Thế Tôn, bởi vì trong một thời gian dài con đã không thực hành trọn vẹn các học giới trong giáo pháp bậc Đạo sư.
- Bạt Đà Lợi, không những chỉ có vì như vậy mà thôi, còn vì lý do này nữa: là trong khi ta thuyết pháp ngươi không có để tâm, chú ý, không nghe pháp với cả hai lỗ tai của ngươi. Vậy ta sẽ giảng lại cho ngươi, hãy nghe và suy nghiệm kỹ.
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.
- Nầy Bạt Đà Lợi, như người luyện một con ngựa tốt, trước hết phải tập cho nó quen với dây cương. Khi nó đã thuần thục với dây cương lại tập cho nó quen với yên ngựa, kế đó quen với sự diễn hành, rồi tập đi vòng quanh đi bằng đầu móng chân, phi nước đại, chơi các trò vương giả, vương lực, tốc lực tối thượng và cuối cùng trang sức đẹp đẽ cho nó. Con lương mã trở thành một báu vật của vua chúa.
Cũng vậy, nầy Bạt Đà Lợi, một Tỳ kheo thành tựu mười pháp thì trở thành người đáng cung kính cúng dường: ấy là thành tựu vô học chánh tri kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh

mạng, vô học chánh tinh tấn, vô học chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh trí, vô học chánh giải thoát. Nầy Bạt Đà Lợi! Một vị Tỳ kheo thành tựu mười pháp này sẽ là phước điền vô thượng của thế gian.
Sau khi Đức thế Tôn thuyết giảng, Tôn giả Bạt Đà Lợi hoan hỷ tín thọ lời thế Tôn dạy.
Thích Nữ Trí Hải
"Chút phước mọn hôm nay gần bóng Phật
Con nghe như dìu dịu một mùi hương
Và, phảng phất một tình thương êm ấm
Qua huyết quản rộn ràng dâng mạch sống
Con tự nhủ qua rồi cơn ác mộng
Và theo Ngài vượt khỏi bến trầm luân
Xin cho con một tiềm lực tinh thần
Để vững thắng giữa trần ai phiền não."

Mở mắt chiêm bao

Thuở xưa, có một chú Sa Di tên là Tăng Hộ. Tăng Hộ xuất gia cùng vị Thầy tế độ - Một vị A La Hán nguyên là cậu ruột của chú.
Hôm nọ, Tăng Hộ được thí chủ dâng cúng cho hai xấp vải thật đẹp. Chú mừng lắm, định đem về dâng Thầy để tỏ lòng biết ơn và kính mộ của mình. Ngờ đâu khi mới mở lời, ông Thầy của chú đã gạt phắt đi.
- Thôi ta đã đủ ba y rồi. Con hãy giữ lấy mà xài hoặc dâng cúng vị nào còn thiếu.
Chú Tăng Hộ năn nỉ đến ba lần, nhưng Thầy chú vẫn một mực từ chối. Tăng Hộ đâm ra buồn rầu, bực bội, vừa đứng quạt hầu cho Thầy, chú vừa để dòng tư tưởng trôi lan man... "Mình tứ cố vô thân chẳng có ai để nương tựa... chỉ có cậu mình là người thân nhất trên đời. Vậy mà cậu cũng không thương ta... Vậy ta còn sống ở đây làm chi cho bận lòng ổng. Ta đã năn nỉ ổng đến ba lần mà ổng cứ lạnh lùng từ chối... Thôi ta đi khuất mắt cho rồi. Nhưng ta đi đâu bây giờ? Lấy gì mình sinh sống? À! Phải rồi! Mình sẽ bán hai xấp vải lấy tiền mua một con bê... để nuôi. Hằng ngày mình dắt bê đi ăn cỏ bên vệ đường vừa thanh nhàn, vừa ít tốn kém. Loài thú này sinh sản rất mau nên chừng vài năm là mình đã có cả một bầy gia súc. Mình sẽ bán bớt đi để tậu nhà cửa, ruộng đất giường chõng... đồ đạc trong nhà cho khang trang và đến lúc trưởng thành mình sẽ cưới một cô vợ. Khi đứa con đầu lòng chào đời mình sẽ bế nó đến quy y với cậu mình... Ờ! Thằng bé mới kháu khỉnh làm sao... Đường xa trời nắng, ngó bộ mụ vợ đã mỏi tay ta bảo:
- Đưa thằng cu anh bế cho.
Nhưng nó không nghe, cứ dành ẵm trên tay, bất chợt... mụ vợ vấp một rễ

cây, thằng bé rớt xuống đất... giận quá... ta với lấy một cành cây, gõ cho mụ vợ một cái nên thân:
- Đã bảo đưa ta bế cho mà cứ không nghe cái thứ đàn bà hư... chỉ biết có cãi lời...
Dòng suy tư của chú Sa Di còn đang tiếp tục trôi chảy như thế thì bỗng nhiên chú nghe tiếng nói điềm đạm của Thầy chú vị La Hán cất lên :
- Nầy chú! Chú đánh không trúng cái mụ vợ hư thân ấy đâu, mà lại trúng ngay cái đầu trọc của ta, kêu cái "tróc" đây nầy.
Tăng Hộ bừng tỉnh cơn mơ chú hốt hoảng co giò chạy vừa ngẫm nghĩ:
- Chết rồi ta nghĩ gì trong bụng ổng biết hết trọi... phải chạy cho lẹ mới được.
Thấy chú khi không bỏ chạy như ma đuổi, các bạn chú vội vã rượt theo bắt lại được. Đương sự được dẫn đến gặp Đức Phật.
Sau khi nghe rõ đầu đuôi câu chuyện. Ngài an ủi chú Tiểu:
- Nầy chú! Cái tâm của phàm phu thường hay lén lút đi chơi như thế, nó thường đi rất xa, vô hình vô dạng... Người thiện trí nên khéo léo như gã mục đồng dùng dây xỏ mũi con trâu hoang, dẫn nó về chuồng cũ. Chăn dắt đến lúc nào buông lơi dây mà nó không lén đi rong nữa mới tạm yên…
- Được lời dạy dỗ của Đức Thế Tôn, chú Tăng Hộ bình tĩnh ở lại Tu Viện và tu cho đến ngày đắc quả A La Hán.
Tuy lâu chú vẫn bị lâm vào cảnh "mở mắt chiêm bao" nhưng không khi nào chú trở cán quạt gõ vào đầu Sư phụ như lần trước, vì chú đã biết cách chăn trâu và cột trâu rồi.
"Loay hoay đã nửa kiếp người
Thu bay trên những nụ cười xanh xao.
Rõ ràng mở mắt chiêm bao
Biết như mộng huyễn vẫn đau xé lòng".

Đại bố thí

Tại nước Tỳ Xá Ly trong vườn cây Sa La, Đức Thế Tôn hỏi A Nan:
- Đối với những người đã chứng đắc tứ thần túc, thì mạng sống được một kiếp, còn như Ta đã chứng đắc tứ thần túc, còn phải hành trì giới đức, vậy thì A Nan có biết rằng Như Lai sẽ sống được bao nhiêu chăng?
Thế Tôn hỏi luôn ba lần như vậy, nhưng khi ấy A Nan bị ma ba tuần che kín tuệ căn nên vẫn ngồi im lìm, chẳng trả lời cho Phật.
- Nầy A Nan, thầy hãy đi vào rừng, nơi thanh vắng, tịch tịnh mà tư duy thiền định.
Sau khi A Nan đi rồi, ma ba tuần liền hấp tấp vô ngay, đứng trước Phật bạch với Đức Thế Tôn:

- Ngài xuất hiện ở đời đã lâu rồi, hóa độ vô lượng chúng sanh, làm lợi cho Chư thiên và nhân loại nhiều như cát sông Hằng, nay tuổi già yếu rồi Ngài còn luyến tiếc gì nữa, hãy vào Niết bàn cho yên tĩnh thân tâm, khỏi phiền lụy cho lũ chúng tôi nhờ. Đi Ngài, Ngài hãy vào Niết bàn đi.
Nghe ma ba tuần nói vậy, Thế Tôn bèn cạy chút đất để trên đầu móng tay, hỏi Ba tuần rằng:
- Đất trên đầu móng tay của ta nhiều, hay đất trên đại địa nầy nhiều?
- Dĩ nhiên đất trên đại địa nầy nhiều hơn đất trên đầu móng tay của Thế Tôn rồi.
- Cũng vậy, ba tuần, chúng sanh vô lượng, hằng hà sa, chẳng thể tính toán, còn trôi lăn trong ba đường sáu nẻo nhiều như đại địa kia, còn đối với chúng sanh mà Ta đã hóa độ thì thương thay rất ít oi, như đất trên đầu móng tay nầy. Nhưng nay cơ duyên hóa độ đã mãn, giáo pháp Ta đã truyền xong, Ta sẽ vào Niết bàn trong vòng ba tháng nữa. Ngươi đừng lo.
Ba tuần nghe Phật đã hứa, mừng rỡ rồi lui ra.
Khi ấy, A Nan vào rừng sâu, nơi tịch tĩnh, nhập thiền định nhưng cũng bị loạn động. Chợt thấy một thân cây to lớn, che rợp cả hư không, cành nhánh xanh um, trái hoa tươi tốt, điều thiện ích của cây vi diệu vô cùng.
Bỗng nhiên, từ đâu thổi đến một trận cuồng phong mãnh liệt, đánh tan tác những chiếc lá xanh tươi, cành nhánh gãy rụng tơi bời, những đóa hoa tơi tả, những chiếc quả vỡ đôi lăn lóc, làm chấn động tinh thần A Nan, A Nan bừng tỉnh. Trống ngực hãy còn dồn dập, toàn thân nổi da gà, sửng sốt bàng hoàng. A Nan thầm nghĩ: "Cây đại thọ tỏa rợp bóng mát xanh tươi đã xoa dịu nổi nắng gió cho mọi người, làm mát cơn nắng hè gay gắt, rồi tại sao lại bị một trận cuồng phong ác liệt đánh tơi tả như vậy? Như Đức Thế-Tôn là đấng Đạo sư của Trời, Người làm lợi ích cho chúng sanh, một lòng thương tưởng cho đời, cũng giống như đại thọ, nay phải chăng Đức Thế Tôn sắp vào Niết bàn nên đất trời chấn động? A-Nan liền đi thẳng vào tịnh xá, bạch Phật:
- Kính bạch Thế Tôn! Con vừa mơ thấy một ác mộng: trong khu rừng kia có một đại thọ sum suê hoa lá, là nơi trú ngụ của muôn chim, chốn nhà cửa của muôn loài, vậy mà từ đâu một trận gió thổi tới làm rơi rụng tiêu điều có phải chăng là điềm Thế Tôn sắp vào niết bàn?
- Thật vậy, này A-Nan, sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết bàn, vì hồi nãy Ta đã nói với Thầy là người đã chứng tứ thần túc rồi có thể duy trì tuổi thọ một kiếp còn Ta do đức lực tu hành và đã chứng tứ thần túc vậy tuổi thọ được bao nhiêu? Ta đã hỏi ba lần như vậy, nhưng thầy vẫn im lặng, nên ma ba tuần đã thỉnh ta vào Niết bàn.
Như sét đánh ngang tai, A Nan choáng váng quá lo sợ, quá buồn khổ. Giờ đây Thế Tôn vào Niết bàn, chúng sanh biết nương dựa vào đâu? Con mắt thế gian sắp mất rồi.

Tin Phật sắp nhập niết bàn được truyền ra, hàng đệ tử vị nào cũng buồn bã, lo âu. Thấy vậy Thế Tôn bảo:
- Tất cả mọi vật trên thế gian này đều bị luật vô thường chi phối, nay còn mai mất, có cái sự gì là bất biến, nhất định đâu. Ta vì chúng sanh mà thị hiện ra đời, nay sự hóa hiện đó đã mãn thì ta vào nơi tịnh mặc, có gì mà các thầy phải khóc lóc, lo buồn. Điều Ta cần lưu ý các thầy, là phải chăm lo tu niệm để tự mình giải thoát vòng luân hồi sanh tử.
Lúc ấy Tôn-giả Xá Lợi-Phất than rằng: "Than ôi! Con mắt của thế gian đã đến ngày diệt tận, bóng tối tăm lại bao trùm nhân thế. Như-Lai sắp vào niết bàn, thật thảm thương cho chúng sanh hết chỗ cậy trông".
Rồi quỳ xuống bạch Thế Tôn :
- Kính lạy đức Đạo sư chí kính, con không nỡ lòng nào để nhìn thấy sự ra đi của Thế Tôn vào nơi tịch mặc vĩnh viễn. Vậy cúi mong Thế Tôn hoan hỷ cho con được vào Niết bàn trước.
- Nầy vị thầy Trí Tuệ, thầy hãy làm việc gì mà thầy nghĩ là đúng thời. Nhưng thầy biết tất cả các bậc hiền thánh rồi cũng đều tịch diệt.
Nghe Thế Tôn nói xong, Xá Lợi Phất đi quanh Phật ba vòng, cúi lạy sát đất lấy chân Phật để lên đầu ba lượt mà bạch rằng:
- Kính lạy đức Đạo sư của trời người, hôm nay là lần cuối cùng con xin từ biệt Thế Tôn. Xin Thế Tôn hãy khoan vào Niết bàn, vì lòng thương tưởng chúng sanh. Nói rồi cúi đầu cung kính lui ra.
Xá Lợi Phất trở về La Duyệt Kỳ nơi sinh quán, Sa di Quân Đề tin cho vua và các thân tín đều biết.
Khi ấy, Vua A Xà Thế biết Tôn giả Xá Lợi Phất sắp vào Niết bàn, tự thốt lên rằng: "Tôn giả Xá Lợi Phất là một kiện tướng trong Phật Pháp, than ôi! Ngài nhập niết bàn sao mà sớm vậy? Giờ biết lấy ai chấn chỉnh tà ma?
Mọi người từ Vua quan đến dân chúng ai cũng đều biết và kéo đến vây quanh Ngài và nói rằng:
- Kính lạy Tôn giả, xin Tôn giả hãy thương xót chúng con, Ngài vào Niết bàn rồi lũ chúng con đây bơ vơ như con mất cha, như gà mất mẹ chiu chít ngóng trông, chẳng chốn nương thân, không bề trông cậy. Tôn giả hãy đoái thương.
- Các Phật tử, Ta thương các ngươi lắm chứ, nhưng đến lúc Ta phải vào Niết bàn, các ngươi chớ buồn, tất cả muôn vật trên thế gian này đều trong định luật vô thường, đều phải tan rã. Vậy các ngươi hãy gieo căn lành, trồng điều thiện lợi để nhờ duyên lành đó mà sanh ra đời được gặp Phật tại thế, để chăm tu phước nghiệp cầu giải thoát sanh tử luân hồi.
Tùy theo căn cơ quần chúng, Tôn giả đi từ thấp lên cao mà giảng giải thuyết nghĩa an vui, lợi ích, khiến cho họ có kẻ đắc sơ quả, có người chứng A La Hán, thân tâm vắng lặng, an hòa, lễ tạ rồi lui.

Giờ này đã quá nửa đêm, Tôn giả đang tĩnh tọa vào thiền định: nhập Sơ thiền, rồi từ Sơ thiền lên Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền, từ cõi Tứ thiền hướng đến Vô lượng Không xứ, rồi từ Vô lượng Không xứ hướng đến Vô lượng Thức xứ, từ Vô lượng Thức xứ hướng đến Vô sở Hữu xứ, từ Vô sở Hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng, Phi Vô tưởng xứ rồi nhập vào định Diệt tận và Bát niết bàn.
Sau khi Xá Lợi Phất xả báo thân, trời đất rúng động, chư thiên Đế thích, quyến thuộc hàng trời, mang hương, dâng hoa cúng dường. Đế Thích nhìn thấy báo thân Tôn giả mà bùi ngùi: "Tôn giả trí tuệ rộng sâu như trời cao, như biển rộng biện luận ứng cơ mau như chớp loáng, âm thanh như nước chảy, giới định tuệ hoàn toàn là một dõng tướng trong Phật pháp, thay Phật để chuyển pháp luân, nhưng giờ này Ngài đã Bát niết bàn rồi, kể từ đây nhân thiên lại tăm tối".
Rồi từ thành thị đến thôn quê, người ngoài đông như mở hội, hoa hương tràng phan, bảo cái rợp đường, nhưng có điều rõ nhất là trên đôi mắt người nào cũng đẫm lệ, trong lòng âm thầm thương tiếc một bậc Tôn túc tuyệt luân đã vào nơi vắng lặng.
Phạm Thiên Vương và Tỳ Thủ Yết La cưỡi xe trời bay xuống, theo sau là sáu bộ chúng. Đế Thích sai quỷ Dạ Xoa ra biển lấy gỗ chiên đàn, gỗ ngưu đầu về chất thành một đống, đổ dầu Tô, phóng hỏa thiêu báo thân Tôn giả. Ngọn lửa rực lên, như một lần bừng sáng rồi phụt tắt.
Đốt xong, mọi người đều bái tạ lui về. Chờ cho ngọn lửa nguôi, Sa di Quân Đề thâu tóm Xá Lợi của Thầy và y bát đem về bạch Phật.
- Kính lạy Đức Thế Tôn, Thầy con là Xá Lợi Phất đã nhập Niết bàn, và đây là Xá Lợi, y bát, xin Thế Tôn chứng minh.
Khi ấy A Nan đứng hầu Phật thấy cảm động quá, liền quỳ xuống bạch Thế Tôn :
- Tôn giả Xá Lợi Phất là bậc thượng tôn trưởng lão, ấy mà Ngài đã vào Niết bàn rồi, mai này Thế Tôn lại tiếp tục xả báo thân nữa thì chúng con còn lại biết nhờ ai?
- Tuy Xá Lợi Phất nhập niết bàn nhưng pháp thân vẫn thường hiển hiện, vì Xá Lợi Phất không muốn thấy Ta Niết bàn nên đi trước ta. Này A Nan, không phải chỉ đời này là như vậy, mà ở đời quá khứ cũng vậy.
*
Thuở xưa, đã lâu lắm rồi, cũng tại Diêm Phù Đề này, có vua tên là Chiên Đàn Bà La Tỳ, thống lãnh tám vạn ngàn nước nhỏ, sáu muôn núi sông, tám muôn ức tụ lạc. Ông có hai muôn phu nhân và Thế nữ, bà thứ nhất tên là Tu Ma Đàn, một vạn quan đại thần, quan lớn nhất tên là Ma Chiên Đà, năm trăm Thái tử, người thứ nhất tên là Thi La Bạt Đà.
Thành này chu vi ngang dọc bốn trăm do tuần, làm thuần bằng vàng bạc, lưu

ly, pha lê, đầy đủ mọi vật báu, trong nước an cư lạc nghiệp, dân chúng vui mừng, sung túc.
Một hôm vua ngồi trên bảo điện, chợt nghĩ như vầy: "Người ta ở trên đời được tôn vinh phú quí, chắc do quả báo tu nhân tích đức ở đời trước lưu lại. Cũng như kẻ làm ruộng, mùa Xuân phải mất công cầy bừa, gieo mạ cấy lúa, tới mùa Hạ, mùa Thu gặt hái được thóc gạo đem về ăn uống. Nếu mùa Xuân chẳng lo cấy cầy, thì kết quả mùa Hạ, mùa Thu chẳng có lúa đâu thu hoạch. Cũng vậy, Ta đời trước có tu phước lành, nên đời này hưởng quả tốt đẹp, nếu bây giờ Ta lại không tiếp tục tu phước bố thí nữa thì đời sau lấy chi thọ hưởng". Nghĩ vậy, liền sắc quan mở kho đem tiền bạc, lụa là bố thí cho toàn dân và vua cũng ra lệnh cho tám vạn bốn ngàn vua kia cũng mở kho chẩn bần, bố thí.
Mệnh lệnh được truyền đi khắp nơi, từ thành thị đến thôn quê, hay hang cùng ngõ hẻm nào cũng biết vào ngày ấy vua xuất kho bố thí, nên mọi người kéo đến kinh thành đông như kiến cỏ. Người mạnh cõng kẻ yếu, người sáng dắt kẻ mù, lần lượt nhà vua phân cấp tiền gạo, áo quần đầy đủ. Tứ đó muôn dân được an nhàn hỷ hả. Danh đức nhà vua lừng lẫy, tiếng khen đồn khắp bốn phương.
Thì cũng thời đó, có một ông vua nước nhỏ ở bên cạnh tên là Tỳ Ma Tư Na thấy nhân dân ca tụng và cảm phục oai đức Vua Chiên Đàn Bà La Tỳ, sanh lòng ganh ghét, ngày quên ăn đêm quên ngủ, ông thầm nghĩ mưu toan sát hại: "Nếu ta không tiêu diệt được lão vua kia, oai danh vang lừng trời đất, như vậy ta làm sao hiển danh trời đất, như vậy ta làm sao hiển đạt cho được". Nghĩ xong, ông liền thi hành ngay độc kế, ra lệnh triệu tập hết thảy các thày Bà La Môn trong nước, nhà vua kính trọng cúng dường lễ bái. Sau rồi vua trình bày:
- Thưa các thầy Bà La Môn, tôi có một việc đáng lo, đến nỗi ngày quên ăn, đêm quên ngủ, quý ngài có kế chi để giải quyết cho chăng?
- Tâu bệ hạ, có việc chi xin cứ nói, nếu giúp được chúng tôi sẽ giúp.
- Thưa các ngài, hiện nay vua Chiên Đàn Bà La Tỳ được muôn phương mến phục, phúc đức lớn lao, đó là điều đáng ngại cho tôi về sau này, vậy các ngài có phép chi cứu giúp giùm tôi để trừ khử ông vua ấy.
- Tâu bệ hạ, vua Đàn Bà La Tỳ là người có đức lớn, thương dân như thương con, dân coi vua như bậc cha mẹ, chúng tôi nỡ lòng nào mưu tâm sát hại, thà chịu chết chớ không bao giờ giết người hiền lương. Nói xong tất cả người Bà La Môn đều kéo nhau về.
Vua Tỳ Ma La cảm thấy bực mình, vì công việc chẳng như ý, liền hạ chiếu cho toàn nước biết:
- Ai có khả năng lấy đầu vua Đàn Bà La Tỳ mang về đây, vua sẽ gả con gái và phân nửa nước cho cai trị.

Thời đó có một người Bà La Môn tên là Lao Độ Sai, tu luyện ở núi nghe vua rao truyền như vậy, bèn đi đến ra mắt vua, và xin đi lấy đầu vua Đàn Bà La Tỳ. Nghe nói vậy, vua hớn hở, vui mừng.
- Nếu khanh làm việc tốt, sứ mệnh hoàn thành, ta sẽ giữ đúng lời hứa. Vậy khi nào khanh đi, xin cho biết.
- Hẹn bệ hạ bảy ngày nữa. Nói xong từ tạ về rừng, quyết tâm liên tiếp bảy ngày, trì chú hộ thân.
Qua bảy ngày, ông lại đến cung vua, và được cung cấp lương thực, tiền lộ phí để lên đường. Trước khi đi ông còn ngoảnh lại nói rằng:
- Bệ hạ an lòng, tôi thề: "Nếu không lấy được đầu vua, quyết chẳng trở lại nơi này".
Khi đó, trong nước vua Đàn Bà La Tỳ, có những điềm chẳng lành xuất hiện: như động đất, chớp giật, sao băng, sấm động, ban ngày sương khói mờ mịt kéo giăng, sao chổi mọc, mưa đá, sét đánh tứ tung, các loài chim kêu thảm thiết trên không, và tự nhổ lông rơi đầy mặt đất. Hổ báo, sài lang tự đâm mình xuống hố, kêu gào thảm thiết. Tám vạn bốn ngàn ông vua nước nhỏ đều nằm mộng thấy cánh phướn vàng của nhà vua bị gãy, trống vàng bị thủng. Còn chính tự thân vua Đàn Bà La Tỳ mơ thấy ác quỷ cướp mũ vàng của mình mang đi. Trên nét mặt mọi người cảm thấy lo âu, chẳng hiểu vì sao lại có những điềm bất tường như vậy.
Khi ấy thần coi thành biết ý định của Lao Độ Sai đến xin đầu vua, nên thần hóa phép làm tâm trí Lao Độ Sai cuồng loạn, không biết lối vào cung, cứ luẩn quẩn bên ngoài thành mà thôi.
Thấy vậy, các vị trời ở Tịnh Cư Thiên báo cho vua hay:
- Bệ hạ phát tâm bố thí, nên hiện giờ có người đến xin, nhưng ở bên ngoài thành không vào được.
Nhà vua thức dậy, ngạc nhiên hỏi cận thần:
- Ai ngăn cản dân chúng đến xin đồ cấp phát, ông hãy ra ngoài xem sao.
Ra cổng thành, nhìn bốn phía ngơ ngác, quan cận thần chẳng thấy ai đến, mà cũng chẳng có quân lính nào cản ngăn. Khi đó, thần giữ thành hiện lên thưa rằng:
- Thưa quan lớn, hiện có người dòng Bà La Môn ở nước khác muốn xin đầu vua của chúng ta, nên tôi không cho nó vào.
- Nếu quả thật như vậy thì đây là một tai họa lớn cho chúng ta, nhưng vua đã ra lệnh, chúng ta đâu dám trái ý, khi ấy quan cận thần Ma Chiên Đa tự nghĩ: "Nếu kẻ này quyết chí xin đầu vua thì ta hãy bày ra một kế, lấy năm trăm cái đầu bằng thất bảo để đổi cho nó".
Sau cơn mê Lao Độ Sai bước vào cửa cung và lớn tiếng nói:
- Tôi là kẻ phương xa, biết được vua rủ lòng bố thí, chẩn bần cho muôn phương, ai muốn xin gì cũng được. Vì vậy, nay tôi tới đây muốn xin một

việc.
- Ngài muốn xin gì cứ nói, dù khó khăn đến đâu, nếu có thể, tôi cũng xin làm vừa lòng ngài.
- Vua bố thí tài vật, tiền của cho mọi người có phước báo nhưng chưa bằng bố thí những vật trong thân vua, phước báo càng lớn hơn. Vậy tôi xin cái đầu của vua. Vua nghĩ sao? Cho hay không?
- Thành thực, ngài cứ lấy.
- Bây giờ hay khi nào?
- Đạo sĩ xin cho khất lại bảy ngày.
Liền khi đó, quan cận thần Ma chiên Đà liền mang năm trăm cái đầu bằng thất bảo đến trước Lao Độ Sai và nói rằng:
- Đầu vua bằng xương thịt, máu mủ tanh hôi, là đồ bất tịnh chẳng quí giá gì vật ấy, ông xin làm gì cho nhơ nhớp. Và đây là những cái đầu làm bằng thất bảo quý hóa tuyệt luân, ông hãy mang đầu này về mà được giàu sang, phú quí suốt đời.
- Tôi chẳng cần thứ đó, chỉ cần đầu vua thôi.
Trước thái độ ương ngạnh của Lao Độ Sai, Mã Chiên Đà chẳng biết làm sao, bằng xuống giọng êm dịu, năn nỉ, nói ngọt ngào mong thay đổi ý định, nhưng cuối cùng Lao Độ Sai cũng chẳng thèm nghe, bỏ đi chỗ khác.
Mã Chiên Đà phẫn uất quá tim vỡ thành bảy mảnh chết ngay trước mặt vua. Trên từ vua, xuống cho tới bá quan văn võ ai nấy đều rơi lệ tiếc thương cho một bậc trung thần, chánh khí. Vua sai thâu hài an táng đúng nghi lễ của một quan đại thần. Đám tang vừa xong, vua cho quan quân cưỡi voi đi khắp nước thông báo cho dân chúng biết ngày vua bố thí đầu.
Được tin này, ai nấy đều rơi lệ, tám vạn bốn ngàn nước nhỏ liền đến tâu vua:
- Tâu bệ hạ, tất cả Diêm Phù Đề này đều nhờ đức độ của bệ hạ mà mưa thuận gió hòa, an cư lạc nghiệp, cây cỏ muôn màu, mùa màng sung túc, khoái lạc an khương, sống trong cảnh thái bình thịnh trị. Vậy tại sao bệ hạ lại vì một người mà bỏ muôn dân?
Khi ấy các quần thần đồng thanh nói:
- Xin bệ hạ hãy bỏ ý định bố thí đầu, một sự việc quái lạ chưa từng thấy, bệ hạ nghe lời một kẻ khốn nạn, cùng đinh, sống trong núi rừng như dã thú, để rồi bỏ chúng tôi bơ vơ hay sao?
Hai muôn phu nhân và năm trăm thái tử vật mình xuống đất khóc lóc:
- Tâu bệ hạ, hãy xót thương vợ con của bệ hạ, rồi đây sẽ ngơ ngáo, vợ xa chồng, con chẳng có cha, sống đời mô côi mồ cút. Hãy nghĩ lại bệ hạ ôi!
Thật muôn cảnh bi đát, đáng thương tâm diễn ra trước mặt vua, nhưng vua với nét mặt hiền hòa, bình tĩnh an ủi:
- Xin các vương hầu khanh tướng, hãy bình tâm nghe tôi nói, con người vì kết buộc nhau trong tình ân ái từ kiếp lâu xa, nên chịu ách sanh tử bức bách,

ta chưa thấy ai thực hành để bỏ, nhất là quý chuộng bản thân. Ta nghĩ rằng từ thời vô thỉ âm u trở lại đây, sống chết đã bao đời đâu kể xiết, lúc ở trong địa ngục, bỏ thân một ngày không biết bao nhiêu lần, chết trong nước phân tro, nằm trên giường sắt đốt, ôm cột đồng nóng, ngâm mình trong vạc dầu sôi, hay ngồi trên xe lửa, nằm ở hố than. Thật cái khổ nơi địa ngục biết kể sao cho cùng như vậy, thân này chết đây rồi sanh kia, trải qua vô số kiếp mà chẳng có chút ích lợi hay phước báo gì. Khi làm loài súc sanh thì bị người ta chém giết, thân thể bị phân thây, máu rơi xương rã. Còn khi làm loài quỷ đói, thì lửa trong mình phát ra hoặc vòng đao lửa bay tới chém thân chặt đầu, chết đi sống lại bao lần thì cũng chẳng có phước báo gì. Rồi khi ở nhân gian, làm người thì sanh lòng tham lam, giết hại lẫn nhau, cũng do tài sắc ràng buộc, cũng vì ân ái kéo lôi toàn là những việc xuôi theo nhân thế. Còn như hiện tại thân ta, đây cũng chỉ là một khối nhơ bẩn, máu tanh huyết nồng, rồi một ngày nào đó cũng sẽ rã tan, có gì luyến tiếc với cái đầu ô uế ấy mà chẳng dám xả bỏ, để tu lấy pháp thân thường hằng vĩnh tịch. Hơn nữa, ta còn có thể đem lại sự ích lợi cho muôn dân ở đời vị lai, phải nhìn xa thấy rộng, đừng vì tình thương luyến ái hạn hẹp trong một lúc này. Vậy thì các khanh khuyên ta làm gì. Ta bỏ cái đầu này để cầu đạo giải thoát, sau khi thành đạo, ta sẽ hóa độ các ngươi vượt khỏi nỗi khổ sanh, già, bịnh, chết được niềm an lạc của đạo tâm. Vậy các khanh hãy hiểu việc làm của ta không phải vô dụng. Các khanh cứ yên tâm lo toan việc nước.
Ai nấy nghe vua giảng giải đều làm thinh chẳng biết phải nói năng sao nữa. Đã yên lòng trước sự an tâm của quần thần, vua kêu Lao Độ Sai bảo:
- Giờ đã đến lúc ngươi tự do lấy đầu ta.
- Tâu bệ hạ, hiện đây tôi chỉ có một mình, lực yếu thế cô, còn chung quanh vua, bá quan văn võ quá nhiều, nhỡ khi tôi lấy đầu vua họ thấy thương tâm mà giết tôi thì sao? Vậy nếu vua cho thì hãy ra sau vườn, nơi vắng vẻ, chỉ riêng mình tôi và vua, thì tôi mới dám.
Vua nói với quần thần:
- Các khanh thương ta, kính ta thì chớ hại Lao Độ Sai.
Nói xong, vua nắm tay Lao Độ Sai cùng ra hậu viên.
- Sức vua hùng tráng khỏe mạnh, khi bị cắt đầu đau đớn mà hối tiếc rồi đánh tôi thì sao? Vậy vua hãy cột đầu vào cành cây để tôi cắt cho dễ.
Ngồi dưới gốc cây to, vua túm lấy tóc cột vào cây rồi nói:
- Khi cắt đầu xong, hãy để trên tay ta, để ta dâng cho ông.
Rồi vua chắp tay phát đại nguyện rằng:
- Kính lạy thập phương tam thế chư Phật, nguyện nhờ công đức bố thí này, con không cầu làm Phạm Vương, Ma Vương, Đế Thích, Chuyển luân Thánh vương để được hưởng khoái lạc, mà duy chỉ một lòng cầu làm Phật, độ chúng sanh, hết thảy muôn loài đồng vào ngôi Chánh giác.

Lúc ấy Lao Độ Sai vừa đưa dao lên chém, thì trên cây có ông thần, lấy ngón tay chỉ vào đầu làm cho Lao Độ Sai bủn rủn tay chân, vứt dao xuống đất ngã ngửa.
Vua xoay lại bảo thần cây:
- Thần cây nên hiểu rằng, từ đời quá khứ tới nay, dưới gốc cây này ta đã bố thí 999 cái đầu rồi, vậy hôm nay một lần nữa là đủ số. Đối với nguyện bố thí của ta sắp hoàn mãn, ông đừng rắc rối, cản ngăn, làm suy thối đạo tâm của ta.
Nghe vậy thần cây thu hồi thần lực, Lao Độ Sai tỉnh lại, xách dao chém một phát, đầu rơi xuống tay vua, dâng cho Lao Độ Sai.
Ngay giờ phút đầu vua lìa khỏi cổ, đất trời chấn động, các cung điện trên thiên cung đều nghiêng ngả, các thiên tử, Phạm thiên chẳng biết điềm gì, bèn ngó xuống trần gian, thấy vị Bồ Tát vì chúng sanh mà bố thí thân mạng tất cả đều bay xuống tung hoa trời muôn màu, hòa lẫn với những dòng nước mắt của chư thiên rợp cả hư không.
- Kính lạy Bồ Tát, Ngài làm hạnh bố thí xuất tục siêu phàm, chưa ai dám bố thí như vậy, vô cùng tận chúng sanh đều phải tán phục sự thực hành, vô ngã tướng bố thí này.
Khi ấy tại nước mình, vua Tỳ Ma Tư Na, hay tên Lao Độ Sai đã lấy được đầu vua Đàn Bà La Tỳ, đang trên đường trở về nước, ông vui mừng vô hạn, nhảy nhót, la hét thỏa chí, bất ngờ ông quay lăn ra chết tại chỗ, vì tim bị kích thích quá mạnh, nên vỡ tung từng mảnh trong lồng ngực ông.
Lao Độ Sai xách đầu ra về, vua quan, dân chúng, phu nhân, thái tử nhìn thấy lăn đùng ra đất gào thét. Có người cảm động quá hộc máu mà chết, có người nằm ngay đơ chết giấc, các phu nhân xé áo quần, vò tóc tai, ngất xỉu tại chỗ, các thái tử cào mặt máu chảy đầm đìa, lăn lộn dưới đất. Một thảm trạng đang diễn ra.
Mấy ngày đường đi về bổn quốc, Lao Độ Sai xách đầu vua đi thấy hôi thối quá chừng, bèn vất xuống đường, đạp lên mà đi. Dân chúng thấy vậy họ nguyền rủa: "Ông là kẻ bất lương, là phường lang sói ác độc, không dùng thì xin làm chi, giờ lại vất bỏ." Rồi họ nói với nhau, không giúp đỡ đồ ăn, nước uống chi cho hắn.
Nhịn đói những ngày qua đã ngất xỉu, nửa đường gặp được người quen, Lao Độ Sai hỏi thăm vua Tỳ Ma Tư La như thế nào, người ấy đáp:
- Nghe tin ông xin được đầu vua, nên mừng quá mà vỡ tim chết rồi.
Một nỗi buồn vô hạn, bức đầu rứt tóc, vì sẽ không được vợ và mất ngôi vị vua, tức quá nên ông ta cũng vỡ tim chết luôn. Gieo ác gặp ác. Cả hai vua tôi đều phải gánh lấy quả báo hiện tiền và rơi vào địa ngục A Tỳ.
Đến đây, Đức Thế Tôn bảo A Nan rằng:
- Nầy A Nan, chính vua Đàn Bà La Tỳ thuở ấy là tiền thân của Ta. Vua Tỳ

Ma Tư Na nay chính là Ma Ba Tuần. Lao Độ Sai là ông Điều Đạt (Đề Bà Đạt Đa) bây giờ. Thần cây là Mục Kiền Liên. Và quan đại thần Ma Chiên Đà chính là Xá Lợi Phất. Thuở ấy Xá Lợi Phất còn không nỡ thấy Ta chết mất đầu, nên ông cũng tự mình chết trước, huống nữa là bây giờ Xá Lợi Phất đã chứng đắc A La Hán, trí tuệ cao siêu.
Giới Đức
"Ở đời ai nghèo đến nỗi không có thân. Thấy người làm việc thiện, tự mình giúp, như vậy cũng gọi là thí chủ, cũng được phước đức"

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Phần IV - 2

Người làm mặt nạ
Ngày xưa tại kinh thành có người đàn ông sanh sống bằng nghề chế tạo mặt nạ. Nhà ông bày la liệt những hình vẽ, những khuôn mặt bằng giấy cứng, đủ loại tướng mạo, màu sắc lòe loẹt, lúc nào sơn mực cũng bừa bãi khắp phòng. Lúc ấy ông đang nhận làm một mặt nạ ác quỷ Dracula cho một ban kịch lớn. Suốt mấy ngày đêm hì hục tô vẽ, cố gắng làm nổi bật những nét đanh ác, ma quái cho khuôn mặt quỷ. Tình cờ một người bạn đến thăm, nói chuyện quanh co một hồi. Người bạn ngạc nhiên thấy vẻ mặt chủ nhân có chiều bực bội hắc ám, liền hỏi:
- Dạo này tôi thấy khí sắc anh hơi sút kém, hay anh có việc gì bực mình?
- Không có gì cả.
Người bạn không tin hỏi lại:
- Có thật không anh?
Cuộc nói chuyện mất hẳn hứng thú, nên một lát sau người bạn đứng lên cáo từ.
Bẵng đi một thời gian khoảng nửa năm, người bạn lại đến thăm người làm mặt nạ. Vừa trông thấy chủ nhân, người bạn reo lên mừng rỡ:
- Ồ! Lúc này trông anh hồng hào tốt tướng hơn trước nhiều, chắc hẳn anh đã được nhiều điều may mắn phải không?
Chủ nhân vẫn tỉnh bơ đáp:
- Không có gì lạ bạn ơi.
Chủ nhân thật không hiểu được vì sao người bạn có nhận xét lạ lùng như vậy. Dần dần, ông mới vỡ lẽ ra rằng: Vì nửa năm trước làm mặt nạ quỷ, suốt ngày cứ tưởng tượng hình ảnh nhe nanh, trợn mắt, thè lưỡi, các tướng mạo hung ác, dữ dằn để làm mặt quỷ cho thật giống, vì thế vẻ mặt ông cũng biểu

hiện những nét sân giận, dữ tợn, người nhút nhát trông thấy đến phát sợ. Sau đó nửa năm, ông nhận làm mặt nạ một vị công thần chánh trực và đức độ. Ông miệt mài tìm những nét thanh cao, khả ái để thể hiện những đức tính đặc biệt nầy, vẽ làm sao để ánh mắt đầy nhân từ và công chính, tô khéo đến mức nào để có đôi môi hiền hòa nhưng cương nghị, nụ cười độ lượng mà vẫn uy nghiêm. Ngày đêm chỉ liên tưởng đến đề tài sáng tạo nầy, nên tự nhiên bên ngoài nó toát ra từ thái nhu hòa, khuôn mặt chủ nhân có nét thỏa ái, dễ chịu. Đến lúc khám phá ra điều nầy, người làm mặt nạ thầm công nhận: những điều tâm ta nghĩ ngợi, tư duy đều được biểu lộ ra ngoài dung mạo.
Kinh Phật đã nói đến động lực của Tâm trong câu nói hàm xúc: "Tâm như họa sư, khéo vẽ muôn hình tượng".
Thích Nữ Như Thủy – Như Đức
"Lòng buồn thì mặt cũng buồn
Lòng buồn thì mặt có vui bao giờ"

Người chăn bò Nanda
Khi còn tại gia Tôn giả Nanda là một thanh niên chăn bò mướn. Ngày ngày, Nanda dẫn bò đến ăn cỏ bên bờ sông Hằng thuộc địa phận xứ Kosambi. Lúc ấy gặp dịp Đức thế Tôn trú ở Kosambi, cùng với chúng Tỳ kheo 1250 vị. Một hôm Thế Tôn cùng các Tỳ kheo du hành dọc bờ sông. Ngài thấy một khúc gỗ lớn trôi theo dòng nước và chỉ cho các Tỳ kheo:
- Nầy các Tỳ kheo, nếu khúc gỗ ấy không đâm vào bờ này, không đâm vào bờ kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn trên đất nổi, không bị người nhặt lấy, không bị phi nhân nhặt lấy, không bị lọt vào xoáy nước, không bị mục nát bên trong... thì nó sẽ hướng về biển, xuôi theo biển, nhập vào biển. Vì cớ sao, nầy các Tỳ kheo, vì dòng sông nầy hướng về biển, xuôi theo biển. Cũng vậy, hỡi các Tỳ kheo, nếu các con không đâm vào bờ nầy, bờ kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn, không bị người nhặt lấy, không lọt vào xoáy nước, không mục nát bên trong... thì các con sẽ hướng về, sẽ xuôi theo niết bàn, sẽ nhập vào dòng niết bàn. Vì sao, này các Tỳ kheo, chính vì pháp của Như Lai, giảng nói xu hướng của niết bàn, xuôi theo niết bàn, nhập vào niết bàn.
Khi được nghe nói vậy, một tỳ kheo bạch:
- Bạch Thế Tôn, bờ nầy là gì? Bờ kia là gì? Thế nào là chìm giữa dòng? Thế nào là mắc cạn trên miếng đất nổi? Thế nào là bị người nhặt? Phi nhân nhặt? Thế nào là lọt vào xoáy nước? Thế nào là mục nát bên trong?
- Các Tỳ kheo, bờ này ám chỉ sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Bờ bên kia chỉ cho sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. "Bị chìm giữa dòng" dụ cho hỷ và tham (khoái thích, ham muốn). Mắc cạn trên đất nổi đồng

nghĩa với ngã mạn. "Bị người nhặt" là dụ cho vị Tỳ kheo sống quá liên hệ với cư sĩ, chung vui chung buồn, an lạc khi chúng an lạc, đau khổ khi chúng đau khổ, trói buộc mình trong các công việc, chúng xướng xuất. Đó gọi là vị Tỳ kheo bị loài người nhặt lấy. Và nầy các Tỳ kheo, "Bị phi nhân nhặt lấy" có nghĩa là vị Tỳ kheo tu phạm hạnh với mơ ước được sanh lên cõi trời, hưởng phước báo chư thiên. "Bị lọt vào xoáy nước" là đồng nghĩa với năm dục trưởng dưỡng: tài lợi, sắc đẹp, danh tiếng, ăn và ngủ. "Bị mục nát bên trong", ám chỉ vị Tỳ kheo theo các ác pháp có những hành động khả nghi, không giữ giới mà hiện tướng thanh tịnh, nội tâm hủ bại, đầy dục vọng, đó gọi là bị mục nát bên trong".
Khi ấy người chăn bò Nanda đứng cách Thế Tôn không xa. Chàng tiến lại bạch:
- Bạch Thế Tôn, con không đâm vào bờ này, con không đâm vào bờ kia, con không chìm giữa dòng, con không bị mắc cạn trên đất nổi, con không bị loài người nhặt lấy, con không bị phi nhân nhặt lấy, con không lọt vào xoáy nước, con không mục nát bên trong. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới.
- Nầy Nanda, hãy đem trả bò cho chủ của con đã.
- Bạch Thế Tôn, chúng sẽ tự trở về. Các bò mẹ đang mong gặp lại chúng.
- Tuy vậy này Nanda, con hãy trả lui các con bò ấy cho những người chủ.
Nanda vâng lời dắt bò về trả cho chủ rồi trở lại bên Phật:
- Bạch Thế Tôn, con đã trả lại những con bò. Hãy cho con được xuất gia với Thế Tôn. Hãy cho con thọ đại giới.
Rồi Nanda, người chăn bò, được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới.
Sau khi thọ giới không lâu, Tôn giả Nanda sống một mình an tịnh thân cảm được lạc thọ mà các thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia từ bỏ gia đình đã hướng đến. Vị ấy biết "sanh tử đã tận, phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã được làm xong, không còn phải trở lại đời này nữa" Tôn giả Nanda trở thành một vị A La Hán.

Thích Nữ Trí Hải

"Trải lòng bi mẫn Tâm đồng Phật
Dứt hết vô minh Phật tức Tâm
Phật Phật Tâm Tâm đồng thể tánh
Phật Tâm cũng diệt đến viên thành".

Chồn và sư tử

Trong thời quá khứ, lúc dòng vua Bra-ma-na trị vì xứ Ba Ra Na Thi, có một gia đình Sư tử gồm cha, mẹ và hai con, một trai, một gái. Cậu trai tên là Mê Năn. Chẳng bao lâu cậu lớn lấy vợ. Gia đình từ đấy thêm một miệng ăn. Mỗi ngày Mê Năn phải ra khỏi hang, đi đông đi tây, săn thú đem về nuôi dưỡng

song thân, vợ và em.
Một hôm, trong khi đi tìm miếng ăn hàng ngày, Mê Năn gặp một con chồn nằm sát trên cỏ, đầu cúi rất lễ phép. Bộ hầm hừ, thét như sấm nổ, chàng hỏi:
- Chồn làm gì ở đây?
- Bẩm Chúa Công, chồn khép nép thưa, chúng con biết hôm nay có chúa Công đi ngang đây, nên quỳ đón từ sáng sớm đến giờ để chào mừng.
Bẩm tánh kiêu hãnh, Mê Năn nghe mấy lời tưng bợ của Chồn, lấy làm đắc ý.
- Thế là Chồn biết bổn phận con dân, Chúa Công khen cho đó. Thôi đứng dậy về cùng ta. Chồn vâng vâng dạ dạ, khúm núm đứng dậy và trỗi bước theo sau Sư tử.
Nhưng cha chàng, vừa thoáng thấy người khách lạ vào hang là tỏ ý không bằng lòng ngay:
- Mê Năn con, Chồn là giống quỷ quyệt, xảo trá khôn lường, bất nghĩa bất tín, con nên đề phòng mà đừng thân cận. Hãy đuổi quách nó đi cho cha an dạ.
Mê Năn không trả lời, nhưng không đổi ý. Chàng giữ Chồn ở lại làm bạn tác sớm chiều.
Một hôm, Chồn ngọt dịu bảo Mê Năn là chồn thèm thịt ngựa, Mê Năn hỏi:
- Ở đâu có ngựa?
- Dạ, ở bờ sông Ba Ra Thi, chồn đáp.
- Ngươi hãy dẫn đường ta đi.
Không đợi bảo hai lần, Chồn hối hả làm hướng đạo.
Băng rừng vượt núi, chẳng bao lâu cả hai đến bờ sông, một bầy ngựa nõn nà, lớn có nhỏ có, đang trầm mình dưới nước, hí hú nô đùa. Lẹ như chớp nhoáng, Sư tử phóng mình vồ một con ngựa con rồi lao mình trở lên bờ sông, một mạch chạy về hang, phía sau có Chồn nỗ lực đuổi theo, nét sung sướng lộ trên gương mặt.
Ông lão Sư tử nghiêm nghị:
- Con đã sanh sự rồi đó, Mê Năn. Ai đời lại dám bắt ngựa của vua mà ăn. Coi chừng, một ngày kia, vua nổi trận lôi đình, sẽ truyền cho lính nã tên thì mười mạng con cũng không còn. Sư tử mà ăn thịt ngựa thì sống lâu bao giờ! Hãy nghe ta, từ nay đừng sanh tâm bắt ngựa nữa.
Mê Năn không trả lời. Quá tin ở tài nhảy cao chạy lẹ của mình, phần một bên Chồn cứ nịnh hót, chàng bất kể lời huấn từ, hễ đôi ba hôm là cùng chồn đi đánh cắp một con ngựa về làm tiệc.
Chẳng bao lâu, Vua hay tin, dạy đem ngựa vào nhốt trong vòng thành không cho ra bờ sông nữa. Thế mà Mê Năn và chú quân sư Chồn vẫn lập thế bắt tha được vài con.
Vua dạy làm chuồng nhốt, song cài cửa khóa. Vô ích. Năm mười hôm là có tin ngựa mất.

Vua giận quá, hỏi kế trừ gian ở các quan. Một vị đại thần tiến cử một tay thiện xạ, có tài giết thú dữ. Vua cho đòi vào và phán hỏi. Nhà thiện xạ quả quyết, nếu Sư Tử còn trở lại, thì trong một phát chàng sẽ hạ mãnh thú, đem xác về nạp vua. Hoan hỷ, nhà vua hứa trọng thưởng.
Đến đêm, nai nịch hẳn hòi, bên đeo cung, bên vắt tên, nhà thiện xạ ẩn mình trong bóng tối, sau một trụ đá. Tiếng trống trên vọng đài vừa sang canh ba, chàng nghe có tiếng sột sạt. Sư tử tới, phía sau có chú Chồn. Nhưng là tay xảo quyệt, chồn không tiến bước mà núp lại phía sau.
Sư Tử phóng mình một cách nhẹ nhàng lên đầu tường, nhảy xuống đất, chạy bay lại chuồng ngựa. Chàng thiện xạ tự bảo:" Sư Tử lẹ lắm, bắt ngay lúc này, e hạ nó không được. Chi bằng đợi nó cõng ngựa chạy ra sẽ hay". Chàng vừa suy nghĩ xong là Mê Năn đã trở lại mé tường, trên vai nặng trĩu một con ngựa. Chuyển hết thần lực, chàng thiện xạ buông tên.
Rống lên một tiếng, Sư Tử té bạt qua một bên, rồi góp sức tàn, nhảy vượt lên mặt thành, bỏ ngựa, miệng kêu : "Ta bị thương rồi".
Chồn nghe tiếng la của bạn và hơi gió tên bay, biết chuyện chẳng lành. "Thế là hỏng! Thôi đành tiên bảo kỳ thân. Ai có số nấy, ta phải lo phận ta". Nói xong, Chồn quặp đuôi chạy một mạch về hang mình, không đoái hoài gì đến Mê Năn.
Tuy máu ra nhiều, Mê Năn vẫn cố gắng la lết về với gia đình, nhưng vừa thấy mặt cha, mẹ, vợ, em là chàng ngã ra tắt thở.
Thấy con mình mẩy đẫm máu, cha mẹ Mê Năn biết chàng đã bị bắn trọng thương và chú Chồn gian xảo kia là nguyên nhân của tai nạn thảm khốc. Tức tưởi, mẹ chàng kể lể: "Mê Năn con ơi! Như thế này cho con biết để trước không nghe lời cha mẹ dạy. Hễ chơi với kẻ ác thì không toàn thân là vậy. Nếu con không nghe lời xúi biểu của Chồn thì nay đâu ra nông nỗi này".
Cha chàng cũng cảm động: "Cha đã nói mà! Kết bạn với kẻ xấu thì cái chung cuộc bao giờ cũng không hay. Con nghe chi đứa nịnh bợ để cho thân thể phải đầm đìa những giọt máu đào của mẹ con đã chan sớt cho con?
Em gái chàng, sụt sùi: "Anh Mê Năn ơi! Anh thấy chưa, trước kia nếu anh nghe lời cha dạy, thì ngày nay anh em ta đâu có chia lìa như thế này. Anh có ăn năn chăng, hỡi anh? Không bỏ vào tai những lời minh chánh, là tự mình làm cho mình mù quáng, người xưa quả nói không sai".
Vợ Mê Năn cũng khóc: "Tại mình không khéo kết bạn, nên mới chết oan uổng. Ai đời lại hạ mình thân cận với kẻ lòng dạ bẩn thỉu, để cùng với nó bị đời khinh nhạo, chê bai".
Trên đây là một câu truyện chính Đức Phật đã thuật lại để giáo hóa một Sa di thường hay lai vãng với những bạn bè không tốt.
Phật thuyết vừa xong, vị Sa di liền tỏ ngộ, đoạn tuyệt với những bạn xưa và đắc quả Tu đà hoàn.

Thiện Tâm
"Nghe lời chê bai mà giận là làm ngòi cho người dèm pha. Nghe câu khen ngợi mà mừng là làm mồi cho người nịnh hót".

Chim bồ câu và chàng đặt bẫy

"Thuở xưa, lúc nhà vua dòng Bra-ma-na ngự trị tại Bra-ma-na-thi, Như Lai là một con bồ câu sống an vui với cha mẹ, họ hàng trong một cánh rừng nhiều trái ngon nước ngọt. Mỗi ngày, đồng thời với vừng thái dương lố dạng, toàn họ bồ câu đều thức giấc ra khỏi ổ ấm, sè cánh rỉa lông, líu lăng ca hát, rồi chia nhau từng đoàn đi kiếm ăn. Đến trưa, trời nóng bức, kẻ chui vào những lùm lá tươi mát mẻ ẩn mình, người xuống suối nô đùa trong dòng nước lạnh. Chiều đến, trước sau, các đoàn lần lượt trở về ổ. chờ đêm đến là gác mỏ lên cửa thưởng ngoạn những hột ngọc lóng lánh trên nền trời xanh. Nhưng bất hạnh thay cho giống bồ câu! Trong xứ có một anh chàng chuyên nghề đặt bẫy chim. Anh ta trét lên cành cây có trái chín một chất nhựa quái quăm. Chim nào dẫm lên đấy là dở chân hết lên, cố đập đến gãy đôi cánh cũng không thế nào thoát nạn. Hớn hở, anh chàng ác độc leo lên bắt từng con đem về nhà, bỏ vào lồng sơn vẽ rất đẹp, nuôi dưỡng như con cưng, đợi đến khi thân tròn thịt béo, anh mang ra chợ bán với một giá rất đắt.

Họ hàng bồ câu nhà ta rất biết cái mánh khóe bất lương của chàng đặt bẫy, thường bảo nhau phải cẩn thận trong khi vào rừng kiếm trái. Nhưng một hôm, quá mê chơi đuổi bắt, ta lại dẫm lên chất nhựa giết chim. Vừa cảm nhận cái rít của nhựa, ta biết nguy, thọc chân trái xuống để lấy chân mặt lên, không dè đôi chân bị giữ ghì lại. Thôi rồi! Còn đâu cảnh đoàn tụ, còn đâu cuộc đời êm ấm trong thanh thoát tự do. Ta cất tiếng thảm sầu kêu to. Cha mẹ, họ hàng vừa bay đến là bóng chàng đặt bẫy lù lù hiện ra dưới gốc cây. Vù một cái, bao nhiêu người thân yêu đều tứ tán, để mình ta trong tuyệt vọng và sợ hãi. Anh chàng thợ bẫy từ từ leo lên, gỡ ta ra khỏi nhựa, ta vùng vẫy muốn bay, nhưng than ôi! Sức con bồ câu non đâu đương với bàn tay lực sĩ. Thôi đành cho số kiếp! Ta được bỏ vào một cái lồng tre, trong đó đã có đôi bà con xa đồng phận.

Chàng thợ bẫy, thấy trời đã gần trưa, quảy lồng ra về. Đến nhà, anh bốc từng chú câu, bỏ vào một cái lồng lưới lớn. Quả như lời ta đã nghe kể lại trước kho ngộ nạn: trong chốn ngục tù, không thiếu một thức ăn uống nào, lại còn cửa sơn, phòng rộng, kể ra phong lưu không biết gấp mấy lần những cái ổ tranh chốn quê nhà. Nhưng ta biết rồi, tham lấy những cái của này là có ngày đem ra chợ bán. Lập tâm tuyệt thực cho mình gầy vóc hẻo, ta không động đến những hạt thóc no tròn của chủ nhà đặt cạnh bên ta.

Một hôm, hai hôm, ba hôm ta vẫn nén lòng chịu đói. Đến sáng ngày thứ tư, anh chàng đến thăm. Thấy ta tiều tụy, anh có vẻ lấy làm lạ. Nhẹ mở cửa

lồng, anh bắt ta ra và nhẹ nhàng đặt ta lên lòng bàn tay, đưa lên ngang mắt để xem coi vì cớ nào mà ta xanh xao vàng úa. Thấy ta gật gờ, chàng không còn nghi kỵ như lúc đầu, để ta đứng thong thả trên đôi chân run run. Chàng biết đâu rằng ta chỉ đợi chờ phút này. Chàng vừa quay đầu vì có tiếng động sau lưng, ta góp hết tàn lực tung đôi cánh vọt lên cành cao, rồi từ cành này sang cành nọ, ta trở về với núi rừng bao la, để lại tất cả những sung sướng đầy nguy cơ cho anh chàng ác độc".
Nói đến đây, Đức Phật thố lộ: "Chàng đặt bẫy kia, chính là Đề Bà Đạt Đa ngày nay vậy".
Thiện Tâm
"Kẻ thù đối đãi kẻ thù
Oan gia đối đãi oan gia
Người nuôi dưỡng tâm ác
Còn tự làm hại mình
Hơn là kẻ thù đối kẻ thù
Oan gia đối oan gia".

Quả cam oan nghiệt
Dưới triều chúa Định Vương, tại thành Qui Nhơn có người tàu Quảng Đông, tục gọi Tàu Dư, cứ mỗi năm đến tháng chạp, chở hàng hóa lên thôn Vĩnh Thạnh, huyện Tuy Viễn, bán cho người địa phương. Hiểu rõ tâm lý người dân Việt Nam và hoàn cảnh chốn thôn quê lúc gần Tết, Tàu Dư bán hàng chịu, kẻ đáng nhiều thì nhiều, kẻ đáng ít thì ít, rồi đến mùa gặt lúa tháng ba sang năm, mới trở lại thu tiền. Nhờ vậy hàng chú không bao giờ ế, và người địa phương đối với chú rất có cảm tình.
Ở Vĩnh Thạnh có người bán bánh bèo tên là Phan Phiên. Nhà cửa tuy nhỏ nhưng rất ngăn nắp, lại có vườn rộng và quán bánh ở bên đàng. Vì tiện lợi cho sự buôn bán nên mỗi khi đến Vĩnh Thạnh thì Tàu Dư đến ở đậu nhà Phan Phiên. Hai bên rất tương đắc.
Năm năm lui tới yên vui, Tàu Dư bỗng mất tích. Lúc bấy giờ nhằm lúc nhà Tây Sơn khởi nghĩa binh đánh lấy thành Qui Nhơn. Người thì đoán rằng Tàu Dư sợ giặc giã đi lánh cư nơi khác. Người thì cho rằng chú đã gặp rủi ro trong chốn ba quân. Kẻ bàn người tán, xôn xao trong ít lâu, rồi công ăn việc làm xóa mờ dần dĩ vãng.
Rồi noi dấu Tàu Dư, Phan Phiên đi Qui Nhơn mua hàng về bán Tết. Và mỗi năm đi buôn chỉ một lần, mà chưa đầy năm năm, trong nhà đã dư ăn dư để. Chàng dẹp lò bánh bèo, mua trên vài chục mẫu ruộng tốt cho làm rẽ, dỡ bỏ mấy căn nhà cặp nhỏ hẹp, cất lại một tòa nhà mái ba gian, có hồ sen có non bộ, nghiễm nhiên thành một người giàu sang nhất vùng. Ai nấy đều cho rằng

nhờ Thần tài phù hộ.
Để tạ ơn trên trước, Phan Phiên rước hát bội đến hát. Chàng định hát một đêm một ngày. Rạp hát cất cổ lầu, đồ trần thiết mướn toàn đồ Tàu, vàng thêu rực rỡ. Người đến xem đông như kiến. Chủ nhân lựa tuồng Tiểu Giang San để tôn vương xong là bế mạc.
Mặt trời vừa gác núi, tiếng trống chầu trống chiên đã nổi dậy vang lừng. Và trong nhà cúng tế vừa xong thì ngoài rạp bắt đầu khai diễn. Bao nhiêu con mắt đều dồn lên sân khấu. Trống chầu đôi gióng, trống chiên thúc.
Anh kép đóng vai Khương Linh Tá bước ra giáo đầu. Điệu bộ thật khéo. Tiếng chầu thưởng dòn. Nhưng vừa toan cất tiếng xưng danh thì anh kép liền ngậm miệng, mặt dớn dác, chân bước lui... Vừa vào buồng, bị thôi thúc, anh kép trở ra lại, nhưng cũng vừa toan cất tiếng thì liền ngậm miệng lại, và hốt hoảng chạy vào buồng. Anh kép khác ra thay, rồi anh kép khác ra thay nữa, nhưng anh nào cũng vừa muốn cất tiếng thì liền ngậm miệng, hốt hoảng chạy vào buồng. Ông bầu hỏi duyên do, anh nào cũng làm thinh, lấy tay khoát, có vẻ sợ hãi.
Cả rạp đều ngạc nhiên hết sức!
Ông bầu đề nghị cùng chủ nhân cho thay vở tuồng khác, rồi tự mình ra giáo đầu.
Ông bầu đóng vai Quan Công phò nhị tẩu vừa bước ra sân khấu thì liền được khán giả hoan nghênh. Nhưng cũng vừa toan cất tiếng xưng danh thì liền ngậm miệng lại bước lui mấy bước, rồi cũng hốt hoảng chạy vào buồng.
Ngoài rạp nhao nhao... Hai vị phụ lão cầm chầu quăng dùi đứng dậy bỏ về.
Chủ nhân vừa lo ngại vừa tức giận vào cự bầu hát. Bầu hát không nói không rằng, chỉ hối thúc con em lo dọn gánh rút lui.
Thế là đám hát bị tan rã.
Cho là điềm xấu, Phan Phiên đâm đơn kiện người bầu hát đã làm mất thể diện mình.
Để Ly Tuy Viễn lúc bấy giờ là quan huyện họ Tàu, có tiếng là công bình chính trực. Đêm trước hôm Phan Phiên đầu đơn kiện, Tào Công đang ngồi đọc sách dưới đèn, thì một người Tàu vào đặt ngay thư án một quả sơn đỏ, rồi vái hai vái mà lui. Công mở quả xem thì thấy một trái cam chín thắm. Công toan cầm cam lên ngửi thì một con quạ bay đến, lấy chân quắp tha đi, Công vội đuổi theo thì vấp ngã... Giật mình tỉnh dậy thì là một giấc chiêm bao. Vì vậy sáng hôm sau nhận được đơn của Phan Phiên, Công đoán chắc có sự liên quan giữa giấc chiêm bao và vụ kiện. Công sức trác đòi đoàn hát bội đến và tự mình lấy khẩu cung.
Ông bầu gánh cùng mấy người kép đều khai giống nhau rằng khi ra tuồng, chúng vừa toan cất tiếng thì một người Tàu cầm quả cam chín thắm nhét vào miệng không cho nói. Sợ quá chúng phải bỏ cuộc rút lui.

Tào Công ngẫm nghĩ:
- Thật là kỳ! Cũng chú Tàu, cũng quả cam chín thắm! Nhất định có điều gì bí ẩn chi đây.
Công cho đoàn hát bội về nhà, rồi cùng một viên thuộc hạ lên thẳng Vĩnh Thạnh. Đến nhà Phan Phiên, Công không đề cập đến vụ kiện chỉ truyền đưa đi xem quanh vườn.
Vườn rộng chừng nửa mẫu, cau chuối xanh tươi, chim se sẻ từng đoàn bay kêu ríu rít. Không thấy chi lạ, Công toan trở vào nhà xét xem, thì nơi góc vườn bỗng nghe tiếng quạ kêu não ruột. Lòng sanh nghi hoặc, Công lần bước theo tiếng quạ kêu. Đi được vài mươi bước thì Công dừng ngay lại: một cây cam xanh tốt đứng choán một góc vườn nhưng trên cành sum sê chỉ có vỏn vẹn một quả chín thắm. Thấy quả cam trên cành giống quả cam trong mộng, Công đứng ngẩn người. Đương tần ngần suy nghĩ thì một con quạ bay đến đậu nơi cành cam, kêu mấy tiếng não nùng, rồi lấy mỏ mổ vào quả cam đoạn cất cánh bay mất... Liền đó một vòi huyết từ quả cam quạ mổ vụt phun ra... Viên thuộc hạ hết hồn. Phan Phiên sợ run cầm cập. Tào Công lấy làm kinh dị tự nhủ:
- Nhất định có kẻ bị chết oan.
Bèn sai đào gốc cam lên.
Cây cam vừa ngã thì bày ra một bộ xương khô! Phan Phiên hãi hùng, thét lên một tiếng rồi cắm đầu chạy trốn.
Tào Công một mặt cho tẩn liệm bộ xương và chôn cất tử tế, một mặt cho bắt giải Phan Phiên đến huyện đường.
Đến huyện đường, không cần tra tấn, Phan Phiên qùy cung:
- Bộ xương ấy là của Tàu Dư.
- Tàu Dư đến buôn bán tại Vĩnh Thạnh rất phát đạt. Thấy y chân chất và không vợ con, tôi bèn làm mối cô em vợ tôi cho y. Y bằng lòng, bàn cùng tôi tậu ruộng nương, cất nhà cửa tử tế rồi lo việc gia thất. Tôi tán thành, y về Qui Nhơn lo thu xếp công việc.
Một đêm tôi vừa thiu thiu ngủ thì nghe tiếng Tàu Dư gọi cửa. Lúc bấy giờ vợ con tôi đã ngủ say. Tôi dậy mở cửa. Y gánh vào một cặp bầu cũ kỹ, ngó quanh quất rồi thẳng vào buồng nhà trong. Y chỉ cặp bầu nói cùng tôi:
- Tài sản của tôi có chừng nấy.
Đoạn mở bầu lấy ra hai chĩnh sành, một chĩnh đựng toàn vàng nén, một chĩnh đựng toàn bạc nén. Chưa bao giờ thấy của giàu như thế, mắt tôi hoa lên! Tàu Dư nói:
- Không nên để trong nhà. Hãy đem chôn ngay ra sau vườn.
Tôi lấy cuốc thuổng rồi cùng Tàu Dư khuân hai chĩnh vàng bạc ra sau vườn. Tôi cuốc đất, Tàu dư xúc đổ. Vừa làm việc tôi vừa nghĩ đến hai chĩnh vàng bạc... Cảnh giàu sang hiện ra trước mắt tôi, lòng tham của tôi tưng bừng nổi

dậy. Thấy Tàu Dư đương chú ý vào việc xúc đất thuận tay tôi trở đai cuốc xáng mạnh xuống đầu, y vỡ sọ chết tức khắc. Sẵn hầm đào đã sâu, tôi liền lấp xác chết. Rồi bứng cây cam bên cạnh trồng lên trên. Từ trong nhà đến người ngoài không một ai hay biết.
Rồi để che mắt thế gian, tôi bỏ nghề bánh bèo, bắt chước Tàu Dư đi mua hàng về bán Tết... Tôi trở nên giàu có. Năm năm trôi qua, không còn ai nhắc nhở đến Tàu Dư, cũng không hề thấy ai đàm luận đến sự giàu sang của tôi, tôi liền rước hát bội về hát để tạ ơn kẻ khuất mặt đã phù hộ. Nào ngờ...
Tào Công quăng bút thở dài! Đoạn truyền đem giam Phan Phiên vào ngục thất. Chợt nhớ đến quả cam, Công sai người thắng ngựa đi lấy. Ngựa chưa kịp thắng, thì một con quạ bay đậu trước huyện đường kêu inh ỏi. Công trông ra: một quả cam chín thắm từ chân quạ rơi xuống mặt sân. Sai lượm lên xem là quả cam nơi vườn Phan Phiên, nhưng ruột trống rỗng, mà nơi quạ mổ vẫn còn vết máu tươi.
Công hội ý, ra lệnh tịch biên gia sản Phan Phiên, trích ra một số tiền làm chay cầu siêu cho Tàu Dư, ba ngày ba đêm. Đêm thứ ba, giờ tý, hồn Tàu Dư hiện đến, lạy trước bàn Phật ba lạy rồi biến mất, và trên không một con quạ vừa bay vừa kêu.
Quách Tấn
"Chân như cực lạc bởi duyên lành,
Túc trái luân hồi do nghiệp khổ..."

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Phần IV - 3

Quan Âm Thị Kính

Ngày xửa ngày xưa, có một người trải qua nhiều kiếp, kiếp nào từ bé đến lớn cũng giữ mình đức hạnh và thành bậc chân tu. Cứ luân hồi chuyển kiếp như vậy liên tiếp đến chín lần, nhưng chưa kiếp nào đặng thành Phật.
Đến kiếp thứ 10, người này được thác sanh ở nước Cao Ly làm con gái một nhà họ Mãng, có tên là Thị Kính. Nàng có vẻ người đầy đặn, mặt mũi dễ coi, tính tình điềm đạm. Lớn lên, nàng thờ cha mẹ hết lòng, việc nhà việc cửa chăm lo rất đảm. Khi đến tuổi lấy chồng, nàng được bố mẹ gả cho một anh chàng học trò họ Sùng tên là Thiện Sỹ. Cũng giống như nhà vợ, bên nhà chồng cũng chẳng khá giả gì. Thấy chồng chăm học, không chơi bời, Thị Kính không ao ước gì hơn, nàng càng ra công tần tảo cho chồng dốc lòng nấu sử sôi kinh.

Một đêm, bên cạnh án thư, Thiện Sỹ ngồi đọc sách, Thị Kính cũng ngồi may một bên, hai người chung nhau một ngọn đèn dầu. Chồng học mãi thấy mệt mỏi, bèn ngả lưng xuống giường, kê đầu lên đầu gối vợ chuyện trò một chốc rồi thiu thiu ngủ. Thị Kính cố giữ yên lặng cho chồng yên giấc. Nàng có thì giờ ngắm kỹ khuôn mặt tuấn tú của chồng. Bỗng nàng nhận ra ở cằm chồng có một sợi râu mọc ngược. - "Ồ, sao lại có sợi râu xấu xí thế này, người ta bảo râu mọc ngược là tướng bạc ác. Ta phải lén nhổ đi cho chàng mới được!" Nghĩ vậy, sẵn con dao nhíp trong thúng khảo đựng đồ may, Thị Kính liền cầm lấy mở ra định nhổ sợi râu, không ngờ lưỡi dao sáng loáng vừa đưa đến gần thì Thiện Sỹ cũng vừa chợt tỉnh, trông thấy vợ tay cầm dao chĩa vào mặt trong lúc mình chợt ngủ quên, Thiện Sỹ nghĩ ngay đến chuyện đen tối, liền vùng dậy nắm cổ tay và la lên: "Chết thật! Nàng định cầm dao giết ta lúc đang ngủ ư?" Thị Kính đáp: -"Không phải đâu. Thấy chàng có sợi râu mọc ngược, thiếp định tâm lén nhổ nó đi kẻo trông xấu xí lắm!" Nhưng trong cơn nghi ngờ và hoảng hốt, chồng nhất định không tin như vậy. – "Thôi thôi! Đừng khéo chống chế. Làm sao có chuyện nhổ râu khi ta đang ngủ. Muốn nhổ thì đợi ta tỉnh dậy, hoặc ban ngày ban mặt có hay không?". Giữa lúc ấy, người mẹ Thiện Sỹ nằm ở buồng bên cạnh nghe cãi nhau cũng xô cửa bước ra. Vừa nghe con trai kể lại chuyện, bà đã mồm loa mép giải: - "Trời ơi! Con này to gan thực! Dám đang tay làm những việc tày trời, may mà con ta trở dậy kịp, không thì còn gì tánh mạng". Thị Kính nước mắt giàn giụa cố gắng phân trần: -"Mẹ nghĩ xem, con có thù vơ oán chạ gì mà phải làm như vậy. Chẳng qua con muốn làm cho chồng đẹp mặt..." –"Rõ ràng mày định tâm giết chồng, bị bắt hai năm rõ mười mà còn chối leo lẻo". Người mẹ Thiện Sỹ chẳng ưa gì nàng dâu nên một mực đổ riết. Thị Kính thấy giãi bày mãi không ăn thua, nên ngồi xuống cúi đầu nức nở. Câu chuyện từ bé xé ra to. Cuối cùng gia đình họ Sùng không muốn con cháu có nòi ác nghiệt, nên Thị Kính bị đuổi về nhà bố mẹ đẻ.

Buồn chán cho số phận éo le, một hôm nàng cải trang thành một chàng trai, nhân đêm tối bỏ nhà, khăn gói ra đi. Nàng đi đi mãi, cố tìm trú ngụ một nơi cho thật xa quê hương để xóa bỏ những ký ức đau xót. Sau cùng đến một tỉnh khác, ở đây có chùa Vân, nàng tìm đến xin cạo đầu quy y. Sư cụ không biết là gái bèn nhận cho làm tiểu, đặt là Kính Tâm. Sự đời đã tắt lửa lòng, từ đây nàng yên tâm bạn cùng kinh kệ.

Nhưng tu hành ở chùa Vân chưa được bao lâu thì một việc mới lại xảy đến với nàng. Tuy ăn mặc nâu sòng, nhưng vẻ mặt của chú tiểu mới đã làm cho nhiều trái tim của các cô gái làng thổn thức. Trong làng có Thị Mầu, con gái của một phú ông, những ngày lễ chùa thấy tiểu Kính Tâm thì đem lòng yêu trộm nhớ thầm. Hai ba phen bị khước từ, Thị Mầu càng si mê càng cố tìm cách quyến rũ. Sau đó, tuy cá chẳng cắn câu, nàng vẫn không sao quên được

chú tiểu. Quen thói trăng hoa, Thị Mầu bèn tư thông với một người đầy tớ trai trong nhà. Qua nhiều phen đi lại, không ngờ bụng ngày một lớn. Bị làng phạt vạ, cô gái nghĩ rằng nếu thú thật thì chẳng hay ho gì bèn đổ riết cho tiểu Kính Tâm. Vì thế tiểu Kính Tâm cũng bị làng đòi đến khảo tra. Nhưng dù bị đánh tơi tả, nàng cũng không dám nhận liều cũng như không để lộ mình là gái. Sư cụ chùa Vân thấy tiểu bị đòn đau thì thương tình kêu xin với làng nộp vạ, bảo lãnh cho tiểu được tha về. Nhưng sợ miệng thế gian mai mỉa ô danh chốn thiền môn, nên sư bắt tiểu phải chụm một cái lều cư ngụ ở phía ngoài cổng chùa. Nàng cam tâm nhận sự hành hạ nầy, cắn răng không hề van xin hay than thở.

Thị Mầu sau đó sinh được một trai. Đã trót đổ vấy cho tiểu Kính Tâm, nên nàng lại đem đứa con bỏ ở cửa tam quan. Kính Tâm lại thêm một phen bối rối. Nhận lấy đứa bé thì không khác gì một hành động thú tội, mà không nhận thì làm ngơ sao đành trước một đứa bé vô tội thế kia. Nhưng những tràng khóa oa oa của đứa trẻ sơ sinh đã khiến nàng mất hết ngại ngần. Lập tức nàng bế đứa bé vào lều chăm sóc, và từ đó ngày ngày một công việc mới choán hết thì giờ và tâm trí của nàng, nàng phải bế nó đi xin sữa ở đầu làng cuối xóm. Mặc cho dân làng kẻ cười người chê đến rát cả mặt, nàng vẫn âm thầm chịu đựng, tuyệt không có lấy một lời oán thán.

Cứ như thế sau sáu năm, nàng trông nom con người như con đẻ. Trong khi đứa bé ngày một sởn sơ khôn lớn, thì sức nàng trái lại ngày một mỏi mòn kiệt quệ. Một hôm biết mình không thể sống được nữa, tiểu Kính Tâm bèn viết một phong thư để lại cho bố mẹ đẻ, trong đó nàng thuật lại đầu đuôi nỗi mình nhẫn nhục bấy chầy. Lại dặn dò đứa bé sau khi mình chết đi thì trao thư lại cho Sư cụ trên chùa.

Khi khâm liệm, mọi người mới hay tiểu Kính Tâm là đàn bà, và ai nấy đều nhận thấy rằng sự chịu đựng của nàng từ bấy đến nay quả là cùng cực. Để tỏ lòng hối hận, sư cụ chùa Vân bèn cho lập một đàn chay cầu cho nàng được siêu sanh tịnh độ. Dân làng còn bắt Thị Mầu phải để tang và bắt phải trả mọi chi phí ma chay. Hôm cử hành đàn chay, thì trên trời, giữa một đám mây năm sắc, Đức Phật Thiên Tôn hiện ra phán truyền cho Kính Tâm thành Phật Quan Âm.

Ngày nay, để chỉ cho mối oan to lớn, người ta thường bảo : "Oan Thị Kính" là từ truyện này mà ra.

Nguyễn Đỗng Chi
(Truyện cổ Việt Nam tập VI)
"Ai nhẫn được những điều khó nhẫn,
Làm được những giới hạnh khó làm,
Người đó chắc chắn được thành Đạo quả".

Nhân quả của sự bố thí

Thuở Đức Phật còn ở đời, giáo hóa chúng sanh, có một vị Trưởng giả rất giàu, kho tàng dẫy đầy, tôi tớ đông đảo, Trưởng giả ấy là em của Ngài Đại Mục Kiền Liên.
Một hôm, Tôn giả Mục Liên đến nhà em, bảo rằng: "Tôi nghe chú không ưa bố thí, điều ấy rất không tốt." Đức Thế Tôn thường dạy: "Người nào hay bố thí, sẽ được hưởng phước báo không lường". Nay chú được giàu sang như thế này, là do công đức huệ thí từ kiếp trước. Nếu chú cứ ôm lòng lẫn tiếc chẳng những hưởng phước không được bao lâu, mà đời sau do nghiệp bỏn xẻn sẽ mang thân ngạ quỷ, khốn khổ vô cùng.
Nghe lời anh dạy, Trưởng giả mở rộng kho tàng, cúng dường Tam bảo châu cấp cho kẻ nghèo thiếu. Trong khi ấy, ông lại cất thêm kho vựa mới, ý muốn thâu chứa, những của cải, mình sẽ được do phước bố thí, nhưng chưa được bao lâu thì tiền của tiêu mòn, kho cũ đã hết, mà kho mới cũng trống trơn, trưởng giả sanh lòng ảo não, đến thưa với Ngài Mục Liên rằng: Khi trước anh bảo: "Bố thí sẽ được nhiều phước báo" tôi không dám trái lời dạy, đem tất cả ra làm việc phước đức, nay kho tàng đã hết sạch, nhưng phước báo đâu không thấy, hay là tôi đã bị lầm lạc vì anh chăng?"
Tôn giả Mục Liên bảo: "Chú chớ nên nói lời ấy! Chớ nên gây tà kiến cho những kẻ ngu mê! Nếu phước đức đều có hình tướng, thì cảnh giới hư không, dung chứa vào đâu cho hết. Tuy nhiên, nếu chú muốn, tôi có thể chỉ cho thấy một phần ít quả báo của sự bố thí. Nói đoạn, ngài Mục Liên dùng sức thần thông đem em lên đến một phương vức ở cõi trời. Nơi đây, một bầu trời thế giới trân kỳ hiển hiện: Lầu các rộng rãi bao la, cảnh trí vui tươi sáng suốt, ao thất bảo gió thơm thanh khiết, hoa Mạn Đà vẻ đẹp thần tiên! Trưởng giả mục kích sững sờ, ngơ ngẩn, nhìn đông quên tây, lại thấy từ trong cung điện lộng lẫy, chậm rãi đi ra một đoàn ngọc nữ. Trưởng giả liền hỏi anh rằng: "Đây là cảnh nào mà phong cảnh xinh tươi như thế? Sao tôi chỉ thấy toàn là người nữ, không có nam nhơn? "Tôn giả Mục Liên bảo: "Chú hãy đến hỏi ngay mấy nàng kia, sẽ được biết rõ". Trưởng giả đem những lời ấy hỏi, thiên nữ đáp: "Đây là cung trời Đao Lợi, chúng tôi ở chốn này đã lâu hưởng phước tự nhiên, những thức ăn mặc tùy niệm hiện ra, không cần phải nhọc sức tạo tác. Bao nhiêu cung điện và tất cả sự trang nghiêm tốt đẹp nơi đây, cho đến sắc thân thanh khiết xinh tươi của chúng tôi, đều là kết quả của sự bố thí. Ngài muốn biết ngài trượng phu của chúng tôi ư? Người ấy không ai xa lạ, chính là những vị nào siêng tu phước đức. Hiện nay, ở cõi nhân gian, về xứ Ca Tỳ La Vệ, Tôn giả Mục Liên vị đệ tử thần lực của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có một người em ưa bố thí, người ấy không bao lâu mạng chung, sẽ thác sanh lên đây và sẽ là người chủ quản của chúng tôi sau này".

Nghe thiên nữ nói, trưởng giả bỗng nhiên vui mừng khấp khởi, cảm phát lòng lành, liền trở về chỗ Ngài Mục Liên thuật lại mấy lời ấy. Tôn giả mỉm cười, hỏi gạn lại: "Thế nào? Sự bố thí có phước báo hay không? "Trưởng giả hổ thẹn, sám hối. Sau khi trở về nhân gian, ông lại càng bố thí nhiều hơn và khuyến khích người khác làm theo, không lúc nào biết chán nản.

*

Thuở xưa, ở thành Xá Vệ có Vị trưởng giả, một ông tên là Tối Thắng, một ông tên là Nan Hàng. Cả hai đều rất giàu có, bảy báu đầy đủ, voi, ngựa, xe cộ, tôi trai, tớ gái đông đúc, ruộng vườn sự sản vô cùng to tát. Nhưng, về tánh tham lam, bỏn xẻn của hai ông này, ở trong nước thật không ai hơn. Trưởng giả Tối Thắng cũng như Nan Hàng, mỗi ông đều xây tường thành cao, làm bảy lớp cửa, dặn gia nhân đừng cho kẻ ăn xin vào nhà. Chưa lấy thế làm đủ, hai ông còn sắm những tấm lưới sắt che giăng khắp trên sân, vì sợ loài chim bay xuống mổ lúa thóc. Cho đến các kho vựa, cũng đều làm bằng sắt, quyết không để loài chuột xoi khoét vào cắn phá đồ vật.

Nghe tiếng hai ông trưởng giả keo bẩn, năm vị đệ tử lớn của Đức Phật tuần tự nhau dùng phép thần thông, phân thân đi đến mỗi nhà, từ dưới đất bay lên, thuyết pháp giáo hóa. Nhưng kết cuộc, hai ông trưởng giả chẳng nghe lời giảng dạy. Sau rốt, Đức Phật cũng dùng phép phân thân đi đến, hiện thần lực, ngồi nằm giữa hư không, phóng ánh sáng rực rỡ soi khắp mọi nơi, nói ra pháp màu nhiệm, hai vị trưởng giả tai nghe, nhưng còn chưa hiểu thấu đều tự nghĩ rằng: "Nay Đức Thế Tôn đã đến nhà, ta không nên để cho Ngài về không" nghĩ như thế, mỗi ông tự vào kho lấy vải để đem ra cúng Phật. Vì còn nặng lòng tham tiếc, hai ông định lựa vải xấu, nhưng lấy lầm phải thứ tốt, khi trở vào đổi, lại lấy thứ khác tốt hơn. Bây giờ, cả hai tâm ý phân vân, nửa muốn đem ra, nửa muốn cất vào, băn khoăn không nhất định.

Lúc ấy, Đức Phật dùng thiên nhãn xem thấy chư thiên đang đánh với A Tu La, khi được hơn khi bị thua, kia là quả báo của tâm trạng hơn kém trong khi bố thí. Đức Thế Tôn lại quán sát, đến tâm của hai vị trưởng giả, thì thấy lúc có tâm bố thí hơn, tâm bỏn xẻn thua, có lúc tâm bỏn xẻn hơn, tâm bố thí thua, Ngài liền nói bài kệ rằng:

"Bố thí như chiến tranh
Điều ấy Phật không khen
Khi thí là khi đánh
Hai việc ấy đồng nhau".

Hai vị trưởng giả nghe xong, trong lòng hổ thẹn, cho rằng Đức Phật đã nói ngay tâm trạng của mình, mỗi vị đều đem vải tốt ra dâng cúng Phật. Cúng dường xong, cả hai tâm trí sáng suốt, đều chứng được đạo quả.

Trí Hiền

"Làm gì có sự lũng đoạn về kinh tế, người bốc lột người, một khi nhân loại

đã thực hành tài thí".

Túi tham không đáy

Vào thời quá khứ xa xưa, ở Diêm Phù Đề có vị Chuyển Luân Thánh Vương tên Ma Đa Tu ngự trị. Ngài oai quyền tột bực, thống lĩnh cả bốn châu thiên hạ, gồm có tám muôn bốn ngàn vị tiểu vương chư hầu.
Tuổi thọ của chúng sanh thời ấy đến vô số năm. Đức vua lại có quyền phép thần thông biến hóa không lường, ngài chỉ cần vỗ tay nhẹ thì mưa bảy báu rơi xuống ngay.
Thuở ấu niên hoa mộng, Đức vua nô đùa thỏa thích trong vòng tám muôn năm, đến khi trưởng thành vào khoảng tám muôn bốn ngàn tuổi được vua cha giao quyền nhiếp chính. Giữ chức nhiếp chính hết tám muôn bốn ngàn tuổi thì được chính thức đăng quang lên ngôi Chuyển Luân Thánh Vương thật thụ.
Trải qua một thời gian dài, tám muôn bốn ngàn năm đằng đẵng ngự trị trên ngai vàng, nhưng đức vua Man Đa Tu luôn luôn cảm thấy không hài lòng với hiện tại, một hôm ngài phán hỏi các cận thần:
- Nầy chư hiền khanh, có nơi nào nhiều lạc thú đặc biệt hơn những gì trẫm đang tận hưởng không?
Các quan đồng tâu rằng:
- Muôn tâu Hoàng Thượng, những thú vui ở trần gian quả thật không có bao nhiêu để bệ hạ tận hưởng xứng đáng với ngôi vị Chuyển Luân Thánh Vương. Duy chỉ có cung trời Tứ Đại Thiên Vương đặc biệt hơn cả có đủ mọi lạc thú thần tiên thật xứng đáng để bệ hạ tận hưởng.
Đức Vua Man Đa Tu khi đã nghe qua các quan đồng tâu như thế rất đẹp ý, liền lấy vòng Chuyển Luân Thánh Vương đưa lên ba lần. Lạ thay, đức vua cùng bá quan trong nháy mắt đã hiện trên cõi trời Tứ Đại Thiên Vương. Chư thiên trong cõi Tứ Đại Thiên Vương thấy đức Man Đa Tu ngự đến bèn mang lễ vật hoa hương đến cúng dường, đồng thời kính dâng lên đức vua tất cả cõi trời Tứ Đại Thiên Vương.
Đức vua Man Đa Tu ngự trị và tận hưởng lạc thú thần tiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương rất lâu vào khoảng tám muôn bốn ngàn năm của thế gian.
Tuy vậy Đức vua cũng chưa cảm thấy đủ với những lạc thú ở cõi Tứ Đại Thiên Vương. Một hôm, đức vua gọi Tứ Đại Thiên Vương vào hỏi:
- Nầy Đại Thiên Vương còn có nơi nào có nhiều lạc thú đặc biệt hơn cõi mà ta đang hưởng đây không?
Tứ Đại Thiên Vương đồng tâu rằng:
- Muôn tâu Đại Vương của bốn châu thiên hạ, nơi đây những lạc thú chẳng khác chi cõi người, chỉ có những thú vui nơi cung trời Đao Lợi mới tuyệt vời

gấp trăm, gấp ngàn lần cõi này.
Đức Vua Man Đa Tu rất đẹp lòng liền cầm vòng Chuyển Luân Thánh Vương đưa lên ba lần trong phút chốc đức vua Man Đa Tu và triều thần đều ngự lên cõi trời Đao Lợi.
Đức Đế Thích thấy vua Man Đa Tu đến, bèn mang hương hoa cúng dường, đồng thời xin cống hiến phân nửa cõi trời Đao Lợi cho vua.
Nơi đây, vua Man Đa Tu trị vì tận hưởng mọi lạc thú thần tiên một thời gian gần như vô tận, trải qua ba mươi sáu đời Đức Đế Thích, nhưng ngài vẫn tỏ ý chưa hài lòng.
Một hôm, đức vua nẩy sinh tà tâm, ngài thầm nghĩ rằng: "Nếu ta giết Đức Đế Thích thì một mình ta sẽ ngự trị trọn vẹn cảnh trời Đao Lợi này mới xứng đáng địa vị Chuyển Luân Thánh Vương thì ta tha hồ tận hưởng".
Một ý nghĩ độc ác dù chỉ thoáng qua bỗng nhiên Man Đa Tu cảm thấy những triệu chứng bất thường: Suy yếu, mỏi mệt, sức lực kiệt quệ, như cây đèn sắp tắt, không thể chung sống lẫn lộn cùng các chư tiên được nữa. Thế là Đức vua phải giáng trần ngay vườn thượng uyển của mình khi xưa.
Người giữ vườn bỗng nhiên thấy Đức vua Man Đa Tu ngự trong vườn một mình, vô cùng ngạc nhiên, vội vã vào triều phi báo tự sự.
Đức vua trưởng dòng họ khi hay tin vua Man Đa Tu trở về lấy làm hoan hỷ, lập tức thân hành đến vườn thượng uyển cùng với tám muôn bốn ngàn tiểu vương chư hầu mang long xa và long sàng đến đón rước đức vua về triều đình.
Đức vua từ từ trỗi dậy ngự trên long sàng, tuyên bố với mọi người rằng:
- Ta không rời chiếc long sàng nầy được nữa. Vậy xin các ngài hãy lưu ý rằng sự tham muốn của con người thật vô bờ bến, không bao giờ chấm dứt được. Nếu sau này có ai hỏi khi đức vua sắp thăng hà có trối lại những gì không thì các ngài hãy truyền lại lời ta rằng: "Ta đã được bảy báu, đã được bốn châu thiên hạ, đã được ngồi chung với trời Đao Lợi, cai quản một nửa cung trời, nhưng khi chết lòng tham vẫn chưa thỏa".
Đức vua tuyên bố xong liền thăng hà được thọ sanh nơi lạc cảnh.
Vào thời quá khứ xa xăm, tiền kiếp của vua Man Đa Tu là một người may mướn vá thuê rất nghèo túng. Thuở ấy, thời giáo pháp của Đức Phật Tỳ Bà Thi, rất được quảng đại quần chúng qui ngưỡng, chùa chiền bảo tháp vô cùng nguy nga tráng lệ được xây dựng và hộ trì rất nghiêm cẩn.
Hàng vạn Phật tử cùng nhau đến chùa nghe pháp, trai tăng rất long trọng. Chàng thanh niên may thuê thấy mọi người thi nhau đến chùa làm phước lòng rất nôn nao muốn góp phần công đức, nhưng xét đi xét lại không thấy món chi xứng đáng nên chỉ biết than thầm.
Một hôm, buổi trai tăng được đến với chư Tỳ kheo tăng, dưới sự chứng minh tối cao của Đức Phật. Gã thanh niên cơ hàn, cầm lòng không đậu, cất

tiếng than rằng:
- Than ôi! Ta là người bạc phước nhất trên thế gian này, ta chẳng có một vật mọn nào để cúng dường Đức Phật và chư Tỳ kheo tăng để gieo duyên lành. Nhưng đây cũng là dịp may hiếm có để thử thách ta, nếu ta không dõng mãnh phát tâm thì biết bao giờ mới có đủ nhân duyên như thế này. Kiếp này ta đã khốn khổ, nếu không chịu tích trữ phước đức dành cho kiếp sau thì biết bao giờ ta mới thoát khỏi cảnh khốn cùng.
Ngày hôm ấy, anh cố gắng nỗ lực may vá không ngừng, dành dụm được vài chục đồng, thì giờ trai tăng đã đến. Gã không biết cách nào hơn chạy vội đi mua một nắm hạt đậu và một nắm hạt mè, lòng tràn ngập hoan hỷ, trong ý định sẽ để vào từng bát để cúng dường đến Đức Phật và chư Tỳ kheo tăng. Trên đường đi đến nơi Đức Phật và chư Tỳ kheo tăng đang ngự, bỗng gã cảm thấy tủi thân khi nhìn thấy những bộ y phục sang trọng cùng những mâm lễ vật qu ý giá đến để bát, ai ai cũng hớn hở tươi cười, chỉ riêng anh là buồn rười rượi. Anh cố gắng đến gần nơi chư Tăng nhận vật thực với hy vọng sẽ dâng cúng đậu và mè vào bát chư Tăng, nhưng chỉ hoài công, mọi người không cho chàng vào vì nghĩ rằng chàng thanh niên này quá nghèo. Thật tấn thối lưỡng nan, dừng lại một lát anh than thầm rằng:
- "Thế là hết, ta đã mất đi cơ hội ngàn năm một thuở, vậy ta cứ đứng đây ném vào từng hạt nếu chỉ rơi vào bát của một vị thôi ta cũng hữu duyên lắm rồi".
Suy tư xong, gã bắt đầu ném từng hạt, kỳ diệu thay, phi thường thay cho tâm thành khẩn, do nguyện lực vĩ đại, những hạt đậu, hạt mè đều rơi vào bát của chư Tỳ kheo tăng và Đức Phật.
Khi được nhìn thấy hiện tượng kỳ diệu ấy, anh phát tâm trong sạch gấp trăm ngàn lần hơn nữa, lập tức quỳ xuống phát nguyên rằng:
- "Do oai đức của sự cúng dường nầy, trong kiếp vị lai, con nguyện sẻ trở thành một vị Chuyển Luân Thánh Vương để tận hưởng mọi lạc thú trên cõi đời, nếu con vỗ nhẹ tay thì mưa bảy báu sẽ rơi xuống ngay, con xin đừng sai nguyện bao giờ".
Gã thanh niên ấy, sau khi hết tuổi thọ được sanh về cõi trời rất lâu, cho đến khi vào sơ nguyên kiếp này được thọ sanh làm hoàng tử con vua Ka Ba Ya Na Ra Đa, mang tên là Man Đa Tu vậy.
Thật: Sự tham lam của con người vô cùng tận.
Giới Đức
"Người có tiền rừng bạc bể mà vẫn còn ham muốn, họ chính là người "Nghèo". Trái lại, người tuy có ít tiền bạc, nhiều khi túi rỗng không, nhưng cảm thấy mình đầy đủ, người này chính là người "Giàu".

Chiếc gương soi trong tráp báu

Thuở xa, ở một làng cách xa đô thị, có anh chàng rất nghèo, tên là Ngốc. Danh từ "Ngốc" ấy, xét ra cũng có phần phù hợp với tánh nết của anh nhưng có lẽ vì anh quá nghèo, khi đi vay hỏi, người trong làng thường khinh mắng, xua đuổi, mà anh vẫn lặng thinh như thằng ngốc, nên do đó thành danh chứ làm cha mẹ ai nỡ đặt tên cho con cái tên xui xẻo như thế bao giờ! Tuy trong làng xóm cho đến người thân thuộc đều chán sợ khi thấy dạng anh lù lù đến nhà, song vì anh nài nỉ van xin lắm lời, cũng có kẻ động lòng thương cho mượn. Nhưng, một khi mượn thì quyết không trả nổi, cho nên anh mắc công nợ khắp đó đây. Vì thế, anh lại được thêm một tên nữa là ông "Tổ nợ". Một ngày nọ, các chủ nợ đến đòi hỏi ráo riết quá, người thì thét mắng, kẻ thì nhẩy bổ lại xé rách cả quần áo, song anh vẫn ngồi ỳ ra đó mà chịu, không nói năng được nửa lời. Đêm ấy, anh nằm gác tay lên trán, hết thương thân tủi phận, lại chán cảnh, sợ đời! Thôi! "Ba mươi sáu chước, chước gì là hơn?" Suy tới nghĩ lui, liệu ở nán lại chắc không tiện, anh liền thu xếp áo quần và chút ít lương thực rồi vội vã trốn đi, trong lúc trời chưa rạng sáng. Ngày đi đêm nghỉ, lận đận vượt qua miền gió cát, ba hôm sau, anh đến một vùng nước non thanh tú, và nhất định ở đấy suốt đời. Nơi đây, anh thấy an nhàn, vui vẻ, đói ăn trái rừng, khát uống nước suối, riêng tiêu dao trong khoảng trời mây, cây cỏ, cuộc đời kể cũng đã thần tiên lắm! Có những buổi chiều, khói mù giăng ngang sườn núi, chim hôm xao xác về rừng, anh ngồi thẫn thờ như ôn lại quãng đời dĩ vãng! Có những đêm trăng khuya bàng bạc, gió lá rì rào, anh thức giấc lặng nhìn mấy dãy non xa in bóng qua nền trời mờ xám, như những búp măng non, mà thấy mình như vượt khỏi trần ai tâm trí vô cùng thanh thoát! Phong cảnh nơi đây thật là đẹp! Xa xa, dòng suối róc rách trong khe, như tiếng cười chào hỏi. Và đây, trăm thứ hoa đua nở khoe tươi, như ân cần đón rước, tất cả ngần ấy làm cho anh thỏa thích, xóa tan bao nỗi nhục trong thời gian qua. Nhưng một buổi sáng, cảm thấy trong lòng phiền muộn, chàng Ngốc thơ thẩn dạo chơi. Cảnh thiên nhiên tươi đẹp như dẫn dắt người, anh vui chân bước mãi, bất ngờ đi đến một động đá, trông vào đấy, Ngốc thấy một vật gì đen dài điểm sáng phản chiếu dưới ánh nắng trời mai. Anh lại gần nhìn xem, thì là một cái tráp bằng gỗ, có khảm bạc. Tánh tọc mạch, háo kỳ, xui cho Ngốc loay hoay tìm cách mở. Một hồi lâu, sau khi mở được cái tráp ra, bỗng anh hoa mắt, sửng sốt, vì trong ấy chứa đầy những vòng vàng, châu ngọc quí giá, anh mân mê, hết cầm viên ngọc này, đến nắm xâu chuỗi khác, say sưa nhìn ngắm! Lần lượt xem hết từng món sau cùng, Ngốc thấy dưới đáy tráp có cái gì tròn đẹp, chung quanh khảm vàng, khoảng giữa long lanh chói sáng. Đấy là một chiếc gương soi, nhưng vốn là kẻ tối tăm quê dốt, Ngốc vẫn ngờ nghệch không hiểu biết. Cầm chiếc gương lên xem, anh thấy trong ấy có người râu tóc rậm đen,

gương mặt xấu xa ra dáng hung dữ lắm! Không biết người trong gương chính là bóng của mình. Ngốc bỗng sinh ra luống cuống sợ hãi, tưởng vị hung thần nào, vội chắp tay lấp bấp nói: "Tôi tưởng chỉ riêng một mình tôi, không ngờ lại có ngài ở đây coi giữ những của báu này, tôi "thật tình" không dám tham lấy, xin ngài đừng nổi giận bắt tôi tội nghiệp!".
Nói xong, tưởng như mình đã phạm một lỗi nặng đối với thần, không kịp thu xếp đồ đạc, chàng ta vụt đứng dậy chạy bán sống bán chết không dám quay đầu trở lại...
Trí Hiền
"Đời là mộng sao ta còn mê mải
Tấm thân này do tứ đại hóa duyên
Đưa ta trong biển khổ triền mi ên
Mà cứ tưởng sống trên đường hạnh phúc!"

Đức Phật vào xem một gánh hát xiệc

Bên Ấn Độ, về thời xưa cũng như hiện nay, thường có những buổi họp chợ, những cuộc lễ Tôn giáo và những trò xiệc ngoài trời. Đó là những dịp cho đàn ông, đàn bà và con trẻ, chải chuốt trong những bộ cánh đẹp nhất, hội nhau để dự vào các cuộc lễ tôn giáo, hoặc để mua vui và tiêu khiển với những trò biểu diễn về sức mạnh và sự lanh lẹ. Đó cũng là những dịp để tô điểm đôi chút cuộc đời phẳng lì của họ, vừa hiến cho họ cơ hội gặp gỡ bạn bè, trao đổi tư tưởng và sống những giờ vui vẻ ngoài trời.
Thành Vương Xá (Rajagaha) tưng bừng, nhộn nhịp. Một gánh "Xiệc" dạo đã đến đây, với một đoàn người nhào đu danh tiếng. Dân chúng tụ họp cả ngàn để xem những trò biểu diễn lạnh xương sống của các nghệ sĩ ấy. Trong đám khán giả, có một thanh niên giàu có tên là Uggasena. Cũng như mọi người chàng đứng xem mê các trò của gánh xiệc và nhìn mãi không chán những thân hình cân xứng. đẹp đẽ của các nghệ sĩ. Nhưng điều làm cho chàng để ý nhứt là cuộc biểu diễn của một thiếu nữ, mà vẻ thùy mị và dịu dàng đã làm cho chàng xiêu lòng. Chàng tự bảo: "'Thôi rồi! Giờ phút này, phải chăng tôi đã trở thành một con nai, luôn luôn bị những ước vọng theo đuổi như một đoàn chó săn hung tợn?".
Ước vọng đó không những theo đuổi chàng mà còn bồng bột hơn trăm lần trong khi chàng uể oải lần bước trên con đường về nhà. Thế rồi cái nhà êm ấm của chàng không còn êm ấm nữa, cái giường mà bấy lâu chàng nằm xuống là ngủ thẳng một giấc, không còn duyên dáng và êm thấm nữa. Trước cử chỉ thay đổi bất thình lình của chàng, cha mẹ chàng đâm ra hoảng hốt. Lần lần nỗi lòng thầm kín của chàng được tiết lộ. Cha mẹ chàng tìm đủ

phương kế làm cho chàng đổi sầu ra vui, nhưng vô hiệu quả. Rốt cuộc, chàng cưới cô đào hát và theo gánh xiệc trôi nổi giang hồ.
Về sau, vợ chồng ăn ở với nhau được một mụn con. Lần hồi sự khắng khít buổi đầu giảm bớt. Thấy chồng không làm gì được cả, bà vợ không ngớt trách móc và ngạo báng. Không thể chịu nổi nữa những tiếng bấc giọng chì và tình phai lạt của vợ. Về sau, chàng tập nghề nhào đu và trở nên một nghệ sĩ trứ danh. Chàng bèn tự tay lập một gánh xiệc dạo và đi từ thành này đến thành khác diễn trò.
Một hôm có tin đồn chàng Uggasena và đoàn xiệc của chàng sẽ đến diễn một buổi tại thành Vương Xá. Lúc ấy, Phật đang trú tại tịnh xá Vehivana, trong thành này, như thường lệ, Ngài nhập định và phóng quang soi khắp tam thiên thế giới. Ngài chiếu thấy căn cơ của Uggasena là bậc có thể lãnh thọ giáo pháp của Ngài có hiệu quả. Thế rồi, sáng hôm ấy, Đức Phật cùng các hàng đệ tử sắp hàng vào thành khất thực. Dọc đường, thấy công chúng đang nhóm nhau xem gánh xiệc của Uggasena biểu diễn, Ngài bèn dừng bước lại. Bao nhiêu con mắt đều đổ dồn vào Ngài, quên xem hát. Uggasena rất ngạc nhiên và phẫn uất. Chàng tưởng cho tài nghệ đã đến lúc xế chiều, vì chàng đang diễn cái trò hay nhất của chàng, nhận thấy những ý niệm đang quay quần trong đấu óc chàng, Đức Phật bèn đọc một bài kệ:
"Hãy xả những việc sẽ đến, hãy xả những việc đã qua.
Hãy xả những việc trong hiện thời, hãy bước sang bờ bên kia.
Nếu lòng ngươi được giải thoát mọi nỗi ràng buộc,
Ngươi không còn trôi giạt trong dòng sanh tử nữa".
Nghe kệ xong, Uggasena ngộ đạo và được Phật cho nhận vào hàng đệ tử...
Đại Đức SHANTI BHADRA
(Tích Lan)
"Đời ngũ trược con thề vào trước
Dù gian nguy chí cả không sờn
Cứu chúng sanh là báo Phật thâm ân
Lời vàng ngọc con hằng ghi dạ".

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Phần IV - 4

Mượn cớ xin sữa hàng phục ngoại đạo
Tại nước Duy Da Ly, có một người Phạm Chí tên là Ma Da Lợi, nhà rất giàu có mà theo ngoại đạo, hàng ngày công kích Phật giáo. Một ngày kia, Phật

muốn làm cho tên Ma Da Lợi sanh lòng kính ngưỡng, mới sai ông A Nan đến nhà ông ấy mà xin sữa.
Ma Da Lợi tự nghĩ rằng: "Ta với Phật khác hẳn tôn giáo, nếu ta cho sữa thì người ta tưởng rằng ta đã tùng phục, chi bằng ta chỉ con bò cái dữ mà có tính hay húc người cho A Nan vắt lấy sữa để nó húc chết cho nhục đạo chơi".
Nghĩ như vậy rồi, Ma Da Lợi sai con dẫn ông A Nan đến chỗ con bò dữ hay húc người.
Khi ông A Nan đến gần con bò cái, ông tự nghĩ rằng: "Thầy ta đã dặn rằng phàm đã là Sa Môn không nên dùng tay vắt sữa, nay ở đây không có ai vắt giúp thì ta biết liệu làm sao?".
Đương lúc ông A Nan ngẫm nghĩ như vậy, bỗng đâu có một vị Đế Thích hóa làm người Phạm Chí tuổi trẻ đứng bên con bò cái, ông A Nan liền nói: "Xin ông nặn giùm tôi thì tôi cảm ơn!". Phạm Chí tức thì tiếp lấy cái bình bát, lại bên con bò dữ mà nặn lấy sữa, con bò đứng yên không dám làm gì cả.
Ông A Nam được sữa, cám ơn Phạm Chí, từ tạ Ma Da Lợi rồi vui mừng cầm bình sữa đem về dâng Phật.
Ma Da lấy làm lạ nghĩ rằng: "Bò của ta lâu nay thật là dữ tợn, vì sợ nó húc nên không ai dám lại gần nó cả, cớ gì mà nay lại hiền lành như vậy, đây chắc là nhờ đức của mấy môn đệ Phật cảm hóa nó ra thế hẳn. Đạo đức của môn đệ mà còn như vậy, huống chi là cái đức thần thông của Phật chắc còn rộng lớn biết là nhường nào?". Từ đấy về sau, Ma Da Lợi mới vui mừng tín ngưỡng theo Phật.
Khi Phật dùng sữa rồi mới giảng rằng: "Con bò mà A Nan mới lấy sữa về cho ta đó, nguyên ngày trước là người si mê chẳng tin Phật pháp, thường khinh rẻ các Sa Môn, nên khi chết rồi, phải đọa làm thân con bò trải đã 16 kiếp rồi, nay mới nghe danh hiệu của Phật mà chịu cho người vắt sữa để cúng Phật. Do nhân duyên ấy, rồi nó sẽ thoát khỏi mọi sự khổ báo trong ba đường ác, và được làm người tu hành, tinh tiến trải qua nhiều kiếp rồi sẽ thành Phật hiệu là Nhũ Quang Như Lai.
TÂM MINH
"Hạnh phúc thay cho chúng ta, sống không hận thù giữa những người hận thù".

Gieo gió gặt bão
Hồi ấy, cách đây hơn 2500 năm, người ta tính trên trái đất Ấn có đến 96 học thuyết và giáo phái. Tôn giáo nào cũng tự hào lý thuyết mình là đúng, là hay rồi tìm mọi phương để bành trướng. Trong số có một phái tôn thờ quỷ thần, thủ lãnh là một bà mập mạnh, có giọng nói oang oang, lại thêm có tài hùng biện. Nhờ thế mà phái ấy làm chủ được một vùng khá rộng.
Hôm nọ, một tin rúng động từ xa đưa đến: Thái tử Tất Đạt Đa đã chứng

thành đạo quả ở gốc cây Bồ Đề, hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Hiện Ngài đã bắt đầu đi truyền giáo. Người theo Ngài rất đông. Lý thuyết Ngài dạy là hễ gây nhân nào là hưởng quả ấy. Cuộc sống của mọi người đều do bàn tay của họ sáng tạo. Con người không thể là trò chơi của các đấng thần linh. Hay tin ấy, bà thủ lãnh rất đỗi lo sợ. Bà lo vì ảnh hưởng của đức Phật càng lan rộng tất đạo của bà sẽ hết người tôn thờ. Am đền của bà sẽ trở nên "hương tàn bàn lạnh". Bà sẽ hết đất để sinh nhai. Nhưng lo cũng không khỏi, cái gì đến tất sẽ đến, tín đồ của bà hướng về đức Phật mỗi ngày mỗi đông. Ăn ngủ không yên, bởi dòng suy tưởng chi phối. Bà mong có phương pháp thần hiệu để hạ uy tín đức Phật.

Đêm hôm ấy, trằn trọc mãi không ngủ, bà đánh thức các môn đồ dậy lo cho bà ăn thật sớm.

Thấy nỗi thắc mắc và lo toan hiện rõ trên nét mặt của bà, các môn đồ hỏi lý do. Bà cho hay là sáng ngày bà sẽ đi sỉ nhục đức Phật. Bà khuyên môn đồ giữ vững đức tin. Bà hứa với họ rằng, bà sẽ cầu xin đấng thần minh ban phước cho bà triệt hạ uy tín đức Phật.

Cơm nước xong, không gian đang mù tỏa ban đêm, bà hăm hở lên đường trong niềm hy vọng. Vài giờ sau, mặt trời vừa xuất hiện, soi sáng trần gian bà đã đến nơi đức Phật thiền định, bà la rầy khiêu khích dùng lời thô tục mắng nhiếc đức Phật. Mặc cho bà quát tháo, đức Phật vẫn ngồi yên lặng. Thật là hai thái cực!

Thấy Phật không trả lời, bà nghĩ là Ngài đã thua cuộc và chứng tỏ rằng ngài quá ương hèn trước áp lực của người khác. Như thế, Ngài là người không đáng cho mọi người kính trọng và tôn thờ. Do đó bà càng làm già hơn nữa. Nhưng lúc mặt trời vừa đứng bóng, bà mệt lả, vì bụng đói, khát nước và rát cổ. Bà ngồi phịch xuống đất và suy gẫm. Sau cùng thua buồn thua kiện, bà đến hỏi đức Phật:

- Ông kia, sao tôi la rầy ông từ sáng sớm đến giờ mà ông không nói gì cả. Thường thường tôi mắng ai, tôi một thì họ mười. Trái lại tôi chưa gặp ai như ông, mặc cho người khác nguyền rủa.

Cơ duyên đã đến, đức Phật xuất định, dịu dàng cất tiếng: - Ta xin hỏi ngươi một điều này: một hôm nọ, nhà ngươi có giỗ, ngươi mang bánh cho hàng xóm, nhưng họ không nhận, thế thì bánh ấy về ai?

- Ồ! Nghe thiên hạ đồn, ông là bậc giác ngộ, trí tuệ tuyệt vời, song giờ đây nghe ông hỏi, tôi nghĩ buồn cười quá, tôi mang cho hàng xóm, nhưng họ không nhận vậy thì tôi mang về. Tôi giữ lại cho gia đình tôi ăn chứ nó về ai nữa mà hỏi. Ông thật là điên rồ!

Vẫn bình tĩnh, dịu dàng, đức Phật lại nói:

- Ngươi mang bánh cho hàng xóm nhưng họ không lấy thì ngươi mang về, cũng như thế, từ sáng đến giờ ngươi biếu ta không sót một tiếng gì nhưng ta

không lãnh, vậy những cái ấy tự trở về với ngươi tất cả. Điều ấy có khác gì kẻ cầm đuốc đi ngược gió, tất sẽ cháy tay, kẻ đứng ngược gió vãi bụi tất sẽ lấm mình, hoặc kẻ ngửa mặt lên không trung mà nhổ nước miếng tất nước miếng sẽ rơi vào mặt.
Suy gẫm một hồi, bà ta xác nhận rằng, mình hại người, tội lỗi về sau phải chịu đó là thứ vô hình mình không thể thấy, song hiện tại mình quá ư lỗ lã. Xưa nay mình không ăn sáng, nay phải mất một bữa cơm, đó là điều lỗ thứ nhất. Sáng nay bỏ mất một buổi làm ăn, đó là điều lỗ thứ hai. Khát nước, bụng đói, rát cổ, nhưng trưa nay về không thể nuốt được cơm nước, đó là điều lỗ thứ ba. Với sự mệt mỏi, dầm sương phơi nắng từ khuya đến giờ, thế nào cũng mang bệnh. Nếu bệnh tất phải bỏ làm ăn tốn thuốc men, phiền lụy đến thân thuộc, đó là điều lỗ thứ tư. Sau phút suy gẫm bà cảm thấy đức Phật là một bậc có sức mạnh vô song khôn hơn mọi người, bà hết sức khâm phục và trở nên hòa dịu. Bà đến qùy trước đức Phật cầu xin sám hối lỗi lầm, xin quy y làm môn đệ và nguyện sau khi trở về sẽ dẹp thần tượng, hướng dẫn môn đồ trở về con đường chân chánh.
Trên đường về, người đệ tử của đức Phật – bà thủ lãnh của đạo quỉ thần miên man nghiệm lời Phật dạy. Để dằn sự hung bạo quen thói của mình, đồng thời để nói lên ý nghĩa của lời Phật dạy, bà ta lặp đi lặp lại: "Gieo gió, gặt bão".
MINH TUỆ
"Mặt trời còn mọc, quả đất còn xoay, thì Đức Từ Bi Trí Tuệ bao giờ cũng thắng bạo tàn độc ác... Chân lý sẽ đánh tan tà thuyết, bóng tối sẽ tiêu diệt trước ánh sáng huy hoàng của bình minh".

Truyện chàng Lương Cầu
Đời nhà Minh, ở tỉnh Quảng Đông, làng Huỳnh Cang, có một danh sĩ tên là Lương Cầu, cha mẹ mất sớm, gia tư chỉ có hai khoảnh đất đủ tự cung cấp. Ngày đêm ông chuyên đọc kinh sử và dạy học, kiếm được bao nhiêu tiền thì mua chim cá phóng sanh, cư xử đúng câu châm ngôn của ông là "HÀNH THIỆN CHỈ ÁC, GIỚI SÁT CẤM DÂM" mà ông viết trên giấy và dán bên chỗ ngồi.
Có người bảo ông theo đạo Phật. Ông cãi nói: "Đạo nho cũng giới sát và cấm dâm như đạo Phật vậy". Xưa vua Thang đi săn, mở lưới một mặt cho cầm thú, vua Văn Vương vét ao thả cá và lập vườn nuôi chim, Đức Khổng Tử chỉ câu làm vui chớ không thèm móc lưỡi, còn Thầy Mạnh cấm lưới chài, chẳng cho bắt cá trong hồ ao. Đó là về giới sát, còn về cấm dâm, thì sách nho há không nói: "Vạn ác dĩ dâm vi thủ", "Lên án tội dâm, tức là cấm đó".
Có người lại hỏi vặn: "Không gần đàn bà thì không con nối hậu" nhà Nho

không sợ bất hiếu sao ? Lương Cầu đáp: "Xưa Sào Phủ, Bá Di, Thúc Tề, Hứa Do đều vô hậu cả" nhưng đến nay thiên hạ còn khen, hoặc xưng "Tỵ thế cao nhơn" hoặc xưng: "Thanh phong thiên cổ". Còn vua Nghiêu, vua Thuấn có con mà là những con ngỗ nghịch, thì thử hỏi chỗ nào hiếu, chỗ nào không hiếu".

Đến đời Khương Hy năm thứ 9, tháng 6, đêm mồng 8, ông chiêm bao thấy quỉ sứ đến bắt. Ông nói: "Tôi không sợ chết và cũng chẳng tiếc thân". Nhưng sách có nói: "Nhân Từ giã thọ" người có lòng nhân từ thì sống lâu tôi là người dứt ác làm lành, không sát sanh mà còn lại phóng sanh, cớ sao tuổi tôi mới 41 mà phải chết? Vậy xin phiền hai ngài về tấu với Diêm Vương coi ngài định lẽ nào?".

Hai quỉ sứ nghe lời ra về, rồi cách vài bữa sau trở lại cho Lương Cầu nằm mộng và đáp rằng: "Diêm Vương phán thế gian chỉ biết lẽ "Thiện ác quả báo" trong một đời hiện tại mà thôi, chớ biết lẽ "Thiện ác quả báo" trong ba đời là quá khứ, hiện tại và vị lai. Vì chỗ đó cho nên Phật có dạy: "Muốn biết kiếp trước tạo nhân thế nào, thì xem quả báo đời này, còn muốn biết quả báo kiếp sau thế nào, thì xem những nhân tạo ở đời này". Lương Cầu kiếp trước không có làm lành, chỉ tạo những tội sát sanh, nên kiếp này chỉ hưởng thọ chừng đó thôi".

Lương Cầu nghe mấy lời, bèn theo quỉ sứ đi. Trong chốc lát thấy đường gai gốc, chỗ cao chỗ thấp, thực nguy hiểm gập ghềnh, ông hỏi quỉ sứ có đường nào khác dễ đi hơn không? Quỉ sứ đáp chỉ có một đường dễ đi mà lại gần, tên là "Báo oan cảnh", nhưng người có tội đến đó sẽ bị cầm thú làm trở ngại và sách nhiễu, e không tiện. Nghĩ mình vô tội, Lương Cầu xin dẫn đi đường ấy. Quả thật, khi đến nơi, cầm thú trông thấy Lương Cầu thì lật đật nhường đàng tránh, con thì ngoắt đuôi, con thì chớp cánh. tỏ vẻ hoan nghênh còn những ai phạm giới sát sanh thời bị chúng lấy sừng mà chém, lấy chân mà đạp, hay mổ mắt, xé da, rứt thịt, v...v...

Qua khỏi nơi đây là một cái chợ, kẻ bán người mua nhộn nhịp như cảnh thế gian. Quỉ sứ dẫn ông vào quán và mời ông ăn gỏi uống rượu. Ông từ chối nói không quen uống rượu. Quỉ sứ khen ông là bực thiện sĩ.

Ra khỏi chợ là trời vừa tối, chợt thấy một tòa cổ miếu rất tôn nghiêm, bông hoa rực rỡ, thực là thắng cảnh. Trước cửa có treo một bảng vàng khắc mấy chữ "Sắc phong Long Mẫu miếu".

Quỉ sứ dắt Lương Cầu vào đó nghỉ. Đến độ nửa đêm ông thấy một nàng ngọc nữ, tay trái xách một lồng đèn, ngọn sáng ngũ sắc, tay phải cầm một cái kim bài đề hai chữ "Thỉnh nhập". Ngọc nữ cất tiếng truyền "Lịnh Thánh Mẫu mời thiện sĩ vào hậu viện dạy việc". Lương cầu vâng lời đi theo vào đến sau thì thấy một vị Thánh Mẫu cho phép ngồi và hỏi : "Bình nhật thiện sĩ ở trên dương thế học đạo nào và tập nghề gì?".

Lương Cầu thưa: "Tôi học đạo nho và dạy học trò, làm điều lành lánh điều dữ và giới sát cấm dâm, chỉ bấy nhiêu đó thôi".
Long Mẫu khen nhưng hỏi tại sao đã giữ giới được như thế mà không qui đầu về Phật pháp. Lương Cầu xin cho biết lợi ích của Phật pháp.
Long Mẫu đáp: "Đạo Phật là một đạo tối tôn vô thượng, kẻ nào không biết qui về Phật pháp ví chẳng khác con voi lội xuống bùn, càng lội xuống càng sâu. Còn người nào biết theo về với Phật thì chẳng khác mặt trời mọc trên biển, càng cao càng sáng, chẳng những khỏi đọa vào nghiệp Tam đồ, mà còn thoát khỏi miền Tam giới".
Lương Cầu bèn than: "Nay Diêm Vương đã tróc mạng tôi xuống đây, làm sao trở về dương thế mà tu hành cho được?".
Long Mẫu dạy: "Như người có lòng quy đầu về Phật pháp thì đứng giữa đây, chấp tay niệm "Nam Mô A Di Đà Phật, nguyện cho kiên cố, rồi đến điện Diêm Vương phải trần tình thiệt tấu, thì chắc Ngài hoan hỷ mà cho ngươi cải tử hoàn sanh".
Lương Cầu nghe lời, bèn đứng dậy chắp tay niệm Phật. Long Mẫu khen và lấy chén vàng, rót nước trong bình lưu ly, sai thị tỳ phụng cho Lương Cầu uống. Bà lại khuyên: "Ngươi uống chén nước đó thì tâm thần khỏe khoắn trí tuệ mở mang, coi đâu nhớ đó, thiệt nên lợi ích". Lương Cầu tiếp chén nước uống vào quả nhiên tinh thần sảng khoái, quên đói quên mệt.
Khi ấy, trước viện đã rựng sáng, quỉ sứ vào giục đi. Ông đứng dậy từ tạ Long Mẫu, rồi theo chân quỉ sứ. Đi một hồi lâu, thấy một tòa thành quách nguy nga, lâu đài quảng diệm. Quỉ sứ dắt ông vào thì đây là điện vua Diêm Vương, hai bên tội nhân chật ních, kẻ gông người xiềng, ra dáng khổ cực không kể xiết.
Bỗng đâu ông nghe có tiếng dạy dẫn ông đến trước Diêm Vương, bảo tra sổ bộ thì Phán Quan thưa Lương Cầu được 41 tuổi, trong bộ ác thì chỉ có hai việc nhỏ nhất, còn trong bộ thiện thì đủ 10 điều lành. Vua khen: "Như thế thì thật là người thiện nhân đáng sanh về thiên giới. Vậy dẫn chàng đến tạm trú nhà Thiên Đường, đợi trên Đao Lợi sai tiên Đồng, Ngọc nữ xuống rước".
Lương Cầu nghe phán, quì xuống tâu rằng: "Nay tôi chưa được 41 tuổi thì tôi cũng được an mạng, nhưng tôi còn một đại nguyện chưa xong, xin Đại Vương mở lượng từ bi cho tôi cải tử hoàn sanh đặng về dương gian làm cho mãn nguyện, rồi tôi sẽ xuống. Vua hỏi chuyện chi, Lương Cầu đáp: "Nguyện quy đầu Phật Pháp".
Vua cười: Ngươi ở dương thế đã 41 năm, sao không tu, để nay xuống âm ty rồi lại xin trở về? Lương Cầu đem sự thật trình bày là lúc ở thế chỉ học đạo Nho mà chư hiền đều công kích đạo Phật, chỉ mới đây nhờ Long Mẫu dạy bảo mới hiểu Phật Pháp là con đường duy nhất nên theo.
Vua phán: "Thế thì phúc đức nhà ngươi lớn lắm. Ngươi đã phát nguyện quy

đầu Phật Pháp thì chư Phật và Bồ Tát đều hoan hỷ. Ta đây cũng hoan hỷ luôn, tăng thọ cho ngươi một giáp nữa đặng về dương gian mà tu học".
Lương Cầu tạ vua rồi theo Phán Quan dạo khắp các tư hình, lật án này, dở bộ nọ, xem đâu nhớ đó, không quên một chữ, không sót một câu. Xong xuôi, Phán quan giao ông cho quỉ sứ dắt về dương gian.
Hồn nhập vào xác, Lương Cầu ngồi dậy, tinh thần khỏe khoắn, dường như chiêm bao mới tỉnh.
Cách vài bữa sau, ông sắm đủ trầm trà và hoa quả, bèn thiết một đàn tràng giữa nhà mà tạ ơn bà Long Mẫu, rồi cạo đầu nhuộm áo, bỏ nhà vào núi ẩn tu. Sau ông thành một vị Cao Tăng, sống thêm được 52 năm nữa, ở tu tại tỉnh Quảng Đông. Do việc của ông mà trong làng Huỳnh Cang, nguyên quán của ông, có câu tương truyền: Bỏ nho theo Phật.
MINH TỊNH
"Ta đã chết nhưng chẳng bao giờ mất
Theo luân hồi cũ, mới bấy nhiêu thân?
Trong lục đạo nghiệp duyên qua xứ xứ
Lành hay hung tùy những nghiệp xoay vần".

Hạt cơm cúng Phật
Ngày xưa, ngoài thành Xá Vệ có một nhà nữ Phật tử thuần thành, nhưng bà ta lại gặp một người chồng, không tin có đạo đức, nhân quả, tội phước, dù bà ta nhiều lần giảng giải.
Một hôm Đức Thế Tôn, mang y ôm bát đến nhà bà khất thực, gặp lúc chồng bà vắng nhà, bà mang đồ ăn ra cúng dường Đức Thế Tôn, rồi đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, Đức Phật chú nguyện cho bà: "Gieo một gặt mười, gieo mười gặt trăm, gieo trăm gặt ngàn. Nhờ công đức bố thí bát cơm này, thí chủ sẽ được vô lượng phước báu".
Trong lúc Thế Tôn đang thuyết giáo, thì người chồng từ thành Vương Xá trở về. Nghe Đức Phật nói như vậy, chẳng hiểu nghĩa lý gì cả, anh sấn tới trước Đức Phật:
- Nầy Sa Môn Cù Đàm, làm gì mà được nhiều như vậy? Sa Môn nói láo, Sa Môn nói không thật! Sa Môn hãy đi khỏi chỗ này đi.
Dù anh ta ăn nói lỗ mãng, nhưng Đức Thế Tôn vẫn mỉm cười. Ngài ôn tồn bảo:
- Nầy anh, anh từ đâu, mà về đây?
- Từ trong thành về.
- Anh đi ngang qua khu rừng, có thấy cây Ni Câu Loại không?
- Thấy.
- Anh thấy nó bao cao?
- Cả hàng trăm thước.

- Mỗi năm nó cho được bao nhiêu trái?
- Ồ không kể hết, chỉ có đem thúng mà lường thôi.
- Nầy anh, đầu tiên chỉ có một hạt bé tí mà sanh ra cây Ni Câu Loại cao hàng trăm thước, cành lá sum suê chiếm một khoảng rừng rộng lớn, mỗi năm nó cho ta hàng trăm ngàn quả. Nầy anh, đó là loài vô tri còn như vậy huống là thí chủ hoan hỷ cúng dường cho Như Lai một bữa ăn, phước đức ấy không thể đo lường được.
Nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng, anh chàng hồ đồ ấy trong tâm bừng tỉnh, rất lấy làm ăn năn hành động thô ác của mình vừa rồi, liền đến quỳ dưới chân Thế Tôn cầu xin sám hối.
- Kính bạch Thế Tôn, kính mong Thế Tôn từ bi tha lỗi cho con, từ đây con xin quy y Phật, Pháp và Tăng mong Thế Tôn nhận cho con làm Ưu Bà Tắc.
- Lành thay cư sĩ.
Ngay tại chỗ, hai ông bà đều chứng quả Dự Lưu.
GIỚI ĐỨC
"Cái gì tôi đã tiêu xài, bây giờ không còn nữa.
Cái gì tôi đã mua sắm, bây giờ tôi phải để lại cho ngườI khác.
Chỉ có cái gì tôi đã cho là còn thuộc về của tôi".

Vakkali
Vakkali là một thanh niên Bà La Môn ngụ tại thành Xá Vệ. Thời niên thiếu và thanh xuân của chàng trôi qua bình thản trong tình yêu của cha mẹ và các bạn hữu đồng trang lứa. Cho đến một hôm, tâm tư của chàng trẻ tuổi bỗng dưng bị xáo động vì hình bóng của một Sa Môn áo vàng. Tư thái uy nghiêm, cốt cách cùng tướng hảo vô song của vị tu sĩ khiến chàng trai vô cùng kinh ngạc. Vakkali đứng ngây người ra chiêm ngưỡng phong cách vị tu sĩ và cảm thấy lòng nhen nhúm một niềm yêu kính vô bờ đối với con người xa lạ đó. Chàng nghĩ thầm:
- Quái lạ! Không ngờ trong cõi đời này, lại có người đẹp trai lạ lùng đến thế. Ôi! Ước gì ta được ở kề cận bên người để nhìn cho thỏa thích.
Vakkali dọ hỏi và được biết rằng vị Sa Môn ấy xưa kia là một ông Hoàng vương giả, đã từ bỏ ngai vàng đi tầm đạo và đã giác ngộ. Người ta thường gọi Ngài là Sa Môn Cồ Đàm và hàng đệ tử thì cung kính gọi Ngài là Thế Tôn.
Vakkali bèn xin xuất gia vào Tăng đoàn sống đời khất sĩ. Vì mục đích xuất gia của chàng không lấy gì làm cao xa cho lắm nên hàng ngày, ngoài những giờ đi bát cần thiết, Tỳ kheo Vakkali luôn luôn tìm một chỗ ngồi thuận tiện để được chiêm ngưỡng từ dung đức Đạo Sư cho thỏa thích. Thầy chẳng quan tâm gì đến việc học kinh tọa thiền hay những bổn phận của một chú tiểu sơ cơ. Đấng Đạo Sư biết rõ tâm niệm của Vakkali nhưng Ngài vẫn im lặng chờ

đợi, như chờ đợi ngày trăng đến rằm thì tròn vậy. Và ngày ấy đã đến.
Một hôm đức Đạo Sư quay lại bảo Vakkali, khi chàng đang say đắm nhìn Ngài:
- Nầy Vakkali đâu có gì thích thú khi nhìn ngắm một hợp thể bất tịnh gọi là thân ta? Chỉ khi nào Vakkali nghe lời Như Lai dạy, thấy được pháp sinh diệt thì mới được gọi là thấy Như Lai.
Nhưng bất kể lời khuyên của Phật, Vakkali vẫn giữ nguyên tâm niệm và thái độ cũ, chàng không thể nào buông tầm mắt khỏi đức Đạo Sư. Cuối cùng đức Đạo Sư đành rời Xá Vệ và cấm không cho Vakkali đi theo.
Ba tuần trăng trôi qua, Vakkali không được nhìn thấy hình bóng và nghe pháp âm của đấng Đạo Sư lòng sầu khổ vô hạn, chàng tự nghĩ rằng: "Mình đã từ bỏ gia đình đổi lớp áo cao sang của một chàng công tử danh gia để vào cuộc sống bần hàn khất sĩ, chỉ với một mục đích duy nhất là được gần gũi chiêm ngưỡng đấng Đạo Sư. Thế mà Ngài lại hất hủi ghét bỏ mình, trong khi Ngài rất mực từ bi dịu dàng đối với tất cả chúng sinh chí đến con sâu cái kiến."
Một hôm quá sầu não, Vakkali nảy ra ý định quyên sinh. Chàng leo lên một đỉnh núi cao, định buông mình xuống vực sâu cho rảnh nợ đời. Biết được ý định ngông cuồng của người đệ tử trẻ tuổi, đức Đạo Sư hiện thân đến gần Vakkali và cất tiếng gọi:
- Nầy Vakkali hãy đến đây với Như Lai.
Vakkali run lên vì vui mừng:
- Có thật chăng ? Có thật là Thế Tôn gọi con, Ngài không xua đuổi con nữa ư?
Và dưới bóng mát của một cội cây rừng bên tảng đá, đức Đạo Sư ôn tồn bảo:
- Nầy Vakkali! Tại sao con có ý định quyên sinh?
- Bạch Thế Tôn! Vì con cảm thấy quá sầu não, quá phiền muộn. Con không tìm thấy niềm vui nào trong đời sống khất sĩ đạm bạc nầy, ngoài việc chiêm ngưỡng tướng mạo phi phàm của Thế Tôn.
- Nầy Vakkali! Niềm vui nào rồi cũng phải úa tàn. Sắc thân của Như Lai, dù là phi phàm đi nữa rồi cũng phải chịu sự chi phối của già, bệnh, chết. Bất cứ pháp gì trên đời nầy có sinh đều phải có diệt. Đó là một định luật đương nhiên. Nếu biết rõ điều ấy, ta có nên đặt hết lòng hy vọng bám víu vào những sinh diệt ấy, để mưu cầu một hạnh phúc vĩnh cửu không bị tàn phai chăng?
Vakkali im lặng cúi đầu, đấng Đạo Sư giảng trạch thêm cho chàng về tính chất phù du, tạm bợ của cái hợp thể gọi là sắc thân Ngài. Sau thời pháp Vakkali xúc động thưa:
- Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu rồi. Từ lâu con đã chạy theo những bóng dáng phù du do tâm thức con phóng chiếu ra, lấy đó làm niềm vui độc nhất của

mình. Khi nguồn vui ấy bị cản trở con đâm ra buồn phiền, sầu khổ. Con quá si mê không biết rằng cái gì có sinh cũng phải có diệt. Sắc thân Như Lai tuy đẹp đẽ vô song thật, nhưng trước kia không, nay có thì thế nào cũng sẽ trở về không. Nguồn vui của con cũng chỉ là một cảm xúc nhất thời nếu không được nuôi dưỡng thì nó cũng phải lụi tàn. Con đã hiểu rồi và con cũng xin hứa với Thế Tôn là từ nay Vakkali chỉ thực hành những lời giáo huấn của Như Lai thay vì chiêm ngưỡng từ dung của Ngài như dạo trước.
- Hay lắm! Nầy Tỳ kheo! Nếu lòng con đầy hỷ lạc đầy niềm tin nơi lời dạy của Như Lai thì chẳng bao lâu con sẽ đạt được hạnh phúc tối thượng.
Và thế rồi, Vakkali từ giã đức Đạo Sư độc cư thiền định ngay trên đỉnh núi mà chàng định quyên sinh dạo nọ. Đúng như lời tiên đoán của đấng Đạo Sư, chẳng bao lâu Vakkali đắc quả A La Hán. Từ đó đức Thế Tôn xếp Vakkali vào hàng môn đệ có lòng tin chân thật nhất. Lời dạy của Ngài cho Vakkali trên đỉnh núi dạo nọ cũng được kết tập vào Kinh tạng, thành câu Pháp Cú 381, lưu truyền cho đến ngày nay:
"Thầy Tỳ kheo nào tâm đầy hoan hỷ,
Thành tín theo lời Phật dạy
Sẽ đạt đến cảnh giới an lạc
Giải thoát khỏi các hành".
"Bởi giấc mơ tiên con lỡ say
Lòng con mến Phật tự bao ngày.
Đêm nay chuông gọi hồn con tỉnh
Phủ sạch trần ai con đến đây".

Phần IV - 5

Đi biển tìm vàng

Thuở xưa, có một đoàn lái buôn nghe đồn ở ven biển nọ có rất nhiều vàng. Ai cũng nô nức quyết chí thả buồm đi tìm, ngặt nỗi đường lối xa gần, Bắc Nam phương hướng, không một người am hiểu. Trong lúc băn khoăn lo nghĩ, một khách lạ đến, tự xưng là biết nẻo, và xin làm người dẫn đạo. Cả đoàn đều hoan hỷ, hấp tấp sắp đặt cuộc viễn hành, trong lòng mọi người đều chứa chan hy vọng.
Ngày ra đi đã đến, nét vui sướng càng hiện trên mọi mặt. Nhưng lúc chia tay với gia đình, sự hăng hái không khỏi bị giảm vài phân.
Thuyền nhổ neo, kẻ dưới trông lên, người trên dòm xuống, lời chúc may,

tiếng giã từ, tạo thành một bức tranh trên đó những nét tươi sáng pha lộn với những điểm âm u. Nhưng can gì ? Chỉ một phen xa cách để rồi đoàn tụ trong cảnh giàu sang! Vì vậy mà tay chèo, tay lái, người người đều sung sướng reo hò.
Thuyền đã ra khỏi biên thùy, đà công ra lệnh trương buồm, thả xuôi theo làn gió. Cảnh trời nước mênh mông làm cho khách trên thuyền thấy tâm hồn thơ thới, như cất được gánh nặng ngàn cân. Được rảnh tay, kẻ trầu người thuốc, quây quần bàn chuyện tương lai. Anh định tậu ruộng, anh muốn cất nhà, mỗi người một ý, nhưng không ngoài cái tham vọng tô điểm đời sống, để cho gia đình thêm phần no ấm, vui tươi.
Thuyền sắp vào eo biển, một bên là đất liền, bãi cát trắng phơi màu dưới ánh mặt trời đã xiên, còn một bên là bãi đá chập chờn, sóng tung đổ bọt.
- Quái! Ai lại cặm bảng ngoài khơi, tiếng anh cầm lái thốt lên trong tiếng gió dịu mềm. Ai biết chữ đọc thử xem nào?
Thật, lưng chừng một cái đảo con, một tấm bảng to tướng được cắm chặt xuống đất, trên mặt có mấy dòng chữ nét đậm ở xa rất dễ nom: "Phải nạp một mạng người lễ Thần mới được đi ngang qua đây".
Ban sơ, hình như không ai lấy làm quan tâm, có người còn cho là lời hăm dọa của kẻ thích khôi hài. Nhưng ngọn gió xem chừng lần lần thổi mạnh, trong khi xa xa vài đám mây đen lơ lửng trên nền trời xám sậm. Đà công lo lắng:
- Có lẽ giông đến anh em nên đề phòng.
- Giông tố gì, anh khéo lo! - một người trong thuyền nói.
- Anh không nghe tiếng gió càng phút càng rít lên, và kìa là những cụm mây đen đang đùn cuốn?
Cả thuyền im lặng, nghe ngóng và trông ra xa. Anh đà công có lý. Tình trạng biển cả có phần thay đổi hiểm nghèo. Trước không ai để ý chỉ vì mắc bàn chuyện tương lai. Cái vui xây đắp trong mộng bỗng tan như bọt nước, nhường chỗ cho một cái lo âu.
- Thế là Thần linh thật.
Câu nói vừa thốt ra ở cửa miệng, một người lớn tuổi nhứt trong đoàn, làm cho tất cả đâm chiêu nghĩ ngợi. Ai là người chịu hy sinh cho toàn thể? Xem đi xét lại, tất cả đều là quyến thuộc, tay chặt tay há lại không đau? Lại nữa, khi về đến quê nhà, sẽ ăn làm sao, nói làm sao với vợ con người bạc phúc?
Một tiếng thì thào:
- Thôi thì đành vậy, chúng ta hãy nhờ ông dẫn đường cứu độ cho. Ông đã già mà tông tích không ai biết, có tiến cho Thần thì cũng là một việc phúc đức, ông để về sau cho con cháu... nếu ông có con cháu.
Một người cãi:
- Rồi ai chỉ đường dẫn nẻo cho ta?

- Khó gì, tiếng kia đáp lại. – Ông đã chỉ cho chúng ta đi hướng này, thì cứ theo đó mà tiến, ắt phải gặp nơi bòn vàng.
Vụt một cái, gió thổi mạnh vào mảnh buồm làm thuyền nghiêng hẳn một bên, be gần chấm nước. Mọi người xanh mặt. Tiếng thì thào lúc nãy, trở nên to lớn, và quyết liệt:
- Sống chết trong lúc nầy, không còn dùng dằng nữa. Các anh hãy nghe tôi. Kíp đi.
Nghe động, cụ lão dẫn đạo trong mui chui ra, chưa kịp hỏi gì thì cả bọn bu quanh cụ, miệng la: "Cụ cứu cho". Rồi những bắp tay lực lưỡng túm lấy cụ và liệng quách xuống nước đang nổi sóng.
Thuyền lắc lư lướt tới, để lại sau một đống bọt trắng dịu lần rồi tan mất, như khói đốt đồng. Đoàn lái buôn quì xuống chấp tay khấn niệm, xin Thần bỏ cơn lôi đình mà nạp lễ cho. Tất cả đều tin tưởng Thần sẽ làm cho gió lặng sóng êm, nhưng lạ thay và cũng kinh hãi thay, phong ba càng lúc lại càng mạnh, thuyền hụp xuống trôi lên, bị vỡ ở mũi, bị đánh ở hông, làm cho khách trong thuyền đầu mình ướt đầm, lật qua ngã lại, phải bám vào cột chèo vào then hầm mới giữ được thế quân bình. Tiếng van vái to hơn lúc trước dầu rằng mọi người đều cổ khô, giọng lạc. Bỗng, ầm một cái, một ngọn sóng to chụp lấy thuyền như mãnh hổ vồ lấy hươu con, giữa tiếng kêu cứu thất thanh.
Rồi sóng cứ gào, gió cứ thét...
TRÍ TÁNH
"Hỡi người muốn vượt biển khổ thế gian để tìm vàng hạnh phúc! Chớ bắt chước đoàn lái buôn kia tiếc thân giả tạm mà hy sinh người dẫn đường cho ma quỷ dục lạc. Người dẫn đường bây giờ là Giới luật vậy. Giới luật mất rồi, nên tin chắc rằng trầm luân không bao giờ ra khỏi".

Nan sư Nan đệ

Ngày xưa có một vị thầy tu hành ngồi mãi mà không nằm. Thầy trụ trì một ngôi chùa lớn. Nhiều đệ tử theo học rất đông, nhưng không ai học được cái khổ hạnh của thầy là chỉ giữ ba oai nghi: Đi, đứng, ngồi – không nằm. Mặc dù vậy, khổ hạnh của thầy cũng ảnh hưởng sâu rộng trong hàng tứ chúng khiến cho không một ai còn lòng dạ nào buông lung, biếng nhác.
Một hôm có một Sa di tới xin nhập chúng. Thầy bằng lòng. Chú xin hầu cận bên thầy để học cái hạnh tinh tấn. Thầy chấp nhận, nhưng hằng đêm, khi thầy ngồi suốt tới sáng thì chú cũng nằm suốt tới sáng. Thầy để ý nhiều lần như vậy, nhưng xét ra vị Sa di này không phải hạng tầm thường: chú ngủ rất tỉnh, một cái động nhẹ của thầy cũng làm cho chú thức dậy để đáp ứng những sai bảo. Cho nên thầy không có lý do gì rầy chú. Chỉ có một điều thầy

lấy làm tiếc, là một chú đệ tử thông minh tận tụy như thế, mà cứ nằm dài suốt đêm một cách... "tinh tấn". Cuối cùng, thầy phải nói cho chú biết không nên tu cái hạnh "nằm" như vậy.
- Nầy Sa di, chú nằm mãi coi chừng thành rắn đó.
Chú thưa:
- Bạch Thầy, Thầy ngồi mãi con cũng sợ Thầy thành cóc thôi!
Vị thầy nhân đó mà ngộ đạo.
THÍCH NỮ TRÍ HẢI
"Đang sống ngồi không nằm
Chết rồi nằm không ngồi
Chỉ là cái xác thôi
Có gì công với tội?"

Hẹn cùng sống chết
Thiếu Sanh mải miết xem sách, chàng cố xua đuổi tất cả ý niệm tạp nhạp, để chăm chú vào những điểm cốt yếu của bài vở, vì chàng nghe người ta bảo kỳ thi này khó lắm, ông chánh chủ khảo quá nghiêm khắc, nếu tự lực không vững khó lòng đậu. Thế rồi chàng miên man nghĩ: "Chao ôi! Nếu mình đậu, đậu Trạng nguyên thì oai biết mấy, nào là bộ áo mão thêu rồng, buổi yến linh đình tại đại nội, vua sẽ trao tận tay chàng chén rượu vàng để thưởng tân khoa, và nhất là một nàng công chúa, ồ con vua thì phải biết rồi cứ thế, cả cuốn phim sang quí tuần tự diễn trong tâm tư người hàn sĩ. Thành thử chàng định xua đuổi bao ý nghĩ vẩn vơ, mà trái lại ý nghĩ vẫn kéo đến ồn ào làm chàng chẳng đọc được trang sách nào cả. Chợt nhớ lại thật tế, Thiếu Sanh đứng dậy vươn vai mỉm cười: Chà bậy quá!
Bỗng nghe xa xa có tiếng trẻ con la lên: "ren, ren, ren, ren ngựa en (anh) đã về, cắt cỏ bồ đề cho ngựa en ăn". Chàng nhìn vọng ra xa, thì quả có tiếng nhạc ngựa thật, tiếng nhạc ngựa gần lần, rồi dừng lại trước ngõ và rõ ràng một mỹ nhân trên bạch mã nhẹ nhàng bước xuống. Chao ôi! Người đàn bà nào mà đẹp thế? Sang thế? Nét đẹp như Hằng Nga, phục sức như tiên nữ. Mỹ nhân khoan thai tiến vào trước sân, chàng vội vàng sửa áo ra tiếp người khách lạ.
Nhìn mỹ nhân bỡ ngỡ, vì thật chàng không quen, cũng chưa hề gặp mặt. Mỹ nhân biết ý chào trước: Thưa tiên sinh nếu thiếp không lầm, thì chàng là Lý công tử người thiếp muốn gặp?
- Vâng, tôi là Lý Trọng Hiền, xin mời tiểu thư quá bước vào nhà.
Song chàng không khỏi ngỡ ngàng khi thấy nhà mình không có một chỗ xứng đáng để người ngọc ngồi. Chỉ một bộ trường kỷ kê giữa nhà là vật gia bảo còn lưu lại, nhưng lâu nay mải lo đèn sách để bụi bám đầy. Thiếu Sanh lấy vội khăn lau qua, rồi mời mỹ nhân ngồi.

Nàng khép nép ngồi vào một góc trường kỷ, sau khi chủ nhân đã an tọa.
- Thưa, chẳng hay tiểu thư tìm Trọng Hiền tôi có việc gì ạ?
Mỹ nhân tỏ vẻ e lệ, nàng cúi đầu mân mê chiếc quạt trên tay, rồi lại ngẩng nhìn chàng:
- Thưa công tử! Thiếp được nghe danh công tử là bậc hiền tài nên mới tìm đến...
Chàng nghĩ thầm:
- Tài thì thật ta chưa có, còn hiền thì cũng không hiền chi, nhưng được nghe lời xưng tụng từ miệng mỹ nhân thốt ra, chàng cũng cảm thấy khoan khoái.
Chàng khiêm tốn:
- Dạ Tiểu thư quá khen, tôi không dám, mong tiểu thư cho biết nhã ý của người muốn tìm tôi?
Nàng nhỏ nhẹ lập lại câu nói trên:
- Thiếp vì trọng mến hiền tài đã lâu, hôm nay thiếp đánh bạo đến đây định thưa với công tử một...
Thiếu Sanh hồi hộp, chàng lặng lòng chờ nghe, song khi mỹ nhân nói nửa chừng, thì bỗng đâu một tiếng ré lên, chàng hoảng hốt nhìn ra... ồ quái lạ, một đống lù lù ngồi ngay trước sân, cách nhà chừng 4, 5 thước. Không biết trên trời rớt xuống, hay dưới đất đục lên răng chừ, mà dễ sợ thế ? Một con người, một con người ta thật sự. Nếu không có cái búi tóc rễ tre lớn bằng củ hành tây, bới ngược lên xoáy thượng, vàng luốt như râu bắp, thì chàng cũng không biết là đàn bà, áo xống rách như xơ mướp, người ta ngồi khoanh tay rế, mặt úp vào bụng. Không biết người ta non hay tra, già hay trẻ? Nhưng toàn thân của người ta cũng đủ cho chàng biết, đó là một người hủi, lác, vì sau lưng áo rách lòi ra một màu da nổi vảy, và lầy lụa cả nước...
Người ta khóc ré lên giữa khi mỹ nhân nói nửa chừng, nhưng lúc Thiếu Sinh bước ra thì người ta lại làm thinh, cứ ngồi một đống y sì.
Chàng có ý khó chịu, đến bên: Này tiền đây đứng dậy mà đi kiếm nhà khác.
Nhưng không biết điếc hay câm, nghe hay không, mà cứ ngồi lỳ lỳ, không trả lời trả vốn chi cả. Thiếu Sanh xích lại gần một chút, nói to hơn: này tiền đây đứng dậy, cầm lấy, đứng dậy đi, tiền đây!
Người ta vẫn bất động và cứ khóc ri rỉ. Chàng hơi bực mình, nhất là câu chuyện mỹ nhân đang nói dở mà chàng cần nghe. Chàng cố nhẫn, nói đi nói lại hai ba lần: Này đứng dậy, tiền đây nì, đứng dậy cầm lấy mà đi nhà khác chứ.
Nhưng người ta cứ làm thinh, cũng không chịu ngẩng mặt lên. Bực mình, chàng để người ta ngồi đấy rồi vào với khách.
Mỹ nhân không lấy làm lạ, cũng không đá động chi đến vấn đề người ta cả, nên chàng cũng giả lơ, rồi nhã nhặn đề khởi lại câu chuyện lúc nãy.
Người đẹp cầm quạt phe phẩy nhẹ nhẹ, chiếc kim thoa cài trên mái tóc rung

rinh những hạt kim cương quí giá, lóng lánh, càng tăng vẻ yêu kiều diễm lệ bội phần.
Thiếu Sinh say sưa nhắc:
- Xin Tiểu thư cho tôi cái hân hạnh được nghe tiếp câu chuyện Tiểu thư định nói.
Mỹ nhân nhỏ nhẹ:
- Thiếp đến đây với mục đích là xin tiên sinh cho thiếp được... Người ngọc nói chưa dứt, thì người ngoài sân ré lên, lần này to hơn lần trước nhiều, làm át cả tiếng mỹ nhân.
Thiếu Sinh tức quá. Thật không biết quái vật ở đâu hiện ra lựng lựng, mà báo đời thế? Đành bỏ dở câu chuyện, chàng xin lỗi mỹ nhân rồi đứng dậy ra sân, nhìn trước nhìn sau không có một bóng người để mượn họ kéo cục nợ ra khỏi cửa, tức quá, lại khổ một nỗi nó lại ngồi ngay chính chắn trước mặt mỹ nhân mới khen mình đó. Chàng giả đò đứng xây lưng vào nhà để bớt thái độ hung hăng của mình. Rồi chàng trợn mắt, bặm môi cúi đầu vào tai người ta:
- Tiền hí, áo hí, cơm hí? Ưng chi? Ưng chi??? Tiếng chàng tuy nhỏ nhưng bao nhiêu căm tức đều dồn vào tiếng nói tuôn ra nên nghe rít lên dễ sợ. Nhưng điếc không sợ súng, người ta cũng không chịu trả lời ưng chi, và cũng không khóc ré lên như lúc nãy, mà cứ khóc thút thít.
Song có thể gì gần người ta được, vì hôi quá, lở lói khắp người thế kia, đụng đến thì gớm chết. Chàng đứng thẳng rồi lại cúi xuống:
- Nì ưng chi? Tiền hí, áo hí, gạo hí? – Người ta vẫn bất động, vẫn khóc thút thít.
Đứng lâu với cục nợ nầy, thì lại bỏ khách ngồi một mình và nhất là câu chuyện mỹ nhân, cứ bị con ma le này làm đứt đoạn, nên chưa biết ngã ra ngã vào? Chàng sửa lại cử chỉ cho điềm đạm rồi đi vào. Thấy mỹ nhân vẫn thản nhiên với vấn đề cục nợ ngoài sân, chàng yên tâm và cầu cho người đẹp đừng để ý đến.
Thiếu Sinh xoa hai tay lấy lại bình tĩnh:
- Xin Tiểu Thư cứ dạy tiếp ý định của Tiểu Thư. Lần này thận trọng hơn, chàng cúi đầu lóng hết tâm tư để nghe tiếp câu chuyện của mỹ nhân sắp nói.
Người đẹp càng đẹp hơn, với dáng điệu dịu dàng e lệ. Nàng xếp chiếc quạt ngà lại, và lần này nàng lại nói nhỏ hơn, có lẽ là một vấn đề quan trọng cho đời nàng, vì thế nàng không thể có gan nói to được.
- Thưa tiên sinh, đã hai lần câu chuyện bị đứt ngang, nay thiếp xin thành thật nói lại, nghĩa là thiếp đến đây với mục đích xin...
Nhưng tức ôi! Vẫn như hai lần trước, người đẹp vừa nói đến đấy, thì ngoài sân người ta lại ré lên thất thanh.
Sự bất quá tam, không thể nhẫn được nữa, thôi thì tam bành lục tặc tuôn ào

như luồng gió lốc, chàng bước mạnh ra sân, và lần này thì không dằng được, chàng đến xô mạnh người ta: Đồ yêu báo đời, ưng chi? Xin chi? Sao không nói? Khóc a? Khóc nì?...
Té ra không câm, cũng không điếc, người ta chờ đụng đến mới khóc lóc kể lể:
- Chị ơi! Sao chị để cho người ta đánh em mà chị ngồi làm thinh?
- Ai là chị ngươi? Chị ngươi là ai? Nói mau! Gian xảo báo đời người ta hoài!... Người ta chỉ ngay vào mỹ nhân: Chị tôi ngồi đó, chị tôi ngồi kia kìa...
Chàng ngơ ngác nhìn vào, thì mỹ nhân khoan thai cầm quạt bước ra:
- Thưa tiên sinh, em thiếp thật đấy! Thiếp là Phước đức tiên nữ, em thiếp là Tai họa nữ, hai chị em thiếp cùng một cha mẹ sinh ra và rất thương yêu nhau "Hẹn cùng sống chết" theo nhau như bóng với hình, nên chỗ nào thiếp đến thì em thiếp theo, và thiếp thề "Nếu thiếp lập gia đình thiếp cũng không rời xa em thiếp được".
Thiếu Sanh sững sờ, ngao ngán khi nghe người đẹp kể niềm đầu đuôi.
Chàng nghĩ: Mỹ nhân đến đây nói ba lần đều đứt đoạn. Chàng nhẩm lại lời nàng nói: Thiếp đến để thưa với tiên sinh một... Tiên sinh cho thiếp được... và mục đích là xin... thì chắc nàng muốn kết nghĩa trăm năm với ta. Mỹ nhân đẹp lạ, sang quí tột bực nhưng sao cô em gái lại gớm ghiếc thế kia? Nội một cái biệt hiệu "Tai họa nữ" cũng đủ chết người ta rồi, nếu ta nhận lời người đẹp, khi nàng về với ta mà nàng na cả cục nợ ấy về cho ta nữa, thì ta cũng chết.
- Thôi thôi ta cự tuyệt dứt khoát cho rồi. Bao nhiêu nhẫn lực lúc nãy là vì mỹ nhân, nay đã không cần mỹ nhân nữa nên chàng cương quyết: Thôi thôi tôi xin Tiểu thư, tôi xin tiểu thư, đừng chàng đừng thiếp đừng một... đừng được... đừng xin... chi cả, mời đi mời đi !
Chủ đuổi ba cờ một quạt, khách kéo nhau đi không kịp ngó lui.
Chàng hầm hầm ngồi phịch xuống ghế: "Hừ, chàng chàng thiếp thiếp đồ yêu báo đời !...".
THÍCH NỮ THỂ QUÁN
"Thế gian chênh lệch này quả không tươi đẹp như cánh hoa hồng. Nó cũng không tuyệt đối gai góc như cây hồng. Hoa hồng dịu dàng, đẹp đẽ, và mùi thơm ngào ngạt, nhưng cái cây sanh ra nó thì mình đầy gai góc. Hoa là hoa. Gai là gai. Cái gì thuộc về hoa là của hoa. Cái gì thuộc về gai là của gai. Không vì hoa mà ta lao mình vào gai, cũng không vì gai mà ta xa lánh hẳn hoa hồng".

Nghệ thuật tuyệt vời
Một hôm Đức Phật đi ngang qua khu rừng vắng, Ngài ngồi nghỉ dưới một

gốc cây, sắc thái ung dung, nét mặt trầm tĩnh. Bỗng có hơn ba mươi người thanh niên tuấn tú đi vào. Ngài để ý nhìn họ.
Một thanh niên nhìn quanh quất như muốn tìm ai rồi thấy Ngài liền tiến đến hỏi:
- Thầy có thấy một người thiếu nữ đi qua đây không?
Đức Phật trả lời:
- Không, ta không thấy. Vậy các ngươi là ai và đi tìm người ấy để làm gì?
Chúng tôi là nhạc sĩ, cùng đi vào thành với một người thiếu nữ. Người đó thừa lúc chúng tôi ngủ bên đường, trốn đi và mang theo tất cả hành lý của chúng tôi.
Đức Phật vẫy các chàng thanh niên lại gần, Ngài nói dịu dàng: Này các em! các em nên đi tìm thiếu nữ ấy hay là các em nên tự đi tìm các em.
Các thanh niên ngơ ngác không hiểu. Và đồng cất tiếng cười. Đức Phật chỉ vào một người cười to hơn hết và bảo: Em hãy thổi sáo đi! Chàng đó liền lấy sáo ra thổi. Giọng sáo réo rắt, lúc trầm lúc bổng, chứng tỏ một tài nghệ tuyệt vời. Khi chàng thanh niên thổi xong một khúc, Đức Phật bảo chàng đưa ống sáo cho Ngài. Ngài thổi sáo lên. Các thanh niên nhạc sĩ ấy lấy làm lạ lùng, họ chưa bao giờ nghe một giọng sáo hay như thế. Rừng xanh lặng tiếng, trời êm như ru, muôn vật nín thở, im lặng. Tiếng sáo đi trong lá xanh, lướt trên ngọn cây, rồi bay lên cao vút. Âm thanh tuyệt vời như đang quấn quanh sao Ngưu sao Đẩu và trong lúc ấy, gió bắt đầu rì rào trong cây tiếng gió như thì thào như chúc tụng như ca ngợi... như để hỗ trợ, để nâng tiếng sáo huyền diệu lên cao lên cao mãi...
Ngài đã bỏ ống sáo xuống rồi mà hơn 30 chàng thanh niên còn đương ngơ ngẩn, tâm hồn chìm trong âm thanh để vương vấn ở mấy từng mây.
Đến khi họ trở về với thực tại, thì họ nhận thấy đôi mắt dịu hiền của nhà tu đang trầm tĩnh nhìn họ.
Tất cả đồng thanh: "Bạch thầy! Chúng con còn non nớt lắm trên đường nghệ thuật. Xin thầy nhận cho chúng con làm học trò và truyền dạy cho chúng con".
- Các ngươi chưa đạt đến chỗ tối cao của nghệ thuật là vì các ngươi chưa tìm thấy ngay trong tâm hồn các ngươi nguồn gốc sâu xa của tất cả nghệ thuật. Các ngươi cùng một bản thể với vũ trụ bao la, vũ trụ có thể có bao nhiêu âm thanh tuyệt kỳ cũng như có thể có bao nhiêu hình sắc linh diệu, thì chính tâm hồn các ngươi cũng có đủ như thế. Vậy cần tìm hiểu ngay tận gốc tâm hồn các ngươi có thể đạt đến nghệ thuật tối cao. Vừa rồi ta bảo các ngươi nên tự tìm lấy các ngươi là ta muốn nói như thế đó.
Nói xong Ngài giảng cho các thanh niên nhạc sĩ ấy về giáo lý vô thường vô ngã, trong bọn có một người lớn tuổi tên là Ca Diếp đến sụp lạy trước mặt Ngài.

- Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài cho anh em chúng con được xuất gia theo đạo.
Đức Phật nhận lời.
HOÀNG HOA
"Làm việc với hai bàn tay trơn là người lao động, làm việc bằng tay và bằng trí óc là người thợ khéo, vừa làm việc bằng tay, bằng trí óc mà cũng vừa làm với tất cả tâm hồn đó là nhà nghệ sĩ."

Giữ giới trong sạch được nhiều phước báo

Ông trưởng giả họ Quách, ở đất Phong Châu đời nhà Tấn, sanh được một người con trai đặt tên là Hữu Chí, có tánh hiếu học lắm. Sau mười năm đèn sách, Hữu Chí luyện nghề văn cũng được tiếng tăm, nhưng sở nguyện chưa thỏa mãn người bèn tìm thầy chuyên thêm nghiệp võ.
Thấy con mình văn võ đã kiêm toàn, ông trưởng giả mới lo đôi bạn cho con. Cưới vợ rồi, Hữu Chí thường ở nhà lo đọc sách triết lý và tôn giáo. Nhận thấy chánh pháp của Phật rất lợi ích cho đời sống của nhân loại, gã thanh niên hiếu học ấy đến chùa cầu thầy cho thọ Tam quy và Ngũ giới. Nhà sư giảng dạy cho người mãn phần Ưu Bà Tắc rõ tất cả sự lý Tam quy và chỉ rành rẽ thế nào là khai, giá, trì, phạm của Ngũ giới. Hữu Chí từ đây quí trọng đạo Phật lắm, nhất là giữ giới rất kỹ lưỡng, chuyên lo tu niệm đường tình ái có phần chừng mực. Trái lại, người vợ chàng, nhan sắc thì quá lộng lẫy, tánh tình thì cực kỳ phóng đãng, ưa sa hoa nay tiệc mai tùng... Lần hồi tình yêu chồng phai lạt, tâm chán ghét bực bội hận thù tăng lên đến nỗi nàng dám tính mưu này chước nọ hãm hại chồng để thỏa mãn lòng dạ của mình.
Một hôm, Hữu Chí được tin bạn đồng học là Tuấn Anh, con của một quan tổng trấn ở biên thùy mời chàng sang dinh chơi, nhân tiện người bạn ấy sẽ tiến dẫn với cha chàng thâu dụng Hữu Chí vào giúp việc quân chính.
Hữu Chí thưa cho cha mẹ hay và bàn tính với vợ sẽ vắng nhà một thời gian để đến dinh quan Tổng trấn thăm bạn học cũ, vợ chàng thừa cơ hội ra tay: ác phụ làm năm cân mứt chuối trong đó có chộn thuốc độc. Nàng vò viên để vào hộp kín đáo, ngoài dán nhãn đề: "Thuốc giải lao thần hiệu" tặng cho chồng món quà hộ thân, lúc đi đường xa vất vả.
Hôm sau, giã từ cha mẹ và vợ, Hữu Chí mang hành lý cưỡi ngựa lên đường. Cứ ngày đi đêm nghỉ, trải qua làng mạc, đồng nội, núi non... người kỵ mã thấy trong mình mỏi mệt quá, nên khi trời vừa tối đến một cụm rừng già dẫy đầy cổ thụ, chàng bèn xuống ngựa mở yên, để hành lý dựa gốc đa, rồi trèo lên cháng ba rộng lớn nằm nghỉ.
Vì đi đường ròng rã mấy ngày cực nhọc, Hữu Chí nằm ngủ một giấc ngon lành từ đầu hôm đến sáng, không hay sự gì đã xảy ra dưới cội cây, trong

đêm tối giữa rừng hoang. Sự việc là như thế này: trong đêm ấy tại dinh quan Tổng trấn bị một mẻ trộm lớn, mất nhiều rương quần áo, bạc vàng. Bọn cướp, sau khi ăn hàng trúng mối xong, kéo nhau vào rừng, đến gốc đa chúng dừng lại nghỉ. Gặp hành lý của Hữu Chí để dựa cội cây, chúng nó lục soát thấy hộp "Thuốc giải lao thần hiệu" liền mở ra xem. Đánh hơi thuốc có mùi thơm ngọt, chúng nó bắt thèm, sẵn mỏi mệt và đói khát, chúng chia nhau ăn thuốc và uống nước không chừa lại một viên nào. Một chặp sau, bọn cướp ấy, tất cả 50 đứa đều trúng độc chết hết.

Vì thế, nên khi trời sáng, lúc Hữu Chí từ trên cháng ba cây tuột xuống đất. Anh ta hết sức ngạc nhiên thấy nhiều thây ma nằm ngổn ngang. Chung quanh đầy rẫy những rương, xe, quần áo và vàng bạc. Dòm lại gói hành lý của mình, thấy bị mở ra và hộp "Thuốc giải lao thần hiệu" đã sạch trơn, mà xác chết người nào cũng bầm đen một màu, môi, miệng xưng vù, anh ta lấy làm băn khoăn, nghi ngại, sợ hãi.

Đứng trước một đám xác chết, không biết nguyên do vì đâu, với của cải từ rương này qua xe nọ, một người Phật tử tại gia chân chánh như Hữu Chí bao giờ cũng thương xót và kính nể. Thương vì chẳng rõ ai đành giết hại một lần cả 50 người không sợ tội! Kính vì của cải rất nhiều nhưng không phải của mình nên không dám nhận. Chàng mãn phần Ưu Bà Tắc liền bắt ngựa, gác yên lên lưng, buông cương cho chạy nước lớn tìm nhà chức trách địa phương báo cáo. Đi gần được hai mươi dặm đường, Hữu Chí trông thấy ở phía trước mặt mình có một toán quân rầm rộ kéo đến. Chàng xuống ngựa, đứng nép một bên, chực chờ trình báo.

Tuấn Anh người cầm đầu toán quân, là con quan Tổng trấn, nhận ra bạn thân của mình liền hỏi: "Anh Hữu Chí! Đi đường thế nào coi anh có vẻ kinh nghi quá vậy?.

Hữu Chí thuật lại việc rùng rợn vừa thấy dưới gốc cây đa, chỗ chàng tạm làm nhà trọ một đêm và mời bạn dẫn toán quân đến đó điều tra tường tận. Chàng nhảy lên ngựa, quày lại dẫn đường Tuấn Anh và đoàn quân nối gót theo sau. Đến rừng tại gốc đa thì trời vừa đứng bóng, con quan Tổng trấn nhìn tất cả tài vật của mình đã bị cướp đêm hôm qua, chỉ còn thiếu ít con ngựa nữa là đủ số. Tài gia một mặt dạy quân lính đào một cái hầm to, chôn 50 tướng cướp, một mặt truyền kẻ tùy tùng gom góp của mất lại. Công việc sắp xếp xong, Tuấn Anh mời bạn hiệp cùng quân lính đi thẳng về dinh quan Tổng Trấn. Về đến nơi thì trời đã hoàng hôn, Công tử phúc trình lại đầu đuôi, sự tìm được của và việc gặp bạn hiền cho cha mẹ nghe. Tuấn Anh yêu cầu thân phụ trọng thưởng Hữu Chí là người có công thứ nhất trong vụ tìm được của mất trộm. Quan Tổng trấn liền bổ dụng Hữu Chí làm thiếu úy vệ binh. Phần đông các quan cũ đều bất bình vì thấy Hữu Chí mới đầu hôm sớm mai mà làm được thiếu úy nên sanh lòng ganh ghét.

Một thời gian sau, ở làng kế cận ải biên thùy có nạn ác thú khuấy rối: một con sư tử khát máu người đón đường nhiễu hại bộ hành làm cho dân chúng khủng khiếp. Nhân cơ hội ấy, một nhóm quan liêu cũ có ý ngầm hại Hữu Chí, nên đồng có ý kiến xin quan Tổng trấn cử tân Thiếu úy đi trừ ác thú, cứu nạn lương dân. Quan Tổng trấn chấp thuận lời yêu cầu. Ngài hỏi quân lính có ai tình nguyện đi theo giúp sức tân Thiếu úy hay không? Ai nấy đều nín thinh. Hữu Chí buộc lòng phải can đảm một mình phụng mạng đi trừ ác thú.

Dọc đường chàng tự suy nghĩ: mình đã phát tâm thọ Tam quy và ngũ giới, mà ngày nay vì phận sự bắt buộc phải giết thú để cứu người. So bề lợi ích thì có phần hơn, nghĩ đến chỗ phạm giới thì hổ thẹn, còn nhớ đến luật nhân quả lại càng sợ hãi. Chi bằng nhân dịp này mình trở về quê vui với cảnh gia đình còn hơn. Mảng đương suy tính, so lường, cân nhắc phân vân trong trí, tân Thiếu úy đã gần ác thú ẩn núp mà chẳng ngờ. Sư tử đánh hơi người, phấn kích rống hộc vang rền dường như sấm sét. Vì không muốn sát sanh, Thiếu úy thót lên cây, leo tuốt lên ngọn, rút độc kiếm cầm tay tự vệ. Sư tử ở dưới đất nhảy dựng toan vồ Hữu Chí, nó há miệng ngước đầu, hai chân trước chồm lên và gầm thét inh ỏi. Ngồi trên cây lâu mỏi tay, Thiếu úy buông rơi lưỡi kiếm lọt ngay vào miệng sư tử đứt họng dẫy dụa chết liền.

Một chập, Hữu Chí leo xuống mang xác sư tử về dâng cho quan Tổng trấn. Ngài rất hài lòng, hết lòng thân mật khen ngợi Thiếu úy có tài và muốn cho dân chúng tán thán công lao ấy, ngài truyền lịnh đặt bày một tiệc trước dinh khao thưởng Thiếu úy.

Vài hôm sau, quan Tổng trấn dâng sớ về trào vua xin ân tứ chức tước xứng đáng cho Hữu Chí. Chẳng bao lâu, Thiếu úy được chiếu triệu về kinh, sung chức Trung úy, bổ vào vương cung trọng dụng.

Vậy mới biết, phàm là đệ tử Phật, bất cứ ở địa vị nào, hễ giữ giới trong sạch thì được nhiều phúc báo.

TRƯỜNG LẠC

"Phật tử tuy ở xa ta nghìn dặm mà cố giữ giới luật của ta, quyết sẽ đắc đạo; ở bên cạnh ta mà phạm giới, người ấy chẳng bao giờ thành đạo cả".

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Phần IV - 6

Vợ chồng đánh nhau

Ngày xưa, có một đôi vợ chồng làm chủ một tiệm bán bánh. Họ sống với

nhau trong một bầu không khí thuận hòa, nhưng đôi khi họ cũng sanh chuyện xích mích và thường gây lộn với nhau.
Một hôm, vì một sự bất hòa chi đó họ bắt đầu cãi nhau, lúc đầu họ còn nói nho nhỏ nhưng sau dần dần càng sinh to chuyện. Cuối cùng, người vợ thét lên lanh lảnh :
- Giết tôi hả? Tôi không sợ anh đâu!
Người chồng nói:
- Được rồi! Nhất định tao giết mầy!
Hai người đánh nhau rất kịch liệt.
Ông già bên hàng xóm vội chạy sang khuyên can họ, ông nói:
- Nầy hai bác ơi! Làm gì mà đánh nhau dữ vậy? Có việc gì không nên không phải hai bác hãy bình tĩnh mà chỉ bảo nhau, chứ đừng nên làm thế người ngoài sẽ chê cười.
Nhưng họ không thèm nghe lời ông già. Người vợ lại nói:
- Cứ giết tôi đi!
Người chồng trả lời:
- Hôm nay nhất định tao không nhượng bộ đâu, không giết mầy không được!
Ông già thấy lời khuyên can của mình không có hiệu quả, ông liền đến trước cửa tiệm bánh của họ thu tất cả những bánh trong tiệm rồi đem phân phát cho những người đang bu lại xem họ đánh nhau. Hai vợ chồng thấy thế lập tức không đánh nhau nữa, vội chạy ra hỏi:
- Ồ kìa! Ông làm cái gì vậy? Nhà người ta buôn bán sao tự nhiên ông lại đem lấy của chúng tôi cho không mọi người.
Họ trừng mắt nhìn ông già và hấp tấp ngăn cản ông, không cho ông lấy bánh nữa.
Ông già thản nhiên nói:
- Vừa rồi bác nói bác nhất định sẽ giết bác gái, mà giết bác gái rồi tôi tưởng sau nầy bác cũng không thể nào sống được. Vậy cả hai người sẽ đều chết và tiệm bánh nầy cũng sẽ vô dụng, vì thế cho nên tôi đem bố thí hết các thứ của hai bác để gây chút công đức cầu siêu cho hai bác đó.
- Không được, nếu đem hết các thứ trong tiệm tôi mà cho người ta rồi ngày mai chúng tôi lấy gì mà ăn đây. Thôi, chúng tôi không đánh nhau nữa đâu!
Q. Đ.
"Sự giận giữ là cơn gió lớn làm tắt ngọn đèn thông minh".

Người gieo mạ

Một buổi bình minh, ánh nắng vàng trải trên những thảm cỏ xanh non bao trùm những vườn cây tươi tốt, muôn chim líu lo trên cành, mọi ngườI sửa soạn ra đồng làm việc.

Đức Từ Tôn mặc y nghiêm trang, ôm bát khoan thai đi vào xóm để khất thực, lúc Ngài đi ngang qua nhà của ông Bà La Môn giàu có và danh tiếng nhất trong xứ tên là Ba Ra Va Da, Ngài bèn dừng chân lại trong lúc lão Bà La Môn mang lễ vật ra sân để cúng thần Nông.
Trước dung mạo trang nghiêm và đầy vẻ từ bi của Đức Phật, mọi người đều tỏ vẻ kính trọng Ngài, người thì chắp tay cúi đầu, kẻ thì nghiêng mình, người lại đảnh lễ sát đất. Trước khung cảnh uy nghi ấy đã không phát tín tâm Ba Ra Va Da còn phát sanh lòng sân hận, lão hét lên:
- Ồ, nầy Sa Môn kia, tại sao còn khỏe mạnh, tay chân đầy đủ lại đi xin ăn, sao lão không chịu làm lụng như bao nhiêu người khác. Ta phải chịu cực khổ dầm sương giãi nắng cầy cấy, gieo mạ hôm nay mới có cơm ăn. Nếu lão chịu khó làm lụng như ta, thì lão cũng có cơm ăn vậy.
Đức Phật bèn từ tốn trả lời rằng:
- Ta đây cũng cầy cấy gieo mạ, ta cũng có lúa ăn như ngươi vậy.
Ba Ra Va Da cướp lời:
- Lão dám mạo nhận là một người nông dân sao?
Đức Thế Tôn yên lặng không trả lời.
Người Bà La Môn cất tiếng cười ngạo nghễ hỏi tiếp:
- Vậy chớ trâu, bò, cầy, bừa và lá lúa giống của lão ở đâu?
Đức Phật bình thản giảng giải:
- Hột giống của ta gieo là Đức tin, những việc lành là mưa thuận gió hòa thấm nhuần cho lúa càng ngày càng tốt tươi. Ý chí dõng mãnh và nhẫn nại là cái cày, sự tinh tấn là con bò, trí tuệ là sợi dây đàn, còn Ta cầm cán cân giới luật.
Ta cầy cấy đặng trừ tuyệt cỏ xấu đang đâm chồi nẩy lộc trong tâm của chúng sanh.
Lúa của ta gặt là nơi an vui tuyệt đối bất sanh, bất diệt đại niết bàn, nơi dứt tất cả sự thống khổ. Vốn là một người thông minh và đã tạo nhiều thiện duyên từ nhiều kiếp trước, Ba Ra Va Da nghe những lời giảng giải của Thế Tôn xong được thấm nhuần như tấm vải trắng sạch nhuộm ăn màu, như người bị ngã được đỡ đứng dậy, như ngọc qúy bị giấu kỹ bỗng nhiên được phát hiện trí tuệ, Ba Ra Va Da cung kính bạch Đức Phật rằng:
- Tiếng đồn thật không sai, Đức Từ Tôn quả là ngọn đuốc sáng để đưa chúng sanh từ chỗ tối tăm đến chỗ sáng suốt.
Nói xong, Ba Ra Va Da vội lấy dĩa bằng vàng, đựng cơm đề hồ (cơm nấu bằng sữa) đến thành kính sớt vào bát của Đức Phật và nói rằng:
- Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài hoan hỷ nhận lấy lễ vật mọn này để con được gieo duyên lành cho kiếp vị lai.
GIỚI ĐỨC
"Tam Bảo là ruộng phước phì nhiêu cho chúng sanh gieo giống".

Chuỗi Anh Lạc

Ba Lợi là người con trai rất chí hiếu, nội trong thôn xóm anh ở ai cũng mến thương. Mồ côi cha ngay khi còn nhỏ, lớn lên anh lại theo nghiệp của phụ thân làm nghề hàng hải, là một nghề nhiều nguy hiểm hơn an toàn. Nên mỗi lần ra đi, anh từ giã mẹ già thì mẹ anh không lần nào quên dặn con phải luôn luôn chí tâm kêu cầu Bồ Tát Quán Thế Âm. Lần này bà đeo vào cổ cho con một tượng Bồ Tát bằng ngà và cũng dặn con lúc nào gặp nguy hiểm thì phải niệm Ngài cho chí thiết.
Quả nhiên chuyến đi nầy thuyền anh bị lạc hướng bởi một cơn gió dữ thình lình. Trong thuyền 8, 9 người chơi vơi giữa biển khơi đã hai ngày, nguy ngập nhất là khát nước. Giữa biển mênh mông chỉ trời với nước, thế mà trong thuyền khát nước đến gần nguy. Anh bình tĩnh bảo cả thuyền đều phải nhất tâm kêu cầu Bồ Tát Quán Thế Âm cứu khổ cứu nạn cho, thì may đâu từ xa xa có một chiếc thuyền đang hướng về thuyền anh chèo đến, khi hai thuyền xáp nhau anh hỏi xin nước uống. Người thuyền chủ đưa cả hũ nước ngọt cho thuyền anh. Uống xong anh hết sức cảm tạ. Người thuyền chủ hỏi anh, nước ở biển nhiều hay nước ở hũ nhiều?
Anh đáp: nước trong hũ nhiều, vì nước biển tuy nhiều song không thể uống được, nước ở hũ ít nhưng cứu được sự khát ngặt cho người thì phước đức vô lượng.
Thuyền chủ tán thán câu trả lời lý thú của anh, rồi tặng anh một chuỗi ngọc châu quí giá và bảo: "Ta thưởng cho người con chí hiếu". Nói xong thì không thấy thuyền và người đâu cả. Những người cùng thuyền anh rất cảm động và tin tưởng mãnh liệt vào sự linh ứng của Bố Tát Quán Thế Âm.
Về nhà, anh thuật chuyện cho mẹ nghe, và dâng chuỗi ngọc châu cho mẹ.
Thân mẫu anh bảo:
- Chuỗi ngọc châu này là của vô giá, con nên đem dâng vua, đừng bán.
Vâng lời mẹ, Ba Lợi đem dâng vua.
Vua Ba Tư Nặc được chuỗi ngọc châu quí giá rất mừng, tạ anh nhiều vàng ngọc khác.
Cách mấy hôm sau vua liền triệu tập các cung phi đến, ý vua nghĩ để ta xem trong số cung nhân người nào đẹp nhất hôm ấy ta sẽ thưởng.
Mấy nghìn cung phi nghe vua đòi, ai nấy đều lo sửa soạn trang sức cực kỳ lộng lẫy.
Thoạt nhìn, không thấy Mạc Lợi phu nhơn (*) Ba Tư Nặc liền hỏi: Sao không thấy đệ nhất phu nhân?
Các cung phi thưa:
- Hôm nay là ngày rằm, ngày của phu nhân thọ giới "Bát Quan Trai" nên

không đến được.
Vua có ý giận, hỏi:
- Thọ Bát quan trai mà dám trái ý trẫm ư?
Vua cho đòi ba phen, Mạc Lợi phu nhân sợ, phải đến yết kiến. Song vì ngày trai giới nên nàng không trang điểm gì cả, và chỉ mặc một thứ hoại sắc. Nhưng nhờ nghiêm trì tịnh giới nên phu nhân có một nhan sắc thanh khiết tỏa ra sáng chói như muôn ánh nhật nguyệt. Khi phu nhân vừa bước vào chánh điện thì có hào quang tỏa khắp hoàng cung. Thoạt thấy, vua rất ngạc nhiên, và sanh tâm ái kính bội phần.
Vua hỏi:
- Ái khanh nhờ oai đức gì mà hôm nay sắc đẹp lộng lẫy bội phần?
Phu nhân thưa:
- Thiếp tự tủi mình bạc phước lại sanh làm thân nữ nghèo hèn (*) may nhờ ơn trạch của Đại Vương nên thiếp được dự phần sang quý. Nhưng thiếp nghĩ: thân mạng vô thường dầu cho hoàng hậu, vương phi châu ngọc đầy mình rồi cũng có ngày già, xấu, lại thêm bịnh hoạn theo liền, khi chết lại bị nghiệp ác dắt dẫn đi vào con đường đau khổ tội lỗi. Vì vậy, thiếp vâng theo lời Phật dạy mỗi tháng thọ trì Bát quan trai giới trong các ngày trai tiết, thiếp nguyện đem công đức ấy để hồi hướng cho nước nhà thịnh trị, muôn dân an lạc, và khi xả báo thân thiếp khỏi bị cái nghiệp phú quý mà sa đọa.
Vua nghe, rất cảm kích và khen ngợi liền đem chuỗi anh ngọc tặng phu nhân.
Mạc Lợi phu nhân từ chối không nhận mà nhường lại cho các cung phi.
Vua đáp:
- Từ hôm được ngọc, trẫm đã định hôm nay vân tập tất cả các cung phi xem ai đẹp nhất thì trẫm thưởng. Nay thấy ái khanh nhan sắc thù thắng hơn các cung phi, thật hiệp ý trẫm nên trẫm chỉ để tặng ái khanh.
Phu nhân thưa:
- Thiếp nay thọ trì giới cấm của Phật giữ mình thanh tịnh nên không ưa trang sức những thứ xa hoa, đấy là các nhân gây ra tham lam tội lỗi. Vậy nay thiếp có ý kiến là Đại Vương nên đem chuỗi ngọc dâng lên Đức Thế Tôn, nhân dịp được lãnh lời giáo hóa của đức Từ Phụ để về bổ túc thêm cho việc an dân thì phước đức vô lượng.
Vua rất hoan hỷ liền sắc nghiêm sức xe giá, vua cùng Mạc Lợi phu nhân và cả cung phi đồng yết kiến Như Lai. Hôm ấy là ngày rằm, ngày chúng tăng thuyết giới vừa xong, vua vào bái yết Đức Thế Tôn rồi đem dâng chuỗi ngọc anh lạc lên Đức Phật và bạch cùng Đức Phật về việc trì giới không thọ chuỗi anh lạc của Mạc Lợi.
Đức Thế Tôn hoan hỉ doãn nạp (*) liền thuyết bài kệ rằng:
Người đời ưa trang sức

Cho ngọc châu là quý
Người cầu đạo giải thoát
Lấy giới luật làm hơn
Dù ngọc ngà châu báu
Cùng các thứ hoa thơm
Không sao bằng giới luật
Có năng lực đưa người
Đến tận bờ ly dục
Trường từ ba cõi khổ
Quyết định được an lạc
Đức Phật là đệ nhất phước điền (làm ruộng phước để cho chúng sanh gieo công đức vào) nên ai cúng gì Đức Phật cũng không từ chối, dù một chuỗi ngọc quý giá của vua chúa cũng như một nắm đất của em bé nghèo hèn.
THÍCH NỮ THỂ QUÁN
"Giới luật là anh lạc vô giá, trang nghiêm giáo lý vô thượng Phật đà".

Dành làm lớn
Ngày xưa, sau khi Đức Phật nhập niết bàn không lâu, tại một khu rừng nọ có một con rắn thật to, nhân dân trong xứ ấy ai cũng sợ. Một bữa nọ, đầu và đuôi rắn ta tranh luận với nhau:
Đầu bảo đuôi:
- Ta đây thật đáng làm lớn.
Đuôi nói lại:
- Chính ta mới thật là lớn.
Đầu nói:
- Ta có tai để nghe, có mắt để thấy, có miệng để ăn đầy đủ trí hiểu biết, lúc nào nên đi, lúc nào không nên đi, chỗ nào nên tiến, chỗ nào nên thoái và khi nào ta cũng đi trước. Còn mày, mày làm sao có những điều kiện đó mà đòi làm lớn vậy ta làm lớn mới đúng.
Đuôi không chịu nghe, cãi lại:
- Như mầy nói tao không có những điều kiện ấy, thì thôi cũng đành được đi, nhưng mầy nên nhớ rằng khi nào tao khiến mầy đi thì mầy mới được đi, chứ đâu phải mầy muốn là được. Nếu không muốn đi, tao dùng thân tao quấn chặt vào cây luôn 3 ngày, thì xem mầy có bò đi và tìm thức ăn được không, hay bị đói khát mà chết khô, rồi bị người ta xách đầu về ăn thịt.
Đầu nghe đuôi ngụy biện lớn lối như vậy, không biết phải nói như thế nào để đuôi hiểu cho phải, nên buồn rầu bảo đuôi:
- Nầy đuôi, thôi mầy nói như thế tao xin chịu thua. Vậy tao cho mầy làm lớn mầy hãy đi trước đi.
Đuôi nghe đầu chịu thua, lòng mừng phấn khởi, ngoắt đuôi phóng ngay

nhưng vì chẳng thấy đường nên cứ bò quàng, bò xiên bậy bạ không đường lối, cuối cùng bị rơi xuống hầm lửa chết tươi.
Cũng vậy, như trong chúng tăng, có hàng trưởng thượng đạo cao đức trọng, đủ trí tuệ để phán quyết mọi việc, nhưng gặp phải hàng hậu học sơ cơ ngu muội lại tự thị cho mình là trí tuệ hơn người, nên tỏ ra khinh khi bậc trưởng thượng tôn túc, không chịu nghe lời dạy bảo. Đến nỗi các ngài buồn phiền nói: "Thôi thôi tôi xin lỗi, các vị tự ý muốn làm gì thì làm".
Vì vậy, những kẻ thiếu trí ngu si tự do làm theo ý mình tạo các điều bất thiện, khi mạng chung đều đọa vào địa ngục.
GIỚI ĐỨC
Chỉ có ngọn đèn dẫn đường cho chúng ta tới chỗ thành tựu là ngọn đèn của kinh nghiệm.

Sự tích Cá He (cá heo, cá nược)
Ngày xưa, có một nhà sư trẻ tuổi rất ngoan đạo. Sau hơn ba mươi năm khổ công tu luyện, sư thuộc lòng tất cả kinh kệ nhà Phật, lại giỏi thuyết pháp. Vậy mà lâu rồi vẫn chưa thành chánh quả. Sư bụng bảo dạ:- "Phải đến đất Phật một phen mới có hy vọng thành Phật". Nghĩ vậy, sư ta mới quyết chí tìm đường sang Tây Trúc.
Đường đi từ nước nhà sang Tây Trúc ngày đó chưa có cách nào cho thuận lợi. Việc giao thông hầu hết là đường bộ, mà đi bộ thì thật là muôn vàn nguy hiểm. Nhưng nhà sư trẻ tuổi quả quyết nhằm hướng tây tiến bước.
Cuộc hành trình đã được năm mươi ngày. Nhà sư đã nhiều lần lạc đường và mấy lần mê man vì sốt rét, nhưng nhờ được giúp đỡ nên đều qua khỏi, và chàng cứ tiếp tục cuộc hành trình.
Một hôm, sư đến một khu rừng thì trời đã chiều. Sư cố bước dồn, hòng tìm một nơi nghỉ vì trong người đã thấy ớn rét. May sao giữa rừng sâu, sư bỗng gặp một ngôi nhà. Nghe tiếng gọi cửa một bà cụ già bước xuống sàn. Sư tỏ ngay ý định của mình là xin ngủ nhờ một đêm. Nhưng bà cụ vừa thấy khách đã xua tay rối rít.
- Đi mau lên! Mau Lên! Con ta mà về thì không còn tính mạng.
Sư đáp:
- Tôi bây giờ thật là kiệt sức, không thể nào bước được bước nữa. Nếu không cho nghỉ thì cũng đành nằm liều trước cửa đây thôi.
Bà cụ bảo:
- Chao ôi! Con ta vốn là Ác Lai hay ăn thịt người. Có đi nhanh lên, bây giờ nó sắp về rồi đó.
Nhưng sư đã vứt tay nải, nằm vật xuống đất. Hai đầu gối va vào nhau chan chát. Bà cụ không biết nói thế nào nữa, đành nắm tay y lôi đến một cái hầm đá lớn. Sau khi đẩy vào, bà cụ bảo y phải cố giữ cho thật im lặng để tránh

một cái chết thê thảm. Đoạn, bà cụ chất củi phủ lá rất kín đáo.
Trời tối hẳn thì Ác Lai về đến nhà, tay xách một con mang, hắn dừng lại ở chân thang và khịt mũi mãi. Hắn nói:
- Có mùi thịt mẹ ạ!
Mẹ hắn đáp:
- Thì chả là thịt mầy đem về đây là gì?
- Không phải. Thịt người. Con biết lắm. Có thịt người.
Bà cụ chưa kịp cản thì hắn đã quẳng con mang lên sàn rồi chạy đi tìm. Chả mấy chốc, hắn đã lôi được nhà sư bất tỉnh nhân sự từ dưới hầm về nhà mình. Khi sư tỉnh dậy thì đã thấy Ác Lai đang cầm một mũi mác lăm lăm ở tay. Hắn quát:
- Mầy đi đâu?
Sư nhìn kỹ thấy hắn cũng không khác gì người thường, bèn tỉnh táo đáp :
- Tôi đi tìm Phật.
- Tìm để làm gì?
Sư bây giờ mới nói rõ mục đích của mình. Rồi luôn miệng, sư giảng giải đạo từ bi cho hắn. Sư nói mãi, kể lại bao nhiêu ngày gian khổ của mình dọc đường, và niềm mong muốn cuối cùng là làm sao được nhìn mặt Đức Phật để được thành đạo. Sư nói khéo quá, đến nỗi mẹ con Ác Lai đều cảm động đến rơi nước mắt. Thấy họ thành thật hối lỗi. Sư cho họ biết là họ cũng sẽ trở nên "vô sinh vô diệt", sẽ sống một đời sống vô cùng sung sướng trên niết bàn, nếu họ kiên quyết bỏ ác làm thiện. Tự nhiên mũi mác ở tay Ác Lai rơi xuống sàn. Những đường nhăn hung ác lúc nãy bây giờ dịu lại.
Sáng hôm sau, khi Sư sắp lên đường thì mẹ con Ác Lai vui vẻ sắp sẵn lương thực cho chàng. Họ lại tiễn đưa Sư đi qua một ngọn núi đá. Khi sắp từ biệt Ác Lai hỏi:
- Tôi biết lấy gì mà dâng Phật đây?
Sư đáp:
- "Tâm tức thị Phật. Phật tức thị tâm". Chỉ dâng tấm lòng mình là đủ.
Sư không ngờ Ác Lai đã rút mũi mác, nhanh như cắt tự rạch bụng mình lôi ra cả một mớ ruột gan đưa cho sư và nói:
- Nhờ Hòa thượng đưa hộ dâng lên Đức Phật.
Sư lấy làm bối rối quá. Chỉ vì Ác Lai hiểu nhầm lời nói của mình. Bây giờ còn biết làm thế nào đây. Cuối cùng Sư ta đành nhìn vào cặp mắt của Ác Lai, gật đầu nhận lời rồi gói bộ lòng của người đáng thương đó lại và quảy lên đường.
Sư vừa đi được mấy ngày thì khu rừng rậm chấm dứt, hiển lộ ra trước mặt mênh mông bát ngát. Nước trời một vẻ trông rất vui mắt, nhưng trong bụng Sư thì chẳng vui một tí nào. Món lễ vật của Đức Phật đè nặng trên vai. Nếu chỉ có thế thì không có gì là ngại cho lắm. Khổ một nỗi là mùi thối trong bộ

lòng kia xông ra khó tả. Sư đã bọc nó ba tầng bốn lớp mà mùi thối vẫn nồng nặc. Sư lẩm bẩm:- "Như thế này thì các nhà quán dọc đường còn ai dám chứa mình". Qua ngày hôm sau, không thể chịu được nữa, Sư bèn vứt bộ lòng Ác Lai xuống biển.
Nhà sư đi mãi rồi cũng đến Tây Trúc. Nhưng khi phủ phục trước Phật đài nói lên nỗi thắc mắc của mình vì sao chưa được đắc đạo thì bỗng nhiên trên điện cao có tiếng vọng xuống bảo chàng: "Còn thiếu một vật nữa mới thành chánh quả". Sư rất đỗi ngạc nhiên, cố ngước mắt nhìn lên một tí. Trên cao vòi vọi, Sư thấy Đức Phật ngự giữa tòa sen sáng chói, sau lưng có bóng dáng hai người tựa hồ như hai mẹ con Ác Lai. Sư bỗng hiểu hết: Đức Phật đã rõ sự thiếu thành thực, thiếu tận tâm của mình rồi, còn mẹ con Ác Lai nay đã thành chánh quả chỉ là nhờ sự ngộ đạo đột ngột và chân thành trong phút chốc. Sư nằm phục vị hồi lâu, trong lòng thẹn thò vô kể.
Nhà sư ta sau đó trở về chốn cũ để tìm lại bộ lòng. Tuy biển mênh mông và sâu kín, nhưng cũng cố lặn hụp để mong thấy lại món quà dâng Phật mà Ác Lai gửi cho mình. Sư nghĩ chỉ có làm thế mới dám nhìn lại mẹ con Ác Lai và hy vọng gần gũi tòa sen đức Phật. Sư bơi lên lặn xuống mãi. Sau đó sư hóa làm loài cá mà người ta vẫn gọi là cá he, cũng gọi là cá nược hay có nơi gọi là cá ông sư. Vì cho đến ngày nay dòng dõi loài cá đó con nào con nấy có cái đầu trọc như đầu ông sư, và vẫn làm cái việc của nhà sư, nghĩa là chúng đi hàng đàn, cứ lặn xuống nổi lên luôn không chịu nghỉ.
Những người đánh cá còn nói loài cá he rất ghét những ai trêu chọc mình. Ai trêu chọc nghĩa là gợi lại chuyện cũ của tổ tiên chúng nó, chúng nó sẽ làm cho đắm thuyền rách lưới. Trái lại, ai khen ngợi reo hò thì chúng nó sẽ lặn xuống nổi lên nhiều lần cho mà xem.
NGUYỄN ĐỔNG CHI
Truyện Cổ Việt Nam tập II
"Những người không giữ đức "Thành tín" thì chỉ lừa gạt mọi người được trong một thời gian nào đó thôi, tai hại nhất là sau dù nói thật người ta cũng không tin".

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Phần IV - 7

Tôn giả Nan Đà
Tôn giả Nan Đà là người em trai cùng cha khác mẹ với đức Đạo sư. Tôn giả xuất gia ngay trong ngày hôn lễ, trong một phút bốc đồng hơn là phát tâm

cầu đạo. Vì thế chỉ được vài hôm đầu, Tôn giả cảm thấy nhớ nhung nếp sống vương giả và nhất là vị tân nương mới cưới. Tôn giả nhất định hoàn tục nên tìm đến Đức Phật ngỏ ý:
- Bạch Thế Tôn! Con không thể nào tiếp tục sống đời xuất gia trong sạch như vỏ ốc được. Bất cứ lúc nào và ở đâu, con cũng nhớ đến hình bóng diễm lệ của tân nương. Con còn nhớ rõ, lúc con theo Thế Tôn ra khỏi kinh thành, nàng hối hả chạy theo, tóc mới chải được một nửa, lệ tuôn đầy má, kêu thất thanh:
- Hỡi Hoàng tử yêu quý! Mau về với em, không có chàng thì em sẽ chết mất... con lo ngại cho nàng quá.
Để khuyến khích người em trẻ tuổi, đức Đạo sư bèn dùng thần thông, khiến Nan Đà được trông thấy hình bóng của một số tiên nữ trên cung trời Đâu Suất. Sau đó Ngài hỏi sư:
- Nầy Nan Đà! Những tiên nữ này có đẹp bằng Tân Nương hay không?
Tôn giả bối rối:
- Bạch Thế Tôn! Tân nương Ka Lỳ A Ni của con tuy là hoa hậu của thành Ca Tỳ La nhưng so với tiên nữ trên, nàng vẫn kém xa.
- Vậy thì, này Nan Đà, nếu em cố gắng tu hành, không đòi hoàn tục nữa... thì khi nào đắc đạo, Như Lai sẽ đền bù cho em 500 tiên nữ xinh đẹp như thế. Còn Tân Nương em chớ bận tâm về nàng ta nữa. Phụ hoàng và đình thần sẽ sắp xếp cho Ka Lỳ A Ni tìm chỗ trao thân gởi phận xứng đáng cả rồi.
- Bạch Thế Tôn! Con rất an tâm khi được chuẩn hứa như thế. Con sẽ ở lại tinh cần tu tập để được 500 tiên nữ... không đòi về hoàng cung nữa.
Và Tôn giả Nan Đà ở lại, tinh cần tu tập, không bao lâu Ngài đắc A La Hán quả. Khi về gặp đức Đạo sư để báo tin thành quả tốt đẹp của mình, Tôn giả cung kính thưa:
- Bạch Thế Tôn! Xin ngài hủy bỏ lời hứa đền bù cho con 500 tiên nữ cõi trời.
- Lành thay Nan Đà! Như Lai rất hoan hỷ khi được hủy bỏ một lời hứa như vậy.
Trưởng lão kệ còn ghi lại bài thơ của Tôn giả đã làm sau khi đắc đạo như sau:
"Có một thuở nào - Vừa dễ duôi vừa nông cạn
Tâm trí của ta - Chỉ chăm chú vào lòng can đảm được biểu hiện bên ngoài.
Ta thật nhẹ dạ và nông nổi
Tất cả những tháng ngày đều bị tiêu phí trong nhục dục phóng đãng và si tình".
Nhưng:
Nhờ lòng từ bi quảng đại của Đức Thế Tôn
Ta đã được dẫn dắt

Từ Hoàng cung đến đời sống cao nầy.
Nhờ thế :
Ta được thoát ra khỏi vòng sinh tử triền miên và chứng đạt Niết Bàn".
"Đường về cõi Phật rộng bao la
Con nguyện cầu xin Đức Phật Đà
Chỉ nẻo cho con tìm ánh Đạo
Tránh niềm tục lụy lắm phong ba".

Chuyện nàng Xơ Ri Ma Ti

Ngày xưa, lúc Đức Phật còn tại thế, một hôm, Ngài ngự cùng chư Tỳ kheo gần thành Vương Xá trong vườn tre.
Lúc ấy, trong thành Vương Xá, vua Tần Bà Ta La đương trị vì. Đất nước của vua sung túc, phú cường, dân chúng an cư lạc nghiệp, không tranh chấp, không làm hại lẫn nhau, chẳng hay bịnh hoạn đau đớn. Cây trái thạnh mậu, thú vật sanh sôi nẩy nở. Vua là bậc minh chúa, ưa đạo đức, mến phong hóa và lấy đức công bình trị dân. Hay Phật ngự đến, vua và quyến thuộc quy y thọ giáo, và nhờ đó thấu đạt chân lý.
Nhằm tiết xuân sang, trăm hoa đua nở. Trong rừng, các loài chim thi nhau ca hát vui mừng. Vua và Hoàng hậu, có cung phi mỹ nữ theo hầu, xuất hành ngự đến vườn hoa trong Rừng Tre. Cung phi tâu:
- Tâu bệ hạ, ban ngày chúng tôi không thể đến hầu Phật. Vậy xin bệ hạ cho lập trong cung một ngọn Tháp thờ tóc và móng tay của Đức Thế Tôn. Chúng tôi sẽ được vọng bái thường thường và cúng dường Phật các thứ bông hoa, hương thơm, tàn lọng, cờ phướn.
Vua Tần Bà Ta La bèn đến bạch Phật: "Cúi xin Ngài ban cho chúng con tóc thừa và móng tay dư để thờ. Chúng con định xây một ngọn Tháp trong cung để phụng thờ Thế Tôn. Đức Phật ban tóc và móng tay cho vua. Rồi đó, vua Tần Bà Ta La và các bà phi rất cung kính, cho xây một ngọn Tháp thờ tóc và móng tay của Phật, ở ngay giữa Hoàng cung. Từ đó, các bà phi thường vào Tháp dùng đèn, hương hoa, cúng dường Đức Phật.
Kịp đến khi Thái tử A Xà Thế, vì nghe theo lời xúi biểu của Đề Bà Đạt Đa mà giết cha là Tần Bà Ta La và soán ngôi, thì sự thờ cúng trong Tháp bị cấm ngặt. Tân vương ra chỉ thị: "Không ai được cúng gì trong Tháp thờ Thế Tôn". Từ đó trở đi, đến ngày rằm, không một ai quét dọn trong Tháp cũng chẳng ai đốt đèn, thắp hương và dâng hoa. Trước cảnh đìu hiu lạnh lẽo ấy, những người trong cung, chạnh nhớ đến Tiên vương Tần Bà Ta La, đồng khóc kể rất đau thương: "Bạc phước thay cho chúng ta! Vì đức vua Pháp (chỉ Tần Bà Ta La) mất đi cho nên chúng ta mới chẳng tạo được công đức".
Tuy vậy, trong đám cung phi có một cô tên Xơ Ri Ma Ti không kể mạng

mình, một lòng niệm nhớ đức Phật, can đảm vào Tháp và dọn quét.
Lúc ấy A Xà Thế, đứng trên nóc đền bằng thẳng, trông thấy ánh sáng rực rỡ, phán hỏi: "Gì lạ thế". Một bà phi đáp: "Ánh sáng ấy do cô Xơ Ri Ma Ti thắp đèn trong Tháp thờ tóc và móng tay Phật ánh ra". Vua cho đòi thể nữ đến : - Sao ngươi dám cãi lịnh ta? Thể nữ đáp: Tôi đành cam cãi lịnh ngài, nhưng tôi làm theo lịnh vua Pháp, đức Tần Bà Ta La. Vua giận giữ, liền ném vào đầu thể nữ một cái dĩa sắt. Thể nữ chết ngay. Trong khi thác, lòng đang hoan lạc tưởng niệm Đức Thế Tôn nên thể nữ được sanh lên cõi tiên, miền Đao Lợi.
Tiên nữ thấy rằng sở dĩ được phước là nhờ cúng dường Đức Phật. Nàng bèn định đến hầu Phật. Trang điểm thanh tịnh, đeo đồ trân bảo, ướp chiên đàn và trầm thủy, mặc đồ đẹp trên cảnh thượng tiên, lại bọc thêm hoa Mạn Đà La, nàng hiện thân đến chầu Phật. Hào quang Tiên nữ chói khắp cảnh vườn, chỗ Đức Thế Tôn ngồi. Nàng rải hoa mừng Phật và làm lễ ngồi trước Phật nghe thuyết pháp. Đức Thế Tôn giảng cho nghe vừa với sức hiểu biết của nàng. Tiên nữ rất vui mừng, hân hạnh được thêm phước đức, như người buôn bán được lợi. Nàng lậy chào Phật và lui về tiên cảnh.
Đêm ấy, chư Tỳ kheo thức tham thiền, bỗng thấy hào quang chói cả rừng tre. Sáng lại các ngài hỏi Phật. Đức Thế Tôn giải rằng: "Hào quang ấy của một Tiên nữ, nguyên là cung phi trong đền vua Tần Bà Ta La. Chẳng tiếc thân mạng, nàng đã vi phạm lời ngăn cấm của vua A Xà Thế, vào Tháp thắp đèn cúng dường Như Lai, vì lòng niệm nhớ công đức Phật. Vua A Xà Thế nổi giận giết nàng. Trong khi thác, nàng không quên niệm tưởng Phật nên được sanh làm Tiên tịnh lạc nơi miền Đao Lợi.
Hồi hôm này, Tiên nữ đến hầu ta, được nghe ta thuyết pháp và thấu hiểu chân lý. Xong, nàng mới trở về Tiên cảnh.
- Nầy chư Tỳ kheo, vậy các ngươi phải biết điều này: Nên tôn trọng, tán thán, cúng dường Phật, sống đời mà thờ Phật.
Phật thuyết xong, chư Tỳ kheo lấy làm vui mừng, hoan lạc.
TRÍ GIẢI
"Máu ai đổ xuống đất này
Để cho đạo pháp đêm ngày nở hoa"

Vua Quang Minh
Về đời quá khứ lâu xa đã trải qua vô số a tăng kỳ kiếp, bấy giờ ở cõi Diêm Phù Đề này, có một ông vua tên là Đại Quang Minh, vua là người rất phước đức thông minh trí tuệ, có đủ vương tướng. Lúc ấy ở biên cảnh, có một vị quốc vương là người đối với vua Quang Minh rất mực thân hậu, nên mỗi khi ở trong nước đó có thứ gì thiếu thốn vua Quang Minh cũng cho người đem qua tặng, để đáp lại, vua nước biên cảnh kia, hễ trong nước có thứ gì quí,

cũng lại đem sang biếu cho vua Quang Minh.
Một hôm vua nước biên cảnh kia, đi săn được một con voi con rất đẹp, sắc trắng như pha lê, trong lòng rất vui mừng, và tự nghĩ: "Ta sẽ đem biếu cho vua Quang Minh". Nghĩ như thế rồi, vua lấy các thứ châu báu như vàng bạc trân bảo, trang sức cho voi, xong rồi, sai người đem đến tặng vua Quang Minh.
Vua Quang Minh xem thấy, lòng rất vui mừng, liền bảo Quản tượng tên là Tản Xà: "Nay ta giao cho nhà ngươi trông nom dạy bảo con voi này, khiến cho nó được điều thuận".
Tản Xà phụng giáo. Không bao lâu voi đã được điều thuận. Tản Xà đến tâu vua: "Nay tôi dạy voi đã được điều thuận rồi, xin vua ra xem thử". Vua nghe nói thế, tâm rất vui mừng, hạ lệnh đánh trống, hội họp các quần thần, để vua xem thử voi.
Khi đại chúng đã tụ họp đông đủ rồi, vua bước lên cưỡi voi, trông oai nghiêm rực rỡ như mặt trời mới mọc. Vua cùng với thần dân, đồng ra ngoài thành du ngoạn, toan đến thí trường, nhưng lúc ấy, vì voi khí lực cường tráng, vừa trông thấy đàng xa một đàn voi đang ăn ngó sen dưới ao, dục tâm phát động, tức thì chạy lồng lộn đuổi theo những con voi cái trong bầy. Đoàn voi chạy vào rừng sâu, voi bạch đuổi theo làm cho áo mũ của vua bị rách nát, rơi mỗi nơi một mảnh, còn vua thì đầu tóc mặt mày đều bị những cành cây đâm cà xây xát chảy máu. Vua đâm lo hỏi Quản tượng: "Ta nay liệu có cách gì sống thoát được không?". Quản tượng đáp: "Nếu vua thấy có cành cây nào có thể bám được, vua hãy bám lấy, rồi leo xuống đất, thì mới có thể sống được". Vua liền bám được cành cây, rồi leo xuống đất ngồi, tự thấy áo mũ mất hết, thân thể bị thương tích, đau đớn nhức nhối, thêm ở giữa chốn rừng sâu, không còn biết phương hướng để tìm lối ra nữa.
Nhưng sau đó, Quản tượng cũng bám được cành cây, và thoát khỏi tai nạn, trở lại tìm vua. Khi thấy vua ngồi một mình sầu não thê thảm, Quản tượng khấu đầu tâu vua: "Xin đại vương chớ nên buồn rầu, con voi ấy khi dục tâm đã hết, lại chán những thứ cỏ hôi nước đục, nó sẽ nhớ lại những thức ăn ngon ngọt trong sạch ở nơi vương cung, tự nhiên nó sẽ trở về".
Vua bảo Quản tượng: "Ta nay không muốn nghĩ đến ngươi và con voi ấy nữa, vì con voi ấy mà tính mạng ta gần nguy hại".
Khi ấy các quần thần đều lo sợ cho vua, bèn cùng nhau tiến vào rừng, theo dõi dấu vết tìm vua, hoặc có người nhặt được áo mũ của vua, hoặc thấy những giọt máu rơi, lần hồi mới gặp thấy vua, rồi họ đem một con voi khác để vua cưỡi trở về cung. Khi về tới nơi, nhân dân trong thành, thấy vua mắc phải tai nạn đau đớn như thế ai cũng buồn rầu!
Bấy giờ con cuồng tượng ấy ở ngoài đồng, ăn những thứ cỏ hôi, uống nước dơ bẩn, thì dục tâm tự tắt, nó bỗng nhớ đến những thức ăn uống ngon ngọt ở

trong vương cung, rồi nó đi như bay trở về chỗ cũ. Quản tượng thấy voi trở về, đến tâu vua: "Tâu Đại Vương, con voi mất khi trước, nay nó đã trở về, xin vua ra xem". Vua nói: "Ta không dùng ngươi và con voi ấy nữa". Tản Xà tâu vua: "Vua không dùng tôi và voi ấy, nhưng xin vua hãy xem qua phương pháp tôi điều phục voi thôi". Vua bằng lòng, và cho người bày tòa ngồi ở đó, chứng kiến phương pháp điều phục voi của Quản tượng.
Tin ấy được truyền đi, tất cả nhân dân trong nước nghe tin Quản tượng muốn cho vua thấy phương pháp điều phục voi đều nô nức kéo đến thí trường đông đúc như ngày hội lớn. Lúc ấy, vua cùng đại chúng theo hầu ra ngoài thành, và tiến đến tòa ngồi. Quản tượng Tản Xà đem con voi đến hội trường khiến thợ làm bảy viên sắt, nung đỏ, tự nghĩ nếu con voi ấy nuốt những viên sắt này, quyết định sẽ chết, Quản tượng mong vua đổi ý nên mới tâu vua: "Con bảo tượng này, chỉ vua Chuyển Luân Vương mới có mà thôi, nay nó mới có một lỗi nhỏ, không nên làm cho nó chết thì thật quá uổng! Vua bảo Tản Xà: Voi nếu chưa được điều phục, chẳng nên để ta cưỡi, và nếu nói đã điều phục tại sao lại xảy ra sự tình như thế? Nay ta không dùng ngươi và cũng không dùng con voi ấy nữa!". Quản tượng tâu vua: "Vua không dùng tôi, tôi cũng đành cam chịu, chứ con voi này mà vua không dùng thì thật là đáng tiếc lắm! Lúc ấy đại hội ai nghe thấy thế cũng đều chảy nước mắt, chăm chú nhìn con voi sẽ bị hành tội kia mà trong lòng chứa chan niềm thương xót! Quản tượng ra hiệu bảo voi phải nuốt hết những viên sắt nung đỏ này, nếu không ta sẽ dùng búa bổ vào đầu ngươi cho đến chết. Voi đoán biết được ý của quản tượng, nó tự nghĩ: "Ta thà nuốt viên sắt này mà chết, còn hơn để chết bằng những lưỡi búa, khổ đau khó nhẫn; như người tự thắt cổ mà chết chứ chẳng muốn để cho người khác thiêu đốt mà chết!". Voi liền quì hướng về chỗ vua, nước mắt chảy ròng ròng, tỏ mong vua thương hại tha thứ, nhưng vua lại càng thêm phẫn nộ, ngoảnh mặt trông đi nơi khác, không một chút đoái hoài. Tản Xà bảo voi: "Cớ sao ngươi lại không chịu nuốt những viên sắt này?". Lúc ấy con voi nhìn quanh cả bốn phía, và biết rằng không ai có thể cứu sống nó được, rồi nó tự lấy những viên sắt ấy bỏ vào trong miệng mà nuốt, ruột gan bị cháy sém mà chết, chẳng khác lấy chày bằng kim cương, đập vào quả núi pha lê, cho đến khi những viên sắt ấy rơi ra đất cũng vẫn còn đỏ rực. Bấy giờ trong hội thấy thế, ai cũng thương đến chảy nước mắt. Vua trông thấy, rất kinh ngạc, triệu Tản Xà đến hỏi rằng: "Ngươi điều phục được voi như thế, tại sao khi ở trong rừng lại không chế ngự được nó?". Bấy giờ người ở cõi trời Tịnh Cư, biết vua Quang Minh, hợp lúc có thể phát tâm Bồ Đề, liền dùng thần lực, khiến Quản tượng quỳ tâu với vua rằng:
- TÔI NAY CHỈ CÓ THỂ ĐIỀU PHỤC ĐƯỢC THÂN VOI, CHỨ KHÔNG THỂ ĐIỀU PHỤC ĐƯỢC TÂM VOI.

Vua hỏi:
- VẬY CÓ AI ĐIỀU PHỤC ĐƯỢC THÂN CẢ TÂM KHÔNG?
Tâu Đại Vương:
- CHỈ CÓ PHẬT THẾ TÔN, KHÔNG NHỮNG ĐIỀU PHỤC ĐƯỢC THÂN, MÀ NGÀI CÒN ĐIỀU PHỤC ĐƯỢC CẢ TÂM NỮA.
Vua Quang Minh vừa nghe đến danh hiệu Phật, trong lòng xiết nỗi kinh ngạc, chân lông dựng đứng, bảo với Tản Xà rằng: "Ngươi vừa nói đến Phật, vậy ngươi có biết Phật thuộc về dòng giống họ nào mà sanh ra không? Tản Xà tâu vua: "Phật Thế Tôn từ hai dòng họ mà sanh ra: Một là dòng giống TRÍ TUỆ, hai là dòng giống TỪ BI. Ngài siêng năng làm sáu việc, gọi là lục Ba La Mật, công đức trí tuệ đầy đủ nên gọi là Phật, đã tự hay điều phục được mình, lại hay điều phục hết thảy chúng sanh".
Vua nghe Tản Xà nói như thế, trong lòng hớn hở vui mừng, liền trở về cung, tắm gội sạch sẽ, vận y phục mới, lên trên lầu cao hướng lễ cả bốn phương, sanh đại bi tâm thương xót tất cả chúng sanh và đốt hương thệ nguyện: "Nguyện tôi ngày nay làm được chút phước đức gì, tôi đều hướng về Phật Đạo cho tới khi nào tôi thành Phật, tự điều phục được tâm mình, cũng sẽ điều phục cho hết thảy chúng sanh, nếu còn sót một chúng sanh nào mà bị đọa đầy ở nơi địa ngục chịu khổ, tôi sẽ nguyện vào ở trong đó để cứu vớt, và làm những việc lợi ích cho chúng sanh, thoát khỏi mọi điều khổ não, và tôi thệ nguyện trọn đời không bỏ tâm Bồ Đề".
Khi vua phát lời đại nguyện lớn lao như thế, quả đất đều rung động, nước ở các đại hải đều dâng trào, trên hư không tự nhiên có vô lượng chư Thiên trỗi các thiên nhạc, ca ngợi Bồ Tát, mà xướng lớn lên rằng: "Như việc làm của Ngài, không bao lâu sẽ thành Phật, khi nào Ngài thành Phật nguyện sẽ độ cho chúng tôi. Khi ấy cũng sẽ có phần được dự vào pháp hội của Ngài.
Phật bảo các Tỳ kheo: "Con bạch tượng lúc bấy giờ nay là ông Nan Đà, Quản Tượng nay là ông Xá Lợi Phất, còn vua Quang Minh nay là thân ta ngày nay vậy. Ta thấy việc điều phục voi mà phát Đạo Tâm, cần cầu Phật Đạo".
Bấy giờ đại hội, nghe Phật khổ hạnh như thế, có người chứng được bốn đạo quả, có người phát Đại Đạo Tâm, có người xuất gia tu hành, và ai cũng hoan hỷ tin kính thực hành theo lời Phật chỉ dạy.
CHÍNH TIẾN
"Làm chủ được thân, tức là làm chủ được ngôn ngữ. Làm chủ được cái ý, tức là làm chủ được cái tâm. Kẻ học đạo nào tự chủ được thân tâm, sẽ thoát khỏi mọi nỗi khổ não".

Con nhền nhện
Ngày xưa, có một vị sư tọa thiền rất chuyên cần tinh tấn. Trải qua nhiều năm

tu tập, một ngày nọ trong lúc tọa thiền, sư thấy một con nhện to bự giăng tơ trước mặt ông. Càng lúc nó càng lớn và xích tới gần ông một chút, cho đến khi nó án ngữ cả vòm trời tâm thức. Tám cái chân của nó giăng ra đe dọa, như sẵn sàng vồ lấy nhà sư mà nuốt chửng. Bốn mắt nhìn nhau quái đản, kinh hoàng. Sư nhiếp tâm chánh niệm, nhưng hình ảnh con nhền nhện càng rõ hơn. Mở mắt đã thấy rõ mà nhắm lại rõ hơn bội phần. Sư toát mồ hôi hột, định thần quán không quán giả. Nhưng quán không mà con nhền nhện vẫn có sờ sờ ra đó, quán giả thì đã đành là giả nhưng mà... run vẫn cứ run. Sư bèn đổi pháp môn, quay ra niệm Phật, bắt ấn giữ quyết, trì niệm thần chú cầu chư Phật Bồ Tát, Thiên Long bát bộ đến cứu mình ra khỏi con nhền nhện ác ôn này. Nhưng, mặc dù sư đã bắt ấn đủ kiểu, mật niệm đủ thứ thần chú nổi tiếng trừ tà rất linh nghiệm, mà con nhền nhện vẫn cứ ỳ ra đấy, càng lúc càng gần nhà sư hơn, càng đe dọa hơn. Sư đành phải chịu thua, xả thiền đứng dậy. Hình ảnh ghê rợn của con nhền nhện trong thời thiền định vẫn ám ảnh sư. Sư trở nên thẫn thờ suy nhược như người mất hồn. Quá đau khổ, nhà sư đi đến vị thầy trình bày tự sự. Vị thầy hỏi sư:

- Bây giờ ông tính thế nào?
- Bạch Thầy, con đã làm đủ mọi cách, nhưng con nhền nhện vẫn trơ trơ ra đó. Con nghĩ rằng, phải giết quách nó đi mới tu hành được, con định bụng, sẽ để sẵn một con dao bén. Chờ nó tới thì con đâm cho nó một dao rồi đời.
- Ông tính vậy cũng được, nhưng trước khi đâm con nhền nhện, ông hãy gạch dấu chữ thập bằng phấn trắng ở ngay cái chỗ mà ông định thọc con dao. Vào thời tọa thiền kế tiếp ông sẽ đâm nó cũng không muộn.

Vị sư nghe lời, cáo từ thầy trở về tọa thiền. Lần này ông thủ sẵn một viên phấn trắng, chờ con nhền nhện xuất hiện, ông cầm phấn gạch ngay một dấu chữ thập vào bụng nó. Sau khi xuất định, ông trở lại yết kiến vị thầy, bày tỏ ý chí cương quyết giết con nhền nhện vào giờ tọa thiền kế tiếp. Vị thầy bảo:

- Được nhưng ông hãy vén áo cho tôi xem thử. Vị đệ tử ngạc nhiên nhưng đành phải vâng lời thầy. Ông mở áo ra cho thầy xem, và lạ thay trên bụng mình, ông bỗng thấy một dấu chữ thập bằng phấn trắng... do chính ông đã gạch, ông nhân đó hoát nhiên đốn ngộ.

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

"Thông thường chướng ngại mà ta nghĩ là ở ngoài tới kỳ thật nó ở ngay trong ta. Khi tách biệt nó và ta xem nó như thù nghịch, muốn hủy diệt nó, thì coi chừng ta hủy diệt ngay chính mình".

La Vân Châu

Thuở Phật còn tại thế, có một thầy Tỳ kheo số phận hẩm hiu, từ lúc mới sanh cho tới khi tu hành chứng quả, chưa khi nào thầy được một bữa no lòng. Vì thiếu sinh tố dinh dưỡng, nên người thầy trông ốm o, lều khều,

nước da mét mét, trong lòng lúc nào cũng đói meo, thật thiểu não.
Tuy trong lòng trống trơn như vậy, nhưng thầy vẫn siêng năng tu hành. Mỗi sáng thầy dậy thật sớm, cần mẫn trong công việc của chúng tăng, rồi sau đó thầy đắp y, mang bát vào thành khất thực. Thầy lần lượt đến nhà này đến nhà kia, hết xóm này đến xóm khác, nhưng chẳng ai cúng cho thầy một tí đồ ăn nào cả. Đến đâu họ cũng đóng cửa, hoặc lẩn tránh nơi khác, cho đến khi hết buổi, thầy buồn bã ôm bát trở về. Có khi năm bảy hôm mới được một bữa tàm tạm để cầm hơi. Dù vậy, thầy không bao giờ nản lòng, thối chí, thầy biết do nghiệp lực nhiều đời của thầy đã tạo, nên thầy càng dõng mãnh tinh tiến tu hành hơn. Đối với bổn sư của thầy – Ngài Xá Lợi Phất, thầy hết lòng hầu hạ, đối với các vị Trưởng lão kỳ túc, thầy luôn luôn tôn kính, đối với bậc ngang hàng hoặc nhỏ hơn, thầy luôn luôn từ hòa nhu thuận. Ai cũng mến thầy, nhưng vì nghiệp lực chẳng ai giúp gì được cho thầy.
Một hôm thấy thầy mệt lả vì cơn đói hoành hành, Ngài Xá Lợi Phất sau khi khất thực về dành phần cho thầy, nhưng thương thay, cơm vừa để vào bát liền hóa thành đất bùn. Ngài Mục Kiền Liên thấy thế liền vận thần thông cho cơm vào bát, nhưng oan nghiệt lạ, từ trên không một con chim to tướng bay rớt xuống gắp phần cơm đi mất, thần thông của Ngài Mục Kiền Liên cũng không làm sao thắng được nghiệp lực, đành đứng mà nhìn. Đến phiên Ngài Ca Diếp, thương lòng, đem cơm đến và tự mình bốc cơm đưa vào miệng cho thầy, nhưng cơm vừa đến miệng, thì miệng thầy tự nhiên ngậm lại chẳng chịu hả ra, nên không ăn được.
Từ nơi Tịnh Xá, Đức Thế Tôn biết được tình trạng của thầy La Vân Châu như vậy, Ngài đi đến và dùng bi lực trao đồ ăn cho thầy, nhờ bi lực của Thế Tôn, đồ ăn ấy trở thành vị cam lồ, thầy vừa đưa vào miệng đã thấy một niềm hoan lạc vô biên. Sau khi dùng cơm xong, Đức Thế Tôn nói pháp cho thầy nghe, quá cảm xúc tấm lòng đại bi của Phật, thầy thọ nhận pháp vi diệu ấy với cả thân tâm, hoát nhiên chứng quả A La Hán.
Các thầy Tỳ kheo chứng kiến cảnh ấy rất lấy làm cảm kích, bạch Phật rằng:
- Bạch Thế Tôn, La Vân Châu tu hành như vậy, nhưng vì sao mà không khi nào thầy được no lòng cho đến khi chứng quả?
- Nầy các Tỳ kheo, đây không phải là lần đầu tiên La Vân Châu phải chịu đói khát, mà từ vô lượng kiếp, La Vân Châu đã phải chịu rồi. Khi thì làm ngạ quỷ, khi thì súc sanh, khi thì người, trải qua 500 kiếp không khi nào no lòng, nhưng đến hôm nay, nhờ thầy tinh tấn tu hành, chứng quả A La Hán thầy mới hết nghiệp.
Nầy các Tỳ kheo, quả báo như thế cũng chỉ vì từ vô lượng kiếp La Vân Châu đã lấy trộm đồ ăn của một vị Bích Chi Phật, do quả báo ấy mà phải chịu đói khổ nhiều đời.
GIỚI ĐỨC

"Nỗi khổ bị thiêu trong ba đường dữ, nỗi khổ con lạc đà, con lừa chở nặng, nỗi khổ bị đói khát áp bức chưa gọi là khổ. Si mê không học, không biết hướng đi mới gọi là khổ".

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Phần IV - 8

Phật ấn với Đông Pha

Tô Đông Pha, quan Hàn Lâm học sĩ triều Tống, nổi tiếng là người học rộng nghe nhiều, tài hoa lỗi lạc. Ỷ tư chất thông minh, ông xem mọi người dưới tầm con mắt, thường làm những bài văn với tính cách trào lộng để mai mỉa tình đời. Đối với đạo Phật, ông lại còn tỏ ra thái độ khinh rẻ, không tin, thẳng lời bài bác.

Một độ, nhân đi phó nhậm ở Chiết Giang, nghe danh sư Phật Ấn ở đỉnh Vân Cư là bậc học thông ba tạng, Tô Đông Pha liền nảy ra ý định đến viếng cửa thiền, mục đích để trêu chọc lão Hòa Thượng này chơi. Đến đây tôi xin tạm dừng câu chuyện thăm viếng ấy lại, để lược thuật cho quí vị biết tướng mạo và hành vi của vị tăng ở núi Vân Cư ra thế nào?

Phật Ấn thiền sư, vóc người cao lớn, mập mạp. Trên mặt ngài luôn luôn nở nụ cười, mỗi khi tiếp chuyện với khách. Về ngôn ngữ, Sư nói rất trôi chảy tài tình, khiến cho người đối thoại phải lặng thinh khâm phục. Sư có nhiều hành động khác thường, đến như rượu thịt là giới cấm trong nhà Phật, sư cũng không từ. Nhưng với bao nhiêu cử chỉ ấy, tất cả Tăng đồ và tín đồ thời bấy giờ không ai dám bài bác, và nhận thấy ở nơi sư có một cái gì siêu phàm hay làm cho người đời tỉnh ngộ, mà kẻ dung thường không thể bắt chước. Cho nên, hành vi khác lạ của sư được nhiều người ghi chép bằng nhiều bài thi, trong ấy có những câu :"Viễn Công cô tửu yêu Đào Lịnh, Phật Ấn thiêu trư đãi Tử chiêm" (Ngài Huệ Viễn mua rượu mời Đào Uyên, minh sư Phật Ấn nướng thịt đãi Tô Tử Chiêm). Đây là hành vi của bậc đại triệt, đại ngộ, tùy cơ giáo hóa. Những vị tăng sĩ nào chưa được như thế, không nên khen ngợi bằng lối bắt chước, cũng đừng vội chê bai.

Xin tiếp tục câu chuyện trước. Khi Tô Đông Pha đến non Vân, sư Phật Ấn còn đang ngồi tịnh trong phương trượng, nghe thị giả thưa: "Có quan Hàn Lâm học sĩ đến" Sư vui vẻ chào hỏi và mời khách ngồi. Sau khi đáp lễ xong, Tô Đông Pha liền mở lời vấn nạn:

- Bạch Hòa Thượng! Xin cho tôi hỏi một câu:

- Vâng, tôi cũng xin tùy chỗ hiểu biết để hầu chuyện cùng ngài.
- Bạch, tôi muốn mượn thân tứ đại của Hòa Thượng làm tòa ngồi, có được chăng?
Một nụ cười nở trên môi, Phật Ấn thiền sư đáp:
- Nếu bần đạo trả lời không suông, xin theo tôn ý, bằng trái lại, ngài sẽ tính thế nào?
- Tôi xin đem chiếc đai ngọc, một vật quí của vua ban cho, để đáp tạ Hòa Thượng.
- Bần đạo tứ đại vốn không, ngũ uẩn chẳng có, vậy ngài lấy chi làm tòa ngồi.
Tô Đông Pha sửng sốt hồi lâu, không trả lời được, đành phải mở đai ngọc giao cho Phật Ấn thiền sư. Sư thâu nhận, rồi bảo thị giả vào trong đem chiếc áo bá nạp ra tặng cho quan Hàn Lâm học sĩ. Tô Đông Pha gắng gượng tiếp lấy và làm bài kệ trình lên rằng:
Căn tối đành ngơ trước máy thần
Nặng vì thân bịnh vướng đai cân!
Muốn khuyên khất thực nhà ca kỹ?
Nên mới nhường cho áo núi Vân.
Đoạn, hai người cùng nhau tiếp chuyện rất thân mật.
Từ khi được gặp Phật Ấn thiền sư và sau mấy phen ngài chiết phục, Tô Đông Pha trở nên bạn thân của vị Tăng phi thường ấy. Trong thời gian đó, ông lại được quen với một vị sư khác: ngài Hoành Sơn Cốc. Khi rảnh việc Tô Đông Pha thường mời hai bạn đến nhà thết tiệc khoản đãi, hoặc cùng đi dạo ở những nơi thắng cảnh. Nhưng, trong ba người, chỉ có sư Phật Ấn là mạnh ăn nhất. Vì thế, Tô Đông Pha, Hoành Sơn Cốc thường bị cụt hứng và thường chịu lép trong những cuộc vui.
Một hôm, Đông Pha bảo người nhà sửa sang con thuyền và sắm sẵn gỏi ngon rượu tốt, rồi mời riêng Sơn Cốc thiền sư cùng mình mở cuộc lãng du trên dòng nước. Không dè ngài Phật Ấn hay được việc ấy, lén đến mé sông trước, và dở ván ngồi lẳng lặng dưới khoang thuyền. Sơn Cốc, Đông Pha đến sau thờ ơ không hay biết chi cả, bảo trạo phu gay chèo để phát khởi cuộc du trình.
Lúc ấy nhằm ngày rằm. Hoàng hôn đã trở về từ lâu nên mặt sông thu yên tĩnh. Vào khoảng đầu hôm, chị Hằng lộ dáng đứng trên dãy non Đông, như bàng hoàng giữa vầng Ngưu Đẩu. Hàng cây bên bờ sông in bóng dài trên bãi cát. Một ngọn gió mát từ đâu thoảng lại, thổi phất phơ tà áo vị thiền sư trí tuệ và trang học sĩ tài hoa. Thuyền từ từ tách khỏi bến ra giữa lòng sông, thả suôi theo dòng nước. Đi không lâu, chiếc du thuyền rẽ vào một mặt hồ to rộng, bao la. Bấy giờ, những thức ăn uống được sắp bày trên thuyền, dưới gương nga tỏa sáng. Trước khi nhập tiệc, Đông Pha bảo Sơn Cốc:" Chúng ta mỗi người hãy làm bốn câu thi tức cảnh, hai câu sau lấy trong sách Tứ thơ

và kết cuộc bằng chữ "tai". Nếu ai làm không được phải bị phạt ba chén rượu. Và, bước đầu tôi xin nhường cho Ngài. Lộ vẻ tươi cười, thiền sư đáp: "Thế thì còn chi thú vị bằng! Tôi xin lĩnh ý".
Bấy giờ con thuyền đang từ từ rẽ nước. Cánh bèo theo gợn sóng tan ra, lộ dáng mấy con cá lội thấp thoáng. Sơn Cốc trông thấy liền ngâm:
Phù bình bác khai
Du ngư xuất lai
Đắc kỳ sở tai!
Đắc kỳ sở tai!
(*Bèo nổi tan ra, Dáng cá lội qua*
Phải cảnh nó a! Phải cảnh nó!).
Đông Pha vỗ tay khen: "Hay! Hay lắm! Thật là tuyệt!" Rồi, vẻ mặt trầm ngâm ông nhìn khắp chung quanh để tìm câu gợi tứ. Chợt trông lên trời thấy áng mây trắng bay qua để lộ màu thỏ bạc, ông liền đọc:
Phù vân bác khai
Minh nguyệt xuất lai
Thiên hà ngôn tai?
Thiên hà ngôn tai?
(*Mây nổi qua mau, Trăng tỏ lộ màu*
Trời nào nói đâu, Trời nào nói đây?)
Sơn Cốc cũng vỗ tay khen: "Mấy câu vừa rồi ý nghĩa siêu thoát lắm! Không biết ngài có nhận được mùi thiền trong ấy chăng? Đông Pha không đáp, yên lặng tủm tỉm cười. Đoạn, hai người cùng rót rượu để tán thưởng cho nhau và sắp sửa vào tiệc. Nhưng, Phật Ấn thiền sư đã dở ván, từ dưới khoang thuyền chun lên, vừa đọc lớn:
Phù bản bác khai
Phật Ấn xuất lai
Nhơn yên sưu tai?
Nhơn yên sưu tai?
(*Ván lót dỡ cao, Phất Ất ra mau*
Người giấu được nào? Người giấu được nào?).
Đọc xong sư điềm nhiên ngồi chễm chệ trước tiệc, quơ đũa không mấy chốc, thức ăn đã hết sạch. Sơn Cốc và Đông Pha dở khóc dở cười, nhìn nhau ngơ ngẩn.
Những việc trớ trêu tương tự như thế, thường xảy đến với Tô Đông Pha, nhưng cũng do đấy, ông càng nghĩ càng khâm phục sư Phật Ấn.
Khách đa tài phần nhiều hay đa tình, Đông Pha có bảy người thiếp rất đẹp. Một hôm, trong cơn đàm thoại, Phật Ấn thiền sư bảo ông rằng: "Tôi nghe ngài có nhiều thê thiếp, mà tôi lúc này thiếu người hầu hạ, không biết ngài có vui lòng cho tôi mượn một nàng không?" Đông Pha cười nói: "Hòa

Thượng đã muốn, tôi đâu dám chẳng vâng lời". Sau khi về đến nhà Đông Pha cho gọi thiếp thứ bảy ra bảo: "Hôm nay, Phật Ấn thiền sư hỏi tôi mượn một cô hầu. Vậy nàng hãy sửa soạn để đi đến chùa cho sớm". Người thiếp tỏ vẻ không bằng lòng, thưa: "Ông ấy đã tu hành, sao còn nói gở như thế?" Đông Pha bảo: "Người quân tử đã hứa, tất phải nhớ lời. Nàng nên vì tôi chịu phiền đi đến xem Hòa Thượng sử sự ra sao?"
Khi người thiếp đến chùa, Phật Ấn thiền sư ra tiếp, đưa vào cho an nghỉ một phòng. Đoạn, sư bắt bảy cái lò gần đấy, quạt lửa than cháy đỏ rồi suốt đêm bước qua bước lại trên lò. Sáng ra, thiền sư bảo xa phu gác xe đưa mỹ nhân trở về. Sau khi về đến nhà, người thiếp thuật rõ lại hành vi của sư Phật Ấn trong đêm vừa qua. Đông Pha nghe xong, thầm nghĩ: "Đây chắc là thiền sư ngụ ý bảo: ta có bảy nàng hầu như bảy lò lửa, hành vi bước qua có phải tỏ rằng mình đã thoát khỏi vòng ái dục rồi chăng?" Nghĩ đến đó, ông dường như tỉnh ngộ.
Về sau, do sự hóa độ của Phật Ấn thiền sư, Tô Đông Pha lần lần hồi tâm trở về với đạo Phật. Khi lớn tuổi, ông mướn thợ vẽ một bức tượng A Di Đà, đi đâu thường mang theo mình. Có ai hỏi, ông đáp: "Bức tượng này là công cứ của tôi đấy".
Giữa Phật Ấn và Đông Pha còn lắm đoạn kỳ quan. Theo lời truyền thuyết ở các sách tàu, Tô Đông Pha là thân sau của giới thiền sư, cũng là bạn đồng tu học của vị tăng núi Vân Cư từ kiếp trước. Trong tiền thân Phật Ấn thiền sư đã đắc đạo. Ngài tái sanh làm vị tăng với mục đích nhắc nhở người bạn tiền duyên trở lại con đường giác ngộ. Điều này, nên tin hay không ở đây không thành vấn đề bàn luận. Chúng ta chỉ nên biết rằng hành vi của ngài Phật Ấn không những có ý nghĩa với Tô Đông Pha, mà với tất cả bao nhiêu người đồng tâm trạng, cảnh ngộ như ông.
TRÍ HIỀN
Một hôm, Tô Đông Pha sáng tác được một bài thi mà ông rất hài lòng, ông bèn cho đem tặng Phật Ấn thiền sư ở chùa Kim Sơn. Thay cho lời khen mà ông Tô Đông Pha mong ước, thiền sư lại phê hai chữ "phóng thí" (*) Ức lòng, Tô Đông Pha bương bả vượt sông đến Kim Sơn bắt lỗi. Thiền sư lấy bút sửa câu chót, làm cho Tô Đông Pha dở khóc dở cười.
Nguyên văn bài thi của tô Đông Pha như sau:
Khể thủ thiên trung thiên.
Hào quang chiếu đại thiên.
Bát phong xuy bất động.
Đoan tọa tử Kim liên.
Làm để xưng tụng Đức Phật, bài thi ấy thật rất hay, nhưng thiền sư biết tác giả chỉ là người múa văn, chơi chữ, chứ không phải người thâm nhập Phật lý đến mức thực chứng cảnh giải thoát "Bát phong xuy bất động", nên thiền sư

phê hai chữ "phóng thí" để trêu. Quả như thiền sư tiên liệu: Tô Đông Pha đã nổi nóng, vượt sông đến hỏi. Nhưng sau khi thấy thiền sư sửa câu chót thành "phóng thí đã quá giang", Tô Đông Pha hổ thẹn vì đã để cho một cái "Lỡ trôn đánh bay ngang sông". Đông Pha bái phục ra về, không nói được một lời... (**)

Pháp sư SIÊU TRẦN

Tám gió (bát phong) là chỉ những cái ưa ghét của người đời, hễ một trong những cái ấy đến thì lòng người bị xao xuyến, như gió thổi nước lay. Tám gió ấy là : 1. Lợi, 2. Suy (tổn thất), 3. Hủy (chê), 4. Dự (khen), 5. Xưng (phong tặng), 6. Cơ (nói xấu), 7. Khổ (cay đắng), 8. Lạc (vui).

"Rồi đây nguyện được như lời
Thuyền từ một chiếc thảnh thơi giữa dòng
Hỡi những ai còn trong bể khổ
Hãy nương thuyền tế độ mà qua
Bến mê vượt khỏi ái hà
Lên bờ giải thoát mới là an vui..."

**Thí : có nghĩa là lỡ trôn nếu nói theo trong Nam, hay trung tiện nói theo Bắc, Trung.*

*** Bài thi của Tô Đông Pha có nghĩa: Cúi đầu làm lễ Thần của các vị Thần mà ánh sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, là đấng mà "tám gió" thổi không lay và đang ngồi trên hoa sen vàng tía.*

Thiếp nguyện hai điều

Túp lều xiêu vẹo ấy, cô lập bên triền đồi thấp, sau đồi là một dãy trường sơn. Đây là gia đình của hai mẹ con thiếu phụ nghèo, sống với nghề trồng hoa. Nhưng tiếp luôn mấy năm hoa bị mất mùa và hư luôn cả giống. Gia đình trở nên túng thiếu, đến nỗi người con gái của thiếu phụ nay đã 16, 17 tuổi mà áo xống không đủ che thân. Người mẹ hy sinh cho con, bà thường xuống núi làm thuê và dặn con đừng ra đường.

Hôm ấy, vua nước A Kỳ La Nại đi săn, khi ngang qua đồi của Trinh Nữ (tên người con gái) bỗng một con chim ưng rất lớn, đậu ngay trên chòi tranh, tiếng kêu thanh thót, vua giương cung bắn, chim chết rơi ngay vào nhà nàng, thấy quan quân vào tìm chim, Trinh Nữ hổ thẹn, núp kín trong cửa và cầm chim quăng ra. Trong đám quân hầu, có vị tướng sư khi vào lượm xác con chim, thoạt nhìn cánh tay của bần nữ rất đẹp. Ông tấm tắc khen ngợi, biết không phải người thường.

Năm sau Hoàng hậu băng hà, vua sai sứ tìm người đức hạnh bốn phương. Song mãi chưa tìm được người như ý.

Vị tướng sư nhớ ngày đi săn vào nhà Trinh Nữ, mới đem việc ấy tâu vua. Vua y lời, sai sứ đến tận nhà nàng. Gặp lúc thiếu phụ đi vắng, Trinh Nữ thấy

khách đến xôn xao, nàng lại cả thẹn vào núp trong nhà.
Sứ giả đứng ngoài cửa gọi ba, năm lần, nàng không trả lời, thoáng thấy có bóng nàng, mà gọi không lên tiếng, Tướng sĩ cả giận xẵng tiếng:
- Bần nữ có nhà không, ra đây!
Trinh Nữ ở trong nhà nói vọng ra:
- Các ông là ai? Dám đường đột vào nhà con gái, đi ra mau.
Sứ thần bảo:
- Quốc vương sai ta đến đòi nàng, nàng là người hèn hạ, sao dám đuổi sứ nhà vua?
- Quốc Vương đòi tôi có việc gì? Đòi để trị tội ư? Tôi tuy nghèo hèn, nhưng không làm gì phạm đến phép nước cả, còn nếu đòi tôi để sung vào tam cung lục viện, thì các ông là bộ hạ của tôi, sao dám thất lễ?
Không biết làm thế nào, sứ thần về tâu lại. Vị tướng sư tâu vua:
- Bần nữ không phải người thường, thật đáng ngôi mẫu nghi thiên hạ.
Vua sắc trăm quan sắm đủ lễ nghi, và 500 cung nữ đem xa giá đến đón nàng. Trăm quan đem xe giá, heo dê v...v... đủ lễ, chuông khánh vang đường. Khi đến túp lều tranh, sứ giả xuống xe, vào làm theo lễ Quốc Mẫu.
Bần nữ theo mẹ ra tiếp sứ và nhã nhặn:
- Cảm phiền quan liêu, ngàn dặm đến đây đón tôi. Tôi tự thẹn mình nghèo hèn thô lậu. Sắc không đẹp bằng hoa Mạn đà, hoa Ưu đàm, tiếng không được thanh tao như đàn cầm, đàn sắc, đức độ không bằng Thánh nhân, trí thức tầm thường, nay phiền quan liêu đến đón, tôi thật cảm kích vô cùng".
Sứ giả và quan Khâm mang đồ sính lễ ra: vàng bạc, ngọc ngà, gấm, nhung, sô nhiễu v...v... 500 thể nữ người dâng áo mão, kẻ mang chuỗi anh lạc và sửa soạn cho nàng xong. Ngắm lại quả là một bậc sắc nước hương trời, lạc loài nơi thôn dã. Phước diện và cử chỉ của nàng thật xứng bậc Mẫu Nghi.
Trinh Nữ cùng mẹ lên kiệu hoa. Xe giá rầm rộ kéo đi như một đạo ngự.
Khi xe giá nàng vừa đến cung vua, thì tự nhiên cửa ngọ môn mở rộng, trong chánh điện có hào quang chiếu sáng, mọi người cho là điềm lành của nước.
Vua mặc triều phục, thân hành ra nghinh tiếp, khi thấy bần nữ sắc đẹp lộng lẫy khả ái, vua rất yêu mến và sanh tâm kính trọng. Năm ngàn phu nhân ra lậy mừng, ai thấy Hoàng Hậu cũng đều sinh tâm kính trọng. Vua sách phong Hoàng hậu cho nàng ngay. Trinh Nữ vào cung bảy ngày bảy đêm, nàng không ngủ, chỉ vui chơi với các phu nhân và cung nữ. Tâm nàng thanh tịnh không bợn chút nhiễm ô, nên đối với đức vua nàng thường lánh mặt. Vua sai người đến thăm hỏi, và xin ra mắt. Nàng bảo các phu nhân thưa lại:
- Bình sanh tôi có hai điều nguyện: một là được làm Hoàng hậu hai là được gặp Phật. Nay được một, còn một chưa được gặp Phật.
Vua bảo:
- Hoàng hậu cho ta gặp mặt, ta sẽ sai người đi mời Phật cho.

Hoàng hậu:
- Nếu tôi chưa gặp Phật thì tôi chưa thể gặp vua được.
Vua tức mình, thân hành xuống cung Hoàng hậu.
Hay tin vua xuống, Hoàng hậu vào phòng đóng kín cửa.
Vua nổi xung đứng ngoài phòng bảo:
- Ngươi là kẻ hạ tiện, sao dám trái ý trẫm.
Hoàng hậu:
- Vẫn biết thiếp là kẻ hạ tiện, nhưng đã về với Quốc Vương thì thiếp cũng là bậc Mẫu nghi. Nghiệt là thiếp đã nguyện được yết kiến Phật trước, mới gặp vua sau. Vậy xin bệ hạ tha tội cho.
Vua càng tức mình:
- Ta đủ oai thế, nếu kẻ nào trái ý ta, thì cứ như phép nước trị tội.
Hoàng hậu:
- Vua là bậc Chí Tôn cầm quyền trăm họ, song trị tội trăm họ cho đúng đạo. Còn nếu chỉ vì ai trái ý mình thì trị tội, ai vừa ý thì ban thưởng, cái ấy thiếp thấy kẻ phàm phu còn chưa làm thay, huống là thiên tử.
Vua giận lắm hét lên:
- Thuận ý ta thì còn, trái ý ta thì chết!
Hoàng hậu cũng không vừa:
- Thiếp cũng có nguyện của thiếp, nếu được như nguyện thì sống, bằng không như nguyện, thì chết cũng không sợ.
Nghe Hoàng hậu nói quả quyết vua nguôi giận và bỏ nhỏ:
- Thế làm sao gặp Phật được?
Hoàng hậu:
- Đức Phật hiện ở nước Xá Vệ, nếu thỉnh Phật thì qua thỉnh.
- Trẫm sợ bách quan cười trẫm.
- Sao lại cười? Bệ hạ cứ thỉnh Phật về, Phật thăng tòa thuyết pháp, bách quan được thấy Phật, nghe pháp thì sanh hoan hỷ, đời đời còn được phước đức vô lượng.
- Thôi, Hoàng hậu an tâm, trẫm sẽ sai người sắm đủ phẩm vật để đi thỉnh Phật.
Sắm sửa xong, vua cho người tin với Hoàng hậu để sai người đi. Hoàng hậu bảo:
- Đức Phật là đấng chí tôn chí thượng, thỉnh Phật thì Đại Vương phải thân hành đi, chứ không thể ai thay được.
Vua tức lộn ruột:
- Nếu ta đi thỉnh thì ta đi, đây ngươi muốn thỉnh thì ngươi đi, chứ ta không đi.
Hoàng hậu:
- Đại vương tuy tôn quý, nhưng thiếp nay là vợ của Đại vương, nếu thiếp đi

thỉnh Phật thì sao bằng đại vương đi, nay Đại vương cố chấp không chịu đi thỉnh Phật thì thiếp không phải là người của Đại vương.
- Ta với ngươi chưa thành phu phụ, sao gọi là người của ta, ta nhất định không đi.
Biết ý vua đã cương quyết. Nàng làm thinh và từ đấy u sầu bỏ ăn bỏ ngủ.
Vua nghe tin, sợ nàng quyên sinh hoặc trốn đi, nên cho người canh phòng cẩn thận, bốn cửa đều có người coi giữ.
Bỗng một hôm, cung nhân hốt hoảng báo tin là Hoàng hậu biến đi đâu mất.
Vua hoảng sợ, cho người bủa tìm khắp nơi. Trong hoàng cung tiếng khóc như ri, náo động cả nước, vì câu chuyện Hoàng hậu mất tích.
Vua rất hối hận, buồn bã bảo các phu nhân:
- Bởi vì trẫm không chịu nghe lời đi thỉnh Phật, bây giờ biết sao cho thấy được Hoàng hậu. Thấy vua có vẻ hối hận, đệ nhị phu nhân tâu:
- Hoàng hậu thật không phải người thường. Nên đã biến hình ẩn tích đâu đây, nay sự việc đã như vầy, thì theo ý thiếp, Đại vương nên thân hành đi thỉnh Phật, may ra nhờ oai lực của Phật mà Đại vương có thể gặp lại Hoàng hậu cũng nên.
Vua đành nghe lời và sắm sửa xe giá lễ vật rồi thân hành qua nước Xá Vệ.
Khi đến nơi, vua đảnh lễ, bạch Phật:
- Đệ tử là quốc vương nước A Kỳ La Nại, tên A Ca Đạt Lưu xin đảnh lễ yết kiến Đức Thế Tôn.
Đức Phật rất hoan hỷ và hỏi thăm quốc dân, quốc sự được yên ổn thái bình chăng?
Vua bạch:
- Đệ tử nhờ đức độ của Tiên vương để lại, nên dân sự được yên ổn. Nay đệ tử đến đây yết kiến Như Lai và thỉnh Phật từ bi khuất thần qua nước hèn của đệ tử, để cho trăm họ được chiêm ngưỡng.
Đức Phật hứa khả. Vua về rồi, Đức Phật liền vận thần thông qua nước A Kỳ La Nại.
Vua cùng văn võ ra khỏi thành mười dặm, cung thỉnh Phật vào cung lên pháp tòa. Vua cùng đình thần cùng cung nhân thể nữ đều ra đảnh lễ Phật.
Gặp Phật, vua càng nhớ lại Hoàng hậu, nên tâm hồn vơ vẩn đâu đâu.
Đức Phật hiểu ý liền hỏi:
- Như Lai thấy được trong lòng đại vương không vui, phải chăng vì Hoàng hậu mất tích?
Vua đem sự tình đầu đuôi bạch Phật.
Ngài mỉm cười liền lấy tay chỉ. Vua theo ngón tay Phật thì quả nhiên thấy Hoàng hậu đương phủ phục một bên của Đức Phật: đồng thời mọi người đều thấy. Tất cả hoàng cung rất vui mừng.
Vua và Hoàng hậu cùng thiết trai cúng dường.

Phật thọ trai xong. vua đảnh lễ và bạch:
- Hoàng hậu xuất thân trong gia đình bần tiện, nay lại được làm Mẫu nghi thiên hạ, lại có thần thuật ẩn hiện như các vị La Hán, là do nghiệp báo, và phước duyên gì?
Đức Như Lai mỉm cười rồi thuật lại tiền kiếp:
- Hoàng hậu từ kiếp xa xưa, vốn người nước Ca La Việt, là một vị trưởng giả giàu có, sang trọng vô cùng. Nhưng tánh lại xan lẫn keo kiệt, bà lại bóc lột, lấn công lấn của... của kẻ khác, không hề cho ai một đồng nhỏ, lại áp chế hiếp đáp đồng loại v...v... Vì nhân keo kiết, bóp chặt, lấn hiếp người nên nay bị quả báo nghèo khổ bần tiện. Song Ca La Việt tánh ưa đọc sách, học hỏi nên nay được trí tuệ hơn người. Sau được gặp chánh pháp mới biết cúng dường, nhưng tâm chỉ ưa cúng dường mà chẳng chịu bố thí, sau nhờ gặp thiện tri thức khuyến hóa lần lần bớt niệm xan lẫn. Ca La Việt và Đại vương là hai người thân thiết, nay thành phu phụ. Đại vương bảy phen sanh loài trời, Ca La Việt bảy phen làm tiên nữ. Đại vương bảy phen sanh vào kiếp nhân gian, Ca La Việt cũng nguyện sanh theo. Hai người kiếp kiếp theo nhau, nguyện đồng sanh tử. Và cuối cùng được gặp Như Lai nên đều được giải thoát.
Vua nghe Đức Phật dạy tiền sự của mình, thì rất vui mừng đảnh lể Phật và phát nguyện thọ lãnh năm điều cấm giới, lấy mười điều thiện để dạy muôn dân.
Hoàng hậu mở ba kho báu giúp dân nghèo, và mở trường dạy phụ nữ những nghề nghiệp thiện, nhất là trau dồi tư tưởng và hành động trong sạch. Những ngày trai tiết Hoàng hậu tu "Bát quan trai" và luôn luôn tập cho cung nhân tu các hạnh lành, nhờ đức độ của Vua và Hoàng hậu nên ngoài trăm họ được an cư lạc nghiệp, trong muôn lòng hòa thuận tin yêu.
Một hôm Vua cùng Hoàng hậu nhân xem hoa quỳnh nở. Hoàng hậu bỗng giác ngộ thế sự mong manh nên liền xin Vua xuất gia.
Vua bảo:
- Ái khanh là bậc mẫu nghi thiên hạ, nay cạo đầu làm sa môn, trẫm sợ trăm quan chê cười.
Hoàng hậu tâu:
- Trước thiếp đã có vô số bậc mẫu nghi, nhưng khi chết chỉ đem theo một mớ tội lỗi của nghiệp phú quý, thiếp nghĩ mà ghê sợ. Vì vậy thiếp chỉ lo vua Diêm Vương không nể mặt, chứ chẳng sợ trăm quan chê cười. Huống nữa, xưa nay kẻ nữ nhân như lửa dữ, như rắn độc v.v... Người trí sợ nữ nhân như rắn độc, lửa dữ, vì sao? Rắn độc, lửa dữ chỉ hại sắc thân một đời, nữ nhân làm hại muôn kiếp trầm luân, sống thì mất thanh danh, chết thì làm quỉ ô uế. Chính thiếp tiền thân một kiếp xa xưa cũng là nam tử, song chỉ vì mê ly nữ sắc nên vô lượng kiếp trở lại nữ nhân. Nữ nhân thật đáng sợ vậy.

Biết ý chí cương quyết của Hoàng hậu, vua phải bằng lòng.
- Khanh là người tiên cốt, nay lại ngộ được Phật tâm, quyết chí ly trần, trẫm xin tùy hỷ. Trẫm tự thẹn mình là nam tử, nhưng chót lỡ vương mang ngôi báu bên mình. Vì thái tử còn nhỏ mà quý phi chưa phải là bậc đảm đang quốc sự được. Chứ thật ra huỳnh bào ngọc ấn nặng nề triền phược, làm sao bằng một mảnh cà sa?
Được lịnh vua cho xuất gia, Hoàng hậu liền triệu tập tất cả Thái tử, quý phi, cung nữ v.v... rồi dịu dàng dạy vẻ ân cần, nhất là việc trau dồi tâm đức, bỏ các việc ác, làm các hạnh lành và thừa sự quốc vương nuôi dạy thái tử v.v... ta nguyện sớm thành Chánh giác sẽ trở về độ các ngươi.
Ba ngàn cung phi đều cảm động, khóc rống lên, tiếng ảo não trong hoàng cung thấu đến cõi trời Đao Lợi, vua Đế Thích thân hành đem cà sa và bình bát xuống cúng dường.
Hoàng hậu tức thời rụng tóc, liền thành Sa môn, thân mặc cà sa vận thần thông giữa hư không.
Tất cả hoàng cung rất đỗi kính phục. Vua A Ca Đạt Lưu thấy vậy hoan hỷ kính tán:
- Hoàng hậu phước đức đồ sộ như núi diệu cao, trẫm rất vui mừng.
THÍCH NỮ THỂ QUÁN
"Phật động lòng thương kiếp đọa đầy
Hóa thân làm tuyết bốn trời bay
Kết hoa sáu cánh sen mười trượng
Giọt tịnh bình xoa dịu đắng cay".

Công đức cúng dường Xá Lợi
Ngày xưa, trong thời kỳ giáo pháp Đức Phật Ca Diếp, lúc ngài đã nhập niết bàn, các Phật tử quyết định kiến tạo một bảo pháp bằng vàng thật vĩ đại, chiều cao một do tuần, để tôn thờ Xá Lợi của Ngài.
Thuở ấy, có một tín nữ ngoan đạo. Nàng sống thật hạnh phúc dưới mái ấm gia đình, tất cả tình thương nàng đều dành cho cô con gái xinh đẹp và ngoan ngoãn của nàng tên là Sê Sa Va Ti. Trong các dịp lễ lớn nàng thường cùng cô con gái đến dâng hương lễ Phật. Một hôm đến chùa thấy thợ bạc nấu vàng cho chảy ra, rồi đúc thành từng viên gạch một, cô con gái lấy làm ngạc nhiên hỏi mẹ:
- Thưa mẹ, thợ bạc đúc vàng thành viên gạch để làm gì?
Người mẹ đáp:
- Người ta đúc vàng thành gạch, xây cất bảo tháp để tôn thờ Xá Lợi của Phật.
Sê Sa Va Ti nghe mẹ bảo như thế rất hoan hỷ, nàng phát tâm trong sạch với Đức Phật. Nàng thưa với mẹ:

- Thưa mẹ, con muốn hùn phước bằng sợi dây chuyền nơi cổ con để góp phần vào việc xây dựng bảo tháp, mẹ nghĩ sao?
Nghe con phát tâm bồ đề như thế, người mẹ đáp:
- Lành thay, lành thay, thật quý báu, mẹ vô cùng hoan hỷ trước sự phát tâm của con gái yêu quý của mẹ.
Nàng liền đem sợi dây chuyền đến hùn phước.
Kiếp đó, khi nàng lâm chung, nhờ phước báo cúng dường sợi dây chuyền để xây bảo tháp, nàng được thọ sanh vào cõi trời, hưởng lạc thú nơi tiên cảnh.
Đến thời giáo pháp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nàng giáng trần thọ sanh trong xứ Na Lan Đà tên là Sê Sa Vát Ti. Tuy mới 15 tuổi nhưng dung nhan thật diễm lệ, tánh tình lại ngoan hiền, nàng được mọi người yêu mến.
Cũng tại xứ Na Lan Đà, có một vị Trưởng giả đang giàu có, bỗng trở nên nghèo khổ, vì bao nhiêu ngọc ngà, châu báu thọ hưởng cha mẹ để lại đều biến thành đá.
Một hôm, ông trưởng giả nghĩ ra phương cách, làm cho những viên đá vô dụng kia sẽ trở thành châu báu như cũ. Ông bèn đem những viên đá ra chợ bán với niềm tin nếu gặp người có phước đức, tất cả những viên đá này sẽ trở thành châu ngọc.
Ngày kia nàng Sê Sa Vát Ti vâng lời mẹ, đi chợ mua dầu. Khi bước vào chợ, cô trông thấy một gian hàng trưng bày toàn vàng bạc châu báu chiếu sáng rực rỡ. Sê Sa Vát Ti bước đến gần để xem cho kỹ và ngạc nhiên cô hỏi người chủ hàng:
- Thưa ông chủ, vì lẽ gì mà ông đem vàng bạc, ngọc ngà chất đống trên sập này như vậy. Đáng lẽ, tất cả những của này phải gìn giữ cẩn thận trong tủ, trong kho mới phải.
Ông trưởng giả nghe vậy, lấy làm mừng rỡ, biết rằng đã gặp được người hữu phước. Ông không vội trả lời mà hỏi lại Sê Sa Vát Ti:
- Cô em ở đâu? Con cháu của ai?
Sê Sa Vát Ti lễ phép đáp:
- Thưa ông, cháu là con của một người nông dân ở xứ này.
Ông trưởng giả vội vàng gom góp tất cả vàng bạc ngọc ngà cho vào bao, rồi mời Sê Sa Vát Ti cùng về nhà ông. Đến nơi ông mới giải thích với nàng:
- Trước đây, tôi là một vị trưởng giả giàu sang bậc nhất trong xứ này. Nhưng bỗng nhiên tôi trở thành nghèo khổ, vì tất cả châu báu của tôi đều biến thành đá cả. Vì thế, tôi mới đem một số đá này ra chợ với hy vọng tìm người hữu phước, tất cả của cải này kể như cho cô em hết, vì cô em là người đầy đủ phước đức, xứng đáng được hưởng tài sản này.
Nói xong, ông trưởng giả hướng dẫn nàng Sê Sa Vát Ti đến kho chứa vàng bạc châu báu cho nàng xem. Khi đến nơi, nàng chỉ nhìn qua, tất cả của cải đều hoàn lại thành châu ngọc lóng lánh muôn màu như cũ.

Sau đó, ông trưởng giả và Sê Sa Vát Ti trở về nhà luôn dịp để diện kiến song thân nàng, ông trưởng giả kể lại cho cha mẹ Sê Sa Vát Ti nghe. Sau cùng ông ngỏ lời xin được chọn nàng làm con dâu. Phụ thân của Sê Sa Vát Ti hết sức hân hoan trước lời cầu hôn của ông trưởng giả nên tán thành. Rồi những thiệp hồng mang tin vui đến thân bằng quyến thuộc. Nhà cửa được trang trí treo đèn kết hoa rực rỡ. Ngày vu quy, Sê Sa Vát Ti lên xe hoa trong tiếng pháo đì đùng.
Nàng sống hạnh phúc bên chồng và hết lòng phụng dưỡng cha mẹ chồng.
Cũng trong thời gian ấy, dân chúng trong khu vực sông Hằng sống yên vui dưới ánh đạo vàng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Nơi đây, đạo nghĩa trọng hơn bạc vàng. Hình bóng của bậc tu hành được tôn kính hơn quyền chức. Trong hàng môn đồ của Đức Phật, có Tôn giả Xá Lợi Phất là vị đại đệ tử đức hạnh và trí tuệ tuyệt vời.
Một hôm, sau buổi thiền định, Ngài nhận thấy tuổi thọ của Ngài sắp hết. Ngài vào đảnh lễ Đức thế Tôn, từ giã và xin phép về xứ Na Lan Đà để nhập niết bàn nơi đây, đồng thời cũng để tế độ song thân của Ngài hãy còn lầm lạc trong vòng tà kiến ngoại đạo.
Về đến Na Lan Đà, đại đức Xá Lợi Phất sau khi thức tỉnh được song thân trở về với chánh pháp, nương tựa dưới bóng mát Phật, Pháp, Tăng, Tôn giả liền nhập niết bàn ngay trong phòng mà Ngài đã chào đời.
Sau một tuần lễ để cúng dường và chiêm ngưỡng, chư Phật tử quyết định lễ hỏa táng di thể của Ngài Xá Lợi Phất thật long trọng và trang nghiêm.
Khi ấy nàng Sê Sa Vát Ti đã có mang đứa con đầu lòng của nàng hơn chín tháng. Lúc hay tin lễ hỏa táng nhục thân của vị Tôn giả mà nàng hằng kính mến sắp cử hành, Sê Sa Vát Ti liền xin phép cha mẹ chồng đến tế lễ trước kim quan.
Cha mẹ chồng tìm đủ lý lẽ để cản ngăn vì biết rằng nàng cũng sắp sinh nở. Nhưng Sê Sa Vát Ti có ý chí và đức tin vững mạnh, nàng cương quyết vì tín ngưỡng tham gia cuộc lễ, cuối cùng ông bà trưởng giả phải vị nể tán thành. Nàng cùng những gia nhân thân tín, mang lễ vật đến hoa đài, nơi đang quàng kim quan của đại đức Xá Lợi Phất.
Khung cảnh hoa đài lúc ấy rất náo nhiệt, dân chúng chen chúc lễ bái lần cuối cùng trước khi hỏa táng.
Nàng Sê Sa Vát Ti cùng đoàn tùy tùng mang lễ vật đến, nàng được mọi người nhường lối đi, vì trong xứ ai cũng kính mến nàng giàu lòng nhân ái và đức hạnh. Nàng bày lễ vật trước kim quan rồi thành kính dâng cúng.
Nhờ phước báo này, sau khi lìa trần, Sê Sa Vát Ti được thọ sanh vào cung trời Đao Lợi. Nàng hưởng an vui hạnh phúc trong một cung điện bằng vàng cẩn ngọc vô cùng tráng lệ có hàng chư thiên nữ hộ giá.
Ngày nọ, tiên nữ Sê Sa Vát Ti chợt nhớ đến tiền kiếp của mình, nàng hiện

xuống Kỳ Viên tịnh xá, yết kiến Đức Thế Tôn.
Lúc ấy Đức Thế Tôn đang tiếp kiến đại đức Va Bha Sa Gi The Ra, bỗng thấy hào quang muôn sắc, chiếu sáng thật xinh đẹp, rồi tiên nữ Sê Sa Vát Ti xuất hiện đảnh lễ Thế Tôn, bà thuật lại đầy đủ chi tiết về tiền thân của mình. Nhân cơ hội ấy, Đức Thế Tôn thuyết một thời pháp tán dương công đức sự cúng dường Xá Lợi Phất.
GIỚI ĐỨC
"Bố thí là kho châu báu thường theo người.
Bố thí là nhóm điều vui, trừ đau khổ".

Gọi Phật bằng bạn
Một mùa an cư, sau khi mãn hạ, Đức Thế Tôn du hành một mình thăm viếng các trú xứ của những Tỳ kheo, để biết lối sống của họ, việc tu hành tiến thoái của họ. Chính nhân những cuộc du hành này mà đã có lần Ngài tâm sự với thị giả Nàgita :
- Nầy Nàgita, mỗi khi đi ngang một làng mạc mà thấy một am cốc của Tỳ kheo, thì dù vị ấy đang ráo riết thiền tọa, Như Lai vẫn không hài lòng về trú xứ của vi ấy. Vì Sao? Vì vị ấy có thể bị phụ nữ, trẻ con, người lớn trong làng đến phiền nhiễu, tán chuyện, làm cho vị ấy không thể chứng đắc những pháp chưa chứng và có thể thối thất những pháp đã chứng. Trái lại mỗi khi trông thấy một vị Tỳ kheo ở trong rừng, dưới gốc cây, thì dù vị ấy đang tựa gốc cây mà ngủ gục, Như Lai vẫn hài lòng, nghĩ rằng: Tỳ kheo này sau khi hết cơn buồn ngủ, có thể tiếp tục tọa thiền không bị ai quấy rối. Y sẽ chứng đắc những pháp chưa chứng đắc.
Trong cuộc du hành chúng ta đang nói đến, khi Đức Thế Tôn đi ngang một làng nọ thì trời đã sẩm tối. Ngài ghé vào một nhà thợ gốm xin trú ngụ. Không một ai biết đấy là đấng giác ngộ, vì Ngài làm như một vị tỳ kheo thông thường giản dị, không có tùy tùng thị giả. Ngài ngỏ lời với thợ gốm:
- Nầy thợ gốm, tôi có thể nghỉ lại nhà người một đêm không?
Thợ gốm nhìn Ngài đáp:
- Sa môn muốn ở lại cũng được, nhưng đã có một vị xuất gia đến trước cũng đang nghỉ tại đây. Xin hiền giả hãy ngỏ lời với vị ấy, nếu ông ta đồng ý thì hiền giả cứ tự nhiên.
Đức Thế Tôn bước vào trong gặp một tỳ kheo trẻ đang ngồi, Ngài hỏi:
- Hiền giả, tôi muốn ở lại đây một đêm, có phiền gì cho người chăng?
- Ồ, thưa hiền giả, không có gì phiền. Nhà thợ gốm rất rộng.
Thế Tôn bèn trải thảm cỏ, ngồi kiết già. Vị Tỳ kheo cũng ngồi kiết già ngồi tọa thiền cho đến quá nửa đêm. Đức Thế Tôn quán sát cử chỉ của Tỳ kheo thanh niên ấy, lấy làm hài lòng. Ngài nghĩ: "Thanh niên này có những cử chỉ tín thành. Ta hãy hỏi chuyện y". Và Ngài mở lời:

- Nầy bạn, nhân danh ai mà bạn đã từ bỏ gia đình, sống đời khất sĩ? Ai là thầy của bạn?
Tỳ kheo đáp:
- Ồ bạn ơi, có Sa môn dòng họ Thích Ca đã từ bỏ ngai vàng để trở thành một ẩn sĩ. Thiên hạ đồn rằng Ngài đã đạt Chánh Giác, được tôn xưng là Phật, Thế Tôn. Chính nhân danh con Người cao cả đó mà tôi đã xuất gia. Bậc Thế Tôn ấy là Đạo sư của tôi. Tôi thích sống như Người.
- Vậy con người cao cả đó, Đức Phật, Thế Tôn ấy, bây giờ ở đâu?
- Nầy bạn, có một đô thị ở phía bắc gọi là Xá Vệ, chính nơi đó Đức Thế Tôn đang ngự tòa.
- Bạn có khi nào bạn thấy đấng Thế Tôn ấy chưa? Bạn sẽ nhận ra Ngài nếu gặp Ngài không?
- Bạn ơi! Làm sao tôi có được cái diễm phúc ấy? Tôi chưa bao giờ trông thấy Ngài, chỉ mới nghe danh của Ngài thôi. Nhưng chính vì Ngài mà tôi bỏ tục xuất gia, sống đời không nhà. Tôi chưa được gặp Ngài thì làm sao mà nhận ra Ngài được?
Đức Thế Tôn suy nghĩ: "Thanh niên này đã nhân danh ta mà xuất gia. Vậy ta hãy thuyết pháp cho y". Rồi Ngài dạy:
- Hỡi khất sĩ, tôi sẽ giảng pháp cho bạn, hãy lắng nghe.
- Được bạn cứ nói đi.
Đức Thế Tôn thuyết pháp cho vị Tỳ kheo ấy về cấu tạo của con người gồm bốn đại, năm uẩn, trong đó không có cái gì là ta hay của ta, toàn là những kết hợp vay mượn bên ngoài, biến chuyển luôn luôn để đi đến hoại diệt. Do nhận thức chân chính ấy, khi mắt tiếp xúc với sắc, tai với âm thanh, v.v... và những cảm thọ như dễ chịu, khó chịu... vị Tỳ kheo không tham đắm, không ghét bỏ vì quan sát những cảm thọ ấy không phải là ta, không phải của ta. Vị ấy sẽ có thái độ "huệ xã" (giải thoát nhờ trí huệ) không còn vọng tưởng được sự bất động. Khi dứt được những vọng tưởng như vậy, vị Tỳ kheo ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh.
Đức Thế Tôn dùng âm thanh vi diệu như tiếng hót chim Ca Lăng Tần Già để thuyết pháp cho vị Tỳ kheo ấy, khích lệ ông, làm cho ông hân hoan phấn khởi với những lời pháp của Ngài, như thể được nếm vị cam lồ bất tử. Nghe xong thời pháp của Thế Tôn, vị Tỳ kheo biết ngay đấy chính là đấng A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác ông đang ngưỡng mộ tôn thờ. Ông sửa lại y, quì gối chắp tay bạch:
- Bạch Thế Tôn, con thật ngu si đã gọi Ngài là bạn. Xin Thế Tôn cho con sám hối tội lỗi.
- Nầy Tỳ kheo, vì ngươi không biết nên không gọi là tội lỗi.
THÍCH NỮ TRÍ HẢI
"Ai lơ lửng như thuyền nan không bến

Ai hận đời không một chút tình thương
Ai thấy mình sao lạnh lẽo thê lương
Mơ kiếp sống đượm mùi hương giải thoát,
THÌ ĐÂY:
"Mắt Thế Tôn nhìn xa ngoài muôn dặm
Lòng Thế Tôn như bể thẳm xanh màu
Tay hiền từ đốt đuốc giữa đêm thâu
Với pháp nhũ đầy vàng châu cảm mến".

Đạo trời báo phục

(*Truyện cổ Phật giáo Trung quốc*)

Ở đất Tân Châu, thuộc huyện Cổ Thành, có một người họ Trương, tên Thiện Hữu, thường ngày ăn chay, niệm Phật, hay bố thí rộng rãi, ai cũng khen là người hiền đức. Vợ ông họ Lý, tên Trương, người ta thường gọi là Lý thị, lại là người tính tình thô bạo, kiến thức hẹp hòi, chỉ thích thu vào mà không muốn bỏ ra một đồng một cắc. Đôi vợ chồng tính tình xung khắc, nhưng ăn ở thuận hòa, biết nhường nhịn lẫn nhau. Họ chẳng có con cái, nhà ít người, nên xài phí chẳng tốn kém gì nhiều. Với huê lợi thu được quanh năm, họ dành dụm để riêng được một số tiền từ hai đến ba trăm quan tiền, đem cho vay lấy lời. Cuộc sống của họ do đó có bề sung túc, chẳng phải lo lắng khổ nhọc.

Ở cách nhà họ chừng mười dặm đường, có một người đàn ông tên là Triệu Đình Ngọc, nhà nghèo nhưng ăn ở tốt. Khi mẹ chết, anh ta chẳng có tiền làm đám tang. Anh ta nghe phong phanh Trương Thiện Hữu là người dư bạc dư tiền, liền có ý nghĩ muốn đến ăn trộm một mớ để lo đám tang cho mẹ.

Anh ta suy đi tính lại, lưỡng lự đến hai ba ngày. Rồi một đêm kia, anh ta lén đến nhà họ Trương đào một lỗ hổng dưới chân tường, lấy được một số tiền năm sáu chục lượng bạc. Về nhà, anh ta nhờ người chọn một ngày lành, làm lễ mai táng mẹ. Anh ta mua gạo, nếp, nhang, đèn, chuẩn bị mọi thứ hết sức đầy đủ, gửi giấy báo tang khắp hết bà con, thân thích, bạn bè, mướn dàn nhạc, nhà giàn. Rồi anh ta tự mình mặc sô gai, làm đám tang mẹ vô cùng trọng thể.

Đôi khi nghĩ lại việc làm bất chính của mình, anh ta cho mình vốn không phải là một tên trộm, mà chẳng qua là không có tiền chôn mẹ, nên trong phút chốc trót quên lời dạy của người xưa "Bần nhi bất khả phú tang" (người con trai nghèo không nên chôn cất theo lối nhà giàu). Dẫu sao, anh ta cũng thấy mình đã làm một việc trái với lương tâm và lẽ phải, là đi ăn trộm tiền bạc của kẻ khác!

Trong khi anh ta nghĩ thầm như vậy, thì ở nhà Trương Thiện Hữu sau khi đêm bị mất trộm, sáng ngày Thiện Hữu phát giác ra, mình đã bị lấy mất năm

sáu chục lượng bạc. Ông liền nghĩ thầm: "Tiền bạc, của cải là phù vân, nay tụ mai tán. Mất phần này, được phần khác, chẳng nên lo rầu!".
Nghĩ như vậy, ông thản nhiên, không buồn giận, tự an ủi lấy mình rằng: "Sự việc phải như vậy thôi! Lời tục thường nói: "Nếu con không chết của không mất, thì trời cũng giáng hỏa tai hay đạo tặc mà thôi".
Trái lại, vợ ông là Lý thị, với đầu óc cạn hẹp, cứ đau xót trong lòng không nguôi, cằn nhằn luôn miệng suốt ngày:
- Nếu số tiền ấy không bị mất trộm, mình còn làm được bao nhiêu công chuyện. Đem cho vay cũng lời biết mấy, để mất trộm oan uổng như thế này, tiếc ơi là tiếc.
Một ngày nọ, trong lúc bà ta đang cằn nhằn, bỗng nghe trước ngõ nhà có tiếng trống đánh vang lên, bà ta nghĩ thầm: "Đây không hẳn là tiếng trống báo thúc thuế, vì tháng này đâu phải là tháng ba hay tháng 9". Chẳng hiểu ra làm sao, bà ta liền chạy ra ngõ nhìn kỹ thì thấy một nhà sư đi hóa duyên, muốn tìm gặp Trương Thiện Hữu. Bà ta trở vào cho chồng hay. Thiện Hữu bước ra cung kính hỏi han nào là nhà sư từ đâu tới, đến đây có việc gì cần, đi hóa duyên ở đâu về, và làm sao biết đến mình? Nhà sư đáp:
- Bần đạo tu ở chùa Ngũ Đài Sơn. Từ mấy năm nay, Phật điện bị đổ nát, hết nơi này đến nơi khác tiếp tục xụm xuống. Ngày qua ngày, gió mưa xối xả xuống cả tượng Phật, khiến bần đạo không thể an tâm ngồi ngó cảnh điêu tàn ấy. Nhưng nhà chùa chẳng có lợi tức nào, mà sự tu bổ quá lớn lao, bần đạo không nỡ điềm nhiên ngồi nhìn, bất đắc dĩ phải xuống núi đi khuyến giáo quanh vùng, cầu xin sự giúp đỡ của thiện nam tín nữ quý thiện tâm quân tử, để mong trùng tu lại Phật đường. Bần đạo đã chịu khó lần hồi gom được số bạc một trăm lượng, nhưng vẫn chưa thấm vào đâu. Vả lại, còn nhiều tín chủ thành tâm đóng góp mà chưa thu nhận được, cho nên bần đạo phải đi thu hết các nơi ấy cho xong. Hiện nay, với số lớn mang theo trong người, bần đạo sợ bọn bất lương biết được mà cướp đoạt mất. Vì thế, bần đạo muốn tìm một nơi tín cẩn, an toàn để gởi nhờ. Tục ngữ có câu "Nhân tâm a thổ bì, thập nhân cửu bất tri" (Lòng người thường giấu dưới da bụng, mười người hết chín người không biết rõ) cho nên bần đạo chưa biết ai để gởi số tiền lớn này. Dọc đường đi, bần đạo nghe người ta đồn tín chủ đây là người chí thiện, ăn chay, niệm Phật, phát tâm làm lành, ai ai cũng đều rõ. Bần đạo quyết tâm tới đây gặp tín chủ để gởi số bạc này tạm thời trong ít lâu. Khi nào bần đạo đã thu góp đầy đủ các nơi, sẽ xin trở lại lấy đi, hợp với số bạc nọ, bần đạo trở về núi lo tu bổ Phật điện. Bần đạo xin tín chủ cho biết ý kiến thế nào ?
Trương Thiện Hữu đáp:
- Đó là một việc thiện, xin nhà sư chớ ngại. Nếu nhà sư muốn gởi bạc lại đấy, điều đó cũng như cất vào tủ của nhà chùa vậy. Tôi xin hứa sẽ giữ gìn

chu đáo, không có gì sai suyển cả. Lúc nào nhà sư xong việc, xin cứ trở lại đây mà lấy bạc về.
Nói xong, hai đàng kiểm cân lượng của số bạc, niêm phong cẩn thận.
Trương Thiện Hữu bèn gọi vợ ra trao tay bảo cất giữ cho thật kỹ. Họ Trương muốn mời nhà sư ở lại dùng cơm, nhưng nhà sư nói:
- Xin đừng lo việc cơm nước, bần đạo cần phải đi ngay, vì nhiều công việc quá gấp rút.
Trương Thiện Hữu nói:
- Tôi đã trao số bạc cho nhà tôi cất giữ. Khi nào nhà sư trở lại lấy nếu tôi đi vắng, tôi sẽ dặn nhà tôi trao lại cho nhà sư chẳng sai.
Nhà sư cảm ơn họ Trương rồi cáo từ ra đi.
Thế nhưng, khi Lý thị cầm được số bạc này trong tay, mụ ta vui vẻ như nở gan nở ruột, tự bảo thầm:
- Tuyệt quá! Tuyệt quá! Thật là hên! Đêm trước chỉ mất trộm ngót sáu chục lượng, mà nay ông sư này lại mang đến những cả trăm lượng, quả là ta lời gấp bội!
Một hôm Trương Thiện Hữu sắp lên chùa Đông Ngạc hành hương để cầu xin được cho sanh một đứa con trai đầu lòng, gọi vợ ra dặn rằng:
- Tôi đi vắng rồi, nếu có nhà sư chùa Ngũ Đài Sơn hôm nọ đến lấy số bạc gởi, dù tôi chưa về đến, bà cũng đem số bạc ấy trao lại cho ông đầy đủ. Nếu ông muốn ở lại nghỉ, bà nên dọn một bữa cơm trưa. Đó là bà làm một việc ân đức vậy.
Bà vợ đáp:
- Tôi đã rõ cả rồi mà!
Dặn dò xong, Trương Thiện Hữu lên đường. Hai ba hôm sau, nhà sư thu tiền xong, trở lại nhà họ Trương, xin được thu hồi gói bạc.
Lý thị nói:
- Nhà tôi đi vắng. Còn tôi chẳng biết, có ai đến gởi số bạc hay không. Thưa lão sư, lão sư có gõ lầm cửa nhà không ạ?
Nhà sư đáp:
- Cách mấy hôm trước đây, chính tay tôi đã trao số bạc tận tay ông Trương Thiện Hữu, ổng mang vào nhà và nói đã đưa cho vợ ổng cất giữ rồi. Sao hôm nay bà lại nói như vậy?
Lý thị thề nói:
- Nếu chính tôi nhìn thấy số bạc của lão sư thì mắt tôi trào máu ra mà chết!
Nhà sư nói:
- Bà nói như thế là có ý giấu diếm số bạc của tôi rồi.
Lý thị đáp:
- Nếu tôi giấu số bạc của ông, thì xin cho tôi rơi xuống 18 từng địa ngục.
Nhà sư nghe mụ ta thề thốt nặng lời như vậy, biết mụ ta là con người xảo

quyệt, có ý trở mặt chiếm đoạt số bạc của mình gởi. Người tu hành chẳng dại đi gây chuyện to tiếng với một phụ nữ, không biết xử lý thế nào, nhà sư liền chắp tay than thở:
- Nam Mô A Di Đà Phật! Của bố thí kia, bần đạo đã đi lượm lặt từ chỗ này đến chỗ khác, thu góp lại từng đồng từng chữ, tự nguyện không dám tiêu xài, nhịn ăn, nhịn uống để đem về tu bổ Phật đường. Bần đạo đã đem gởi cho nhà bà vậy mà bà dám làm việc mờ ám cả lương tâm, chiếm đoạt bạc của bần đạo, chẳng hề xót thương đến một kẻ tu hành già nua tuổi tác! Dẫu bà có giỏi hành động trong bóng tối, con mắt của các thần linh cũng đã soi thấu. Rồi đây, tuần hoàn báo oán, không ai tránh khỏi đâu, bà ơi!
Than thở, kể lể một hồi, nhà sư bỏ ra đi.
Bốn năm ngày sau, Trương Thiện Hữu đi hành hương trở về, hỏi vợ:
- Nhà sư có trở lại lấy số bạc không?
Lý thị đáp không do dự:
- Sau hôm ông đi một bữa, nhà sư trở lại lấy bạc, tôi đã hai tay nâng túi bạc lên trả cho nhà sư rồi!
Trương Thiện Hữu tin ngay lời vợ. Lời tục có nói: "Lời nói khéo, kéo được lòng", bởi vậy Trương Thiện Hữu còn khen vợ:
- Chu tất như vậy thì hay lắm!
*
Hai năm sau, Lý thị sanh được một đứa con trai, đặt tên là Khất Tăng. Năm sau nữa, lại sanh thêm một trai, đặt tên là Phước Tăng.
Từ ngày sanh con trai đầu lòng, vợ chồng Thiện Hữu làm ăn càng ngày càng phát đạt, tiền bạc tuôn vào như nước. Khi lớn lên Khất Tăng làm lụng siêng năng, chịu khó thức khuya dậy sớm, ăn xài hết sức tiết kiệm, bòn chắt từng đồng tiền. Chỉ trong mấy năm, cả nhà trở nên khá giả.
Trái lại người con thứ là Phước Tăng tính nết tương phản vô cùng. Anh ta chỉ biết ăn chơi hoang đàng, rượu chè, cờ bạc, xài phí như ném tiền qua cửa sổ, không một chút tiếc nuối. Hằng ngày chủ nợ đến đòi nheo nhéo trước cửa, anh ta vẫn thản nhiên. Thiện Hữu là người biết trọng danh dự, đâu có thể chịu cho người ta đến lăng mạ con trai trước mặt mình! Ông phải dốc tiền ra bồi thường, trả hết kẻ này đến kẻ khác.
Một đàng nhìn thấy công lao khó nhọc của đứa con cả, một đàng chứng kiến sự hoang phí của đứa con thứ, Thiện Hữu hết sức đau lòng. Ông bèn quyết định chia gia tài ra làm ba phần: một phần cho người con cả, một phần cho người con thứ, còn một phần dành cho hai vợ chồng già. Rồi ai lo phận nấy. Kẻ nào phung phá cứ tự do cho tới khi hết của, khỏi phiền lụy đến kẻ khác.
Khi gia tài được chia xong, Phước Tăng phung phí của cải y như lấy nước sôi dội vào nước đá lạnh, như gió mạnh thổi tan mây. Chỉ non nửa năm, tất cả gia sản của cậu ta hoàn toàn hết sạch. Áo quần chẳng còn cái nào lành lặn

để mà mặc, không có một túp lều để ở. Vợ chồng Thiện Hữu thấy tình cảnh con thứ như vậy, vừa quá tức giận, vừa đau lòng, muốn bỏ chết cho rảnh mắt. Nhưng, lời người xưa đã nói: "Hùm dữ không ăn thịt con", hai vợ chồng đành đem phần chia của mình san sẻ dần dần cho con, đến không còn gì hết.
Thế là ba phần gia tài, Phước Tăng đã phá hết hai, lại còn mon men muốn chiếm nốt của anh để xài phá cho sướng tay. Trước hoàn cảnh ấy, Khất Tăng hết muốn gìn giữ gia tài, tức giận không nhịn được, ngã xuống thành bệnh nan y, thầy thuốc không ai chữa được.
Trương Thiện Hữu quá đau khổ, than thở:
- Đứa con giỏi bệnh nặng, đứa con hư lại mạnh khoẻ. Trong có mấy năm trời, nhà ta phải đến nỗi này! Phải chi đứa con thứ thay chỗ cho đứa con cả thì đâu đến nỗi nào!
Chẳng bao lâu Khất Tăng thở hơi cuối cùng. Vợ chồng Thiện Hữu thương khóc đứa con giỏi giang, cần kiệm, buồn khổ chẳng còn làm gì được. Còn Phước Tăng thấy anh chết lại hết sức vui mừng, thầm nghĩ số gia tài rồi sẽ về mình hưởng trọn.
Lý thị vừa thương con cả, vừa giận con thứ, lòng thổn thức ân hận, khóc từ sáng đến chiều, hai con mắt bật ra máu tươi dầm dề, chẳng bao lâu cũng chết luôn.
Phước Tăng thấy mẹ chết, trong lòng chẳng hề buồn khổ, mà bề ngoài cũng chẳng nhỏ một giọt nước mắt tỏ tình thương xót. Mặc dầu còn đang mặc tang phục sô gai, cậu ta vẫn rong chơi các nơi tửu điếm trà đình, ngày đêm miệt mài trong cuộc truy hoan. Lần hồi kiệt sức, Phước Tăng mang bệnh lao mà chết.
Trong một thời gian ngắn, phải chịu ba cái tang liên tiếp, Trương Thiện Hữu trở nên suy dại, lắm lúc tự nghĩ thầm:
- Con cái sinh ra tai quái ấy, ắt phải có tiền căn nào mới khiến gia đình gánh chịu chết chóc thảm thương như thế! Tục ngữ đã có câu: "Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo!" (làm thiện được trả thiện, làm ác được trả ác). Nếu như việc làm thiện hay ác mà chưa thấy trả, đó là tại chưa đến cái giờ để nhận lãnh đó mà thôi! Hiện tại, cả đời ta chưa hề làm một việc ác nào, mà ngày nay phải chịu trả như thế này?
Trăn trở mãi với cái nghiệp chướng ấy, có lúc Thiện Hữu suy nghĩ:
- Ta đã đi hành hương cầu tự mới sinh được hai đứa con ấy. Thế mà Diêm Vương nỡ rước đi hết cho đành. Ta phải lên Đông Ngục miếu, tố cáo việc này với thần linh, thử xem sự thực ra sao, kẻo lòng ta vô cùng ấm ức!
Một hôm, Thiện Hữu dậy thật sớm, mua nhang đèn, rồi đi thẳng lên miếu Đông Ngục. Đến nơi, ông vào quỳ mọp trước linh vị, khấn vái:
- Tôi là Trương Thiện Hữu, tuổi đã già, trọn đời chưa làm hại ai, luôn luôn

thờ kính thần Phật, cứu giúp kẻ khốn cùng. Vậy mà Diêm Vương nỡ đang tâm cướp đoạt mạng sống của vợ con tôi, khiến cho tôi hôm nay phải sống cảnh cô đơn, nghèo khó và già nua như thế này. Tôi thật khốn khổ vô cùng tận, xin cúi lậy thần linh giải giùm nỗi oan ức của tôi. Nếu quả như tôi có tội, tôi cam chịu hết.
Khấn xong, Thiện Hữu khóc rống lên, té nhào xuống đất, bất tỉnh nhân sự. Ông ta nằm yên trong giấc ngủ mê, mơ màng thấy mình đến trước mặt Diêm Vương. Diêm Vương hỏi:
- Nầy Thiện Hữu, sao lão đến Đông Ngục miếu tố cáo ta?
Thiện Hữu đá :
- Vì ngài nhẫn tâm đoạt tính mạng hai đứa con và vợ tôi, khiến tôi ngày nay phải trơ trọi khốn khổ như thế này! Bất đắc dĩ tôi phải cầu tôn thần quang minh chính đại xét xử cho tôi khỏi hàm oan.
Diêm Vương phán:
- Hàm oan hả? Lão muốn gặp hai đứa con của lão không?
Thiện Hữu đáp:
- Dạ, tôi hết lòng mong muốn, xin ngài cho phép.
Diêm Vương liền sai quỷ sứ đi gọi ngay hai đứa con của Thiện Hữu. Trong nháy mắt, Khất Tăng và Phước Tăng đến trước mặt cha.
Thiện Hữu vui mừng cực độ, hớn hở quay qua bảo Khất Tăng:
- Con ơi! Con hãy theo cha về nhà đi con!
Khất Tăng đáp:
- Tôi nào có phải con của ông đâu, mà về! Tôi nguyên trước là Triệu Đình Ngọc, vì lấy trộm của ông mấy chục lượng bạc, nên phải thác sanh vào nhà ông để trả món nợ ấy. Tôi đã đền cho ông thập bội rồi! Tôi với ông có phải là cha con đâu!
Thiện Hữu nghe con cả nói thế, bèn nhẫn nhịn quay qua Phước Tăng nói:
- Anh con đã trở mặt nói nó là người dưng nước lã, vậy thôi con trở về với cha đi con.
Phước Tăng lạnh lùng đáp:
- Tôi cũng vậy, nào phải con ông đâu! Tôi là kẻ đến đòi nợ ông, đòi xong nợ là tôi đi. Có thế thôi!
Thiện Hữu ngạc nhiên to tiếng bảo:
- Mầy nói sao? Cả đời tao có vay ai đâu, mà bảo là tao thiếu nợ? Tụi bay không muốn về thì thôi, đừng hòng đặt chuyện!
Phước Tăng cười ngạo mạn:
- Ông có nhớ nhà ông đã đoạt của nhà chùa đến ngót trăm lượng bạc không? Nay lại chối leo lẻo. Nè, sổ sách còn ghi đây! Ông có biết tôi là ai không? Tôi là quỷ La Sát, trước đây nhà sư trụ trì chùa Ngũ Đài Sơn, đã bị vợ chồng ông toa rập cướp đoạt số bạc mà Hòa Thượng đã khổ công thu thập của bá

tánh để làm chùa đấy! Bởi lẽ đó Diêm Vương cho tôi đầu thai vào nhà ông đòi lại, và đã phá tan tài sản của nhà ông cho đúng luật quả báo. Tôi nào phải con ông đâu mà về?
Thiện Hữu nghe nói tới đó liền hoảng hốt, run lẩy bẩy, nói ấp úng:
- Trời ơi! Tôi lại đi cướp của nhà chùa sao? Để tôi hỏi lại vợ tôi là Lý thị xem sự thật ra thế nào?
Diêm Vương ngồi trên ngai, biết rõ ý của Thiện Hữu, liền ra lệnh cho quỷ sứ mở cửa hỏa ngục, dẫn Lý thị lên hầu.
Một lát sau, Thiện Hữu thấy Lý thị bước ra, tay chân đều bị xiềng, cổ mang gông, bước chân đi không nổi, bọn quỷ sứ phải nắm dây sắt lôi đi đến trước mặt Diêm Vương.
Thoạt trông thấy vợ, Thiện Hữu kinh hoàng, mồ hôi ra dầm dề, toàn thân nổi da gà, mở miệng hỏi nhỏ:
- Bà đó phải không? Tại sao bà chịu cực hình khốn khổ như vầy?
Lý thị bật khóc, nói:
- Ông nó ơi! hồi ở dương gian tôi đã chiếm đoạt số bạc của nhà sư chùa Ngũ Đài Sơn. Sau khi chết, tôi đã bị liệng xuống 18 từng địa ngục, chịu xiềng xích, chết lần chết mòn như vầy! Đau đớn lắm ông ơi!
Nói rồi, mụ ta níu lấy áo chồng, khóc rống lên rất thảm thiết.
Diêm Vương ngồi trên ngai, cầm cái chày linh đập xuống bàn nghe chát lỗ tai. Trương Thiện Hữu giật mình thức dậy, mới biết là mình đã trải qua một cơn ác mộng. Ông hoàn hồn, bình tĩnh một hồi, rồi lau sạch nước mắt suy nghĩ, hiểu rõ nguyên do nghiệp chướng của mình phải trả đúng theo lẽ báo ứng tự nhiên của trời đất.
Sau đó, Trương Thiện Hữu trở về nhà, thu xếp mọi việc xong xuôi, từ giã xóm làng, ăn mặc nâu sồng, vào chùa tu cho đến lúc trăm tuổi già.
NGUYỄN VĂN Y
Đạo trời báo phục Nhà Xuất Bản Trẻ 1989
Của làm ra để trên gác
Của cờ bạc để ngoài sân
Của phù vân để ngoài ngõ

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Phần IV - 9

Ngũ Xú Nương

Thuở ấy, tại một xóm nghèo trong khu tồi tàn của xứ Ấn Độ, có một cô gái đến tuổi cập kê (tức là tuổi có thể lấy chồng), mệnh danh là Ngũ Xú Nương vì cô quá xấu. Sắc của cô đủ năm vẻ xấu của mặt mày, hai tay và hai chân nên được mệnh danh là như vậy.
Trẻ con mới thấy mặt cô đều phải khóc vì sợ hãi. Nhưng cô có một xúc giác rất êm ái, đến nỗi ai động đến người cô đều cảm thấy khoan khoái vô cùng. Trẻ con thấy cô đều khóc, nhưng được cô ẵm lên thì không muốn rời ra nữa, bởi vì sự xúc chạm của cô, gây cho chúng một cảm giác êm ái lạ lùng, không khác gì được ấp ủ trong vòng tay của mẹ.
Tại sao cô lại chịu một số phận kỳ quái như vậy? Là vì kiếp trước cô là con gái một người thợ gốm nghèo.
Một hôm, có vị Tỳ kheo đi khất thực tới nhà, cô đã không cúng dường mà lại xua đuổi vị ấy bằng những lời chua ngoa. Vị Tỳ kheo trước sự ngu si của cô bé động lòng từ bi muốn gieo cho cô một ít phước lành của sự bố thí, bảo cô:
- Nếu cô không có cơm để bố thí thì cho bần tăng một ít đất sét vậy.
Cô gái vào lấy một ít đất sét nắn đồ gốm đem ra cho vị Tỳ kheo mà bảo:
- Đó! Đi cho khuất con mắt cho rồi. Cái ông lì lợm.
Do lời mắng nhiếc và thái độ bực tức của cô khi bố thí, kiếp nầy cô phải bị quả báo là nhan sắc xấu xí vô cùng. Nhưng do sự bố thí đất sét cho vị Tỳ kheo kiếp này cô được quả báo có một xúc giác êm dịu thần tiên.
Vì quá xấu, nên tuổi đáng lấy chồng mà cô vẫn được nhàn nhã rong chơi với bọn trẻ con suốt ngày trong xóm. Bấy giờ đức vua có thói quen giả dạng thường dân, đi vào các khu đông đúc để xem xét dân tình, mà chỉnh đốn đời sống của họ. Một hôm vua đến xóm Ngũ Xú Nương vào lúc xẩm tối. Ngũ Xú Nương đang chơi bịt mắt bắt dê với tụi trẻ. Nàng bịt mắt quơ tay chụp bọn nhỏ đang hò la né tránh. Đức vua giả dạng đi qua bị nàng quơ trúng. Ngũ Xú Nương hớn hở reo lên:
- Thằng Cột!
- Không phải!
- Thằng Kèo!
- Không phải!
Nàng tiếp tục gọi tên năm bẩy đứa đều trật lất, bèn thả tay ra. Trong lúc đó, Đức vua như chết điếng cả người vì sự khoái lạc thần tiên. Ngài chưa bao giờ thưởng thức một sự xúc chạm nào êm ái kỳ diệu như vậy, dù đang sống trong nhung lụa gấm vóc, được vây quanh bởi vô số cung nữ nhan sắc diễm kiều. Trước sự xúc chạm của Ngũ Xú Nương lần đầu tiên, Ngài bỗng thấy bao nhiêu phi tần đều vô dụng nên cho về vườn hết, Ngài chỉ cần một nàng nầy là đủ. Nhà vua giả dạng mặc dù đã được Ngũ Xú Nương thả ra vẫn đứng trơ trơ như phỗng đá ... Không muốn rời chân. Ngài đứng nhìn nàng tiếp tục

trò chơi bịt mắt bắt dê trong bóng mờ. Cho tới khi trời tối, bọn trẻ thấm mệt giải tán, Ngũ Xú Nương đủng đỉnh về nhà. Vua lẽo đẽo theo chân cô gái. Vừa đi vừa tưởng tượng nhan sắc của nàng chắc là chim sa cá lặn, vì sự xúc chạm của nàng êm ái như thế. Vua muốn đến tận nhà nhìn cho rõ mặt hơn, ngài nhất quyết đặt cô gái lên ngôi chánh cung hoàng hậu.
Vừa đi ngài vừa hỏi cô bé (vua vẫn giả bộ thường dân):
- Nầy em, qua muốn hỏi em về làm vợ, em có bằng lòng không?
Cô bé cười lớn:
- Ha ha! Ông muốn cưới tôi hả? Cha mẹ tôi nghèo lắm, không có gì cho ông đâu! Chưa bao giờ ai hỏi tôi như vậy cả.
- Qua không cần của hồi môn, tiền bạc gia tài chi cả. Qua chỉ muốn sống gần em thôi.
Cô bé vẫn cười nói hồn nhiên, chẳng tỏ chút gì e lệ:
- Ha ha, cái ông nầy thật kỳ! Ông hỏi mẹ tôi đi. Tôi không biết!
- Vậy em đưa qua về nhà hỏi mẹ nhé?
- Được, ông cứ đi theo tôi.
Vua mừng khấp khởi đi theo cô bé về nhà. Vừa bước vô căn nhà lá lụp sụp, cô bé đã gọi lớn :
- Mẹ ơi! Có cái ông nầy muốn cưới con về làm vợ đây nè!
- Tốt! Thằng nào mà nó mê cái nhan sắc của mầy đó, chắc cũng là đồ ma chê quỷ hờn, thần sầu quỷ khốc mới thèm vào cái thứ mầy!
Bà mẹ vừa nói vừa bưng cây đèn dầu đi ra để giữa nhà. Dưới ánh đèn leo lét, vua nhận rõ mặt mày Ngũ Xú Nương, thất kinh hồn vía. Nhưng bùa lực xúc chạm của nàng vẫn mãnh liệt nơi vua, vua nhất quyết cưới nàng dù nàng xấu hơn Chung Vô Diệm.
Trong phút chốc, vua đã định đoạt xong chương trình vì say mê nàng quá đỗi. Chương trình ấy là, hằng ngày sau khi công việc triều đình xong xuôi, ngài sẽ cải dạng thường dân về nhà nàng vào lúc chiều tối, sáng sớm mai trở về cung. Như vậy vua được sống với nàng mà khỏi bị chê cười, ngài chắc chắn nếu rước Ngũ Xú Nương về cung, thì triều đình sẽ cho ngài đã loạn trí mới tuyển vào ngôi chánh hậu một Chung Vô Diệm như thế.
Bởi vậy vua đề nghị với bà mẹ như vầy:
- Thưa bác, cháu muốn cưới cô em nầy, nhưng cháu chưa có nhà riêng xin bác cho cháu tạm "gởi rể". Ban ngày cháu đi làm, tối về nhà vợ. Khi nào đủ tiền sắm nhà cháu sẽ đưa nàng đi.
- Được, nếu ông chịu cưới nó thì tốt lắm, mà nhà tôi nghèo, ông cũng thấy đó, tôi không có đồng xu nào cho nó đâu!
- Không hề gì, thưa mẹ!
Được lời như cởi tấm lòng của hai bên.
Từ đó nhà vua tối tối lại về nhà Ngũ Xú Nương. Ngài xem túp lều tồi tàn

nầy còn hơn muôn vàn lầu son gác tía, vì nơi đó ngài được sống với những xúc giác kỳ diệu như ở cõi trời.
Một thời gian khá lâu trôi qua, vua thấy thật bất tiện nếu cứ phải giả dạng lần mò về nhà nàng mỗi chiều như thế. Nhưng ngài không xa Ngũ Nương được. Ngài nghĩ cách đưa nàng về cung lên ngôi hoàng hậu mà khỏi bị ai chê cười là đồ ngu. Bởi thế, ngài bày ra một mưu kế lạ lùng.
Một hôm, Ngũ Xú Nương đang ngồi buồn rầu thì vua về.
Ngài hỏi:
- Tại sao em buồn vậy?
- Tại vì cha em bịnh, muốn ăn một bát cháo tôm cua mà em không tiền mua đồ nấu cháo.
- Tưởng là gì! Mai anh sẽ gánh về một gánh cháo tôm cua cho cha, muốn ăn bao nhiêu cũng được.
Vua nhân cơ hội ấy, mua một nồi cháo tôm cua tại nhà bà bán cháo ở chợ, đặt vào một đầu gánh, đầu kia vua lấy cái vương miện quý giá, gắn đầy hột xoàn năm ly gói cẩn thận bỏ vào một cái thúng, trên phủ đầy lá chuối. Rồi gánh về nhà cô gái mà dặn:
- Đây, anh mua cháo tôm cua về cho cha đó. Đầu gánh nầy là cháo tôm cua, đầu kia muốn tôm cua rùa ếch cóc nhái chi cũng có cả. Khi nào cần mua thì cứ lấy ra.
Cô gái được nồi cháo thì mừng quýnh, không vội để ý thúng lá chuối kia. Nàng dẹp nó vào một nơi, đem cháo cho cha ăn. Cả nhà cũng được một bữa ăn khoái thích.
Hôm sau trở về cung, vua hô hoán cái vương miện, vật quốc bảo đã biến mất, và ra lịnh các quan phải mở cuộc truy tầm. Triều đình nhốn nháo phái người đi tìm lục soát khắp nơi trong hoàng thành đều không có. Vua đề nghị:
- Trong thành không có thì tìm ra ngoài thành, ở những khu tồi tàn xem kẻ gian có tẩu tán tài sản về đó không. Ban điều tra vâng lời, lục soát đến khu tồi tàn của Ngũ Xú Nương. Họ vào đến nhà nàng, lục tới thúng lá chuối tìm được cái vương miện, bèn bắt trói cả ông bà. Hai ông bà một mực kêu oan.
Quan điều tra hỏi:
- Vậy thì cái thúng này của ai?
- Đó là của thằng rể tôi đem tới.
- Thằng rể ở đâu?
- Không biết! Hắn nói không có nhà, đi cả ngày tới tối mới trở về đây. Có thể là một thằng trốn lính. Các ông chờ tới tối sẽ gặp.
Ban điều tra ở lại chờ mãi không thấy thằng rể xuất hiện. Bà mẹ cô gái đấm ngực la làng:
- Hắn có lẽ đã nghe động tịnh nên chuồn thẳng rồi! Oan ơi là oan, hỡi trời,

hỡi đất!
- Vậy bà hãy tả hình dáng mặt mày thằng rể cho tôi nghe.
- Làm sao tôi thấy rõ mặt mày hình dáng hắn? Nhà nghèo, dầu đốt khan hiếm, tối chỉ thắp một ngọn đèn leo lét một lát là tắt. Thằng rể tôi thì tối mịt mới về khi tôi đã ngủ. Mà có thức thì tối quá cũng không thấy rõ được, mắt già lem nhem.
Họ bèn hỏi tới Ngũ Xú Nương:
- Còn cô, mặt mũi hình dáng chồng cô ra sao, hãy tả ra nghe.
- Tôi cũng không thấy rõ được. Ảnh thường về lúc trời đã tối mịt, đèn lu tôi cũng thấy lờ mờ lắm.
- Vậy thì làm sao cô nhận được chồng cô.
- Sờ người thì biết.
Cả ban cười rộ.
Họ không biết giải quyết ra sao nên cho người về tâu vua. Vua phán:
- Vậy thì ta đã có cách bắt thủ phạm. Các ngươi hãy trả tự do cho vợ chồng nhà đó. Vua bàn với các quan rằng, theo lời khai của cô gái, sờ người thì biết được chồng cô. Vậy hãy làm một cái chòi như cái phòng bỏ phiếu ở giữa công trường cho cô gái đứng vào trong, chừa một lỗ vừa thò bàn tay vào thôi. Xong xuôi, hãy bắt tất cả đàn ông ở tuổi có thể lấy vợ, tới đưa bàn tay vào cho cô gái sờ. Gặp bàn tay nào cô gái cho trúng là chồng cô thì đó là thủ phạm đã đánh cắp vương miện. Đình thần đều cho nhà vua cao kế và thực hành ngay.
Đúng ngày, tất cả nam nhi từ 18 đến 45 tuổi nối đuôi tới đưa tay cho cô gái sờ. Nhà vua cũng dự cuộc. Sau một ngày, cô đã sờ hàng ngàn bàn tay đưa vào, song không người nào trúng (mỗi người khi được cô gái cầm tới tay đều cảm thấy sung sướng vô ngần, không còn ham muốn gì hơn trên đời nầy nữa). Cuối cùng, khi nhà vua đưa tay vào, Ngũ Tú Nương la lên:
- Đây đúng là tay chồng tôi!
Cả triều đình ngơ ngác. Khi ấy họ mới hiểu ra mưu mẹo của vua, bởi vì ai cũng công nhận cái hạnh phúc tối cao do sự xúc chạm của nàng thì chỉ có nhà vua là xứng đáng hơn cả. Vì chính họ cũng quên mất vẻ xấu xí của nàng sau khi được bàn tay nàng sờ đến.
Triều đình tuân lệnh làm lễ tuyển Ngũ Xú Nương vào ngôi chánh cung, mà không còn bận tâm đến vẻ xấu xí của nàng, đồng thời cũng không cho là vua điên, sau cuộc thử thách ấy.
THÍCH NỮ TRÍ HẢI
"Khoái lạc vật chất trong đời sống quả thật vô số kể, vừa êm dịu vừa ngọt ngào và quyến rũ, dưới đủ hình thức dục lạc làm lòng người say đắm, hãy nhận chân hiểm họa của nó.
Đồng thời cũng cho chúng ta thấy: những kẻ có quyền thế thường lạm dụng

uy quyền và dùng những mưu mô xảo quyệt để hợp thức hóa dục vọng xấu xa của mình".

Có Niết Bàn không?

Ngày xưa có một con cá, vì nó là loài ở nước, nên dĩ nhiên cuộc đời chỉ sống trong nước, và ngoài nước ra, nó không biết gì hết.

Một hôm nó đang nhởn nhơ bơi lội trong hồ, tình cờ gặp một con rùa mà nó đã quen từ trước, đi du lịch trên đất liền về. Nó liền chào:

- Chào anh! Đã từ lâu tôi không gặp anh. Vậy xưa rày anh ở đâu?
- Ồ, tôi đi du lịch từ trên đất liền về. Trên ấy mặt đất khô ráo quá!
- Đất khô? Anh nói cái gì lạ vậy? Tôi chưa bao giờ thấy nơi nào kỳ lạ như vậy. Lẽ nào lại có đất khô?
- Xin thề rằng tôi không nói đùa với anh đâu. Nhưng nếu quả tình anh không thể tin được thì tùy anh, không ai ngăn cản được anh. Nhưng dù sao, tôi cũng mới từ đó về.
- Nầy, anh cố gắng diễn lại cho hợp lý hơn. Tôi nghĩ rằng: cách diễn đạt của anh chưa được rõ ràng lắm. Anh vui lòng cho tôi biết đất mà anh nói đó, nó giống như cái gì trong thế giới chúng ta nào? Nó có ẩm ướt không?
- Không, nó không ẩm ướt.
- Thế nó có mát dịu và lạnh không?
- Nó không mát, không dịu mà cũng chẳng lạnh.
- Thế nó có trong suốt để cho ánh sáng xuyên qua được không?
- Không, nó không trong suốt và ánh sáng không thể xuyên qua được.
- Thế nó có mềm và dễ bị ép để cho tôi có thể quậy vi và đi lại dễ dàng trong ấy không?
- Không, nó không mềm, không bị dồn ép dễ dàng và trong ấy, anh cũng không thể bơi lội được.
- Thế nó có lưu động và đổ thành thác được không?
- Không, nó không lưu động và cũng không đổ thành thác được.
- Vậy thì nó có dâng lên để tạo thành những mũi sóng bạc đầu được không?
- Không, tôi chưa bao giờ thấy nó dâng lên thành làn sóng cả.

Đến đây, con cá vênh váo tự đắc than rằng:

- Tôi đã từng nói với anh rằng đất mà anh nói đó là không phải cái gì cả. tôi cũng vừa hỏi anh về đất ấy và với câu hỏi nào anh cũng trả lời rằng không. Đất anh nói đã không phải bất cứ cái gì tôi nêu ra, vậy thì đất hẳn là không thật rồi. Anh đừng tìm cách bịp tôi nữa.
- Tốt! Anh đã quả quyết rằng không có đất liền. Tôi cũng không có cách nào hơn là cứ để anh tiếp tục tin như anh đã nghĩ. Nhưng một mai, có ai khác hơn tôi và đủ sức phân biệt cho anh thấy sự sai khác giữa đất và nước, ngày ấy anh sẽ thấy rằng anh chỉ là một con cá ngốc.

THÍCH THIỆN HOA
"Niết bàn là một cái gì tuyệt đối không dung Ngã. Niết bàn không có hạn lượng, không có nơi chốn, vì Niết Bàn vô tướng – Vô tướng nên khó vào. Muốn vào Niết bàn ta cũng phải vô tướng như Niết bàn. Cửa Niết bàn rất hẹp, chỉ bằng tơ tóc, nên ta không thể mang thêm một hành lý nào mà hy vọng vào Niết bàn được cả.
Cái thân ta cũng không mang theo được, mà cả ý niệm về tôi, về ta cũng không thể mang theo được. Cái ta càng to thì càng xa Niết bàn. Nên biết rằng: Hễ Hữu Ngã là luân hồi mà VÔ NGÃ LÀ NIẾT BÀN".

Niết bàn

Có một tên ăn trộm bị người ta bắt đem nạp cho nhà Vua. Muốn giam giữ nó nhà vua ra lịnh dỡ nắp rương thả ra bốn con rắn độc. Con thứ nhất quấn tay mặt tội nhân, con thứ hai quấn lấy tay trái tội nhân, con thứ ba quấn ngang hông và con thứ tư quấn ngang cổ nó.
Một người đức hạnh đến gần tội nhân, thấy rõ tình cảnh, liền nói rằng:
- Ngươi đã bị người ta giữ gìn cẩn thận, vậy hãy đứng yên chớ nên cựa quậy mà bị rắn cắn. Nọc con rắn thứ nhất sẽ làm cho thân ngươi cứng đơ như đá, nọc con rắn thứ hai làm cho thân ngươi tiêu ra nước, nọc con rắn thứ ba làm cho thân ngươi tan ra bột và bị gió cuốn đi, nọc con rắn thứ tư sẽ đốt ngươi cháy như ngọn lửa.
Tên ăn trộm trả lời:
- Không phải! Những con rắn ấy đều là đồ trang sức của tôi. Đây là đôi vòng của tôi, đây là sợi giây chuyền cổ và đây là sợi giây lưng.
Người đức hạnh lại dạy nó từ từ gỡ bốn con rắn ấy, đem bỏ vào trong rương, đậy nắp lại, rồi mau mau chạy trốn.
Nó làm theo.
Hay tin, nhà vua liền truyền lịnh cho năm tên lính đuổi theo bắt tên ăn trộm.
Nó ráng chạy được một đỗi, lại gặp người đức hạnh khi nãy hô to:
- Ngươi hãy chạy thật mau lên! Có năm tên lính đang đuổi theo sau lưng kìa!
Chúng lại thả ra bốn con rắn độc để rượt bắt ngươi đó.
Khi đã đuối sức, tên ăn trộm liền dừng chân lại, và thấy phía trước có 6 cái nhà bỏ trống, vừa bị 6 tên cướp vào vét sạch của cải.
Sáu tên cướp lại nhập đoàn với năm tên lính để đuổi bắt nó.
Người đức hạnh lại hô to lên nữa:
- Ngươi ráng chạy mau lên! Bọn cướp và lính nhà vua sắp đến nơi.
Chúng lại bắt thêm một người bạn thân của ngươi để dụ ngươi trở về trị tội.
Nhưng chạy được một đỗi, tội nhân lại gặp một cái biển ngay trước mặt, nên phải dừng chân lại. Nó hết sức lo âu, vì tại đây không có ghe thuyền chi để

thoát thân cả.
Người đức hạnh dạy nó lấy tám cành cây khô, kết lại thành bè để bơi đi trốn. Làm bè xong, nó bơi ra được một đỗi thì gặp một hòn cù lao. Nó định ghé lên, nhưng nhìn lại phía sau, thấy quân lính còn đuổi nà theo. Nó cố sức bơi đến một cù lao thứ nhì, rồi thứ ba, và thứ tư. Nhân dân ở chỗ đó liền tôn nó lên làm Vua. Lúc ấy, đoàn người đuổi theo sau nó đều bị tiêu diệt và nó không còn thấy hình bóng đâu nữa!
Nhà vua ám chỉ các nghiệp, tên ăn trộm ám chỉ người đi tìm đạo, người đức hạnh chỉ ông thầy đi dạy đạo, bốn con rắn độc ám chỉ tứ đại, năm tên lính ám chỉ ngũ uẩn, sáu cái nhà bỏ trống sau khi bị ăn cướp ám chỉ sáu căn, sáu tên cướp ám chỉ sáu trần, tám cành cây kết lại thành bè ám chỉ bốn bức thiền định hay bốn quả thánh, lễ tôn vương ám chỉ sự giải thoát.
Sự tiêu diệt của đoàn người đuổi theo sau ám chỉ sự tan biến của màn vô minh và sự bẻ gãy bánh xe luân hồi.
THÍCH THIỆN HOA
Kẻ phàm phu bị màn vô minh che lấp, đắm mê theo vật dục, nhận khổ làm vui, nhận xấu làm tốt, khác gì kẻ tội ăn trộm nhận rắn độc làm đồ trang sức. Nếu nó không nhờ nhà tu hành đức hạnh dạy bảo, thì đâu biết mình bị rắn độc bao vây để chạy thoát, và đâu có gắng sức dẻo dai để bước lên bờ giải thoát.

Ân oán

Hồi xưa tất cả cỏ cây và sinh vật đều biết nghe cũng như biết nói. Con người thì có trí khôn, nên được tôn: chúa tể vạn vật.
Núi rừng trùng điệp bao la, là giang sơn của Chúa Sơn Lâm. Cọp, đứng đầu trong các loài thú dữ, mà theo luật cung cầu là "Vật dưỡng nhân".
Như thường ngày, cọp nương theo đường mòn đi dọc về ngang, bất thần một hôm chui đầu vào rọ!... Chiếc bẫy rọ được giương lên, ngụy trang khéo léo của nhóm người đi săn. Bẫy sập xuống nhốt gọn Chúa Sơn Lâm. Cọp cố sức vùng vẫy, gào thét, mà không có cách nào thoát ra khỏi bẫy, đành thu mình nằm trong bẫy rọ, đầu óc Cọp hoang mang lo sợ!... Bất ngờ, nghe tiếng động, từ hướng trước mặt, Cọp giương đôi mắt nhìn.
Ô kìa... may mắn thay, bóng dáng một nhà sư, Cọp vội cất tiếng than! "Ông Sư ơi! Là người tu hành ông làm ơn làm phước cứu tôi thoát khỏi bẫy rập này, ơn đức ấy muôn đời tôi ghi nhớ!"
Xúc động từ tâm, vị tu sĩ kia vội vàng mở cửa rọ cho Cọp thoát thân. Điều ngạc nhiên hơn, vừa thoát ra khỏi bẫy, Cọp rùng mình gầm rống lên vang dội, đôi mắt như hai tia lửa hung tợn chầm chập nhìn thẳng vào nhà sư hiền từ đức độ... Cọp hằn học căm tức lớn tiếng:

- Loài người các ông ác độc lắm, đánh bẫy định bắt ta ăn thịt. Nay thoát khỏi cảnh cá chậu chim lồng, ta phải giết ông để trả thù, xác ông là miếng mồi ngon cung cấp cho bao tử ta sau hai ngày đói khát...
Nhà sư nét mặt bình thản hiền lành trả lời:
- Thế gian là cõi tạm, sống ở thác về, luật tạo hóa nhiệm mầu, hễ có sanh là lẽ dĩ nhiên phải có tử, nào ai lột da sống hoài mà không chết. Chết là giải thoát kiếp con người trên cõi ô trược này, có điều tôi muốn phân trần với Chúa Sơn Lâm tiếng tăm lừng lẫy lại giết chết một kẻ tu hành. Vì muốn cứu mạng sống của Chúa Sơn Lâm, kẻ nầy có lỗi với người thợ săn, mở bẫy thả ngài... Mai sau tôi chết rồi, những sinh vật bé nhỏ hơn nó coi thường việc đối xử hẹp hòi của Ngài, biết đâu ngài không khỏi tủi thẹn với cỏ cây sông núi...
Cọp nghe xuôi tai nên nói:
- Thôi được, tạm để cho ông yên, nhưng ta ra điều kiện thế này: ông cùng ta đi hỏi xem ba nhân chứng khác nhau. Nếu cả 3 mà đồng ý: "Loài người các ông ác" thì tôi xẻ xác ông, ông có chịu không?...
Nhà sư đáp:
- Mô Phật, tôi xin bằng lòng...
Đầu tiên, gặp trâu đang ăn cỏ. Cọp cất tiếng hỏi:
- Trâu ơi! Ta hỏi câu nầy, loài người hiền hay ác, Trâu trả lời ta nghe thử?...
Trâu nói :
- Lòng dạ con người độc ác khó đo lường. Người bắt tôi làm lụng suốt ngày, hết đi cày đến kéo xe, chở từ hột lúa cho người ăn. Tôi làm thì nhiều mà người bố thí cho một mớ rơm khô để ăn đắp đổi sống qua ngày. Đến khi kiệt sức còn da bọc xương người không thương, tham lợi bán tôi cho lò thịt. Nơi đây tôi chịu cực hình đau đớn họ lóc từng miếng thịt để chia nhau ăn, thậm chí đến tấm da người đem dóng giầy bịt trống. Loài người quá ác độc nhẫn tâm...
Đến lượt thứ hai, gặp cây me, Cọp hỏi:
- Me ơi! Ta muốn biết tiếng nói chân thật của me, mi thấy loài người Hiền hay Ác?
Suy nghĩ giây lâu cây me trả lời:
- Loài người Ác Thiện lẫn lộn. Khi tôi còn bé, người vun phân tưới nước tôi đến tươi tốt trưởng thành. Những tưởng khi lớn lên trả trái cho người để đền đáp ơn săn sóc. Khổ thay, trái chưa kịp chín đến thời kỳ cung cấp, người trèo lên bẻ đại bức càn để ăn tươi nuốt sống, làm cho thân xác ủ ê lá rụng, cành gãy!... Suy đi tính lại, loài người Thiện ít, mà Ác lại nhiều hơn.
Đến nhân chứng cuối cùng. Cọp gặp chú khỉ con... Vì khiếp oai Cọp nên Khỉ thập thò nhìn lén!... Cọp gọi khỉ lại, hỏi y như hai câu hỏi lần trước, chú khỉ nhíu mày, nét mặt nhăn nheo khó nghĩ!... Hồi lâu Khỉ trả lời :

- Việc đời khó đo lường, mà cũng khó nói, trời đất đang yên lặng nhưng bỗng đâu chốc lát giông gió nổi lên, lòng dạ người ta vô cùng khó hiểu. Nhưng tôi muốn biết vì sao Chúa Sơn Lâm lại hỏi tôi câu này?
Khỉ hỏi ngược lại, Cọp bèn thuật lại việc bị mắc rọ cho khỉ nghe, chăm chú nghe xong câu chuyện Khỉ đáp:
- Vừa nghe ngài kể là một việc, còn sự thật có hay không lại là một việc khác. Vì đầu óc non nớt của tôi, khi nào thấy được tận mắt tôi mới tin là sự thật.
Cọp gầm lên:
- Chú Khỉ không tin thì leo lên lưng ta cõng chú đến đó cách đây một dặm đường.
Khỉ bằng lòng theo Cọp cùng vị Sư.
Tại đây Cọp chỉ vào bẫy rọ phân trần với Khỉ. Lúc đó ta bị kẹt trong ấy! Khỉ hỏi:
- Rồi làm sao mà ngài ra được?
Cọp trả lời:
- Chú mầy ngu quá. Lúc ấy cái nắp bẫy được giương lên.
Khỉ gật đầu ra điều hiểu biết:
- Bây giờ đâu ngài làm lại tôi xem nắp bẫy sập ra làm sao? Muốn cho Khỉ thấy tận tường, Cọp nhờ nhà sư dỡ nắp bẫy lên, đoạn chui vào bẫy rọ. Nắp sụp lại! Khổ thay, Cọp bị mắc lừa chú Khỉ con bé nhỏ kia...
Sự việc xảy ra y như lúc Cọp vừa mắc bẫy, Khỉ nhìn về nhà Sư hỏi:
- Còn nhà Sư lúc đó ở đâu?
Cọp cướp lời:
- Ông từ hướng trước kia đi lại.
Nghe xong Khỉ nói:
- Giờ đây sự thật đã hiển nhiên rồi, thì giờ rất quí báu. Bậc tu hành thì đường thẳng ông cứ việc đi, xem như chẳng có việc gì xảy ra, lo chi thêm nhiều phiền lụy!...
Hướng về phía Cọp, Khỉ nói:
- Phần tôi nhỏ bé lại yếu đuối, không giải quyết được việc gì, phiền Chúa Sơn Lâm chờ dịp may khác, biết đâu lại cũng có người đến cứu ông. Tôi cầu mong trời đất phò hộ ông nhiều sức lực để đương đầu với sư tử, mãng xà, kiếu ông, tôi xin tạm biệt!...
Cọp nghe xong nổi giận gầm vang rền cả núi rừng. Mặt trời vừa chen lặn, trả về núi rừng một vẻ âm u.
HUỲNH VĂN BỘ
"Bóng ai bỗng hiện trên non vắng
Lửng thửng trên đồi một vị sư
Ta gắng hỏi sư, sư chẳng đoái

Mắt nhìn mây trắng vẫn trầm tư".

Tôn giả Xá Lợi Phất

Trong kinh tạng Pàli, Tôn giả Xá Lợi Phất chiếm địa vị quan trọng hàng đầu, chỉ đứng sau Phật.
Nhiều kinh được mở đầu với câu cổ điển "Như vậy tôi nghe", mà người thuyết kinh thay vì đấng giác ngộ, thì lại chính là bậc Thánh đệ tử uyên bác ấy đại lao cho Ngài. Có khi đức Đạo Sư thăng pháp tòa, chỉ trình bày một bài kệ ngắn gọn, rồi lui về am thất của Ngài.
Trong những dịp như vậy, chúng ta thường gặp Tôn giả Xá Lợi Phất xuất hiện khai diễn ý nghĩa lời dạy súc tích của Phật và cuối cùng, chính Phật đã xác chứng cho lối giải thích của Tôn giả bằng một câu còn giá trị hơn tất cả những lời khen tặng : "Nếu các ông hỏi ta, ta cũng giải thích như Xá Lợi Phất!"
Tôn giả Xá Lợi Phất (Sàriputra, dịch nghĩa là Thu Tử) là con trưởng trong một gia đình thuộc thế cấp Bà La Môn giàu nhất làng Upatissa, gần Nàlanda ngày nay.
Upatissa cũng là tên được đặt cho Ngài khi sơ sinh. Mẹ Ngài tên Sarì. Trong bốn người con trai Ngài được mang tên của mẹ, trong khi một người em của Ngài lại có tên của cha là Vagantaputra. Tôn giả có ba em trai và ba em gái, về sau đều theo Ngài xuất gia đắc quả A La Hán.
Những tiểu sử của các vị này được tìm thấy trong "Trưởng lão Tăng kệ" và "Trưởng lão Ni kệ".
Ba người em trai của Tôn giả có tên tuần tự như sau : Cunda (Thuần Đà), Upasena và Revata (Ly bà da). Ba em gái của Tôn giả là -- Càlà, Upacàlà, và Sìsùpacàlà.
Ly Bà Đa là vị đệ tử thiền định đệ nhất của Phật. Vì Ngài là con út, bà mẹ rất cưng quý không muốn cho xuất gia nên tìm cách cưới vợ cho Ngài rất sớm. Vào ngày hôn lễ, không may cho hai gia đình, cậu bé tình cờ thấy bà ngoại già 120 tuổi của cô bé, và trực nhận lý vô thường, trong phút chốc cậu đâm ra chán ngấy tất cả cảnh hoa lệ giả dối của cuộc phù sinh, và muốn thoát ly bằng mọi giá. Được anh cả yểm trợ, cậu út chuồn ngả sau giữa lúc đám tiệc linh đình, và trực chỉ đi đến một ngôi tịnh xá, xuống tóc xuất gia.
Ít năm sau khi nhập đạo, vào một mùa an cư, trên đường đi bái yết Phật, Tôn giả dừng chân ở một khu rừng cây Kha-disa (cây gai) và tại đây Ngài đắc quả, nên ngày sau Ngài được hiệu là "Ly Bà Đa ở rừng gai". Ngài được Phật khen là người xuất sắc nhất trong những vị yêu thích độc cư ở núi rừng.
Em trai giữa tôn giả là Upasena hay Vagataputta là vị tỳ kheo được Phật khen ngợi có hạnh hoan hỷ đệ nhất. Ngài từ trần sau khi bị rắn độc cắn, như

được ghi trong một kinh của Tương Ưng bộ.
Người em kế là Cunda (Thuần Bà) được mệnh danh chú tiểu Thuần Bà ngay cả khi thọ giới, vì để phân biệt với Trưởng lão Đại Thuần Đà. Khi Tôn giả Xá Lợi Phất nhập diệt, chính vị này đã hầu cận Ngài và mang di vật của Ngài trở về thông báo với Đức Phật và Thánh chúng.
Ba người em gái của Tôn giả cũng xuất gia sau khi đã lập gia đình mỗi người có một người con. Những người con trai nầy đã theo học với Tôn giả Ly Bà Đa. Chính Tôn giả Xá Lợi Phất, vào một dịp đến thăm người em út của Ngài lâm bệnh, đã gặp các cháu và khen ngợi hạnh kiểm tốt đẹp của họ, như được tìm thấy trong Trưởng lão Tăng kệ 42, phần luận số.
Hạnh - Nhẫn - Nhục
Mặc dầu cả bảy anh em Tôn giả đều xuất gia theo Phật, bà mẹ Tôn giả vẫn giữ đạo Bà La Môn, và có thái độ thù nghịch với Phật giáo và tất cả những người liên hệ. Bà thù hận sa môn Gotama đã cướp hết đàn con của bà.
Vào một năm gặp thời đói kém, Tôn giả Xá Lợi Phất đưa 500 vị Tỳ kheo đến khất thực tại nhà bà Sàrì, bà vừa bày thức ăn bà vừa lẩm bẩm nguyền rủa. Để thực phẩm vào bát Tôn giả, bà mắng:
- Ngu ơi là ngu! Nhà cao cửa lớn, ruộng vườn thẳng cánh cò bay thì không chịu ở, lại bỏ mà đi đầu đường xó chợ, ngủ bụi ngủ bờ, ăn cơm thừa cơm cặn của người ta.
Tôn giả vẫn yên lặng cùng Chúng Tăng thọ thực.
Ăn xong, Tăng đoàn cùng theo Tôn giả im lặng trở về tịnh xá. Đại đức La Hầu La nhỏ nhất trong Tăng đoàn thóc mách thuật lại cho Phật nghe mọi sự đã chứng kiến tại nhà bà thí chủ nọ. Phật nhân đó thốt bài kệ sau đây, được ghi trong kinh Pháp cú, phẩm Bà La Môn:
"Đầy đủ đức hạnh không nóng giận,
Trì giới thanh tịnh không nhục nhiễm,
thì chỉ ngay thân nầy là cuối cùng,
không bị tiếp tục sanh nữa,
Người như thế ta gọi là Bà La Môn.
(*danh từ Bà La Môn ở đây chỉ người cao thượng*)
Hạnh nhẫn nhục của tôn giả được Phật và những vị đồng phạm hạnh không ngớt tán dương.
Một hôm, một người đang đề cập về các đức tin của tôn giả.
- Trưởng lão Xá Lợi Phất của chúng ta có hạnh nhẫn nhục chẳng ai bì. Ngài chẳng tức giận ai bao giờ.
Khi nghe thế, một người Bà La Môn lên tiếng:
- Vô lý! Ai mà khỏi có lúc tức giận. Đấy là vì không ai khiêu khích ông ta thôi.
Mọi người phản đối:

- Không phải vậy đâu, cư sĩ.
Người Bà La Môn kia nói:
- Để tôi có cách chọc ông ta tức giận cho coi.
Người ta đồng ý chờ xem. Ngờ đâu, người Bà La Môn ấy chực khi Tôn giả vào thành Xá Vệ khất thực chạy theo đấm một đấm như búa bổ vào lưng Tôn giả. Tôn giả vẫn thản nhiên không quay lui, chỉ lên tiếng hỏi khẽ: "Cái gì thế" và tiếp tục bước. Người kia sanh tâm hối hận, đến trước tôn giả sụp lạy xin sám hối. Tôn giả hoan hỷ tha thứ ngay. Người kia bạch:
- Bạch tôn giả, nếu Ngài đã tha thứ cho con, xin thỉnh Ngài về nhà con thọ thực, và hôm nay trở đi, xin Ngài cho con được cúng dường Ngài thường xuyên.
Nói xong, y đỡ lấy bình bát trên tay Tôn giả và đưa Ngài về nhà. Nhưng có một bọn người đã vây lấy người Bà La Môn ấy, sẵn gậy gộc cầm tay, và bạch Tôn giả:
- Bạch Ngài, xin Ngài giao tên ác ôn đó cho bọn con sửa trị một mẻ.
- Tại sao?
- Bạch, nó đánh Tôn giả! Chúng con phải bửa đầu nó ra!
- Kẻ ấy đánh các ông, hay đánh ta?
- Bạch, đánh Tôn giả.
- Vậy thì y cũng đã xin lỗi ta rồi. Các ông hãy đi đi.
Vào một dịp, Phật ngự tại Kỳ Viên tịnh xá, Tôn giả bị một tỳ kheo vu khống, vì vị nầy phẫn nộ bất mãn.
Khi các Tỳ kheo đến từ giã sau mùa an cư, Tôn giả luôn luôn gọi tên thân mật từng vị Tỳ kheo, nhưng vị nầy lại không được Tôn giả nhắc đến tên, do nhân duyên ấy, vị này nổi lên phẫn nộ và bất mãn, nghĩ rằng: "Tôn giả đã không thăm hỏi ta như những người khác". Đang lúc tức giận, Tôn giả đi ngang lại đụng chéo y vào người ông một cái, làm cho ông càng thêm tức, đến kiện với Phật.
- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá Lợi Phất luôn luôn nghĩ mình là đệ tử số 1 của đấng Đạo sư, đã đánh con một tát gần điếc lỗ tai, thế mà không thèm nói gì, đã bỏ đi một bước.
Đức Phật cho gọi Tôn giả Xá Lợi Phất. Thay vì phủ nhận sự vu cáo, Tôn giả đã rống lên tiếng sư tử giữa hội chúng với một bài pháp hùng hồn xác chứng Ngài đã thoát ly vĩnh viễn sân hận, có sức chịu đựng những mạ lỵ phỉ báng như đất nhận đồ phế thải.
Vị Tỳ kheo ngập tràn hối hận, xin Ngài tha thứ tội lỗi. Trước đức Đạo sư, Tôn giả thốt lên những lời đầy khiêm cung:
- Bạch Thế Tôn, con tha lỗi vị Đại đức, và con xin vị ấy hãy tha lỗi cho con nếu con có làm gì phật lòng người ấy.
Đức Phật bảo chúng đệ tử đang vây quanh Ngài:

- Nầy các Tỳ kheo, Xá Lợi Phất và những người đã chứng đắc như ông không bao giờ ôm lòng hận thù ai. Tâm ông lớn như đại địa, vững như trụ đồng và an tĩnh như mặt nước ao thu.

Lòng nhớ ơn

Trước khi xuất gia, Tôn giả đã nhờ Trưởng lão Assaji mà ngộ đạo – đạo lý duyên sanh và tìm đến Đức Phật để tham học. Tôn giả nhớ ơn vị ấy suốt đời. Khi cùng ở một tịnh xá, Ngài luôn luôn đảnh lễ Assaji sau khi đảnh lễ đức Đạo sư, và khi Assaji ở chùa khác, Tôn giả thường hướng về ngôi chùa ấy mà đảnh lễ sau khi đảnh lễ Phật.

Khi Phật ở Xá Vệ trong Kỳ Viên tịnh xá có một người Bà La Môn nghèo khổ làm vườn, quét dọn để kiếm ăn. Phật quán thấy ông ta có thể đắc quả, nên hỏi trong đại chúng có ai nhớ đã chịu ơn của người Bà La Môn kia lần nào không. Ngài Xá Lợi Phất thưa rằng, có lần Ngài khất thực trong thành Vương Xá, người Bà La Môn kia đã sớt cho Ngài một muỗng đồ ăn của y đã xin được. Phật bảo:

- Vậy ông hãy độ y xuất gia. Dưới sự hướng dẫn của Tôn giả, chẳng bao lâu người này đắc quả A La Hán.

Bậc thiện tri thức

Tôn giả Xá Lợi Phất là bậc thiện tri thức của tất cả mọi người. Ngài được tất cả yêu kính không những vì trí tuệ siêu phàm mà còn vì đức khiêm cung và lòng từ bi hiếm có. Ngài không bao giờ tỏ ra mình là bậc thượng thủ trong giáo hội của Phật. Trong tịnh xá Kỳ Đà Lâm, Tôn giả luôn luôn vấn an thăm hỏi những vị thượng tọa già yếu bịnh tật, và mỗi khi ra khỏi độc cư thiền định Ngài thường đi một lượt quanh khu tịnh xá, quét dọn lại những nơi bừa bãi, để du khách khỏi chê cười đệ tử Phật ở dơ.

Mỗi khi theo Phật du hóa một vùng xa, Tôn giả thường đi sau cùng, sau khi thu xếp cho những vị Tỳ kheo yếu bịnh. Cũng vì lẽ ấy mà có bận Tôn giả đến nơi đã định khi quá nửa đêm, không có chỗ nào dành cho Tôn giả, Tôn giả đành ngồi nghỉ tạm ngoài trời, dưới một gốc cây. Khi Đức Phật biết rõ việc nầy, Ngài liền chế định, phải dành chỗ sẵn cho những bậc tôn túc trưởng thượng.

Thông thường, những người quá thông minh xuất chúng phải trả giá thiên tài của họ bằng nỗi cô đơn. Nhưng Tôn giả Xá Lợi Phất lại là một ngoại lệ. Ngài có rất nhiều bạn, có thể nói Ngài là bạn của tất cả, kể từ Đức Phật trở xuống.

Nhiều kinh điển Pali đã ghi lại những cuộc luận đàm kỳ thú giữa Tôn giả Xá Lợi Phất với những bực Thánh đệ tử khác. Chính đức Đạo sư dường như cũng ưa nói chuyện với Tôn giả hơn với những người khác. Ngài thường gọi: "Nầy Xá Lợi Phất" mỗi khi thuyết pháp. Thật là một địa vị đáng

ngưỡng mộ.
Đức tính thứ nhất làm cho mọi người yêu kính là Tôn giả -- biết thấy ưu điểm của người khác. Một lần, khi Tôn giả đang thiền định ngoài khoảng trống, có một con quỷ chơi xấu, đến đánh một cú như trời giáng vào đỉnh đầu. Nhưng do định lực sâu xa Tôn giả không bị dao động. Khi Ngài xuất định, Tôn giả Mục Kiền Liên đến hỏi:
- Hiền giả có hề gì không?
Xá Lợi Phất đáp:
- Không sao cả thưa Hiền giả. Tôi chỉ bị nhức đầu chút ít.
Kỳ diệu thay! Thật kỳ diệu thay năng lực thần thông siêu việt của Hiền giả Mục Kiền Liên, có thể thấy được mặt mày con quỷ ấy.
Tôn giả Mục Kiền Liên và Tôn giả Xá Lợi Phất là đôi bạn chí thiết từ nhỏ, ra đời cùng một ngày, trưởng thành trong một môi trường sang quý như nhau.
Trong lúc tham dự một cuộc vui huyên náo kéo dài nhiều đêm, đôi bạn cùng một lúc khởi tâm nhàm chán thế tục với những lớp sơn lừa phỉnh của ngũ dục tạm bợ và cùng nhau đi tìm thầy học đạo.
Trước hết, họ theo Sanjaya một tu sĩ ngoại đạo nổi danh ở thành Vương Xá. Với sự gia nhập của Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, uy tín của Sanjaya càng tăng gấp bội, và những thanh niên thuộc danh gia vọng tộc cũng nối gót hai ngài đến thọ giáo với Sanjaya. Trong một thời gian ngắn, đôi bạn đã học xong tất cả những gì Sanjaya có thể trao truyền, nhưng vẫn không tìm thấy đâu là con đường đưa đến giải thoát. Họ phải từ giã Sanjaya và sau này, khi được gặp Phật, nghe giáo lý của Ngài, họ sung sướng trở về khuyên Sanjaya theo Phật. Khi ấy Sanjaya nói một câu điển hình của hạng thầy dốt nát như ông:
- Địa vị của ta không cho phép ta làm một người học trò được. Ngươi tốt hơn nên ở lại với ta. Ta sẽ chia cho một nửa đồ chúng mà lãnh đạo.
Xá Lợi Phất thưa:
- Thưa thầy, tôi không hiềm gì phải làm một học trò suốt đời, bao lâu chưa tìm ra được con đường giải thoát sanh tử. Và một đấng giác Ngộ không thể gì gặp được! Xin thầy hãy cùng đi với chúng tôi!
- Trong thiên hạ, kẻ ngu nhiều hơn hay kẻ trí nhiều hơn?
- Thưa thầy, kẻ ngu bao giờ cũng nhiều hơn người trí.
- Vậy thì hãy để những người trí đến với Sa môn Gotama, còn kẻ ngu sẽ theo ta.
Khi đôi bạn ra đi, một nửa đồ chúng của vị thầy cũng đi theo họ đến quy y Phật, hai vị Tôn giả đã trở thành đôi cánh của một con chim đại bàng. Hai vị đối với đấng Đạo sư là hai cánh tay đắc lực trên đường hoằng pháp đến nỗi khi hai Ngài nhập Niết bàn, Đức Phật đã thốt ra:

- Hội chúng từ nay đối với ta thật trống rỗng.
Qua lời dạy ấy, chúng ta có thể thấy rõ tầm quan trọng của hai bậc Thánh đệ tử ấy đối với đức Đạo sư và đối với chánh pháp.
Một đức tính khác làm cho Tôn giả Xá Lợi Phất được tất cả đồ chúng của Phật yêu kính là Ngài biết tôn trọng ý kiến của mọi người. Ngài không bao giờ tự cho là trí tuệ đệ nhất để áp đảo kẻ khác bằng lý luận.
Trong những cuộc luận đàm Tôn giả thường hỏi ý kiến từng người, để họ tự do phát biểu, và khi có sự bất đồng Ngài rủ mọi người cùng đi đến yết kiến Phật để xin đức Đạo sư giải quyết, chứ không bao giờ tự cho ý kiến mình đúng, thiên hạ đều sai.
Một kinh của Trung bộ III kể, vào một đêm rằm, trăng sáng vằng vặc chiếu xuống khu vườn cây Sa La nơi Tôn giả đang trú ngụ. Đêm khuya, trăng tỏ, hương hoa đang mùa rộ nở cùng với sương đêm tỏa ngát không gian. Cảnh thật xứng với một cuộc hội kiến giữa những bậc thượng thủ đến thăm Tôn giả Xá Lợi Phất. Tôn giả mở màn cho cuộc pháp thoại bằng một câu hỏi, cũng vừa là một lời chào:
- Đêm thanh, trăng tỏ, vườn Sa La khả ái thơm nức một mùi hương như thiên giới, chư Hiền nghĩ sao, vị Tỳ kheo nào, theo ý chư Hiền, sẽ là người làm sáng chói khu vườn (tức một mẫu Tỳ kheo lý tưởng trong Phật giáo phải như thế nào?)
Tôn giả A Nan đáp:
- Theo tôi, một vị Tỳ kheo làm sáng chói khu vườn là vị nào đa văn đệ nhất.
Tôn giả Ca Diếp:
- Vị Tỳ kheo sáng chói khu vườn là vị trì khổ hạnh đầu đà đệ nhất.
Tôn giả Mục Kiền Liên:
- Tôi thì cho rằng vị Tỳ kheo làm sáng chói khu vườn, chính là vị nào thành tựu biện tài số một.
Tôn giả Ly Bà Đa:
- Ý kiến của tôi thì, vị Tỳ kheo làm sáng chói khu vườn phải là người thiền định bậc nhất.
Khi tất cả mọi người đều cho ý kiến, Tôn giả Mục Kiền Liên giục bạn:
- Hiền giả nghĩ sao? Ý kiến của người nào đúng? Và ý Hiền giả như thế nào về một vị Tỳ kheo làm sáng chói khu vườn?
Tôn giả Xá Lợi Phất đáp:
- Vị Tỳ kheo nào chế phục được tâm, không bị tâm chế phục. Vị Tỳ kheo nào, buổi sáng muốn trú tâm như thế nào, có thể an trú tâm như thế ấy vào buổi sáng. Buổi trưa vị ấy muốn an trú tâm nào vị ấy cũng có thể làm như ý muốn vào buổi trưa. Buổi chiều, buổi tối cũng vậy.
Như một vị vua hay đại thần có một tủ đầy áo đẹp, và khi vị ấy sáng muốn mặc áo nào, trưa muốn mặc áo nào, chiều muốn mặc áo nào đều có thể làm

theo ý muốn của mình. Cũng thế, đối với một vị Tỳ kheo đã chế phục được tâm ý, không bị tâm chế phục. Một vị Tỳ kheo như thế, này Hiền giả, sẽ làm sáng chói khu vườn Sa La khả ái này. Nhưng này chư Hiền, chúng ta hãy đi đến đảnh lễ đấng Đạo sư để thỉnh giáo về vấn đề này.
Khi Đức Phật nghe thuật lại ý kiến của từng vị. Ngài dạy rằng mọi người đều trả lời đúng theo địa vị khả năng của mình. Tuy nhiên, Ngài thêm ý kiến của Ngài theo đó:
- Vị Tỳ kheo sáng chói khu vườn chính là vị nào sau khi đi khất thực về, sau khi chánh niệm thọ thực xong, rửa chân rồi trải tọa cụ ngồi thiền cho đến khi nào không còn lậu và móng khởi.
Điểm lý thú trong kinh này là ở chỗ khi mới nghe qua, chúng ta thấy dường như mỗi vị tự đề cao cá nhân vậy, song kỳ thật không thế. Mỗi người phát biểu cái lý tưởng mình muốn đạt, cho nên ngài A Nan, con người ưa đa văn, tôn trọng học vấn, đương nhiên phải cho đa văn là nhất.
Ngài Ca Diếp cho hạnh đầu đà là lý tưởng của xuất gia, nên Ngài mới chuyên môn hạnh ấy.
Mục Kiền Liên yêu thích biện tài, muốn phát triển mặt ấy, nên cho rằng thành tựu biện tài là nhất.
Ly Bà Đa chú trọng thiền định cũng thế, vì cho thiền định là lý tưởng.
Câu đúc kết của Phật rất ý vị ở chỗ, cái điều Ngài cho là lý tưởng chính là những việc làm rất thường, không có gì quái dị phức tạp, thế mà lại rất khó, chỉ có Phật mới thành tựu trọn vẹn được.
Đó là những việc như ăn cơm, rửa chân, trải tọa cụ ra ngồi... những việc Phật làm khi mở đầu kinh Kim Cang.
Như vậy, ta thấy rõ Phật muốn ám chỉ đạo là rất giản dị, đó là cái tâm bình thường (bình thường tâm thị đạo), nhưng đồng thời quả thật cái việc "thường" ấy lại khó khăn gấp bội những việc "phi thường" của các bậc đa văn, biện tài, trí tuệ.
Tôn giả Xá Lợi Phất lại còn một đức tính khá thu hút tất cả những bậc đồng phạm hạnh ấy là khiêm tốn và hâm mộ những tài đức khác.
Kinh Trạm Xe (TB II) kể, có vị Tôn giả là Phú Lâu Na được Phật và chúng Tỳ kheo ở chung luôn luôn tán thán về giới hạnh không thiếu sót, yêu thích độc cư, tinh tấn, tri túc, thiểu dục, đầy đủ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến và là người thường khuyến khích người khác tu những hạnh kể trên.
Khi nghe như vậy, Tôn giả Xá Lợi Phất vô cùng hoan hỷ mong muốn có ngày sẽ gặp được Tôn giả. Phú Lâu Na đến yết kiến Phật và lui về ở một nơi lân cận. Các vị Tỳ kheo báo tin cho Ngài Xá Lợi Phất biết để đi thăm. Đến nơi, Tôn giả bắt đầu hỏi chuyện:
- Hiền giả, hiền giả vì mục đích gì mà sống phạm hạnh với Đức Đạo sư? Phải chăng vì mục đích thành tựu giới thanh tịnh?

- Không phải vậy, hiền giả.
- Vì mục đích kiến thanh tịnh?
- Không phải vậy, hiền giả.
- Vì mục đích đoạn nghi thanh tịnh?
- Không, hiền giả, phi đạo.
- Vì mục đích Đạo tri kiến thanh tịnh?
- Cũng không, hiền giả.
- Vì mục đích Đạt tri kiến thanh tịnh?
- Cũng không, hiền giả.
Khi ấy Tôn giả Xá Lợi Phất nói:
- Hiền giả, tôi hỏi cái gì hiền giả cũng đáp không phải mục đích ấy mà hiền giả sống phạm hạnh. Vậy thì, hiền giả sống phạm hạnh vì mục đích gì?
- Hiền giả, với mục đích vô thủ trước Niết bàn.
Xá Lợi Phất hỏi tiếp:
- Có phải Giới thanh tịnh là vô thủ trước Niết bàn?
Phú Lâu Na đáp không. Hỏi tâm thanh tịnh, cũng đáp không, lần lượt hỏi bảy thanh tịnh, cũng đáp không phải là vô thủ trước Niết bàn. Khi ấy, Xá Lợi Phất hỏi lại:
- Trong bảy thanh tịnh, hiền giả đều nói không có cái gì là vô thủ trước Niết bàn, nghĩa là làm sao?
Phú Lâu đáp:
- Hiền giả, nếu Thế Tôn dạy giới thanh tịnh là Vô thủ trước Niết bàn thì Vô thủ trước ấy cũng đồng đẳng với Hữu thủ trước (chấp vào giới), về sáu thanh tịnh kia cũng vậy. Và nếu Thế Tôn dạy cái gì ở ngoài bảy pháp ấy là Vô thủ trước Niết bàn, thì kẻ phàm phu cũng gọi là Bát Niết bàn, vì phàm phu không có bảy pháp ấy. Hiền giả, tôi lấy một ví dụ. Như vua Ba Tư Nặc đi từ Xá Vệ đến Sàveta qua bảy trạm xe. Khi vua đến nơi bằng chiếc xe của trạm thứ bảy, đình thần ra đón và hỏi có phải nhờ chiếc xe nầy mà vua đi từ Xá Vệ đến hay không. Khi ấy, vua phải trả lời thế nào mới đúng? Xá Lợi Phất đáp:
- Dĩ nhiên vua phải nói, đã đi từ trạm thứ nhứt đến trạm thứ hai bằng một cỗ xe khác, lần lượt đổi xe ở mỗi trạm cho đến cỗ xe cuối cùng này.
- Hiền giả, cũng như vậy với bảy thanh tịnh. Giới thanh tịnh chỉ có mục đích đạt được Tâm thanh tịnh, Tâm thanh tịnh là để đạt đến Đoạn nghi thanh tịnh, Đoạn nghi thanh tịnh là để đạt đến Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh là để đạt đến Đạo tri kiến thanh tịnh, Đạo tri kiến thanh tịnh là để đạt đến Tri kiến thanh tịnh. Tri kiến thanh tịnh là để đạt đến Vô thủ trước Niết bàn.
Nghe xong, Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi Tôn giả Phú Lâu Na:
- Tôn giả tên gì? Các vị đồng phạm hạnh gọi Tôn giả như thế nào?

- Tên tôi là Phú Lâu Na, các bạn gọi tôi là Di Đa La Ni Tử.
- Thật vi diệu thay hiền giả! Những câu hỏi sâu kín đã được một bậc đệ tử đa văn của đấng Đạo Sư giải, và vị ấy là Tôn giả Phú Lâu Na. Thật hạnh phúc cho chúng tôi được thân cận thăm viếng Tôn giả.
Khi ấy, Tôn giả Phú Lâu Na hỏi lại:
- Còn hiền giả tên chi, các vị đồng phạm hạnh gọi hiền giả như thế nào?
- Tên tôi là Tích Sa, các vị đồng phạm hạnh gọi tôi là Xá Lợi Phất.
Một bất ngờ kỳ thú! Tôn giả Phú Lâu Na muốn bật ngửa người vì ngạc nhiên, không ngờ nãy giờ mình múa rìu qua mắt thợ! Nhưng ông thợ nầy quá khiêm tốn dễ thương. Ngài Phú Lâu Na ngợ đi một hồi mới bảo:
- Tôi đang nói chuyện với bậc đệ tử được xem ngang hàng với đức Đạo sư mà không biết! Nếu tôi biết Ngài là Tôn giả Xá Lợi Phất, thì tôi đã không nói nhiều như vậy.

Những ngày cuối cùng
Sau một mùa an cư ở làng Beluva gần Vesàlì, Đức Thế Tôn tuần tự trở về Xá Vệ, Tôn giả Xá Lợi Phất đến đảnh lễ Đức Đạo sư rồi trở về độc cư thiền định. Khi Tôn giả an lành xuất định, Ngài khởi lên ý nghĩ: "Thông thường các đấng Giác Ngộ nhập Niết bàn trước hay các đệ tử trưởng nhập trước?". Rồi quán sát nội lực của tự thân, Ngài thấy thân dư báo chỉ còn tồn tại bảy ngày. Kế đó Tôn giả tự hỏi: "Không biết ta sẽ xả bỏ báo thân ở chỗ nào? La Hầu La thì nhập diệt ở cõi Tam thập tam thiên, Tôn giả Kiều Trần Như ở trên đỉnh núi Hy Lạp. Còn ta, thì chỗ nào?" Nghĩ đi nghĩ lại, Ngài bỗng nhớ đến mẹ. "Mẹ ta, mặc dầu là mẹ của bảy vị A La Hán, bà vẫn không có lòng tin đối với Phật, Pháp, Tăng. Bà còn chút duyên nào để sanh khởi tịnh tín chăng?" Tôn giả quán sát một hồi và thấy rằng mẹ có thể chứng quả dự lưu. Rồi Ngài tự hỏi do ai mà bà sẽ được chứng quả? Quán sát bằng thiên nhãn thiền định, Ngài thấy chính do mình mà mẹ sẽ đắc quả. Do đó Ngài quyết định trở về quê cũ để nhập diệt. Tôn giả Thuần Đà em ruột Ngài, cùng với 500 đồ chúng của Ngài được lệnh thu xếp để theo Ngài về Nàlaka. Đi đến bái biệt vị Đạo sư lần cuối, Ngài tác bạch:
- Bạch Thế Tôn, xin đấng Thiện Thệ hứa khả cho con: thời gian nhập Niết bàn của con đã đến. Từ đây sẽ không còn luân hồi sanh tử với con. Đây là lần cuối cùng con đến đảnh lễ Đức Thế Tôn. Bảy ngày nữa, con sẽ đặt chân đặt thân này xuống, sẽ quăng bỏ gánh nặng nầy. Xin đấng Đạo sư hứa khả.
Đức Thế Tôn im lặng. Nếu Ngài tán thành bằng một câu: "Được, ông hãy nhập Niết bàn đi", người ta sẽ cho rằng Ngài khuyến khích sự chết. Nếu Ngài bác bỏ rằng: "Ông đừng nhập Niết bàn" người ta sẽ cho rằng Phật tán thán sự sống. Cho nên Phật yên lặng. Ngài chỉ từ tốn hỏi lại:
- Ông sẽ nhập Niết bàn ở chỗ nào?

Tôn giả thưa:
- Bạch Thế Tôn, tại xứ Ma Kiệt Đà, trong làng Nàlaka, ở ngay trong cái nhà con đã ra chào đời, con sẽ nhập Niết bàn tại đó.
Khi ấy, Thế Tôn dạy:
- Ông hãy làm những gì ông nghĩ là phải thời. Nhưng từ nay các huynh đệ của ông trong tăng chúng sẽ không còn được thấy một vị Tỳ kheo như ông nữa. Hãy thuyết pháp cho họ một lần cuối cùng.
Tôn giả vâng lịnh, thăng pháp tòa. Với giọng nói trầm tĩnh mà hùng hồn, dung điệu uy nghiêm khả kính, Tôn giả ban bố pháp nhủ cho đại chúng lần cuối cùng. Khi thì Ngài đưa tâm hồn cử tọa lên đến những đỉnh cao tuyệt vời của chân đế, khi thì pháp âm bay lượn là đà xuống tục đế với những thí dụ trước mắt. Khi thì Ngài thuyết pháp bằng cách trực chỉ, khi thì Ngài dùng ẩn dụ. Thuyết xong thời pháp Tôn giả đến đảnh lễ dưới chân Đức Thế Tôn. Ngài ôm chân Phật, bạch rằng:
- Chính vì ước nguyện được đảnh lễ đôi chân nầy mà con đã hoàn thành các pháp ba la mật trải qua vô lượng kiếp. Nguyện ước của con nay đã thành tựu. Từ nay sẽ không còn gặp gỡ, bạch Thế Tôn, nếu con có lời nói hay việc làm nào không vừa ý Thế Tôn, xin Thế Tôn tha thứ cho con. Bây giờ đã đến lúc ra đi.
Phật đáp:
- Ta tha thứ cho ông, Xá Lợi Phất. Nhưng ông không có lời nói hay việc làm nào không vừa ý ta. Ông hãy làm những gì ông thấy phải thời.
Ngay khi Tôn giả đứng lên từ biệt Phật đại địa chấn động, trời nổi sấm sét, một đám mây đen lớn trùm khắp như một chiếc khăn tang của hoàn vũ và một trận mưa ào ào trút xuống, như òa khóc trước cảnh ra đi của một bậc Chúng Trung Tôn.
Đức Thế Tôn bảo đồ chúng đang vây quanh:
- Bây giờ, các con hãy ra đi đưa tiễn bậc huynh trưởng của các con lần cuối.
Toàn thể tứ chúng đều rời Kỳ Viên Tịnh xá chỉ còn lại một mình đức Phật. Họ đi theo Tôn giả từng đoàn lũ lượt càng lúc càng đông vì dân chúng thành Xá Vệ cũng tiếp theo đoàn đưa tiễn, với đầu tóc nhúng nước rũ rượi (dấu hiệu tang lễ thời ấy), họ theo khóc lóc ta thán. Tôn giả ủy lạo quần chúng đang rên siết:
- Đây là một đoạn đường mà không ai tránh khỏi.
Và Ngài bảo họ trở về. Quay lại Tăng chúng ở Kỳ Viên đang theo đưa tiễn Ngài, Tôn giả căn dặn:
- Bây giờ, chư hiền hãy trở lại Tịnh xá đi. Hãy nhớ chăm sóc đấng Đạo Sư!
Còn lại 500 đồ chúng, Tôn giả tiếp tục cuộc hành trình. Cuộc du hành kéo dài cả tuần lễ, khiến nhiều người được dịp chiêm bái Tôn giả lần cuối cùng. Khi về đến làng quê trời đã tối. Tôn giả dừng chân dưới một gốc đa đầu

làng. Tình cờ, một người cháu của Tôn giả đi mua đồ về, thấy Tôn giả, đến gần chào Ngài, Ngài hỏi:
- Bà ngoại con có nhà không?
- Bạch Tôn giả, có.
- Con hãy trở về báo tin có chúng ta đến. Thưa bà rằng chúng ta sẽ ở trong làng một ngày, và xin bà dọn chỗ cho ta trong phòng ta đã ra chào đời, và sắp đặt chỗ nghỉ cho 500 vị Tỳ kheo.
Cậu bé trở về thuật lại cho thân mẫu Tôn giả. Nghe xong, bà ngẫm nghĩ: "Tại sao con ta lại trở về? Tại sao y bảo dọn chỗ cho đông người quá vậy? Sao lại muốn ở trong phòng chỗ chào đời? Bộ muốn hoàn tục hay sao? Bao nhiêu câu hỏi xoay vần trong đầu óc bà cụ. Nhưng bà vẫn làm theo lời dặn".
Khi Tôn giả về đến nhà, Ngài vào phòng dành sẵn, và bảo các Tỳ kheo hãy đi đến khu vực dành cho họ. Chúng Tỳ kheo vừa đi khỏi, Tôn giả phát đau bụng dữ dội, quặn thắt cả ruột. Ngài đi cầu không ngớt, thị giả đem thùng vào rồi đem ra. Bà mẹ lo âu, thầm nghĩ: "Cha chả, bộ con mình gặp nguy rồi". Và bà cụ cứ đứng như vậy nhìn về phía phòng Tôn giả suốt đêm không dám đến gần. Trong lúc ấy Tứ Thiên Vương bằng thiên nhãn thấy bậc Đại Tuệ Xá Lợi Phất sắp nhập diệt, bàn nhau xuống trần để viếng thăm Ngài.
Giữa đêm khuya, gian phòng sáng rực vì dung sắc của vị Thiên Vương chiếu ra. Tôn giả hỏi:
- Ai thế?
- Bạch Tôn giả, chúng tôi là những vị trời Tứ Thiên Vương.
- Các ngài đến đây làm gì?
- Chúng tôi muốn hầu hạ Tôn giả trong cơn bịnh.
- Cám ơn, tôi đã có thị giả. Các ngài đi đi.
Sau khi Tứ Thiên Vương từ biệt, đến lượt Đế Thích, và sau Đế Thích là Đại Phạm Thiên đến viếng thăm Tôn giả. Tôn giả đều cảm ơn bảo họ lui về. Bà cụ suốt buổi quan sát dung sắc thù thắng của những vị khách cõi trời mà lòng cảm thấy quái lạ. Bà tự hỏi: "Ai vậy? Ai mà đối với con ta có vẻ cung kính thế nhỉ?". Rồi, không cản nổi cơn tò mò, bà đến tận cửa phòng Tôn giả.
Tôn giả Thuần Đà báo tin cho sư huynh, Tôn giả hỏi:
- Tại sao mẹ đến vào giờ khuya khoắt này?
- Để thăm con, con ạ! Nầy, con hãy nói cho mẹ nghe, những người đến đầu tiên là ai thế?
- Thưa mẹ, đó là Tứ Thiên Vương.
Bà mẹ trố mắt:
- Ồ ra, con còn lớn hơn Tứ Thiên Vương kia à?
Tôn giả đáp:
- Họ cũng như những người giữ chùa từ ngày Đức Thế Tôn đản sanh, họ đã luôn luôn canh gác đêm ngày, gươm đeo lủng lẳng.

- Và kế tiếp họ là ai thế?
- Đó là Đế Thích, vua của những vị trời.
- Vậy con lại lớn hơn Đế Thích à?
- Ông ấy cũng như chú tiểu ôm y bát theo hầu các Tỳ kheo. Khi đấng Đạo Sư lên cõi trời 33, chính Đế Thích đã ôm y bát theo hầu Ngài trở về trần thế.
- Ồ, còn sau Đế Thích là ai nữa?
- Đó chính là vị Phạm Thiên mà mẹ thờ.
- Ui chao! Thế ra con còn hơn cả vị trời Đại Phạm của mẹ nữa sao?
- Vâng thưa mẹ, vào ngày đấng Đạo Sư đản sanh, chính bốn vị trời Đại Phạm đã đưa lưới báu cõi trời đỡ lấy thánh nhi.

Khi nghe thế, bà cụ suy nghĩ: "Nếu con ta đã có oai thần như vầy, thì bậc thầy của con ta còn oai thần đến bậc nào". Và khi nghĩ thế, một niềm hoan hỷ tràn ngập thân tâm bà. Tôn giả quán thấy mẹ mình đã phát tâm sinh hỷ lạc đối với Tam Bảo, và đã đến lúc nên thuyết pháp cho bà. Ngài hỏi:

- Mẹ nghĩ gì thế?
- Tôi đang nghĩ rằng, nếu con tôi đã oai thần như vậy, thì đấng Đạo Sư của người còn oai thần đến mức nào.

Tôn giả Xá Lợi Phất đáp:

- Vào lúc đấng Đạo Sư đản sanh, lúc Ngài xuất gia, lúc đắc đạo và chuyển pháp luân lần đầu, vào tất cả những dịp ấy, mười phương thế giới đều rung chuyển. Không có ai sánh được với Ngài về phương diện giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến.

Rồi Tôn giả tiếp tục giải thích cho mẹ nghe vì sao Đức Đạo Sư đã được xưng tôn là đấng Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật Thế Tôn. Nghe xong thời pháp, bà cụ đắc quả dự lưu. Bà hỏi Tôn giả:

- Tại sao, nầy con Tích Sa yêu dấu, tại sao suốt nhiều năm ròng con đã không ban bố cho mẹ pháp vị cam lồ này.

Tôn giả nghĩ thầm: "Thế là ta báo đền ơn dưỡng dục". Và Ngài bảo mẹ:

- Bây giờ tín nữ hãy về nghỉ đi.

Khi bà cụ đi khỏi, Tôn giả hỏi Thuần Đà:

- Bây giờ khoảng canh mấy?
- Bạch Tôn giả, gần tảng sáng rồi.
- Hãy triệu tập chúng Tỳ kheo.
- Thưa vâng, bạch Tôn giả.

Khi chúng Tỳ kheo đến, Tôn giả bảo Thuần Đà:

- Hãy đỡ ta ngồi dậy, Thuần Đà.

Sau khi ngồi dậy, Tôn giả nói với chúng Tỳ kheo:

- Nầy chư hiền, tôi đã sống, du hành với chư hiền trong 40 năm. Trong thời gian ấy, nếu tôi có làm gì, nói gì không vừa ý xin chư hiền tha thứ cho tôi.

Tất cả đồng thanh bạch:
- Thưa Tôn giả, không có một điều bất mãn nhỏ nào Tôn giả đã gây cho chúng con, những người theo Tôn giả như bóng theo hình. Nhưng bạch Tôn giả, xin Tôn giả hãy tha thứ cho chúng con!
Kế đó, Tôn giả quấn y quanh mình trùm cả mặt, nằm xuống hông bên phải. Rồi, cũng như Đức Thế Tôn đã làm khi Ngài nhập Niết bàn, Tôn giả lần lượt nhập và xuất chín tầng lớp thiền định rồi trở lại nhập sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Sau tứ thiền, Ngài hoàn toàn nhập Niết bàn vô dư y. Đó là ngày rằm tháng Kattika tức vào khoảng giữa tháng 10 và 11 dương lịch.
Khi được tin, bà cụ không ngớt than khóc cho tới khi mặt trời mọc. Bà mở kho xuất nhiều tiền bạc để làm tang lễ. Quần chúng khắp làng đến nghe thuyết pháp và đảnh lễ thi hài Tôn giả. Bảy ngày sau, lễ trà tỳ được cử hành. Thi hài Tôn giả được đặt trên một giàn hỏa lớn bằng gỗ trầm. Sau khi hỏa táng, Tôn giả A Nâu Lâu Đà rưới nước thơm dập tắt ngọn lửa. Tôn giả Thuần Đà thâu nhặt xá lợi bọc vào trong một mảnh y. Liền sau đó, Tôn giả trở về Xá Vệ báo tin cho Phật, mang theo y bát và xá lợi của vị sư huynh. Đến nơi, Thuần Đà bái yết thị giả A Nan trước và tác bạch:
- Bạch Tôn giả, Tôn giả Sàriputta đã nhập Niết bàn. Đây là y và bát của Ngài.
- Hiền giả, về việc này ta hãy đi đến đấng Đạo sư.
- Thưa vâng, bạch Tôn giả.
Rồi cả hai cùng đi đến Đức Phật. Sau khi đảnh lễ Phật, họ ngồi qua một phía.
Tôn giả A Nan bạch:
- Bạch Đức Thế Tôn, chú tiểu Thuần Đà nói với con rằng Tôn giả Sàriputta đã nhập Niết bàn. Đây là y bát của Tôn giả. Khi nghe vậy bạch Thế Tôn, con bủn rủn tay chân vạn vật xung quanh con trở nên mờ mịt. Con không còn trông rõ cái gì ra cái gì nữa, khi nghe tin Tôn giả Sàriputta từ trần!
- Sao vậy? A Nan. Khi Xá Lợi Phất từ trần, ông ấy có đem theo bớt đi phần giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến nào của ông chăng?
- Không phải vậy, bạch Thế Tôn. Khi Tôn giả Sàriputta từ trần, Tôn giả đã không đem theo bớt phần giới định tuệ nào của con cả. Nhưng bạch Thế Tôn, Tôn giả đối với con là vị hướng dẫn, một bậc đàn anh, một người hướng đạo, một người đã khích lệ con làm con hoan hỷ, phấn khởi, một người giảng pháp không biết mỏi mệt, một người giúp đỡ kẻ đồng phạm hạnh. Chúng con nhớ xiết bao những lời chỉ giáo bổ ích, linh động và thú vị của Tôn giả!
- A Nan, há tôi không dạy cho ông rằng sớm muộn, chúng ta đều phải chịu sự chia ly với những gì thân yêu gần gũi? Cái gì đã sinh thành tất phải hoại diệt, tan rã. Không phân ly là điều không thể có. Này A Nan cũng như cành

lớn của một cây đại thọ vững mạnh đã gãy xuống, Xá Lợi Phất nhập diệt đối với chúng Tỳ kheo thanh tịnh này cũng vậy. Quả thế, A Nan có tụ hội tất phải có phân ly. Không phân ly là điều không thể có. Bởi thế, này A Nan hãy tự mình làm một hòn đảo, một chỗ nương cho chính mình, đừng tìm chỗ nương tựa bên ngoài. Hãy lấy chánh pháp làm hòn đảo, lấy chánh pháp làm chỗ nương đừng tìm chỗ nương nào khác.
Rồi Đức Thế Tôn đưa tay đỡ lấy di cốt của vị Thánh đệ tử thân yêu, và bảo đại chúng:
- Nầy các Tỳ kheo, đây là di cốt trắng như vỏ ốc của vị Tỳ kheo cách đây không lâu đã xin phép ta để nhập Niết bàn.
Vị Tỳ kheo ấy là người thành tựu các hạnh Ba La Mật trải qua vô lượng kiếp. Vị Tỳ kheo ấy là người đã giúp ta chuyển bánh xe pháp. Vị Tỳ kheo ấy là người được chỗ ngồi bên cạnh ta. Vị Tỳ kheo ấy là người trong cõi Tam thiên thế giới không có ai sánh kịp về phương diện trí tuệ, chỉ trừ Đức Như Lai. Vị Tỳ kheo ấy là người có trí tuệ lớn, có trí tuệ rộng, có trí tuệ sáng, có trí tuệ sắc bén, có trí tuệ sâu xa. Vị Tỳ kheo ấy ít muốn biết đủ, thích độc cư, không thích đám đông, đầy nghị lực. Vị Tỳ kheo ấy là bậc khích lệ những người đồng phạm hạnh, sẵn sàng chỉ điểm những lỗi lầm. Vị Tỳ kheo ấy khi xuất gia đã từ bỏ một gia sản lớn lao có được nhờ công đức tích lũy từ 500 đời trước. Vị Tỳ kheo ấy là người có hạnh nhẫn nhục như đại địa. Vị Tỳ kheo ấy có tâm bất hại, như một con trâu đực đã cưa hai sừng. Vị Tỳ kheo ấy có tâm khiêm hạ như đồng tử.
Nầy các Tỳ kheo, hãy nhìn đây xương trắng tro tàn của bậc Đại tuệ, bậc Quảng tuệ, bậc Lợi tuệ, bậc Minh tuệ ấy, con người ít muốn biết đủ ấy, con người ưa thích độc cư, con người đầy nghị lực ấy! Nhìn đây, xương tàn của một Tỳ kheo đã khích lệ, làm cho phấn khởi đấng Tỳ kheo, sẵn sàng chỉ điểm lỗi lầm cho chúng Tỳ kheo.
Bên bờ sông Hằng, không lâu sau khi hai đệ tử của Ngài nhập diệt, một hôm Đức Thế Tôn đưa mắt im lặng nhìn khắp tất cả đại chúng vây quanh rồi dạy:
- Hội chúng này, hỡi các Tỳ kheo, đối với ta bây giờ quả thật trống rỗng, khi Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên không còn!
THÍCH NỮ TRÍ HẢI
"Nếu con đòi hỏi mỗi khi đi đến đâu, thiên hạ phải trải chiếu hoa cho bước chân con khỏi bị đau đớn vì gai góc sỏi đá, thì điều đó khó thực hiện. Chi bằng hãy mang một đôi hài nhẫn nhục, thì tha hồ mà xông bờ lướt bụi".

Phần IV - 10

Phóng Túng

Xưa có một người nghèo khổ, thường dâng đồ cúng dường chư thiên, với lòng cầu mong được giàu có. Trải qua thời gian khá lâu, cảm được lòng thành, chư thiên hiện ra hình người đến hỏi anh ta rằng:
- Ông thường cúng dường chư thiên với lòng cầu mong gì?
- Tôi chỉ mong giàu có, đó là sở nguyện duy nhất của tôi.
Khi ấy vị trời cho ông ta một cái bình, nói rằng:
- Đây là bình như ý, ông muốn điều gì thì tự nhiên bình ấy sẽ cung cấp cho ông.
Người ấy được bình rồi tùy theo ý muốn của mình, mọi việc đều như ý. Anh ta muốn có cung điện, xe cộ, vợ đẹp...
Một hôm, anh muốn khoe của, nên mời xóm giềng đến đãi đằng no say. Đang khi ăn uống, có người hỏi:
- Trước kia ông nghèo khổ, sao bây giờ lại giàu có, tiền của nhiều như thế?
- Tôi nhờ thường cúng dường chư thiên, nên các ngài cho tôi một cái bình trời, trong bình ấy sẽ cho ra tất cả của cải tuỳ theo ý của mình nên tôi mới giàu có như vậy.
Mọi người đều khen ngợi chưa từng có, anh ta sanh lòng kiêu căng tự đắc, cầm bình nhảy múa, chẳng may, anh bị trượt té, rơi bình xuống đất bể nát. Anh ta xấu hổ ngồi dậy, nhưng ôi thôi, chung quanh anh, mọi người đang ngồi ngoài đồng trống, áo quần mặc trên thân anh đều tan biến. Nhà cửa ruộng vườn, xe cộ, vợ đẹp đều tiêu tan theo bình ấy.
Kể câu chuyện ấy xong, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ kheo rằng:
- Người giữ giới thì thành tựu được các pháp vi diệu và chí nguyện được viên thành, ngược lại kẻ phá giới, kiêu căng tự thị, phóng túng cũng như người kia vì tự đắc mà bình bể, tài sản đều mất.
Nếu ai muốn được niềm vui cõi trời, hay thường lạc ngã tịnh của niết bàn thì phải kiên trì giới luật đã thọ, siêng năng tu tập cần lao không gián đoạn, đến khi bỏ thân tứ đại, chắc chắn sẽ được phước báo an lành. Còn nếu không lo tu tập, không siêng năng cần mẫn, ăn rồi cứ rong chơi, bàn luận thế sự, chẳng những không lợi ích gì cho hiện tại mà chốn tam đồ chắc không tránh khỏi.
Nầy các Tỳ kheo, ví như ở phương tây có một quốc vương, trong vương quốc ấy, không có giống ngựa quý, nhà vua cho người tìm mua về 500 con

nuôi dưỡng luyện tập đề phòng khi có giặc. Nuôi ngựa đã lâu, nhưng trong nước gặp lúc bình trị, nhà vua tự nghĩ: "Nuôi 500 con ngựa này hao tốn quá mà chẳng có ích lợi gì, thôi ta hãy thả cho nó tự do đi kiếm ăn, không kiềm thúc nữa cho đỡ tốn ngân quỹ của nhà nước". Nghĩ rồi sai quân làm như vậy. Bấy giờ ngựa được tự do chạy nhảy, bao nhiêu nết cũ, ngựa rong ngoài đồng đều sống lại. Chẳng bao lâu sau, trong nước bị ngoại xâm, nhà vua ra lệnh nai nịt cho 500 con ngựa ấy để ra trận. Tướng sĩ phóng lên lưng ngựa, cầm binh khí thẳng tiến về phía giặc, cho roi vào hông ngựa, nhưng ngựa chẳng chịu chạy tới mà quay đầu chạy trở lại, chẳng như ý chủ tướng. Quân giặc thấy vậy liền xua quân đánh úp, chỉ trong chớp nhoáng là chiếm được ngôi vua.

Nầy các Tỳ kheo, muốn cầu quả báo lành, phải nhiếp niệm thâm tâm, tinh tấn điều phục và sống theo hạnh của bậc thánh, chớ một khi giặc vô thường đến thì khó giữ ngăn. Cũng như nhà vua có bầy ngựa quý mà không biết sử dụng để cho nó tự tình buông lung chạy theo bản tính, khi có giặc đến cướp nước, bầy ngựa chẳng dùng được mà còn mất nước lụy thân. Các thầy hãy gắng tinh cần, nhắc nhở.

GIỚI ĐỨC

"Làm việc ác có hại đến thân, thì người ngu bảo là dễ. Làm việc thiện được an lạc, thì người ngu bảo là khó".

Đừng Ôm Lòng Cừu Hận

Thuở Phật còn tại thế, có một vị Đại đức Trưởng lão tên là Tích Xá, hình như là bà con cô cậu với Phật. Sư xuất gia vào lúc tuổi đã già, và người khá mập. Tất nhiên, Sư tự thấy hãnh diện, vì biết rằng, khi đã xuất gia, y sẽ nhận được sự tán thưởng của Phật, cách ăn mặc của sư cũng rất tươm tất, xứng đáng với sự tán thưởng đó. Sư lại thường ngồi ngay giữa Tịnh xá, tại nhà khách.

Một hôm, có một số khách Tăng đến hầu Đức Như Lai. Họ tưởng Tích Xá là một vị Đại Trưởng lão nào đó, nên xin phép phục dịch, dâng các vật dụng để rửa chân cho Sư. Tích Xá ngồi im lặng không nói. Rồi thì, một thầy Tăng trẻ hỏi: "Đại Đức đã được mấy hạ ". Nghĩa là hỏi Tích Xá được bao nhiêu tuổi đạo. Tích Xá đáp: "Chưa có hạ nào cả. Tôi xuất gia lúc tuổi đã trọng". Nghe vậy, thầy Tăng trẻ mới nói: "Ông là một sư già hư hỏng, tự cho mình là quan trọng. Khi thấy các vị Đại Trưởng Lão đây, ông lại không chút lễ độ đối với các ngài. Lúc các ngài phục dịch ông, ông lại đáp ứng bằng sự im lặng. Thêm nữa, ông không tỏ vẻ hối hận về cử chỉ sai lầm của mình". Nói xong thầy Tăng đó khảy móng tay. Nhưng kiêu hãnh vì giai cấp chiến sĩ của mình,

Tích Xá hỏi họ: "Các ông đi kiếm ai?" –"Chúng tôi đến hầu Đức Đạo sư" – Nhưng đối với tôi các ông lại tự bảo -- ông này là ai? Thế thì tôi sẽ bứng trốc cả huyết thống của các ông. Nói như vậy rồi, Tích Xá đi đến Đức Đạo sư, vừa đi vừa khóc lóc, buồn rầu.
Đức Đạo sư hỏi: "Tích Xá, sao ông đến kiếm ta mà buồn rầu, khóc lóc, nước mắt lưng tròng như thế?".
Các thầy Tăng bấy giờ nói với nhau: "Nếu để ông đó đi một mình, ông ta sẽ gây ra chuyện không hay". Họ cùng bước theo Tích Xá lập tức. Sau khi kính lễ Đức Đạo sư, họ kính cẩn ngồi xuống một bên.
Tích Xá lúc đó trả lời câu hỏi của Đức Đạo sư như thế này:
- Bạch Thế Tôn, những thầy Tăng này chửi con.
- Nhưng ông đang ngồi tại đâu?
- Ngay giữa Tịnh xá và trong Nhà khách.
- Khi các thầy Tăng này đến, ông có trông thấy họ không?
- Bạch Thế Tôn, không.
- Ông có cung cấp cho họ các vật dụng thường trụ không?
- Bạch Thế Tôn con không dâng họ các vật dụng ấy.
- Ông có phục dịch họ, mang nước cho họ uống không?
- Bạch Thế Tôn, không.
- Ông có dọn chỗ ngồi cho họ và lau chân cho họ không?
- Bạch Thế Tôn, không.
- Tích Xá, ông phải làm các công việc này để hầu hạ các vị sư già, bởi vì ai không làm như vậy thì không được phép ngồi giữa Tịnh xá. Chỉ một mình ông là đáng bị quở trách, ông hãy xin lỗi các thầy Tăng này đi!
- Nhưng, bạch Thế Tôn, họ chửi rủa con, con không xin lỗi họ.
- Tích Xá, đừng làm như vậy, chỉ mình ông là đáng bị quở trách thôi. Hãy xin lỗi họ đi.
- Bạch Thế Tôn, con không chịu xin lỗi họ.
Các thầy Tăng bạch với Đức Đạo sư:
- Bạch Thế Tôn, ông ấy quả là một nhà sư bướng bỉnh.
Đức Đạo sư đáp:
- Nầy các thầy, đây không phải là lần đầu tiên ông ấy tỏ ra bướng bỉnh. Trong các đời trước ông ấy cũng đã từng bướng bỉnh như vậy.
- Bạch Thế Tôn, vậy chứ đời trước ông ấy đã làm gì?
Đức Đạo sư nói:
- Tốt lắm, các thầy hãy nghe Ta kể:
Rồi Đức Đạo sư kể về chuyện tiền thân của Sãi mập Tích Xá như sau:
Chuyện Đê Va La và Na Ra Đa.
Thuở xưa, vào lúc một vị vua đang ngự trị tại thành Ba La Nại, bấy giờ có một đạo sĩ ẩn cư tại xứ Hy Mã trải qua tám tháng, sau đó muốn đến cư ngụ

gần thành phố cho hết mùa mưa, nên từ Hy Mã ông trở về để mua trữ muối và dấm. Ông gặp hai chú bé tại cổng thành, bèn hỏi: "Các nhà sư khi đến thành phố này thường ngủ đêm tại đâu?
- Bạch Đại Đức, tại nhà người thợ gốm.
Thế rồi, Đê Va La đi đến nhà người thợ gốm, đứng lại trước cửa và hỏi: "Này Pháo Ga Va, nếu ông vui lòng thì xin cho bần đạo tá túc tại nhà ông qua đêm nay".
Người thợ gốm trỏ vào nhà sư và nói:
- Tôi không làm việc ban đêm tại căn phòng nầy, và đó lại là một căn phòng rộng xin ngài cứ tự nhiên ngủ đêm tại đây, thưa Đại Đức.
Đê Va La bước vào căn phòng và ngồi xuống chưa bao lâu thì lúc đó cũng có một đạo sĩ khác, tên là Na Ra Đa, từ Hy Mã về thành phố, đến xin người thợ gốm cho tá túc qua một đêm. Người thợ gốm nghĩ thầm: "Vị đạo sĩ đến trước không biết có đồng ý nghỉ đêm chung với vị nầy không, việc nầy không phải do mình quyết định". Rồi ông thưa với đạo sĩ:
- Bạch Đại Đức, nếu vị đạo sĩ đến trước tán thành, xin Ngài cứ việc nghỉ đêm tại đây theo ý muốn của vị đó.
Na Ra Đa bèn đến gần Đê Va La và nói:
- Thưa Thầy, nếu Thầy vui lòng, tôi xin nghỉ lại đây qua một đêm.
Đê Va La đáp:
- Căn phòng này cũng khá rộng, vậy xin mời Thầy vào nghỉ đêm lại đây, ở bên đó.
Na Ra Đa bước vào và ngồi xuống phía sau vị đạo sĩ đã đến trước mình. Cả hai trao đổi nhau những lời chào hỏi thân mật.
Đến giờ ngủ, Na Ra Đa để ý cẩn thận chỗ nằm Đê Va La và vị trí cánh cửa, rồi mới nằm xuống, nhưng khi Đê Va La nằm xuống thay vì nằm ngay chỗ của mình, ông lại nằm ngay cánh cửa. Kết quả là khi Na Ra Đa đi ra ngoài, ông đạp nhằm lên chiếu của Đê Va La. Tức thì Đê Va La kêu lên:
- Ai đạp lên chiếu của tôi đây?
Na Ra đa đáp:
- Thưa thầy, chính tôi.
Đê Va La nói:
- Cái ông thầy tầm bậy nầy, ông ở trên rừng về mà lại đạp lên chiếu của tôi.
- Thưa Thầy, tôi không biết Thầy nằm ở đây, xin lỗi.
Na Ra Đa đi ra. bỏ Đê Va La ngồi khóc nức nở một mình.
Đê Va La nghĩ thầm: Ta làm cho y đạp lên mình lần nữa khi y trở vào. Rồi ông quay lại và nằm xuống, để đầu về phía mà trước đó ông để chân. Khi Na Ra Đa đi vào, ông nghĩ thầm: Lần trước mình xúc phạm ông thầy này, lần này mình đi vòng phía chân của ông. Kết quả, khi Na Ra Đa bước vào lại đạp nhằm cổ của Đê Va La. Tức thì, Đê Va La thét lên:

- Ai đó?
Na Ra Đa đáp:
- Thưa Thầy tôi đây.
Đê Va La nói:
- Cái ông Thầy tầm bậy nầy, lần trước ông đạp lên chiếu tôi, lần nầy ông lại đạp lên cổ tôi. Tôi sẽ rủa xả Thầy.
- Thưa Thầy, không phải lỗi tại tôi. Tôi không biết Thầy nằm theo kiểu này. Khi bước vào, tôi đã nghĩ thầm, lần trước mình xúc phạm Thầy, lần này nên đi vòng phía chân. Xin lỗi!
- Cái ông Thầy tầm bậy, tôi sẽ rủa xả Thầy!
- Thưa Thầy, đừng làm thế.
Nhưng Đê Va La không thèm đếm xỉa lời nói của Na Ra Đa, cứ vẫn rủa như thường. Ông rủa: "Mặt trời có một nghìn tia sáng và một trăm ngọn lửa, xua tan bóng tối. Khi mặt trời mọc hừng đông, thề cho đầu thầy vỡ thành bảy mảnh".
Na Ra Đa nói: "Thưa Thầy, tôi đã nói là không phải lỗi tại tôi. Nhưng Thầy không nghe tôi mà cứ rủa xả tôi. Tôi thề cho kẻ nào có tội thì đầu vỡ làm bảy mảnh, và người vô tội thì không. Rồi Na Ra Đa đọc lên lời thề như sau: "Mặt trời có một nghìn ánh sáng và một trăm ngọn lửa, xua tan bóng tối. Khi mặt trời mọc hừng đông, thề cho đầu của Thầy vỡ thành bảy mảnh".
Bấy giờ Na Ra Đa đã có sức thần thông rất lớn, có thể thấu suốt tám mươi vòng thế gian, bốn mươi vòng về đời quá khứ và bốn mươi vòng về đời vị lai. Ông mới nhận xét xem ai là người sẽ mắc phải lời thề thì thấy rằng chính vị đạo huynh của mình mắc phải, ông cảm thấy thương hại, nên vận sức thần thông cản không cho mặt trời mọc.
Khi mặt trời không mọc được, dân chúng kéo nhau tụ tập trước cổng cung điện của vua và kêu gào: "Muôn tâu bệ hạ, mặt trời không mọc, mà ngài là vua, vậy ngài hãy khiến mặt trời mọc lên cho chúng tôi". Nhà vua tự kiểm điểm các hành vi, các lời nói cũng như các ý nghĩ của mình, thấy không có điều gì lầm lỗi, mới nhủ thầm: "Nguyên do tại đâu? Vua cho rằng có thể là do một cuộc cãi lộn của các nhà sư nào đây, mới hỏi: "có vị sư nào ở trong thành phố hay không?" Tâu bệ hạ, tối hôm qua có người đến ngủ lại ở nhà ông thợ gốm". Nhà vua đốt đuốc cầm tay, đi thẳng tới nhà thợ gốm, chào hỏi Na Ra Đa, rồi kính cẩn ngồi xuống một bên, và thưa:
- Na Ra Đa, dân chúng trong nước Xích Táo không thể làm các phận sự khẩn thiết của mình.
Tại sao thế giới bị phủ đầy bóng tối ? Xin Ngài hãy trả lời tôi câu hỏi này ?.
Na Ra Đa kể cho vua nghe câu chuyện đã xảy ra, và nói: "Vì vậy mà tôi bị lão đạo sĩ này rủa xả. Cho nên tôi cũng rủa xả lại rằng, tôi không có lỗi, xin cho kẻ có tội trong chúng tôi hãy mắc phải lời thề. Nhưng khi tôi rủa xả thầy

đó, tôi nhận xét thầm xem ai sẽ mắc phải lời thề, thì thấy rằng đầu của đạo huynh mình sẽ bị vỡ làm bảy mảnh. Do đó, vì thương xót ông ta, tôi không cho phép mặt trời mọc".
- Nhưng thưa Đại đức, làm cách nào để thầy ấy tránh khỏi tai nạn nầy.
- Ông ta có thể tránh khỏi tai nạn nếu chịu xin lỗi tôi.
Nhà vua bèn nói với Đê Va La:
- Hay lắm, Thầy hãy xin lỗi đi.
Đê Va La đáp:
- Tâu Đại Vương, ông bạn này đạp lên chiếu và lên cổ tôi, tôi không xin lỗi ông đạo tầm bậy đó.
- Thưa Đại Đức, hãy xin lỗi đi. Đừng làm như thế!
- Tâu Đại Vương, tôi không xin lỗi.
- Đầu Ngài sẽ bị vỡ làm bảy mảnh.
- Mặc kệ, tôi không xin lỗi.
Nhà vua nói:
- Tôi chắc rằng Thầy không chịu tự ý xin lỗi.
Rồi nhà Vua nắm tay, nắm chân, nắm lưng, nắm cổ của đạo sĩ, đè xuống dưới chân của Na Ra Đa.
Na Ra Đa bảo:
- Thôi thầy hãy đứng dậy, tôi tha lỗi cho Thầy.
Rồi Na Ra Đa nói với nhà vua:
- Tâu Đại Vương, vị đạo sĩ này không chịu tự ý xin lỗi, hãy mang ông đến một cái hồ nào đó đừng xa thành phố lắm, đặt một khối đất sét lên đầu ông ta, bắt ông ta đứng dưới nước, ngập ngang cổ.
Nhà vua làm y theo. Na Ra Đa mới bảo Đê Va La:
- Thưa Thầy, tôi sẽ giải tỏa sức thần thông của mình để làm cho mặt trời mọc lên. Lúc đó, Thầy hãy lặn xuống nước, rồi trồi lên ở một chỗ khác, sau đó đi đâu tùy ý.
Ngay khi mặt trời mọc, vừa rọi tia sáng lên khối đất sét, khối đất liền vỡ thành bảy mảnh. Đê Va La lặn ngay xuống nước, rồi trồi lên ở một chỗ khác, và bỏ đi.
Bấy giờ, đức Đạo Sư mới dạy pháp thoại này, Ngài nói:
- Nầy các Thầy, nhà vua thuở đó là A Nan Đà ngày nay, Đê Va La là Tích Xá đó, và Na Ra Đa chính là ta đây. Trước kia, ông ấy cũng đã bướng bỉnh như vậy.
Và Ngài giảng cho Trưởng Lão Tích Xá nghe rằng: "Nầy Tích Xá, nếu một thầy Tỳ Kheo cứ nghĩ rằng: "Người ta chửi rủa tôi như thế nầy như thế nọ, người ta lấn lướt tôi như thế này như thế nọ, người ta cướp bóc của tôi như thế nầy như thế nọ, cứ nghĩ thế thì không bao giờ hận thù tiêu tan được. Nhưng nếu không ôm ấp những ý nghĩ như vậy, hận thù sẽ chấm dứt". Rồi

Ngài nói lên các bài kệ sau đây:
Nó chửi tôi, nó đánh tôi, nó lấn lướt tôi, nó cướp của tôi -- Ai ôm ấp ý nghĩ nầy, hận thù không bao giờ tiêu tan được.
Nó chửi tôi, nó đánh tôi, nó lấn lướt tôi, nó cướp của tôi -- Ai không ôm ấp những ý nghĩ như vậy, hận thù sẽ tiêu tan.
MINH VĂN
"Người chế ngự được sự sân hận, còn cương dũng hơn bậc anh hùng, và người tự chủ được mình còn cao cả hơn viên hổ tướng chiếm đoạt thành trì. Với tâm bình thản, bậc thiện trí đã nói như trên".

Khi Công Tử Chê Tiền

Kàla là con trai của nhà cự phú Cấp Cô Độc, một vị trưởng giả giàu lòng kính tin, đã từng xuất cả kho vàng ra để mua vườn cây của thái tử Kỳ Đà để xây Tịnh xá cúng dường Phật. Vậy mà công tử Kàla lại không có cảm tình với Phật cùng Tăng chúng tí nào.
Vốn được sinh trưởng trong một gia đình thế phiệt, lại thông minh tài giỏi nên Kàla được vào làm quan cận thần dưới triều vua Ba Tư Nặc ngay khi còn rất trẻ.
Một hôm nhà Vua cùng Hoàng hậu Mạt Lợi thiết trai cúng dường Phật và Chúng Tăng tại Hoàng cung. Toàn thể triều thần cùng hoàng tộc đều hoan hỷ, duy có công tử Kàla là nhún vai bình phẩm lén với các vệ sĩ của chàng:
- Hoàng thượng tiêu xài thật vô lối, chẳng khác gì ông bố của ta. Mấy lão trọc áo vàng kia ăn no nê xong, đi về tịnh xá đánh một giấc tới chiều. Thật là vô tích sự.
Đức Thế Tôn đoán biết được ý niệm của Kàla nên sau buổi lễ Ngài đọc một bài kệ : - "Người xan tham không thể sanh lên cõi trời. Kẻ ngu si không ưa việc bố thí. Nhưng người thiện trí thấy việc bố thí lại sanh lòng tùy hỷ và đó cũng được dự phần an lạc". (PC177).
Chuyện đến tai vua Ba Tư Nặc, Kàla liền bị đuổi ra khỏi Hoàng cung chàng công tử này nhân chuyện đó, càng tăng thêm ác cảm với Phật và Tăng đoàn. Kàla thường tìm cách lánh mặt Phật mỗi khi cha chàng thiết trai cúng dường. Trước thái độ của cậu con trai cưng. Trưởng giả Cấp Cô Độc rất lấy làm khổ tâm. Sau nhiều phen rầy la vô hiệu, ông nghĩ ra một diệu kế nên gọi con trai đến, dịu dàng bảo:
- Nầy Kàla! Mai này cha bận việc nên không thể đến Kỳ viên thọ bát quan trai giới được. Nếu con đi giúp, cha sẽ thưởng cho 100 đồng vàng.
Vừa nghe nhắc đến Tịnh xá, Kàla đã cau mày, nhưng số tiền quá hấp dẫn khiến chàng phân vân:
- Mấy cái giới đó có... khó giữ lắm không thưa cha?
- Dễ ợt! Tụi con nít trong nhà nầy còn làm được, huống chi là thanh niên trai

tráng như con.
- Đâu cha nói sơ qua con nghe thử!
- ó gì đâu. Con chỉ phải giữ vỏn vẹn tám điều răn sau đây, chỉ trong vòng có 24 giờ thôi. Đây nầy:
1. Không giết
2. Không trộm cắp
3. Không dâm dục
4. Không nói dối
5. Không uống rượu
6. Không trang điểm
7. Không nằm giường cao chiếu rộng
8. Không ăn quá ngọ
- Đó dễ quá phải không con?
Kàla chắt lưỡi thầm tính:
- Thôi kệ mình chịu ép xác trong một ngày một đêm để lãnh 100 đồng vàng... Ngày mốt ta ăn bù lại cũng được.
Và Kàla bằng lòng, không quên mặc cả:
- Nhưng cha phải giữ đúng lời hứa một trăm đồng vàng hẳn hoi nhé.
- Được rồi, con yên tâm.
Hai cha con đều vui mừng.
Sáng hôm sau công tử Kàla cởi hết đồ trang sức, khoác một manh áo thô, ăn một bữa điểm tâm thịnh soạn đến căng bụng và gọi gia nhân thắng kiệu đến thẳng Tịnh xá Kỳ Viên. Đến nơi chàng cho kiệu về, tảng lờ như không nhìn thấy ai hết, kiếm một chỗ mát mẻ trải rơm nằm đánh một giấc cho qua tai nạn.
Tờ mờ sáng hôm sau, Kàla đã về đến nhà khua cổng ầm ĩ và quát tháo, hối thúc gia nhân dọn điểm tâm. Ăn uống và phục sức đỏm dáng xong Kàla đến gặp cha đòi tiền công.
- Con đã hoàn tất nhiệm vụ mà cha giao phó, xin cha cho con số tiền đã hứa.
Tất cả hành động của cậu con không lọt khỏi cặp mắt của người cha tốt bụng, ông Trưởng giả vẫn không nản lòng, trao tiền cho con và điềm tĩnh bảo:
- Nầy Kàla tốt lắm! Con đã làm một việc rất đẹp lòng cha và ngày mai này cha muốn đi nghe Đức Đạo Sư thuyết pháp nhưng lại không rỗi rảnh. Nếu con đi nghe giúp cha, cha sẽ thưởng cho 200 đồng tiền vàng. Con nghĩ sao?
Kà la nghe nói đến tiền là sáng mắt, chàng vội vã nhận lời và nghĩ bụng:
- Cha mình ngó bộ mê mấy lão đầu trọc đó dữ dội rồi! Thây kệ, cờ tới tay ai nấy phất. Đây quả là một cách kiếm tiền lương thiện và khỏe khoắn nhất.
Thế là hệt như bữa trước, công tử Kàla lại đến Kỳ Viên, len vào giữa đám thính giả chen chúc trước pháp tòa, dự thời pháp của đấng Đạo Sư. Chàng

hết ngoáy mũi đến gãi tai, rung đùi... Không một pháp âm nào lọt được vào đôi tai hờ hững của chàng. Và Kàla được lãnh 200 đồng vàng sau những thủ tục như bữa trước.
Vài hôm sau Trưởng giả Cấp Cô Độc lại gọi Kàla đến bảo:
- Nầy con! Độ rầy chuyện nhà quá bề bộn khiến cha không thể đến hầu thăm Đức Đạo Sư và nghe Ngài thuyết pháp được. Nếu con có thể đi nghe và về nói cho cha biết, dù chỉ một bài kệ ngắn thôi, cha cũng sẽ thưởng cho con 500 đồng vàng.
Đã có kinh nghiệm qua lần trước Kàla lập tức bằng lòng ngay, vì chàng nhận thấy rằng không có công việc làm ăn nào mau phát tài bằng việc đi thăm khu vườn của mấy ông sư đầu trọc.
Sáng hôm ấy, Kàla đến Kỳ Viên thật sớm định bụng sẽ chỉ nghe và nhớ một bài kệ thôi rồi sẽ trở về đi xem hát.
Với trí thông minh sẵn có, Kàla thuộc lòng ngay một bài kệ mà Đức Đạo Sư vừa đọc, chàng vội vã quay về. Đi được một quãng, Kàla sực nhớ là mình chưa hiểu rõ ý thú của bài kệ. Không muốn ấp úng trước mặt cha Kàla đành quay lại ngồi chăm chú nghe Đức Đạo Sư thuyết giảng. Như một trái cây vừa chín tới, gặp phải cơn gió giao mùa liền rụng, nhờ những cơ duyên lành đời trước, sau thời thuyết pháp của Đức Đạo Sư, Kàla chứng ngay sơ quả Tu Đà Hoàn. Lần đầu tiên công tử Kàla đến quỳ gối trước Đức Đạo Sư, đặt vầng trán thông minh chưa có một vết nhăn của chàng lên đôi chân trần của Đức Đạo Sư, bày tỏ lòng tri ân vô bờ bến.
Đức Thế Tôn bình thản bảo chàng:
- Nầy Kàla, hôm nay cha con có mời Như Lai đến nhà thọ trai... đã sắp đến giờ rồi chúng ta đi thôi.
Kàla cung kính đón lấy chiếc bát của Phật và khép nép đi sau Ngài như một chú thị giả thuần thục chính hiệu.
Cử chỉ của Kàla hôm ấy đã khiến Trưởng giả Cấp Cô Độc đẹp lòng. Ông hoan hỷ mang tiền ra thưởng con trước mặt quan khách:
- Nầy con trai cưng! Thái độ của con làm cho cha vui mừng vô hạn, dù con chưa thuyết giảng lại cha nghe một lời pháp nào của Đấng Đạo Sư cha vẫn sẵn sàng trao cho con 1000 đồng vàng thay vì 500 như cha đã hứa.
Công tử Kàla thẹn đỏ mặt, cúi đầu nói nhỏ:
- Thưa cha! Con không cần tiền.
- Hãy cầm lấy! Tiền thưởng của cha cho con kia mà!
Kàla vẫn khăng khăng từ chối. Người cha ngạc nhiên, sững sờ nhìn con rồi quay sang bạch Phật:
- Bạch Thế Tôn! Lần đầu tiên, cháu nó mới chê tiền.
Đức Phật mỉm cười:
- Kàla đã chứng Sơ quả Tu Đà Hoàn. Và kể từ giờ phút ấy, không một của

cải trên trần gian nầy có thể làm lung lạc tâm của chàng ta được.
Ngài đọc bài kệ:
Dù là vua cõi đất –
Hay là chúa cõi trời –
Cũng không so sánh được quả vị Tu Đà Hoàn. (PC147).
Muôn kiếp sinh linh giật mình tỉnh mộng
Lời Nam Mô sám hối ngút ngàn sao
Tiếng chuông ngân như sóng bể dạt dào
Với bất diệt vỗ lên bờ bến giác.

Sợi Dây Bền Nhất

Một thuở nọ Phật ngụ tại Tịnh xá Kỳ Hoàn. Có ba mươi vị Tỳ kheo lên kinh thành để đảnh lễ Đức Thế Tôn. Sau một đêm ngơi nghỉ, sáng tinh sương các thầy đã rủ nhau vào thành khất thực và xem cho biết đó đây. Đối với các thầy thành phố đầy dẫy những cảnh tượng lạ lùng, nhưng các thầy vẫn không dám sơ thất oai nghi, nghiêm trang theo thứ lớp khất thực.
Khi về đến tịnh xá, các thầy vào bạch Phật, hỏi:
- Bạch Thế Tôn, sáng nay khi vào thành khất thực, ngang qua một khám đường, chúng con thấy có nhiều phạm nhân bị trói tay chân nằm co ro vô cùng khổ sở, họ xoay trở còn khó khăn nói gì đến việc tháo cùm chạy trốn. Chúng con tự hỏi không biết trên đời này còn có thứ xiềng xích nào bền chắc hơn loại dây lòi tói sắt đó không?
Phật dạy:
- Nầy các Tỳ kheo! Những loại dây trói buộc mà các ông cho là chắc đó nào có thấm vào đâu so với sự trói buộc ái dục. Những gông xiềng làm bằng tài sản, mùa màng, vợ con còn bền chắc gấp trăm nghìn lần. Nhưng dù chúng có bền chắc, có khó chặt đứt đến đâu, người thiện chí đều bẻ gãy xa lìa dục nhiễm, tìm nơi thanh vắng để tự giải thoát lấy mình.
Nhân đó, Đức Thế Tôn kể lại một tiền thân của Ngài:
Vào một thuở xa xưa, cũng tại thành Benares, có một chàng trai nghèo khổ nhưng rất hiếu thảo. Đến tuổi trưởng thành, bà mẹ cưới cho chàng một cô vợ trẻ. Chẳng bao lâu bà mẹ mất, chàng bảo vợ:
- Nầy em, em hãy tự tìm phương sinh sống, anh muốn xuất gia tìm đạo giải thoát.
- Em đang có mang, xin mình hãy ráng đợi lúc em sinh nở xong xuôi, thấy mặt con rồi mình đi tu cũng chưa muộn.
Người chồng nán đợi, ít lâu sau đứa bé chào đời, chàng bảo vợ:
- Nay em đã sinh nở cứng cáp, mẹ tròn con vuông, thôi để anh đi.
- Mình ơi! Em tay yếu chân mềm con lại còn thơ dại, xin mình hãy nán đợi đến lúc con dứt sữa rồi hãy đi.

Chàng bèn chờ đợi, ba năm sau cậu bé vừa dứt sữa thì vợ chàng có mang. Người chồng thầm nghĩ: "Nếu cứ theo lời của vợ ta thì có lẽ không bao giờ dứt áo ra đi được".
Vào nửa khuya hôm đó, chàng vén màn nhìn vợ hôn con, rồi ra đi vào núi Tuyết sống đời ẩn sĩ. Sau khi ngộ đạo, nhà ẩn sĩ đọc lên một bài kệ, mà bất cứ người xuất gia nào cũng nên học nằm lòng: "Ta đã gan dạ bẻ gãy cái gông cùm bền chắc nhất: gông cùm dục nhiễm, Ta đã chặt đứt sợi dây ràng buộc vững nhất: lòng luyến ái vợ con".
Kể xong Đức Thế Tôn bèn dạy:
- Dây làm bằng sắt, gai hay gỗ, vẫn chưa phải là bền chắc. Sợi dây bền nhất là dây trói buộc vào ái luyến vàng bạc vợ con. (Pháp cú 345)
Sự trói buộc ấy thật là bền bỉ -- nó trì xuống mềm mại, nhưng rất khó gỡ ra, nhưng người thiện chí cắt lìa nó, từ bỏ thế gian và bỏ lại sau lưng mọi ràng buộc ái luyến. (Pháp cú 346)
"Ngàn vạn sợi dây đồng không thể buộc chân người dũng sĩ, mà chỉ một sợi tóc của mỹ nhân cũng đủ buộc chặt ý chí phiêu lưu của kẻ anh hùng".

Chỉ Tụng Đề Kinh Pháp Hoa mà mình và người thoát khổ
Quận Phùng Dực, ông Lý Sơn Long làm chức tả giám môn hiệu úy trong niên hiệu Võ Đức bị chết, mà trên ngực khoảng bằng bàn tay không lạnh, người nhà chưa nỡ tẩn liệm. Đến ngày thứ bảy sống lại thuật rằng : "Đương lúc chết bị người bắt dẫn đến một dinh quan rất hùng tráng rộng lớn. Trong sân có bọn tù vài nghìn người, hoặc mang gông, hoặc xiềng xích đều đứng xây mặt về hướng Bắc, chật cả sân.
Quân hầu dắt Sơn Long đến dưới dinh. Có một vị Thiên Quan ngồi giường cao kẻ hầu hạ nghi vệ như hàng vua chúa. Sơn Long hỏi quân hầu: "Quan nào đó?" Quân hầu đáp: "Vua đấy?". Sơn Long đến dưới thềm vua hỏi: "Ngươi thuở bình sanh làm phước nghiệp gì?". Sơn Long thưa: "Mỗi lần trong làng thiết lập trai đàn giảng kinh tôi thường thí của vật đồng như người". Vua lại hỏi : "Còn tự thân ngươi làm phước nghiệp gì?" Sơn Long thưa: "Tôi tụng thuộc kinh Pháp Hoa hai quyển". Vua nói: "Rất hay! Được lên thềm". Ông Long đã lên trên nhà thấy phía Đông Bắc có một tòa cao giống như tòa diễn giảng. Vua chỉ tòa nói với Sơn Long rằng: "Nên lên tòa này tụng kinh". Sơn Long vâng lệnh đến bên tòa. Vua liền đứng dậy nói: "Thỉnh ngài pháp sư lên tòa". Sơn Long lên tòa xong. Vua liền xây về phía tòa mà ngồi. Sơn Long khai kinh tụng rằng: "Diệu Pháp Liên Hoa kinh, tự phẩm đệ nhất". Vua nói: "Thỉnh pháp sư thôi". Sơn Long liền thôi xuống tòa lại đứng dưới thềm đoái xem trong sân, bọn tù nhân vừa rồi không còn một người. Vua bảo Sơn Long rằng: "Phước đức tụng kinh của ông chẳng những là tự lợi, nhẫn đến làm cho bọn tù trong sân nhơn nghe đề kinh Pháp Hoa mà

đều đặng thoát khổ, há chẳng hay lắm sao! Nay tha ngươi trở về.
Sơn Long lạy từ. Đi đặng vài mươi bước, vua kêu trở lại rồi bảo quân hầu: "Nên dắt người này đi xem các ngục".
Quân hầu liền dắt Sơn Long đi qua phía đông hơn trăm bước, thấy một thành bằng sắt rất rộng lớn, trên có mái trùm kín. Quanh thành có nhiều lỗ nhỏ, thấy các nam nữ từ dưới đất bay vào trong lỗ liền chẳng trở ra. Sơn Long lấy làm lạ hỏi quân hầu. – Đáp: "Đây là đại địa ngục, trong đó nhiều lớp phân cách theo tội riêng khác. Các người đó theo nghiệp riêng dữ của mình đã tạo, vào ngục chịu khổ". – Sơn Long nghe xong buồn rầu sợ xưng: "Nam Mô Phật" xin quân hầu dắt ra. Đến cửa viện thấy một vạc lớn lửa mạnh nước sôi, bên vạc có hai người ngồi ngủ. Sơn Long hỏi dò. Hai người đáp: "Tôi bị báo vào vạc nước sôi này. Nhờ hiền giả xưng Nam Mô Phật cho nên các người tội trong ngục đều đặng một ngày nghỉ mệt nên chúng tôi ngủ". Sơn Long lại xưng: "Nam Mô Phật".
Quân hầu đưa Sơn Long về nhà, thấy hàng thân thuộc đang khóc, sắm sửa những đồ tẩn liệm, Sơn Long vào đến bên thây thời liền sống lại...
"Nhiệm mầu thay kinh Pháp Hoa! Người tụng trì được công đức, ngoài Phật ra không ai có thể nghĩ lường được. Đọa địa ngục, vì tội nghiệp nặng lên tòa vừa khai tụng đề kinh mà cả mấy ngàn tù nhân dưới sân đều thoát khổ. Thoát khổ là bởi tội nghiệp tiêu. Tội nghiệp nặng mà tức khắc tiêu tan, nếu không phải công đức rộng lớn quyết không thể đặng. Nghe đề kinh Pháp Hoa mà công đức còn lớn dường ấy, huống là người trì tụng đề kinh, huống là người trì tụng một phẩm, một quyển đến toàn bộ, nhẫn đến người giải nói, biên chép, ấn tống. Ông Sơn Long được thoát ngục, được vua trọng, được quân hầu kính, phải chăng là do oai lực của kinh Pháp Hoa. Ta đối với kinh Pháp Hoa, thật nên chí thành đảnh lễ, thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, ấn tống, nếu ta có chí tự thoát khổ và thoát khổ cho người".
"Chánh pháp sâu xa rất nhiệm mầu
Trăm nghìn ức kiếp dễ tìm đâu.
Phước duyên nay gặp xin trì tụng
Nguyện rõ Như Lai nghĩa lý sâu".

Tuyển Tập Truyện Cổ Phật Giáo

Phần IV - 11

Giữ ý như giữ thành

Khi Phật ở nước Xá Vệ, trong chúng Tỳ kheo tại tịnh xá Cấp Cô Độc có một vị Tôn giả tên là Soreyya, đã chứng quả A La Hán. Câu chuyện sau đây được truyền tụng về cuộc đời của vị Tôn giả trước khi đắc quả.
Trong lúc Tôn giả Soreyya còn ở tại gia ngài là con một vi phú hộ ở thị trấn Soreyya.
Một hôm Soreyya cùng ngồi trên xe đi tắm với một người bạn thân của chàng có gia nhân đông đảo đi theo. Khi ra khỏi thành bỗng chàng thấy Tôn giả Ca Chiên Diên, đệ tử của Phật đang ôm bát đi vào khất thực. Tôn giả Ca Chiên Diên có một màu da sáng đẹp như vàng ròng, sắc diện uy nghiêm khả kính đến nỗi đoàn người đi tắm chú mục nhìn ngài không biết chán. Thanh niên Soreyya, là người hiếu sắc, thấy Tôn giả bèn nghĩ thầm trong bụng: "Ồ, ước gì vị Tôn giả ấy là vợ ta! Ước gì màu da cũng đẹp đẽ như vị Tôn giả ấy. Ngay khi tư tưởng ấy vừa khởi thanh niên Soreyya biến thành phụ nữ. Chàng vô cùng bối rối, vội nhảy ra khỏi xe lẩn vào đám đông trốn biệt. Phụ nữ Soreyya không dám về nhà, đi mãi đi mãi, theo đoàn người tiến ra thành phố cho đến khi gặp một đoàn xe đi về phía đô thị Tắc Ca, Nàng bạo dạn đến gần một xe xin quá giang đến thành Tắc Ca, trông thấy thiếu nữ Soreyya xinh đẹp họ bằng lòng ngay. Họ bảo nhau:
- Con trai của chủ chúng ta chưa có vợ, chúng ta hãy đưa nàng nầy về, thế nào cũng được trọng thưởng.
Quả nhiên, khi xe về đến thành Tắc Ca, phú ông Tắc Ca rất vui mừng được cô dâu xinh đẹp, làm lễ cưới ngay cho con trai mình. Thế là thanh niên Soreyya trở thành vợ của thanh niên Tắc Ca, con trai của phú ông ở đô thị Tắc Ca. Đám cưới không bao lâu, nàng mang thai, sau mười tháng sinh ra một thằng con trai bụ bẫm. Đứa con nầy vừa mới biết đi tập tễnh, nàng lại cho ra đời một thằng con khác. Soreyya trước là nam nhi ở thành Soreyya đã có vợ hai con, bây giờ biến thành phụ nữ lại sinh ra hai đứa con là bốn. Soreyya làm cha hai đứa và làm mẹ hai đứa vậy.
Một hôm thành Tắc Ca có hội chợ, tình cờ Soreyya trông thấy một thanh niên trong đám đông, và nhận ngay ra là người bạn rất thân đã cùng ngồi xe đi tắm với mình ngày trước, khi chưa biến thành phụ nữ. Bà Soreyya bảo gia nhân ấy đến mời thanh niên ấy về nhà mình. Thanh niên ngạc nhiên, nhưng được người đẹp mời cũng khoái, thấy không có gì hại thì liền theo gót gia nhân về nhà bà Soreyya. Ngồi vào ghế thanh niên mới đánh bạo lên tiếng:
- Thưa bà, có lẽ bà lầm chăng? Tôi chưa hề trông thấy bà từ trước đến nay, vì đây là lần đầu tiên đến thành phố này.
- Thưa ông tôi không lầm đâu, có phải ông là người thành Soreyya.
- Thưa bà chính vậy. Thế ra bà biết.
Soreyya bèn hỏi chàng thanh niên về sức khỏe của ông bà phú hộ cha mẹ mình và hỏi thăm tin tức vợ và hai con đang ở Soreyya. Thanh niên hỏi:

- Thưa bà họ đều khỏe mạnh, tại sao bà biết họ?
- Thưa ông, tôi biết lắm chớ. Thế còn người con trai của họ, thanh niên Soreyya ở đâu?
- Ồ, thưa bà đừng nhắc chuyện thương tâm ấy nữa. Bao nhiêu năm nay việc ấy đã thành một vết thương lòng cho những người thân. Số là chúng tôi cùng ngồi xe đi tắm, nhưng khi ra khỏi thành, không biết chàng biến mất tự bao giờ, người thì đoán chàng xuống tắm bị nước cuốn trôi người thì cho có lẽ bị cá nuốt. Tìm khắp nơi không thấy nên gia đình đã làm chay cho chàng.
- Thưa ông, chàng không chết đi đâu cả, chính tôi là Soreyya ngày trước.
- Thưa bà, bà nói cái gì thế? Soreyya là bạn rất thân của tôi, tôi biết rõ y là đàn ông.
- Thưa ông vậy mà tôi là Soreyya.
- Sao lại có chuyện kỳ quái như thế?
- Ông có nhớ lúc ta đi xe ra khỏi thành đã gặp một vị Tôn giả ôm bát vào thành hay không?
- Vâng, tôi nhớ có gặp vị Tôn giả Ca Chiên Diên ngày hôm ấy.
- Đấy khi tôi trông thấy Tôn giả, tôi nghĩ mong Tôn giả là vợ mình có được làn da mịn đẹp như Tôn giả. Ngay sau khi tôi vừa có ý nghĩ đó, tôi liền hóa thành phụ nữ. Ồ, thưa ông tôi bối rối quá, không thể nói cùng ai tôi nhảy đại ra khỏi xe chạy trốn, và đến thành phố này.
- Ồ bạn ơi, bạn đã làm một việc quá điên rồ. Sao bạn không bảo tôi. Thế bạn có sám hối cùng vị Tôn giả ấy không?
- Không bạn ạ, tôi chưa từng sám hối Ngài. Nhưng bạn có biết hiện giờ Ngài ở đâu không?
- Ngài ở quanh quẩn gần thành phố này.
- Ước chi Ngài đến đây, tôi sẽ cúng dường thực phẩm cho Ngài.
- Tốt lắm, vậy bạn hãy sửa soạn, ngày mai tôi sẽ thỉnh Ngài đến đây để bạn sám hối cùng Ngài.

Rồi người bạn của Soreyya vốn là một người Phật tử thuần thành đi đến chỗ Tôn giả Ca Chiên Diên ở, để thỉnh Ngài về nhà cư sĩ thọ trai.

Tôn giả hỏi:

- Nầy thanh niên con đâu có nhà ở đây? Không phải con là du khách ở thành phố nầy sao?
- Bạch Tôn giả việc ấy không quan hệ, xin Tôn giả nhận lời cho ngày mai được cúng dường Tôn giả tại nhà.

Tôn giả im lặng nhận lời. Đến giờ thọ thực hôm sau, Ngài cùng thanh niên đến nhà Soreyya. Sau khi bà Soreyya bày biện các thức ăn thượng vị lên cúng dường, thanh niên bảo bà Soreyya quỳ xuống dưới chân Tôn giả và thay lời nàng tác bạch :

- Bạch Tôn giả, xin Tôn giả tha thứ cho bạn con.

Tôn giả chẳng hiểu ất giáp gì trước sự tình ấy bèn hỏi:
- Có chuyện gì thế?
- Bạch Tôn giả, người đàn bà nầy trước kia là đàn ông và là bạn rất thân của con. Một hôm y nhìn Tôn giả và có ý nghĩ quấy, nên bị biến thành đàn bà tức khắc, xin Tôn giả hãy tha thứ cho y.
- Được ta tha thứ cho ngươi. Hãy đứng lên.
Vừa khi Tôn giả thốt ra những lời ấy Soreyya đứng lên và trở lại thân hình nam nhi như trước. Con trai Tắc Ca, chồng của Soreyya, thấy vợ mình mới đó đã hóa thành đàn ông liền bảo:
- Nầy bạn ơi, vì bạn đã là mẹ của hai đứa con, tôi là cha của chúng thì quả thật chúng là con chung của chúng ta. Bạn hãy ở lại đây với tôi đừng có đi đâu, chúng ta hãy đem tình cầm sắc đổi ra cầm kỳ (vợ chồng đổi thành bè bạn).
Soreyya nói:
- Hỡi bạn, tôi đã hai lần hóa thân ngay trong một đời người. Ban đầu làm đàn ông, sau biến thành đàn bà và bây giờ hóa thành đàn ông trở lại. Ban đầu tôi làm cha hai đứa bé, sau lại làm mẹ hai đứa khác. Tôi còn sống ở đời làm gì nữa! Tôi muốn xuất gia. Bây giờ bạn hãy săn sóc hai đứa bé nầy.
Nói xong, Soreyya hôn hai đứa bé, từ giã chúng rồi xin theo Tôn giả Ca Chiên Diên. Tôn giả nhận chàng về trong Tăng đoàn. Sau khi truyền giới cụ túc cho Soreyya Ngài đưa Soreyya Tỳ kheo về tịnh xá Cấp Cô Độc nước Xá Vệ.
Câu chuyện đời tư về Soreyya truyền đi rất nhanh khắp thành Xá Vệ. Dân chúng tò mò đến tận nơi để biết rõ thật hư. Suốt ngày Tỳ kheo Soreyya phải bận rộn về những người này. Câu hỏi bất di dịch là:
- Bạch Đại Đức, có phải tin đồn Ngài hóa thân hai lần là đúng không?
- Đúng.
- Bạch Đại Đức, Ngài đã từng làm cha hai đứa trẻ và làm mẹ hai đứa khác, Ngài thương cặp nào hơn.
- Tôi thương cặp con do tôi làm mẹ nhiều hơn.
Cuộc phỏng vấn cứ tái diễn như vậy không biết lúc nào ngưng làm cho Tỳ kheo Soreyya không rảnh phút nào để tham thiền nhập định. Do đó, Đại Đức quyết định rút vào rừng sâu, độc cư thiền định.
Sau một thời gian ngắn, nhờ nỗ lực tu tập, Đại Đức chứng quả A La Hán và trở lại nếp sống bình thường trong Tăng đoàn ở tu viện.
Những người đến thăm lại được dịp phỏng vấn Tôn giả trở lại:
- Bạch Tôn giả, tin đồn rằng Ngài đã làm cha hai đứa trẻ và làm mẹ hai đứa khác, có đúng không?
- Đúng.
- Ngài thương cặp con nào hơn?

- Không thương cặp nào cả.
Các Tỳ kheo nghe Tôn giả trả lời như vậy, liền đến bạch Phật.
- Bạch Thế Tôn, Tỳ kheo Soreyya phạm tội nói dối. Trước kia vị ấy thường bảo: "Tôi thương hai đứa do tôi làm mẹ hơn là hai đứa do tôi làm cha". Thế mà bây giờ khi người ta hỏi, vị ấy đáp là không thương đứa nào. Bạch Thế Tôn, như vậy là nói dối.
- Nầy các Tỳ kheo, Tỳ kheo Soreyya không nói dối đâu. Trước kia ông ấy chưa chứng quả, bây giờ ông ấy đã chứng quả và biết rõ rằng: "Chẳng phải cha hay mẹ, mà chính là cái tâm khéo điều phục mới đem lại lợi ích cho chúng sanh".
Câu nói ấy trở thành pháp cú thứ 46 được lưu truyền.
Thích Nữ Trí Hải
"Việc qua rồi chẳng nhớ
Việc chưa đến chẳng lo
Hiện tại đừng đem lòng vọng tưởng".

Định nghiệp khó tránh

Thuở Phật tại thế, có một vị Tỳ kheo số phận xui xẻo mặc dầu thầy tu hành rất tinh tấn, giới hạnh trang nghiêm mà không bao giờ được no đủ. Số "con rệp" ấy đeo đuổi thầy mãi cho tới khi mãn phần, sau khi đã đắc quả A La Hán. Đến ngày lâm chung, nhờ thần lực của Tôn giả Xá Lợi Phất, vị Tôn sư của thầy, thầy mới ăn được một bữa no lòng trước khi lìa đời.
Thầy xui xẻo từ khi còn trong bụng mẹ. Chẳng những riêng thầy xui xẻo, mà thầy còn mang sự bất hạnh đến cho tập thể trong đó có hiện diện của mình. Thầy là con của một gia đình đánh cá ở một làng ven biển có 1000 hộ khẩu. Từ khi nhập thai mẹ, cả làng đi biển không đánh được một con cá nào suốt cả tháng, mọi người phải ăn rong biển cho đỡ đói lòng. Họ bắt đầu nghi ngờ có một gia đình hắc ám trong làng đã đem đến tai họa cho tất cả. Do đó họ cố tìm cho kỳ được cái gia đình xui xẻo ấy để loại ra khỏi tập thể. Phương pháp họ làm là họ chia hai số hộ khẩu trong làng thành hai nhóm, mỗi nhóm 500 gia đình để làm ăn riêng, sinh hoạt riêng. Kết quả là một nhóm bắt đầu khá giả trở lại, một tiếp tục xui xẻo. Nhóm này lại chia hai để biết cái gia đình xui xẻo ấy nằm ở đâu. Khi chia thành hai nhóm nhỏ thì cũng như trước, 250 gia đình bắt đầu khá giả, còn 250 gia đình vẫn còn xui. Lại chia hai lần lượt như vậy để biết gia đình xui xẻo nằm ở đâu, thì cuối cùng họ khám phá ra gia đình của vị Tỳ kheo nọ. Cả gia đình thầy bị loại ra khỏi làng, đi lang thang như những người du mục. Bà mẹ khám phá ra từ ngày mang thai thầy, tai họa mới đến cho cả một làng và cho gia đình, nên muốn thầy chết đi. Tuy nhiên, một người chỉ còn một đời cuối cùng này là giải thoát (chứng quả A

La Hán, không còn trở lại cõi đời) thì không ai có thể giết chết được trừ khi chính nghiệp lực của người ấy. Do vậy, cuối cùng mẹ thầy cũng sinh ra thầy và nuôi cho đến biết đi ăn xin. Trong thời gian bà nuôi đứa con mang sự xui xẻo ấy, bà rất vất vả và khốn đốn trong việc kiếm ăn. Cho đến một ngày không chịu đựng được nữa, sau khi đẩy thầy vào xin ăn tại một nhà nọ, bà mẹ tẩu thoát.

Đứa trẻ - vị A La Hán tương lai nọ ngơ ngác khi bước ra không trông thấy mẹ, cũng không có cái gì ăn, bèn đi lang thang đầu đường xó chợ lượm những mẩu bánh người ta vứt bên đường để ăn cho đỡ đói. Trong "cuộc lử" đó đứa trẻ tình cờ gặp Tôn giả Xá Lợi Phất. Động lòng thương, Ngài hỏi:

- Con cái nhà ai? Sao gầy xọp thế?
- Bạch Tôn giả, con là một đứa con mang lại sự xui xẻo cho mọi người, nên không ai chịu nuôi con, con phải ốm đói.
- Con có muốn xuất gia trở thành một tu sĩ không?
- Bạch Tôn giả con muốn lắm chứ, nhưng ai chịu chứa chấp con?
- Lại đây, ta sẽ độ cho con.

Đứa trẻ vui mừng đi theo Tôn giả. Tôn giả Xá Lợi Phất dắt về vườn Cấp Cô Độc, tắm rửa sạch sẽ, cho ăn cơm và thế phát quy y cho cậu bé làm *Sa di đuổi quạ [1]* Lớn lên đến tuổi thành niên, Tôn giả cho thầy thọ giới cụ túc thành một vị Tỳ kheo.

Số phần xui xẻo vẫn theo mãi vị Tỳ kheo suốt cả đời. Mỗi khi đi khất thực, người ta vừa để vào bát thầy một muỗng cơm thì thấy bát đã đầy tràn, làm cho không ai có thể bỏ gì thêm vào nữa. Khi thầy về đến chùa, thì trong bát chỉ có độc một muỗng cơm để cầm hơi cho thầy khỏi chết đói. Cứ như vậy cho đến ngày mạng chung đã chứng quả A La Hán, thầy cũng chưa bao giờ được một bữa no lòng.

Biết thầy sắp mãn phần ở dương gian, Tôn giả Xá Lợi Phất động lòng thương xót nghĩ: "Losaka" (tên của thầy Tỳ kheo xui xẻo) hôm nay sẽ mạng chung. Ta sẽ làm đủ mọi cách giúp cho vị ấy ăn một bữa cho no trước khi chết.

Với ý định ấy, Tôn giả dẫn vị Tỳ kheo đi vào làng khất thực. Nhưng vì có Losaka, Tôn giả không xin được món gì, Ngài đành phải bảo vị ấy trở về, và đi một mình để xin ăn. Sau khi khất thực đầy bát, Tôn giả đem về cho vị Tỳ kheo Ngài đứng ôm bát trước mặt đệ tử bảo:

- Con hãy ăn đi.

Vị Tỳ kheo ngần ngại không dám ăn trước mặt Tôn sư, và nhất là để Ngài cầm bát, mặc dù thầy rất đói. Tôn giả giục:

- Con đừng ngại, ta phải đứng cầm bát để chờ con dùng bữa cho xong mới được. Vì nếu không có ta ôm bát, tất cả thức ăn này biến mất, và con sẽ tiếp tục đói.

Vị Tỳ kheo vâng lời thọ thực. Nhờ thần lực của Tôn giả Xá Lợi Phất vị ấy ăn được một bữa no lòng trước khi xả báo thân chót của một vị A La Hán. Sau khi thầy Tỳ kheo xui xẻo quá vãng, các Tỳ kheo khác nhóm họp tại diệu pháp đường trong vườn Cấp Cô Độc hỏi Đức Thế Tôn nguyên nhân vì sao một đời giới hạnh thanh tịnh, tu hành tinh tấn, vị Tỳ kheo bạc phước kia vẫn phải gánh chịu sự rủi ro suốt đời như vậy. Phật dạy:
- Nầy các Tỳ kheo, những hành động của chính vị ấy trong tiền kiếp là nguyên nhân sự xui xẻo hiện tại của y. Trong tiền kiếp y cũng là một vị Tỳ kheo, do lòng ganh tỵ, y đã cản trở cư sĩ cúng dường một vị Tỳ kheo khác trong khi vị này đã chứng quả A La Hán. Vì ác nghiệp ấy cho nên dù có tu hành thanh tịnh, y cũng phải thọ quả báo thiếu thốn, xui xẻo trong nhiều đời kiếp cho đến khi chứng quả.

Thích Nữ Trí Hải

"Luật nhân quả không kiếp sau hay kiếp trước, giữa kiếp nầy vay lại trả rồi vay. Vay oán nhiều nên nợ đời thêm nặng, biết nhắn gởi cùng ai mau tỉnh giấc mê say".

Sự tích cây nêu ngày tết

Ngày ấy không biết từ bao giờ và cũng không biết bằng cách gì, Quỷ chiếm đoạt tất cả đất nước.
Người chỉ ăn nhờ ở đậu và làm công cho đất của Quỷ.
Quỷ đối với Người ngày càng quá tay.
Chúng nó dần dần tăng số phải nộp lên gấp đôi và mỗi năm mỗi nhích lên một ít.
Cuối cùng chúng nó bắt Người phải nộp theo một thể lệ đặc biệt do chúng nó nghĩ ra là "Ăn ngọn cho gốc", Người không chịu, chúng nó lấy áp lực, bắt Người phải theo.
Vì thế, năm ấy sau vụ gặt, Người chỉ còn trơ ra những rạ là rạ. Cảnh tượng da bọc xương thê thảm diễn ra khắp mọi nơi. Bên cạnh bọn Quỷ reo cười đắc ý.
Người cơ hồ muốn chết tuyệt.
Phật từ phương Tây lại, có ý định giúp Người chống lại sự bóc lột tàn nhẫn của Quỷ.
Sau mùa đó, Phật bảo Người đừng trồng lúa mà cào đất thành luống trồng khoai lang. Người cứ y lời làm đúng lời Phật dặn. Quỷ không ngờ Người đã bắt đầu có mưu kế mới chống lại mình nên cứ nêu đúng trong thể lệ như trước "Ăn ngọn cho gốc".

Mùa thu hoạch ấy, Quỷ rất hậm hực nhìn thấy gánh khoai núc nĩu chạy về nhà Người đổ thành từng đống lù lù, còn nhà mình chỉ toàn những dây và lá khoai là những thứ không nhai nổi, thể lệ đã qui định, chúng nó đành cứng họng không thể chối cãi vào đâu được.
Sang mùa khác, Quỷ thay thể lệ mới là "Ăn gốc cho ngọn". Phật bảo Người lại chuyển sang trồng lúa. Kết quả Quỷ lại hỏng ăn. Những hạt lúa vàng theo Người về nhà, còn rạ phó mặc cho bọn Quỷ. Quỷ tức lộn ruột nên mùa sau chúng nó tuyên bố : "Ăn cả gốc lẫn ngọn". Lần này Quỷ nghĩ, "Cho chúng mày muốn trồng gì thì trồng, đằng nào cũng không lọt khỏi tay chúng tao". Nhưng Phật đã bàn với Người thay đổi giống mới, Phật trao cho Người hạt giống cây ngô để gieo khắp nơi mọi chỗ.
Năm ấy lại một lần nữa Người sung sướng trông thấy công lao của mình không uổng. Trong nhà Người thóc ăn chưa hết thì từng gánh ngô đã tiến về chứa từng cót đầy ăm ắp. Về phần Quỷ lại bị một vố cay chua tức uất hàng mấy ngày liền.
Cuối cùng Quỷ nhất định bắt Người phải trả lại tất cả ruộng đất không cho làm công nữa. Trong bụng chúng nó nghĩ: -"Thà không được cái gì cả còn hơn là để cho chúng nó ăn một mình".
Phật bảo Người điều đình với Quỷ cho tậu một miếng đất vừa bằng bóng một chiếc áo cà sa. Nghĩa là Người sẽ trồng một cây tre trên có mắc chiếc áo cà sa, hễ bóng che bao nhiêu diện tích ở mặt đất là đất sở hữu của Người ở đó.
Ban đầu Quỷ không thuận, nhưng sau chúng nó suy tính thấy đất tậu thì ít mà giá rất hời bèn nhận lời: "Ồ! Bằng một chiếc áo cà sa có là bao nhiêu". Chúng nó nghĩ thế, hai bên làm tờ giao ước -- ngoài bóng che đất là của Quỷ, trong bóng che là của Người.
Khi Người trồng xong cây tre, Phật đứng trên ngọn tung áo cà sa bay tỏa ra thành một miếng vải tròn. Rồi Phật hóa phép làm cho cây tre cao vút mãi lên, đến tận trời. Tự nhiên trời đất trở nên âm u -- bóng của áo cà sa dần dần che kín khắp cả mặt đất. Bọn Quỷ không ngờ có sự phi thường như thế, mỗi lần bóng áo lấn dần vào đất chúng, chúng phải dắt nhau lùi mãi. Cuối cùng Quỷ không có đất ở nữa phải chạy ra biển Đông. Vì thế người ta mới gọi là Quỷ Đông.
Tiếc vì đất đai hoa màu đều thuộc về tay Người, Quỷ rất hậm hực, cố chiêu tập binh mã vào cướp lại. Lần nầy Người phải chiến đấu với Quỷ rất gay go vì quân đội của Quỷ có đủ một bầy ác thú như voi, ngựa, chó, ngao, bạch xà, hắc hổ v..v... rất hung dữ. Phật cầm gậy tầm xích đánh giúp Người làm cho quân của Quỷ không tiến lên được.
Sau mấy trận bất lợi, Quỷ bèn cho quân đi dò xem Phật sợ gì, Phật cho chúng biết là sợ hoa quả, oản chuối và cơm nắm, trứng luộc. Phật cũng dò

hỏi và biết quân của Quỷ chỉ sợ độc có mấy thứ : máu chó, lá dứa, tỏi và vôi bột.
Lần giáp chiến sau đó, quân của Quỷ đem không biết cơ man nào là hoa quả đến ném Phật, Phật bảo Người nhặt làm lương ăn rồi đem máu chó vấy khắp mọi nơi. Quân của Quỷ thấy máu chó sợ hoảng hồn bỏ chạy.
Lần thứ hai, quân của Quỷ lại đem oản chuối vào ném quân Phật. Phật bảo Người nhặt làm lương ăn giã tỏi phun vào quân địch. Quân của Quỷ không chịu được mùi tỏi nên cũng cắm đầu chạy biệt tích.
Lần thứ ba, quân của Quỷ lại đem cơm nắm, trứng luộc vào ném quân Phật. Người tha hồ ăn và theo lời Phật dùng vôi bột vung vào Quỷ. Người lại lấy lá dứa quất vào chúng. Quỷ chạy không kịp, lại bị Phật bắt đày ra biển Đông.
Ngày Quỷ già, Quỷ trẻ, Quỷ đực, Quỷ cái cuốn gói ra đi, bộ dạng của chúng vô cùng thiểu não. Chúng rập đầu xuống đất cố xin Phật thương tình cho phép một năm được vài ba ngày vào đất liền thăm phần mộ của tổ tiên cha ông ngày trước, Phật thấy chúng khóc vang cả lên mới thương hại, hứa cho. Vì thế, hàng năm cứ đến ngày Tết nguyên đán là ngày Quỷ vào thăm đất liền, thì người ta theo tục cũ, trồng nêu để cho Quỷ không dám bén mảng vào chỗ người đang ở. Trên nêu có bánh đất mỗi khi gió rung thì tiếng động phát ra để luôn luôn nhắc nhở bọn Quỷ nghe mà tránh. Cũng trên đó có buộc một bó lá dứa hoặc cành đa mỏ hài để cho Quỷ sợ. Ngoài ra, người ta còn vẽ hình cung tên hướng mũi nhọn về phía Đông và rắc vôi bột xuống đất vào những ngày Tết để cấm cửa Quỷ. Có câu tục ngữ :
Cành đa lá dứa treo cao
Vôi bột rắc ngõ chớ trêu mọi nhà
Quỷ vào thì Quỷ lại ra
Cành đa lá dứa thì ta cứa mồm.
Ngày xưa người ta còn tin rằng những lúc cần đuổi Quỷ như khi có dịch tễ chẳng hạn, thì treo một nắm lá dứa ở trước ngõ hay vẩy máu chó khắp mọi nơi cho Quỷ khỏi quấy. Đàn bà thường buộc tỏi vào dải yếm là cũng có một mục đích gần như vậy.
NGUYỄN ĐỔNG CHI

Truyện cổ Việt Nam tập II

"Việt Nam là suối
Phật giáo là nguồn
Nguồn làm suối đẹp, nước tuôn hoài hoài.
Từ nguồn ra đến biển khơi
Việt Nam, Phật giáo đời đời bên nhau !"

Một cách cho

Tại thành Xá Vệ, nơi có Tịnh xá Kỳ Hoàn nổi tiếng với Đức Thế Tôn và chúng Tỳ Kheo Tăng thường trú ngụ.
Ngày ngày ánh thái dương chiếu trên những tấm cà sa vàng rực của các vị Tỳ kheo Tăng đi khất thực khắp các nẻo đường, tạo nên cảnh tượng hiền hòa tươi mát đến mọi thôn xóm, mọi gia đình, như đám mưa lành rưới khắp cỏ cây.
Tuy vậy, rải rác cũng có những gia đình thiếu thiện duyên, phước báo, nên hạt mưa pháp chưa thấm đến được, chẳng hạn, gia đình một phú hộ ở cuối thành.
Ông chủ nhà nầy thừa hưởng một gia tài giàu có của tổ tiên để lại, đồng thời cũng thừa hưởng luôn cả cái tánh keo kiệt, hung dữ di truyền. Ông và vợ con ông đã quen nếp sống đó, nên tưởng là đương nhiên chẳng có gì trái đạo. Vì vậy, không ai dám khuyên hóa hay bày vẽ điều hay lẽ phải gì được nếu có thì ông cũng gạt phăng đi hết. Trong nhà ít khi đầm ấm, chồng không cãi với vợ, thì cha cũng gây gỗ, mắng nhiếc con. Những câu nói thô tục, trái tai thường xuyên thốt ra, vì vậy mà bà con xóm giềng đã tránh xa không ai thèm đặt bước tới nhà, ngoại trừ mấy người bạn bè cùng tính nết và mấy thầy Tỳ kheo đi khất thực. Theo phép bình đẳng thứ lớp khất thực, thầy Tỳ kheo không lựa chọn nhà sang hèn giàu nghèo. Trên bước đường đi cứ hết nhà nầy đến nhà khác. Tới trước nhà nào cũng đứng lại năm ba phút im lặng chúc phúc cho nhà đó, rồi lui gót đi sang nhà khác, dù nhận được gì hay không cũng vậy. Khi đến trước nhà ông phú hộ, thầy Tỳ kheo cũng dừng lại ít phút, nhưng thay vì nhận được phẩm vật cúng dường như các nhà kia, thì ở đây các Thầy chỉ nhận toàn những lời nguyền rủa, xua đuổi.
Ngày nào cũng như ngày nào, hễ thấy bóng mấy thầy Tỳ kheo dừng bước trước nhà, thì vợ chồng ra mắng nhiếc xua đuổi.
Thấy vậy, có thầy Tỳ kheo đề nghị chớ đến khất thực nơi nhà ấy nữa. Nhưng thầy khác lại khuyên nên thực hành lời Phật dạy, thầy dẫn ra một đoạn kinh cho các Tỳ kheo nghe về hạnh khất thực -- "Nầy các Tỳ kheo, đây là nghề sinh sống hèn hạ nhất, tức là nghề khất thực. Như lời nguyền rủa trong đời, khi người đời nói: "Các ngươi, kẻ khất thực với bình bát trên tay, các ngươi đi chỗ này đến chỗ kia". Nhưng đây là nghề sinh sống mà các thiện gia nam tử chấp nhận, những vị sống vì lý tưởng mục đích, duyên với lý tưởng mục đích, không phải vì ma cưỡng ép, không phải vì thiếu nợ, không phải vì sợ hãi, cũng không phải vì không có nguồn sinh sống như với ý nghĩ -- Ta bị chìm đắm trong sanh già chết sầu bi khổ ưu não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị đoanh vây bởi đau khổ, nên ta tìm con đường tu hành giải thoát và hóa độ

chúng sanh.
Thế là các Tỳ kheo vẫn tiếp tục đi khất thực không bỏ qua nhà đó.
Một hôm, thầy Tỳ kheo vừa đến cửa, thì bà phú hộ cũng vừa đi ra, bà vụt miệng nói một câu nhẹ nhàng hơn bao nhiêu lần trước:
- Thưa ông, ông hãy đi nơi khác để xin, ở đây tôi không sẵn lòng cho ông đâu, xin đừng đứng lâu mất thì giờ của ông đó.
Nhưng thầy Tỳ kheo vẫn thản nhiên đứng đủ vài phút rồi tiếp tục đi. Giữa đường chợt gặp ông phú hộ đi ngược chiều trở về nhà. Thấy thầy Tỳ kheo quá quen thuộc ngày nào cũng vào xin nơi nhà mình, ông chận lại hỏi:
- Nầy, ông mới vào xin nhà tôi ra phải không?
Thầy Tỳ kheo trả lời:
- Phải!
- Có cho chi không?
- Có cho.
Vừa nghe hai tiếng "có cho" ông nổi cơn lôi đình chạy tốc về nhà hỏi vợ:
- Bà kia, ai bảo bà mang đồ cho Sa môn?
Bà vợ nghe chồng hạch sách đột ngột lấy làm dửng dưng:
- Ai nói ông đấy?
- Ông Sa môn hồi nãy chứ ai!
- Ồ, tôi nào có cho ông ấy thứ chi đâu!
- Không cho sao ông ấy nói có cho?
- Nếu không tin ông chạy theo mà tra soát.
Ông phú hộ lại đuổi theo vị Tỳ kheo đang đi trong dáng khoan thai đếm từng bước, đến nơi ông chẳng nói chẳng rằng liền giựt lấy bình bát thầy Tỳ kheo ra xem, nhưng chẳng thấy chi cả, ông liền ném bình bát xuống đất và mắng:
- Tu hành mà nói dối! Ai cho gì đâu mà nói có cho?
Thầy Tỳ kheo ôn tồn đáp:
- Ông hãy bình tĩnh, tôi sẽ nói ông nghe -- bao nhiêu lần đến khất thực nhà ông chúng tôi đều được nhận toàn những lời nguyền rủa thô tục, nhưng sáng nay tôi vừa đến trước ngõ thì bà chủ nhà đã cho tôi một câu nói nhẹ nhàng rằng, "Thưa ông, ông hãy đi nơi khác để xin, ở đây tôi không sẵn lòng cho ông đâu, xin đừng đứng lâu mất thì giờ của ông đó". Và tôi đã nhận lời nói đó như một phẩm vật đặc biệt. Nghe vị Tỳ kheo nhã nhặn trình bày, ông phú hộ thẹ thẹ cúi xuống lượm bình bát đặt lại trên tay Tỳ kheo rồi lẳng lặng trở về, trong lòng suy nghĩ miên man. Đến nhà ông gọi vợ:
- Nầy bà, từ trước tới nay, nhà ta có cho những gì các vị Sa môn không?
- Ông chẳng nhớ sao, các ông đến là mình mắng nhiếc, xua đuổi đi chứ có cho vật gì.
- Thôi, kể từ đây tôi đề nghị với bà rằng, mình đã không cho đồ đạc của cải thì thôi, cũng đừng dùng lời lẽ chua cay mà mắng nhiếc các vị Sa môn ấy

nữa. Họ có tội tình gì mà phải nghe lấy những điều sỉ nhục mạt sát của mình. Họ cũng đâu bắt buộc mình cho cơm áo họ đâu, họ chỉ làm công việc của một kẻ tu hành, của một người khất sĩ xin ăn, làm ruộng phước cho bao nhiêu người gieo trồng căn lành, giống tốt, ai có gieo giống thì họ được gặt quả, còn mình, mình không làm thì thôi cớ sao lại mạ nhục họ. Bà thấy không mình phi lý đấy chứ.
Nghe chồng nói một thôi dài, bà vợ im lặng suy nghĩ.
Kể từ khi gặp vị Tỳ kheo hôm nọ, đời sống gia đình ông phú hộ, người ta không còn nghe những lời to tiếng, những trận cãi vợ con, đánh đập tôi tớ, một đời sống thuận hòa trên dưới nhường nhau đã tạo ra một không khí đầm ấm hạnh phúc.
Và cũng kể từ đây, gia đình ông biết ăn ở đối xử với mọi người chung quanh. Nhờ vậy, bà con láng giềng thường hay lui tới bắt mặt làm quen, mối tình lân cận càng thêm thắm thiết.
GIỚI ĐỨC
"Lời nói không mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau".

Công Đức thọ Bát quan trai

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn và đại chúng Tỳ kheo ngự tại Kỳ Viên Tịnh xá của Ông Trưởng giả Cấp Cô Độc, vườn cây thái tử Kỳ Đà, tại thành XáVệ. Thuở ấy có một thiếu nữ tên Sa Ta, là con gái của một vị thiện tín rất nổi danh tại Xá Vệ. Nàng Sa Ta, tuy tuổi vừa đôi tám, nhưng tư chất rất thông minh, thường đến chùa nghe pháp, nên rất thấm nhuần Phật Pháp.
Năm ấy Sa Ta đến tuổi trưởng thành, song thân chọn nơi môn đăng hộ đối, gia phong lễ giáo của một gia đình danh giá để gả nàng. Một tiệc cưới linh đình dọn ra, hai họ đều lả Phật tử thuần thành nên tất cả đều cung thỉnh Đức Phật và chư Tăng đến cúng dường trai tăng trong sự hoan hỷ tột cùng của mọi người.
Sau tiệc cưới, Sa Ta về chung sống bên gia đình cha mẹ chồng. Vốn là người khéo léo, siêng năng và tế nhị nên chẳng bao lâu nàng chiếm cảm tình của mọi người trong gia đình bên chồng, nàng tận tâm phụng dưỡng cha mẹ chồng, hầu hạ chồng, săn sóc mọi người chung quanh. Sa Ta rất giàu lòng từ bi, thường bố thí thức ăn quần áo cho kẻ ăn người ở và những kẻ khốn cùng. Đến ngày Bát quan trai, nàng tinh tấn thọ giới, giữ gìn giới hạnh hết sức trong sạch, không hề giải đải.
Cha mẹ chồng của nàng đều là những người có đức tin Tam Bảo, trước những đức hạnh tuyệt vời của Sa Ta nên cha mẹ chồng càng yêu thương quý mến nàng dâu nhiều hơn nữa.

Thời gian thấm thoắt trôi nhanh, đến khi tuổi thọ đã mãn, do nghiệp thiện đã tạo ở nhân gian nàng Sa Ta được thọ sanh về cõi Tứ Đại Thiên Vương làm ái nữ Đức Thiên Vương, cũng mang tên Sa Ta như lúc ở cõi Ta Bà.
Đức Thiên Vương có năm cô con gái xinh đẹp tuyệt trần: Nàng Sa Ta, nàng Sa Ja, nàng Ba Va Ra, nàng A Chi Mu Ta và nàng Su Tra.
Đến khi các cô tiên trưởng thành, đúng tuổi trăng tròn, Đức Thiên Vương Đế Thích chọn năm nàng về cung trời Đao Lợi để sung vào đoàn ca nhi trong thiên đình của Ngài. Năm cô tiên xinh đẹp ấy, hằng ngày chỉ ca múa để dâng lên Đế Thích thưởng ngoạn.
Một hôm, năm nàng có sự tranh luận với nhau, một trong năm nàng hỏi rằng:
- Trong chúng ta, ai là kẻ có giọng tốt và vũ đẹp hơn cả?
Ai cũng tự nhận mình hát hay và vũ đẹp hơn cả, cuộc tranh luận gay cấn, càng lúc càng gia tăng, năm nàng không thể tự giải quyết được, liền đem vấn đề ấy trình lên phụ vương để phân giải dùm.
Năm cô tiên cùng tâu rằng:
- Muôn tâu phụ vương, trong năm chúng con ai là kẻ hát hay và vũ đẹp hơn cả? Kính xin phụ vương hãy phân giải dùm cho công bằng.
Thiên Vương ít khi trực tiếp nghe con mình hát, sau một chút suy nghĩ mới phán rằng:
- Nầy các con yêu quý của cha, nếu các con muốn biết ai hát hay và vũ đẹp hơn cả thì con nên đến ca vũ ngay trước sự chứng kiến của chư thiên trên bờ hồ A Nô Tát Ta, nơi rừng Tuyết Sơn biên quốc thì các con sẽ biết sự thật.
Tuân lời phán dạy của phụ vương, năm nàng tiên bèn tổ chức một buổi trình diễn để trổ tài ca vũ cho chư thiên thưởng ngoạn và chấm điểm.
Rừng Tuyết Sơn, vùng đất âm u vắng vẻ, bỗng chốc trở thành ca vũ trường vĩ đại nhất trong lịch sử.
Lúc ấy chư thiên từ bốn phương đồng nhau đến rừng Tuyết Sơn đông đảo chưa từng thấy, để thưởng ngoạn tài nghệ của năm cô tiên xinh đẹp ấy.
Năm cô lần lượt trổ tài trước sự diện kiến của chư thiên. Nàng Sa Ja khởi đầu bằng những bài hát tuyệt vời và những vũ điệu tuyệt kỹ. Tiếp đến cô Ba Va Ra cất tiếng oanh vàng lảnh lót, cùng những vũ khúc vô cùng công phu. Đến lượt A Chi Mu Ta và Su Tra lần lượt biểu diễn tài nghệ trước chư thiên thì chư thiên vẫn yên lặng không chê mà cũng không tán thưởng. Cuối cùng đến Sa Ta cất tiếng bổng trầm, đây mới thật là cung đàn muôn điệu thật lảnh lót du dương, hòa nhã như tiếng chim Ca Lăng Tần Già.
Nàng Sa Ta lại xoay qua những điệu vũ thật như những cánh bướm lượn trong nắng xuân, như đàn thiên nga bơi lội trên mặt hồ, như tất cả tinh hoa vũ trụ đều tập trung nơi đây.
Từng tràng pháo tay rộn rã cả khung trời, tán thưởng tài nghệ vô cùng điêu

luyện, vô cùng xuất sắc của Sa Ta, những lời hoan hô và chúc lành vang rền cả rừng Tuyết Sơn.
Su Tra, cô tiên út vô cùng thán phục Sa Ta bèn đến hỏi rằng:
- Thưa chị, hồi tiền kiếp chị làm được những công đức gì mà bây giờ có nhan sắc tuyệt đẹp và có giọng hát trong thanh như tiếng chim Ca Lăng Tần Già và được thông minh như thế?
Nàng Sa Ta dịu dàng đáp:
- Chị có sắc đẹp, giọng hát hay, thông minh như thế này vì kiếp trước chị đã giữ giới Bát quan trai từ tấm bé cho đến tuổi già không bị phạm giới lần nào cả.
GIỚI ĐỨC
"Phật tử muốn kiến lập Phật Pháp duy trì Chánh Giáo ở thế gian, cần phải tự mình thọ trì giới luật trước".

Chú Thích :

[1] "Khu ô sa di" là chú tiểu còn quá nhỏ chưa đến tuổi thọ giới (16 tuổi) chưa làm được việc gì ngoài việc đuổi quạ cho chúng khỏi làm ồn náo trong giờ chư tăng tọa thiền"

Nguồn: quangduc
Người đăng: NHDT
Thời gian: 10/02/2006 9:20:13 SA